LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# SỬ TRUYỆN VỀ CÁC VỊ CAO TĂNG ĐẾN THIÊN TRÚC CẦU PHÁP THỜI ĐẠI ĐƯỜNG

**SỐ 2066**
( QUYỂN THƯỢNG & HẠ )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2066

# SỬ TRUYỆN VỀ CÁC VỊ CAO TĂNG ĐẾN THIÊN TRÚC CẦU PHÁP THỜI ĐẠI ĐƯỜNG

*Sa-môn Nghĩa Tịnh từ Tây Vực trở về ở thất-lợi-Phật Thệ vùng Nam Hải soạn ký quy tự chí chùa Na-lan-đà.*

## QUYỂN THƯỢNG

Xét thấy vùng đất Thần Châu tự thuở xưa có những vị xem nhẹ mạng sống đi cầu pháp. Pháp Hiển sư khai sáng chỗ hoang sơ, Huyền Trang theo đó mở con đường chánh, băng đèo vượt biên thùy một mình cất bước, có những vị lội lặn sông này thác nọ, v.v... tất cả đều mang hoài bão đến Thánh địa chiêm bái. Cùng một tâm nguyện đền báo từ ân, thế nhưng đường xa lắm nạn, đảo châu báu càng xa. Những hạt mầm ươm thì nhiều vô số, nhưng kết thành quả thì lại rất ít. Điều này cũng dễ hiểu, bởi lẽ các cảnh tượng mịt mờ, sông núi nối liền chập chùng che khuất ánh mặt trời, sóng cả chập chùng ngất trời. Một thân một bóng vượt ra cửa ải, náu thân nơi đỉnh núi chót vót, vượt qua muôn sông, hoặc có khi mấy ngày không ăn, không uống. Điều này có thể nói rằng nỗi lo lắng làm tiêu tan tinh thần, sự mệt nhọc làm mất thần sắc. Đến nỗi người đi gần năm mươi vị mà người ở lại thỉ chỉ có vài người. Nhưng nếu đến được hết Tây Trúc thì Đại Đường sẽ không có chùa, bản thân họ phiêu diêu tự tại, làm người khách xa xăm, không trụ hẳn nơi nào, khiến cho những kẻ lưu lạc ở yên một chỗ, thân không an thì đạo làm sao hưng thạnh. Than ôi! Quả thật đáng khen là những bậc có tâm

chí thành, mong rằng ghi chép lại danh thơm này truyền bá cho đời sau, tạm y cứ vào những điều thấy nghe này để chép về hành trạng mà thôi. Ở trong đó thứ lớp, từng bậc phần nhiều là theo niên đại xa gần và còn mất của thời trước để đối chiếu trước sau.

Pháp sư Huyền Chiếu ở Thái Châu
Pháp sư Đạo Hy ở Tề Châu
Pháp sư Sư Tiên ở Tề Châu
Pháp sư A-ly-da-bạt-ma người Tân-la
Pháp sư Tuệ Nghiệp người Tân-la
Pháp sư Cầu Bổn người Tân-la
Pháp sư Huyền Thái ở Tân-la
Pháp sư Huyền Khác ở Tân-la.
Tân-la còn có hai pháp sư là Đổ-Hóa la,
Phật-đà Bạt-ma ở Đổ-hóa-la.
Pháp sư Đạo Phương ở Tinh Châu
Pháp sư Đạo Sanh ở Tinh Châu
Thiền sư Thường Mẫn ở Tinh Châu
Một vị đệ tử của ngài cũng ở đấy.
Sư Mạt-để-tăng-ha ở Kinh đô
Pháp sư Huyền Hội ở Kinh đô
Sư Chất-đa Bạt-ma
Hai người con của Nhũ mẫu công chúa Thổ phiên
Pháp sư Long.
Pháp sư Minh Viễn ở Ích Châu
Luật sư Nghĩa Lãng ở Ích Châu
Một vị đệ tử của ngài.
Pháp sư Trí Ngạn ở Ích Châu
Luật sư Hội Ninh ở Ích Châu
Pháp sư Vận Kỳ ở Giao Châu
Sư Mộc-xoa đề-bà ở Giao Châu
Pháp sư Khuy Xung ở Giao Châu
Pháp sư Tuệ Diễm ở Giao Châu
Pháp sư Tín Trụ
Pháp sư Trí Hành ở Ái Châu
Thiền sư Đại Thừa Đăng ở Ái Châu
Sư Tăng-già Bạt-ma ở nước Khang
Hai vị tên Trí Ngạn, Bỉ Ngạn ở Cao Xương.
Pháp sư Đàm Nhuận ở Lạc Dương

Luận sư Nghĩa Huy ở Lạc Dương
Ba vị ở thời Đại Đường
Pháp sư Tuệ Luân ở Tân-la
Pháp sư Đạo Lâm ở Kinh Châu
Pháp sư Đàm Quang ở Kinh Châu
Một vị đời Đại Đường
Thiền sư Tuệ Mạng ở Kinh Châu
Luật sư Huyền Quỳ ở Nhuận Châu
Pháp Sư Thiện Hạnh ở Tấn Châu
Pháp sư Linh Vận ở Dự Chương
Thiền sư Tăng Triết ở Lễ Châu và hai vị đệ tử.
Luật sư Trí Hoằng ở Lạc Dương
Thiền sư Vô Hành ở Kinh Châu
Thiền sư Pháp Chấn ở Kinh Châu
Thiền sư Thừa Ngộ ở Kinh Châu
Luật sư Thừa Như ở Lương Châu
Pháp sư Đại Luật ở Lễ Châu

Như trên tổng cộng có năm mươi sáu vị, các vị trước phần nhiều bị thất lạc. Từ ngài Nghĩa Tịnh trở đi có Pháp sư Vô Hành, sư Đạo Lâm, sư Tuệ Luận, sư Tăng Triết, sư Trí Hoằng. Tổng cộng gồm năm vị đã khuất bóng vào những năm đầu và Thiền sư Vô Hành quảy trượng về Tây, đến nay không biết mất ở đâu.

**** Pháp sư Huyền Chiếu:***

Ngài là người ở Tiên Chưởng, Thái Châu. Tiếng Phạm là Bàn-ca-xá-mạt-để, đời Đường dịch là Chiếu Tuệ. Tổ tiên Ngài nối nhau làm quan. Vào những năm còn ở độ tuổi thiếu niên ngài đã từ quan thoát tục, đến tuổi trưởng thành muốn đến lễ bái các Thánh tích. Ngài vân du khắp vùng kinh đô học hỏi kinh luận. Vào năm Trinh Quán ngài đến chùa Đại Hưng Thánh của Pháp sư Huyền Chứng ở. Lúc đầu học tiếng Phạm, rồi sau đó chống tích về Tây để trở về Kỳ viên, từ giã kinh thành vượt qua sa mạc, băng qua cửa ải, qua Tuyết lãnh, súc miệng ở ao thơm để lắng tâm, khế hợp với bốn thệ nguyện rộng lớn. Băng qua Gò Thông mà tâm chí thành thệ độ ba cõi, xuyên qua Tốc Lợi đến Để-hóa-la, vượt qua biên ải Hồ Cương xa xôi, đến nước Thổ Phiên, được Công chúa Văn Thành tiễn đến Bắc Thiên-trúc, rồi lần đến nước Xà-lan-đà, lúc chưa đến thì trên lộ trình muôn dặm hiểm trở kia có lần bị giặc bắt, những thương buôn bàn tính đủ cách, rồi cùng nhau nương nhờ oai thần các

bậc Thánh minh, trong mộng hiển rõ điềm ấy, tỉnh dậy thấy bọn giặc đã ngủ hết, thế là họ cùng trốn ra khỏi vòng vây, cuối cùng được thoát nạn. Ngài ở nước Xa-lan-đà bốn năm, được vua nước này kính trọng cúng dường. Ngài học kinh luật và tiếng Phạm, khi đã thông hiểu đôi chút về ngôn ngữ này rồi thì đi lần về miền Nam, đến Mạc-ha Bồ-đề, lại trải qua bốn mùa hạ, tiếc rằng mình sinh ra nhằm thời không gặp các bậc Thánh, nhưng còn may mắn được chiêm bái Thánh tích, kính ngưỡng chân dung Đức Từ thị, một lòng tinh thành chẳng gì thay thế được. Ngài miệt mài nghiên cứu Câu-xá và hiểu được đối pháp, hai giáo thanh tưởng, luật nghi đã được tỏ rõ từ đây. Sau đó, ngài đến chùa Na-lan-đà ở lại ba năm, học các luận như: Trung, Bách, v.v... với Pháp sư Thắng Quang, rồi lại đến thọ giáo bộ Du-già Thập Thất Địa với Đại Đức Bảo Sư Tử. Thiền môn định tĩnh, thấu tận bến bờ, nắm hết yếu nghĩa, rồi đến phía Bắc của Cương-già-hà được Quốc vương nước Thiêm Bộ cúng dường, ở lại các chùa của những vị thân tín trong ba năm. Sau đó vì sứ giả Vương Huyền đời Đường mời Ngài trở về cố hương, nên dâng biểu tâu rằng: ngài là người thật đức, bèn mong vua hạ chỉ, rồi ông đến Tây Thiên tìm Pháp sư Huyền Chiếu thỉnh ngài về kinh. Trên đường về đến nước Nê-ba-la, nhờ Quốc vương phái người đưa tiễn đến Thổ-Phiên, ở đây ngài gặp lại Công chúa Văn Thành, Công chúa rất mực tôn kính, cúng dường thực phẩm để ngài trở về Trung quốc. Thế rồi, ngài băng qua Tây Phiên để trở về Đông Hạ. Tháng chín thì từ giã Thiêm Bộ, tháng giêng thì đến Lạc Dương, trong vòng năm tháng trải qua chặng đường muôn dặm. Bấy giờ, vào giữa niên hiệu Lân Đức, vua xa giá đến Đông Lạc, ngài đến yết kiến, nhận sắc chỉ của vua nước mông đến nước Yết-thấp-Di-la mời Trưởng lão Bà-la-môn Lô-ca-dật-đa hội kiến với các Đại đức ở Lạc Dương, luận bàn về cương yếu Phật pháp. Luật sư Đạo, Pháp sư Quán, v.v... ở chùa Kính Ái. Dịch bộ Tát-bà-đa và Nhiếp luật, không bao lâu sau thì được sắc lệnh vội vã ra đi, không được toại nguyện. Ngài đem các bản tiếng Phạm về kinh đô, thế rồi lại băng qua sa mạc, rồi trở về Thích Thạch, đường núi gập ghềnh hiểm trở, lê thân chiếc bóng vượt qua các hang hóc chập chùng, rồi lên thuyền phiêu diêu trôi giạt, có lần suýt mất mạng, gặp giặc Thổ-Phiên thoát khỏi được sống, gặp cướp Hung nô chỉ may mắn thoát chết. Khi đi đến biên giới Bắc Ấn thấy Sứ giả Đường dẫn Lô-già-ích-đa đến để gặp mặt. Lô-ca-dật-đa lại sai Huyền Chiếu và các Sứ giả đi về hướng Tây Ấn đến nước La-trà lấy thuốc trường thọ. Trên đường qua Phược-Kiệt-la, đến Nạp-bà-tỳ-ha-la, nhìn thấy bồn tắm của Như Lai và Thánh tích, rồi đến

nước Ca-tất-thức lễ bái xương đỉnh đầu của Như Lai, sắm đủ hương hoa khấn bằng ngôn ngữ Ấn, quán xét tâm thiện ác ở kiếp lai sinh, rồi đến nước Tín-độ mới đến La-trà. Vua Mông lễ kính, tôn trọng, nên ngài ở lại bốn năm, rồi tiếp tục đi về Nam Thiên. Ngài muốn đem tất cả loại thuốc về Đông Hạ, đến tòa Kim Cương, thì quay trở lại gặp mặt ngài nghĩa Tịnh ở chùa Na-lan-đà, thế là mãn nguyện bình sinh khế hợp với Tổng hội ở Long Hoa. Nhưng vì đường sá xứ Nê-ba-la đến Thổ Phiên bị bít lấp không thông, giữa đường về Ca-tất-thức bị tộc Đa-thị bắt bớ nên khó lòng qua được. Ngài đành gởi lòng về non Thứu, trầm tình chốn Trúc viên. Tuy thường có hoài vọng truyền đăng mà chưa thỏa lòng qua cố hương. Than ôi! Vất vả cố công kiến thành mà việc lợi sinh không toại lòng muốn bay cùng mây nhưng cánh gãy ở Thiên Trúc, Ngài mắc phải bệnh nặng và mất tại nước Am-ma-la-bạt miền Trung Ấn, thọ trên sáu mươi tuổi (Đa-thị tức là nước Đại Thực).

Thương rằng: Vĩ đại thay tráng sĩ là một mầm non tài giỏi, trải bao gian nan, băng ngàn vượt suối, vườn trúc diệu vợi, dốc lòng kiến thành, khát tưởng thâm huyền, chỉ mong giảng pháp, chí gởi độ sinh, than ôi không toại. Xót thay không thành, trầm mình chôn thây ở Lưỡng Hà, dương danh ở Bát Thủy, lành thay chọn cái chết. Bậc triết nhân thông tuệ, chánh chân, Lưỡng Hà tức Tây Hà, Bát Thủy thuộc Kinh đô.

**** Pháp sư Đạo Hy:***

Ngài là người Lịch Thành ở Tề Châu. Tiếng phạn là Thất-lợi-đề-bà, đời Đường dịch là Cát Tường Thiên. Ngài sinh ra trong gia đình gia giáo, tổ tiên nhiều đời làm quan, từ thuở còn thơ đã ảnh hưởng huyền môn, tâm ý trong sạch, chí khí tiết tháo. Ngài đi qua sa mạc mênh mông để tham quan Trung thiên, vượt lên các đỉnh núi chót vót, trọng pháp khinh thân, trên đường đến Thổ-phiên thì gặp tai nạn. Sợ phạm giới nên ngài tạm xả, đi đến Tây phương thì thọ lại Ngài chu du khắp các nước rồi đến Mạc-ha Bồ-đề, vì muốn chiêm ngưỡng hết Thánh tích nên ở lại mấy năm, có lúc ở chùa Na-lan-đà, lúc thì trụ tại Câu-thi-na. Vua Mông là Yêm-ma-la-bạt hết sức cung kính, tiếp đãi rất hậu. Ngài học kinh điển Đại thừa khi ở chùa Na-lan-đà, chuyên nghiên cứu luật tạng ở chùa Du-bà-bạn-na (tức là tên ngồi chùa chỗ Phật nhập Niết-bàn). Đã học Thanh Minh lại thấu cương mục, lời văn có tình mà chữ thảo chữ triện rất khéo. Lúc ngài ở chùa Đại Giác làm một bài Đường Bi. Ngài đem về Đường các bộ kinh luận hơn bốn trăm quyển, đều xuất xứ từ chùa Na-lan-đà. Chưa gặp được ngài Tịnh ở Tây quốc nhưng ngài

bị bệnh và mất ở nước Am-ma-la-bạt, thọ hơn năm mươi tuổi. Sau này nhân dịp hành hương thấy phòng ở của Ngài, thương xót không nguôi, bèn đề một bài thơ thất ngôn: “Gian khổ một thân chẳng nản lòng, bốn ân ghi nhớ nguyện lưu thông, vì đâu chưa thỏa tâm hoằng pháp, bổng chốc không may gặp đường cùng”.

**** Pháp sư Sư Tiên:***

Ngài là người ở Tề châu, giỏi chú thuật, thông tiếng Phạm, theo ngài Huyền Chiếu từ Bắc Thiên đến Tây Ấn-độ. Khi đến thành Am-ma-la-phẩu-bạt được sự cung kính của quốc vương, đồng thời gặp Pháp sư Đạo Hy ở chùa Cư Vương kể cho nghe mọi điều tốt đẹp ở nước nhà, và cùng ở lại đó một mùa hạ thì mắc bịnh rồi qua đời, thọ ba mươi lăm tuổi.

* ***A-nan-da-bạt-ma:*** là người Tân la. Vào giữa niên hiệu Trinh Quán ngài đến Quảng Hiếp thuộc Trường An (Quảng Hiếp là tên núi ở thành vương). truy tìm chánh giáo, chiêm bái Thánh tích, ở chùa Na-lan-đà tham học kinh luận, sao chép các kinh. Nhưng đau đớn thay tâm nguyện không thành, Ngài bèn ra xứ Đông ở Kê Quý, mất ở Tây Duệ thuộc Long Tuyền, thọ hơn bảy mươi tuổi.

Kê Quý, tiếng Phạm là Củ-củ-thác-y-thuyết-la. Củ-củ-thác dịch là kê, Y-thuyết-la dịch tức là nước Cao-ly. Tương truyền rằng: Nước ấy kính thần gà mà tôn xưng như vậy, cho nên lấy lông gà làm đồ trang sức đội trên đầu. Chùa Na-lan-đà có cái ao tên là Long Tuyền, ở phương Tây gọi Cao-ly là Củ-củ-thác-y-thuyết-la.

**** Pháp sư Tuệ Nghiệp:***

Ngài là người Tân-la, vào giữa niên hiệu Trinh Quán ngài đến xứ Tây Vực, ở chùa Bồ-đề chiêm bái Thánh tích, ở chùa Na-lan-đà một thời gian lâu để thọ học. Ngài Nghĩa Tịnh do đó xem xét lại bổn đời Đường, chợt phát hiện có quyển luận đời Lương đoạn cuối ghi: “Tăng xứ Tân-la là Tuệ nghiệp kính ghi tại cội cây Phật xỉ. Tìm hỏi những vị Tăng trong chùa thì họ bảo Ngài mất ở đây, thọ hơn sáu mươi tuổi. Các bổn Phạm Ngài chép đều ở chùa Na-lan-đà.

**** Pháp sư Huyền Thái:***

Ngài là người Tân-la, tiếng Phạm là Tát-bà-thận-nhã-đề-bà, đời Đường dịch là Nhất Thiết Trí Thiên. Vào niên hiệu Vĩnh Huy ngài lên

đường đến Thổ-Phiên, băng qua Nê-bà-la, đến Trung Ấn, chiêm lễ cội Bồ-đề và xem xét tận tường các kinh điển, sau đó quay về Đông Độ, trên đường đi đến Thổ Sơn Hồn, gặp được ngài Đạo Hy, sau đó qua chùa Đại Giác, rồi trở về Trung quốc, không rõ mất khi nào ở đâu.

**** Pháp sư Huyền Khác:***

Ngài là người Tân-la nào vào khoảng niên hiệu Trinh Quán theo Pháp sư Huyền Chiếu đến chùa Đại Giác, được sự lễ kính rồi mắc bệnh qua đời, không rõ lúc mất được bao nhiêu tuổi.

Lại có hai vị ở Tân-la, chẳng rõ tên húy của hai vị, xuất phát từ Trường An đến Nam Hải, dong thuyền qua nước Thất-lợi-phật-thệ và Tây-bà-lỗ-sư, rồi bị bệnh và mất ở đó.

**** Phật-đà-đạt-ma:***

Ngài là người xứ Đỗ-hóa-tốc-lợi, thân tướng phương phi, sức khỏe dồi dào, ngài theo học Tiểu thừa. Có lần khất thực được ít, do đó đổi học Đại thừa, bèn đến Thần Châu, xuất gia ở Ích Phủ, tính thích giao du, đi khắp vùng Cửu Châu. Sau đó, về Tây Thiên tham bái Thánh tích, gặp ngài Nghĩa Tịnh ở chùa Na-lan-đà, bèn chuyển về phương Bắc. Lúc đó Ngài khoảng năm mươi tuổi.

**** Sư Đạo Phương:***

Ngài là người Tinh Châu, vượt qua các vùng sa mạc đến Nê-ba-la và làm trụ trì chùa Đại Giác mấy năm. Sau đó trở về Nê-ba-la cho đến nay đã thiếu giới hạnh, lại không học kinh sách, tuổi tác cũng đã lớn.

**** Pháp sư Đạo Sinh:***

Ngài là người Tinh Châu, tiếng Phạm là Chiên-đạt-la-đề-bà, đời Đường dịch là Nguyệt Thiên. Vào cuối niên hiệu Trinh Quán ngài bắt đầu từ Thổ Phiên lên đường đến Trung quốc. Đến chùa Bồ-đề ngài lạy ngài Chế-để-ngật làm thầy, học làm Đồng tử ở chùa Na-lan-đà. Vua rất kính trọng. Phía Đông chùa này cách mười hai dặm có một ngôi chùa của vua, học toàn là Tiểu thừa, Ngài bèn ở chùa ấy một thời gian khá lâu học Tiểu thừa Ba tạng tinh thông chánh lý, rồi sau đó mang rất nhiều kinh, tượng trở về bổn quốc. Trên đường đi đến nước Nê-ba-la bị bệnh và qua đời ở đó. Lúc này có lẽ Ngài cũng lớn tuổi rồi.

**** Thiền sư Thường Mẫn:***

Ngài là người Tinh Châu, từ khi cạo tóc xuất gia tập hạnh Sa-môn thường siêng năng tụng niệm chẳng phút trễ lười, thường phát đại nguyện sinh về Cực Lạc, thực hành các tịnh nghiệp, xưng niệm danh hiệu Phật, nền phước ấy sâu rộng khó thể biết hết. Sau đó ngài đến Kinh Lạc cũng chuyên tâm hành trì pháp môn này, lòng thành thầm cảm ứng. Ngài bèn phát nguyện chép kinh Bát-nhã đủ vạn quyển. Mong được đến phương Tây, lễ bái Như Lai và chiêm ngưỡng Thánh tích, đem phước lành này hồi hướng nguyện sinh. Ngài bèn đến phủ thượng thư nhờ các châu giáo hóa sao chép kinh Bát-nhã. Hơn nữa, với lòng chí thành dù trời cũng cảm động, cho nên được vua Mông trao cho sắc chỉ biên chép. Giang Biểu, kính chép kinh Bát-nhã, để báo ân sâu, khi tâm nguyện đã mãn, ngài bèn lên đường đến bờ biển du thuyền đến miền Nam nước Ha-lăng. Từ đây nương thuyền đến nước Mạc-la-du. Lại từ nước này ngài muốn đến Trung Thiên, nhưng thuyền của thương buôn chở đồ quá nặng nên thuyền nhổ neo chưa bao xa thì gặp phải sóng to nổi lên, chưa quá nửa ngày thì thuyền bị chìm. Lúc sắp chìm, người lái buôn tranh nhau leo xuống thuyền nhỏ, thuyền chủ là người có tín tâm liền lớn tiếng gọi ngài xuống thuyền, Ngài nói: Chiếc thuyền này chỉ chở được vài người, tôi không xuống đâu. Đó đủ thấy ngài là người xem thường mình, vì mọi người mà thuận với tâm Bồ-đề, quên mình cứu người, đó là hạnh của bậc đại sĩ. Thế rồi ngài xuống hướng về phương Tây niệm danh hiệu Phật. Trong phút giây niệm tương tục ấy, thuyền và người chìm dần, khi tiếng dứt thì ngài cũng quy Tây, thọ trên năm mươi tuổi. Ngài có một người đệ tử, không biết là người xứ nào, lúc thầy mất kêu khóc thảm thương, cũng niệm Phật và tịch theo thầy, những người được cứu về kể rõ chuyện này.

Thương rằng:

Thương thay vĩ nhân, quên mình vì người, sáng như kính nước, quý gương xem trọng, nhuộm mà không đen, mài mà không mòn tiến thân vì Tuệ nghiệp, dưỡng trí thành tiếng thơm. Lúc ở nước mình thì hành trì pháp môn tự độ, khi đến nước khác thì gieo nhân tha độ. Trong lúc cận kề bờ hiểm nạn, lại quên thân mình mà cứu người, để lại người đệ tử không nơi nương tựa, ông bèn lao thân mình vào sóng cả để tìm lấy cái chết. Tịnh nguyện đến An dưỡng mà lưu thần, đạo tâm không mê mờ, đức ý vững chắc, ban bố ánh sáng tình thương chói lọi, tận kiếp bụi này vẫn càng ngày càng mới.

**** Mạc-để-tăng-ha:***

Đời Đường dịch là Sư Tử Tuệ, ngài là người Kinh Triệu, họ là Hoàng Phổ, không biết tên húy, cùng vân du với Sự Tiên, đến ở chùa Tín Giả xứ Trung thiên, chưa giỏi tiếng Phạm, cũng không hiểu kinh luận. Ngài muốn trở về quê cũ, trên đường qua nước Nê-ba-la bị bệnh và mất ở đó, thọ bốn mươi tuổi.

*** Pháp sư Huyền Hội:**

Ngài là người Kinh đô, con của An Tướng Quân. Ngài từ Bắc Ấn đến nước Yết-thấp-di-la, được quốc vương cho thưởng thức cỡi voi của vua và tấu nhạc vua, hằng ngày đến chùa Long Trì Sơn thọ vật cúng dường. Chùa đó là nơi ở của năm trăm vị A-la-hán thọ cúng. Chính là nơi mà Tôn giả A-nan-đà sai Tôn giả Mạt-điền-địa hóa độ Long vương. (Thất sái dịch là sở giáo hóa, cựu dịch đệ tử là sai).

Ngài lại khuyên vua nước này mở lòng ân xá cho cả nước, có hơn ngàn tử tù ngài cũng khuyên vua phóng thích. Ngài ra vào cung vua cũng gần mấy năm. Sau đó, vì không vừa lòng nên ngài bèn đi về phía Nam, đến chùa Đại Giác lễ cây Bồ-đề, tham quan ao Mộc Chân, leo lên đỉnh Linh Thứu, băng qua ngọn Tôn Túc, thọ học với những bậc thông thái tài giỏi kỹ nghệ. Tuy thời gian chẳng là bao nhưng ngài thông suốt tiếng Phạm, lãnh thọ ít kinh giáo rồi muốn trở về quê cũ, trên đường đến nước Nê-ba-la chẳng may qua đời, tuổi thọ chỉ quá lúc trưởng thành.

(Nước Nê-ba-la vốn có thuốc độc cho nên người nào đến xứ đó phần nhiều là mất mạng).

* Lại có một người cùng Sứ giả ở Bắc đạo đến nước Phược-yết-la, xuất gia với sư Tiểu thừa ở Tân tự tên là Chất-đa-bạt-ma. Sau này đến lúc sắp thọ giới cụ túc thì không ăn ba thứ tịnh nhục, thầy của ngài nói: Đức Đạo sư khai cho năm thứ chánh, vốn đã không tội, sao ông không ăn. Ngài đáp: Các kinh điển Đại thừa có nêu đầy đủ, đó là thói quen cũ không thể sửa được. Ngài nói: Ta y theo tánh tạng luật có chế ra các khoa. Ông nêu ra những điều chẳng phải chỗ học của ta, nếu giữ những tư tưởng bất đồng thì ta chẳng phải thầy ông. Thế là ngài đành vâng lời gạt lệ mà ăn. Lúc mới thọ cụ túc ngài cũng hiểu biết sơ qua tiếng Phạm rồi âm thầm lên đường về phương Bắc, không rõ ngài đến đâu, nghe đồn ngài làm tăng ở Bắc Thiên-trúc.

* Lại có hai người nước Nê-ba-la, là con của Nhủ mẫu Công chúa Thổ-phiên, lúc đầu cả hai cùng xuất gia, sau này một người hoàn tục, người xưa ở chùa Thiên Vương rất giỏi tiếng Phạm và sách Phạm, thọ ba mươi lăm tuổi.

**** Pháp sư Long:***

Không rõ ngài là người xứ nào, vào niên hiệu Trinh Quán đi từ Bắc đạo, định đến Bắc Ấn để tham hóa Trung Thiên, ngài tụng được kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạm, sau đó đến nước Kiện-đà-la bị bệnh và qua đời, tích này là do các vị Tăng phương Bắc đến truyền như vậy.

Như trên là hai mươi vị.

**** Pháp Sư Minh Viễn:***

* Ngài là người ở Thanh Thành thuộc Ích Châu, tiếng Phạm là Chấn-đa-đề-bà, đời Đường dịch là Tư Thiên. Thuở nhỏ ngài vâng theo lời răn dạy nên lớn lên càng cố gắng tu trì, dung nghi nho nhã, bản chất thanh tú, rất giỏi Trung luận, Bách luận, nghị luận về Trang Chu. Ban đầu ngài đến Thất Trạch, sau đó đến Tam Ngô, học lại các kinh luận cùng với tu thiền, ở ẩn trên non Lô qua một mùa hạ, ở đó ngài hết sức đau buồn cho chánh giáo bị bại hoại, bèn chống tích về phương Nam, đến Giao Chỉ rồi lên thuyền vượt sóng cả đến nước Ha lăng, sau đó đến châu Sư Tử, được vua cung kính lễ ngộ. Ngài lẻn vào nội các, lấy trộm răng Phật rồi mong về nước để thiết lễ cúng dường, khi chiếc răng ấy đã vào tay thì bèn bị đoạt lại, chí nguyện không thành lại bị lăng nhục. Sư đi về phía Nam Ấn Độ, truyền tin với người ở châu Sư Tử biết rằng: mình đến chùa Đại Giác rồi bặt vô âm tín, có lẽ ngài trên đường đi thì mất, chẳng rõ bao nhiêu tuổi. Lính vệ ở châu Sư Tử canh phòng răng Phật rất nghiêm ngặt, đặt trên gác cao, đóng mấy lớp cửa, khóa chặt khư khư, năm quan cùng giữ ấn niêm phong. Nếu mở một cửa thì nó sẽ vang khắp cả thành quách. Ngày nào cũng cúng dường hương hoa quanh các, dốc lòng cầu thỉnh thì chiếc răng lộ trên cánh hoa, hoặc hiện nhiều màu lạ, mọi người ai cũng nhìn thấy. Tương truyền nếu Châu này mất răng Phật thì đều bị La-sát ăn nuốt. Vì thế họ canh giữ vật báu này rất nghiêm ngặt. Cũng có lời truyền rằng: "Nếu không giữ kỹ thì nó sẽ đến nước Chi-na". Đó là do năng lực cảm ứng của bậc Thánh mà được chứ không phải dùng sức người cưỡng đoạt mà có.

**** Luật sư Nghĩa Lãng:***

Ngài là người ở Thành Đô thuộc Ích Châu, thông thạo luật học, lại giỏi Du-già, xuất phát từ Trường An đi đến Giang Hán, Là người cùng Châu với ngài Trí Ngạn và một người con tên là Nghĩa Huyền, vào độ tuổi hai mươi đã thấu tột chánh lý, lại giỏi nội điển mà nhất là văn chương. Vì muốn chiêm bái Thánh tích nên cùng người em đi khắp nơi,

giúp đỡ lẫn nhau, rất thân nhau như cá với nước. Khi đến Ô lôi thì cả hai cùng lên thuyền vượt trăm trượng, leo lên muôn nghìn sóng cả, đến Phù Nam rồi dừng chân nghỉ ở Lang-ca. Quốc vương Mông-lang ca tiếp đãi theo lễ của thượng khách. Ngài Trí Ngạn bị bệnh rồi mất ở đây. Ngài Nghĩa Lãng lại ôm mối sầu tử biệt, thế rồi cùng người em lên thuyền hướng về châu Sư Tử, phổ cầu kinh điển và đảnh lễ răng Phật, dần dần đến Tây quốc, đó là tin truyền như vậy, cho đến nay không biết rõ là ở nơi nào không thấy ở châu Sư Tử cũng không có tin tức gì ở Trung Ấn, có lẽ là ngài đã qua đời rồi, lúc đó ngài hơn bốn mươi tuổi rồi.

**** Luật sư Hội Ninh:***

Ngài là người Thành Đô ở Ích Châu, bẩm chí tiết tháo, ý muốn làm lợi ích rộng lớn, còn nhỏ đã thông minh, trí tuệ, đến khi xuất gia thì kính trọng diệu lý, Phật pháp như quý hạnh châu trong búi tóc, bỏ vinh hoa như cởi dép, ngài thông thạo kinh luận và rất giỏi luật tạng, chí muốn mở mang giáo pháp kết niệm ở Tây phương. Vì thế vào niên hiệu Lân Đức, ngài chống tích trượng về Nam Hải, theo thuyền bến Ha-lăng Châu dứng lại đó ba năm cùng các vị tăng đa văn ở nước Ha-lăng như Na-bạt-đà-la. Từ kinh do ngài A-cấp-ma dịch ra chuyện Như Lai Niết-bàn thiêu thân, chuyện đó không liên quan nhiều đến kinh Niết-bàn của Đại thừa. Nhưng kinh Niết-bàn thuộc Đại thừa lúc ngài Nghĩa Tịnh ở Ấn-độ đích mắt thấy và nói: Kinh đó gồm cả hai mươi lăm ngàn bài tụng, dịch ra hơn sáu mươi quyển, xem xét lại toàn bộ cũng không thấy, chỉ được phẩm đầu là Đại Chúng Vấn, hơn bốn ngàn bài tụng. Ngài Hội Ninh đã dịch được bản của ngài A-cấp-ma, liền sai vị tăng trẻ là Vận kỳ chuyển kinh về Giao phủ đến trạm dịch kinh Triệu dâng biểu lên vua, mong vua cho phép điều chưa nghe được truyền bá cho tăng ở Đông Hạ. Vận Kỳ từ Kinh Triệu trở về đến Giao Chỉ, báo cho đạo tục biết vua Mông tặng cho mấy trăm xấp lụa, rồi ngài lại đến nước Ha-lăng báo việc Trí Hiền (Nhã-na-bạt-đạt-la) gặp gỡ Hội Ninh. Bấy giờ Hội Ninh mới về Tây Trúc. Mỗi khi ở đâu tôi đều hỏi thăm, nhưng tìm khắp cả năm xứ Ấn cũng bặt tăm không dấu vết. Y theo lẽ này cũng đủ biết ngài đã mất rồi. Thương rằng: Ô hô! Ngài Hội Ninh vì pháp mà đọc dịch, nói dịch được hai pho thì trông về thiên đình: Trọn đời nương theo đảo châu báu, tạm ở nơi hóa thành. Thân tuy hoại diệt mà đạo tâm sáng ngời, thì dẫu xa mà cũng để lại tiếng thơm, đem tiên chí Bồ-tát cùng mở mang, giúp hạnh cho hậu niệm. Ngài thọ chừng ba mươi bốn, ba mươi lăm tuổi.

**** Sư Vận Kỳ***

Ngài là người Giao Châu, cùng đi khắp nơi với sư Đàm Nhuận, nương ngài Trí Hiền thọ giới cụ túc rồi trở về Nam Hải ở hơn mười năm, rất giỏi âm vận xứ Côn Luân lại biết tiếng Phạm. Sau đó, ngài hoàn tục ở nước Thất-lợi-phật-thệ cho đến bây giờ. Chẳng lâu sau ngài qua lại Hoằng-ba truyền kinh đế lý, ban bố những điều chưa từng dạy người xứ này, lúc đó khoảng bốn mươi tuổi.

**** Mộc-xoa-đề-bà:***

Ngài là người Giao Châu, đời Đường dịch là Giải Thoát Thiên, không rõ tên húy. Ngài du thuyền về Nam Minh, đi khắp các nước, đến chùa Đại Giác lễ bái các Thánh tích rồi thị tịch tại chùa này, lúc đó khoảng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi.

**** Pháp sư Khuy Xung:***

Ngài là người Giao Châu, tức đệ tử thọ giáo của ngài Minh Viễn, tên tiếng Phạm là Chất-đát-la-đề-bà. Ngài cùng Minh Viễn đi thuyền đến Nam Hải, khi đến châu Sư Tử hướng về Tây Ấn thì gặp sư Huyền Chiếu cùng đến Trung Thổ. Vị này bẩm tánh thông minh, tụng kinh bằng tiếng Phạm rất giỏi. Ngài đến đâu cũng thường giảng nói kinh pháp. Trước ngài lễ cội Bồ-đề, khi đến thành Vương-xá bị bệnh ở Trúc Viên, trong khoảng thời gian lâu sau thì mất, lúc đó khoảng ba mươi tuổi.

**** Sư Tuệ Diễm:***

Ngài là người Giao Châu, là đệ tử ngài Trí Hạnh, theo thầy đến nước Tăng-Ha-la rồi ở lại nước đó, chẳng biết còn hay mất.

**** Pháp sư Tín Trụ:***

Không rõ người ở đâu, tiếng Phạm là Thiết-thích-đà-bạt-ma, đời Đường dịch là Tín Trụ. Ngài từ Bắc Đạo đến Tây Thiên sau khi tham bái hết các Thánh tích thì về trụ chùa Tín Giả, ở tầng trên của chùa xây một căn gác bằng gạch và cúng cho ngài ở, đồng thời cũng dùng ngọa cụ và các vật phẩm khác. Sau đó bị bệnh mấy ngày, một đêm nọ ngài bỗng nhiên nói rằng: Có vị Bồ-tát duỗi tay rước. Nói đoạn, ngài ngồi thẳng chắp tay thở ra rồi mất, thọ ba mươi lăm tuổi.

**** Pháp sư Trí Hạnh:***

Ngài là người Ái Châu, tiếng Phạm là Bát-nhã đề-bà, đời Đường là Tuệ Thiên, ngài lên thuyền đến Nam Hải đến Tây Thiên lễ bái các tôn nghi, đến phía bắc Sông Hằng, ở chùa Tín Giả, rồi mất ở đó, thọ năm mươi tuổi.

**** Thiền sư Đại Thừa Đăng:***

Sư là người ở Ái Châu, tiếng Phạm là Mạc-ha-dạ-na-bát-địa-dĩ-ba, đời Đường dịch nghĩa Đại Thừa Đăng. Thuở nhỏ, Sư theo cha mẹ đi thuyền đến nước Đỗ-hòa-la-bát-để xuất gia, sau đó theo sứ Đường là Đàm Tự trở về Kinh đô, trụ chùa Từ Ân, chính là nơi Tam tạng Pháp sư Huyền Trang cư ngụ, rồi mới thụ giới Cụ túc, thời gian ở kinh đô chỉ mấy năm mà Sư thấu đạt mọi kinh sách. Sau đó muốn chiêm bái Thánh tích, tính hợp với cảnh Tây, thể chứa sự dung thứ, tánh hợp với sự khiêm cung, giới pháp nằm lòng, thiền cơ hợp ý. Sư cho rằng: Chìm vào hữu thì do giả duyên, duyên không thì đọa vào hữu. Lìa sinh thì nương vào trợ duyên, mà trợ duyên thì trái ngược với đời sống. Thế rồi Sư dốc chí vào Vương-xá thành, dồn tâm ở Trúc viên, cầu mong dứt trừ tám nạn, mãi cầu bốn luân. Sư bèn mang tượng Phật và kinh luận vượt biển Nam về nước Sư Tử. Tham bái răng Phật, chiêm lễ hết mọi điều khác lạ, sau đó đến Nam Ấn rồi trở về Đông Thiên, đến nước Đam-ma-lập-để. Lúc đến Hán Khẩu bị giặc vây bức, thuyền vỡ chỉ còn lại thân mạng, thế là Sư đành ở lại nước đó mười hai năm. Trong thời gian này, Sư dùi mài tiếng Phạm nên sở học rất giỏi tụng nhiều kinh như Duyên Sanh v.v... và tu phước nghiệp. Nhân lúc gặp được các người buôn nên Sư theo ngài Nghĩa Tịnh đến Trung Ấn, đầu tiên đến Na-lan-đà, kế là đến tòa Kim Cương, rồi trở về Tỳ-xá-ly, sau cùng đến Câu-thi-na, đến đó với ngài Vô Hành. Sư thường than rằng: “Bổn nguyện hoằng pháp về lại Đông Hạ cuối cùng không thành, thấm thoát tuổi đã già suy, kiếp này tuy không thực hiện được bổn hoài thì xin kiếp sau được toại ý này. Cho nên, Sư thường thực hành các nghiệp lành sanh lên cõi trời Đâu-suất để mong gặp ngài Di-lặc. Hằng ngày Sư vẽ một hai cảnh Long Hoa để tiêu khiển tâm ý. Sư là lớp kế ngài Đạo Hạnh, đến ở phòng cũ của sư pháp lữ cùng đi, Đạo Hy, lúc đó vị kia cũng thị tịch rồi. Bản Hán vẫn còn, Phạm giáp còn bày, thấy thế mà ngậm ngùi rơi lệ than thở. Ngày xưa ở Trường An nay ở xứ người chỉ thấy tòa không, thương rằng: Than ôi! Vua mất, năng lực kia càng mạnh, kẻ sĩ truyền đăng bỗng nhiên mất đi, Thần châu đứt ruột, Thánh cảnh hồn bay, môn đồ buồn đau than khóc, áo não chịu tang mà thương xót. Thiền sư ở chùa Bát Niết-bàn thành

Câu-thi đã viên tịch, lúc bấy giờ tuổi đã hơn sáu mươi.

**** Tăng-già-bạt-ma:***

Ngài là người nước Khang Cư, thuở nhỏ vượt sa mạc, đi đến Kinh đô, bẩm chất kính tin, giới hạnh trong sạch thường hành Bố thí, từ bi trong tâm ý. Vào niên hiệu Hiển Khánh, ngài vâng chỉ cùng với sứ giả tham bái Tây Thiên, đến trụ chùa Đại Giác, mở hội Vô Già ở tòa Kim Cương, suốt bảy ngày bảy đêm đèn đuốc sáng rực cả pháp hội, rồi lại ở dưới gốc vô ưu trong nội viện Bình Đẳng điêu khắc tượng Phật và tượng Quán Thế Âm. Người thời bấy giờ đều khen ngợi công đức thật ít có. Sau đó, ngài trở về Đường triều, rồi vâng chỉ qua Giao Chỉ hái thuốc, lúc bấy giờ ở Giao Châu gặp năm mất mùa, nhân dân đói khát, cho nên ngày nào ngài cũng tìm cách cứu giúp kẻ nghèo khổ, nỗi đau trong lòng không chịu được, phải rơi nước mắt. Người thời bấy giờ gọi là Bồ-tát Thường Đề, vừa bị chút bệnh nhẹ chẳng bao lâu thì mất, thọ ngoài sáu mươi tuổi.

**** Pháp sư Bỉ Ngạn, Pháp sư Trí Ngạn:***

Hai vị này đều là người ở Cao Xương, lớn lên ở Kinh đô và có chí hoằng truyền chánh pháp quy tâm về thắng lý, sau đó đến giáo hóa ở Trung Thiên, cùng Sứ giả Vương Huyền Khuếch lên thuyền, ra đến giữa biển bị bệnh và cả hai đều mất. Các bản Hán Du-già và kinh luận khác mà hai Ngài mang theo đều để lại nước Thất-lợi-phật-thệ.

**** Pháp sư Đàm Nhuận:***

Ngài là người Lạc Dương, giỏi chú thuật và học các lý sâu mầu, thông hiểu luật tạng và rất giỏi về thuốc, là người có dung nghi minh mẫn, đường vệ. Sau đó, ngài đến giang biểu để hóa đạo lợi sinh, rồi đi dần về phương Nam đến Giao Chỉ, ở đó một thời gian, đạo tục vùng này đều rất mực kính trọng. Thế rồi, ngài theo thuyền về Nam, định đến Tây Ấn-độ. Lúc đến nước Bột-bồn ở phía Bắc Ha-lăng thì bị bệnh rồi mất, thọ ba mươi tuổi.

**** Luận sư Nghĩa Huy***

Ngài là người Lạc Dương, bẩm tánh thông minh, tư tưởng sâu sắc, lấy việc học rộng làm bổn hoài, tìm tòi chân lý làm nghĩa vụ. Ngài y theo Nhiếp luận, Câu-xá, v.v... cố gắng nghiên cứu. Nhưng vì nghĩa có nhiều điểm dị đồng nên sinh tâm bất mãn, từ đó muốn xem xét bổn

Phạm để tận mắt tìm ra những điều mầu nhiệm, bèn chỉ tay về Trung Thiên, lại nhìn về Đông Hạ, tiếc thay mang sẵn tâm nguyện mà không đủ tháng chí để thực hiện. Khi đến nước Lang-ca-thú bị bệnh rồi mất ở đó, thọ ba mươi tuổi.

* Lại có ba vị tăng đời Đường, từ Bắc Đạo đến nước Ô-trường-na. tương truyền các ngài về hướng chỗ thờ xương cốt đảnh Phật lễ bái, nay cũng chẳng biết còn mất. Tin này do các vị Tăng từ Ô-trường qua nói như vậy.

Như vậy là bốn mươi vị

**** Sư Tuệ Luân:***

Ngài là người Tân-la, tiếng Phạm là Bát-nhã Bạt-ma, đời Đường dịch là Tuệ Thân, xuất gia từ bổn quốc và có tâm lễ bái thánh tích, lên thuyền đến Mân Việt rồi đi bộ đến Trường An, vâng chỉ theo ngài Huyền Chiếu làm thị giả để đi về phía Tây. Khi đặt chân đến đất Ấn liền lễ bái các Thánh tích rồi về chùa Tín Giả nước Yêm-ma-la-bạt khoảng mười năm, gần chỗ ở có chùa tăng Đổ-hóa-la về phía Bắc của phương Đông. Chùa này vốn do người Đổ-hóa-la xây dựng cho các vị tăng của nước mình ở. Chùa này có một tài sản to lớn, các phẩm vật cúng dường không thể nói hết, chùa có tên là Kiện-đà-la-sơn-trà. Ngài Tuệ Luân ở đây nên rất giỏi tiếng Phạm và thông thạo cả Câu-xá, cho đến nay vẫn còn bốn mươi vị. Các vị Tăng từ phương Bắc đến đều ở chùa này làm trụ trì. Ở phía Tây chùa Đại Giác cũng có Quốc tự Ca-tất-thi. Chùa này cũng rất giàu và có nhiều vị cao tăng thạc đức, các vị đều tu học theo Tiểu thừa, các vị Tăng phương Bắc đến cũng ở chùa này, chùa tên là Lũ-nô-chiết-lý-đa, đời Đường dịch là Đức Hạnh. Cách hai dặm về hướng Đông Bắc chùa này cũng có ngôi chùa tên là Quật-lục-ca, chính là ngôi chùa thuở xưa do vua nước này xây dựng. Chùa tuy nghèo nhưng các vị tăng đều là những người có giới hạnh thanh nghiêm, gần đây vua Nhật lại xây một ngôi chùa nữa ở bên cạnh chùa này, mới vừa hoàn thành. Các vị tăng từ phương Nam đến phần nhiều ở chùa này. Các nơi đều cho nên nước họ được biết đến. Thần Châu độc tôn một cõi, cho nên thường thường gặp không ít khó khăn. Về phía Đông chùa Na-lan-đà khoảng bốn mươi dặm, từ Kinh-già-hà xuống đến chùa Mật-lật-tha-bát-na, đời Đường dịch là chùa Lộc Viên. Cách chùa này không xa có một ngôi chùa cũ, chỉ còn ngói đá nền móng, tên là chùa Chi-na. Các bô lão truyền rằng: Đó là ngôi chùa do vua Thất-lợi-cấp-đa xây cho các vị tăng nước Chi-na ở. (Chi-na tức Quảng châu, Mạc-ha Chi-na tức kinh

đô, cũng gọi là Đề-bà-phật-đát-la, đời Đường dịch là Thiên tử).

Bấy giờ, có khoảng mười vị tăng đời Đường, khởi hành từ đường Dương Đặc ở Thục Xuyên. (Thục Xuyên cách chùa này hơn ba trăm dặm). Các ngài hướng về phía Ma-ha Bồ-đề lễ bái. Vua thấy vậy rất kính trọng bèn cúng dường khu đất ấy để làm chỗ nghỉ ngơi, cấp cho một thôn lớn khoảng hai mươi bốn sở. Sau này, các vị đều mất rồi thì thôn này lại chia cho người khác. Hiện giờ, có ba thôn nhập vào công quỷ chùa Lộc Viên. Theo số lượng chùa, Chi-na đến nay có lẽ có hơn năm trăm ngôi, hiện giờ đất ấy thuộc sở hữu của vua Đông Ấn, vua này tên là Đề-bà-bạt-ma, ông thường nói rằng: Nếu có các vị tăng từ chỗ vua Đường đến đây ta sẽ sửa sang lại chùa này, lại còn phong cho các thôn, không để cho thiếu thốn lương thực, quả thật đáng khen. Nói rằng: Tuy có điềm kinh lạ của Tổ Hạc nhưng khó gặp phước vui, mà phải để tâm nơi việc lợi ích, cứu giúp. Cầu thỉnh hoằng pháp ở đây chẳng phải việc nhỏ. Chùa Đại Giác ở tòa Kim Cương chính là do vua nước Tăng-ha-la xây dựng. Các vị Tăng ở châu Sư Tử trụ nơi đó từ lâu, phía Đông bắc chùa Đại Giác khoảng bảy trạm dịch là chùa Na-lan-đà, chính là do cổ vương Thất-lợi-lạc-yết-la-thất-để xây dựng cúng cho các vị Sa-môn Bắc Ấn là Hạc-la-đỗ-bàn. Chùa này mới đổ móng thì lấp lại, qua thời kỳ sau con cháu của quốc vương nối nhau tạo lập hùng vĩ, trong châu Thiệm bộ đương nhiên không thêm bớt gì nữa, kiểu dáng, mẫu mã không thể nói hết, chỉ có thể nêu lược những điểm chung. Nhưng hình dáng chùa này vuông như vực, bốn bên thẳng tắp, hiên dài có hành lang bao quanh, đều bằng đá cao, ba tầng, mỗi tầng cao hơn một trượng. Xà ngang vách hiên vốn không có rui mè, mà nung gạch để xây. Phía sau chùa thẳng tắp, tùy ý qua lại, dãy tường sau phòng tức là mặt ngoài. Xây từng lớp cao ngất ba, bốn trượng. Ở trên hình dáng như đầu người, cao bằng thân người, có chín phòng tăng. Trong mỗi phòng rộng chừng trượng vuông. Mặt sau thông với cửa sổ hướng ra mái hiên. Cửa tuy cao nhưng chỉ lắp một tấm, đều cùng thấy nhau chứ không cho phép gắn rèm, ra ngoài xem thấy khắp bốn mặt, để cùng xem xét cuộc sống của từng người. Ở một đầu góc làm đường gác qua lại. Bốn góc trên chùa đều xây điện đường, chùa này toàn là những vị đại đức học rộng cư ngụ. Cổng chùa nhìn về hướng Tây là lầu cao chọc trời, điêu khắc chạm trổ các đường nét hoa văn thật công phu, vốn không xây riêng. Nhưng ra phía trước khoảng hai bước thì có đặt bốn cột trụ, cổng ấy tuy không quá to lớn, quý giá nhưng xây cất rất vững chắc. Mỗi khi đến giờ ăn thì đóng kín cửa lại, đó là đề phòng chuyện bất trắc của Thánh giáo ý. Đất

trong chùa rộng một bề ba mươi bước, lát gạch nhỏ chừng bảy hoặc năm bước. Tất cả các nơi như nóc nhà, trước hiên trong phòng đều dùng đá cục lớn chừng bằng quả đào, quả táo hòa với bùn non để trét lên, dùng đá vôi trộn với chất nhớt cây mè và dầu, cặn dầu, da thú nát, tẩm chứa nhiều ngày trét bùn trên gạch đất, phủ cỏ xanh lên khoảng ba mươi mấy ngày, nhìn thấy khô thì lấy đá nhẵn mài lên, sau đó lau chùi bằng nhựa đất đỏ hoặc chu sa, đoạn dùng dầu đánh lên làm cho sáng bóng như gương, điện đường thềm bậc tam cấp đều làm như vậy. Hễ hoàn thành rồi thì cho dù người ta dẫm đạp lên từ một, hai, ba hay đến mười năm cũng không hề đổ nát, chứ không giống như đá vôi hễ thấm nước thì liền rã. Làm theo kiểu này có tất cả tám ngôi chùa, phía trên đều bằng thẳng như có khuôn. Dùng một hoặc vài căn phòng phía Đông để thờ tôn tượng, hoặc có thể ở ngay chính giữa, phía trước xây đài Quán Âm và điện Phật riêng. Ở ngoài đại viện phía Tây chùa mới xây một ngôi tháp lớn (Tốt-đổ-ba), xưa gọi là tháp và các Chế-để (xưa dịch là chi-đề) có cả trăm ngôi, không thể kể xiết các Thánh tích nối tiếp nhau. Vàng bạc lấp lánh thật không thể tưởng tượng. Tất cả các tăng đồ đều sống theo phép tắc, điều này có ghi đủ trong Phương Lục và Ký Quy. Trong chùa chỉ tôn bậc Thượng tọa lớn tuổi nhất làm tông chủ, bất luận đức độ. Các chốt cửa đều đóng kín và giao cho Thượng tọa. Chứ không giao cho Tự chủ duy-na khác. Vì người xây chùa gọi là chủ chùa, tiếng Phạm là Tỳ-ha-la-sa-nhị. Những người thay phiên trị nhật, lo liệu mọi việc trong chùa và thưa việc với Tăng gọi là Tỳ-ha-la-ba-la, Hán dịch là hộ tự. Còn người hô kiểng và giám thực gọi là yết-ma-đà-na, dịch là Thọ sự. Còn duy-na là lược bớt. Chúng tăng có việc thì nhóm chúng phân việc để bảo họ giữ chùa, tuần hành thưa bạch trước từng người, đều phải chắp tay trình bày rõ việc kia. Nếu một người không bằng lòng thì việc không được thành, hoàn toàn không có pháp đánh kiền-chùy bỉnh bạch trước chúng. Nếu thấy không bằng lòng thì dùng lời để hướng dẫn, chẳng có sự cưỡng ép làm cho chúng thêm chán ghét, dù việc giữ kho cũng phải trang nghiêm. Dù ba, hai người cũng sai người y theo Thủ khố chắp tay mà bạch. Nếu hòa hợp đồng ý mới được tiêu dùng mà không mắc lỗi tự tiện. Người không bạch mà dùng riêng thì dù chỉ nửa thăng gạo cũng đáng phạt tội tẫn xuất. Nếu một người tự cho mình là người cũ, có quyền lạm dụng vật của tăng chúng thì phải xử đoán việc này giống như người không bạch với đại chúng, gọi là Câu-la-bát-để, dịch là gia chủ. Đây chính là mụt nhọt trong Phật pháp, thần người đều chán ghét. Mặc dù ở chùa có lợi ích nhưng rốt cuộc mắc tội nặng hơn, người

trí nhất định không làm những việc này. Hơn nữa, ngoại đạo trước kia có chín mươi sáu thứ, nay chỉ còn hơn mười loại. Nếu có trai hội nhóm họp, mỗi người tự ở chỗ mình, không tranh thứ bậc với tăng ni. Pháp của họ đã khác thì lý sẽ không đồng hành. Mỗi người thực hành theo pháp mình và ngồi không lẫn lộn. Chùa này đặt ra pháp lý hết sức nghiêm ngặt. Mỗi nửa tháng sai người đi xem xét các liêu để nhắc nhở điều chế. Tên tuổi chúng tăng không ghép vào sổ sách của vua, người nào phạm lỗi thì chúng tăng tự trị phạt, vì những vị tăng này tự kính nể nhau. Sự thọ dụng ở chùa tuy hẹp mà lợi ích rất rộng, tôi nhớ lúc ở kinh thành có người vẽ một ngôi chùa giống như Kỳ Hoàn, đều không có căn cứ. Vì nghe những điều kỳ lạ kia mà lược trình bày sơ qua thôi.

Lại nữa, ở Thiên-trúc có ngôi chùa lớn, vua quan đều bảo đặt một đồng hồ nước, làm như vậy nhằm phân biệt thời gian đêm ngày dễ dàng. Y theo luật dạy, ban đêm chia làm ba phần, đầu hôm và gần sáng phải thiền tụng, còn nửa đêm thì tùy ý nghỉ ngơi. Phương thức sử dụng đồng hồ nước đã có nói trong bộ Ký Quy. Tuy trình bày về kiểu dáng chùa nhưng sợ rằng ngay nơi việc ấy lại lầm chuyện này mà vẽ ra bức họa, mong rằng khiến cho chính mắt nhìn thấy không bị dính mắc. Nếu tấu thỉnh xây y như vậy thì Vương-xá và Chi-na hoàn toàn như nhau. Bèn khen rằng: Những điều tốt đẹp vẫn bày ra rất nhiều, các vị tài giỏi xưa nay đã biết nhẫn chịu sinh tử, đâu thể không đau lòng với cảnh chùa như vậy.

Đây là kiểu Chùa Thất-lợi Na-lan-đà Mạc-ha Tỳ-ha-la. Đời Đường dịch là Cát Tường Thần Long Đại trụ xứ. Ở Tây Thiên đều gọi vua chúa và quan lớn là đại tự xá. Trước đều gọi là Thất-lợi, ý muốn lấy nghĩa cát tường tôn quý, Na-lan-đà là tên loài rồng. Gần đây có con rồng gọi là Na-già-lan-đà, cho nên gọi theo đó. Tỳ-ha-la nghĩa là trụ xứ, dịch là chùa, không phải dịch thẳng. Như thấy một ngôi chùa thì bảy cái kia cũng giống như vậy. Mặt trên bằng phẳng lưu thông người qua lại, hễ thấy chùa như vậy phải nhìn về hướng Nam, muốn cho đi ra cửa Tây mới đúng, ở cửa Nam cách hai mươi bước có một ngôi tháp. cao chừng trăm trượng, là chỗ ngày xưa Đức Thế Tôn an cư trong ba tháng hạ. Tiếng Phạm là Mộ-la-kiện-đà-câu-để, đời Đường dịch là Căn Bổn Hương Điện. Bên cạnh cách tường cửa Bắc khoảng năm mươi bước lại có một ngôi tháp lớn, cao hơn như vậy, ngôi tháp này do vua Ấu-nhật xây dựng, đều làm bằng gạch, trang trí rất khéo léo, giường vàng đất báu, cúng dường thật ít có. Ở trong đó có tượng Như Lai xoay bánh xe pháp. Về phía Tây Nam có ngôi tháp nhỏ, cao hơn một trượng, là chỗ

thưa hỏi về các chấp trước của Bà-la-môn. Đời Đường dịch là Tước-ly-phù-đồ, chính là ý này. Ở phía Tây Căn Bản Điện có một cây Phật xỉ chẳng phải dương chi, kế đến ở mé Tây có giới tràng, vuông vức khoảng hơn một trượng, xung quanh xây tường gạch, cao khoảng hai thước, nền tòa trong tường cao khoảng năm tấc, ở giữa có ngôi tháp nhỏ. Góc điện phía Đông của giới tràng có nền nhà Phật đi kinh hành, được làm bằng gạch, rộng chừng hai khuỷu tay, dài mười bốn, mười lăm khuỷu, cao hơn hai khuỷu. Ở trên làm bằng đá vôi trắng hình hoa sen nở, cao chừng hai tấc, rộng một thước. Có mười bốn, mười lăm biểu tượng dấu chân Phật. Tức chùa này nhìn về phía Nam là Vương-xá thành cách chừng ba mươi dặm, Linh thứu, Trúc Viên đều ở gần thành. Phía Tây nam là chùa Đại Giác. Hướng Nam là núi Tôn Túc, đều có bảy trạm, phía Bắc là Phệ-xá-ly khoảng hai mươi lăm trạm dịch. Phía Tây hướng về vườn Nai hơn hai mươi sáu trạm dịch. Phía Đông là nước Chẩm-ma-lập-để, có khoảng sáu, bảy mươi trạm dịch, chính là cửa biển lên thuyền về Trung quốc. Chúng tăng trong chùa này có ba ngàn năm trăm vị, các thôn trang của chùa có hai trăm lẻ một thôn, đều do vua chúa nhiều thế hệ sắc chỉ những hộ trong thôn ấy cúng dường cho chùa. (Một trạm Dịch tương đương với một du-thiện-na). Long Trì, Quy Dục là cách xa Thiên Tân, đường xa thăm thẳm nếu không có ngựa thì không đi được. Đến nay những điều đó chỉ là truyền thuyết chứ ít có thật, mô hình tạo ra quy chế trình bày lờ mờ, thuở xưa cũng mơ hồ mờ mịt, dẫu có xem xét cũng là tưởng tượng, nếu Phật còn tại thế thì hết sức thần dị.

■

# SỬ TRUYỆN VỀ CÁC VỊ CAO TĂNG ĐẾN THIÊN TRÚC CẦU PHÁP THỜI ĐẠI ĐƯỜNG

## QUYỂN HẠ

Quyển này có mười lăm người, hiệp chú và lại xếp vào Truyện Nam Hải.

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh soạn.

**** Pháp sư Đạo Lâm***

Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh Châu, tiếng Phạm là La-bát-phả, đời Đường gọi là Giới Quang. Vào độ tuổi hai mươi thoát ly trần tục, khi đến tuổi trưởng thành thì tìm cầu bạn tốt, thầy hiền để tìm chân lý, nghiên cứu luật tạng nên giới châu được sáng tỏ, tu thiền để lắng nước tâm, bẩm tánh hiền lương khí chất liêm khiết, gội dòng suối trong để tiêu diêu tâm chí, rửa nước suối ngọc để nuôi dưỡng tánh linh, thường ngồi thiền không nằm, ngày ăn một bữa. Sau đó, buồn thương cho giáo pháp truyền sang Đông Hải trong thời gian khá lâu mà Thiền tông mới nhập, luật điển lại thiếu, ngài muốn tìm về nguồn cội sâu xa ở Tây quốc, nên bèn chống tích trượng vượt đường xa dong thuyền về biển Nam, vượt qua Đồng Trụ để đến Lang-ca, băng qua Ha-lăng rồi đến nước Kinh Lõa. Ngài đến đâu các quốc vương cũng cung kính tiếp đãi rất nồng hậu, ân cần. Trải qua mấy năm ngài đến nước Đam-ma-lập-để thuộc Đông Ấn, ở đó trong ba năm để học tiếng Phạm. Lúc đó xả giới rồi thọ lại, học Nhất thiết hữu bộ, chẳng những học luật mà còn gồm cả định tuệ, có lúc cũng đam mê chú tạng. Sau đó ngài tham quan xứ Trung Thiên đảnh lễ Thánh nghi Bồ-đề ở ngự tòa kim cương, rồi lại đến chùa Na-lan-đà nghiên cứu kinh luận Đại thừa, say mê Câu-xá. Suốt mấy năm ngài đi hết các nơi như Thứu Lãnh, Trượng Lâm, Sơn Viên, Hạc Thọ chiêm ngưỡng tỉ mỉ từng nơi một, rồi lại đến các nước thuộc miền Nam Thiên-trúc để tìm hiểu sưu tầm huyền lý rồi về miền

Tây Ấn nước La-trà ở đó mấy năm, sau đó lập long đàn thọ lại minh chú. Có lần ngài thử luận rằng: Minh chú, tiếng Phạm là Tỳ-đệ-đà-la-tất-đặc-gia.

Tỳ-đệ dịch là minh chú,

Đà-la là trì, Tất-đắc-gia là tạng, hợp lại là Trì minh chú tạng.

Tương truyền Minh chú tạng này trong bản Phạm có mười muôn bài tụng, đời Đường dịch thành ba trăm quyển, hiện giờ tìm lại phần nhiều thất lạc, còn lại số ít. Lúc bậc Đại thánh mất đi thì A-li-dã-na-già-hạt-thọ-na tức Bồ-tát Long Thọ là người đặc biệt tinh ròng tư tưởng này. Sau đó đệ tử Ngài là Nan-đà thông minh học rộng thẩm xét pháp yếu đó. Ngài ở lại Tây Ấn khoảng mười hai năm, chuyên tâm trì chú liền có cảm ứng, mỗi khi đến giờ ăn thì thức ăn từ trên hư không rơi xuống. Ngài lại tụng chú cầu bình như ý, chốc lát thì đạt được, cho nên ngài được sự an vui trong chiếc bình, không vì chú hết thì chiếc bình ấy sẽ bỏ đi, cho nên Pháp sư Nan-đà sợ minh chú tản thất, bèn sưu tập thành mười hai ngàn bài tụng, trở thành một pháp sư nổi tiếng. Trong mỗi bài tụng, văn chú ấn ly hợp, dù nói đồng chữ đồng thật mà nghĩa khác, dụng khác, vốn chẳng phải truyền nhau bằng miệng nên không do giải ngộ thì cũng vô phần. Sau đó Luận sư Trần-na thấy sự biên soạn vô cùng công phu và rất khéo léo của một bậc kỳ tài ấy bèn khen rằng: "Ta đâu sánh được với bậc vĩ nhân ấy, quả là bậc hiền chí ý sáng tỏ". Cho nên biết bậc Trí sĩ biết được sự độ lượng của mình, kẻ ngu mê mờ sự cạn sâu của người khác. Tạng chú này chưa truyền bá, ở Đông Hạ. Vì vậy mà ngài Đạo Lâm để tâm vào pháp nhiệm mầu này. Cho nên tạng chú nói: "Lên cõi trời nhưng rồng sai khiến trăm thần, Đạo lợi sinh chỉ có chú là thân thiết". Ngài Nghĩa Tịnh ở chùa Na-lan-đà cũng nhiều lần vào đàn tràng chú tâm vào pháp yếu này mà công phu ấy không trọn vẹn, thế là đành dứt bỏ ý tưởng ấy mà mở rộng sự thấy nghe, tạm nêu lên cương mục. Ngài Đạo Lâm liền từ Tây Trúc về Bắc Thiên tham quan Yết-thấp-di-la rồi đến nước Ô-trường na. Tham quán thiền môn, suy tìm Bát-nhã, sau đến nước Ca-tất-thí, lễ Ô-suất-nị-sa (tức xương cốt của Phật). Từ đó về sau chẳng biết ngài ở đâu. Ngài Nghĩa Tịnh về nước Yết-trà ở Nam Hải có người rợ Hồ từ phương Bắc đến nói có: gặp được hai vị Tăng ở nước Hồ. Nghe nói trên đường bị giặc vây nên trở lại Bắc Thiên Trúc, ngài thọ khoảng hơn năm mươi tuổi.

**** Luật sư Đàm Quang:***

Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh Châu, sau khi xuất gia thì

vượt đường xa đến Kinh đô. Ngài là đệ tử của Luật sư Thành, rất giỏi biện luận, lời văn sâu sắc, học cả nội ngoại điển, giới hạnh thanh bạch trang nghiêm. Ngài đi về phương Nam, đến Bột Hải để vọng lễ. Sư về Tây Thiên rồi đến nước ha-lợi-lê-la ở miền Đông của Đông thiên. Vào độ tuổi thành niên ngài ở đâu, hoàn toàn không biết, có lẽ lưu lạc ở sông núi.

Lại có vị tăng nước Ha-lợi-kê-la, có thuyết cho rằng: Đó là một vị tăng đời Đường. Khoảng năm năm mươi tuổi, ngài được vua kính trọng và bổ nhiệm trụ trì một ngôi chùa. Sau đó, ngài mang nhiều kinh tượng gấp rút ra đi về đến nước này, bị bệnh nặng và chôn thân nơi xứ người.

**** Thiền sư Tuệ Mạng:***

Ngài là người Giang Lăng thuộc Kinh Châu, giới hạnh trong sạch, có hoài bão và tiết tháo, học cả nội lẫn ngoại điển, chí dạo chơi ở trời mây, khát ngưỡng nơi sông yên bình để nêu tưởng. Nhớ về vườn trúc để thỏa lòng, ngài bơi thuyền đến Chiêm-ba thì gặp phải sóng gió, nhiều lần chống chọi với gian khổ, sau đó đến Đồng Trụ ở Mã Vận, nghỉ ở Thượng Cảnh rồi về Trung quốc.

**** Luật sư Huyền Quỳ:***

Ngài là người Giang Ninh thuộc Nhuận Châu, họ Hồ, thuộc dòng dõi tiếng tăm, là con người văn võ song toàn, chuộng nhân quý nghĩa, kính pháp trọng tăng, tiếp nối hoằng truyền, tiếng tốt chẳng mất. Luật sư xuất gia từ thuở ấu niên nên lớn lên rất được kính ngưỡng trọng vọng, cho đến tuổi thọ giới cụ tục thì lỗi lạc chẳng ai bằng, nghiên cứu khắp các bộ luật và chuyên tu thiền tịch, giới hạnh nghiêm mật, xem xét kinh điển Đại thừa và suy cứu huyền lý, văn chương lưu loát, thảo lệ rất khéo, chỉ có ba y che vai, không đắp phủ cánh tay, chỉ lấy chéo y đắp vai, vào chùa đi chân không, đi đường mới mang dép. Cho dù người bấy giờ thấy thế chê cười nhưng phẩm tiết thanh cao của ngài không hề thay đổi, không nằm mà thường ngồi, lưng chẳng dính chiếu mà ngủ yên, đi khất thực, không qua cửa quán rượu. Người lành đều yêu mến phong cách giản dị mà tri thức sâu xa của ngài. Kẻ mê tối không thấy được, cho rằng chân không dép thì đất mới có thể thấm chân trần. Than ôi bọn người này mê mờ chân lý, làm biển xanh dậy sóng chìm đắm theo thói đời. Người tỉnh trong đời đâu thể ở chung với kẻ say sưa vừa mới ở trong cảnh giới siêu thoát liền khế hợp. Điều đó làm cho con cháu ở

Nam Thượng thương xót, bạn bè ở Tam Kinh hết nơi bám víu. Thương thay cho chí nguyện không thành việc truyền pháp vẫn còn trong hoài bão chưa nêu cao được tiết tháo cao quý. Khi ngài đến Quảng châu thì bị bệnh phong, ngài bởi mắc phải bệnh này nên không toại chí nguyện cao xa, thế là ôm mối sầu hận chống tích về Ngô Sở, lúc đó ngài khoảng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi.

Sau này, sư Tăng Triết đến Tây Trúc nói: Người ấy đã mất nhưng mang chí nguyện trong lòng. Than ôi! Thật bất hạnh. Đường tốt nhiều nạn hiểm, chẳng phải luống suông, thật muốn trở về đem tư lương Phật pháp để mở mang nhưng hoài vọng không toại. Lại muốn quay về để khỏi gian nguy thì lại luống phí tấc lòng với Long Thọ, bèn than rằng: Người thanh khiết mất đi, ai sẽ kế thừa. Bất hạnh cho người mạng ngắn, ô hô thương thay. Gò cao chín nhận, một sọt là sạch. Tài giỏi mà không thật, ô hô thương thay! Hiểu thì dễ được, hành cũng khó tìm, buồn thay! Tuổi nhỏ mà nghiệp đức đều tu, ý niệm truyền đăng đã hết! Mặc bệnh thì tình thâu. Buồn thay tráng sĩ, thương thay thân mất nhưng chí nguyện truyền đăng của Sư vẫn rực sáng, tồn tại ngàn năm.

Khi ấy ngài từ giã Quảng châu, lại vọng về Quế Lâm, đi ở buồn thay, tự kể để tặng cho Sư. Nêu tâm ở Phạm vũ, vận tưởng vào Tiên châu, mắc bệnh hiểm nghèo trái với đồng hảo, trầm tình thì sự trở ngại như thoát ra, lá rụng chợt khó tụ. Tình lìa không thâu lại được, biết ngày nào đến lại để thấy dòng pháp tuôn

Trong niên hiệu Hàm Hanh năm đầu, tại Tây kinh, ngài nghĩa Tịnh nghe tin lúc bấy giờ Pháp Sư Xử Nhất ở tịnh bộ, Luận Sư Hoằng Huy ở Lai Châu ba mươi hai vị Đại đức cùng ngóng về Thứu Phong để nêu tâm nơi đạo thọ. Nhưng mẫu thân của ngài Xử Nhất đã lớn tuổi, đành ôm lòng luyến tiếc ở Tịnh Xuyên. Sư Huy gặp ngài Huyền Chiêm ở Giang Ninh, thế là chuyên tâm vào An Dưỡng. Ngài Huyền Quỳ đến Quảng Phủ rồi lại bị trái với nguyện ban đầu, đành phải đi với tiểu tăng Thiện Hạnh ở Tấn châu. Bạn cũ của Thần châu vốn đã tan rã nhiều nơi, Ấn-độ thì mới biết, mờ mịt không hiểu, bấy giờ ai nấy do dự khó định tôi bèn làm bốn câu thơ để giải sầu. Thơ rằng:

*Tôi đi mấy muôn dặm*
*Chất chồng trăm mối sầu.*
*Ai bảo thân sáu thước*
*Một mình đến Ngũ thiên.*

Lời trên có lẽ vượt hơn thầy, bậc chí sĩ tao nhã khó đổi thay, nhưng tiếc rằng mạng ngắn đâu được lâu dài.

Lúc ấy, vào niên hiệu Hàm Hanh thứ 3, Sư nhập hạ ở Dương phủ.

Đầu Thu bỗng gặp sứ quân Phùng Hiếu Thuyên ở Cung Châu đến Quảng Châu và cùng đi về Nam với thuyền chủ nước Ba-tư. Rồi được sứ quân bảo đến Đồng Châu, lại làm đàn chủ và em là sứ quân Hiếu Đản, sứ quân Hiếu Chẩn, quận quân họ Ninh, quận quân họ Bành, v.v... cùng bà con đều được sự ban tặng, tranh nhau tế dâng để xả xui, ngõ hầu của Cấp-cô-độc không có sự trở ngại ở đường biển thì cũng sợ có nguy hiểm trên đường bộ. Dốc lòng ban ân tuệ, như người thân, thuận theo tâm ban phát cho kẻ cô độc. Cùng nhau quy y để đồng duyên thắng cảnh, cho nên chí thành đảnh lễ, có lẽ là công sức của họ Phùng, vả lại pháp tục ở Lĩnh Nam đi hay ở cùng một tâm trung thật, các bậc anh tài ở phương Bắc đều ôm mối hận sống mà phải chia lìa. Đến tháng 11 tôi nương Hiếu Chẩn quay về Phiên ngung, chỉ tay về vườn Nai mà lòng dằng dặc, nhìn về núi Kê mà dạ bồi hồi. Lúc ấy, trời đất bao la hướng về phương Đông thì Bách Trượng đã theo hài. Lìa lễ nghĩa mà sáng lập tiết tháo, bỏ huyền tố đơn phi, ngũ lưỡng xẻ dọc biển lớn, dường như sóng núi vắt ngang biển. Khơi thông thác cả, như sóng mây ngất trời, chưa được hai tuần thì đã đến Phật Thệ. Ở lại đó một thời gian khoảng sáu tháng học dần với các bậc cao minh. Vua ban tặng cho những vật cần dùng rồi tôi tiến về nước Mạc-la-du. (Nay là Thất-lợi-phật-thệ). Lại ở đó hai tháng rồi quay về Yết-trà. Đến tháng 12 tôi căng buồm lên thuyền vua về Đông Thiên. Từ nước Yết-trà đi về phương Bắc hơn mười ngày đến nước lõa thể, từ đó hướng về phía Đông chừng một, hai dặm đường nữa. Chỉ thấy cây Da tử, rừng Tần lang sầm uất đáng yêu. Người ở xứ đó họ thấy thuyền đến bèn tranh nhau đem cả trăm chiếc thuyền nhỏ để đón, họ đều đem theo chuối Lang tử, bình trúc đựng nước để trao đổi. Vật mà họ thích nhất chỉ có sắt lớn bằng hai ngón tay, đổi được năm hoặc mười cây long tử. Đàn ông thì trần truồng, phụ nữ thì dùng miếng lá che thân. Các người đi buôn mỉm cười rồi đưa áo quần cho họ, nhưng họ khoát tay tỏ ý không cần. Tin đồn nước này giáp với phía Tây nam Thục Xuyên. Nước này vốn không sản xuất sắt, cũng khan hiếm vàng bạc. Chỉ ăn quả Lang tử và rễ chứ không có lúa gạo nhiều. Vì thế họ rất quý Lô-a (tức là sắt). Người dân da không đen, chiều cao trung bình. Họ đan giỏ mây tròn rất đẹp, xứ khác không thể sánh được, nếu không trao đổi thì họ sẽ bắn tên độc, người nào bị trúng thì không còn cách nào chữa trị. Đến đây khoảng nửa tháng tôi bắt đầu muốn đến Tây Bắc, đến nước Đam-ma-lập-để, là miền đông của Đông

Ấn, cách Mạc-ha Bồ-đề và Na-lan-đà hơn sáu mươi trạm dịch. Ở đây lại được gặp các sư Đại thừa. Ở đó một năm, học tiếng Phạm và Thanh luận, rồi sau đó đi về phía Tây với sư Đại Thừa Đăng và mấy trăm người đi buôn đến Trung Thiên. Ở Mạc-ha Bồ-đề chừng mười ngày rồi qua núi lớn trên con đường hiểm nạn khó thông, phải nương nhiều người chứ không thể đi một mình. Lúc ấy, gặp nạn dịch, bị bệnh phong cùi, cầu những người đi buôn cứu không kịp. Tuy cố gắng hết sức mình đi chừng ba dặm nhưng tôi cũng hết sức. Khi ấy có khoảng hai mươi vị Tăng chùa Na-lan-đà cùng đi trước với tăng, Đại Thừa Đăng chỉ còn tôi một mình một bóng trên đường hiểm. Trời chạng vạng thì giặc núi kéo đến, chúng giương cung la lớn bảo đến chỗ chúng, trước hết chúng cởi áo trên rồi tụt y dưới. Đãy mang theo không có gì cũng tước đoạt hết. Ngay lúc ấy tôi thật sự chán nản nhân tình thế thái không còn tâm trí nào để lễ bái tham kiến nữa. Thân thể không còn nghiêm trang, cho nên không toại nguyện xưa. Lại, tương truyền ở nước kia, nếu bắt được người da trắng thì đem giết tế trời. Nghĩ đến thuyết này tự nhiên lòng nghĩ mông lung, bèn xuống vũng bùn nhuộm hết thân thể, dùng lá cây che người rồi chống gậy đi chầm chậm, ngày rồi đến đêm, đi mãi như thế mà nơi tạm dừng chân vẫn còn xa. Đến canh hai nửa đêm mới gặp bạn bè, nghe tiếng gọi lớn ở ngoài thôn của ngài Đại Thừa Đăng, tôi bèn vào đó, Thiền sư đưa cho chiếc áo, xuống ao tắm gội sạch sẽ rồi mới vào thôn. Từ đây đi về phía Bắc mấy ngày, trước hết đến Na-lan-đà lễ tháp Căn Bản, kế là lên núi Kỳ-xà-quật thăm chỗ cất y, sau đó đến chùa Đại Giác lễ chân dung Phật, đạo tục ở núi Đông biếu tặng lụa vải, tôi đem may theo lượng y ca-sa của Như Lai, trình lên Phật rồi đắp mặc. Luật sư Huyền ở Bộc Châu đem mấy muôn áo lụa đem dâng lên Thiền sư Đạo An ở Tào Châu để gởi lễ cúng tượng Bồ-đề. Thế rồi tôi năm vóc lễ Phật một cách chí thành, trước hết vì bốn ân ở Đông Hạ, cùng khắp pháp giới hàm thức, nguyện gặp Đức Di-lặc trong hội Long Hoa, đồng thời khế hội chân tông, đắc Vô sinh nhẫn. Tiếp theo tôi lễ khắp các Thánh tích và phương trượng, rồi đến Câu-thi-na, hết sức kính phục ở đó, rồi vào vườn Nai qua Kê lãnh. Cầu kinh tại chùa Na-lan-đà hơn mười năm, vừa mới quay gót nói trở về nước Đan-ma-lập-để thì giữa đường gặp bọn giặc cướp, chỉ tránh được họa đao búa, giữ được mạng mong manh. Thế rồi lên thuyền đến nước Yết-trà, đem theo hơn năm mươi tôi vạn bài tụng trong Ba tạng bản Phạm, về Trung quốc dịch khoảng một ngàn quyển, nhưng bị kẹt lại ở Phật-thệ.

**** Sư Thiện Hạnh:***

Sư là người Tấn Châu, thuở nhỏ từ giã quê hương tìm đạo ở Đông Sơn, lớn lên học luật nghi và để tâm nghiên cứu minh chú. Tính ngài khiêm cung, từ tốn thương người, là đệ tử ngài Nghĩa Tịnh. Sau đó, ngài theo thầy đến Thất-Lợi-Phật-thệ và có tâm muốn đến Trung Thổ, nhưng vì mắc phải bệnh nặng không chữa được, nên đành quay về, lúc đó ngài chừng ba mươi tuổi.

**** Sư Linh Vận:***

Sư là người Tương Dương, tiếng Phạm là Bát-nhã-đề-bà, chí khí ngay thẳng, có tâm xuất tục. Ngài cùng đi tìm Thánh tích với ngài Tăng Triết, vượt qua Nam Minh đến Tây Thiên, lão luyện tiếng Phạm, có hoài bão lợi sinh, đi đến đâu cũng được vua chúa cung kính. Ngài ở chùa Na-lan-đà họa tượng Bồ-đề và chân dung Bồ-tát Di-lặc, kích thước bằng nhau, công phu khéo léo hơn người, rồi đem về Trung quốc làm Phật sự, phiên dịch Thánh giáo thật tài giỏi.

**** Thiền sư Tăng Triết:***

Ngài là người Lễ Châu, thuở nhỏ khí tiết cao vời, sớm nương huyền môn, và có căn cơ giải ngộ, quả thật có sự mầu nhiệm của quán đảnh, bàn luận sắc bén, được đại chúng kính phục, nghiên tầm nơi vườn luật, khống chế cả ruộng thiền. Hai môn Trung, Bách từ lâu đã nắm giếng mối, hai sách Trang, Lưu đã nằm lòng then chốt, muốn chiêm ngưỡng Thánh tích nên lên thuyền đến Tây quốc. Lúc đến Tây Thiên rồi ngài tùy duyên du hóa. Đến lễ các nơi xong ngài quay về Đông Ấn, đến nước Tam-ma-đán-thát, vua nước đó tên là Hạt-la-đổ-bạt-thát, vị vua này rất kính Tam bảo, là vị Đại Ưu-bà-tắc, chí thành tin tưởng rực sáng xưa nay. Mỗi ngày nắn tượng Thát-mô-nê cả mười muôn pho, đọc Đại Bát-nhã cả mười muôn bài tụng, đích thân dâng cúng mười vạn bông tươi. Sửa soạn trai nghi thiết lễ và người giúp đem tượng Quán Âm đặt trên xa giá, cờ xí trống nhạc rền cả hư không, tượng Phật tăng chúng dẫn đường phía trước, vua đi phía sau. Tăng ni trong thành khoảng bốn ngàn người, đều được sự cúng dường của vua. Sáng nào cũng sai sứ vào chùa chấp tay đứng trước phòng vấn an sức khỏe “Đại vương kính thăm Pháp sư, v.v... đêm qua có được an vui không”.

Tăng đáp: “Mong cho Đại vương sống lâu không bệnh, xã tắc an ninh”, Sứ trở về báo xong vua mới bàn việc nước, năm xứ Thiên trúc có những vị đại đức trí Thắng-man rộng biện tài, học hết mười tám bộ

kinh, thông giải năm minh đại luận đều nhóm họp ở nước này, vì vua nước này nhân từ, tiếng tăm vang khắp thiên hạ. Ngài Tăng Triết ở trong chùa của vua này rất được sự đãi ngộ đặc biệt, chú tâm vào bổn Phạm ngày ngày tinh tấn, mai này không còn gặp nhau nữa. Tương truyền ngài ở đây vào những năm bốn mươi tuổi. Đệ tử Ngài là Huyền Du, là người Cao-ly theo thầy xuất gia ở nước Sư Tử rồi ở lại nước đó.

Như trên là năm mươi vị.

*** Luật sư Trí Hoằng:**

Ngài là người Lạc dương, tức là cháu của Đại sứ Vương Huyền Sách đi sứ Tây Vực. Ở độ tuổi thanh xuân thì đã nhàm chán cuộc sống, nhàn nhã, ý xem thường cuộc sống sung túc mà mang hoài bão xuất du. Ngài bèn tìm đến núi Thiếu Lâm, ăn mặc đơn giản, thích tụng đọc kinh điển, lại có tài văn chương. Sau đó, ngộ ra sự nhộn nhịp ồn ào nơi đô thị, mến cảnh thanh vắng của pháp môn, nên Sư bèn từ giã chốn Bát thủy mà đến Tam Ngô, bỏ quần là áo lụa, khoác áo nâu sồng. Thờ Thiền sư Tha làm thầy, lãnh thọ ân tuệ của thầy chẳng được bao lâu thì dường như huyền quan. Sư lại đến chỗ Thiền sư Nhẫn ở Trác Châu tụ lại thiền định. Gốc lành tuy đã trồng, nhưng cành nhánh chưa cao. Sư bèn đến Tương xuyên lên Hoành Lãnh, đến Quế Lâm để tịnh niệm, đến U Tuyền để dưỡng tâm, lại trải qua mấy năm nương Thiền sư Tịch để y chỉ, tham quan cảnh kỳ vĩ của núi sông, thưởng thức vẻ thanh thoát của rừng núi bạt ngàn. Ngài bèn huơ bút vẽ lại những cảnh u lệ của núi rừng, bày tỏ nỗi lòng viễn du. Khi đã thưởng thức hết pháp tượng vùng Tam Ngô, ngắm hết những tòa báu, tham bái hết các thiện hữu ở Cửu Giang, nghiên tầm lý mầu, nhưng đó là do gốc lành đã trồng nhiều đời chứ không phải do sức cố gắng của con người. Xuất thân từ trong phủ nên muốn chiêm lễ ở Tây Vực, ngài may mắn khế hợp với Thiền sư Vô Hành, đến hợp phố lên thuyền, tiêu diêu giữa biển khơi, chẳng may gặp gió nên trôi giạt đến Thượng Cảnh, lại đến Giao Châu, ở đó một mùa hạ. Đến cuối mùa đông năm đó ngài lại đến Thần Loan ở Hải Tân. Theo thuyền về Nam, đến nước Thất-lợi-phật-thệ. Tất cả lịch trình ngài đi qua có chép rõ trong Tự Truyện của Thiền sư Hành. Ngài đến chùa Đại Giác ở đó hai năm, chiêm ngưỡng dung nhan một cách chí thành cung kính, tụng đọc phạm bản bất kể tháp ngày, rất giỏi Thanh luận, có tài về Phạm thư, học luật nghi, tập đối pháp, đã thông thạo luận Câu-xá lại giỏi Nhân Minh, đọc tụng thông suốt kinh Đại thừa ở chùa Na-lan-đà. Ở đạo tràng Tín Giả ngài chuyên tâm nghiên cứu

Tiểu thừa. Khi thành tựu danh đức, ngài lại tắm mình trong luật nghi, cố gắng siêng năng chẳng rời tấc bóng, học các kinh luật của Luật sư Đức Quang biên soạn. Theo sự thấy nghe và học hỏi đó nên có một công phu sâu dày, khéo gìn giữ giới luật không hề thiếu phạm mảy may, thường ngồi không nằm, biết đủ các thanh liêm, kính trên nhường dưới và càng kính trọng các Trưởng lão. Khi thì ngài đến non Thứu thành Vương-xá, lại đến vườn Nai, rừng Kỳ thọ, am vườn, núi hang ở Thiên Giai tỏ bày tâm khát tưởng, đồng thời khế hợp với nỗi lòng sâu kín. Mỗi khi nhận y bát dư ngài thường nghĩ đến việc giúp đỡ. Ở chùa Na-lan-đà ngài cúng dường khắp. Ở thành Vương-xá đem bát cúng dường thường trụ. Ngài ở lại Trung Ấn gần tám năm. Sau đó, đến Bắc Thiên trúc, ở nước Yết-thấp-di-la, muốn về quê cũ. Tương truyền ngài làm bạn với Đạo Lâm, không biết nay ngài ở đâu, nhưng công trình phiên dịch của ngài thì thành tựu mỹ mãn.

**** Thiền sư Vô Hành:***

Sư là người Giang Lăng ở Kinh Châu, tiếng Phạm là Bát-nhã-đề-bà, đời Đường dịch là Tuệ Thiên, tánh tình phóng khoáng, bẩm chất ôn hòa, ý chuộng nhân đức, chí hướng nơi mây ngàn. Tuổi còn thơ bé mà đã dấn thân khắp sông núi. Khi đến tuổi trưởng thành thì mong hoài bão chốn thiền lâm, lại xót xa rơi lệ thương các ngư dân, thợ săn. Vứt bỏ những vẻ đẹp ở chân vọng, dẹp trừ cảnh hùng vĩ ở làng xóm đương thời đức hạnh xán lạn, soi dòng Tam giang để bày vẻ duyên dáng, gọt tướng ở suối thơm, tắm nước bảy lòng mà tiêu diêu ở sông nước. Nhờ duyên xưa mà cảm ứng qua hiện tiền, mong mỏi pháp môn để tâm trọng lý mầu. May mắn gặp năm người độ, nương ở các đạo tràng. Sau đó mở ra đế môn, thấm nhuần bạn pháp, thờ Pháp sư Tuệ Anh chùa Đại Phước Điền làm Ô-ba-đà-la (đời Đường dịch là Hòa-thượng thân giáo sư). Đó chính là bậc thượng túc của Pháp sư Cát tạng, có thể nói đó là bậc thạc đức truyền đăng. Vốn dĩ đời không thiếu bậc hiền tài, thế rồi Sư để tâm vào Bát-nhã, nương chí chốn Thiền lâm, rời bỏ thế gian để ngao du chốn sông núi. Mỗi khi bàn lý mầu thì nêu bày những nghĩa lý sâu kín. Tuy tuổi trẻ trung mà khát vọng phía trước cho đến lúc thọ giới cụ túc cùng đàn với hơn hai mươi người, tụng giới hợp ý lại rất lưu loát, đáng được gọi là bậc thượng thủ, không ai sánh bằng, sau đó ngài ẩn cư trong núi, đọc kinh Pháp Hoa, không đầy một tháng thì hết cả quyển (trọn bộ bảy quyển). Ngài khen rằng: Nói về người tìm nôm là muốn được cá, người cầu lời là muốn đạt nghĩa mầu, ta phải tìm những bậc thầy giỏi để xem

xét tâm thần, khởi phát định môn để dứt phiền não. Thế là ngài chống trượng đến Cửu giang và băng qua Tam Việt, đến xứ Hoành khâu, rồi ở Kim lăng, thả lòng chốn Tung Hoa, hét lớn nơi Thiếu thất. Rửa chân nơi tám thủy, giữ áo chốn Tam xuyên, ý muốn cầu thiện tri thức, muốn phát huy định môn để về phương Bắc tìm tòi những lẽ sâu mầu của thiền định với ngài Trí Giả. Muốn mở mang giới học môn nên quay về đông, nghiên tầm điền thuần túy của giới với luật sư Đạo Tuyên, tham dự những buổi giảng kinh luận mới cũ, khảo sát những phép tắc từ xưa đến nay Mênh mông thay sóng cả, muôn khoảnh cao ngất. Bờ bến nghìn dặm làm bạn với ngài Trí Hoằng, lên thuyền về đông một tháng đến nước Thất-lợi-phật-thệ. Vị vua nước này kính trọng, tiếp đãi nồng hậu hơn người thường, trải hoa vàng, rải lúa vàng, cúng dường bốn thứ cần dùng, năm canh thưa hỏi, gặp được bậc Đại tăng từ chỗ vua Đường đến càng tỏ ra kính phục. Sau đó ngài nương thuyền vua đến Châu Mạt-la-du khoảng mười lăm ngày. Lại đi tiếp mười lăm ngày nữa đến nước Yết-trà quốc. Đến cuối đông thì quay thuyền trở về Tây, suốt ba mươi ngày đến Na-già-bát-đàn-na, bơi thuyền về châu Sư tử hai ngày, tham lễ răng Phật. Từ đây đi thuyền về đông một tháng đến nước Ha-lợi-kê-la. Nước này thuộc ranh giới phía đông của Đông Thiên-trúc, tức là lãnh thổ của Châu Thiệm-bộ. Ngài dừng lại đây một năm rồi đi lần về Đông Ấn, thường theo ngài Trí Hoằng. Tại đây cách chùa Na-lan-đà khoảng một trăm dặm đường. Khi nghỉ ngơi xong lại đến chùa Đại Giác. Nhờ quy chế quốc gia quy định ai vào chùa đều là chủ nhân. Vì chủ nhân Tây quốc hơi khó được. Nếu được chủ thì các việc khác đều giống như vậy, làm khách chỉ ăn mà thôi. Sau đó ngài về Na-lan-đà, nghe Du già, học Trung quán, nghiên cứu Câu-xá, tham cầu sách luật, lại ở chùa Yết-la-trà. Cách đây hai dịch, xứ ấy có vị Pháp sư rất giỏi Nhân minh, nhiều lần học giáo nghĩa của ngài Trần-na, trên pháp tòa chẳng những thâm nhập cửa huyền mà còn phá vỡ then chốt. Ngài thường đi khất thực nuôi thân, ít muốn biết đủ, các căn vượt thoát ngoài vật, thường nhân lúc rảnh rỗi dịch kinh của ngài A-cấp-na, thuật lại việc Như Lai Niết-bàn, lược làm ba quyển, đã mang về Trung quốc, đó là xuất xứ từ Nhất Thiết Hữu Bộ.

Nói về những điều trong đó thì chẳng giống với điều mà ngài Hội Ninh đã dịch lời mà ngài Vô Hành đã nói ngài muốn ở lại Tây Thiên, còn đạo lại có ý ở Thần châu, muốn từ Bắc Thiên trở về quê cũ. Ngày đó, ngài Nghĩa Tịnh tiễn nhau ở Na-lan-đà. Đi đến phía Đông chừng sáu dặm thì mỗi người đều mang mối sầu chia biệt, cả hai đều mong

gặp lại. Hai người bùi ngùi rơi lệ chia tay, lúc đó năm mươi sáu tuổi. Vả lại, bẩm tánh của ngài chuộng khâm lễ, nên thường ví mình được thấy cây giác mới nẩy lộc, tắm gội ở Long Trì, Trúc uyển vàng rực, bẻ hoa ở Linh Thứu. Trong hai thời này đều là tiết hội lớn, không gian gần nhau nên đạo tục đều thấy cây Bồ-đề. Lại ở núi Linh Thứu vào lúc này có hoa vàng lớn như bàn tay, thật giống mầu vàng người ta bẻ nó về dâng cúng, nên lúc này ở núi Di phú tạm gọi nó là hoa xuân nữ. Có một lúc cùng Thiền sư Vô hành dạo chơi ở Linh Thứu, chiêm bái xong rồi nhìn về quan ải không tả hết nỗi ngậm ngùi. Nghĩa Tịnh tôi xin nói sơ về nỗi hoài cảm của mình như vậy. Trong đoạn thơ có nhiều câu rằng:

*"Thăm qua đỉnh Kỳ sơn*
*Rơi lệ thành vua xưa*
*Muôn năm ao vẫn sạch*
*Nghìn năm rừng vẫn xanh*
*Phảng phất bóng in đường*
*Đạp qua bao núi lớn*
*Tiên đài bảy báu phai dấu cũ*
*Bốn màu hoa trời bặt tiếng mưa*
*Hoa bay tiếc sinh ra thời muộn*
*Đã thương ở nhà lửa huyễn hóa*
*Vẫn than cõi tạm đắm đất bằng*
*Cất bước trông biên ải*
*Tâm dạo trên sóng trào*
*Nau náu bến tà dìm ba cõi*
*Mờ mịt muôn phẩm chôn thật hình*
*Chỉ có Năng Nhân mới viên ngộ.*
*Quét trần lắng sóng mở đường huyền.*
*Gặp thời đói khát bỏ thân nước*
*Lại vì tìm thấy nên khéo thí*
*Giữ phao nổi hợp với giới châu.*
*Phòng giữ yếu tâm mặc áo nhẫn.*
*Ba kỳ chẳng mỏi lập hai thừa.*
*Cất bước quên mệt vượt chín số.*
*Định lắng sông xanh gội não phiền*
*Trí bén chặt băng vỡ thành sương*
*Vô biên đại kiếp nguyện tu hết*
*Sáu thời chuyên tâm theo sáu độ*
*Độ có thực hành công đức sinh.*

*Sông Hằng quy tịnh về thường trụ*
*Kê lâm quyền xướng diễn công xong*
*Thánh chúng truyện xưa còn vang tiếng*
*Mật điển cung rồng giấu biển sâu*
*Lời vàng hang đá muôn nơi ngưỡng*
*Từ đây dòng pháp chảy*
*Truyền cho muôn đời sau*
*Cát sông đỉnh tuyết quên đường tắt*
*Biển cả thác ghềnh loạn bến mê*
*Vào trong muôn chết cầu phần sống.*
*Đứng vững đầu kim cũng chẳng bằng*
*Buộc ngựa treo xe không sánh kịp*
*Chẳng màng đời này vui*
*Chẳng cầu đời sau sướng*
*Thệ bỏ thân nguy tìm thắng nghĩa*
*Chỉ mong khế hợp nguyện truyền thừa*
*Khổ vẫn hát, chẳng than van*
*Dõi mắt trông về trời Đông*
*Thao thức luyến lưu nhị tính*
*Phương Tây Lộc Uyển cách tam luân*
*Phương Bắc xá thành ao còn đó*
*Rừng núi trời Nam ai đoái trông*
*Năm núi xanh, trăm ao mát*
*Rực rỡ sắc hoa soi bốn phía*
*Ngời ngời gốc đạo chiếu ba xuân*
*Chân tính nhắm sơn A*
*Rao bước hướng Kỳ-đà*
*Nhìn đá xếp thành y của Phật*
*Lại thấy trời trao khắp muôn non*
*Lắng lòng nơi linh trấn*
*Muôn sông rộ hoa vàng*
*Đưa tay ngắt lấy*
*Hương tỏa thơm lừng*
*Điện đài bay lùi lại*
*Thềm đá bao bọc quanh*
*Ngỡ hợp với sức thần*
*Đem phước mọn ấy tưới bến bờ*
*Mong cùng gặp ở Long Hoa hội.*

Tại vương xá thành ở Tây vực, lòng nhớ về chốn cũ, thơ rằng:

*Buồn xa xích nhuyện*
*Tấc lòng luyến lưu*
*Non Lĩnh gió lạnh thổi*
*Sông Long nước ngược trôi*
*Vui với ngày qua sáng lại sáng*
*Chợt buồn năm hết thu lại thu*
*Nguyện ước Kỳ viên đã mãn*
*Tấc lòng khó tỏ cùng ai*
*Vác kinh chống gậy*

**** Thiền Sư Pháp Chấn:***

Ngài là người Kinh châu, đức hạnh cao thượng, chỉ tu hạnh phước, rảo bước trên sóng thiền, náu tâm ở biển giới, bạn pháp đáng kính, là chỗ để quay về, đọc tụng kinh luật, ẩn cư nơi thanh vắng. Sau đó muốn chiêm lễ thánh tích nên ngài có ý về Tây, cùng Thiền sư Thừa Ngộ ở Đồng châu, Luật sư Thừa Như ở Lương châu, học thấu cả nội ngoại điển, trí tuệ sắc bén, đức ấy chẳng những kết hợp một mình mà sau đó dắt vài người bạn ra Tam Giang, giương buồm lên Thượng Cảnh, lướt sóng đến miền Bắc Ha-lăng, đi khắp các đảo rồi lần đến nước Yết-trà. Trong lúc chưa đến thì Pháp Chấn bị bệnh rồi chết ở đó. Khoảng ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi, rồi thì một người gởi mạng ở đây, hai người kia sinh tâm nghi ngờ. Bèn theo thuyền về Đông, có ý muốn đến Giao chỉ, rồi lại đến Chiêm-ba, Thừa Ngộ lại chết, người Chiêm ba đến truyền tin như vậy. Điều này chưa rõ thật hư, nhưng Thừa Như nói muốn quay về quê cũ. Dù không có kết quả đích thực nhưng vẫn khen ngợi các đức tốt đẹp của Ngài, vì sao đi ba mà chỉ còn lại một.

**** Pháp sư Đại Luật:***

Ngài là người Lễ châu, thuở nhỏ đã nhiễm pháp môn, lớn lên lại tiết kiệm, có ý tiết chế lòng tham muốn nên lấy việc khất thực làm nhiệm vụ. Muốn lễ thánh tích nên mong đến Vương thành. Ngài thường than rằng Đức Phụ Thích-ca mình đã không gặp, ngài Từ Thị ở cung trời phải khắc vào tâm ta, vốn chẳng thấy được chân dung ở cây giác thì phải chiêm lễ thắng tích ở sông Tường.

Đâu thể thâu tính ở sáu cảnh, khát tưởng ở ba kỳ ư? Lúc bấy giờ, vào niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ hai ngài chấn tích về Nam Hải, kết bạn với các lữ khách rất đông. Nhưng đến nơi thì chỉ còn một mình tiến

bước. Thế rồi Sư đem kinh tượng theo sứ trên đường về. Thuyền đi hơn một tháng thì đến châu Thi-la-phật-thệ, dừng lại đó cũng nhiều năm, thông hiểu ngôn ngữ ở Côn luân lại học Phạm Thư. Thúc liễm thân tâm rồi thọ giới cụ túc, ngài Nghĩa Tịnh gặp Sư ở đây, Sư bảo Đại luật về Trung quốc, vọng thỉnh ân trời. Ở phương Tây xa chùa, khi thấy lợi ích rộng lớn, xem thường mạng mà lại sâu xa. Lúc đó vào ngày 13 tháng 05 niên hiệu Thiên Thọ năm thứ ba Sư theo thuyền về Trường an. Nay phụ dịch Tạp Kinh Luận mười quyển, Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện, bốn quyển, Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện hai quyển.

***Khen rằng:*** tuyệt thay ấu niên, mến pháp tình vững, đã hết lòng ở Đông Hạ, lại thưa hỏi chốn Tây Thiên, rồi quay về Thần châu, hoằng pháp độ sinh, truyền bá mười pháp, tuy xả bỏ huyễn thân mà chẳng mất.

Như trên là năm mươi sáu vị

Lại nói về Quy Nam Hải Truyện có bốn thầy trò.

Luật sư Trinh Cố, tiếng Phạn là Bà-la-cấp-đa, Hán dịch là Trinh Cố, là người ở Vĩnh Xuyên đất Trịnh, họ Mãnh. Mới ở độ tuổi khu ô mà đã ẩn cư trong từ môn, cho đến những năm xế bóng vẫn thệ tâm trong vườn Tuệ. Đến năm mười bốn đã trưởng thành, biết rằng quyến thuộc ở đời khó bảo toàn, mà pháp môn thì không biến diệt, bèn khởi ý niệm đi khắp thắng cảnh, thế là Ngài đến chỗ Pháp sư Viễn chùa Đẳng Từ ở Phiếm Thủy, đều hầu gần bên thầy, ý muốn được thầy chỉ dạy cương yếu kinh điển và đọc tụng Đại thừa, cho đến lúc Sư ba mươi hai tuổi thì lên đường du hóa. Sau đó, đến các chùa ở xứ Tương châu như Lâm Lự để tìm thầy học đạo. Muốn để tâm hết vào thiền học, tự nghĩ giáo kiểm chưa trọn, khó phân biệt được lẽ chân ngụy, cho nên Sư lên đường về Đông Ngụy nghiên tầm Duy thức, rồi lại đến An châu chỗ Thiền sư Đại Du tữ học Phương Đẳng, chưa đầy mấy tuần thì tường mầu hiện tiền, rồi lại đến Tương châu, đi khắp núi sông, tìm thiện tri thức, mong học những điều chưa hay biết. Rồi lại đến Tương châu gặp Thiền sư Thiện Đạo thọ đà thắng hạnh Di-đà. Lúc bấy giờ muốn vứt bỏ thân này ở uế độ, ngộ theo chốn rừng thơm An Dưỡng. Lại nghĩ chỉ mình ta an mà thương cho hạnh Đại sĩ, do thức biến ra đâu chẳng phải Tịnh độ. Bèn đến chỗ Thiền sư Trừng chùa Khôi giác ở Hiện sơn, mong Ngài dạy nửa chữ để hiểu được lời hoàn khí. Thiền sư liền tinh nghiên luật điển, đảm nhiệm lời căn dặn về năm đức của Thế Tôn dồi mài kinh luận, phải giữ gìn bốn y cho đời sau, thiền định sâu dầy, tấm nước tám giải được thấm nhuần, hươ gươm tuệ tận núi cao, hành sáu độ được thông thạo, chẳng lẫn với

năm trần, chín não chẳng nhiễu, ngoài thoát bốn dòng, trong lắng ba định, pháp tục kính phục, tôn làm bậc thượng thủ, rất mong được luận chỉ, gọi về Thần độ, ở chùa Đông nước Ngụy thuộc số người học rộng. Lúc ấy, Sư trên hai mươi tuổi, thọ giới cụ túc với Thiền sư. Mới trải qua một thời gian đã thông đạt yếu cương giới luật. lại về chỗ Luật sư Tú An châu ba năm tận tâm học văn sao của Luật sư Đạo Tuyên, có thể gọi là Vấn tuyệt Ô-ba-ly. Tóm thâu các cường yếu trong năm chương, thọ giai tỳ xá nữ, thấy suốt các then chốt của bảy tụ. Luật dạy năm hạ được đi các nơi, chưa đủ tuổi mà đã sớm khế hội, mười hạ lìa y chỉ, chưa trọn tuổi mà đã tài năng. Luật sư Tú ở quận Thục được tôn là bậc Thượng túc của Luật sư, khi ngài thọ giới túc vẫn ở Thục Xuyên. Ngài học luật với Hòa-thượng bốn năm, sau đó đến Trường an, chỗ luật sư Đạo Tuyên để y chỉ, để tâm trong bình sữa. Nếu ẩm nga thì khéo biết tinh, thô, tận bình nước trí, bằng với diệu trì của hoan hỷ, lần lượt trải qua mười sáu năm không lìa hàm trượng, nghiên cứu tận cùng các bộ, tìm hiểu các triết gia, xếp các sớ của Luật sư thành tông bổn, sau đó từ giã Tam dương đến Bát thủy, rồi lại về Hoàng châu báo ân đối với người đã sinh ra mình. Sau đến An châu mở mang luật giáo, Thứ sử của các vua đều tôn kính vâng mệnh Sư cho nên luật nói: nếu có Luật sư ở chung với mình thì chẳng khác ở chùa Thập lực, lúc đó trên bảy mươi tuổi Sư mới thị tịch, giới hạnh thanh bạch, tai mắt minh mẫn. Ô hô! Thời đại có người là cột trụ, là mặt trời Phật. Nối tiếp chẳng dứt, nối gót kế truyền. Quả thật đáng gọi là châu báu đất Hán, ngọc quý xứ thần linh, quy ở Xuyên khác mà cùng my, cành quế nhánh lan dẫu khác tiết mà vẫn cùng hương thơm. Luật sư Cố đã thông đạt luật điển, lại tinh tường kinh luận. Lại còn tụng Pháp Hoa, Duy ma một ngàn biến, tám tâm nối tiếp, niệm niệm hằng giữ. Ba nghiệp theo nhau, bốn nghi không thiếu, lại đến Tương châu ở chỗ Hòa-thượng, nghe lại Tô-đát-la, tìm hiểu Đối Pháp tạng. Lại thông chỗ sâu kín tiết nhặt y châu, ngôi thành hóa hiện là nơi dừng nghỉ, cuối cùng phải đến đảo châu báu, cho nên sự rời Tương châu đến Lô sơn, kính mến sự thanh thoát của bậc thượng đức, ở lại Đông lâm để nêu chí. Sau đó Sư có ý muốn đến châu Sư tử, đảnh lễ răng Phật, chiêm bái các thánh tích. Vào những năm tuổi về chiều Sư bèn dời về Quế lâm đi khắp pháp đồ thỉnh Sư khai thị luật học. Lúc ấy thuộc đời Đại Đường, thánh chủ thiên hạ là phải đặt ở thầy, các nơi, rồi dần đến những chốn hang động thanh vắng, đồng chuyên phó cảm. Sau đó, đến Quảng phủ ở Phiên Vạn. Muốn khiến mặt trời trí tuệ sáng thêm, thuyền pháp dài hơn mà uy nghi chính là luật. Sư cũng được chúng tôn

kính và thỉnh dạy. Sư giảng Tỳ-nại-da ở đạo tràng Tam tạng suốt trong chín hạ, cuối cùng hoàn thành bảy thiên. Sư khéo giáo dưỡng pháp đồ, giỏi khuyến khích người đời. Bấy giờ, chùa chế Chỉ cung thỉnh xà-lê, mỗi lần ở pháp tòa đích thân khuyến khích. Có thể nói một cách chân thật là khéo dẫn dắt cứu giúp cùng khắp quên đi sự lao nhọc, xà-lê là đồng chân xuất gia, hạnh cao cả tinh tiết, hơn bảy mươi tuổi mà luôn kính Năm thiên, người có phước sẽ gặp bậc thượng trí, quả thật chính là ao thiền mênh mông dẫn ra biển pháp, lại cùng chung sóng mòi. Non tưởng vời vợi, núi tuệ chót vót, thấu hiểu góc huyễn, khéo ngộ nguồn tâm. Tuy thông suốt các pháp thể vốn không nhưng công dụng lợi sinh phải chứa nhóm phước hữu vi, làm bến đò vô thượng. Nên thường viết tạng kinh, hay rộng lòng bố thí. Quả thật cũng là người mà tất cả đều biết, ứng vật cảm sinh, khuyến khích mọi người để tâm vào tạng luật. Luật sư Cố ở cùng khắp mà lại muốn đến Giáp sơn, ngõ hầu nương dưới rừng thông, rốt cuộc gởi chí chốn sâu xa. Chủ chùa Mông khiêm rất trọng tân khách, chủ chùa chính là bậc đạo cao nên hiểu biết rộng, thể bao gồm sự nhân đức. Cùng kết bạn bốn biển, chẳng hề ba triều, khuất mình tôn người dùng tâm khiêm hạ là chính. Luật sư Cố muốn dứt tưởng ở sơn môn, có hoài bão muốn tạo một hành lang thẳng tắp suốt đường vượt bậc chánh tà phương tiện tạo ra núi sông, hy vọng đong tám giải trong xanh, bên cạnh mở ra cảnh giới mong muốn mở mang phương quy vào bảy nhóm, lại muốn ở mặt sau giới tràng tạo một thiền khám, lập đạo tràng Phương Đẳng tu Tam-muội Pháp Hoa. Công tuy chưa hoàn mãn nhưng lòng đã quyết, nghi quỹ đã ban bố, cương mục đã hưng long, lại thường than rằng: trước không gặp cha lành, sau chưa thấy Từ tôn, ở đời sau biết làm sao khởi hạnh, đã chìm trong vực không hữu, lại trù trừ ở cửa đa sư, ngài Nghĩa Tịnh ở cửa sông Phật-thệ lên thuyền mang sách về Quảng châu. Ngài tìm giấy đen để viết kinh Phạm, đồng thời mướn người viết. Lúc ấy, người đi buôn gặp gió thuận liền căng buồm nhổ neo đến tìm chỗ ở nhưng hết lối. Điều đó đủ biết do tài năng tô điểm chẳng phải do người mưu tính như thế, rồi vào ngày 20 tháng 07 niên hiệu Vĩnh Xương niên hiệu Ngài đến Quảng Phủ, gặp lại đạo tục. Lúc ấy, chúng ở chùa Chế Chỉ khen rằng: bổn hạnh đi Tây đã được hoàn mãn về ở Nam hải bổn kinh vẫn thiếu. Tam tạng mà Sư đem về hơn năm mươi muôn bài, đều ở Phật-thệ, cuối cùng phải trở qua mới đó đã hơn ba mươi năm. Năm tháng trôi mãi, thời gian không ngừng, thành thân xác khó giữ, giọt sương mai bỗng chốc không biết rơi về đâu. Kinh điển đã là yếu môn, ai có khả năng cùng đến đó đem về. Tùy theo các kinh

sách được dịch, tùy theo điều lãnh thọ phải có người này, chúng đều bảo rằng: cách đây không xa có vị tăng hiệu là Trinh Cố, nghiên tầm luật giáo đã lâu, chứa nhóm sự tinh thành rất sớm, phải tìm được người như vậy kể hết bạn pháp. Tôi mới nghe lời này dường như nhã hợp cầu tâm. Thế là tôi trang bị đủ hành lý lên đường. Luật sư Cố mở ra xem thử liền có ý đi chung. Thí như người tài giỏi ở Liêu thành bắn một phát, hạ được ba tướng, một bài kệ nhỏ của Tuyết Sơn thôi thúc chí sâu của Đại Ẩn, Sư liền đến các nơi thanh vắng chốn tùng lâm, chặt cánh tay trước động đá, vén y trong chùa Chế Chỉ, vừa khởi niệm thì liền hợp ý với lòng thương vật, khi vừa cúi lạy thì đã khế hợp với hoài vọng ngày xưa. Tuy lúc bình thường chưa gặp mặt nhưng quả thật thầm hợp với nguyện xưa, cùng bên nhau thâu đêm luận bàn hành sự, Luật sư Cố đáp rằng: Đạo muốn hợp chẳng thể trung gian mà phải tự thân, thời sắp đến mà cầu ngưỡng thì không thể, ngưỡng mong cùng nhau mơ mnag ba tạng, giúp một ngọn đuốc thành nghìn đèn. Thế rồi Sư trở lại Giáp Sơn nói lời chia tay với chủ chùa Khiêm. Chủ chùa vẫn tùy cơ mà làm, không hề lưu luyến. Sư kể sự cảm hoài đều giúp cho sự tùy hỷ, không nghĩ đến việc thiếu thốn của mình, chỉ chuyên tâm giúp ích cho người. Đó là tư lương để khiến không thiếu hụt. Khi đến Quảng phủ thì tăng ni, Cư sĩ cúng dường phẩm vật cho Sư. Vào ngày 01 tháng 11 năm đó Sư theo thuyền đến phiền vạn lên thuyền về Chiêm-ba rồi tiến thẳng đến Phật-thệ, xây nấc thang để nuôi dưỡng, chứa đựng sinh linh, vì muốn làm mũi thuyền giữa biển. Tình yêu con người được thuận duyên, ngõ hầu không phế bỏ ở đường dài, lúc đó Sư bốn mươi tuổi.

***Khen rằng:*** Bậc thí gieo nghiệp, vốn từ nhân trước, tuổi thơ tâm hồn nhiên, chỉ có phước báo làm thân, chí cầu người hơn mình, ý nương những bậc trí tuệ nhân từ, chẳng phải hương thơm trong việc lợi thì chắc thật yêu những thứ quý báu, thọ trì diệu điển, trinh minh cố ý, đại thiện đôn tâm, lỗi nhỏ đã hết lòng có tâm thoát đục, không cầu vinh hoa. Nếu ở trong thời chẳng thiếu một sợi lông. Cùng vượt Tận định thì chẳng phí chút hương sắc, giả từ bể vinh hoa, độc hành trên Hán âm tìm bậc hiền triết làm nghĩa vụ. Tìm hiểu luật giáo, hiểu hết cương lĩnh, càng đi vào chỗ sâu kín. Rất muốn đến chỗ cây giác, bèn nương lê ở Quế Lâm, thoải lòng nơi hang Giáp, đắc chí chốn Quảng xuyên. Sau đó tìm hết những văn xưa ở Đông Hạ, rồi lại muốn thỉnh tân giáo ở Nam thuyên, hy vọng mở mang những điều chưa khai mở, truyền bá những pháp chưa được truyền. Đáng mừng thay, người tráng sĩ này, có thể quên mình vì người, vì muốn tìm bạn tốt mà lặn lội đến Kim châu, khéo giữ gìn giới

hạnh, tìm bạn tốt là để nâng đỡ nhau, dìu dắt lẫn nhau, chỉ mong đạt được nguyện vọng truyền đăng, cũng không thẹn sinh ra vào thời đại muộn màng, đã đến Phật-thệ thì khế hợp nguyện xưa, được nghe các pháp chưa nghe, được xem những cảnh chưa thấy. Hễ dịch được bao nhiêu thì thọ trì bấy nhiêu, thấu suốt sự thông bít, mới thấy mới biết, tỏ tường việc khai chế, học rộng hiểu sâu, thường khuyến khích người sơ tâm, lòng thường khiêm cung, chẳng sợ số chết, chỉ ngại chúng nhiều thì sự việc loạn, bèn tìm nơi vắng vẻ để giúp nhau. Dù một ngọn đuốc cũng thuận gió thì đến như nghìn ngọn đèn cũng chẳng bằng được.

Lại nữa, Sư có một người đệ tử họ Mạnh, tiếng Phạm là Tăng-già-Đề-bà, tổ tiên Sư vốn ở miền Bắc. Vì việc quan nên đến ở Lĩnh ngoại, vợ con Sư ở Quảng phủ, Sư có tâm mến pháp nên bỏ nhà tìm thầy học đạo. Mặc dù tuổi mới trưởng thành nhưng chí nguyện muốn đi khắp nơi mở mang Phật pháp, tham kiến sư chủ, có ý, hoằng pháp tâm liền theo hạnh, từ giã cha mẹ, lưu lạc trên biển đến nước Phật-thệ, hiểu tiếng Côn luân, lại học Phạm thư, đọc hệ luận câu xá. Tuy nhờ vào Nhất lạp mà mong mỏi ở nghìn dặm, thường siêng năng suy nghĩ chín chắn, hy vọng nương theo dấu mà sinh cỏ non, còn làm thị giả để cống hiến cho sự nghiệp phiên dịch, thọ bảy mươi tuổi.

**** Tỳ-kheo Đạo Hoằng:***

Tiếng Phạm là Phật-đà-Đề-bà (đời Đường dịch là Giác Thiên) là người xứ Ung Khâu ở Biện châu, họ Cận, cha Sư vốn làm người đi buôn nên về phương Nam, đi mãi đến Tam giang rồi vượt qua Ngũ lãnh. Sau đó đến Thiều bộ rồi đến Giáp sơn, nhìn thấy vẻ thanh hư của hang động, ngắm nhìn cảnh vắng lặng của sông nước. Gặp thiện tri thức khoác áo nâu sông. Bấy giờ, Đạo Hoằng tuổi còn nhỏ, đảm nhiệm gia phong nên phiêu bạt đó đây, theo thầy đến Quế lâm để định tưởng, sang U quyền để lắng tâm. Cha là Thiền sư Đại Cảm nên Sư bèn đến chỗ Thiền sư tịch học, bí tâm quan, trải qua thời gian không lâu lại thông thạo nghĩa yếu, Sư trở về Giáp cốc. Đạo Hoằng theo cha cũng xuất gia luôn. Khi năm lên hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc, qua lại Quảng phủ, ra vào Sơn môn. Tuy tuổi tác chưa cao mà chí khí cao khiết. Khi nghe ngài Nghĩa Tịnh đến phó hội ở đạo tràng Trạng nghiêm, hỏi thăm thì biết chỗ Sư ở là Chế Chỉ, vừa đến kính lễ thì biết đã khế hợp với tâm hạnh. Lại nghĩ đến bền bờ sinh tử quả thật không luận đến tánh mạng, nghe nói ngọn sóng ngút trời, xem như ao nhỏ, nhìn thấy cá hình nằm ngang giữa biển, cứ cho nó đồng như lươn trạch, muốn tìm đến nơi xa xăm nói lời từ biệt với sơn

đình, cùng về Phủ hạ với sư Trinh Cố. Sau đó trọn chí ở Nam hải, rồi cùng nhau đến Kim châu sao chép Ba tạng, công đức bao trùm cả ngàn năm, căn trí sáng suốt, bẩm tánh ôn hòa, rất khéo thảo lệ, lại thông thạo Lão Trang. Thể hội được thiên hoang đường của Tề vật, biết được thuyết vu vơ của chỉ mã, không nhờ sông mà qua được, lâm vào cảnh đáng sợ mà khéo ứng biến, tuy công phu chưa hợp với di chiếu nhưng cuối cùng có đức của người xuất chúng, người xuất chúng đâu nói gì việc cầu pháp quên thân, không nói vui mà thực sự được vui, không hề gần gũi mà trở nên gần gũi. Hy vọng tất cả sinh linh cũng giống như mình, đâu như con chó Tài Sô mà hành nhân. Khi đến Phật-thệ thì dốc lòng nghiên cứu luật tạng. Hễ được dịch bao nhiêu thì ghi bấy nhiêu, truyền đăng làm kỳ vọng. Trau dồi làm cho hạt ngọc quý rực bóng, cầu sự viên thành của vắng lặng.

Bỏ bao chướng nạn ở bờ sinh, rốt cuộc sự nghiệp lớn của ta được thành tựu là nhờ vị Sư này. Lành thay người đã nhổ sạch gốc mê ở dòng sinh tử để đạt được cội phước vô lượng. Năm đó Sư hai mươi ba tuổi.

**** Tỳ-kheo Pháp Lãng:***

Tiếng Phạm là Đạt-ma-Đề-bà, đời Đường dịch là Pháp Thiên. Sư là người Tương đương ở Tương châu, ở chùa Linh Tập, Sư tên là An Thật, sinh ra trong một gia đình gia giáo lễ nghi, dòng dõi nhiều đời làm quan. Xuất gia từ thuở ấu niên siêng năng tu hành. Sau đó từ giả quê hương đến Lĩnh nam. Ngài Nghĩa Tịnh đến Phiên ngung báo cho biết hành lý. Tuy sở học chưa cao nhưng rất sâu sắc.

Ý muốn theo Ngài đến Thượng hải, đi hơn một tháng thì đến Phật-thệ, đi đến rồi cũng tu hạnh nghiệp này. Sớm tối chuyên tâm, học bí điển Nhân Minh. Sớm hơm tinh tấn nghe tông mầu của Câu-xá, chẳng bao lâu một đợt đã nghiêng, há chẳng sụp của ngọn Ba tạng đã thuần thành, phát thảo thành năm thiên, chẳng nề mệt nhọc, tánh thức thông minh. Lại nữa, chí nguyện muốn hoằng pháp, sao chép luôn không biết mệt mỏi, khất thực để nuôi thân, và chỉ có ba y bên mình. Vai trần chân đất, tôn tu thượng nghi. Tuy chưa thành giác lập nhưng rốt cuộc có công nang chùy. Nói về bạn bè đồ chúng ai cũng muốn mong mỏi niềm vui cho riêng mình nhưng với Sư thì chuyên tâm ở việc lợi sinh làm vui. Kính cẩn đâu mới chuyên tâm ở lý mầu. Nếu phát triển rộng rãi lòng thương người thì mong sáng tỏ ở Từ thị, lúc ấy Sư hai mươi tư tuổi.

Bốn người cùng đi với nhau như ngài Trinh Cố, v.v... sau đó, theo thuyền cùng đến Phật-thệ, học kinh ba năm, Phạm Hán dần thông, Pháp

Lăng phải trở về nước Ha-lăng, ở đó một mùa hạ mắc bệnh rồi qua đời. Tiếc thay sự nghiệp tu hành, tiếc ở Phật-thệ không trở về thiền ngộ, chỉ có Trinh Cố, Đạo Hoằng đi với nhau trở về Quảng phủ, vị nào cũng ở đó một thời gian khá lâu. Ngài Trinh Cố giảng bảy luật giáo ở đạo tràng Tam Tạng, chưa đầy ba năm thì bị bệnh rồi mất. Đạo Hoằng một mình trở về Lĩnh Nam. Than ôi! Bốn người cũng phiêu bạc trên sóng nước, cố gắng tha thiết muốn thắp ngọn đuốc pháp nhưng ai ngờ nghiệp lực lại ngắn, thường bị trở ngại sự đi ở, mỗi lần nhớ đến thương xót khôn cùng. Điều đó đủ biết như kỳ lân khó thành mà hiểm mệnh dễ mất. Tất cả ruộng phước đều ban bố, pháp hội đầu tiên của Long hoa cùng thoát khỏi trần lao.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

SỐ 2067
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2067

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn.*

## QUYỂN 1

### ĐỒ TƯỢNG

Trong bản châu bảo tháp ở Chùa Kỳ-hoàn thuộc tây vực nói kinh tượng này.

- Ở Tây vực trước kia từng nói pháp và tượng vàng
- Núi Linh Thứu ở Tây vực nói kinh và tượng này
- Thích Huệ Hào đời Tống vẽ núi Linh Thứu

**** Thái Tổ Hậu Ngụy vẽ họa đồ núi Kỳ-xà-quật.***

- Phu nhân Tấn Ân xây đài Pháp Hoa.
- Tạ Tiệp Dư đời Tống xây chùa Pháp Hoa.
- Thái thường Khanh Trịnh Quỳnh đời Hậu Ngụy xây giảng đường Pháp Hoa.
- Thích Tuệ Lực đời Tấn xây tháp Đa Bảo.
- Lưu Phật Ái đời Tống xây chùa Đa Bảo, tháp Đa Bảo
- Xá nhân Từ Nghiêm đời Tề xây tháp đá Đa Bảo.
- Thích Pháp Thành chùa Chân ngộ đời Đường tạo tháp Đa bào, Pháp Hoa và đài Pháp Hoa.
- Quốc tử Tế tửu Tiêu Cảnh đời Đường xây tháp Đa Bảo.
- Thái hậu Lộ Chiêu đời Tống đúc tượng Phổ Hiền.
- Thích Đạo Uông đời Tống lập đàn Phổ Hiền.

- Thích Tăng Bao đời Tống lập trai đàn Phổ Hiền.

**** Khảo xét bản đồ Kỳ hoàn có ghi rằng:*** Tầng trên của lầu đông trước điện Phật, có pho tượng bằng bạc, giữa tượng có lầu quán bảy báu, trong lầu quán có ao báu, hoa báu. Trên hoa có tượng bạch ngọc. Trong đóa sen trong ao có tháp bạc, ở giữa tháp có tháp châu báu, trong tháp có hai tượng Thích-ca và Đa Bảo, thuyết hội thứ bảy của kinh Pháp Hoa.

Lại nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sự đồng với Hoa Nghiêm, được nói trong hội Bát-nhã-đa nhưng bổn đã dịch thời nay tương đương với hội thứ ba.

Lại nói: Năm tầng bốn đài của hai lớp điện.

Tầng trên có châu phệ-ma-ni, hạt châu này ở thời quá khứ chư Phật có nói Pháp Hoa trong đó, ba biến Tịnh độ hiện đủ trong kinh.

**** Xét thư truyện Tây Vực.***

Ở nước Ma-kiệt-đà Trung Thiên-trúc phía đông sông Hằng có tòa thành cũ, chu vi hơn bảy mươi dặm, từ lâu đã hoang phế, vẫn còn nền móng. Vào thời con người thọ vô lượng tuổi tòa thành ấy tên là Câu-tô-ma-bổ-tu-la, đời Đường dịch là cung thành Hương hoa. Đến thời tuổi thọ con người mấy nghìn, lại gọi là thành Ba-thác-ly-tử, chính là Ba-liên-phất-ba. Cách thành này về phía Tây nam hơn bốn trăm dặm, vượt qua sông Ba-ni-liên-thiền, đến thành Già-da. Hơn hai mươi dặm về phía Tây nam của thành này là đến cội Bồ-đề, tòa Kim Cương, v.v..., phía đông cội Bồ-đề qua con sông lớn vào đồng hoang Đại lâm, đi hơn một trăm dặm về phía Đông bắc của ngọn núi này thì đến núi kê Túc, từ núi kê Túc đi hơn trăm dặm về phía Đông bắc thì đến Đại sơn. Từ Đại Sơn đi về phía Đông hơn sáu mươi dặm đến cung thành Thượng mao, thành này nằm giữa nước Ma-kiệt-đà, cho nên nó là kinh đô của các bậc Tiên vương. Phần nhiều phát ra mùi hương Mao cho nên lấy đó gọi tên. Xung quanh núi Sùng là vùng ngoại ô, phía Tây giáp với đường tắt, phía bắc là cửa núi. Chu vi hơn một trăm tám mươi dặm, là rừng cây sum suê, đều có màu vàng. Ban đầu vua Tần Bà-sa-la đóng đô ở đây, dân chúng sống trong thành thường gặp hỏa tai, nên họ oán thán, không thể ở yên. Do đó vua ra lệnh trong nước nếu ai không cẩn thận thì đưa họ vào rừng lạnh, rừng lạnh chính là chỗ bỏ xác chết. Người đời thường gọi đó là nơi chẳng lành, chẳng bao lâu thì trong cung vua bị hỏa hoạn trước, vua bảo các quan: "Phải dời đô thôi", bèn sai Thái tử đi xem xét trong nước, đích thân vua ra Mao thành về phía Tây bắc chừng bốn năm dặm, đóng quân ở đó. Bấy giờ, vua Phệ-xá-ly nghe vua

Tần-bà-sa-la đi ra ở ngoài rừng lạnh, ông bèn triệu tập binh lính muốn giao chiến nhưng rốt cuộc không thành. Cận thần tâu lên, vua bèn cho xây thành ấp, vì trước vua ở nơi này, nên gọi là thành Vương xá. Quan lại dân chúng đều dời về ở đây. Có thuyết nói là do vua Xà-thế lập, đến vua Vô-ưu dời đô về Ba-phệ-xá, cúng thành Vương xá cho Bà-la-môn. Nay trong thành này không còn dân chúng, chỉ còn gần một ngàn nhà Bà-la-môn mà thôi. Phía Đông bắc của Mao thành khoảng bốn mươi lăm dặm là đến núi Kỳ-xà-quật, đời Đường dịch là Thứu Đầu, cũng dịch là Thứu Phong. Tiếp về phía Bắc nổi lên một ngọn, chim thứu ở đó, giống như một cái đài cao, bầu trời xanh trong rực rỡ, đậm nhạt rõ rệt. Như Lai ngự ở đời, suốt năm mươi năm phần nhiều ở ngọn núi này, nói rộng pháp mầu, tức là chỗ nói kinh này. Cho nên Phật nói kinh thường ở núi Linh Thứu và các trụ xứ khác. Lúc Phật ở đời, vua Tần-bà-sa-la vì muốn nghe pháp nên phát động dân chúng từ chân núi đến đỉnh núi, vượt hang leo núi, xếp đá làm thềm ba cấp, rộng hơn mười bước, dài năm sáu dặm. Giữa đường có hai ngôi tháp nhỏ, một gọi là hạ thừa, tức là vua từ đây tiến lên, một gọi là thối phàm, tức gọi tắt là người phàm, không được đi chung. Trên đỉnh núi chiều đông tây dài, chiều nam bắc hẹp, giáp ranh với sườn núi phía Tây hiện có ngôi nhà xây dựng cao rộng, phía Đông có cửa Như Lai thuở xưa nói pháp trong đó, nay làm một pho tượng nói pháp, kích cỡ bằng thân Phật, Sa-môn Huyền Trang đời Đường, họ Trần người ở Lạc Dương xuất gia từ thuở nhỏ, bẩm chất thông minh, là bậc thầy tài giỏi, thấu tột chân thuyên, cho rằng người leo lên cây thì biết rõ được chiều cao của nó, người lội qua sông thì biết sự cạn sâu của nó. Thế rồi, Sư xả thân ở Tây Vực xa thẳm, đặt chí trong diệu lý u huyền, vào niên hiệu Trinh Quán năm đầu ngài bắt đầu đi về phía Tây, cả đi lẫn về mười bảy năm, các kinh luận Sư thỉnh được ghi đủ trong biệt ký. Ở nước Trung Thiên-trúc kia Sư thỉnh được tượng vàng toàn thân Phật đang nói kinh Pháp Hoa ở núi Linh thứu, nước Ma-kiệt-đà. Từ đế tượng lên đến hào quang cao ba thước. Sắc tướng tuyệt đỉnh, công phu tuyệt diệu, chiêm ngưỡng đảnh lễ quả thật gấp bội. Sau đến ở đó, mô tả không hết.

Niên hiệu Cảnh Bình năm đầu đời Tống, Sa-môn Bạch Tuệ cao ở chùa Ngõa Quan xây chùa Linh Ẩn, có Sa-môn Thích Huệ Hào trí tuệ thông thái, tư chất tuyệt luân, bức tranh núi Linh thứu ở trong đó, kỳ diệu vô cùng, mới trông tưởng thật, cảnh chim muông trong rừng núi đó, hình dáng tám bộ trời rồng chưa triều đại nào có. Bắt đầu từ đây sau khi xây xong, cả nước đều đến tham quan. Đời sau, xây điện thờ đều

lấy mẫu của Sư làm kiểu, phía Đông tây của chùa này dài ba mươi tám trượng, phía Nam bắc dài bốn mươi bốn trượng bốn thước.

+ Thái tổ Đạo Chánh Hoàng đế Thác Bạc Khuê đời Hậu Ngụy, niên hiệu Thiên Hưng năm đầu, xây một bức họa núi Kỳ-xà-quật và trang sức rất nhiều, chỗ nào cũng trọn vẹn.

+ Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ bảy đời Tấn, phu nhân Ân của Vương Kinh Châu xây chùa Đông Thanh Viên, trong chùa xây một đài Pháp Hoa.

+ Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười lăm đời Tống, Tạ Tiệp Dư ở huyện Mạt lăng xây chùa Pháp Hoa.

+ Cung hầu Trịnh Quỳnh, Thái Thường khanh đời hậu ngụy cất chùa Tịnh vực, xây giảng đường Pháp Hoa.

+ Niên hiệu Hưng Minh năm thứ hai đời Tấn, Sa-môn Tuệ Lực ở chùa Ngõa quan xây một ngôi tháp Đa bảo bằng đá.

+ Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ năm đời Tống có người ở Bành thành tên là Lưu Phật Ái xây chùa Đa bảo và một ngôi tháp Đa bảo ở Kiến Khang.

+ Niên hiệu Kiến Nguyên năm đầu đời nhà Tề, Thứ sử Hồ Hài Chi ở Dự châu xây chùa Pháp âm ở Chung sơn, xá nhân Từ Nghiễm Trợ xây một ngôi tháp Đa bảo.

+ Sa-môn Pháp Thành chùa Ngộ Chân núi ngọc ở lam điền đời Đường, xuất gia từ lúc nhỏ, lên núi ở cách tuyệt với đời, trì tụng kinh này cả vạn lần, y theo kinh xây một ngôi tháp Đa bảo, một giảng đường Pháp Hoa, một lâu đài Pháp Hoa. Trên đài để kinh, lễ sám xung quanh. Lại xây một thiền thất, nhập định trong đó, thật nhiều điều kỳ dị, có ghi đủ trong hậu truyện.

+ Quốc tử Tế tửu Tiêu Cảnh đời Đường, người ở Lan Lăng, là huyền tôn của vua Lương là con thứ năm của Lương Vương Vị, khi nhà Lương diệt vong, ông đến nhà Tùy, em gái làm Hoàng hậu của vua, Dương Đế. Ông sinh ra trong gia đình quý tộc và kính tin Phật pháp.

Vào niên hiệu Đại nghiệp, tự tụng kinh Pháp Hoa, y theo văn kinh khắc một ngôi tháp Đa bảo bằng gỗ đàn hương, cao khoảng ba trượng và khắc một pho tượng Phật Đa bảo bằng gỗ, suốt mấy năm vẫn chưa xong, ảnh của Sư là Tử Thuyên ở nhà, sáng dậy chợt thấy trong cỏ ở trước viện có ngôi tháp bằng gỗ chiên đàn, phía dưới có một tượng Phật bằng đá nung, bức tượng được làm rất đặc biệt, dung nhan kiểu Phạm rất uy nghiêm, mắt Ngài trong suốt được làm bằng bạc, con ngươi lóng lánh như người sống, Tử Thuyên rất kinh ngạc liền về báo cho Cảnh

hay, Cảnh thấy thế rất đỗi vui mừng, ông đem đó về thử đặt tháp Đa bảo lên, thì rất tương xứng. Vì làm như cũ tuy mầu gỗ ít sáng nhưng bóng tháp càng mầu nhiệm hơn. Ông thỉnh tượng Phật để vào tháp cũng vừa vặn như cũ. Tiêu Cảnh rất vui mừng và khen rằng đó là do lòng chí thành mà cảm ứng nên, Chiếc y đắp trên pho tượng này có hơn cả trăm viên xá-lợi. Con gái của Cảnh tên Ni tuổi còn nhỏ nghĩ rằng xá-lợi lấy chùy đập không bể nên thử lấy ba mươi hạt để trên đá lấy búa đập. Xá lợi văng tứ tung hoàn toàn không bể. Cô gái bèn nhặt lại chỉ được ba bốn viên, số còn lại không thấy đâu cả, chợt hoảng sợ về báo cho Tiêu Cảnh biết, ông đến chỗ ngôi tháp xem thì xá lợi vẫn như trước. Tiêu Cảnh từ đấy ngày nào cũng tụng một biến kinh Pháp Hoa cho đến cuối đời.

Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai ông bị bệnh, Tiêu hậu và con cháu đến thăm, ai ông cũng bảo đốt hương và sau đó nói lời từ biệt với họ. Chỉ giữ lại người em là Tống Công Vũ và người con gái là Ny, ông bảo họ đốt nhang tụng kinh Pháp Hoa, lát sau ông bảo con gái rằng: Cha sắp đi, Bồ-tát Phổ Hiền đến đón cha ở Đông viện, con hãy qua đó rước. Cô y theo lời thì ông bảo viện này không sạch, ngài không chịu đến, ta sẽ qua đó, các ngươi ở lại mạnh khỏe, nhân đó từ biệt Vũ. Ông ngồi dậy rồi quỳ xuống chấp tay hướng thẳng về phương Tây, chốc lát ngưng thở, ông để lại di chúc là chỉ chở một chiếc xe, dùng y phục liệm, phu nhân không được tống táng, không được cúng mặn, đào huyệt để chôn quan tài. Quan quân trong triều đều khen Ngài là bậc thông ngộ, người trong cung thực hành theo lời dặn. Thuở xưa, đại sĩ Biến Cát, thần lực vô biên, hiện thân cõi voi đầu đàn chứng minh kinh Pháp Hoa. Đây có lẽ là điềm quyền ứng của Tiên Phật, hoặc là sự thùy hóa của bậc Bổ xứ, Thất địa chẳng lường, Nhị thừa không nghĩ đến được, nói về thân diệu sắc đã là bậc tỏ đạo. Tượng vẽ tinh xảo, người tin sẽ được cảm ứng. Xem hình là để thần ngộ, nhân Tích mà quán Bổn, vui mừng khi thấy tướng báu rồi dùng đó để khuyên dẫn kẻ mê.

+ Thái hậu Lộ Chiêu của Tống Sùng Hiến, gieo nhân lành từ nhiều kiếp, sánh duyên trong hoàng gia. Thuở nhỏ đã xem sự tôn quý là huyễn mộng, coi những thứ quý báu là bụi trần để tâm đến việc mở mang chánh pháp, mô tả pháp thân. Vào niên hiệu Đại Minh, năm thứ tư, bà bảo Tỳ-kheo Đàm Tiêu chùa Bạch Mã đúc một pho tượng Phổ Hiền toàn thân cỡi voi trắng, sáu chiếc ngà trắng nhỏ, bảy chi tròn trịa, tạo vẻ hùng tráng, đúc kiểu trang nghiêm, đúc sánh với luyện đồng phết bằng gang chảy. Tướng vàng tím của Bồ-tát và hình bạc trắng sáng lóa

của voi đầu đàn. Chói lọi rực rỡ, dáng như bay lên mây, quả là dấu vết quý giá của việc Phật, là chân quy của tháp miếu, nguyện rộng lớn không cùng tận, tu phước không mỏi mệt. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ tám, lại xây một ngôi chùa Phổ Hiền, cực kỳ tráng lệ, dáng vẻ trang nghiêm.

* Thích Đạo Quýnh là người ở Hiếu Đào thuộc phù phong, Sư vốn họ Mã, học nghiệp thuần túy, nổi tiếng lúc còn nhỏ, ban đầu xuất gia làm đệ tử ngài Đạo Ý. Sư thích tụng Pháp Hoa, chỉ dốc lòng vào việc này. Vào tháng chín niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai, vì người lập trai đàn Phổ Hiền ở Lạc Dương, thế rồi sắp xếp dọn dẹp trong ngoài thanh tịnh, tượng trang nghiêm tốt lành, chí thành chí kính, đạo tục hơn bốn mươi người suốt trong bảy ngày, lúc đang thọ trai chợt có một người mặc áo kép quần cụt cỡi ngựa vào trước trai đường, xuống ngựa lễ Phật. Ngài nói: Thường nhân không được vào lễ, người này lên ngựa tuốt roi biến mất, rồi lại thấy ánh sáng đỏ lóe trên hư không phút chốc bỗng tắt mất. Tháng 12, năm Nguyên Gia thứ 3, trong đêm sắp hoàn mãn ở trong một ngôi nhà của Cư sĩ, ngài lại lập một trai đàn Phổ Hiền, đêm sắp xong có hai vị Sa-môn ăn mặc như người đời đi thẳng vào lễ Phật. Chúng tăng cho là dung tăng (tăng tầm thường) không chịu tiếp đón, hỏi qua loa về quê quán. Vị ấy đáp: ở trước thôn này, lúc ấy trong số những người tại gia như Trương Đạo biết rõ nên rất kính phục, dốc lòng lễ bái, vị Sa-môn ra khỏi cửa đi chừng mấy mươi bước thì chợt bay thẳng lên hư không, tìm hiểu vị tăng này chẳng biết lai lịch.

Sau đó, Sư cùng với bốn người bạn học đi về phương Nam, đến Lạc dương, xem xét phong tục trong đêm lên thuyền qua sông, giữa sông thuyền vỡ, ba người chìm xuống sông chết. Sư trở về chí thành niệm Quán Âm, chợt tỉnh thấy dưới chân có một vật tự trồi lên rồi thấy ánh sáng đỏ hiện phía trước, Sư theo ánh áng ấy bơi lên bờ. Sư đến Nghiệp đô, ở chùa Nam Nhàn, thường lấy bát-chu tam muội làm sự nghiệp, một lần Sư ngồi thiền nửa đệm, bỗng thấy bốn người đi xe đến phòng bảo Sư lên thuyền. Trong bất giác ngài thấy mình ở giữa Thẩm Kiều thuộc thuộc Quận Lăng. Thấy một người ngồi trên chiếc giường, ở giữa đường có mấy trăm thị giả, thấy Sư đến họ ngạc nhiên đứng dậy nói: "người ngồi thiền", nhân đó nói với người xung quanh rằng: Chỉ muốn biết chỗ ở mà thôi, đâu dám phiền đến Pháp sư, thế rồi họ lễ bái và từ biệt. Hai người tiễn Sư về chùa, gõ cửa giây lát mới mở khi vào chùa thấy cửa phòng vẫn đóng, mọi người không ai đoán được việc gì. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi đời Tống, Sư cùng Lâm Xuyên Khang,

Vương Nghĩa Khánh đến Quảng Lăng rồi qua đời ở đó.

* Thích Tăng Bào người ở Kinh Triệu, thuở nhỏ ở Quan Trung học với ngài La-thập. Vào giữa niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống, Sư đến phương Bắc, rồi lần đến tịnh xá Hoành sơn. Ở đó, Sư lập trai đàn Phổ Hiền ba mươi mốt ngày, sám hối đến ngày mười bảy thì thấy một con hạc trắng bay đến đậu trước tòa Phổ Hiền, vào đó hành hương xong mới đi, đến ngày hai mươi mốt lại thấy bốn người mặc áo vàng nhiễu tháp mấy vòng rồi biến mất.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam cốc Tuệ Tường soạn*

## QUYỂN 2

## PHIÊN DỊCH

Dịch kinh Chân Ngụy, gồm mười bốn vị, chân mười, ngụy bốn.

Dịch luận hai vị.

+ Ngoại Quốc thích Chánh Vô Úy đời Ngụy (kinh Pháp Hoa Tam-muội sáu quyển, cũng là một bổn thêm chữ Chánh).

+ Thích Trúc Pháp Hộ ở Đôn Hoàng, đời Tấn (kinh Thánh Pháp Hoa, mười quyển, cũng giải thích riêng phẩm Phổ Môn trong kinh Quán Thế Âm).

+ Thích Ha Chi ở Tây Vực đời Đông Tấn (kinh phẩm Phổ Môn).

+ Thích Chi Đạo Căn đời Đông Tấn (Kinh Phương Đẳng Pháp Hoa, năm quyển).

+ Thích Đồng Thọ ở Thiên Trúc đời Ngụy Tần (kinh Diệu Pháp Liên Hoa một bộ bảy quyển).

+ Thích Trí Nghiêm ở Cảnh Châu đời Tống (kinh Pháp Hoa Tam-muội một quyển).

+ Em của Hà Tây vương kinh Thanh ở Bắc Lương đời Tống (kinh Quán Thế Âm).

+ Thích Pháp Hiến chùa Thượng Lâm đời Tề (Đề-Bà-Đạt-Đa phẩm kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

+ Thích Đức Chí ở Tây Vực đời Tùy, kệ trùng tụng trong Phổ Môn phẩm, Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

+ Thích Pháp Mật ở Tây Vực đời Đường (Dược Thảo Dụ Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa kinh, thêm năm tờ các Chú đều khác).

+ Cánh Lăng vương Tiêu Tử Lương đời Tề (Sao Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Sao Pháp Hoa Dược vương kinh).

+ Con gái của Đại học Bác sĩ Giang Bật đời Lương (một quyển kinh Pháp Hoa).

Hai kinh dưới đây chẳng phải chánh kinh.

+ Hai bản cũ mất tên người dịch (Pháp Hoa Quang Thụy Bồ-Tát Hiện Thọ Kinh).

+ Phí Trường Phòng đời Tùy Chú thích Ngụy Kinh (Diệu Pháp Liên Hoa Độ Lượng Thiên Địa kinh, Diệu Pháp Liên Hoa Biến Dị Kinh).

Hai kinh trên đây nghi là ngụy.

+ Sa-Môn Đạo Hy người Tây Vực đời Hậu Ngụy (Diệu Pháp Liên Hoa Kinh luận, hai quyển).

+ Sa-Môn Bảo Ý người Trung Thiên Trúc đời Hậu Ngụy (Diệu Pháp Liên Hoa Kinh luận, một quyển).

- Pháp Hoa Tam-muội, sáu quyển (một quyển thêm chữ Chánh).

Sa-môn ngoại quốc Chi Cương Lương Tiếp, đời Ngụy dịch là chính vô úy. Vào tháng 07 niên hiệu Cam Lộ năm đầu, Khanh Công Thế Ngụy Cao Quý, Sư ở Giao châu dịch, Sa-môn Đạo Hinh ghi chép, không có biệt quảng truyện, kinh mục như vậy.

**** Kinh Chánh Pháp Hoa, mười quyển.***

* Sa-môn Trúc Đàm-ma-la-sát, Hán dịch là Pháp Hộ, tổ tiên của Sư là người Nguyệt Thị, Sư vốn họ Chi, nhà ở quận Đôn Hoàng. Năm lên tám xuất gia, thờ Sa-môn nước ngoài hiệu Trúc Cao Tọa làm thầy, một ngày tụng cả muôn lời kinh, đọc đến đâu nhớ đến đó, thiên tánh thuần hòa, bản chất chăm chỉ, siêng năng hiếu học, muôn dặm tìm thầy, thế rồi tham khảo sáu kinh, thông thạo bảy tịch. Mặc dù sự đời có lắm chuyện khen chê nhưng Sư không hề để ý. Lúc ấy là vào thời Tấn Vũ, chùa chiền tượng đài tuy hưng thạnh ở Kinh Ấp nhưng giáo nghĩa sau này của Phương đẳng thì lại mờ nhạt. Ngài Pháp Hộ buồn bã phát giận, chí vốn muốn mở mang đạo cả, bèn theo thầy đến Tây Vực, đi qua các nước, ngôn ngữ khác nhau, ba mươi sáu loại sách nào cũng vậy, Sư đều học hết, thông suốt ngữ nghĩa trong sách cổ, âm nghĩa chữ viết loại nào cũng biết. Sư mang rất nhiều kinh Phạm trở về Trung Hạ, từ Đôn hoàng đến Trường an, dọc đường truyền dịch, viết thành văn đời Tấn, Sư dịch các bản như hiền kiếp chánh Pháp Hoa, v.v... một trăm sáu mươi lăm bộ, dốc lòng làm việc, chỉ lấy việc hoằng pháp làm sự nghiệp, trọn đời phiên dịch, không hề tỏ vẻ mệt mỏi. Kinh pháp sở dĩ được truyền bá rộng rãi ở Trung Quốc là nhờ công lao của Sư. Vào ngày 10 tháng 08

niên hiệu Đại Khang năm thứ bảy, đời Tây Tấn, tay Sư cầm bổn Phạm, miệng đọc hai mươi bảy phẩm kinh trước, các Ưu-bà-tắc Nhiếp Thừa Viễn, Trương Sĩ Minh Trương Trọng Cải, cùng nhau ghi chép, đến ngày mồng 2 tháng 9 mới xong.

Sa-môn Trúc Lực người Thiên-trúc, Cư sĩ Bạch Nguyên Tín nước Quy-tư cùng nhau tham khảo hiệu đính. Vào ngay mồng 06 tháng 02 niên hiệu Nguyên Gia năm đầu thì sửa lại.

Lại, vào niên hiệu Nguyên Khang năm đầu, Tôn Bá Hổ, Ngu Thế Nhã ở Trường an viết đến ngày 13 tháng 04 mới xong. Sau đó, ngài Pháp Hộ lập chùa ở ngoài Thanh môn Trường an, chuyên tinh hành đạo, lúc bấy giờ đức hóa khắp nơi, tiếng tăm vang xa tận bốn phương.

Tăng đồ cả mấy nghìn người, đều tôn sùng Sư. Lúc đó, Sư khoảng bảy mươi tám tuổi, cùng với môn đồ tị nạn xuống miền đông, đến Thằng Trì, bị bệnh rồi mất.

Kinh Phổ Môn Phẩm, kinh Quan Thế Âm, hai kinh này cũng do Sa-môn Pháp Hộ trích riêng.

Kinh Phổ Môn Phẩm Sa-môn Kỳ-đà-mật người Tây Vực thời Đông Tấn, đời Tấn cho là Ha-chi-dịch, cùng với Pháp Phộ dịch, ý này phần lớn giống nhau.

Kinh Phương Đẳng Pháp Hoa, năm quyển

Sa-môn Chi Đạo Căn dịch vào niên hiệu Hàm Khang năm đầu vua Thành Đế đời Đông Tấn.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, một bộ bảy quyển của Sa-môn Cưu-ma-La-thập, Hán dịch là Đồng Thọ, Sư là người Thiên-trúc. Gia thế thuộc quốc tướng, ông nội ngài La-thập là Đạt-đa, là bậc đại thần của quốc gia, cha là Cưu-ma-la-viêm có khí tiết, tránh địa vị khanh tướng để xuất gia, đi về phía đông đến Thông Lãnh. Vua nước Quy-tư nghe ông bỏ vinh hoa để xuất gia nên rất mực cung kính và yêu mến, đích thân ra khỏi thành đón rước, thỉnh về làm Quốc sư. Em gái vua lúc đó vừa hai mươi tuổi, thông minh tài giỏi. Trong cơ thể cô có nốt ruồi son, theo phép là sinh ra quý tử thông minh. Các nước tranh nhau đính hôn nhưng cô không bằng lòng, cho đến khi gặp Cưu-ma-la-viêm thì cô muốn thành thân với ông. Vua bèn ép gả cho ông, chẳng bao lâu thì mang thai ngài La-thập. Khi Sư ở trong thai, người mẹ sáng suốt lanh lợi gấp bội, nghe chùa Tước-lê có rất nhiều bậc đại đức, lại có những vị tăng đắc đạo, bà liền cùng với các nữ trong vương tộc và những vị ni đức hạnh hằng ngày thiết trai cúng dường, thưa hỏi nghe pháp. Mẹ Sư bỗng nhiên thông thạo tiếng Thiên-tTrúc, những lời vặn hỏi bà đều hiểu một

cách thấu suốt, mọi người ai cũng khen ngợi, có vị La hán Đạt-ma-cù-sa nói: Bào thai này nhất định là trí tử, nói rằng Xá-lợi-phất khi ở thai mẹ cũng vậy. Sau khi sinh ra La-thập, lại quên đi những lời nói trước, chẳng bao lâu mẹ Sư muốn xuất gia, chuyên tâm tu đạo chứng được Sơ quả. Khi Sư lên bảy tuổi cũng xuất gia theo mẹ, theo thầy học kinh, một ngày tụng cả ngàn bài kệ, bài kệ ấy có ba mươi hai chữ, tổng cộng ba muôn hai ngàn câu. Tụng qua A-tỳ-đàm thì thầy liền chỉ bày nghĩa ấy, Sư thông suốt ngay. Bấy giờ, theo thầy đi khắp các nước, tìm học tất cả kinh giáo, vừa nghe thì lãnh thọ ngay, thấu suốt mọi góc cạnh, đồng thời nghiên cứu các kinh sách ngoại đạo. Sau đó mẹ Sư bảo rằng: Nghĩa lý sâu mầu trong Phương đẳng phải mở rộng kinh chân, truyền về phương Đông chỉ nhờ công sức của con. Thế là Sư đành từ biệt mẹ. Lúc đó vào tháng giêng niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ ba mươi vua Phù Kiên, Thái sư tâu rằng: Có một ngôi sao ở ngoài biên thùy, chắc chắn nơi đó có vị Đại đức tài ba sắp đến Trung quốc, Phù Kiên nói: Trẫm nghe ở Tây Vực có ngài Cưu-ma-la-thập, bèn sai sứ đến cầu nhưng khi Sứ chưa tới nơi thì vua đã băng, cho đến tháng 09 niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ ba vua Diêu Hưng Hậu đời Tần thỉnh ngài gặp Diêu Hưng, vua đãi ngài bằng lễ của Quốc sư rất kính trọng và kính mến, dùng những lời khiêm cung để tiếp chuyện với Sư, thế là Sư ở đấy đến trọn đời, khám phá những điều bí ẩn đến tột cùng, vì sự nghiệp hoằng pháp Sư không bao giờ cảm thấy mệt mỏi. Từ đó đại pháp bao trùm cả phương Đông. Ban đầu là Hán Minh Đế, lần lượt đến Ngụy Tấn, kinh luận nhiều dần, xuất phát từ Thiên trúc phần nhiều văn tự nghĩa cách. Vua Diêu Hưng thuở nhỏ ít tôn sùng Tam Bảo, quyết chí giảng tập, khi ngài Cưu-ma-la-thập đến ở đây, ông thỉnh Sư vào ở lầu Tây Minh và vườn Tiêu dao dịch các bộ kinh. Ngài La-thập vốn thông thạo nhiều âm tụng, có thể chuyển sang tiếng Hán, âm dịch lưu loát, xem hết những bản cũ, nghĩa rất lộn xộn, điều này là do các vị tiền bối làm mất ý chí, không dính dáng tới bổn Phạm, Diêu Hưng mời Sa-môn Tăng Khế, Tăng Diên, Pháp Khâm, Đạo Lưu, Đạo Hằng, Tăng Duệ, Tăng Triệu, v.v... hơn tám trăm vị, tham vấn ý kiến ngài La-thập. Vào mùa hạ niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ hai ở đại tự Trường an, lại nhóm họp hơn hai ngàn vị Sa-môn nghĩa học ở bốn phương, dịch ra kinh này. Lại nữa, du nghi luận của Pháp sư Huệ Duệ nói: Chánh bản Pháp Hoa ở nước Vu-điền, phát huy rộng lớn, vụt lóe lên hư không mà được truyền đến đây. Tư Lệ hiệu úy tả tướng quân an thành Hầu Diêu Sùng, nghi vận huyền môn, muốn làm gương cho đời. Chuyên chú kinh bày để sao chép lại lưu hành đến nay. Lại

nữa, Tỳ-kheo Bôi Độ chẳng biết người xứ nào ở Bành Thành nghe ngài La-thập ở Trường Am, bèn than rằng: Ta và vị này xa cách đã ba trăm năm, biền biệt chẳng hẹn ngày gặp lại, chỉ mong gặp nhau ở kiếp sau thôi. Lúc ngài La-thập chưa tịch, cảm thấy bốn đại không khỏe, Sư tụng ba biến thần chú, và bảo các vị đệ tử nước ngoài tụng theo, để tự cứu, lúc đó lại cảm thấy mệt mỏi, Sư từ biệt chúng tăng và nói: Nhờ pháp mà chúng ta gặp nhau, quả là chưa hết lòng, đành hẹn gặp kiếp sau, những lời nói trong cơn xúc động, Sư cho rằng mình mông muội, lầm lẫn trong truyền dịch, nếu những tác phẩm mình dịch không sai lầm thì xin cho sau khi hỏa táng lưỡi sẽ không hoại. Lúc đó vào ngày 20 tháng 08 niên hiệu Hoằng Thỉ năm mười một đời Ngụy Tần. Sư tịch ở Trường An, năm ấy nhằm niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ năm đời Tấn. Ở vườn Tiêu dao y theo phép tắc nước ngoài mà hỏa táng, khi củi tắt hình tan nhưng lưỡi Ngài vẫn còn nguyên.

* Kinh Pháp Hoa Tam-muội, một quyển của Sa-môn Trí Nghiêm, Sư là người châu Tây Lương, xuất gia năm hai mươi tuổi, lại nổi tiếng là người tinh tấn siêng năng, tu hành giản dị, ăn mặc thô sơ. Thường muốn tìm hiểu các bậc danh sư, tham vấn các nghĩa sâu trong kinh điển, nên sư bèn sang Tây Vực, đến nước Kế-tân, vào tinh xá Ma-thiên-đà-la bẩm thọ thiền pháp với Tỳ-kheo Phật-đà-tiên, tu tập ba năm công phu vượt cả mười năm, Phật-đà-tiên thấy pháp thiền của mình có người nối nên rất yêu kính người đệ tử này.

Tăng tục ở nước kia nghe vậy rất vui mừng và khen rằng: “Đất Tần có Sa-môn cầu đạo”, từ đó mới không xem thường dân Tần nữa, mà kính tiếp người phương xa này. Lúc ấy, có Tỳ-kheo Phật-đà-bạt-đà cũng là một Thiền sư nổi tiếng ở nước kia. Ngài Trí Nghiêm liền thỉnh Thiền sư về Trung quốc, vì muốn truyền pháp ở Trung thổ, Bạt-đà vui mừng vì lòng chí thành ấy nên chấp nhận lời thỉnh cầu, cả hai bèn cùng đi về Đông, rồi băng qua những đường đèo hiểm trở, đến Quan trung. Sư thường theo Bạt-đà trụ chùa lớn Trường An, một thời gian không lâu sau, Bạt-đà ngang ngược bị tăng chúng nhà Tần tẫn xuất. Tri Nghiêm cũng phân tán, về nương ở tinh xá Sơn Đông, ngồi thiền tụng kinh, siêng năng tu học. Cào niên hiệu Nghĩa Hy năm ba mươi đời Tống Vũ Đế chinh Tây sát phạt Trường An, thắng trận quay về Sơn đông, lúc bấy giờ Thỉ Hưng Công Vương Khôi, hộ giá đi khắp vùng Sơn Xuyên đến tinh xá ngài Trí Nghiêm ở. Thấy ngài ở chung với ba vị tăng, người nào cũng đang ngồi trên tòa tọa thiền miên mật, vương khôi đến một lát lâu cũng không hay, ông bèn búng ngón tay, ba người mở mắt, lát

sau thì nhắm lại, không nói năng gì tới ông, trong tâm ông cảm thấy lạ lùng, bèn hỏi thăm các vị Trưởng lão, họ đều nói ba vị tăng này ẩn cư thiền định là những vị Pháp sư thanh thoát. Ông quay về tâu với Tống Vũ đến thỉnh về kinh đô, nhưng các Ngài chẳng chịu đi. Ông cố thỉnh nhiều lần nên các ngài chấp thuận, hai vị kia đi theo ngài Trí Nghiêm. Vương Khôi là người đạo hạnh sâu sắc nên được phụng sự ba ngài rất nồng hậu, ân cần. Về đến Kinh đô ở chùa Thỉ Hưng, Trí Nghiêm là người thích thanh vắng, xa lánh mọi sự trần, Vương Khôi ra ngoài vùng ngoại ô phía Đông lập một ngôi tinh xá tức là chùa Chỉ Viên.

Trí nghiêm trước trở về Tây Vực, các kinh luận mà Sư đem theo chưa dịch kịp, đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ tư, bèn cùng Sa-môn Bảo Đàm dịch ra các kinh trước. Trí Nghiêm là người sống giản dị thanh bần, nhận được vật gì thì cúng dường bố thí vật ấy. Thuở nhỏ đã đi khắp nơi, không mang theo vật gì, tánh vốn khiêm tốn không thích khoa trương, cho nên mặc dù nhiều hạnh tốt mà ở đời không được lưu truyền hết. Thuở Sư chưa xuất gia đã thọ năm giới mà lại khuyết phạm, sau này xuất gia thọ giới cụ túc, thường nghi mình không đắc giới, mỗi khi nghĩ đến đều lo sợ, nhiều năm thiền quán mà không thể liễu ngộ. Bèn lên thuyền vượt biển đến Thiên-trúc, tham vấn các bậc lão túc thông đạt, gặp được Tỳ-kheo La hán, trình bày hết sự nghi ngờ trước, La hán không giải trừ được mà bảo Sư nhập định lên cõi trời Đâu-suất thưa hỏi ngài Di-lặc. Ngài Di-lặc bảo là đắc giới. Trí Nghiêm vô cùng vui mừng, thế rồi quay về bằng đường bộ, đến nước Kế-tân không bệnh mà mất. Lúc ấy, Sư bảy mươi tám tuổi, theo phép của nước kia, chỗ thiêu thân của phàm thánh khác nhau. Ngài Trí Nghiêm tuy giới hạnh cao minh mà công hạnh chưa rõ nên dời thi thể Sư về phần mộ của Phạm tăng, nhưng không nhấc lên nổi bèn đổi về phía phần mộ của thánh tăng thì nhẹ như gió. Đệ tử của ngài là Trí Vũ, Trí Viễn cũng từ phương Tây đến trình bày rõ về điềm lành này. Rồi cả hai trở về nước ngoài. Từ đó suy ra ngài Trí Nghiêm quả thật là người đắc đạo.

**** Kinh Quán Thế Âm.***

Vào thời Tấn Hiếu đế, Bắc Lương Hà Tây vương Thư Cừ Mông Tốn có người em họ là An Dương Hầu Kinh Thanh, khi vận nhà Lương hết, bị Nguyên Ngụy tiêu diệt, Kinh Thanh vội chạy về Nam lánh nạn ở Kiến Khang, quyết chí ở lại đây suốt đời, không giao thiệp với đời, thường đi khắp chốn chùa tháp, làm một Cư sĩ thong dong, không vợ con, nhàm chán danh lợi, ung dung với các bạn pháp, giảng nói chánh

pháp, vì thế đạo tục đều cung kính ông dịch ra bộ kinh này.

**** Phẩm Đề-bà-đạt-đa trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.***

Sa-môn Pháp Hiến họ Từ, là người ở Diên Thủy thuộc Tây hải. Trước theo người cậu đến Lương châu mới xuất ra. Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười sáu mới xuống Kinh đô, ở chùa Định lâm thượng, chuyên tâm học kinh luật, chí nghiệp mạnh mẽ, giỏi giang mọi việc. Chúng tăng bàn tính với nhau về việc sửa sang chùa viện, trước kia Sư nghe Mãnh Công từ phương Tây về kể rõ mọi điều kinh lạ, Sư muốn quên thân để được tham bái các thánh tích đó, nên vào niên hiệu Nguyên Huy năm thứ ba đời Tống, Sư lên đường đến Kim lăng, tây du Ba Thục lên đường đến Hà Nam. Đường sá ngoằn ngoèo, khi đến Vu-điền thì muốn qua Thông Lãnh, đường núi gập ghềnh hiểm trở bèn trở lại Vu-điền để quay về. Nhận được phẩm kinh này quay về, trên đường đi có nhiều việc hiểm trở đều ghi đủ trong ấy. Vào giữa niên hiệu Vĩnh Minh đời Tề Vũ Đế Sư gặp Tam tạng Pháp sư Đạt-ma-ma-đề người nước ngoài (đời Tề dịch vị này là Pháp Ý), trụ chùa Ngõa quan ở Lương châu dịch ra phẩm này. Pháp Hiến lúc bấy giờ làm Tăng chủ, vào cuối niên hiệu Kiến Vũ thì Sư thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi.

**** Kệ tụng lại trong Phẩm Phổ Môn của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.***

Sa-môn Xà-na-quật-đa: Đời Tùy dịch là Đức chí, Sư là người nước Bắc Hiền Đậu-kiền-đà-la, đời Tùy dịch là nước Hương Hành. Quật-đa có năm anh em mà Sư là con út trong gia đình, nhờ đã trồng cội đức từ nhiều kiếp, nên sớm phát đạo tâm. Từ thuở thơ ấu đã phát nguyện xuất gia. Cha mẹ hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của con mình nên không trái ý. Trong nước có ngôi chùa tên là Đại lâm, Sư bèn đến đó nương ở để mang được độ thoát. Quật-đa sau khi xuất gia hiếu kính chuyên thành, thọ học nhiều năm, chỉ quy thông quán. Năm hai mươii bảy tuổi theo thầy hoằng pháp. Vào niên hiệu Vũ Thành năm đầu, Chu Minh Đế đến Trường an trụ chùa Thảo Đường, thầy trò du hóa khi tâm nguyện đã thỏa bèn lên đàn thọ giới cụ túc. Gặp lúc Triêu vương tự là Văn Hiểm trấn thủ đất Thục lại thỉnh Sư cùng đi. Sư ở đó ba năm, làm chức Tăng chủ ở Ích Châu. Ở chùa Long Uyên, dịch ra các bài hệ trước, Sa-môn Viên Minh ghi chép, vào thời suy hoại, tượng giáo không mở mang, năm chúng bỗng chốc giống như kẻ tục, Vũ Đế lễ Sư, hạ lệnh đưa về cung ban thưởng nhiều tước lộc, bắt Sư mặc y phục nhà Nho, Sư khăng khăng giữ vững lập trường, thà chết không sợ, vua cảm mến hạnh cao

khiết của Sư, thương xót mà thả về, trên đường ra khỏi Lộ châu về hướng Bắc đến Đột-quyết. Sư đấy một thời gian đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ năm, có khoảng trên ba mươi vị ở chùa Đại hưng Thiện, như Sa-môn Đàm Diên cũng đang phiên dịch, nhưng âm nghĩa không thông, nghe tin ngài Quật-đa ở miền Bắc bèn dâng sớ xin vua hạ chỉ thỉnh ngài về, vua chuẩn tấu, sai người đến thỉnh Quật-đa. Đường về Tây đã bặt nên Sư đành lưu lại mười năm, hiểu thấu sự đời muốn gặp lại Tam bảo, bỗng nghe tin từ xa đến thỉnh, Sư vui mừng và nguyện tiếp đơn. Thế là theo sứ về nước, bấy giờ, vua Văn Đế đang tuần hành ở Lạc Dương. Sư đến đó yết kiến, Thiên tử rất vui mừng ban thưởng và thăm hỏi nhiều việc. Khi chưa về đến Kinh đô, theo lệnh phiên dịch, Sư cùng các Sa-môn Tăng Hưu, Pháp Sán dịch ra các bộ kinh, Tùy Đằng Vương theo thọ giới pháp, kính thờ làm thầy. Vì nhiễm sự trần nên trôi giạt về phía Đông. Lại ở Âu mân, đại thanh tải lộ, thân tâm đều cứu giúp, làm lợi ích rất nhiều, đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười theo luật vô thường mà ra đi, lúc đó Sư khoảng bảy mươi tám tuổi.

**** Phẩm Dược Thảo Dụ Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thêm năm trang các bài chú.***

Sa-môn Đạt-ma-cấp-đa, đời Tùy dịch là Pháp Mật là người nước Nam Hiền Đậu-la-la, thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi. Họ Tệ-tà-ca-la, Hán dịch là Hổ Thị, gia đình có năm anh em, Sư là trưởng tử, cha mẹ lưu luyến không cho phép xuất gia, nhưng Sư rất mến một pháp môn, rất muốn ly tục. Năm hai mươi ba tuổi Sư đến miền trung Hiền Đậu mới được xuất gia. Sau khi Cấp-đa thọ giới cụ túc được ba năm bèn tìm thầy học đạo, những gì Sư học được như nhòm khe cửa, thế rồi Sư đi khắp các nước Đại Tiểu thừa, đến các chùa tăng học hỏi nên kiến thức gấp bội. Sau đó nghe tin ở đại quốc Chi-na, Tam bảo hưng thịnh nên cũng quyết tâm đi với bạn đến đây, khi đã đến Y Ngô ở lại đó một năm thì gặp nạn bèn lánh về Tây Nam, đường đi toàn sỏi đá, sa mạc, nước cỏ khan hiếm. Hai người bạn nhìn nhau nghĩ không thể bỏ mạng ở đây, cho nên tạm để các kinh luận đang mang theo, qua bên đường leo lên núi tìm nước, mong được thoát chết. Tìm đã không gặp lại thêm mệt mỏi, Sư chuyên tâm tụng chú Quán Âm. Đêm đó, mưa rơi xuống, thân tâm sảng khoái ngài bèn tìm đường cũ trở về, nhưng nhìn khắp bốn bề vẫn mờ mịt, vì đã lạc đường, tiến lùi đều khó bèn đi đại về phía trước. Đi đến Trảo châu mới biết là con đường rẽ của Bắc lộ, Cấp-đa từ xa đã kính mến Trung Hoa, nên lặn lội nhiều năm mới gặp được bạn đồng hành. Có người ở

lại, có người mất tích, ngoảnh lại chỉ còn một thân đi đến xứ này. Lắng lòng suy gẫm, buồn vui lẫn lộn, nhờ ơn thánh chỉ mới vào kinh thành, ở trong ngôi chùa tiếng tăm được cúng dường nồng hậu. Lúc đó, vào tháng 10 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười, Sư đến đây ở chưa bao lâu mà tiếng Hoa đã hơi thông. Lại vâng sắc chỉ được mời phiên dịch. Sư ở chùa Hưng Thiện cầm bổn gốc dịch qua dịch lại, sáng tỏ và rất xác thật những chỗ rườm rà. Các bộ phận Đại Tiểu thừa mà Sư đã tụng đều tinh thông chỗ then chốt, và giải thích, mở mang rộng rãi những ý chỉ sâu mầu. Những vị cựu học ở xứ này nhờ đó mà dần dần thoát khỏi mối nghi, Dương Đế định dời độ về phương Nonage, càng tỏ vẻ kính trọng và tiếp đãi nồng hậu, đối với Phật pháp càng được sự tôn kính. Vua hạ chiếu xây một quán dịch kinh trong vườn Thượng lâm ở Nam tân thuộc Lạc thủy, chiêu vời những vị tài giỏi để chuyên truyền bá Phật pháp. Vua liền hạ lệnh trưng thỉnh Cấp-đa và các học sĩ chuẩn bị phiên dịch, Sa-môn Bản tông dịch thêm phẩm trước, đến Vũ Đức năm thứ hai, Sư mất ở Lạc nội.

* Sao Diệu Pháp Liên Hoa kinh.
* Sao Pháp Hoa Dược Vương kinh.

Nam Tề Tư Đồ Cảnh Lăng Vương văn tuyên công tiêu tử lương, tôn sùng đạo Phật thấu đạt giáo nghĩa, chú thích kinh luận, sao lược từ, lý, đóng đường tà, mở nẻo chánh, khai rộng Nhất thừa và phát huy bảy chúng, đời gọi là Bút Hải. Lúc ấy, hiệu là Trí Sơn hoặc thông mông độc tôn, được tôn xưng là Thiên Vương, hoặc truyền bá kinh chú, truyền phép mầu của Thần độ, đức của Sư khó tả hết, phải tìm hiểu mới biết.

Sao Lược Tiền Kinh để sắp đặt thứ lớp kinh Pháp Hoa (một quyển).

Con gái của Tiến sĩ Lương Thái Học tên Giang Mật, thuở nhỏ xuất gia, hiệu là Tăng Pháp. Năm lên tám, chín có lúc nhắm mắt tĩnh tọa, đọc tụng bộ kinh trên, tăng tục xứ Dương châu đều gọi là Thần thọ, Phí Trường Phòng nói: Nghiệm trong kinh luận thì lẽ này là hiển nhiên, người này do túc duyên cảm nên chẳng liên quan đến việc thần trao. Lại y cứ theo ngoại điển, phu tử có nói sinh ra đã biết là thứ. Điều này nói về đời này khi sinh ra đã mê muộn chuyện quá khứ. Nếu không như vậy thì làm sao nói rõ được thánh hiền trong ngoài, sâu cạn ở quá khứ, hiện tại. Cho nên Cao Tăng truyện nói: Thích Đàm Đế họ Khang, tổ tiên Sư là người Khang Cư. Vào thời Hán Linh Đế dời về ở Trung quốc, vào cuối thời Hiến Đế loạn lạc, lại dời về ở Ngô Hưng. Cha ngài là Điêu, từng làm biệt giá ở Ký châu, mẹ Sư họ Hoàng, ban ngày nằm

ngủ mộng thấy một vị tăng đến gọi bà là mẹ, gởi cho một cây phất trần và một tấm thiếc chấn sách. Bà Hoàng tỉnh giấc thấy hai vật vẫn còn nguyên, điều bí mật kinh lạ. Do đó mang thai và sinh ra Sư, khi Sư lên năm tuổi, mẹ lấy hai vật báu đó đưa cho Sư, Sư nói: Vật này vua Tần ban cho con.

Mẹ hỏi: Con để đâu?

Đáp: Không nhớ.

Đến năm mười tuổi thì xuất gia, sở học không do thầy dạy, bản tánh tự phát ngộ. Sau đó theo cha đến phiền Đặng, bỗng gặp đạo nhân Tăng Hoạch ở Quan Trung, ngài liền gọi: Lược ơi!.

Tăng Hoạch nói: Chú nhỏ sao dám gọi tên bậc lão túc này.

Ngài Đàm Đế nói: Lúc nãy bất giác kêu như vậy là vì xưa kia ông là Sa-di đệ tử của tôi, thuở xưa ngài hái rau cho chúng tăng bị heo rừng cắn làm tổn thương, nay nhớ lại bỗng nhiên tôi gọi lớn. Tăng Hoạch đã từng làm đệ tử Pháp sư Hoằng Giác và hái rau cho chúng tăng bị heo rừng cắn làm tổn thương, nhưng Tăng Hoạch chẳng nhớ mảy may nào. Thế là ông tìm đến hỏi cha Đàm Đế, cha Sư kể rõ đầu đuôi sự việc đồng thời đưa phất trần và hai thỏi sắt. Tăng Hoạch nhận ra ngay việc này rồi khóc than: Pháp sư Hoằng Giác là Tiên sư của Lược, thầy đã từng giảng kinh Pháp Hoa cho vua Diêu Trành, bần đạo là người phụ giảng, vua Diêu Trành tặng cho thầy hai vật này, nay lại gặp nó ở đây, tính lại lúc thầy xả báo thân cũng chính là ngày gởi vật này, rồi nhớ lại lúc hái rau, ông càng buồn bã. Sau đó Đàm Đế đi học trong ngoài xem qua liền nhớ rõ. Đến lúc về già, Sư về ở chùa trên núi Hổ khâu nước Ngô, giảng lễ, dịch, Xuân Thu mỗi sách bảy lần; Pháp Hoa, Đại phẩm, Duy-ma mỗi thứ mười lăm lần, lại có tài văn chương, nên gom lại sáu quyển, vẫn còn lưu hành ở đời. Sư tịch năm sáu mươi tuổi, vào niên hiệu Nguyên Gia năm cuối đời Tống, Phí Trường Phòng nói:

Tăng Hoạch là đệ tử của Pháp sư Hoằng Giác, thầy trò đều lỗi lạc, tiếng tăm vang cả hai đời, Tần vật của ngài chỉ có ba y, cũng đâu ngại hạn chỉ có vật chấn sách và phất trần, gửi lại kỷ vật xưa, cho đến khi thần thức thác sinh thì hai vật này lại được theo nhau đến, vật vượt ngoài sự chất ngại của thần thức, chất ngại của thân vẫn còn theo mãi, huống chi pháp năng biết ở trong tâm mà không nhớ nghĩ. Cho nên gương chiếu thì càng sáng, dao chặt thì càng bén, nước mắt chứa thành biển, bụi trần nhóm thành núi, đời đời huân tập thì càng thêm sâu, kiếp kiếp học hỏi thì càng rộng lớn.

Gần nhất là ánh trăng mới mọc, cuối cùng là trăng rằm, bỏ thân

người rồi lại được thân người, tức là lần lượt sinh ra chuyện ấy. Nhớ chứ không hề quên quả là thần thông. Nhắm mắt tĩnh tọa, tự xét mình người nữ yếu đuối mà đọc tụng liên tục, há chẳng phải thân trước đã huân tập mà lại bảo là thần trao, sao lại ngu xuẩn, mê mờ đạo trí tuệ như vậy.

* Pháp Hoa Quang Thụy Bồ-Tát Hiện Thọ kinh.

Xuất xứ từ Cổ lục và Cựu lục, mất tên người dịch.

* Diệu Pháp Liên Hoa Độ Lượng Thiên Địa kinh.

* Diệu Pháp Liên Hoa Thiên Địa Biến Dị kinh.

Hai kinh này theo Tam Bảo lục chú của Phí Trường Phòng là ngụy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh luận, hai quyển.

Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi người Tây Vực, đời Ngụy dịch là Đạo Hy, là người bắc Thiên Trúc, thông thạo Ba tạng, khéo nhập tổng trì, chí đặt vào việc hoằng pháp, mở rộng sự thấy nghe cho chúng sinh. Sư bèn băng đèo vượt thác đến Thông lãnh vào đầu niên hiệu Vĩnh Bình đời Ngụy, Sư đến Đông Hạ, Hoàng đế Tuyên Vũ hạ lệnh cho người thỉnh Sư vào cung, tiếp đãi ân cần, cho Sư ở chùa lớn Vĩnh Ninh, cung cấp bốn thứ cần dùng, hơn bảy trăm Phạn tăng. Vua sắc lệnh ngài Lưu-chi làm chủ trì trong hội phiên dịch, dịch bộ luận trước, Sa-môn Đàm Lâm biên soạn. Trong phòng của ngài Lưu-chi kinh luận bổn Phạm có thể cả vạn cuốn, những bản Sư mới dịch bản thảo biên soạn đầy cả một phòng mà tuệ giải của Sư cũng tương đương với Lặc-na, thần ngộ thông minh, thạo tiếng địa phương, giỏi cả chú thuật, chẳng ai thua ai. Có lần Sư ngồi bên miệng giếng, tắm gội thân thể, trong giếng hết nước, đệ tử chưa đến không có người múc nước, Sư liền bỏ nhành liễu, tạm rảy vào trong giếng, lẳng lặng trì chú, mới được mấy biến thì dòng nước vọt lên, đến nỗi tràn cả giếng. Sư liền dùng bát múc tắm, vị tăng bên cạnh thấy rõ việc đó, chẳng đoán được phép thần của Sư. Chi nói: Đấy chính là pháp thuật, người nước ngoài ai cũng làm, còn người xứ này không học, đây chính là ý Thánh.

* Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luận, một quyển, của ngài Tăng Lặc-na-ma-đề người Trung Thiên-trúc, đời Ngụy dịch là Bảo ý. Văn chương dồi dào, lý sự đều thông, tụng cả ức bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, rất thông thạo thiền pháp, ý muốn đi khắp nơi giáo hóa. Vào niên hiệu Chánh Thỉ năm thứ năm, ban đầu Sư đến Lạc-ba cùng Bồ-đề-lưu-chi ở nội điện Lạc Dương phiên dịch. Sau đó, mỗi vị đều theo thầy học, không cùng tham học, vua y theo sự hưng thạnh của việc hoằng pháp, lược trình bày chỗ khúc mắc, bèn hạ lệnh mỗi nơi mời dịch, dịch

xong thì cùng tham khảo hiệu đính, trong đó chỗ nào ẩn khuất tối nghĩa hoặc có những điểm khác nhau thì cùng nhau sửa. Lặc-na dịch xong, Thị trung Từ Quang biên chép, sau đó Sư được vua thỉnh giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc ở trên pháp tòa bỗng nhiên thác hóa, các vị tăng phụ giảng cũng mất theo một lúc, cả nước Ngụy hay tin không ai là không khen ngợi.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn.*

## QUYỂN 3

## GIẢI THÍCH

- Thích Cát Tạng chùa Nhật Nghiêm ở Kinh Đô đời Đường.
- Thích Quán Đảnh chùa U Thê ở núi Ngưu Đầu đời Đường.
- Thích Pháp Dung chùa U Thê ở núi Ngưu Đầu đời Đường.
- Thích Trí Diễm chùa núi Vũ Khâu đời Đường.
- Thích Trí Bạt chùa Già-xà ở Tương Dương đời Đường.
- Thích Tuệ Viễn chùa Ngộ Chân ở núi Lam Điền đời Đường.
- Thích Trí Thông ở núi Ngưu đầu đời Đường.
- Tả Bộc Xạ Tống quốc công Tiêu Vũ đời Đường.
- Thích Tuệ Mân núi Hải Ngu đời Đường (Đàm Huyền Phụ).
- Thích Duyên Quang, nước Tân-la đời Đường.
- Thích Đàm Bích chùa Lưu Thủy ở Tô Châu đời Đường.
- Thích Trí Nghiễm chùa Giới Nghiệp ở Đồng Châu đời Đường.

Còn có ba mươi ba vị, chép ở phía sau, cũng có soạn sớ.

*****

**** Thích Cát Tạng:***

Sư vốn họ An, người nước An-tức, dòng họ lánh nạn dời về Nam Hải, do đó dựng nhà giữa Giao - Quảng. Sau đó, dời về Kim lăng rồi sinh ra Sư. Lúc Sư còn nhỏ, được cha dẫn đến tham kiến ngài Chân Đế xin Sư đặt tên, do đó đặt tên là Cát Tạng. Sau đó, cha dắt đến chỗ Pháp sư Đạo Lãng ở chùa vua nghe giảng. Ngài nghe tới đâu hiểu rõ tới đó, thông ngộ như trời phú. Năm lên bảy tuổi, Sư đến chùa ngài Đạo Lãng xuất gia, nắm bắt hết những then chốt, ngày càng sâu sắc, hễ học hỏi

được những gì đều thông đạt yếu chỉ, luận nạn nêu ra thì không ai sánh bằng, ngôn từ sắc sảo đầy sức thuyết phục. Năm lên mười chín tuổi, ở trong chúng giảng nói lại, biện từ trôi chảy, ý tứ sâu sắc, đối đáp thỏa đáng, quả thật tuyệt vời. Tiếng tăm Sư vang khắp vùng Dương ấp, sau khi thọ giới cụ túc tiếng tăm càng cao hơn. Cuối niên hiệu Khai Hoàng, Dương đế lập bốn đạo hoàng ở Tấn Phiên, do quốc ty cung cấp. Vì ngài Cát Tạng là bậc biện giải thông suốt, nên được mời vào Tuệ Nhật, thờ phụng đầy đủ, ưu ái khác thường. Vua lại xây chùa Nhật Nghiêm ở Kinh đô, đặc biệt thỉnh Sư về đó ở. Sư được dân chúng ở Kinh đô kính chuộng nên khéo giảng lại Pháp Hoa, chính vì sự thuận lợi đó nên Sư có dịp mở mang. Vào niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu Sư viết hai ngàn bộ Pháp Hoa. Vận nhà Tùy hết, Sư đúc hai mươi lăm pho trượng, bỏ căn phòng đã xây dựng, đến ở một am tranh nhỏ bé. Sớm tối Sư siêng năng, cố gắng sám hối, rồi lại đúc một tượng Phổ Hiền đặt riêng trong thất để hằng ngày ngồi thiền trước tượng, quán kỹ thật tướng, cứ thế nhiều năm không hề thay đổi, cho đến lúc mất. Tuổi tác Sư lúc này suy yếu dần, lại thêm bệnh hoạn, vua sắc ban thuốc hay, sai sứ đến thăm viếng luôn và tỏ vẻ rất ân cần. Nhưng vì Đại pháp, Sư cũng quá lao nhọc. Một hôm, sư tắm gội sạch sẽ mặc y phục mới, đốt hương, rồi bảo họ niệm danh hiệu Phật. Sư ngồi quán tưởng, như lộ nét vui, sắp đến giờ trai đường thì lặng lẽ ra đi, thọ bảy mươi lăm tuổi, nhằm tháng 05 niên hiệu Vũ Đức năm thứ sáu. Theo di chiếu thì để lộ hình thể mà sắc càng tươi tắn, vua hạ chiếu cho người phúng viếng, và đem về Nam sơn an trí khám thờ bằng. Tất cả những lần Sư giảng Pháp Hoa gồm ba trăm lần, cũng sáng tác huyền sớ đến bây giờ vẫn thịnh hành ở đời. Cho đến lúc sắp mất Sư có soạn một bài luận “Không sợ chết”, rồi ném bút mà thị tịch.

**** Thích Quán Đảnh:***

Tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở xứ Nghĩa hưng thuộc Thường châu. Tổ tiên Sư lánh nạn về Đông Âu, từ đó không trở lại nữa, nay là Chương an ở Lâm hải. Cha mất sớm, mẹ một mình nuôi con, khi Sư mới sinh được ba tháng, bà mẹ muốn đặt tên con, suy nghĩ về về đủ loại nhưng không biết đặt tên gì. Ban đêm bà niệm danh hiệu Phật pháp tăng, Sư cũng niệm theo, tiếng tăm rõ ràng mọi người ai cũng kinh ngạc. Do đó bà đến thưa với Pháp sư Tuệ Cực chùa Nhiếp Tĩnh. Pháp Sư nghe vậy rất vui và khen rằng: Đứa trẻ này là người phi phàm, bèn đặt tên là phi phàm. Năm lên bảy tuổi lại đến làm đệ tử ngài Tuệ Cực, văn từ ngày càng tiến bộ, các nhà huyền Nho đều nể phục. Sư là người

thanh tao, phong nhã, tài giỏi, khéo léo nên nổi tiếng ở đương thời. Năm lên hai mươi tuổi thọ giới cụ túc, phước đức viên mãn. Sư càng suy nghĩ về chỗ ở cho mình, nên từ lúc thầy qua đời, Sư lên Thiên Thai học pháp thiền định, vì có chỗ chưa thấu nên theo ngài Tri Giả về Đông, ở Thai Nhạc. Vào những năm cuối đời ra khỏi tinh xá, xứng tâm khai giảng Pháp Hoa, phá vỡ giỏ lưới, đuổi theo dấu mây, cùng nhau suốt vó, gom giỏ thành nhóm. Có Pháp sư Cát Tạng nhập thất ở Hưng Hoàng, Sư rất vui mừng, kết bạn với nhau rồi một mình về Triết Đông, nghe tin tinh xá xứng tâm, đạo rất hưng thịnh, nhưng ý chưa quyết. Sư tìm nghĩa ký đọc xem chỗ sâu cạn, mới thấu rõ thân tâm, say sưa nghiên cứu. Do đó phế bỏ hội giảng, giải tán thinh chúng, đến ở Thiên Thai, bẩm thọ Pháp Hoa, phát nguyện mở mang. Đến năm bảy mươi tuổi, ngài Trí Giả hiện bệnh, sớm hôm hầu hạ, hết lòng lo lắng, cho đến khi thầy diệt độ, Sư đích thân kế thừa di chỉ, và lãnh thọ các sách vỡ và tín vật của thầy để lại. Than khóc quỳ dâng lại cho Tấn Vương, Tấn Vương cúi đầu đảnh lễ nhận các di vật. Niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai vua ban lệnh rằng: Thiền sư là bậc cao túc của Đại sư giao phó pháp môn, nay lại sai sứ đến thỉnh cầu, mong nhờ ân huệ, và sớ kinh Pháp Hoa. Sư theo sứ về kinh, chờ đợi lai nghi, viết không hết lời. Sư ôm bát quảy tích cất bước vào cung. Hoằng Dương ba mùa hạ, càng khiến vua yêu kính, mỗi lần gặp điều sâu mầu đều đến trình bày thưa hỏi. Sư đối đáp thích hợp với các nghi vấn, xuyên suốt hết sách vở. Sau đó, sai người thân tín tiễn Sư về chùa.

Có lần, người trong thôn Pháp long cách núi hơn ba mươi dặm, bị bệnh không cứu khỏi, điều trị đủ cách vẫn không bớt, con ông vội chạy vào núi cầu cứu, Sư chuyển tụng Pháp Hoa, đốt hương chiên đàn, người bệnh tuy ở xa nhưng vẫn ngửi thấy mùi hương lúa, liền được bình phục. Lại, lãnh địa Lạc An Nam gọi là An châu, xứ ấy cây xanh suối biếc, mạch nước ẩn ngầm, đường đi khó thông, Sư thích du ngoạn cảnh ấy và ngoảnh lại phát thệ rằng: Nếu khiến cho vùng đất này bằng phẳng, thì sau này ta sẽ trở lại giảng kinh, chưa được mấy tuần thì cát trắng trơn khắp, bằng như gương ngọc. Sư nhờ sự lĩnh thông mà hiển hiện. không trái nguyện xưa nên vẫn giảng Pháp Hoa, để đền đáp linh ý. Từ khi Sư thọ nghiệp ở Thiên Thai, lại bẩm đạo ở Hoành Nhạc, chiêm nghiệm ba đời, tông quy chẳng hai, hoặc quán hoặc giảng cũng thường nương theo ý chỉ Pháp Hoa, cho đến nói về pháp môn đốn chỉ quán, bốn niệm, v.v... cũng rất nhiều lần. Vả lại, biện tài của Trí Giả tuôn trào như mây mưa, hoặc giống như lưới trời chợt tuôn anh lạc, nghe bất cứ pháp nào cũng

lãnh hội được, và duy nhất một mình Quán Đảnh ghi riêng về ý chỉ của ngài Trí Giả, rồi tự soạn nghĩa ký và các đề mục của tạp văn, tất cả đều khắc vào bia đá. Vào ngày mồng 07 tháng 08 niên hiệu Trinh Quán năm thứ sáu, Sư mất trong tăng phòng chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi hai tuổi. Ban đầu thị hiện ít bệnh nhẹ, không kể dược liệu mà trong thất có mùi thơm lạ. Lúc sắp qua đời, Sư bảo đệ tử rằng: Kinh Di-lặc nói: Lúc Phật sắp diệt độ, khói hương như mây, ông hãy đốt nhiều hương, ta sắp độ đây. Do đó mà nêu rõ lời di giới, lời lẽ sâu sắc, ý tứ thân mật, lúc này môn nhân pháp hữu chiêm ngưỡng rơi lệ. Bỗng nhiên Sư ngồi lên chắp tay như có vẻ cung kính xưng ba lần danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật, rồi nghiêng mình nằm xuống, sắc mặt tươi tỉnh, lẳng lặng thác hóa. Toàn thân mềm mại, đỉnh đầu còn ấm cả ngày. Có một người bạn đồng học là Trí Hy là bậc chí sĩ thanh cao, ngài mất niên hiệu Trinh Quán năm đầu. Trước lúc qua đời, Sư nói: Ta sinh lên cõi trời Đâu-suất, thấy Tiên sư Trí Giả xếp vào hàng tòa báu, tòa nào cũng có người, chỉ còn một tòa trống bảo rằng sáu năm sau, Pháp sư Quán Đảnh lên đây nói pháp đốt hương, nghiệm lại nghĩa đó tức là ngài Di-lặc đến rước. Tính năm tháng, luận thời gian, xét thấy lời ngài Trí Hy không sai lầm. Vào ngày 09 tháng ấy nhập tháp Sư tại chùa Chí Tướng ở Nam sơn.

**** Thích Pháp Dung:***

Ngài thuộc họ Vĩ, người Tân Đình ở Diên lăng thuộc Chu Dương. Thuở nhỏ đã thông minh không chịu khổ nhọc, tánh tình thẳng thắng. Tham khảo nhiều kinh sử. Năm hai mươi tuổi xuất gia lìa tục, ẩn cư trong núi rừng, quảy hành trang lên đường tìm thấy, ngàn dặm không ngại, sau đó nương Pháp sư Đại Minh ở chùa Phong lạc núi đệ sơn, nghe giảng Tam luận và các bộ kinh như Hoa Nghiêm Đại phẩm, Đại Tập, Duy-ma, Pháp Hoa, v.v... Nương theo vị thầy này học tập nhiều năm thấu đạt chỗ sâu xa của kinh điển, mặc dầu ở trong chúng đã lâu nhưng chưa ai biết nhiều khi ngài Đại Minh thị tịch, ngài tiếp tục tham học với Pháp sư Thúy ở Cổ quan. Bấy giờ, dưới pháp tòa của Pháp sư Tăng Nhận, pháp lữ đông như cây rừng, ai cũng tranh nhau biện vấn, lời lẽ sắc bén như tên đao, nhưng riêng Pháp Dung che giấu sở trường của mình, thầm tưởng ở trong lòng, đến lúc rảnh rỗi thư giãn, Sư mới trình lên những nghi vấn của mình. Lời lẽ sắc bén, nghĩa lý sâu xa, dều là những điều mà người chưa từng nghe, ngạc nhiên và thán phục, rất mực kính trọng. Rồi thầm nói với người khác rằng: Vị sư này, về sau chắc chắn sẽ thực hành tám không trong Phật pháp. Nhưng theo quy luật vô thường không

được sự cho phép của thời gian. Sau này có Pháp sư Khoáng chùa Vĩnh An niên hiệu Vĩnh Gia, pháp sư Mẫn chùa Nhất âm ở cối kê. Pháp sư Mân chùa Định lâm ở chung sơn và Nghĩa Hải đương thời. Ngài Pháp Dung đi khắp các pháp tòa, vui vẻ tự được. Sau đó, trở về chùa U thê núi Ngưu đầu ở Chu Dương cất một ngôi thất riêng, để tinh tu nghiệp cũ. Bạn học xa gần cùng nhau quy về nương tựa. Sư ở trước hang động giảng một bộ kinh Pháp Hoa, bấy giờ vào tháng thạnh đông, tuyết đóng đầy cây cối nhưng chỗ Sư giảng bỗng nở ba đóa hoa sen vàng óng, chúng hội kinh ngạckhen là việc chưa từng có. khi văn kinh vừa giảng xong thì hoa cũng biến mất. Lại có một con nai, thường đến nghe pháp đúng giờ, khi pháp ngưng giảng thì cũng không thấy đến nữa. Những môn nhân phát tâm đều lấy Pháp Hoa làm việc chánh, sau đó không biết Sư mất ở đâu.

**** Thích Trí Diễm:***

Sư họ Chu, người ở Ngô quận, ông nội Sư tên là Hiến, làm chức Lương viên ngoại tán kỵ thị lang. Cha Sư tên Mân, là phụng trần triều thỉnh. Mẹ Sư họ Trương, lúc mới mang thai Sư nằm mộng thấy lên ngôi tháp cao, ngôi trên bánh xe pháp. Khi sinh ra Sư có nhiều điềm khác thường hơn các trẻ khác, năm lên tám thì xuất gia, thờ Pháp sư Cừ ở chùa Thông Huyền làm thầy. Sau đó, tham cứu các kinh, vượt hơn các bậc tiền bối. Niên hiệu Chí Đức năm thứ ba đời Trần, Kiến Nhân Vương Tề, trăm sự trăm tòa tranh nhau biện vấn, lúc ấy Sư mới hai mươi hai tuổi, có tư chất của bậc anh tài trẻ tuổi, mà mang dáng dấp thần dị của người hoằng thông. Cơ biện ngang dọc mọi người ai cũng kính phục. Lúc đó, Tùy Dương Đế ở Phiên cũng rất kính trọng, khi nhà Đại Đường tóm thâu thiên hạ thì Sư bèn trở về chùa núi Vũ Khâu, ngoài việc giảng dạy tu niệm còn thực hành sám Pháp Hoa, Phổ Hiền, v.v... và tụng Pháp Hoa hơn ba ngàn biến, cảm ứng thầm phù hợp, điềm lành chẳng phải một, lư trầm chưa đốt mà tự bốc khói thơm, tịch quán vừa hết, lại châm nước đầy. Vào tháng 10 niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám Sư mất tại chùa trên núi, thọ bảy mươi tuổi. Sư giảng Pháp Hoa hơn ba mươi lần.

**** Thích Trí Bạt:***

Ngài họ Trương, người ở Tương Dương, thuở nhỏ đã có sẵn tư chất thanh ngộ, kính mến Phật pháp, sáu tuổi xuất gia, ban đầu làm đệ tử của sư Nhuận. Vị này vốn có tề khí nên bèn dắt Sư gởi cho Pháp sư Triết, Pháp sư Triết cũng là bậc cao tăng ở Tương châu, có ghi đủ trong biệt truyện. Lúc mới tụng Pháp Hoa mỗi ngày thuộc năm trang, các lý

nhiệm mầu trong kinh, Sư cũng hiểu được quy độ, chỉ có đại ý của chư Phật xuất thế trải qua khoảng thời gian thì mỗi vị một cách không hoằng không thông, Sư đảm nhiệm chức y trì khai ngộ người mê. Nhân lúc Pháp sư Cát Tạng bậc thượng đức ở Đế kinh, là bậc khuôn phép tiêu biểu cho bốn biển, là người thầy sáng của Ba thừa, Sư bèn tìm đến vâng chỉ, thành tâm dốc lòng, hai bên đầu đuôi bảo phải thuật lại. Lời cổ vũ của những vị tài giỏi, nên nói một cách rành rọt, trôi chảy. Ngài Cát Tạng đích thân lên tòa, những lời Trí Bạt hỏi như Nhất thừa là mây, bèn phân làm ba, cũng gọi Nhứt thừa là mưa, chia làm ba giọt mưa, chúng không dám đáp. Cát Tạng nói: Câu hỏi này của Bạt, ý nghĩa rất sâu. Sư giao phó đại pháp cho ông, rồi bảo ông phải giữ gìn. Sau đó, Trí Bạt chống tích về Tương Dương ở chùa Già-xà, luôn ở Thường tế giảng kinh Pháp Hoa, nêu riêng Ngũ Thiên. Vào ngày 17 tháng 09 niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn, Sư ở nhà Trương Công Anh là Thanh Tín Sĩ túc tập thụ nghĩa, khai tựa Pháp Hoa xong, bèn nói nay ta từ biệt các Đại đức, Đàn-việt ở trong xóm này. Lúc đó, mọi người không đoán được lời Sư nói. Thế là Sư thúc thủ thân tâm, mọi người tưởng người nhập định, bèn đến xem thử thì Sư đã tịch rồi. Tăng tục chung cảnh thương tiếc bi ai. Nhưng diện mạo của Sư như còn sống, lại ngồi sừng sững. Tương Vương đích thân đến phúng viếng lễ bái, đốt hương cúng dường, tặng hơn một trăm món đồ, phần mộ cấp cho trên năm ngàn người tế lễ. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

**** Thích Tuệ Viễn:***

Ngài họ Đỗ, người ở Kinh Triệu. Thuở nhỏ đã không thích chơi đùa, lại kính mến Phật pháp. Mới mười tuổi đã đến chỗ Pháp sư Cát Tạng xuất gia. Khi thọ giới cụ túc, học rộng hiểu nhiều, giảng kinh Pháp Hoa, tự tay viết chương sớ, đến lúc về già, từ giã cảnh đời vào ở Lam cốc, sống trong cảnh thanh nhàn, vui đạo hơn mười năm. Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười chín Sư đang nhập hạ ở chùa, lúc đó gặp mùa hạn hán Sư bèn giảng Pháp Hoa để cầu mưa, xa gần nghe vậy mây mù kéo đến, thường thấy hai ông lão đúng giờ đến ngồi, chẳng phải người quen cũ, ngài Tuệ Viễn im lặng ghi, trầm tư kết vấn, lúc chưa khỏi phát đã giảng đến phẩm Dược Thảo Dụ, trời đổ mưa lớn thấm ướt khắp nơi. Từ đó hai ông lão ba ngày rồi không đến nữa. Sau đó, cả hai chống gậy đến, ngài Tuệ Viễn ngạc nhiên hỏi, họ bèn rụt rè đáp: Đệ tử là rồng, nhờ ơn Pháp sư giảng phẩm Thí Dụ để mở cửa phương tiện cho nên đáp đền ân đức đó bằng cách làm mưa. Nhưng lúc chưa cảm ứng, con lại tư tiện sái nước, vì vậy bị Long vương đánh bằng roi. Ngài Tuệ Viễn đấp

ba y để hộ niệm thêm thì lúc ấy gió thoảng nhẹ khắp thân Sư, nhưng Sư vốn có tánh khiêm tốn, cho nên tuy gặp sa-di cũng xuống ngựa để hỏi thăm, người kia đáp: Tợ như áo nhuộm, tiên thánh cùng tòa, thầy trò kính nhau nay thành chánh học, phận làm học trò đâu dám không tôn. Ngài Tuệ Viễn thường tụng Pháp Hoa, luôn hiện điều kính cảm. Có khi không châm dầu đốt đèn cả mấy ngày mà vẫn sáng trưng. Sau đó, Sư nhuốm bệnh mấy ngày rồi mất, thọ năm mươi mốt tuổi, lúc đó vào tháng 07 niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi mốt.

**** Thích Trí Thông:***

Ngài họ Trần, ở Tứ châu, xuất gia năm tám tuổi, làm đệ tử Pháp sư Chánh Đạo. Sau đó, tụng và giảng kinh Pháp Hoa ở núi Ngưu đầu, khéo giữ giới luật, hành trì giới luật rất tinh chuyên, hàng phục già trẻ, trai gái tấu chương đều phải nhờ Sư. Xa gần nể sợ, chùa viện khi hoàn thành chỉ có Sư ở đầu tiên, cả chúng nể sợ. Sư không chứa của riêng, thường có đôi ngỗng đúng giờ đến nghe giảng.

Sư giảng hơn trăm lượt, hai lần phát ra ánh sáng. Đến ngày 30 tháng 10 niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi ba, Sư bảo chúng: Ta xây chùa này (sơn tự) đã sử dụng một muôn quan tiền, tiếc rằng chưa chu tất, nay lại vĩnh biệt, nói xong thì mất, thọ bảy mươi bảy tuổi. Bấy giờ, toàn tăng phòng, điện đường đều rung chuyển, cây cối hoa cỏ chợt biến thành mầu trắng, trải qua một bữa ăn thì mới trở lại trạng thái cũ.

**** Tử Bộc Xạ tống Quốc Công Tiêu Vũ.***

Tự là Thời Phụ, người ở Lam lăng, ông nội là Cao tổ Lương Vũ Đế, cha là Minh Đế. Ông rất kính tin kinh điển, dẹp bỏ ngoại điển. Lúc ở trong yến tiệc cũng thường bảo người khác đem thức ăn chay cho ông. Lại tặng cho Vương Bao một bộ kinh Đại phẩm viết tay, một bộ cà-sa sơn nạp. Tuy ông tuy đảm nhiệm chức vụ tham quốc nhưng không hề bỏ bê việc tụng niệm, viết mười quyển Pháp Hoa nghĩa ký. Lúc đó, ở trong phủ Đệ giảng cho con cháu nghe, ngày chú thích xong, mộng thấy tháp Phật Đa bảo chói lòa giữa hư không. Do đó gọi những người thợ khéo léo làm ngôi tháp mầu này. Vào tháng 06 niên hiệu Trinh Quán năm hai mươi hai ông mất ở cung Ngọc Hoa. Trước lúc qua đời, ông có di chúc rằng: y phục và đạo cụ của ta đều biếu hết cho chùa Tân Lương. Yết-ma như vật của chúng tăng, chiếc sơn nạp của vua ban và thọ bi nạp của Cao Tổ, cùng với thiết như ý, khúc kỷ, phất trần, lò hương, chậu rửa, bình khạc bằng ngọc, mã não châu, mũ quan, khí phục, đều nhập

vào của thường trụ, cùng dường mãi mãi.

**** Thích Tuệ Mân:***

Ngài là người Hà Đông, bản tánh ngay thẳng, phẩm hạnh hơn người. Xuất gia năm chín tuổi, tinh tấn tu hành, tụng kinh Pháp Hoa, ngày tháng trôi qua chẳng bao lâu sau Sư đi tham học khắp các vị danh sư, truy cứu đủ lý mầu.

Năm lên mười bảy, nhận thỉnh về quê, ở chùa Quang Hưng, giảng kinh Pháp Hoa, thính chúng đông nghẹt, hiện rõ nhiều điềm lành, phút chốc hương thơm đặc biệt kết tụ trên hư không. Sau khi Sư thọ cụ túc, càng thêm tinh tấn, mười bảy năm không ra khỏi chùa, từ trước đến nay thường sống đạm bạc, mặc vải thô sơ, ăn rau cải để sống. Em của Sư là Khánh đã dứt bặt sự chế nhạo. Sư nói: “Được như vậy mới khiến cho bầy thú không loạn, đám chim không nhiễu”. Vào đầu đời Đường, Sư lại vượt biển đến ẩn cư ở Ngu sơn hơn hai mươi năm. Môn nhân từ các nơi xa xôi đến thọ giáo thường có trên trăm người. Sư cho rằng đất này phải trồng cây, bèn khích lệ mọi người trồng mấy mươi muôn gốc để đem lại công đức chung cho Tam bảo mai sau. Vào thuở trung niên Sư ở miền Nam, trong một ngôi am tranh riêng, lúc đó có hai chú thỏ và một con hổ đến ở bên cạnh, chúng quanh quẩn trong ngoài nhưng không làm tổn hại nhau, đến nỗi cầm thú thần kỳ thỉnh Sư trao giới. Thuật lại những sự tích của Sư quả thật không thể nói hết. Vũ Dương Công Lý Thế Gia là Đô đốc ở Tô châu và Thứ sử Giang Vương lần lượt thỉnh nhiều lần, Sư cố từ chối không nhận. Vào ngày 11 tháng 08 niên hiệu Trinh Quán năm cuối, Sư mất tại chỗ ở ẩn, thọ bảy mươi bảy tuổi, ba ngày trước lúc qua đời, mùi thơm lạ bay khắp chùa. Cả chúng ngạc nhiên hỏi: Sư đáp, hôm sau ta sẽ đi, sống chết là lẽ thường của con người, gởi thân nơi trần thế hoàn toàn như đi trên mây. Đừng bao giờ khóc lóc, mỗi người hãy nhớ đến vô thường, mau cầu diệt độ, tang lễ xong thì chôn cất theo nghi lễ thông thường của luật. Bia ký trang trí thì đừng bao giờ làm, hãy y theo lời dặn này thì ta đây chẳng cần nói gì nữa. Điều này cho thấy đến lúc qua đời Sư vẫn định tĩnh vô cùng, có thể gọi là một con người kiên trinh.

**** Thích Đàm Bảo:***

Không biết Sư ở đâu, từ lúc cạo tóc hủy hình thì giới luật không thiếu khuyết, thường giảng kinh Quán Thế Âm, dắt dẫn đạo tục và âm thanh Sư rất thanh thoát, đặc biệt hơn người. Khi lên cao tụng kinh âm

hưởng vang xa đến ba mươi dặm.

**** Thích Duyên Quang:***

Sư là người nước Tân-la, tổ tiên Sư thuộc con cháu của Tam Hàn. Theo Lương viên chức đồ nói: "Nước Tân-la, Ngụy dịch là Tư Lô, Tống dịch là Tân-la, vốn là nước của Đông Di Thần Hàn". Ngài sinh ra trong một gia đình danh gia vọng tộc, đời trước đã gieo trồng tín tâm trong sáng nên sớm gặp duyên lành. Xuất gia mặc pháp phục từ thuở còn thơ, siêng năng tu tập, hiểu biết hơn người, nhớ rõ từng mục kinh, ngộ được sự vận hành của tâm, nhưng vì sinh ra ở biên địa, Phật pháp chưa được lưu thông. Bấy giờ, vào giữa niên hiệu Nhân Thọ đời Tùy, Sư lên đường đến nước Ngô gặp Trí Giả hoằng dương kinh điển, Sư hầu cận sớm hôm, nên hạnh giải đều thấu đạt. Trong mấy năm chuyên tinh bỗng nhiên đại ngộ. Trí Giả bảo Sư đăng đàn giảng kinh Pháp Hoa, những vị tài giỏi đều thần phục. Sau đó, Sư ở riêng trong viện Thiên Thai, càng tiến tu thêm diệu quán, chợt thấy mấy vị bảo rằng Thiên-đế thỉnh giảng, Sư im lặng bằng lòng. Thế là bỗng nhiên dứt thở, trải qua mấy ngày nhan sắc vẫn như thường, vẫn quay về bổn thức, chẳng bao lâu công việc hoàn thành họ đưa Sư về nước cùng với mấy mươi người đi trên chiếc thuyền lớn, đến giữa biển bỗng nhiên thuyền không chạy, thấy một người cưỡi ngựa lướt sóng đến, đứng trước thuyền nói: Thần biển thỉnh sư tạm vào cung giảng pháp.

Sư nói: Thân bần đạo nguyện làm lợi ích cho muôn sinh, thuyền và bạn đồng hành chẳng biết làm thế nào.

Người ấy nói: Những người đồng hành và thuyền mong Sư chớ lo.

Thế là cả chúng xuống thuyền. Đi được mấy bước, chỉ thấy một con đường cái bằng phẳng, hoa thơm nở bên đường. Thần biển dắt theo trăm người hầu đến đón Sư vào cung, châu ngọc sáng loáng, chói lòa cả mắt. Sư nhân đó giảng cho họ nghe một biến kinh Pháp Hoa, họ cúng dường Sư châu báu, rồi tiễn Sư lên thuyền.

Khi Sư trở về chốn cũ thường giảng nói kinh này mở rộng cửa pháp, quả thật công phu. Lại vì từ nhỏ Sư đã tụng trì mỗi ngày hơn một biến cho đến khi mãn báo thân, vẫn không bỏ bên việc này. Vào năm sắp tám mươi tuổi Sư mất tại chùa Sư đang ở. Thân xác tuy đã hết nhưng cuống lưỡi Sư vẫn còn. Cả nước biết tin này đều khen là việc chưa từng có. Sư có hai người em gái cũng là Phật tử thuần thành, thâu xá-lợi và lưỡi đem về thờ. Cô thường nghe lưỡi kia tự tụng Pháp Hoa, một cô

không biết nơi nào giảng pháp Hoa, nhân đó hỏi thì lưỡi Sư đều giảng cho nghe.

Có vị tăng Liên Nghĩa người Tân-la, năm đó vừa đúng tám mươi tuổi, mặc áo thô sơ, ngày ăn một bữa, khổ hạnh hơn người, cùng ở chung với tôi kể lại chuyện này, nên tôi chép ra đây.

**** Thích Huyền Bích:***

Chẳng rõ Sư họ gì, là người huyện Ngô ở Tô châu. Thuở nhỏ, Sư xuất gia ở chùa Lưu thủy, ham học hỏi, không biết mệt mỏi, thường đến những hang động để tĩnh tâm quán sát, không bận tâm đến việc đời, thú dữ rắn độc, yêu tinh ác tặc, thường gặp vô số nhưng chúng chưa bao giờ ngỗ ngược mà lại sống rất có tình. Sư thường ngồi trên một chiếc giường đóng bốn tấc, không hề có mảy bụi nhưng Sư chẳng bao giờ nằm. Thường giảng Trung, Bách, nhập nhị môn, nhiếp Đại thừa và các kinh như Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Pháp Hoa, v.v... Người hơn hai mươi châu đều đến nghe pháp. Có lần Sư giảng kinh Pháp Hoa chợt thấy một con chim sẻ, bay từ bên ngoài vào xuống ao dưới chánh điện, ngụm nước rưới đất ba lần từ tòa của thánh tăng đến bên điện Phật, rồi đứng im ở đó mãi đến lúc giảng xong mới bay đi. Cứ như vậy suốt một năm, sau đó mới đến ở luôn. Mỗi khi Sư thượng đường thì nó vỗ cánh dẫn đường, khi Sư xuống tòa thì nó nghiêng mình đi theo. Có lúc Pháp sư bảo múa thì nó liền lượn cánh kéo chân xoay mình quay đầu, chợt bay chợt liệng lúc đến lúc lui, biến đổi tuyệt diệu, khó thể nói hết. Hai năm như vậy quanh quẩn không bay đi đâu, kẻ sĩ văn chương ở mấy châu đều là người tài giỏi mà cũng cùng nhau ca ngợi nó. Sau đó, Thứ sử Giang Vương muốn đến chùa. Trường sử Tư Mã bảo người đến báo cho Pháp sư. Pháp sư nói: Được. Rồi vẫn ngồi thiền như thường lệ, khi Vương đến cổng chùa, Trưởng Sử tự báo, Sư nói biết rồi vẫn ngồi yên như thường, Vương trách sao Sư không đến đón rước rồi quay ngựa ra về. Đến canh một đêm hôm đó, Vương gọi toàn thể tăng chúng vì nước hành đạo, chư tăng đều nhóm họp chỗ Vương, Vương nổi giận lộ ra nét mặt, sai Trường Sử đi ngàn dặm gọi Pháp sư, Pháp sư bảo: Vua vì nước mà truyền kinh, tâm phải hết sức tôn trọng, nếu tâm chưa thanh tịnh mà đến đón tăng. Đại phu khinh mạn không kính Tam bảo, truyền kinh như vậy cũng chỉ phí sức mà thôi, vua ra lệnh trong phủ đem tất cả rượu thịt, năm thứ rau cay đổ bỏ hết, rưới nước thơm lau chùi. Bần đạo lại phải tắm gội sạch sẽ rồi mới chuyển kinh được. Ông hãy đi đi, hôm sau hãy đến. Vương rất giận, bèn sai người đến gọi Pháp sư, Sư vẫn ngồi

như cũ, không hề tỏ vẻ sợ hãi, đến ngày hôm sau mới đến chỗ Vương ở. Vương hỏi chư tăng: Huyền Bích là người nào? họ đều nói: Ngài là bậc cao tăng hành thiền. Vương hiểu chút ít rồi sai người mời vào, ông đặt một tòa cao sai ba bốn cô gái đẹp hầu cận ở bên, ngài Huyền Bích nói năng qua loa rồi lễ Phật lên tòa ngồi kiết già, thu thần nhập định suốt bảy ngày, áo trên thân dính đầy bụi nhưng Sư không hề dao động. Vua bèn phát tâm lành rất mạnh, ông hỏi chúng tăng: Phải làm sao để Sư xuất định. Tăng nói: Cúng dường âm nhạc. Vương bèn sai người hầu tấu suốt nửa ngày, Sư mới xả định, ông và phu nhân thỉnh Sư để sám hối, thọ giới. Đem tất cả chồn chó, chim chóc phỏng sanh, Sư khuyên Vương tụng Tâm kinh Bát-nhã. Vương y theo lời khuyên ngày nào cũng tụng, sau đó xả bỏ hết mọi thứ trang sức để đền đáp ân đức của thầy, Sư không nhận vật nào cả mà bảo Vương bố thí. Từ ngày đó trở đi ngày trai nào ông cũng đến chùa, thưa hỏi các yếu chỉ sâu mầu tiếng tăm của công việc hoằng hóa vang khắp xa gần, việc này xảy ra vào giữa niên hiệu Trinh Quán, sau đó chẳng biết Sư mất ở đâu.

**** Thích Trí Nghiễm:***

Sư họ Nghiêm, người Đồng châu. Thuở nhỏ đã có sẵn tính hiếu học, thanh tao, chân chất hơn người khác, hành động cứng rắn, ngay thật đúng theo phép tắc. Khi lên mười hai, mười ba tuổi tình cờ gặp vị tăng người Ấn-độ, thế là Sư được xuất gia và được thầy dạy dỗ, nuôi dưỡng. Sư ở chùa Giới Nghiệp huyện Triều ấp. Thế rồi sau đó đi khắp nơi tìm thầy học Huyền giáo. Nhiếp luận, Duy thức, Bát-nhã, Duy ma và Pháp Hoa v.v... đều thông suốt đến ý chỉ sâu xa, tột cùng ý nghĩa của nó. Lại thêm vào đó là học văn chương thế tục rất giỏi Lão Trang, lão luyện huyền tình, xuất phát từ trí óc. Chưa đầy mấy năm đã lên làm Pháp tướng. Ngoài những lúc giảng nói Sư lại chuyên tâm vào diệu quán, thường ngồi không nằm, cứ làm như vậy, trong phòng chỉ có một chiếc giường, không có vật gì khác, quả thật đáng gọi là Pháp sư thanh thoát, ngôn hành tuyệt đỉnh. Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ ba, tăng ni Phật tử huyện Tiên chưởng ở Thái Châu thỉnh Sư về trụ chùa Linh Tiên, giảng kinh Pháp Hoa. Sư ở chùa Tăng, Hoàn Hương ở trong phòng. Đầu hôm lấy kinh Pháp Hoa lật ra để trên bàn, vừa muốn tìm đọc. Bấy giờ, Hoàn Hương cùng ba người thị giả đều ở chỗ mình. Sư đốt nhang chưa xong chợt thấy trong chữ Phật trên bìa kinh hiện ra ba viên xá-lợi năm màu sáng rực, lan tỏa khắp quyển kinh, lăn tới lăn lui không ngừng. Hoàn Hương đi khắp chùa bảo cho chúng tăng biết để họ đến lễ bái,

mọi người ai cũng muốn thâu lấy xá lợi, xá lợi hút vào trong chữ Phật, tăng chúng lễ bái buồn khóc, đốt nhang phát nguyện thì lại thấy chân dung, xá-lợi vẫn từ chữ Phật tuôn ra, biến hiện không ngừng. Trong khoảnh khắc thì theo nhau ẩn mất vào trong chứ Phật. Kinh Pháp Hoa mà Sư giảng hơn mấy mươi biến, cảm kinh hiện điềm lành khó có thể nói hết. Đó chính là diệu hạnh cao tột, siêu tuyệt hơn bình thường. Có lần Sư và chúng tăng đi đến bờ ao, chư tăng khoát nước rửa ráy. Sư dừng lại nói: Nếu vật của người khác, không cho thì không được lấy, nước ao của người khác đâu được lấy trộm. Lại có lần ngay bữa thọ thực trong mùa hạ, có con ruồi bay vào bình bát, Sư từ từ dùng ngón tay đưa nó vào vách tường. Có người hỏi lý do, Sư đáp: Học đạo phải thực hành vô úy thí. Từ đó, Sư thường tới lui giảng đạo, đi khắp mấy châu, Sư thường lặng lẽ ôm bát quảy y ra đi. Tuy có hương hoa cờ phướn lọng báu trống nhạc đờn ca, xe ngự dậy đất trời, người người đón rước khắp thành quách biên ải, nhưng Sư vẫn thản nhiên không đoái hoài. Sư vẫn thường xem nhẹ nơi mình ở, bao nhiêu ân huệ lợi dưỡng Sư cũng chẳng màng. Vậy mà Sư ở nơi nào cũng thực hành pháp bố thí, nhận đủ ba y cho đến cuối đời vẫn không thay đổi. Vật gì không bẩn thì không bỏ, chỉ còn chút ít thôi. Ý này chính là vật quá tệ thì sẽ vứt bỏ, hạnh nghiệp vững chắc như xưa. Mấy ngày trước lúc qua đời, Sư đi tuần hành khắp nơi, các pháp hữu quan biết từ giã từng người, rồi một hôm, Sư rưới nước quét sân chùa, ngồi thẳng nhập định, tất cả môn đồ, Sư đều bảo họ niệm Phật. Rồi ngay trong định mà thị tịch, bấy giờ, Sư hơn sáu mươi tuổi, đạo tục thương tiếc than khóc bi ai. Ngày cử hành tang lễ họ mặc đồ trắng đi theo sau các vị đệ tử để lễ bái, có hơn muôn người. Lúc đó, bỗng nhiên có mùi thơm lạ xông lên khắp viện suốt hơn bảy ngày, cho đến khi nhập tháp, Sư mới biết Ngài mất đã mấy năm mà lưỡi vẫn không hoại, râu tóc dài thêm hai tấc, nhan sắc như cũ, các bậc trí thức cho là người đắc đạo.

+ Trúc Pháp Thâm ở núi Diệm đông ngưỡng đời Tấn.
+ Trúc Pháp Sùng ở núi Diệm cát hiện đời Tấn.
+ Trúc Pháp Khoáng ở núi Trầm thanh đời Tấn.
+ Thích Tuệ Viễn chùa Đông lâm ở khuông sơn đời Tấn.
+ Thích Tuệ Trí chùa Long khai ở đất Thục đời Tấn.
+ Thích Đạo Dung ở quận Bành thành đời Tấn.
+ Thích Đàm Ảnh ở Trường an đời Tấn (sớ có bốn quyển).
+ Thích Đàm Đế ở núi Hổ khâu đời Tống, Ngô.
+ Thích Tuệ Lượng chùa Hà viên ở kinh đô đời Tống.
+ Thích Tăng Cảnh chùa Định Lâm hạ đời Tống.

+ Thích Đàm Cơ chùa Gia tường ở cối kê đời Tống.

+ Thích Đạo Từ ở Dự châu đời Tống.

+ Thích Đạo Đăng ở Tế châu đời Tề Ngụy.

+ Thích Hoằng Sung chùa Tương cung ở Kinh đô đời Tề.

+ Thích Tăng Tuệ chùa Trúc lâm ở kinh châu đời Tề, Thích Pháp Long ở Lư sơn đời Tề.

+ Thích Bảo Lượng chùa Linh Muội ở Kinh đô đời Lương.

+ Thích Pháp Thông chùa Định Lâm thượng đời Lương.

+ Thích Trí Tạng chùa Khai Thiện ở Chung sơn đời Lương.

+ Thích Pháp Dũng chùa Đại Thiền Chúng ở dương đô đời Trần.

+ Thích Bảo Quỳnh chùa Bành thành ở Dương đô đời Trần.

+ Thích Bảo Hào chùa Quang Hưng ở Đồng châu đời Chu.

+ Thích Đạo Trang trụ đạo tràng Tuệ Nhật ở đông đô đời Tùy (Có sớ 3 quyển).

+ Thích Tuệ Bật chùa An Quốc ở Thường châu đời Tùy.

+ Thích Trí Tụ ở núi Hổ khâu, quận Ngô đời Tùy.

+ Thích Trí Châu ở đạo tràng Nhân Hiếu thuộc Đan Dương đời Tùy.

+ Thích Trí Thác chùa Đại Lâm ở Lư sơn thuộc Cửu Giang đời Tùy.

+ Thích Hoằng Tôn chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô đời Tùy.

+ Thích Linh Tạng chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô đời Tùy (còn giảng Quán Âm một ngày hai lần).

+ Thích Tuệ Hải chùa An Lạc ở Giang đô đời Tùy.

+ Thích Tuệ Tịnh chùa Kỷ Quốc ở Kinh đô đời Đường (có sớ 10 quyển).

+ Thích Tăng Phụng chùa Định Thủy ở Kinh đô đời Đường.

+ Thích Tuệ Quân chùa Thông huyền ở Kinh đô đời Đường.

Như trên đều là những vị không chuyên nghiệp nên chỉ nêu ra đề mục. Đồng thời ở trong các bộ khác cũng có nói, nên biết rằng cácvị cao tăng này tiếng thơm không bao giờ mất.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam cốc Tuệ Tường soạn*

## QUYỂN 4

## TU QUÁN

- Thích Tuệ Tư ở núi Nam Nhạc đời Trần.
- Thích Trí Khải núi Thiên Thai đời Tùy.
- Thích Trí Tảo núi Thiên Thai đời Đường.

**** Thích Tuệ tư:***

Sư họ Lý, người Vũ Tân, thuở nhỏ đã tràn đầy lòng thương yêu dung thứ, tiếng tăm vang khắp cung đình. Sư nhiều lần mộng thấy vị tăng Ấn-độ khuyên xuất gia, giật mình thức giấc ngộ được điềm lành này bèn từ giã cha mẹ nhập đạo. Những ngôi chùa Sư ở chẳng phải chốn tôi luyện tinh thần, nên mới cảm ứng thấy vị thần Tăng bảo nên trì trai giới, vâng giữ niêm mật, ngày chỉ ăn một bữa không thọ cúng riêng, tuyệt giao mọi sự mời thỉnh. Năm ba mươi tuổi có lần Sư vào một con rạch khô nước, lập chí tụng Pháp Hoa, tụng mới phân nửa, thấy một dòng nước ngầm tuôn ra, thấm nhuần khắp nơi, lút cả giường Sư ngồi đến nửa thân. Lát sau thì khắp thân phù thủng không thể cử động được, Sư bèn lập thệ rằng: Nếu tôi chắc chắn có duyên với kinh này, nước sẽ làm tiêu diệt, bệnh cũng sẽ thuyên giảm. Nếu không có duyên, thì nước có đầy thân ngay trong đêm này nước sẽ rút hết, thân bệnh cũng khỏi. Sư bèn ở đây mười năm, định tâm tụng kinh bèn thấy Đức Thích-ca, Di-lặc đến nói pháp. Lúc ấy Sư thấy núi đồi nơi gần xa không cao thấp, hoặc nhiếp niệm tụng kinh, các phẩm trong bảy quyển chữ nghĩa từng hàng từng câu rõ ràng trước mắt. Sau đó Sư dời về ở núi Đào Khâu, tụng kinh trước núi, cây rừng vô số, dân chúng chặt phá nên họ bị bệnh cùi, cầu Sư trị thì bớt hẳn. Sư ở đó một mùa hạ thực hành Pháp Hoa sám,

chỉ kinh hành và ngồi chứ không hề nằm. Mãn hạ, Sư than rằng: Ta vất vả suốt mùa hạ mà chẳng được ích gì". Sư vừa muốn thả lỏng thân tựa người vào ghế dây, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Tâm ý bừng sáng, chứng nhập pháp môn nhưng chưa dám tự tin, Sư tụng thử Luận Đại Trí Độ quyển đầu, tâm bèn tỉnh ngộ, hoàn toàn không quên mất, đồng thời hiểu được ý chỉ ngay trong lời văn. Cứ như vậy Sư tụng suốt một trăm quyển, tụng đến đâu nhớ tới đó, thấu tỏ nghĩa lý. Từ đó về sau ngoài việc tụng niệm Sư thường giảng Thích luận và kinh Pháp Hoa. Sư biết vận mệnh nước Tề hết nên qua nước Trần, sau đó vào dưới ngọn Hoa Cái thuộc Hoành Nhạc, xây chùa để hành đạo, ban đầu thấy một người bắt chim, đao đất bỏ, Sư bèn đến đó hỏi rằng: Đào cạn cạn thôi đừng làm tổn thương xương sọ của ta, khi ông ta đào chưa sâu chợt gặp một khúc xương trắng, người này ngạc nhiên bèn hết lời hỏi thăm Sư, Sư đáp: Ta đã hai đời sống ở dưới ngọn núi này tụng kinh Pháp Hoa, xả thân ở nơi này, hài cốt thân trước cũng đã tiêu vong, đời nay ngươi thấy chính là thân thứ hai. Am tranh ta đã bị người rợ thiêu đốt nên khiến ông ta bị bệnh ung nhọt. Ông hết lòng khẩn cầu sám hối và xây am tranh khác, ta ở trong ấy trì kinh như cũ, cho nên người kia mau chóng bình phục". Sư lại mộng thấy một vị tăng Ấn-độ biến hiện mấy trăm hình dạng kỳ lạ, ngồi trên đó bảo rằng: Ngươi trước thọ giới, chẳng có gì cao quý hơn luật nghi, đã gặp chúng tăng thanh tịnh phải nên lập đàn cầu kinh. Sư tăng gần ba mươi hai người thêm pháp Yết ma, khi thọ giới cụ túc xong rồi Sư chợt thức giấc mới biết mình thọ trong mộng. Từ đó về sau Sư càng siêng năng hơn. Nhờ sự khổ hạnh này mà được thấy việc hành đạo trong ba đời. Lại mộng thấy Bồ-tát Di-lặc, Phật Di-đà nói pháp khai ngộ. Cho nên Sư tạc hai pho tượng cúng dường. Sư lại mộng đi theo ngài Di-lặc và các quyến thuộc đến hội Long Hoa, lòng tự nghĩ rằng: Ta ở trong thời mạt pháp của Đức Thích-ca thọ trì Pháp Hoa, nay gặp đấng Từ Tôn, nên Sư cảm thương buồn khóc, bỗng nhiên tỉnh ngộ, càng thêm tinh tấn. Sư lại được đạo tục cúng dường nên tạo Pháp Hoa chữ vàng bảo bối lưu ly, trang nghiêm sáng chói, công đức rộng lớn, phát tâm cao xa, lại giảng kinh này tùy theo văn mà soạn sách. Sau đó, sai học sĩ Trí Khải thay ngài giảng kinh Kim Cương, đến chỗ nhất tâm đủ muôn hạnh Trí Khải có hơi nghi, Tuệ Tư giải thích rằng: Điều ông nghi chính là ý thứ lớp trong Đại phẩm thôi, chưa phải là diệu chỉ viên đốn của Pháp Hoa. Xưa, trong một mùa hạ ta khổ luyện ý này, sau một đêm nhất niệm các pháp chợt phát, ta đã thân chứng, nên ông đừng nhọc công nghi ngờ làm gì". Trí Khải bèn bẩm thọ hành pháp của Pháp Hoa hai mươi mốt cảnh giới khó nói rõ

hết. Mỗi năm Trần chủ ba lần đến thăm hỏi, cúng dường vô số. Sư nói pháp gấp bội, thần dị khó lường, hoặc hiện lớn nhỏ, hoặc ẩn giấu thân, hoặc hương sắc kỳ lạ, điềm lành hiện rõ. Lúc ấy qua đời, Sư từ trên đỉnh xuống đạo tràng giữa núi, nhóm họp các học đồ nói pháp liên tiếp mấy ngày. Tha thiết quở trách, người nghe chạnh lòng, rồi bảo mọi người rằng: Nếu có mười người không tiếc thân mạng, thường tu Tam-muội Pháp Hoa, sám hối phương đẳng, thường ngồi thiền và kinh hành, muốn thứ gì ta đều cấp cho, nhất định phải có lợi ích. Nếu không có người như vậy ta sẽ đi xa, khổ hạnh khó lắm!" cuộc không có người đáp, do đó mà cả chúng đều nhiếp niệm, chẳng bao lâu sau thì Sư mất, ai nấy đều ngửi thấy mùi hương lạ tỏa khắp phòng, đỉnh nóng thân nhẹ nhan sắc như thường. Lúc đó vào ngày 22 tháng 06 niên hiệu Thái Kiến năm thứ chín đời Trần. Thọ sáu mươi tư tuổi. Nhưng thân tướng vẫn sừng sững, khéo tự giữ vững, không nghiêng không lệch, bước đi như trâu, mắt nhìn như voi. Trên đỉnh Sư có nhục kế, tướng rất trang nghiêm, người thấy đều hồi tâm, bất giác phủ phục. Vả lại, tánh của những bậc tri thức soi chiếu thầm phục, ý tứ trong lời, phương tiện dắt dẫn, thực hành đại từ bi, giữ giới Bồ-tát, chí như bông tơ, da là thứ làm tổn hại sinh linh, cho nên pháp phục của chúng tăng là phải sử dụng vải bố. Trời lạnh thì mặc áo dày để tránh gió sương. Từ khi Phật pháp truyền bá sang đây hơn sáu trăm năm chỉ có Nam Nhạc Từ Hành đáng quy về. Sư soạn Tứ Thập Nhị Tự Môn hai quyển, Vô Tránh Hạnh Môn hai quyển, Thích Luận Huyền Tùy Tự Ý, An Lạc Hạnh, Thứ Đệ Thiền Yếu, Tam Trí Quán, cả thảy năm bộ, mỗi bộ một quyển, đều lưu hành ở đời.

**** Thích Trí Khải.***

Sư tự là Đức An, họ Trần, người ở Dĩnh Châu. Từ khi nhà Tấn dời đô, gia đình Sư ở Hoa Dung thuộc Kinh châu, tức là người con thứ hai của Lương tán kỵ Ích dương công Trần Khởi Tổ, mẹ Sư họ Từ mộng thấy khói hương năm màu, quanh quẩn bên người, bà muốn gạt ra nhưng nghe người ta nói rằng đó là nhân duyên đời trước, gởi gấm để hoằng đạo, phước đức tự đến, làm sao bỏ đi được. Bài lại mộng thấy nuốt một con chuột trắng cứ đôi ba lần như vậy, bà sợ hãi nên bói thử, Sư nói điềm này là rồng trắng, cho đến đêm sinh Sư trong phòng sáng ngời. Hai đêm liên tiếp ánh sáng mới tắt, trong ngoài ai nấy đều vui mừng bày lễ vật cúng tế, nhưng lửa tắt nước lạnh việc không thành, chợt có hai vị tăng gõ cửa nói: Lành thay! đứa bé đã huân tập công đức chắc chán sẽ xuất gia, nói xong liền biến mất, khách khứa ai cũng ngạc nhiên. Khi đứa

bé nằm thì chắp tay, ngồi thì quay mặt về phía Nam cho đến lúc tuổi đã lớn rồi mà miệng vẫn không quên ăn, thấy tượng Phật thì liền lễ, gặp tăng thì kính. Bảy tuổi lại thích đến chùa, chư tăng ngạc nhiên về việc ấy, khẩu truyền Phổ Môn, vừa nghe qua đã thuộc. Năm mười tám tuổi Sư đến cầu Sa-môn Pháp Chử chùa Quá Nguyện ở Tương châu để xuất gia. Từ đó Sư ở ẩn trong  núi Đại Hiền tụng kinh Pháp Hoa và Vô lượng nghĩa Phổ Hiền Quán, chưa được hai tuần thì hoàn tất ba bộ, Sư lại đến chỗ Thiền sư Tuệ Tư núi Đại tô ở quang châu thọ học chỉ quán. Tuệ Tư học đạo với sư Tựu, sư Tựu lại thọ pháp với sư Tối, ba vị này đều không thể suy lường được. Tuệ Tư thường khen rằng: Thuở xưa, ta ở Linh sơn, cùng nghe Pháp Hoa, túc duyên theo nhau nay lại gặp nhau". Tuệ tư, liền lập đạo tràng Phổ Hiền để nói bốn hạnh an lạc. Trí Khải bắt đầu ở núi này, thực hành Tam-muội Pháp Hoa, mới qua một đêm tụng đến phẩm Dược Vương, tâm duyên khổ hạnh, đến câu "chân tinh tấn" giải ngộ liền phát thấy mình và ngài Tuệ Tư ở cõi bảy báu núi Linh Thứu nghe Phật nói pháp. Cho nên Tuệ Tư nói: Chẳng phải ông thì không thể cảm, không phải ta thì không ai biết, đây là phương tiện trước của Tam-muội Pháp Hoa, rồi Sư vào núi Bạch sa ở thần châu cũng nhập quán như trước, có vài điều nghi ngờ trong kinh, bèn thấy Tuệ Tư đến âm thầm giải thích, sau này Sư thường nhờ người giảng thế, người nghe rất khâm phục, rồi Sư đến Thiên Thai, ở trên ngọn Hoa đỉnh phía bắc chùa tu hạnh đầu-đà. Chợt một luồng gió lớn bật cả gốc cây, sấm chớp rền vang, quỷ mỵ cả ngàn đám, thân cao trăm trượng, miệng hét toáng lên, thật đáng kinh sợ nhưng Sư vẫn dằn lòng chịu đựng, tự nhiên lặng mất. Sư lại bị cơn bệnh làm bức não thân tâm như bị lửa đốt, Sư lại thấy cha mẹ qua đời, nằm trên đầu gối mình, than khổ cầu cứu, Sư lại nương vào Pháp Mẫn, không hề lay động tâm vững như núi, vì vậy mà khiến cho hai duyên này nhẹ cảm ứng liền diệt. Bỗng nhiên Sư thấy vị thần tăng Tây Vực đến bảo rằng: Sư ngăn địch thắng oán là người dũng. Đoạn này văn dài, chỉ nêu sơ lược. Từ đó về sau Sư mở rộng thiền tuệ, người học đông như cây rừng, những bậc tài giỏi đương thường, cùng kính phục ngài, hậu phi của đế chủ hai thời đại Trần, Tùy đều thọ giới quy y, cúng thí rất hậu. Sau đó đến chùa Thạch Thành, ở trước Phật lúc sắp chịu báo, Sư đặt sàng tòa ngay vách phía đông, mặt quay về phương Tây, xưng Phật A-di-đà, Bát-nhã, Quán Âm, lúc ấy có người muốn đem thuốc dâng cho Sư. Sư đáp: Thuốc có công năng trừ bệnh để sống lại những năm tàn ư? Bệnh không hợp với thân thì thuốc làm sao chữa được, thời gian không hợp với tâm thì thuốc đâu thể giữ được

thân, trí sáng hơn mặt trời, còn muốn nghe gì nữa trong luận Quán tâm đâu không nói thế. Thuộc luận Quán tâm nói đâu biết được đạo, thuốc thang lăng xăng, làm phiền nhiễu người khác, ta sống bị khí độc làm mệt nhọc, chết thì vui vẻ như được nghỉ ngơi, tình đời như vậy, không gì đáng khen. Sư bèn bảo xướng đề kinh Pháp Hoa. Sư tán dẫn rằng: Cha mẹ pháp môn, tuệ giải từ đó sinh, bổn tích rộng lớn, mầu nhiệm khó lường, ngưng đàn dứt dây, kể từ nay. Rồi đòi nước nóng thơm súc miệng nói mười như, bốn bất sinh, mười pháp giới, ba quán, bốn giáo, bốn vô lượng, sáu độ, v.v... có người hỏi phẩm vị của ngài. Ngài đáp: Các ông làm biếng gieo trồng giống lành, lại hỏi công đức của người khác, như người chỉ hỏi lỗ thủng, tìm đường, v.v... ta không lãnh chúng thì sẽ thanh tịnh sáu căn, vì người tổn mình chỉ được Ngũ phẩm nội vị. Rồi lại bảo Duy-na mạng người sắp mất, nghe tiếng đánh chuông, càng chánh niệm sâu, việc mặc tang phục khóc lóc của thế gian đều không nên làm, hãy nên im lặng, ta sắp đi đây. Nói xong, Sư ngồi ngay ngắn như nhập định, Sư mất trước bức tượng đá lớn ở núi Thiên Thai thọ sáu mươi bảy tuổi. Hôm đó là ngày 23 tháng 11 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy. Khi Sư thị tịch, môn đồ y theo di chúc làm lễ an táng. Vào những năm cuối niên hiệu Nhân Thọ về trước, chợt chống tích mặc áo như lúc còn sống, thấy bảy lần giáng xuống chùa trên núi, một lần vào tháp Phật, hỏi thăm đệ tử rằng: “Ta vẫn làm nghiệp xưa, các ông có an ổn không?” Cả chúng đều thấy, bi kính hỏi thăm, lát sau thì ẩn mất. Sư soạn Pháp Hoa sớ chỉ quán môn, tu thiền pháp, v.v... mỗi loại mấy mươi quyển. Trí Khải là bậc khuôn phép cho đông tây, giáo hóa muôn dặm, các ngôi chùa lớn mà Sư xây dựng có đến ba mươi lăm ngôi, độ tăng chúng có hơn bốn ngàn người, viết kinh một trăm mười lăm tạng, tượng họa bằng kim đàn khoảng mười vạn bức. Người đạo, kẻ tục hơn năm mươi châu đều thọ giới Bồ-tát, không thể chép hết, học sĩ truyền pháp ba mươi hai người, học sĩ tu thiền ở khắp Giang Hán, không thể kể xiết, Sa-môn Quán Đỉnh hầu hạ nhiều năm, nói về hàng trạng sư dài hơn hai mươi trang.

**** Thích Trí Tảo:***

Sư họ Trương, người ở Thanh Hà. Từ khi nhà Tấn thay ngôi, gia đình Sư ngụ ở Lâm Hải, ông nội là Nguyên Tú làm Lương Thương bộ thị lang, giữ chức Nội sử ở Lâm hải, cha ngài là Văn Hoàn là binh tướng quân của nhà Trần. Trí Tảo từ khi học Kinh miệng không nói dối, thân không làm việc gì để thẹn với người, bà con hàng xóm rất mực yêu kính.

Năm mười bảy tuổi, cha mẹ qua đời, Sư bèn vào trụ chùa An ninh, cầu Pháp sư Tuệ Bằng làm thầy. Từ xa nghe tin Trí Giả là bậc siêu quần xuất chúng là bậc thầy dẫn đường tốt cho thế đạo, Sư liền lên thuyền đến thẳng Đài tụ, lạy trí giả thọ học. Trí Giả bảo ngài sám hối Pháp Hoa. Trong đêm đầu của bảy ngày thứ hai Sư trở về giường thiền vừa muốn an tọa thì thấy con rồng chín đầu, từ đất vọt lên bay thẳng lên hư không, sáng mai thức dậy Sư đến thưa hỏi ngài Trí Giả. Ngài nói: Đây là biểu tượng cho chúng sinh trong chín cõi, nghe kinh Pháp Hoa ở đời sau phá vô minh địa, chứng nhập pháp tánh không. Lại vào niên hiệu Chí Đức năm thứ tư đời Trần, Vương Bá Trí ở Vĩnh Dương soạn Mục Tiên Đô đến thỉnh ngài Trí Giả vào ở trong trấn. Trí Tảo theo thầy thọ thỉnh cùng đến Kê sơn, ở hết chín tuần rồi từ giả Vương về chùa Bảo lâm trên núi, thực hành Tam-muội Pháp Hoa. Trong đêm đầu dường như có người lay cánh cửa. Trí Tảo liền hỏi: Ngươi là ai mà đêm đến lay cửa? Nó liền đáp lớn: Tôi đến đây để xem đèn thôi. Cứ đôi ba lần hỏi đáp như vậy. Ở trong chùa xưa trước đây có Thiền sư Huệ Thành là bậc Đại Đức cao tăng. Trong đêm nghe đủ việc đó bèn bảo các đệ tử rằng: Trong thiền thất kia trước đây có một con ác quỷ lớn, nay nghe tiếng này chắc chắn có con quỷ đến bắt người. Khi trời sắp sáng, sư Tuệ Thành gõ cửa gọi Sư, Sư chưa kịp trả lời thì Sư liền dạo quanh thiền đường hô rằng: Khổ thay, khổ thay! Người này tiêu rồi. Sư Trí Tảo liền mở cửa có ý hỏi. Sư đáp: Ngài vẫn còn đấy ư? Tôi cứ tưởng đêm qua quỷ hại ngài rồi. Cho nên mới than như vậy. Sư Thành tâu việc này lên vua, vua sai mấy mươi người cầm gậy ủng hộ. Trí Tảo bảo họ là mạng do nghiệp, đâu cần đề phòng, mong các vị dẫn lính về thành tâu lại với nhà vua như vậy. Người canh phòng đi rồi, qua đêm thứ hai quỷ kia lại vào thiền đường, nện tường đập cột, đi vòng quanh đông tây. Trong thiền đường lúc ấy có sáu ngọn đèn, ngài Trí Tảo bèn tắt năm ngọn chỉ chừa lại một, Ngài hành đạo ngồi thiền tụng kinh, thản nhiên không sợ. Trong hai mươi mốt ngày sự việc cứ xảy ra như thế, khi ngài hành pháp gần xong thấy một đồng tử mặc áo xanh khen là lành thay, nói xong liền biến mất. Sư tuy gặp hai việc này nhưng trong lòng không chút buồn vui. Vào niên hiệu Đại nghiệp năm đầu đời Tùy, vua xa giá đến Giang đô, Trí Tảo được tăng sai đến tham bái, rồi dẫn vào nội điện. Từ xa vua nhìn thấy Trí Tảo, bèn nhường tòa bảo người mời ngồi, hỏi thăm đủ thứ chuyện rồi sai thông sự xá nhân Lư Chánh Phương tiễn Sư về núi, rồi vì ngài Trí Giả thiết trai cúng dường cả ngàn vị tăng, độ bốn mươi chín người xuất gia, cúng dường vật dụng cho chùa ba ngàn thạch hai mươi loại gạo và

hương tô, v.v... Trước sau trải qua tám lần. Khi vào tham kiến Thiên tử cả hai đều rất vui thích, vua cúng dường rất hậu. Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai Sư mất tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-Môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn.*

## QUYỂN 5

### DI THÂN

- Thích Tuệ Thiệu chùa Chiêu đề đời Tống.
- Thích Tăng Du ở Lô Sơn đời Tống.
- Thích Tuệ Ích chùa Trúc lâm đời Tống.
- Thích Tăng Minh chùa Thạch môn đời Lương.
- Thích Đạo Độ ở núi Nhã-da đời Lương.
- Thích Tăng Ngạn chùa Đại thừa ở Ích châu đời Chu.
- Thích Pháp Sung chùa Hóa thành ở Lô sơn đời Tùy.
- Gia nhân của Thứ sử Tương Vương ở Ky Châu đời Đường.
- Tỷ muội Tỳ-kheo-ni ở Linh châu đời Đường.
- Thích Hội Thông, Báo Lâm cốc ở Ung châu đời Đường.
- Thích Đàm Du núi Nguyệt lãnh ở Tương châu đời Đường (Luận sư Hộ chùa Tây Minh).

*****

**** Thích Tuệ Thiệu:***

Không rõ họ Sư. Lúc còn nhỏ mẹ cho ăn cá thịt Sư nôn ói hết, chỉ ăn rau xanh. Năm lên tám tuổi Sư xuất gia làm đệ tử ngài Tăng Yếu, tinh tấn không mệt mỏi, khổ hạnh miên mặt. Sau đó, theo thầy đến chùa Chiêu-đề ở Lâm xuyên. Ở đó Sư có mật ý muốn thiêu thân, thường thuê người đốn củi, chất ở động đá Đông sơn cao mấy trượng, đặt một cái khám ở giữa vừa đủ để ngồi, rồi Sư trở về chùa từ giã thầy, thầy Sư hết lời khuyên can nhưng không được. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi tám, Sư lập đại hội Bát quan trai ở Đông sơn, đồng thời để cáo

biệt người thân. Hôm ấy, dân chúng cả vùng tranh nhau nhóm họp về, xe cộ vô số, đồng thời đem vô số châu báu đến cúng dường. Đến đêm hành đạo đầu tiên, Tuệ Thiệu tự hành hương, khi hành hương xong, Sư cầm đuốc đốt củi vào giữa đống củi ngồi tụng phẩm Dược Vương Bổn Sự, mọi người không ai thấy, Sư đạt ngộ rồi thị tịch. Mọi người lễ bái chưa xong, cùng kéo đến thấy đống củi bốc cháy mà tiếng tụng kinh vẫn chưa dứt, lửa cháy lên tới trán, Sư xướng câu nhất tâm, nói xong thì im lặng, đại chúng thấy một ngôi sao lớn như mặt trăng hạ thẳng xuống đám khói, lát sau bay lên trời. Khi ấy, người thấy đều cho rằng các vị trời trên cõi trời đến rước Sư. Ba ngày sau, đống củi mới tàn, lúc sắp qua đời Sư bảo bạn đồng học rằng: Chỗ ta thiêu thân sẽ mọc cây ngô đồng, đừng nên đốn nó. Sau đó ba ngày sẽ ra quả, bấy giờ là năm hai mươi tám ngài Tăng Yếu là thầy của Tuệ Thiệu, cùng là bậc tăng thánh, có nhiều đức độ. Năm một trăm sáu mươi tuổi ngài mất ở chùa.

**** Thích Tăng Du:***

Sư họ Chu, người ở Dư hàng thuộc Ngô Hưng. Năm hai mươi tuổi xuất gia, bản tánh thuần hậu, niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười lăm Sư cùng các bạn đồng học như Đàm Uẩn, Tuệ Quang, v.v... ở Nam lãnh Lô Sơn cùng nhau xây tinh xá tên là Chiêu Ẩn. Ngài Tăng Du thường cho rằng vì thâm tâm kết lụy ở ba đường, tình rồi cũng sẽ dứt, thân cũng sẽ hoại, mà dấu vết của Dược Vương đâu có gì gọi là xa.

Sau đó Sư thường phát thệ muốn thiêu thân. Vào ngày 03 tháng 06 niên hiệu Hiếu Kiến năm thứ hai đời Tống, Sư chất củi thành đống, đồng thời thỉnh chúng tăng thiết trai để cáo biệt. Ngày đó, mây mù phủ kín, dường như sắp mưa. Tăng Du phát thệ rằng: Nếu chí nguyện của tôi rõ ràng thì mong trời trong sáng, nếu không cảm thì sẽ mưa xuống, khiến cho bốn chúng ở đây biết rõ được là có sự thần ứng. Nói xong, trời mây quang đãng. Đến gần sáng đêm đầu Sư vào trong khóm củi chấp tay ngồi thẳng, tụng phẩm Dược Vương, lửa cháy bốc đến thân, Sư vẫn chấp tay trang nghiêm. Đạo tục biết vậy vội vã chạy lên núi, đồng thời cúi đầu làm lễ, nguyện kết nhân duyên. Lát sau thấy khí đỏ vụt lên hư không, hồi lâu mới hết. Bấy giờ, Sư bốn mươi bốn tuổi, mười bốn ngày sau trong phòng Sư mọc hai cây ngô đồng, thân nhánh sum suê, kích thước như nhau, cao thẳng chót vót, nó trở thành cái cây kỳ lạ. Kẻ thức giả cho rằng đó là cây báu bà-la, tiêu biểu cho tướng Niết-bàn của ngài Tăng Du, cho nên y cứ bằng chứng này mà gọi ngài là song đồng Sa-môn. Trương Biện ở quận Ngô là Trưởng sử Bình nam chính mắt trông

thấy việc này, nên dùng lời ca tụng:

*"Huyền cơ thăm thẳm*
*Chí đạo mênh mông*
*Ra sống vào chết*
*Ai là báu mầu*
*Từ xưa Dược Vương*
*Giáo hóa tuyệt luân*
*Xưa nghe thuyết ấy*
*Nay thấy người này*
*Sa-môn tài giỏi*
*Tuệ định tâm vững*
*Thần ngưng khí rạng*
*Hiện tích song thọ*
*Đức ngài đáng ưa*
*Nên soạn văn này*
*Để chan rải khắp"*

**** Thích Tuệ Ích:***

Ngài là người Quảng lăng, xuất gia từ lúc nhỏ, theo thầy đến ở Thọ xuân. Vào giữa niên hiệu Hiếu Kiến đời Tống Sư đến Kinh đô, trụ chùa Trúc Lâm, siêng năng khổ hạnh, thệ muốn thiêu thân. Mọi người hay tin này, có kẻ chê bai, có người khen ngợi. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ tư Sư bắt đầu nhịn cơm, chỉ ăn một hạt và đến năm thứ sáu lại nghỉ ăn mè mà chỉ ăn dầu bơ, có khi lại bỏ dầu bơ chỉ uống hương hoàn. Tuy bốn đại yếu ớt nhưng tinh thần rất rắn rỏi. Hiếu Vũ càng tỏ lòng cung kính mến mộ, đến thăm hỏi hết lòng, sai đại tể Giang Hạ là Vương Nghĩa Cung đến chùa khuyên can Sư Tuệ Ích nhưng chí nguyện không dời. Đến ngày mồng 08 tháng 04 niên hiệu Đại Minh năm thứ bảy, lúc sắp thiêu thân Sư bèn đặt một vạc dầu ở phía Nam núi Chung. Sáng hôm đó Sư lên xe ngựa nhờ người dắt đến. Từ chùa đến núi. Vì Đế Vương là chỗ nương tựa của muôn dân, là chỗ cậy nhờ của Tam bảo, mà tự thân vào đài, đến cổng Vân long không thể bước xuống, bảo người vào thưa: Đạo nhân Tuệ Ích sắp sẽ thiêu thân nay đến cổng cáo từ, rất mong Phật pháp hưng long. Vua nghe vậy biến sắc, liền bước ra cổng Vân long. Sư thấy vua bèn giao phó Phật pháp rồi mới từ giã ra đi, vua cũng theo đến, Vương tôn, phi hậu đạo tục, thứ dân bao quanh hang núi, họ vứt áo bỏ của quý nhiều không kể hết. Ngài vào trong đỉnh ngồi trên chiếc giường nhỏ, dùng kiếp bối tự buộc, ở trên thêm một cái mũ dài

rót dầu vào đó, rồi bắt đầu châm lửa. Vua bảo Đại Tể đến chỗ vạc thỉnh dụ rằng: Đạo hạnh nhiều cửa phương tiện, đâu cần phải dùng cách hủy thân mạng, mong Sư suy nghĩ kỹ về con đường khác. Nhưng ý Sư quá vững, không hề hối tiếc, bèn đáp rằng: Thân mạng bèo bọt này có gì đáng giữ lại, tâm trời ý thánh chẳng phải là mình, mong vua độ cho hai mươi người xuất gia, vua hạ chỉ bằng lòng. Sư tự tay cầm đuốc để đốt nón, nón cháy mới quăng đuốc, Sư chắp tay tụng phẩm Dược Vương, lửa cháy đến mí mắt tiếng tụng kinh vẫn còn rõ ràng, cháy đến mắt thì mới lặng dần. Sang hèn đều than khóc, tiếng vang khắp hang sâu, ai cũng nhất tâm niệm Phật, đau xót gạt lệ. Lửa cháy đến sáng hôm sau mới tắt. Lúc ấy vua nghe tiếng kèn sáo vang lên giữa hư không, mùi thơm bông sơ ngào ngạt. Đêm đó, mộng thấy ngài Tuệ Ích chống trượng đến thăm, rồi phó chúc Phật pháp cho vua. Hôm sau, vua lập hội để độ người, bảo trai chủ xướng bạch trình bày rõ sự việc, chỗ ngài đốt thân vua cho xây nhà Dược Vương để ghi nhớ việc xưa.

**** Thích Tăng Minh:***

Không rõ họ tên Sư, giới phẩm trong sạch, tu hạnh đầu-đà, ở núi Sơn môn, huyện Chiêu Nghĩa thuộc Hào châu. Sau đó Sư lên đỉnh núi xếp đá xây cung trời Di-lặc và tượng Di-lặc, thường tụng kinh Pháp Hoa, ngầm cầu diệu chỉ. Mỗi lần tụng trì thường nghe giữa hư không có tiếng búng ngón tay và xưng tiếng lành thay, đến giữa niên hiệu Thiên Giám, Sư bèn tấu trình lên vua Lương Vũ để thiêu thân, vua do dự nhiều lần mới chuẩn tấu lời thỉnh cầu kia. Sư bèn ở trên tảng đá vuông trước cung Di-lặc, theo chí nguyện trước thiêu toàn thân. Khi thiêu xong thì tảng đá vuông bốn, năm thước bỗng nhiên lún thành ao, trong hai đêm liền, hoa nở trong ao, tươi đẹp rực rỡ. Ai uống nước ao này thì các bệnh đều hết. Người sau lấy tro đã đốt tạo thành pho tượng Sư. Lại khắc một tượng gỗ nhỏ thiêu lại tượng tro, lấy tro trét lên tượng gỗ, người nào dính chất dơ bẩn thì tượng liền dời đi. Chỗ Sư hành đạo đều nở hoa tươi, lớn như lê táo, hơn trăm ngàn đóa. Hiện rõ trên tháp để tiêu biểu cho việc đó.

Lại có một tín sĩ ở huyện Bình lục Giao châu, lạc mất tên họ, nhờ tụng Pháp Hoa và kính ngưỡng tích Dược Vương, sau khi thiêu thân thì đất ấy có nổi lên con rồng hình dạng giống như người. Người cha đến đó đào lên thì thấy một pho tượng toàn thân màu vàng, kích thước bằng thân người, dường như muốn phát ra ánh sáng rồi chợt biến mất.

**** Thích Đạo Độ:***

Sư là người Bình Dương, họ Lưu, kinh hành nhập định trong núi Sùng Cao. Vào niên hiệu Thiên Giám năm đầu Sư mới đến đất Lương, ở chùa Định Lâm, Chung sơn tu thiền. Các pháp quán tưởng của Sư đều muốn đem lại lợi ích cứu khổ ban vui, luôn thực hành từ bi, thành Khang Vương ở nước Lương, Trung Liệt Vương ở Bà dương đều bái phục Thiền sư, thọ trì giới cấm. Niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười bảy, Thiền sư tự soạn một trăm bộ Pháp Hoa, sớm tối tụng phẩm Dược Vương. Sau đó Sư ở Giác điện chùa Hoa lâm, khởi tấu lên vua Lương Vũ Đế rằng: Thân là cây độc, thật đáng đốt bỏ, tôi nhàm chán hình hài này đã từ lâu rồi, nguyện cùng Bồ-tát Hỉ Kiến cúng dường chư Phật, sắc chỉ đáp rằng: Nhất định muốn làm lợi ích chúng sinh thì phải tùy duyên tu đạo, nếu thân mạng gặp vô thường thì bỏ vào rừng thi-đà thí cho chim chóc muông thú, nhờ đó đàn độ viên mãn, cũng là nghiệp thiện, thi thể tám muôn vi trùng còn không cho thiêu đốt, chẳng phải việc nên làm.

Lại vâng chỉ đáp rằng: Tâm này của Đạo Độ không thể tự định đoạt, đã mong sắc chỉ thì đành phải vâng hành. Vào ngày mùng 03 tháng 08 niên hiệu Phổ Thông năm thứ bảy Sư đến Đông châu, đến chùa Hà lệnh núi Nhã-da lập một thiền thất, thường nói một mình rằng: Việc nên làm nhất định sẽ rốt ráo, cũng đâu cần lo nghĩ gì nữa. Thế là Sư bèn chất củi dần dần, rồi bắt đầu bớt ăn. Vào ngày 03 tháng 11 năm đó, chuông tự reo giữa hư không, chúng tăng ngạc nhiên lo sợ, không lường được sự tướng thế nào, vào ngày 08 tháng ấy chuông lại tự kêu. Ngày 23 Sư bèn thỉnh một trăm vị tăng đến núi hành đạo, khắp nơi quy về đông, có hơn ba trăm người, ngày đó họ cũng xin thọ giới hơn một trăm bảy mươi người. Sư tự nói: Đạo Độ là kẻ phàm phu, vô minh sâu nặng, chỉ có tịnh giới của Bồ-tát kính cẩn ban cho đại chúng để kết duyên lành. Từ đó trở đi Sư bắt đầu nhịn ăn, chỉ dùng bình tắm để múc nước, trong ngày uống một thăng đến sáng ngày 23 cả chùa đều đến thăm Sư, bình phát ra ánh sáng năm màu rực rỡ, tạp khí mịt mờ, đến sáng ngày 29 có mấy vị tăng gồm chủ chùa, v.v... cùng lên thiền thất, từ xa nhìn thấy khám ánh sáng đỏ chiếu ra ngoài. Xế chiều hôm đó chợt có bầy chim năm, sáu trăm con cùng đậu trên một cây, chốc lát mới bay đi, đầu canh hai đêm ấy cả chùa tỏa ra ánh sáng nhiều màu, chói lọi phòng ốc, đến giữa canh năm nghe tiếng lửa kêu răng rắc trên đỉnh núi, họ ngạc nhiên đến xem, thấy Thiền sư chắp tay ngồi trong lửa, thọ sáu mươi sáu tuổi. Thứ sử Vũ Lăng Vương bèn sai người dọn quét sạch sẽ khu đất ấy để xây tháp. Sau đó, nghe trên đỉnh núi có tiếng khánh đá,

tiếng thật trong suốt, đúng ngay chỗ trước đây Sư thiêu thân có cây thị lớn chết khô hơn mười năm, khi Thiền sư vào núi thường ngồi dưới gốc cây này, mùa xuân năm sau bỗng nhiên đâm chồi nẩy lộc, khi mới về phương Đông bảo đệ tử Đạo Ẩn rằng: Ta ngàn năm may mắn gặp được Pháp vương, nay làm thân viễn du, chẳng biết ngày nào mới gặp được. Có thọ trì bát sắt thì nên dâng riêng. Đệ tử Đạo Ẩn nghe vậy liền dâng bát sắt. Vua có sắc dụ rằng: Tâm lực của Thiền sư rất quyết đoán, sẽ làm được việc khó làm, còn hy vọng mở mang rộng khắp, lợi ích bốn loài, mà bỗng thác sinh qua đời khác, thật đáng tiếc. Ngài dõi theo dấu vết Hỉ Kiến, cần phải mắt thấy rõ ràng, từ đấy mà suy thì thật đáng vui mừng.

**** Thích Tăng Ngạn:***

Sư là người Bổn Nhượng, tuy ở Di tục nhưng tâm mến mộ Hoa phong, oai dung đoan nghiêm, cử chỉ nhàn nhã lại thêm thành tựu tánh giới, không làm những việc tàn nhẫn. Dân tộc Nhượng phần nhiều sống ở miền núi, họ thích đi săn bắn, suốt ngày lưới cá bắt thú. Nhưng riêng Tăng Ngạn thì khoanh tay không làm, cha và anh trai thường tức giận và mắng là kẻ nhút nhát, Sư bèn gắng gượng vác dao gậy đi nhưng mỗi lần thấy bầy dê giương cung bắn thì mũi tên phớt qua gần lông, con thú bị chết mà không chút thương tích. Cha và anh tuy thấy nhưng cũng không chút cảm ngộ, Sư biết rằng mình không thể cảm hóa được họ, cho nên từ giã ra đi. Sư đến Ích châu nương Hòa thượng Sung làm thầy, sau khi xuất gia dốc chí siêng năng, thân không mặc y dài, bát không để thức ăn dư. Thường tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương Bồ-tát, thấy ngài thiêu thân cúng dường Phật, đốt ngón tay để truyền bá kinh điển, suy nghĩ lời này rồi khởi phát thệ nguyện bèn đốt một ngón tay tạo kinh Pháp Hoa, khi Sư sắp đốt người xem thấy vậy ai cũng nghẹn ngào. Sau đó, xây cất điện tháp nối tiếp hành lang tăng phòng, hẹn ngày thiêu thân sẽ mở mang phước này. Lúc ấy, Chu Triệu Vương vén màn ở Ích quận, an ủi, dạy bảo môn chúng dứt bỏ việc loạn phiền, lại thêm kính mến Tam bảo, ủng hộ bốn y. Ngài Tăng Ngạn bẩm tấu việc này với-vua, vua bèn chuẩn tấu, hẹn ngày cáo tấu, xa gần đều biết, củi đốt chất thành đống, dầu thơm rưới khắp, ngày đó vua đích thân dẫn quan liêu đến tham lễ, Trí Ngạn tay cầm lò hương, chân bước vào đống củi, ngồi ngay thẳng trên đó, bảo bốn chúng rằng tâm mình thường nghĩ đến việc lợi ích chúng sinh, ý chẳng tham cầu, nay bỏ thân nhơ uế này để kiến lập Tịnh độ, nếu lời này không luống, thì sẽ thể hiện bằng “nhục tâm”,

thệ xong thì thấy lửa phát ra. Ngồi thẳng tụng kinh, tiếng tụng rõ ràng, lửa cháy đến mặt tiếng ấy mới dứt. Bấy giờ, trời tuôn mưa hoa rưới khắp thành ấy. Xa gần đều than khóc, già trẻ buồn thương, sẩn thí trấn ủy, vàng ngọc như núi đều đem vào chùa đủ sửa sang điện đường, khi thân đốt hết thì trái tim vẫn còn. Đây há chẳng phải Bồ-tát chứng vị bất thối, cho nên lời thệ không hề sai lầm hay sao? Vua thấy quả tim, phủ phục than khóc Bồ-tát bậc thánh vĩnh biệt từ đây, thảng thốt đau xót, mãi mất đi chỗ nương tựa. Bấy giờ, mọi người đều gọi là Bồ-tát Tăng Ngạn. Vua bưng trái tim về cho xây một ngôi tháp sớm chiều lễ bái, cúng dường luôn luôn.

**** Thích Pháp Sung:***

Sư họ Tất, người Cửu giang, thường tụng Pháp Hoa thông suốt khắp những chỗ khó nhớ. Đồng thời rất thích xây dựng chùa viện, có hy vọng muốn làm trụ trì. Sau đó, đến chùa Hóa Thành trên nửa đỉnh núi Lô sơn tu thiền. Vốn chẳng phải việc tăng thì không hề làm, Sư thường khuyên chúng tăng không cho người nữ vào chùa. Trên là tổn thương sự mở rộng giáo hóa của Phật, dưới bị sự dèm pha của người đời. Nhưng ở đời cơ nghiệp sâu nặng, có kẻ không nghe lời Sư thường than rằng: sinh nhằm thời không gặp Phật là tội duyên, không thực hành chánh giáo, nghĩa đã mất sớm đâu lo gì học sĩ các nơi không giữ giới ư! Sư bèn đứng trên đỉnh núi Hương lư này mà nhảy xuống, thệ tan xương nát thịt để sinh Tịnh độ, Sư ở trong hư không, đầu bỗng ngược lên, dần dần rơi xuống hang sâu, không tổn thương mảy lông, chúng tăng trong chùa chẳng hề hay biết. Sau đó, có người lên đỉnh núi nhìn xuống vực sâu hơn ngàn nhẫn, nghe có tiếng người nói, bèn tìm đến thì gặp Sư. Thân mạng vẫn còn, cho nên miệng vẫn luôn tụng kinh, rước trở về chùa, từ đó chúng tăng cảm nhận được lời răn bi thiết của Sư nên không giao tiếp với người nữ nữa. Sáu năm sau Sư mới thị tịch, lúc bấy giờ thuộc mùa nắng nóng mà thân Sư không hôi thối. Lúc đó, vào cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy.

**** Thích Đại Chí:***

Ngài họ Cố, người ở Sơn âm thuộc Cối kê, phát tâm xuất gia thờ ngài Trí Giả làm thầy. Sư có dáng chững chạc cao ráo nên được gọi là Đại Chí, lấy việc tu thiền làm bổn sự. Khổ hạnh tự chuyên, tiếng tăm vang khắp bốn phương, không tạo mà tự thành, giọng nói thanh thoát, tướng mạo oai nghiêm. Cho nên người thấy đều ưa thích, biết ngài là

bậc phi phàm. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười Sư đến Lô nhạc ở chùa Phong đỉnh, không làm tôi tơ cho công danh, không dự vào hàng ngũ tăng đoàn mà chuyên tụng Pháp Hoa, ung dung nhàn nhã, vô cùng rõ ràng, khiến cho người nghe đều quên đi sự mệt mỏi. Sau đó, Sư ở phía nam ngọn Cam lộ núi Hoa sơn, lập đạo tràng Tĩnh quán, tu hạnh Đầu-đà. Chỉ một thân một mình mà không lánh hổ báo, nghe có thú dữ thường đến đó nhưng chúng không ăn thịt, gạo thóc trên núi đã hết Sư thường bỏ ăn cả ngày, chỉ dùng bánh hoặc hoa quả để duy trì mạng sống mà thôi, người ngoài thấy không kham nỗi sự khốn khổ này nhưng Sư vẫn an nhàn, nhan sắc không đổi. Suốt bảy năm mà sự nghiệp thiền pháp không bỏ dở. Vào lúc lớn tuổi, Sư về trụ chùa Phước lâm ở Bắc sơn, từng vứt bỏ đại nghiệp, lưu lạc ẩn dật, buồn đau cho pháp Phật suy đồi, đến thẳng ở đây, rồi thay sắc phục hủy hình, đầu đội hiếu kinh, thân mặc vải thô, ở trong Phật đường than khóc vang dậy, ba ngày ba đêm không chịu nín, tăng chúng an ủi. Sư nói ta đau buồn đời nghiệp ác này mới khóc như vậy, cho nên muốn hủy hình hài này để thắp sáng chánh giáo, bèn qua Đông đô dâng biểu: Mong bệ hạ mở mang Tam bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay ở Sùng nhạc để báo đền ân nước. Vua bèn chuẩn tấu, ra lệnh lập một trai đàn, bảy chúng nhóm họp. Đại Chí ba ngày không ăn, rồi leo lên gác lớn đốt sắt đỏ rực để đốt cánh tay, khi nó sém đen lại dùng dao cắt đứt, thịt đứt lộ xương ra lại đốt xương khiến nó sém đen rồi gói lại đem đốt, ánh sáng sáng rực khắp hang động. Bấy giờ, mọi người thấy sự khổ hạnh của Sư đều đau đến thấu xương, không đứng yên được, còn Sư mặc dầu đốt tay đau đớn nhưng sắc từ không biến, vẫn vui tươi như trước. Lúc đó, có khi tụng pháp cú, khi khen ngợi công đức Phật, nói pháp cho đại chúng nghe, tiếng không dứt, khi đốt cháy hết cánh tay Sư lại xuống gác, nhập định bảy ngày rồi thị tịch trong tư thế kiết già, thọ bốn mươi ba tuổi. Từ lúc Sư bắt đầu xuất gia cho đến khi thị tịch, phong cách như thông trúc, đông hạ một kiểu áo, không mặc bông tơ lụa là, áo vải thô sơ, thường làm như vậy, thân hình trắng trẻo, môi đỏ như son, quần mặc phủ nửa ống quyển, chân mang dép cỏ bồ, lời nói sang sảng, điều hòa gió mây. Có người không biết cảm thấy lạ lùng đến chỗ vị này. Sư chau mày nói rằng: Ta là tiểu đạo nhân Đại Chí chùa Phước lâm ở Lô sơn thuộc Cửu giang đây. Lại có tài văn chương trau chuốt, lời lẽ sắc bén, nên soạn văn thệ nguyện hơn bảy mươi tờ. Ý muốn kết làm thiện tri thức với các chúng sinh. Tăng chúng có người ngang bướng khó kính tin mà khi thấy lời thệ này thì đều gạt lệ. Ngày nay ở phong đỉnh của Lô sơn này mỗi khi đến cuối năm thì

thấy chư tăng các chùa nhóm họp lại ở chung một đêm, đọc lời sám nguyện này để làm gương cho đạo tục, điều đó khiến cho mọi người ai cũng chua xót.

**** Tưởng Vương Gia:***

Có một gia nhân giữ chiếc Bộ khúc, không rõ tên họ, khi ông lên tám chín tuổi đã thọ trì kinh Pháp Hoa, đêm ngày đọc tụng, quên ăn bỏ ngủ. Vương Gia bấy giờ trấn nhậm Kỵ châu, Bộ Khúc bèn tình nguyện thiêu thân, có cô con gái nên gả cho vương, vương rất yêu mến. Cô ta trình bày sự việc với vương thuận ý, Bộ Khúc bèn ở trong núi tắm gội sạch sẽ và dọn dẹp tươm tất đàn tràng rồi tự thiêu thân. Trải qua cả tháng cô gái ấy bảo người thâu nhặt tro cốt của cha, xương thịt đều rã mà chỉ còn sót lại một cái lưỡi trong tro, sắc thịt tươi hồng, giống như lúc còn sống. Con rể của vua là Vĩ Trưng thấy vậy rất ngậm ngùi và báo với vương đích thân đến xem cúng dường rất ân trọng, sau đó mấy năm mà chiếc lưỡi không hề thay đổi.

Tỳ-kheo-ni ở Kinh châu có hai chị em, mất tên húy, họ cùng tụng kinh Pháp Hoa, rất nhàm chán hình hài này nên cả hai đều muốn xả thân, tiết chế ăn mặc, càng thêm khổ hạnh. Sử dụng các thứ dầu thơm dần dần bớt ăn cơm gạo, sau đó dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn hương mật, tinh tấn vượt bực, thần trí trong sáng, đi khắp nơi từ giã đạo tục hẹn ngày thiêu thân. Thế là vào đêm mồng 08 tháng 02 niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba, cô đắp hai ụ đất, cao giữa đường lớn ở Kinh châu, bèn lấy dây thừng quấn từ thân đến đỉnh đầu, chỉ chừa hai mắt, mọi người kéo lại đông nghẹt, ca tán hết lời, hai cô đều tụng Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương, cô chị lấy lửa châm lên đỉnh đầu cô em trước, rồi cô em lấy lửa châm lên cô chị. Hai ngọn đuốc trong đêm nhất thời vụt sáng, lửa cháy xuống đến mắt, tiếng tụng kinh vẫn còn lanh lảnh, khi xuống dần đến mũi và miệng thì mới dứt bặt.

Đến sáng hôm sau hai thi thể còn ngồi sừng sững, phúc chốc lửa tắt xương cốt tan rã, nhưng hai cái lưỡi vẫn còn, cả chúng đều khen ngợi, họ bèn xây một ngôi tháp cao.

Gần phía tây của thành Châu có một thư sinh, năm đó khoảng hai mươi tư, hai mươi lăm tuổi tụng kinh Pháp Hoa nguyện đốt thân cúng dường, bèn gom mấy bó củi đem phơi cho khô, có người hỏi lý do thì giấu không nói, nửa đêm hôm sau bèn đốt lửa tự thiêu, cho đến khi đến khi có người đến cứu, lửa cháy mạnh quá nên đã chết, họ bèn dụm thêm củi cho thân cháy hết, nhạc trời hương lạ, thơm ngát, ai cũng phát đại

tín tâm.

**** Thích Hội Thông:***

Người ở Túc xuyên thuộc Vạn niên ngự ở Ung Châu. Thuở nhỏ ưa thích đạo kiểm, vân du nơi sông núi, tinh ròng giới hạnh và lấy đó để tu tập. Sau vào động chước Lâm ở Chung Nam, ẩn cư nơi đó để chuyên tu, tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương liền muốn bỏ thân này, thế rồi Sư một mình chất củi khô thệ sẽ thực hành. Vào một đêm thanh vắng cuối niên hiệu Trinh Quán, Sư chất củi trong rừng thành cái khám, tụng đến phẩm Dược Vương thì châm lửa, gió dữ bộc phát, khói lửa ngùn ngụt, Sư vẫn ngồi bất động, tiếng tụng kinh như cũ, có người nhìn thấy hướng Tây nam có ánh sáng trắng rực rỡ, tuôn vào đống lửa, thân mới ngã xuống, đến sáng thì lửa trên thân đều tắt. Mọi người tìm nhặt di cốt rồi xây một ngôi tháp trắng để khắc ghi sử truyện này.

**** Thích Đàm Du:***

Sư họ Trương, người ở Hứa châu. Sau đó, du học ở Tương dương, rồi bỗng sinh ý tưởng chán nản nhàm lìa. Nhân gặp Thiền sư Vô Hành và Thiền sư Trị ở núi Nguyệt Lãnh mà xuất gia tu đạo, chuyên tụng kinh Pháp Hoa. Lúc tụng kinh Sư lập một tịnh tràng vuông mấy thước, treo hai mươi mốt tấm phướn, đốt hương rải hoa, sau đó mới tụng, lấy đó làm chuẩn. Sau ở núi Hiện muốn tụng kinh Pháp Hoa, nhiều lần cảm trong mộng thấy có người bảo tụng các bài kệ cho đến khi chuyển sang kinh thì rõ ràng phù hợp với văn kinh. Sau đó nghe ở chùa Trường sa có một thụy tượng bay lên do vua A-dục ra, tạo thật nhiều kỳ tích, nếu không xem thường thân mạng để phục vụ cho đạo thì không làm sao khế hợp với điềm này. Sư nghĩ đến cảnh Dược Vương thiêu thân cúng dường này. Vào niên hiệu Càn phong năm đầu Sư đến chỗ tượng kia, liền thành phát nguyện. Nguyện không có chướng duyên, liền nghe trước điện có tiếng búng ngón tay, lúc đó mây mù vần vũ suốt cả tuần. Người xung quanh xứ đó sợ rằng có điều gì xảy đến, Sư nói: ở đây hiện điềm lành, chắc chắn sẽ gặp kết quả tốt không nghi ngờ. Vừa đến đêm 15 tháng 02 ngày Đại thanh minh, trăng sáng ngời. Sư dùng sáp bố tự tay, đốt cả đỉnh đầu, nguyện được đốt lâu cúng dường lâu, không muốn chết sớm. Khi lửa cháy đến cổ tay sắc mặt vẫn không thay đổi, lửa cháy đến chân mày vẫn nói pháp như lúc đầu, tâm tràn đầy vui vẻ, mắt chăm chú nhìn thụy tượng, đem ánh sáng cúng dường nguyện được thấy Đức Phật Nhật Nguyệt tịnh minh Đức, mọi người hỏi có nóng không? Sư

đáp: Tâm như kim cương, không hề lui sụt, thật quá sảng khoái chẳng chút đau khổ. Lát sau lửa bốc lên ngùn ngụt, cháy khắp trên dưới. Lại ở trong lửa báo hãy niệm Phật, lúc lửa mới phát tăng chúng đều sợ hãi, sợ không còn di thể, chẳng biết tướng thiêu, xin để lại một vật để nghiệm làm chứng răn dạy chúng sinh, cho đến lúc lửa khói tiêu tan chỉ còn lại xương sọ. Sáng sớm hôm sau, cả châu nhốn nháo chạy đến, quan liêu cũng đông đủ, đảnh lễ xung quanh, khen ngợi công đức ấy rồi thỉnh về, mới vào cổng chùa thì xương sọ tự vỡ vụn, hơn mười người có tín tâm cầu thỉnh xá lợi trước kinh cốt, lần lượt rơi xuống tám viên xá lợi, chìm nổi tùy ý, cảm tâm phát ứng. Bấy giờ, thu nhặt tro tàn còn lại chôn ở trong chùa, thường có điềm ứng là tiếng khảy ngón tay.

Gần đó, chùa Tây Minh có Sa-môn Hộ Luận, ban đầu tụng Pháp Hoa, hết một quyển bèn đốt một ngón tay, đến hết tám quyển thì đốt tám ngón tay, vị này mặc dù không xả thân mạng nhưng cũng được xếp vào hàng Di thân.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-Môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn*

## QUYỂN 6

### TRÌ TỤNG (Phần 1)

- Văn Hoàng đế thời Tây Ngụy.
- Sa-môn ở núi người nước ngoài.
- Thích Bảo Trang đạo tràng Mạt lăng đời Tấn.
- Thích Pháp Tướng ở Sơn cư đời Đông Tấn.
- Thích Tăng Sinh chùa Tam Hiền đời Tấn.
- Thích Pháp Tông ở Pháp Hoa đài đời Tống.
- Thích Phổ Minh ở Cao Dật đời Tống.
- Thích Tuệ Quả ở chùa Ngõa quan đời Tống.
- Thích Đạo Thọ ở chùa Kỳ Hoàn đời Tống.
- Thích Tăng Dực ở chùa Pháp Hoa đời Tống.
- Thích Tuệ Tấn ở chùa Cao Tọa đời Tề.
- Thích Hoằng Minh ở chùa Bá Lâm đời Tề.
- Thích Tuệ Dự ở chùa Linh Căn đời Tề.
- Thích Siêu Biện ở chùa Định Lâm thượng đời Tề.
- Thích Pháp Tuệ ở chùa núi Thiên trụ đời Tề.
- Bà họ Phí, vợ của La dữ đời Tề.
- Sa-di ở chùa Quận Đông đời Tề.
- Thích Tịnh Kiến ở núi Sùng đời Hậu Ngụy.
- Thích Bạt Trừng đời Hậu Ngụy.
- Ngự sử Trung Thừa Lục Tái đời Hậu Ngụy.
- Thích Tuệ Quán ở chùa Nam Giản đời Lương.
- Thái thú Vương Yêm ở Tân an đời Lương.
- Thích Tăng Thiên ở Cối kê đời Lương.
- Thích Thông Tử ở chùa Tề Ninh đời Lương.

- Thích Tuệ Độ ở Dư Hàng đời Lương.
- Thích Tăng Hoan ở chùa Trị Thành đời Lương.
- Thích Tăng Định ở chùa Thiền Chúng đời Lương.
- Thích Trí Đăng ở núi Khuông đời Lương.
- Sa-môn Chánh Tắc Du Phương đời Lương.
- Tiên sinh Dữu Tiên Thương Hành đời Lương.
- Thích Bảo Quyết ở núi Khuông đời Lương (lại có thêm vị tăng ở chùa Ngũ Hiệp, có thêm vị tăng ở Ưng châu).
- Thích Chí Trạm ở chùa Hàm Thảo đời Lương.
- Bằng Pháp, Tuệ đời Lương gặp vị tăng ở cõi âm.

*****

* Văn Hoàng đế đời Tây Ngụy húy là Bảo ngự bốn phương mà giúp chư Tử, ở ngôi cao để hộ Chánh đạo, mặc áo châu ở thứ phẩm, chỉ bày giếng trong ở cao nguyên, xây dựng Già-lam, chuyên trì tịnh giới, vào nhà Như Lai, một mình ở đến già, thường tụng kinh Pháp Hoa, để làm tịnh nghiệp lâu dài.

* Xưa có chùa núi Ngoại Quốc, có vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi, thường tụng kinh Pháp Hoa, thường đi kinh hành ngoài chùa. Gặp cô gái La-sát, dáng vẻ rất đẹp, đến khuấy nhiễu Tỳ-kheo này, vị Tỳ-kheo bị mê hoặc, bèn tư thông với con quỷ. Tư thông xong, tinh thần hoảng hốt, không hay biết, con quỷ cõng vị Tỳ-kheo muốn bay về chỗ ở của mình để ăn thịt Tỳ-kheo. Vào đầu hôm, nó bay qua một Tăng-già-lam, vị Tỳ-kheo ở trên con quỷ, nghe trong Già lam có tiếng tụng kinh Pháp Hoa, do đó hơi tỉnh ngộ, nhớ lại các tập khí của mình, bèn tụng thầm, quỷ cảm thấy nặng dần, sắp sa xuống đất, nó cố bay lên nhưng không thể thắng được, quỷ bỏ vị Tỳ-kheo ra đi. Vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi khi thức dậy, nghe có tiếng chuông, liền theo tiếng chuông đến chùa, gõ cửa xin vào trình bày đủ các việc trên. Tính ra, Sư đi xa làng đã hơn hai ngàn dặm. Chư tăng nói người này phạm tội trọng, không được ở chung. Có một vị Thượng tọa nói: Bị thần quỷ làm mê hoặc, chẳng phải tự tâm, đã được thoát khỏi, hiểu rõ được oai lực của kinh, có thể được ở lại chùa, liền cho vị Tỳ-kheo sám hối, về sau, Sư gặp lại người trong làng cũ nên xin về lại Chùa Ngoại Quốc

* ***Thích Bảo Trang:*** Còn gọi là Pháp Trang, họ Thân, người ở

Hoài nam. Trong niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn, năm ấy mới mười tuổi theo Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn, làm đệ tử, từ nhỏ lấy việc siêng năng khổ nhọc làm mục tiêu. Đầu niên hiệu Nguyên Gia, Sư ở chùa Đạo tràng Châu Lăng, hạnh nghiệp tinh chuyên, thường tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi khi tụng y phục thường sạch sẽ ngồi tòa riêng, đốt hương chấp tay, quán tưởng về Linh Sơn, sau đó từ từ phát ra âm thanh nhẹ nhàng, cho đến hết câu văn. Bữa nọ tụng nửa chừng ở trong phòng, Pháp Trang nghe trước cửa như có tiếng binh trượng, quả thật là Thiên thần đến nghe. Đầu niên hiệu Đại Minh đời Tống, Sư qua đời tại chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi.

* ***Thích Pháp Tướng:*** Không biết họ Sư, tự nói là người Hà nam. Khoảng niên hiệu nghĩa Hy đời Đông Tấn, bỗng ngộ vô thường, vượt thế tục ở ẩn trong hang núi. Đi ở vô định, rỗng không cõi u nhàn, bất ngờ hiểu rõ được chấp trước, tụng kinh Pháp Hoa ngày đêm không mỏi mệt. Sư đi qua miếu Thái sơn, chiều tối ngủ ở miếu gần nhà dân. Ban đêm dậy tụng kinh, bỗng nghe tiếng gõ cửa, bấy giờ Sư ra xem, thấy có một người mặc áo đen đội mão Quang Võ, thấy ngài rất cung kính nói rằng: Đây là Phủ Quân Thái Sơn, nghe sư tụng kinh, nên đến nghe, đệ tư ở trong miếu, nằm trong một cái hòm bằng đá, có nhiều tài vật, đem cúng dường Sư, Sư nên mở lấy. Nắp đá ấy nặng hơn ngàn cân, không người nào nhích nổi, Sư thử mở, bỗng nhiên mở ra, thế là lấy được một trăm tấm lụa, hơn trăm quan tiền, đem bố thí cho người nghèo. Sau đến Giang nam, ở chùa Việt Thành bỗng nhiên thối chí, buông lung vô độ. Bấy giờ, tướng quân Tư Mã Điềm trấn nhậm phía Bắc, tánh ác vô đạo, mời Sư uống rượu có độc, vừa uống khoảng ba chung thần sắc bất biến, điềm tĩnh không rối loạn, ông Điềm rất lấy làm lạ, hổ thẹn hối hận, sau càng thêm cúng dường.

* ***Thích Tăng Sinh:*** Họ Viên, người ở Thục quận, xuất gia lúc nhỏ, do tu khổ hạnh nên được mọi người khen ngợi, Tống Phong Thành Đô mời Sư trụ trì chùa Tam Hiền, tụng kinh Pháp Hoa tu tập thiền định, thường ở trong núi tụng kinh, có khi hổ đến quỳ ở trước, nghe tụng xong đi ngay. Sau đó, mỗi khi Sư tụng, liền thấy có bốn người theo hầu hai bên. Tuổi tuy già yếu, nhưng Sư luôn tinh tấn. Sau Sư bị bệnh nhẹ, liền bảo người hầu “ta sắp đi, sau khi ta chết nên làm lễ thiêu thân, các đệ tử y theo lời di chúc của Sư”.

* ***Thích Pháp Tông:*** Người Lâm hải, không biết họ. Lúc nhỏ Sư thích săn bắn, thường làm gươm giáo, bắn trúng nai mang thai, nai mẹ ngậm tên mà vẫn liếm con, Pháp Tông bèn tỉnh ngộ, biết các loài đều tham sống, thương con là có tình thức giống nhau, bèn bẻ cung chặt tên, xuất gia tu đạo, thường phân ra giúp đỡ, khất thực ngày ăn một bữa, siêng năng khổ nhọc tu tập ngày sáu thời, để sám hối tội đời trước, tụng kinh Pháp Hoa, Duy-ma thường lên đài tụng ngâm, âm vang xa bốn phương. Các bậc sĩ thứ đến bẩm thọ quy giới hơn ba ngàn người, bèn khai thác chỗ ở để làm tinh xá. Do đó đặt tên là đài Pháp Hoa, sau không biết được Sư mất ở đâu.

* ***Thích Phổ Minh:*** Họ Trương, người ở Lâm Vị, xuất gia lúc nhỏ, bẩm tánh điềm đạm, mắt nhìn không quá một bước. Ăn uống đạm bạc mặc áo vải, lấy sám tụng làm sự nghiệp, ba y và giường dây không hề rời thân, nếu muốn nghỉ ngơi, trong khi ngồi lợi dụng ngủ, tụng hai kinh Pháp Hoa và Duy-ma-cật. Đến lúc tụng có y khác, tòa khác, chưa từng lẫn lộn y phục dơ. Mỗi khi tụng đến phẩm Khuyến Phát, liền thấy Đức Phổ Hiền cỡi voi đứng trước mặt. Khi tụng kinh Duy-ma-cật cũng nghe âm nhạc giữa hư không, lại có thần chú hay, những người được cứu chữa đều lành. Có Vương Đạo Chân người trong làng, vợ bệnh mời ngài Phổ Minh vào cửa, người vợ liền chết giấc, bỗng thấy một vật giống như con chồn, dài hơn mấy thước từ hang chó đi ra, do đây mà lành bệnh, ngài Phổ Minh thường đi bên miếu nước, thấy cúng tự bảo rằng: Thần thấy họ đều bỏ chạy, sau bị bệnh, ngồi ngay đốt hương, bất giác qua đời, lúc đó vào khoảng niên hiệu Hiếu Kiến đời Tống, thọ tám mươi lăm tuổi.

* ***Thích Tuệ Quả:*** Người Dự châu, còn nhỏ ăn uống đạm bạc, cực khổ nuôi thân. Đầu đời Tống Sư đến Kinh đô, trụ chùa Ngõa cung. Tụng kinh Pháp Hoa, Thập địa, Sư ở trước nhà xí, thấy một con quỷ rất cung kính, ngài Tuệ Quả nói rằng: Xưa vì chúng tăng mà Duy-ma, còn nhỏ làm không đúng pháp, đọa làm quỷ ăn phân trong nhà xí, Pháp sư đức hạnh cao minh, lại thành ý, xin tìm phương tiện cứu giúp. Quỷ lại nói rằng: Xưa có ba ngàn đồng tiền, chôn dưới gốc cây bông, xin lấy làm phước. Ngài Tuệ Quả bảo chúng tăng đào lên quả thật có ba ngàn đồng tiền, lấy in cho ông một bộ Pháp Hoa và lập trung hội. Sau nằm mộng thấy quỷ này nói rằng, đã được đổi đời tốt hơn ngày trước. Ngài Tuệ Quả qua đời vào niên hiệu Đại Thủy năm thứ sáu đời Tống, thọ bảy mươi sáu tuổi.

*** *Thích Đạo Thọ:*** Không rõ người xứ nào, bẩm tánh Sư hào nhã điềm tĩnh, được khen là hiếu kính, thọ năm giới không hề phạm. Vào niên hiệu Nguyên Gia, Sư để tang cha, do đó bị bệnh, bản thân không có đau khổ nào bằng, chỉ còn bộ xương gầy yếu, trải qua năm tháng, chữa trị nhiều cách không lành, nguyện lành bệnh xuất gia. Sau khi lập nguyện, dần dần được bình phục, đúng như nguyện xuất gia ở chùa Kỳ hoàn, tinh tấn vượt bậc, tụng kinh Pháp Hoa cả ba ngàn biến, thường thấy điềm lành, ánh sáng. Đêm mùng bảy, tháng chín niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười sáu, Sư thấy lọng báu giữa hư không, rũ che trên Sư, sau không biết Sư mất ở đâu.

*** *Thích Tăng Dực:*** Người ở xứ Dư hàng thuộc Ngô hưng, còn nhỏ đã tín tâm ngộ đạo, sớm có tiết tháo vượt trần. Mới xuất gia, ở Lô Sơn, theo ngài Tuệ Viễn tu học, siêng năng tu khổ hạnh, thấy người đồng môn sư thường tụng một bộ Pháp Hoa. Vào niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười ba đời Tấn, Sư cùng các bạn đồng chí đến Cối Kê, thường đi thăm núi sông, đến nước Tần nhìn về Tây bắc, thấy năm ngọn núi liền nhau, có hình dạng núi Kỳ-xà-quật, bèn kết cỏ thành am, đặt tên là tinh xá Pháp Hoa. Ăn uống đạm bạc, hơn ba mươi năm. Qua đời vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi bảy đời Tống, thọ bảy mươi tuổi.

*** *Thích Tuệ Tấn:*** Họ Diêu, người ở xứ Ngô Hưng, còn nhỏ đã hùng mạnh, bản tánh thích dao du hiệp sĩ. Năm mười ba tuổi bỗng nhiên tâm ngộ tự khai mở, Sư bèn xuất gia tại chùa Cao tòa ở Kinh đô, ăn uống đạm bạc, phát nguyện tụng kinh Pháp Hoa, dụng tâm siêng năng khổ nhọc. Một hôm, cầm quyển kinh liền phát bệnh, Sư bèn phát nguyện, nguyện viết một trăm bộ Pháp Hoa, để sám hối nghiệp chướng đời trước, Sư chứa góp được một ngàn sáu trăm tiền, lúc bấy giờ có giặc cướp đến, hỏi ngài Tuệ Tấn: Có tài vật gì không? Sư đáp: Chỉ có tiền in kinh ở chỗ Phật, bọn giặc nghe Sư nói thẹn thùng mà đi, thế là Sư nhóm họp tín thí, đem tiền in chép thành kinh, đủ một trăm bộ. Sau khi thành kinh rồi, bệnh cũng bớt dần, nhân đó tụng một bộ kinh Pháp Hoa, ý nguyện đã mãn, Sư càng dốc sức bền chắc, thường khác với các phước nghiệp, nguyện sinh về cõi An Dưỡng (bỗng chốc giữa hư không có tiếng rằng “nguyện ông đã đầy đủ, quyết được sinh về Tây phương”).

Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba đời Tề, Sư không bệnh mà qua đời, thọ tám mươi lăm tuổi.

Chùa Long Hoa ở Kinh đô, lại có Thích Tăng Niệm, Sư thường

tụng kinh Pháp Hoa, ở ẩn trong thế tục ăn uống đạm bạc.

*** Thích Hoằng Minh:** Họ Doanh, người ở Sơn âm thuộc Cối kê. Xuất gia lúc nhỏ, cố gắng giữ tiết tháo, trụ chùa Vân môn ở Sơn lâm, tụng kinh Pháp Hoa, tu tập thiền định, tinh tấn lễ sám, sáu thời không nghỉ. Thường mỗi sáng thì bình nước tự đầy, chứng thật là các vị đồng tử cõi trời cung cấp cho Sư.

Ngài Hoằng Minh thường ngồi thiền ở Vân môn, hổ vào trong nhà, ngài Hoằng Minh nép phục ở trước giường, thấy ngài Hoằng Minh đoan nhiên bất động, nó nằm giây lâu rồi mới đi. Lại có một lúc, thấy một đứa trẻ, đến nghe Hoằng Minh tụng kinh, Sư hỏi "ngươi ở đâu".

Đứa trẻ thưa: Lúc xưa làm Sa-di ở chùa này, ăn trộm thức ăn, nay đọa vào nhà xí, nghe đạo nghiệp của Thượng nhân, nên đến nghe tụng, xin lập phương tiện để trách khỏi lụy. Sư liền nói pháp khuyến hóa, hiểu biết lãnh ngộ. Sau Sư nhập định tại núi Thạch Lạo ở Vĩnh hưng. Lại có Sơn tinh đến khuấy nhiễu Sư, Sư bắt được, dùng dây trói, quỷ lạy tạ cầu tha tội, nói không dám đến nữa, Sư bèn thả, bèn đi mất tích.

Trong niên hiệu Nguyên Gia có Quận thú Bình Xương là Mạnh Khải, quý trọng khí tiết của Sư, muốn Sư ra Tân an, ở tinh xá Đạo Thọ. Sau đến Giang tề thuộc Tế dương, ở ấp Vĩnh Hưng lập chùa Chiêu huyền, lại mời Sư đến ở. Cuối đời Đại Minh, có Đào Lý Đỗng Thị lại lập chùa ở thôn Bá lâm để Sư ở, muốn Sư ở lại, dạy bảo thiền giới, môn đồ sắp thành hàng.

Và niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tư đời Tề. Sư qua đời tại chùa Bà lâm, tuổi thọ tám mươi tư.

*** Thích Tuệ Dư:** Người ở Huỳnh Long, đến Dương châu, trụ chùa Linh Căn, lúc nhỏ rất ham học, tham học khắp các thầy, giỏi về bàn luận, mỗi khi nghe bình luận nhân vật, liền bịt tai không nghe. Hoặc có khi dùng lời lạ hỏi ngăn, tiêu chuẩn y bát, ngày dùng một bữa nuôi thân, siêng năng tiết độ, lấy cứu khổ làm trước. Tụng kinh Pháp Hoa, lại tu tập thiền định, Sư tinh chuyên ngũ môn (Tổng chương Phật thể môn, khai trì huệ môn, hiển bất tư nghì môn, chư pháp chánh tánh môn, liễu vô dị tự tánh vô ngại giải thoát môn). Thấy có ba người đến gõ cửa đều y mão sạch sẽ, tay cầm lọng hoa. Tuệ Dự hỏi: "tìm ai". Đáp rằng: Pháp sư sẽ chết, nên đến đón rước. Tuệ Dự nói: Còn chút việc chưa xong, có thể kéo dài thêm một năm được không? Ba người nói: "được?". Sang năm tròn một năm Sư qua đời, năm ấy là niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ

bảy đời Tề, Sư thọ năm mươi bảy tuổi.

* ***Thích Siêu Biện:*** Họ Trương, người Đôn Hoàng, còn nhỏ mà thần thái tỉnh ngộ tự phát, tiết tháo thâm trầm. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa, Kim Cương Bát-nhã. Sau trở lại Kinh đô, trụ chùa Định lâm thượng ở nơi vắng vẻ dày công tu dưỡng trọn đời. Ngài ở chùa tụng kinh Pháp Hoa, quy định ngày một biến, tâm nghe miệng họa theo. Ngoài ra, Sư còn lạy ngàn Đức Phật, tính hơn một trăm năm mươi muôn lạy. Chân không ra khỏi cửa, hơn ba mươi năm. Vào niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ mười đời Tề, Sư qua đời trụ chùa núi, thọ bảy mươi ba tuổi, mai táng ở phía Nam chùa. Sa-môn Tăng Hựu, làm bia mộ thờ Sư, Lưu Tiệp ở Đông quản soạn văn.

* ***Thích Pháp Tuệ:*** Sư họ Hạ Hầu mà có chí tinh tấn, hành luật rất nghiêm. Cuối Tống Đại Minh, Sư đến phía đông Vũ Huyệt. Ẩn cư trụ chùa núi Thiên Trụ, một ngày tụng một bộ Pháp Hoa, Sư ăn uống đạm bạc, mặc y phục vải thô. Chí Sư khinh xuất người ngoài, ở trên gác không xuống, hơn ba mươi năm, Vương Hầu dừng xe lễ bái ở phòng rồi trở về. Chỉ có ông Ngung ở Nam Chu, do tin hiểu rất sâu, đặc biệt khế hợp với sư. Bấy giờ, có người mến mộ đều trông mong lễ bái. Hoặc nhân ông Ngung để ý, lúc bấy giờ có một người thấy vào niên hiệu Khiến Võ năm thứ hai đời Tề, Sư qua đời tại chùa núi, thọ tám mươi lăm tuổi.

* ***Thanh tín nữ:*** Họ Phí, người ở Ninh thục, thanh tín nữ Phí Duyệt Thứ Sử Ninh Châu đời Tống, tín nữ là vợ La Dữ. Còn nhỏ mà lòng kính tin, tụng kinh Pháp Hoa mấy năm, rất siêng năng không mỏi mệt. Sau bỗng bị bệnh, gắng sức đau đớn, cả môn đồ hoảng sợ, dặn dò mọi người. Họ Phí tâm nghĩ. Ta siêng năng khổ nhọc dụng kinh, phải có sự phù hộ, để không như thế, đưa đến cái chết, rồi nằm ngủ, ăn xong, như ngủ như mộng, thấy Phật trong của sổ trao tay, dùng tay xoa tim người, bịnh liền thuyên giảm, nam nữ tôi tớ trong nhà, đều thấy ánh sáng vàng, cũng ngửi thấy mùi thơm lạ. La Dữ theo em, từ Vương Diễm ngoại tộc từng là phu nhân của Phi Âm Tổ Thượng thư Trung binh lang. Sau đó bớt bệnh trước giường, cũng đủ nghe thấy, phát khởi đại tâm tin ngộ, chí thành đến trọn đời, thường đem điềm lành này khuyến hóa con cháu.

* ***Sư Thích:*** Mất tên họ Sư, Sư trụ chùa Đông quận đời Tần. Có một Sa-di, tụng kinh Pháp Hoa rất lanh lợi. Chỉ đến phẩm Dược Thảo

dụ, bỏ sót hai chữ ái Đãi, như vậy đến cả ngàn lần. Sư quở trách rằng: Ông tụng một bộ kinh, thuộc làu như thế, há không để ý nhớ hai chữ ấy sao? Những tối đó Sư nằm mộng thấy một vị tăng, bảo rằng: "Ông không nên trách vị Sa-di này, Sa-di đó đời trước ở chùa bên thôn phía đông, làm Ưu-bà-di, vốn tụng được một bộ kinh Pháp Hoa, nhưng khi tụng kinh Pháp Hoa ấy, đương lúc đến phẩm Dược Thảo Dụ, có con cá trắng ăn mất hai chữ "ái đãi", lúc đó kinh không có hai chữ này, vì việc ấy đến đời nay mới được thọ thân, mà tập khí chưa thành. Sư tên Mỗ ấy, kinh cũng thấy còn, có lẽ người không tin, nên đến xem xét. Sư sáng hôm sau đến thôn ấy, hỏi thăm nhà này, nói xong hỏi người chủ rằng: "có chỗ cúng dường chăng?" Người chủ đáp rằng: "có". Sư hỏi: "nơi đó có kinh sách không?". Người chủ đáp: "có một bộ kinh Pháp Hoa". Sư lấy xem, thì phẩm Dược Thảo dụ quả thật thiếu hai chữ. Sư lại hỏi: "người con lớn không có vợ, ở đời trì kinh Pháp Hoa, tính năm Sư chết đến nay đã được mười bảy năm. Quả thật năm giờ tháng thai giống với Sa-di đây. Từ đó về sau lần lần biến đổi theo năm tháng, mới được thuần thục, nhưng không biết nơi Sư qua đời.

*** *Sư Thích Tịnh Kiến:*** Không biết Sư người ở xứ nào, Sư xuất gia lúc nhỏ. Phần nhiều là ở Sùng cao và núi Long môn. Sư tụng kinh Pháp Hoa đến mười ba ngàn biến, trong tâm chuyên tu diệu quán, thâm nhập pháp thiền, đã tụng trì lâu ngày, sức khỏe mỏi mệt. Hơn hai mươi năm sau, bỗng nghe phía Bắc của chỗ ở, có các trẻ nhỏ, nói chuyện ồn ào làm Sư bực bội. Sư cảm thấy phiền muộn, cũng không biết các đứa trẻ từ đâu đến. Bấy giờ, có một ông già tóc bạc, mặc áo trắng, thường đến thăm hỏi rằng: "bốn đại của Thiền sư thế nào?". Sư đáp: "dần dần cảm thấy mỏi mệt, lại không biết ở chỗ nào, có rất nhiều đứa trẻ, hàng ngày làm bực bội, lại không thể chịu được". Ông già nói, Sư đến ngồi chỗ bọn nó cười giỡn, đợi chúng cởi áo xuống nước tắm gội, thì Sư ẵm một đứa trẻ lại chỗ áo. Nếu nó đến lấy, thì cẩn thận đừng cho. Nếu nó mắng Sư, Sư dè dặt chờ đáp lại. Đệ tử tự đến nói chuyện, Sư thấy chúng liền đi theo, Lão Tông nói chuyện, đến đợi chúng. Các trẻ nhỏ, quả nhiên chúng cởi áo xuống ao tắm gội, Sư bèn ẵm được một đứa trẻ lại phòng để y phục, đứa trẻ tìm rồi xin y phục lại. Sư nhớ lời Lão Tông dặn, nhứt quyết không cho lấy lại y phục, đứa trẻ liền nói lời ác, hủy báng Thiền sư, nói đến Tổ tông, sư cũng không đáp lại. Lão Tông tóc bạc tìm đến bảo đứa trẻ rằng: Ngươi hãy vào trong bụng Sư, đứa trẻ mới đầu không chịu nghe theo, Lão Tông ép đuổi mấy lần, mới chịu vào trong bụng Sư,

nó ẩn trong bụng. Lão Tông hỏi Sư: “Bốn đại của Sư như thế nào?” Sư nói: Khí lực tốt hơn trước. Lão Tông sắp đi, nói: “từ nay về sau, thể lực ông khỏe mạnh hơn, thiền tụng gấp mấy lần”. Có người hiểu biết nói đương lúc đó là Bồ-tát Phổ Hiền, thần núi sai các loại có thuốc, biến thành trẻ nhỏ, sai nó ở trong bụng Sư, trừ hết tật bệnh, Sư thanh tịnh, tức Sư dạy trao pháp thiền cho Thiền sư Mạc. Sau không biết nơi Sư qua đời.

*** *Thích Bạt Trừng:*** Sư xuất gia lúc nhỏ, tinh thần ám độn, mà ăn chay trường đạm bạc. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư phát tâm thọ giới cụ túc, tụng kinh Pháp Hoa, nguyện sinh về Tây phương, ngày tụng một hàng hoặc nửa bài kệ, hoặc đều không tụng được. Năm tám mươi tuổi sư mới thông suốt. Sau nhân lúc ngủ nghỉ, nằm mộng thấy một người võ quan mặc áo châu, tay cầm sớ thỉnh, khai thị cho Bạt Trừng rằng: “Thiên Chủ Đế-thích, sai đến kính thỉnh”. Sư Bạt Trừng đáp: “Bần đạo nguyện sinh về Tây phương, vả lại trời Đao-lợi, tuy là nơi cao quý, nhưng không xứng với sở nguyện của bần đạo. Người mặc áo châu liền đi ngay, khi thức dậy, Sư gọi các đệ tử, kể hết việc mộng ấy.

Ngày mai lại nằm mộng thấy ngôi tháp bảy tầng, sư Bạt Trừng ở trên tầng thứ năm, nhìn về Tây phương, thấy dây báu làm thềm đường, không có bờ mé, có hai thần Kim Cương cầm chày đứng ở hai bên. Có mấy đồng tử áo xanh, cầm phất màu trắng, quét dọn thềm đường này. Sư hỏi Đồng tử: “đây là chỗ nào?”. Đồng Tử đáp: “đây là dây báu thềm đường của Tây phương, đến đón rước Pháp sư Bạt Trừng. Pháp sư thức dậy, kể lại việc này, bảo các đệ tử rằng: Các ngươi đổi lấy ba y sáu vật của ta, cúng một bữa trai tăng. Các đệ tử y theo lời mua sắm, trước khi trai tăng hỏi đại chúng: “có thấy ngàn Đức Phật đến hay chăng?” Đại chúng bảo “không thấy”, Sư lại hỏi “có nghe mùi thơm rất lạ chăng? Đại chúng nói: “nghe”. Thọ trai xong, tắm gội cạo tóc, ngồi ngay chánh niệm rồi vãng sanh.

Vào thời Hậu Ngụy, Thái tử đảm nhiệm chức vụ Trung Thứ tử ngự sử Trung Thừa, người họ Ngô, là Trưởng sử Vương Nghĩa Chân Hạnh quán Đại đô đốc Hàm Dương Tống Võ. Sau ẩn luôn cả hiển hách, do đó tức là Sĩ Ngụy, ông có tài điêu khắc và khéo nói đùa, mà tánh ưa thích vắng lặng yên tịnh, thường lấy Phật pháp làm ý chỉ, thường tụng các kinh, khen ngợi chân lý nhiệm mầu. Ông chuyên tinh đến cuối đời, chữ kinh phát ra ánh sáng, tụng kinh Pháp Hoa, đồng cảm được xá lợi.

* ***Thích Tuệ Quán:*** Không biết Sư người ở xứ nào, lưu lạc cư trú ở Huyền Tân, nghe Pháp sư Tiên ở chùa Nam Giản giảng, Sư rất tâm đắc. Sau bỗng bị bệnh nặng, đến khi bớt bệnh tự cố gắng tụng kinh Pháp Hoa, dốc lòng sám hối, tinh thành đã thấu suốt, khoát nhiên tiêu thực, do đó lấy kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp. Vua Vương Võ mời Sư vào điện Thọ Quang, không được giảng bên ngoài, do đó biết làm ra nghĩa, ý nghĩa lời nói cung thương, lời lẽ bao gồm dồi dào. Thế tử Tiêu Khuyến Ngô Bình, đến Phiên Châu Linh Nam mời sư đến đó, giảng rộng kinh Pháp Hoa, người đạo kẻ tục đến quy y, hằng ngày hiện nhiều điềm lành, sau không biết Sư qua đời ở đâu.

* ***Vương Yêm:*** Tự Công Viễn, người ở Lâm Tố thuộc Lang Da, Tổ Phổ là Thượng thư Tả Nghiệp Tạ, cha họ Lâm, làm chức Tư đồ Tư Trưởng Sử. Trưởng Công Chủ đã sinh ra ông, ông làm quan đến chức Huỳnh môn Lang Tân An Thái thú, ông chuyên tâm với Phật đạo, sớm chiều không biếng nhác, trì tụng kinh Pháp Hoa nhiều năm. Đệ Cố thứ tám của ông, cũng ăn chay, tụng kinh Pháp Hoa. Vương yêm chết, báo mộng cho ông Đệ Cố rằng: "Ta được sinh về Tây phương, cõi nước Vô Lượng Thọ, thai sinh ở trong hoa sen cánh bằng sắt, hết năm trăm năm mới được ra khỏi thai thấy Phật. Vì tụng kinh Pháp Hoa siêng năng nên được sinh về Tây phương. Nhưng do ngu si đa nghi, nên chịu thai sinh này, thế rồi từ biệt. Báo ứng trên ông nên biết, tụng kinh chớ biếng nhác.

* ***Thích Tăng Thiên:*** Người ở Cối kê, lúc nhỏ học rộng, phần nhiều được thông suốt, thường ngày giảng nói, trước tác các kinh sớ, nghĩa lý rất tinh sâu. Tụng kinh Pháp Hoa hơn năm mươi năm. Vào ngày 27 tháng 09 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tư vua Lương Minh, gần sáng Sư nằm mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng, từ phương Đông đến, tay cầm vật trắng chỉ trên đảnh Sư, lúc đó Sư biết là ngài Phổ Hiền, trong tâm rất vui, chỉ có miệng xưng Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát, Sư chưa kịp thi lễ, liền thức giấc. Sau không biết Sư qua đời ở đâu.

* ***Thích Thông Tử:*** Không biết Sư người ở đâu, xuất gia lúc nhỏ, trụ chùa Tề Ninh. Vốn thân thiết với Pháp sư Nhẫn ở chùa Kiến Sơ, nghe nghĩa linh diệu rất có ý tứ, Sư tụng một bộ kinh Pháp Hoa, không chấp hạnh nhỏ. Ở Kinh đô bị bệnh dịch, Sư bị bệnh và qua đời. Sư Nhẫn đến thăm, bảo rằng: "nơi thọ sinh xin ông báo cho biết". Sư Thông Tử

nói: "Từ trước đến nay thường than thở việc này, nay nhân thiện ác, quyết phải báo cho ông". Được hai năm sau, không rõ được báo ứng. Đến niên hiệu Triều Chánh năm thứ ba, sư Nhẫn đến nhà nọ, thì người nhà đều vào núi hết. Sư Nhẫn ở nhà giữ phòng, trong lúc sư Nhẫn dựa bàn, trong đó lờ mờ thấy ông Thông đến, nói rằng: Lúc sắp qua đời có để lại bài văn, đã lâu rồi muốn báo cho ông, nhưng sự duyên không khai mở được, nên nay mới biết rõ, nay tối làm quan nhỏ ở Thái sơn, cũng không khổ lắm. Sư Nhẫn nói: Lúc bình thường ông tụng kinh nghe giảng, là người có đức hạnh, tại sao mắc quả báo này. Thông Tử đáp: do tôi làm biếng nên mắc quả báo này, nếu không như vậy, thì đâu có mắc quả báo như ngày nay, nói xong rồi đi. Sư Nhẫn do đó càng cố gắng tinh tấn, nhiều hơn ngày thường.

* ***Thích Tuệ Độ:*** Sư người ở Ngô Hưng, theo học với luật sư Biện ở chùa Phụng Thành, có Sư giỏi về luật, tinh thông nghĩa lớn ăn chay trường đạm bạc. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa, Kim Cương Bát-nhã. Bỗng nhiên bệnh nặng qua đời, năm ngày sau sống lại, Sư tự nói là thấy vua Diêm-la mặc trang phục áo mũ quan, như vua ngày nay, cũng có thị vệ như vậy. Lúc đầu dáng mạo ôn hòa nhã nhặn, cũng phán việc người tội, lại rất tức giận, râu mặt chuyển động khác thường, hỏi xét, có những nghiệp gì? Tôi đáp: Tụng kinh Pháp Hoa. Vua nhún vai rồi búng ngón tay, hỏi tiếp: Tụng thêm kinh gì? Tôi đáp: Tụng Kim Cương Bát-nhã. Vua càng thêm sợ hãi cung kính, mời tôi ra giường vàng, và cho ngồi. Vua thỉnh tôi tụng xong một biến nói: Công đức này không thể nghĩ bàn, Pháp sư chưa hết tuổi thọ, cũng nhờ thần lực của kinh thọ trì, còn kéo dài thêm hai niên kỷ. Sau quả nhiên được hai mươi bốn năm. Sư mất vào niên hiệu Nguyên Gia vua Văn Đế đời Trần, thọ hơn bảy mươi tuổi.

* ***Thích Tăng Hoan:*** Không rõ Sư họ gì, Sư xuất gia tại chùa Trị Thành ở Kim lăng. Sư bị bệnh, kém sức khỏe, cho đến dốc lòng sám hối ở dưới tháp, thỉnh cầu tha thiết, tụng kinh Pháp Hoa không ngừng. Thời gian lúc nhỏ sức khỏe đầy đủ. Trước tháp của chùa có hai sư tử bằng đá, thân hình rất lớn nặng, sư Tăng Hoan bỗng nhiên dùng hai cánh tay, mỗi cánh tay xuyên dưới bụng sư tử, đỡ lên vai rồi đi, đi khoảng mười dặm, mà không biết mỏi mệt. Lương Cao Tổ nghe việc đó mà kinh hãi. Vua bèn ra lệnh cho Sư hoàn tục, sai đi chinh phạt phía Bắc mà qua đời.

* ***Thích Tăng Định:*** Không biết Sư người ở đâu, Sư tu tại chùa thiền Chúng ở Giang dương, mỗi ngày tụng một bộ kinh Pháp Hoa, tiếng và âm vận rất hay, Sư không cẩn thận đối với tiết tháo, lưu lạc buông lung theo trần tục, nhưng Sư thường cảm được các đồng tử cõi trời, cung cấp hầu hạ, có khi nằm say sưa, pháp y lìa thân, rồi tự nhiên xếp gấp lại, được đem để ngay ngắn, thay y phục dơ, chưa rảnh giặt giũ, thì mặc lại. Lâu ngày có mùi hương tinh khiết, hoặc bình nước tự đầy, hoặc đất thường được quét sạch. Sư say sưa miệng hay khạc nhổ, khi tỉnh rượu thấy đồng tử cõi trời đứng trước mặt, khắp thân Sư dính chất khạc nhổ, tự Sư hạ mình xét lại, noi theo giới luật tu hành, sau không biết Sư qua đời ở đâu.

* ***Thích Trí Đăng:*** Không biết người ở xứ nào, còn nhỏ đã có tâm đạo đức. Sư ở đạo tràng Đại lâm núi Khuông, tụng kinh Pháp Hoa, trong ba năm sớm tối không dừng, về sau quán tưởng, bỗng thấy giữa hư không có điện bạc, ở ngay trên đầu Sư. Như vậy trải qua ba năm, điện bạc càng gần, đến trên đảnh Sư, như vậy trải qua thời gian lâu, thì thấy điện bạc bèn biến thành điện vàng, lần lần gần sát, rồi vào trong phòng, mở mắt nhắm mắt thường ở trước giường. Qua hồi lâu sư thử niệm khinh thân vào trong điện, lại thấy mình ngồi ở điện, rất vui thích thoải mái, rồi khởi ý muốn đứng dậy đi ra, liền trở lại giường của mình. Trải qua thử nghiệm như vậy mấy mươi lần, càng dốc lòng tin. Sư đã tu hành nhiều năm, các nơi xa gần khen ngợi truyền nhau, mọi người đến cầu thọ quy giới, người khâm phục ngày càng đông. Nhưng Sư chỉ ưa thích nơi vắng vẻ, nhàm chán không khí ồn ào, Sư cầu thỉnh khắp nơi, nhưng không ai có thể hướng dẫn được. Sau nhân lúc vua Phổ An, từ Ung Châu trở về Dương Tô, nhiều ngày những người dốc lòng tin cầu thỉnh quan tước cùng nhau hướng về đạo. Vua nói: Nếu Pháp sư không nén lòng xét lại, đệ tử sẽ đứng mãi, suốt ngày cũng không ăn ngủ. Vua tha thiết cầu thình, người đạo kẻ tục ấp Quách đều hết lòng khẩn thiết muốn Sư ở lại. Thế là Sư thuận theo tâm chúng sinh. Từ đó về sau những người trong ấp Quách tin theo, cùng vua đến gặp Sư, vua lập tức trình đúng cách lễ của một người đệ tử. Kế đó những người đạo tục trong ấp Quách, cần bàn thọ giới. Sư nói: Ban ngày nói chuyện ồn ào, phần nhiều tâm bị tán loạn, hãy để ban đêm, do đó mọi người hết lòng mong đợi, đến tối nhóm ở trong chùa. Sư đi ra ngồi trước sân tối, không cho thắp đèn, đại chúng đã nhóm họp, chắp tay nhất tâm. Sư liền nói giỏi tướng cho đến thọ giới quy y chánh pháp, thì từ giọng nói phát

ra ánh sáng, soi khắp đại chúng. Đại chúng thấy ánh sáng, vui buồn lẫn lộn, tranh nhau lễ bái, âm thanh ồn náo không thể thọ giới được. Sư im lặng không nói, ánh sáng không phát ra nữa. Bản thân muốn thọ giới Bồ-tát, không kỳ hạn lễ ánh sáng. Nay thấy ánh sáng này tranh nhau lễ, mà phế bỏ thọ giới hay sao? Trong giới bổn nói: ánh sáng của giới từ miệng phát ra, đây là chứng minh cho giới tướng, chẳng phải là thật thể của giới. Sư bắt đầu muốn trao giới lại, thì đại chúng lại đứng dậy lễ bái ồn ào lộn xộn, lại nói giới tiếp không được. Sư ngăn lại, dạy phải yên lặng lắng nghe. Nhưng càng ồn ào hơn, qua đêm suốt sáng, người trong thành thị truyền nhau rồi đến xem nên không thọ giới được. Ngày mai Sư liền trở về núi, lại thấy điện vàng, do đó bèn đến các bạn đồng hành, nói lại những việc Sư đã thấy. Sư lên điện rồi không trở ra nữa, mấy ngày sau thì qua đời.

* ***Thích Chánh Tắc:*** Không rõ Sư thuộc xứ nào, vì đời trước có gieo trồng nhân tốt, nên sớm có lòng tin ngộ. Sau khi đi tu, Sư thường tụng kinh Pháp Hoa, Sư thường cùng với Pháp sư Tố chùa Trị Thành đồng ở một mùa hạ. Pháp sư Tố lúc đương giảng kinh Pháp Hoa, ban đêm phải xem kinh mà đèn bị tắt, muốn ra ngoài lấy lửa, nghe Sư Chánh Tắc tụng kinh Pháp Hoa, âm vận rất lớn, Sư Tố hỏi có ý hiềm nghi, Sư muốn qua nói với Sư Chánh Tắc, Sư mở cửa vén rèm định đi ra, bèn thấy người và ngựa đứng đầy chùa, họ mặc giáp cầm giáo, hoặc ngồi hoặc đứng, đến phòng Chánh Tắc xem. Pháp sư Tố bèn không dám ra lại, phải trở về chỗ cũ. Trong chốc lát tiếng tụng kinh ngừng, Pháp sư Tố lại vén rèm nhìn vẫn thấy vẫn người và ngựa, đứng giữa hư không, nên suy ra mà biết đây là thiên thần đến nghe. Hôm sau Pháp sư Tố đến hỏi. Sư Chánh Tắc nói: Đêm qua tôi tụng kinh, bất giác âm thanh lớn, chỉ làm cho vui thích. Pháp sư Tố về sau thường khen ngợi người tán tụng, người nghe càng thêm dốc lòng tin.

* ***Dữu sằn:*** Tự là Ngạn Bảo, người ở Tản đà, Tổ tiên ông là đại phu nhà Chu. Sau đời sau Tổ Hãm, là Tán Kỵ Thường Thị Toại Xương Huyện Hầu đời Tấn. Tổ Toản Chi, tự Đạo Lập, là An Tây tham Quân. Thúc Phụ tự Đạo Mậu là Thừa tướng tham Quân. Dữu Sằn lúc nhỏ siêng học võ nghệ, lớn lên tinh thông thuần thục. Ông giỏi về kinh sử bói toán, cơ bản của sách tính toán tài tình, họa vẽ khéo léo, chẳng có điều gì không thông suốt, rất ưa thích suối đá, trí nhớ thứ lớp không quên, nhà ông có mười mẫu ruộng, núi ao cả phân nửa, đệ tử ở các

thành, phần nhiều là Thái ấp, đã thường thi đậu, đều là do đây, không lo lắng sản nghiệp, y thực thô sơ đạm bạm. Ông thường gặp lửa, dừng lại đưa ra mấy sọt sách, lại ngồi trên ao, vì có người đem lửa đến hỏi: Ông đáp: "chỉ sợ đốn cây trúc". Ông từ ruộng lầy trở về nhà, chở năm trăm hộc gạo, có người gởi chở ba mươi hộc, đã đến Hàng châu. Người ấy nói: Ông có ba mươi hộc, tôi có một trăm năm mươi học. Ông Sằn im lặng hồi lâu, đều không noi một lời, theo chỗ để gạo đó mà lấy, ông cũng không nói. Có người nghi là người ở gần khéo về trộm. Ông Sằn bèn y cứ theo đó mà hạch tội, mọi việc đều được khâm phục. Ông thương xót, dùng sách viết gán nợ hai mươi muôn tiền, cho học trò giả làm kẻ trộm, những người thân thích đến xin đền bù thế, người bị tội kia được thả, rất cảm ơn ông. Ông nói: Ta thương người trong thiên hạ vô tội, vốn không mong ông báo đáp cảm ơn. Bình thường hằng ngày chẳng có nơi nào không đi dạo như Liễu Uẩn Hà đông, Vương tú Lang da, Tiêu dinh Tào Lang lăng, và Tương khâm thượng muốn kết giao với họ. Ông Sằn không để ý, thở dài với gió mây, ông nghiên cứu then chốt có không, từ đó cho mình tự đầy đủ, đi qua nước Lương, nước Phổ hết mười năm. Vua phía Đông sông Tương ở nước Phiên, thọ ký cho Tham Quân cái thất. Trong nhà lập đạo tràng, đi lễ sám chung quanh, ngày đêm sáu thời không nghỉ, tụng kinh Pháp Hoa, ngày đêm một quyển. Hơn ba mươi năm sau, trong khoảng mấy đêm có vị đạo nhân, tự xưng là Nguyện Công dung mạo phi phàm, nghe tụng kinh khen ngợi, gọi ông Sằn là Thượng Hành tiên sinh, vị đạo nhân trao hương cho ông Sằn rồi đi. Vào ngày 11 tháng 03 niên hiệu Đại Thông năm thứ tư đời Trung Nguyên, trong lúc nằm bỗng nhiên ông nói: Nguyện Công lại đến, ngay lúc đó ông cũng không đau buồn, nhan sắc không thay đổi, nói xong ông qua đời, thọ bảy mươi tám tuổi. Sửa vườn nhà thành chùa, gọi là Thượng Hành. Họ thường cho rằng: Trong thế kỷ Đế Vương nhờ xem xét lại, soạn lại lịch sử đế vương hai mươi quyển, kế là Quách Phác Chu dịch Tân Lâm hai mươi quyển, Giang Lăng ký một quyển.

**** Thích Bảo Quyết:***

Sư là đệ tử của Trương Hiếu Tú. Sư xuất gia tại chùa Khuông Sơn. Sư tụng kinh Pháp Hoa, rất thông suốt, mà không thể thâu nhiếp được thân miệng. Vua Thiêu Lăng nước Lương chê Sư, đến tối vua sai hai người âm thầm đến giết Sư. Đương lúc sư nằm ngủ trên giường, bỗng nằm mộng thấy có bốn người đến trước giường, lay tay Sư nói: "Vua Thiệu Lăng sai người đến giết Sư, ông làm sao ngủ yên được, do đó Sư

kinh hoảng thức giấc, liền đứng dậy đến phía sau mở cửa, biết trước nhà có tiếng người, tâm Sư càng hoảng sợ, ra đến sau phòng, thì có ao nước, vì chưa từng lội xuống, nên không lường được sâu cạn. Trong lúc hoảng hốt, Sư bỗng thấy một chiếc thuyền có hai người chống sào đợi, Sư bèn xuống thuyền, đến bờ kia rồi, liền thấy vua Thiệu Lăng sai hai người đến đã ở bên ao, nhưng ngại vì dòng nước không qua được, Sư từ đó về sau hết lòng đọc tụng, Sư khéo phân tích khế hợp, mọi người noi theo, người đương thời gọi Sư là Lô Sơn Sát Khế.

**** Thích Chí Trạm:***

Sư ở sơn trang thuộc Tề châu, là đệ tử của cháu Lãng Công. Sư lập hạnh thuần hậu, xét việc ít nói, dùng lòng nhân cứu giúp làm chánh. Sư thường dạo chơi với các cầm thú, các loài thú cũng không làm loạn. Sư trụ chùa Hàm Thảo trong hang sâu núi Nhân đầu. Chùa xây dựng vào thời Cầu-na-bạt-ma đời Tống. Sư đọc tụng Pháp Hoa làm sự nghiệp. Đến ngày sắp qua đời, Sa-môn Bảo Chí tâu vua Lương Võ rằng: Có người ở huyện Sơn Trang phía Bắc, nay ở chùa Hàm Thảo, là bậc thánh tăng chứng quả Tu-đà-hoàn, nay nhập Niết-bàn, người đạo kẻ tục ở Dương đô, nghe Bảo Chí nói việc ấy, mọi người đều từ xa lễ bái Sư nên về việc qua đời của Sư, yên lặng không có não loạn, Sư an nhiên tắt hơi, hai tây mỗi tay duỗi một ngón. Có vị tăng ở Tây Thiên-trúc, giải thích rằng: Nếu ngài chứng quả thứ hai thì duỗi hai ngón tay, thì suy ra ngài Chí Trạm chứng Sơ quả, an táng Sư ở núi Nhân Đầu, xây tháp thờ Sư bằng đá vôi bùn đất, chim thú không dám làm dơ uế lăng. Nay lăng tháp vẫn còn.

Lại có vị tăng ở chùa Ngũ hầu ở Phạm Dương, mất tên Sư. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa, lúc Sư mới mất, tẩn liệm tạm thời, sau an táng nơi khác, hài cốt Sư khô ráo, cuống lưỡi không vữa nát.

Ở Ủng châu, có vị tăng cũng tụng kinh Pháp Hoa, Sư ở ẩn trong núi Bạch lộc, Sư cảm hóa một đồng tử thường đến hầu hạ, đến lúc chết an táng thi hài Sư dưới vách núi, hài cốt Sư đều khô mục, nhưng cuống lưỡi còn nguyên.

Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ tư đời Lương. Vua Trương Đông, hiệu là Thừa Thánh, sai tăng Biện Vương Đại Úy, chinh phạt Hầu Cảnh, kế là ở Nam Lăng, Tăng Biện sai Bằng Pháp Tuệ đến Giang Bắc đốc quân giúp đỡ, thì Pháp Tuệ chết. Năm ngày sau, Pháp Tuệ sống lại, nói rằng: Tôi đến chỗ vua Diêm-la, thấy dưới bệ có một vị tăng, vua trước hỏi vị tăng rằng: Lúc còn sống ông làm nghề gì? Vị tăng đáp: Tôi tụng

kinh Pháp Hoa, vua sai người lấy tòa cao, tòa ấy rất đẹp, vị tăng đó lên tòa, tụng được bốn tờ kinh, vua đứng dậy đến trước tòa, đảnh lễ ba lạy, vua sai người đưa vị tăng lên.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam cốc Tuệ Trường soạn.*

## QUYỂN 7

### TRÌ TỤNG (Phần 2)

Vị tăng ở Đông lâm chùa Linh nham thời Bắc Tề.

Dạo núi đào đất ở Tinh Châu Thời Bắc Tề được cuống lưỡi.

Thích Đạo Thọ ở đảnh núi Thọ môn đời Bắc Tề.

Thích Linh phẩm đời Bắc Tề (phụ Lão của Sư).

Thích Pháp Ái ở Tăng đô thuộc Giao châu đời Trần.

Thích Pháp Tuệ ở chùa Khúc Thủy thuộc Thọ xuân đời Trần (phụ thêm Hoa Thủ Ni, và Đông xà-lê).

Chương thị, vợ Quang Lộc Đại phu Trần Lăng đời Tùy.

Thích Tăng Sinh chùa Linh Nham ở Tề châu đời Tùy.

Cư sĩ Phạm Hạnh Vương ở Lang Da đời Tùy.

Thích Tuệ Hướng ở huyện Giang đô đời Tùy. (phụ Ni Pháp Nhuận).

Thích Bảo Thông ở Cao mang đời Tùy.

Thích Tăng Anh chùa Vĩnh tề ở Giang Dương đời Tùy.

Thanh tín sĩ Lục Thuần đời Tùy.

Thích Pháp Lăng ở chùa Tịnh đạo đời Tùy.

Thích Tuệ Bân ở đạo tràng Thiên tư đời Tùy.

Thích Tuệ Giai ở chùa Trường lạc đời Tùy.

Thích Trí Việt ở núi Thiên Thai đời Tùy.

Thần Dị tăng Thích Tăng Lãng Ngạc Châu đời Tùy.

Thích Huyền Tú chùa Tùy hóa ở Huỳnh châu đời Tùy.

Thích Tuệ Trĩ ở Thỉ Dự đời Tùy.

Thích Trí Nghiệp chùa Trường lạc ở Dương châu đời Tùy.

Cao Thủ Tiết ở Tinh châu đời Tùy.

* Vào thời vua Cao Tề có vị tăng, mất tên Sư. Sư ở Đông lâm chùa Linh nham, tụng kinh Pháp Hoa, thường ngày rất tinh tấn chí thành tha thiết, trong tâm lúc nào cũng biểu lộ sự trong sạch thanh tịnh. Đốt hương lễ Phật, để cầu chứng nghiệm. Lúc đầu có con rắn lớn và các loài chim trĩ, hươu nai, đều đến đứng nghe, chúng nghe tụng xong rồi đi, lúc ấy thần núi đem thức ăn đến cúng dường. Sau bỗng thấy ánh sáng, từ núi phía đông chiếu xuống, có Đại Bồ-tát cỡi voi trắng sáu ngà, đại chúng vây quanh, thẳng đến trước vị Đại Bồ-tát, chúng tăng hướng về ánh sáng lễ bái, thân tâm rất vui mừng. Nghĩa nghi thiếu văn, Sư bèn giải thích cho họ hiểu, còn các chúng chỉ nghe mùi hương lạ, hồi lâu mới tan.

* Vào thời vua Văn Thành Tế đời Tề, ở phía đông Tinh châu thấy bên núi có người đào đất, thấy được một chỗ đất, màu của đất vàng nhạt cùng với núi bên cạnh có điềm lạ, tìm thấy một vật giống như hai môi người, không ai hiểu được việc ấy. Có Sa-môn Đại Thống Pháp tâu lên vua rằng: Đây là người trì kinh Pháp Hoa, nên được quả báo sáu căn không hư hoại, tụng đã ngàn lần, nên suy niệm việc ấy. Bèn bảo Nhân Cao Trân của nhà Lặc Trung Thư rằng: "ông là người có lòng tin với Phật pháp, tự đến xem xét, chắc có linh nghiệm lạ, bèn dời đổi chỗ làm nơi thanh tịnh, thiết trai cúng dường. Ông Trân vâng bèn đến chỗ ấy, nhóm họp các Sa-môn trì Pháp Hoa, đốt nhang thiết trai cúng dường. Các vị Sa-môn đi nhiễu quanh mà chú nguyện rằng: Niện đại Bồ-tát Niết-bàn đã xa, tượng pháp lưu hành, người phụng trì không lầm, thỉnh Bồ-tát hiện tại cảm ứng. Các vị vừa mới nói ra tiếng, thì môi lưỡi của các vị này, đồng thời cổ động, tuy không có tiếng vang, mà giống như đọc tụng, mọi người đồng thấy, khắp mình nổi ốc. Ông Trân nghe thấy hiện tượng trên bèn ra lệnh dời đổi kho thạch hàm, làm tháp và phòng thất v.v...

* ***Thích Đạo Thọ:*** Sư người ở Thạch nhàn thuộc Thọ xuân, ăn chay trường đạm bạc, Sư tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một bộ, thiền định thông suốt. Khắp nơi xa gần đều nể phục cung kính, Sư trụ chùa Sơn đảnh ở Thọ môn. Bấy giờ, ở xóm làng, có nhà cúng dường, Sư đến nhà đó xin y thực, mục đích là chuyển nguy ách của họ, là đem các vật ấy đi luôn, thì tại chướng dời chuyển, nếu để lại các vật ấy, thì tai họa không dứt được.

Có người họ Trịnh, thỉnh Sư Đạo Thọ thọ trai. Khi tụng kinh vừa xong, ngồi thẳng suy nghĩ, Sư bỗng nói: "suy ra biết tướng ông không

tốt, tôi thấy một quan tài, phá chỗ ấy mà vào, rồi từ chỗ đó mà sinh. Thế là cả nhà lần lượt đến hỏi, đều nói là sai. Có người vợ mới rất nhỏ nói: “có phải là ông chăng?” Sư Đạo Thọ nói “Ngươi nên khéo dụng tâm, lúc nhỏ người này vì sinh mà chết. Lại đồng thời, các ni ở chùa Trịnh, cùng học kinh, Sư Đạo Thọ đến xem, đến Sa-di, Sư nhìn nghiêm nghị bảo rằng: Ông phải sám hối. Hơn hai năm đứa trẻ bị bệnh nặng muốn xin con đường sống, nhưng quả nhiên như lời nói của Sư, dự ký suy nghiệm nhiều việc, năm hơn chín mươi tuổi thì qua đời, tức là trong niên hiệu Thiên Bảo.

*** Thích Linh Phẩm:** Không rõ người xứ nào, Sư hiểu biết thông suốt, minh mẫn, thường tụng kinh Pháp Hoa. Lúc đầu, Sư tụng kinh xong, lại bị bệnh nặng, có Sư kể lại rằng: “Ông Phẩm nghe thọ trì Pháp Hoa, được sáu căn thanh tịnh, vì sao ông Phẩm tụng kinh mà mắt bệnh này”. Sư ấy nói rằng: “khi ông tụng kinh, hoặc không rửa tay, hoặc lật che, thoạt để chân phía sau, thoạt đầu để trên đầu giường”. Sư nói với Linh Phẩm. Đây là thiên thần hộ pháp quở phạt ông, ông không quan tâm đến kinh nên không có đức cảm hóa, ông nên sám hối. Sư Linh Phẩm làm cái hòm bằng gỗ trắng, Sư đựng kinh đội trên đầu, đi kinh hành trong chánh điện, trừ khi đại tiểu tiện và ăn uống, tự nhẫn đầu bị chảy máu, tự trách lỗi mình. Thực hành như vậy suốt ba năm, đến canh năm gần sáng, có người gõ cửa điện Phật, kêu sư Linh Phẩm mở cửa, sư Phẩm ban đầu không chịu và nói: Đây là người tội, làm sao có sự rảnh rỗi mà mở cửa cho ông, người kia gọi Linh Phẩm không thôi. Sư Linh Phẩm bèn mở cửa cho người kia, thì thấy một ông lão râu tóc trắng xóa, tay cầm một tích trượng, liền đánh sư Phẩm liên tục và nói: Từ nay trở đi ông còn dám khinh lờn kinh Pháp Hoa nữa không? Đang lúc sư Phẩm bị đánh thì vết thương trên thân lành đi, và bốn đại bình phục. Sáng hôm sau thấy trước điện Phật, có dấu chân voi, mới biết ông lão này là Bồ-tát Phổ Hiền, đến trừ tội cho Sư. Từ đó về sau Sư sám hối sửa đổi, siêng năng tụng tập. Sau không biết nơi Sư qua đời.

Lại tiếp theo đó có Lão Củ Sư, cũng lấy kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp tu hành, khi trì tụng Củ Sư, cảm thấy trong miệng có vị ngọt la, ở đời chẳng có được, cho nên Sư tụng kinh Pháp Hoa không ngừng nghỉ.

*** Thích Pháp Ái:** Sư ở xứ Trường sa, xuất gia từ nhỏ, Sư không thể ăn chay đạm bạc khổ hạnh, tụng kinh Pháp Hoa rất thông suốt và nghe Tam luận.

Vào đời Tùy, ở Giao chỉ thuộc Tấn chinh gặp lúc người Giao chỉ phản loạn, Sư Pháp Ái trốn đi. Bỗng nhiên bị năm tên giặc bắt được, để Sư ngồi một chỗ, chúng nói rằng: Đợi ta ăn xong, giết tên đạo nhân này. Pháp Ái bèn thấy bên đường có một cây giáo, Sư ôm đem ra ngoài, đi thẳng về phía Bắc, gặp một cây đại thọ, đứng núp bên cây. Bọn giặc ăn xong đứng dậy, từ xa thấy giống như ngài Pháp Ái, rồi tiến đến chỗ Sư, khi đến gần thì không thấy, chúng tự bảo nhau rằng: Người đi đến từ xa thấy giống như đạo nhân, sao đến không thấy, đúng là ông ta đi rồi.

Pháp Ái một lòng cầm giáo không dám cử động, bọn giặc quay đầu lại nhìn từ xa, dường như có người nhìn chăm chú, bỗng nói rằng: Đạo nhân đã đi rồi, bọn giặc cùng nhau đuổi theo. Sư đi về hướng Bắc, đến một rừng gai, liền nhảy vào rừng gai trốn, bèn gặp hai con hổ ôm nhau ngủ, hổ thấy Sư đến, đều ngẫng đầu nhìn, Sư càng hoảng sợ, miệng nói: "hai vị Đàn-việt, bần đạo bị giặc đuổi, vội nhảy vào chỗ của Đàn-việt, xin kịp thời đến cứu giúp". Hai con hổ lập tức ra ngoài rống lên kinh động, bọn giặc liền chạy lùi. Sư lại đi về hướng Bắc, hổ đi theo, đến bên một con sông thấy người, đem vài miếng thức ăn uống trao cho Sư, Sư nhận rồi ăn, thức ăn ấy chính là gạo rang cao, mùi vị rất ngon, Sư liền qua sông Châu, thì hổ bỏ đi, Sư ở lại Thượng châu, lại gặp hai người, cũng đồng ở trọ, thiết đãi món ngon tuyệt vời, đến sáng mới từ biệt, người khách lại dặn rằng: "chỉ nên đi về hướng bắc, bản thân mới được thoát, Sư bèn đi về hướng bắc hơn ba mươi dặm, gặp lại bạn cũ, cũng đang chạy giặc, gặp nhau vui mừng, mới được thoát khỏi. Từ đó về sau, người đạo kẻ tục đều nói về sự tích Ngài, không biết Sư qua đời ở đâu.

* ***Thích Pháp Tuệ:*** Không biết họ Sư, Sư xuất gia trụ chùa Khúc Thủy ở Thọ xuân, chay trường đạm bạc, Sư không nhận của bố thí, không tham không sân, tâm hạnh giọng tốt, y phục bằng vải thô, không ở phòng nhà chỉ có giường dây, Sư ở dưới hành lang, mỗi ngày tụng một bộ kinh Pháp Hoa. Lúc tụng, miệng Sư có ánh sáng, người đến xem đều thấy chiếu ở mái hiên. Sư qua đời năm bảy mươi tuổi, tức vào thời Trần Tuyên.

* ***Tỳ-kheo-ni Hoa Thủ:*** Lại có Tỳ-kheo-ni Hoa Thủ ở huyện Cao du, cô tụng kinh Pháp Hoa, vừa xong quyển một, thì trên ngón tay phải, liền mọc một bông hoa, hình dáng giống như rau củ ấu, cô tụng năm quyển như vậy, thì trên năm móng tay, mọc ra năm bông hoa. Kế tụng

quyển thứ sáu, thứ bảy thì trong bàn tay mọc hai hoa, hình dáng lớn như trước, người ở đó nhân việc ấy gọi là ni Hoa Thủ, ni Hoa Thủ cũng không thể khổ hạnh được. Võ Đế đời Trần, triệu kiến xem việc ấy, sau không biết cô qua đời ở đâu.

Lại ở chùa Trường can có vị Đông Xà-lê, tụng kinh Pháp Hoa, rất có tiết hạnh. Khi Sư tụng bình thường có điều lạ, như bình nước mùa hạ thì lạnh mùa đông thì ấm, là thường hầu Sư như vậy.

* ***Thanh tín nữ***: Họ Chương, vợ của Trần Lang Phu Thạch Quang Lục đời Tùy. Tín nữ tụng kinh Pháp Hoa, thường sám hối cho bốn đại đã suy kém, không thể tụng lâu. Bỗng nhiên tín nữ nằm mộng thấy vị tăng, cầm một bát thuốc màu vàng, đến trước cô trao cho và bảo uống, trải qua thời gian ngắn, vì đau bụng nên cảm thấy lo sợ, bụng đau quá, liền sai Kiêu Lăng đến, Cô bảo rằng: Người đời nói, nếu nằm mộng thấy đạo nhân, phần nhiều là quỷ. Nay nằm mộng thấy uống thuốc của đạo nhân, tức là uống thuốc quỷ, chắc chắn sẽ chết, nói xong bảo Lăng tránh đi. Trong chốc lát tín nữ đi kiết lỵ, thuận là sắc huân, giống như nằm mộng đã thấy. Khi đi kiết xong, thì các bệnh đều lành, từ đó về sau thân thể khỏe mạnh, thường hay đọc tụng, ngày đêm một quyển, không còn cực khổ nữa.

* ***Thích Tăng Sinh:*** Không biết Sư họ gì, là người ở Vệ châu. Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ sáu Sư đến Tề Châu, người xứ ấy nhà không có chỗ ở nhất định, chỉ có đất Già-lam, bất luận là tăng hay tục, vẫn ở trong đó, khất thực tụng kinh, thời hạn đủ một biến, sau đó mới dời đi nơi khác. Năm ấy, Sư đến đạo tràng núi Bảo linh nham, ở trong Lan-nhã, Sư chỉ trì tụng kinh. Đêm ấy, Thần núi dẫn mấy mươi người đến nghe. Sư hỏi: Thần Đàn-việt ở đâu? Thần đáp: "đệ tử là thần núi phía bắc, thần ở đây đã hơn ba trăm năm rồi, nay nghe Pháp sư tụng kinh nên đến nghe kinh", cúi phục nghe Sư tụng kinh, hồi lâu mới đi, từ đó về sau thường lệ như vậy. Về sau, Sư đến Tương châu, dựng lập tạng kinh, một tháng mười ngày mới xong.

Ý Sư muốn đốt đèn trong mắt để cúng dường mà Sư không thể tự móc mắt được, Sư bèn mua một con dao dài năm, sáu tấc và một quan tiền, Sư vào núi tìm thợ săn. Thợ săn nói: Không cần tiền của Sư, chỉ cho đệ tử con dao ấy, người thợ săn liền móc mắt Sư, thân thể Sư máu ứ xanh, rồi sau đó mới tỉnh lại, Sư tỉnh lại nói với thợ săn rằng: Hãy đem lửa đến đốt mắt này. Thợ săn đem lửa đến đốt mắt. Sau đó Sư trở

về chùa Pháp tạng ở Tương châu, đốt đèn cúng dường, tụng kinh không nghỉ, nếu mọi người ai muốn thỉnh xá-lợi của Sư, tạm thời phải thúc liêm thân tâm, đợi xuống năm, ba hoặc thời gian bảy ngày nhiếp niệm, liền chứa đủ mấy trăm, đạo tục xa gần, rất kính mến Sư, Sư qua đời vào niên hiệu Khai Hoàng năm thứ bảy.

** Thanh Tín Sĩ họ Vương:* Ông là người có phạm hạnh, người ở xứ Lâm nghi thuộc Lang gia. Ông bị mù hai mắt từ nhỏ, người mẹ rất từ bi, ông tụng kinh Pháp Hoa đến mười ba năm, tụng rất thông suốt, ngày đêm tụng tập, rất đỗi chuyên tâm, tụng được một muôn bảy ngàn lần, mắt tuy không thấy, mà đi lại, không cần người dẫn đường, ông tự biết hầm hố, có thể dệt chiếu đan giỏ, may áo, viết sớ, còn hơn người có mắt. Mọi người nghi ông có biệt tài, ông trì trai ăn uống đạm bạc, trọn đời không cưới vợ, ông qua đời vào niên hiệu Khai Hoàng năm thứ sáu, thọ bảy mươi tuổi. Tử thi ông bỏ ngoài đồng cỏ, loài chim thú không dám đến gần. Thịt đã tiêu hết, chỉ còn lại xương trắng, lưỡi vuông ra khỏi miệng, dài hơn một thước, màu sắc như hoa sen. Em ông là Tuệ Nghĩa lấy hòm gạch đựng xương cốt ông, lâu ngày mà vẫn không nát rã.

** Thích Tuệ Hướng:* Sư họ Lưu, người ở xứ Bành Thành. Sư rất có đạo đức, hiểu biết mọi mặt, suy xét sự việc, chỉ tụng kinh Pháp Hoa. Sư đến huyện Giang đô ở nhờ đình làng cũ. Đến năm một trăm lẻ hai tuổi, Sư không có bệnh tật mà bỗng nhiên bảo rằng: Bần đạo sẽ đi, rồi Sư từ biệt cùng Đàn-việt, sau đó ngồi thẳng mà qua đời. Người ở trong thôn đưa Sư vào rừng, chưa dám mai táng, bảy ngày sau tử thi tự nhiên nằm ngửa, ban đầu duỗi thẳng, sau co lại rồi chấp tay, vẫn không hư rã, càng lâu chỉ khô ráo mà thôi. Người trong thôn chôn cất Sư bên hang núi, người tiều phu bấy giờ nghe tiếng tụng kinh, chẳng biết Sư ở chỗ nào. Có Nguyên Khác Tư Mã Triệu phủ Tổng quản Dương Châu, nhân đi qua mộ, thấy một cộng hoa sen mọc từ đất lên, ông lấy làm lạ hỏi thăm, người trong thôn nói: Là mộ của Sư Tuệ Hướng, vị Tăng này lúc còn sống, chuyên tụng kinh Pháp Hoa nên có được điều ấy, Tư Mã bèn cho đào lên thì thấy đúng như vậy, chỉ còn xương trắng, trong miệng lưỡi Sư vẫn còn như cũ, đỏ hồng mềm mại, không bị biến hoại, từ cuống lưỡi này mọc lên hoa sen. Do đó ông tâu lên vua, nêu bày sự linh nghiệm của Sư. Sau đó, xây tháp bảy tầng thờ Sư, hiên nay tháp vẫn còn.

*** *Tỳ-kheo-ni Pháp Nhuận:*** Cô họ Trần, người ở Đơn Dương, trụ chùa Tam-muội, tụng kinh Pháp Hoa, rất có đạo hạnh. Sau khi cô chết, tử thi được bỏ trong rừng, bố thí cho trùng thú. Qua một trăm ngày chim thú mới ăn hết, chỉ còn lưỡi và tim, vẫn còn y nguyên, lưỡi cô cũng màu đỏ, còn tim hơi có màu đen, con em cả nhà lên chôn cất xây tháp thờ.

*** *Thích Bảo Thông:*** Không biết họ, người ở nước Vu. Sư không hiểu biết gì, chỉ tụng kinh Pháp Hoa đến quyển bảy, tụng mấy biến chú bỗng thấy quỷ vật. Có vợ nhà họ Triệu ở thôn Dương Kiều, vì thần của thôn này làm ma, Bảo Thông phải đến nhà thần, vị thần bèn đứng dậy đón rước mời ngồi. Sư Thông bảo thần rằng: Người ở gần thôn nên làm lợi ích, tại sao làm vợ người khác? Thần đáp rằng: Chẳng phải lỗi của đệ tử, đây là do các người dưới, vì trị bệnh liền sai sứ nhỏ, kêu ma thần đến trước đình, phạt một trăm giọt máu, vợ họ Triệu nhờ đó được khỏi bệnh. Sư Bảo Thông nói: Thần ở thôn Bạch lộ kia có quan hệ với đây không? Thần đáp: Cũng có quan hệ.

Bảo Thông nói: Thôn ấy có vợ nhà họ Hác, bị thần ở thôn kia bắt làm ma, có thể sai khiến được chăng? Thần nói: Được. Liền kêu thần ở thôn Bạch lộ, cũng phạt một trăm giọt máu, vợ nhà họ Hác sẽ lành. Sau đó vợ họ Triệu bệnh cũ tái phát, ngâm nga nói rằng: Người chủ bảo Thông, Thông đến đây liền thấy ở trước và thần bị phạt, ở bên người bệnh. Bảo Thông nói: Trước nói rồi đi luôn, nay vì sao đến đây, nay ta sẽ tụng chú. Thần bèn cúi đầu cầu xin được trở về, không nhọc Sư tụng chú, vị thần bèn đi xa, nhờ đó vợ họ Triệu lành bệnh hẳn.

*** *Thích Tăng Anh:*** Không rõ họ, Sư ở xứ Quán, xuất gia từ nhỏ, trụ chùa Vĩnh tề ở Giang Dương. Sư tụng kinh Pháp Hoa cho đến tuổi già, tụ tập không ngừng. Sư ở gần phòng một Pháp sư, Pháp sư đó thường chê Sư tụng kinh lớn tiếng, Pháp sư ấy tạm ngừng công việc đến xem Tăng Anh tụng kinh, nhờ Khiên Sư đến can ngăn, nhưng mở của từ xa nhìn thấy trước phòng Tăng Anh có mấy ngàn người, thân mặc áo giáp đồng sắt, cầm cung mang gậy, cung tay quỳ gối, lắng nghe tụng kinh. Khiên Sư liền trở về phòng, sáng hôm sau đến chỗ Pháp sư, kể lại việc đêm qua đã thấy, cùng đến sám hối tội chê bai, Tăng Anh nói nếu hễ thường đến nghe thì thường nghe trước sau, giống như có tiếng giáp, trượng. Sư mất tại chùa, vào khoảng niên hiệu Khai Hoàng.

**** Thanh Tín Sĩ Lục Thuần:***

Người nước Ngô, mỗi ngày tụng một bộ kinh Pháp Hoa. Lục Thuần ăn chay trường đơn sơ đạm bạc. Vào tháng năm niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ hai, ông bị bệnh rất nặng. Hơn mười ngày sau ông nằm ngửa nhìn khắp phòng không chợp mắt. Bấy giờ có vị tri thức tên Duệ Sư, vì đến thăm bệnh, ông Duệ hỏi: Sư thấy gì? Lục Thuần trả lời: Đức Phật thọ ký cho Lục Thuần sẽ sinh lên cõi trời Diêm-ma, nay tôi thấy điện đường ở cung trời ấy, cây rừng cổng thành, đồ chúng các vị trời đến xem trỗi nhạc không mỏi mệt, bốn ngày sau thì qua đời.

**** Thích Pháp Lãng:*** Sư họ Trương, người ở Võ thành thuộc Hà bắc. Sư xuất gia từ nhỏ, chuyên tu trau dồi đức hạnh, trụ chùa Tịnh đạo ở Nam sơn quận Bành Thành. Lúc còn làm Sa-di Sư tụng kinh Pháp Hoa, từ nhỏ đến già tụng tập không biếng nhác. Đến năm năm mươi ba tuổi, Sư qua đời vào niên hiệu Khai Hoàng năm mười ba, được bảy ngày Sư thấy vua Diêm-la, trước vua có sáu vị đạo nhân. Đầu tiên vua hỏi một vị tăng: Tu được nghiệp gì?

Vị đầu tiên đáp: Tụng kinh Duy ma. Vua nói: Đứng về phía nam.

Vua hỏi vị thứ hai: Ông tu đức hạnh gì? Vị thứ hai đáp: Tụng kinh Niết-bàn mười quyển. Vua nói: Cũng đứng về phía nam.

Vua hỏi vị tăng thứ ba: Ông tu đức nghiệp gì? Vị thứ ba đáp: Tôi tụng kinh Kim Quang Minh. Vua nói: Cũng đứng về phía nam.

Vua hỏi vị tăng thứ tư: Ông tu hạnh nghiệp gì? Vị thứ tư trả lời: Giảng kinh Niết-bàn, vua nói: Đứng về phía Tây.

Vua lại hỏi vị thứ năm: Ông tu hạnh nghiệp gì? Vị thứ năm trả lời: Giảng luận Thập địa. Vua cau mày nói: Đứng qua phía Bắc.

Vua lại hỏi vị tăng thứ sáu là Pháp Lãng: Ông tu hạnh nghiệp gì? Pháp Lãng đáp: Tụng kinh Pháp Hoa. Vua nói: Đứng qua phía Đông. Hỏi sáu vị tăng xong, vua sai người đứng ở phía Bắc đến đường địa ngục, người đứng ở phía Tây đến đường súc sinh, sai ba vị tăng đứng phía Nam đến đường người. Vua bảo ba vị đến ba đường ấy: Đi không được trở về. Kế bảo Pháp Lãng đến đường trời, cho thấy chỗ sinh của mình, và có thể cho về nhà, ban cho tuổi thọ tám mươi lăm tuổi. Pháp Lãng từ cõi trời trở về bỗng nhiên sống lại, thấy trên vai trái mình lờ mờ có chữ đỏ, thành chữ "bát thập ngũ tuế". (Tám mươi lăm tuổi)

**** Thích Huệ Bân:***

Sư họ Hồ, xuất gia tại đạo tràng Thiền Cư ở Dự Chương. Sau Sư

thờ Trí Khải tông Thiên thai làm thầy. Sư xin xuất gia, ăn chay trường đạm bạc, chuyên ròng khổ hạnh, Sư ở ẩn trên núi Vu, bặt dứt mọi người, tụng kinh Pháp Hoa, khi vừa tụng kinh xong Sư liền đốt ngón tay thứ tư bàn tay trái để cúng dường. Cứ như thế thời hạn mỗi ngày ba lần, từ đây đến nhiều năm thường có hương thơm lạ xông lên ngào ngạt trong phòng nhà. Lại nghe tiếng búng ngón tay cảm động đến những người ở gần. Vào tháng 08 niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ tám Sư qua đời, thọ bốn mươi bốn tuổi. Trước khi chưa mất, Sư thấy vị thần hiện thân cao mấy trượng, vị thần làm lễ Sư, khen ngợi công đức trì kinh, đó nói:

*"Pháp sư sẽ đi,*
*Xin nguyện được theo hầu".*

Kế đó, ở chùa có vị tăng tên Trí Hải, người có thật hạnh, nằm mộng thấy Pháp sư nói:

*"Nay sinh lên cõi trời Đâu-suất*
*Tiếp nhận không theo.*
*Lại giờ đây từ biệt*
*Khuyên ông hết lòng trì tụng.*
*Giúp họ hành đạo".*

Khi Sư qua đời, thân hình cao lớn, còn hơn lúc sống, các những y phục cũ chỉ bằng một phần ba thân, mọi người lấy làm lạ, không rõ lý do. Sư để lại lời di chúc, bố thí thân cho chúng sinh. Có vị tăng Khải đồng học tán thành ý chí của Sư, thâu lấy hài cốt xây phần mộ ở Tỉnh Nham Sở Hồng Thi Đà.

*** Thích Tuệ Giai:** Sư họ Lưu, người ở Hải Lăng. Sư xuất gia năm chín tuổi, làm đệ tử Pháp sư Doanh chùa Trường lạc ở quận Giang Đô. Đến năm mười bảy tuổi, mới tụng kinh Pháp Hoa, mười tám tuổi Sư lại thay đổi chỉ tụng quyển thứ tư đến phẩm Hiện Bửu Tháp, từ phẩm Hiện Bửu Tháp về sau chưa tụng. Đến năm hai mươi hai tuổi Sư bị bệnh, lúc đó rất nặng, chỉ còn nhất tâm niệm Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cho đến những việc tụng kinh, xin cứu nguy ách. Sư nằm mộng bỗng thấy có một người, đến tìm Tuệ Giai và Trí Đạt ở cùng chùa, dẫn đi qua núi hiểm, giẫm đạp cỏ cây, giây lát đến một nơi, như ngày nay là Phủ Tự hàng tường nhà phòng ốc hành lang còn rõ ràng, vệ binh sắp hàng đông đúc, cầm nắm binh khí. Sư vào cửa, từ xa trông thấy một người đội mão ô sa, mặc áo trắng, râu mặt rất đẹp, ngồi trên sảnh nói: Ta là vua Diêm-la, bên cạnh Diêm-la không có người hầu, đây là tìm bắt người, người đưa văn thư mở ra trước bàn vua, vua liền phán hai người như

Tuệ Giai, v.v... làm thị vệ. Sư Tuệ Giai nói: Xin tụng kinh Pháp Hoa, còn nửa quyển chưa tụng xong, và công đức chưa đủ, cho nên không mãn nguyện. Vua lại phán thả Tuệ Giai, từ xa trông thấy chữ "thả" rõ ràng, vua liền kêu người tìm đến chỗ Tuệ Giai cởi áo, lại kêu được một người nữa đầu có sừng, tướng trạng giống như quỷ tốt, tay cầm roi dài, đánh người này, Tuệ Giai kinh sợ kêu Quán Thế Âm, Di-lặc. Trong chốc lát bèn thấy một vị tăng tay Ấn-độ cầm nhành dương, lại có thêm một người thế tục, như tượng Duy-ma-cật ngày nay, tay cầm nước đồng sa-la, vị tăng này cầm nhành dương phất vào Tuệ Giai, lấy nước đưa cho Tuệ Giai súc miệng, và hỏi: Ông bị bệnh mấy ngày rồi. Tuệ Giai đáp: Năm ngày rồi. Vị tăng nói: sáu ngày sẽ lành. Đến sáng hôm sau thì trong mũi Tuệ Giai chảy máu, liền tỉnh lại. Khi Tuệ Giai lành bệnh, biết tụng kinh dừng nghỉ bị thiếu sót nên nhiễm bệnh, đầu cuối là bảy ngày, nhưng mạng sống lại qua được, Tuệ Giai bình phục như cũ. Từ đó về sau Sư bỏ hết thân mạng của cải, đúc các tượng Di-đà, Quán Âm, Thế chí. Lại in các kinh như Pháp Hoa Tư Ích. hơn hai mươi bộ. Đến niên hiệu Đại Nghiệp năm mười hai Sư bốn mươi ba tuổi, sau không biết Sư qua đời ở đâu.

* ***Thích Trí Việt:*** Sư họ Trịnh, Sư xuất gia từ nhỏ, sớm lìa trần tục. Sau đến Kim lăng, lại gặp Trí giả. Ở đầu thành phía bắc, Trí giả trao cho Sư pháp Thiền, Sư hiểu sâu năm môn thông suốt sáu diệu, tụng kinh Pháp Hoa có hơn muôn lần. Bình nước của Sư thường tự đầy, là nhờ năng lực tụng kinh như vậy. Đồ chúng theo học tuy đông, mà rất yên ổn. Sư đến tinh xá núi Hải lộ, nổi tiếng là có sự linh nghiệm lạ, Trí giả thường làm cho ảnh hưởng dấu vết về sau. Một chúng ở núi Thiên Thai, đây đâu lệ thuộc. Vào ngày 23 tháng 11 niên hiệu đại nghiệp năm mười hai, Sư bị bệnh suốt mười ngày, nằm nghiêng bên phải mà qua đời, thọ bảy mươi bốn tuổi, ngày lâm chung núi lở động đất, mọi người trong nước đều thấy nghe.

* ***Thích Tăng Lãng:*** Sư còn tên khác là Pháp Lãng, họ Hứa, người ở Nam Dương, hơn hai mươi tuổi muốn xuất gia, chuẩn bị xuất gia thì vợ ngăn không cho, phần nhiều là ở Ngạch châu, hình dáng khác thế tục, Sư có tướng kỳ lạ, ăn uống đồng với thế tục, bị người đương thời coi thường, Sư nuôi một con khỉ, một con chó, thân hình vĩ đại, lông đều màu vàng đỏ, chúng không quen với người khác, chỉ gần gũi sư, ngày đêm theo Sư, không hề xa rời. Đến giờ ăn, Sư lấy bát gỗ cho nó ăn,

Pháp Lãng ăn rồi, thức ăn còn dư cho chúng ăn, ăn cùng chén của Sư, ăn xong khỉ lấy chén đội đầu, cỡi lên lưng chó, đi trước Pháp Lãng. Nếu có người cướp đoạt thì chúng cắn, sư Pháp Lãng mặc tình cho chó dạo chơi, đại khái là nó chơi không có chừng hạn.

Cuối đời Trần, đầu đời Tùy, Sư đến ngoài Giang lĩnh. Y phục Sư thô xấu, oai nghi vượt hơn thứ lớp, Sư chống gậy đi bộ, để hộ dưỡng sinh mạng. Bấy giờ, Sư tụng đọc các kinh, nhưng chuyên về Pháp Hoa làm chí nghiệp, giọng tụng của Sư nhạt nhẽo. Sư bèn giữ lòng trong sạch phát nguyện tụng Pháp Hoa, mỗi khi ngồi tụng là bảy quyển. Như vậy không bao lâu, thì âm vận của Sư hài hòa thỏa thích, hoặc như đàn thổi sáo, hoặc giống như gió sấm, tha hồi trầm bổng, câu văn rõ ràng, mà môi mép chẳng động, chỉ chuyển động trong cổ họng, người ở gần bên đến xem, thấy nghe đều lấy làm lạ, tiếng tụng lấy số bảy làm kỳ hạn, cho đến bảy mươi, bảy trăm, bảy ngàn, bảy muôn. Nhưng cánh tay, bàn chân và móng tay, co rút ở bụng, giống như rùa ẩn giấu thân mình. Bấy giờ, có những người đồng với Sư chứa góp thịt, hoặc đến tiệc rượu, mọi người tiếp đãi ăn uống, mà Sư nhâm nhi thịt heo, thật không ngờ được, nên ở đời nói rằng:

"Pháp Hoa Lãng, đồng thời cố rút năm chỗ, thịt heo đầy miệng bụng. Có khi lại đi ngược dòng sông, khoanh tay trên thuyền, khỉ chó ở bên, đều không vào bờ, chỉ cột mái chèo, tùy ý ở đi. Tuy coi thường trái phép sóng gió, mà trong nháy mắt dừng lại, lại đến nơi ở.

Cuối niên hiệu Đại Nghiệp, vẫn chưa ra khỏi trần tục, mà miệng Sư chỉ nói giặc, sáng chiều không ngừng. Các quan sợ Sư mê hoặc mọi người, nên bèn bắt nhốt rồi giết. Ở Pháp lâm thuộc Tương dương, Sư thong thả giao du, dạo di rất xa, nhân việc ấy mà kể lại.

**** Thích Huyền Trí:*** Không rõ họ và quê quán, Sư xuất gia từ nhỏ, trụ chùa Tùy hóa ở Huỳnh châu, tánh tình chân thật, ôn hòa khiêm cung, lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm chí nghiệp, Sư thường cảm được những điều mầu nhiệm kỳ lạ, nhưng Sư không cho là kỳ lạ. Bấy giờ, vào giữa mùa hè oi bức, các bạn Sư muốn mát mẻ, bèn mời Sư đến, vì muốn chuyện trò vui vẻ nên mọi người đến trước cửa phòng, nhưng thấy vũ vệ nghiêm túc, người ngựa vĩ đại, sợ hãi rồi bảo mọi người cùng đến xem, vẫn như lúc đầu chẳng khác. Lại đến cửa sau, đồ chúng càng đông, nhìn lên hư không đông đúc không có chỗ hở, phần đông là cỡi voi ngựa, giống như các loài quỷ thần, mới biết Sư cảm hóa được người bạn trở lại chỗ cũ. Sáng hôm sau, họ hổ thẹn từ biệt, các bạn bè bèn hết nghi ngờ.

Sư Huyền Trí chuyên tu nghiệp, cuối đời Tùy qua đời tại chùa.

**** Thích Tuệ Trĩ:***

Không rõ họ, Sư là người ở xứ Thỉ Hưng, xuất gia từ nhỏ, siêng năng tụng tập, tụng kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn biến. Vào năm hai mươi ba tuổi, Sư đang nghe luật, bỗng bị bệnh. Suốt mấy tuần Sư nằm mộng thấy có người dẫn đến một Viện, màu đỏ nhạt giống như nhà quan, Sư vào cửa liền thấy quý nhân, thân hình cao tám chín thước, thân mặc áo bào màu xanh sẫm ánh đỏ, đội mão ô-sa và nói rằng: Đấy là vua Diêm-la. Vua hỏi: Sư làm hạnh nghiệp gì? Sư đáp: Từ nhỏ đến giờ tụng kinh Pháp Hoa. Vua Diêm-la nói: Hãy tụng đi. Sư liền lên một tòa cao xoay mặt về hướng Tây, tụng kinh Pháp Hoa đến quyển hai, đến giữa phẩm Thí Dụ nói: Thí như Trưởng giả có một ngôi nhà lớn ở trong đó. Vua liền đứng dậy nói: "Pháp sư về đi", vua Diêm-la sai hai người tiễn Sư, là một người họ Trần, một người không nhớ họ, tiễn ra đến bên đường, dẫn Sư vào một rừng gai, chặt thân Sư làm hai khúc, mỗi người nắm một khúc xuống sông rửa, rồi quăng qua bờ bên kia, do đó Sư liền thức giấc, bệnh cũng giảm nhẹ, mấy ngày sau thì bình phục, có thể đọc tụng. Lại vào năm Sư năm mươi lăm tuổi, thân lại bị bệnh, nằm mộng thấy đứng trên tháp của chùa Quả Tâm. Ở Thỉ Hưng có người xô Sư xuống và nói: Cho ông sống hơn tám mươi tuổi mới qua đời, do đó Sư lành bệnh. Đến niên hiệu đại nghiệp năm mười ba Sư tám mươi hai tuổi, sau đó không biết nơi Sư qua đời.

**** Thích Trí Nghiệp:***

Sư họ Dương, xuất gia từ nhỏ, trụ chùa Trường lạc ở Dương châu, chuyên tinh giới nghiệp, tụng kinh Pháp Hoa, câu văn thông suốt, giống như rót nước vào bình. Cuối đời Tùy, Vũ Văn Hóa đến ở Dương châu làm phản, giết vua Dương Đế ở cung Vi. Bấy giờ, thiên hạ bị tan rã, trăm họ đói khát, người ở trong cảnh sóng gió tán loạn, một thăng gạo một muôn tiền. Bấy giờ ở Biệt viện, trong một thất nhỏ, chuyên tụng không ngừng, bị chết đói trong phòng, không người chôn cất. Ngôi nhà này bị sụp, hài cốt Sư bị chôn dưới đống đổ nát.

Đến đầu niên hiệu Nghĩa Ninh, sau khi bình định thiên hạ, chỗ đất ấy bỗng mọc lên một cọng hoa sen, hoa nở màu sáng tươi đẹp khác thường. Mọi người lấy làm lạ, chẳng biết lý do. Bấy giờ, ở chùa có vị tăng kỳ đức chứng ngộ nói rằng: Đất này đã có một vị tăng, chuyên tụng kinh Pháp Hoa, lúc ấy đất nước ở vào thời ly loạn nên chết trong

ngôi nhà này, không có người chôn cất, hài cốt vùi lấp ở đây, ắt là điềm linh ứng của vị tăng, bèn cho tìm đào gốc hoa, quả nhiên đào được hài cốt, hoa sen xanh, ấy chính là từ trong xương sọ dưới cuống lưỡi vữa nát, cuốn lưỡi như còn sống, đều không hư rã, mọi người trong chùa bèn đem cuốn lưỡi và hoa lên giảng đường, đánh chuông nhóm chúng để tụng Pháp Hoa. Cuống lưỡi ấy nghe kinh, cũng có thể cử động. Người đạo kẻ tục nghe việc ấy đến xem rất đông đúc, chẳng ai không thán phục, và phát tâm cao siêu.

Người ở Tinh châu đời Tùy, tên là Cao Thủ Tiết, gia đình một đời tin thờ, mà Thủ Tiết rất tinh nghiêm. Đến lúc Thủ Tiết mười sáu, mười bảy tuổi đi đến Đại đô, đi đường gặp vị Sa-môn, Sư khoảng sáu mươi tuổi, tự xưng là Hải Vân, sư Hải Vân nói chuyện với Thủ Tiết, do đó Sư Hải Vân nói: Con tụng kinh được không? Thủ Tiết thưa: Tâm con rất chí thành. sư Hải Vân dẫn Thủ Tiết đến núi Ngũ đài, đến một chỗ, thấy ba ngôi nhà tranh, vừa chưa được một người, Thủ Tiết ở trong đó, sư Hải Vân dạy tụng kinh Pháp Hoa rồi đi khất thực, cho Thủ Tiết y thực. Tiết thường thấy vị tăng Ấn-độ đến, nói cười với Sư Hải Vân, rồi đi về phía sau. Sư Hải Vân liền hỏi Thủ Tiết rằng: Ông có biết hướng đi của vị tăng Ấn-độ hay không? Thủ Tiết thưa: Không biết. Sư Hải Vân giống như nói đùa rằng: Đó là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Thủ Tiết tuy nhiều lần được nói cho nghe việc này, nhưng chưa ngộ được ý chỉ ấy. Sau, bỗng nhiên Sư sai Thủ Tiết xuống núi, vào thôn lấy đồ, nhưng Sư dạy rằng: Người nữ là cội gốc của các điều ác, phá hoại đạo Bồ-đề, phá thành Niết-bàn, ông vào trong nhân gian, phải rất cẩn thận, Thủ Tiết cung kính vâng dạ, nghe theo lời dạy xuống núi. Giữa đường gặp một cô gái nữ, khoảng mười bốn - mười lăm tuổi, mặc y phục đẹp, dung mạo thanh nhã diễm lệ, cỡi một con ngựa trắng, đi thẳng đến trước Thủ Tiết, cuối đầu nói với Thủ Tiết rằng: Thân bị bệnh gấp cần phải xuống ngựa, mà ngựa ưa nhảy nhót, tôi ngăn nó không được, xin ông dìu giúp đỡ, để cứu mạng hèn mọn này. Thủ Tiết bèn nhớ lời Sư dạy, rốt cuộc ông không quay đầu nhìn lại. Cô gái cũng đi theo mấy dặm, nói lời hết sức tha thiết. Thủ Tiết vẫn giữ chí như ban đầu, bỗng nhiên cô gái biến mất. Thủ Tiết trở về chỗ cũ, trình bày lại việc ấy. Sư nói rằng: Ông thật là trượng phu, mặc dù như vậy, nhưng đây là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Thủ Tiết cũng chưa tỉnh ngộ được. Sư cũng nói đùa như vậy. Rồi ông ở đây tụng kinh, suốt trong ba năm, một bộ Pháp Hoa rất được tinh thuần.

Sau đó, ông nghe ở Trường An độ người, tâm mong được cạo tóc, phương tiện sám tối, thưa Sư muốn đi. Sư nói: Ông tụng được kinh Pháp

Hoa, có hạt giống Đại thừa nay đã thành tựu, ông muốn đi thì phải theo thầy tốt, một phen từ biệt này, khó gặp lại nhau, ông đến kinh đô nên ở đạo tràng Thiền định, y chỉ Thiền sư Ngọa Luân. Thủ Tiết đến kinh đô xin xuất gia, mà không được toại nguyện, bèn đến chỗ Sư Ngọa Luân. Sư Luân hỏi: Ông từ đâu đến? Thủ Tiết thưa: Từ Ngũ Đài đến, Hòa-thượng bảo con làm đệ tử Sư. Sư Luận nói: Hòa-thượng tên gì? Thủ Tiết thưa: Tên Hải Vân. Sư Luận kinh ngạc nói: Núi Ngũ Đài là chỗ ở của ngài Văn-thù, Tỳ-kheo Hải Vân tức đồng tử Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, là Đại thiện tri thức thứ ba, tại sao ông bỏ chánh nhân này, ngàn kiếp muôn kiếp, không thể nào được gặp lại lần nữa, sao sai lầm như vậy. Thủ Tiết mới biết xưa nay, tiếc là không nát thân, ngu tình quyến luyến, cũng mong gặp lại. Thủ Tiết bèn từ biệt Sư Ngọa Luân trở về, bôn ba ngày đêm, về đến chỗ cũ, thì không còn thấy như xưa nữa.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam cốc Tuệ Tường soạn.*

## QUYỂN 8

### TRÌ TỤNG (Phần 3)

Thích Tuệ Siêu ở chùa Ngộ Chân núi Lam Điền đời Đường (phụ Thiện Tư).

Trường Vi Trọng Khuê ở Mông-dương đời Đường.

Tả Giám Môn Hiệu úy Lý Sơn Long đời Đường.

Thích Tuệ Hiển ở nước Bá Tế đời Đường.

Thích Pháp Trí ở ẩn đời Đường.

Thích Di Tục ở Cao dật Ung Châu đời Đường.

Thích Pháp Hỷ ở Cao dật núi Ly đời Đường.

Thích Đạo Quỳnh trụ chùa Lâm Huyền ở Kim lăng đời Đường.

Thích Trí Hữu trụ chùa Bảo Vân ở Ung Châu đời Đường.

Thích Pháp Thành trụ chùa Ngộ chân ở núi Lam Điền đời Đường (phụ Dương Nan Cập).

Thích Trí Thông trụ chùa Thê hà ở núi Nhiếp đời Đường.

Triệt Thiền sư ở xứ Hàng châu đời Đường dạy người bị bệnh hủi.

Sử Ha Thệ ở làng Phước thủy Tây nam Kinh thành đời Đường (phụ thêm Thích Đạo Chánh).

Thích Huyền Chân trụ chùa Vĩnh phước ở Đề châu đời Đường.

Thích Chánh Tắc ở Cao dật đời Đường.

Âm Minh Quán người ở Đơn dương đời Đường.

Tạ Trí Tạng ở Lam điền thuộc Ung Châu đời Đường.

Thích Tuệ Tân ở núi Thần Cao dật đời Đường.

Thích Đạo Tiến ở chùa Biện Tài xứ Tây kinh đời Đường (phụ thêm Hồng Xán).

Quan đạo sĩ Sử ở Ung Châu đời Đường (phụ thêm con gái họ

Quyền ở Tần châu).

Thị nữ người Đột Quyết của nhà Tả Tiêu Cơ Thôi Nghĩa Khởi đời Đường.

Thích Vạn Trường trụ chùa Hưng Thiện ở xứ Tây Kinh đời Đường (Đạo Nghệ ở Dương châu).

Thích Trí Tạng trụ chùa Tịnh Anh ở xứ Tây kinh đời Đường.

Thích Hoằng Chiếu ở xứ Ủng châu, Cao dật đời Đường (phụ thêm Lý Tín).

Tỳ-kheo-ni ở xứ Tô châu, huyện Côn sơn đời Đường.

Lại có hai mươi tám người ghi chép tên ở sau.

*****

*** Thích Tuệ Siêu:** Sư họ Phạm, người ở xứ Kiến nguyên thuộc Đơn dương, lúc nhỏ đã có suy tính xa, bẩm tánh ôn hòa nhã nhặn sáng suốt, trầm tĩnh có ý tưởng xuất trần. Sư thầm nghiên cứu cùng tột để thành ý nguyện, tụng kinh Pháp Hoa làm việc tu trì. Bấy giờ, núi Đại tô ở Quang châu có Thiền sư Tuệ Tư, khéo ngộ nghĩa Nhất thừa, hiểu rõ được diệu chỉ tam quán. Sư Tuệ Siêu nghe những việc ấy liền cùng với các vị Trí Giả Thiên Thai, Tiên Thành Tuệ Mạng, khế hợp kết nhân lành, các Sư nhiều năm tìm đến. Thiền sư Tuệ Tư thường bảo mọi người rằng: Ông Siêu đáng được là người nhẫn. Pháp sư Tịnh Nghiệp ở Cối Kê, xem quẻ ở Lam cốc, khâm phục đạo đức của ông Siêu, đích thân Pháp sư đến mời thỉnh, hai Sư cùng ở ẩn tám năm, thường siêng năng tu sáu độ, hơn nữa phép tắc thường rất nghiêm ngặt.

Có Sa-môn Cấm Lặc cùng Tuệ Siêu ở ẩn trong lò gạch, suốt trong ba năm. Thời gian sau Sư rũ áo ra đi, Sư Tuệ Siêu bảo chủ lò gạch rằng: Bần đạo ở trong lò gạch tụng kinh Pháp Hoa, đã hơn ngàn biến, hãy quét dọn rảy nước cúng dường, chớ dùng nữa. Người chủ không tin, vẫn sửa lại chỗ cũ để nung gạch, chỗ ấy bèn biến thành hình hoa sen, cây xung quanh bốn vách, mọi người xa gần đều thấy, thán phục điềm lạ. Sư thường ở chùa tụng kinh, có một con thú dữ, đến nghe Sư tụng kinh, đều được thọ giới quy y, chúng chắp tay thăm hỏi, giống như con chó trong nhà. Sư Tuệ Siêu nói: Đàn-việt muốn đi, chúng liền y theo lời nói mà trở về. Đức hạnh của Sư cảm ứng được chốn u minh, khó ghi chép hết. Sau Sư bị bệnh, đệ tử quỳ khóc hỏi thăm. Sư trả lời: Đây là lẽ thường của ta, sống lâu chẳng mừng, chiều chết không lo. Sư bèn ngồi xoay mặt về hướng Tây nói:

*"Đệ nhất nghĩa không.*
*Bỗng nhiên lâu dài"*

Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, tức ngày 06 tháng 12 niên hiệu Võ Đức năm thứ năm.

Sư năm lên chín tuổi đã hiểu đạo, liền tụng kinh Pháp Hoa, tổng cộng hơn năm mươi năm, đến hai mươi ngàn biến.

Sư có người đệ tử tên là Tuệ Tư, cũng tụng Pháp Hoa, hơn vạn lần, ngày Sư qua đời, có tràng hoa âm nhạc, bay tới tấp ồn ào giữa hư không. Tăng chúng ở chùa, đều thấy nghe. Sư lại tự thấy đài hoa đến đón rước. Sư đứng chắp tay đoan an nhiên qua đời, mọi người xa gần đến xem như bức tường ngăn chặn. Sư không cho chôn cất để bố thí các loài cầm thú.

**** Thanh tín sĩ Vi Trọng Khuê:*** Ông là người ở Lâm ngang, bẩm tánh ông rất hiếu kính, được xóm làng cung kính. Năm mười bảy tuổi ông biểu hiện các việc rất kỳ lạ, là người đứng đầu ở Mông dương.

Cha ông là Liêm, làm quan ở quận Tư Dương, đã nhiều lần xin về hưu dưỡng già.

Vào niên hiệu Võ Đức, cha bị bệnh, ông không ra làm quan mà chỉ hết lòng hiếu dưỡng, sau đó người cha qua đời, ông giã từ vợ con, dựng lều tranh bên mộ cha ở đến già. Ông rất tin Phật giáo, tụng kinh Pháp Hoa, ban ngày ông cuốc đất đắp mộ, ban đêm thì chuyên tụng Pháp Hoa, chí thành không mỏi mệt. Được năm tháng thì có thú dữ, ban đêm đến trước lều tranh, ngồi xổm lên mà nghe kinh, hồi lâu mà nó không đi. Trọng Khuê trong chánh niệm nói rằng "xin mãnh thú đừng làm bức xúc tôi". Mãnh thú liền đứng dậy đi, sáng hôm sau thấy xung quanh mộ mọc cỏ chi, có bảy mươi ba cọng ở ngay trước mộ, sắp hàng thứ lớp, giống như người trồng, mỗi cọng đều đỏ thắm cánh màu tím, đường kính cánh hai tấc, màu sáng khác thường. Xóm giềng báo việc ấy với quan ở Châu huyện.

Bấy giờ, có Tân Xuân Xương làm Thứ sử, Thẩm Dụ là Biệt giá, cùng đến chỗ mộ cúng tế, bỗng có một con chim giống như con vịt ngậm hai con cá, mỗi con dài hơn một thước, bay đến đậu ở trước Quân Xương, để cá ở dưới đất rồi đi. Quân Xương, v.v... rất thán phục, hái cỏ chi rồi phong tước, tâu chiếu tuyên dương. Sau không biết nơi ông qua đời.

**** Thanh tín sĩ Lý Sơn Long:*** Sơn Long người ở Bằng Dực. Vào

khoảng niên hiệu Võ Đức, ông làm chức Tả giám môn hiệu úy. Bỗng bị bệnh nặng chết, nhưng trên ngực không lạnh. Người nhà chưa nỡ tẩn liệm, đến ngày thứ bảy thì sống lại. Ông tự nói rằng: Khi sắp chết bị quan ở địa phủ bắt, đến sảnh của một quan Tào, rất hoành tráng, sân ấy cũng rộng, trong sân có mấy ngàn người tù, hoặc gông cùm, hoặc xiềng xích, đều đứng giữa sân. Người sứ dẫn Sơn Long vào sảnh, thấy một vị quan lớn ngồi trên giường cao, có người hầu như vua. Sơn Long hỏi sứ giả: Đây là quan sứ gì? Sứ giả đáp: Là vua. Sơn Long đến dưới bệ, vua hỏi: Lúc còn sống ông làm phước nghiệp gì? Sơn Long đáp: Người trong làng thường lập trai giảng, thường hay bố thí các vật. Vua lại hỏi: Bản thân ông làm phước nghiệp gì? Sơn Long thưa: Tụng kinh Pháp Hoa hai quyển. Vua nói: Hãy lên bệ sảnh. Sơn Long bước lên bệ sảnh, giữa Đông bắc có một tòa cao như tòa giảng. Vua chỉ tòa bảo Sơn Long rằng: Hãy lên tòa này tụng kinh. Sơn Long vâng lời đến chỗ tòa, vua đứng dậy nói: Mời Pháp sư lên tòa. Sơn Long lên tòa rồi, vua bèn đến ngồi cạnh tòa. Sơn Long tụng: "Diệu pháp Liên Hoa kinh phẩm tựa thứ nhất". Vua nói rằng: Xin Pháp sư dừng lại. Sơn Long liền xuống tòa đến đứng dưới bệ, nhìn người tù trong sân đã chết, không còn một người. Vua bảo Sơn Long: Phước của ông tụng kinh, chẳng những lợi mình mà còn giúp cho những người tù trong sân đều nghe kinh được thoát, hà không tốt hay sao? Nay thả ông về lại. Sơn Long lễ bái từ biệt, đi được vài mươi bước thì thấy ba người đến bảo Sơn Long rằng: Vua thả ông đi, xin hãy cầu thả một số chúng tôi. Sơn Long chưa kịp nói, thì quan lại bảo Sơn Long rằng: Vua thả ông, không phải nhờ họ, nhưng ba người ấy là trước ghi chép vua sai người. Sơn Long nghe hoảng sợ, ta lỗi ba người rằng: Kẻ ngu không biết ông, xin đến nhà hãy chuẩn bị đủ đồ vật, nhưng tôi không biết đưa đi ở nơi nào. Ba người nói rằng: Đưa ở bên sông. Sơn Long nghe theo rồi từ biệt về nhà, thấy người nhà đang than khóc chuẩn bị tẩn liệm. Sơn Long về đến bên xác chết, xác chết liền sống lại. Sau đó, Sơn Long cắt làm tiền lụa, rượu và thức ăn, đưa đến bên sông, bỗng hấy ba người từ tạ, hổ thẹn cám ơn, nói xong thì biến mất.

*** Thích Tuệ Hiển:** Sư người ở nước Bá Tế, xuất gia từ nhỏ, dốc lòng tinh chuyên, lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm tu nghiệp. Sư cầu phước thỉnh nguyện, được toại nguyện rất nhiều, nghe giảng Tam luận, lại theo nghe thọ pháp. Sư càng mệt mỏi, càng thêm suy nghĩ cố gắng. Ban đầu Sư trụ chùa Tu Đức ở Bắc bộ thuộc bổn quốc. Khi chúng đông thì giảng, không còn tụng suông, khắp nơi nghe tiếng tăm, đến núi ồn

ào liên tục. Sư lại đến núi Đạt noa ở phương nam, núi cao chót vót, vách núi lại vững chắc, dầu có người đến thăm, phải trèo lên rất gian nan nguy hiểm. Sư Tuệ Hiển tĩnh tọa trong núi, chuyên tu như cũ. Sư qua đời ở đó, các bạn đồng học khiêng tử thi Sư để trong hang đá, hổ ăn hết thân thể, chỉ còn lại xương sọ và lưỡi. Ba ngày sau, lưỡi Sư càng đỏ hồng, mềm mại hơn lúc bình thường. Sau đó mới biến sang màu tím, cứng như đá, mọi người lấy làm lạ mà tôn kính, thờ trong tháp đá. Bấy giờ, Sư năm mươi tám tuổi, vào niên hiệu Trinh Quán năm đầu.

***** ***Thích Pháp Trí:*** Sư người ở Tuyên Thành, xuất gia từ nhỏ, tinh tấn siêng năng khổ nhọc giới hạnh. Sư không tham gia việc thế tục, ở trong núi rừng, chí cầu thanh tịnh, tụng bộ kinh Pháp Hoa, không hề biếng nhác, âm vận trong suốt, câu chữ rõ ràng. Sư thường ngày xướng tụng, mọi người đều thích nghe. Người đương thời gọi là Trí Pháp Hoa.

Đầu niên hiệu Trinh Quán, Sư trụ chùa Định lâm trên núi Tương. Một đêm, tụng đến phẩm Bảo Tháp, lúc ấy mưa gió tối tăm mù mịt, sấm sét rất to. Sư tụng niệm không ngừng, chúng tăng ở các phòng, đều ra ngoài xem sấm chớp, mỗi khi ánh chớp lác lên thì thấy một tháp báu ở giữa hư không, có đại chúng đi nhiễu xung quanh. Chúng tăng trong chùa kinh lạ, đều cùng nhau ra xem, đến lúc mưa tạnh thì không hiện nữa, chúng tăng đều khen ngợi, biết là do người trì kinh cảm ứng được.

***** ***Thích Di Tục:*** Không biết Sư người ở xứ nào, vào đầu nhà Đường, Sư đến nhà Đương Lục ở làng Nam mỹ tuyền, huyện Lễ tuyền ở Ung Châu người trong trấn thường được cúng dường, Sư thanh liêm, ít ham muốn, chỉ tụng kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp, ngày đêm liên tục, cho đến mấy ngàn biến.

Vào đầu niên hiệu Trinh Quán, vì bệnh sắp chết, Sư di chúc người bạn là Tuệ Quách rằng: Tôi tụng kinh ý thường mong linh nghiệm, do lúc bình thường tôi tin hướng thiện, nếu khi chết đi, không cần để lộ hình hài, chôn được mười năm, thì hãy đào lên, nếu cuống lưỡi tan rã thì biết không duy trì được, nếu như còn sống thì hãy bảo người đạo kẻ tục, vì tôi xây tháp để chỉ bày điều linh cảm. Sư nói xong thì qua đời.

Tuệ Quách y theo lời chôn cất Sư. Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một, Tuệ Quách cùng các bạn cũ, đến đào mộ Sư, thân thịt đều tiêu hết, chỉ có cuống lưỡi không vữa nát. Các nam nữ cả huyện đều kính mến, lưu truyền trì tụng, lại càng hơn nhiều lần. Tuệ Quách bèn lấy hòm đựng cuống lưỡi ấy, rồi xây tháp gạch thờ ở Nam ngạn

thuộc Tam cốc ở phía bắc thôn Dương Lục. Những người hiểu biết đều tôn kính, càng thêm dốc lòng tin ngưỡng.

**** Thích Pháp Hỷ:***

Sư họ Lý, người ở xứ Tương Dương, xuất gia năm bảy tuổi, thờ Thiền sư Hạo làm thầy. Sư làm Sa-di chùa núi Thanh khê ở Kinh châu, có hơn bốn mươi vị tăng, đích thân Sư làm việc hầu hạ, ban ngày thì thổi nấu, ban đêm thì tụng tập kinh điển, ở núi không có đèn đuốc, đốt củi khô làm ánh sáng. Thời khóa mỗi đêm Sư tụng thuộc một tờ, như vậy nhiều thời gian, các nhân duyên đã thông suốt. Tuy Sư học các kinh bộ, mà chỉ lấy Pháp Hoa làm y cứ. Sư thường tranh thủ thời gian trong lúc ăn và nghỉ, tụng hết một quyển, còn bao nhiêu thời gian thì trước là thiền định, niệm Phật. Vừa có tâm lờ mờ thì liền ôn cái cũ. Hơn nữa, Sư Hạo qua đời mà ý Sư muốn linh hồn chốn u minh được thanh thản, nguyện tụng ngàn biến Pháp Hoa, do đó không ở phòng cũ, mà đi nhiễu quanh tháp, thực hành hai oai nghi đi và ngồi, Sư lập thệ hết bản nguyện, đủ số tám trăm, tinh tấn cố gắng, thức khuya dậy sớm, giữ tâm không tán loạn, biết chuyển đổi thân thể khỏe mạnh. Chúng tăng cùng chùa, thấy xa giá trâu trắng, đem xe báu vào trong phòng Sư, chúng tăng thì theo đến xem, rõ ràng không có tụng kinh, mới biết Sư cảm hóa được đến chốn u minh, những điều Sư làm đều khế hợp với giáo môn.

Niên hiệu Võ Đức năm thứ tư, Tiêu Vũ mời Sư trụ trì chùa Tâm Lương, sau Sư về ở ẩn ở đất Ly, dưỡng già. Sư tìm cách chữa các bệnh trong bụng. Sư bất luận khách hay bạn thân, đều chu cấp thăm hỏi, đích thân Sư chữa bệnh, đến nỗi Sư ói ra phẩn tiểu, máu mủ, Sư đều đến nơi ói mữa không màng dơ bẩn, hèn hạ, trong lòng càng thêm vui thích, cho đó là việc bình thường.

Mùa xuân niên hiệu Trinh Quán năm thứ sáu, vết thương của Sư bị nhiễm trùng nhẹ, tự biết sống không được bao lâu, thầy thuốc cố gắng chữa, nhưng Sư không chịu uống thuốc. Đến ngày 12 tháng 10 Sư bảo các đệ tử:

"Vô thường đến Chớ khuấy nhiễu ồn ào. Phải im lặng thiền định, ta biết giờ đi, chớ cho người khác biết".

Sư liền vào phòng, thường nói ba cõi hư không chỉ là nhất tâm. Đại chúng bỗng nghe rừng phía Bắc có tiếng động xe âm nhạc, do đó Sư bảo chúng:

"Quả bảo thế gian, đã bỏ lâu rồi, tại sao sinh ở chỗ vui, rốt ráo lại ràng buộc".

Nói xong, Sư nhập định, trong chốc lát tiếng Sư dứt, đầy các mùi hương thơm, suốt đầu canh năm, Sư ngồi thẳng mà qua đời, Sư thọ tám mươi mốt tuổi, hình sắc tươi sáng, như thường ở trong định.

*** Thích Đạo Quỳnh:** Sư họ Trương, không biết người xứ nào. Vào niên hiệu Trinh Quán khoảng năm thứ sáu, thứ bảy, Sư trụ chùa Thê Huyền ở Kim lăng, không chuyên các hạnh nghiệp khác mà chỉ chuyên tụng kinh Pháp Hoa, âm vận của Sư thanh nhã, mọi người đều thích nghe. Sư cùng Sa-môn tự là Pháp Mẫn ở chung phòng.

Cứ vào lúc gần sáng, thì Sư ngồi thẳng tụng kinh, Sư Pháp Mẫn ở giường bên, cởi trần mà ngủ, thân thể Pháp Mẫn rất khỏe mạnh. Lúc mới đến không bị bệnh, bỗng nhiên Pháp Mẫn từ trên giường ngủ lăn xuống đất, như có sức người lôi kéo, bị đánh bằng gậy, phải cầu xin tha cho, những việc như vậy chẳng phải một.

Đạo Quỳnh thấy hoảng sợ kêu la thất thanh, cả chùa kinh hoảng chạy ra, cho là thú dữ. Trong chốc lát thấy báo tướng của ông Quỳnh mới đầu cùng đợi xem, thấy đánh đập Pháp Mẫn không thôi, qua một ngày sau, dần dần tỉnh lại, nhưng đã mất bổn tâm. Đạo Quỳnh hỏi lý do. Pháp Mẫn đáp: Thấy có thần quỷ tức giận quở trách vì ở trần nằm ngửa, không cung kính kinh điển.

*** Thích Trí Hữu:** Người ở Tương châu, không rõ xuất thân từ dòng họ nào, còn nhỏ Sư đã trai giới nghiêm túc, Sư thường tĩnh tọa không xen vào các việc trần, lúc còn trẻ đã lìa tục, yêu thích kinh điển. Sư tụng trì ngày đêm, không hề bỏ một ngày. Khi đến nước Trần, Sư trụ chùa Bảo Vân ở huyện Hoa Nguyên. Tuy từ Nam sang Bắc, nhưng việc tụng niệm không thiếu. Lúc Sư tụng kinh, khói hương không dứt, tính đã được bốn mươi hai năm, tính theo thứ lớp gần năm muôn biến. Bình đựng nước tắm, thường tự đầy.

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám, Sư không bệnh ngồi tĩnh tọa mà qua đời ở chùa, thọ bảy mươi hai tuổi. Ngày Sư sắp qua đời, có nhạc trời đến đón, nhà cửa ở giữa hư không, nghe tiếng nhạc hồi lâu, lại có mùi thơm như mây, lan khắp nhà cửa, mọi người trong ấy không thấy nhau, một hồi lâu mới dứt. Đệ tử Đức Tạng và nhân sĩ thứ trong làng có hơn ngàn người, sau đó dời quan tài về Am ở phía Đông nam, ngồi dưới gốc cây, qua đêm đến xem không biết Sư ở đâu.

*** Thích Pháp Thành:** Sư họ Phàn, người ở Vạn niên thuộc Ủng

châu, xuất gia từ nhỏ, Sư làm đệ tử Thần tăng Tăng Hòa, ngài Tăng Hòa đặc biệt có cái giương soi, nên biết Sư có danh khí. Bèn bảo Sư đến Thiền sư Tương ở chùa Thiền Lâm tu theo thiền định, chưa đầy mấy năm, Sư thăng đường giảng nghĩa sâu kín. Sau Sư gặp ngài Siêu Công, ở ẩn Lam cốc. Sư Pháp Thành thỉnh dạy dỗ, siêng năng không biếng nhác, tuy tuệ giải thông suốt, nhưng Sư lấy việc đọc tụng kinh Pháp Hoa làm tu nghiệp, tâm sức thường mỏi mệt, thì sẽ bỏ thọ trì, nên sự hành đạo theo Quán Âm để thầm cầu cứu giúp. Đủ hai mươi mốt ngày, Sư ở trước Phật, bỗng thấy một người cao lớn mặc áo trắng, cầm một bình thuốc, đưa cho Sư uống, từ đó về sau tâm lực khỏe mạnh hơn lúc bình thường. Sư đọc tụng không ngừng, mỗi mùa hạ hơn năm trăm biến, sáu ngày trai thêm bảy biến, nếu muốn hơn số này cũng không bị mệt mỏi. Tính khoảng mười năm, sẽ hơn muôn lần, Sư thường nghe trên hư không trổi nhạc, sắt đá vang rền, đến khi tiếng tụng kinh vang khắp thì mới dứt. Lại có một Thanh Tín Sĩ ở trong thôn, thường cúng dường Sư Pháp Thánh. Trong gia đình bỗng bị bệnh nặng, kẻ lớn người nhỏ hơn mười người, đều rất nguy kịch. Thanh Tín lo sợ, xin Sư Pháp Thành cứu giúp, Sư bèn dẫn đến giảng đường Pháp Hoa trước hai bức tranh vẽ hai vị thần, Sư chỉ và nói rằng: Đàn-việt đây tín tâm chân thật, mà gia đình bị bệnh nặng, ông hãy theo tôi chữa bệnh cho họ. Người kia liền trở về, những người bệnh đều thấy hai vị thần, dùng tay vỗ về, liền đó thuyên giảm.

Lại có người hung ác muốn lén hại sư Pháp Thành, ban đêm người ấy đến chỗ Sư, thấy trong cửa lửa dữ cháy đỏ, người ấy hổ thẹn hối hận trở về.

Cuối mùa hạ an cư niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn, bỗng nhiên Sư bị bệnh, tự biết mình sắp đi, Sư nguyện sinh lên cõi trời Đâu-suất, sau đó Sư tắm gội, chí thành ước hẹn, đến cuối tháng, Sư bảo rằng: Muốn đi thì thẳng vào, cần gì đờn ca? Sư ngó lại thị giả, bảo: Có đồng tử đón rước ta, hiện ở ngoài cửa, ta sắp đi rồi.

*"Chánh giới Đức Như Lai*
*Khuyến khích mọi người tu.*
*Sau này không hối hận".*

Sư nói xong, trong miệng phát ra ánh sáng, chói rực cả phòng, lại nghe có mùi thơm lạ phảng phất. Mọi người thấy Sư ngồi thẳng an nhiên, bất giác qua đời. Sư thọ bảy mươi tám tuổi.

Vào tháng bảy niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn, có người Dương Nan tục sĩ đến, là người ở bổn huyện. Ông còn nhỏ mà tánh tình

ngay thẳng, không giao du với các việc phàm tục, khi tuổi trưởng thành, mới cầu kinh điển pháp mầu. Ông nghe Sư Pháp Thành có đạo hạnh, bèn cầu Sư làm thầy. Sư trao cho ông kinh Pháp Hoa, trong khoảng mấy tháng, ông đều tụng thông suốt, cố gắng tinh chuyên luyện tập, sớm tối quên mỏi mệt. Tuy làm việc theo chúng mà tiếng tụng kinh không ngừng. Sau đó, ông không bệnh mà an nhiên qua đời. Khi hỏi thiêu, xương sọ và cuống lưỡi vẫn còn, do đó Sư Pháp Thành đem cất, đựng trong hòm đá, thờ trong giảng đường Pháp Hoa. Bấy giờ, tín đồ càng thêm cúng dường, và thường nghe tiếng tụng kinh trong hòm, hòm đá lay động, lời và câu rõ ràng, người nghe kinh sợ, và biết đó là do năng lực thọ trì.

* ***Thích Trí Thông:*** Không rõ Sư người ở đâu, thường tụng kinh Pháp Hoa, nghe giảng Tam luận. Sau thời Trần Bình, Sư đến Giang Châu, trụ chùa An lạc ở Dương châu. Thời Đại nghiệp đá suy tàn, Sư nghĩ rốt cuộc không có phương kế, nên ở ẩn trong Giang địch, tụng kinh Pháp Hoa, cảm hóa được bốn con hổ vây quanh nghe Sư tụng kinh. Sư nhịn ăn mười ngày, mới đầu không đói khát, Sư bảo hổ rằng: Mạng ta trong chốc lát, ngươi hãy nên ăn thịt đi, con hổ bỗng làm theo lời Sư, tự nhiên trên hư không nói có tiếng “không có việc ấy”. Bỗng thấy một ông lão khoảng tám mươi tuổi, dẫn theo một con thuyền, ông lão đến chỗ sư Trí Thông nói: Sư muốn qua sông, trụ ở Thê Hà, thì nên lên thuyền. Bốn con hổ đồng thời rơi nước mắt. Sư Trí Thông nói với ông lão: Cứu nguy cứu nạn, đang còn ngày nay, nên đón bốn con hổ, bèn đi nhanh đến Nam ngạn. Rồi thuyền và người không biết ở đâu. Sư Trí Thông dẫn bốn con hổ đồng đến phía Tây tháp xá-lợi Thê Hà, ngồi thiền kinh hành, thệ không nằm ngủ, đồ chúng của Sư hơn tám mươi người, đều không ra khỏi viện, nếu có việc dữ, thì một con hổ vào chùa lớn tiếng báo cho chúng biết, nhờ đó mà họ sợ và biết được. Đến ngày mùng 08 tháng 04 niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi bảy, khi tiểu thực xong, đến Hưng hoàng Chỉ quán, lễ ảnh tượng Đại sư, rồi trở về phòng, ngồi an nhiên mà qua đời, có mùi thơm lạ đầy khắp. Có nước Quách ở Đơn Dương, người đạo kẻ tục, thọ giới hơn ba ngàn người, chạy lên núi, buồn khóc thảm thiết ở rừng hoang, lúc bấy giờ Sư thọ chín mươi chín tuổi.

* ***Thích Tăng Triệt:*** Không rõ Sư người ở đâu, trụ chùa Hãm tuyền ở núi Nam cô thuộc Hàng châu, Sư thường tiếp xúc với những

người bệnh hủi, dẫn họ vào núi để đào hang lỗ cho họ ăn, cho tụng kinh Pháp Hoa. Người bệnh hủi vốn không biết chữ, lại thêm ngu dốt, mỗi câu phải dạy họ, Sư không hề mỏi mệt, tụng kinh đến phân nửa, họ nằm mộng thầy có người dạy, từ đó về sau có chút ít sáng suốt, họ tụng được quyển năm, sáu các mục ghi, cảm thấy lần lần lành bịnh. Tụng một bộ xong rồi, râu tóc bình phục, màu da như thường. Nên trong kinh nói: Thuốc hay chữa bệnh, đây quả thật là ứng nghiệm.

*** *Thanh tín sĩ sữ Ha Thệ:*** Ha Thệ ở làng Phong cốc thuộc Tây nam kinh thành, lúc nhỏ ông đã có tâm lành, Ha Thệ thường tụng kinh Pháp Hoa, thực hành hạnh an vui, từ bi ở trong tâm, không chứa sản phẩm chăn nuôi, tất cả là hư huyễn, danh tiếng thấm nhuần lệnh sử, qua lại kinh thành, tụng kinh Pháp Hoa làm tu nghiệp, e rằng đi đường người gặp biết ông, mọi người thăm hỏi, lại bỏ việc đọc tụng, cho nên ông luôn đi đường tắt. Sư tụng nhỏ tiếng, diện mạo vui vẻ, duyên niệm nối nhau, đến khi qua đời, cảm thấy có mùi thơm lạ đầy khắp làng. Mười năm sau, người vợ đào ra, chỉ còn cuống lưỡi tươi đẹp, còn bao nhiêu điều vữa nát, vì điềm lạ ấy nên tôi đặc biệt nêu ở đây.

Lại có Thích Đạo Chánh, là vị tăng trụ chùa Bạch mã ở Kim lăng, là vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa, sau khi Sư chết, hỏa táng thi hài, ở trong đó, có một cuống lưỡi, y nguyên không nát rữa, người đạo kẻ tục đều khen ngợi thán phục.

*** *Thích Huyền Chân:*** Sư họ Bằng, người ở Thọ Xuân, xuất gia từ nhỏ. Sư đến Dương thổ, trụ chùa Vĩnh phước, tụng một bộ kinh Pháp Hoa, không lúc nào biếng nhác, dừng nghỉ.

Bấy giờ, vào đêm trăng mùa Thu, Sư đang trì tụng kinh Pháp Hoa mới đến nửa quyển bảy thì phòng bên cạnh có một vị Sa-môn bỗng nhiên đứng, giống như ở cạnh giường, Sư bèn thấy giữa sân có bóng người to lớn, Sư ngẫng đầu nhìn bốn phía, liền nhìn giữa hư không, có một vị thần, đứng sừng sững, vị Sa-môn này đứng yên một chỗ chiêm ngưỡng, không hề dời bước, đứng hồi lâu, văn kinh cũng tụng vang, vị thần bỗng biến mất. Chúng tăng từ đây về sau học tụng thọ trì không biếng nhác.

*** *Thích Chánh Tắc:*** Sư họ Trương, xuất gia từ nhỏ, không phạm việc ăn mặn, hơn năm mươi tuổi mà giới hạnh không thiếu. Sư tụng kinh Pháp Hoa, câu văn thông suốt, ngày đêm tụng niệm, miệng không hề

ngừng nghỉ. Người đương thời gọi Sư là Tắc Pháp Hoa. Nhà Chử Uẩn rất kính tin, ở trong nhà, làm riêng một viện, lập Phật đường phòng tăng. Sư Pháp Tắc do các việc nên ra khỏi thành, liền ở trong nhà ấy, bỗng Sư bị bệnh nặng, và qua đời tại nhà ông Chử Uẩn. Sư qua đời thì đưa về lại chùa, khi đưa sư Pháp Tắc đi rồi, thì chỗ phòng ngủ của Sư có mùi thơm lạ dày đặc, bảy ngày sau mới hết, mùi thơm đó rất ngào ngạt, qua hai ngày sau, thì hơi đó mới dứt, gia đình Chử Uẩn đến bên mộ thì thấy sư Pháp Tắc vừa tỉnh lại. Sư bảo các đệ tử rằng: Ta đến một nơi thấy cung điện cao đẹp tráng lệ, bảy báu trang nghiêm, cây báu ao vàng rất kỳ lạ, cũng không thể đem việc thế gian sánh được. Lại thấy có vô lượng các bậc thánh tăng, thật vui sướng không thể nói hết, sau trải qua sự tín túc rồi mới dứt, Sư thọ hơn bảy mươi tuổi.

**** Thanh Tín Sĩ Âm minh Quán:*** Ông người ở thôn Tiểu trâu thuộc Đơn dương, xuất gia từ nhỏ, không làm những hạnh khác, mà chỉ tụng kinh Pháp Hoa, sau đó ông hoàn tục có vợ con, gia đình làm nghề nông, bị quan sai khiến, cuộc sống phải cố gắng làm mà gia nghiệp vẫn rất nghèo, áo cơm không đủ, nhưng miệng thường tụng kinh, không hề tạm dừng, chỉ trừ các việc ăn ngủ, tiểu tiện, theo lệnh quan tư nhân, ông đều không bỏ tụng.

Sau đó, giữa đêm bỗng nghe giữa hư không có người kêu Âm Minh Quán Âm Minh Quán rất rõ ràng, Âm Quán đứng dậy đáp dạ. Người trong hư không lại nói rằng: Ông đứng dậy theo ta, ta cho ông vàng bạc của báu, của báu ở đầu phía Đông Nam điền của thôn, dưới cây đại huynh liên ông hãy đến đó lấy. Minh Quán ôm lòng vui thích, liền đứng dậy kêu vợ con đi, cầm đuốc và cuốc xẻng cùng vào trong vườn, người con thấy cha đi đến còn nghi ngờ hối hận, người con nói: Làm sao bỗng nhiên nửa đêm lấy được vàng, hay cha bị điên cuồng. Người cha cố đi và đến dưới gốc cây đào, rõ ràng là không thấy vàng, người con lại ngăn cha, một lát sau nghe trên hư không có tiếng nói rằng: Nên đến gần phía trước hơn, người cha y theo lời nói đi đến đào lấy, quả nhiên có vàng, nhờ đó gia nghiệp được phát triển, lại có nạn đói rét nghèo khổ giữa đường, trong thôn xóm, lấy làm lạ cho ông được điều lạ thường, vì có người nghi, ông Quán bèn đến trình bày đủ mọi việc với cha già, rồi càng siêng năng tụng tập.

**** Thanh Tín Sĩ Tạ Trí Tạng:*** Ông là người ở Lâm điền thuộc Ủng châu. Tuy ông ở điền gia, mà thường giữ năm giới, nhân duyên không

lâu ông đến huyện hạ, thấy trong chùa có vị Sa-môn giảng kinh Pháp Hoa, đến phẩm Công đức Trì kinh thứ sáu nói về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý, ông bèn phát tâm quy y, tụng trì hết quyển sáu, trừ khi có nhân sự, thì không hề dừng nghỉ. Tâm ông nguyện càng tinh tấn tụng thêm quyển khác. Đã ở xa đồng ruộng, lại không có giáo thọ, mới định bỏ nhà tìm thầy, thì nghiệp nhà lại phải phế bỏ, ngày đêm ông Quán nghĩ mong gặp được minh sư. Mấy năm sau, bỗng gặp vị tăng người Bà-la-môn đến kêu cửa Trí Tạng, hỏi Trí Tạng: Ông có thức ăn không, xin cho tôi một bữa trai ngọ. Trí Tạng vui mừng thưa: Trong nhà có sẵn, liền sắm đủ cơm rau đúng như pháp cúng dường, vị tăng ăn xong, bảo Trí Tạng rằng: Nếu ông muốn thọ trì kinh Pháp Hoa hãy đem bổn đến. Trí Tạng vui mừng, quả thật được sở nguyện, Trí Tạng liền trao cho vị tăng quyển kinh, vừa từ nghe thọ, lại không quên sót, khi thọ kinh xong, bỗng nhiên không thấy vị tăng. Trí Tạng trong lòng suy nghĩ rất buồn rầu, hối hận vì không biết đó là vị thần, khi Sư đi rồi, chỉ nghe mùi thơm lạ, mấy ngày mà không tan.

* ***Thích Tuệ Tân:*** Ông họ Tiền, không biết người ở đâu, xuất gia từ nhỏ, chuyên tu thiền quán ở ngọn Lô khuông sơn. Ông thường đi thăm mà miệng luôn tụng kinh pháp không ngừng, sớm chiều trừ khi ăn ngủ, không hề tạm nghỉ. Khi Sư tụng xong, phải đi bộ vài bước, rẩy nước quét sạch sẽ.

Đến giờ lượm hoa, Sư trang hoàng rất trang nghiêm, ở chính giữa khoảng năm - sáu tấc, treo cờ đốt hương, lập riêng một cái tòa. Sư đắp y mới, lễ Phật mười phương, chắp tay ngồi thẳng rồi mới tụng, tụng đủ muôn biến, bỗng mang máng như mây mù. Bên trong thấy ba lẫn thay đổi, thành tám phương có cây báu tòa báu, có chư Phật Bồ-tát lờ mờ hiện ra trước mắt, đến một muôn năm ngàn lần, thì rõ ràng thấy đủ, sau đó không biết nơi Sư qua đời.

* ***Thích Đạo Tiến:*** Không rõ Sư họ gì, là người ở Kinh châu. Giới nghiệp rất siêng năng. Sư thường tụng kinh, thân mặc vải bố, ngày ăn một bữa, nhưng hầu như sức của Sư vẫn hơn người.

Sau đó, Sư đến Quan Phục, ở đó mời Sư ở lại với luật sư Đạo Tuyên, Sư thăm hỏi và muốn cầu được pháp yếu, cố gắng lựa chọn bậc tiền hiền, sau nhân đó hỏi rộng về diệu luật, Sư ở lại chùa Biện Tài. Bỗng nhiên thân bị ngất xỉu, suốt mấy ngày. Sư thấy bị Minh Quan tra hỏi ghi chép, đem đến trước vua. Vua nói: Sư tụng kinh Pháp Hoa hành

luật thanh tịnh, được sinh lên cõi trời thứ tư, là nơi của các bậc từ tôn.

Các vua quan minh đạo thưa: Đệ tử thân tội ác, e không gặp lại Sư, cho nên muốn gặp Sư, nguyện xin cứu giúp. Đạo Sán tạm thời sống lại, đến chư tăng trình bày đủ mọi việc, nói xong Sư qua đời.

Lại có Thích Hồng Xáng

Sư cũng tụng kinh Pháp Hoa, lại có vị thần ở chùa Sơn thần, thường qua lại lễ bái, v.v...

Sử Sùng, người ở Giao nam thuộc Trường an, ông còn nhỏ đã có tâm với đạo, nhưng đã dự vào cuộc Hoàng Cân, ở Huyền đô quán. Sau ông bỗng phát tâm, tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày một quyển, ông lập tượng Phật riêng, lễ sám sáu thời, thường bị các đạo ganh ghét, do đây ông trở về tục, càng chuyên tinh phùng tụng, sau ông bị bệnh nặng và chết, bấy giờ là giữa mùa hạ, nhưng không có chút biến hoại, chỉ nghe mùi thơm, bà con ông kính cẩn lập bàn thờ ở gần bên, thường nghe mùi thơm. Sau qua hơn một năm, gân thịt đều rã hết, chỉ còn lại cuống lưỡi, màu sắc cũng như người thường chẳng khác. Có người nghi sợ, bèn lấy lửa thiêu thì nó không biến hoại, búa chặt không đứt, các nơi xa gần thấy nghe, càng kính tin hơn.

Ở Tân châu có con gái họ Quyền thường tụng kinh Pháp Hoa, sau khi chết hơn mười năm, nhà cô định thay đổi nơi an táng, nhưng cả nhà thấy xương thịt của cô, đều tiêu tan hết, chỉ còn cuống lưỡi vẫn như còn sống.

**** Tả Tiêu Cơ Thôi Nghĩa Khởi:***

Nhà Nghĩa Khởi có một thị nữ người Đột-quyết, vốn không biết chữ. Vào giữa niên hiệu Lân Đức bị bệnh chết, qua một đêm thấy một vị tăng Ấn-độ, Đột-quyết cầu xin, vị tăng dùng gõ tích trượng lên đảnh Đột-quyết, dạy tụng một bộ kinh Pháp Hoa, bằng tiếng Phạm, đến gần sáng Đột-quyết sống lại, tự kể lại các việc ấy, mọi người không tin, Đột-quyết bảo Nghĩa Khởi, Nghĩa Khởi đọc thử, Đột-quyết lại tụng kinh như nước chảy, gia đình liền thỉnh vị tăng Tây Vực đến, nghe thị nữ đọc tụng kinh Pháp Hoa, từ đầu đến cuối, ngôn từ âm thanh thông suốt và chính xác, không sót một chữ.

Người thời bấy giờ đem tâu với vua Tần Châu. Vua nói: Minh Đạo như thế, há không tin hay sao? Triều thần đương thời chẳng ai không biết.

**** Thích Vạn Tướng:*** Sư họ Đỗ, người ở Vạn niên thuộc Ủng châu,

từ nhỏ Sư đã chọn lựa khắp các thầy danh đức. Về giới luật sư quý trọng như châu báu và thông suốt, biển học sâu rộng, Sư thường tụng kinh pháp và hiểu hết được nghĩa lý. Mỗi khi giảng hơn mười lần dùng phước tuệ để giúp nhau, lòng từ rộng rãi tánh tình nhu hòa, Sư dùng phương tiện khéo léo và dùng công phu để dạy dỗ, khuyên răn mọi người.

Do chánh điện chùa Hưng Thiện bỗng nhiên bị hỏa tai cháy sạch, thay nhau xây lại nhiều lần mới hoàn thành, Sư có năng lực như vậy. Sư cho khắc bộ kinh Pháp Hoa vào đá ở phía Bắc của chánh điện, rất trang nghiêm hùng vĩ, thật xứng với kỳ công tuyệt tác.

Sư thường tụng kinh trong am tranh, thình lình có con chim trĩ màu trắng bay đến nép mình bên Sư, Sư đưa tay bắt lấy, nó không hề sợ sệt và theo Sư ra vào, ở đó hơn mười ngày.

Lại có cây ở phía sau phòng và khám thờ tượng bằng đồng mạ vàng, nhưng Sư không làm sao đến chỗ đó được, đồng thời có đôi chim tước màu xanh đứng hầu hai bên tượng. Sau đó, Sư thâu lấy được tượng, thì bỗng nhiên đôi chim bay đi, hoặc có khi lửa tro trong lò tự nhiên bay ra. Có khi trong đám cỏ sau giường nằm thường thoảng ra mùi thơm lạ.

Một hôm, Sư tĩnh tọa đến nửa đêm thì bỗng nhiên dường như chiêm bao, thấy có khoảng ngàn ngôi sao sáng trên bầu trời về hướng Tây bắc. Nhìn một lúc lâu thì biến thành tháp báu cao rộng trang nghiêm, trông từ xa không thấy ranh giới, lại thấy bảy ngôi sao mọc hướng Đông bắc, lớn hơn tám thước, chưa kịp nhìn hết toàn bộ thì thấy bảy vị Phật từ trong ngôi sao bước ra, dung nghi đẹp đẽ vàng rực tự nhiên.

Sư thường cầu nguyện thấy được bảy vị Phật và tháp Phật Đa Bảo, trong lúc chiêm bao buồn vui lẫn lộn, Sư lễ bái khen ngợi, trong lúc Sư chọn còn thiếu, một điều nhỏ cũng không mất. Mỗi lần tụng hơn bốn ngàn biến. Khi sắp qua đời Sư bảo môn nhân như Nhã Thăng, v.v... xưng danh hiệu Bồ-tát Phổ Hiền, lát sau Sư tự nói: “Bồ-tát Phổ Hiền đến”, rồi nằm nghiêng bên phải thị tịch tại chùa Hưng Thiện, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Có vị tăng tên Đạo Nghệ trụ chùa Lầu Linh ở Dương châu, thường tụng kinh này (Pháp Hoa), mỗi khi tụng đến phẩm “Hiện Bảo Tháp” thì nghe trên hư không có mười mấy tiếng búng ngón tay. Từ đó, về sau Sư tinh tấn tụng gấp đôi lúc bình thường.

*** Thích Trí Tạng:** Ngài Thích Trí Tạng họ Phí, vốn là người ở Hạ châu. Xuất gia từ thuở nhỏ, trụ chùa Đại Hưng Thiện, mỗi khi tụng kinh Pháp Hoa tiếng hùng hồn thanh cao, khiến mọi người rất thích nghe. Sư

tụng rất nhiều, lấy một ngàn biến làm mốc, nên thường mệt tim ói ra máu qua mấy ngày liền.

Có vị Tăng Lý Mộ cũng ở trong chùa bảo Sư: Tôi nghe có bài thuốc gia truyền. Khi mệt tìm lấy ít nước tiểu hòa với bột thành hồ, uống sẽ lành. Sư trả lời: Tôi thề trong một ngàn lần cũng không lấy vật dơ bẩn để xông ướp vào kinh, dù cho đó là vị thuốc hay, nhưng hoàn toàn trái với chú nguyện đời trước. Đoạn Sư bèn quét dọn lau chùi phòng xá sạch sẽ, đặt bộ kinh lên bàn, đốt hương đi nhiễu xung quanh, rồi lễ lạy rất thành khẩn. Tối hôm đó, bỗng nhiên dường như nằm mộng thấy có một vị tăng Ấn-độ lấy nước hòa với bột thành hồ, trao cho Sư bảo uống. Sư bèn bưng lấy uống, chưa được phân nửa thì liền tỉnh giấc, lúc ấy tâm lực cũng khỏe lên gấp bội lúc bình thường, sau Sư thông suốt kinh điển hơn xưa.

Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ chín, một hôm có vị tăng ở Hạ châu là Pháp sư Thạch, nghe danh sư Trí Tạng tụng kinh bèn dâng cúng cho Sư ba cân bơ, để cúng dường đầy đủ, Sư chứa nhóm một món đồ. Ngày đầu Sư lấy muỗng bằng đồng múc ở chính giữa khoảng bằng trái đào, sáng hôm sau Sư đến múc tiếp bèn lấy bơ hòa lẫn và đông lại như dấu cũ lúc chưa múc. Do đó, từ mùa hạ cho đến mùa đông ngày nào Sư cũng lấy dùng nhưng vẫn y nguyên lại như cũ. Trong tâm rất vui, ngộ được vị đề hồ, từ đó đề ra ý kiến đến tháng tám, phân chia bơ lúc trước cho chúng tăng cùng ở chùa.

Thiền sư Linh Khanh Âm được nghe nói âm thanh đó và mỗi khi Sư ngửi thấy mùi hương là nghe tiếng búng ngón tay, thường được người khuất mắt, gọi bảo ngồi dậy, rồi từ đầu đến cuối tụng một mạch hơn một muôn biến. Nhưng vì cụ túc còn thiếu kém nên chẳng được thâm ngộ, Sư biết điều đó nên rất tiếc.

Vào ngày 23 tháng 11 niên hiệu Nghi Phụng năm thứ ba, Sư thị tịch tại chùa Tịnh ảnh, thọ tám mươi tám tuổi.

* ***Thích Hoằng Chiếu:*** Thích Hoằng Chiếu họ Cao, người ở huyện Cao Lăng, làm quan ở Ủng châu. Ông nội là người có đức hạnh, danh tiếng ở đời, làm chức quan nhỏ ở Bạc. Mẹ họ Trương tên Trâm Anh, người dân tộc Mậu.

Sư từ thuở bé đặc biệt đã có lòng tin sâu sắc, thái độ khác thường, tự nhiên cao thượng, Sư không bao giờ ném mùi vị hôi dơ, cũng chẳng thích xem trò vui chơi, để ý việc trần tục tại gia, tâm muốn xuất tục. Năm hai mươi tuổi, Sư theo hai vị thầy luật sư Thành và thiền sư Cơ

được cạo tóc, học theo hạnh của hai vị danh đức nổi tiếng ở ấp kinh, là bậc thượng thủ, nhân tài mẫu mực, vui vẻ thuận hứa. Do đó, Sư tụng kinh Pháp Hoa mấy tháng liền, mà tính tình ưa thích nơi vắng lặng, không vui với cảnh ồn náo. Sau đó Sư chọn đất ở Chung nam, xây dựng một cái cốc tránh những vướng bận ở thế gian, nương ngọn núi gần tảng đá và thệ tụng kinh một ngàn biến với tâm trong sáng như sương, âm vận tụng rất hay, du dương theo gió. Cảm ứng rất nhiều, người khuất mặt thầm đến giúp đỡ, bảo vệ. Hoặc việc công, tư, khó khăn lo lắng, kẻ đạo người tục vướng víu nhau, liền có con đại trùng kêu lên. Có người thường đến thăm hỏi.

Một hôm, bỗng nhiên tuyết rơi xuống dày đặc, bột chỉ còn khoảng một tháng nhưng ăn dùng hơn hai mươi ngày vẫn chưa hết. Chỉ do ở lâu nơi này. Người ta nghe thấy nên thường đến cúng thí rất nồng hậu. Sư cho rằng như thế là tổn da hại tủy, bèn cho bạn thân tín, rồi dời đến trụ Hàn sơn ở phía Tây nam huyện Ngạc. Lại tu theo nguyện xưa, đường đi rất hiểm trở dài xa hơn một trăm dặm, lại đều thuộc nơi thuận lợi nhưng không quên thuộc. Trước kia không có dấu vết nhưng thường có người mang thức ăn đến cúng, sau đó có người đến thăm viếng nhưng chẳng biết tung tích.

Một hôm, Nhị Đức và một cư sĩ đều kết am tranh, ở chỗ đó tự nhiên mọc lên ngôi sao sáng rỡ. Đồng thời Sư thấy một con rắn dài cả trăm thước, vặn vẹn năm màu, đầu cao hơn một trượng, bò thẳng đến chỗ am, cúi đầu thấp xuống lắng nghe Sư tụng kinh. Ban đầu, Sư hoảng sợ, run lập cập, không dám nhìn nó, Sư nhắm mắt tịnh tâm tụng kinh, âm thanh thường dừng, dần dần do lý cách tình, hơi được thấm nhuần. Do đó, khởi tâm từ bi, phát nguyện rộng lớn, chắp tay rơi lệ, thu âm thinh đến trọn bộ, con rắn từ từ bò ra. Từ đó về sau bò đến nhiều lần không thôi.

Sư mặc dù biết nó không hại, nhưng sợ mùi tanh hôi và hình dáng xấu xí của nó, ban đầu Sư lấy gậy đưa tay nó liền bò đi, sau đó Sư bảo Cư sĩ đuổi nói đi, ông ta bèn lấy dây cột vào cổ, dẫn đến nghiệp sâu nặng cột vào một cây cổ thụ.

Tối hôm đó, Sư và Cư sĩ mộng thấy một người nữ ôm mặt khóc lóc đến trước Sư thưa: Đệ tử là thần nữ ở núi này, tánh rất thích nghe pháp, thường dùng hình dạng dơ xấu can phạm đột nhập vào pháp chúng, nay bị đuổi đi, và cột vào gốc cây, từ biệt đi xa Sư, nên không được nghe tụng kinh Đại thừa, do lỗi này nên lấy làm tiếc.

Sư và Cư sĩ đều tự tỉnh giấc, lần lượt gạn hỏi nhau thì thấy các

điềm mộng giống nhau, nên nghi đã gây ra cái chết của con rắn, bèn thắp đuốc đến xem, quả thật việc xảy ra đúng như vậy. Cư sĩ kêu gào, khóc lóc dập đầu xuống đất thành tâm sám hối, tạ lỗi rồi đi đến chỗ xác chết của con rắn cùng nhau tụng kinh. Lại muốn thiết trai thỉnh một ngàn vị tăng, bèn ở bên am được mấy cái bánh bằng bạc, nên xuống núi mở hội vừa đúng, được chu toàn đầy đủ.

Một hôm, Sư đến một thân nọ, có người phụ nữ nghèo họ Lưu, thỉnh Sư ở lại để cúng dường. Sư mở lòng thương ở lại bảy ngày, vật thực của cô ta hết sạch, Sư liền muốn đi. Tín nữ hết lòng thỉnh Sư ở lại nhưng lại không còn của cải, đồ vật, bèn cắt tóc đổi lấy thức ăn cúng dường Sư trong bảy ngày, Sư lại muốn đi. Cô gái nghèo khóc lóc cố giữ Sư ở lại, do đó dừng lại không đi. Số tiền Tín nữ bán tóc đã dùng hết rồi, cô ta lo buồn thấu xương chẳng biết lấy đâu ra của để cúng dường Sư, thình lình cô ta lấy tay xoa đầu cảm thấy tóc mọc ra như cũ, ngạc nhiên vui mừng khôn xuể, cô ta bèn cắt tóc đem bán lại kéo dài thêm được bảy ngày nữa, tóc mọc dài ra như trước, qua ba lần cắt như thế. Sư cảm thấy ở lại đã lâu sinh ra sự phiền tổn càng nhiều, nên đắp y mang bình bát quyết định không chịu ở lại, Tín nữ bèn đảnh lễ và trình bày đầy đủ sự việc.

Sư nghe lời nói ấy nghẹn ngào không nói được, thương tiếc thầm trách bản thân được lòng tốt như thế, thệ mãi mãi trong sạch như trước kia. Lại đến núi Tố Ti ở Đồng châu lại tu tập như thường. Thời gian sau bỗng nhiên Sư không bệnh mà chết tại nhà ở trong núi. Cho nên bốn chúng ở chùa Cam Tuyền nhóm lửa thiêu Sư, sau khi cháy hết chỉ còn lại cái lưỡi đỏ tươi như lúc chưa thiêu.

Bấy giờ, vị trụ trì chùa Khánh Thiện ở huyện Hàn Thành do đó đồn khắp nhân gian, mọi người không tin có chuyện đó. Bèn cùng chúng tăng trong chùa các cư sĩ và người thế tục có hơn năm trăm người, chở mấy xe củi đốt lại mười lần nhưng màu sắc vẫn như cũ không thay đổi, mọi người đều sám hối và rất kính phục. Chiếc lưỡi đó được đựng trong một cái hợp thơm và được lưu truyền cúng dường.

* ***Lý tín:*** Không rõ người ở đâu có tiết tháo cao khiết thường giao du với Sư Hoằng Chiếu nắng mưa có nhau. Sau khi Hoằng Chiếu mất ông ngậm ngùi nhưng không đưa tiễn mà xếp hành lý về Nam, siêng tu thiền quán.

* ***Tỳ-kheo-ni:*** Không biết tên họ, là người ở huyện Côn sơn thuộc

Tô châu. Từ thuở nhỏ cô đã vào đạo và thường tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày tụng hai biến, trải qua hơn hai mươi năm, vị Ni này dung mạo rất xinh đẹp, người nào thấy rồi cũng nhớ nhung lưu luyến.

Đến niên hiệu Vĩnh Xương năm đầu, quan huyện họ Chu, sanh khởi tâm ác ngang nhiên đổ tội, nhưng tâm ý cô không phục tùng theo. Họ Chu bèn não loạn đại chúng trong chùa, phá phách làm tổn hại của thường trụ. Vị Ni không biết tính sao cho thoát được cảnh khổ này, tay cầm cuốn kinh bảo: Kinh Pháp Hoa này, sao chẳng linh nghiệm gì hết. Nói xong, cô liền đắp tịnh y vào điện Phật đốt hương phát nguyện.

Sau đó, quan huyện giả mượn lý do khác đến ngủ nhờ, trong lòng có ý khác lạ, bèn đến phòng Cô Ni. Lúc đang chuẩn bị đi thì bỗng nhiên cảm thấy nửa thân đau nhức cực kỳ, nam căn liền rơi rụng, toàn thân toát mồ hôi, liền phát bệnh hủi, lông mi râu tóc đồng thới đều rụng sạch. Quan huyện đau buồn sám hối, hối hận vô cùng, nhưng cuối cùng chẳng thuyên giảm.

Thích Pháp Tự ở núi Thạch thất đời Tấn Thục.

Thích Tăng Ẩn Giang Lăng đời Tống.

Thích Đạo Vinh chùa Nhuận Tâm ở kinh đô đời Tống.

Thích Tăng Tuân ở Cao Xương đời Tống.

Thích Tuệ Khánh ở non Lư sơn đời Tống.

Thích Pháp Trang chùa Đạo Tràng ở Kinh đô đời Tống.

Thích Tăng Phú chùa Bành thành ở Kinh đô đời Tống.

Thích Pháp Quỹ chùa Chỉ viên ở Kinh đô đời Tống.

Thích Tăng Phiên chùa Linh thứu ở kinh đô đời Tề.

Thích Pháp Ngộ ở núi Xương Phàn đời Tề.

Thích Tăng Hầu ở Hậu Cương thuộc kinh đô đời Tề.

Thích Tuệ Ôn, chùa Phổ Hoàng ở kinh đô đời Tề.

Thích Tuệ Thắng chùa Diên Hiền ở Chung Sơn đời Lương.

Thích Ngạn Tông ở Phiên kinh quán thuộc Đông đô đời Tùy (thường tụng bổn tiếng Phạm).

Thích Tuệ Viễn chùa Tịnh ảnh ở Kinh đô đời Tùy.

Thích Tăng Chiếu chùa Đơn lĩnh ở Thái sơn đời Ngụy.

Thích Đại Chí ở Cửu giang thuộc Lư sơn đời Tùy.

Thích Phổ Tế ở núi Chung nam đời Tùy.

Thích Trí Quả trụ đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông đô đời Tùy.

Thích Đàm Tuân chùa núi Bách Viêm ở Hoài châu đời Tùy.

Thích Huệ Di chùa Thanh Thiền ở kinh đô đời Đường.

Thích Tuệ Quận trụ chùa Sùng nghĩa ở Kinh đô đời Đường.

Thích Tăng Minh trụ chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai đời Đường.

Thích Tri Mạng ở Ngụy Trịnh đời Đường.

Thích Tuệ Viễn ở Đại Nguyên đời Đường.

Thích Thiện Tuệ chùa Tân Lương ở Ly sơn đời Đường.

Thích Thiện Nhân chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô đời Đường.

Thích Tào (không rõ tên) chùa Thanh thiền ở Kinh đô đời Đường.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam cốc Tuệ Tường soạn*

## QUYỂN 9

## CHUYỂN ĐỌC

Tỳ-kheo chốn Lan nhã ở nước ngoài.
Cao Tông Minh Hoàng đế ở nước Tề.
Lương Trung Tông Nguyên Hoàng đế đời Lương.
Thích Trí Viễn chùa Tố ở Cái châu đời Tống.
Châu Thứ sử Hạc Ngạn Vũ đời Tùy, Ngụy.
Ba Châu Thứ sử Tô Trường Thiếp đời Đường.
Lưu Hoằng Nhân huyện lệnh Gia Hưng ở Tô châu đời Đường.
Sa-di nước Tân-la đời Đường. Ông lão họ Tân ở Trịnh Châu, đời Đường
Cáp Xu ở chùa Thạch bích thuộc Tinh châu đời Đường.
Thích Pháp Mẫn chùa Bạch mã ở Lạc dương đời Đường.
Lưu Thời ở huyện Vạn Niên thuộc Ung Châu đời Đường.

Theo luận Đại Trí Độ: Thuở xưa, ở một nước nọ có vị Tỳ-kheo ở chốn A-lan-nhã thường đọc tụng kinh Đại thừa. Quốc vương nước ấy thường cạo trải tóc thỉnh Ngài đạp lên mà đi qua. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo bèn bảo nhà vua: Vị Ma-hoa-lư này tụng kinh không nhiều, tại sao bệ hạ lại cúng dường trọng hậu như thế.

Vua bảo: Một hôm, vào nửa đêm ta muốn gặp vị Tỳ-kheo này, bèn đi đến chỗ Ngài, thấy vị Tỳ-kheo đang ở trong hang tụng kinh Pháp Hoa, lại thấy có một người ánh sáng vàng rực cỡi voi trắng chắp tay đứng cúng dường ta đi tới, quay thân lại liền biến mất, không xuất hiện nữa. Ta bèn hỏi: Đại đức vì sao tôi đến thì người có ánh sáng biến mất?

Tỳ-kheo đáp: Vị này chính là Bồ-tát Biến Cát, tự phát nguyện

nếu có người nào tụng kinh Pháp Hoa, ta sẽ cỡi voi trắng đến dạy bảo dẫn dắt. Vì ta tụng kinh Pháp Hoa nên ngài Biến Kiết tự đến. Biến Kiết tức là ngài Phổ Hiền.

- Tề Cao Tông Minh Hoàng đế: Húy Loan, tự Cảnh Tê, tập trung tư tưởng tỉnh giác, đã lâu suy nghĩa ở Kỳ sơn. Rưới một trận mưa thấm nhuần chúng sinh trong ba cõi muôn vật.

Kiến tạo ngàn tượng vàng, viết tất cả kinh, trì sáu tịnh trai, thường tụng kinh Bát-nhã, xây chùa quy y, chiêu vời thiền tăng, thường tụng kinh Pháp Hoa, chịu đựng thời tiết lạnh nóng.

- Lương Trung Tông Nguyên Hoàng đế, húy Dịch, tự Thế Thành. Chứa nhóm việc lành làm niềm vui, gia đình có truyền thống về hạnh chí đức. Phụng thờ nhân tốt đời trước, có lòng tin sâu sắc, xây dựng hai ngôi chùa. Thiên Cư và Thiên Cung cúng dường cho một ngàn vị tăng, ở giảng nói Luận Thành Thật, học A-tỳ-đàm. Học tập bói toán với Diễm Sư, ở vị Trí Thượng tự tay họa tượng thánh và chép một ngàn danh hiệu Phật, tụng chú Dược sư, lại siêng năng cầu đến đảo châu báu, đảnh lễ thọ trì kế châu, chuyển sang đọc kinh Pháp Hoa, lấy làm nhiệm vụ thường ngày.

- Thích Trí Đạt là vị tăng trụ chùa Ích ở châu Tố, đức hạnh Sư rất được truyền tụng, lưu danh ở thế tục. Sư rất giỏi về kinh điển, bấy giờ Sư tụng kinh Pháp Hoa suốt hai mươi ba năm. Vào tháng 06, niên hiệu Nguyên Hy năm thứ ba đời Tống Sư bệnh và thị tịch.

Thân ốm nóng không hết, bèn kéo dài hai ngày, hơi thở vào dần dần trở lại đến sáng ngày thứ ba mới nói được. Sư tự nói: Lúc ta bắt đầu mê mệt thấy có hai người đều mặc khố vải màu vàng, một người đứng ngoài cửa, còn một người đứng ngay trước giường, bảo rằng: Thượng nhân nên đi, hãy bước xuống đất.

Sư đáp: Bần đạo thân thể yếu ớt, không thể bước đi được. Người này lại nói có thể đi kiệu, hãy đưa kiệu đến. Sư liền lên kiệu, ý thức bỗng nhiên không còn thấy mọi người trong nhà, đến khi lên kiệu mắt nhìn bốn phương rất rõ ràng, chỉ thấy cánh đồng hoang vu, đường đi rất gian nan nguy hiểm, chỉ bày con đường lên nhẹ bước theo sau, hai người kia đuổi theo, không được nghỉ ngơi. Đến một lầu son tường cửa rất đẹp. Sư vào đến dưới nhà thì trên nhà có một quý nhân. Chu Trách chuyên ngồi trên giường, dung mạo rất trang nghiêm, nhìn rất oai vệ, có khoảng một trăm binh lính thị vệ đứng hầu hai bên, đều mặc áo đỏ, đứng xếp thẳng hàng rất oai nghiêm.

Quý nhân thấy Sư bèn sửa lại dụng nghi, ngồi ngay thẳng bảo

rằng: Người xuất gia, tại sao để có nhiều tội lỗi như thế?

Đạt đáp: Từ khi biết được đến nay, chẳng nhớ đã gây ra tội gì?

Hỏi: Tụng giới mấy lần rồi?

Đáp: Khi mới thọ giới cụ túc, thật ra thường tụng giới, sau này bèn phế bỏ, hay giảng việc hằng ngày, ngày càng khinh lờn. Cho nên đối với việc tụng giới lúc đó có thiếu sót.

Hỏi: Sa-môn mà không tụng giới, việc này rất phi pháp, nhưng hãy tụng kinh đi.

Đạt liền tụng kinh Pháp Hoa ba lần thì bảo dừng lại, quý nhân đã sai người ghi chép tội.

Đạt rằng: Đáng tống đến chỗ ác, đừng để khổ lắm.

Hai người dẫn Đạt đi mấy mươi dặm, hơi nghe tiếng ầm ầm sang sảng phá tan vọt lên trời, mà đường phía trước càng tối. Lần lượt đến một cửa cao mấy mươi trượng, màu rất đen chắc, che cửa sắt, bức tường cũng giống như thế. Trong tâm Đạt nghĩ trong kinh nói địa ngục đúng là ở đây rồi, bèn kinh hoàng sợ hãi, hối hận lúc ở đời không tu hạnh nghiệp, bây giờ phải vào cửa này. Tiếng yếu dần thì thay đổi hình trạng, lâu lắm nghe được sự im lặng mới biết là âm vang do người này đang kêu gào. Trong cửa càng tối chẳng thấy gì cả, lúc đó có ánh sáng của ngọn lửa chợt tắt chợt đỏ, thấy mấy người cầm đinh ba đâm vào người đó, máu chảy như suối tuôn. Người đó thuở xưa chính là bá mẫu của Đạt, kia đây gặp nhau ý muốn nói chuyện với nhau nhưng có người vội kéo ra chỗ khác, chẳng rảnh nói được. Vào cửa khoảng hai trăm bước thấy có một vật hình dáng như mễ thùy, có thể cao hơn trượng, hai người bắt Đạt quăng lên trên thùy, trong đó có lửa, đốt cháy nát thân thể Đạt, nửa thân đều cháy rã, đau đớn không chịu nổi. Từ trên thụy rớt xuống đất bất tỉnh, lát sau hai người lại dắt Đạt đi, thấy có hơn mười chảo dùng chỉa ba đâm vào thân, hoặc có người vịn chảo bước ra thì hai mắt đột nhiên nổ tung, lưỡi dài ra hơn một thước, thịt nát rã hết mà vẫn chưa chết. Các chảo đều đầy người tội, chỉ còn một cái còn trống, hai người bảo Đạt: Thượng nhân ngay lập tức sẽ bị rơi vào chảo này. Đạt nghe nói, can đảm quỳ xuống đất, bèn van xin: May mắn cho bần đạo một lát lễ Phật, liền dốc lòng cúi đầu nguyện thoát khỏi cảnh khổ này, thành khẩn hối hận dốc lòng, hình trạng địa ngục trong khoảng bữa ăn liền nhìn sang bốn bên, chẳng thấy gì nữa, chỉ thấy cây cối tươi tốt bằng nguyên, phong cảnh xanh mát sáng sủa. Mà hai người vẫn dẫn Đạt đi đến dưới một căn lầu, hình dáng lầu cao mà nhỏ, trên có người quyết đoán đang ung dung ngồi bảo Đạt: Sa-môn chịu quả báo nhẹ, đâu nên vui mừng, Đạt ở dưới lầu, bỗng

nhiên chẳng biết gì nữa, tỉnh giấc trở lại thân bình thường.

- Bác Lăng Hạc Sản Võ, vào niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, làm chức Thứ sử ở Hàn châu đời Ngụy, nhân dịp đi bộ đến một ấp vừa vui mừng vừa ngạc nhiên, bảo người tùy tùng: Thuở xưa, ta từng làm vợ một người ở trong ấp này, nay vẫn biết chỗ ở của gia đình đó, bèn cỡi ngựa chạy vào ngõ đi tất trong làng, quẹo qua đường cong, đến một gia đình. Đầu tiên vào nhà, lên nhà trên, nhìn trên tường phía đông cách đất sáu, bảy thước có chỗ cao lớn, bèn bảo chủ nhân: Ngày xưa, ta đọc kinh Pháp Hoa và giấu cây trâm vàng ngũ hầu trong bức tường này, chỗ cao này là đúng rồi. Một tờ sau cùng cuối kinh Pháp Hoa quyển bảy bị lửa cháy mất văn tự, đến nay mỗi lần ta đọc kinh này, tới cuối quyển bảy đều quên mất không thể nhớ được.

Do đó bảo tùy tùng đục tường phía Đông quả nhiên lấy ra được hòm đựng kinh, khi mở nắp hòm ra ở cuối quyển bảy của kinh Pháp Hoa và cây trâm vàng đúng như lời ông ta đã nói.

Chủ nhân than khóc thưa rằng: Vợ tôi đã mất rồi nhưng lúc còn sống, thường ngày đọc kinh này, cây trâm vàng cũng là vật của vợ tôi. Nàng do sinh sản mà chết, bèn mất đi nguyên nhân, chẳng cho rằng khiến ông mới biết được chỗ ở.

Sản Võ bèn chỉ cội cây trước sân nói: Lúc ta sắp sinh tự cạo tóc trên đầuđể vào trong hốc cây này. Thử bảo người tìm trong cây xem có không? Quả nhiên tìm được búi tóc. Lúc ấy, chủ nhân mừng mừng tủi tủi. Sản Võ lưu lại y vật và ban cho chủ nhân rất trọng hậu rồi ra đi.

- Tô Trường chưa ai biết được nơi cư trú quê quán của ông ta, vào niên hiệu Vũ Đức làm chức sứ giả ở Đô thủy, ra làm Thứ sử ở ấp châu, dẫn theo số người trong cả nhà đi nhậm chức. Qua sông Hỷ lăng, lúc ra giữa dòng sông, sóng gió nổi lên, thuyền bị chìm có hơn sáu mươi người nam nữ, cả thuyền đều bị chết chìm, chỉ có một mình nàng thường ngày tụng kinh Pháp Hoa, nước đã vào trong thuyền, đầu nàng vẫn đội thùng kinh, thệ đều cùng nhau chết chìm. Khi thuyền đã bị đắm mà nàng vẫn không chìm, theo sóng trong chốc lát trôi giạt vào bờ, nàng bèn đội hòm kinh bước lên bờ, khi mở ra xem kinh trong đó vẫn không bị ướt bẩn.

Sau đó nàng được một người ở Dương châu cưới làm vợ, từ đó nàng càng dốc lòng tin hơn nữa.

- Lưu Hoằng Nhân, năm mười tám tuổi nhận học sinh ở Quốc tử cùng mười người đồng học. Ở chổ tướng sư, tìm cầu tướng lành dữ. Thầy bói tướng đều khắc định thời gian giàu sang nghèo hèn và số năm thọ mạng, báo cho Hoằng Nhân. Đến năm năm mươi mốt tuổi và ngày 11

tháng 04 năm đó chắc chắn phải chết.

Năm ấy, Hoằng Nhân ở huyện Lịnh ở gia hưng thuộc Tô châu. Trong số đó có chín người đều chịu họa phước không sai, đúng như lời thầy tướng đã nói. Và Hoằng Nhân mười tám năm đã đến sự lành dữ đều chiêm nghiệm, đến nay đúng năm mươi mốt tuổi. Tự nghĩ đã đến lúc phải chết, bèn đến Tô châu nói lời từ biệt với các quan liêu.

Lúc ấy, Hàn Vương Nguyên Gia làm Thứ sử ở Tô châu, hỏi ông lý do, Hoằng trình bày đầu đuôi câu chuyện. Vương dạy nên tu phước. Đến ngày 08 tháng 04 Nhân bị một cơn bệnh rất nặng, Vương thỉnh tăng ni các chùa chuyển dùm Hoằng Nhân một ngàn biến kinh Pháp Hoa và lại tụng cầu cho Hoằng Nhân một trăm biến, lúc đó toàn thân ông mồ hôi toát ra như mưa, bệnh cũng lành hẳn, bình phục lại như thường, tin tưởng biết rằng năng lực phước đức thật không thể nghĩ lường.

- Có một vị tăng già mất họ tên đã hơn tám mươi tuổi ở góc Tây Nam thị trấn Trịnh châu. Ông thường thọ trì kinh Pháp Hoa, chuyên tâm thanh tịnh từ ba mươi năm nay, tụng kinh mỗi đêm, ban đêm nhìn sáng như ban ngày chẳng cần đèn đuốc. Nếu ông buông quyển kinh ra thì sẽ thấy tối như thường, chẳng thấy vật gì cả.

- Nước Tân-la có người tên Kim Quả Nghị, sinh được một người con trai, từ nhỏ cậu đã được xuất gia và ưa đọc kinh Pháp Hoa, đến quyển hai làm lộn cháy mất một chữ. Năm lên mười tám tuổi thình lình bị chết yểu, đầu thai sinh chỗ khác trong nhà Kim Quả Nghị, cũng được xuất gia và cũng thích đọc kinh Pháp Hoa, đến quyển hai mỗi một chữ vừa hỏi đã quên.

Một hôm, nằm mộng thấy có người bảo "Tiểu sư đời trước, sinh trong gia đình Kim Quả Nghị tại một làng kia, cũng được xuất gia, lúc sống ở chỗ đó đọc tụng kinh Pháp Hoa lầm đốt một chữ. Do đó đời nay theo đó mà quên mất, kinh xưa hiện nay vẫn còn, Sư đi đến đó xem thử.

Bấy giờ, Tiểu Sư đi đến làng ấy tìm kiếm, quả nhiên có một gia đình đúng như trong giấc mộng. Nhờ hỏi dùm nhà ở của cha mẹ đời trước, y theo đó muốn biết, bèn tìm hỏi thăm bộ kinh thuở xưa, mới thấy quyển hai thật đúng có cháy một chữ.

Tiểu sư và cha mẹ đời trước mừng mừng tủi tủi, cả hai gia đình bèn kết tình thân, kia đây không hai. Đương lúc lời bàn đến tai Châu huyện. Châu huyện tâu lên triều đình, cả nước truyền nhau bài vịnh đến nay vẫn còn, năm ấy nhằm niên hiệu Trinh Quán.

- Có một lão tăng, không biết họ tên, Sư trụ chùa Thạch Tường ở

Tinh châu, lấy việc tu thiền quán làm sự nghiệp.

Cuối niên hiệu Trinh Quán, trên cây cột trong phòng có đôi chim bồ câu. Lão Sư thường cho chúng thức ăn dư, sau đó mặc dù chúng từ từ lớn, lông cánh mọc chưa đủ mà chúng đã học bay, cả hai chú chim đều rơi xuống đất chết. Vị tăng thấy vậy bèn chôn xác chúng và tụng kinh cho nó trong một tuần lễ. Một đêm, vị Sư nằm chiêm bao thấy có hai đứa trẻ đến báo: Chúng con vì đời trước có tạo ít tội nên thọ lầm thân chim bồ câu, đến nghe Sư tụng kinh Pháp Hoa và Kim Cương Bát-nhã. Nay đã được làm thân người, hiện giờ chúng con đang sống trong một gia đình ở làng nọ, cách chùa hơn mười dặm, đầu thai làm con trai, đã được hơn mười tháng rồi, hiện đang sắp chào đời.

Vị tăng theo điềm báo bèn đi tìm và gặp được gia đình này, có một phụ nữ sinh đôi hai bé trai vừa đủ một tháng tuổi, vị tăng gọi hai đứa trẻ: "bồ câu con", cả hai đứa bé đồng thanh đáp: dạ, sau tiếng "dạ" ấy, đến lúc chúng hơn một tuổi mới biết nói.

- Thích Pháp Nhãn họ Cao, Cao Khỏa Tằng Tôn làm Tề quốc công nước Tùy, tên tự là Lập Kính, còn gọi là Nguyên Thích.

Khi chưa xuất gia, vào niên hiệu Trinh Quán cùng người anh là Lập Giám học kinh Pháp Hoa, Bất nhã ở chùa Hóa Độ với vị tăng tên Minh Tạng Xứ, dường như khá thông thạo hiểu rõ. Sau đó Kính bỏ phế việc học và thói quen đó.

Vào niên hiệu Long Sóc năm thứ nhất, khi ra trận từ xa trở về, tháng giêng năm thứ ba đến đài để xem kỳ công thắng trận, lúc từ cửa Thuận Nghĩa đi ra có hai người cỡi ngựa đuổi theo quát: "nay bắt ngựa rồi".

Kính hỏi: Ông là ai?

Đáp: Ta là sứ giả của vua Diêm-la, đuổi theo để bắt ông.

Kính kinh hoàng sợ hãi, bèn cỡi ngựa chạy ra, muốn vào chùa Phổ Quang, sứ giả bảo: Mau vào chặn cửa chùa đừng để cho nó vào được sẽ tẩu thoát. Cho đến khi tới cổng chùa mới thấy một người cỡi ngựa đứng chắn ngang cửa. Kính lại chạy về hướng Tây định vào chùa Khai Thiện, cả hai cùng cỡi ngựa vào cổng, lúc ấy Kính sợ gặp nhau bèn theo đó tẩu thoát, định trở về nhà mình, nhà ở phía Đông chùa Hóa độ. Vì sợ đường xa bèn muốn vào làng có suối nước ngọt, nhưng ngay lúc đó một người đã đứng ở phía trước, còn người kia dùng nắm tay đấm Kinh, quỷ liền té xuống ngựa, sau đó quỷ nói: Người này rất nguy hiểm, mau kéo xuống, lôi đầu tóc, liền bị kéo tóc, như dao cắt thân thể.

Lại có một người mặc áo đỏ cỡi ngựa trắng. Dùng tay đấm vào

ngực Kính, ngay tức khắc Kính rơi xuống ngựa ngã lăn ra đất, hồi lâu mới tỉnh lại, như ngồi trong đá sương mù. Người nhà đưa kiệu trở lại, đến chỗ Hiểu Tô bảo: Thấy rõ vua Diêm-la. Vua hỏi: Vì sao ông lấy trộm trái cây của chúng tăng? Vì sao nói lỗi của Tam bảo? Bèn y tội trạng, không dám nói lầm lộn. Vua phán: Tội ăn trộm trái cây phải nuốt bốn trăm năm mươi viên, sắt nóng và chịu bốn năm như vậy mới hết. Còn tội nói lỗi Tam bảo phải kéo lưỡi ra cày, do đó bảo đưa lưỡi và kéo ra. Liền tỉnh lại và trong nháy mắt thấy một người đầu có hai sừng, cây gậy bằng một hoàn sắt trói tay chân Kính lại và ra lệnh phải nuốt tất cả viên sắt nóng. Người đứng bên chẳng thấy viên sắt, chỉ thấy Kính há miệng trợn mắt, toàn thân đỏ chói, hơi nóng xông lên cổ họng, nung nấu khó đến gần, trải qua một ngày, mới tỉnh dậy, nói: Đã được một năm rồi, nuốt hơn một trăm viên sắt, cái khổ đó không thể lường, qua bốn ngày như vậy, nuốt hết viên sắt, ngay tức khắc chính là hai chùa Hội xương và Hóa độ, đầu thành sám hối đến ngày mồng 03 tháng 03 lại sai sứ giả đến bắt đem đến trước vua, vua hỏi:

Ông phỉ báng Tam bảo, tội ấy phải kéo lưỡi ra cày.

Kính lại thấy hai người dùng kiềm kéo lưỡi ra dường như dài cả mấy trăm thước. Rồi thấy hai người, mỗi người cầm một lưỡi cày đột nhiên cày trên lưỡi, chánh án tra xét lại bảo rằng: Ông thường tụng kinh Pháp Hoa, Kim cương Bát-nhã, nhờ đó mà được sống lại. chính thân ông nhìn thấy trên lưỡi mình các chỗ như dao cắt, vì đọc hai bộ kinh cho lưỡi không đứt.

Sau đó, Kính nghĩ muốn nói sợ kinh hoàng than khóc, do đó bèn xuất gia pháp danh Pháp Tạng, tinh tấn cố gắng gấp bội hơn lúc thường, và trụ chùa Bạch Mã ở Đông đô, không biết mất lúc nào.

- Lưu Thời người ở phường Bình khang, huyện Vạn niên, đất Ủng châu. Vào tháng 06 niên hiệu Vĩnh Long năm thứ hai ông bị bệnh hai ngày và chết, kéo dài sáu ngày, hơi ấm chỉ còn trên ngực. Cả nhà đã chọn ngày tẩn liệm, nhưng chưa dám mặc áo liệm, đến sáng ngày thứ bảy bỗng nhiên sống lại nói rằng: Lúc đó ta bị một người dẫn vào ngôi thành lớn, có cung điện lầu quán tráng lệ lạ thường, thấy vua Diêm-la, vua bảo: Người hãy ghi lại đầy đủ các công đức lúc còn sống.

Ta bèn đáp: Lúc còn sống chỉ tụng được hai quyển kinh Pháp Hoa, ngoài ra không có công đức gì cả. Vua bèn ghép vào tội án nghiệp rồi cân nhắc: Hai quyển kinh Pháp Hoa nặng hơn tội án. Diêm-la tra xét tội án phán rằng: Người này lẽ ra được sống tới chín mươi tuổi và bảo quan xử án: “Tại sao ngươi bắt lầm người này tội lỗi quá lớn, nên thả

ông ta trở về”.

Nhờ đó mà ông sống lại, trải qua khoảng hai mươi ngày mỏi mệt mới lành hẳn. Sau đó bèn thọ giới, chẳng dám uống rượu ăn thịt nữa, tạo kinh Pháp Hoa chữ vàng hằng cúng dường đầy đủ.

■

# TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

*Sa-môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn*

## QUYỂN 10

## BIÊN CHÉP

* Thái Tổ Cao Hoàng Đế đời Tề.
Cánh Lăng Văn Tuyên Vương và Thế tử đời Tề.
Cố đệ tử Thích Đạo Siêu đời Bắc Tề.
Ni Luyện Hạnh ở Hà đông đời Tùy.
Cha con Tử Nghiêm Cung ở Dương Châu đời Tùy.
Khách Tăng Cứu bạn đồng học đời Tùy.
Em của không Đậu kháng đời Tùy.
Mã Hành người ở Bối châu đời Đường.
Thích Đàm Vận ở núi Tỷ Can đời Đường.
Kịnh Cô Nguyên Quỹ ở Ba Tây đời Đường.
Diệu Trí ở Lạc châu đời Đường.
Trần Pháp Tạng người ở Ung Châu đời Đường.
Cha con Tả bộc xạ Tiêu Võ đời Đường.
Thích Trí Diệp ở chùa Hoằng Phước đời Đường.
Hà Huyền Linh người ở Lạc châu đời Đường.
Lưu Lão ở huyện lương Nhữ châu đời Đường.
Họ Từ ở Lam Điền đời Đường.
Họ Ngô ở lang Tương đời Đường.
Thích Huyền Tế chùa Ngộ Chân đời Đường.

*****

* ***Thái tổ Cao Hoàng đế:*** Họ Tiêu, húy là Đạo Thành, tự là Thiệu Bá. Tư tưởng rất vui với chân thừa, tâm ở nơi đất báu. Từ lâu ông đã mau chóng ra khỏi nhà lửa thế tục, vượt hóa thành mà thẳng đến, độ tăng xây chùa, mở rộng cửa phước thiện, đúc tượng trì kinh, thường tu phước nghiệp.

Mỗi khi đến ngày rằm tháng bảy, khắp các chùa đều mang bồn sành đến cúng dường ba trăm vị tăng. Ngày rằm và mồng một vua ra lệnh trong nước không cho sát sinh. Còn lúc rảnh rỗi muôn việc vua tự tay chép kinh Pháp Hoa, trang nghiêm tài giỏi lạ thường, thường siêng cúng dường.

* ***Tiêu Tử Lương:*** Người ở Nam Lan Lăng, được phong làm Cánh Lăng vương. Niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ bảy đời Tề, Chí Thượng đem bốn ngàn đồng tiền đến chỗ Cánh Lăng Vương tổ chức Bát quan trai. Tâu với nhà vua: Hãy thỉnh vị Vân Phó, đây là người chân chánh xuất gia. Vua liền thỉnh Phó làm vị Thiện trị thức, cùng ông ấn tống một ngàn bộ kinh Pháp Hoa.

- Vương nằm mộng thấy một người hỏi rằng: Có muốn được phước hay không?
- Vương đáp: Muốn.
- Người ấy liền chỉ công đức trong nước.
- Vương lặn xuống nước mò được một quyển kinh Pháp Hoa, cảm thấy tâm vui mừng khôn xiết, là tượng trưng cho bên trong đã tắm gội sạch sẽ và tự tay chép một bộ kinh Pháp Hoa, một bộ kinh Quán Thế Âm.

Thế tử Ba Lăng Vương cũng tự tay chép một bộ kinh Pháp Hoa.

Phó lại nằm mộng thấy một người cỡi ngựa trắng ở trên hư không từ hướng Đông đi tới trao cho Phó phướn làm tin.

Đến cuối tháng tư niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ mười một, lại mộng thấy một người đem tới một quyển kinh và nói rằng: Có chỗ sai. Sáng mai gặp được bộ kinh Pháp Hoa, mở ra xem thử, bèn thấy ở phẩm Thọ Lượng quyển năm có một câu sai “Nhất trần Nhất kiếp”. Lúc ấy thu gom mấy mươi bộ kinh đều không có câu này. Liền nói suy ra nghĩa chính là chỗ cùng tột của kinh Pháp Hoa. Về sau mỗi lần Sư soạn kinh văn đều có con chim sẻ trắng bay liệng để ứng với điềm lành đó, về sau chẳng biết Phó mất lúc nào.

* ***Thích Đạo Siêu:*** Chẳng biết người ở đâu. Sư xuất gia trụ ở chùa

núi, quận Tề, sư lập hạnh thanh khiết, có người đệ tử tên xong, năm mười lăm tuổi tụng kinh Pháp Hoa được một quyển, thình lình bị bệnh mà mất.

Người đệ tử này vì có tánh siêng năng học tập và có thần thái, có tâm nhân hiếu thiên phú, được thầy rất yêu mến. Từ lúc đệ tử mất về sau sớm chiều thương nhớ. Cách quận Tề không xa có miếu Thái sơn, Đạo Siêu trong tâm nghĩ rằng: "Ta thường nghe nói người chết, thần minh chắc chắn phải đi ngang qua chỗ Phủ quân Thái Sơn, rồi mới được thọ sinh. U minh tuy cách trở nhưng có thành khẩn sẽ có cảm ứng, ta thử hỏi quân Thái Sơn, có khi biết được đệ tử sinh ở đâu. Do đó cầm tích trượng đi về sơn miếu, bày tỏ rõ ràng ý nghĩ của mình, ba lần cáo thần.

Chủ cây bỗng nhiên trả lời:

- Pháp sư giới hạnh đã tinh nghiêm thành kính, tâm càng kính trọng, sư hỏi việc gì, đâu dám không báo cho sư biết. Thần cây liền truyền lệnh cho thị thần một cây bảo gọi người chủ đến hỏi lý do. Thị thần đi vào phòng hai gian ở phía Đông, vào trong nhà gọi một người ra. Phủ Quân liền hỏi: Đệ tử quên tên nay ở đâu?

- Người này đáp: Còn bị ràng buộc trong đây, chưa được thọ sinh.

Đạo Siêu vẫn xin được gặp nhau, Phủ Quân liền bảo đi theo người này đến phòng hai gian ở phía Đông cách nhau khoảng hơn mười bước, liền gặp đệ tử, hình mạo, y phục vẫn rõ ràng như lúc còn sống. Thầy trò cảm động mà khóc, giây lâu thầy hỏi: Quả báo khổ vui như thế nào?

- Đệ tử đáp: Hiện nay vẫn còn bị trói buộc, cũng không có khổ vui, nhưng thọ sinh thì chưa quyết định, mau mau phải làm công đức để cứu giúp, nếu không có gốc lành, e sẽ đọa vào chỗ xấu ác.

- Sư hỏi: Làm phước lành gì để được trang nghiêm?

- Đệ tử đáp: Xin thầy tạo cho con một bộ kinh Pháp Hoa và cúng dường trai tăng một trăm vị.

- Sư nói: Việc này thầy làm được. Sau đó từ biệt đệ tử, lại gặp Phủ Quân, Phủ Quân hỏi gặp làm gì? Sư kể lại những việc cần làm như thiết trai, tạo kinh, v.v...

- Phủ Quân khuyên: Chốn u minh cái lớn lao là phải có công đức, sư nên mau về lo sắm cho xong, rồi đến gặp.

Sư nhân đó trở về bổn tự, liền chuẩn bị giấy bút thuê người chép kinh, đồng thời thiết trai cúng dường, khi công đức đã làm xong, sư trở lại chỗ miếu gặp Phủ Quân, kể lại những điều tu phước đã hoàn tất, đến

tìm đệ tử. Phủ Quân lại ra lệnh cho Thị thần gọi người chủ trước kia, người chủ đến, Phủ Quân liền hỏi: Đệ tử của sư có còn ở đó chăng?

- Người ấy đáp: Đã sinh về chỗ tốt đẹp rồi.

- Sư hỏi: Thọ sinh như thế nào?

- Người ấy đáp: Người viết kinh, viết chữ đầu tiên là chữ Diệu, nhưng mới viết xong bộ nữ, chưa kịp viết chữ thiếu, ngay lúc đó người kia đã thọ sinh.

- Sư lại hỏi: Hiện nay sinh ở đâu?

- Vị thần đáp: Sinh vào gia đình Vương Võ ở quận Tề. Đợi đến lúc người đó được hai, ba tuổi, sẽ đến đó hỏi thăm, tìm kiếm. Siêu ghi nhớ lời vị thần dặn dò, rồi từ biệt Phủ Quân ra về.

Ba năm sau, Siêu bèn đến nhà họ Vương, hỏi: Đàn-việt có trẻ nhỏ không? Bần đạo muốn gặp nó.

Gia đình này giàu có lại có tâm kính tin Tam bảo, nhưng xưa nay không có con xa gần ai cũng biết. Sau này mới có được một mụn con, bà con thân sơ cũng không báo tin cho biết, Vương quân từ chối kiêng kỵ chẳng nói có con.

- Siêu nói: Là đệ tử của bần đạo, đời nay sinh vào nhà đàn-việt, đã được ba năm rồi, vì sao không báo cho nhau biết. Do đó kể lại nguyên nhân đầu đuôi câu chuyện của Phủ Quân ở núi Thái báo tin cho biết.

Người mẹ của đứa bé đang ở trong phòng nghe được, bảo với cha bé: Pháp sư linh cảm như thế, làm gì phải giấu giếm, bèn ẵm đứa bé ra để ngoài ngạch cửa, cách Siêu mấy trượng, từ xa chạy thẳng đến ôm chầm lấy sư khóc kể hồi lâu và nói khi lớn tuổi sẽ xuất gia.

Sau đó, trở lại làm đệ tử của sư, tức là vào niên hiệu Khai Hoàn thứ mười lăm. Và từ đó cũng chẳng biết thầy trò sống được bao nhiêu năm và mất lúc nào?

* ***Tỳ-kheo-ni Luyện Hạnh:*** Người ở Hà Đông. Chẳng biết tên thật của Ni sư, chỉ thấy khổ hạnh khí tiết chuyên tâm, siêng năng sách tấn, không biếng nhác nên người đời gọi là Luyện, do đó mà có tên là Luyện Hạnh.

Ni sư thường tụng kinh Pháp Hoa, chí nguyện muốn sao chép, bèn hỏi thăm một người thợ viết về số tiền, trị giá để trả công gấp đôi. Ni sư bèn cất tịnh thất riêng, thờ bên trong rất trang nghiêm. Trải qua một thời gian sống trong đó. Mỗi khi thức dậy liền tắm gội, đốt hương xông y vẫn ở trong thất viết kinh. Đến đỗi đục một lỗ tường để thông ra ngoài rồi đặt thêm một ống trúc và bảo người viết kinh mỗi khi muốn thở ra,

liền ngậm ống trúc khiến cho hơi thở theo ống trúc bay ra phía ngoài tường. Chép tám năm mới xong bảy quyển kinh, cúng dường rất trang nghiêm tôn trọng, hết lòng cung kính.

Lúc ấy, có vị tăng tên Pháp Đoan ở Long Môn thường nhóm họp đại chúng giảng kinh Pháp Hoa, bèn đem bộ kinh với tinh thần định lực của vị ni này bảo mọi người hãy thỉnh xem. Ni sư cố từ chối không cho. Pháp Đoan trách ni sư như vậy là không được, bèn tự tay trao cho mọi người và Đoan cùng họ mở ra xem chỉ thấy giấy vàng, rõ ràng không có chữ nào cả, mở các quyển còn lại tất cả đều như vậy, mọi người đều hổ thẹn và kinh hãi liền đưa trả lại cho ni sư.

Ni sư buồn khóc nhận lấy, trở về dùng nước thơm rửa hòm kinh và tắm gội sạch sẽ, đảnh lễ đội trên đầu, rồi nhiễu Phật hành đạo, suốt bảy ngày đêm chẳng lúc nào nghỉ ngơi, xong rồi mở kinh ra xem thấy văn tự vẫn như cũ, v.v...

* ***Nghiêm Cung:*** Tự là Cận Thể, vốn là người ở Tuyền Châu, gia đình rất giàu, của cải dồi dào mà lại chẳng có anh em. Cha mẹ rất thương yêu Cung, chẳng bao giờ nói lời trái ý cha mẹ.

Vào niên hiệu Đại Kiến năm đầu đời Trần, lúc ấy Cung đã hai mươi tuổi, xin cha mẹ cho năm muôn đồng, đến chợ Dương Châu mua đồ vật, cha mẹ đồng ý cho. Cung chèo thuyền mang tiền đi Dương Châu, đi được mấy mươi dặm thì gặp một chiếc thuyền chở con ba ba sắp đem ra chợ bán, Cung hỏi thăm mới biết và nghĩ con ba ba này sắp chết, do đó xin chuộc bằng tiền.

- Chủ ba ba nói: Con ba ba của tôi rất lớn, riêng một con đã đáng giá ngàn đồng tiền.

- Cung hỏi: Có mấy con?

- Đáp: Có năm mươi con.

- Cung: Tôi chỉ có đúng năm muôn tiền, xin chuộc nó được không?

- Chủ ba ba vui vẻ nhận tiền và trao ba ba cho Cung rồi đi. Cung đem hết ba ba thả xuống sông rồi chèo thuyền thẳng đến Dương Châu. Người chủ ba ba khi bán xong từ biệt Cung đi được hơn mười dặm biển thì bị chìm thuyền chết.

Ngày hôm đó, cha mẹ Cung ở nhà, lúc hoàng hôn có năm mươi vị khách áo đen đến cửa xin ở trọ một đêm và trao cho cha mẹ Cung năm muôn tiền, nói: Con của ông ở Dương Châu nhờ đem số tiền này về, xin ông bà y lời dặn mà nhận tiền.

Cha mẹ Cung lấy làm lạ và ngạc nhiên nghi rằng Cung đã chết, cố gạn hỏi, khách đáp: Con ông không hề gì, chỉ vì chẳng cần số tiền này cho nên gởi đem về giùm mà thôi, cha Cung nhận tiền và nhớ là số tiền cũ đều bị thấm ướt. Khách ở lại, sau khi dùng cơm xong họ nghỉ ngơi, đến sáng hôm sau, thì từ giả ra đi.

Hơn một tháng sau, Cung trở về nhà, cha mẹ rất vui mừng và hỏi lý do tại sao gởi tiền về.

- Cung nói: Không có việc đó.

- Cha mẹ tả lại hình dáng của khách và ngày tháng giao tiền, đúng y ngày mà Cung chuộc các con ba ba. Do đó, mới biết được năm mươi vị khách đều là các con ba ba được chuộc, cha con kinh hãi tự trách. Từ đó, cả nhà ở Dương Châu siêng năng chuyên làm việc phước và thường tụng kinh Pháp Hoa. Khi tụng đến phẩm "Hiện Bảo Tháp" thì ngưng lại khen ngợi: Trong một ngôi tháp mà có hai Đức Như Lai, phân thân chư Phật số đó chẳng ít, như vậy tại sao nay ta không gặp được một vị Phật nào! Cảm khái hồi lâu.

Đêm đó, bỗng nhiên nằm mộng thấy có một vị tăng Ấn-độ tự xưng là Pháp Thoát, bảo Cung rằng: Nếu viết kinh này và làm Phật sự giảng nói, thì muốn thấy chư Phật, việc này đều sẽ được. Do đó, Cung chép một trăm bộ kinh Pháp Hoa, trong thời gian chưa lâu thình lình bị bệnh nặng, Cung thệ tạo một ngàn bộ và giảng năm trăm biến. Do đó, mở rộng phòng ốc làm nhà để kinh cho trang nghiêm thanh tịnh, thường có mấy mươi người viết kinh được cung cấp rất trọng hậu. Cho nên người đạo kẻ tục ở Dương Châu cùng nhau tôn sùng và cung kính đặt cho hiệu là Nghiêm Pháp Hoa, căn bệnh đó cũng đã lành, chí nguyện càng xứng đáng.

Có một lần nọ, Cung ở phía Bắc của nhà chứa kinh gặp một vị tăng rất kỳ lạ, khoảng tám mươi tuổi đến bảo Cung: Nghe nói ông viết kinh, xin thỉnh một bộ, lại nói chưa có phẩm "Đề-bà-đạt-đa", phẩm này có thể để sau phẩm "Hiện Bảo Tháp" được chăng? Bần đạo từ nước Quy-tư đến, nay phải đi núi La-phù được một bộ kinh, xin đội theo, nhưng xin để lại một túi vàng nặng ba mươi cân để chép kinh Pháp Hoa. Trong mùa hạ đến sẽ gởi vật tới. Lại dặn: Thấy chú trong phẩm "Phổ Hiền" thiếu một câu nên tìm chép vào cho đủ, nói xong liền lui ra.

Cung tìm ở sau quyển xem mà chẳng biết ở chỗ nào. Sau đó có Thiền sư Bảo Cung ở chùa Thê Hà đưa tới khoảng năm mươi quyển kinh Pháp Hoa, đã rách nát lẫn lộn bảo Cung phải làm lại, sắp xếp hoàn chỉnh và định lưu thông. Có một quyển thứ bảy là do Tống Ý đã viết

vào niên hiệu thứ hai mươi chín đời Tống, tra trong chú Phổ Hiền quả thật thiếu ba chữ "Bà-la-đế" là câu thứ mười sáu, từ đó về sau viết kinh vẫn y theo đó cho là đã đầy đủ. Cung có một người bà con quan biết vay một muôn tiền viết kinh, Cung chẳng được đã trao cho họ, người vay nhận tiền dùng thuyền chở về, đến giữa đường thuyền chòng chành mãi đến khi số tiền được vay đó rơi xuống nước mà thuyền và người không bị chìm.

Hôm đó, cung vào kho thấy có một muôn tiền bị ướt như mới lấy từ dưới nước lên, Cung rất lấy làm lạ. Sau này gặp người vay tiền mới biết tiền ướt là của người vay.

Đến mùa hạ năm sau có người tên Hầu Chí ở Lư Giang từ huyện Bà Dương đến hồ Cung Đình, thình lình gặp trận bão, phần lớn chủ và khách đều bị đắm thuyền, chỉ có một mình người chủ là ở trên thuyền, như được ai cầm tay dẫn dắt. Khi sóng gió đã hết, từ xa đi đến chỗ miếu, thấy có một vị thần thân cao hai trượng mặc áo giáp mang kiếm, một người hỏi Chí: Lúc bình thường đã gây ra tội gì, phải ghi chép tất cả cho thành thật. Chí đều trình bày thành thật không giấu giếm.

Lại hỏi: Có biết Nghiêm Cung in kinh Pháp Hoa ở Dương Châu hay không? Ta nay muốn gởi một muôn tiền vào công đức đó, người hãy trao lại giùm ta, nói rồi liền biến mất.

Chí chẳng biết số tiền đó ở chỗ nào ra, chỉ nhớ họ tên người gởi tiền là Nghiêm Cung. Vẫn thuận buồm xuôi gió, đi chỉ hai ngày thì đến huyện Đương Đồ, khi thuyền vừa cập bến bỗng nhiên có một người tự xưng họ Hứa đến tìm Hầu Chí bảo: Ngày tôi còn sống ở trần thế có ở Cối Kê, đến chợ mua của ông bốn xấp vải gấm, còn dư một ít nay muốn trả lại ông, bèn để lại một muôn tiền ép Chí phải nhận lấy. Chí nghĩ có sự liên quan giao thiệp nhưng không nhớ dư bao nhiêu, người ấy để lại tiền rồi bỏ đi, nên không biết chỗ đó, trong lòng Chí mới hiểu ra vị thần đó và người giao tiền này là một.

Khi đến huyện Giang Ninh, hỏi thăm Cung để giao số tiền và trình bày đầu đuôi việc trên, Cung vui mừng gấp bội, càng gia công tinh tấn, bèn phát nguyện tạo ba ngàn bộ và giảng một ngàn lần.

Sau có người tên Lý Trạm ở Giang Hạ thỉnh một bộ kinh đem về quê cúng dường, đến Tam Sơn gặp bão nên thuyền bị trôi dạt và chìm, bản thân Trạm cũng bị lênh đênh trên mặt nước suốt năm ngày, dân ở phường Tân Lâm bỗng nhiên nhìn thấy trên mặt nước, có mấy mươi con quạ cùng cắp một vật mà ánh sáng chiếu ra như mặt trời, theo dòng nước trôi xuống. Vì thế, dùng thuyền trống to hơn để ra vớt, vớt được

một cái hòm sơn. Khi lên bờ mở ra xem thấy không có một quyển kinh nào bị ướt cả, mọi người trong phường đem lên cho thứ sử Trương Hy. Sau khi Hy đã xem xét xong mới biết chính là kinh của Nghiêm Cung viết và giao trả lại nhà Cung, khi xem xét lại chính là bộ kinh Lý Trạm đã thỉnh.

Lại có người ở phủ Tề Vương quên mất họ tên, thỉnh một bộ kinh đem về nhà, khi qua sông gặp gió thuyền bị chìm, tiền của tài vật đều mất hết, chỉ có ông ta và một hòm kinh Pháp Hoa là còn, theo cơn sóng trôi lênh đênh trên sông nửa ngày. Dường như có ai giữ gìn, sau người ta vớt lên được và xem xét chẳng có một quyển nào bị hư hoại, thấm ướt, bèn giao lại cho gia đình Cung. Sau khi xem xét biết được là bộ kinh do người ở phủ Tề Vương đã thỉnh.

Một hôm, Cung ra chợ mua giấy, gặp lúc thiếu tiền, chợt gặp một người cầm ba ngàn đồng tiền trao cho Cung và nói: Giúp ông mua giấy bút, nói xong thì người đó biến mất. Những chuyện như thể chẳng những xảy ra một lần mà rất nhiều lần.

Vào cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Cung mất, con cháu truyền nhau sự nghiệp của ông.

Thời Tùy, Lý có giặc trộm đến Giang Đô, đều bảo nhau chớ vào làng của Nghiêm Pháp Hoa, nhờ vậy mà người cả làng hoàn toàn được bình yên. Tính ra Cung chép tất cả hơn hai ngàn năm trăm bộ kinh Pháp Hoa.

* ***Có một người họ Thích:*** Không rõ tên gì, vào niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, vị ấy đến một cái miếu ở Thái Sơn xin nghỉ trọ qua đêm. Người giữ miếu bảo: Ở đây không có nhà riêng, chỉ ở dưới gian chánh giữa thờ thần miếu là có thể nghỉ được, nhưng người đến ở trọ này đều bị chết. Vị tăng nói: Không sao! Khiến bất đắc dĩ phải cho. Sau đó trải giường ở sau gian chánh, ban đêm vị tăng đến ngồi ngay thẳng tụng kinh. Khoảng canh một thì nghe trong phòng có tiếng vòng ngọc bội, giây lát vị thần xuất hiện đảnh lễ vị tăng.

- Vị tăng hỏi: Nghe nói người nào đến đây ngủ trọ đều bị chết, có phải đàn-việt làm hại chăng? Xin được che chở.

- Thần đáp: Gặp lúc giờ chết của họ sắp đến, nghe tiếng đệ tử, do đó bản thân họ sợ hãi mà chết, chẳng phải đệ tử giết. Xin thầy chớ lo ngại, vị tăng mời ngồi, nói chuyện như người, lát sau vị tăng hỏi: Theo truyền thuyết dân gian nói án quỷ Thái Sơn là có hay chăng?

- Thần đáp: Đệ tử phước mỏng nên có, đâu muốn thấy người mất

trước ư!

- Tăng: Ta có hai người bạn đồng là học tăng đã mất trước đây, xin cho ta gặp họ. Thần hỏi họ tên gì và cho biết một người đã thọ sinh ở dương gian, còn một người hiện đang còn ở trong địa ngục, tội nặng không thể gọi đến đây được, cùng thầy đi tới đó mới gặp được.

- Tăng rất vừa lòng, do đó cùng đứng dậy mở cửa ra, đi đến một nơi không xa lắm, thấy nhiều gian ngục ánh sáng lửa rất mạnh. Thần dẫn vị tăng vào một ngôi nhà, từ xa đã nhìn thấy một người đang ở trong lửa kêu gào không thể tả xiết, hình dáng thay đổi chẳng thể nhận biết, mà máu thịt đỏ như ngọn đuốc và hôi thúi, khiến cho người rất thương tâm. Thần thưa: "Ở đây". Thầy có muốn nhìn lại chăng? Vị tăng buồn rầu đau xót xin trở ra. Trong chốc lát liền đến miếu, lại cùng ngồi với vị thần, nhân đó hỏi: Ta muốn cứu bạn đồng học có cách nào chăng? Thần thưa: Có thể được, nên vì người tội chép kinh Pháp Hoa sẽ khỏi nạn ngay.

Trời sắp sáng vị thần từ giã tăng vào nhà. Sáng ra người giữ miếu thấy vị tăng không chết lấy làm quái lạ. Vị tăng do đó kể lại câu chuyện vừa rồi và liền vì bạn chép một bộ kinh Pháp Hoa rất trang nghiêm vừa hoàn tất, lại đem bộ kinh đến chỗ miếu và ngủ qua đêm. Tối hôm đó, vị thần xuất hiện như lúc trước, vui vẻ lễ lạy và hỏi thăm mục đích của thầy đến đây.

- Vị tăng dùng câu chuyện đó trả lời, thần đáp: Đệ tử biết rồi. Thầy vi bạn chép kinh, lúc mới chép được đề mục, thì người kia liền thoát khỏi địa ngục, đã thọ sinh lâu rồi, hiện giờ không còn ở trong địa ngục nữa. Nhưng chỗ này không được sạch sẽ, chẳng nên để kinh, xin thầy hãy đem bộ kinh này về chùa. Nói chuyện đã lâu trời sắp sáng, thần từ biệt thầy mà vào. Vị tăng đưa bộ kinh về để ở chùa.

- Tư Không Trần Dung Công Đậu Kháng, sớm đã ra làm quan, túc duyên biết được đảo châu báu. Tuy quý trọng vô cùng nhưng vẫn vui lòng giúp đỡ, mà lắng tâm nơi Diệu giác, bèn xả tịnh tài để xây dựng chùa Tĩnh Pháp, thay nhau trang nghiêm đem cái đẹp về cõi trời.

Người em tên Liêm của ông bị nạn hành quá độ về sắc dục, chí vô cùng nơi đường ác, kình vì cha đã chết là An Phong Công, mẹ đã chết là Công Chúa Thành An, còn ông thì tôn kính viết hai bộ kinh Pháp Hoa và Kim Cương Bát-nhã, là khéo suy tư tinh thần, chốn u tình độc ngộ. Mỗi khi hoa sen sắp nở, ông tắm gội thân thể y áo sạch sẽ trắng như tuyết, đích thân xuống ao hái hoa và lá sen trắng phơi khô rồi ép làm giấy. Trang trí đạo tràng, đích thân viết chép, chính tim lấy máu

làm mực. Việc này cứu giúp mọi người xưa nay, thiên ý phần đông báo điềm lành.

Mà người em ganh ghét làm tổn hại ngăn cấm, cẩn mật không cho truyền ra bên ngoài, khiến cho đời sau không nghe biết đến, thật là đáng tiếc! Bộ kinh đó được giữ gìn như một kho báu, hiện nay vẫn còn.

* ***Mã Hành:*** Người ở sông Lạc thuộc Cụ Châu, cha mẹ đều đã mất, bèn dựng túp lều tranh ở bên mộ và xây mộ lớn thành ba ngôi, đều đích thân ông vác đất, đến ba năm mới hoàn thành, cảnh trí vừa cao vừa dốc, ai thấy cũng đều thán phục. Mỗi khi nghỉ lại đêm trong túp lều, thường có con rắn trắng lớn bò lên nằm trên nóc lều, thông đầu xuống sát cửa. Nếu muốn ra vào con rắn liền thụt đầu lại để tránh đường đi, nó hay làm như thế, nên chẳng ai dám đến xâm hại ông, dáng vẻ như giữ gìn bảo vệ ông.

Sau đó, có một con chó sói màu trắng cũng thường hay qua lại nằm bên túp lều. Đến khi xây dựng ngôi mộ hoàn tất, thì ông lại suy nghĩ: Mặc dù ta vì cha mẹ đã xây dựng xong ngôi mộ này, nhưng chưa vì vong linh cha mẹ mà tu tạo công đức. Do đó phát nguyện chép kinh Pháp Hoa để giúp cho linh hồn có lối thoát, bèn ở chỗ sạch bên ngôi mộ rưới nước thơm dưới đất và chọn lấy hạt giống tốt gieo vào đó. Khi nó nẩy mầm lớn lên, ông cũng thường dùng nước thơm để tưới tẩm, nuôi dưỡng. Cho đến khi mọc lớn lên thành cây cổ thụ, ông bóc lấy vỏ cây theo đúng phương pháp chế tạo thành giấy, cũng hòa nước thơm với bùn xây một căn phòng ở bên mộ và mời một thư sinh đến chép kinh, giữ gìn sạch sẽ ăn chay, mỗi khi ra vào đều thay đổi y phục. Vẫn cúng dường bốn thứ (thuốc men, cơm nước, áo quần, giường nệm), chẳng để thiếu thốn.

Lúc kinh chép xong, nhưng chưa có trang nghiêm bèn bọc trong ba lớp giấy đặt trên tường trong phòng nhỏ. Nửa đêm hôm đó thình lình trời mưa to gió lớn kéo dài đến sáng. Phòng trên bị mưa gió làm hư hoại, cỏ cây đều bay sạch, đất bùn sâu xuống mấy thước, chỗ để kinh cũng mất. Qua hai ngày sau nước đã cạn, nhặt được quyển kinh đã viết nằm dưới nước. Chỉ ướt một lớp giấy ở trên, đến lớp thứ hai sạch sẽ khô ráo chẳng có chỗ nào bị rách ướt dơ bẩn.

Lúc mới mất bộ kinh này, ông kêu gào buồn rầu áo não, ngày đêm khóc lóc thương tiếc, đến lúc tìm được quyển kinh vẫn còn nguyên như cũ, ông vui mừng khôn xiết, như được vật báu chưa từng có, thường

cúng dường để được trang nghiêm thành tựu.

* ***Thích Đàm Vận:*** Người ở Định Châu, đã bảy mươi tuổi, vào cuối đời Tùy bị sơ tán loạn lạc, nên Sư ẩn tu trong núi Tỷ Can ở Ly Thạch và thường tụng kinh Pháp Hoa, lại muốn chép bộ kinh này nhưng chẳng có người cùng chí nguyện. Nuôi dưỡng chí nguyện một năm như thế, bỗng nhiên có một thư sinh chẳng biết từ đâu đến nói rằng: Lòng con thanh tịnh có thể cùng Thầy làm việc đó.

Vì thế, sáng mai ăn cơm xong vào tắm rửa, mặc y phục sạch sẽ, thọ giới bát quan trai, ngậm dầu thơm đốt hương, lặng lẽ an nhiên mà ghi chép đến chiều mới được ra, đến hôm sau cũng làm như thế và không hề nói mỏi mệt. Cho đến khi kinh được chép xong, đúng như pháp mà đích thân thờ phụng, lúc đưa ra cửa như vậy cũng không được nhìn thấy, cho đến khi trang hoàng đúng pháp như hình vuông. Thì văn mới được thọ trì, đọc tụng, mỗi lần một biến, đầu tiên dùng nước thơm rửa tay, không được phế bỏ chút nào.

Sau này gặp giặc Hồ, bèn đựng kinh trong một cái rương để trên núi cao. Qua một năm nạn giặc được yên, sư bèn tìm mà chẳng thấy, kiếm khắp nơi mới tìm thấy ở dưới ngọn núi, cái rương bị cũ mục hư nát, nhưng kinh vẫn còn mới đẹp.

* ***Linh Hồ Nguyên Quỹ:*** Là người kính tin Phật pháp, muốn chép kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cương Bát-nhã.

Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm, ông làm chức Huyện lệnh phía Tây ấp Long Châu, không tự xem xét, phải nhờ Thiền sư Đương Thổ Nguyên xem xét giùm. Sư Nguyên bèn ở tại chùa đúng như pháp thanh tịnh chép kinh xong. Đến mùa Thu trở về chỗ Kỳ Châu Trang, viết được kinh ở lại nhà Trang và năm ngàn đồng Lão Tử, cùng ở một chỗ. Thình lình bị lửa bên ngoài thiêu đốt, cả nhà bị che phủ, ngay tức khắc tro mênh mông, mọi người thay nhau dọn sạch tro tìm lấy cuốn kinh bằng đồng mạ vàng. Đã dọn sạch sẽ bên ngoài, các bộ kinh trong đó vẫn nguyên vẹn như cũ, màu vàng chẳng thay đổi, chỉ có cái rương đã cháy thành tro. Sau lại tìm Lão Tử thì cũng đã hóa thành tro. Cả làng than thở lấy làm lạ, khen ngợi vịnh thành bài thơ:

*“Kim Cương Bát-nhã một quyển*
*Tên đề đã bị cháy đen*
*Hỏi ra mới biết lý do,*
*Chính lúc đầu tiên đề kinh*

*Người đó vì viết mau gấp*
*Chẳng được thanh tịnh cho lắm*
*Biết ngay lúc ông lập đề*
*Do đó đã bị đốt cháy”.*

Quỹ lúc đó nhậm chức ở Bằng Vực, nghe nói rất kinh ngạc vui mừng, càng tăng thêm lòng tin.

* ***Trương Vạn Phước:*** Vào giữa niên hiệu Trinh Quán, làm Thứ sử từ Tấn Châu đổi lên thành Thứ sử Lạc Châu, vì ông ta rất dữ dằn hung ác, không thể nào có tâm kính tin. Lúc đầu đến chỗ nhậm chức, hỏi thăm xung quanh xem bên trong chúng tăng có đức hạnh gì?

Mọi người trả lời: Ở Quách Hạ có một vị ni tên Diệu Trí rất tinh tấn, lại viết một bộ kinh Pháp Hoa và thọ trì cúng dường đúng pháp. Nhờ nhân duyên như vậy mà cả làng được vinh sự thơm lây.

Lúc ấy, Phước hỏi loại kinh này cần dùng bao nhiêu vật dụng để tạo thành.

Đáp: Thấy ni sư này dùng một ngàn trăm năm đoạn vật.

Vạn Phước rất kinh ngạc, hỏi: Kinh Hạ rất giỏi tự tay viết, chép xong một bộ chỉ có thể tốn đúng bảy, tám đoạn, vì sao lại dùng nhiều vật đến như thế? Thử mượn quyển kinh ấy đến cho tôi xem. Ni sư nghe nói Thứ sử xin kinh bèn từ chối không cho, vì sợ ông ấy giữ gìn không được sạch sẽ, lại chưa có chay tịnh.

Vạn Phước nghe nói nổi giận lại sai người đến, ni sư không dám giữ lại, liền trao nước nóng thơm cho sứ tắm gội và mặc áo mới, khi mặc xong mới giao kinh cho.

Khi Vạn Phước đã được quyển kinh rồi, chẳng chịu rửa tay bèn giở kinh ra xem, bên trong quyển kinh giấy vàng hoàn toàn chẳng có một chữ nào. Vạn Phước nổi cơn thịnh nộ quát mắng: Con mẹ yêu quái già này, không thể nào chịu nổi, liền ra lệnh cho người hầu bắt ni tới. Sứ giả đến báo cho ni biết, trên kinh của sư chẳng có chữ nào, làm cho sử quân nổi giận bảo tôi đến bắt ni sư về.

Vị ni sư rất lo sợ, chẳng biết lý do gì, toát mồ hôi ướt đẫm cả thân, liền theo sứ về phủ. Khi đến chỗ bức tường chắn vào nha môn của Thứ sử, Ni sư thấy hai vị thần Kim cương tay cầm chày gỗ hình như đang trao cho ni sư, ni sư liền cảm thấy an tâm, đi thẳng đến trước mặt Thứ sử. Còn bộ kinh đó ở giữa hư không hóa thành chữ vàng, Thứ sử thấy ni sư đến đồng thời nhìn thấy hai vị thần Kim cương và bộ kinh chữ vàng ở trên hư không, cảm giác rất kinh hãi sợ sệt bèn đứng dậy chạy vào

phía sau sảnh đường, kêu gào khóc lóc thảm thiết tạ tội, xin lễ bái sám hối và hồi tâm kính tin, rồi phát nguyện sẽ viết một ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Lưu hành khắp mười phương, cúng dường, nhưng bản thân vẫn thọ trì chẳng dám biếng nhác. Bèn hỏi ni thứ lớp tạo tác kinh như thế nào?

Ni đáp: Lúc muốn làm kinh, trước phải trồng cây ngũ cốc trong núi, thường dùng nước thơm tưới bón, để cho thấm nhuần sinh trưởng. Sau khi đã thành cây to, chuẩn bị dùng nước thơm hòa bùn xây phòng giấy, phòng giấy xây xong mới bóc vỏ cây, mời thợ giỏi đúng như pháp lấy nước sạch để tạo thành giấy, tức phải tìm tòi hỏi thăm mới có thể giữ cho kinh sạch đẹp, bất luận công vụng về và quý tốn tiền bạc, trải qua ba năm mới tìm được người như vậy.

Sau này có một nhân sĩ ở Giang Nam ứng mộng tìm đến làm người viết sách, thư sinh đó ở trong nhà kinh, lại dùng nước sạch hòa với bùn, thanh tịnh xây cất phòng. Khi phòng đã xây xong, thư sinh mặc y phục mới sạch, trước khi chưa viết kinh chuẩn bị giữ gìn trai giới thanh tịnh trong bốn mươi chín ngày. Mỗi lần ra vào xong đều thay đổi y phục, tắm gội sạch sẽ, xong mới đến viết.

Lúc viết, ni sư tay bưng lư hướng quỳ gối cúng dường trước kinh, thư sinh nghỉ viết thì ni mới nghỉ. Nếu ban đêm thư sinh nghỉ thì ni cũng thức một mình đốt hương đi nhiễu xung quanh, như thế chẳng thiếu sót. Khi kinh chép xong và được sửa chữa trang hoàng, ni sư bèn may áo bốn màu cho tăng ni, nam nữ mỗi thứ một bộ, để mỗi khi có người đến mượn kinh, hoặc đọc hoặc tụng tại chỗ, người viết kinh chuẩn bị sạch sẽ trong bảy ngày, phải mặc áo mới, rồi mới trao kinh cho. Cung kính như thế thường chẳng để thiếu sót, mọi người gần xa ai cũng tôn sùng kính ngưỡng. Lợi ích rất lớn, nhờ nhân duyên này mà Thứ sử quy hướng, người người đều lấy kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp.

* ***Trần Pháp Tạng:*** Người ở Phách Khúc, huyện Vạn Niên đất Ủng Châu, bản thân làm nghề cung cấp các cổ tiệc. Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười tám, ông ở Thượng Phiên, Lạc Châu, sau khi người vợ qua đời bèn rời Hạ Phiên đi hỏi đạo, cách thôn cũ khoảng hơn mười dặm. Giữa đường gặp người vợ đã mất, cô ta nói: Nay tôi chết rồi, đã được mấy ngày. Trong chốc lát Tạng chợt thấy tám, chín nhà như nhà người nghèo. Tạng ngồi trong một gian phòng lợp cỏ tranh. Lát sau vợ ông bị gọi dắt đi Tạng theo sau xem thử, thấy vợ ông bị ngưu đầu ngục tốt dùng xoa sắt xâu lại, bỏ vào vạc nước sôi, thịt xương tan nát, rút cây trâm ra thì sống lại, làm bảy lần như vậy rồi, thả lại cho gặp nhau,

hình dung rất xấu xí. Bảo với Tạng: Tôi làm vợ sau cho ông, người phụ nữ trước tự chết chẳng phải thiếp hại, trong áo xiêm của chàng có năm trăm đồng và trong nhà có một con trâu, cộng lại có thể được một ngàn năm trăm đồng. Đến nhà Ý-a-bà, cố gắng vì thiếp, viết kinh Pháp Hoa cho thiếp được thoát cảnh khổ này. Đem những lời nói này của thiếp đến xin hỏi ý kiến A-ba.

Tạng trở về bàn bạc với mẹ bán trâu hợp lại đúng y một ngàn năm trăm đồng, liền gọi người viết kinh đến và mua giấy. Khi viết xong Tạng lại tìm đến chỗ ở của vợ, ông mới gõ cửa thì từ trong nhà vọng ra tiếng trả lời: Người vợ mới của ông, hôm qua lúc ông đang mua giấy cô ấy liền sinh lên cõi trời ngay tức khắc. Ông rất kinh ngạc và vui mừng, càng tăng thêm lòng tin, nên phụng thờ rất chí thành, mỗi khi được tài lợi thường đem mua giấy chép kinh Pháp Hoa.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười chín ông xây chùa Hưng Thiện, giúp quan hành đạo, đầy đủ cho chư tăng.

* ***Tiêu Vũ Tông:*** Quốc Công Tả Bộc Xạ là người rất tôn sùng Phật pháp, bèn ở ranh giới huyện Lam Điền, ở Ủng Châu, xây dựng ngôi Già-lam. Mời Đại đức bốn thứ cúng dường, tâu lên xin đặt hiệu chùa. Ông đặt tên chùa là Tân Lương. Võ tuy rất quý trọng nhân thần. Địa vị đã lên chức quan Thái phụ, nhưng thường trì trai giữ giới và tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một thời, được Sơn Nạp cho đắp ca-sa, ở trong tinh xá hành đạo, sám hối lễ bái. Ăn uống giống như chư tăng và ngồi ở cuối sau Sa-di. Xả bỏ châu báu tền của lo các việc giấy mực để chép một ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Được cùng tột nghĩa lý mầu nhiệm, khi viết chép kinh sách thanh tịnh đốt hương thơm khiết.

Nếu có người muốn thọ trì phải hết lòng thỉnh ba lần, mới được trao kinh cho. Ở ngoài cửa chánh giữa đặt một hòn đá vuông màu xanh, mỗi khi người đến thỉnh kinh phải đứng trên hòn đá này. Võ đích thân bừng hòm kinh đội trên đầu và trao cho người đó. Tất cả những người đến thỉnh kinh Võ đều ghi rõ họ tên và mỗi ngày lạy một lần, Võ rất kính pháp trọng người như vậy.

Trong Phật đường nhà của Võ, một hôm xá-lợi hiện đầy khắp, mọi người chia nhau thỉnh về cúng dường, bỗng nhiên tự biết mất, xá-lợi trở về lại nhà của Võ, triều đình và dân gian ở kinh đô đều biết cả. Tử Duệ được phong Tương Thành Công chức phụ Mã Đô Úy (một chức quan đời Hán), nối tiếp chức tước của cha là Tống Công. Diệu nghiệp Trinh quán vốn làm quan nhưng tính điềm đạm quả quyết, có đại lượng.

Khéo viết chữ lệ bức hoành chùa Tân Lương là chứng tích kia. Xây dựng đại tượng, điện Phật, lại chép một ngàn bộ kinh Pháp Hoa, thường làm lợi ích cho phủ Trường Lại.

Trong Châu có ao cá nhiều đến mấy muôn con, các quan liêu trong phủ thường hay bắt lấy. Nhuệ vốn có lòng nhân từ bảo các quan: Thân Cá tuy hèn, nhưng hình mạng đều đồng nhau, nó cũng đau xót tâm can, vì ngon miệng no bụng ta thật không nỡ làm như vậy. Nhuệ nay thường hay mua chuộc để thả và xin các ông hãy nghe theo, ân huệ giáo hóa đã ban hành ai mà chẳng mến phục vui vẻ nghe theo.

Các chùa nếu có thuyết giảng ông liền đến nghe, theo chúng tăng cuốc đất, tăng muốn thiết sàng, nhưng không chịu nhận tiền. Kế đến là còn làm Thứ sử ở Lợi Châu. Kỷ phủ pháp Tào và tụng kinh Pháp Hoa, lúc ấy giảng về nghĩa sớ của cha Võ.

* ***Thích Trí Hoa:*** Người ở Giang Châu, ban đầu xuất gia trụ chùa Tây Lâm ở Lô Sơn. Tánh tình Sư cao thượng, nói năng nhã nhặn rộng lượng, khác phong cách bên ngoài hữu vật, dung mạo rất đẹp, công phu chuyên đọc kinh, tiếng tụng từng âm vận thanh nhã thông suốt, tụng mấy quyển cũng không thấy mệt.

Đời Tùy, Sư đến Nhật Nghiêm, nhà đường mời trụ chùa Hoằng Phước, pháp tịch ở kinh đô, tiếp vũ liên hoàn, không có người, ai cũng gởi cho Sư, tuy làm quan Hàn lâm coi việc viết chép, nhưng lại rất thích Phước Môn, mỗi ngày tự sách tấn mình phải viết năm trang giấy kinh Pháp Hoa. Đã lớn tuổi nhưng sự nghiệp tu hành không biếng nhác, được ngoại lợi liền chép kinh Pháp Hoa, tự tay sư viết được hơn hai ngàn bộ. Ngày qua đời ngồi xếp bằng trên giường thị tịch, có mùi thơm đầy khắp nhà, thọ tám mươi tuổi.

* ***Người Lạc Dương đất Lạc Châu, tên Hà Huyền Linh***: Niên hiệu Long Sóc, qua đời ở kinh đô. Khi xuống âm ty được cho làm Chủ bạ, (coi về sổ sách). Niên hiệu Lân Đức, có người cùng làng với Linh sau khi chết xuống âm phủ, hai người gặp nhau. Linh hỏi người làng: Vì sao ông xuống đây?

- Đáp: Bị đuổi đến đây.
- Linh: Ta thấy án chủ giữ ông lại, oan uổng lắm, hãy thả ông trở về đi.

Lúc người trong làng từ biệt, Linh sắp đi ra mới nhìn thấy một lão già cùng thôn hỏi người cùng làng: Ông đến đây sao không xem chỗ tôi

chịu tội? Liền thấy vạc nước sôi sùng sục đang nấu người tội. Bà lão bảo: Ông về nên báo cho chồng tôi hãy vì tôi mà viết một bộ kinh Pháp Hoa, nhờ vậy mới thoát được cảnh này, mười ngày sau ông hãy đến báo cho tôi biết tại thôn Nam Thủy Đầu.

Lát sau, người trong làng tỉnh lại, liền gọi chồng bà và kể lại câu chuyện rồi bảo chép kinh. Ông ấy mau đi mua giấy trao cho người mượn viết giùm. Người trong làng đến ngày đã hẹn trước đó đi tới bến nước thấy một bà lão khác nói với người trong làng: Ông có phải là người được dặn viết lúc trước không?

- Người trong làng đáp: Đúng vậy.

- Bà lão nói: Người phụ nữ trước kia, ngày chồng ba mua giấy mực ngay hôm đó bà được sinh lên cõi trời rồi. Cho nên không chờ đến ngày nay hẹn để gặp ông được, nên dặn tôi báo cho ông biết, nói xong liền biến mất.

* ***Ranh giới của huyện Lam Điền***: Ở Ủng Châu, có một thôn nọ tự nhiên đất sụp xuống sâu hơn trăm thước. Chỗ đất sụp đó đúng ngay phòng thờ Phật, trong nhà ông họ Từ có một bộ kinh Pháp Hoa. Chuyện này là do ông Từ thường hay thọ trì cúng dường nên ở chỗ đất sụp đó chính là một trụ đất, nhờ phòng thờ Phật này chống cao được cả làng cuối cùng không bị sụp lở. Mọi người thấy vậy đều lấy làm quái lạ, đồng thời đúng pháp sao chép để truyền bá.

* ***Vào niên hiệu Nghi Phụng:*** phía Bắc huyện Lương ở Nhữ Châu, có một người con trai họ Lưu ở thôn Lương, không biết tên. Đầu tiên vì đi chinh phạt phương Đông đánh nước Cao-ly. Bị bắt làm tôi tớ giữ ngựa bên bờ biển phía Đông xa xôi.

Nằm ngủ thường thấy một vị tăng gọi xuống biển và từ biển trở về nhà, chiêm bao như vậy chẳng phải một lần. Con của bà họ Lưu tự suy nghĩ: Trôi giạt cùng với chết chẳng khác gì, luôn luôn cảm được giấc mộng này. Lao thân xuống nước ở ven biển và ôm được một bó cỏ cúc, theo cơn sóng trôi theo dòng nước. Nổi lên bờ phía Tây, khi lên được bờ đi hơn một dặm lại nghĩ: Bó cỏ này đã cứu được thân mạng ta, bèn quay trở lại mở bó cỏ ra phơi, thì thấy trong đó có kinh Pháp Hoa quyển sáu. Liền đem về nhà, cha là ông Lưu, trước do ông mất tích ở vùng biên giới, vì cầu nguyện cho ông nên người con chép một bộ kinh Pháp Hoa, viết chép rất thanh tịnh, mỗi việc nghiêm túc sạch sẽ.

Khi thấy đứa con trở về lòng buồn lo liền hết, nhưng lấy làm lạ hỏi lý do. Lưu Tử kể lại tất cả câu chuyện xảy ra trước đó, cha con cùng nhau

vào tinh xá mở hòm kinh ra xem mới thấy thiếu quyển sáu. Nghiệm lại đứa con ông lúc ở ngoài biển được quyển kinh mà người cha vì con mình đã chép. Các phần của quyển kinh đầy đủ, giấy mực giống nhau, kia đây chẳng khác, rõ ràng phù hợp. Từ đó, cha con dốc lòng tin Tam bảo, giữ giới hạnh tinh nghiêm.

* ***Tướng Lang họ Ngô:*** không nhớ tên, lúc đi chinh phạt phía Đông nước Cao-ly, thì phá được thành Mã ấy, đốt cháy cửa nhà cho đến chùa viện tinh xá. Ở ngoài thành nhìn thấy khói mây bay thẳng lên, trong đó có một vật như khí hư, bay lên cao rồi biến mất vào đám mây. Giây lát nhẹ nhàng rớt xuống đám cỏ phía Đông thành. Lang tướng Ngô phi ngựa đến coi thử thì thấy một cuốn sách màu vàng rớt trên mặt đất, bèn lượm lên xem thử, đấy chính là kinh Pháp Hoa quyển bảy.

Vì thế, ông đem về doanh trại, ban đêm để trên nóc doanh trại, bỗng nhiên trời mưa to. Đến sáng hôm sau lấy xuống chẳng có một chỗ nào bị thấm ướt cả. Sau đó, ông đem về kinh đô để trụ nhà bạn cũ tướng quân Lý Ích Thường ở phường Tĩnh An. Vui mừng thiết trai thỉnh Sa-môn Vạn Tướng Huyền Tế ở chùa Hưng Thiện. Sư đích thân xem cuốn kinh và tụng một biến.

Ông Ngô hứa đưa vào nội cung, đồng thời vì đó viết chép kinh tịnh nghiệp đúng pháp mới hoàn thành, cho nên đặc biệt nói lên điềm lành cao quý, sẽ ngộ được các Phẩm.

* ***Thích Huyền Tế***: Còn gọi là Tĩnh Vụ, họ Lưu, người ở Lý Nam. Ông cố nội làm Thứ sử ở Kỳ Châu đời Đường, ông nội là Đĩnh làm Quả Nghi ở phủ Tuyên Phạm đời Tùy, đồng thời bản thân là hình tượng của quốc gia, văn võ gồm cứu giúp, sớm ngộ được huyền châu, rất tinh thông đạo Phật. Người cha thông thạo thuật tu Nho từ lâu, hối tích hoành môn, không cạnh tranh với trần thế ồn náo, chẳng buồn việc triều chính thành thị. Thông theo để giao tế làm gương cho người, tinh thần rất minh mẫn, thích danh khí kia do đó xả bỏ xuất gia. Cho nên vừa lên thập nhị phẩm liền trông mong lạc thái, vì thế tắm gội ở dòng pháp, tắm gội chân hóa, chỗ thâm nhập rất sâu. Và sau khi thọ giới cụ túc, hạnh kiểm chuyên tinh, kính trọng pháp nghi. Năm ba mươi hai tuổi được cử làm Duy ra chùa Hưng Thiện, nhưng chẳng thích việc đó. Tánh ưa ở nơi sơn thủy, tư duy sâu xa chỗ u nhàn vắng lặng, do tuổi đều hưởng phúc trời, nhờ tích ngộ chân, nên tụng tập kinh Pháp Hoa, Bát-nhã để làm nhiệm vụ hằng ngày.

Ban đầu tụng kinh Pháp Hoa đủ hai ngàn biến, nằm mộng thấy lên một đại diện, bốn mặt chánh điện đều có tượng Phật, ánh sáng chiếu soi. Trong núi có khám thờ tượng đều là tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, đi vòng quanh đảnh lễ, cảm động hồi lâu bèn thấy bình lưu ly đựng một viên xá-lợi, dùng tay nhặt lấy, cảnh giác rõ ràng, tụng đủ năm ngàn biến. Lúc ấy, ban ngày đang ngồi bỗng nhiên mộng thấy trong hư không có mấy trăm khám thờ Bồ-tát Quán Thế Âm, dùng tay với lên vịn từ từ cảm thấy đi đến. Lại thấy trong hư không có vô số hạt châu vàng từ trên lăn xuống thành dòng ánh sáng rất đẹp. Tế dùng miệng hứng lấy khắp thân tâm rất vui mừng, qua hai ngày không ăn dường như cảm thấy no, từ đó thân tâm được an vui, trì kinh không bỏ một việc làm phước nào.

Trong một ngày đêm năm lần tụng, đến chín ngàn biến.

Lúc ấy, ở trong viện Bắc Lĩnh, góc vuông cảnh Tướng thình lình có con chim lạ, hình dáng như chim phỉ thúy, ngực màu trắng, toàn thân màu vàng, mép màu đen, chân màu đỏ. Từ ngoài sa vào thẳng trong lòng, do đó Tướng mang đến trước tượng Phật, nó liền bay lên cây hoa, ngậm hộp hương kinh cách bay rải khắp nơi, hoặc dùng thức ăn hoa quả cho nó cũng không ăn, chỉ gặp hương sáp thường dùng miệng hút. Ban ngay liền nhẹ nhàng sang gia đình Tế, đêm ngủ trong nhà nghỉ, qua bảy ngày bảy đêm tự nhiên bay đi.

Bỗng nhiên lại mộng thấy một người cao bảy, tám thước dung mạo xinh đẹp giống hình tượng bện tơ, từ lưng xuống trang nghiêm, màu sắc đẹp đẽ. Lúc ấy, Tế hoan hỷ đảnh lễ hiệu là Bồ-tát Quán Thế Âm, tức y cứ vào Bồ-tát, nâng chân Ngài, miệng xưng danh hiệu Đại bi, bèn trông mong được vỗ về an ủi sờ đầu. Thường trở lại mấy lần, Tế dùng tay vịn theo, cổ họng nghẹn ngào giây lát liền tỉnh ngộ. Hoặc ngày đêm ngủ nghỉ lúc tụng sắp hết liền nghe tiếng chuông, khánh để răn nhắc nhau. Những điều linh ứng đó là do tụng kinh Pháp Hoa một muôn hai ngàn biến, Kim Cương Bát-nhã một muôn biến, trong đó niệm danh hiệu chư Phật, Bồ-tát, tụng chú diệt tội tùy tâm.

Theo Công cách y cứ nhau hơn trước, có thanh tín sĩ, bí thư tỉnh so sánh Thư Lang Lưu Huyền rằng An đứng đầu dân tộc Phiệt có tài hoa xuất sắc, thần phù hợp cửa Phật, rong ruổi theo pháp bảo, cùng Tế sớm quen biết quên lời, càng hẹn tạo phước thanh tịnh.

Niên hiệu Nghi Phụng năm thứ hai, nương nhờ viện của Thiền sư Tự Cơ, ở trong thất đọc kinh, tượng trưng sự trong sạch như tuyết. Bột thơm sơn quét, treo phướn rải hoa, mấy lớp bảo vệ sạch, khéo léo khiến thư sinh thực hành đúng, mỗi lần vào phải tắm mặc áo mới sạch, đốt

hương ngậm chất thơm, chí thành viết rõ ràng. Tế đích thân giúp đỡ, vâng giữ tất cả, sớm tối không nghỉ.

Lúc đầu chép kinh Pháp Hoa chưa đầy một trang giấy, ngay đêm đó chiêm bao thấy vị tăng trao cho diệu hương. Lại nghe bên trong hoa đàn trước nhà kinh có tiếng lễ sám mấy lạy, lấy làm lạ đến xem thì thấy im lặng chẳng có người hoặc vật gì. Chính vì không ngủ ngồi một mình trang nghiêm bỗng nhiên nghe tiếng chuông vang trong hư không. Khi viết đến quyển hai, ngay buổi sáng hôm đó, thấy một vị tăng Bà-la-môn vào nhà kinh, nghi dung rất khác thường, đứng chắp tay hồi lâu. Viết đến đầu quyển Kim Cương Bát-nhã, đúng lúc ấy mộng ánh sáng trên ngực ông mênh mông như cái bát. Viết đến quyển hai tới ngũ nhãn tiền thì bút nghiên phát ra ánh sáng đều màu vàng, chính lúc đó đặc biệt sợ hãi bèn định tâm viết, ánh sáng đó đầu tiên phát ra ở chữ "đề" đỏ rực sáng như ánh đuốc.

Bồ-tát nhiều đời cũng như thế, nếu làm được như vậy thì nói ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh. Gồm mười tám lời nói là diệt. Đến quyển ba, trên trục của bổn kinh đó lại phát ra ánh sáng chiếu xa hơn hai thước, chiếu thẳng vào mé cửa sổ. Lúc ấy, Tế và Pháp sư Hiền Thủ Hoa Nghiêm và có hơn mười người tận mắt nhìn thấy bèn bảo nhau: Chúng ta tu học vào thời mạt pháp cách Phật rất xa, nay chép tôn kinh bỗng nhiên được báo tướng linh hiển, sao không đối với bậc Hồng liệt xây tháp thờ để bày tỏ tâm chí thành? ngay lúc đó bắt đầu cho đến cuối cùng tâm thanh tịnh, việc sạch sẽ, rất cẩn thận chỗ đó mà cất một ngôi nhà để cúng dường toàn thân và kinh mãn tự. Vào ngày 26 tháng 07 đều xả y bát, để trước phòng kinh đốt hương rải hoa cùng lập thệ nguyện rộng lớn, cho đến tháng ba năm sau, đạo - tục mấy mươi vị một đêm hành đạo, trừ nền mới xây ở phòng cũ, bảo bốn vị tín sĩ ăn chay tắm gội mặc y mới sạch, chư tăng dùng hoa hương, âm nhạc chí thành cúng dường. Hướng dẫn bốn vị này lập ra quy cũ cách thức, vác đãi đều rải hoa thơm. Lúc ấy, những người mê tối đều phát đạo tâm.

Sau đó, có Sa-môn Chí Khoáng ở chùa Văn Lễ đích thân làm việc xây dựng, vừa đánh dùi vừa xưng danh hiệu Phật, còn thanh tín sĩ chỉ trai giới và vận chuyển đất mà thôi. Khi đã xong nền, thường nghe tiếng lễ Phật, tụng kinh.

Tháng mười năm ấy, ở ngọn núi phía Bắc xây tịnh thất riêng để kinh trong ngoài trang nghiêm, mời thợ tin thành khéo léo dùng gỗ ngâm nước thơm, để làm cán búa, nghe tiếng hồng chung dưới nhà trống của Tế.

Dạ-xoa mộng thấy tràng hoa và hai vị thần cao hơn một thước đang đứng chỗ làm, còn người lên Mao Phổ Đạt ở huyện Di, chọn lựa cưa cây trụ nhà ở trong tán cốc. Thấy độc nhất một cây thông vọt lên trên ngọn núi cao cách nước rất xa, cho nên người thợ chặt bỏ đi. Người đã chặt cây này chẳng ngày nào mà không bị ngã, nhánh cây cắm xuống chỗ nào thì đất chỗ ấy vọt lên một vòi nước, thành suối, người thợ dùng để chữa bệnh đói, bằng thành mười cây trụ. Nhà đó, còn thêm chạm khắc và trang trí, ngay ngày chưa hoàn tất, mà từ xa cúi đầu, lễ chân kinh và đặt tên là Thiện Pháp.

Ngoài ra còn đợi công trình hoàn tất, để gởi lại cho người có năng lực. Tế cách biệt ở nơi xa tại Lâm Tuyền tu hơn ba mươi năm, sau bệnh sốt rét thường tái phát, đến lúc không thể cứu chữa được nữa, Sư thị tịch tại hỏm đá, thọ sáu mươi bảy tuổi, nhằm ngày mùng một tháng ba niên hiệu Thần Long, kẻ đạo người tục nghe tin rất kính tiếc, đau buồn. Tính tình Sư nhu hòa, có tâm từ bi chất phác, rộng lòng cứu giúp, chẳng vào nơi chợ búa ồn náo ràng buộc, không đến chùa ni. Lại siêng năng tu hành phước thiện, lao nhọc chẳng than mệt mỏi. Ngoài việc lễ tụng, gần như chẳng có lúc nào rảnh rỗi, còn như việc tiếp khách, đối đáp với quan liêu thì xét căn cơ mỗi người mà ứng đáp cho phù hợp hoàn cảnh, lời nói và hành động chẳng phân biệt, chúng đều suy tôn, cho nên, Lại bộ thị lang Lưu Huyền Đình, Binh bộ thị lang Lưu Huyền Cơ, Ngô bộ thị lang Trung Từ Chiêu, Cao sĩ Hứa Nhân Tắc... rất khâm phục thái độ khiêm nhã của Sư, tôn trọng sự nghiệp lớn lao của Sư, cùng kết giao làm khách ngoại trần để qua lại giao tiếp. Huyện lệnh Lam Điền có Trịnh Nam Kim một lời nói chứa đựng hết, dốc hết nỗi lòng, sáng tác phù hợp, và kính trọng đạo phong nên có lời khen: "Tế Công điềm đạm, vô vi vô dục, tiếp vật dùng lòng từ, đối với thân tri túc, mùa xuân cây được sum sêu, mùa thu đầm nước càng xanh, tốt đẹp thay bậc Thượng sĩ! Như vàng như ngọc, Sư là bậc Thánh hiền được cúng kính như vậy.

Truyện về mở rộng và khen ngợi kinh Pháp Hoa, bắt đầu từ đời Đông Tấn đến cuối cùng là đời Đường, lý luận về người học kinh Pháp Hoa được linh ứng như thế có chép đầy đủ trong đó. Như vậy mới đáng gọi là "một việc nhân duyên lớn" làm lợi ích cho chúng sinh, giúp cho chúng sinh không bị rơi xuống, nhưng nay ra biển Đông chỉ được một bó cỏ, niên kỷ càng xa, bút tích sai lầm rất nhiều, luống xét cùng nghĩa lý về bệnh sai lầm kia, tuy chẳng thông minh sáng suốt, nhưng so sánh chuyện phải quấy là chỉ muốn lưu thông rộng rãi, vì vậy mới khắc bản, ngõ hầu cho các vị giở ra xem coi để "khai thị ngộ nhập tri kiến Phật".

Viết xong nhằm ngày 27 mùa Xuân năm Ất mùi, niên hiệu Thiên Khánh năm thứ năm tại điện Minh Khánh, tại Thích Viện ở Nội Tịnh.

Trụ trì chùa Hoằng Hóa núi Nghĩa Long nước Cao-ly, Đông Hải, xét lý trí, soi tịnh quang ở Trung Khổng Nhạc, Tăng thống pháp ấn, ban hiệu Sa-môn Đức Duyên Khâm Hiệu Văn Lâm Lang Tư Tể.

Thừa Đồng, Chánh lý, Đường dực thơ.

Ngày mồng tám tháng bảy niên hiệu Bảo An năm thứ nhất nước Đại Nhật Bản, ở phủ Đại Tể, Pháp sư Khuyến Tuấn Nguyên ghi chép xong. Tô Cảnh người nước Tống từ nước Cao-ly vượt biển mang theo Thánh giáo đến Trung quốc mới có truyện Pháp Hoa này, nhưng để lại hai cuốn để viết chép. Bán Tăng Giác Thọ ghi.

--------------------------------------

# PHỤ LỤC
# BÀI TỰA SỚ KINH PHÁP HOA CỦA NGÀI THIÊN THAI.

*Sa-môn Thần Huýnh ở Cảnh Trung soạn.*

Tựa rằng: Chí lý vô danh (chỗ lý cùng tột thì chẳng có tên gọi) tên gọi được truyền bá khắp trong thiên hạ. Chân thừa bất động, nhưng rung chuyển trong ba cõi. Chứng lý tức sự mà chẳng động, Tất-đàn tùy duyên giáo hóa chúng sinh, chẳng mưu cầu dắt dẫn, công há chẳng lớn lao hay sao?

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, từ Thế tôn xuất thế vì một việc nhân duyên lớn đã nói ra. Nhưng cỏ thuốc chẳng đồng nên sự thọ lãnh thấm nhuần thành ra khác nhau, căn cơ chẳng phải một vì thế bẩm thọ giáo pháp không giống nhau. Cho nên, Đức Phật lập nhiều phương tiện xoay bánh xe pháp, nói pháp Bốn Đế tại vườn Nai. Còn hiển thật thì tại non Linh Thứu, ba lần chuyển biến nói về Tịnh độ ý chỉ sâu xa, lời nói rõ ràng. Bậc Nhân tôn đạo cao, hiển bày nguồn gốc sâu xa thọ lượng để hiểu dấu vết gần nơi Già-da. Thổi gió mưa đánh trống pháp giảng nói, bỏ xưa nói phương tiện, khai thị ngộ nhập nay, được cá quên nôm, được của báu trong nhà. Bồ-tát như cát bụi, thêm đạo bớt chúng sinh, Thanh văn nơi am tranh bỏ Tiểu hướng Đại.

Bồ-tát Dược Vương đốt cánh tay để cúng dường Phật Đa Bảo hiện toàn thân chứng minh rất sâu xa mầu nhiệm, cùng tột viên mãn, không thể luận bàn.

Có Đại sư Thiên Thai hiệu Trí Khải, thuở xưa ở trước Đức Như Lai đích thân nghe kinh này, ở địa vị Ngũ phẩm, âm thanh rung chuyển cả hai triều đại. Chẳng qua nơi đạo tràng mà thấu hiểu Phật thừa, nhờ sức Đà-la-ni nhạo thuyết vô cùng, thường ở nơi điện Thái Cực của Trần chủ giảng kinh Nhân Vương, Bát-nhã cho vua nghe, đế vương quỳ gối, trăm quan vỗ tay. Vả lại, như đã giải thích về quán tâm mầu nhiệm lìa có không, lấy chân tánh làm phép tắc mượn sự giúp đỡ chiếu soi để thành thấu suốt, trình bày tên gọi thuyên tông, khác hơn người xưa, năm nghĩa là then chốt chân lý đều giữ gìn Thánh giáo.

Từ khi ngài Trí Giả hoằng pháp hơn ba mươi năm, chỉ có lời sớ Duy-ma, đời Tùy vâng chiếu theo sắc lệnh của Dương Đế mà chọn huyền văn này. Gần đây, có Pháp sư Quán Đảnh ghi riêng hợp thành hai mươi quyển, không phải người trí thì không trao, lời nói này đã đầy đủ.

Và sau khi Phật diệt độ hơn một trăm năm, đến giữa niên hiệu

Thiên Bảo đời Đường, nhằm năm Mậu Tý, có Hòa-thượng Lãng trụ chùa Thanh Thái ở quận Đông Dương, là tai mắt của pháp môn, là giềng mối của chánh pháp, pháp và giới đều thông, bao gồm cả trong ngoài. Được món đồ quý báu của Mãn Từ, ngồi trong động đá của Không Sinh. Mỗi khi giảng trao cho người học thầm khen rằng: Quán về nghĩa thú đó khế hợp sâu xa với Phật thừa, tìm xem văn thế thì có khi chẳng đúng thứ lớp. Hoặc văn liên tục mà nghĩa đứt quãng, hoặc văn sau nghĩa trước, hoặc trước văn xuôi đã mở bày chương đó, hoặc từ sau mà nói lại trực tiếp nghĩa ấy, hoặc trong bài kệ nêu số đó trước, hoặc sau không theo thứ lớp của tên kia, nhưng ý thánh khó lường, chỉ mong có niềm tin là được rồi.

Nay vì thính chúng nhiều lần khuyến thỉnh: Bậc thượng căn dễ tỏ ngộ, chọn lấy điều hay không mê muội, bậc trung hạ căn theo văn mất ý chỉ. Nếu theo thứ lớp so sánh, điều này thì lợi ích rất rộng lớn. Hòa thượng hai ba phen do dự, sự bất đắc dĩ, bèn chuyên niệm Đại sư cầu ngài che chở có được chăng! Vì thế mà cảm ứng được giấc mộng, mới bắt đầu có điều lệ thường hằng. Vì cũng tùy tình lập phương tiện, lượng xét chẳng phải cẩu thả tìm cầu chỗ đồng khác, nên có sự thêm bớt trong đó.

Trông mong các người học sau này hiểu được nguyên ý đó, suy tìm lãnh hội ý chí lượm vàng bỏ sỏi, nói pháp chân thật chẳng phải luống dối, trợ giúp mở ra cánh cửa rộng lớn cho cơ phong mầu nhiệm, làm hoàn bị cho kinh tạng thì trăm giới ngàn như, rõ ràng phù hợp nhau. Hóa thành bảo sở đều đích thân làm cầu bến, nhờ sự hết lòng của Đức Di-lặc, theo trí vốn sẵn của ngài Văn-thù, giúp cho phát đủ sáu trí. Khen xuân thu một lời nói, Thần Huýnh, v.v... đồng thời lựa chọn tổng hợp văn xưa. Đế lý khinh an, không đâu chẳng phải là chỗ Phật Không Vương, cùng nhau phát tâm, mười sáu vị Sa-di đều thay nhau giảng nói, dụi mắt hoa đốm, thấy mặt trời trừ bệnh dưỡng châu. Thật tình thẹn với ngòi bút của Nhạn môn, sao chẳng đoái đến sự sâu xa của Long Khoảnh, ngõ hầu chọn lấy bậc cao đức, tắm trong dòng nước đạo mà thấy được cội nguồn.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

## SỐ 2068
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2068

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 1

*Kính lạy Đạo Sư thầy trời người*
*Ba thân một thể Đức Thích-ca*
*Ba đời năm Phật trong chương môn*
*Ra đời, để giảng nói Nhất thừa.*
*Phật Đa Bảo chứng minh Pháp Hoa*
*Các Như Lai phân thân mười phương*
*Cho đến hư không, biển pháp giới*
*Thường Thế tôn hùng và phân thân.*
*Kính lạy Pháp Bảo Diệu Liên Hoa*
*Tám vạn mười hai các Thánh giáo*
*Chư Phật hộ niệm Tạng báu lớn*
*Lợi lạc không ngần, khó lường xiết*
*Quy mạng Văn-thù và Di-lặc...*
*Tám vạn Bồ-tát, Pháp Vương tử*
*Các Bồ-tát Đại Thiên vọt lên*
*Tám mươi vạn ức Na-do-tha*
*Diệu Âm, Quán Âm và Phổ Hiền...*
*Chúng Bồ-tát phát nguyện hoằng kinh*
*Mãn phần năm mắt đều soi đời*
*Hiện khắp sắc thân đồng với trần*
*Thu Tử, Ca-diếp, Mục-kiền-liên v.v...*
*Muôn ức Thanh văn thật Phật tử*

*Cõi này xứ nọ chẳng thể lường*
*Quyền thật tất cả nhận độ sinh.*
*Con soạn kinh điển thành Hộ pháp*
*Xót thương che chở giúp oai linh*
*Đèn pháp không dứt chiếu đêm dài*
*Người mê nhờ đây được tuệ Phật.*
*Thích Tôn dạy răn thời mạt pháp*
*Người nghe Pháp Hoa sinh tùy hỷ*
*Tội chướng ba đời đều tiêu sạch*
*Ba đời quyết định vào chánh vị*
*Mong cho pháp mầu ở đời lâu*
*Truyền khắp mười phương các cõi nước*
*Những ai đồng gặp sinh mừng may*
*Đời đời thường nghe, tu hành theo.*
*Cho đến thấy nghe khen hoặc chê*
*Thuận nghịch đều chứng Vô Sinh nhẫn*
*Lời thô tiếng diệu về một nghĩa*
*Không cùng chống trái đến mé chân.*

Nhân lành vốn đã gieo trồng, nhân mầu đến nay phát khởi, lưu thông pháp Nhất thừa, tán vịnh chân văn, mắt thấy sự chẳng thấy, tai nghe điều chưa nghe. Xưa kia, khởi đầu từ đời Diêu Tần thưa hỏi Đạo, đến thời Tiền Đường chúng ta đây có được thiên hạ, lợi ích lưu thông, đời trước không có, cảm ứng không mưu, chẳng thể tính toán mà lường biết được. Diệu lợi bất động cũng là mực thước chuẩn xác biết được, nay hãy soạn tập những điều mắt thấy tai nghe, cổ động khích lệ tín tâm của hàng hậu bối. Nay chia ra mười hai phần, phân làm mười quyển, như bộ loại ẩn hiển, chi phái truyền dịch, luận thích tựa kinh, giảng giải phúng tụng, chuyển đọc biên chép, thấy nghe cúng dường, v.v... mỗi loại lược dẫn năm ba bài, sắp xếp phân loại. Văn từ chân chất mà quê kệch, muốn giúp cho ai thấy nghe dễ tỏ ngộ sự rỗng mà thật, khiến người sau truyền bá tin tâm. Lại tham tầm được những bản, chế soạn các tông ký truyện, v.v... vừa mới vừa cũ, ghi chép mà lưu xuất ra. Về sau, cứ tìm có được thì sắp xếp, nếu lại thấy thì sắp xếp tiếp, giữ lấy pháp mầu chân văn, lưu thông không cùng, trước nêu bày về chương mục, phần sau tùy gom chép mà thôi.

1. Bộ loại thêm bớt
2. Ẩn hiển khác thời
3. Niên đại truyền dịch

4. Chi phái biệt hành
5. Luận thích khác nhau
6. Lời tựa biên tập của các Pháp sư.
7. Giảng giải cảm ứng
8. Phúng tụng thắng ích
9. Tụng đọc diệt tội
10. Biên chép cứu khổ
11. Lợi ích theo nghe
12. Y chánh cúng dường.

## I. BỘ LOẠI THÊM BỚT.

Phàm bộ loại có thêm bớt bởi có rộng lược, tuy có thêm bớt mà chẳng mất cái lợi ngầm hiển. Lược chia thành bảy cách:

1/ Kinh pháp của một hội dùng làm một bộ, như kinh Thập Địa, v.v...

2/ Kinh pháp nhiều hội cùng làm một bộ, như kinh Hoa Nghiêm, v.v...

3/ Phần đầu của kinh dùng làm một bộ, như kinh Nê-hoàn sáu quyển, v.v...

4/ Đầy đủ hai phần làm thành một bộ, như kinh Đại Niết-bàn, v.v...

5/ Lược Bổn làm thành một bộ, như kinh Tiểu Phẩm, v.v...

6/ Quảng Bổn làm thành một bộ, như kinh Đại Phẩm, v.v...

7/ Một phẩm làm một bộ, như kinh Quán Âm.

Nay ở đây, kinh Pháp Hoa so với trên là thuộc bổn đầy đủ, nếu theo Bổn Phạm thì Văn lẽ ra là lược nói. Vì sao? Vì kinh này là ba thân một thể, năng sở lặng nói. Trong Phổ Hiền Quán nói rằng: “Phật Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na Biến Nhất thiết xứ, chỗ ở của Phật tên là Thường tịch Quang, là chỗ kiến lập bốn pháp Ba-la-mật. Đấng Pháp Vương mở vận ở kinh Vô Lượng Nghĩa, sau đó vào Định Nghĩa Xứ, hiện điềm tướng đặc biệt, sinh khởi sự ân trọng của Đại chúng, cùng tám vạn vị Đại sĩ như ngài Văn-thù v.v...,vạn ức các Đại Thanh văn Xá-lợi-phất v.v..., tám vị Long vương, bốn vị Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, A-tu-la, v.v... sáu tầng trời cõi Dục, Tứ thiền,vạn ức vua Chuyển luân, Quốc vương, Vương tử, Quốc nữ, các hàng thứ dân, số đông không thể nói, không thể lường về hội chúng. Phật vì đó mà giảng nói... bắt đầu từ “Như thị” (như vậy) đến cuối cùng là “nhi khứ” (mà đi), đều là pháp mầu, mỗi chữ đều diệu. Mỗi từ, mỗi câu không gì chẳng phải pháp giới.

Mỗi chữ, mỗi chấm không gì chẳng phải là Phật. Trên thấu cùng công đức của Xá-na, dưới chấm tận y báo chánh báo ở A-tỳ. Thể đầy đủ mầu nhiệm không thể nghĩ bàn. Đó mới là viên mãn Tu-đa-la cam lồ pháp bảo.

Ở phương Tây truyền rằng: Văn của tám năm kiết tập ở Linh sơn, nên phô bày ở thành dài rộng một do tuần. Nếu kiết tập hết cả thì không nơi nào dung chứa hết. Vô lượng vô biên chúng Hải hội, giúp họ khai mở, chánh thuyết lãnh hội, thuật thành thọ ký, vui mừng nói kệ tụng ở cõi này và phương khác, khen ngợi chư Phật và phát nguyện. Trong mỗi phẩm có vô lượng vô biên chữ nghĩa thành tựu. Như Phật nói kinh Pháp Hoa, số bài kệ nhiều như cát sông Hằng. Đức Phật Tú Vương Trí nói kệ như Chân-ca-la, Tần-bà-la, A-sơ-bà, v.v... Đức Phật Oai Âm Vương nói hai mươi ngàn vạn ức bài kệ. Phật nay cũng vậy, Phân-đà-lợi cũng nói là nói số bài kệ. Bấy giờ, có ngôi tháp bằng bảy báu vọt hiện ra trước. Từ tháp báu về trước, có số bài kệ vô lượng. Lại vọt hiện ra các chúng, dùng các pháp khen ngợi của Bồ-tát mà khen ngợi Phật, ngàn thế giới bụi trần số các bài kệ tán, ai biết được số lượng kệ ấy!

Tam tạng Pháp sư Giác Ái nói rằng: Ở Tây phương truyền rằng Đức Phật giảng nói kinh Pháp Hoa thật không thể nói. Trong mỗi phẩm có nhiều câu kệ. Lấy núi Tu-di mà làm bút, lấy nước biển lớn làm mực cũng không thể cùng tận. Đức Phật thường ở tại núi Linh thứu cùng với chúng Đại Bồ-tát và các Thanh văn vây quanh mà nói pháp, trời người đông đầy, khắp cả trước sau, không có dừng nghỉ. Chỉ có năng lực vô tận tổng trì mới gìn giữ được, chẳng bút mực nào ghi hết nỗi. Chỉ y cứ vào một thời kỳ cơ cảm, tám năm kết làm một bộ, tuy lược kết tập nhưng số lượng cả một do tuần, tụng bổn rất lược mà đầy vuông cả trượng thất, trong hai mươi tám phẩm đầy đủ đại cương.

Lại, như Tam tạng Pháp sư Chân Đế nói rằng: Trong Tây Vực truyện ký ghi: Bồ-tát Long Thọ đi trên biển, xuống cung rồng thấy kinh Pháp Hoa Bình Đẳng Ma-ha-diễn này có Đại thiên thế giới vi trần số kệ, bốn thiên hạ vi trần số phẩm, ghi chép đầy đủ điềm tướng đặc biệt, hỏi đáp lớp lớp qua lại. Cõi nước ở phương Đông cũng như các phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới đều hiện trong tướng ánh sáng. Lại có haivạn ức Đức Phật Nhiên Đăng, mỗi vị đều giảng nói nghi thức kinh Pháp Hoa, khen ngợi trí tuệ, việc nhân duyên lớn của chư Phật ba đời mười phương, giáo hóa hạng người Ba thừa khai ngộ Nhất thừa. Các Bồ-tát Thanh văn, các bổn duyên được thọ ký, Phật nói tự lãnh hội, từng tiết vô tận, lắm lớp chẳng thể nói, từ cõi nước này cho đến phương khác

phát nguyện mở rộng thọ trì, nhảy vọt ra khen ngợi ngôn từ phương tiện sau khi thành quả ở mười phương đến dự hội, v.v... mọi sự đầy đủ như trong khoa mục ẩn hiển. Hiện nay, truyền bá tại Trường An có bốn bổn khác nhau: 1/ Có năm ngàn kệ tụng, do Chánh Vô Úy truyền dịch. 2/ Sáu ngàn năm trăm kệ tụng, do Trúc-Pháp-hộ truyền dịch. 3/ Sáu ngàn kệ tụng, do Cưu-ma-la-thập truyền dịch. 4/ Sáu ngàn hai trăm kệ tụng, do Xà-na-quật-đa truyền dịch. Trong đó ba bổn ghi chép bằng lá Đa-la, chỉ một bổn của ngài La-thập thì chép bằng lụa trắng.

Ở xứ này (Trung Hoa) hiện truyền còn có số kệ tụng thêm bớt, còn kinh ở phương Tây làm sao lường biết. Nhưng truyền thuyết là theo Bổn Phạm văn chỉ có hai mươi tám phẩm, trước phần văn đều không có đề mục, chỉ ghi là “Tất-đàm”, Hán dịch nghĩa là “Cát Pháp”, cũng dịch là “Thành tựu”, không thành lập tên, đều ở cuối phẩm cuối kinh mà sau trở lại đầu. Đó là do người phiên dịch kinh y theo phương thức của Trung quốc, muốn khiến cho nhờ danh tự chẳng đồng, bàn nghị về bộ loại, chỉ gìn giữ phần nhiều bổn chỉ hai mươi bảy phẩm. Tên đặt ở cuối, thiếu tên phẩm “Đề Bà”. Đó là sự bất đồng như trong phần khoa mục truyền dịch ở sau. Hoặc chia phẩm ấy thành bộ, như trong phần “chi phái biệt hành” ở sau, nói về rộng lược ở khí, bộ loại có thêm bớt nhưng đại nghĩa của Bổn pháp không thiếu.

## II. ẨN HIỂN KHÁC THỜI .

Nếu theo kinh “Văn-thù-sư-lợi Bát-niết-bàn” thì sau khi Phật (Thích-ca Mâu-ni) thị tịch bốn trăm năm mươi năm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vẫn còn ở thế gian này. Nếu theo luận Đại Trí Độ thì: “Các kinh điển Đại Thừa đều do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi kiết tập”. Nếu theo “Tập Pháp Truyện” thì có ba vị A-nan: “A-nan”, Hán dịch là “Hoan Hỷ” thì trì tạng Thanh văn. “A-nan Bạt-đà”, Hán dịch là “Hoan Hỷ Hiền” trì tạng Độc giác, và “A-nan Ca-la”, Hán dịch là “Hoan Hỷ Hải”. A-nan lên tòa, chúng sinh có ba điều nghi ngờ: Một là nghi Phật từ đại bi Niết-bàn khởi giảng nói Diệu pháp; hai là nghi còn có chư Phật ở các phương khác đến thế giới này mà giảng nói pháp; ba là nghi A-nan chuyển thân thành Phật, vì chúng sinh mà giảng pháp. Nay hiển bày pháp sở thuyết như thế. Tôi (A-nan) xưa hầu Phật, suốt hai mươi lăm năm gần gũi từng được nghe, chẳng phải Phật đã thị tịch mà còn nói pháp, chẳng phải chư Phật ở phương khác đến, và cũng chẳng phải chuyển thân thành Phật, nên ở đầu trong các kinh đều đặt hai chữ “Ngã Văn” (Tôi nghe).

Theo Tam tạng Pháp sư Chân Đế nói rằng: “Vi Tế luật nói “lúc

A-nan lên tòa kết tập pháp tạng, thân như chư Phật, đầy đủ các tướng tốt, đến lúc xuống tòa thì trở lại nguyên hình như cũ". Vì quyền hành có đủ ba đức, cùng truyền lớn nhỏ, kinh này là do A-nan Hải kết tập, như Đức Phật giảng nói kinh Bồ-tát Văn-thù ở trước tòa xướng đề mục, A-nan lên tòa thuật lại mà kết tập, nên các luận Đại Trí Độ v.v... y theo đó mà nói Bồ-tát Văn-thù kết tập các kinh điển Đại thừa, kết tập đầy đủ rồi ghi vào lá Văn Tâm, cất giữ trong hang Bảo Diệp, trời người, rồng thần, vua quan, đại chúng đua nhau đến cúng dường. Khi Đức Phật diệt độ, các bậc Hiền thành cũng ẩn theo, như voi đầu đàn đi trước, voi con cũng theo sau. Chín mươi lăm Dị đạo rối ben dấy khởi, mười tám tiểu Đạo chuyên tôn sùng tiểu điển, còn kinh giáo Đại thừa phần nhiều ẩn mất chẳng lưu hành ở đời. Kinh này sau khi đã kết tập, ẩn tàng không lưu hành.

Ở phương Tây có tương truyền trong núi Đại tuyết có ngôi tháp báu cất giữ kinh Pháp Hoa bản Phạm. Cụ thể như Tam tạng Pháp sư Chân Đế nói rằng: "Trong Tây Vực Truyện Ký nói: Sau Phật nhập Niết-bàn gần năm trăm, có một vị Tỳ-kheo rất thấu hiểu kinh điển Đại thừa, chứng đạt Vô sinh, đi khắp nơi tìm cầu kinh sâu mầu, đến núi tuyết, mở cửa tháp báu, bày xem các Phạm giáp (kinh điển bổn Phạm), và giữ gìn thọ trì. Đến đầu 600 năm, sau Phật nhập Niết-bàn, trong nước Nam Thiên Trúc (Nam Ấn-độ) có một người thuộc chủng tộc Phạm chí thông hiểu bốn bộ Vệ-đà, Đại nghĩa Ngũ Minh, mười tám dị kinh, nổi tiếng khắp năm xứ Ấn-độ, riêng một mình rảo bước khắp các nước, tên là Long Thọ. Sau đó, Ngài bỏ tà về chánh, xuất gia thọ giới Cụ túc. Trong chín mươi ngày tụng đọc thầm Ba tạng, đã tìm cầu kinh pháp sâu mầu mà không đâu có được, bèn vào trong tháp ở núi Tuyết. Vị Tỷ-kheo ấy trao bản Phạm kinh này cho Long Thọ. Ngài Long Thọ nhận đọc vui mừng, biết được thật nghĩa, đi khắp các nước rộng tìm cầu các kinh điển khác, tìm khắp Diêm-phù-đề mà không nơi nào có được, nên ngồi một mình ở tịnh thất, trong phòng thủy tinh tư duy về việc ấy. Vua rồng ở dưới biển lớn thấy vậy thương xót nên dẫn xuống biển lớn. Ở trong cung điện phát ra bảy hộp báu, đem các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, v.v... Các kinh Phương Đẳng nghĩa lý sâu mầu như Thái Vân, Hoa Thủ, Ban Chu, v.v... và các pháp mầu mà trao cho. Ngài Long Thọ nhận lấy xem đọc trong chín mươi ngày, tâm thức thấm đượm sâu, rất được thật lợi. Long vương biết được tâm ấy nên hỏi rằng: "Đọc kinh hết chưa?"

Ngài Long Thọ nói: "Kinh trong các hộp của ông có nhiều vô

lượng, dù suốt kiếp cũng không thể hết. Các kinh tôi đã đọc qua ở đây nhiều gấp mười lần so với kinh ở Diêm-phù-đề".

Long vương nói: "Như trong cung ta đây nói có kinh điển, các xứ so sánh đây chẳng thể tính biết, mỗi thứ nhiều như số bụi không ngằn không ngại, không thể nghĩ bàn".

Long Thọ nói rằng: "Xin được kinh sâu mầu này đem về cõi Diêm-phù-đề, mở mang Phật pháp, nhiếp phục ngoại đạo". Long vương nói: "Trong cung ta đây có kinh "Hoa Nghiêm Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát" gồm ba bản: Bản thượng có số bài tụng nhiều như số bụi của mười ba thế giới, số phẩm nhiều như bụi của bốn thiên hạ; Bản Trung có bốn trăm chín mươi tám ngàn tám trăm (498.800) kệ tụng, một ngàn hai trăm (1.200) phẩm. Bản Hạ có mười muôn kệ tụng, ba mươi phẩm. Kinh "Pháp Hoa Bình Đẳng Đại Hội" có số kệ tụng nhiều như bụi của mười thế giới, không thể nói hết số phẩm. Ngoài ra, còn có các kinh điển khác rất nhiều rộng".

Ngài Long Thọ nói: "Tôi thấy Diệu Điển không thể nghĩ bàn, phải làm sao để mở mang truyền bá?"

Long vương nói: "hai bản Thượng và Trung của kinh Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát, người ở Diêm-phù-đề chẳng thể thọ trì được, nên không thể truyền cho, kinh Pháp Hoa sâu mầu thì bản lược ở Diêm-phù-đề, bản Quảng đều cất ở trong cung ta đây".

Long vương bèn trao cho kinh Hoa Nghiêm bản Hạ và một rương các kinh khác. Ngài Long Thọ đã có được một rương, bèn nhập sâu vào pháp Vô sinh. Sau khi trở về lại, ngài ở tại Nam Thiên Trúc, mở mang Phật giáo, nhiếp phục ngoại Đạo, giảng rộng các pháp Đại thừa, soạn ba bộ Đại luận, ngàn bộ Biệt Luận. Trong Đại luận phần nhiều dẫn nêu ở các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa để giải thích yếu chỉ sâu mầu, v.v... Nếu theo truyện ký ấy thì đã có Đại bổn, đều được cất giữ ở Long cung, ẩn kín chẳng truyền bá.

Theo Tây Vực Chí chép: "Trong cung vua nước Vu-điền có kinh Pháp Hoa bản Phạm, tất cả có sáu ngàn năm trăm kệ tụng. Đi về phía Đông nam hơn hai ngàn dặm có nước tên là Già-câu-bàn, vua nước đó nhiều đời kính trọng giáo pháp Đại thừa. Các bậc danh tăng ở nước khác vào nước đó, đều thử xem sự nhận biết của họ, nếu vị nào học theo giáo nghĩa Tiểu thừa thì đưa đi không lưu giữ lại. Còn vị nào học pháp Đại thừa thì giữ lại để cúng dường. Trong cung vua có năm bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm Đại Tập, Ma-ha Bát-nhã, Pháp Hoa và Đại Niết-bàn, cùng mười vạn bài kệ tụng, đích thân vua tự thọ trì. Đến gần, nắm lấy

chốt then cửa, chuyển đọc thì mở, cúng dường hương hoa. Lại theo hướng Đông nam đi hơn hai mươi dặm có một ngọn núi cao vợi rất hiểm trở, trên đỉnh núi có hang đá, miệng núi nhỏ hẹp nhưng bên trong rộng thoáng. Trong đó có các kinh Hoa Nghiêm, Đại Tập, Phương Đẳng, Bảo Tích, Lăng-già, Phương Quảng, Xá-lợi-phất Đà-la-ni. Hoa-tụ-đà-la-ni, Đô-tát-la, Ma-ha Bát-nhã, Đại Vân, Pháp Hoa, v.v... tất cả mười hai bộ, đều có mười bài kệ tụng. Theo pháp luật nước đó truyền rằng phải thường canh phòng gìn giữ". Lại nói: "Trong cung vua nước Kế-tân có kinh Pháp Hoa gồm sáu ngàn bài kệ tụng, v.v...".

Nay ở đây suy ra, khi Đức Phật còn trụ ở đời, tương đương với năm thứ 45 tức năm Ất sửu đến năm thứ 52 năm Nhâm thân đời vua Mục Vương (Cơ Mãn) thời Tây Chu ở Trung Hoa, Ngài nói kinh Pháp Hoa, rồi nhập Niết-bàn. Sau khi Đức Phật viên tịch suốt hơn ngàn năm đều không lưu hành. Mãi đến 1230 năm, tức niên hiệu Chánh Nguyên năm đầu là năm Giáp tuất (254) dưới thời Phế Đế (Cao Quý Lang Công - Tào Mao) nhà Tiền Ngụy, mới truyền năm trăm bài kệ tụng đến đặt tại quán ở Giao Châu. Đến thời Tây Tấn, Diêu Tần mới mang đến xứ này, truyền bá mà phiên dịch. Nên phải biết y cứ cơ duyên có thuần thục, chưa thuần thục, ẩn hiển khác thời. Nếu theo "Trụ Pháp ký" thì lúc sắp nhập Niết-bàn. Đức Phật phó chúc giáo pháp Vô thượng cho mười sáu vị Đại A-la-hán và quyến thuộc, đồng thời che chở giữ gìn chẳng để dứt mất, mười sáu vị A-la-hán giữ gìn chánh pháp làm lợi ích cho loài hữu tình. Đến lúc ở châu này (Diêm-phù-đề), tuổi thọ con người chỉ còn mười tuổi thì Phật pháp dần dứt mất. Về sau, lúc tuổi thọ con người tăng dần lên đến bốn vạn năm, thì các vị A-la-hán ấy đều lại trong loài người để hiển bày giảng nói chánh pháp. Cho đến lúc con người sống thọ đến sáu vạn năm, chánh pháp Vô thượng lưu hành ở thế gian, hưng thạnh không dừng nghỉ. Đến lúc con người sống thọ bảy vạn năm thì chánh pháp Vô thượng hoàn toàn dứt mất. Nhưng kinh này vẫn lưu thông, phần nhiều ở khắp thời mạt pháp. Nên trong văn kinh các chỗ có nói: Trong thời mạt pháp ở năm trăm năm sau, như lúc gặp người nào được kinh này thì quên cả ngủ nghỉ và ăn uống, chớ để thời gian luống qua.

## III. NĂM THÁNG TRUYỀN DỊCH :

Xét theo "mục lục các kinh", v.v... thì năm tháng phiên dịch kinh Pháp Hoa lược có sáu thời như sau:

1/ Sau Đức Phật nhập Niết-bàn 1.230 năm, vào thời Tiền Ngụy, niên hiệu Cam Lộ thứ nhất (256) tức năm Ất Hợi(1) tương đương niên

hiệu Ngũ Phụng năm thứ hai thời Đông Ngô, ngày mồng 07 tháng 07, do Sa-môn Chi-Cương-lương tiếp người nước ngoài, Hán dịch âm đúng là "vô úy", phiên dịch tại thành Giao Châu, và do Sa-môn Đạo Hinh ghi chép, dịch thành sáu quyển và đề tên là "kinh Pháp Hoa Tam-muội".

2/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1240 năm, vào thời Tây Tấn, niên hiệu Thái Thỉ năm thứ nhất (265) tức năm Ất Dậu, do Sa-môn Đàm-ma-la-sát, người nước Nguyệt Chi, Hán dịch là Pháp Hộ. Ngài vốn họ Chi, đến Tây Vực, hiểu thông ngôn ngữ và sách của cả ba mươi sáu nước, từ Thiên-trúc mang kinh này bằng bản Phạm đến và dịch thành sáu quyển, đề tên là "kinh Tát Vân Phân-đà-lợi Pháp Hoa".

3/ Đến niên hiệu Thái Khương thứ 7, tức năm Bính Ngọ (286) thời Tây Tấn, ngài Pháp Hộ lại dịch rộng thành mười quyển, đề tên là "kinh Chánh Pháp Hoa". Đến ngày 28 tháng 08 niên hiệu Vĩnh Hy thứ nhất (290) thời Tây Tấn, Tỳ-kheo Khương-na-luật ghi chép xong tại Lạc Dương. Khi đó cùng với Tỳ kheo Giới tiết, Ưu-bà-tắc Trương Quý Bác, Đồng Cảnh Huyền, Lưu Trường, Võ Trường Văn, v.v... tay cầm bản kinh đến Bạch Mã Dung, trình ngài Pháp Hộ, ngài so sánh xưa nay, giảng ra nghĩa sâu. Đến ngày 14 tháng 9 thiết trai cúng dường. Ở chùa Đông Ngưu lập Đại hội bố thí, giảng tụng kinh ấy suốt ngày suốt đêm, không ai chẳng vui mừng khen ngợi, xong rồi hiệu đính lại.

4/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1.284 năm, vào thời Đông Tấn, cuối niên hiệu Hàm Khương thứ nhất, tức năm Ất mùi (335), do Sa-môn Chi Đạo Lâm phiên dịch thành sáu quyển, đề tên là "kinh Phương Đẳng Pháp Hoa".

5/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1.353 năm, vào niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ bảy, tức năm Giáp Thìn (404) thời Diêu Tần, Sa-môn Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng thọ, người xứ Thiên-trúc đến vườn Tiêu Dao ở Trường An, dịch thành bảy quyển hoặc tám quyển, đề là "kinh Diệu Pháp Liên Hoa", ngài La-thập và ngài Pháp Hộ cách nhau gần trăm năm.

6/ Sau Phật nhập Niết-bàn 1.550 năm, vào niên hiệu Nhân Thọ năm thứ nhất, tức năm Tân Dậu (601) đời Tùy, do Sa-môn Cấp-đa Quật-đa ở chùa Đại Hưng Thiện, dịch thành bảy quyển, đề là "kinh Thiêm Phẩm Pháp Hoa". Trong lời tựa kinh chép: "Xét về hai bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập và ngài Pháp Hộ, chưa hẳn từ một bản mà dịch ra. Bản dịch của ngài Pháp Hộ dường như từ văn kinh của lá đa-la. Bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập dường như từ văn ngữ của nước Quy-tư. Trong đó, ngài Pháp Hộ dịch thiếu phần kệ trong phẩm Phổ Môn, còn

bản ngài Cưu-ma-la-thập dịch thì thiếu một nửa phẩm Dược Thảo Dụ, phần đầu của hai phẩm Phú-lâu-na và Pháp sư, v.v... Phẩm Đề-bà-đạt-đa, kệ tụng của phẩm Phổ Môn. Ngài Cưu-ma-la-thập lại dời phẩm chúc lụy đặt ở trước phẩm Dược Vương, hai bản Đà-la-ni đều đặt sau phẩm Phổ Môn, trong đó sự đồng khác nói không thể hết".

Theo sự thỉnh cầu của Sa-môn Thượng Hạnh ở chùa Phổ Diệu, bèn cùng hai Tam tạng Pháp sư Cấp-Đa và Quật-Đa ở chùa Đại Hưng Thiện xem xét văn, lại từ bản La-đa-la về phần đầu của hai phẩm Phú-lâu-na và Pháp sư, v.v... xét ở bản vẫn còn thiếu, trong phẩm Dược Thảo Dụ lại còn hơn một nửa, phẩm Đề-bà-đạt-đa lại đặt chung vào phẩm Hiện Bảo Tháp, còn phẩm Chúc Lụy ở sau phẩm Đà-la-ni Thần Lực đem trở lại kết thành đặt ở cuối kinh, ngànvạn ức kệ tụng, nghĩa mầu khó cùng tận. Lúc xem xét lại, lược theo ba thể lệ:

1/ Dời đổi vị trí phẩm, như phẩm Đà-la-ni, Thần Lực, Chúc Lụy, v.v...;

2/ Thêm văn, như một nửa phẩm Dược Thảo Dụ, và kệ tụng của phẩm Phổ Môn, v.v...;

3/ Sửa đổi lời, như hai phẩm chú, v.v... Ngoài ra, các văn từ đều y theo bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập, không sửa đổi gì.

Trong bản dịch thứ sáu có ba điểm còn và ba điểm mất, trong ba điểm còn thì diệu bản rất dài, Phổ Hiền mộng trao cho dấu chấm phẩy, không có văn nghĩa sai lầm. Nam Sơn hỏi vị trời rằng: "Kinh điển của một đời Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập phiên dịch, mãi đến nay vẫn còn như mới, thọ trì càng hưng thạnh. Vì sao?"

Đáp rằng: "Vì người đó (= tức La-thập) thông minh, khéo thấu hiểu giáo pháp Đại thừa, trở xuống đến các ông đều là vật báu của một đời người sau. Sáng rực ở trước, về sau không còn nữa, nên ngài La-thập dịch kinh lấy sự Ngộ Đạt làm đầu, được Phật dự ghi chứng đạt ngôi vị cao quý ở Tam Hiền, tự tay lưu xuất kinh điển, đến nay vẫn hưng thạnh đọc tụng không suy giảm. Nên minh cảm giáng hiện qua nhiều đời lại càng mới, lấy đó mà chứng lượng, rất hợp với yếu chỉ kinh pháp. Lại được Văn-thù cầm tay trao cho người thời nay không dám tin chắc, bởi đó là việc vượt ngoài thói thường, lẽ đâu đem cái biết hạn hẹp của mình mà xét được ư?, chóng quên Huyền giáo, thật không đủ để dự xen lời". Trên đây hoàn toàn y theo Tăng truyện và Biệt truyện kinh lục, v.v...

Nay nói lược về Phả Chí ngài Cưu-ma-la-thập, Ngài vốn là người Thiên-trúc, gia đình nhiều đời làm tướng quốc. Cha ngài tên là Cưu-ma-la-viêm, thông minh rất có chí tiết tốt đẹp, sắp nối tiếp ngôi vị làm

tướng bèn từ giã mà đi xuất gia, theo hướng Đông đến thông lãnh. Vua nước Quy-tư nghe La-Viêm từ bỏ vinh hạnh, rất đỗi kính mến, thỉnh làm Quốc sư. Vua có một người em gái mới hai mươi tuổi, rất tài giỏi thông minh, mọi việc qua mắt thì đều làm được, chỉ nghe qua một lần thì nói lại được. Lại trên thân cô có nốt ruồi son, theo tướng pháp thì sẽ sinh con trí tuệ, các nước đến cầu hôn nhưng cô chẳng hề chấp thuận. Đến lúc thấy La-Viêm, dục tâm liền dấy khởi, vội lấy làm vợ, trải qua thời gian lâu mà không mang thai. Vua đến hỏi em gái rằng: "Chồng em có thuật gì vậy?" Đáp rằng: "Lúc hành dục, ông ấy đọc tụng một bài kệ "Ở thế giới như hư không, dường hoa sen không dính nước". Do năng lực của bài kệ ấy". Vua nói: "Em nên tỏ vẻ yêu kiều". Sau đó khi đã mang thai, ngài (Cưu-ma-la-thập) ở trong bào thai thì cha mẹ có năng lực tuệ giải gấp bội lúc thường. Có vị La-hán tên là Đạt-ma-Cù-sa nói rằng: "Đây là mang thai người con có trí tuệ" La hán lại nói cho Cô nghe về việc ngài Xá-lợi-phất lúc ở trong thai mẹ. Đến khi sinh Ngài, mẹ Ngài lại quên hết mọi điều nói trước. Mẹ ngài xuất gia thọ học, chứng được Sơ quả.

Năm bảy tuổi, ngài xuất gia, theo thầy thọ học kinh, thường ngày tụng ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, như vậy có tất cả ba mươi hai ngàn lời, liền tự thông đạt, không có điều sâu mầu nào chẳng thỏa lòng. Năm chín tuổi, Ngài theo mẹ vượt qua sông Tân-đầu, đến nước Kế-tân, gặp Sa-môn Bàn-đầu-đạt-đa, tức em họ của vua, là người tài minh bác thức, thông đạt Ba tạng chín bộ, nổi tiếng khắp các nước, xa gần đều tôn thờ làm thầy. Ngài đến, liền phụng thờ như bậc thầy, theo thọ học Ba tạng và Trung A-hàm, Trường A-hàm, có đến bốn trăm muôn lời. Vua mời Ngài vào cung, nhóm họp các Luận sư ngoại đạo, cùng nhau luận nghị, Ngài thừa những yếu điểm mà bắt bẻ. Núi đen đã nghiêng đổ, ánh mặt trời tròn sáng, vua đem vật thượng cúng của nước ngoài mà dâng cúng lên Ngài. Ngài ở tại chùa Tăng thì vua sai năm vị Đại tăng và mười vị Sa-di trông coi quét tước. Ngài được tôn sùng rất mực như thế. Năm mười hai tuổi, mẹ Ngài lại dẫn Ngài về lại nước Quy-tư, các nước đều đem tước lộc tốt đẹp đến viếng thăm, Ngài chẳng hề đoái hoài nhận lấy.

Sau đó, mẹ ngài lại dẫn ngài qua nước Nguyệt-Chi, đến núi phía Bắc nước đó, có vị A-la-hán thấy ngài bèn lấy làm lạ, nói với mẹ Ngài rằng: "Phải thường gìn giữ lấy, đến năm ba mươi lăm tuổi mà không bị hủy phá giới phẩm thì sẽ làm sáng ngời lớn mạnh Phật pháp, độ vô số người, quyết sẽ hưng hóa đồng như Tôn giả Ưu-bà-quật-đa không

khác!" Ngài đến nước Sa-lặc, đội lấy bình bát của Đức Phật lên đầu, tùy tâm khởi niệm, liền có sự nhẹ nặng. Ngài ở nước Sa-lặc một năm, tụng đọc thông luận A-tỳ-đàm và Thập Nhị Môn, v.v... Có vị Sa-môn mới ba tuổi Hạ tên là Hỷ Kiến nói với vua nước đó rằng: "Vị Sa-di này, thật không thể xem thường, vua nên mời khai giảng pháp môn, có hai điều lợi: một là các Sa-môn ở trong nước ta hổ thẹn bởi không sánh bằng vị Sa-di ấy, sẽ thấy có sự cố gắng lớn mạnh và hai là vua nước Quy-tư sẽ cho là "Cưu-ma-la-thập là người xuất phát từ nước ta, do em gái ta sinh ra, mà vua nước kia (Sa-lặc) tôn kính đó, tức là tôn kính ta" nên chắc chắn sẽ trở lại giao hảo". Vua bèn chấp thuận, liền mở đại hội, thỉnh Ngài lên tòa cao giảng pháp. Vua nước Quy-tư quả nhiên sai sứ trở lại, đối đáp rất thân hảo. Nhân những lúc rảnh rỗi giảng pháp, ngài mới tìm phỏng kinh sách ngoại Đạo, thông hiểu bốn bộ Vệ-đà cùng mười tám Đại kinh và luận Ngũ Minh, v.v...

Bấy giờ, có Vương tử Thảo Xa và Vương tử Tham Quân hai anh em giao phó nước nhà cho người, theo làm Sa-môn. Người anh tự là Tu-lợi-da-bạt-đà, người em hiệu là Tu-lợi-da-tô-ma, chuyên dùng giáo pháp Đại thừa để giáo hóa, đặc biệt là mở rộng kinh Pháp Hoa, người anh cùng các người học chung Thầy, Ngài (La-thập) cũng tôn sùng kính phụng. Bạt-đà vì Ngài mà giảng cho kinh A-nậu-đạt, ngài nghe yếu chỉ pháp "không" bèn lấy làm lạ mà tỏ ngộ, mới biết Lý có chỗ quy về, bèn chuyên về kinh giáo Phương Đẳng, mới than rằng: "Xưa, ta học pháp Tiểu thừa, như người không biết vàng lấy đồng thau làm vật báu!" Nhân đó tìm cầu rộng yếu nghĩa, ngài đi khắp các nước của xứ Ấn Độ, tụng đọc các kinh điển Đại thừa như Pháp Hoa, Đại Phẩm, Thủ-lăng-nghiêm, v.v... thọ học các bộ Trung luận, Bách luận, luận Thập nhị môn, luận Đại Trí Độ, v.v... các vị nghĩa học ở các nước đều phục ứng mà giúp đỡ. Ngài lại theo mẹ trở về nước Ôn-túc, tức thuộc biên giới ở phía Bắc nước Quy-tư. Bấy giờ có một vị Đạo sĩ tiếng tăm vang khắp các nước, Ngài dùng hai nghĩa cùng kiểm lường về Tông của Đạo sĩ, từ đó tiếng tăm Ngài vang khắp các nước, vẻ vang lan tỏa khắp hải ngoại. Vua nước Quy-tư đích thân đến mời Ngài về nước, giảng rộng các kinh, các vị theo học khắp bốn phương xa, không ai chống lại được, mẹ ngài đã chứng đắc Nhị Quả, có khuynh hướng muốn giã từ để sang Thiên-trúc, nên nói với vua rằng: "Nước của anh sắp suy, nay tôi xin từ giã từ đây!". Đến Thiên-trúc, mẹ ngài bèn chứng đắc Tam quả. Lúc sắp sửa đi, nói với Ngài rằng: "Các kinh Pháp Hoa, Phương Đẳng, Ma-ha Bát-nhã là giáo điển sâu mầu, nên mở rộng ở Trung quốc, truyền bá

đến Đông độ, việc ấy chỉ có năng lực của con làm được, nhưng đối với tự thân thì có điều bất lời. Con thấy thế nào?" Ngài thưa mẹ rằng: "Đạo của bậc Đại sĩ là quên mình để lợi người. nếu làm cho Đại pháp truyền bá, thì sẽ khai ngộ được những người mê muội, dù thân phải chịu khổ nơi vạc sôi lửa đỏ, cũng không lấy làm tiếc!"

Từ đó, Ngài ở lại tại chùa Tân, sau đó ở trong cung cũ bên cạnh chùa mới được, tỏa phát ánh sáng, trú hàng phục ma trời. Ngài dừng ở ba năm đọc tụng rộng các kinh điển Đại thừa, thấu suốt Bí tạng yếu chỉ sâu mầu. Vua tạo tòa Sư tử bằng vàng, dùng nệm gấm của Đại Tần để trải lên, mời Ngài lên ngồi giảng pháp, Ngài bảo: "Thầy ta Bàn-đầu-đạt-đa còn chưa tỏ ngộ pháp Đại thừa, nên muốn cùng sang để chuyển hóa, không thể dừng ở đây". Bỗng chốc ngài Bàn-đầu-đạt-đa chẳng quản từ xa mà đến hai bậc Thánh lại cùng thấu tỏ nghĩa không của đại thừa. Được hơn một tháng, mới tin phục, nên ngài Bàn-đầu-đạt-đa than rằng: "Hòa-thượng (tức chỉ La-thập) là bậc Thầy về giáo pháp Đại thừa của tôi. Tôi là thầy về giáo điển Tiểu thừa của Hòa-thượng!" Các nước Tây Vực đều phục sức thần tuấn của ngài. Mỗi lúc Ngài giảng nói, các vua đều quỳ thẳng bên cạnh tòa, thỉnh ngài bước lên. Ngài được trọng quý đến như thế, Đạo ngài đã lưu tỏa ở Tây Vực, tiếng tăm vang vọng Đông xuyên.

Bấy giờ, Phù Kiên lấn ngôi, hiệu là Quan Trung, có Tiền Bộ Vương và em của Quy Tư Vương đệ đều đến ra mắt. Phù Kiên nói rằng: "Ở Tây Vực phần nhiều hay sinh ra các thứ lạ quý, nên xin binh lính sang bình định để lấy". Đến tháng giêng năm Đinh Sửu (377) tức niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ mười ba đời Phù Kiên, quan Thái sử tâu rằng: "Có ngôi sao sáng xuất hiện ở đồng hoang của nước ngoài, sẽ có bậc đại đức trí nhân đến giúp Trung quốc".

Phù Kiên nói rằng: "Trẫm nghe ở Tây Vực có Sa-môn Cưu-ma-la-thập, ở Tương Châu có Sa-môn Đạo An, há chẳng phải đó ư?"

Kiên liền sai Sứ tìm cầu. Đến tháng 9 niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ mười tám (382), Phù Kiên sai Lã Quang, v.v... dẫn bảy muôn binh lính theo hướng Tây đi đánh các nước Quy-tư, Ô-Kỳ, Lã Quang bắt được Ngài, chưa lường biết được trí lượng của Ngài, thấy ngài tuổi trẻ bèm cho là người phàm thường, mà đùa bỡn, cưỡng bức ngài lấy Vương nữ nước Quy-tư làm vợ. Ngài không chịu, khước từ, đành chịu rất mực kham khổ. Lã Quang trở về giữa đường, đóng quân dưới chân núi, tướng sĩ đều ngơi nghỉ. Ngài bảo: "Không thể dừng nghỉ ở đây, sẽ gặp phải khốn đốn, nên dời quân lên trên gò núi". Lã Quang không nghe lời

can ngăn của Ngài, quả nhiên đến đêm hôm đó, mưa lớn tuôn đổ nước ngập sâu đến vài trượng, chết cả hàng ngàn người, Lã Quang mới thầm lấy làm lạ. Không bao lâu, Lã Quang qua đời, con của Lã Quang là Lã Thiệu nối ngôi được vài ngày thì con thứ của Lã Quang là Lã Toản giết Lã Thiệu tự lên ngôi, xưng là nguyên Hàm Ninh, đánh cờ với Ngài, đùa vui, Lã Toản nói: "Chặt đầu Hồ Nô". Ngài bảo: "Không thể chặt đầu Hồ Nô mà trái lại Hồ Nô sắp chém lấy đầu người". Lời nói ấy của Ngài rất có ý chỉ, vì em của Lã Quang là Lã Bảo, có người con là Lã Siêu. Lã Siêu thuở nhỏ tự là Hồ Nô, về sau quả nhiên Lã Siêu (Hồ Nô) giết Lã Toản, khi ấy mọi người mới nghiệm ứng về lời của Ngài. Ngài dừng ở nhiều năm mà cha con Lã Quang không hoằng bá truyền Đạo pháp nên Ngài cũng chẳng nhờ đâu tuyên hóa được. Và Phù Kiên cũng đã qua đời, không được gặp được Ngài! Đến thời đại Diêu Trành, mọi người trong dòng họ Lã cho ngài là người có trí tuệ mưu kế, lắm sự thông hiểu, sợ sẽ làm tham mưu cho Diêu Trành, nên không chấp thuận để ngài đi về phương Đông. Đến lúc Diêu Trành qua đời, con là Diêu Hưng lên nối ngôi, lại sai sứ đôn đốc thỉnh Ngài.

Đến tháng 03 niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ 3 (400), có cây Liên lý sinh tỏa rộng ở trước sân. Trong vườn Tiêu Dao, cây hành bỗng biến thành cây kiệu, Diêu Trành cho đó là điềm lành, nghĩa là có người trí sẽ đến. Sang tháng 05 đánh Lã Long, mới được rước Ngài vào quan nội. Ngày 20 tháng 12 năm đó, Ngài vào đến Trường An, Diêu Hưng dùng lễ của Quốc sư để tiếp đãi Ngài, bèn thỉnh ngài vào lầu Tây Minh và vườn Tiêu Dao, dịch các kinh. Các Sa-môn Tăng Hoạch, Tăng Duệ, Tăng Triệu, v.v... có hơn tám trăm vị đều thưa hỏi, thọ học yếu pháp từ Ngài. Khi đã dịch ra kinh Đại Phẩm. Ngài cầm bản kinh tiếng nước Hồ, Diêu Hưng cầm bản kinh văn xưa cùng so với bản kinh văn mới dịch ấy. Diêu Hưng đã ôm ấp ứng nghiệm rất tôn kính Phật pháp, từng đến trong chùa Thảo Đường thiết hội cúng dường ba ngàn vị tăng, cùng ngài tham định các kinh mới cũ.

Đến mùa Đông niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ bảy (404), ngài dịch kinh Pháp Hoa, Diêu Hưng cầm bản kinh do ngài Pháp Hộ dịch để so sánh nhau. Ngài đọc bản tiếng Phạm, các Sa-môn Tăng Duệ v.v... ghi chép. Đến phẩm "Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký", Ngài nói: "Xưa kia, Pháp sư Pháp Hộ dịch là "Trời thấy người, người thấy trời". Văn từ đó rất hợp nghĩa với Tây Vức, chỉ tại lời hơi quá chất". Ngài Tăng Duệ liền nói rằng: "Há chẳng phải người và trời cùng giao tiếp, hai bên được thấy nhau ư?" Ngài rất vui mừng!

Kinh luận do ngài dịch có tất cả chín mươi tám bộ, bốn trăm hai mươi lăm quyển, soạn thuật An Lạc Độ Nghĩa kinh, Sinh Nhân truyện, Bồ-đề Tâm Nghĩa v.v... Từ khi Phật pháp truyền bá đến phương Đông mãi đến nay, được mở mang giáo hóa nhuần khắp, phần nhiều là do công sức của Ngài! Truyền rằng: ngài là hóa thân của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, xưa kia ở tại núi Linh thứu vì chứng mà phát khởi, nên ngày nay dịch kinh, như lúc cầm bút thì từ bút phát ra ánh sáng. Trong ánh sáng đó hoặc có lúc hiện thân Bồ-tát Văn-thù, hoặc hiện thân Phật, bốn vị Thiên vương che chở. Trong đó, thường nghe theo thân, v.v...

Tôi (Tăng Tường) thấy Bản hạnh của Ngài thật là bậc Đại thánh, cũng ở địa vị Tam hiền. Các kinh luật do ngài dịch ra, cảm thông thật có lý do.

## IV. CHI PHÁI BIỆT HÀNH :

Theo kinh lục nói rằng: "Chi phái lưu hành riêng về kinh Pháp Hoa, số lượng ở phương Tây có bao nhiêu, riêng ở Đông độ truyền bá còn ít. Tương truyền ở phương Tây, kinh Pháp Hoa bản Phạm nêu bày khắp cả một do-tuần, tương ứng với Biệt hành cũng đều như thế, v.v... Nay từ khi truyền bá ở xứ này, có kinh Vô Lượng Nghĩa một quyển, ở đây gọi là "phần tựa". Niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ 2 (480) thời Nam Tề, do Sa-môn Đàm-ma-da-xá, Hán dịch là Pháp Sinh Xứng, người ở xứ Thiên Trúc tự tay dịch ra. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba (485) thời Nam Tề, người được truyền nhận là Sa-môn Tuệ Biểu mang đến Dương Đô, biên chép truyền bá, có ẩn sĩ Lưu Cầu, người ở xứ kinh châu đang trụ tại núi Võ Đang soạn lời tựa kinh này.

Có kinh Quán Phổ Hiền Hạnh Pháp kết sau cùng. Niên hiệu Nguyên Gia thứ nhất (424) đời Tiền Tống, do ngài Đàm-ma-mật-đa, còn gọi là Đàm-ma-mật-đa; Hán dịch là Pháp Tú, người nước Kế-tân dịch tại Dương Đô. Về sau, Tam tạng Pháp sư Chân Đế soạn biệt ký, lưu hành ở đời.

Như nói về biệt hành thì kinh "Phật dĩ Tam xa hoán Tử" một quyển, do ngài Chi Khiêm dịch đời Ngụy, là đồng bản với phẩm "Thí dụ" trong đại bộ.

Kinh Quán Thế Âm một quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào niên hiệu Vĩnh Gia năm thứ hai (308) đời Tây Tấn. Kinh Phổ Môn Phẩm một quyển, do Sa-môn Kỳ-đa-mật dịch vào đời Đông Tấn. Kinh Quán Thế Âm một quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch tại vườn Tiêu Dao vào thời Diêu Tần. Kinh Quán Thế Âm một quyển, do An Dương Hầu

Kinh Thanh dịch tại Cao Xương vào đời Tiền Tống. "Phổ Môn Trùng tụng kệ" một quyển, do Sa-môn Xà-na-quật-đa người nước Kiền-đà ở Bắc Thiên-trúc đến trụ chùa Long Tuyền ở Ích Châu, cùng với Lương Tiêu Vương Vũ Văn dịch dưới thời vua Võ Đế (Tiêu Diễn, 502-550) đời Nam Lương. Năm bản kinh này là đồng bản Phạm với phẩm "Phổ Môn" trong Đại bộ. Lại có kinh "Phổ Môn Phẩm" một quyển gồm mười lăm trang giấy là đồng bản Phạm với hội Văn-thù trong kinh Đại Bảo Tích, chẳng phải trích riêng từ kinh Pháp Hoa.

"Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa" một quyển, do ngài La-thập dịch, người ở cung Trường An, trừ biệt hành trong Đại bộ. "Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa" một quyển, do Sa-môn Chân Đế đời Trần, tu bổ bản dịch của ngài La-thập và nhuận sắc thêm. Lại có đồng phẩm một quyển, trong khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) đời Nam Tề, do Sa-môn Pháp Hiến từ nước Vu-điền có được bản Phạm, cùng ngài Bảo Ý dịch ra tại chùa Ngõa Quan ở Dương Đô, ba bản trên đây đồng với một phẩm trong Đại bộ.

Kinh "Pháp Hoa Quang Thụy, Bồ-tát Hiện Thụy" ba quyển, do Sa-môn Chi-Cương-lương dịch tại Giao Châu, đồng với phẩm Tựa và phẩm Thọ Lượng trong Đại Bộ.

Sáu bài thần chú của Dược Vương Bồ-tát v.v... trong kinh Pháp Hoa, vào khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường, do Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch. Các phẩm này phần nhiều mất bản. Chỉ có "phẩm Phổ Môn" do ngài Cưu-ma-la-thập dịch được riêng lưu hành khắp bốn biển. Vì sao? Vì có ngài Đàm-ma-la-sám; Hán dịch là Pháp Phong, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, người xứ Trung Ấn Độ, cũng còn gọi ngài là Bồ-tát Ba-lặc, Ngài lấy việc hoằng hóa làm chí nguyện, đến Thông lãnh, vừa đến Hà Tây, Hà Tây Vương là Thư Cừ Mông vốn là người biết quy mạng chánh pháp, do bị tật bệnh nên nói với Bồ-tát. Ngài Pháp Phong liền nói: "Bồ-tát Quán Thế Âm rất có duyên với cõi nước này". Bèn bảo tụng niệm, và bệnh khổ được tiêu trừ, do đó truyền riêng cho một phẩm lưu thông ngoài Đại bộ.

Lại có kinh Pháp Hoa Tam-muội không phải là biệt sinh của chi phái. Lại có kinh Tát Vân Phân-đà-lợi có hai phẩm Bảo Tháp và Đề-bà gồm một quyển, ít phân hiện hành ở thế gian và người đời không thọ trì, theo kinh lục xưa ghi chú là do ngài Pháp Hộ dịch, còn theo kinh lục bản Tiền Đường thì thấy mất tên người dịch. Lại còn có kinh Cao Vương Quán Thế Âm tuy rất có minh cảm, nhưng không nhân truyền dịch, không đủ để xác quyết là chi phái, cũng chẳng phải là biệt sinh.

## V. LUẬN GIẢI THÍCH KHÁC NHAU

Theo Tam tạng Pháp sư Chân Đế nói rằng: "Ở phương Tây truyền rằng, giảng nói Đại giáo Pháp Hoa, lưu bố khắp năm xứ Ấn Độ, tạo "Ưu-ba-đề-xá", chú thích văn nghĩa ấy có hơn năm mươi nhà. Đến cuối năm trăm năm sau Phật diệt độ, Bồ-tát Long Thọ soạn "luận Pháp Hoa". Đến đầu 600 năm sau Phật diệt độ, Bồ-tát Kiên Ý soạn Thích Luận, đều chưa truyền đến Trung quốc, nên chẳng lường biết về chỉ quy như thế nào? Đến 900 năm sau Phật diệt độ, tại nước Đại Phu thuộc Bắc Thiên-trúc, có vị Quốc sư tên là Bà-tẩu-bàn-đậu; Hán dịch là Thiên Thân, con của Kiều-thi-ca thuộc chủng tộc Bà-la-môn cũng soạn luận Pháp Hoa, chia làm sáu mươi bốn tiết pháp môn, giải thích đại nghĩa ấy. Có Sa-môn Lặc-na-ma-đề; Hán dịch là Bảo Ý, ngài là người xứ Trung Ấn-độ, là người học thức tài giỏi, thông hết lý sự, lại hiểu rành Ba tạng, tụng thông một ức bài kệ; mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, ngài vân du hoằng hóa. Vào niên hiệu Chánh Thỉ năm thứ năm (508) dưới thời vua Tuyên Võ Đế đời Bắc Ngụy, Sư đến Lạc ấp, dịch luận Pháp Hoa, một quyển, do Thị Trung Thôi Quang và Sa-môn Tăng Lãng, v.v... ghi chép, đang ngày dịch kinh, ở trong điện Lạc Dương có Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi truyền bản, Sa-môn Lặc-na-phiến-đa tham chiếu sau đó. Tam đức bèn vâng theo lời ngài Bồ-đề-lưu-chi, đều truyền theo thầy mà tu học, chẳng cần thưa hỏi. Vua lấy sự hưng thạnh của việc Hoằng Pháp, lược trình bày khúc tụng, ban sắc ở ba nơi, đều dịch xong mới dự tham cùng xem xét mọi sự ẩn mất trong đó, có sự khác nhau, câu văn thì có khi khác, người sau mới hợp lại, cùng thành bộ chung. Lại nữa, Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi; Hán dịch là Đạo Hy, Tân dịch là Giác Ái, ngài là người xứ Bắc Ấn-độ, rất tinh thông Ba tạng, khéo vào Tổng Trì, chí ý chuyên việc hoằng pháp, truyền bá rộng mọi sự thấy nghe, bèn men đường đi đêm, xa đến Thông Tả. Lúc đó là khoảng niên hiệu Vĩnh Bình (508-512) đời Bắc Ngụy. Sau, ngài trụ chùa Vĩnh Ninh, Tuyên Võ đế thường cúng dường tiếp đãi rất lễ hậu, có bảy trăm vị Phạm tăng, vua cung cấp đủ khắp, ban sắc chọn ngài Bồ-đề-lưu-chi làm Chủ tọa trong việc phiên dịch kinh điển. Ngài dịch lại thành hai quyển, ngài Đàm Hưu ghi chép và soạn lời tựa, với tựa đề là "Diệu Pháp Liên Hoa kinh Ưu-ba-đề-xá, mở đầu có văn tụng" Quy kính đại đồng tiểu dị với bản dịch của ngài Bảo Chí, tựa đề của bản văn ấy cũng là Pháp Hoa kinh Ưu-ba-đề-xá mà không có văn tụng "Quy mạng". Ở Trung hoa cũng có soạn luận, như Huyền Luận của ngài Cát Tạng đời Hồ, v.v... chẳng thể nêu thuật đầy đủ hết.

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 2

Trong quyển 2, có hai phần:

**VI. LỜI TỰA BIÊN TẬP CỦA CÁC PHÁP SƯ:**
Lời tựa của Pháp sư Tuệ Quán
Hậu tựa của Pháp sư Tăng Duệ
Lời tựa của Pháp sư Tuệ Viễn
Hậu Ký dịch kinh
Lời tựa thêm phẩm
Lời tựa kinh Vô Lượng Nghĩa
Lời ghi về Chánh Pháp Hoa.

***1. Lời tựa Pháp Hoa Tông Yếu do Thích Tuệ Quán soạn.***

Bản tế vắng lặng thì thần căn ngưng nhất, vừa động lìa thuần, thì tinh thô bày khác. Do đó, tâm ý dong ruổi, tưởng trần đua rong, che mờ có cạn sâu thì tối sáng khác gương. Vì thế, từ lúc đầu, Đức Thích Tôn thành Phật đến lúc giảng nói kinh này, nên ban đầu ứng theo vật mà mở luật, ba thừa lưu hóa riêng chẳng phải chân, thì đến thời kỳ cuối cùng có hội tụ. Hội tụ phải là đồng nguồn, nên thừa ấy chỉ có một, chỉ một thừa tối thượng, nghĩa đó là pháp mầu, có bài tụng rằng:

*"Thừa ấy mầu nhiệm*
*Thanh tịnh bậc nhất*
*Ở nơi thế gian*
*Chẳng gì hơn được".*

Diệu thì không thể nói ra rõ được, phải phỏng theo đó là có hình tượng. Vẻ đẹp của hình tượng thì hoa sen là bậc nhất. Hoa sen đẹp nhất thì hoa sen trắng là hơn hết, khéo dùng phương pháp mà vì nói, nên dùng hoa sen trắng ví dụ. Nhờ đó mà sáng tỏ ý kinh, mở toang sự mờ tối, không thể dùng ngôn ngữ cùng cực, ấy là nguyên do để giải thích

lý do Quyền ứng, Thống ngự đến cùng cực không thể dùng đến sâu kín, mở thật để hiển bày Tông Trí, Quyền ứng đã sáng tỏ thì tâm hạn cục tự diệt, Tông Trí đã hiển bày thì chân ngộ tự sinh. Nên khiến trăm dòng đều rót, ba thừa đồng sang, ba đồng sang đó hội thành một, đó là đầu tiên của Thừa. Giác tuệ thành mãn, đó là hưng thạnh của Thừa, và dứt cảnh lắng tâm, đó là chung cùng của Thừa. Tuy lấy muôn pháp làm thừa, nhưng gần đó có chủ, nêu Tông yếu đó thì Tuệ gồm thâu tên ấy, nên kinh lấy Chân tuệ làm thể, Diệu Nhất làm tên, vì thế, huyền ân của Đức Thích-ca lúc mới phát khen ngợi trí Phật sâu mầu, Phật Đa Bảo ngợi khen tốt lành, khen ngợi Đại Tuệ bình đẳng, nên có bài tụng rằng:

*"Vì nói trí tuệ Phật*
*Chư Phật hiện ở đời*
*Chỉ một sự thật này*
*Nếu hai, chẳng phải chân"*.

Vậy thì, Phật tuệ chỉ một chân thật, thể của thừa thành, thì diệu đạt viên mãn, hoa nở tốt đẹp. Tuy nương tựa hoa để phô bày mầu nhiệm, nói huyền biểu lộ hình tượng thì gọi đó là Diệu, mà thể bặt dứt tinh thô, nên lại có bài tụng rằng:

*"Pháp ấy chẳng thể bày*
*Lời lẽ đều vắng bặt"*.

Hàng Nhị thừa do đó mà dứt tư lự, chỗ diễn bày vì thế mà sạch bụi nhơ, chỉ có Phật và Phật mới rốt cùng, nên vô lượng Đức Như Lai cảm lời ít có mà nhóm hội, các bậc Thánh đã qua đời, bày dư linh mà hiện chứng, tin sự sâu mầu của Phật pháp, cảnh mầu của cùng thần. Đó là nghĩa vị của kinh này. Quán thiếu hành tập ngôn từ của Quy nhất, trưởng thành vị cốt yếu mà hội thông. Nhưng nghĩ tưởng càng chuyên cần thì u chỉ càng trầm lắng, không đâu chẳng hiện diện nơi Linh Thứu, vì xa tưởng văn từ, câu cú mà càng thêm nhớ nghĩ, lường lý do nói năng, sai bản là lầm văn trái chánh.

Có Pháp sư Cưu-ma-la-thập người nước ngoài, là người tài giỏi trí sáng vượt xa, kỳ ngộ vượt trội ngoài trời. Lượng như biển sâu, biện tuôn như ngọc tan, kế tiếp dấu vết dòng họ Thích để nối liền khuôn phép, cầm nắm lửa thần để mồi đuốc sương, buộc giềng mối suy đồi sắp dứt, không cùng nổi trôi đến đã đắm chìm, ngồi sáng đèn tuệ nơi đây, lại tỏ rạng ở cảnh ấy. Vào mùa hạ niên hiệu Hoằng Thỉ thứ 08 (405), tại chùa lớn ở Trường An, nhóm họp các vị Sa-môn nghĩa học ở khắp bốn phương có hơn ba ngàn vị, dịch lại kinh này cùng chúng nghiên cứu

tường tận. Pháp sư La-thập tự tay cầm bản kinh tiếng nước Hồ, miệng đọc dịch thành tiếng Hán đời Tần với phép tắc theo phương ngôn mà hướng về chẳng trái bản, tức lợi ích của văn từ đã quá hơn một nửa. Tuy mây đen đã vén sạch màn che chở, dương cảnh đều tỏ rạng, cũng chưa đủ thí dụ. Pháp sư La-thập còn nói: "Ngôn ngữ hiện mà nghĩa lý trầm lắng, sự tuy gần mà ý chỉ cao xa". Lại nữa giải thích sự ẩn mật nằm ngoài văn từ, nên tham cầu sâu sắc. Tuy cánh cửa tăm tối chưa mở nhưng đã nắm bắt được cửa ngõ.

Thượng thiện đượm nhuần bình đẳng, linh dịch chuộng quân bằng, do đó, kính cảm sự chúc lụy, cúi đầu cảm khái với điều chưa nghe nên tham cứu bày thuật yếu chỉ, truyền bá cho những người chưa nghe, ngõ hầu bánh xe chánh pháp xoay chuyển xa, đến chỗ chưa từng đến, mười phương đều tỏ ngộ, rốt cùng thấu đạt, thỏa thích với Nhất thừa, nên kính cẩn đề lời tựa này. (Xuất Tam tạng Ký Tập quyển 8).

***2. Hậu tựa kinh Pháp Hoa do Pháp sư Tăng Duệ soạn:***

Kinh Pháp Hoa là bí tạng của chư Phật, là thật thể của các kinh. Dùng hoa mà đặt tên là soi chiếu cội gốc. Gọi phân-đà-lợi (sen trắng) là khen ngợi sự hưng thạnh. Điều nêu bày đã cao mà ý chỉ ấy lại rất uyển nhã. Nếu chẳng từ những vị Đạt thức truyền trao thì ít người đạt được môn nhân đó. Sự tốt đẹp của trăm thứ cây cối cỏ thuốc là cội gốc của muôn vật báu. Tám vạn bốn ngàn pháp tạng là nguồn của Đạo quả. Trong tất cả các loài hoa thì hoa sen là loại hoa đẹp nhất. Chưa nở thì gọi là Quật-ma-la, nở mà sắp tàn gọi là Ca-ma-la, khoảng giữa thời gian đó, đang lúc tươi tốt đẹp xinh thì gọi là phân-đà-lợi. Chưa nở bày dụ cho hai đạo, sắp tàn dụ cho Nê-hoàn, đang lúc tốt tươi ngời sáng thì dụ cho khế kinh này. Còn các kinh Bát-nhã, v.v... sâu xa vô cùng nên Đạo lấy đó mà kết quy. Đại nghĩa là không gì chẳng bao gồm, thừa tức lấy đó mà cứu giúp. Nhưng đại lược đó đều vì thích hóa. Vì gốc của cửa ngõ ứng hóa không thể không dùng sự khéo léo làm dụng. Sự khéo léo ấy vì chuyển hóa, ngộ vật tuy rộng, mà đối với thật thể chẳng đủ, đều thuộc về Pháp Hoa, hẳn là rất đúng. Tìm xét về yếu chỉ sâu mầu thì to lớn, rộng sâu, lại gồm cả rất xa, chẳng nhọc nói thật kết quy về cội gốc, rốt cùng chắc chắn là khác đường mà thôi! Ấy mới thật là lý của bậc chánh giác bao gồm xưa nay v.v...

Phật có thọ mạng vô lượng, mãi trọn kiếp vẫn chưa đủ để nói về sự lâu dài đó, phân thân vô số muôn hình chưa đủ để khác cái thể ấy, nhưng thọ lượng chắc chắn chẳng phải số, phân thân sáng tỏ sự là

không thật. Phổ Hiền hiện bày sự không thành ấy. Phật Đa Bảo chiếu soi sự chẳng diệt đó. Xa tít cao huyền, xưa vì mong nay, thì muôn đời đồng với một ngày, tức trăm hoa nhờ ngộ huyền thì muôn đường không khác vết. Như vậy, thì đời đời chưa đủ để mong ở hiện tại, trọn tĩnh lắng cũng chưa thể nói sự lắng diệt kia. Tìm xét về tông nhiệm mầu vì đã dứt bặt thì mất công đối với vốn không, bắt dẫn dây tâm ở Tam-muội thì quên mong đến Nhị địa.

Kinh này truyền bá đến Trung hoa, tuy đã trải qua trăm năm, người dịch lầm mờ bến bờ hư rỗng, cửa linh chẳng vì đó mà mở. Người đàm phán trái với chuẩn cách, dấu vết sâu ít được giẫm bước, nhọc lại tìm cầu, nghiên cứu đến bạc đầu, đều chưa có người nhìn được cửa ấy. Dưới đời Tần, Tư Đồ Hiệu Úy Tả Quân An Thành Hầu Diêu Tung phỏng vận cửa huyền, gá tâm ngoài đời, chú thật pháp điển ấy, tin đạt đến sâu xa. Mỗi lúc tư duy suy tìm về văn ấy, nhận biết sâu sự lầm mất của người dịch. Đã gặp được Pháp sư Cưu-ma-la-thập, vì đó mà truyền trao ghi chép, góp đại quy thân ấy, như vạch nhiều lớp mây đen, giẫm đạp lên đỉnh Côn Luân cao mà cúi xuống nhìn. Bấy giờ, những vị nghe thọ lãnh hội, chư tăng có hơn tám trăm vị đều là những vị tài giỏi khắp nơi, là những vị tài giỏi một thời!

Niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ 8 (405) tức năm Ất Tỵ (Đồng như trước)

### *3. Lời tựa kinh Pháp Hoa, do Thích Tuệ Viễn soạn:*

Tôi (Tuệ Viễn) thường thấy Tạng kinh, dưới đời Tùy, Sa-môn Pháp Kinh soạn Chúng Kinh Mục Lục quyển sáu chép: "Lời tựa kinh Diệu Pháp Liên Hoa" một quyển, do Sa-môn Tuệ Viễn soạn, hoặc như trong Xuất Tam tạng ký quyển 12 chép: "Lời tựa kinh Diệu Pháp Liên Hoa" do Thích Tuệ Viễn v.v... này chẳng thấy ghi chép văn tự!

### *4. Hậu Ký Phiên Dịch kinh Pháp Hoa, do Thích Tăng Triệu ghi:*

Mùa Hạ niên hiệu Hoằng Thỉ thứ 8 (405), Sa-môn Tam tạng Pháp sư Kỳ-bà Cưu-ma-la-thập; Hán dịch là Đồng Thọ, người nước Thiên-trúc trụ chùa Thảo Đường ở Trường An cùng các Sa-môn Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ, v.v... hơn tám trăm vị, cùng các vị nghĩa học tài giỏi ở khắp bốn phương có hơn hai ngàn vị cùng dịch lại kinh này. Đại chúng cùng tham cứu tường tận. Pháp sư La-thập tự tay cầm bản kinh tiếng Phạm, miệng đọc dịch thành ngôn ngữ Trung hoa đời Tần. Diêu Hưng tự cầm bản kinh dịch xưa để so sánh, hiệu đính với

bản Tân dịch. Văn nghĩa đều thông, diệu lý viên thông. Diêu Hưng hỏi Pháp sư La-thập rằng: "Tôi xem bản dịch hai mươi tám phẩm này. Văn nghĩa sáng đẹp, tông thể tự rõ bày, chợt xem bản kinh do Pháp sư Pháp Hộ dịch, gọi phẩm tựa là phẩm Quang Thụy, phần cuối của phẩm Dược Thảo dụ càng hơn nửa phẩm, tựa đề phẩm Hóa Thành Dụ lại qua phẩm xưa. Phần đầu của phẩm Phú-lâu-na và Pháp sư, văn từ lại thêm số trang, thiếu phần kệ tụng trong phẩm Phổ Môn, phẩm Chúc Lụy lại xếp ở cuối cùng, không biết yếu chỉ kết quy việc ấy như thế nào".

Pháp sư La-thập bảo rằng: "lành thay minh chúa, tiếp nối đèn pháp đốt cháy lâu dài, thấu hiểu đêm tối cảnh mờ, tự chẳng sinh ra nghi ngờ, ai tỏ rõ yếu chỉ sâu xa, khám xét bản Phạm xưa rõ ràng như thế! Xưa, khi tôi ở Thiên-trúc, đi khắp năm xứ Ấn-độ tìm cầu giáo điển Đại thừa, gặp được Đại sư Tu-lợi-da-tô-ma, bẩm thọ nghĩa lý, ân cần giao phó bản Phạm và bảo rằng: "Mặt trời Phật ở phương Tây lắng dần để lại ánh sáng, sắp soi chiếu về hướng Đông bắc. Pháp điển ấy rất có duyên với xứ Đông bắc, ông phải cẩn trọng mà mở mang truyền bá!". Xưa kia, Luận sư Bà-tẩu-bàn-đậu soạn Ưu-ba-đề-xá, đó là chánh bản, chẳng bỏ câu kệ trong đó, chẳng bỏ văn thật trong đó. Tôi vội vàng lãnh thọ mang pháp đến đây. Nay mọi sự truyền bá rất có lý do, giải thích tông chỉ, chẳng đường đồng khác, họ Lã sợ thánh chỉ, đợi thầm có được chăng. Mộng cảm tốt lành xứng đáng cùng khắp, rất hợp với ý chỉ Phật. Đầy đủ vì thích nghĩa". Diêu Hưng mở tan sự mờ tối, các vị Nghĩa học phục ứng, bỏ bản cựu dịch, thọ trì theo Tân văn. Lại tra xét trao truyền, nay nhân nơi giảng hội, lược ghi lại lý do, mong các vị Hậu Hiền ở các nơi, chẳng lầm sự sai sót ấy. Các nơi được lưu hành, đều được cảm ứng!

***5. Lời tựa Thêm phẩm Pháp Hoa:***

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tức là chỉ quy của pháp Nhị thừa khai tỏ Nhất thừa. Đức Thích Tôn giáng thần ở cõi đời năm trược, dùng pháp ba thừa để mở đạo. Quyền trí chẳng thể nghĩ bàn, từ bi khó cùng cực. Trước bày ra dấu vết của hóa thành, sau nên chỉ chỗ vốn buộc hạt châu. Xe tuy có khác mà hai thật không sai, đem chánh pháp mà ghi danh, dùng con thật mà trao ngôi vị, đồng vào pháp tánh, kết quy ở đây.

Xưa, ở Đôn Hoàng có Sa-môn Trúc Pháp Hộ vào đời Tây Tấn dịch kinh chánh Pháp Hoa. Đến đời Hậu Tần, Diêu Hưng lại thỉnh Pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Xét hai bản dịch trên chắc chắn chẳng phải từ một bản gốc. Bản dịch của Pháp sư Pháp Hộ

dường như từ bản lá đa-la, bản dịch của Pháp sư La-thập dường như từ văn nước Quy-tư. Tôi kiểm xét về kinh tạng, xem đọc cả hai bản. Bản lá đa-la thì phù hợp với bản dịch kinh Chánh Pháp Hoa. Bản văn nước Quy-tư thì xứng đồng bản dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Bản ngài Pháp Hộ còn có chỗ sót. Bản ngài La-thập sao không sai sót. Và sự thiếu sót trong bản dịch của ngài Pháp Hộ là phần kệ tụng của phẩm Phổ Môn. Còn bản dịch của ngài La-thập thì thiếu nửa phẩm Dược Thảo Dụ. Phần đầu hai phẩm Phú-lâu-na và Pháp Sư, Phẩm Đề-đà, phần kệ của phẩm Phổ Môn. Ngài La-thập lại đặt phẩm Chúc Lụy trước phẩm Dược Vương, hai bản Đà-la-ni đều đặt sau phẩm Phổ môn. Trong hai bản dịch đó, các điểm đồng khác nói không thể hết được. Phẩm Đề-bà-đạt-đà và phần kệ phẩm Phổ Môn, các vị tiên hiền tiếp tục dịch ra để bổ khuyết mà lưu hành.

Tôi kính ngưỡng di phong, hiến chương thành khuôn phép, vào niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, tức năm Tân Dậu, nhân sự thỉnh mời của Sa-môn Thượng Hạnh chùa Phổ Diệu, bèn cùng hai vị Tam tạng Pháp sư Quật-đa và Cấp-Đa trụ chùa Đại Hưng Thiện, xem xét lại bản kinh trên lá đa-la của Thiên-trúc, thì phần đầu của hai phẩm Phú-lâu-na và Pháp sư, xét lại bản còn thiếu ở phẩm Dược Thảo Dụ lại hơn phân nửa. Phẩm Đề-bà-bạt- đa cùng đặt chung vào phẩm Hiện Bảo Tháp, phẩm Đà-la-ni đặt sau phẩm Thần Lực, và phẩm Chúc Lụy kết quy ở cuối cùng, câu chữ khác nhau, rất đáng phải cải chánh, nếu có người bày tìm, mong chớ nghi hoặc. Tuy ngànvạn ức kệ mà nghĩa mầu khó cùng tận, và hai mươi bảy phẩm trong bản văn, lại đủ điều nguyện bốn biện phạm từ, khắp địa vực của thần châu. Bí giáo Nhất thừa khai ngộ căn cơ trong thời tượng pháp nhờ việc ghi chép phiên dịch, kính ghi lời tựa.

***6. Lời tựa kinh Vô Lượng nghĩa do ẩn sĩ Lưu Cầu người ở xứ Kinh Châu soạn:***

Kinh Vô lượng Nghĩa này chỉ lấy một pháp vô tướng dạy khắp chúng sanh, với hàm nghĩa vô cùng vô tận, không có hạn lượng, nên có tên là Vô lượng. Chúng sanh trong ba cõi tùy nghiệp lưu chuyển, bậc Chánh giác chỉ đạo ứng cơ liền thông. Người lưu chuyển sinh diệt ắt trầm luân trong thống khổ mà ít được an vui, nên gõ cánh cửa cảm ứng. Thánh nhân tùy thuận thị hiện, đó là ban tâm bi mà vận dụng tâm từ, là cơ cảm cứu thế. Do căn tính khác nhau, giáo pháp sai biệt nên phân thành bảy giai vị. Một là vì Tôn giả Ưu-ba-ly thuyết năm giới, đây là

căn lành của trời người. Hai là chuyển pháp luân Tứ thánh đế cho năm tỳ-kheo như Kiều-trần-như v.v... đây là trao cho họ giáo pháp Nhị thừa. Ba là giảng nói mười hai nhân duyên cho hàng trung căn, đây là trao cho họ giáo pháp Duyên giác thừa. Bốn là giảng sáu ba-la-mật cho hàng thượng căn, nghĩa là trao cho họ pháp Đại thừa, dung thông giáo pháp, dẫn dắt quần nghi. Năm là thuyết kinh Vô lượng nghĩa, nêu bày phẩm vị chứng đạo sai khác, nhưng lại nói chưa từng diễn bày pháp chân thật, khiến họ phát thiện tâm cầu thật đạo, lấy đây để khai mở mối đạo Nhất thừa. Sáu là giảng nói Pháp Hoa, dùng Nhất thừa phủ nhận Tam thừa, tùy thuận nhưng chúng sanh phát tâm cầu thật đạo, đây gọi là bỏ đường lối thi thiết quyền hiện. Bảy là dù khai Quyền nhưng hiển thật, vẫn che đậy chánh nghĩa của thường trụ, nhập Niết-bàn ở Song lâm nhằm xiển dương diệu âm nhiệm mầu của Ngã tịnh.

Từ xưa, pháp môn dù nhiều, nhưng tổng quy lại không ngoài ở đây bởi muôn tiếng không ngoài năm âm, trăm họ đều trong sáu nhà. Kinh vô lượng Nghĩa dù thuộc Pháp Hoa bộ, nhưng ở trung Hoa chưa thấy nói đến thuyết này. Mỗi khi lên tòa giảng, ai cũng canh cánh trong lòng mong được thấy bản văn này. Có Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở núi Võ Đang vốn dòng dõi họ Khương, cháu của Ngụy đế Diêu Lược. Ngày mất nước, ngài bị quân Tấn là Hà Đạm bắt. Chỉ mới mấy tuổi, ngài đã tỏ ra rất thông minh, Đạm đặt tên tự cho ngài là Minh Linh, nhận làm con nuôi. Không bao lâu, ngài bỏ tục xuất gia, cần khổ cầu đạo, đi khắp Nam bắc, chẳng ngại gian lao. Vào năm Kiến nguyên thứ 3 đời Tề (481), ngài lại đi du phương tham học, tìm cầu bí nghĩa, đến tận vùng Lĩnh Nam. Tại chùa triều Đình ở Quảng Châu, ngài gặp Thiên Trúc Sa-môn Đàm-ma-đà-da-xá tay viết chữ Phạn, miệng đọc chữ Hán, đang muốn truyền lại bộ kinh này nhưng chưa biết trao cho ai. Tuệ Biểu liền ân cần cầu thỉnh, tâm ý rất chí thành, trải qua cả tháng mới được một bản, liền đem về phương Bắc, lên núi Võ Đang. Đến ngày 18 tháng 9 năm Vĩnh Minh thứ 3 (486) ngài thỉnh kinh xuống núi, nhờ hiệu đính và khắc bản lưu hành. Tôi gặp bản kinh văn, lòng mừng khôn xiết, thốt không ra lời, tay chân lóng ngóng. Tôi chân thành thỉnh ngài ở lại. Ngài có nhã ý cho khắc bản, tôi kính ghi lời tựa rằng:

Từ khi chánh giáo ứng thế đã khác thế tục, đạo mầu cứu vật ứng cảm nên thành khác. Từ Huyền Phố về Đông gọi lại Thái nhất, từ Kế Tân về Tây gọi là Chánh học. Các nước phía Đông làm sáng tỏ sự thịnh suy trong vòng trăm năm, các nước phía Tây biện rõ thiện ác trong vòng ba đời. Tư tưởng Vô vi và hạnh tu pháp không chỉ là một. Người muốn

tu Vô vi đã không có mảy may đắc pháp Vô, thì người tu pháp không lẽ nào lại thấy có nhập không! Nhưng với người tìm cầu Phật pháp, hoặc cho là ngộ lý thì tiệm tu, hoặc bảo rằng nhập không thì đốn ngộ. Xin hãy bàn xem, bởi lý u huyền nằm cả trong đó.

Người lập Tiệm pháp thì cho rằng muôn vật thành tựu đều có từng giai đoạn, lớp băng cứng bắt nguồn từ nhiều lớp sương, vách cao được hình thành từ nhiều lớp đất. Người học thể nhập pháp không, vẫn chưa khế hợp hoàn toàn, giống như đốn cây, cách một tấc thì mất một tấc, cách một thước thì mất một thước, dần dần lên được Tam không, lẽ nào chẳng phải là Tiệm? Người lập Đốn pháp, các thiện công đức mà họ có được đâu không phải do quán sát pháp tánh. Pháp tánh tùy thuận theo duyên, chẳng phải có mà cũng chẳng phải không. Dứt bặt niệm lự với chẳng có chẳng không thì lý chiếu mới đồng nhất, đây gọi là Giải không. Nếu còn đặt tâm trong chẳng có chẳng không thì cảnh và trí là hai, chưa thoát khỏi lý có. Những mối phiền não ẩn tàng trong lý có, không phải là không có cơ duyên gội sạch. Đứng về lý không mà luận tâm thì rõ ràng vẫn chưa có công năng thể nhập lý tánh. Thế nên, một khi nói chứng La-hán chỉ ngay trong một niệm, biện vô sinh thì suốt cả ngày, đó chỉ là lời khuyến dụ, không phải là lời thật. Thể chứng lý mầu chẳng phải Tiệm, lý vốn là như thế, nhưng đã phân hai đường, hai ý khác nhau, phải bỏ một chọn một chứ đừng cho lý này đúng, lý kia sai.

Người tìm được diệu chỉ này khởi nguyên từ ngài Chi An. Khi bàn về lý vô sinh, ngài cho hàng Thất trụ đã đầy đủ đạo tuệ, hàng Thập trụ thì phương tiện muôn hướng, dấu tích tuy khác nhưng nói và chiếu là một. Khi luận về các pháp quán khác, thì ngài cho rằng tam thừa là tên gọi tạm để chỉ cho người mới được chút phần, định tuệ mới là lời thật để chỉ cho người thành tựu viên mãn. Đó gọi là mới tìm cầu thì tùy căn tánh mà có ba, thể nhập và thông đạt thì định tuệ không hai. Phẩm Thí Dụ ghi: "Nạn lớn chảy tràn, liền không có ba, đường hiểm đã dứt, giáo hóa liền hết", nghĩa là nói một nhưng mà có ba, chứ không phải rõ ràng có ba sự đạt ngộ.

Sinh công cho rằng, đạo phẩm phải nói đến Niết-bàn, chứ không phải tên gọi la hán; Lục độ phải nói đến Phật chứ không gọi là Thọ Vương. Trở lại ví dụ đốn cây, cây còn cho nên mới còn tấc thước để tiến dần; chứng đắc Vô sinh thì do sinh đã tận nên trí chiếu ắt đốn. Tên gọi và giáo nghĩa Tam thừa đều lấy "sinh hết trí dứt, bỏ Có vào không" làm đạo, quyết không được nhận Thật tướng của nó từ tướng trạng bên ngoài.

Kinh Vô Lượng Nghĩa này cũng lấy Vô tướng làm gốc, nếu sở chứng quả thật khác nhau thì đâu thể gọi là Vô tướng; nếu nhập và chiếu ắt đồng thì đâu thể nói là có Tiệm. Chẳng phải Tiệm mà gọi là Tiệm, đó là giáo nghĩa bí mật nhiệm mầu.

Phật cũng dạy: "Nắm bàn tay không để dụ trẻ con, hãy lấy đó mà độ chúng sanh". Lời thôi lời tế, nói ít nói đủ, hãy đạt ý quên lời. Đốn nghĩa mở bày tạm nêu đại ý, người luận bàn hãy khéo chọn lựa!

***7. Ghi về kinh Chánh Pháp Hoa xuất xứ từ Kinh Hậu Ký:***

Ngày mồng 10 tháng 08 niên hiệu Thái Khang thứ 8 (287) đời Tây Tấn, ở Đôn Hoàng, Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi người xứ Nguyệt-Chi, chẳng hết sự thông minh mà trụ ở tâm, nhưng dụng của lãnh thọ dễ còn, công của nghĩ nhớ bàn khó nắm bắt. Nếu tự chẳng phải Bát-nhã soi sáng, văn tuệ tổng trì, khắc in nơi tư phủ làm sao có thể khiến có ngộ mà chẳng sót nơi thần, hội mà không mờ tối hay sao? Nên giấy mực dùng để ghi ngôn từ ngoài văn, mượn chúng nghe để nhóm họp thành sự. Kẻ phiền mà chẳng đơn giản thì sót sự ấy vậy, kẻ chất phác mà chẳng khoa trương, là trọng ý ấy. Chỉ bày mầu nhiệm ấy mà tao nhã, bàn nói rộng mà tối tăm, tự chẳng ghi chép, làm sao có thể hơn ư? Vì thế liền ở nơi trường giảng, sớ giải lấy làm ký, mong các bậc hiền giả thôi soi xét, chẳng lỗi phiền đó mà không cốt yếu!

## VII. GIẢNG GIẢI VỀ CẢM ỨNG (phần 1)

Thích Tăng Duệ đời Đông Tấn
Thích Đạo Sinh ở kinh đô, đời Đông Tấn
Thích Đàm Đế đời Tiền Tống
Thích Tăng Đạo đời Tiền Tống
Thích Tăng Ấn đời Nam Tề
Thích Pháp Vân đời Nam Lương
Thích Tăng Mãn đời Nam Lương
Thích Trí Khải đời nhà Tùy
Thích Cát Tạng đời Tiền Đường.

***1. Thích Tăng Duệ ở Trường An đời Đông Tấn:***

Thích Tăng Duệ là người xứ Trường An, quận Ngụy. Năm mười tám tuổi, Sư mới nương theo Pháp sư Tăng Hiền làm đệ tử. Năm hai mươi hai tuổi, Sư thông hiểu nhiều kinh luận. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư đi khắp các bang, ở các nơi thuyết giảng, Sư từng than: "Kinh Pháp

tuy thiếu, chỉ đủ để giải thích nhân quả. Thiền pháp chưa truyền đến không có chốn đặt để tâm!" về sau, khi ngài La-thập đến, do đó Sư thỉnh cầu truyền ra "Thiền Pháp Yếu" ba quyển. Đêm ngày tu tập, Sư tinh luyện năm môn. Từ đó, tiếng tăm Sư vang tỏa khắp, xa gần mọi người đều quy hướng về đức hạnh của Sư!

Các kinh điển do ngài La-thập dịch, Sư đều tham chánh. Xưa, ngài Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa, trong phẩm "Thọ Quyết" nói rằng: "Người thấy trời, trời thấy người". Ngài La-thập bảo: "Đến đây mới nói, lời này khác với Tây Vức mà nghĩa thì đồng, chỉ bởi lời hơi quá chất". Sư liền nói rằng: "Há chẳng là người và trời giao tiếp nhau, hai bên cùng thấy nhau ư?". Ngài La-thập vui mừng bảo: "Thật đúng vậy!". Sư có những vị lãnh hội nêu xuất đại loại đều như vậy. Ngài La-thập ngợi khen rằng: "Ta truyền dịch các kinh luận mà gặp được ông, thật không hề tiếc nuối!" La-thập bảo Sư giảng kinh Pháp Hoa mười tám phẩm, khai mở làm nên chín vế là: Một là vết mờ tối cùng gõ với bậc Thánh, tức là phẩm Tựa. Hai là vật giẫm trải qua giáo kết quy về chân, là người Thượng căn. Ba là vết dấy khởi loại trầm lắng và sáng tỏ là người Trung căn. Bốn là thuật bày thấu cùng thông đạt đến xưa là bốn vị Đại đệ tử lãnh giải. Năm là vết làm sáng tỏ nhân để tiến đến ngộ là vì người Hạ căn mà làm hóa thành và thọ ký. Sáu là vết dương hạnh cuối cùng, tức là phẩm Pháp sư. Bảy là Vết gốc tích không sinh, tức là phẩm Đa Bảo, nghĩa là Phật Đa Bảo là Bản, Phật Thích-ca là Tích. Phật xưa hiện toàn thân, Phật nay bày nhân xưa, đã chẳng diệt, Tích đâu có sinh, Bổn tích tuy khác, chẳng thể nghĩ bàn là một. Tám là Vết nêu bày nhân để chứng nghiệm quả, tức các phẩm Dõng Xuất, Thọ Lượng, v.v... Chín là Vết khen ngợi sự cứu giúp dài xa, tức từ phẩm Tùy Hỷ đến hết kinh. Đã mở ra chín vết, do đó ngài lên tòa cao giải thích, hoa rơi như mưa, trời đất đều cảm động. Ngài La-thập khen ngợi rằng: "Mặt trời Phật trở lại soi sáng trong thế gian, mây tà tự cuốn mất". Đại chúng đều gọi Sư là "Cửu Triệt Pháp sư". (Xuất xứ từ Quan Trung Biệt Lục và Truyện)

### *2. Thích Đạo Sinh chùa Long Quang ở kinh đô đời Đông Tấn:*

Thích Đạo Sinh, vốn họ Ngụy, người xứ Cự Lộc, đến ngụ ở tại Bành Thành. Gia đình Sư vốn dòng tộc làm quan, cha sư làm chức Quảng thích lệnh, khắp trong xóm làng đều gọi là người tốt. Sư tuy còn bé mà đã thông minh dĩnh ngộ, cao siêu như thần. Thân phụ Sư biết Sư chẳng phải phàm khí, nên quý mến mà lấy làm lạ. Sau, gặp được Pháp

sư Thải, Sư xin thọ nghiệp. Đến tuổi chí học, Sư liền lên tòa giảng, nhả nạp vấn ngôn từ trong sáng như châu ngọc. Sư lại theo thọ học với Pháp sư Cưu-ma-la-thập, Tăng chúng ở Quan Trung đều gọi Sư là Thần Ngộ. Sư chuyên giảng kinh Pháp Hoa, Sư có soạn Nghĩa sớ hai quyển. Mỗi lần lên tòa giảng thì mùi thơm lạ tỏa ngát, điềm tướng tốt lành che phủ rất nhiều. (Xuất xứ từ Cao Tăng truyện và văn ở sau lời tựa Nghĩa Sớ).

***3. Thích Đàm Đế ở Hổ Khâu thuộc Ngô quận đời Tiền Tống:***

Thích Đàm Đế, họ Khương. Tổ tiên Sư vốn là người nước Khương Cư, vào thời vua Hán Linh đế (Lưu Hoành 168-189) thì dời đến ở Trung quốc. Đến cuối thời vua Hiến đế (Lưu Hiệp 190-220), gặp phải tao loạn nên lại dời đến ở Ngô Hưng. Thân mẫu Sư là người họ Hoàng, ban ngày nằm ngủ mộng thấy có một vị tăng đến gọi Hoàng là mẹ, gởi lại một phất trần và hai vật: Cái chỏ sắt và cục đè sách. Đến lúc thức giấc thấy hai vật đó ở bên mình và do đó mang thai, sinh ra Sư. Năm mười tuổi, Sư xuất gia, tập học chẳng phải theo thầy, tự tỏ ngộ thiên phát. Sau, vì Diêu Trành mà Sư giảng kinh Pháp Hoa. Bần đạo làm Đô giảng. Về sau nữa, Sư đến chùa Hổ Khâu ở Ngô Hưng giảng kinh Pháp Hoa năm mươi biến. Đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (454) đời Tiền Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ hơn sáu mươi tuổi. (Xuất xứ từ Lương Cao Tăng Truyện).

***4. Thích Tăng Đạo trụ chùa Danh Giản ở Thọ Xuân, đời Tiền Tống:***

Thích Tăng Đạo, là người xứ Kinh Triệu, năm mười tuổi xuất gia, theo thầy thọ học. Thầy trao cho kinh Quán Thế Âm, Sư đọc xong, trở lại hỏi thầy rằng: “Trước kinh này có bao nhiêu quyển?”.

Thầy muốn thử Sư, nên bảo: “Chỉ có một kinh ấy thôi!”

Sư nói: “Mới đầu kinh nói” Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý, v.v... “nên biết là phần trước phải có các việc gì”.

Thầy rất vui lòng, bèn trao cho Sư trọn một bộ kinh Pháp Hoa. Từ đó, suốt đêm ngày Sư xem tìm hiểu sơ về văn nghĩa. Vì nghèo khó không dầu đốt đèn, Sư bèn tự hái lượm củi nhóm đốt để tự soi sáng. Đến năm mười tám tuổi, Sư đọc tụng rộng, phần nhiều làm Đô giảng. Sư chỉ lấy việc giảng kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp mà thôi. (Xuất xứ Giảng ký, nay truyện không thấy nói giảng kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp).

***5. Thích Tăng Ấn chùa Trung Hưng ở kinh đô, đời Nam Tề:***

Thích Tăng Ấn, họ Chu, người ở xứ Thọ Xuân. Sư tìm đến Lô Sơn, theo Sa-môn Tuệ Long thọ học kinh Pháp Hoa. Ngài Tuệ Long cũng là người nổi tiếng ở đương thời, chuyên truyền bá tông chỉ kinh Pháp Hoa. Sư riêng nghiên cứu, tham học thấu suốt, vượt ngoài mới lạ. Từ đó, theo hướng Đông, Sư đến kinh đô, dừng trụ tại chùa Trung Hưng. Trong khoảng niên hiệu Đại Minh (457-465) đời Tiền Tống, Trưng Quân Hà điểm mời chư Tăng nhóm họp, thỉnh Sư làm pháp tượng, thính chúng có hơn bảy trăm người. Tuy học qua nhiều kinh, nhưng Sư chỉ nhờ kinh Pháp Hoa mà nổi tiếng. Sư giảng kinh Pháp Hoa hai trăm năm mươi hai biến. Đến niên hiệu Vĩnh Nguyên năm thứ nhất (499) đời Nam Tề, Sư thị tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. (Xuất xứ từ Tục Cao Tăng truyện và Biệt truyệt, v.v...).

***6. Thích Pháp Vân trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, đời Nam Lương:***

Thích Pháp Vân, họ Chu, người ở Dương Tiện, thuộc Nghĩa Hưng. Lúc đầu, mới sinh Sư, thấy có hơi mây khắp phòng nhà, do đó mà đặt tên Sư là "Vân", cũng chợt có một con rùa màng ba quyển sách đến, có khắc lời minh rằng: "Vân đây, giảng kinh Pháp Hoa Nghĩa Sớ do Phật Tỳ-bà-thi nói ra, nay gởi cho Vân, v.v..."

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, lại được pháp danh là "Pháp Vân", Sư theo Thầy trụ tại chùa Trang Nghiêm. Năm mười ba tuổi, Sư mới đến thọ học, mãi đến năm Sư ba mươi tuổi, vào đầu mùa hạ niên hiệu Kiến Võ thứ 4 (497) đời Nam Tề, tại chùa Diệu Âm, Sư khai giảng lời tựa của hai bộ kinh Pháp Hoa và Tịnh Danh. Sư giảng kinh rất mầu nhiệm, kiệt xuất ở đương thời, Sư mới sang U Nham, một mình giảng kinh ấy, dựng đá làm người, lấy lá thông làm phất trần, tự xướng tự dẫn gồm thông cả nạn giải, do đó nổi tiếng khắp triều đại Nam Lương tiếp tục vẫn còn nghe. Văn sớ của Sư rất nhiều, trước sau ngời ánh, Sư y cứ giảng tụng có cản trở thường công, Sư từng ở tại một ngôi chùa, giảng xong kinh này, bỗng chiêu cảm hoa trời tướng trạng như tuyết bay, như mây đầy giữa hư không mà rơi xuống, kéo vào trong phòng nhà, rồi bay bổng lên giữa hư không chẳng rơi, khi Sư giảng xong mới tan.

Có Thần tăng Bảo Chí là bậc Đạo vượt phương ngoại, ít ai có được tình thức như thế, cùng Sư rất kính mến nhau, gọi Sư là "Pháp sư Đại Lâm". Mỗi lúc đến phòng Sư, thường ở lại vài hôm và thường nói: "Muốn hiểu được tiếng rống của sư tử, xin Pháp sư hãy giảng nói cho

nghe!" Sư liền giảng giải, ngài Bảo Chí bèn búng ngón tay khen ngợi rằng: "Mầu nhiệm thay! Mầu nhiệm thay!". Viên Ngang ở quận Nghi Trần nói rằng: "Có vị tăng thường cúng dường, học kinh Pháp Hoa với Sa-môn Pháp Vân, ngày đêm phát nguyện, mong thành tựu tuệ giải". Bỗng cảm mộng có vị tăng lạ đến bảo rằng: "Vào thời Đức Phật Nhiên Đăng, Pháp sư Pháp Vân đã từng giảng kinh này, đâu ai có khả năng chống lại!"

Vua Võ đế (Tiêu Diễn 502-550) đời Nam Lương, muốn cầu mưa, ngài Chí Công bảo rằng: "Sa-môn Pháp Vân có khả năng làm mưa, nếu cần thì nên cầu thỉnh nhờ Sư". Sư mở trường giảng, vừa đến phẩm Dược thảo Dụ, mưa ấy cùng khắp, bốn phương đều có cảm. Lại có lần nơi giảng hội, có người đưa tiền dâng cúng, mộng thấy Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng kinh trên tòa cao, sau khi tỉnh giấc, tìm hỏi, mới hay là ở trường giảng của Sư, việc này có nói đủ trong ký văn. (xuất xứ từ biệt ký).

***7. Thích Tăng Mãn thời Nam Lương:***

Thích Tăng Mãn, là người thời Nam lương, từ thuở bé Sư đã thông minh, chỉ ăn rau quả, khổ hạnh tiết thực. Sư thông hiểu nhiều kinh luận, riêng đặt tâm chí vào kinh Pháp Hoa, Sư giảng kinh đến cả trăm biến, người nghe tuôn nước mắt. Mỗi lúc giảng đếm phẩm Dược Vương, Sư than: "Sinh tử trôi lăn không cùng, ai có thể vì pháp mà (không) tiếc thân mình!". Sư lại đến quận Trường Sa, phát nguyện thiêu thân để cúng dường kinh, từ trên trời tuôn rải mưa vi diệu, trong than lửa mọc ra hoa sen, suốt ba ngày, không héo rơi. Mọi người nghe thấy đều vừa buồn vừa vui.

***8. Thích Trí Khải chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, đời Tùy:***

Thích Trí Khải, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Mẹ sư họ Từ, mộng thấy có mây năm màu vây quấn quanh bụng, muốn phủi bỏ đi, bỗng nghe có tiếng người bảo rằng: "Bởi nhân duyên đời trước nên đến nương gá!". Đến đêm sinh Sư, có rất nhiều điềm lành. Năm bảy tuổi, Sư đọc tụng phẩm Phổ Môn. Ngoài ra, không cần thầy chỉ dạy mà Sư tự thông rành. Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia, năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới Cụ túc. Ở ẩn tại núi Đại Hiền, Sư tụng đọc kinh Pháp Hoa, kinh Vô Lượng Nghĩa và kinh Phổ Hiền Quán, chưa đầy hai tuần mà ba bộ kinh đều hoàn tất.

Sư lại đến chỗ Thiền sư Tuệ Tư núi Đại Tô ở Quang Châu để thọ

học. Ngài Tuệ Tư khen: “Xưa kia ở núi Linh Thứu Đồng cùng nghe kinh Pháp Hoa, duyên xưa đưa đẩy nay gặp lại nhau.” và liền chỉ bày cho ngài pháp hạnh Phổ Hiền, và nói cho nghe bốn pháp An lạc hạnh. Sư ở tại núi đó, hành trì Tam-muội Pháp Hoa, vừa mới qua ba đêm, tụng đến phẩm Dược Vương, tâm duyên khổ hạnh, đến câu “tinh tấn chân thật”, giải ngộ bèn phát, thấy cùng ngài Tuệ Tư ở tại núi Linh thứu, cõi Tịnh độ toàn bảy báu, có tám vạn vị Bồ-tát, mười hai ngàn vị Đại Thanh Văn, cùng nghe Đức Phật giảng pháp, nên ngài Tuệ Tư nói rằng: “Nếu chẳng phải ông thì không có cảm. Nếu chẳng phải tôi thì không thể bàn. Đó là tiền phương tiện của Tam-muội Pháp Hoa!” (Luật sư Đạo Tuyên hỏi vị trời rằng: “Ở nước Trần có Sa-môn Tuệ Tư, ở nước Tùy có Sa-môn Trí Khải là các bậc Thần Đức vượt hơn người thường, xưa kia ở tại núi Linh Thứu đồng nghe kinh Pháp Hoa, chẳng hay xưa ấy là ai? Có hợp ý Phật giảng kinh hay không?”.

Đáp rằng: “Đều là những bậc Đại sĩ du phương, vốn là các vị cổ Phật. Sa-môn Tuệ Tư là Quán Thế Âm trong phẩm Phổ Môn nói về lợi ấy. Sa-môn Trí Khải là Dược Vương khi vua Nhật Nguyệt Tịnh Minh hiện hữu ở đời, ngài xả thí thân mình để cúng dường chánh pháp, Đức Phật Thích-ca ở tại núi Linh Thứu, phó thác pháp mầu. Chỉ một phẩm Dược vương nói về sự tu hành của Ngài chẳng phải chỉ mới ngày nay mở mang truyền bá kinh, mà ở lâu xa sau khi các vị Phật diệt độ, giảng nói kinh Pháp Hoa, ngoài Đức Phật ở kiếp quá khứ xuất hiện nơi đời, ba Đức Phật trong kiếp Hiền xuất hiện ở đời, đồng với ngày nay rất hợp ý chỉ của Phật”. Sư nhập quán thấyt kinh mà có điều nghi ngờ, liền thấy ngài Tuệ Tư đi lại, vạch bày giải thích cho. Lại nữa, ngài Tuệ Tư bảo Sư rằng: “Đối với nước Trần, ông rất có duyên, đến đó sẽ làm được việc ích lợi!”.

Khi ngài Tuệ Tư đã đến Nam Nhạc thì Sư bèn đến Kim Lăng trụ chùa Ngõa Quan tám năm, giảng kinh Pháp Hoa. Các vị Đại đức ở đời Trần đời Lương đều đến thưa hỏi điều lợi ích. Các bậc Vương hầu vào những lúc rảnh việc triều chính đều đến dự pháp hội. Mới đầu, Sư khai giảng phẩm tựa đến cuối phần hỏi đáp của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cả một chúng hội tại núi Linh Thứu hiện hữu giữa hư không, bỗng nhiên có năm ba người thấy trời rải hoa thơm như mưa, màu sắc trắng sạch, có hơn ba mươi cánh, từng xánh lá nối tiếp nhau liên tục giữa hư không chẳng rơi lạc, dài hơn một thước, giống như lá sen. Sư giảng đến phẩm Bảo Tháp, trong thính chúng có người mộng thấy chùa Ngõa Quan, ba lần biến thành Tịnh độ, phân thân khắp cả tám phương, hoặc thấy tướng

Bồ-tát Phổ Hiền từ xa đến. Các hàng phàm mê nói nín càng đông đúc và không thể ghi hết.

Lại nữa, ngài tự chích máu nơi thân mình viết kinh mà giảng, hiện thâu cất tại giảng đường chân thân ở chùa Quốc Thanh, cây cỏ khắp bốn phía gần đó đều hướng về giảng đường mà cúi đầu. Sau, Sư đến chỗ tôn tượng Đức Di-lặc ở chùa Thạch Thành phát nguyện mà thị tịch. Sau khi Sư thị tịch, môn nhân của Sư là Sa-môn Quán Đảnh mộng thấy Sư ở tại nội viện cung trời Đâu-suất. (Xuất xứ từ Biệt ký).

***9. Thích Cát Tạng chùa Diên Hưng ở kinh đô, đời Tiền Đường:***

Thích Cát Tạng, họ An, vốn là người nước An-tức. Ông nội Sư lánh nạn oán cừu nên dời đến ở Nam Hải, do đó gia đình Sư bèn ở khoảng giữa Giao Châu và Quảng Châu. Sau đó, gia đình lại dời đến ở Kim Lăng thì sinh Sư.

Khi đang tuổi ấu thơ, cha Sư dẫn đến chỗ Sa-môn Chân Đế và xin đặt tên cho Sư. Ngài Chân Đế hỏi về sự nghĩ nhớ thật đáng là Cát Tạng, do đó bèn gọi tên Sư là Cát Tạng.

Gia đình Sư trải qua nhiều đời kính thờ Phật, không thờ gì khác. Về sau, cha Sư cũng xuất gia, pháp danh là Đạo Lượng, rất siêng năng tự nổi bật, khổ tiết khác thường, chỉ chuyên đi khất thực và nghe giảng pháp, lấy đó làm hạnh nghiệp thường. Đạo Lượng dẫn Sư đến nghe Pháp sư Đạo Lãng ở chùa Hưng Hoàng giảng pháp, hễ nghe thì liền lãnh giải, tỏ ngộ Thiên Chân. Năm bảy tuổi, Sư đến chỗ Pháp sư Đạo Lãng xin xuất gia, tham học đạo Huyền, ngày một đổi mới, thấu đạt sâu mầu. Mọi điều Sư thưa hỏi đều khéo đạt chỉ quy, rộng đủ lắm điều đặc biệt. Đến năm mười chín tuổi, ở giữa đại chúng Sư đáp thuật, biện luận bén nhọn vượt xa, đương thời Ngạn Xước có lời khen ngợi Sư. Tiếng tăm sư vang khắp ấp Dương, khi đã thọ giới Cụ túc, tiếng tăm Sư lại càng cao, Trần Quế Dương vương kính trọng phong thái của Sư nhả tuôn nghĩa chỉ. Sư bèn theo hướng Đông đi đến Tần vọng dừng tại chùa Gia Tường, vẫn như thường giảng nói dẫn dắt, đến tìm cầu học hỏi Đạo có hơn ngàn người. Chí Sư chuyên ở việc truyền đăng, xoay bánh xe chánh pháp liên tục.

Về sau, khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Sư viết hai ngàn bộ kinh Pháp Hoa, lại mở giảng hội, giảng hơn ba trăm lần, có soạn Huyền sớ hưng thạnh truyền bá ở đời. Khi sắp thị tịch, Sư soạn luận Tử Bất Bố (chết không sợ) bút vừa rời khỏi tay thì Sư thị tịch. (Xuất xứ Tục Cao Tăng Truyện).

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 3

Trong quyển 3, có hai phần:

**VII. KHÓA GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG** (Phần 2)

1. Thích Quán Đảnh ở chùa Quốc Thanh thời Tiền Đường.
2. Thích Tuệ Như chùa Chân Tịnh ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
3. Pháp sư Thích Tăng Long.
4. Thích Khuy Cơ chùa Đại Từ Ân, thời Tiền Đường.
5. Thích Huyền Lãng ở Tả Khê, thời Tiền Đường.
6. Thích Tuệ Minh, thời Tiền Đường.
7. Thích Trí Nhân, thời Tiền Đường.
8. Thích Chí Thật, thời Tiền Đường.
9. Thích Đạo Ngang ở Tượng Châu.
10. Thích Chí Viễn ở Giang Nam.

***1. Thích Quán Đảnh ở chùa Quốc Thanh thời Tiền Đường:***

Thích Quán Đảnh tự là Pháp Vân, họ Ngô, người xứ Nghĩa Hưng ở Thường Châu, ông nội Sư lánh đến đất Đông Âu, từ đó chẳng trở về, nay thuộc xứ Chương An, Lâm Hải. Cha Sư sớm qua đời, nên mẹ Sư lo chăm sóc nuôi con. Vừa được ba tháng tuổi, ban đêm bà niệm danh hiệu Phật pháp Tăng, Sư học nói theo, lời câu đều rõ ràng. Mọi người đều lấy làm kinh lạ, do đó trình báo với Pháp sư Tuệ Chửng chùa Nhiếp Tỉnh. Ngài Tuệ Chửng nghe, khen rằng: “Người con ấy thật là phi phàm!” liền lấy chữ “Phi phàm” mà đặt tên tự cho Sư. Đến năm bảy tuổi, Sư trở lại xin làm đệ tử Sa-môn Tuệ Chửng, lần lượt rồi tấn đàn thọ giới Cụ túc, Sư vâng giữ luật nghi.

Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một (591) đời Tùy, Tấn Vương đang trấn tại Dương Châu, thường theo Sa-môn Trí Giả. Sư đến dừng tại Bang Câu, trụ chùa Thiền Chúng, làm Thủ tòa, thường ngày

tìm xét thuyết cầu, bỗng chốc Sư theo Sa-môn Trí Giả đi theo hướng Đông trở về Thai nhạc. Về sau, Sư lại ra ở tinh xá Xứng Tâm, khai giảng kinh Pháp Hoa. Trời rải hoa như mưa, hình dáng như hoa sen, như tuyết rơi xuống, có mùi thơm rất lạ, vượt hơn Lãng Long Cơ (Huyền Lãng, Tăng Long, Khuy Cơ) lại hơn cả Vân Ấn Lưu (Pháp Vân, Tăng Ấn, Lưu?). Các đệ tử cao túc của Sa-môn Trí Giả ghi chép đầy đủ các Huyền văn, Chỉ quán, v.v... do Sư giảng nói. Phàm giáo tích của Thiên Thai được lưu hóa ở nhân gian, mà ở Tây Vực thỉnh cầu phiên dịch, ở Đông Hạ được lợi ích đều là do năng lực của Sư. (Xuất xứ từ Tục Cao Tăng truyện, Biệt truyện và Giảng pháp ký).

***2. Thích Tuệ Như chùa Chân Tịnh ở Kinh đô, thời Tiền Đường:***

Thích Tuệ Như, trụ chùa Chân Tịnh, siêng năng khổ hạnh ngồi thiền nhập định lấy làm việc thường.

Trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, ngoài những lúc ngồi thiền rảnh rỗi, Sư tu hạnh Pháp Hoa. Sau khi giảng hội đã tan, Sư bèn nhập định suốt bảy ngày đêm không lay động. Đại chúng đều kinh lạ. Qua bảy ngày, Sư mở mắt gào khóc, lệ đổ như mưa, đại chúng vô cùng quái lạ, hỏi lý do, Sư bảo: “Lửa thiêu đốt chân, đau khổ không chịu nỗi”.

Liền bảo người xem chân thấy vết thương lửa đốt sâu thành huyệt. Đại chúng lại hỏi Sư: “Vì sao bị vết thương như thế?”.

Sư đáp: “Có một vị minh quan đem đến một phong thư, tự xưng là Sứ giả của vua Diêm-la, liền mở thư đọc, lời trạng viết rằng: “Sư (tức chỉ Tuệ Như) có được giới châu thanh tịnh cao vời. Xà bỏ ba cấp tà thuyết của Thiền sư Tín, nương theo kinh Pháp Hoa, khai mở giảng nói làm thuyền bè vượt qua biển khổ, xin rủ lòng thương xót!”. Và bị vua Diêm-la thỉnh suốt bảy ngày giảng kinh Pháp Hoa, có vô số người tội gieo trồng nhân duyên với Phật pháp. Vua Diêm-la vô cùng vui mừng, đem ba mươi xấp lụa vàng dâng cúng cho tôi. Đến lúc giảng tan, vua Diêm-la hỏi: “Có muốn được thấy tiên vong tri thức chăng?” Tôi đáp: “Muốn được thấy cha mẹ?”. Vua Diêm-la liền sai gọi một người. Tôi chỉ thấy một con rùa đi đến đưa lưỡi liếm dưới chân tôi, trong ánh mắt rơi lệ mà bỏ đi. Có một người nói: “Bởi tội quá nặng không thể kêu gọi, nên bò đến gặp”. Sứ giả lại dẫn tôi đến cửa ngục, cửa ngục đóng kín rất chặt. Sứ giả gọi người giữ cửa, có một người đáp, bỗng nhiên lánh sang một bên, chẳng đứng ngay cửa, tôi vừa mới nhích mình thì cửa liền mở. Có ngọn lửa lớn từ cửa hực ra như sắt nung, lửa liền bám vào chân

tôi. Tôi phủi bỏ, đưa mắt nhìn vào cửa thì cửa đã đóng chặt, không thấy được nên đi. Tôi trở lại chỗ vua Diêm-la, nói rõ đầu đuôi sự việc. Vua Diêm-la bảo: “Địa ngục là như thế, nếu chẳng phải năng lực của kinh Pháp Hoa thì không thể cứu giúp. Nếu muốn cứu giúp, thì phải giảng tụng Diệu pháp”. Sự việc như thế, nay tôi thấy nghe, giác ngộ mà thôi!” Đại chúng đồng nghe mà buồn vui lẫn lộn. (Xuất xứ “Minh Chí ký”, trong “Minh Báo ký” tuy có nói về việc này, nhưng không nói là giảng kinh Pháp Hoa, phải biết đó là sự nghe khác nhau của người ghi lại).

***3. Pháp sư Thích Tăng Long:***

Pháp sư Thích Tăng Long, không rõ người xứ nào. Trong niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Sư đi theo hướng Bắc mà đến Bắc Ấn-độ, muốn khuyến hóa, nên Sư bèn ở lại Trung Ấn-độ, tụng đọc được kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạm, Sư đến nước Kiền-đà-la, tự mở giảng, hội khắp bốn phía mây tự nhiên nhóm đến, cả muôn quận, sao cùng hướng về. Sau Sư bị bệnh cảm mà chết, ba ngày sau sống lại bảo rằng: “Tôi bị vua Diêm-la hỏi: “Đạo nhân có công đức gì?”.

Tôi đáp: “Tôi tụng được kinh Pháp Hoa, tự khai mở giảng hội, khuyên hóa chúng sinh”.

Vua bảo: “Đọc tụng là chân thật, còn giảng nói là phù hư, tùy tình mà phân biệt, đâu có công đức cao quý”. Tôi đáp: “Đọc tụng chuyên tự giảng nói thí tuệ lợi vật là bổn hoài của các vị Bồ-tát, đâu phải phù hư không có công đức?”.

Vua Diêm-la hoan hỷ từ tòa mà xuống, quỳ thẳng nói: “Lành thay! Lành thay! Xin mời lên tòa giảng nói nghĩa ấy”. Tôi liền lên tòa, xướng lớn đề kinh và giảng nghĩa, các người tội trong sảnh nghe lọt tiếng tôi giảng vào tai, thì lìa khổ được vui, gông cùm tự cởi mở, hoặc sinh lên cõi trời người. Vua Diêm-la nói: “Thôi thôi! Mạng ông chưa hết, nên trở lại bổn thân”.

Tôi liền theo đường trở về, được sống lại. Nên biết pháp mầu là hạnh quan trọng của trời người, là đường thẳng đến Bồ-đề, chuyên tâm chuyên hành chớ nên lười biếng”. Mọi người nghe nói đều rơi lệ, càng sinh tâm ân trọng. Những người nghe thấy đều bỏ Tiểu theo Đại. Chư tăng ở phương Bắc đến truyền nói như thế. (Xuất xứ từ Cứu Pháp Tạp Lục, và trong Đường Tăng truyện tuy có ghi sự duyên của Sư, mà việc ấy chẳng thấy nêu, nên nay y cứ theo Quảng Văn mà thôi).

***4. Thích Khuy Cơ ở chùa Đại Từ Ân, thời Tiền Đường:***

Thích Đại Thừa Cơ, Sư học khắp giáo nghĩa Đại thừa, là đệ tử Thượng túc của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. Trong ba ngàn môn đồ, bảy mươi vị Đạt nhân, bốn người thượng thủ (môn nhân đệ tử ngài Huyền Trang) thì Sư là người tài giỏi hơn cả. Mẹ Sư mộng thấy một người vòng tay cầm chuỗi ngọc như ý đến xin nương gá vào thai, nói xong bèn vào miệng, liền có thai. Lúc mới sinh ra Sư có vầng mây mầu tím như lọng che phủ ở trên. Năm chín tuổi Sư xuất gia, năm mười bảy tuổi Sư giao thiệp với Truy Lâm, riêng kính thờ minh chiếu của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, làm môn nhân phiên dịch kinh điển. Phần nhiều đều do Sư ghi chép. Sư tự sớ giải kinh luận một trăm bản. Văn mới như hoa ngọc thạch truyền ở Đông Hạ, pháp tướng Đại thừa lại soi chiếu khắp pháp giới, thật là do công sức của Sư. Như trong đêm tối tăm, răng ngà tỏa phát ánh sáng. Sư sớ giải ra kinh luận. Giữa lúc giao du, bàn nói lần lượt mở rộng, các Đạo tục nhân những lúc rảnh khóa thỉnh mời Sư giảng kinh Pháp Hoa. Sư mới tự gom nhặt tân văn, ban đêm soạn thuật, sáng sớm bàn giảng. Các điềm tướng đặc biệt thường ứng hiện. Có người mộng thấy trang nghiêm cõi Phật, khắp trong chư Phật đều đến nói ngài là Pháp sư, đó là lúc Sư soạn sớ giải phẩm Bảo Tháp. Giảng xong và soạn sớ hoàn tất, Sư làm một bài kệ rằng:

*"Đã xét lý yếu hạnh các kinh*
*Lược tán nghĩa chân pháp Nhất thừa*
*Nói làm hợp thật, ban chúng sinh*
*Mong cùng chóng thành quả Vô Thượng".*

Hoặc Hiền sĩ trong mộng thấy Sư dùng bài kệ này khen ngợi Nhất thừa đã đến ngàn Đức Phật diệt độ, vì nguyện sinh lên cõi trời Đâu-suất thờ phụng Đức Từ Thị (Trích từ Tân Lục).

***5. Thích Huyền Lãng ở Tả Khê, thời Tiền Đường:***

Thích Huyền Lãng, tự là Tuệ Minh, Sư vốn họ Phó, người ở đất Bắc, nghe luận pháp Chỉ quán của Sa-môn Trí Giả ở núi Thiên Thai, một Phật pháp ấy phát nguồn từ Tôn giả Long Thọ, khoảng giữa kế thừa ngài Hành Tư, tìm xét nguồn pháp, Sư trụ chùa Thanh Thái, là bậc cao tuổi của pháp môn, là mắt chân của chánh pháp, chuyên việc giảng nói Phật thừa. Mỗi lúc đến nơi giảng hội, mở bày văn cú im lặng mà than rằng: "Xét về nghĩa thú cao vợi, khế hợp Phật thừa, tìm về văn thế có chẳng thứ lớp, Thánh ý thật khó lường, chỉ kính ngưỡng mà tin!". Vì các thính chúng thường khuyên thỉnh Sư rằng: "Bậc Thượng căn dễ ngộ, hàng Trung hạ mất ý chỉ, mong rủ lòng che chở, mở ích lợi nhiều", Sư

lại đôi ba phen tính lường, chuyên tâm nghĩ đến thầy mình, mong cầu được gia bị, bỗng mộng thấy thần tăng lấy tay chỉ, Sư liền kinh hoảng, khải biện vô ngại, giảng nói như nước chảy, hiển thông ký thuyết chẳng đều khởi hết. Thần tăng bảo: "Ông ở chỗ Đức Phật Không Vương đồng nghe pháp điển ấy, ngày nay tại núi Linh Thứu đồng làm thính chúng. Vốn gieo trồng nhân xưa, giúp quạt thổi gió huyền, lại càng thêm bén nhọn, thuận tình đồ chúng ba căn đều lợi ích, thấm đượm rất nhiều". Nhân điều cảm trong mộng, Sư mới bắt đầu tùy thuận căn cơ. Sư giảng kinh Pháp Hoa được cảm ứng như thế! (Tân Lục).

***6. Thích Tuệ Minh, thời Tiền Đường:***

Thích Tuệ Minh, không rõ Sư là người xứ nào, họ là gì. Phong thái khuôn phép của Sư nhàn thoáng, thông minh học rộng, tỏ ngộ Phật thừa, lấy làm quy thú. Sư chuyên giảng kinh Pháp Hoa, thiên có riêng đoán, cùng tụng giải nói. Có một thời gian Sư vào trong núi sâu, ngồi trong động đá giảng kinh, có mấy đàn khỉ vượn đến nghe pháp, chim lạ, voi hổ đến nằm trước động, nghe pháp ăn trái cây, suốt ba tháng. Sau đó, giữa đêm ở phía trên động có ánh sáng chiếu soi dần gần đến hang, đó là người cõi trời đến tự nói rằng: "Tôi là kẻ già xấu lại mắt mù ở trong đàn khỉ vượn, nhờ nghe Sư giảng nên khi qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi, thân cũ tôi chết nằm ở phía Đông nam, cách thất ngoài bảy mươi bước, được sinh lên cõi trời hưởng thọ an vui không dứt, nghĩ nhớ ân thầy nên đến nghe giảng, giáng hiện đến hang đá này, nguyện ưa muốn nghe giảng nói pháp mầu".

Sư hỏi: "Sắp phải giảng như thế nào?", vị trời ấy nói: "Tôi vội vàng muốn trở lên cõi trời. Thầy nên chia một bộ kinh thành tám phần mà giảng".

Sư bảo: "Kinh đang hành trì chỉ có bảy quyển sắp thành bảy tòa, làm sao giảng thành tám được?".

Vị trời ấy nói: "Kinh Pháp Hoa là Đức Phật giảng nói tám năm. Nếu nay y theo tám năm để giảng thì quả thật là dài, nên thích khai lập tám tòa, y theo tám năm giảng nói, xứng hợp với ý chỉ của Phật".

Sư chấp thuận, chia bảy quyển thành tám pho, vì trời mà khai giảng tám lần. Khi giảng xong, trời rất vui mừng, dùng tám hạt ngọc quý cúng dường Sư và nói bài kệ rằng:

*"Thích Tôn diệt độ đã lâu xa*
*Giáo pháp truyền bá, bị khó khăn*
*Tuy gặp hiểu nghĩa cũng là khó*

*Tuy hiểu, mà giảng lại khó hơn,*
*Nếu nghe một câu kệ pháp ấy*
*Chỉ trong chốc lát không nghi báng*
*Nghiệp chướng ba đời đều tiêu sạch*
*Tự nhiên thành Phật, đạo không nghi".*

Và lại nói: "Nay tôi theo nghe giảng, xả bỏ thân súc sanh được sinh lên cõi trời thứ hai trong cõi Dục, oai quang vượt hơn các vị sinh lên cõi trời trước kia, lợi ích tốt đẹp thật khó nghĩ bàn, không thể nói hết!". Vị trời ấy nói bài kệ và lời ấy xong, bèn trở về cõi trời. Sư ghi lại việc ấy vào động đá, rồi không biết Sư đến ở xứ nào. Động đá và lời ghi ký ấy đến nay hiện vẫn còn. (Tôn Lục).

***7. Thích Trí Nhân ở thời Tiền Đường:***

Thích Trí Nhân, họ Giả, người ở xứ Lâu Phiền, thuộc Nhạn môn, là con cháu đời thứ năm trong dòng họ của Viễn Công, gia đình bị họa yểu từ bởi tâm bệnh, Sư được ngoại nuôi dưỡng. Đến năm mười tuổi, Sư xuất gia, thần tánh thông minh, thiên cơ dĩnh ngộ, Sư theo thầy hỏi Đạo, thọ kinh Pháp Hoa, tinh thông nghĩa sâu. Sư giảng kinh đến một trăm năm mươi biến, chim bồ câu vào phòng mà nghe giảng, heo nai đến gần bên cạnh mà chẳng đi. Mới đầu Sư đều giảng một bộ, Sư mộng thấy một vị tăng Ấn-độ bảo rằng: "Ông giảng hay khéo!". Vị tăng ấy cho Sư giảng quyển riêng, do đó Sư bèn giảng quyển riêng, lại mộng thấy vị tăng ấy bảo: "Giảng quyển riêng rất xứng đáng, trước phải soạn nghĩa sớ". Do đó, Sư bèn soạn nghĩa sớ, liền phát nguyện rằng: "Tôi giảng nghĩa sớ nếu không trái với ý Phật, xin đốt sớ để làm ứng nghiệm", bèn gom củi đốt, bỏ sớ vào lửa, bỗng có mưa nhỏ, lửa tắt mất mà sớ không bị cháy. Mọi người thấy nghe đều khen là kỳ lạ. Người đến nghe Sư giảng đông không kể xiết.

***8. Thích Chí Thật thời Tiền Đường:***

Thích Chí Thật, họ Vệ, người ở xứ Phù Liễu thuộc Thường Sơn, là cháu của Sa-môn Đạo An. Năm bảy tuổi, Sư đọc sách, xem lại đã thuộc làu, không cần đến lần thứ ba. Sư đi khắp các danh sơn hỏi Đạo. Năm mười bảy tuổi, Sư xuất gia, học nghiệp thanh cao, nhàm chán việc đời vô thường, bèn lánh chúng vào ở trong núi đầm, lấy cỏ dựng am, giảng kinh Pháp Hoa, trời rải hoa đẹp như mưa, Sư kinh hãi cho là ma biến hiện, bèn nghỉ giảng, trở về nhập chúng, mộng cảm vị thần Dạ-xoa kính pháp đến nói rằng: "Ông chớ nên biếng lười phế bỏ, đó là trời rải

hoa. Công đức trên hết trong các thứ công đức, không gì hơn khuyên người nghe pháp. Đức Phật khen năm mươi pháp tùy hỷ, đâu ở nơi Đạo biếng lười". Sư cố gắng giảng kinh đến trăm biến. Ở nơi huyện gần đó có một vị Ẩn sĩ tên Lâm đang lúc nằm ngủ bỗng mộng thấy quan lính đội khăn màu đỏ rượt đuổi. Lâm bèn chạy vào trong giảng đường của Sư để trốn. Quân lính vội đuổi ra ngoài cửa giảng đường, gọi Lâm bảo rằng: "Ngươi đã vào nơi giảng hội, ta thả ngươi đó!". Lâm thức giấc, buồn vui lẫn lộn, nên đến chỗ Sư, kể lại đầy đủ việc đó, mọi người đều khâm phục Sư. (Tân Lục).

***9. Thích Đạo Ngang ở chùa núi Hàn Lăng ở Tượng Châu:***

Thích Đạo Ngang, giảng kinh Pháp Hoa ở Tương Châu, thấy các thứ âm nhạc từ giữa hư không bảo rằng: "Đây là trời Đâu-suất cùng đến đón rước!". Sư bảo rằng: "Cõi trời là gốc sinh tử, từ trước đến nay chẳng mong sinh về đó, chỉ nhớ nghĩ Tây phương thôi!". Nói xong, Sư liền thấy ở phương Tây có các thứ kỹ nhạc xoay chuyển đến đón rước Sư nói: "Tin đến không được ở lâu". Nói xong lò hương lạ rơi vào tay, Sư bèn ở trên tòa cao, ngồi thẳng mà ngài thị tịch.

***10. Thích Chí Viễn ở Giang Nam:***

Thích Chí Viễn họ Tống, người ở xứ Giang Nam, sớm phải chịu tang cha, một mình Sư nuôi dưỡng mẹ, luôn làm vừa lòng mẹ, sớm tối không trái. Sư có được thiên tánh thông minh, dĩnh ngộ kinh Pháp Hoa. Năm mười tám tuổi, Sư thưa mẹ xin xuất gia, theo thầy thọ học, kính lễ thờ thầy, khổ nhọc không trái. Sư chuyên hạnh nghiệp giảng kinh Pháp Hoa, giải thích giáo nghĩa viên đốn của Thiên Thai. Sư phát nguyện rằng: "Nếu sự giải thích của tôi không trái ý Phật thì xin cho trời đất có cảm động". Sư nói dứt lời trời liền rải hoa như mưa, đất rung chuyển như sấm sét. Sư siêng năng tinh tấn suốt hai mươi năm, chăm chăm chẳng phế bỏ giảng hội. Đến lúc qua đời, Sư bảo đệ tử rằng: "Có hai mươi lăm vị Thánh đến đón rước vãng sinh về Tịnh độ!"

**VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH** (Phần 1).

1. Thích Tuệ Tư ở Hành Sơn, Nam nhạc, đời Tùy.
2. Quốc sư Thích Đại Thiện ở Nam Nhạc, đời Trần.
3. Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đời Tùy
4. Thích Trí Thông chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.
5. Thích Trí Hy chùa Quốc Thanh ở tại Đài Châu, thời Tiền

Đường.

6. Thích Trí Tảo chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

7. Thích Pháp Hỷ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền Đường.

8. Thích Tuệ Thành ở Giang Lăng, Kinh đô, đời Trần.

9. Thích Tuệ Dũng ở Vân Phong thuộc Nam Nhạc, thời Tiền Đường.

10. Quốc Sư Thích Tuệ trù ở Nam Nhạc, đời Tùy.

11. Thích Duyên Quang ở nước Tân-la, đời Tùy.

12. Thích Thiện Nghĩa chùa Chân Ngộ ở núi Chung Nam, đời Đường

13. Thích Hoằng Cảnh chùa Ngọc Tuyền ở Phú Dương, đời Tiền Đường.

***1. Thích Tuệ Tư ở Hành Sơn, Nam nhạc, đời Trần:***

Thích Tuệ Tư, họ Lý, người ở xứ Võ Tân thuộc Hạnh Thành. Thuở nhỏ, nhân mộng thấy có một vị tăng Ấn-độ khuyên Sư vào Phật Đạo, lại mộng thấy có vài vị tăng dạy răn trai giới, nên mỗi ngày Sư chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng dường riêng. Bấy giờ, thấy trong bè bạn tụng kinh Pháp Hoa, trong tâm tình Sư rất thích, vì từ trước chưa hề tụng đọc. Một hôm, Sư theo người bạn ấy mượn kinh và ra ngoài gò mả trống, tự đọc, không có người dạy trao, Sư buồn khóc ngày đêm. Lại nữa, gò mả chẳng phải là chỗ của người ở, nên Sư lo sợ chẳng chỉ một vài việc, bèn dời đến nương náu ở cổ thành, đục hang mà ở, ban ngày đi khất thực, tối đến chẳng nằm ngủ, nhìn kinh mà rơi lệ, đảnh lễ không ngưng nghỉ. Mùa Hạ năm đó mưa nhiều, đất hang thấm hơi nước, khắp thân thể Sư sưng bầm, đi đứng không được, mà tâm đối trước kinh sức lực càng mạnh mẽ, bỗng cảm thấy tiêu diệt tất cả, thân trở lại bình phục như cũ. Sư mộng thấy Đại Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà đến xoa đảnh đầu rồi đi. Với một bộ kinh Pháp Hoa, Sư chưa từng nhận biết văn từ, tự nhiên hiểu suốt. Ngay chỗ được xoa tự nhiên nổi lên như nhục kế. Suốt trong mười năm, Sư tụng kinh Pháp Hoa, lời tiếng không ngưng nghỉ, lại tỏ ngộ pháp môn Đại Thừa Tam-muội Pháp Hoa. Thấu tỏ mọi cảnh giới, địa vị thành đạt đến sáu căn thanh tịnh. (Xuất xứ trong truyện).

***2. Quốc sư Thích Đại Thiện ở Nam Nhạc, đời Trần:***

Thích Đại Thiện là môn nhân của Thiền sư Tuệ Tư, Sư trụ chùa

Bát-nhã ở Nam Nhạc, chuyên tụng kinh Pháp Hoa, cứ ba ngày xong một bộ, kiêm tu sám pháp Phổ Hiền, bảy ngày hoa rơi, Sư lại nhập Tam-muội Từ Bi, khiến bầy nai trong cả nước đều đến thân gần.

***3. Thích Trí Việt chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đời Tùy:***

Thích Trí Việt, họ Trịnh, người ở xứ Nam Dương. Thuở thiếu thời, Sư có chí khí muốn xa lìa trần tục, người cha cầu hôn cho Sư, bèn tìm phương tiện dứt bỏ. Đến lúc trưởng thành thì Sư khôi ngô, khỏe mạnh, thẳng thắng. Bấy giờ, Lạc Dương Điện hạ đang thống ngự tại Kinh châu, muốn cất nhắc Sư lên chức vị cao nhất, nhưng đó chẳng phải điều ước muốn của Sư, tâm tình Sư chỉ muốn được xuất gia. Vua cảm mến sự thành khẩn ấy, do đó Sư được toại tâm nguyện xưa.

Khi đã xuống tóc, Sư đi khắp nơi hỏi đạo, bèn đến Kim Lăng, liền gặp Sa-môn Trí Giả, nên liền đảnh lễ xin thọ học. Ngài Trí Giả trao cho thiền pháp, Sư bèn thấu đạt vào năm môn, thông cùng sáu Diệu, giới hạnh trong sạch, luật nghi thuần túy Sư lại thỉnh tụng kinh Pháp Hoa có hơn ngàn biến, bình nước tự đầy, đó là do năng lực của kinh. Học chúng của ngài Trí Giả tuy đông đảo, mà Sư rất xứng đáng được đứng đầu. Ở Lâm Hải có tinh xá Phú Sơn, do một vị Tăng Ấn-độ xây dựng có rất nhiều việc linh dị, ngài Trí Giả có đến đó, nên bảo Sư hãy làm ảnh hưởng đến xứ đó. Sau khi ngài Trí Giả thị tịch, cả một chúng ở núi Thiên thai đều giao phó cho Sư. Suốt thời gian hai mươi năm Sư ngài chăm chăm khéo dẫn dắt, không trái với lời phó chúc, làm nơi nương tựa của hai chúng, làm chỗ quy hướng của bốn bộ. Thân tướng Sư cao lớn, đức hạnh cảm đến vật tình, rất có nơi cấp dẫn. Thường năm đến ngày húy nhật Sa-môn Trí Giả, vua Vạn đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, ban sắc thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng quan. Ngài đem các thứ y bát còn lại sung cúng vào Đại thí. Ngày Hiến hậu qua đời, vua Văn đế thiết trai cúng dường cầu nguyện, mỗi lần như thế có được trăm vật, Sư chẳng hề lưu giữ một vật gì. Thứ Sử Hoạt Châu là Trịnh Từ Bách, Trấn tướng là Dương Hải Dương Thần Quý vốn là thầy bạn nghĩa nặng, đãi ngộ chẳng xem thường đối với Sư.

Đến ngày 23 tháng 11 niên hiệu Đại Nghiệp thứ 12 (616) đời Tùy, Sư bị bệnh, suốt ngày mười ngày, Sư nằm nghiêng phía bên phải, thị tịch tại phòng cũ chùa Quốc Thanh, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi. Lúc Sư sắp tịch, núi đổ đất động, các hàng tăng tục khắp trong khu vực đều nghe thấy. Về môn nhân của ngài Trí Giả rất đông, ở đây chỉ nêu vài ba vị như vậy. (Xuất xứ từ tục Cao Tăng Truyện quyển 17).

Tôi riêng nghĩ Sư là người được thầy trao truyền sau cùng, do đó các bản xưa có lắm nhiều lầm, ghi chép truyện người khác, nên nay tôi cắt bỏ phần đó, phụ vào cạnh bản truyện để chỉ bày cho người đời sau.

Trong Thống Kỷ quyển 9 chép: "Sa-môn Pháp Ngạn vốn họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Niên hiệu Thái Kiến năm thứ bảy (575) đời Trần, theo hầu Đại sư Trí giả ở núi Thiên Thai và được trao truyền yếu chỉ Thiền-na, Sư chuyên tỉnh lắng an tọa giữa núi rừng, không ở trong phòng nhà, thường nhập định suốt bảy ngày mới xả. Đại sư Trí Giả dự chứng cho rằng: "Như điều ông nói thật là tướng Quán thứ hai trong quán Bối xả". Thần núi có mấy lần đến khuấy nhiễu để thử, mà Sư vẫn điềm nhiên không lay động, chuyên tu thiền pháp hơn ba mươi năm thường ngồi chẳng nằm. Đến cuối tháng 2 niên hiệu Đại Nghiệp thứ 7 (611) đời Tùy, Sư ngồi kiết già mà thị tịch tại chùa Quốc Thanh".

***4. Thích Trí Thông chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy:***

Thích Trí Thông, họ Trình, người ở xứ Y Thị thuộc Hà Đông. Vừa mới sinh mà Sư đã biết kính tin, vui sùng Phật đạo, tuổi vừa đi học, Sư bèn muốn xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ bèn chấp thuận. Năm mười tuổi, Sư theo thầy xuống tóc tu trì giới hạnh, ca vịnh lời pháp, tụng thông kinh Pháp Hoa, ngày đêm không ngưng nghỉ, ngài tụng yếu kệ tán Phật trong các kinh có hơn ba ngàn chương. Suốt năm mươi năm, Sư không hề nói lời mệt nhọc. Đến ngày 24 tháng 10 niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Sư bị bệnh và thị tịch tại chùa núi, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi.

Mới đầu, trước lúc chưa thị tịch vài ngày, Sư không được khỏe. Vị Duy-na hô chuông mà dùi cầm tự gãy, mọi người cùng bàn tán cho sư không qua khỏi bệnh. Sư nghe thế, bèn bảo thị giả xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà và kinh Pháp Hoa, Sư xoay tâm nhiếp niệm, nguyện sinh về Tịnh độ Tây phương. Đến chiều Sư mới mở mắt, nhìn thẳng giây lâu chẳng động, tướng trạng như có thấy điều gì, vị Thị giả đứng bên cạnh đốt thêm hương, vẫn đứng lặng lẽ, một lát mới thôi. Sư bèn búng ngón tay bảo rằng: "Không thể nghĩ bàn!". Có người hỏi lý do, Sư bảo: "Thấy cờ báu lọng hoa, tháp miếu trang nghiêm". Đầu hôm, Sư lại xoay đầu nhìn bảo rằng: "Mới thấy ngọc sáng, bây giờ ở đâu?". Lại hỏi: "Có việc gì đốt đèn sáng rực thế?". Đại chúng bèn che đèn cho tối. Chỉ phút chốc Sư lại bảo: "Lửa sáng vì sao càng lớn mạnh vậy?". Vì trong phòng Sư lúc ấy mờ tối, mọi người bèn chấp tay, đến lúc sáng sớm, Sư bảo: "Tôi sinh về Tịnh độ!" thế rồi Sư dứt hơi thị tịch. Núi đất lay động, cửa song

vạch xé, đàn chim trĩ kinh sợ kêu vang, chẳng phải tiếng thường nghe. Trong chùa có Sa-môn Đạo Tuệ, chưa sáng đang ngủ, đến lúc tỉnh giấc ra tựa vào lan can nhìn xuống, bảo rằng: "Nếu Thiền sư (tức Trí Thông) thị tịch chắc chắn là sinh về Tịnh độ. Vì sao biết? Vì trong lúc đang ngủ thấy trên đỉnh núi phía Tây đều là lầu các điện đường nương giữa hư không mà đi". Nói xong, mới biết là Sư đã thị tịch.

Lại nữa, Cái Mẫu họ Vương, từ lâu dốc tín thuần kính Tam Bảo, đọc tụng các kinh, lễ sám phát tâm, lấy việc vãng sinh làm chánh. Đến tháng 02 niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một (637) thời Tiền Đường, đến lúc sắp xả bỏ báo mạng lại càng siêng năng chí kính, thấy hoa sen màu xanh đầy khắp vườn nhà. Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng một lúc đồng đến. Cái cùng với người cháu là Tiết Đại Hưng cùng gần gũi nghe kể lại, mà Tiết Đại Hưng thấy có Đức Phật thân hình rất cao lớn và Bồ-tát lâu sau mới biến mất. Đó đều là những việc gần đây, nên truyền thật lục. (Xuất xứ từ Tục Cao Tăng truyện quyển 18).

***5. Thích Trí Hy chùa Quốc Thanh ở Thai Châu, thời Tiền Đường***:

Thích Trí Hy, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên, gia đình Sư đời trước do làm quan nên đến ngụ tại Mân Việt. Từ thuở nhỏ Sư đã khác hẳn đồng bạn, tuổi trẻ mà nghĩ vượt ngoài mọi vật. Thấy mọi sự già bệnh chết, mà Sư thấu hiểu được cuộc đời nổi trôi nguy ách, tự xét sự hôn trầm, xót thương bao kẻ chìm đắm, lại càng nhàm lìa như bị kẻ thù rượt đuổi.

Sư phát thệ nguyện muốn vượt thoát trần lao, tìm khắp các thắng cảnh, cúi nghe Đại sư Trí Giả trình bày chí khí nơi núi Thiên Thai, an tọa thiền pháp tại chùa Phật Lũng, sách tấn dạy răn kẻ lầm đường mê, vì đời mà làm bến bờ dẫn dắt, tâm thành Sư vội kính ngưỡng, bôn ba vượt xa ngàn dặm. Đến năm hai mươi tuổi, Sư mới được toại nguyện. Vừa một lần được gặp liền định vị Thầy trò. Khi luật nghi đã đầy đủ, Sư lại bẩm thọ thiền quyết tu thêm tịch định. Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa như cứu lửa đang cháy trên đầu. Tâm ngựa hơi điều thuần, tan động bớt lo toan. Sư vâng mạng di chỉ thường ở nơi Đạo tràng tu thiền chùa Phật Lũng. Những người ưa thích pháp tam-muội đều cùng quy ngưỡng. Nhưng lúc rảnh rỗi việc thiền tọa, Sư lại chỉ huy xây dựng Già-lam, điện đường, phòng nhà đều trang nghiêm. Chỉ còn lại kinh đài chưa xây dựng, Sư muốn nhóm công thợ để làm, có ngọn núi Hương Lô, núi hang hiểm trở, rừng cây đẹp lạ, nhưng vị Thần ở đó rất linh nghiệm, từ

xưa đến nay, không ai dám nhìn ngọn và sườn núi ấy, huống chi giẫm đạp lên mà tìm chặt. Bấy giờ, Đại chúng bàn với nhau rằng: "Ngày nay đã vì tạo dựng kinh Đài cúng dường Pháp Bảo, chỉ chuộng lấy tinh hoa, đâu thể làm cho xong mà thôi, trên đỉnh núi Hương Lô có loại gỗ sinh bách, là thứ gỗ tốt trong các loại gỗ, hãy lấy đó để sung vào cúng dường". Luận bàn xong, thưa hỏi y kiến Sư, trình bày cụ thể sự việc như trên. Ngưng giây lát, Sư đáp rằng: "Thần nuối tiếc giữ gìn, chúng ta không nên vội vàng". Trong chúng không ai dám nói lại lời nào, mới tự trở về lại chỗ riêng mình. Đêm đó, Sư mộng thấy có người đưa sớ đến nói rằng: "Với cây sinh bách trên đỉnh núi Hương Lô, đều xin xả thí cung cấp vào việc xây dựng kinh đài". Đã cảm thầm chỉ bày, Sư liền dẫn lượt chuẩn bị mọi thứ vật thực công cụ, phân bổ người thợ vào núi để chọn tìm chặt. Vị thị giả hỏi rằng: "Hôm qua không chấp thuận, vì sao nay đi chặt lấy như vậy?". Sư đáp: "Hôm qua là do người khác, hôm nay la do ta, chỉ lấy không nhọc khổ, ắt chẳng sai lầm". Mọi người theo lời Sư đến tìm chặt cây gỗ không gặp phải trở ngại.

Xưa, Tiên sư Trí giả có dạy rằng: "Khuyên hóa muôn dân từ bến bãi núi Thiên Thai cho đến tận bờ biển, những nơi nào có sông rạch, khe suối đều xả thí làm ao hồ phóng sinh, chấm dứt hẳn việc vớt bắt". Đến đời Tùy cũng như thế, mọi sự đều qua sắc ban. Khi nhà Tùy đã mất, các hàng hậu sinh trong trăm họ có lắm kẻ làm ác, đem nhau đặt đăng đó, vớt bắt khắp cùng các sông suối, nên loài thủy tộc bị yểu tử thương vong không nơi mách cáo, mới cùng đảnh lễ Sư, đến chỗ khám thờ Tiên sư Trí Giả đốt hương chú nguyện. Đang có một người đánh cá thấy một vị tăng đứng trên Đăng, trong ý cho là ắt sẽ bị rơi xuống nước, nên đem thuyền đến muốn cứu, vừa đến nơi thì không thấy nữa. Do đó mà ở các Đăng đó đều không bắt được cá, mọi người lần lượt mách bảo nên cùng nhau bỏ ác làm lành, dứt được việc vớt bắt chài lưới.

Bấy giờ, Sư có vị đệ tử là Sa-môn Đạo Tuyên đang ở tại phòng tụng kinh Pháp Hoa, tự nhiên Sư đến gọi, bảo rằng: "Chiều nay sẽ có khách tăng đến". Nói xong, bèn nhìn xuống dưới cửa, bỗng thấy một vị tăng thuần mặc áp nạp, ôm bình bát, cầm tích trượng, hình tướng thần thái rất sáng sủa, dáng vẻ khác người thường, từ ngoài đi đến, cùng đi qua hơn hai mươi bước mới vào nhà phía Đông, bèn biến mất. Bỗng chốc liền nghe ở núi phía Đông có tiếng chuông Đồng ngân vang rung chuyển cả hang núi. Sư bèn nói: Ôi! Tôi...!". Chưa đầy vài ngày sau, Sư bảo các đệ tử rằng: "Mạng sống của tôi không còn bao lâu nữa, hãy cho nước ấm mùi thơm để tắm gội". Sư nói xong, từ trong núi các loài chim

thú hình sắc khác lạ chưa hề trông thấy đua nhau cùng nhóm tụ bên cạnh phòng Sư, trải dài dưới đất, bay nhảy trên hư không, buồn kêu ai oán, qua ngày hôm sau mới bay đi hết. Đến tối 17 tháng 12, Sư kiết già ngồi thẳng, cầm xâu chuỗi như ý mà giảng pháp, từ lý sâu xa. Lúc giảng xong, Sư bảo đệ tử rằng: "Tôi cùng các ông may mắn được gặp, nay đây phải vĩnh biệt, không hẹn gặp lại!". Nói xong, Sư im lặng không có tiếng động gì, giây lâu. Các đệ tử gào khóc, Sư lại mở mắt bảo rằng: "Con người có sinh phải có tử, muôn vật có đều phải có cuối, tướng thế gian là như thế, đâu có gì đáng buồn khóc! Nay ra đi, các ông chớ làm náo loạn đến tôi". Sư lại bảo rằng: "Từ lúc tôi tu thiền tụng kinh cho đến nay là đã bốn mươi chín năm, lưng chẳng dính chiếu. Tôi chẳng trái phụ tín thí, không mắc nợ hương hỏa. Các ông muốn được gặp lại tôi, mỗi người nên siêng năng sách tấn hành Đạo, để có đủ năng lực, không trái phụ người!", các đệ tử do đó hỏi Sư rằng: "Chẳng hay Hòa-thượng sẽ sinh về đâu?". Sư đáp: Như chỗ tôi mộng thấy thì quả báo sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất, nơi cung điện mầu xanh, ở phía Tây bắc của cõi trời, thấy Đại sư Trí Giả, chung quanh có các hàng người, trời đều ngồi trên tòa báu, chỉ riêng có một tòa để trống chưa có người, tôi hỏi lý do thì được trả lời là Sa-môn Quán Đảnh sẽ lên tòa đó để giảng pháp.

Đến sáng sớm ngày mười tám, Sư bảo các đệ tử rằng: "Các ông phải sớm lo thiết trai, mạng sống của tôi chỉ trong chốc lát". Ngày đó, có người trong thôn lên núi thăm bệnh Sư, dùng bữa xong xin từ giã trở về, Sư bảo; Đã khổ nhọc từ xa đến, nên dừng lại trong thời gian ngắn, đợi bần đạo đi trước đã!". Người ấy không hiểu ý, cố từ chối chẳng dừng ở. Đang lúc đó, bầu trời trong sáng không chút mây che mờ, Sư bảo với người đến thăm bệnh ấy rằng: "Đã không dừng ở lại thì nên mau đi đi, vì mưa sẽ ngập đường". Người ấy vừa đi chỉ chốc lát, bỗng nhiên mưa đổ như trút. Sư hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó vào giờ ngọ ngày 18 tháng 12 niên hiệu Trinh Quán năm thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư ngồi kiết già, thẳng thắng nghiễm nhiên, hơi khí ngưng dứt, mọi người dùng bông tơ để thử thì như Sư đang nhập định, do đó mà chẳng trở lại. Bấy giờ giữa hư không có tiếng đàn sáo, cả đại chúng đều được nghe giây lấu mới dứt. Để qua mấy ngày mới đưa nhục thân Sư vào trong khám đá, nhan sắc vẫn tươi tấn, tay chân mềm mại, chẳng khác lúc còn sống. Nơi tôn trí phần khám của Sư ở trước khám của Tiên sư Trí Giả cách hơn hai trăm bước.

***6. Thích Trí Tảo chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường:***

Thích Trí Tảo, họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Vào đời Tấn, gia đình Sư dời đến ngụ ở Lâm Hải. Ông nội Sư tên là Nguyên Tú, làm thương bộ thị lang đời Lương, rồi tiếp nhận Lâm Hải nội sứ, cha Sư tên là Văn Hoài làm Trung binh tướng quân đời Trần.

Năm Sư thọ học kinh Pháp Hoa, miệng không nói lời luống dối, mọi việc làm không hổ thẹn với người. Bà con thân thuộc xóm làng gần gũi đều kính mến. Năm Sư mười bảy tuổi, cha mẹ đều qua đời, chịu tang buồn vừa mãn, Sư bị bệnh, kéo dài nhiều năm tháng, thầy thuốc hết phương cứu chữa. Nhân trong đêm vắng, Sư nương gậy nhọc nhằn kéo thân bệnh ra đến giữa sân, ngước mặt nhìn ánh trăng mà nằm, dốc lòng chuyên niệm Bồ-tát Nguyệt Quang, cúi mong đại bi cứu giúp nỗi khổ bịnh trầm kha của con. Sư buộc niệm như thế trải qua tuần đầu. Vào nửa đêm, mộng thấy một người hình sắc khác thường từ hướng Đông đi đến bảo Sư rằng: "Ta đến đây chữa bệnh cho Sư", liền đưa miệng kề vào thân Sư, lần lượt hút nhổ. Suốt ba đêm liền như thế, nhờ vậy mà bệnh được lành, Sư biết Tam bảo thật là nơi đáng để mình nương tựa hầu cứu khổ, bèn muốn lìa tục, đến chùa An Tĩnh xin làm đệ tử Pháp sư Tuệ Bằng.

Nghe Đại sư Trí Giả là bậc Đạo hạnh, pháp tắc vượt hẳn mọi người, vì đời mà dẫn dắt tốt đẹp, Sư bèn nương thuyền bồng bềnh thẳng đến núi Thiên Thai, phủ phục cầu xin thọ học. Ngài Trí Giả bảo Sư sám hối theo Pháp Hoa sám pháp và tụng kinh. Đến tuần thứ hai, vừa mới đêm đầu tiên lễ sám xong, Sư trở về lại ghế ngồi thiền, như muốn an tọa, bỗng thấy có chín con rồng từ đất vọt ra vượt thẳng lên hư không. Sáng sớm, Sư đem việc ấy thưa hỏi. Ngài Trí Giả bảo rằng: "Đó là biểu tượng của chúng sinh trong chín đường nghe kinh Pháp Hoa ở đời tương lai sẽ phá trừ vô minh trú địa, vào pháp tánh không".

Lại nữa, niên hiệu Chí Đức thứ 4 (586) đời Trần, Vĩnh Dương Vương Bá Trí trông coi ở Tiên đô, thỉnh ngài Trí Giả đến chỗ đang trấn nhậm, Sư theo thầy đến núi Cối Kê thọ thỉnh. Sau chín tuần xong Pháp sự, Sư bèn từ biệt Vương Bá Trí đến ở chùa núi Bảo Lâm, hành trì Tam-muội Pháp Hoa. Đầu tiên là ngày thứ nhất, như có người đến lay động cánh cửa. Sư hỏi: "Ngươi là ai mà nửa đêm đến đây lay cửa như thế?". Liền có tiếng đáp lớn rằng: "Ta đến trông đèn". Ba phen hỏi đáp như thế. Trong chùa đó vốn trước có Đại đức Thiền sư Tuệ Thành, ban đêm nghe rõ việc đó, bảo Sư đệ tử rằng: "Ở trong ngôi chùa đó từ trước đến

giờ có con Đại ác quỷ, nay nghe tiếng ấy, chắc là Quỷ đến lấy mạng người!”. Đến lúc trời gần sáng, Thiền sư Tuệ Thành gõ cửa gọi. Sư chưa kịp trả lời, thì Thiền sư Tuệ Thành đi nhiễu quanh ngôi nhà đó xướng rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Người ấy chết rồi...!”. Sư liền mở cửa hỏi: đáp rằng: Sư vẫn còn sống, tôi nghĩ rằng đêm qua quỷ đã hại mạng ông, cho nên than như thế. Thiền sư Tuệ Thành đem việc ấy nói với Vương Bá Trí, Vương Bá Trí bèn sai vài mươi người cầm gậy đến phòng hộ. Sư bảo các người đến phòng hộ rằng: “Mạng là do nghiệp, đâu phải do sự phòng hộ mà thêm được ư? Xin các nhân giả hãy cùng nhau trở lại thành báo với Vương Bá Trí như thế!”. Khi các người đến phòng hộ đã đi, vào đêm thứ hai, quỷ vào thẳng trong phòng, vác chày vồ đập tường vách, đánh cột nhà khắp cùng Đông Tây. Trong phòng có sáu ngọn đèn, Sư tắt hết năm ngọn chỉ để lại một ngọn mà hành Đạo, ngồi thiền, tụng kinh, thản nhiên không khiếp sợ. Đến tuần thất thứ ba, mọi việc thường như thế. Sư hành pháp sắp mãn, thấy một đồng tử mặc áo xanh đến khen rằng “Lành thay!”. Nói xong liền biến mất. Tuy gặp hai việc như thế mà tâm Sư không lo sợ hay mừng vui.

Lại nhân có duyên sự, Sư phải đến Cối Kê, trên đường từ Huyện Diệm, Sư vào thôn Hiếu Hạnh khất thực, người chủ lầm nấu nấm độc cúng dường, Sư dùng bữa xong, theo đường đi thẳng tới. Sau đó, người chủ dùng thức ăn còn lại, tất cả đều bị khốn khổ kiết lỵ sắp chết. Có người ở gần đó thấy như thế, liền mang thuốc tìm đuổi theo Sư, đi hơn mười dặm mới kịp, thấy Sư vẫn khoan thai bước đi không việc gì. Sư hỏi: “Có việc gì mà tìm tôi?”. Người ấy trình bày đầy đủ việc trên, Sư cười, bảo: “Bần đạo không sao, hãy vất bỏ thuốc đi mà trở về, khỏi cần phải đuổi tìm”. Lấy đó mà nghiệm biết do Đạo lực huân tu nên độc không thể làm thương tổn.

Sư trở về núi, vì Đại sư Trí Giả, thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng, độ bốn mươi chín người xuất gia, cúng thí vào chùa hai ngàn đoạn vật, ba ngàn thạch gạo và hương, đầu bơ, v.v... Lại xây dựng tường đất chung quanh bốn phía vườn chùa. Lại vì Đại sư Trí Giả thiết trai cúng dường ngàn vị Tăng, độ một trăm người xuất gia, cúng thí vào chùa một ngàn đoạn vật, cúng dường trai tăng mỗi vị một xấp lụa quyên. Đến năm thứ bảy, Sư lại sang quận Trác, tham nhọc tạ từ xa lại, cúng thí chùa năm trăm đoạn vật, sai năm mươi người cầm gậy phòng hộ đưa về lại chùa. Sư đã qua lại tám lần tham kiến Thiên tử vua đều được vui mừng, cung cấp rất nồng hậu.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai (638) thời Tiền

Đường, Sư thị tịch tại chùa, hưởng thọ thọ tuổi tám mươi ba tuổi.

***7. Thích Pháp Hỷ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền Đường:***

Thích Pháp Hỷ, họ Lý, người ở xứ Tương Dương. Năm lên bảy tuổi, Sư xuất gia, thơ Thiền sư Hạo làm thầy. Thiền sư Hạo là bậc Đạo tố ôn hòa thuần thiện rất nổi tiếng. Cùng đồng bạn sau đến ở chùa Thiền Định, ngay đêm trước lúc thị tịch, vách tường của căn phòng tự nhiên bị sụp đổ ra ngoài, Thiền sư Hảo bảo: "Y Báo đã trái, tôi sắp chấm dứt cuộc đời!". Liền đó ngồi thẳng nhắm mắt, như có sở duyên, bèn im lặng mà thị tịch, mới đầu ai hay biết.

Vì Sư (Pháp Hỷ) rất có cung cách, theo hầu trải qua nhiều năm, còn Thiền sư Hạo chuyên tu định nghiệp, không hề dạy răn, chỉ xem lượng mà biết người, xét có đạt của Sư sự việc có vượt tu tập ở trước, chẳng sửa đổi mà tự thành, cung kính cảnh hạnh, chỉ đức là giúp. Tại chùa núi Thanh Khê ở Kinh Châu, chư tăng có bốn mươi vị, chỉ riêng mình ngài là Sa-di nên phải lo mọi việc hầu hạ, ban ngày thì nấu thổi củi đuốc, ban đêm thì tụng tập kinh điển, ở núi không có đuốc, phải đốt củi để lấy ánh sáng. Mỗi đêm tự theo thời khóa phải tụng thuộc một trang kinh. Cứ như thế trải qua thời gian lâu dài nên sở duyên thông lợi, tuy học các kinh bộ loại, mà Sư riêng lấy kinh Pháp Hoa làm chánh, thường nhân giữa khoảng thời gian ăn ngủ, Sư tụng gồm một quyển, ngoài ra thì chuyên lấy Thiền nghiệp buộc niệm ở trước, vừa mới có tâm hôn trầm, thì liền trở lại ôn cũ.

Khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, vua Văn đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời Sư vào kinh đô trụ chùa Thiền định. Lễ cúng rất lớn, mà Sư hành tiết kiệm làm đầu, tiếp dẫn vỗ về đồng thường, khiêm hư thành đức, bèn cảm có xá-lợi răng Phật. Vua rất mực tôn kính, tôn trí trên đài báu, đặt để trên phòng nhà, khôi báu tràn mắt. Nếu không phải người có đức hạnh thì chẳng thể biết, Đại chúng vì sự hành giải ngầm thông u vi từng giáng hiện của Sư, nên đem Đạo tràng giao phó ủy thác cho Sư trông coi. Sư bèn làm giềng mối cúng dường ngày đêm tiếp thừa kinh ngưỡng. Lại vì Thiền sư Hạo đã thị tịch, trong ý Sư muốn linh hồn ở chốn u minh được thanh thản, phát nguyện trì tụng ngàn biến kinh Pháp Hoa, do đó liền chẳng ở yên trong phòng cũ, chỉ thường nhiễu quanh chùa tháp, với hai oai nghi đi và ngồi, thề tròn đầy bản nguyện. Đến lúc đủ số tám trăm quyển, tình thức Sư càng chuyên cần hôm sớm, buộc tâm chẳng tan, bèn cảm thấy thân mình

chuyển thành mạnh khỏe, chư tăng đồng ở trong chùa thấy giá xe báu trâu trắng đi vào phòng Sư, nhưng truy tìm xét xem thì không hề thấy dấu vết manh mối, mới biết đó là do cảm bởi u thông, thông suốt giáo môn mà sớm tự giữ tạo dựng và bảo vệ từ lúc mới đầu. Các nơi có người bệnh khổ, bất luận là khách mới cũ, đều chu cấp đầy đủ hỏi han, đích thân Sư lo liệu cho, còn việc tiểu dãi huyết nồng đổ tháo, Sư đều đến quét dọn. Nhưng sự khổ của bệnh hoạn, là chỗ đều khinh thường của người đời, mà Sư đều không nhờm gớm, tâm tình gấp bội vui mừng, lấy làm việc thường. (Ba duyên trên đây đều xuất xứ tục Cao Tăng Truyện quyển 19).

***8. Thích Tuệ Thành ở Giang Lăng, đời Trần:***

Thích Tuệ Thành, là môn nhân của Thiền sư Tuệ Tư, Sư tu thiền định, tụng kinh Pháp Hoa, chứng đắc "Tam-muội Nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn", trì đứng trên sông, đi trên nước như đi trên đất liền.

***9. Thích Tuệ Dũng ở Vân Phong, thuộc Nam Nhạc, thời Tiền Đường:***

Thích Tuệ Dũng, kính thờ Thiền sư Đại Thiện, trọn một đời nương náu nơi chốn núi rừng, hơn sáu mươi năm tụng trì kinh Pháp Hoa, vào được Tam-muội Hỏa quang.

***10. Quốc sư Thích Tuệ Điều ở Nam Nhạc, đời Tùy:***

Thích Tuệ Điều là môn nhân của Thiền sư Trí Khải, tụng kinh Hoa Nghiêm sáu mươi quyển, tụng kinh Pháp Hoa vạn biến, chiêu cảm thần núi đến thêm hương, rải hoa.

***11. Thích Duyên Quang ở nước Tân-la, đời Tùy:***

Thích Duyên Quang, là môn nhân của Đại sư Trí Giả, chuyên tụng kinh Pháp Hoa lấy làm chánh, chiêu cảm vua trời xuống đón rước, cung rồng mời thỉnh giảng. Sau khi thị tịch, chiếc lưỡi màu đỏ đẹp như hoa sen hồng.

***12. Thích Thiện Nghĩa ở chùa Chân Ngộ, đời Đường:***

Thiền sư Thích Thiện Nghĩa là môn nhân của Sa-môn Tuệ Siêu. Sư trì tụng kinh Pháp Hoa một vạn biến, ngoài việc bình nước thường đầy, còn được nhìn thấy Đài vàng, nghe nhạc trời. Sư chấp tay đứng yên mà thị tịch.

***13. Thích Hoằng Cảnh trụ chùa Ngọc Tuyền, ở phú Dương, đời Tiền Đường:***

Thích Hoằng Cảnh là môn nhân của Sa-môn Đạo Tố, Sư chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, được Bồ-tát Phổ Hiền đến trao truyền cho dấu chấm phẩy, đồng tử cõi trời ngầm đến kính hầu, đầy đủ như truyền thuyết.

■

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 4

**VIII. PHÚNG TUNG THẮNG ÍCH** (Phần 2)

1. Thích Đàm Thúy
2. Trúc Pháp Thuần
3. Thích Tăng Sinh
4. Thích Pháp Tông
5. Thích Đạo Huýnh
6. Thích Tuệ Khánh
7. Thích Phổ Minh
8. Thích Pháp Trang
9. Thích Tuệ Quả
10. Thích Tuệ Tấn
11. Thích Hoằng Minh
12. Thích Tuệ Dự
13. Thích Siêu Biện
14. Thích Pháp Tuệ
15. Thích Tăng Hầu
16. Thích Chí Trạm
17. Vị Tăng ở chùa Ngũ Hầu
18. Thích Pháp Thường
19. Chiếc lưỡi tụng kinh
20. Thích Tuệ Siêu
21. Thích Tuệ Hiển
22. Thích Thiện Tuệ
23. Thích Tuệ Đạt
24. Thích Pháp Thành
25. Thích Tuệ Thuyên
26. Đàm Vô Kiệt

27. Thích Pháp Tự
28. Thích Tăng Dực
29. Thích Trí Thông
30. Thích Trí Nghi.

***1. Thích Đàm Thúy:*** Chùa Bạch Mã ở Hà Âm, đời Tấn.

Thích Đàm Thúy, không rõ người xứ nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, tại chùa Bạch Mã ở Hà Âm, ăn dùng rau trái, mặc áo vải bố, trì tụng kinh Pháp Hoa thường một ngày một đêm là một biến. Sư lại tinh thông thấu đạt ý chỉ của kinh, giảng nói cho người nghe, từng ở trong đêm, bỗng nghe có tiếng gỏ cửa và nói rằng: "Muốn thỉnh Pháp sư nói pháp chín tuần (ba tháng)". Sư không chấp thuận. Vì cố nài thỉnh nên Sư mới đến đó, Sư như đang ngủ nhưng đều nhận biết, thân bèn đến trong đền thờ thần ở làng Bạch Mã, cùng theo có một vị đệ tử. Từ đó thường ngày thầm sang, không ai hay biết. Về sau, có vị Tăng ở chùa đi ngang qua miếu, thấy có hai tòa cao, Sư ngồi ở tòa phía Bắc, đệ tử ngồi ở tòa phía Nam, và như có tiếng đọc tụng giảng nói, lại ngửi có mùi thơm lạ. Từ đó, các người tục rao truyền cho nhau, đều bảo là thần dị. Đến mãn mùa Hạ, thần cúng thí một con ngựa trắng, năm con dê trắng, chín mươi xấp lụa. Chú nguyện xong, từ đó mới dứt. Về sau, không biết Sư như thế nào! (Cao Tăng truyện quyển 12 nói tụng kinh Pháp Hoa là đồng bản, linh dị đều đồng, đã xét văn ấy).

***2. Trúc Pháp Thuần chùa Hiển Nghĩa ở Sơn Âm, đời Tấn:***

Trúc Pháp Thuần, không rõ Sư người xứ nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa Hiển Nghĩa, ở Sơn Âm, hành khổ hạnh, rất có đức, khéo trì tụng kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn và kinh Cổ Duy-ma. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hưng (402-405) đời Đông Tấn, vì chùa mà lên Lan Chử mua nhà cũ, chiều tối trở về đang đi trong hồ, gặp phải gió bão mà thuyền lại nhỏ, Sư chỉ nhất tâm nương vào Bồ-tát Quán Thế Âm, miệng tụng phẩm Phổ Môn không ngưng, bỗng chốc thấy một chiếc thuyền lớn đi lại, do đó mà được thoát khỏi, khi đã đến bờ, hỏi ra thuyền không có chủ, rồi chỉ trong khoảnh khắc chiếc thuyền cũng biến mất, các Đạo tục đều khen ngợi là thần cảm. Về sau, không biết Sư như thế nào.

***3. Thích Tăng Sinh trụ chùa Tam Hiền ở Tấn Thục:***

Thích Tăng Sinh, họ Viên, người ở đất Ty, thuộc quận Thục, xuất

gia từ thuở thiếu thời, Sư chuyên hành khổ hạnh rất được khen ngợi. Tống Phong v.v... ở thành Đô thỉnh Sư làm chủ chùa Tam Hiền. Ngày đêm Sư trì tụng kinh Pháp Hoa kiêm thực hành Thiền định. Ở trong núi, Sư tụng kinh Pháp Hoa có hổ đến ngồi xổm trước mặt, tụng kinh xong mới đi. Sau, mỗi khi đến lúc Sư phúng tụng, ngâm vịnh liền thấy chung quanh có bốn người làm hậu vệ. Đến lúc tuổi tuy già suy, mà tâm thành tha thiết Sư càng mạnh mẽ. Sau, bị bệnh nhẹ, Sư bảo thị giả rằng: “Đồng tử cõi trời đã đến rước, ông nên nương theo năng lực tụng kinh, sẽ được sinh lên cõi trời Đâu-suất, kỳ hạn đã đến, ta sắp đi. Sau khi ta qua đời, nên đem thiêu, nếu ở chỗ thiêu mọc lên hoa sen mầu xanh thì lấy đó làm ứng nghiệm”. Đệ tử vâng theo di mạng, thiêu nhục thân Sư, thật đúng như lời Sư nói, mọi người đều rơi lệ lấy làm lạ.

***4. Thích Pháp Tông trụ Pháp Hoa đài ở đất Diệm, đời Tiền Tống:***

Thích Pháp Tông là người xứ Lâm Hải. Thuở thiếu thời, Sư khéo săn bắn, ở đất Diệm có bắn một con nai chửa, nai bị sẩy thai, nai mẹ ngậm chịu tên bắn, còn đến chỗ đất dùng lưỡi liếm thân con mình, Sư mới hối ngộ, nhận biết tham sống và thương con là chỗ đồng nhau của loài có tình thức. Từ đó, Sư tước cung bẻ tên, xuất gia học Đạo. Thường hành khất thực để tự nuôi sống, thọ trì pháp mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Mỗi ngày sáu thời sám hối tội lỗi xưa. Sư trì tụng kinh Pháp Hoa và kinh Duy-ma, có lên trên đài phúng tụng ngâm vịnh, tiếng vang nghe xe khắp bốn phương. Các hàng sĩ thứ bẩm thọ quy giới từ Sư có hơn ba ngàn người. sư bèn mở rộng nâng thoáng chỗ ở dùng làm tinh xá, nhân đó lấy làm chỗ để tụng kinh, nên xưng gọi “Pháp Hoa đài”. Thường vào lúc giữa trưa có ánh sáng lạ, và giữa đêm tối mà giống như ban ngày, mọi người đều lấy làm lạ. Về sau, không ai biết được Sư thế nào. Đài chùa hiện vẫn còn, nếu người bị bệnh đến dừng nghỉ qua đêm trong đó, cầu niệm liền lành bệnh.

***5. Thích Đạo Huýnh chùa Nam Giản ở kinh đô, thời Tiền Tống***:

Thích Đạo Huýnh, họ Mã, người ở xứ Phù Phong. Khi mới xuất gia, Sư làm đệ tử Sa-môn Đạo Ý. Ngài Đạo Ý bị bệnh, bảo Sư cùng tất cả bốn người đến Hoắc Sơn ở Hà Nam để tìm nấm vú chuông. Vào hang núi được vài dặm, phải giẫm đạp trèo cây qua khe nước, ba người bị chìm chết, và bó đuốc cũng tắt nhưng Sư không có cách cứu. Sư vốn trì tụng kinh Pháp Hoa, chỉ nương tựa chí thành với hạnh nghiệp ấy, lại

còn xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, chỉ trong chốc lát thấy có ánh sáng như lửa đom đóm, Sư cố đuổi theo mà không kịp, do đó bèn được ra khỏi hang. Từ đó, Sư càng tấn tu thiền, tiết hạnh ngày càng đổi mới, có bày qua vài lần trai hội Phổ Hiền và đều có điềm lành, hoặc thấy có vị Phạm tăng vào ngồi, hoặc thấy có người cưỡi ngựa đến, đều chưa kịp nói năng đã vội biến mất. Sau cùng đồng bạn tất cả bốn người theo hướng Nam đi đến thượng kinh, trông xem phong hóa. Ban đêm nương tựa tảng băng mà qua sông, giữa đường tảng băng vỡ, ba người chết đắm. Sư lại chí thành quy hướng Bồ-tát Quán Thế Âm, tụng kinh Pháp Hoa. Mới cảm thấy dưới chân như có vật tự nghiêng lệch. Lại thấy ánh sáng màu đỏ ở trước, bèn nương ánh sáng lên bờ mà về lại Kinh đô Sư trụ tại chùa Nam Giản, thường lấy pháp Ban Chu làm hạnh nghiệp. Trong đêm, Sư tụng kinh rồi nhập thiền, bỗng thấy có bốn người cưỡi xe đến phòng, gọi Sư lên xe chở đi. Bỗng nhiên Sư tự không hay biết thì thấy thân mình đã ở Thành đô phía sau Trầm Kiều, thấy có một người ngồi trên giường người Hồ ngay giữa đường và có đến vài trăm người hầu, thấy Sư họ bèn kinh hãi đứng dậy nói rằng: "Đây là chỗ ngồi của Thiền nhân". Người ấy lại nhân đó bảo với mọi người chung quanh rằng: "Lúc nãy đã biết chỗ rồi đâu dám làm lao nhọc Pháp sư?". Khi đó, bèn lễ bái từ biệt, bảo người đưa Sư trở về lại, vào chùa gõ cửa, giây lâu mới mở, vào chùa thấy các phòng đều đóng bít, đại chúng đều chẳng lường biết điều ấy.

Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi (443) đời Tiền Tống, Lâm Xuyên Khương vương Nghĩa Khánh mời Sư đến Quảng Lăng, và Sư thị tịch tại đó.

***6. Thích Tuệ Khánh ở Lô Sơn, đời tiền Tống:***

Thích Tuệ Khánh là người xứ Quảng Lăng, xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ tại chùa Lô Sơn, học thông kinh luật, thanh tịnh nghiêm khiết rất có giới hạnh. Ngài trì tụng các kinh Pháp Hoa, Thập Địa, v.v... mỗi đêm ngâm tụng, thường nghe trong bóng tối có tiếng búng ngón tay khen ngợi rằng: "Ông phúng tụng kinh Pháp Hoa, chúng tôi v.v... rất lấy làm vui mừng, quyết định sẽ thành Phật đạo, xin nguyện cứ tụng đừng ngưng nghỉ!". Có lần trong cơn sấm sét nhỏ lại gặp sóng gió nên thuyền bè sắp bị đắm, Sư chỉ trì tụng kinh Pháp Hoa không nghỉ, có cảm giác thuyền đang ở trong sóng mà như có người dẫn kéo, thoáng chốc đến được bờ. Từ đó Sư càng dốc lòng siêng năng. Đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (454) thời Tiền Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ sáu mươi hai

tuổi, có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng. Có tiếng nhạc nghe văng bẳng giữa hư không. Mọi người đều cho là do năng lực tụng kinh sẽ được Thánh chúng ở cảnh Tịnh độ đến rước.

***7. Thích Phổ Minh ở Lâm Truy, thời Tiền Tống:***

Thích Phổ Minh, họ Trương, người ở xứ Lâm Truy, xuất gia từ thuở thiếu thời, bẩm tánh thanh thuần, Sư chỉ ăn dùng rau quả mặc áo vải bố, lấy sự sám tụng làm chánh nghiệp. Sư trì tụng hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy-ma. Thường đến lúc phúng tụng thì Sư có y phục, giường ghế riêng biệt, không hề lẫn lộn uế tạp. Mỗi lúc tụng đến phẩm Khuyến Phát, thì liền thấy Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi đứng trước mặt, Sư tụng kinh Duy-ma cũng nghe giữa hư không có tiếng xướng nhạc. Sư lại giỏi về thần chú, cứu hộ đều lành. Có Vương Đạo Chân, người ở trong làng có người vợ bị bệnh nên đến thỉnh Sư tới nhà chú nguyện, Sư vừa vào đến cửa thì người vợ liền chết ngất, trong chốc lát thấy có một vật giống như con chồn thân dài mấy thước từ hang chó đi ra, do đó mà lành bệnh. Sư thường đi ngang qua đền thờ bên cạnh bờ sông, Thầy đồng cốt tự bảo: “Thần thấy ngài đều tuôn chạy”. Sư thị tịch lúc tám mươi lăm tuổi.

***8. Thích Pháp Trang trụ chùa Đạo tràng ở kinh đô, thời Tiền Tống:***

Thích Pháp Trang, họ Thân, người ở xứ Hoài Nam. Năm mười tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô Sơn. Thuở thiếu thời, Sư khổ tiết nổi tiếng. Về sau, Sư vào Quan Trung, theo Sa-môn Tăng Tuệ để thọ học, khoảng đầu niên hiệu Nguyên Gia (424) thời Tiền Tống, Sư ra kinh Đô, trụ tại chùa Đạo tràng, tánh Sư nhất định thuần tố, mỗi ngày chỉ ăn một bữa trưa mà thôi. Sư trì tụng các kinh Đại Niết-bàn, Pháp Hoa, Tịnh Danh. Mỗi lúc cuối đêm Sư tụng kinh Pháp Hoa, các phòng ở gần thường nghe trước phòng Sư như có tiếng các thứ binh trượng vũ vệ, thật là trời thần đến nghe tụng kinh, cảm hóa như thế chẳng phải chỉ một lần. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ nhất (457) đời Tiền Tống, Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi.

***9. Thích Tuệ Quả trụ chùa Ngõa Quan ở Đông Đô, đời Tiền Tống:***

Thích Tuệ Quả là người ở xứ Dự Châu. Thuở thiếu thời, Sư thường lấy rau trái khổ tiết tự làm hạnh nghiệp. Khoảng đầu thời Tiền Tống

(420) Sư đến kinh đô trụ chùa Ngõa Quan, Sư chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa và Thập Địa, chỗ nhà xí, thấy một con quỷ đến kính lễ Sư và thưa rằng: "Xưa tôi làm Duy-na trong tăng chúng, có chút việc không đúng như pháp, nên bị đọa vào loài quỷ ăn phẩn. Pháp sư là bậc đức hạnh trinh thuần cao minh, lại lấy từ bi làm ý chí, xin hãy dùng phương tiện để cứu giúp!". Quỷ lại nói: "Xưa có ba ngàn quan tiền chôn ở dưới rễ cây thị, xin hãy lấy đó làm việc phước". Sư liền bảo chúng Tăng đào lên, quả nhiên có được ba ngàn quan tiền, Sư tu tạo cho một bộ kinh Pháp Hoa và lập trai hội cúng dường. Sau, Sư mộng thấy con quỷ ấy đến báo là đã được cải sinh rất tốt đẹp hơn xưa. Do năng lực trì tụng mà Sư có được chút năng lực thần thông. Đến niên hiệu Thái Thỉ thứ 6 (471) thời Tiền Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi.

***10. Thích Tuệ Tấn chùa Cao Tòa ở kinh đô, thời Nam Tề:***

Thích Tuệ Tấn họ Diêu, người ở xứ Ngô Hưng. Thuở thiếu thời, Sư mạnh mẽ, mặc tánh du hiệp. Năm bốn mươi tuổi, Sư bỗng nhiên tỏ ngộ, tâm tự khai mở, bèn lìa thế tục, đến ở chùa Cao Tọa ở kinh đô, ăn dùng rau quả, vận mặc thuần tố, phát thệ trì tụng kinh Pháp Hoa, dụng tâm rất khổ nhọc, hễ cầm quyển kinh thì liền bị bệnh. Sư bèn phát nguyện tu tạo một trăm bộ kinh Pháp Hoa để sám hối nghiệp chướng xưa. Lúc đầu, Sư để dành được một ngàn sáu trăm đồng tiền, khi ấy có bọn giặc cướp đến chỗ Sư, hỏi rằng: "Có vật gì không?". Sư đáp: "Chỉ có tiền tạo kinh để ở chỗ Phật". Bọn giặc cướp nghe thế, tự nhiên bỏ đi. Từ đó, Sư nhóm họp các tín thí quyên tiền tu tạo thành kinh đủ số trăm bộ. Sau khi kinh hoàn thành, bệnh Sư cũng được bớt. Sư trì tụng một bộ kinh Pháp Hoa, được vượt quá tình nguyện. Tình nguyện đã mãn, Sư càng mài giũa tiết tháo thêm vững chắc. Sư thường hồi hướng các phước nghiệp, nguyện sinh về cõi An Dưỡng. Trước lúc qua đời một thời gian ngắn bỗng nghe trên hư không có tiếng bảo rằng: "Tâm nguyện ông đã đầy đủ, sẽ được vãng sinh về Tây phương!". Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba (485) thời Nam Tề, Sư thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi.

***11. Thích Hoằng Minh trụ chùa Bách Lâm ở Vĩnh Hưng thời Nam Tề:***

Thích Hoằng Minh, họ Doanh, người ở xứ Sơn Âm, thuộc Cối Kê. Xuất gia từ thuở thiếu thời, trinh khổ rất có giới hạnh tiết tháo. Sư trụ chùa Nhạn Môn ở Sơn Âm, trì tụng kinh Pháp Hoa, tu tập thiền định, siêng năng lễ sám, ngày đêm sáu thời không ngưng nghỉ. Mỗi sáng sớm

thì bình nước tự đầy, thật do các đồng tử cõi trời cung cấp. Sư có trụ chùa Vân Môn, ngồi thiền tụng kinh, thấy một đứa trẻ đến nghe tụng kinh, Sư hỏi: "Ông là người ở đâu?" Đứa bé đáp: "Tôi là một Sa-di trước kia ở chùa này, vì lén trộm các vật ăn uống của chư Tăng nên nay đọa trong nhà xí. Nghe thượng nhân là người rất có Đạo nghiệp, nên đến nghe tụng kinh, xin giúp cho phương tiện để được thoát khỏi khổ lụy!". Sư liền nói pháp khuyên hóa, lãnh ngộ thấu hiểu rồi biến mất. Lại có con hổ đến, vào trong phòng Sư nằm trước giường, nhìn Sư và nghe kinh, Sư vẫn an nhiên không lay động, lâu sau hổ bèn bỏ đi. Về sau, tại hàng núi Thạch Mỗ ở Vĩnh Hưng, Sư nhập định, lại có sơn tinh đến não loạn. Sư túm được, bèn dùng dây lưng trói lại, Quỷ cầu xin được mở trói, nói rằng: "Về sau không dám trở lại". Sư bèn mở cho, từ đó dứt bặt dấu vết. Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề.

***12. Thích Tuệ Dự trụ chùa Linh Căn ở kinh đô, thời Nam Tề:***

Thích Tuệ Dự, là người xứ Hoàng Long, đi đến kinh đô, thưa hỏng hỏi khắp các bậc thầy, khéo bàn luận, giỏi phong nghi. Mỗi lúc nghe chuyện tốt xấu của người vật, Sư liền bịt tai không nghe, hoặc có lúc dùng lời khác nghe thôi. Bình bát, pháp y thuần tố, Sư bảo mỗi ngày ăn một bữa, sau giữa trưa thì tự dứt, siêng năng nêu tiết, lấy việc cứu khổ làm đầu. Sư trì tụng các kinh Pháp Hoa, Niết-bàn, v.v... lại tu tập thiền nghiệp, hiểu rành về năm môn. Có lần Sư đang ngủ thấy có ba người đến gõ cửa đều mặc áo đội mão mới sạch, cầm lọng hoa. Sư hỏi: "Đến tìm ai?".

Ba người đáp rằng: "Pháp sư sắp qua đời nên đến rước!".

Sư bảo: "Có việc nhỏ chưa hoàn tất, có thể thư thả thêm cho một năm nữa được chăng?".

Ba người đáp: "được!".

Đến năm sau, lúc mãn kỳ hạn, Sư thi tịch, hưởng thọ năm mươi bảy tuổi. Lúc đó là niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ bảy thời Nam Tề (494).

***13. Thích Siêu Biện trụ chùa Định Lâm ở kinh đô, thời Nam Tề:***

Thích Siêu Biện, họ Trương, người ở xứ Đôn Hoàng. Từ thuở nhỏ, Sư đã có thần ngộ riêng phát, tiết tháo lắng sâu, trì tụng kinh Pháp Hoa, kinh Kim Cương Bát-nhã. Nghe ở kinh đô đang hưng thạnh mở mang Phật pháp, Sư bèn vượt đến bắt đầu từ đường Tây Hà rồi qua Ba Sở, đến Kiến Nghiệp, vòng quanh theo hường Đông đến Ngô Việt, ngắm nhìn

núi sông. Sư trụ lại chùa Thành Bàng, ở Sơn Âm, sau đó một thời gian ngắn về lại kinh đô, Sư trụ tại chùa Định Lâm, nhàn cư dưỡng tố đến trọn đời. Tại Sơn môn, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa, hạn định một ngày một biến, tâm nhanh nhẹn miệng lướt theo, thường có thừa sức. Sư đảnh lễ ngàn Đức Phật, có hơn một trăm năm mươi vạn bái, chân không bước ra khỏi cửa hơn ba mươi năm. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năn thứ mười (492) thời Nam Tề, Sư thị tịch tại chùa núi, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi, môn nhân an táng ở phía Nam chùa. Có Sa-môn Tăng Hựu tạo lập bia mộ thờ Sư, dựng ở phía Đông, do Hiện Lưu Hiệp soạn văn.

***14. Thích Pháp Tuệ chùa Thiên Trú ở Sơn Âm, thời Nam Tề:***

Thích Pháp Tuệ, họ Hạ Hầu. Thuở thiếu thời Sư đã nắm vững chí khí, tinh khổ hành luật, trang nghiêm như băng tuyết, khoảng cuối niên hiệu Đại Minh (465) thời Tiền Tống, Sư đi về hướng Đông, đến Võ huyệt, ẩn cư tại chùa núi Thiên Trú, trì tụng một bộ kinh Pháp Hoa, chỉ ăn dùng rau quả, mặc áo vải bố, chí khí đam mê vượt hơn mọi người, ở trên gác hơn ba mươi năm chẳng bước chân xuống. Các bậc Vương hầu đến dừng xa giá chỉ kính vái ngoài phòng rồi trở về. Chỉ có Chu Ngung người ở Nhữ Nam rất có sự tin hiểu sâu xa nên đặc biệt được tiếp xúc. Bấy giờ, hoặc có người kính mến Đức hạnh mong cầu lễ bái hoặc nhờ ngung giới thiệu mới được gặp. Đến niên hiệu Kiến Võ năm thứ hai (495) thời Nam Tề Sư thị tịch, hưởng thọ tám mươi lăm tuổi.

***15. Thích Tăng Hầu ở Hậu Cương thuộc kinh đô, thời Nam Tề:***

Thích Tăng Hầu, họ Cung, người ở phía Tây Lương Châu. Năm mười tám tuổi, Sư chỉ ăn dùng rau trái lễ sám, đến khi thọ giới Cụ túc, Sư đi khắp khuyến hóa. Khoảng đầu niên hiệu Hiếu Kiến (454) thời Tiền Tống, Sư đến kinh đô, trì tụng kinh Pháp Hoa, Duy-ma v.v... thường cứ hai ngày một biến, cứ như thế hơn sáu mươi năm. Tiêu Tuệ Khai đến đất Thục, thỉnh Sư cùng đi. Về sau, Tuệ Khai và Nghĩa Gia mắc tội trở về lại cửa cung, Sư mới về lại kinh đô, đến Hậu Cương xây dựng động đá làm chỗ an thiền. Từ khi thọ giới Sa-di về sau đến lúc xả bỏ thân mạng, với các thứ cá thịt tanh nồng, Sư không hề để vào miệng. Bóng chân hơi nghiêng lệch, liền sửa lại ngay ngắn mà qua. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ nhất (483) thời Nam Tề, Sư cảm thấy trong người không được khỏe, đến giữa trưa, không thể ăn, Sư bèn xin nước súc miệng, rồi chấp tay thị tịch, hưởng thọ tám mươi chín tuổi (mười bốn duyên trên đều xuất xứ từ Lương Cao Tăng Truyện quyển 12 và ở Nội

Điển Lục quyển 10, v.v...)

***16. Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo, ở núi Nhân Đầu, thuộc Thái Nhạc, thời Bắc Ngụy:***

Thích Chí Trạm, người ở xứ Sơn Nhẫm, thuộc Tề Châu, là đệ tử Tằng Tôn của Lãng Công. Sư lập hạnh thuần hậu, xét việt ít nói, lấy sự nhân từ cứu giúp làm chuyên. Mỗi lúc đến chỗ các loài cầm thú mà chúng nó chẳng lìa đàn tán loạn. Sư ở chùa Hàm Thảo trong hang sâu ở núi Nhân Đầu. Chùa đó do Sa-môn Cầu-na-bạt-ma xây dựng. Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa lấy làm hạnh nghiệp thường. Đến ngày sắp thị tịch, ở Nam Lương có Sa-môn Bảo Chí tâu với vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) rằng: “Có vị Thánh Tăng Tu-đà-hoàn ở chùa Hàm Thảo vốn người ở huyện Sơn Nhẫm đất Bắc hôm nay nhập Niết-bàn!”. Các Đạo tục ở Dương Đô nghe lời báo của ngài Bảo Chí đều từ xa xoay về hướng Bắc mà lễ bái, tức lúc Sư thị tịch vậy. Sư thị tịch mà không có các ưu não, đoan nhiên an tọa và lắng dần hơi thở, hai bàn tay mỗi bên duỗi một ngón. Có vị Sa-môn người Thiên trúc giải thích rằng: “Nếu người chứng đắc Nhị quả thì duỗi hai ngón tay. Lấy đó mà nghiệm biết là Sư chứng đắc sơ quả”. Bèn đón rước an táng tại núi Nhân Đầu, xây tháp mà tôn trí, dùng đá than bùn để bôi đắp, các loài chim thú không dám đến giẫm đạp ô uế, đến nay hiện vẫn còn. (Xuất xứ từ tục Cao Tăng Truyện quyển 28).

***17.*** *Sa-môn trụ chùa Ngũ Hầu ở Phạm Dương:*

Sa-môn ở chùa Ngũ Hầu, bị mất tên, cũng không biết Sư là người xứ nào! Sư tinh tấn khổ tiết, thường trì tụng kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp, ngoài ra không có chí nguyện nào khác. Đến lúc già suy, Sư thị tịch tại chùa. Lúc Sư mới thị tịch, các đệ tử đưa nhục thân an táng dưới cội Bồ-đề, về sau mới cải táng, hài cốt đều vữa nát, chỉ chiếc lưỡi vẫn còn không rã mục, mọi người đều cho là “Nhờ trì tụng kinh Pháp Hoa nên chiếc lưỡi không hư hoại”.

***18. Thích Pháp Thường ở Ung Châu:***

Thích Pháp Thường, chuyên chú nhất tâm trì tụng kinh Pháp Hoa, chẳng vui thích chốn nhân gian, Sư thường đi khắp nơi rừng núi, bèn đến ẩn cư ở núi Bạch Lộc, ngày đêm thường trì tụng kinh điển, chiêu cảm có một đồng tử thường đến cung cấp các thứ bánh, cơm, v.v... tự nhiên mà có. Đến lúc Sư thị tịch, có mây màu tím bủa khắp núi, có mùi thơm

lạ tỏa ngát cùng khắp. Môn nhân rước nhục thân Sư tôn trí dưới hang núi, trải qua nhiều năm, hài cốt đều vữa nát, chỉ còn chiếc lưỡi vẫn tươi hồng như cũ, mọi người trông thấy đều tùy hỷ.

***19. Chiếc lưỡi tụng kinh ở Tinh châu, thời Bắc Tề:***

Dưới thời Võ Thành đế (Cao Chạm 561-565) đời Bắc Tề, bên cạnh núi Đông Khán ở Tinh châu, có người đào đất thấy một chỗ đất màu vàng nhạt, cùng những người chung quanh đều lấy làm lạ, sau đó lại thấy một vật hình dáng như hai môi người, trong đó có một chiếc lưỡi màu hồng đỏ tươi đẹp, bèn đem việc ấy tấu trình. Vua Võ Thành Đế hỏi các vị Đạo nhân nhưng chẳng người nào biết. Có Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng tấu rằng: "Đó là người vì kinh Pháp Hoa, có được quả báo sáu căn không hư hoại như thế, tụng đủ số ngàn biến sẽ có ứng nghiệm như vậy!". Vua bèn ban sắc bảo Trung thư xá nhân Cao Trân rằng: "Ông là người có tín hướng, nên đến xem, nếu có linh dị thì nên rước về tôn trí ở chỗ thanh tịnh trang nghiêm để thiết trai cúng dường!". Cao Trân vâng sắc ban, liền đến đó, nhóm họp các vị Sa-môn thường trì tụng kinh Pháp Hoa tay bưng lò hương, thiết trai đi nhiễu quanh mà chú nguyện rằng: "Bồ-tát nhập Niết-bàn năm tháng đã lâu xa, lưu hành trong thời tượng pháp, vâng phụng không sai lầm, xin nên hiện điềm cảm ứng". Vừa phát lời như thế, môi lưỡi ấy cùng lúc máy động, tuy không phát ra tiếng mà tương tợ như đang tụng đọc. Các người đồng thấy không ai chẳng nổi ốc khắp mình. Cao Trân dâng trạng văn tấu trình, vua ban chiếu sai làm hộp đá đặt vào đó và dời đến sơn thất.

***20. Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngộ, ở Lam Cốc, núi Chung Nam, thời Tiền Đường:***

Thích Tuệ Siêu, họ Phiếm, người ở xứ Kiến Nguyên, thuộc Đan Dương, bẩm chất Sư ôn hòa rộng thoáng, lập tánh hoài nhân. Đến tuổi đôi mươi, sư nhàm chán thế tục, tự xuất gia. Sau đó, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa. Nghe Thiền sư Tuệ Tư núi Đại Tô ở Quang châu, là bậc tỏ ngộ Nhất thừa, khéo suốt thông Ba quán, Sư bèn cùng Sa-môn Trí Giả ở núi Thiên Thai, Mạng công ở Tiên Thành dốc chí tìm sâu, trải nhiều năm cầu học, hạnh ưu việt, trí tuệ tỏa xa, đức trùm các bậc Hiền giả ở đương thời. Thiền sư Tuệ Tư có lần đối trước chúng bảo rằng: "Thần thái của Tuệ Siêu đã thấu đạt nhân nhẫn". Đến lúc ngài Tuệ Tư đến Hành lãnh, Sư lại đi cùng đường, lưu ở tụng kinh, năm tháng chóng đổi dời. Từ đầu đời Tùy mở mang ngự trị, từ phương Bắc, Sư đến Tung Cao,

chỉ ăn bánh bột thuốc, mong đến trọn đời già lão. Dưới đời Tùy, có Thái tử Dũng thỉnh mời nhóm họp các bậc danh đức đều tụ hội ở Đế Thành. Vì Sư là bậc có hạnh nghiệp cao vượt khác thường nên đặc biệt rất được lưu tâm cúng dường, mà Sư cẩn trọng, ngưng nhiếp, chẳng đoái hoài thế sự phù hoa. Đến lúc Thái tử Dũng bị phế miễn, Sư không liên lụy một điều gì.

Về sau, Sư dời đến trụ chùa Định Thủy, nêu cao âm đức, nên các Đạo tục đều quy hướng, tôn kính giới hạnh của Sư. Gặp được Pháp sư Tịnh nghiệp dự định trụ chùa Ngộ Chân ở Lam cốc, kính trọng Sư có Đạo hạnh nên đích thân đến đón rước, cùng ẩn cư suốt tám năm. Ngài càng siêng năng gấp bội về ba Tuệ và Đại thừa. Nhân lúc chùa Thiền định bắt đầu xây dựng nền móng. Vua Dương đế (Dương Quảng 605-617) phát chiếu thư thỉnh Sư vào hành Đạo, Sư từng lấy cớ bị bệnh mà chối từ. Sau đó vua chấp thuận để Sư về lại núi. Đức hạnh Sư cảm đến vật tình rất còn cung cấp, các hàng quý vọng ở Tứ Xuyên, quan dân cả huyện không ai chẳng ủy chất đầu thành, cầu thỉnh Sư lưu truyền hương đức, và bắt đầu xây dựng Già-lam, kế lại hợp dâng gạo thóc cúng dường. Đến đầu thời Tiền Đường, tiếng tăm Sư càng hơn trước. Các bậc danh tăng ở kinh ấp như Sa-môn Tuệ Nhân, Bảo Cung, v.v... với tâm tình mến mộ trầm ẩn đều đến nương náu dưới bóng thông che, nằm nghiêng trên đá luận bàn về Đạo nghĩa, các vị ấy đếu nói: “Đây mới thật là pháp lạc xuất yếu!”. Về sau, Sư bị bệnh chỉ trong thời gian ngắn, các đệ tử quỳ hỏi. Sư đáp: “Tôi vẫn như thường! Sống hoài không mừng, tối chết chẳng lo!”. Sư bèn xoay mặt về hướng Tây, ngồi thẳng và bảo: “Đệ nhất nghĩa không, thanh tịnh trí quán”. Nói như nhập định, giây lâu thì Sư thị tịch, hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi. Lúc đó là ngày mồng 06 tháng 12 niên hiệu Võ Đức năm thứ 5(622) thời Tiền Đường.

Di cốt Sư để lộ bày giữa khoảng thông đá hơn một tháng mà nhan sắc không thay đổi. Thiên sách thượng tướng nghe thế, khen rằng: “Ít có thay!” và sai người đến xem, thấy Sư vẫn ngồi thẳng, tay để chồng lên nhau như lúc còn sống. Từ năm chín tuổi, Sư vào đạo, liền trì tụng kinh Pháp Hoa suốt hơn năm mươi năm, tất cả có hơn vạn biến, cảm ứng linh dị, có được các điềm lành không thể nói hết. Các đệ tử như Sư Sa-môn Pháp Thành, v.v... xây dựng ngôi tháp trắng ở ngọn núi phía Bắc của chùa để thờ Sư.

### *21. Thích Tuệ Hiển trụ chùa Đạt Noa ở nước Bá Tể:*

Thích Tuệ Hiển, là người nước Bá Tể, xuất gia từ thuở thiếu thời,

khổ tâm tinh chuyên. Sư lấy việc trì tụng kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp, cầu phước thỉnh nguyện, được nhiều sự thành đạt. Nghe có giảng Tam luận, Sư bèn đến thọ học, giáo pháp mới nhập thần, càng thêm tiếp nối.

Mới đầu, Sư trụ chùa Tu Đức ở Bắc bộ của bổn quốc, lúc có chúng đông thì giảng, không có chuúng thì trì tụng. Mọi người ở bốn phương xa nghe Đạo phong của Sư đua nhau kéo đến núi ồn náo tiếp mời, Sư bèn đi về hướng Nam, ở núi Đạt Noa. Núi đó rất sâu hiểm, nhiều lớp xoắn quanh lên đảnh vững chắc, dù có ai leo lên cũng lắm gian nguy. Sư tĩnh tọa trong đó, chuyên nghiệp như xưa, và thị tịch ở đó. Các bạn đồng học đưa nhục thân Sư đến đặt trong hang đá, hổ đến gặm ăn hết cả xương cốt, chỉ lưu lại đầu lâu và chiếc lưỡi, qua ba năm, chiếc lưỡi ấy càng thêm hồng đỏ mềm mại hơn bình thường, sau mới biến thành màu tím cứng như đá. Các Đạo tục lấy làm lạ mà kính trọng, bèn tôn trí và bít lại trong tháp đá. Lúc Sư thị tịch hưởng thọ năm mươi tám tuổi, tức niên hiệu Trinh Quán năm thứ nhất (627) thời Tiền Đường.

***22. Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn, thời Tiền Đường:***

Thích Thiện Tuệ họ Trần, người ở xứ đất Ôn, Hà Nội, thông hiểu các sách vở, bao gồm tất cả văn nghĩa, cho đến chín chương luật lịch, thất diệu, Sư đều ngậm trong lòng, vỗ tay phù hội. Sư mới tư duy sâu xa “Mọi việc ở đời chung cùng đều rơi vào cát bụi”, bèn cởi bỏ áo mão, ném vất trâm cài, bắt đầu quy hướng về chư tăng.

Mới đầu, Sư trụ chùa Bành Thành ở Trừ Châu, trì tụng kinh Pháp Hoa, nghe học luận Bhiếp Đại thừa. Bấy giờ, gặp lúc giặc cướp lan tràn đói kém giao xâm, mà Sư ôm giữ sự đói khổ tự cố gắng kính phụng giáo pháp không thôi nghỉ, tẩy rửa dơ bẩn, giữ gìn thanh tịnh càng sáng sạch hơn ngày thường. Chỉ vì thôn ấp ở biên địa, ít học, nhận biết sai lầm, đến như âm cổ mà mọi người luận bàn lẫn lộn. Tuy trở lại tục ngữ thời thông, mà ý Sư hiện còn nhã chánh, thưa hỏi khắp các bậc thông minh tỏ ngộ, thì trở lại đồng như nghi xưa, nên khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư mang tích trượng từ hướng Tây đi vào, gặp phải bọn giặc cướp lấy xiêm y sắp hết, Sư chỉ còn chiếc áo vải bố thô xấu để che thân, còn ôm bình bát bị bể thường sung vào vật tịnh để thọ dụng. Đã đến cửa quan ải, vốn thiếu dấu hiệu văn, Sư bèn giữ chánh niệm đi thẳng tới theo cửa mà qua. Bấy giờ, trong ngoài đều nêu bày mũi nhận, mà Sư không hề ngăn dừng.

Vào đầu tháng 10, Sư mới đến kinh đô, gặp lúc Sa-môn Cát Tạng đang giảng kinh Pháp Hoa, rất xứng hợp với Bổn đồ, Sư bèn nương tựa mà nghe học. Hình phục của Sư rách rưới xấu xí, mọi người đều không tiếp nhận, Sư bèn quét tuyết, tựa nơi đất, chỉ mặc quần đơn. Đô giảng vừa xướng, Sư lắng nghe từng câu, phỏng định về văn kinh. Ngài Cát Tạng đã mở mang, Sư khởi tâm mạnh mẽ tiếp thừa yếu chỉ, mong thông nghĩa lý, do tình được cả hai, chẳng rảnh nhẫn lạnh, Sư vui cười hớn hở như mua được vật báu. Đến hết mùa Đông, Sư vẫn thường như thế. Đại chúng mới khen ngợi, đem văn từ yếu chỉ để hỏi, Sư không quên sót mảy may. Mới vì mọi người đến nghe giảng pháp, chùa Thiền Định có Sa-môn Pháp Hỷ cởi áo đón rước Sư, dẫn đến trong phòng. Trí Quán không lạm, Sư lại cùng ngài Pháp Hỷ cả hai vị cùng nêu bày khuôn phép tốt đẹp.

Đến niên hiệu Võ Đức năm thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Sư nhận chùa Tân Lương ở Lam Điền. Phong tục ở đó vốn là Ly Nhung, mọi người cùng nhau ngang bướng, chấp đối, Sư bèn dẫn giúp đào luyện chuyển hóa, trong mười nhà có hết chín nhà. Nhưng, tánh Sư vốn mến thích anh hiền, vui cùng khắp cả, từ hướng Tây đến hướng Đông có hơn trăm dặm. Các chốn núi rừng có tiếng tăm, vùng đất có thắng cảnh, Sư đều xây dựng thiền phường, do đó mà những người trốn lánh đều nương tựa được an vui.

Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán năm thứ chín (635) thời Tiền Đường, ngài thị tịch tại tinh xá Lương Tuyền thuộc phía Nam Ly Sơn, hưởng thọ bốn mươi chín tuổi. Lúc đầu, Sư vất bỏ sách vở thế tục tới huyền môn này, nói năng Sư chẳng nhắc lại, chuyên tâm với Đạo nghiệp, xét lời giảm ăn, mang trì luật nghi, nghĩ nhớ nhân từ, nghinh dừng dung lữ, xem trọng kinh giáo. Trong đó, việc tụng kinh Pháp Hoa, Sư chẳng đổi thay ý chí. Nếu có người chưa từng thấy thì phải đích thân thấy, mà cần tâm gần xét, như gặp được hạnh yếu, nhiều ngày trì tụng, lấy làm nền tảng của sự huân tập.

***23. Thích Tuệ Đạt ở Thái Nguyện đời Tấn:***

Thích Tuệ Đạt, người xứ Đại Nguyên, tụng kinh Pháp Hoa hơn năm ngàn biến, oai nghi đi ngồi, có tiếng không ngưng nghỉ, giữ gìn mạng sống chúng sanh, nhìn thẳng ngó xuống, nếu dưới đất có các loài trùng kiến, Sư hẳn xoay thân mà lánh né, không dám giẫm đạp qua. Như có người hỏi, Sư đáp rằng: “Các vật ấy cùng với tôi sinh tử bất định, sắp chẳng trước thành Chánh giác, làm sao có thể vọng khinh thường ư?”.

Đến tháng 4 niên hiệu Trinh Quán năm thứ 8 (634) thời Tiền Đường, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Mọi người cho là Sư đang nhập định, bèn để yên trải qua năm đêm, dường như Sư thật thị tịch, lại chẳng thối rửa, mới khiêng vào tôn trí trong hang.

***24. Thích Pháp Thành chùa Ngộ Chân, ở núi Chung Nam thời Tiền Đường:***

Thích Pháp Thành họ Phiền, người ở xứ Vạn Niên, thuộc Ung Châu. Từ thuở nhỏ, Sư xuất gia nương trụ chùa Vương Hiệu ở Lam Điền, kính thờ Sa-môn Tăng Hòa làm thầy. Ngài Tăng Hòa là người rất được mọi người trong hương tộc kính trọng, kính thờ như Thánh. Có người muốn hại, ban đêm vào phòng, thấy trong cửa có lửa dữ sáng lên trên màn, bèn liền lui ra, hối hận. Tánh ngài Tăng Hòa thích uống nước suối trong sạch thanh khiết nguyên vẹn, có người đùa bởn thầm đem xương dê ngâm vào nước, ngài Tăng hòa vốn không biết nên uống vào, bèn bị ói mửa. Đó là thầm cảm ngầm nhận biết là như vậy.

Ngài (Pháp Thành) kính mong được sự dạy răn, siêng năng cố gắng tụng kinh Pháp Hoa, lấy đó làm việc thường. Sư lại đến bái yết Thiền sư Tướng ở chùa Thiền Lâm, học hỏi về Định hạnh, đức Sư lớn tốt, mọi người ở đương thời đều tôn kính, tập học lại giỏi, nên đại chúng đều kính trọng. Về sau, Sư ở chùa Vân Hoa, làm giềng mối chỉnh lý tăng chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng đức hạnh Sư, xin vâng theo giới pháp, Sư bèn dâng biểu cố từ chối, buông lời chống đối lễ nghi, bèn mang tráp sách dài, đi khắp các danh sơn, tìm vết bạn Ưu Thắng, đều tiếp thừa Chi Đạo. Nhân gặp được Siêu Công đang ẩn cư nơi sâu lắng, Sư bèn kết tâm mong nương gá ở Lam cốc. Chỗ đất đã nhỏ hẹp chỉ để được một chiếc giường, xoay chuyển kinh hành, sợ nghiêng đổ xuống vực sâu, Sư bèn chẻ vết mở rừng, vạch mây gá cảnh, dùng cỏ tranh tu bổ, rui cửa che sơ, tình sự cùng nương tựa, vui vẻ được phù hợp, nay gọi đó là chùa Ngộ Nhân. Với Tam-muội Pháp Hoa, Sư hết lòng thực hành, gột rửa trong ngoài, ôn lại sớm tối, mộng cảm Bồ-tát Phổ Hiền khuyên ngài viết chép Đại giáo. Sư nói: "Đại giáo Đại thừa là trí tuệ của chư Phật, cái gọi là Bát-nhã". Sư lại tự tay mình biên chép kinh Pháp Hoa đang để bày trên đất, vì có công việc phải đi nơi khác, chưa kịp thâu gom, gặp khi mưa lớn đầy ngập khe ngòi, Sư bèn đến xem thì cả án kinh đều khô, ngoài ra tất cả đều bị ngập nước. Sư từng nằm nghiêng trên cành thông, bèn bị rơi xuống từ trên cao, chưa đến dưới khe nước, bất chợt đã lên trên bờ cao, không

tổn hại mảy lông.

Đến cuối mùa hạ niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh, ngài tự biết sẽ qua đời, nên nguyện sinh về cung trời Đâu-suất, đòi lấy nước tắm gội xong, lại đòi kết xe kiệu, và đến bên cạnh tự xem xét, không cho bày biện vinh hậu. Vừa đến ngày cuối tháng, khi minh tường xuất hiện, tự nhiên vô cớ Sư bảo rằng: "Muốn đến, chỉ nén vào, tôi chưa rảnh để đàn ca". Và nhìn lại vị thị giả mà Sư bảo rằng: "Tôi nghe các hành pháp đều vô thường, sinh diệt không ngưng nghỉ. Vãng sinh về chín phẩm sen vàng, lời nói ấy thật hiệu nghiệm. Nay có Đồng tử đến đón rước đứng ngoài cửa đã lâu, nên Tôi đi đây! Các ông, v.v... nên nhớ rằng Đức Phật có chánh giới, không được có khuyết phạm, sau sẽ ăn năn hối hận!". Nói xong, từ miệng Sư phát ra ánh sáng, chiếu soi khắp trong các gian nhà, lại có mùi thơm lạ thoảng đến, chỉ thấy Sư ngồi thẳng nghiễm nhiên tư duy, bất chợt Sư thị tịch, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi.

Sự tụng tập của Sư chỉ trong một mùa Hạ, với kinh Pháp Hoa, tính ra có đến năm trăm biến, thời gian còn lại, Sư đọc tụng gồm cả thực hành còn được hai biến. Nếu có khách đến, thì phải nói chuyện, trừ trong kinh bộ ra, Sư không nói điều gì khác. Lược tính năng lực chuyên cần của Sư trong vòng mười năm có hơn muôn biến.

***25. Thích Tuệ Thuyên chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường:***

Thích Tuệ Thuyên, họ Tiêu, là con của anh trai Đặc Tấn Tống Công Võ ngày nay. Cha sư làm quan giữ chức Lương Công ở đời Tùy. Ông nội Sư tức là vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương, là người tánh độ khôi ngô đơn giản, chí dụng cao sâu. Người cô của Sư là Hoàng hậu của vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy.

Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, Sư thường ở cung quyết, mến mộ ưa thích thoát tục mà không do đâu để thành đạt được. Đến năm Sư hai mươi tuổi, vua chọn con gái Tần Hiếu Vương làm vợ cho Sư. Đó chẳng phải là sự ước nguyện của Sư, vì việc chẳng thể đừng, nên bấy giờ Sư phải thực hành kết hôn đôi lứa. Đến khi người vợ qua đời, Sư mới được toại nguyện xưa. Lấy nhà họ Trịnh ở Đông Đô, tham dự tại đó mà xuống tóc. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư mới về lại kinh đô, trụ chùa Đại Trang Nghiêm, nghe nhiều bộ mà chỉ lấy kinh Pháp Hoa và luận Nhiếp Đại Thừa làm tâm đắc. Sư có hoài bão vì thiên thập, giỏi về Thảo lệ, tùy theo nét bút đặt để dùng làm mẫu mực.

Nên những lúc đề tựa kinh, làm biển ngạch chùa, mọi việc đều đưa đẩy nhờ đến Sư.

Lại có người em là Sa-môn Trí Chứng xuất gia cùng ở chung chùa, tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa, tức là con của Thái Phủ Khanh, anh của Tống Công. Sa-môn Trí Chứng cùng người anh (= Tuệ Thuyên) lần lượt thị tịch, vì gia đình đời đời kính tin tôn thờ Phật pháp, chỉ mở rộng kinh Pháp Hoa, đồng tộc lớn nhỏ đều thành tụng, nên sự mở mang kinh Pháp Hoa của dòng họ Tiêu, các Đạo tục đều khen ngợi rất dồi dào. Đặc Tấn soạn sớ, gồm có hơn mười nhà, gặt hái thanh hoa, dùng cõi lòng để uốn nắn, khắc thành quyển số, thường tự giảng nói, mở rộng. Có lúc thỉnh các bậc danh tăng ở kinh đô chỉ bày cho các vết lụy. Hoặc nhóm họp thân thuộc tăng ni cả mấy mươi vị, tùy thời cấp ban bốn thứ cần dùng không thiếu. Nên chỗ đến của phong lục chỉ còn thông cứu giúp. Thái phủ tâm tình còn tốt lành, lấy việc đọc tụng làm đầu. Nên từ lúc còn sống đến lúc qua đời, đọc tụng cả muôn biến, thúc giục mọi người biên chép tất cả có ngàn bộ. Mỗi lần sự đến triều tham thì đều có sai người mang kinh đến trước. Đến chỗ công sự có được chút rảnh rỗi liền đọc tụng, triều ngũ kính ngưỡng cho là tuyệt luân. Từ khi Phật giáo truyền đến phương Đông thì tỏa vị càng xa, nhưng người tiếp thừa thọ trì, đọc tụng ở đời, ít có ai được như thế. Nên chỉ có họ Tiêu xứng đáng làm mẫu mực cho thiên hạ.

### *26. Sa-di Đàm-Vô Kiệt ở Hoàng Long, thời Tiền Tống:*

Khoảng niên hiệuVĩnh Sơ (420-423) thời Tiền Tống, có Sa-di Đàm-Vô-kiệt ở Hoàng Long, đọc tụng kinh Quán Thế Âm, và tu khổ hạnh, cùng các quyến thuộc đồ chúng tất cả có hai mươi lăm người đến tìm nước Phật, trải qua các xứ hoang vu nguy hiểm, chí khí trinh thuần càng vững chắc, khi đã đến nước Xá-Vệ ở Thiên-trúc, giữa đường gặp một đàn voi núi, Sư mang kinh tụng niệm xưng danh quy mạng, có một con sư tử từ trong rừng đi ra, đàn voi kinh hãi tuôn chạy. Sau đó, lại có một đàn trâu hoang gầm rống đi đến, sắp muốn làm hại, Sư lại như trước quy mạng, bỗng có một con chim thứu lớn bay đến, đàn trâu bèn kinh hãi chạy tan, Sư nhờ đó được thoát khỏi. Sư có được những sự cảm ứng bởi thành tâm lúc gặp hiểm nạn mà thoát khỏi, đại loại đều như thế. (Với duyên này, các Pháp sư Gia Tường, v.v... dẫn làm ứng nghiệm của phẩm “Quán Thế Âm”, nay kinh “Quán Thế Âm”, chẳng phải phẩm “Quán Thế Âm”, mà chính là kinh “Quán Thế Âm thọ ký”, vì muốn cho biết được đồng khác, nên trong đây xin biên lục).

***27. Thích Pháp Tự trụ núi Thạch thất ở Tấn Thục:***

Thích Pháp Tự, họ Hổn, người ở Cao Dương, đức hạnh thanh tú cẩn thuần, ăn dùng rau trái tu thiền. Về sau, Sư đến đất Thục, ở gò mả Lưu Sư, thực hành hạnh đầu đà ở trong hang núi, hổ khóc chẳng làm thương tổn, Sư trì tụng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Kim Quang Minh, v.v... thường ở trong động đá vừa thiền vừa tụng. Đang lúc giữa tháng hạ, Sư xả mạng trong động đá, ba ngày sau không có mùi hôi thối, cạnh nhục thân Sư có mùi thơm lạ, qua mười ngày mới hết, mỗi đêm lại phát ra ánh sáng soi chiếu đến mấy dặm. Người trong thôn đến xây tháp thờ Sư.

***28. Thích Tăng Dực trụ núi Pháp Hoa ở Sơn Âm, thời Tiền Tống***:

Thích Tăng Dực là người ở Dư Hàng, thuộc Ngô Hưng. Từ thuở thiếu thời, Sư đã tin hiểu, sớm có chí tiết muốn thoát trần. Lúc mới xuất gia, Sư trụ chùa Lô Sơn, nương Sa-môn Tuệ Viễn tu học, ăn dùng rau trái chay tịnh thuần khiết khổ tiết, rất được mến trọng trong môn nhân. Về sau, Sư đến Quan Trung, lại theo Pháp sư La-thập, với các kinh luật luận, Sư đều tự tham học qua, lại tụng đọc một bộ kinh Pháp Hoa.

Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười ba (417) đời Đông Tấn, Sư cùng đồng bạn là Sa-môn Đàm Học đến Cối Kê, hỏi thăm đường đến đất Tần, nhìn về phía Tây bắc có năm ngọn núi nối liền nhau, hình dạng như núi Kỳ-xà-quật, bèn bện cỏ tranh thành am, gọi là tinh xá Pháp Hoa. Thái Thú Mạnh Khải, Trần Tải là người giàu có đều nghiêng lòng kính vái đức hạnh Sư nên cùng nhau giúp đỡ để xây thành. Sư ăn rau trái, uống nước khe suối suốt hơn ba mươi năm, trì tụng kinh Pháp Hoa, công phu chẳng ai bằng, giữa đêm khuya bỗng thấy có ánh sáng, thì ra là Đại Bồ-tát Phổ Hiền hiện trước Sư.

Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi bảy (450) thời Tiền Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ bảy mươi tuổi, dựng lập văn bia tại chùa núi để tán dương đức hạnh Sư.

***29. Thích Trí Thông chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, thuộc Nhuận Châu, thời Tiền Đường:***

Thích Trí Thông, không rõ người xứ nào. Xưa, Sư trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô. Sau, Sư đến ở chùa Chí Quán. Khi nhà Trần bình định, Sư sang sông đến trụ chùa An Lạc ở Dương Châu. Nhà Trần sụp đổ Sư muốn trở về nhưng suy nghĩ không có phương kế, bèn ẩn núp trong cây thu bên cạnh dòng sông, tụng kinh Pháp Hoa, qua bảy ngày không cảm

thấy đói, thường có bốn con hổ đi nhiễu chung quanh mà thôi, không chịu ăn, đã đến ngày thứ mười, Sư bảo: "Thân mạng ta chỉ còn trong chốc lát, các ngươi cần thì cứ ăn". Các con hổ nói: "Từ khi tạo lập trời đất đến nay, chưa hề có việc ấy". Bỗng có một ông lão tuổi chừng tám mươi, dưới nách cắp chiếc thuyền mà bảo rằng: "Sư muốn qua sông đến chùa Thê Hà thì nên nhanh chân lên thuyền!". Bốn con hổ đồng một lúc trong ánh mắt lệ đổ dàn dụa. Sư nói: "Cứu giúp ách nạn chính là ngày nay, có thể cùng đưa bốn con hổ theo luôn". Bỗng chốc thuyền qua đến bờ phía Nam, nhìn lại, thuyền và ông lão không biết đã biến mất nơi nào. Sư dẫn bốn con hổ đồng đến chùa Thê Hà, đến phía Tây tháp xá-lợi kinh hành ngồi thiền, thệ chẳng nằm ngủ, Tăng chúng trong chùa có tám mươi vị đều không dám bước ra khỏi viện. Những lúc có việc xấu thì một con hổ vào chùa lớn tiếng mách bảo với chúng tăng, do đó mà mọi người đều cảnh giác. Theo lệ thường, Sư cho rằng núi rừng cách xa, lương thực gạo thóc khó khăn hiểm trở, bèn nhóm họp ba trăm thiện nam tín nữ ở Dương Châu cùng gạo làm phước, riêng mỗi người một thạch, mỗi năm đưa đến một lần. Do đó mà lương thực cung cấp ở núi được tiếp tục, các đạo tục, đến cả cầm thú, Sư đều cấp giúp đầy đủ. Đến ngày mồng 08 tháng 04 niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi ba (649) thời Tiền Đường, sau lúc tiểu thực, Sư sang chùa Chỉ Quán, đảnh lễ linh ảnh của Đại sư, bưng lò hương đi đảnh lễ cùng khắp, lại đến chỗ tháp mộ ở chùa Hưng Hoàng lễ bái, rồi về lại phòng cũ, Sư an tọa mà thị tịch, có mùi thơm lạ lan tỏa khắp nơi. Khắp thành Đan Dương, các Đạo tục lãnh thọ giới pháp từ Sư có hơn ba ngàn người đều đến núi thọ tang buồn thương. Sư hưởng thọ chín mươi chín tuổi.

### *30. Thích Trí Nghi chùa Tĩnh Pháp ở kinh đô, đời Tùy:*

Thích Trí Nghi, họ Khương, là con cháu của vua nước Khương Cư, gặp lúc quốc nạn nên theo hướng Đông tìm đến đất Ngụy và được phong ở Tương Dương, do đó trải qua thời gian lâu có hơn mười đời ở đó. Năm bảy tuổi, mới vào học, Sư tìm văn Nhất thừa, hoàn toàn không có thầy chỉ dẫn, Sư tự tỏ ngộ, kính trọng Phật tông. Tuy ban ngày tạm theo tục duyên, nương các bạn học, nhưng ban đêm, Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa, cuối cùng văn từ thuần thục, mới đầu cha mẹ Sư không nhận biết. Đến năm mười ba tuổi, Sư kính bái từ tạ, liền được xuống núi xuất gia. Sư lại học đại bộ, tình dụng càng lớn. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư mới thọ giới Cụ túc, ở tại chùa trải qua nhiều năm, chuyên tâm đọc tụng kinh Pháp Hoa, thường tư duy về định tuệ. Nếu chẳng phải công

việc cần thiết quan trọng thì Sư không bước ra khỏi cửa sân, nên những người đến tham cầu hầu ít được thấy mặt Sư. Sư phúng tụng tỏ hiểu rõ, thì Hóa nhân hiện ra trước mặt, an ủi người ấy, tụng đến ngàn bộ thì được ngàn Đức Phật cùng giữ gìn, nếu tụng đến muôn bộ thì sinh về cảnh giới Tịnh độ. Mọi người nghe lời ấy rồi, vui mừng càng cố gắng tâm chí. Sư thị tịch lúc hơn bảy mươi tuổi.

■

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 5

**VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH** (Phần 3)

1. Thích Di Tục
2. Sử Ha Thệ
2. Tăng Huyền Tú
4. Tăng Đạo Tuệ
5. Thích Đạo Thái
6. Thích Phổ An
7. Thích Tăng Định
8. Sa-di đời Tùy
9. Thích Tăng Triệt
10. Thích Tăng Diễn
11. Sầm Văn Bổn
12. Lăng Tiêu Cảnh.
13. Vi Trọng Khuê
14. Thích Tuệ Hiến
15. Thích Tuệ Hòa
16. Thôi Nghĩa Khởi
17. Cái Hộ
18. Mộ Dung Văn Sách
19. Sa-di đời Tống
20. Chí Thông
21. Bà quả phụ ở Lương châu
22. Cao Thủ Tiết
23. Thích Minh Diệu
24. Thích Tăng Hồng
25. Vương Châu đời Tống

***1. Thích Di Tục ở Lễ Tuyền thuộc Ung Châu, thời Tiền Đường:***

Thích Di Tục, không rõ Sư người xứ nào, khoảng đầu thời Tiền Đường Sư ở nhà Dương Lục tại làng Nam Mỹ, huyện Lễ Tuyền, Ung Châu. Trấn thường cúng dường, thanh kiệm ít muốn. Sư chỉ trì tụng kinh Pháp Hoa lấy làm hạnh nghiệp chánh, ngày đêm nối nhau đến số mấy ngàn biến. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì bị bệnh sắp thị tịch, Sư căn dặn với người bạn là Sa-môn Tuệ Quách rằng: “Từ trước đến nay tuy tụng kinh, trong ý chỉ mong có linh nghiệm, vì sống trong mông tục, tin hướng về thiện. Khi tôi chết, không cần tẩn liệm trong quan tài, cứ để mình trần mà an táng, mười năm sau hãy phá ra xem, nếu chiếc lưỡi bị vữa nát thì biết không có công năng thọ trì, nếu vẫn còn, thì nên báo cho các Đạo tục xây dựng một ngôi tháp thờ, để nói lên sự linh cảm!”. Nói xong, Sư thị tịch, mọi người bèn y theo lời Sư mà an táng. Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư Tuệ Quách cùng các người quen biết xưa cũ đến chỗ phần mộ mà đào phá, thân thịt đều tiêu tan, chỉ có chiếc lưỡi không nát vữa, Nam nữ cả một huyện đều tôn kính truyền nhau, lại trì tụng gấp bội lúc thường, mới làm hộp để tôn trí chiếc lưỡi đó đưa đến bờ phía Nam Cam Cốc, thuộc phía Bắc thôn Dương Lục và xây dựng tháp gạch. Những người hiểu biết, lại càng lớn mạnh sự kính tin, và đọc tụng càng nhiều.

***2. Sử Ha Thệ ở Sử thôn, phía Bắc Phước Thủy, thuộc Ung Châu:***

Tại Sử thôn ở phía Bắc Phước Thủy thuộc phía Nam giao giới huyện Trường An, ở Ung Châu có Sử Ha Thệ, từ thuở thiếu thời đã có thiện niệm, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, thực hành hạnh An Lạc, từ bi chuyên chú nơi ý thức chẳng hề nuôi các loài súc vật, vì nghe trong kinh dạy “thương xót tất cả chúng sinh” cho nên như vậy, rỗng ước lấy làm tâm, lưu danh trong sử sách, qua lại chốn kinh thành, vì cùng tập tụng, vì sợ giữa đường gặp phải những người cùng biết hỏi han, bỏ dỡ việc tụng đọc, nên ông luôn đi đường tắt. Ông dung khí điềm nhiên, duyên niệm nối nhau, như mới đầu, chẳng hề nói điều mệt nhọc. Đến lúc qua đời cảm có mùi thơm lạ tỏa khắp quanh làng, mọi người thân sơ đều lấy làm lạ mà chẳng ai biết được việc gì, bèn an táng. Sau đó mười năm, người vợ ông cũng qua đời, bèn đào phá phần mộ ông ra, thì chiếc lưỡi vẫn còn tươi hồng, hài cốt đều tiêu rã, vì điềm lạ ấy nên tôi đặc biệt chép ra đây.

***3. Tăng Huyền Tú chùa Tùy Hoa ở Hoàng Châu:***

Tăng Huyền Tú, chùa Tùy Hoa ở Hoàng Châu, tánh Sư thanh bạch cẩn thuần, ôn hòa cung kính lấy làm chí hạnh. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa và hay có cảm ứng các điều lạ, nhưng chưa lấy làm kỳ quái. Bấy giờ, gặp lúc nắng nóng, các đồng bạn muốn tìm đến chỗ mát mẻ, bèn sai người tới mời Sư vì muốn nói chuyện cho vui. Khi đã đến phòng Sư, chỉ thấy vẻ nghiêm túc, người ngựa cao lớn, người ấy khiếp sợ trở về báo lại, đồng bạn cùng đến xem, đều như lúc đầu không khác, ra xem cửa sau thì các thứ càng đông nhiều, ngửa mắt nhìn giữa hư không thì bít lấp hết cả không ngằn mé, phần nhiều là nương cưỡi voi ngựa, quỷ thần lẫn lộn, mới biết là Sư có sự cảm thông, bèn để yên vậy mà trở về. Đến sáng sớm, hổ thẹn cùng nhau đến sám tạ, đồng bạn từ đó bèn dứt bặt, Sư vẫn chuyên cần với hạnh nghiệp ấy, đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch.

***4.*** Tăng Đạo Tuệ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

Tăng Đạo Tuệ, là người ở đất Thục, từ thuở thiếu thời, Sư đã chịu tang cả cha mẹ, được người anh nuôi dưỡng lớn khôn. Sư đêm ngày buồn khóc thương nhớ cha mẹ. Đến năm chín tuổi, Sư theo Thầy trì tụng kinh Pháp Hoa để cầu nguyện cho cha mẹ thoát khổ. Tụng đủ số trăm bộ, Sư mộng thấy giữa hư không phía trên chùa Phước Thành có ánh sáng kỳ lạ dần gần đến chỗ sân, bỗng thấy có một vị trời có trăm ngàn các vị trời khác vây quanh, vị trời ấy bảo Sư rằng: “Ta là cha mẹ của ông, nhờ năng lực tụng kinh của ông mà được sinh lên tầng trời thứ hai, thoát khỏi chốn đường ác khiếp sợ, nếu tụng đủ số ngàn bộ, thì sẽ sinh về cảnh giới Tịnh độ. Nên biết vì tình mẹ con sâu sắc, nên cùng lại ra mắt và bày tỏ tâm tình!”. Nói xong, bỗng nhiên biến mất, không còn thấy nữa. Đến lúc thức giấc, Sư càng sinh tâm kính trọng gấp bội, càng chuyên tâm phúng tụng, những người nghe thấy vì muốn cha mẹ thoát khổ mà tụng kinh, cảm mộng báo cho họ biết nhiều, lược bỏ chẳng nói mà thôi.

***5. Thích Đạo Thái trụ tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn:***

Thích Đạo Thái, ngài là người cuối thời Nguyên Ngụy, trụ tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn. Sư nằm mộng có người bảo rằng: “Đến năm ấy... ông sẽ qua đời lúc bốn mươi hai tuổi”. Đến đúng kỳ hạn năm đó, Sư bị bệnh rất nặng, bèn dốc hết của cải riêng của mình để làm việc phước lành, có người bản bảo Sư rằng: “Tôi nghe kinh nói cúng

dường sáu mươi hai ức vị Bồ-tát, phước đức đồng như xưng danh hiệu một Bồ-tát Quán Thế Âm, sao ông chẳng dốc lòng quy y? Để cho Tăng thêm phước thọ”. Sư bèn cảm ngộ, bèn suốt bốn ngày bốn đêm chuyên tinh không ngưng nghỉ, ở dưới màn chỗ Sư ngồi, bỗng thấy có ánh sáng từ ngoài cửa chếu vào. Thấy Đại Bồ-tát Quán Thế Âm giẫm bước trên không, có ánh sáng vàng soi chiếu cùng khắp, và bảo Sư rằng: “Ông xưng niệm Quán Thế Âm ư? Cũng trì tụng kinh Pháp Hoa ư?”. Sư vén màn, nghiêng nhìn, thì không còn thấy gì, buồi vui lẫn lộn đến đổ mồ hôi. Lại cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, chỗ bị bệnh được lành. sư bèn tụng đọc thuộc rành văn kinh Pháp Hoa và xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Đến năm bốn mươi bốn tuổi, Sư mới đồng ý kể lại giấc mộng xưa. Về sau, Sư thị tịch lúc năm mươi tuổi”.

***6. Thích Phổ An ở Dương Đô, đời Trần:***

Thích Phổ An, họ Trần, xuất gia từ thuở thiếu thời, tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa tự cung kính lấy đó làm chánh nghiệp. Sư bị bệnh nóng nhiệt khổ não, răng trong miệng đều rơi rớt, lại dừng nghỉ tự khổ nhọc, tuệ tâm tụng suốt một mùa Hạ, mộng thấy có Đồng tử cõi trời đến cầm nhành dương chỉ vào răng Sư bảo rằng: “Ông chuyên tâm tụng kinh, răng rơi rớt sẽ được mọc lại như cũ, ở tương lai, lúc đắc Đạo thì răng trắng sạch bằng khít!”. Nghe nói xong, Sư thức giấc, trong miệng răng đều đầy đủ. Sau đó, Sư dời đến ở tịnh thất, xoay mặt ra cửa tụng kinh, tự nhiên các thứ ăn uống có sẵn trên bàn. Ăn xong, bảy ngày sau vẫn còn no, thân thể béo phì như thế, cảm ứng thắng ích rất nhiều. Đến năm tám mươi chín tuổi Sư thị tịch, trong phòng thoảng ngát mùi thơm, giữa hư không có tiếng nhạc vang lên. Đêm đó, vị đệ tử Sư mộng thấy một vị tăng Ấn-độ nói kệ rằng:

*“Nếu nghe kinh Pháp Hoa*
*Má chuyên tâm mà tụng*
*Thánh chúng đến trao tay*
*Sẽ sinh cõi Tịnh độ”.*

Xét việc ấy thì tụng kinh, sẽ vãng sinh Tịnh độ!

***7. Thích Tăng Định chùa Pháp Trụ ở Lộ Châu, thời Tiền Đường:***

Thích Tăng Định, là bạn đồng môn với Sa-môn Đàm Vinh, Sư trụ chùa Pháp Trụ, hành trì sám hối theo pháp Sám Phương Đẳng, đọc tụng kinh Pháp Hoa, suốt ngày đêm không hề nằm ngủ, giới hạnh tinh ròng cao sâu, mộng cảm thấy các Thánh chúng, Sư càng sám hối càng đọc

tụng. Ngày 14 tháng 07 niên hiệu Trinh Quán năm thứ bảy (633) thời Tiền Đường, ở trong Đạo tràng chùa Pháp Trụ, Sư thấy có ánh sáng rực rỡ năm mầu tỏa từ trên cao xuống, trong đó có bảy Đức Phật tướng tốt khác thường, nói với Sư rằng: "Ta là Tỳ-bà-thi Như Lai Vô sở trước Chí chân Đẳng Chánh giác, vì ngươi tiêu tội chướng nên đến làm chứng, như ta không phải là Bổn sư, nên chẳng dự ghi thành Phật cho ngươi". Qua sáu Đức Phật như thế đều đồng nói lời ấy. Lại có một ánh sáng rực rỡ gấp bội hơn trước, từ trên chiếu xuống, trong đó có chín trăm chín mươi bốn Đức Phật bảo với Sư đồng lời như trước. Có một Đức Phật sau cùng bảo rằng: "Ta là Thích-ca Mâu-ni, là Bổn sư của ngươi, vì ngươi đã tiêu trừ tội chướng nên đến thọ ký cho, thân khí của ngươi thanh tịnh, vào kiếp hiền sẽ thành Phật hiệu là Phổ Minh. Ngươi hành trì Phương Đẳng Đại thừa, Đạo tràng Phổ Hiền trì tụng kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn". Ứng hiện điềm cảm như thế thật khó ghi chép hết. (Nếu theo Tục Cao Tăng truyện thì ngài Đàm Vinh và Sư đồng hành trì pháp sám hối Phương Đẳng, được bảy Đức Phật chứng minh và Đức Thích-ca thọ ký cho cả hai vị, lại chẳng nói là tụng kinh Pháp Hoa, nhưng trong Biệt ký nói tụng kinh Pháp Hoa, hành trì pháp sám hối Phương Đẳng, Đại thừa, Phổ Hiền, là vì chỗ nghe của người ghi lại khác nhau mà thôi.

***8. Sa-di ở Thôn Hạ Sơn Đông, Kỳ Châu, đời Tùy:***

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, ở Dương Châu có một vị Sa-môn mất tên Sư, tự tụng thông một bộ kinh Niết-bàn, Sư cho rằng "tụng nhiều tự thương xót lấy làm hành nghiệp". Bấy giờ trong Thôn Hạ ở Đông Sơn, thuộc Kỳ châu, có một vị Sa-môn tụng kinh Quán Thế Âm, hai người bị chết đột ngột, tim vẫn nóng ấm, đồng đến chỗ Diêm Vương, Diêm Vương bèn bảo Sa-di ấy ngồi trên tòa cao bằng vàng, rất mực cung kính, còn mời vị Sa-môn tụng kinh Niết-bàn ấy ngồi trên tòa cao bằng bạc, tỏ ra chẳng cung kính trọng vọng lắm, khi sự việc xong rồi. Xét hỏi, hai vị thọ mạng đều còn nên đều thả trở về. Vị Sa-môn tụng kinh Niết-bàn đó tâm rất tức giận, cậy chỗ mình tụng đọc nhiều, mà chỗ ngồi khác với môn hạ là Sa-di. Từ đó hai vị giã biệt Diêm vương, mỗi vị đều sống lại, vì Sa-môn ấy theo hướng Nam tìm đến kỳ châu, hỏi tìm được chỗ, bèn hỏi lý do. Vị Sa-di ấy đáp: "Mới đầu vào tụng kinh Quán Thế Âm thay đổi áo khác, chỗ ngồi riêng khác, đốt hương chú nguyện, sau đó mới tụng. Đối với pháp ấy không hề biếng trễ, ngoài ra không có thuật gì khác". Vị Sa-môn ấy sám tạ rằng; "Tội tôi rất nặng, gọi là Niết-bàn, mà oai nghi không trang nghiêm, thân

miệng không sạch cứu quên mà thôi. Người xưa có để lại lời nói: "Gây ác nhiều chẳng bằng có chút ít điều lành, đến nay lấy làm ứng nghiệm, sửa đổi lỗi xưa mà trở lại."

***9. Thích Tăng Triệt chùa Hãm Tuyền ở Phùng Châu:***

Thích Tăng Triệt, trụ chùa Hãm Tuyền, ở núi Nam Cô thuộc Phùng Châu. Sư đi đường gặp một người mắc bệnh hủi nằm ở trong hang, Sư bèn dẫn đến trong núi, đục tạc hang núi cho ở, cấp dưỡng thức ăn, bảo đọc tụng kinh Pháp Hoa, khổ nỗi người ấy vốn không biết chữ,, lại quá ngu si, phải đọc từng câu cho nghe, chẳng nề mỏi nhọc, tụng kinh đến phân nửa, mộng thấy có người chỉ dạy, từ đó về sau hơi có chút thông minh, tụng được năm sáu quyển, thì vết thương bệnh hủi cảm thấy có phần lành, tụng trọn một bộ, thì râu và lông mày mọc lại, sắc da được như thường. Nên trong kinh nói rằng: "Thuốc tốt của bệnh", đó thật ứng nghiệm.

***10. Thích Tăng Diễn ở Tinh Châu, thời Tiền Đường:***

Thích Tăng Diễn, ngài người Tinh Châu, người ở Tinh Châu thuộc Phàm Khuyết, từ bảy tuổi trở lên đều biết niệm Phật, sinh Tịnh độ rất nhiều. Sư ở lâu tại tịnh Châu, tụng kinh Pháp Hoa, ưa cầu sinh về An Dưỡng. Vì trong kinh nói là: "Liền được vãng sinh về thế giới An Lạc" cho nên như vậy. Mỗi ngày Sư tụng một biến, suốt ba năm được ngàn bộ, mộng thấy chung quanh thân mình mọc ra lông cánh, lấy văn tự kinh Pháp Hoa làm màu vẽ đẹp đẽ, muốn bay liệng, thân tự nhẹ nhàng, liền bay sang phương Tây, đến nơi chỗ đất bảy báu, cung điện nối liền nhau, người trời đầy khắp trong đó. Sư nhìn lại tự thân mình, lông cánh ngưng thành đài hoa sen, mỗi văn tự biến thành thân Phật cao trượng sáu. Mỗi thân Phật nói kệ tụng rằng:

*"Ông ở cõi trược tụng Pháp Hoa*
*Chúng sinh nghiệp chướng chỉ thấy chữ.*
*Thật là ba thân Phật tròn đầy*
*Nay thành lông cánh hiện thân xưa".*

Sư nghe kệ tụng ấy và thấy đài báu, có hơn sáu mươi chín ngàn ba trăm vị hóa Phật ngồi trên cánh sen, Phật trên đài là Đức A-di-đà. Sư đến đảnh lễ, Phật trên đài liền bảo Sư rằng: "Ông về lại cõi Diêm-phù-đem lời ta mà chỉ bày cho chúng sinh! Lại do công đức mở mang kinh Pháp Hoa, liền đó chư Phật biến trở lại lông cánh ở bổn thân, Sư về lại cõi Ta-bà. Vừa thức giấc, lệ tuôn trào, Sư tụng kinh Pháp Hoa lại

vào Quán tâm, ở đầu lưỡi có tám lá hoa sen, trên mỗi hoa sen có Đức Phật ngồi kiết-già, mỗi văn tự kinh Pháp Hoa từ trong miệng Phật tuôn ra đều làm thành màu vàng ròng có đầy đủ ánh sáng, biến thành thân Phật đầy khắp hư không, vây quanh nằm trì kinh. Hễ nhắm mắt thì liền hiện tướng đó, còn mở mắt thì liền không thấy, Sư chuyên quán, chuyên tụng. Đến lúc qua đời có mây mầu tím xếp lớp cao vút, Sư ngồi thẳng tụng kinh mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi chín tuổi, chú thích đầy đủ về việc này, cất kín chỗ sâu xa của kinh để sau này mọi người thấy nghe buồn khóc kết duyên mà thôi.

***11. Trung Thư Lệnh Sầm Văn Bổn:***

Trung Thư Lệnh Sầm Văn Bổn là người ở Giang Lăng, thuở thiếu thời đã biết kính tin Phật, thường tụng phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa. Có lần đi thuyền trên Ngô Giang, bị nước vào thuyền nên mọi người đều chết, Văn Bổn bị chìm dưới nước, nghe có tiếng người bảo rằng: “Nên xưng niệm danh hiệu Phật, sẽ không bị chết”. Ba lần như thế. Trong sóng vỗ tung văng lên bờ nên được thoát chết. Về sau, ở Giang Lăng, Văn Bổn thiết cúng trai hội. Chư tăng đều nhóm họp ở nhà ông. Có một vị khách tăng đến sau, nói với Văn Bổn rằng: “Trong thiên hạ mới loạn, ông may mắn không can dự tai ương ấy, gặp được thái bình, cuối cùng giàu sang!”. Nói xong bèn đi ra. Văn Bổn tự ăn, trong chén có được hai viên xá-lợi, về sau quả đúng như thế. (Văn Bổn tự kể với Đường Lâm).

***12. Quốc tử tế tửu Tiêu Cảnh:***

Quốc tử tế tửu Tiêu Cảnh, là người Kim Lăng, khi thời vận nhà Lương bị mất vào đời Tùy, Tiêu Cảnh có người chị gái là Hoàng hậu của vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, vốn sinh trưởng nơi giàu sang mà gia đình sẵn tôn kính Phật pháp; Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Tiêu Cảnh tự chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, bèn y theo văn kinh mà xây dựng tháp báu Đa Bảo, dùng gỗ đàn hương mà chạm khắc, tháp cao ba thước phía trên vuông vắn, che phủ xuống, và tạo tôn tượng Phật Đa Bảo bằng gỗ, qua mấy năm sau, có Sa-môn Tuệ Thuyên là con của anh ruột Tiêu Cảnh cùng ở chơi nhà, lúc sáng sớm vừa dậy bỗng thấy trong cỏ ở trước viện có một ngôi tháp bằng gỗ đàn hương, ở dưới lọng có một pho tượng Phật bằng đồng thau lẫn đá, chế tác rất lạ so với ở Trung quốc, hình dáng tôn tượng dường như người Hồ, tròng mắt được làm bằng bạc, bên trong có nhiều tinh, sáng

sạch tự nhiên. Ngài Tuệ Thuyên lấy làm quái lạ, liền đến báo với Tiêu Cảnh. Tiêu Cảnh nhìn thấy vừa kinh hãi vừa mừng vui, lấy lọng đem về thử đặt trên tháp Đa Bảo, rõ ràng xứng nhau như tạo tác sẵn. Tiêu Cảnh vui mừng hoan hỷ, tự lấy làm tinh thành hưng thạnh pho tượng Phật ấy. Trong hộp có hơn trăm viên xá lợi, Tiêu Cảnh có người con gái xuất gia làm Ni, khi đang tuổi nhỏ thầm nghi ngờ, có vị tăng Ấn-độ bảo rằng: "Xá-lợi, dùng chày nên không vỡ", bèn thử lấy ba mươi viên đặt trên đá và dùng búa ở dưới, xá lợi không hề hấn gì, cô gái ấy bèn tìm kiếm ở dưới đất chỉ được ba bôn viên, ngoài ra đều mất, không trông thấy đâu cả. Cô gái ấy khiếp sợ mách báo với Tiêu Cảnh. Tiêu Cảnh đến chỗ tháp xem, thì xá-lợi đều ở tại đó như cũ. Từ ngày đó, Tiêu Cảnh tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một biến, mãi đến lúc qua đời.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một (637) thời Tiền Đường, trong lúc cơn bệnh hoành hành khổ sở, Tiêu Hậu cùng với em, cháu cùng đến thăm, Tiêu Cảnh cùng trông thấy, Tiêu Hậu bảo đốt hương, nhân đó liền quyết biệt cho, Tiêu Cảnh chỉ lưu lại người em Tiêu Võ và người con gái là Cô Ni ấy. Tiêu Cảnh bảo đốt hương, tụng kinh, và nghiêng mình bảo Cô Ni ấy rằng: "Ta sắp đi, Đại Bồ-tát Phổ Hiền đến đón rước ta, hiện ở phía Đông viện, Sư hãy đến nghinh tiếp". Cô Ni ấy y theo lời sang nghinh tiếp chưa trở lại, Tiêu Cảnh bảo rằng: "Ở viện này là nơi không sạch sẽ nên Bồ-tát không chịu đến, tôi phải đến đó. Các người hãy khéo vui sống!" nhân đó cùng Tiêu Võ v.v... từ biệt, Tiêu Cảnh bèn quỳ thẳng chắp tay xoay mặt về hướng Tây, trong chốc lát ngã xuống mà qua đời. Di lệnh bảo chở riêng một xe dùng làm phục vụ ở tại thân, người vợ không được tiễn đưa an táng, không được dùng rượu thịt để cúng tế, khắp đục hỏm sâu mới bảo vùi lấp quan tài. Từ triều đình cho đến thôn dã, mọi người đều ngợi khen sự thông minh của Sư. Người nhà kính vâng thực hành theo.

### *13. Vi Trọng Khuê ở Lâm cung:*

Vi Trọng Khuê, bản tánh vốn hiếu để, rất được mọi người trong thôn xóm mến quý. Năm mười bảy tuổi, Sư vượt hơn đồng bạn rất khác lạ, làm Mông Dương trưởng, cha tên Liêm tự nương tựa ở Dương đô, vì tuổi già mà trở về. Vào niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, bị bệnh nặng, Trọng Khuê chẳng cởi mở dai mão mà nuôi dưỡng. Lâu sau, cha Sư qua đời, Trọng Khuê bèn từ tạ thê thiếp, đến ở bên phải phần mộ, do rất kính tin Phật giáo nên trì tụng kinh Pháp Hoa, ban ngày thì khiêng đất đắp làm phần mộ, ban đêm thì chuyên tụng kinh, tinh

thành không mỏi mệt, ba năm sau chẳng trở về. Có một con hổ ban đêm đến trước lô ngồi chồm hổm nghe kinh, giây lâu chẳng đi, Trọng Khuê lập chánh niệm rằng: “Mong thú dữ chẳng đến bức hại”. Hổ liền đứng dậy bỏ đi, đến sáng sớm thấy nhiễu quanh, ở phần mộ mọc bảy mươi hai cành cỏ chi, ngay trước phần mộ xếp hàng thứ lớp như do người trồng nên, cành mầu đỏ, tán mầu tím, tán dài năm tấc, màu sắc sáng đẹp khác thường. Có người ở gần thôn đem báo trình việc ấy với châu huyện. Bấy giờ, Cử Quân Xương làm Thứ sử nói dụ làm riêng giá cùng đến chỗ phần mộ để cúng tế, bỗng có một con chim dáng như vịt, ngậm hai con cá chép, mỗi con dài một thước bay đến trước mặt Quân Xương, đặt cá xuống đất rồi đi. Quân Xương, v.v... vô cùng khen ngợi, hái cỏ chi phong tấu, ban sắc chiếu biểu ở cổng làng. (Em của Vi Trọng Khuê đời Tùy làm Đại lý các bộ đến nói, và người ở trong Lư châu cũng đồng nói).

***14. Thích Tuệ Hiến chùa Ngõa Quan ở Kim Thành, thời Tiền Đường:***

Thích Tuệ Hiến, là người xứ Kim Thành, sớm mất cha mẹ. Sau khi xuất gia, Sư nghiêm trì giới hạnh, theo thầy học Đạo, tụng thông kinh Pháp Hoa, chuyên chí lấy làm chánh nghiệp, phát nguyện ở chỗ phần mộ của cha mẹ mà tụng kinh, muốn cứu khổ luân hồi. Qua ba năm, siêng năng phúng tụng không hề tạm phế bỏ. Đến canh ba trong đêm, tự nhiên giữa hư không có ánh sáng rực rỡ, lại có mưa hoa như tuyết rơi xuống, trong đó có tiếng nói bảo với Sư rằng: “Tôi là cha của ông, nhờ năng lực lúc mới bắt đầu tụng kinh đã được sinh ở cõi trời thứ hai, khi ông tụng đủ ngàn bộ, có Thánh chúng đến đón rước, từ cõi trời mà sinh về Tịnh độ. Thân mẫu của ông nhờ năng lực kinh Niết-bàn mà được sinh về cõi nước Bất động. Lúc thân mẫu ông sinh về nước đó, ban ngày viết kinh Niết-bàn một quyển. Ông tụng kinh giúp cho mẹ ông sống ở nước đó tốt đẹp!”. Nói xong liền biến mất. Mọi người ở gần trong xóm cho là mất lửa, đến sáng sớm sang hỏi. Sư kể lại đầy đủ đầu đuôi việc ấy, mọi người nghe đều buồn khóc, đồng ở phần mộ trì tụng kinh để giúp cho người thân, đại loại như thế có rất nhiều.

***15. Thích Tuệ Hòa chùa Chúng Tạo, ở Đô Hạ:***

Thích Tuệ Hòa, Sư là người sống trong khoảng niên hiệu Thái Thỉ (465-472) và Nghĩa Gia (?) đời tiền Tống. Trước lúc chưa xuất gia Sư làm giặc ở phương Nam, Lưu Hồ Hạ Đô Tham âm mưu đến đóng

trước Tân lâm, bị bắt, liền muốn chém đầu, trước đó ở đầu chim thước gặp ở đài Quân, đã trải qua khiếp sợ, từ đó về sau, thường tụng niệm kinh Quán Thế Âm. Đến lúc bị giết, tâm càng chí thành, bèn bảo rằng: “Chém đi”. Ba lần chém ba lần gẫy. Khi đó, Quân chủ cho là việc khác thường, bèn thả đi. Được thoát chết, Sư bèn xuất gia.

***16. Thôi Nghĩa Khởi:***

Thôi Nghĩa Khởi là người chẳng hề kính tin Phật, cha của vợ Tiêu Khanh là người thiện niệm, trì tụng các kinh Pháp Hoa, Bát-nhã đến mấy ngàn biến, rượu thịt chẳng hề mang vào cửa. Vào tháng 5, vợ của Thôi Nghĩa Khởi qua đời, Khởi nhân ngày tuần thứ ba (21 ngày) thiết trai dâng cúng, trong lúc đang dùng bữa, có người tớ trong nhà tên là Tố Ngọc làm tiếng nói của phu nhân (vợ của Khởi) mà bảo rằng: “Lúc còn sống, ta tuy có nghe nói về địa ngục mà chẳng hề tin, đến nay chịu khổ, thật không thể nói! Các người nam nữ, v.v... chẳng thể không tin, do các người vì Ta mà chuyển đọc tôn kinh, đốt đèn công đức, nên ta được tạm cho trở về, bèn đến cùng đại chúng để tỏ bày sám hối. Đến ngày 20, ta sẽ trở lại và dẫn dắt Tố Ngọc cùng đi xem ta chịu tội”. Đến kỳ hẹn, quả nhiên dẫn Tố Ngọc đi, Tố Ngọc thấy quan phủ thành lớn, phu nhân vào trong một viện riêng, chốc lát sau có vạc lửa giường sắt, tất cả đều đến, phu nhân nhận chịu độc khổ. Tố Ngọc bỗng thấy cha của phu nhân là Tiêu Khanh ngồi trên đài hoa sen bảo phu nhân rằng: “Hãy sớm thả Tố Ngọc!”. Và trở lại bảo với Tố Ngọc rằng: “Con gái của ta lúc còn sống chẳng nghe lời ta, thường sân hận ghét ganh, chẳng tin thiện ác. Nay chịu khổ như thế, ta không có năng lực để cứu thoát! Ngươi trở về hãy báo với chồng con của nó, khuyên nên tu tạo công đức, không bao lâu sẽ được giải thoát!”. Tố Ngọc lại thấy một vị Bà-la-môn tăng từ giữa hư không sà xuống, Tố Ngọc tụng kinh Kim Cương Bát-nhã, lại tụng kinh Dược Sư, Pháp Hoa hai quyển một biến, hai quyển đều đổi tên là Thanh văn. Lại bảo: “Ngươi ở cõi Diêm-phù-đề không tin Phật, ngươi tụng kinh với tiếng Bà-la-môn này đều hiểu lời kinh, người tớ (Tố Ngọc) chết giấc ba ngày sống lại, người nhà lương tiện, mới đầu như thường gặp hoạn.

Đến tháng giêng niên hiệu Lân Đức thứ nhất (664) thời Tiền Đường, ở nhà Tiết Tướng Quân thiết trai, đón người tớ (Tố Ngọc) thỉnh ba luồng Phật đảnh cốt, Bà-la-môn Tăng bảo thử dạy răn, Tố Ngọc bèn lên tòa tụng liên tục, không sót một chữ. Mọi người đều chấp tay khen rằng: “Như bản ở các nước Tây Vực không khác!” cả chúng đều kinh

hãi ngờ vực sự việc ly kỳ hiếm lạ. Tiết Tướng Quân bèn trình tấu, vua Cao Tông (Lý Trị) than rằng: "Trong trăm quan cũng có người không tin! Minh Đạo như thế, sao được không tin ư?". Khi ấy, trong các hàng triều quý mọi người thấy nghe đều phát sinh niềm tin lớn. Tư Thành Quan Bác Sĩ Mang Thúc Nguyên lại thỉnh hai mươi vị tăng đến vườn nhà ở phường Dực Thiện, mời Tố Ngọc bảo tụng lại bản kinh bằng âm Phạm sâu mầu, khiến mọi người ưa thích nghe. Tự bảo là chẳng quên xưa cũ. (Xuất xứ từ Cảm Thông lục quyển hạ).

***17. Cái Hộ ở Sơn Dương:***

Cái Hộ là người xứ Sơn Dương, từng bị bắt giam vào ngục đáng tội chết. Nhưng Cái Hộ vốn người có trì tụng kinh Quán Thế Âm, suốt ba ngày ba đêm tâm không đứt quãng, bỗng nhiên đang lúc nửa đêm, tự mắt nhìn thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, lại phát ra ánh sáng soi chiếu đến đó, tức thời gông cùm xiềng xích tự tháo rã, các cánh cửa tự mở toang, bèn dẫn Cái Hộ đi ra. Cái Hộ theo ánh sáng mà chạy đi, vừa được ít dặm đường, ánh sáng bèn tắt mất. Cái Hộ dừng nghỉ lại trong cỏ, đến sáng từ từ đi ra, và được thoát khỏi. (Ứng Nghiệm Truyện).

***18. Mộ Dung Văn Sách ở Tần Châu:***

Ở huyện Thượng Bang, Tần Châu có người tên là Mộ Dung Văn Sách, năm mười bảy tuổi, tụng trì các kinh Kim Cương Bát-nhã, Pháp Hoa, v.v... trai giới không khuyết phạm.

Vào đêm 15 tháng 4 niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ 7 (611) đời Tùy, bỗng có hai con quỷ đến trước giường, tay nắm Văn điệp bảo rằng: "Vua sai đến bắt ông lại!" Văn Sách vô cùng kinh sợ mới đi theo kẻ sứ, dẫn đến một ngôi thành lớn, lầu gác trang nghiêm cao vợi, thành quách có đến sáu lớp. Dẫn vào lớp cửa thứ nhất, thứ hai thì có ánh sáng rực rỡ. Đến lớp cửa thứ ba, cửa ấy cách nhau xa hơn bốn dặm, đều tối mịt, không thấy đường đi. Kẻ sứ dẫn Văn Sách đi qua, đến trong lớp cửa thứ năm thứ sáu, lại có ánh sáng rực rỡ, cách cửa khoảng ba dặm, liền có phòng nhà điện đường, ở bốn phía đều có người cầm roi trượng hộ vệ, trở lại như thấy ở chốn cung quyết không khác. Vua ngồi ngay cung điện, những người được dẫn đến như nam nữ, Tăng Ni, Đạo sĩ, v.v... và cả sáu loại man di không thể kể hết số ấy. Văn Sách đứng ở hàng sau cùng, mỗi người tùy theo xướng tên mà đi qua. Vua hỏi mỗi người lúc sinh tiền đã tu tạo được phước nghiệp gì, xem xét nếu người có phước thì sang đứng ở phía Tây, người không phước thì sang đứng

phía Đông. Cuối cùng mới gọi đến tên Văn Sách, vua hỏi: “Một đời ông làm được phước nghiệp gì?”. Văn Sách liền phân giải: “Một đời này,tôi chỉ tụng trì kinh Kim Cương Bát-nhã, Pháp Hoa được tám bộ, còn kinh Bát-nhã thì suốt ngày đêm tụng đọc, lại trì trai giới một ngày không khuyết phạm”. Vua nghe nói liền, chắp tay cung kính khen ngợi rằng: “Công đức rất lớn!” Giao phó chủ ty xét kỹ về văn bộ, chẳng sai lầm ở tương lai, pháp điển ấy nắm lấy án nói với vua là Văn Sách chưa đến số chết. Vua liền thả, và bảo sang phía Tây, trong lúc đang đứng chưa đi, có vị Sa-môn tuổi khoảng mười lăm, mười sáu, cầm một bó đuốc rực sáng đi qua trước Văn Sách, tiếp theo sau lại có một vị Sa-di cũng cầm một bó đuốc rực sáng đi qua, Văn Sách liền túm vạt áo ca-sa kéo lại, và nói: “Xin Sư cứu đệ tử, Sứ giả lầm đuổi tương lai, được vua ban ân trạch xem xét Văn bộ thả trở về, nhưng không biết đường đi, xin Sư từ bi cứu hộ đệ tử chỉ bày cho đường trở lại!”. Hai vị tăng ấy bảo với Văn Sách rằng: “Đàn-việt trì kinh Bát-nhã, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khéo hành trì trai giới cho bền chặt, nên lại cứu cho”. Vì Sa-môn lại bảo rằng: “Ta cầm đuốc đi trước, Đàn-việt chỉ theo sau ta”. Trở lại, qua sáu lớp cửa thành mà ra, đến chỗ hai lớp cửa tối, hai vị tăng trên tay cầm đuốc tợ như mặt trời soi sáng đều hiện ra ngoài sáu lớp cửa, hai vị Tăng liền bảo Văn Sách rằng: “Đàn-việt có biết chỗ địa ngục hay chăng?”. Văn Sách đáp: “Không biết”. Hai vị Sa-di liền đưa tay chỉ về góc phía Tây bắc thành, ở đó có một ngôi thành lớn, cách chừng bốn dặm, là thành của địa ngục, hai vị Sa-di bảo: “Chúng tôi dẫn Đàn-việt đến đó xem”. Văn Sách bèn theo thầy đến đó. Ngôi thành ấy cao ngất có cửa thành lớn, đều có lưới sắt rủ xuống, có bốn quỷ La-sát tay cầm xoa sắt đứng hầu hai bên, hai vị tăng bảo rằng: “Đây là cửa địa ngục, tất cả người tội phối vào trong đây đều qua cửa này”. Và liền dẫn Văn Sách vào cửa, đi khoảng hai trăm bước, thấy có một sông than, trong đó tất cả những người chịu tội thân ẩn dưới dòng sông, đầu ló lên trên, có đến trăm ngànvạn ức, lửa dữ thiêu đốt những người tội ấy, đau khổ kêu gào không thể nói hết, lại ở bốn phía đều có giường sắt cây nhận, có bốn ngục tốt tay cầm xoa sắt đi chạy trên bờ, tiếng kêu réo rất đáng kinh hãi, hai vị tăng bảo rằng: mười tám địa ngục đều ở trong đây”. Văn Sách thấy thế, trong tâm khiếp sợ chỉ biết niệm Phật, và thường tụng kinh không ngưng nghỉ, hai vị tăng liền dẫn Văn Sách trở ra cửa thành, đến nơi đường trước đã vào. Có năm con đường gần nhau, trong ý Văn Sách mê man, không biết con đường nào để trở về nhà, hai vị tăng liền muốn tách biệt mà đi, Văn Sách lễ bái cầu xin rằng: “Trong năm con

đường, đệ tử không biết phải đi đường nào. Xin Sư từ bi chỉ dạy cho đường đi ấy!". Hai vị Tăng liền ngay con đường giữa mà dẫn đi trước. Đi được chừng mười dặm, có một cửa lớn, bít lấp cửa đường đó không đi qua được, hai vị tăng liền dùng tích trượng để mở cửa, và bảo Văn Sách rằng: "Phải cố gắng siêng năng tu tạo công đức, tụng kinh bái sám, chớ nên biếng lười, thì sẽ được sống lâu". Văn Sách từ biệt hai vị tăng, về đến nhà, thân thể trở lại tỉnh ngộ, cha mẹ thân thuộc biết đều kinh sợ, dùng lễ để úy dụ. Văn Sách kể lại về nhân duyên đó, được thả trở về nhà đều là năng lực công đức, người nghe đều vui mừng, tâm ý thư thái. Văn Sách dùng công đức tụng kinh, thọ trì trai giới ấy để khuyến hóa tất cả. Mọi người đều phát tâm, đọc tụng từng ngày một, không hề khuyết thiếu, càng thêm tinh tấn, lại được nhiều năm.

***19. Sa-di ở Pháp Hoa Đài, thời Tiền Tống:***

Pháp Hoa Đài thời Tiền Tống, tức sau khi Thích Pháp Tông đã quy tâm, khai mở thần giúp tại chỗ ở xưa, lấy làm tinh xá, vì tụng kinh Pháp Hoa nên gọi là Pháp Hoa Đài. Những người dốc lòng phúng tụng ở các châu đều nhóm họp về đài đó, chúng đông gần cả ba ngàn vị, thường đọc tụng trở thành ồn náo lẫn lộn, nên Đại chúng cùng nhau bàn luận chia thành mười hai thời. Để định thời hạn của chúng, nên đánh kiền-chùy làm thời khắc, phúng tụng không ngưng nghỉ, hạnh nghiệp ấy là thường.

Bấy giờ, có một vị Sa-di từ phương xa đến, ngu đần không biết câu văn, ngày đêm dốc lòng phúng tụng, mong được đưa vào trong hạn định của chúng, nhưng vì bẩm tánh biếng lười, lại không biết rõ về thời khắc. Đại chúng buồn thương cho sự ngu đần đó, bảo: "Ngươi nên hiểu canh là lấy tiếng kiền-chùy làm thời hạn. Trước tập phúng tụng công phu mới thành, và được xếp vào trong hạn định của chúng". Qua một mùa Hạ tụng tập, chỉ mới được vài ba hàng, mọi người đều xem thường, bởi sự tụng tập của Sa-di ấy quá ít, nên chưa xếp vào chúng. Vị Sa-di ấy buồn bã, nên hiểu canh là lấy tiếng chuông làm kỳ hạn, ngày ngày chuyên chí, rơi lệ hổ thẹn với hạnh nghiệp trước, muốn gieo thân xuống sườn núi, xuống vào vực sông sâu, liền lên sườn núi cao buông mình xuống và chết giấc, tâm thức nương theo nghiệp trước vào địa ngục chảo nước sôi, ngục tốt dùng roi gậy đánh đập người tội, gậy sắt chạm vào mép chảo nước, phát ra tiếng như tiếng kiền-chùy trước. Tâm thức vị Sa-di nhớ lại bổn chí, bất chợt tự nhiên tụng niệm đề mục kinh Pháp Hoa. Các người tội trong ngục đều được ngồi trên hoa sen, địa ngục

biến thành ao nước trong mát, ngục tốt khen ngợi điều chưa từng có, dẫn vị Sa-di ấy đến tấu trình lên vua Diêm-la. Vua bảo: "Sa-di mạng sống hẳn còn, nên trở lại Diêm-phù-đề, dốc hết tâm chí ấy". Nghe nói thế rồi, như nằm ngủ mà thức giấc, thân thể không mảy may tổn hại, Sa-di ấy về đến chỗ đài kể lại nhân duyên ấy. Trong đại chúng có người tin có người không tin. Sa-di ấy dốc lòng phát nguyện rằng: "Như chỗ ngầm thấy của tôi chẳng phải không có, thì nghiệp chướng tiêu trừ, văn nghĩa một bộ kinh tự nhiên suốt thấu". Phát nguyện rồi, Sa-di ấy hành Đạo tụng kinh, văn nghĩa của một bộ tự nhiên tụng thông. Đại chúng lắng nghe lời tụng, thảy đều phục theo. Lên tòa, Sa-di ấy làm tăng, ở trong chúng phúng tụng rất xứng đáng là thượng thủ.

***20. Chí Thông ở Lũng Thành, thuộc Thiên Thủy:***

Tại huyện Lũng Thành, quận Thiên Thủy có Chí Thông, năm chưa đến tuổi hai mươi, sống đã chuyên trì trai giới, đọc tụng các kinh Pháp Hoa, Kim Cương Bát-nhã, v.v... Mỗi ngày sáu thời lễ sám chẳng hề khuyết thiếu. Đến năm hai mươi tuổi thì tiết tháo sáng suốt, vào xin Đức Phủ Vệ Sĩ, danh đặt ở Quân Đoàn, vâng theo sắc lệnh sai đi đánh dẹp Nam Man. Từ nhà đến đó đường dài hơn muôn dặm. Đang trên đường đi, ngày đêm Chí Thông luôn lễ tụng không ngưng nghỉ. Khi đến biên giới của Nam man, quan quân bị chiến bại, binh lính chạy tán loạn. Ngay lúc ấy đồng bạn có hơn trăm người, không biết chạy về hướng nào, nên phần nhiều đều bị giết hại. Chí Thông khiếp sợ, không có đường nào chạy trốn, bỗng nhiên có năm người đều cưỡi ngựa cái cùng theo trước sau Chí Thông. Có một người chạy ngựa sát vào bảo Chí Thông rằng: "Chớ lo, chớ sợ! Ông có đủ công đức tu hành, nên trước sau bao bọc, không ai làm hại được. Đi được bảy dặm, đến chỗ một ngôi miếu, bèn vào ẩn nấp trong đó. Quân lính Nam Man bèn về lại doanh điềm, bỗng có hai vị tăng đến chỗ Chí Thông và bảo rằng: "Đàn-việt tụng kinh Kim Cương Bát-nhã, Pháp Hoa, lễ bái xưng niệm hồng danh chư Phật, không thể nghĩ bàn, nên sai đến cứu giúp Đàn-việt, vừa rồi có năm người cưỡi ngựa bao bọc trước sau Đàn-việt, đó đều là do năng lực của kinh Pháp Hoa, Bát-nhã, cũng đồng cứu giúp Đàn-việt, sợ giặc làm hại đến thân Đàn-việt, nên phải khéo tu hành phước nghiệp, trì tụng kinh điển, chớ sinh biếng lười. Tất cả các vị Thiện Thần Vương thường cùng hộ vệ". Nói xong, bỗng bay lên giữa hư không mà đi. Đã mấy ngày không được ăn, chẳng thường đói thiếu, bỗng chốc có một Đồng tử đem đến một bát cơm và tương rau, bánh, trao cho Chí Thông ăn. Ăn xong, lại bảo Chí

Thông rằng: "Hãy siêng năng tu tạo công đức, tụng kinh Bát-nhã, chớ để thiếu sót". Nói xong cũng bay bổng giữa hư không mà đi. Chí Thông rơi lệ buồn khóc, dốc lòng sám hối, liền trở lại chỗ Đại quân, trải qua ba trận, mà chẳng bị một tấc sắt làm thương hại. Y cứ vào nhân duyên ấy, tất cả đều là nhờ năng lực của kinh Pháp Hoa, Bát-nhã. Đến nơi phá giặc Nam Man, quan quân được thả trở về, đều chuyên tâm trì tụng kinh Pháp Hoa, Bát-nhã, không ai dám biếng lười khinh mạn.

Lại nữa, vào ngày 28 tháng giêng niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám (634) thời Tiền Đường, Chí Thông bị bệnh, đến tối mồng 8 tháng 2, thì qua đời, bèn bị dẫn đến trước vua, nhìn qua các hạng người rất đông, Chí Thông bèn đứng sau cùng. Ở đó, Điển Xướng gọi tên. Và liền hỏi các nghiệp thiện ác của người đó, cũng y theo thứ lớp mà phối hợp. Sau cùng xướng đến tên mình, Chí Thông đi đến, vua hỏi trong một đời vừa qua đã làm được những phước nghiệp gì?". Chí Thông liền trình bày với vua rằng: "Một đời này, tôi trì tụng các kinh Kim Cương Bát-nhã, Pháp Hoa v.v... thường trì trai giới, mỗi ngày sáu thời lễ Phật". Vua nghe nói thế, liền chắp tay cung kính nói rằng: "Lành thay! Lành thay! Công đức của người này thật không thể nghĩ bàn!". Và vua nói với kẻ Sứ dẫn Chí Thông đến rằng: "Thường ngày y cứ vào Bộ trướng nào mà đuổi bắt người này giao phó cho chủ ty? Phải nên xem xét tinh tường vầ văn tịch, chớ uổng về tương lai". Chủ ty ấy liên quan đến Thiên Tào trở lại báo rằng: "Thọ mạng của người này (Chí Thông) còn sáu năm nữa, chưa phải chết lúc này". Vua mới đòi y cứ, tự tìm xét quả nhiên chẳng sai lầm. Vua bảo các người hầu chung quanh lấy giường ghế mang đến. Người hầu liền đến chái nhà phía Nam mang giường vàng ghế ngọc đến trước mặt vua. Vua bảo đưa lên an trí ở phía Tây của điện, trải bày các thứ chăn nệm, và bảo mời Chí Thông lên tòa tụng kinh. Chí Thông bèn tụng kinh Bát-nhã, Pháp Hoa mỗi thứ một quyển đều thông thuộc. Vua lại sai người vào trong điển tạng lấy văn bộ tụng kinh và tu công đức của Chí Thông. Vị điển xướng và Chí Thông theo hướng Tây cùng đi lấy, đi khoảng hai dặm có một Đại tạng kinh. Nơi có Bộ công đức trước đều cất giữ ở trong đó, và đều được trang nghiêm bằng bảy báu, kẻ sứ trong chỗ thấp nhất lấy ra được một quyển có chừng mười trang giấy, bên ngoài đề hiệu là "Chí Thông tạo Công Đức bộ" (= Sổ ghi chép tu tạo công đức của Chí Thông). Liền mang đến cạnh vua, mở rút trong đó thấy ghi chú "Chí Thông tụng kinh Bát-nhã muôn biến, tụng kinh Pháp Hoa ngàn biến". Công đức lễ Phật thọ trì trai giới đều đầy đủ trong đó. Vua bảo với kẻ Sứ rằng: "Công đức của Chí Thông tu tạo thật nhiều

lắm. Nên dẫn đến cho xem các địa ngục, để biết tội phước". Kẻ Sứ vâng sắc lệnh dẫn Chí Thông ra thành, theo hướng Tây bắc đi hơn năm dặm, có một ngôi thành lớn, lầu lỗ kiếp địch, lưới sắt rủ xuống, ở phía trong của có bốn ngục, ngục tốt đầu như La-sát, miệng phát ra lửa dữ, thân hình cao lớn, tay cầm xoa sắt, đứng ở hai bên có hai con chó đồng ở cửa hai chái nhà, miệng nhà ra đồng sôi rưới vào chỗ ngục, rót bắn vào người tội. Tất cả mọi người chịu khổ đều vào từ cửa này, mười tám địa ngục đều ở tại thành này. Chí Thông thấy như thế, thân tâm kinh sợ, không thể tự an. Lúc dẫn trở lại chỗ vua, bèn nói rằng: "Đã thấy địa ngục rồi". Vua nói với Chí Thông rằng: "Nay ông thấy đủ các thứ nghiệp quả tội phước phải nhận chịu, thì nên khéo siêng năng tinh tấn đọc tụng kinh điển chớ phế bỏ. Mạng sống của ông hiện nay còn được sáu năm. Nay thả ông về nhà, chớ nên sinh tâm lui sụt, vì lui sụt sẽ rơi vào đường ác, không có người cứu ông. Phải đọc tụng chớ lui sụt tâm Bồ-đề, ở nơi ông kéo dài năm tháng, đến lúc già qua đời sẽ sinh về Tịnh độ". Chí Thông sống lại, kể lại việc ấy, càng tu càng tụng, sau sáu năm mới qua đời, có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng, được cảnh Tịnh độ đón rước.

***21. Bà quả phụ ở Lương châu:***

Ở Lương châu có bà quả phụ họ Lý, gia đình kính thờ Phật pháp, thường theo dự các trai hội, sau khi nghe bài giảng liền có thể tụng đọc lại. Về sau, bỗng nhiên có một người phụ nữ vốn là kẻ tôi tớ của Công chúa đến xin trú ở qua đêm, đến sáng ngày vẫn nhắm mắt mà không nỡ đuổi đi. Chỉ chốc lát, có kẻ lại đến lục bắt và bảo là: "Lý (bà quả phụ) che giấu kẻ tôi tớ phản nghịch". Đã bị lục bắt giao vào nhà ngục. Bà quả phụ liền dốc lòng tụng kinh Quán Thế Âm, được hơn mười ngày, bỗng nhiên mắt thấy Bồ-tát Quán Thế Âm đến hỏi Lý rằng: "Vì sao chẳng đi?". Lý đáp: "Không thể đi được!". Bồ-tát Quán Thế Âm lại bảo rằng: "Chỉ cần đứng dậy thì gông cùm tự mở". Khi đó, bà quả phụ đi thẳng về nhà. Ngục quan và người canh giữ đều chẳng tự hay biết. Về sau kẻ tôi tớ ấy biết sai đến hỏi: Vì sao được trở về, bà trả lời đầy đủ như thế, và cũng chẳng bị bắt lại. Đó thật là do năng lực tụng kinh nên chiêu cảm thánh ứng.

***22. Cao Thủ Tiết ở Tinh Châu đời Tùy:***

Vào đời Tùy, ở Tinh châu có người tên là Cao Thủ Tiết, gia đình vốn nhiều đời kính tin, phụng thờ Phật pháp. Mà Thủ Tiết lại rất tinh thành. Lúc khoảng mười sáu, mười bảy, có du hóa tại quận, giữa đường,

Thủ Tiết gặp một vị Sa-di chứng năm, sáu mươi tuổi, tự xưng tên mình là Hải Vân, cùng nhau bàn nói, nhân đó hỏi rằng: "Đứa trẻ có thể tụng kinh chăng?". Thủ Tiết đáp rằng: "Nhận biết được gốc tâm". Hải Vân liền dẫn Thủ Tiết đến núi Ngũ Đài, tới nơi thấy có ba phòng nhà bằng cỏ tranh, vừa được dung thân, bèn ở trong đó, dạy cho tụng kinh Pháp Hoa. Khi Thủ Tiết tụng kinh thì Hải Vân ra ngoài khất cầu mọi thứ để cung cấp y thực. Thủ Tiết có thấy một vị tăng Ấn-độ đến cùng Hải Vân trò chuyện nói cười suốt ngày mà qua lại. Sau đó, Hải Vân hỏi rằng: "Có biết vị tăng Ấn-độ vừa rồi chăng?". Thủ Tiết đáp: "Không biết". Hải Vân khẩn khoản dường như cười đùa, bảo rằng: "Đó là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi!". Thủ Tiết tuy từng tiếp thừa lời nói ấy nhưng chưa tỏ ngộ ý chỉ. Sau, Hải Vân sai Thủ Tiết xuống núi vào xóm để nhận vật, bèn răn bảo rằng: "Người nữ là gốc của mọi thứ xấu ác, làm hư hoại Đạo Bồ-đề, phá nát thành Niết-bàn, ông đến trong nhân gian, phải rất thận trọng". Thủ Tiết vâng lời dặn bảo ấy mà xuống núi, giữa đường thấy một người nữ chừng mười bốn tuổi, y phục mới đẹp hoa hòe, dáng dấp xinh xắn, cưỡi một con ngựa trắng đi thẳng đến trước, cúi đầu hướng về Thủ Tiết nói rằng: "Thân có hoạn gấp, muốn được xuống ngựa, nhưng vì cưỡi ngựa nó hay nhảy vọt, không do đâu để tự chế ngự, mong anh vui lòng cứu giúp thân mạng bé bỏng này!". Thủ Tiết bèn nhớ lại lời Thầy (Hải Vân) chẳng hề đoái hoài nhìn lại. Người nữ ấy cũng đuổi theo đến mấy dặm, thiết tha nói lời ấy. Thủ Tiết vẫn giữ chí khí như lúc đầu. Bỗng chốc bị mất dấu. Sau khi về lại nơi cũ, Thủ Tiết trình bày lại việc ấy, Hải Vân bảo: "Ông thật là người trượng phu, tuy nhiên, đó chính là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi!". Thủ Tiết còn chưa tỏ ngộ, vẫn cho đó là lời nói đùa. Nhưng ở đó tụng kinh trải ba năm, với một bộ kinh Pháp Hoa, Thủ Tiết rất được tinh thuần. Sau đó, nghe ở Trường An độ người xuất gia, trong tâm mong được xuống tóc. Hải Vân bảo: "Xem ngươi hẳn muốn ra đi, sẽ từ giã thầy, một lần từ biệt này, khó gặp gỡ lại! Ngươi đến kinh đô, hãy ở Đạo tràng Thiền Định, nương theo Thiền sư Ngọa Luân!". Thủ Tiết vào kinh đô cầu độ, không được toại tâm nguyện, mới đến chỗ Thiền sư Ngọa Luân. Ngài Ngọa Luân hỏi: "Ông từ đâu đến?". Thủ Tiết đáp: "Từ núi Ngũ Đài đến, Hòa-thượng bảo con đến làm đệ tử thầy". Ngài Ngọa Luân hỏi: "Hòa-thượng của ông hiệu gì?". Thủ Tiết đáp: "Hiệu là Hải Vân". Ngài Ngọa Luân kinh hãi than rằng: "Núi Ngũ Đài là nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Tỳ-kheo Hải Vân tức là vị Đại Thiện tri thức thứ ba của Đồng Tử Thiện Tài. Vì sao ông bỏ những bậc thánh ấy, ngàn kiếp muôn kiếp không nhờ đâu được

gặp một lần! Vì sao sai lầm như thế?”. Thủ Tiết mới tỏ ngộ mọi sự từ trước đến nay, tiếc rằng chẳng tan nát thân hình, ngay đầu mà ngu tình cuồn cuộn, còn mong gì được thấy lại, bèn từ giã ngài Ngọa Luân trở về với dấu vết xưa, suốt ngày đêm rong ruổi mới về đến chỗ cũ, nhưng không hề còn trông thấy gì.

### *23. Thích Minh Diệu ở chùa Chiêu Quả:*

Thích Minh Diệu, không rõ họ gì. Mới đến tuổi đi học, Sư đã sớm sợ mành lưới thế tục, thưa hỏi bến đạo, không hề học ở một thầy cố định. Sư ở chùa Chiêu Quả, thường tụng kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Mỗi lúc tác quán ở chùa Phật Quang, Sư từng cùng Sa-môn Giải Thoát đồng đến chùa Đại Học, cầu thỉnh Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Đến ở phía Bắc vườn hoa, thấy có một vị Sa-môn, dung nghi hình phục khác thường, từ từ đi đến. Bèn đến bên góc phía Đông Phật đường, định đi theo hướng Đông, khi đó trong lòng Sư mừng sợ lẫn lộn, tính từng khuỷu tay mà bước tới, chưa đến vài thước thì không thấy gì nữa, bèn buồn than giây lâu, rồi cùng ngài Giải Thoát trở về!

Sư có thân hình cao đến bảy thước, oai dung điềm đạm, bàn nói trình bày thường khơi động tâm người. Có thời gian Sư cùng Sa-môn Hội Tích trước kia đến núi Ngũ Đài, đích thân lễ bái, Sư nói với ngài Hội Tích rằng: “Niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ mười hai (616) đời Tùy, tôi thấy Thiền sư An đi khắp các danh sơn, chùa viện, lễ bái tham hầu thánh tích. Ngày nay lại thấy pháp Thiền là chẳng thể nghĩ bàn. Nguyện cho Pháp sư được sống lâu không bệnh, để mở mang, khen ngợi Phật thừa”. Bấy giờ Sư đã một trăm lẻ sáu tuổi mà chưa phải chống gậy, và thần thái không rơi lạc. Không biết về sau, Sư bao nhiêu tuổi mới thị tịch.

### *24. Thích Tăng Hồng ở chùa Ngõa Quan:*

Thích Tăng Hồng trụ chùa Ngõa Quan ở Đô Hạ, tu tạo tôn tượng bằng vàng cao trượng sáu, khuôn mẫu vừa làm hoàn tất, lúc đó là niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười hai (416) đời Đông Tấn, có sắc lệnh cấm đúc đồ đồng, Sư chưa nghe biết nên làm khuôn để đúc tượng, bèn bị quan thâu bắt đưa đến tướng phủ, bởi tội gian đáng phải bị chết, Sư bèn trì tụng kinh Pháp Hoa Quán Thế Âm, được một tháng, bỗng nằm mộng thấy pho tượng mình đã đúc đi đến chỗ ngục, đưa tay xoa đảnh đầu Sư và hỏi: “Ông có sợ chăng?”. Sư trình bày đầy đủ sự việc. Tượng lại bảo: “Không nên lo sợ!”. Trong mộng ngài thấy tôn tượng vuông vắn

một thước, sắt đồng đỏ chảy. Sau được trông thấy giết. Ngày đó, Phủ Tham quân đóng đến trông coi hình quyết, mới đầu kêu gọi xa giá, mà trâu chẳng hề chịu vào. Khi đã vào lại tuông xe chạy bị phiền toái, đến nỗi phải nhắm mắt không nhìn thấy. Lại định ngày hôm sau. Do đó mà có sắc ban Từ Bành Thành trở về Đạo, nếu chưa giết Tăng Hồng, thì ân hận miễn đến. Ngài ra phá khuôn để xem tượng, quả nhiên tự trước ngực đúng như trong mộng. Tôn tượng ấy hiện nay vẫn còn tại chùa Ngõa Quan, nên biết do năng lực tụng kinh mà cảm thánh.

***25. Vương Châu ở Thái Nguyên:***

Vương Châu, tự là Thúc Diễn, người xứ Thái Nguyên. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ chín (432) thời Tiền Tống, làm Bồi Lăng quận lệnh, gặp phải giặc nên tan mất cơ đồ, bị bắt giam tại phủ ngục ở Giang Lăng, mang một cái khóa lớn, đinh rất cứng chắc. Vương Châu ở trong ngục trì trai tụng kinh Quán Thế Âm. Một đêm, bỗng mộng thấy tự mình lên ngồi trên tòa cao, có vị Đạo nhân trao cho quyển kinh, tựa đề là “Quang Minh An Lạc Hạnh Phẩm” và danh hiệu các vị Bồ-tát. Vương Châu có được bèn mở ra đọc xem, quên mất tên vị Bồ-tát thứ nhất, nhớ vị thứ hai là Quán Thế Âm, vị thứ ba là Đại Thế Chí đều có cõi nước và danh hiệu. Do đó, thức giấc bèn thấy khóa ở phía sau đã mở, Vương Châu biết là có cảm ứng, chẳng còn phải lo sợ. Nhân tự định sửa lại khóa đó, y như thường mà đóng. Trải qua ba ngày mọi sự chẳng như ý, bèn thả Vương Châu ra.

Đến niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười chín (442) thời Tiền Tống, Vương Châu lại làm Vệ Phủ Hành tham quân theo trấn ở Quảng Lăng, tinh tấn càng chí thiết.

■

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 6

**VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH** (Phần 4)



***1. Đạo nhân ở đạo tràng Quán Âm thuộc Việt Châu:***

Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương,

Sa-môn Thích Pháp Chánh người xứ Bá Tể quảy hành lý theo hướng Tây đi tìm thầy học Đạo, Sư cũng là người rất thông hiểu nghĩa thú, tu hành tinh tấn. Ở tại đất Lương hơn ba mươi năm, mà chẳng thể quên dứt quê cũ, nên về lại Bá Tể, Sư tự giảng nói những gì thấy nghe được ở Nam Lương.

Ở quả núi nơi biên giới Việt Châu, có một Đạo tràng tên là Quán Âm, có tường nhà Quán Âm nên Sư đến xem, cây gỗ rui lách đều hư hết mà vách tường hiện tại vẫn còn, ở đó có hai Đạo nhân cùng nhau kết giao vào núi, một vị thích trì tụng kinh Hoa Nghiêm, một vị thích trì tụng kinh Pháp Hoa, mỗi người ở một hang động, răn nhau làm đổ thất, vị tụng kinh Hoa Nghiêm với kỳ hạn một tháng thì hoàn tất, trong tâm nghi ngờ bạn mình không biết tụng đã được bao nhiêu nên đến dò xét, thì thấy chưa tụng được một quyển nào, bèn nói rằng: "Kỳ hạn đã sắp hết, lương thực gần muốn cạn, nên đến kỳ hạn mà hoàn tất. Nếu không thể niệm tụng trọn cả một bộ kinh Pháp Hoa thì hãy tụng kinh Quán Thế Âm thôi". Nói xong, ông trở về thất của mình. Từ đó, vị thích tụng kinh Pháp Hoa trong tâm tự đau buồn, do xưa có nhân căn trí ám độn, bèn dốc lòng đọc tụng, suốt ngày đêm chẳng biếng trễ, tụng thầm được hơn một nửa. Vài ngày sau đó, vị thích tụng kinh Hoa Nghiêm lại đến và tình thật mà nói rằng: "Tôi đã tụng xong hết kinh Hoa Nghiêm, vì sao chỉ mới bắt đầu của kinh Quán Thế Âm như thế, huống chi đã qua hai, ba ngày mà chẳng am tường ư? Nếu tôi bỏ ông mà đi thì trái với giao ước, còn đợi chờ ông hoàn tất thì lương thực sắp hết, đã qua ba ngày chẳng trọn, đúng lý là không được cùng đợi, nhưng thôi hẹn ông ngày mai cùng trở lại. Ông nên cố gắng!". Vị tụng kinh Pháp Hoa lại khổ đau gấp bội lúc trước, bèn dốc lòng tụng niệm mới được hoàn tất. Sáng sớm hôm sau, vị tụng kinh Hoa Nghiêm lại đến và bảo rằng: "Mới đầu của kinh Quán Thế Âm như thế còn chẳng trì tụng được, thì không biết làm sao nữa! Nay tôi xin từ giã ông mà đi". Vị tụng kinh Pháp Hoa liền quỳ mà thưa rằng: "Hồi hôm vừa tụng được hoàn tất!". Khi đó vị tụng kinh Hoa Nghiêm rất nui mừng muốn cùng thử xem, bèn ngồi trên giường đọc tụng suốt ba mươi quyển kinh không một sai sót. Kế đến vị tụng kinh Pháp Hoa lên giường đọc tụng, vừa mới mở lời, liền ở giữa hư không các thứ hoa hương rải như mưa xuống, hoa rải khắp đổ thất, hương thơm tỏa ngát cùng hang động, hơi khí hòa quyện đầy trời, chẳng thể kể hết. Khi đó, vị tụng kinh Hoa Nghiêm mới xuống đất cúi đầu, đầu mặt đều đổ máu, sám hối tội lỗi. Sự việc hoàn tất, vị tụng kinh Hoa Nghiêm bèn muốn giã biệt. Vị tụng kinh Pháp Hoa cản ngăn và bảo

rằng: "Thường có một ông lão biếu tặng lương thực cho tôi, ông hãy đợi một thời gian ngắn". Giây lâu chẳng thấy đến, nên vị tụng kinh Hoa Nghiêm bèn từ biệt mà đi. Vị tụng kinh Pháp Hoa muốn múc nước nên đến chỗ giếng, thấy ông lão ấy đang ngồi nghỉ dưới cỏ, bèn lấy làm lạ, hỏi rằng: "Người bạn của tôi vừa mới đến, muốn được cùng cấp thức ăn, vì sao ông trốn không cung cấp thức ăn?". Ông lão đáp: "Người ấy khinh thường tôi như thế, tôi đâu muốn nhìn thấy?". Từ đó mới biết ông lão chính là Bồ-tát Quán Thế Âm nên vị tụng kinh Pháp Hoa liền gieo năm vóc sát đất đảnh lễ rất mực chí thành, chốc lát ngửa lên nhìn thì không còn thấy nữa. Chỗ tường vách của vị tụng kinh Pháp Hoa ở đến nay vẫn còn đó! Sa-môn Phát Chánh gần gũi trông thấy như thế.

***2. Huân Hùng ở Hà Đông:***

Huân Hùng ở Hà Đông, từ thuở thiếu thời rất mực kính tin Phật đạo, chỉ ăn rau quả suốt vài mươi năm. Đến khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Huân Hùng làm Đại lý thừa. Mùa xuân niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn (645) thời Tiền Đường, bị liên lụy với Thứ sử Lý Tiên Đồng Sự, buộc giam ở sử đài. Bấy giờ, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) cho là bè đảng nên trong lòng vô cùng tức giận sai Trị thư thị Ngự sử Vi Tông, v.v... tra xét, phòng cấm nghiêm mật. Bị giam cấm có đến mười người, Đại Lý Thừa, Lý Kính Huyền, Tư Trực, Vương Hân đều bị liên lụy, cùng với Huân Hùng đồng giam trong nhà tù, và đều bị xiềng xích chắc chắn. Huân Hùng chuyên tâm niệm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, qua vài ngày được ba ngàn biến. Đang trong đêm ngồi tụng kinh, khóa xích bỗng nhiên tự mở rơi xuống đất. Huân Hùng kinh hãi báo với Vương Hân và Lý Kính Huyền. Hân và Huyền cùng nhìn thấy xích khóa vẫn sát đất, móc khóa vẫn nghiễm nhiên không hư hoại mà móc và khóa cùng lìa nhau đến mấy thước. Lý Kính Huyền, v.v... lấy làm lạ. Huân Hùng sợ tội trách nên báo với người canh giữ xin xiềng xích mở khóa. Đêm đó Giám sát ngự sử Trương Thủ trực suốt đêm, lại mở xích khóa, Ngự sử lấy đuốc lửa soi thì thấy xích khóa không mở mà tự nhiên lìa nhau, rất lấy làm lạ, nhân đó mở khóa để khóa lại, dùng giấy dán buộc khóa ấy, viết lên giấy đó rồi đi. Sau đó, Huân Hùng lại ngồi tụng kinh, đến canh năm, xích khóa lại mở rơi mà phát ra tiếng như có người mở. Huân Hùng lo sợ lại báo với Hân và Huyền. Hân và Huyền v.v... bảo rằng: "Muốn hiểu thì không nên gọi Ngự sử". Khi trời sáng, mọi người cùng đến xem, móc khóa mỗi tự rơi lìa xuống đất mà xích khóa vẫn còn hợp, chỗ dán bít đặt toàn như

cũ không đổi thay, móc lại rất nguyên vẹn kín đáo không thể mở. Lý Kính Huyền từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành chẳng hề tin Phật pháp, những lúc thấy vợ tụng kinh, thường bảo rằng: "Vì sao lại nịnh nọt thần người Hồ mà đọc sách ấy ư? Đến lúc thấy việc này của Huân Hùng, mới rất khen ngợi, tỉnh ngộ, bảo rằng: "Nay tôi mới biết Phật là bậc Đại thánh không người nào sánh bằng. Thật không thể nghĩ bàn!". Bấy giờ, Vương Hân cũng tụng niệm danh hiệu tám vị Bồ-tát đủ số ba mươi ngàn biến, giữa ban ngày, xích khóa tự mở rơi, trông thấy xích khóa văn nằm dưới đất, Huân Hùng chẳng lấy làm lạ. Lý Kính Huyền từ đó mới tin phục, hổ thẹn sám hối. Thế rồi, ba người đều được linh ứng. Lý Kính Huyền bèn viết kinh Pháp Hoa, họa tôn tượng tám vị Bồ-tát, quy y cúng dường. Đến lúc bệnh tình quá nặng ở tại nhà, Lý Kính Huyền chưa hỏi về tật bệnh, mà chỉ nói lại đầy đủ việc ấy. Lúc lâm bệnh càng nhiếp tâm. Hỏi Đài nội quan lại thì cùng như điều Lý Kính Huyền nói không khác, Huân Hùng tự kể lại việc đó, mà càng tinh thành dốc chí. Đến nay Huân Hùng hiện làm Chu chất lệnh (Cảm Thông Lục, quyển hạ).

***3. Thích Thông Tuệ ở Lưu Châu, thời Tiền Đường:***

Thích Thông Tuệ, họ Ngu, thuở thiếu thời rất siêng năng, tiết tháo tinh thuần, xuất gia làm Sa-di, chỉ ăn rau quả khổ tiết, chuyên học luật nghi, lại thông luật tạng. Năm hai mươi tuổi thọ giới Cụ tục.

Bấy giờ có vị thầy đoán tướng nói với Sư rằng: "Sư là người rất thông minh trí tuệ, không có tướng tà vạy. Chỉ có thọ mạng hơi ngắn không thể tiếp nối khuôn phép!". Sư nghe lời ấy bèn hỏi các vị Đại đức rằng phải tu công đức gì để kéo dài tuổi thọ. Khi ấy, các vị Đại đức đạt thức bàn luận với nhau rằng: "Giáo pháp Đức Phật giảng nói trong một đời thì kinh Pháp Hoa là tối đại. Nếu thọ trì thì không già không chết. Nếy y pháp mà thọ trì đọc tụng thì sẽ được sống lâu". Lúc đó, Sư cũng được dự nghe bàn, bèn tạm xả bỏ sách vở giới luật, theo thầy thọ học kinh, liền vào trong núi sâu thọ trì kinh Pháp Hoa, siêng năng phúng tụng. Sau ba năm, Sư xuống núi tìm đến nơi vị thầy đoán tướng trước kia. Vị ấy hỏi: "Sư tu công đức gì mà được tuổi thọ đến năm mươi, mau chóng như thế? Sư đáp: "Trước kia bị tướng mạng sống ngắn ngủi, nên vào núi sâu tụng đọc kinh Pháp Hoa sáu ngàn biến nên được lợi ích cao quý như thế, ngoài ra không hề có công đức gì khác!". Thầy đoán tướng ấy khen ngợi: "Công đức của kinh giáo Đại thừa có khả năng kéo dài mạng sống bị ngắn ngủi, nhờ công đức này giúp cho Đại đức tuổi thọ hơn chín mươi!". Về sau quả thật Sư sống thọ như lời dự ghi của thầy tướng.

***4. Vị Sa-di ở chùa Khai Thiện, đời Tùy:***

Dưới đời Tùy, Tạng Công ở chùa Khai Thiện có nuôi vị đệ tử Sa-di, tuổi mới mười lăm mà nhận biết được oai nghi, chẳng trái tình ý mọi người, nên mọi người thấy đều vừa ý. Bấy giờ có Hà Dận đến nói với Tạng Công rằng: “Vị Sa-di này không có tuổi thọ lâu dài!”. Tạng Công nghe thế buồn thương, vị Sa-di ấy bèn trở về nhà sống với cha mẹ. Năm năm sau, vị Sa-di ấy đến chỗ Tạng Công, Tạng Công khởi ý niệm lạ, nên hỏi Hà Dận rằng: “Sa-di ấy sao đổi tướng như vậy?”. Hà Dận đáp: “Tướng đã đổi, được sống đến tuổi tám mươi!” Tạng Công vô cùng khen ngợi kinh lạ, hỏi Sa-di ấy rằng: “Ông có được công đức cao quý gì thế?”. Vị Sa-di ấy đáp: “Trọn không tu công đức gì, chỉ nhờ xưa ở trước Tăng phường nghe được một bài kệ là:

*“Chư Phật, Đấng phước tuệ*
*Biết pháp thường vô tánh*
*Giống Phật theo duyên khởi*
*Nên nói pháp Nhất thừa”.*

Nên miệng thường vừa đi vừa tụng không biết được mấy ngàn vạn biến. Đến lúc mộng thấy một vị quan mặc y phục màu đỏ, đem đến một quyển sách và tự xưng là Quan Điệp, liền mở ra đọc, thấy trong đó viết rằng: “Thọ mạng của ông chỉ được mười tám tuổi, nay tụng theo một bài kệ, biến thành tám mươi tuổi, đó là lý do kéo dài tuổi thọ của ông”. Khi đó, Tạng Công khen rằng: “Kệ tụng ấy là văn trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa, Ông y cứ tụng đọc diệu kệ ấy thì được kéo dài tuổi thọ. Xưa kia, tôi vào trong núi suốt năm năm thọ trì kinh Kim Cương, Bát-nhã nên được sống lâu, nay ông vừa đi miệng vừa tụng, thì còn hơn sự tinh khổ của tôi. Đó thật là năng lực của kinh điển Đại thừa không thể nghĩ bàn. Ông chớ sinh lười biếng mệt nhọc”. Mọi người nghe vậy, không ai chẳng vững chắc niềm tin.

***5. Thích Phước Duyên chùa Tây Nhĩ ở nước Sa-ha-la:***

Ở nước ngoài có ngôi chùa tên là Bồ-đề, từ phía Nam cách hơn mười dặm, ở giữa hư không hiện ra một cung điện bạc, trong đó có các trời nam nữ đùa vui với nhau. Lại hiện lên một cung điện vàng, trong đó có một vị Thánh tăng. Việc đó thật ít có kỳ lạ. Vua quan ở các nước đều nhóm họp lễ bái cúng dường. Khi đó, vị Thánh tăng ấy nói rằng: “Thiên hạ không an ổn, lúa thóc không tốt tươi, tật bệnh đua nhau lan tràn, vì chẳng tin Tam bảo. Cảnh giới Tam bảo không thể nghĩ bàn, trải qua kiếp số như cát sông Hằng chẳng thể khen ngợi hết. Năng lực của kinh

Phật cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì ta vốn trụ chùa Tây-Nhĩ ở nước Sa-ha-la, tên ta là Phước Duyên trú trì trong một thất nhỏ, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, chứng đắc Vô sinh nhẫn. Chỗ ta tụng kinh đưa vào trong hộp trắng đặt trong chùa. Di cốt của ta chôn nơi phần mộ xưa trong ngọn núi nhỏ cách chùa hơn mười dặm về phía Tây. Sau khi xả bỏ tuổi thọ mới ba mươi năm, nương theo nguyện lực, nên chiếc lưỡi biến thành sáp như ngày nay thường luôn phát ra ánh sáng. Do đó mà biết lời nói của ta hư thật thế nào, nên lại chỉ bày duyên xưa. Các người trời ở trong cung điện bạc là những người cung cấp giúp đỡ tụng kinh!". Nói xong liền ẩn mất. Các vua quan buồn vui lẫn lộn, tìm lại bốn duyên đó đều như chỗ bậc Thánh nói, không chút sai lầm. (Duyên này xuất xứ từ Tây Vực truyện, chẳng phải đích thân được nghe, này chỉ y theo lời ghi xưa mà rút ra đó thôi).

***6. Bành Tử Kiêu ở Ích Dương, thời tiền Tống:***

Bành Tử Kiêu, người ở huyện Ích dương, đảm nhận Bổn quận chủ bộ, đụng chạm với Thái Thú Thẩm Văn Long, nên bị bắt giam vào ngục, Thẩm Văn Long muốn giết ông. Bành Tử Kiêu thuở thiếu thời có xuất gia, về sau tuy hoàn tục mà vẫn thường tụng tập kinh Quán Thế Âm. Bấy giờ, Thẩm Văn Long muốn giết Bành Tử Kiêu, tìm xét không đáp lại mong ước. Bành Tử Kiêu chỉ dốc lòng tụng kinh được trăm biến thì đã rất mệt nhọc, ngủ gật giữa ban ngày. Đồng bị trói buộc một nơi có đến mười người cũng đều nằm ngủ. Có Tương Tây huyện lại cũng bị trói giam trong ngục, khi đó như vừa ngủ vừa chẳng phải ngủ, không chịu nổi sự nóng bức, nhân trong cơn hoảng hốt thấy có hai con chim hạc trắng tụ đến chỗ Bành Tử Kiêu và lặng gió phía trên, chóc lát có một con bay xuống đến bên cạnh Tử Kiêu. Khi đó lại cảm thấy như người xinh đẹp, hình dung tuyệt hảo, Đạo Vinh trong tâm lấy làm lạ, bèn đến xem, thấy Tử Kiêu thức giấc. Đạo Vinh hỏi: "Vừa rồi có mộng mị gì chăng?". Tử Kiêu đáp: "Không mộng". Đạo Vinh kể lại những điều đã trông thấy, bèn vui mừng không thể nói. Đạo Vinh tụ trở lại chỗ gông cùm cũ, chẳng cho mọi người biết. Sau đó khoảng bốn năm ngày, bèn thấy chẳng phải nên thả. Có Đại nghĩa ở Nghĩa An và Vương Diễm ở Thái Nguyên cùng quả có xưa, trước soạn "Minh Tường ký" nói về Liên là người anh trong dòng họ vốn thần thức với Tử Kiêu và Đạo Vinh. Nghe hai người nói đều đồng như đây. (Pháp Uyển quyển 27).

***7. Thích Tuệ Thắng chùa Bạch Cẩu ở Thanh Châu:***

Thích Tuệ Thắng chùa Bạch Cẩu ở Thanh Châu, vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi bốn (437) thời Tiền Tống, bỗng bị bệnh điếc mù, chóng mất cả tai mắt, Sư tự suy nghĩ: “ở đây chẳng hết bệnh, lại không dùng thuốc thang, chỉ nên quy hướng Bồ-tát Quán Thế Âm, trì tụng kinh ấy một nghìn biến”. Khi tụng đã đủ số thì mắt tai bất chợt tự nhiên trở lại bình phục.

***8. Ni Sư Pháp Không ở Tuyên Châu:***

Ni Sư Pháp Không họ Hàn, người ở xứ Tuyên Châu, từ thuở nhỏ đã giã từ thân thích, đến xin xuất gia trụ chùa Kiến An, cách núi Ngũ đài về phía Tây nam hơn trăm dặm. Sau đó, đến chùa Kỳ Hoàn thọ giới, thường trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp chính. Nghe nói: “Có Sa-môn Đạo Siêu không có hạnh nghiệp gì riêng, chỉ ở lâu tại chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài hơn hai mươi năm chẳng ra khỏi cửa núi. Sau đó qua đời sinh lên nội viện cõi trời Đâu-suất. Khi ấy, người trời bảo Đạo Siêu rằng: “Ông ở dưới nhân gian không có hạnh nghiệp gì riêng, chỉ tụng kinh Pháp Hoa, nương năng lực cảnh giới của Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên được sinh lên cõi trời này, ông hãy trở lại nhân gian tiếp hóa bốn bộ giúp họ nghe biết”. Ngài Đạo Siêu y theo lời ấy, chẳng xả bỏ báo mạng cõi trời, xuống báo với mọi người ở nhân gian”. Sư Pháp không nghe như thế, bèn tư duy sinh khởi tâm niệm ít có khó gặp nên phát nguyện, sau đó đến trụ viện Tam Tuyền ở phía Tây bắc chùa Hoa Nghiêm, trước vừa đến trong rừng gặp được một ông lão nói với Pháp Không rằng: “Ngươi nương náu ở đây tu hành Diệu pháp, chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị cao siêu. Nói xong, thì không thấy nữa, Pháp Không biết đó là Đại thánh mách bảo, buồn khóc rơi lệ, bèn nương viện ấy riêng lập riêng am tranh, ở đó giũa mài ba nghiệp, sớm tối chẳng biếng lười, chỉ giữ lấy y phục đắp mặc trên thân, còn tất cả mọi thứ bảo đệ tử vào cúng thí đại chúng. Pháp Không bảo rằng: “Ta đến nương ở đây, được Đại Thánh dạy bảo chỉ cho bốn chữ “Diệu Pháp Liên Hoa”, khai mở tri kiến Phật, thanh tịnh không nhiễm, đại chúng mỗi người hãy tự cố gắng, không được để luống qua!”. Nói xong bèn thị tịch, vẫn ngồi thẳng như lúc còn sống. Chúng trà-tỳ thâu nhặt xá-lợi có hơn ngàn viên, bốn chúng chia nhau cúng dường.

***9. Thích Diệu Liên chùa Tổng Nhân ở Đại Châu:***

Thích Diệu Liên, thường có tâm từ bi cứu giúp mọi vật, trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp chánh. Sư nói với các bạn rằng: “Tôi

dùng sức lực tụng kinh, sinh vào nội viện Đâu-suất muốn gặp đức Từ Thị, nguyện ước ấy có thành đạt chăng?". Các bạn đều đáp: "Rất có thể được! Trong kinh nói "Nếu người thọ trì đọc tụng, đến lúc qua đời sẽ được sinh lên cõi trời Đâu-suất ở chỗ Bồ-tát Di-lặc". Phật đâu có nói dối?". Sư càng siêng năng cần hành trì tinh tấn, phúng tụng kinh Pháp Hoa chưa hề ngơi nghỉ. Đến lúc ngoài bảy mươi tuổi, cảm bệnh nhẹ chóng khởi, Sư mời các bạn đến, cùng nói rằng: "Tôi bị bệnh nhẹ chẳng lấy làm đau khổ. Hiện có Đồng tử ở cõi trời đến đón rước, có Hóa Phật trao tay". Nói xong bèn thị tịch, thân hình vẫn ngồi thẳng như lúc sống, ba ngày sau tỉnh lại, nói rằng: "Tôi nương năng lực trì tụng kinh Pháp Hoa, được đến nội viện của Bồ-tát Di-lặc ở cõi trời Đâu-suất, các vị trời khen ngợi rằng: "Ông ở cõi Diêm-phù tụng kinh Pháp Hoa, do công đức ấy tự đến cõi trời này phụng kính thấy Đức Từ Thị diệu tướng tôn, nghe pháp sớm khế hợp, không thối nhẫn, nghe kệ sinh tâm vui mừng!". Bồ-tát Từ Thị bảo rằng: "Ông ở nhân gian, nhờ năng lực trì tụng kinh Pháp Hoa nên được sinh lên cõi này, các vị trời ở cõi này phần nhiều là những người sống trong Di pháp của Đức Thích-ca mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói biên chép kinh Diệu Pháp Liên Hoa nên được như vậy. Ông hãy sớm trở lại nhân gian dắt dẫn bốn chúng đệ tử, giúp họ được nghe biết, dần trì tụng kinh Pháp Hoa, tiêu trừ các tội lớn, lấy đó bù đắp vào các khuyết hạnh để sinh lên cõi trời!". Khi đó, tôi bạch với Bồ-tát rằng: "Lấy gì làm chứng cho đồ chúng đáng tin nhận?". Bồ-tát liền xoa huân hương vào tay tôi. Vì nhân duyên ấy nên nay tôi sống lại". Khi đó, từ bàn tay Sư mùi hương ấy tỏa khắp cả một châu, các môn nhân đều lấy làm tin. Sư nói lời ấy rồi, không bao lâu bèn thị tịch. Môn nhân xây tháp ở phía Đông bắc của chùa, tôn trí di thân Sư, nơi giảng pháp còn thoảng mùi huân hương như xoa xác vào tường vách, ba ngày về trước mùi hương chẳng tan hết. Đó là chỗ hiện thấy nghe.

***10. Thích Tuệ Sinh ở chùa Chân Tịch, thời Tiền Đường:***

Thích Tuệ Sinh, theo học Đạo với Sa-môn Tuệ Như, bởi từ trí tuệ sinh ra nên gọi là Tuệ Sinh. Sư theo Tuệ Công giảng nói về tướng của các địa ngục, và thấy vết chân lầm lỗi của mình nên rất kinh sợ về đời sau, Sư chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, bèn trọn một ngày một đêm không động, như vào thiền định. Đại chúng đều lấy làm lạ mà bảo rằng: "Sư Tuệ Như nhập Tam-muội suốt bảy ngày không dao động, bị vua Diêm-la thỉnh mời, ở đây chắc cũng như thế". Đến sáng hôm sau, Sư mở mắt, buồn vui lẫn lộn, nước mắt đầm đìa. Chư tăng hỏi: "Vì sao

vừa buồn vừa vui như thế?”

Sư đáp: “Tôi bỗng thấy hai người mặc y phục mầu đỏ, dung nghi đẹp đẽ, áo the quần lụa phục sức mới đẹp, nói là: “Chúng tôi do vua Diêm-la ở Phủ Quân Thái Sơn sai đến thỉnh sư”. Và liền bảo tôi lên cưỡi con ngựa trắng, chỉ chốc lát đã đến chỗ vua, từ tòa mà xuống tỏ vẻ cung kính đến bên chỗ ngồi, vua nói với tôi rằng: “xưa Sư có chỗ chắc chắn thọ nghiệp địa ngục. Nghiệp địa ngục đó tức là cha mẹ ông vì ông mà giết hại các vật heo, dê, ngỗng, vịt, v.v... tuy chẳng phải chính ông tự giết hại, nhưng bởi nghiệp ác nên phải chịu quả báo. Lại nữa, vào thời ông còn là Sa-di mạo phạm sử dụng tăng phần, oai nghi không điều độ. Tội ấy thật là vô lượng, nên đáng đọa vào địa ngục. Nay nhờ năng lực trì tụng kinh Pháp Hoa nên tội ấy tiêu hết, sinh trước chư Phật mười phương. Nhưng vì muốn giúp cho biết được chỗ nghiệp ấy, và muốn tất cả đều được nghe biết về quả báo nghiệp ác và cốt yếu diệt tội nên thỉnh Sư đến chốn địa ngục để được nhìn thấy chỗ chịu tội”. Vua bèn sai Sứ giả dẫn đường, tôi bèn theo kẻ Sứ mà đi thẳng đến phía Đông, có một tòa thành lớn, cách bốn, năm dặm, lần lượt có tất cả ba mươi hai thành lớn, đó là thành của địa ngục, đang lúc xem xét tướng chịu khổ của chúng sinh trong mỗi thành, liền đi thẳng đến trước, vào trong một thành lớn, thấy có xe sắt, ngựa sắt, trâu sắt, lừa sắt, lửa dữ phừng phực, sừng lông của trâu đều như mũi nhọn, lông trên mình ngựa tợ như móc nhọn giẫm đạp lên người tội. Trong đó có vô lượng vị Sa-môn chịu khổ, Sứ giả bảo rằng: “Các Sa-môn này không mến tiếc tương lai chỉ ham lấy danh lợi ở hiện tại, trái phạm tịnh giới Phật chế, chứa để các vật bất tịnh, cưỡi xe vọt ngựa, v.v... thọ nhận sự cúng dường của người có tín tâm nên phải bị quả báo như thế”. Lại lần lượt đến trong một thành, có các thứ cày sắt, thuổng sắt, như mũi nhọn bày trải khắp trên đất, lại có sắt quấn vào mình người tội, lửa nóng cháy rực, trong đó có năm trăm vị Sa-môn chịu khổ. Sứ giả bảo rằng: “Các Sa-môn này xưa kia mặc y phục thế tục, chẳng mặc pháp y nên chịu tội khổ nặng nề như thế”. Kế lại đến một ngôi thành khác, ngục tốt rưới nước đồng vào miệng, khắp mình người tội đều cháy tiêu tan, có năm ngàn vị Sa-môn chịu tội khổ ấy. Sứ giả bảo rằng: Các Sa-môn ấy xưa kia không biết thọ hưởng giáo pháp Bốn đế của Tam bảo, chỉ cầu thọ vật của tín thí, nên chịu tội nặng như thế. Ở trong ba mươi hai thành lớn, nếu chỉ thọ sự cúng dường của tín thí, chẳng dùng cành dương tưới tẩy, chẳng dùng nước thơ, ấm nóng để tắm gội, rảo bước đi trong nhân gian, tự tay xúc chạm kinh Phật, nếu phạm bốn tội trọng, không biết đầy đủ, ngủ chung với người thế tục qua

đêm, giẫm đạp lên tòa của thầy, nằm dưới bóng râm mát của tôn tượng Phật, hoặc dùng tiền hay ruộng đất gieo trồng vật lợi, tự tay làm ra thức ăn, chỉ tự mình thọ hưởng, không cho người khác. Hoặc tay bất tịnh có lấm thứ dơ bẩn, xúc chạm nam căn, nữ căn, móng tay dơ uế, tự tiện cầm quyển kinh. Hoặc chân không sạch đi lại trên đất Phật đất Tăng, cưỡi xe phi ngựa, rảo bước khắp cùng cửa chùa. Hoặc mang giày dép bước lên nhà xí mà không cởi bỏ rồi lại đạp lên đất Phật đất Tăng, vào cảnh linh tháp. Hoặc uống rượu ăn thịt mà tự nói là không có tội báo. Hoặc tay cầm nắm cung tên, hoặc thầy trò đều sân hận, tranh giành sống trong oan tưởng. Hoặc trích lấy quả trái của chúng Tăng để tự mình ăn, không cho người khác. Hoặc dẫn đồ chúng rảo bước trong nhân gian tự xưng là tịnh nhân, hoặc chẳng đắp mặc pháp y ca-sa mà vào xóm làng. Hoặc tâm sinh khởi oán tắng mà đi khất thực uống ăn, hoặc nói pháp bất tịnh, hoặc thân thể hành dục mà vào chùa đảnh lễ tôn tượng chư Phật. Những người tội như thế đầy khắp trong đó. Xem các chỗ chịu tội xong, tôi về lại chỗ vua, vua nói: "Nếu ông không thể thọ trì kinh điển Đại thừa để diệt tội, thì sẽ chịu các thứ khổ ấy. Lại còn có vô lượng địa ngục, đó chỉ là phần nhỏ của một nơi thôi. Nghe nói vậy nên buồn vui lẫn lộn, giác ngộ mà thôi!".

Khi đó, chúng tăng nghe Sư nói lời ấy rồi, tâm ý khiếp sợ như giẫm đạp dao sắt, các thứ buồn vui đều tin theo đại điển, cho đến những người thấy nghe, siêng năng tu hành chẳng phế bỏ. Từ đó về sau, người trì tụng đông như rừng, để làm phép tắc.

***11. Thích Đàm Nghĩa ở Tinh Châu:***

Thích Đàm Nghĩa, là người xứ Tinh Châu, xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa Thập Lực, giữ vững giới luật, vất bỏ tất cả mọi việc ở thế tục, khổ tiết tu hạnh đầu-đà, thường ở tại núi Ngũ đài, nguyện nương tựa Đại sư Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, sách tấn tu hành thắng nghiệp. Mỗi ngày trì tụng kinh Pháp Hoa hai biến, đọc kinh Hoa Nghiêm một pho, lấy đó làm việc thường. Tu nhân như thế chứa nhóm nhiều năm. Về sau, Sư cùng đệ tử là Sa-môn Đàm huấn đi khắp các Đài, nhân đến Nam Đài, thấy một vị Tỳ-kheo-ni đọc tụng kinh điển, trong miệng phát ra ánh sáng, Sư đã phát nguyện tụng kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tinh thành cảm thông, từ miệng tỏa phóng ánh sáng, trong ánh sáng ấy tùy theo âm vận mà hóa Phật xuất hiện. Đến lúc qua đời, Sư nói lại đầy đủ việc ấy, chỉ riêng tự mình biết rõ, người khác chẳng thể thấy được, lời nói ấy thật có chứng nghiệm.

### *12. Thích Thanh Tuệ núi núi Tam Tổng ở Tề Châu:*

Thích Thanh Tuệ, Sư là đệ tử của Sa-môn Thích Thanh Linh chùa Tuệ Nghĩa ở Tử Châu. Sư theo thầy đến núi Tam Tổng ở phía Bắc chùa Linh Nham, ở đó trong nhiều năm.

Sau khi ngài Thanh Linh thị tịch, Sư cũng phát nguyện vì các chúng sinh mà chịu đựng mọi thứ khổ trong ba đường ác mà trì tụng kinh Pháp Hoa, với ngôn từ Sư nói rằng: "Tất cả chúng sinh xoay vần làm cha mẹ lẫn nhau, từ tối vào tối, cùng nhau chẳng nhận biết ân sâu, nguyện nhờ năng lực tụng kinh mà sớm được lìa khổ, chứng giải thoát hoàn toàn". Từ ngày rằm háng 07 niên hiệu Trường An năm thứ nhất (701) đến tháng giêng niên hiệu Thần Long năm thứ nhất (705) thời Tiền Đường, suốt năm năm, Sư tinh chuyên trì tụng, không hề đổi thay ý chí, chưa được cảm ứng, Sư buồn khóc than rằng: "Đại sư Thanh Linh thâm tâm phát nguyện vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường ác mà thọ trì kinh Kim Cương, Bát-nhã, trong vòng hai mươi mốt ngày chóng được cảm ứng. Nay tôi suốt năm năm tinh thành mà không chứng nghiệm, tiếc rằng chẳng gặp một như người ấy để bàn việc nhân duyên lớn, mất chứng nghiệm của Nhất thừa". Mặt mắt Sư đổ máu, buồn khóc sám tạ. Vào ngày 15 tháng giêng niên hiệu Thần Long năm thứ nhất (705), bỗng nhiên dường như cảm mộng, thấy một ngôi thành lớn, rộng mỗi bề khoảng năm sáu dặm trang nghiêm kỳ lạ, cờ phướn quý báu, treo bày khắp cùng, trong đó có người ngồi giường vàng đội mũ ngọc, tay phải cầm phất trần màu trắng mà ngồi, nghĩa là vua. Lại có hai tòa bằng bạc để trống. Lúc Sư sắp vào thành thì đồng đi với đồng tử, người cõi trời. Vua thấy Sư và Đồng tử nên từ tòa bước xuống tỏ vẻ rất cung kính, thỉnh Sư ngồi xuống tòa vàng, Sư bèn lên tòa báu, Đồng tử ngồi trên tòa bạc. Vua ở dưới đất theo phương thức người Hồ mà quỳ và thưa rằng: "Đại sư vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường mà trì tụng kinh Pháp Hoa rất hợp với ý Phật. Chỉ là trước khi xưa Tiên sư (Thanh Linh) vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường trì tụng kinh Kim Cương, nên được phong thả nhiều người tội nhẹ, nay không còn một người nào, cho nên trải qua năm năm các chúng sinh nhận chịu quả khổ đã theo nhóm tập bất luận là tội nặng nhẹ, đều vì Đại sư mà phóng thả". Và nói với Đồng tử cùng đến xem các chỗ chịu khổ. Đồng tử liền đứng dậy nắm tay Sư dẫn đến xem thành quách, không hề thấy một người nào. Sư tự hỏi: "Vì sao không có người?".

Đồng tử đáp: "Bởi nương theo nguyện lực trì tụng kinh của Đại sư nên tất cả chúng sinh đều được sinh lên cõi trời. Trong đây có một

người, Đại sư thấy chăng, người ấy phỉ báng tâm nguyện Đại sư chính là Ưu-bà-tắc Diêu Thông”.

Sư bảo: “Người có phỉ báng còn được không lui sụt, đâu thể giữ lại không cho sinh lên cõi trời ư?”.

Theo tiếng Sư nói liền không còn trông thấy. Sư về lại chỗ vua trình bày việc ấy. Sau khi giác ngộ, Sư tự nói nhân duyên ấy. Công đức tụng kinh thì mình và người đề được cứu giúp như thế.

*13. Vương Cốc ở quận Kiến Đức:*

Vương Cốc, người ở quận Kiến Đức, làm chức Hoàng Long Quốc Thủ, mà mọi khí vật trong kho lại đều bị hao hụt mất hết, đáng chịu tội chết, oán nghĩ hao sút chẳng phải do mình cất giáu mà tội không thể trốn lánh, bèn dốc lòng trì tụng kinh Quán Thế Âm một ngàn biến, các thứ gông cùm trên thân đều bị đứt hết, mọi người cho là ít có.

*14. Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp trụ chùa Đại, ở Trường An:*

Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp, họ Ly, người ở xứ Trường An, thuộc Kinh Triệu. Thân mẫu Sư họ Mẫn. Ban đầu mộng thấy một vị tăng Ấn-độ cầm ba cành hoa sen trao cho và nói rằng: “Cho ngươi hạt giống tốt, nên khéo léo giữ gìn”. Do đó mà có thai, đến lúc sinh ra đặt tên là liên Hoa. Khi tuổi dần lớn, cô không vui thích ở nhà, tình ý muốn được xuất tục. Năm mười hai tuổi, được người chị dạy cho học kinh Pháp Hoa, mở bày kinh nhìn thấy văn tự dường như đã có tập học từ xưa, mỗi ngày tụng tám trang giấy, chưa đầy một tháng thì tụng thuộc lòng trọn bộ. Mọi người khen ngợi đức hạnh ấy, bèn gọi tên là Diệu Pháp. Diệu Pháp đối trước Phật, đốt hương lập thệ nguyện trì tụng tám ngàn biến, và tụng thuộc lòng cả kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Phổ Hiền Quán, mộng thấy ba cành hoa há chẳng phải việc ấy ư? Đang trong đêm tỉnh lắng trì tụng, tiếng tụng của Diệu pháp vang xa hơn trăm dặm, mọi người ở khắp xa gần đều nghe mà tiếng không lớn không nhỏ. Khi đã nhập Đạo, chí tiết càng vững chắc. Đến lúc qua đời, Diệu Pháp bảo đồ chúng rằng: “Đức Phổ Hiền hiện ở trước ta, an ủy tâm ta, các vị thầy bạn đến đón rước, ta sẽ được vãng sinh Tịnh độ”. Nói xong, bèn thị tịch, nơi tòa mọc ra ba cành sen trắng như lúc mọc trong hồ, qua bảy ngày mà hoa chẳng héo rụng, mọi người nhìn thấy đều cho là điềm ít có.

*15. Ngu Lâm Thông ở Lạc Châu, thời Tiền Đường:*

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba (629) thời Tiền Đường, Ngô

Lâm Thông phát tâm muốn trì tụng kinh Pháp Hoa, vì duyên tục bao vây lao nhọc, phần nhiều đều chẳng xưng bổn ý, do bị bệnh nên qua đời, bỗng có sáu vị minh quan vây quanh trước sau dẫn đến chỗ một cửa thành lớn. Bên cạnh thấy có một vị tăng tự bảo rằng: "Ta là Dược Vương, ngươi phát nguyện tụng kinh mà chẳng xứng ý đến nỗi phải chết, hãy nên tụng một bài kệ". Và dạy cho đoạn văn rằng: "Thường tự suy niệm, làm sao khiến cho tất cả chúng sinh được vào Đạo Vô thượng, chóng thành tựu thân Phật". Bồ-tát trao kệ rồi, lại bảo rằng: "Nếu tụng kệ ấy, thì sẽ có khả năng biến địa ngục thành ao hoa sen, hay chuyển đổi các thứ khổ khí làm thành cảnh giới thân Phật. Phải nên cố gắng chớ lãng quên đó!". Lâm Thông bèn tụng đọc thuộc rành, liền đi vào trong thành thấy vua. Vua hỏi: "Người này có công đức gì chăng?".

Đáp: "Không tu điều lành nào khác, chỉ tụng một bài kệ".

Vua hỏi: "Kệ ấy như thế nào?". Lâm Thông liền cất tiếng tụng, đến chỗ "những người chịu tội đều được giải thoát, mười tám địa ngục, biến thành ao sen".

Vua bảo: "Thôi! Thôi! Không cần phải tụng nữa. Hãy sớm trở về nhân gian".

Trải qua hai ngày sau thì Lâm Thông sống lại, kể rõ nhân duyên ấy. Tăng Tường tôi đích thân được thấy nghe việc đó.

### *16. Tả Giám Môn Hiệu Úy ở Bằng dực Lý Sơn Long:*

Lý Sơn Long trì tụng kinh Pháp Hoa hai quyển, để làm nghiệp lành. Trong niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường bị chết đột ngột, trên trái tim không lạnh khoảng như bàn tay, người nhà không nỡ tẫn liệm sớm, qua bảy ngày sau sống lại, Lý Sơn Long tự nói rằng:

"Lúc chết bị qua địa phủ bắt, dẫn đến sảnh của một quan tào, mọi việc ở đó rất hoành tráng, sân ở đó cũng rộng lớn. Trong sân, người tội có đến hàng ngàn, hoặc bị gông cùm, hoặc bị xiềng xích đều xoaymặt về hướng Bắc mà đứng đầy trong sân. Quan lại dẫn tôi đến dưới sảnh, thấy Thiên tào ngồi trên tòa cao, có người đứng đầu như vua. Tôi hỏi quan lại: "Ấy là quan gì?".

Đáp: "Đó là vua".

Tôi đến dưới thềm cấp, vua hỏi: "Lúc còn sống ngươi tu tạo phước nghiệp gì?".

Tôi đáp: "Người xứ tôi mỗi lúc lập trai hội giảng pháp, tôi thường cúng thí vật đồng chung trong đó".

Vua hỏi: "Còn chính tự thân ông tu tạo nghiệp Thiện gì?".

Tôi đáp: “Tụng kinh Pháp Hoa hai quyển”.

Vua bảo: “lành thay! Hãy bước lên trên thềm”.

Khi tôi đã bước lên sảnh, ở phía Đông Bắc có một tòa cao như tòa giảng”. Vua chỉ vào tòa và nói với tôi rằng: “Hãy lên trên tòa ấy tụng kinh”.

Tôi lên tòa xong, vua mới ngồi xoay hướng về đó. Tôi bắt đầu tụng: “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm tựa thứ nhất”. Vua bảo: “Thôi, thỉnh Pháp sư xuống”. Tôi liền ngưng và xuống tòa, lại đứng dưới thềm cấp, nhìn sâu thì thấy các người tù đều hết, không còn một người nào ở đó nữa. Vua nói với tôi rằng: “Phước đức của ông tụng kinh, chẳng những tự lợi, mà còn khiến cho tất cả người tù trong sân đều nhờ nghe kinh mà được thoát, há chẳng tốt lành sao? Nay thả ông trở về lại”.

Tôi bái tạ từ giã và đi được vài mươi bước, vua gọi trở lại và nói với quan cai ngục rằng: “Nên dẫn người này đi xem các cửa ngục”.

Quan cai ngục liền dẫn tôi theo hướng Đông đi hơn trăm bước, thấy một ngôi thành sắt rất rộng lớn phía trên có phủ kín thành ấy, bên cạnh có nhiều của sổ nhỏ, hoặc lớn như bồn nhỏ, hoặc như chén bát, thấy có người nam nữ từ đất bay vào trong cửa sổ, mà chẳng thấy trở ra. Tôi lấy làm lạ hỏi, cai ngục trả lời rằng: “Trong địa ngục lớn này có nhiều phân cách, phạt mỗi mỗi đều khác nhau, các người ở đây đều tùy theo bổn nghiệp mà vào địa ngục chịu tội”. Nghe thế, tôi buồn sợ và liền xưng niệm: “Nam-mô Phật!” Quan cai ngục mời tôi ra đến ngoài cứu viện, thấy một chiếc vạc lớn lửa dữ tuôn trào, bên cạnh có hai người đang ngồi ngủ, tôi hỏi hai người ấy đáp rằng: “Tôi bị tội báo vào trong vạc ấy, may nhờ Hiền giả xưng Nam-mô Phật mà tất cả các người tội trong ngục đều được một ngày ngưng nghỉ, vì quá khổ nhọc nên nằm ngủ”. Tôi lại xưng niệm “Nam-mô Phật”. Quan cai ngục nói với tôi rằng: “Các quan phủ phần nhiều có một số sửa đổi, nay vua thả ông đi, nên thưa với vua xin sao. Nếu không như thế, sợ các quan khác không biết, lại truy lục ông đó”. Tôi liền trở lại chỗ vua xin sao, vua liền bảo lấy giấy bút viết một hàng chữ giao cho quan lại và bảo rằng: “Vì lấy năm Đạo các thự, quan cai ngục vâng mạng, dẫn tôi trở lại qua hai quan tòa, mỗi mỗi đều có sảnh sự và cùng có người hầu vệ như trước, đến sai quan cai ngục đều lấy tên của quan thự ấy, viết một hàng và giao cho tôi. Tôi cầm đi ra đến cửa, có ba người bảo rằng: “Vua thả ông có thể chẳng xin tặng chúng tôi v.v...”. Tôi chưa mở miệng nói thì quan lại nói với tôi rằng: “Vua thả ông chẳng do ba người ấy là kẻ sứ trước kia ghi lục về ông, một người là bổng chủ sẽ dùng gậy đánh vào đầu ông, một

người là thằng chủ sẽ dùng dây mầu đỏ trói ông và một người là Đại chủ sẽ dùng đãy hút khí ông, thấy ông được về lại nên xin mọi vật". Tôi lo sợ cảm tạ ba người ấy rằng: "Thật kẻ ngu tôi không biết các ông, xin đến nhà sẽ đầy đủ mọi vật, nhưng không biết nên đến xứ nào để đưa tặng đó". Ba người ấy bảo rằng: "Hoặc đến bên cạnh dòng sông, hoặc dưới cây đại thọ mà đốt". Tôi hứa vâng, và kẻ quan lại đưa tôi về đến nhà, trông thấy mọi người thân quyến đang khóc lóc lo sắm sửa mọi thứ để tẩn liệm. Tôi vào nhà, đến bên cạnh thi thể mình thì liền sống lại". Ngày hôm sau, Sơn Long cắt giấy làm tiền bạch và sắm các thứ rượu, vật thực tự dưa đến bên bờ sông đốt tặng, bỗng thấy ba người đến cảm tạ rằng: "Nhờ ông chẳng mất niềm tin nên lại ban tặng cho mọi vật". Hổ thẹn nói lời chúc tụng xong thì không thấy nữa. Sơn Long càng thêm tin tưởng, trì tụng trọn một bộ, lấy đó làm hạnh nghiệp thường. Và tự đến nói với Sa-môn Tăng Biện, chủ chùa Đại Tổng Trì và mọi người, v.v... về việc ấy. (Xuất xứ từ Cảm Thông Lục quyển hạ Pháp Uyển quyển 21, và bên cạnh có một ứng nghiệm xuất xứ từ Minh Báo ký).

***17. Sa-môn Đạt-ma-bạt-đà người nước Quy-tư:***

Sa-môn Đạt-ma-bạt-đà, Hán dịch là Pháp Hiền, Sư là người nước Quy-tư, bẩm tánh thông minh, rành suốt Tam tạng. Có biết sơ qua một số ngôn từ của nước ngoài, tự sinh tâm cống cao, lấn lướt hủy nhục chúng tăng theo pháp Đại thừa. Bấy giờ, có Sa-môn Tuần Lễ tên là Tu-lợi-da tụng thông sáu ngàn bài kệ kinh Pháp Hoa, không thoát pháp, nên đối với Sư luận bàn về sự trì tụng thấu đạt chỗ sâu mầu, Sư liền cho rằng Ba tạng là sự cạn cợt, bèn quy tâm hướng về Đại thừa, theo ngài Tu-lợi-da trì tụng thấu đạt kinh Pháp Hoa, cứ một ngày năm biến lấy làm hạnh nghiệp thường. Vì thần Dạ-Xoa kính pháp gìn giữ người này, lại mỗi đêm nơi thảo phường phát ra ánh sáng khác lạ. Có người cho là mất lửa, nên đến đó hỏi Sư, Sư đáp: "Bốn vị Đại thiên vương lần lượt đến gìn giữ nên phát ra ánh sáng". Đến lúc sắp tịch, Sư bảo đồ chúng rằng: "Xưa kia tôi chấp giáo pháp Tiểu thừa là cùng cực như chấp lấy ngói đá làm vàng, vật báu, nay vui sống trong kinh Pháp Hoa được vàng thật. Do suốt ba năm chuyên trì tụng nên được thấy Bồ-tát Phổ Hiền, vào được chánh vị, được dự ghi không lui sụt. Các ông phải chuyên trì tụng kinh ấy, mong đạt được chánh vị không vượt quá ba đời". Và liền ghi chú Di thư mà thị tịch, như nhập vào Thiền định, bèn xây tháp báu trên di thân của Sư, giữa lúc mùa hạ mưa rất lớn mà nước mưa không thấm ướt vào tháp, các loài chim bay liệng đều không đến gần bên cạnh

tháp. Mọi người thấy nghe đến lễ bái cúng dường, đông đúc như chợ. (Xuất xứ từ Ngoại Quốc ký).

***18. Thích Tăng Trí ở Kim Thành:***

Thích Tăng Trí, giới hạnh Sư rất thanh khiết, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa lấy làm hạnh nghiệp thường. Sư vốn không có răng, phát nguyện phúng tụng, mộng thấy một vị tăng Ấn-độ cầm cành dương chỉ vào nơi nướu răng. Khi thức giấc trong miệng răng mọc đầy đủ. Sư lại lên trên tháp cổ tụng kinh, thân thể mệt nhọc bèn nằm ngủ, nên từ trên tháp rơi xuống, chưa đến đất, lưng chừng giữa khoảng không có người hứng lấy, không tổn hại mảy may. Sư hỏi người đó là ai? Người đó đáp: "Tôi là Tỳ-Sa-môn, nếu người nào thọ trì kinh Pháp Hoa, tôi đều gìn giữ cho". Sau đó, Sư sang Tây Vực, không biết cuối cùng Sư mất ở đâu.

***19. Thích Tuệ Đạt thời Đông Tấn:***

Thích Tuệ Đạt, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp chánh. Niên hiệu Long An năm thứ ba (398) đời Đông Tấn, Sư đi theo hướng Bắc, đến Lũng thượng đào cam thảo, bấy giờ rợ Khương rất đói khát, bắt người ăn thịt, ngài bị rợ Khương bắt được giam vào trong ngôi nhà lớn. Trong đó có lắm người bị giam, rợ Khương lần lượt chọn các người béo tốt mà ăn trước. Sư nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm và trì tụng phẩm Phổ Môn. Rợ Khương ăn thịt mọi người đã hết, chỉ còn lại mình Sư và một đứa bé, định lần lượt ăn. Vào lúc sáng sớm, Sư lễ tụng vừa xong, rợ Khương muốn lại bắt để ăn, bỗng nhiên thấy một con hổ từ trong cỏ tuôn ra gầm gừ rượt đuổi, khi đó rợ Khương đua nhau bỏ chạy, may mắn được bình an, Sư dẫn đứa bé ấy về lại chỗ cũ. Nhờ năng lực trì tụng kinh mà cảm được Bồ-tát Quán Thế Âm ứng thời cứu vớt.

***20. Người phụ nữ góa họ Dương ở thành Trường An:***

Người phụ nữ góa họ Dương, từ thuở thiếu thời mất cả cha mẹ, đến tuổi trung niên lại chịu tang chồng, chỉ một mình sống góa bụa, đã nhàm chán vô thường, lại chán ghét thân nữ, nên theo thầy hỏi Đạo, được thầy trao truyền cho phẩm "Đề-bà" trong kinh Pháp Hoa, bèn siêng năng trì tụng, trong một năm liền tụng thầm được, suốt ngày đêm không mỏi mệt, mộng thấy tự thân mình ngồi trong hoa sen đọc tụng kinh. Đến lúc thức dậy thưa với thầy. Thầy bảo: "Trong kinh nói rằng: "Từ hoa sen hóa sinh là việc ấy". Người nữ ấy lại càng chuyên cần chí

khí, lại mộng thấy tự thân chóng trở thành trượng phu (tướng nam) có trăm ngàn quyến thuộc vây quanh, bèn đem việc ấy thưa với thầy. Thầy bảo: “Đầy đủ tướng trượng phu là mộng biểu thị cho tướng ở tương lai. Điều nguyện của ngươi chắc chắn không chướng ngại”. Người nữ ấy tín tâm trinh thuần thanh khiết phát nguyện: “Cầu nguyện cho cha mẹ và cùng các bạn thân nương theo công phu trì tụng kinh mà đều được thoát khổ”. Lại mộng thấy cha mẹ, người chồng và các bạn thân đã qua đời đến mách bảo rằng: “Chúng tôi nhờ nương ân đức của người mà được ngồi tòa hoa sen”. Người nữ ấy lại đem điều mộng thưa với thầy. Thầy bảo: “Những người ấy nương theo năng lực trì tụng kinh của người mà được cảnh Tịnh độ đón rước”. Người nữ ấy vui vẻ nói: “Con cũng không ưa thích dục lạc, nguyện hồi hướng những việc lành của thân này về cảnh giới Cực Lạc, sinh trước chư Phật mười phương”. Văn không chọn lựa Tây phương, phát nguyện đêm ngày trì tụng kinh. Đến lúc qua đời thưa với thầy rằng: “Các bạn thân của con và Bồ-tát Quán Thế Âm đã đến đón rước”. Đợi thầy nói xong, liền thị tịch. Có tiếng âm nhạc nhỏ nhiệm nghe vang xa ngoài huyện, xông hương ít có. Mọi người nương theo người phụ nữ góa ấy mà trì tụng một phẩm “Đề-bà” có rất nhiều. Cho nên ở Trường An với bản xưa không có phẩm ấy, chẳng xét viết chép, công phu cùng như Đại bộ phẩm cho nên như vậy.

### *21. Sa-môn Thích Pháp Đạo:*

Thích Pháp Đạo, trì tụng kinh Quán Thế Âm lấy làm hạnh nghiệp thường. Lại nhàm chán sự ổn náo huyên tạp, nên Sư vào núi du hành tụng kinh, bỗng gặp bọn giặc. Và nghĩ rằng, bọn giặc gặp phải Thích Tử là điều không lành. Bọn giặc kéo cung tên bắn Sư, muốn buông mà mủi tên cứ dính chặt vào cung, chẳng thể buông lung. Bọn giặc bèn quy mạng, ném bỏ cung tên dưới đất, cũng chẳng thể được, như là Thần nhân, v.v... Bèn vất bỏ mà chạy trốn. Thiền nhân được thoát nạn.

### *22. Hai vị tăng ở Bắc Đạo, thuộc Tương Châu, đời Tùy:*

Tại Bắc Đạo, ở Tương Châu, có hai vị tăng, mất tên gọi, Đạo bạn bè, có lợi cắt vàng làm thất mà ở, một người chuyên trì tụng luận Thập Địa, một người chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa. Giữa đêm thanh vắng, hai người ngưng tụng, bảo nhau rằng: “Trong hai người chúng ta, nếu ai chết trước thì nên báo mọi sự có không trong nhân quả để cùng nhau được biết”. Sau đó vài năm, vị tăng chuyên trì tụng luận Thập Địa bị bệnh mà tịch trước, trải qua thời gian lâu mà không trở về mách báo.

Vì tình bè bạn nên vị Tăng chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa ngày đêm buồn khóc, hận sao chậm đến báo, bèn mộng cảm vị ấy đến báo rằng: "Tôi vì tâm công cao phân biệt hơn kém, tuy tụng luận Thập Địa mà không nghĩ đến mọi sự khổ vui của đời sau. Vì tâm thô lậu ấy nên bị Diêm-la Pháp Vương cho ở trong nhà tối, như gánh chịu tội ấy, dứt trừ tội cống cao hơn người khác mới sinh về Tịnh độ. Ông nghĩ nhớ đến tôi mà trì tụng kinh phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu vào nhà tối làm cho tôi được mát mẻ và dứt khổ, không bao lâu nữa sẽ được lìa khổ. Còn Đạo bạn hữu xa đượm đến đời sau, tôi vui mừng mong được ông làm thiện tri thức, sao ông hận tôi ư? ba năm sau, Ông sẽ sinh về Tịnh độ. Xin vì tôi mà trì tụng trăm bộ kinh để chóng được sinh về Tịnh độ, sẽ lại đón rước thần thức ông". Sau khi tỉnh giấc, vị Tăng chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa liền tắm gội sạch sẽ, đắp pháp y mới sạch, chuyên trì tụng một trăm bộ kinh. Lại mộng thấy vị Tăng trì tụng luận Thập Địa đến báo rằng: "Nhờ nương theo ân đức của ông mà tôi đã được vãng sinh về Tịnh độ, ba năm sau, tôi sẽ đón rước ông, mong chớ phế bỏ hạnh nghiệp trì tụng kinh". Sau khi thức giấc vị tăng trì tụng kinh Pháp Hoa nói lại việc ấy với chư tăng.

***23. Hai vị Tăng chùa Thắng nghiệp ở Tây kinh, thời tiền Đường:***

Thích Tuệ Ước và Thích Thọ Quả, hai Sư đều xuất gia từ thuở thiếu thời, cùng trụ chùa Thắng Nghiệp ở Tây kinh. Suốt ba năm duỗi khoanh chăm lo việc trị tuế trong kho. Bỗng nhiên vào một đêm tháng năm bị minh quan dẫn đến diện kiến vua Diêm-la. Vua hỏi: "Lúc còn sống các ông làm những hạnh nghiệp gì?". Ngài Tuệ Ước đáp rằng: "Tụng kinh Pháp Hoa được ba - bốn quyển". Vua chắp tay cung kính nói rằng: "Nên thả trở về!". Và sai người dẫn đi xem các nơi chịu khổ. Vừa theo hướng Tây nam đi đến một cửa thành lớn. Ở mặt phía Bắc thấy có một dãy phòng dài, dùng bảng làm tường, hai phía Đông-Tây đang làm lỗ như lỗ gông cùm chẳng khác, trong lỗ đều có đầu chư tăng thường xuất hiện. Có Sa-môn Đại Lượng, người ở cùng chùa tuy thân còn sống mà đầu đã xuất hiện trong lỗ. Vừa thấy hai ngài (Tuệ Ước, Thọ Quả) liền kêu gào kinh hãi chẳng thể diễn tả hết. Sa-môn Đại Lượng đang lo việc xem xét, sửa sang ba tôn tượng lớn trong điện, dùng riêng vật sửa tượng nên bị truy nhiếp. Bên cạnh mỗi lỗ đều có ngục tốt, hình tướng rất đáng khiếp sợ, cầm dao nhọn đâm thọc, máu me chảy vãi, ngục tốt đặt đầu bảo sống, thì đầu trở lại chứng ngộ trong lỗ. Cứ như thế với thời gian không bao lâu mà trải qua ba mươi lần. Tiếp đi

đến theo hướng Tây lại thấy chỗ chịu tội giết hại ăn thịt, có vô số chúng tăng bị cắt xẻo chém chặt, vang tiếng kêu gào khó chịu nổi, các chúng sinh bị giết hại trước kia đều đến đòi mạng, chia nhau uống máu ăn thịt. Lại thấy Sa-môn Trí Cảm là vị chủ chùa và Đô Duy Na A Lục bị trói buộc rất dữ dội, xét đang ăn thịt bởi tội dùng vật của chúng tăng. Hai ngài (Tuệ Ước, Thọ Quả) bỗng nhiên bị đẩy vào trong hầm tối, chỉ phút chốc sống lại, khắp thân mồ hôi nhễ nhại, tâm không tự chủ. Chưa đầy một tháng sau thì Sa-môn Đại Lượng bị chết thình lình cảm chịu khổ mới. Còn Sa-môn A Lục phát tâm sám hối, chẳng ra khỏi cửa phòng, đọc tụng hết thảy kinh tạng, suốt đêm ngày chuyên cần. Có vài lần thấy kẻ sứ minh ty hai người mặc y phục mầu vàng cưỡi con ngựa trắng đến vào phòng A Lục, một người bảo rằng: "Nhờ phát Đại tâm, ngày đêm không xả bỏ, đọc tụng hết thảy kinh, nên sẽ được thả". Phàm có đến ba, bốn lượt như thế, từ đó Sa-môn A Lục và những người thân thấy vậy đều siêng năng sám hối không thôi, bèn được không sao cả (xuất xứ từ Bạch Cảnh Lục).

***24. Trúc Trường Thư thời Tây Tấn:***

Trúc Trường Thư, tổ tiên vốn là người xứ Tây Vực, do nhiều đời chuyên việc buôn bán nên thành người giàu có, định cư ở Tây Trúc. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Khương (291-300) thời Tây Tấn, gia đình dời đến ở Lạc Dương, Trúc Trường Thư kính phụng Phật pháp, tâm ý chí thành, chuyên đọc tụng kinh Quán Thế Âm. Về sau, ở gần đó bị lửa cháy mà nhà của Trường Thư đã bằng cỏ tranh lại nằm ở dưới gió, nghĩ lửa đã bức bách đến gần, nên chuyển đồ vật ra ngoài nhưng không được bao nhiêu, bèn bảo tất cả người nhà không nên chuyển vận đồ vật và cũng không tưới nước để cứu, chỉ nên nhất tâm tụng kinh, trong nháy mắt, lửa đã cháy đến nhà bên cạnh chỉ cách hàng rào nhà Trúc Trường Thư, nhưng gió bỗng nhiên xoay trở lại và lửa cũng dứt hẳn ngay mé nhà ấy. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm linh dị. Trong làng có bốn, năm người niên thiếu khinh thường hiểm nguy cùng dèm pha cười nhạo rằng: "Gặp lúc gió tự đổi hướng, chuyện đó có gì thần bí. Nếu trời hanh khô, tôi châm lửa đốt mà nhà nó không cháy mới là chuyện lạ". Sau đó, đang lúc đất đai đang nóng bức, gió nổi dậy vùn vụt, bọn niên thiếu ấy thầm cùng nhau cầm bó đuốc ném vào trên nhà Trúc Trường Thư, ba lần ném ba lần tắt mất, chúng kinh sợ đều tự chạy về nhà, sáng hôm sau cùng dẫn nhau đến nhà Trúc Trường Thư tự trình bày việc làm hôm qua và cúi đầu tạ tội. Trúc Trường Thư bảo rằng: "Ta không có thần

nào cả, chỉ do sự tụng niệm kinh Quán Thế Âm nên được oai linh cảm giúp như thế. Các ông chỉ nên rửa gột thân tâm kính tin". Từ đó mọi người xa gần trong làng xóm đều kính sợ và lấy làm lạ (trích từ Pháp Uyển quyển 23).

■

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 7

Trong quyển này có hai phần:

**IX. ĐỌC TỤNG DIỆT TỘI:**

1/ Nhân Tôn Tử
2/ Nàng hầu của Tô Trường
3/ Ngạn Võ đời Tùy
4/ Hàn Mục Chi
5/ Thích Tịnh Tạng
6/ Vua Mông Tốn
7/ Thích Tuệ Duyên
8/ Thích Tăng Dung
9/ Tỳ-kheo người xứ Thiên-trúc
10/ Sa-di ở chùa Cù-ma-đế
11/ Đại Thừa Thiên
12/ Nghiêm Kính đời Tùy
13/ Thiếu nữ ở huyện An Cư
14/ Tiểu nữ ở Thái Nguyên
15/ Ni sư Diệu Không
16/ Người nữ ở nhà Cao Thủ Tiết

***1. Nhân Tôn Tử trụ tại Cao Biểu ở Kinh đô:***

Nhân Tôn Tử trụ tại Cao Biểu ở kinh đô, thường đọc tụng kinh Pháp Hoa. Ngày 27 tháng giêng niên hiệu Long Sóc thứ ba (663) thời Tiền Đường, ông cưỡi ngựa đi ra từ cửa Thuận Nghĩa, có hai người cưỡi ngựa đuổi theo và bảo rằng: “Lệnh phải bắt”. Nhân Tôn Tử hỏi: “Ông là ai?” Đáp: “Ta là Sứ giả của Diêm Vương, nên đến bắt người”. Ông khiếp sợ đuổi ngựa chạy ra hướng Tây, muốn vào trong chùa Phổ Quang, kẻ Sứ bảo nhau rằng: “Phải đến chặn đón tại cửa chùa, chớ để

vào trong, nếu vào thì sẽ thoát khỏi". Vừa đến cửa chùa Nhân Tôn Tử thấy có một người cưỡi ngựa đứng chặn ở cửa, nên ông lại theo hướng Tây mà chạy, muốn vào chùa Khai Thiện, kẻ Sứ lại bảo đuổi nhanh đến chặn cửa, do đó, Nhân Tôn Tử bèn từ phía Tây tuôn chạy muốn trở về nhà, sợ đường dài xa mới vào phường Lễ Tuyền, có một người cưỡi ngựa đuổi trước, Nhân Tôn Tử nắm tay đánh, quỷ ấy bèn rơi xuống ngựa. Quỷ đuổi theo sau bảo rằng: Người này rất thô bạo, phải mau kéo nắm đầu tóc kéo xuống đất". Nhân Tôn Tử liền bị kéo tóc ném ra rất xa, toàn thân đau như bị dao cắt Tử kể rằng: "Bị bắt đến Diêm Vương tra hỏi rằng: "Vì sao ông trộm trái cây của chư Tăng? Vì sao nói lỗi của Tam bảo?" Tôi nghe thế cúi đầu nhận tội không dám thốt lời nào. Diêm Vương bảo: "Tội trộm trái cây là phải nuốt bốn trăm năm mươi viên sắt nóng, trải qua bốn năm nhẫn chịu mới hết. Còn tội nói lỗi thì kéo lưỡi ra để cày". Do đó thả cho đi ra, bèn được sống lại thời gian ngắn. Khi trở lại, nơi miệng như nuốt vật, khắp thân thể nóng bừng, có sự khổ sở trói buộc". Qua ngày hôm sau ông mới tỉnh và kể rằng: "Mỗi năm phải nuốt hơn trăm viên sắt nóng, khổ ấy thật khó nói: "Ngày hôm sau nữa cũng giống như vậy, vừa trải qua bốn ngày, nuốt viên sắt nóng cũng hết, bèn muốn kéo lưỡi để cày, nhưng kéo mà không ra, bèn xét lý do mới nói là: "Từng đọc tụng kinh Pháp Hoa nên lưỡi không thể kéo ra, bèn được thả trở về cho sống lại". Nay hiện tại chỗ Sa-môn viên mãn ở chùa Hóa Độ, Nhân Tôn Tử chuyên tâm nghe pháp sám hối.

***2. Nàng hầu của Tô Trường:***

Vào niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, được Đô Thủy Sứ giả cất nhắc, Tô Tường làm thứ sử Kỷ châu, nên dẫn người nhà đến cùng ở chỗ trấn nhậm, vượt qua sông Gia Lục, đang giữa dòng sóng gió nổi dậy, ghe thuyền bị chìm, các nam nữ có hơn sáu mươi người đồng một lúc bị đắm chết. Chỉ có một nàng hầu thường đọc tụng kinh Pháp Hoa, đang lúc nước tràn vào thuyền, nàng hầu ấy đội hòm kinh trên đầu, phát nguyện chìm với kinh. Thế rồi, thuyền đắm mà nàng hầu ấy chẳng chìm, theo gió đưa đẩy nổi trôi, chỉ chốc lát được lên bờ, nàng liền mở xem kinh ấy không hề thấm ướt, dơ bẩn. Số kinh ấy hiện vẫn còn. Dương Châu lấy nàng hầu ấy làm người vợ, càng dốc lòng kính tin (Sầm Lệnh Thuyết nói đó là do nàng hầu ấy tự nói, nhưng ngay lúc gian nguy tự nhiên được lên bờ, người đi thuyền cũng nói như thế).

***3. Ngạn Võ ở Nguỵ Châu, đời Tùy:***

Khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Ngụy Châu Sứ Bác Lăng Thôi Ngạn Võ nhân đi tuần trong quận và đến một làng nọ, ông ngạc nhiên vừa kinh hãi vừa vui mừng, bảo mọi người cùng đi theo rằng: “Xưa tôi từng ở trong ấp này làm một người vợ, nay còn biết chỗ nhà ấy”. Nhân cưỡi ngựa vào theo lối tắt đi quanh đến một ngôi nhà, bảo gõ cửa. Người chủ là một cụ già ra chào hỏi. Ngạn Võ vào nhà đi thẳng lên nhà trên, nhìn trên vách tường ở phía Đông cách đất khoảng sáu, bảy thước có một chỗ cao, Ngạn Võ nói với người chủ nhà rằng: “Xưa tôi trì tụng kinh Pháp Hoa và có năm chiếc thoa vàng đều cất giấu trong vách ấy, kinh trong hộp nơi trang giấy cuối quyển bảy bị lửa đốt cháy văn tự, nên nay mỗi lúc tụng kinh ấy đến cuối quyển bảy tôi thường quên mất không thể nào nhớ được”. Do đó, ông bảo mọi người đục vách tường, quả nhiên có được hộp kinh, mở xem ở cuối quyển bảy và thoa vàng đều đúng như lời Ngạn Võ nói. Người chủ nhà òa khóc nói rằng: “Ngày còn sống, vợ tôi thường đọc tụng kinh ấy và thoa vàng cũng vậy, vợ tôi vì sản nạn mà qua đời, nên không biết để ở nơi nào, nay mới được Sứ quân chỉ bày cho chỗ ấy”. Ngạn Võ chỉ nói cây hòe ở trước sân và bảo rằng: “Lúc tôi gần sinh sản, tự cởi mở đầu tóc, để giữa khoảng trống trong cây ấy. Hãy thử bảo người ra tìm xem”. Quả nhiên có tóc ở trong cây hòe. Do đó, người chủ nhà vừa buồn vừa vui. Ngạn Võ bèn để lại các thứ y vật cấp tặng nồng hậu cho người chủ nhà rồi ra đi (Trích từ Pháp Uyển quyển 26 ghi: Sự ứng nghiệm này trích từ Minh Báo ký).

***4. Hàn Mục Chi người ở vùng Bành thành:***

Hàn Mục Chi, người ở vùng Bành thành, khoảng đầu niên hiệu Thái Thỉ (465) thời Tiền Tống, xứ Bành thành bị chiếm mất. Hàn Mục Chi làm tù binh lưu lạc nên mất người con giữa lúc tao loạn, bị người bắt mất, không biết đang ở xứ nào. Hàn Mục Chi là người vốn kính thờ Phật pháp, do năng lực tinh tấn bèn dốc lòng đọc tụng kinh Quán Thế Âm, muốn đọc một muôn biến mong được gặp lại con. Lại thường lúc được ngàn biến thì liền thiết trai thỉnh tăng cúng dường. Đã được sáu ngàn biến mà không thấy cảm động gì. Hàn Mục Chi bèn than rằng: “Bậc Thánh đâu lẽ không ứng với chúng sinh ư? Đây chỉ bởi tâm ta chưa chí thành cho nên như vậy”. Do đó suốt đêm ngày chẳng cần lường tính số biến, chỉ tự thệ nguyện lấy sự cảm kích làm kỳ hạn. Người con ấy bị định đem bán làm kẻ tớ của người ở Ích châu, hiện bị sai sử làm việc mỗi ngày riêng gom bó cây cỏ, bỗng nhiên thấy một đạo nhân đến hỏi

rằng: "Người có phải là con của Hàn Mục Chi chăng?". Người con ấy liền kinh hãi đáp rằng: "Đúng vậy!". Đạo nhân lại hỏi: "Có muốn gặp lại cha chăng?". Người con ấy đáp: "Muốn thế cũng không được!". Đạo nhân lại nói: "Cha ngươi rất mực tha thiết, nay ta dẫn ngươi trở về nhà". Người con ấy không biết đó là vị thần nên từ chối không dám bằng lòng. Đạo nhân lại bảo: "Không cần gì, chỉ cần nắm lấy góc áo ca-sa của ta thôi". Người con ấy thử nắm lấy, bèn cảm thấy như có người kéo đi, chỉ trong chốc lát mà đến tựa ngoài cửa của một ngôi nhà, đó là chỗ ở mới của Hàn Mục Chi dời đổi lại, người con ấy không biết đó là nhà của cha mình. Đạo nhân không đi vào mà sai người con ấy đi vào. Vào trong thì thấy người chủ nhà đang ngồi tụng kinh, đó chính là cha của người con ấy (= Hàn Mục Chi), nhìn thấy nhau mà chưa rảnh tỏ bày buồn vui, chỉ được kêu là "ngoài cửa có bậc Thánh". Hàn Mục Chi liền chạy chân không mà ra vừa đến cửa thì không còn thấy vị Đạo nhân ấy đâu nữa. Các Đạo tục ở gần xóm chung quanh không ai chẳng kinh lạ trầm trồ.

***5. Sa-môn Tịnh Tạng chùa Bảo Thất ở Ly Châu, đời Tùy:***

Sa-môn Thích Tịnh Tạng, người ở xứ Ly Châu, mất song thân từ nhỏ, bèn xuất gia tại chùa Bảo Thất, nhưng căn tánh ngu đần, chẳng thể đọc tụng kinh điển, ngày đêm than thở, tự hận trách nghiệp đời trước. Lại muốn đọc tụng kinh Pháp Hoa, chỉ ăn dùng rau quả, khổ hạnh tiết chế, theo thầy bắt đầu thọ học kinh, qua nhiều tháng chỉ mới đọc tụng được một phẩm, ngày đêm siêng năng, chẳng ăn ngũ cốc, thân thế sức lực suy yếu, chóng bị chết ngất, thần thức đến chỗ sảnh vua Diêm-la, vua nhìn thấy Sư thì rất vui mừng, mời Sư lên ngôi tòa vàng, vua chấp tay ngợi khen rằng:

*"Lành thay Đại Thích Tử!*
*Tinh tấn tụng Pháp Hoa,*
*Chẳng lâu sẽ thành Phật*
*Lợi ích các chúng sinh."*

Khen ngợi rồi, vua nói với Sư rằng: "Đại sư tuổi thọ chỉ ở ba năm, nghiệp trước đã hết, do nhờ năng lực tụng kinh Pháp Hoa đã tăng đến ngày nay, nghiệp thọ kéo dài, nên thả Đại sư trở về, nên đọc tụng một bộ". Nghe lời ấy, như ngủ mà thức giấc, Sư rơi lệ hối hận. Đã đọc văn ấy, sự tích này, tôi như đích thân được thấy ngài Tịnh Tạng, nghe lại đầu đuôi mà thôi.

***6. Vua Mông Tốn đời Lương:***

Ở đời Lương, Quốc vương Thư cừ Mông Tốn, do nghiệp xưa mà bị bệnh nặng, khốn khổ chẳng dứt, dùng các thứ thuốc để thoa bóp không thuyên giảm, cầu nguyện Thiên thần địa kỳ vẫn chẳng trị lành. Bấy giờ, có Pháp sư Đàm-ma-la-sám hiệu là Bồ-tát Y-ba-lặc đi khắp nơi giáo hóa ở vùng Thông lãnh, bèn đi đến Hà Tây. Vua Mông Tốn nghe có Sa-môn đến bèn thưa hỏi cách trị bệnh, ngài La Sám đáp rằng: "Bệnh của Đại vương thì các thứ thuốc ở Thiên Trúc chẳng thể trị lành, chỉ có thứ thuốc hay tên là Diệu Pháp Phổ Môn, mới có thể bảo đọc tụng". Vua vâng theo lời ấy, liền sai người đọc tụng, bệnh chuyển được lành, do đó vua càng tăng thêm tâm tôn trọng, tự chuyển rút lấy một phẩm kinh Quán Thế Âm thành một quyển biệt tập, từ đó mãi đến ngày nay, thường tương truyền.

***7. Thích Tuệ Duyên ở Dự châu, đời Tùy:***

Thích Tuệ Duyên, là người ở xứ Dự châu, xuất gia từ thuở thiếu thời, chỉ ăn dùng rau trái khổ hạnh, muốn sinh lên cõi trời Đâu-suất, phát nguyện hồi hướng tất cả mọi hạnh nghiệp tu hành về nghiệp ấy, chí ý mong cầu được tận mật thờ phụng Đức Di-lặc từ tôn. Trong suốt mười hai năm không hề ngưng nghỉ, mộng thấy một đồng tử đến bảo với Sư rằng: "Hạnh nghiệp của ông ưa chuộng muốn sinh lên cõi trời Đâu-suất, tuy sinh lên cõi trời ấy mà chẳng thể thờ phụng Đức Di-lặc Đại sĩ. Vì sao? Vì chưa tụng kinh Pháp Hoa. Nếu người thọ trì mười điều lành tuy được sinh lên cõi trời ấy, mà người chẳng thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên chỉ ở phía trời bên ngoài, không được hầu hạ bổ xứ, rồi do nhân duyên mê đắm dục lạc nên rơi lại trong ba đường ác". Nói lời ấy rồi, đồng tử bèn bay lên hư không. Sau khi thức giấc, Sư liền sám tạ tâm nguyện trước, lại theo các vị thầy bạn thọ học kinh, ngày đêm đọc tụng trải qua ba năm, lại mộng thấy vị Đồng tử trước kia đến bảo rằng: "Hạnh nghiệp của ông đã thuần thục, nhưng thọ mạng chưa hết, trước muốn được thấy Bồ-tát Di-lặc, nên theo vào dưới hông tôi, tôi sẽ đưa lên cõi trời vào nội viện, chỗ Bồ-tát Di-lặc cùng các Đại Bồ-tát hiện đang vây quanh giảng pháp". Vừa thấy Sư vào, Bồ-tát Di-lặc liền nói kệ ngợi khen rằng:

*"Lành thay! Đại Thích Tử*
*Đọc tụng pháp Nhất thừa*
*Hiện đời thấy thân ta*
*Qua đời sẽ sinh đây!"*

Nghe lời kệ ấy xong, Sư vui mừng đến nỗi lệ rơi, nhìn khắp trước sau và chung quanh chúng hội có trăm ngàn người đều ngồi trên tòa. Lại thấy có các tòa trông không người rất nhiều, Sư liền hỏi các vị trời: “Vì sao có những tòa trống không người như thế?”. Khi ấy có hai vị Bồ-tát là Thị giả; một vị tên là Pháp Uyển Lâm và một vị tên là Đại Diệu Tướng, liền đứng dậy nói với Sư rằng: “Nên biết các tòa trống ấy là nơi dành cho những người ở trong thời Mạt pháp của Đức Thích-ca Như Lai thọ trì đọc tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sau khi vãng sinh sẽ lên ngồi trên đó, cho nên có những tòa trống không người như thế. Và, Sư cũng sẽ ngồi trong đó. Hạnh nghiệp của Sư quá tinh diệu nên ta đến đón rước. Đồng tử ông thấy trước kia đâu phải là người nào lạ mà đó chính là Đại Diệu Tướng tôi đây. Ông mau trở lại nhân gian, nói cho mọi người nghe biết việc này, chuyển đọc kinh giáo Đại thừa, mười hai năm sau, xả bỏ thọ mạng, ông sẽ lên nơi này thọ giáo”. Lại bảo theo Đồng tử trước mà trở xuống. Thức giấc, Sư rất vui mừng, nói việc ấy cho các bạn bè, mười hai năm sau, tự nhiên không bệnh mà Sư thị tịch, có mây mầu tím phủ khắp hư không, mọi người đều cho là điềm lành.

***8. Thích Tăng Dung chùa Đông Lâm ở Cửu Giang đời Lương:***

Thích Tăng Dung, sống vài đầu đời Lương, trụ chùa Đông Lâm ở Cửu Giang. Sư dốc chí trầm lắng rộng khắp, chuyên du hóa là việc chính, Sư đọc tụng kinh Pháp Hoa, trụ tại Lô Sơn, riêng lúc nghỉ qua đêm, trời có mưa tuyết, lúc vừa mới ngủ, thấy có binh lính quỷ, loại ấy rất nhiều, trong đó có quỷ tướng mang áo giáp cầm mũi nhận, thân hình kỳ lạ tướng trạng cao lớn, có mang đến một chiếc giường người Hồ, bèn ngồi xổm trước mặt Sư, gằn sắc mặt lớn tiếng bảo rằng: “Vì sao Ông cho là quỷ thần không có linh ứng? Hãy mau kéo xuống đất”. Các quỷ định ra tay thì Sư trầm lặng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm không dứt tiếng, liền thấy phía sau giường có một vị tướng trời thân cao một trượng thân mặc áo kép, quần cụt bằng da mầu vàng, tay cầm chày Kim Cương định đánh. Bọn quỷ bèn kinh hãi chạy tan, các thứ áo giáp mũ trụ đều nát như bụi phấn. Lại nữa, Sư từng ở tại Giang Lăng, chuyên tâm đọc tụng, cảm Bồ-tát Phổ Hiền đến dạy rằng: “Ông đọc tụng kinh Pháp Hoa, tội tánh dần tirêu diệt, chỉ trong ba đời chắc chắn thấy được chân tâm, không biết về sau Sư đến ở xứ nào (xuất xứ từ Lương Cao Tăng truyện).

***9. Tỳ-kheo tu hạnh A-lan-nhã ở xứ Thiên Trúc:***

Xưa, ở tại xứ Thiên trúc có vị Tỳ-kheo tu hạnh A-lan-nhã đọc tụng kinh điển Đại thừa. Vua nước đó thường trải tóc dưới đất để Sư giẫm lên đi qua. Cóvị Tỳ-kheo khác nói với vua rằng: “Người này là Ma-ha-la chẳng đọc tụng nhiều kinh, vì sao cúng dường lớn như thế?”. Vua bảo: “Vào nửa đêm một hôm nọ, ta muốn thấy vị Tỳ-kheo ấy, bèn đến chỗ vị ấy ở, thấy vị Tỳ-kheo ấy đang ở trong hang đá đọc tụng kinh Pháp Hoa, thấy có một người thân hình phát ra ánh sáng vàng ròng cưỡi trên voi trắng, chắp tay cúng dường. Ta dần đi lại gần, liền biến mất. Ta liền hỏi vị tỳ-kheo ấy: “Vì sao ta đến thì hình tướng người phát ra ánh sáng vàng ròng ấy liền biến mất?”. Vị Tỳ-kheo ấy đáp: “Đó tức là Bồ-tát Biến Cát. Bồ-tát Biến Cát tự nói: “Nếu có người đọc tụng kinh Pháp Hoa thì ta sẽ cưỡi voi trắng đến, chỉ dạy dẫn dắt cho”. Vì tôi đọc tụng kinh Pháp Hoa nên Bồ-tát Biến Cát tự đến. Bồ-tát Biến Cát chính là Phổ Hiền (xuất xứ từ luận Đại Trí Độ).

***10. Vị Sa-di chùa Cù-ma-đế ở nước Vu-Điền, xứ Thiên-trúc:***

Ở nước Vu Điền có một ngôi Già-lam tên là Cù-ma-đế tức là chùa Đại thừa. Ở đó có ba ngàn vị tăng cùng tu tập chung, thường đánh kiền-chùy mà thọ trai. Bấy giờ, có vị Sa-di chuyên lo làm lụng mọi việc tuổi vừa mười sáu, cũng có một Ni-Kiền-Tử giỏi về chiêm đoán các tướng, thấy vị Sa-di ấy bèn bảo rằng: “Năm nay ông mười sáu tuổi, mạng sống chỉ còn được một năm, tuy có xả thí tất cả các thứ y bát để cúng dường cũng không thể kéo dài tuổi thọ!”. Sa-di nghe nói buồn rầu, Thượng tọa cũng thương xót nên bảo tu tạo nghiệp lành cho đời sau, dạy trì tụng kinh Pháp Hoa, mà vị Sa-di ấy căn tánh ám độn, không biết văn tự, nên Thượng tọa rút chỗ quan trọng trong kinh lấy hai phẩm: “Phương Tiện” và “Thọ Lượng” trao cho bảo đọc tụng. Vị Sa-di ấy chuyên tâm đọc tụng. Về sau, vị Ni Kiền Tử gặp lại vị Sa-di ấy sinh tâm ít có, hỏi rằng: “Ông tu công đức gì?”. Vị Sa-di ấy đáp: “Tôi mới đọc tụng hia phẩm trong một bộ kinh”. Vị Ni-kiền-tử khen rằng: “Năng lực của kinh điển Đại thừa, thật chẳng thể nghĩ bàn. Chuyển đổi từ tuổi thọ chỉ mười bảy trở thành bảy mươi!”. Bèn xuất gia vào ở chùa, tập học đọc tụng kinh điển Đại thừa. (Xuất xứ từ Tây Quốc truyện)

***11. Sa-môn Ma-ha-diễn-đề-bà nước Câu-tát-la ở Thiên-trúc:***

Bên cạnh tinh xá Ái Đạo xưa ở nước Câu-tát-la có vị Sa-môn tên là Ma-ha-diễn-đề-bà; đời Tần dịch là Đại Thừa Thiên. Bấy giờ, có vị

A-la-hán chứng đắc Ba Minh sáu thông thấu suốt rốt cùng là bạn thân cũ của Sư, nói với Sư rằng: "Tôi thấy phía trên ở ngoài thành Xá-vệ giữa hư không có một con quỷ đói thân hình to lớn tướng trạng xấu xí, tự nhiên có mười hai viện sắt nóng vào trong miệng, thẳng qua xuống dưới, đã qua rồi trở lại vào miệng, khắp thân thể nóng đốt, đau đớn xoay chuyển, té ngã rồi đứng dậy, đứng dậy rồi lại té ngã". Tôi liền hỏi: "Ông do tội gì mà đau khổ như thế?". Quỷ dói đáp: "Đời trước tôi làm Sa-di cho Đại Thừa Thiên, bấy giờ gặp lúc quá đói kém, phải làm bánh bột để ăn, tôi làm thức ăn cho chúng Tăng, riêng coi trọng Đại Thừa Thiên nên lén cất mười hai phần, định ăn sau. Vì tội ấy nên chịu làm thân quỷ đói, khổ độc như thế này, ông có biết chăng?". Sư đáp: "Thật có việc ấy", "Chịu khổ đâu có nghi gì?". Sư hỏi: "Vậy phải dùng cách nào để cứu khổ ấy?". Vị A-la-hán bảo: "Nên y theo ông mà khởi tu hạnh nghiệp. Ông đọc tụng kinh điển Đại thừa". Ngài liền theo lời dạy bảo của vụ A-la-hán mà đọc tụng các kinh Bát-nhã, Pháp Hoa, Ban Châu, v.v... mỗi thứ mười biến, hồi hướng công đức cứu khổ cho quỷ đói ấy. Sau đó, Sư lại hỏi vị A-la-hán ấy: "Sa-di trước kia khổ như thế nào rồi". Vị A-la-hán ấy đáp: "Tôi nhập định quán sát thấy biết quỷ đói ấy nương năng lực tụng kinh của ông nên sau khi chết được sanh lên tầng trời thứ hai (như trước).

***12. Nghiêm Kính ở Dương Châu đời Tùy:***

Nghiêm Kính, người ở xứ Dương Châu, gia đình rất giàu có, nhưng không con để nối dõi. Nghiêm Kính quy kính chánh pháp, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp thường. Về sau, sinh được một đứa con trai, vừa ba tuổi bị sốt nên mắt mù. Nghiêm Kính dạy cho học phẩm "Thọ Lượng" nhưng đứa con ấy chẳng thể thọ trì, chỉ mới đọc được đề mục của phẩm kinh, ngoài ra không có việc gì khác. Lại gặp lúc tao loạn, Nghiêm Kính bèn đào một cái hang ở trong nhà, cấp cho các thứ ăn mặc và giấu đứa con ở đó mà bỏ đi. Đến lúc bình an, giặc tan. Ba năm sau, Nghiêm Kính mới trở về nhà thì phòng nhà đều đổ nát, rường cột đổ ngã, bỗng nghe phía dưới có tiếng nói nhỏ nhiệm, bèn nhớ lại đứa con bị mù mắt, vội mở hang ra, thấy đứa con sắc da beo tốt tròn đầy, hai mắt lại tỏ sáng, buồn vui lẫn lộn mà hỏi về nhân duyên. Đứa con ấy bảo: "Tôi thọ trì phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa, có một người cưỡi voi trắng đến phát ra ánh sáng và dạy trao truyền cú đậu, mới đầu đọc tụng một phẩm được sáng mắt, nên giúp cho trọn bộ". Sau đó Nghiêm Kính bèn không thấy đứa con đâu nữa, bèn sinh khởi ý niệm

ít có, chí thành đọc tụng kinh rất thông thuộc, như nhiều năm thọ trì, tôi (Tăng Tường) gần gũi nghe biết điều đó.

### *13. Dạng nữ ở huyện An Cư:*

Các cô gái họ Dạng phát tâm đọc tụng kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, tay xoa các thứ hương thơm mới chạm vào kinh, miệng ngậm các thứ hương thơm mới đọc tụng kinh. Người mẹ của cô Dạng bị bệnh, Dạng đọc tụng liền hết bịnh. Giữa lúc đang đêm lắng lặng, hướng về ánh đèn để đọc tụng kinh, bỗng có mùi thơm lạ tỏa đến, có Dạng tinh thành suốt mười hai năm, nữ căn bèn biến mất, nam căn sinh khởi, Dạng nữ kín đáo chẳng nói với người. Đến lúc qua đời có một cành hoa sen mọc bên cạnh trên đầu, mọi người đều cho đó là biểu thị của cảnh giới Tịnh độ.

### *14. Cố gái nhỏ ở Đại Nguyên:*

Ở Đại Nguyên có một cô gái nhỏ, cha mẹ chịu khổ nên qua đời, tình người dần khởi phát nên nghĩ nhớ đến cha mẹ, bèn theo Ni Sư Chân Diệu thọ học phẩm Dược Vương, suốt ngày đêm đọc tụng, cầu nguyện hướng niệm về cha mẹ, bèn cảm mộng có vị Sa-môn đến bảo rằng: "Ngươi đọc tụng một phẩm trong kinh Pháp Hoa, nhờ nhân duyên tốt đẹp ấy mà cha mẹ ngươi được sinh về Tịnh độ". Cô gái mới xuất gia siêng năng hành trì tinh tấn, thọ trì trọn cả một bộ kinh Pháp Hoa, đến nay hiện vẫn còn.

### *15. Ni sư Diệu Không ở Tầm Dương:*

Ni sư Diệu Không ăn dùng rau quả mặc áo giấy, chuyên đọc tụng kinh Pháp Hoa, ngoài ra không thọ một câu kệ kinh gì khác, thường nguyện sinh về cảnh giới Cực Lạc, lại thấu hiểu Tam-muội niệm Phật. Đến lúc qua đời, có mây mầu tím bủa khắp phòng, mùi thơm lạ lan tỏa cả huyện. Về sau có vị đệ tử Ni mộng thấy bảo rằng: "Tôi suốt một đời thọ trì kinh Pháp Hoa, được sinh về thế giới Cực Lạc ở Trung phẩm thượng sinh, nếu như gồm cả giải nghĩa thì hẳn sinh ở Thượng phẩm thượng sinh.

### *16. Người nữ ở nhà Cao Thủ Tiết ở Tinh châu, đời Tùy:*

Gia đình Cao Thủ Tiết nhiều đời tin thờ Phật pháp, trong nhà có một cô gái mắc bệnh, bèn dạy đọc tụng kinh Pháp Hoa, bệnh tật liền được tiêu trừ, về sau người nữ ấy xuất gia làm Ni Cô, thấy người bị bệnh hủy, liền dạy đọc tụng kinh Pháp Hoa, không lâu bệnh được tiêu trừ.

Lại thấy người bị bệnh câm, đọc tụng kinh cho nghe, bèn vui mừng mà đi. Sau được chỗ đáng nghe, lại thấy người mắc phải bệnh sốt rét, nghe tiếng đọc tụng kinh, liền được khỏi bệnh. Người nữ ấy do sự tinh thành mà được sự cảm thông như thế. Không biết việc về sau thế nào?

**X. BIÊN CHÉP CỨU KHỔ: (Phần 1)**

1/ Diêu Hưng đời Hậu Tần
2/ Sa-môn nước Ba-la-nại
3/ Thiện tín nữ ở nước ngoài
4/ Bạn đồng học với Trúc Pháp Toại
5/ Thích Đạo Tuấn
6/ Sa-di ở chùa Linh Quang
7/ Kết duyên viết kinh ở Việt Châu.
8/ Thích Pháp Phong
9/ Thích Tăng An
10/ Thích Trí Diễm
11/ Thích Nghĩa Triệt
12/ Nàng hầu góa bụa thời Tiền Đường
13/ Tư Mã Lý Thông
14/ Tư Mã Sở Tuyên Tông
15/ Người phụ nữ họ Trần
16/ Lý Kiện An đời Đường.

***1. Diêu Hưng đời Tần.***

Diêu Hưng húy là Chiêu Văn Đô Thường An, dưới thời vua An Đến (Tu Mã Đức Tông 397-405) thời Đông Tấn, có Pháp sư Cưu-ma-la-thập người xứ Thiên Trúc, đến Thường An vào mùa Đông niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ ba (400) thời hậu Tần, Diêu Hưng kính lễ rất hậu, thỉnh vào vườn Tiêu Dao riêng quán an đặt, ban sắc Sa-môn Tăng khế, nhóm họp các vị Sa-môn có hơn tám trăm mười vị để cùng học hỏi yếu chỉ ở ngài La-thập. Đến niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ tám (405), ở trong chùa Đại Thảo Đường dịch hoàn tất kinh Pháp Hoa, bảo các Sa-môn Tăng Huệ, Đạo Dung giảng kinh Pháp Hoa bản mới dịch. Rất tôn kính Phật pháp, nên Tần Chủ (Diêu Hưng) phát nguyện rằng: "Thập Công đặt bút viết kinh, nơi đầu bút phát ra ánh sáng, trong ánh sáng thấy có hóa Phật và Bồ-tát Văn-thù, mới biết có cảm ứng ở xứ này". Vua bèn tự cầm bút viết kinh, kiêm cứu độ vong thân, nêu ở bên cạnh viện phiên kinh tạo lập riêng một tịnh thất, dùng bảy thứ báu để trang nghiêm

trong thất, rưới nước thơm khắp cùng, và cũng dùng nước ấm nóng thơm để tắm gội. Ngày mồng 08 tháng 03 niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ tám (405), vua bắt đầu viết, mới viết tựa đề kinh, liền phát ra ánh sáng năm mầu, viết được hai quyển, vua mộng thấy ở tịnh thất thoáng rộng trang nghiêm như Tịnh độ, phát ra ánh sáng vàng ròng trong đó. Trong ánh sáng ấy thấy vong thân vui mừng nói kệ rằng:

*"Lành thay Thánh vương*
*Tự tay soạn kinh*
*Nương công đức ấy*
*Sinh lên Đao lợi*
*Đến ngày cúng dường*
*Sinh cõi thứ tư*
*Phụng sự Di-lặc*
*Nghe pháp ngộ giải".*

Khi thức giấc ở ở tịnh thất ấy vua tạo xong một bộ kinh Pháp Hoa. Qua đến ngày 15 tháng giêng niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ chín (406) ở chùa lớn, vua thiết trai cúng dường ba ngàn vị tăng, ngài La-thập ngồi trên tòa cao bảo rằng: "Đãy da dơ uế chẳng xả bỏ, bên trong chứa đựng vàng ròng, mở rộng đại nghĩa, mưa hoa động đất khắp bốn phương, nhóm họp, hơn chín muôn người đồng một lúc gieo trồng nhân Phật thừa, tâm của muôn thừa, Tôn tam Mật giáo, Diêu Hưng đã ôm ấp linh ứng, tôn kính Phật pháp soi trước thấm sau".

***2. Vị Tăng ở nước Ba-la-nại:***

Xưa, ở phía Nam nước Ba-la-nại có Liên Sơn, rộng thoáng không một bóng người, vào trong hang sâu tối thẳm, rắn độc rồng dữ, đầy khắp trong đó. Những người lạc đường vào hang sâu ấy cả mười người chẳng còn được một, hai người. Bấy giờ, ở nước Câu-diệm-di có một vị tăng du học, chí khí kính mến Đại thừa, muốn tìm cầu bản Phạm, nghe ở thế tục nói là "trong cung vua ở thành Ba-la-nại có bản kinh Pháp Hoa". Vị Tăng ấy liền sắm sửa các thứ y phục, lương thực, qua đường hiểm trở, một mình tìm đi. Đến ngày, thẳng hướng Tây mà đi, ban đêm dừng nghỉ trong Liên Sơn. Nửa đêm bỗng thấy có ánh sáng mầu xanh, dần dần hiện ra một con rồng lớn nhiễu động trên núi, soi chiếu mặt đất đi lại há mồm, hướng về vị tăng ấy. Vị tăng sinh tâm sợ hãi nghĩ rằng: "một đời luống qua, chẳng toại được bổn hoài, nên dùng công đức Đại thừa để cứu khổ cho rồng độc". Liền hỏi rồng rằng: "Ngươi muốn ăn thịt ta phải chăng?". Rồng đáp: "Ta do quả báo tuôn nhả khí độc, mọi

người trông thấy, kinh sợ mà chết, chứ ta không hề có tâm hại. Thân trước của ta từng làm Sa-môn, vì thường nghĩ nhớ phẫn độc, chẳng thực hành chánh đạo, bởi tội ấy nên phải chịu thân hình xấu xí, có tám mươi bốn ngàn con trùng nhỏ rúc rỉa ăn thịt thân ta, đau khổ thật không thể chịu nổi, ông nên bố thí lòng từ bi để cứu khổ này giúp ta!". Vị tăng hỏi: "Phải cứu bằng cách nào?". Rồng đáp: "Tạo kinh Pháp Hoa", và liền dâng cúng hạt châu thần minh nguyệt. Vị tăng nhận hạt ngọc, liền ra đến thành Ba-la-nại dâng lên vua. Vua nhóm họp những người viết chép tài giỏi, tu tạo hai bộ kinh Pháp Hoa, đều dùng lụa trắng để chép, xong rồi trao cho vị tăng. Vị Tăng trở về đến Liên Sơn, khắp cả núi hôi thối chẳng thể đến gần. Bấy giờ, có vô số người trời đến núi ấy, nên hương thơm cõi trời tỏa ngát trong đó, mùi hôi thối bèn tan biến. Vị tăng ấy hỏi vị trời, vị trời đáp rằng: "Tôi là rồng độc ở núi này. Tôi cúng thí ngọc quý, Đại sư mới tạo kinh, nhờ đó, tôi thoát khổ, sinh lên cõi trời, nay trở lại cúng dường bổn thân và muốn báo đáp ân đức của Đại sư!", liền trao cho vị Tăng ấy ba viên châu ngọc rồi biến mất. Vị Tăng ấy về lại nước mình, xây dựng tháp báu để thờ bộ kinh. Các vị trời thường đến cúng dường tháp kinh. (Xuất xứ từ Tây Quốc truyện).

***3. Vị Thiện tín nữ ở nước ngoài:***

Xưa, ở nước ngoài có một Thiện tín nữ phát nguyện dùng lụa trắng để chép kinh Pháp Hoa, qua một mùa hạ mới xong, mang đội thọ trì trên đầu, đi đến nước khác nghỉ lại qua đêm trong một ngôi chùa, trì tụng một phẩm "Dược Vương" và buồn khóc mà nằm ngủ. Đến tàn đêm thấy thân mình thay đổi thành tướng trượng phu. Chúng tăng trong chùa lấy làm lạ mà bảo rằng: "Hôm qua là thân người nữ đến đây, vì sao sáng nay lại là thân tướng trượng phu?". Thiện tín nữ đáp: "Trước kia thân nữ, nay là thân nam, chỉ có một thân nhờ phát nguyện thọ trì kinh cho nên như vậy". Cả chúng không tin nên hỏi lại: "Ngươi là con gái của ai, ở xứ nào?". Thiện tín nữ đáp rằng: "Tôi là trưởng nữ của Bà-la-môn Thiện Sinh ở nước ngoài, khi đang ở tại quê nhà tu tạo kinh này, cất bút mực trong cây cột ở góc phía Đông, lại ở trong rêu bỏ vào một thẻ vàng và một gói ngọc. Nếu không tin thì hãy đến ngôi nhà ấy, sẽ biết rõ mọi sự hư thật". Chư Tăng liền sai kẻ sứ đến xét hỏi, quả nhiên đúng thật như lời nói, cha mẹ của Thiện tín nữ cùng nhìn thấy bèn sinh ý niệm ít có nên xả thí nhà để làm chùa, đặt tên là chùa Trượng phu.

***4. Vị Tăng đồng học với Sa-môn Trúc Đàm Toại:***

Sa-môn Trúc Đàm Toại, không rõ là người xứ nào, thuở thiếu thời Sư vân du buông lung, chẳng tu giới hạnh mà cao ngạo tự ỷ lại, đến lúc trưởng thành lại gian giảo hèn kém, hoặc chỉ một lời đến nỗi khiến trái phạm, nhiều năm chứa nhóm tâm sân nhuế, mọi người lớn nhỏ ở chung chùa không ai chẳng gặp phải sự tức giận ấy. Trong một đêm nọ, mộng thấy có một người đến bảo rằng: "Ông sẽ làm thần miếu Thanh Khê". Về sau, bị bệnh, đến lúc sắp qua đời, Đàm Toại nói với người bạn đồng học rằng: "Lúc bình thường tôi có lắm sự trái nghịch, ít điều chất thật, lại vì phước đức mỏng cạn, sẽ làm quỷ thần chủ miếu Thanh Khê. Các thầy có duyên hãy xót thương mà hỏi!" Sau khi Đàm Toại qua đời, quả nhiên nơi miếu nghe có thần mới. Các Đạo nhân đến miếu cùng nhau trò chuyện, tiếng vang nói cười như lúc bình thường, bèn thỉnh chư tăng đọc tụng kinh Pháp Hoa, có Sa-môn Tuệ Cận xưa thường đọc tụng, do đó làm số khế cho, thường xin ngâm trầm, cũng liền xướng Bồ-tát mà buồn chẳng dằn nổi, đều vì đó mà rơi lệ. Nhân đó nói: "Ngày nay phải chịu thân hình xấu ác, vô cùng hôi thối, khốn khổ quá lắm, khó có thể nói, dưới ngạch cửa phòng xưa của đệ tử có năm ngàn đồng tiền, hãy lấy đó tạo phước, ngõ hầu dứt được khổ ấy!" nói rồi bèn giã biệt. Tăng chúng trong bạn đồng học tạo cho ba bộ kinh Pháp Hoa, thiết trai sám hối. Nơi miếu bèn vắng bặt không có dấu vết thần. Nên biết nương vào năng lực viết kinh mà được lìa khổ, vãng sinh về cõi tịnh.

***5. Thích Đạo Tuấn ở Tề Châu:***

Thích Đạo Tuấn, họ Vương, chẳng chuyên tu giới hạnh, chỉ chuyên tạo điền nghiệp, chứa nhóm vải bố lụa quyên, thêu thùa đầy đến cả muôn kế mà tham tiếc keo lận, chẳng thể xả bỏ chừng đầu sợ lông. Về sau, bỗng nhiên bị bệnh nặng, nơi chỗ bí ẩn tiện lợi chẳng thông, thân mạng sắp dứt. Ở trong chùa ấy có một vị Pháp sư đến giảng pháp cho nghe, tâm Đạo Tuấn có phần khai ngộ, bèn xả thí một phần ba tài vật cúng thí khắp các chùa. Cúng thí vừa xong, cơn bệnh ấy liền thuyên giảm, khi bệnh đã đỡ, qua vài ngày xem xét lại trên gác thấy mọi vật không có, mới nghĩ nhớ đến của cải, Đạo Tuấn bèn phát cuồng chuyên gọi giặc rằng: "Chư tăng ở các chùa đến cướp tài vật của ta". Các vị đồng bạn can ngăn nhưng Đạo Tuấn vẫn không tỉnh ngộ. Pháp sư ấy mới bảo khắp các chùa chư tăng trả lại tài vật. Đạo Tuấn thấy vậy kêu tiếng mới thôi. Sau đó, chỉ trong vài ngày, căn bệnh xưa tái phát, khốn khổ càng lắm, lại thỉnh Pháp sư cầu cứu hối cải, Pháp sư quở trách dẫn dắt

khiến bỏ tâm niệm san tham, lại cúng thí các vật trước. Bệnh lại được lành. Khi đã lành, Đạo Tuấn nhớ tiếc tiền của vải vóc lụa là, thường nghĩ nhớ sân hận. Vài ngày sau bèn qua đời. Lúc chết mắt sưng lớn như cái chén, khắp thân hình biến thành mầu đỏ như quỷ, Pháp sư thương xót mà bảo rằng: "Ngu thay, cố tham tiếc của cải, sa đoạ vào loài quỷ đói, dù trải qua trăm ngàn kiếp cũng chẳng thể thoát khỏi. Của cải lại hại ba đời, lời nói ấy thật đúng!". Liền dùng tất cả mọi vật có được của Đạo Tuấn sung vào việc biên chép mấy mươi bộ kinh Pháp Hoa, cũng cúng thí ở các chủa để chú nguyện. Xong rồi, Pháp sư ấy mộng thấy Đạo Tuấn mặc áo nạp mà không có mùi hôi thối mà nói rằng: "Tôi ngu tiếc của cải, bị đọa lạc chịu khổ trong đường quỷ. Từ nay được chuyển thành tốt đẹp, nhờ Đại sư xả thí tài vật của tôi để chép kinh Pháp Hoa nên tôi lìa khổ được vui."

***6. Vì Sa-di chùa Linh Quang ở Tề Châu, thời Tiền Đường:***

Chùa Linh Quang ở Tề Châu có một vị Sa-môn già, không rõ tên hiệu, tịnh tu giới hạnh, thường trì bình bát bằng đất, suốt hơn mấy mươi năm không hề sai bảo người khác bưng hầu. Về sau, vì có công việc vội gấp mới nhờ vị Sa-di tẩy rửa bình bát ấy, Sa-di sa làm rơi bể bình bát. Vị Sa-môn già ấy kinh hãi kêu thất thanh, rất mực nuối tiếc, bèn nằm mà chết. Các đệ tử bèn an táng ở chỗ hoang vắng. Qua vài ngày sau, vị Sa-di ấy cùng chư tăng đến chỗ phần mộ, thấy một con rắn lớn từ phía sau phần mộ bò ra quấn quanh vị Sa-di từ dưới chân lên đến đỉnh đầu và cúi đầu nhìn xuống như sắp muốn ăn nuốt, chư tăng kinh hãi than thở mới chú nguyện rằng: "Có chuyên chỉ bở một cái bình bát, keo lận mến tiếc độc hại sân nhuế đến nỗi khi chết phải làm thân rắn, chẳng hối cải lỗi lầm xưa trước, lại muốn nuốt ăn giết hại đệ tử, tội lớn ấy do nghiệp gì mà như vậy?", mới nói rộng mọi sự thiện ác, vì đó mà sám hối, phát nguyện giây lâu, rắn mới nhả khỏi thân mà đi. Vị Sa-di ấy chết ngất, kinh hãi cả tuần mới tỉnh, về tạo một bộ kinh Pháp Hoa, đến chỗ phần mộ vị Tăng ấy mà cúng dường. Về sau, thấy con rắn ấy đã chết, nên biết đã sửa đổi quả báo mà thôi. (ba truyện trên đây xuất xứ từ Cảnh Lục).

***7. Kết duyên viết kinh ở Việt Châu:***

Niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười bảy (518) thời Nam Lương, theo luân ngôn của vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550), thì mỗi châu huyện đều tu tạo kinh Pháp Hoa. Bấy giờ, ở việt châu đồng tu tạo kinh và đem

đến chỗ Đạo tràng Quán Âm, muốn cúng dường. Trong châu ấy có một lão mẫu tên là Thần mẫu, tà kiến lớn mạnh, không tin Phật pháp, nghe loan báo khắp cùng kết duyên luân chỉ, trong lòng buồn khổ, muốn ẩn núp dưới miếu. Sứ giả đến báo ngoài cửa, thần mẫu bèn đóng cửa ẩn núp, nằm trong lòng gỗ. Khắp châu huyện mỗi nhà đều chép kinh cúng dường. Hơn một tháng sau, thần mẫu tự cho rằng: “Việc cúng dường đã qua, nên ra khỏi miếu mà trở về nhà”. Giữa đường gặp phải Sứ giả ở Đạo tràng đi đến, bèn kinh sợ bỏ chạy nên vấp ngã dưới đất chết ngất, qua nửa ngày sống lại trở về nhà, rơi lệ mà nói với mọi người ở gần rằng: “giữa đường tôi bị chết ngất, thấy có bốn vị quan mặc y phục mầu đó cưỡi ngựa trắng rượt đuổi tôi mà quở trách rằng: “Ngươi là người tà kiến, không tin nhân quả, phỉ báng kinh Phật không ứng nghiệm, không thấy không nghe, Đại Vương sai chúng ta đến vời gọi ngươi”. Liền dẫn bộ theo hướng Đông Bắc đi hơn năm mươi dặm, đến chỗ một tòa thành lớn. Trong thành có sảnh vua, vua cầm phất trần trắng, ngồi nhìn tôi rồi tỏ vẻ tức giận nói rằng: “Kẻ nữ ngu si rất ác”. Khi đó, tôi nghiệm biết lúc còn sống, bèn hối hận việc không ghi chép kinh Pháp Hoa. Vua bỗng nhiên mỉm cười bảo: “Ngươi đã bỏ tà khởi sinh chánh tín, mạng sống vẫn chưa hết, phải về lại nhân gian tu thiện dứt ác”. Răn bảo vậy rồi, tôi ra khỏi thành về lại đường cũ và liền được sống lại”. Mọi người nghe thế vui buồn lẫn lộn, thần mẫu bèn xả thí các thứ của cải, ghi chép hai bộ kinh rồi đến nơi Quán Âm đổ thất mà giảng nói, bèn phát tâm xuất gia làm Ni, tên là Diệu Công.

### *8. Thích Pháp Phong ở thời Tiền Tống:*

Thích Pháp Phong, họ Trúc, người ở xứ Đôn Hoàng, đến nước Quy tư xây dựng một ngôi chùa, mọi việc đều hoàn tất, bấy giờ do đó mà đặt tên là chùa Pháp Phong, trải qua thời gian lâu chuyên làm chủ chùa, hơi khởi sinh ý tưởng ỷ lại công sức của mình, nên rút lấy từ trong ra rất trái với châm chước, liền giảm bớt thức ăn của Chúng tăng, khiến không được đầy đủ châu toan. Lâu sau, bèn qua đời, Pháp Phong đọa trong loài quỷ đói, thường ở nơi chùa viện, từ đầu hôm đến gần sáng rảo quanh các phòng, kêu than đói khổ. Có đệ tử là Sa-môn Bảo Tuệ nghe than nói rằng: “Thật là tiếng của thầy ta!”, do đó mà hỏi Pháp Phong đáp: “vì xén bớt thức ăn của chúng tăng nên ta phải làm thân quỷ đói, đau khổ rất lắm, cầu mong được cứu giúp”. Các đệ tử vì ta biên chép kinh Pháp Hoa, rộng vì thiết trai sám hối, nên Pháp Phong được sinh về cảnh giới tốt đẹp v.v... (Cảnh Lục cho là xuất xứ từ Chưng Nghiệm truyện).

***9. Thích Tăng An trụ chùa Pháp Hải, thời Tiền Đường:***

Thích Tăng An, không rõ người xứ nào. Sư trụ chùa Pháp Hải, tự tay biên chép các bộ kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Bát-nhã, v.v... mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi đầu đàn mầu trắng hiện đến trước mặt bảo rằng: "Nơi kinh ông biên chép nói về trí tuệ Phật bị sót hai câu". Đến lúc thức dậy xem lại kinh mới biên chép đúng như trong mộng báo.

***10. Thích Trí Diễm ở chùa Định Thủy, thời Tiền Đường:***

Thích Trí Diễm, thờ Sa-môn Trí Khải, rất có tiết tháo thanh khiết, khéo biên chép không ai sánh bằng, tự muốn chép bộ kinh Pháp Hoa, nhưng vì nghèo không có giấy để ghi, mộng thấy chim Phượng Hoàng ngậm giấy đem đến, lúc thức dậy thấy trên bàn có giấy, liền chép một bộ kinh, thờ trong tháp, phát nguyện rằng: "Kinh này chẳng mục nát sẽ sinh về ở cõi Phật". Do nguyện lực có cảm ứng, nên mưa sương chẳng thấm ướt trên tháp.

***11. Thích Nghĩa Triệt trụ chùa Hãm Tuyền ở Bồ Châu, thời Tiền Đường:***

Thích Nghĩa Triệt, trụ chùa Hãm Tuyền ở núi Cô giới, thuộc Bồ Châu. Phát nguyện dùng máu trong thân mình để viết kinh đem chôn giấu ở phía Nam núi Cô Giới, mong sau này khi Đức Phật ra đời, các loài chim thú chẳng giẫm đạp nơi đất ấy. Lại nghĩ đến việc quyển kinh bị thấm ướt rã mục, nên hướng lên hư không mà phát nguyện viết kinh sẽ ở nơi khoảng không ấy sương mưa chẳng tuôn đổ, chim thú chẳng bảy. Như người tịnh tín có tâm niệm cầu nguyện nơi khoảng hư không ấy trong khoảng hơn mười trượng, thấy văn kinh Pháp Hoa rõ ràng như câu tỏa, chỗ đất ấy gần nơi thấy nghe.

***12. Nàng hầu góa bụa ở Miên Châu, thời Tiền Đường:***

Ở Miên Châu có một nàng hầu góa bụa, vì người chồng đã qua đời mà muốn chép kinh Pháp Hoa, bèn dùng trăm muôn đồng để thuê thư sinh ở tịnh thất chép kinh. Có một con trâu đến trước tịnh thất chép kinh mà ngã chết, nàng hầu ấy kinh sợ lấy làm lạ. Mộng thấy có một vị Sa-môn đến bảo rằng: "Con trâu ấy là chồng của ngươi, vì lấy ruộng lúa của người nên phải chịu làm thân trâu, cày bừa cực nhọc cho chủ ruộng, may nhờ ngươi chép kinh Diệu Pháp nên được xả bỏ thân trâu, sinh về cõi trời."

### *13. Tư Mã Lý Thông ở Ky Châu thời Tiền Đường:*

Tư Mã Lý Thông ở Ky Châu phát nguyện vì người vợ đã qua đời mà chép bảy bộ kinh Pháp Hoa và mang đến chùa Kỳ Sơn cúng dường, mộng thấy một thiên nữ ở giữa hư không bảo rằng: "Nhờ công đức của ông nên đổi quả báo trong loài quỷ, nay sinh lên cõi trời Đao-lợi". Lý Thông bảo: "Tôi muốn được gần với người". Thiên nữ đáp rằng: "Thân người rất dơ bẩn không thể đến gần, với nghiệp lành ấy, ông sẽ sinh đồng một cõi trời với tôi, trong tương lai sẽ gặp gỡ nhau". Nói xong liền biết mất. Sau khi thức giấc, suy nghĩ luyện mến buồn vui chẳng dứt. Về sau đến lúc tám mươi sáu tuổi, Lý Thông qua đời, có mùi thơm lạ thoảng khắp phòng, được các trời đến đón rước.

### *14. Tư Mã Sở Tuyên Tông ở Tinh Châu, thời Tiền Đường:*

Gia đình Sở Tuyên Tông rất giàu sang, có được ba người con trai và hai người con gái. Người con trai út bị bệnh nên sớm qua đời, Tuyên Tông phát ra si cuồng, để lỏa lồ thân mình kêu réo hoảng chạy qua thời gian hơn một tháng. Bấy giờ, tại chùa Đại Hưng Quốc có Sa-môn Tuệ Siêu đến an ủi Tuyên Tông rằng: "Bến bờ sự sống vô thường, cha con chẳng thật tồn tại, có ai thường sống mà không biến đổi? Đứa con đã gặp gỡ, nếu muốn gặp lại, thì nên tu tạo kinh Pháp Hoa". Tuyên Tông liền hoan hỷ, vì biên chép kinh Pháp Hoa, ngày đêm thương nhớ người con ấy. Mộng thấy có một vị Tỳ-kheo đến bảo vua Tuyên Tông rằng: "Nếu muốn gặp lại con thì hãy đi theo ta". Tuyên Tông liền đi theo Sa-môn ấy đến một vườn hoa, trong vườn hoa đó có trăm ngàn Đồng tử đang chơi đùa vui sướng. Sa-môn ấy chỉ một Đồng tử độ năm, sáu tuổi và bảo: "Đức con trai nhỏ của ông kìa". Tuyên Tông mừng vui muốn ôm chầm lấy, nhưng, Đồng tử liền bỏ chạy chẳng theo. Tuyên Tông bảo rằng: "Ta thương nhớ con, suốt lúc thức ngủ chẳng hề quên, vì sao ngươi chẳng chịu đến gần?". Đồng tử ấy đáp: "Tôi sinh trong nhà ông, tình nghĩa cha con chẳng thường, đâu có ân ái, nhờ vì tôi mà chép kinh, nên tạm được gặp gỡ. Nếu muốn trong tương lai được gặp thì nên phát tâm sâu sắc mà tu tạo kinh, lấy đó làm hạnh nghiệp, đồng sinh về cõi Phật, mãi mãi gặp nhau!". Nói xong, Đồng tử bèn bỏ đi. Tuyên Tông thưa với vị Sa-môn ấy rằng: "Con đã giác ngộ, chẳng còn theo nhau". Sa-môn ấy cũng trở lại, Tuyên Tông bèn đi theo. Sau khi thức giấc, Tuyên Tông đến trình bày việc ấy với Sa-môn Tuệ Siêu, và phát tín tâm sâu sắc ghi chép kinh, lấy làm hạnh nghiệp thường, về sau qua đời, được Tịnh độ đón rước.

***15. Nàng hầu họ Trần ở thời Tiền Đường:***

Niên hiệu Long Sóc năm thứ ba thời Tiền Đường (663), tại phường Thông Quỷ Quỹ thành Trường An. Thân mẫu của nàng hầu vốn họ Trần trước đã qua đời, ông Trần do đó bị bịnh mà qua đời, thấy có người dẫn vào địa ngục, thấy đủ các thứ đau khổ chẳng thể ghi lại cụ thể, sau cùng thấy một địa ngục cửa đá bền chặt, có hai con quỷ lớn dáng vẻ dữ dằn ở hai bên cửa, trừng mắt giận dữ nhìn nàng hầu ấy mà hỏi: “Ngươi là ai mà đến đây?”. Bỗng nhiên thấy cửa đá mở ra, thân mẫu của nàng Hầu đang ở trong đó chịu khổ chẳng thể nói hết, chịu khổ tạm hết. Nàng Hầu dần đến gần cửa, mẹ con cùng gặp gỡ nhau, xa được cùng nói năng. Người mẹ bảo con gái rằng: “Ngươi trở về lại, hãy cố gắng vì ta mà chép kinh!”. Nàng Hầu hỏi mẹ muốn chép kinh gì, mẹ bảo: “Nên vì ta mà chép kinh Pháp Hoa”. Nói xong, cửa đá bèn đóng kín lại.

Sau khi sống lại nàng Hầu, kể lại việc ấy với chồng, Lưu Công Tín liền nhờ em gái mình là Triệu Sư Tử chép kinh Pháp Hoa. Triệu Sư tử trước đó chép kinh có một người đem một bộ kinh Pháp Hoa mới chép chưa trang hoàng. Sư Tử trước đã nhận người khác chép, chủ của kinh vốn họ Phạm, kinh của người chép này và kinh Pháp Hoa ấy đều chuyển đến chỗ Triệu Sư Tử, đổi lấy hai trăm đồng, thí chủ không biết đổi tiền, Triệu Sư Tử lại nói với vợ của anh mình (= nàng Hầu) rằng: “Nay đã tiếp đãi kinh, ở nhà có một bộ kinh Pháp Hoa, anh nên chuộc lấy kinh ấy, đặt ngay một ngàn đồng”. Nàng Hầu đem bốn trăm đồng tiền chuộc được kinh trang hoàng, hoàn tất đem đến để trong nhà vì mẹ mà cúng dường. Sau đó, nàng Hầu nằm mộng, thấy người mẹ theo con gái để đòi kinh, bảo rằng: “Trước kia ta bảo ngươi hãy vì ta mà chép một bộ kinh Pháp Hoa, vì sao mãi đến nay mà không có được?”. Nàng Hầu nói với mẹ rằng: “Đã vì mẹ mà chuộc được bộ kinh Pháp Hoa, hiện tại đã trang hoàng xong, tôn trí cúng dường ở nhà”. Người mẹ nói với nàng Hầu rằng: “Chỉ vì bộ kinh ấy mà ta phải chịu khổ thêm, ở trong đường u tối, ngục tốt đánh ta thân thể nát nhừ, người xem thân ta đây sưng bầm. Ngục quan bảo rằng: “Vì sao ngươi lấy kinh của nhà họ Phạm mà làm kinh của mình? Ngươi đâu có phước gì? Tội ngươi thật quá lắm!”. Nàng Hầu nghe mẹ nói như thế, lại vì mẹ mà chép kinh Pháp Hoa, kinh ấy chép chưa xong, nàng hầu lại nằm mộng thấy mẹ đến thúc giục chép kinh, và liền thấy một vị tăng tay cầm một quyển kinh Pháp Hoa nói với người mẹ rằng: “Con gái của ngươi đã vì ngươi chép kinh Pháp Hoa quyển thứ nhất đã xong, công đức đã thành. Vì sao lại đến ép ngặt thúc giục? Đợi chép xong đâu có gì gấp gáp”. Sau khi chép kinh đã hoàn

thành, người mẹ lại báo mộng với nàng hầu rằng: “Nhờ ngươi vì ta mà chép kinh, nay ta đã được ra khỏi đường u tối, thọ sinh ở cõi tốt lành, là nhờ ân đức của ngươi, nên ta đến báo với ngươi. Ngươi phải khéo sống, khéo giữ lễ làm vợ, lấy tín tâm làm gốc!”. Nói xong, buồn cảm rơi lệ giã biệt nhau.

Sau đó, nàng hầu xét hỏi chủ kinh Pháp Hoa chuộc trước kia vốn thật là người họ Phạm. Nhà họ Phạm tuy không được kinh, kinh ấy đã hoàn thành, thí phước đã mãn, người sau chuyển đổi tự gánh chịu tội lỗi. Nàng Hầu của Lưu Công Tín chuộc kinh ấy có được chút phước. Nhưng, người mẹ đã qua đời không nhờ được năng lực.

### *16. Lý Kiện An ở Lưu Châu, thời Tiền Đường:*

Vào thời Tiền Đường, ở Lưu Châu có Lý Kiện An, năm mười tám tuổi bị bệnh phong, nên cha mẹ buồn khổ, ăn uống chẳng được. Lý Kiện An thấy vậy càng thêm buồn thương, nghĩ rằng: “Ta hãy vì cha mẹ mà thoát khỏi bệnh hoạn của mình mà tự chép kinh Pháp Hoa”. Liền tìm giấy trang hoàng, muốn chép kinh, tay đưa lên mà không thể chép, mới tạo được quyển thứ nhất, hiển nhiên chữ viết ấy hình dạng như dấu chân chim, mọi người nhìn vào chẳng hiểu văn tự đó. Lại thuê người khác chép kinh. Ở trong phòng riêng để chép, qua thời gian chưa xong quyển thứ nhất, Lý Kiện An bỗng nhiên chết đi, chỉ còn ấm ở ngực, người được thuê chép kinh bèn vất bỏ mà trốn đi.

Qua một ngày một đêm sau, Lý Kiện An sống lại, bệnh phong bỗng nhiên được lành, thân thể nhẹ nhàng, tự nói lại mọi việc ở đây u tối rằng: “Lúc đầu tôi mới chết, bị quan điệp sứ trói buộc dẫn đến đứng bên cạnh tòa thành lớn. Khi đó có một Đồng tử tay cầm phất trần trắng đến xoa bóp thân tôi, tự thân tôi cảm thấy mát dịu vui sướng. Và liền đó, từ trong thành có một vị quan đi ra và có cả trăm ngàn quan thuộc cùng đi theo, đối trước tôi kính lễ nói rằng: “Tên tuổi ông ở trong quan điệp, chỉ vì ông cố giết một con chuột buộc vào cổ không cho thở, vì nhân duyên đó, nên vua vời gọi ông. Nhưng, ông vì cha mẹ mà tu tạo kinh Pháp Hoa, nhờ gốc lành ấy mà Bồ-tát Văn-thù đến cứu, bệnh tật xưa mới dứt. Kinh ông tu tạo còn chưa hoàn tất quyển thứ nhất mà người được thuê chép kinh khiếp sợ cũng bỏ trốn. Ông đã có được gốc lành lớn, tuổi thọ lên đến tám mươi hai, và cha mẹ ông cũng được kéo dài tuổi thọ, mỗi người đều sống đến chín mươi tuổi”. Nói xong, bèn trở vào trong thành. Vị Đồng tử lại chỉ bày đường trở về, nên được sống lại”. Mọi người nghe thế đều khen là việc ít có.

Lý Kiện An cùng cha mẹ xả thí gia nghiệp, tạo mười bộ kinh Pháp Hoa, thỉnh chư tăng cúng dường. Các bản kinh ấy hiện nay cất giữ trong chùa lớn.

■

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 8

### X. BIÊN CHÉP CỨU KHỔ (Phần 2)

1. Sa-môn Huyền Tự
2. Thích Huệ Đạo
3. Thích Đàm Vận
4. Lệnh Cô Nguyên Quỹ
5. Nghiêm cung ở Tương Châu
6. Lý Di Long
7. Diêu Đãi ở Tử Châu
8. Lý Khâu Lệnh
9. Ni Sư Luyện Hạnh
10. Nghiêm Cung ở Dương châu
11. Kẻ Nam bất tín
12. Vị khách tăng đời Tùy
13. Vị Tăng trụ tại Đạo tràng Hà Tây ở Cô Sơn
14. Nhân Sĩ đời Bắc Tề
15. Thích Tu Đức ở Định Châu
16. Vua Thái tổ Cao Đế thời Nam Tề
17. Thiện tín nữ ở Tinh Châu
18. Thích Tuệ Diệu

***1. Sa-môn Huyền Tự ở Tương Châu đời Tùy.***

Sa-môn Huyền Tự chú trọng kinh Pháp Hoa, có thầy bạn cùng chung phòng là Sa-môn Thích Đạo Minh vốn họ Nguyên, là người Đồng duyên. Sư tuy còn trẻ nhưng chí khí cao thượng, có nhiều tài hay khéo, khổ tiết thiền tụng, nổi tiếng xa gần. Vào tháng 3 niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu (605) đời Tùy, ngài Đạo Minh thị tịch tại chùa đó.

Đến tháng 7 năm đó (605), Sư có duyên sự nên đi ngang một cách đồng hoang, trời đã xế chiều, bỗng gặp một ngôi chùa, liền đến đó

muốn nghỉ lại qua đêm. Vừa đến cửa, Sư liền thấy ngài Đạo Minh từ phía sau chùa đi ra, hình nghi nói năng chẳng khác lúc bình thường, bèn dẫn Sư đến phòng. Trong lòng Sư lấy làm lạ mà không dám hỏi. Đến gần sáng, ngài Đạo Minh bèn dậy, nói với Sư rằng: "Đây chẳng phải chỗ thường, Thượng nhân nên cẩn thận chớ thượng đường". Đến lúc đánh chuông khuya đừng thượng đường. Đạo minh nói xong, hình dung chợt, ngài Đạo Minh lại bảo với Sư không hứa thuận để trên phòng, mà thân hình đã chóng tiều tụy, nhan sắc đổi khác. Sau khi ngài Đạo Minh đi rồi, Sư bèn thầm đến nơi trai đường, bên cạnh sau cửa sổ lén nhìn mọi sự ở đó, lễ Phật hành hương đều đúng như tăng pháp. Xưa trước cống cao thệ bày lắm tòa mà tại Duy-na xướng thí cháo, liền thấy một người khiêng cháo đến, cháo được khiêng đến màu sắc đều như máu, người lo thức ăn khắp cùng đều thấy, khắp thân thể chư tăng lửa đốt hừng hực mà chết ngất ngã xuống đất, chỉ trong khoảng bữa ăn, vị Duy-na lại thỉnh chúng tăng, đồng một lúc không còn tướng khổ. Sư kinh sợ về lại nơi phòng ở, chỉ chốc lát, ngài Đạo Minh về đến, hình dáng lại càng thêm tiều tụy, Sư hỏi lý do, ngài Đạo Minh đáp: "Đây là địa ngục, khổ chẳng thể nói!". Sư lại hỏi: "Vì sao bị tội khổ đến thế?". Ngài Đạo Minh đáp: "Vì ngày trước lấy một bó củi của chúng Tăng dùng để xong nhuộm y mà quên không trả. Do đó, phải ở đây trải qua một năm chịu khổ đốt chân". Ngài Đạo Minh bèn đưa tay vén y phục lên, từ đầu gối trở xuống đều bị cháy đen, do đó òa khóc mà nói rằng: "Thượng nhân từ bi, xin cứu độ cho!". Ngài thở than nói với ngài Đạo Minh rằng: "Ông là người tinh luyện còn phải chịu như thế, huống chi bọn chúng tôi thì như thế nào, chẳng thể xét biết? Phải dùng cách gì để được thoát khỏi?". Ngài Đạo Minh bảo: "Mua một trăm bó củi đền trả gấp bội, đầy nơi nhà tăng và chép một bộ kinh Pháp Hoa". Sư nói: "Tôi sẽ vì ông mà dốc hết của cải tôi có nội trong một ngày vì ông mà lo liệu, cầu mong ông sớm lìa được khổ ấy!" Do đó, bèn giã biệt. Sư liền trở về chùa, y như lời nói mà đáp trả, và chép kinh, xong rồi trở sang tìm, tự nhiên vắng bặt không nhìn thấy gì. Đêm đó, Sư mộng thấy ngài Đạo Minh oai nghi khoan thai tự đến nói với Sư rằng: "Nhờ ân đức lớn của ông mà tôi được lìa khổ, sinh về Tịnh độ."

***2. Thích Huệ Đạo ở chùa Ngõa Quan, thời Tiền Tống:***

Thích Huệ Đạo , là người xứ Dự châu, là em đồng mẹ với Sa-môn Tuệ Quả, Sư chẳng tu hạnh nghiệp, lại khéo dấy phản, thường ở trong kho của chúng tăng tự ăn dùng riêng, trông coi gấm lụa của chúng Tăng

thì lén trộm cắp. Về sau, bị bệnh chết, trên ngực còn ấm, ba ngày sau sống lại nói rằng: “Tôi bị Minh quan rượt đuổi đến chỗ đường tối sâu xa, giữa đường gặp một vị Sa-môn bảo với tôi rằng: “Ông không tin theo lời người anh, trộm dùng vật của chúng tăng. Nếu vua suy hỏi tội phước thì trả lời thế nào?”. Tôi hoàn toàn chẳng biết phải nói làm sao. Vị Sa-môn ấy lại bảo: Ông nên nói như vầy: “Trước tôi có nguyện tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa”, dạy lời ấy rồi liền biến mất. Tôi đã đến chỗ vua Diêm-la. Vua hỏi: “Ông tu công đức gì?”. Tôi đáp: “Tôi có phát nguyện tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa, nhưng vì lo việc của chúng tăng nên chưa hoàn thành điều nguyện”. Vua mỉm cười bảo: “Ông xưa tuy chẳng phát nguyện ấy, nay đã nói là nguyện, thì phải như điều phát nguyện mà thực hành. Trộm dùng vật của chúng tăng tội ấy rất nặng, tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa sẽ thoát khỏi tám địa ngục. Y cứ vào một lời nói ấy, nên thả ngươi trở lại nhân gian. Phải trở lại nhân gian đúng như thật mà tu”. Và liền sai một vị quan chỉ bày đường trở về, nên tôi được sống lại”. Sư bèn xả thí y bát, mọi vật có được, tu tạo tám bộ kinh Pháp Hoa, các bộ kinh ấy đến nay hiện vẫn còn. (Tân Lục).

***3. Thích Đàm Vận ở Định Châu:***

Thích Đàm Vận, là người xứ Định Châu. Về sau, Sư dời đến ở Thấp Châu. Khi tuổi đã bảy mươi, gặp lúc cuối đời Tùy tan loạn, Sư bèn đến ẩn cư tại núi Tỷ-can ở Ly Thạch. Sư thường trì tụng kinh Pháp Hoa, muốn chép kinh ấy nhưng không có người đồng chí hướng. Trải qua nhiều năm như thế, bỗng nhiên có một thư sinh không biết từ đâu đến nói với Sư rằng: “Điều muốn nghiêm khiết thanh tịnh chép kinh đều có thể thực hành”. Vào một buổi sáng, sau khi tiểu thực xong, vào tắm gội, thay đổi y phục mới sạch, thọ tám pháp trai giới, vào nơi tịnh thất, miệng ngậm đàn hương, xông đốt hương thơm, treo cờ phướn, vắng lặng chép đến chiều mới ra. Ngày hôm sau cũng giống như thế, không hề than mỏi mệt. Đến lúc kinh chép đã hoàn tất, bèn đúng như pháp dâng cúng, Sư đến đưa ra cửa, chỉ trong chốc lát thì không thấy thư sinh ấy nữa. Cho đến phần trang hoàng, mỗi việc đều đúng như chánh pháp. Sư thọ trì, đọc tụng bộ kinh đó, dùng chiếc đãy bảy lớp, kết mỗi lớp mỗi qua nước thơm rửa tay, như mới đầu không tạm phế bỏ, mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền hiện thân trước Sư mà dạy rằng: “Lành thay! Đúng như pháp chép kinh Pháp Hoa, ngay thân đời này lìa được hai mươi lăm thứ khổ”. Về sau, gặp phải giặc Hồ, Sư bèn dùng chiếc rương đựng đầy kinh đó, đặt trên đảnh núi cao, trải qua năm sau, giặc tan, Sư mới

trở lại tìm kinh mà không thấy, buồn bã tìm kiếm cùng khắp, mới đến dưới hang núi tìm được kinh, rương khăn đều mục nát, bới moi ra thấy kinh vẫn mới sạch như xưa. Mọi người nhìn thấy đều lấy làm lạ (Theo pháp Uyển nói niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Luật sư Đạo Tuyên chùa Tây Minh ở kinh đô có đến châu ấy, chính mắt trông thấy mà kể lại việc ấy).

***4. Lệnh Cô Nguyên Quỹ ở Long Châu:***

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm (631) thời Tiền Đường, có Lệnh Cô Nguyên Quỹ ở huyện Ba Tây ở Long Châu rất kính tin Phật pháp, muốn chép các kinh Pháp Hoa, Kim Cương, Bát-nhã, Niết-bàn, v.v... nhưng không do đâu mà xem xét, mới nhờ Thiền sư Thượng Kháng xem xét. Ngài Thượng Kháng mới làm tại chùa, đúng như pháp khiết tịnh chép xong, xuống theo thứ lớp về lại nơi trang sở ở Kỳ Châu. Lưu để tại trang sở cùng một cụ già và năm trăm đồng ở một nơi, bỗng nhiên lửa từ ngoài nổi dậy đốt cháy kéo đến phòng nhà ở trang sở lại bằng cỏ che phủ, động một lúc cháy lan tràn. Bấy giờ Nguyên Quỷ đang trấn nhậm bằng dực huyện lệnh, người nhà dốc mạng dập tắt lửa, lấy được kinh Kim Cang, pho bìa đã đánh văng ra ngoài lửa than, các kinh trong đó vẫn còn nguyên như cũ, màu sắc trang hoàng không biến đổi, chỉ có rương tráp cháy thành tro than. Lại tìm kiếm cụ già thì đã cháy theo lửa, bèn gom nhặt kinh. Mọi người trong xóm bèn khen và lấy làm lạ. Đề tựa kinh Kim Cang, Bát-nhã ấy bị cháy đen, hỏi về lý do thì mới đầu ghi đề kinh có Châu Quan là người có khả năng ghi chép. Người ấy ăn dùng tạp vật lại vội vàng chẳng giữ gìn khiết tịnh, ngay đó lập đề bèn bỏ đi, do đó nên bị đốt cháy. Người ấy, nay vẫn hiện còn và Thụy kinh ấy cũng còn ở kinh đô. Chủ chùa Tây Minh là Sa-môn Thần sát tự xem xét mà kể lại việc này (Việc này rút từ Tam Bảo Cảm Thông ký).

***5. Nghiêm Cung ở Tương Châu:***

Nghiêm Cung, người xứ Tương Châu. Trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, đến dưới thành quách dựng tinh xá để chép kinh Pháp Hoa, thanh tịnh cúng dường. Hoặc giấy hoặc bút đều dùng bằng tịnh tâm, chẳng thực hành luống dối, tín tâm mà cấp cho chẳng dùng, tìm kiếm liền được, bèn doanh tạo đúng như kinh pháp, cung cấp cho thư sinh hoan hỷ, thường có mười người Đạo tục đưa thẳng đến, Nghiêm Cung tự thân xem xét, chẳng hề nói là nhọc mệt. Từng có người đến vay mượn một muôn đồng để chép kinh, Nghiêm Cung

với việc chẳng đặng đừng nên phải cho vay mượn. Người vay mượn có được tiền, để tiền dưới thuyền, thuyền bị chìm, tiền mất, người ấy còn được sống. Ngày đó, Nghiêm Cung vào kho tiền, thấy một vạn tiền bị nước thấm ướt, lấy làm lạ, sau khi nhìn kỷ là tiền người đã vay mượn, mới biết người đó bị đắm thuyền. Lại có thương nhân đến hồ quan đình, dâng vật cúng tế thần, đêm đó mộng thấy Thần bảo rằng: “Xin ông nên đem vật ấy đến dâng cho Nghiêm Cung, để dùng vào việc chép kinh Pháp Hoa”. Đến khi tỉnh giấc thấy các vật dâng cúng hiện để trước mặt mình. Lại nữa, Nghiêm Cung từng ra chợ mua giấy mà thiếu tiền, bỗng có một người mang đến hai ngàn đồng trao cho Nghiêm Cung mà nói rằng: “Xin giúp ông để mua giấy”. Nói xong, liền biến mất. Lại có Ngư nhân ban đêm thấy trên sông lửa rực, ánh lửa trôi nổi nên dùng thuyền đến đón rước, thì ra đó là Hộp đựng kinh. Đến lúc sáng sớm tìm xem mới thấy rõ là hộp dựng kinh của nhà Nghiêm Cung. Sau đó, Nghiêm Cung phát nguyện, lược như là: “Không một chữ nào mà chẳng qua mắt, không một chữ nào mà chẳng dụng tâm”. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, con cháu vẫn truyền trì hạnh nghiệp chép kinh. Ở quận, giặc cướp lan tràn, mà chẳng vào thôn xóm ấy, nên người trong xóm ấy nhờ đó, mãi đếnnay hành nghiệp xưa vẫn còn như vậy (Rút từ Nội Điển lục quyển 10).

***6. Lý Di Long ở Tinh Châu:***

Lý Di Long, người xứ Tinh Châu, gia đình vốn theo nghiệp viết chép, nối nhau nghiên cứu tinh vi. Cha của Di Long tên là Ô Long xem trọng về đạo kinh ở Trung Hoa, chẳng tin kinh Phật, tánh tình đam mê ưa thích rượu thịt, phỉ báng kinh Phật, nói rằng: “Hồ Thánh cấm ngăn rượu thịt, đâu có từ bi”. Suốt trong một đời chẳng chép kinh Phật, nếu có người đem tặng các món tài lợi như vàng ngọc, đều chẳng thấy kinh, huống chi là tự chép, bèn phát cuồng loạn, bảo với Di Long rằng: “Nếu người là con ta thì không được tin theo Phật, tin mà trái phạm thì tai họa chẳng phải nhỏ”, liền ói máu mà chết.

Sau đó, Tinh Châu Tư mã phát tâm tinh thuần vững chắc, riêng coi trọng kinh Pháp Hoa, đúng như pháp muốn chép kinh ấy mà không thể chép, có người đồng chí nguyện nói rằng: “Con của Ô Long là Di Long nối tiếp sự nghiệp có tài ghi chép, nhưng gia đình ấy tà kiến chẳng chép kinh Phật. Oai lực của ông có thể hàng phục tà tâm ấy, có thể kham nhận chép kinh Phật”. Tư Mã bèn dùng phương tiện để điều phục, nhưng Di Long chẳng sửa đổi, tự xưng là gia truyền cố lánh xa. Tư

Mã lại thuê các thư sinh khác tạo một bộ kinh hoàn tất, hoặc giấy hoặc bút đều dùng tâm thanh tịnh tự xuất ra vật báu đúng như phá mà doanh tạo, muốn được cúng dường thanh tịnh. Lại nghĩ rằng: "Ta đã làm chủ châu này, chẳng lẽ Di Long không chịu nghe lời hay sao?". Nên dùng lời hình phạt mà ép ngặt, đem vàng ngọc để mua chuộc. Di Long bèn lập đề mục, hối trách di chúc của cha. Vào đêm tối bất giác, qua một ngày một đêm, trong đêm kế tiếp mộng thấy có trăm ngàn người trời vây quanh trời Đại oai đức đến đứng trước sân nhà Di Long. Di Long hỏi: "Vị trời nào đó?". Vị trời đáp: "Ta là Ô Long cha ngươi, đời trước ngu si không tin kinh Phật, nên bị đọa vào địa ngục lớn, sắt nóng đốt quấn thân. Trong một ngày một đêm muôn lần chết đi muôn lần sống lại, cầu chết không được, cầu sống không xong. Có năm trăm lưỡi cày cấu xé lưỡi thịt ta, chẳng thể nói hết. Hôm qua, ở phía trên địa ngục bỗng nhiên có ánh sáng, trong ánh sáng ấy hiện ra một hóa Phật nói lời kệ tụng rằng:

*Dù cho khắp pháp giới*
*Các chúng sinh dứt lành*
*Nếu nghe kinh Pháp Hoa*
*Chắc chắn thành Bồ-đề.*

Cứ như thế, có đến sáu mươi bốn Đức Phật lần lượt hóa hiện và nói kệ cũng như vậy. Khi đó, nơi địa ngục lửa dữ tắt ngấm, biến thành ao trong mát, ta và các chúng sinh xả bỏ báo thân sinh lên cõi trời thứ tư. Pháp như thế ở trên trời từ cõi thứ nhất đến cõi thứ ba mọi việc hẳn biết. Nhờ ngươi tu tạo đề mục gồm sáu mươi bốn chữ, trong mỗi chữ hóa hiện thân Phật nói kệ cứu khổ, ta và thân ngươi đồng một phần máu thịt nương theo ta, một người có được duyên lành, người tội ở địa ngục nghe kệ tụng mà được lìa khổ, đồng sinh sống một nơi nên nay đến vây quanh. Ngươi nên xả bỏ tà ác xưa, chép kinh Phật để làm gia nghiệp". Đáp lại nhân duyên ấy mà chẳng thấy. Sau khi thức giấc, Di Long rơi lệ hối hận tội lỗi, đem việc ấy nói đầy đủ với Tư Mã. Người nghe vui mừng đều cho là không có tâm mà tạo đề mà còn được như vậy, huống chi hoặc tự chép hoặc bảo người chép, công đức ấy có được thật không có hạn lượng. Gia đình Di Long theo nghiệp ghi chép nối tiếp mãi đến ngày nay. Khắp trong châu mỗi chữ đều lễ cúng, mà mỗi ngày ghi chép hoặc truyền tụng, hoặc thực hành tán vịnh riêng, mỗi ngày, người ghi chép càng đông. (Tân Lục).

***7. Diêu Đãi ở Tử Châu, thời Tiền Đường:***

Diêu Đãi, người huyện Thê ở Tử Châu. Vào niên hiệu Trường An năm thứ tư (704) thời Tiền Đường, giữa mùa hạ, phát nguyện vì người thân đã qua đời mà chép bốn bộ kinh lớn, kinh Pháp Hoa, kinh Duy-ma mỗi thứ một bộ, kinh Dược Sư mười quyển, kinh Kim Cang Bát-nhã một trăm quyển. Ghi chép các kinh xong, bèn chép kinh Bát-nhã một trăm quyển, một hôm vào giờ ngọ, có một con nai tông cửa công vào đứng trước giường kinh, ngẩng đầu đưa lưỡi liếm bàn kinh xong. Bèn nằm xuống dưới giường kinh. Trong nhà có năm, sáu con chó thấy nai ve vẫy đuôi chẳng dám sủa ngay. Diêu Đãi xuống giường kinh ôm chầm được, cũng chẳng kinh sợ, nên trao cho pháp Tam quy, nai liền nhảy quanh đến chân, thả mà chẳng đi. Đến niên hiệu Tiên Thiên (712-713) thời Tiền Đường, các kinh chép đều hoàn tất, đều dùng pho đãy sắp đựng vào hộp, có đứa bé con nhà hàng thịt Lý Hồi Hảo không biết cớ sao bỗng nhiên mà đến, đứng ở trước bàn, chỉ kinh mà cười, chấp tay mà đứng như muốn lấy kinh. Đứa bé ấy miệng câm tai điếc, hai mắt đỏ rực ham thích uống rượu, hung ác, có chút đức ấy nên các kinh ghi chép đều dùng chuỗi anh lạc để trang sức pho trục, chỉ có kinh Bát-nhã dùng đàn tố để trang sức. Chỉ lấy một pho trục trắng, biết rõ người ấy rất có duyên đối với kinh Bát-nhã. Diêu Đãi bèn gói bọc cho giấy trắng, dùng hộp sơn mà đựng. Đứa bé tay cầm dao rạch cùng trên hộp kinh, cười mà bỏ chạy. Khi chạy đi thì không còn thấy trở lại, chẳng biết đến nơi nào. Có người ở gần nhà mộng thấy nai chính là mẹ của Diêu Đãi. Đứa bé ấy là cha Diêu Đãi, khi chết đi, mỗi người đều theo nghiệp mà thọ sinh. Nhờ người con phát nguyện vì cha mẹ mà ghi chép kinh điển Đại thừa, nên quả báo đã định chẳng thể hại. Vả lại, đến nhận sự giáo hóa mà đi.

Đến niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư (716) thời Tiền Đường, có Đạo sĩ Chu Pháp Ấn ở Huyền Tông Quán là người rất thông rành về Trang Lão, đến Mỵ châu giảng thuyết qua thời gian lâu mới trở về. Bấy giờ trong làng có hơn hai mươi học sĩ cùng đến lễ hỏi, người bạn Vương Siêu Tào Phủ bảo Thụ Tử giết một con dê rỗng ruột, dùng đãy đựng đầy thịt, sau khi đem nấu chín, tâm biết giết hại đó chỉ nhẫn, tham ăn chẳng dứt, tùy bày biện mà ăn, tính ra ăn chẳng quá bốn, năm miếng, trải qua một ngày đến lúc mặt trời xế bóng, bỗng nhiên đầu nóng bừng đau nhức, các chi tiết có như xé cắt, đến lúc sẩm tối, càng rất khốn đốn, tai nghe phía ngoài cửa như có tiếng kêu Diêu Đãi, trong tâm tuy chẳng muốn ra, nhìn chẳng cảm thấy thân phần, vì ra ngoài hỏi có việc gì, kẻ sứ mặc y phục màu vàng, dáng vẻ như cầm dao. Thứ sử gọi tiện lợi đi.

Phía ngoài cửa Diêu Đãi có khe nước, đang lúc đi cũng chẳng thấy khe nước thấm ướt chỉ thấy đường rộng lớn bằng phẳng, hai bên có hàng cây, mỗi hàng dài ba, bốn dặm, thấy có một thành lớn tên là thành Tử Châu. Thành ấy có nhiều lớp đường đi và lầu các, vách tường sắc trắng trụ sắc đỏ cũng rất xin đẹp. Lại hỏi kẻ sứ: "Đó chẳng phải thành Tử Châu ư?" kẻ sứ chẳng trả lời, thành đó có năm lớp cửa, hai bên cửa ấy đều có nhà cửa, cửa rất đối xứng, phía trên cửa mỗi cửa đều có đề ngạch, hình dáng tợ như chư Triện, chẳng biết văn tự ấy, số cửa có rất nhiều, đều không có người giữ, các đường thông đường tất đều cũng không có người. Kẻ sứ vào trong năm lớp cửa, có một sảnh lớn, hiên vũ cao vợi, sảnh sự và cửa đều không có người giữ. Đến sau cửa sổ vắng lặng, lén nhìn trên sảnh thấy có một người mặc y phục màu tím, thân hình hơi béo lớn, dung nghi nhan sắc đoan chánh xinh đẹp. Như thế trở xuống, kẻ sứ đi vào, và đưa Diêu Đãi đến, Diêu Đãi chạy vào xa kính bái, thấy trừng mắt gằn tiếng bảo: "Vì sao bị bắt? Sao vào giết người nơi chỗ tĩnh lắng, ăn uống nghĩ lường chẳng biết việc ấy?". Diêu Đãi đều thấy sự tức giận đó, trong mắt và miệng đều có ánh lửa, nên khiếp sợ kinh hoàng, không biết thửa chỉ vào đâu, bèn phân bày rằng: "Từ trước đến giờ chỉ chuyên trì kinh, chẳng hề giết người cũng chẳng ăn thịt người". Kẻ sứ hỏi: "Trì kinh gì?". Diêu Đãi đáp: "Trì các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Dược Sư, Kim Cang Bát-nhã". Người mặc y phục màu tím nghe Diêu Đãi nói như thế liền hớn hở mỉm cười. Diêu Đãi nghe như có tiếng khen "Lành thay!". Bỗng nhiên bên cạnh có người mặc y phục màu vàng, chẳng thấy được chân người ấy, trong tay cầm một vật dài khoảng hai thước, có tám góc đầy đủ giống như dùi trống, lớn tiếng bảo rằng: "Vì sao ở trong phòng của Đạo sĩ Chu Pháp Ấn mà ăn thịt?". Diêu Đãi chẳng dám nói, bèn thừa nhận sự thật là có ăn. Người ấy hỏi: "Ăn bao nhiêu?". Diêu Đãi đáp: "Ăn khoảng năm, sáu miếng". Người mặc y phục màu tím xoay qua người mặc y phục sắc vàng nói người ấy báo là "Ăn bốn đôi tám thù". Và liền lấy bút ghi vào đùi. Trong tai Diêu Đãi xa nghe như có tiếng "sự việc chẳng phải bổn tâm", thả đi đợi Tào Phủ đến nói: "Suy hỏi người mặc áo tím". Lại bảo: "Điện Phật chùa Đại Vân sớm tu sửa cho xong". Diêu Đãi liền đáp: "Vâng!" vừa chạy ra khoảng chừng năm, sáu bước, ở đầu phía Tây sảnh có một người mang gông cùm, bốn phía đường đều đinh thỏi, xin hỏi Diêu Đãi. Trên sảnh có người vừa gọi: "Diêu", Công Tào xoay lại, chẳng gọi được tên "Đãi". Diêu Đãi nhìn kẻ mang gông cùm ấy chính là đứa bé con nhà giết mổ Lý Hồi Hảo. Người mặc áo tím hỏi rằng: "Người này đọc trì

kinh chép kinh, việc ấy có thật hay không?”. Đứa bé đáp rằng: “Là sự thật”. Tiếng trả lời vừa xong, Diêu Đãi nhìn lại chỉ thấy gông cùm không dưới đất, chẳng thấy đứa bé. Lúc Diêu Đãi mới vào, trước sảnh và cửa không thấy có người coi giữ. Đến lúc được ra, hai bên sảnh mỗi bên đều có mấy ngàn người mặc các thứ sắc phục đỏ tím vàng lục, theo thứ lớp đứng theo mỗi bậc, cũng có lắm người nữ mang gông đội cùm, hoặc có người bị trói ngược, cũng có người trùm lồng trên đầu. Ở trong chúng đó thấy có người gần nhà của Diêu Đãi, ông Trương Khải cũng có trong đó, tuy mang chiếc gông nhỏ mà không có đinh thoi, cúi đầu tỏ vẻ như muốn cho người trong nhà tạo kinh không được nói nhiều. Diêu Đãi lại muốn đi tới trước, bị người ức chế cản ngăn không chấp thuận. Trong đó có một người hông ruột nát bét, phô bày ra ngoài, nói với Diêu Đãi hãy đi gấp, đó chẳng phải chỗ được nói. Diêu Đãi xoay nhìn lại thì ra đó là Trương Hiền, người ở thôn bên cạnh trang sở của Diêu Đãi, đã mắc bệnh nhiều năm, nước sửa chẳng thể đổ vào miệng. Mọi người trong xóm thấy thế đều cho là hẳn sẽ chết, nên bàn bạc với vợ con của Trương Hiền lo chuẩn bị các thứ để đám tang. Sau khi tỉnh lại, Diêu Đãi bảo con của Trương Hiền, chép các kinh Pháp Hoa v.v... chưa tới năm ngày bệnh của Trương Hiền có phần thuyên giảm và được thả ra ở ngoài tường vắng lặng, mỗi cửa đều có người cầm dao trượng cung giáo, nghiểm nhiên bày đầy, ném người vào cửa chẳng thả. Diêu Đãi ra được chỗ sinh tử, từ phía Đông sảnh chạy đến kêu rằng: “Con tôi vô sự được thả, vì sao nai chuồng chẳng được thả?”. Và khiến Diêu Đãi bày vai trong đó, tức là cổ áo của Tuyên. Bày cánh tay ra trông xem đó, liền được ra. Đến lúc tỉnh lại thật sự thì đã qua một ngày.

***8. Lý Khâu Lệnh ở huyện Cao Bưu, Dương Châu:***

Lý Khâu Lệnh là em cùng cha khác mẹ với Cao Bưu Huyện Thừa Lý Khâu Nhất ở Dương Châu, gia đình thường phóng thả chim săn chó săn giết hại sinh mạng, nhóm họp dòng họ lấy làm vui thích, chẳng hề biết hổ thẹn. Nhà anh Lý Khâu Nhất lại sửa lời nói, đối với việc ở chốn u minh tâm chẳng tin nhận.

Ngày mười chín tháng giêng niên hiệu Trường An năm thứ hai (702) thời Tiền Đường, ông bị bệnh nặng, Lý Khâu Lệnh bị chết, ở ngực còn ấm, Lý Khâu Lệnh trước kia có y theo người vợ bị bệnh nên phát nguyện tạo một bộ kinh Pháp Hoa, chí nguyện đó chưa được thành tựu, người vợ ấy cũng vì chồng bệnh nặng mà lập tạo kinh, bảy ngày sau, Lý Khâu Lệnh sống lại, nói đầy đủ việc ở chốn u minh rằng: “Lúc đầu, khi

tôi mới chết, có sáu người La-sát-bà đến nói rằng: "Chúng ta là sứ của vua Diêm-la, vì ngươi chứa nhóm tội ác nên phải đuổi bắt, không cho tạm ở", liền gông cùm tôi và kéo đi hơn mười dặm. Có một người cưỡi ngựa, mặc y phục màu đỏ, tay cầm cung tên, trừng mắt tức giận nhìn tôi và lớn tiếng bảo rằng: "Lý Khâu Lệnh là kẻ rất ác, vì sao chẳng chở đi bằng xe lửa?". Nói chưa dứt lời, bỗng nhiên thân tôi đã trên xe lửa. Khi ấy, có một vị Sa-môn rưới nước vào xe, thân tôi được thấm mát và dứt khổ, chẳng biết do ai cứu. Lại đi khoảng hơn năm trăm dặm, thấy một tòa thành cao ngất, trong đó có sảnh điện, vua ngồi trên tòa báu, trước sau chung quanh mỗi phía có đến mấy ngàn người mặc đủ thứ sắc phục đỏ tím vàng lục theo thứ lớp mỗi người ngồi ở phía ngoài, trong sân có vô số tội nhân bị gông cùm xiềng xích trói buộc trái ngược v.v... các thứ tạp cư đều ngồi hướng về vua. Vua thấy tôi vào, trừng mắt sân hận hỏi rằng: "Ngươi là kẻ vô Đạo, giết hại sinh mạng, ăn uống trái pháp, không có công đức, há chẳng phải là kẻ vào núi báu mà ra tay không ư?". Khi đó, tôi xấu hổ im lặng, không đối đáp gì. Vua sai kẻ sứ đem đến một quyển sách dầy chừng hơn năm mươi trang liền giở ra mà bảo rằng: "Ngươi có nghe không? Lúc sống ngươi tạo tội ác mỗi việc đều ghi chép trong đây". Và liền bày ra chỗ tạo tội, mỗi việc đều quở trách, vua mỉm cười bảo: "Ngươi có công đức lớn, vì vợ mà muốn tạo kinh Pháp Hoa, chưa thành tựu tâm nguyện ấy. Sau đó, vợ ngươi cũng vì ngươi mà khởi tâm nguyện tạo kinh. Nay tha cho các tội trước của ngươi, dẫn về lại nhân gian". Các vị quan mặc các sắc phục đỏ vàng lục tâu với vua rằng: "Người ác khó tha, vì sao lại được thả trở lại?". Vua bảo: "Người này có nguyện chép kinh, nếu để ở tại trong ngục mà nhớ nghĩ việc xưa, xướng lập lời nguyện thì địa ngục sẽ trống không, các tội nhân đều được sinh lên cõi trời". Cho nên lúc thả trở về vô số tội nhân ở trong sân nghe luận bàn như thế, bèn xả báo thân sinh lên cõi trời. Tôi mang ân vua được thả là do nguyện chép kinh mà được sống lại", Lý Khâu Lệnh xả thí tất cả của cải vốn có tạo trăm bộ kinh, tự tay ghi chép văn nguyện và lưu xuất ra nhân duyên ấy.

***9. Ni Sư Luyện Hạnh ở Hà Đông, thời Tiền Đường:***

Ở Hà Đông, có Ni Sư Luyện Hạnh thường trì tụng kinh Pháp Hoa, tìm người tài giỏi ghi chép trả thù lao gấp bội, đặt làm một tịnh thất, bảo chép kinh ấy, mỗi lúc bắt đầu công việc thì trước hết phải tắm gội, đốt hương xông ướp y phục. Và trong tịnh thất chép kinh có khoét vách tường thông ra ngoài, gắn vào ống trúc, để người chép kinh mỗi lúc

muốn thở hơi ra thì ngậm vào ông trúc mà nhả hơi ra ngoài vách tường, chép bảy quyển kinh Pháp Hoa, phải trải qua tám năm mới hoàn tất, cúng dường rất ân trọng, dốc hết tâm chí kính. Ở Long môn có Sa-môn Pháp Đoan thường nhóm họp đại chúng giảng kinh Pháp Hoa, vì ưa thích bản kinh của Ni Sư ấy nên tinh thành quyết định sai người cầu thỉnh. Ni Sư cố từ chối không chấp thuận. Pháp Đoan quở trách, vì chẳng đặng đừng nên Ni Sư bèn tự mình đưa đến dâng cho Pháp Đoan v.v... mọi người mở ra đọc, chỉ thấy giấy vàng hoàn toàn không có văn tự, lại mở các quyển khác, cũng lại như thế Pháp Đoan v.v... hổ thẹn kinh sợ, bèn đưa trở lại cho Ni Sư. Ni Sư buồn khóc mà nhận lấy, dùng nước thơm mà rửa hộp, và tắm gội thân mình, đội kinh trên đầu đi nhiễu quanh tượng Phật hành Đạo, suốt bảy ngày chẳng tạm ngưng nghỉ. Thế rồi mở kinh ra xem, văn tự như cũ. Về sau, tìm hỏi tên tự của Ni Sư ấy, có người nói Ni Sư tự là "Luyện Diệu", sau lại đổi tên là "Cảm Diệu" (Trong "Pháp Uyển" quyển 27 nói: Rút từ Minh Báo Ký Ni Pháp Tín).

***10. Nghiêm Cung ở Dương châu:***

Nghiêm Cung ở Dương châu, vốn là người Tuyền châu, gia đình rất giàu của cải mà không có anh em, cha mẹ rất quý mến muốn gì được nấy.

Khoảng đầu niên hiệu Thái Kiến (569) đời Trần, Nghiêm Cung khoảng hai mươi tuổi xin cha mẹ năm mươi ngàn đồng, để sang chợ Dương châu, cha mẹ bèn cho. Nghiêm Cung mang tiền lên thuyền xuôi dòng, cách Dương châu khoảng mấy mươi dặm, đang trên sông, gặp một thuyền chở rùa đến chợ để bán. Nghiêm Cung hỏi, biết được nguyên do và nghĩ là rùa sẽ bị chết, do đó Nghiêm Cung xin được mua chuộc số rùa đó. Người chủ rùa nói: "Rùa của tôi riêng mỗi con phải một ngàn đồng tiền mới bán". Nghiêm Cung hỏi: "Có tất cả bao nhiêu con?" Người chủ rùa đáp: "Có năm mươi con". Nghiêm Cung nói: "Tôi đang có năm mươi ngàn tiền, xin mua". Người chủ vui vẻ nhận tiền và trao rùa rồi đi. Nghiêm Cung đem hết số rùa đó thả xuống sông, và chỉ để thuyền không mà đến Dương châu. Người chủ rùa ấy giã biệt Nghiêm Cung đi được hơn mười dặm thuyền bị chìm mà chết. Khi đó, cha mẹ của Nghiêm Cung đang ở tại nhà, lúc trời sẩm tối có năm mươi người khách mặc áo quạ đến nhà xin nghỉ qua đêm và đưa năm mươi ngàn đồng cho cha Nghiêm Cung mà nói rằng: "Con của ông đang ở Dương châu gởi số tiền này mang về, xin ông nhận số tiền". Cha của Nghiêm Cung lấy làm lạ, nghi là Nghiêm Cung bị chết nên xét hỏi. Các người

khách đáp: "Con ông bình an không sao cả, chỉ vì không cần dùng tiền nên gởi cho chúng tôi mang về". Cha của Nghiêm Cung nhận tiền và ghi nhận đó là số tiền cũ, đều bị nước thấm ướt. Ông bày thức ăn giữ khách ở lại. Sáng sớm hôm sau, các người khách từ giã ra đi. Hơn một tháng sau, Nghiêm Cung trở về, cha mẹ rất vui mừng, thế rồi hỏi lý do gởi tiền về. Nghiêm Cung nói: "Không có việc ấy". Cha mẹ của Nghiêm Cung tả lại hình dáng những người khách và ngày tháng mang tiền gởi về. Đúng là ngày Nghiêm Cung đã mua rùa, mới biết năm mươi người khách ấy là rùa mà Nghiêm Cung đã mua chuộc, cha con Nghiêm Cung mới kinh sợ khen ngợi, do đó sang Dương châu lập tinh xá, chuyên chép kinh Pháp Hoa, sau đó dời nhà đến ở Dương châu và trở nên giàu có, mở mang các phòng làm nhà chép kinh, trang nghiêm thanh tịnh, cung cấp rất sung túc phong hậu, thư sinh thường có đến mấy mươi người, các Đạo tục ở Dương châu đều cùng nhau tôn kính, gọi đó là "Làng Nghiêm Pháp Hoa".

Có người quen đến mượn mười ngàn tiền để chép kinh, Nghiêm Cung bất đắc dĩ phải cho, người mượn nhận lấy tiền dùng thuyền để chở đi, giữa đường thuyền bị chìm, cả mười ngàn tiền đều thấm ướt, như mới lên khỏi nước, Nghiêm Cung rất lấy làm lạ. Sau thấy tiền vay mượn trước kia mới biết tiền thấm ướt là vì người vay. Lại có thương nhân đến hồ Cung đình chỗ tế Thần, dùng các thứ rượu thịt và thượng vật mà dâng cúng. Đêm đó, thương nhân mộng thấy vị Thần đưa các vật trả lại và nói rằng: "Tôi nhờ ông vì tôi mang các vật này dâng cúng kinh Pháp Hoa dùng vào việc chép kinh". Và các vật đã dâng cúng thần đều ở trước mặt mình. Khi đó, thương nhấn ấy khen lạ, mang đến chỗ Nghiêm Cung và cúng thí nồng hậu gấp bội. Sau đó, Nghiêm Cung vào chợ mua giấy để viết kinh, gặp lúc thiếu tiền, bỗng thấy có một người mang ba ngàn tiền đến trao cho Nghiêm Cung, nói: "Xin giúp ông tiền mua giấy!". Nói rồi liền biến mất mà tiền nằm ở trước mặt Nghiêm Cung. Các điều lạ như thế xảy ra chẳng phải chỉ một lần.

Đến khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Nghiêm Cung qua đời. Có người ở gần mộng thấy Nghiêm Cung sau khi chết sinh lên cõi trời thanh tịnh, trong mộng hỏi: "Cõi trời thanh tịnh nào?". Nghiêm Cung đáp: "Ở tại nội viện của cõi trời Đâu-suất, không có các thứ tạp uế". Sau khi Nghiêm Cung qua đời, con cháu vẫn giữ gìn hạnh nghiệp biên chép kinh ấy. Đến cuối đời Tùy (....618), giặc cướp lộng hành đến Giang Đô, đều răn dè với nhau là "Chớ vào làng Nghiêm Pháp Hoa". Người trong làng nhờ đó được sinh sống an vui. Mãi đến

nay, công việc chép kinh vẫn không ngưng nghĩ, khắp châu ấp đều thấy, người ở kinh đô nói là cũng có nhiều người biết, nhờ Mã Tông Công Tiêu chỗ rất xét kỹ tốt lành. (Người ghi (= Tăng Tường) có lời rằng: Truyện của Nghiêm Cung ở Tương châu và tuyện của Nghiêm Cung ở Dương châu đây có nhiều chi tiết giống nhau. Truyện kia rút từ Cảm Thông Lục v.v... truyện này từ Minh Báo ký v.v... y cứ có sự rộng lược khác nhau, trước sau đều nêu bày ra đó, xin tìm xem đầy đủ đầu đuôi đều như vậy).

***11. Kẻ nam bất tín:***

Ở huyện Ngu thuộc Bồ châu có một gã nam tử, mất họ tên, phụng thờ thần Đạo, chẳng tin Phật pháp. Nếu thấy tượng Phật và chư Tăng thì rửa mắt, nghe tiếng giảng pháp và tụng kinh thì rửa tai, được các vị Thiện tri thức khuyên hóa dẫn dụ thì chẳng tin theo. Có lúc vì việc quan trọng riêng tư, đến chỗ Sa-môn Đạo Như chùa Nhân Thọ, đứng ở ngoài cửa mà nói lớn rằng: “Nếu có cần dùng việc riêng, xin cho mượn ba ngàn tiền”. Ngài Đạo Như bảo: “Tiền ở trong kho của chùa, không gì đáng tiếc, chỉ vì tôi theo sự thỉnh mời của Đàn-việt thí chủ tạo kinh Pháp Hoa, đến cuối hàng đầu phẩm phương tiện còn một chữ chưa viết mà nghiên mực nước đã khô cạn, ông hãy lấy giúp nước để viết hoàn tất”. Sắp muốn đứng dậy, gã nam tử ấy suy nghĩ: “Ta vốn chẳng thấy Tam bảo nay y theo không sao, lại đến chỗ này, nếu lấy nghiên nước há chẳng phải không tốt, còn nếu chẳng lấy thì trái với yếu khế”. Nghĩ đoạn rồi lấy nước cho đó mà đi. Ngài Đạo Như chép xong hàng đó. Sau đó, gã nam tử trở lại tìm không thấy, bèn vội chạy đến nơi dòng sông, bất chợt vấp té chết ngất, giây lâu, tỉnh lại rơi lệ than khóc ăn năn lỗi lầm, đi đến chùa nói với ngài Đạo Như rằng: “Khi tôi muốn tuyệt vào cửa chết, có hai người kéo đến chỗ cung vua Diêm-la, vừa mới thấy tôi, vua tỏ vẻ giận dữ quát bảo: “Ông dùng tà kiến mà trang nghiêm thân mình, quả báo đáng vào địa ngục A-tỳ”. Khi ấy giữa hư không bỗng nhiên có ánh sáng lạ soi chiếu trên đảnh đầu tôi, vua nghiệm xét đầu đuôi mới biết đó là chữ cuối cùng của hàng đầu trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa. Vì tôi dùng nước để chép nên văn tự ấy hóa hiện ra thân Phật đến cứu giúp hỏi: “Ánh sáng ấy là ai?”. Đáp: “Ta là văn tự trong phẩm Phương Tiện. Văn tự của kinh Pháp Hoa mỗi chữ đều là Phật. Gã nam tử này quy hướng ta nên ta đến cứu”. Khi đó, vua Diêm-la vui vẽ bảo: “Đều tốt lành thay, văn tự kinh Pháp Hoa biến hóa thân phát ra ánh sáng còn cứu kẻ chẳng kính tin, huống chi là đối

với người có tâm kính tin". Và liền chỉ bày cho đường trở về, nên được sống lại". Gã nam tử ấy bèn bỏ nhà xuất gia, phát tâm chép mười sáu bộ kinh, vân du tham lễ khắp các danh sơn, không biết về sau như thế nào.

***12. Vị khách Tăng ở đời Tùy:***

Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, có vị khách Tăng đến miếu Thái Sơn, xin nghỉ lại qua đêm. Người giữ miếu nói rằng: "Ở đây không có phòng riêng, chỉ có dưới chái miếu thần là nơi có thể nghỉ được, nhưng từ trước đến nay những người dừng nghỉ qua đêm tại đây đều chết cả". Vị khách Tăng ấy bảo: "Không sao". Người giữ miếu bất đắc dĩ phải chấp thuận, nên sắp đặt chỗ nghỉ ở dưới chái miếu. Vị khách Tăng ấy trong đêm đang ngồi thẳng tụng kinh, đến canh một, nghe trong phòng có tiếng khoen vòng, chỉ chốc lát, vị Thần xuất hiện lễ bái vị khách Tăng ấy. Vị khách Tăng ấy bảo: "Nghe nói những người nghỉ lại qua đêm ở đây phần nhiều đều chết, há Đàn-việt hai họ ư? Xin hãy che chở." Thần nói: "Những người ấy phần nhiều là số chết đã sắp đến, do nghe tiếng của đệ tử, nên tự khiếp sợ mà chết, chẳng phải đệ tử giết hại họ. Xin Đại sư chớ lo ngại". Vị khách, Tăng do đó ngồi xích lại gần, nói bàn chừng khoảng bữa ăn. Lát sau, vị khách Tăng ấy hỏi rằng: "Người ở thế gian có truyền thuyết nói là ở núi Thái có quỷ sống, việc ấy có thật hay không?". Thần nói: "Đệ tử phước mỏng, thật có việc đó, Đại sư muốn được thấy tiên vong chăng?". Vị khách Tăng bảo: "Tôi có một người bạn đồng học đã qua đời trước, nay muốn được thấy họ". Thần hỏi: Tên họ hai người ấy là gì?". Vị khách Tăng ấy trả lời đầy đủ tên họ. Thần nói: "Một người đã sinh trong nhân gian, còn một người mắc tội nặng đang đọa trong địa ngục không thể gọi đến. Xin Đại sư đến để gặp người ấy". Vị khách Tăng ấy rất vui mừng do đó cùng đứng dậy đi ra cửa, không xa bao nhiêu mà đến một một có nhiều miếu ngục, lửa dữ thiêu đốt bừng cháy rất mạnh. Thần dẫn vị khách Tăng ấy vào trong một viện, xa thấy một người đang ở trong lửa kêu gào không thể nói, hình dáng thay đổi chẳng còn nhận biết mà máu thịt bị cháy hôi thối, khiến người phải thương tâm, Thần nói: "Chính là người đó, Đại sư không muốn đi xem khắp ư?" Vị khách Tăng ấy buồn thương muốn trở ra. Chỉ khoảnh khắc muốn trở lại miếu. Lại cùng ngồi với thần, vị khách Tăng do đó hỏi: "Tôi muốn cứu bạn đồng học có cách gì chăng?". Thần nói: "Có", nên chép kinh Pháp Hoa thì sẽ được thoát khỏi". Thế rồi, trời sắp sáng, Thần từ giã vị khách Tăng ấy mà vào trong nhà. Đến lúc

sáng sớm, người giữ miếu đến xem, thấy vị khách Tăng ấy không chết lấy làm lạ. Vị khách Tăng ấy do đó nói cho biết, liền chép một bộ kinh Pháp Hoa. Khi kinh đã chép xong, trang hoàng đã xong, vị khách Tăng ấy lại mang kinh đến miếu đó mà nghỉ qua đêm, đêm đó thần lại ra như trước, vui mừng lễ bái, hỏi thăm vị khách Tăng ấy đến để làm gì? Vị khách Tăng ấy nói việc đó cho Thần nghe. Thần nói: "Đệ tử biết rồi, khi Đại sư chép kinh vừa mới viết đề mục, người ấy đã được thoát khỏi, nay lại sinh lên chẳng còn ở nhân gian. Và ở xứ này là nơi không được trong sạch, không nên tôn trí kinh ở đây. Xin Đại sư đưa kinh trở về lại chùa". Nói xong giây lâu, trời sắp sáng, Thần lại giả từ mà đi vào, vị khách Tăng ấy đưa kinh trở về chùa (xuất xứ từ Pháp Uyển quyển 18).

***13. Vị Tăng trụ tại Đạo tràng Hà Tây ở Cô Sơn:***

Ở Ráng châu, Cô Sơn Tây Hà có xây dựng điện đường có nhiều cây rừng, chỗ hình thế rất tốt đẹp.

Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường, có hai vị Sa-môn đồng ở chung phòng, một vị tên là Tăng Hạnh hành trì Tam giai Phật pháp, một vị tên là Tăng Pháp hành trì Pháp Hoa Tam-muội, hai vị cùng kết ước nếu ai qua đời trước thì phải về mách bảo cho biết chỗ thác sinh như hai anh em ngài Vô Trước và Thế Thân xưa kia. Sau đó, ngài Tăng Hạnh tịch trước, tuy nghĩ nhớ suốt ba năm mà không thể trở về mách bảo chỗ thác sinh, ở phòng ấy có pho tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, nếu ai bỏ ăn phát thệ cầu nguyện thì sẽ có cảm ứng, nên ngài Tăng Pháp bỏ ăn suốt năm ngày ở trong phòng ấy chẳng bước ra khỏi cửa. Đến đêm ngày thứ năm, mộng thấy một vị Sa-môn đến nói với ngài Tăng Pháp rằng: "Sư hãy nắm góc áo ta thì sẽ thấy được chỗ thác sinh của Sa-môn Tăng Hạnh". Ngài Tăng Pháp liền nắm lấy góc áo, chỉ chốc lát thì đến địa ngục, lửa dữ thiêu đốt bừng bừng chẳng thể đến gần, có bảy lớp lưới sắt vây phủ phía trên, các cánh cửa sắt đóng kín cả bốn mặt rất bền chắc, có trăm ngàn vị Sa-môn, những người hủy phạm tịnh giới chẳng điều phục thân tâm hiện ở trong đó chịu khổ. Vị Sa-môn ấy hỏi quỷ La-sát canh giữ rằng: "Trong đây có Sa-môn Tăng Hạnh hay chăng?". Quỷ La-sát đáp: "Có". Vị Sa-môn ấy lại nói: "Tôi muốn được gặp". Quỷ La-sát bảo: "Không thể gặp được". Vị Sa-môn ấy nói với quỷ La-sát rằng: "Xưa kia đồng tu hành, nghĩ nhớ nên đến tìm thăm, chúng tôi là Phật tử vì sao ngươi cố tiếc như thế?". Quỷ La-sát nói: "Nếu muốn thấy thì tùy ý liền được thấy". Khi ấy, Quỷ La-sát dùng mũi nhọn khều trong than đen đang cháy chỉ mà bảo: "Đó là ông

Tăng Hạnh". Ngài Tăng Pháp thấy than cháy đen mà rơi lệ khóc bảo: "Sa-môn Thích tử vì sao phải chịu khổ nặng thế này, tôi muốn thấy hình dáng khi xưa". Khi đó, Quỷ La-sát gọi sống lại rõ ràng như thuở bình sinh chỉ có hình thể bị đốt cháy. Sa-môn Tăng Hạnh nói với Sư rằng: "Xưa, tôi cống cao buông lung tự phạm, ông hãy cứu khổ giúp tôi". Sư hỏi: "Phải làm thế nào để cứu khổ?". Sa-môn Tăng Hạnh đáp: "Nên tạo kinh Pháp Hoa". Sư hỏi: "Nên tạo như thế nào?" Sa-môn Tăng Hạnh bảo: "Nội trong một ngày hãy hoàn tất việc ấy". Sư nói: "Bần Đạo làm sao có thể nội trong một ngày hoàn tất việc ấy được". Sa-môn Tăng Hạnh nói: "Tôi khổ không thể chịu nỗi, chỉ chừng sát-na cũng khó thoát qua. Nếu chẳng nhanh chóng trong một ngày, làm sao được dứt khổ". Khi ấy Quỷ La-sát lại tức giận quát mắng, dùng mũi nhọn mà đâm người đó đưa vào trong ngục. Sư lại theo vị Sa-môn ấy trở ra. Đến lúc tỉnh mộng, ngay ngày hôm đó, Sư xả thí tất cả y bát mọi vật, thuê bốn mươi thư sinh trong một ngày chép kinh Pháp Hoa, cúng dường lễ bái. Đêm đó, Sư lại mộng thấy vị Sa-môn ấy đến mách báo là Sa-môn Tăng Hạnh đã sớm lìa cảnh khổ địa ngục, gần sinh lên cõi trời thứ hai, Thạnh tự tay ghi chép việc trông thấy.

***14. Người làm quan thời Bắc Tề:***

Vào thời Bắc Tề có một người làm quan, gia đình vốn giáu có. Đến lúc sắp chết căn dặn vợ con rằng: "Ta bình thường rất quý mến kẻ tôi tớ và ngựa, đều là kẻ dùng để sai hầu và nương cưỡi lâu năm rất là vừa ý. Sau khi ta chết, hãy giết họ, nếu không làm như thế thì ta không có người để sai sử và vật để nương cưỡi!". Đến lúc qua đời, người nhà dùng đãy đựng đầy đất nén ép kẻ tôi tớ mà giết họ, còn ngựa thì chưa giết. Kẻ tôi tớ chết bốn ngày sau sống lại nói rằng: "Đang lúc bất giác, bỗng nhiên đi đến cửa quan phủ, người giữ cửa nhân đó giữ tại cửa qua một đêm. Đến sáng sớm thấy ông chủ đã qua đời bị gông cùm, lính nghiêm trang canh giữ dẫn vào chỗ quan. Vừa thấy tôi liền bảo rằng: "Ta cho rằng để sau khi chết có được kẻ tôi tớ để sai sử nên để lại lời kêu gọi ngươi, nhưng nay thì mỗi người tự nhận chịu, chẳng hề liên quan gì. Nay ta sẽ tấu với quan để thả ngươi". Nói xong bèn đi vào. Tôi đứng ở chỗ vắng lặng ngoài cửa nhìn thấy quan hỏi người canh giữ rằng: "Ngày hôm qua ép lấy mỡ được nhiều ít?". Đáp rằng: "Được tám thăng". Quan bảo: "Trở đi lại ép lấy một hộc sáu thăng". Ông chủ liền bị dẫn ra, chẳng hề nói được. Đến sáng sớm hôm sau lại trở vào lại, ông tỏ vẻ vui mừng nói với tôi rằng: "Nay ta sẽ vì ngươi mà tấu trình". Khi

vào, quan hỏi: "Có mở chăng?". Đáp rằng: "Không có". Quan hỏi: "Vì sao?". Chủ ty nói: "Người này vừa chết ba ngày, mà người nhà thỉnh chư Tăng, thiết trai cúng dường, nên mỗi lúc nghe tiếng tán tụng kinh thì xà sắt liền gãy, nên không ép được". Quan bảo: "Thả cho đi". Chủ ty do đó tấu trình quan xin thả tôi. Quan liều kêu: "Thả đều ra ngoài cửa". Ông chủ sai tôi mang lời về nói với vợ con rằng: "Nhờ các người tu tạo phước, nên được miễn tội lớn nhưng vẫn chưa thoát khỏi. Có thể lại vì chép kinh Pháp Hoa, tu tạo tôn tượng để cùng cứu giúp, mong nhờ nhân ấy mà được thoát khỏi, từ nay không nên lập bày cúng tế, vì như thế chỉ thêm tội tôi thôi". Nói xong bèn từ biệt. Kẻ tớ được sống lại và nói lời đó, mọi người trong nhà ngay trong ngày đó lập trai hội, từ đó tu tạo phước, cả nhà đều luyện hạnh.

***15. Thích Tu Đức ở Định Châu:***

Vào thời Tiền Đường, trong núi ở Định Châu, có Thiền sư Thích Tu Đức, không biết họ gì, chuyên khổ tiết thành tánh, kính giữ Đạo ở chốn núi rừng, y theo kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi tín mà an tâm kết nghiệp, suy niệm tu Thiền. Đến niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ tư (653) thời Tiền Đường, quy hướng chí thành với Giáo nghĩa phương quảng. Do đó, phát đại Đạo tâm, rất mực siêng năng ghi chép, nên ở tịnh viện trồng các thứ cây, trải qua ba năm, lấy các thứ hoa thuốc, dùng nước thơm mà gội rưới, làm giấy sạch. Sau đó xây dựng tịnh đài riêng, ở trên đó lại tạo phòng thất, mời Vương Cung là người tài giỏi về viết chữ trong viện riêng ở Ngụy Châu thọ trì trai giới, tắm gội mặc y phục mới sạch, đốt hương rải hoa, treo các thứ phướn lọng, lễ bái sám hối rồi mới lên tòa. Hễ chấm bút thì hợp hương, dắt bút thì nhả hơi, mỗi ngày thường như thế, siêng năng không biếng trễ. Thiền sư đích thân tự vào tịnh thất liên tưởng, đốt hương giữa khoảng bút mực đều chuyên tâm tự nhân tu như vậy mãi suốt đầu cuối. Khi chép xong một quyển, cúng thí mười xấp lụa nhũn, đến lúc chép xong trọn bộ, thì cúng thí tất cả hơn sáu trăm xấp. Vương Cung do đó phát tâm đều chẳng nhận lấy thù lao chí thành dốc cả tâm lực giúp sức. Chép kinh mới xong, không bao lâu thì qua đời, vì kinh chép đã thành, Sư thiết trai cúng dường chúc mừng, nhóm họp đại chúng đồng tâm thanh tịnh ít có, lễ bái Thiền sư. Bèn ở trước chúng, Sư đốt hương rải hoa, phát thệ nguyện rộng lớn. Vừa mở tạng kinh, thì phát ra ánh sáng rực rỡ, khắp hơn bảy mươi dặm soi chiếu thành Định châu. Trong thành có các nam nữ đều thấy. Đại chúng trong trai hội trên núi đã thấy điều ít có đặc biệt được sự chưa từng có, bèn

buồn khóc sám hối. Thiền sư lại khắc đá chép các kinh Niết-bàn, Pháp Hoa mỗi thứ một bộ. Mới đầu dời vào khám đá, chép kinh Niết-bàn, Pháp Hoa đều phát ra ánh sáng soi chiếu khắp hơn mười dặm, cả chúng đều trông thấy, cảm ngộ không ngằn mé. Đã có cảm ứng, lợi ích đâu có gì đáng nghi.

***16. Vua Thái tổ Cao Đế đời Nam Tề:***

Vua Thái tổ Cao Đế (Tiêu Thành Đạo 479-483) thời Nam Tề rất kính trọng Phật pháp nên lập hai ngôi chùa Trắc Dĩ và Chỉ Quán. Ngày mồng 08 tháng 04, vua cho đúc pho tượng bằng vàng. Ngày 15 tháng 07 ở khắp các chùa đều thiết lễ Vu-lan, cúng dường ba trăm vị Tăng. Vua tự dùng hương thấm hòa với mực, tự tay chép tám bộ kinh Pháp Hoa, và hai bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng, đều dùng năm thứ hương làm hộp đựng bốn vật báu. Vào giữa đêm vắng lặng giây phút tốt lành thanh trai hành Đạo thường phát ra ánh sáng màu vàng ròng soi chiếu khắp trong điện. Chư hầu đều trông thấy, càng phát tâm gấp bội, cùng bàn với nhau rằng: "Chúng ta nhóm kết hai mươi tám người, mỗi người chép một phẩm, trang nghiêm rực rỡ". Ngày 15 tháng 07 đến chùa chỉ Quán cúng dường lễ bái. "Tức y như cùng bàn lận, đang ngày cúng dường, trời mưa hoa nhỏ nhiệm như vân mẫu rơi xuống, có chất lưu ly làm trục phát ra ánh sáng, soi chiếu khắp hơn một dặm, đại chúng đều hoan hỷ. Trong đó có Tiến Sĩ Đặc bảy mươi tám tuổi chóng bị chết ngất, giây lâu tỉnh lại ngồi vui mừng mà rơi lệ: "Tôi như nằm mộng thấy tự thân mình chung quanh có mọc lông cánh, bay đến cõi trời tức trước cung Đâu-suất, vào trong nội viện, Bồ-tát Di-lặc bảo rằng: "Cao Đế (Tiêu Đạo Thành) và chư hầu đều đến chỗ ta, đó là do năng lực của kinh Pháp Hoa. Ông trở lại nhân gian nên nói việc này". Tức Đặc bay xuống thấy lông cánh đó là năng lực của một phẩm kinh Pháp Hoa. Các ông chớ nên biếng lười". Vua quan càng phát tín tâm.

***17. Thiện tín nữ ở Tịnh Châu:***

Ở Tinh Châu có một Thiện tín nữ họ Sở, tu niệm hạnh nghiệp Tây phương. Tại châu này, các nam nữ mới bảy tuổi đều hiểu Niệm Phật Tam-muội. Vị Thiện tín nữ ấy rất sinh tâm nhàm chán muốn xa lìa, phát nguyện chép một bộ kinh Pháp Hoa, hồi hướng nguyện sinh về Tây phương, mộng thấy Thánh chúng ở Tây phương đến báo rằng: "Ngươi hành trì niệm Phật Tam-muội, tạo kinh Pháp Hoa nên đến nói cho biết từ nay về sau, hai mươi lăm năm nữa mới đến đón rước". Nói xong bèn đi, người Thiện tín nữ ấy càng phát tín tâm, tự chép kinh Pháp Hoa,

xưng niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Đến năm bảy mươi sáu tuổi mới qua đời, nghe có tiếng âm nhạc réo rắt giữa hư không, mùi thơm lạ tỏa khắp phòng và có lắm điềm kỳ lạ khác nữa.

***18. Thích Tuệ Thiếu trụ chùa Thần Định ở Tương Châu:***

Thích Tuệ Thiếu, họ Trang, xuất gia từ thuở thiếu thời, chuyên dùng pháp Tiểu thừa làm hạnh nghiệp chánh, nổi tiếng khắp vùng Giang Hán. Nhân Tượng Vương Triết Công khai giảng Tam luận, tâm sinh bất nhẫn, Tuệ Thiếu nói rằng: "Tam luận nói về không, mà người giảng lại chấp trước không? Nói xong, lưỡi dài ra ba thước, mũi mắt hai tai đều rỉ máu, suốt bảy ngày không nói năng gì được. Có Luật sư Thải thấy thế bảo rằng: "Ngươi là kẻ rất ngu si, một lời phỉ báng kinh giáo, hơn năm tội nghịch, phải tin theo Đại thừa, mới được thoát khỏi". Thải mới bảo sám hối, lưỡi Tuệ Diệu rút vào trở lại, bèn khiêng đến chỗ Triết Công, Tuệ Diệu phát nguyện chỉ nghe giáo pháp Đại thừa. Về sau sư thường giảng nói kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm để tỏ bày sự sám hối. Sư từng ở nơi rừng thông ngồi thiền, thấy có ba người, thân mặc y phục nho nhã đến xin thọ giới Bồ-tát. Thọ giới xong bèn thưa rằng: "Thiền sư là người lợi căn, nếu chẳng sửa đổi tâm tin theo Đại thừa thì qua thời gian ngàn Đức Phật ra đời, vẫn còn đọa trong chốn địa ngục". Nghe nói như thế, Tuệ Diệu cảm động rơi nước mắt và trở về chùa, đến trước phòng của Triết Công nghẹn ngào thốt chẳng nên lời. Lại cùng khuyên hóa các tục sĩ tạo các kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích v.v... mỗi thứ trăm bộ. Đến lúc thị tịch cảm ứng cây rừng biến thành màu trắng. Có thể nói Sư là người có lỗi nhưng khéo biết sửa đổi.

■

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 9

### XI. LỢI ÍCH CỦA VIỆC NGHE PHÁP VÀ PHỤ NÊU HIỆN BÁO CỦA VIỆC KHI NH CHÊ .

1. Quang Minh Nữ.
2. Thiên tử Diệu Ý.
2. Người đi buôn.
4. Chiên-đà-la-tử.
5. Con của chim bồ câu.
6. Phạm Lương Tử.
7. Vị Sa-di ở ngoại quốc.
8. Pháp Dự ở Quảng Châu.
9. Rắn độc sinh lên cõi trời.
10. Ba-tư-nặc-già-la vua nước Xá-vệ.
11. Người nữ ở Tầm Dương.
12. Vị Sa-di ở Ung Châu.
13. Con chó và con khỉ của ngài Tăng Lãng.
14. Con dơi ở tinh xá Hành Đường.
15. Con khỉ ở núi Hổ Khâu đời Tùy.
16. Quỷ đói ở nước Nguyệt Chi.
17. Xử nữ ở Tầm Dương.
18. Vô Cấu Hữu người nước Tây Vức.
19. Ni Sư Trí Thông.
20. Sa-di Vân Tạng.
21. Sa-môn Hiếu Từ.
22. Nàng hầu của Ưu-bà-tắc ở Tương Châu.

***1. Quang Minh Nữ trong thời Phật tại thế:***

Xưa, khi Phật còn tại thế, có một cô gái tên là Quang Minh vốn nghe kinh Pháp Hoa, đến lúc qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Cha mẹ gom nhặt di cốt con xây tháp cúng dường. Khi đó, vị trời trẻ con (Quang Minh) ấy dùng Thiên nhãn nhìn xuống và đến thưa cha mẹ rằng: "Tôi là con của các người, thuở bình sinh được một lần nghe kinh Pháp Hoa, và đó cũng chẳng phải tự nghe, chỉ do người bạn đến dẫn đi nghe kinh, nên tôi ngồi một nơi thấp tạm thời nghe pháp, nương theo nhân lành ấy mà được sinh lên cõi trời!". Cha mẹ không tin, hỏi lại rằng: "Làm sao biết được người là con của chúng tôi?". Khi đó, vị trời trẻ con ấy nói: "Trong hòm của tôi, cha mẹ có tặng mười viên ngọc trắng, hiện còn ở trong đó, nên dựa vào các vật ấy mà biết". Khi ấy, cha mẹ mở hòm ra xem, quả thật đúng như lời vị trời nói, có mười viên ngọc trắng đang cất ở trong đó. Vị trời trẻ con ấy lại bảo: "Khuyến hóa người khác nghe kinh còn được sinh lên cõi trời, huống chi tự mình đi nghe, đích thân đọc tụng? Nên mong cha mẹ cùng làm như con". Nói xong, bỗng nhiên biến mất, cha mẹ mến thương nghĩ nhớ đức hạnh của con mình nên cùng siêng năng tinh tấn tu trì, nhờ vậy cùng sinh lên cõi trời ấy. (Trích từ Yếu Tập).

***2. Thiên tử Diệu Ý thời Đức Phật tại thế:***

Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, có một vị trời đến chỗ Phật, tán thán Phật xong thì về lại cõi trời. A-nan bạch Phật rằng: "Vị trời ấy có phước hạnh gì thuở xưa, mà oai đức đặc biệt được thấy Phật nghe pháp như thế?". Phật dạy: "Vị Thiên tử đó là bạn của vua A-xà-thế, mang kiệu đến chỗ Phật nghe kinh Pháp Hoa. Nhờ nghe pháp ấy mà được sinh lên cõi trời thứ tư. Lúc vừa sinh ra, liền nhớ biết túc mạng nên đến chỗ Phật. Ở đời tương lai ông ấy sẽ được thành Phật, hiệu là Diệu Ý, mười đức hiệu đầy đủ, đó đều là do năng lực nghe kinh Pháp Hoa". (Yếu Tập).

***3. Người đi buôn ở thời mạt pháp của Đức Phật Ca-diếp:***

Xưa, trong thời mạt pháp của Đức Phật Ca-diếp, có mấy người không rõ tên họ kết bạn đi tìm của báu, đi đến ven biển, nghe tiếng kiền chùy. Trong đoàn có một người thương chủ hỏi rằng: Vì sao có tiếng ấy. Có người đáp: "Giảng kinh Pháp Hoa". Một người khuyên bạn hãy đi theo mình đến dự tòa, nghe giảng pháp xong, từ tòa rút lui, cuối cùng đến biển, chẳng tìm được tài vật, bỗng nhiên gặp phải gió dữ, thuyền bị

chìm, mọi người đều chết, chỉ có một người còn sống sót. Đêm ấy người đó nằm mộng nghe có tiếng bảo rằng: "Ông nghe giảng phẩm Như Lai Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa, nhờ công đức ấy mà thoát chết". Một người lúc bấy giờ tức là Đề-bà-đạt-đa ngày nay. Còn các người bị chết đắm là Câu-già, Ly-ương, Câu-la v.v... Khi ấy, vị Thượng chủ hồi tâm quy hướng về kinh Pháp Hoa, dựng tạo tinh xá, tiếng thơm truyền xa. Ở trong giáo pháp của Đức Phật Thích-ca cũng là người nổi tiếng. (Yếu tập).

*4. Chiên-đà-la-tử ở thành Vương Xá.*

Xưa kia, trong thành Vương Xá nước Ma-kiệt-đà ở Thiên Trúc, có một Chiên-đà-la tên là Ác Ý, có một người con trai, lúc mới sinh các thứ độc đều tuôn vào nhà, nên đặt tên là Độc Ý. Gã giết hại sinh mạng, tâm không thương xót. Như có người trái phạm pháp luật, vua đều đưa đến giao cho Độc Ý, tức là vào hầm lửa chẳng thể nào sống được. Độc Ý ham thích rượu thịt, sắc mặt thường đỏ như máu, khiến người thấy đều kinh sợ mất vía. Vì đang là kiếp giặc trộm cướp, ban đêm đến Tăng phường, có vị Tỳ-kheo tụng kinh, tùy chỗ giải thích nghĩa ấy tức là kệ tụng sâu mầu trong phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa. Độc Ý nghe thế, bèn khởi tâm sám hối và trở về, không bao lâu bị bệnh quỷ thổ huyết mà chết. Cha mẹ bèn đem thi hài đến đặt ở gò mả. Các loài chồn, hổ, lang sói chẳng dám đến ăn, nằm như khúc cây khô, sau bảy ngày, Độc Ý sống lại, ở gò mả buồn khóc vật vả thân mình dưới đất. Các thân thích bè bạn đến hỏi. Độc Ý không một lời đối đáp. Khi đó, cha mẹ cho là yêu mỵ đều mặc tình bỏ đó mà đi. Bấy giờ, có một vị Sa-môn đến chỗ gò mả quán sát xấu ác lộ bày bất tịnh, kế đến thấy Độc Ý, liền hỏi: Ngươi là quỷ mỵ phải không?. Độc Ý đáp: Không phải. Vị Sa-môn ấy lại hỏi: Vì sao buồn khóc?. Độc Ý đáp: Tôi là Độc Ý con của Chiên-đà-la Ác Ý ở thành Vương Xá. Vì ngu si không biết nhân quả, ham thích rượu thịt, chuyên làm việc giết hại sinh mạng. Nay nghiệp sống đã hết, lúc vừa chết, thấy có tám người A Phòng Dạ-xoa, ba người cầm gậy sắt, hai người khiêng xác xe lửa, một người cầm dây sắt, một người cầm đãy thần, một người bưng lồng sắt, xua tôi vào lửa, nắm gậy chặn giữ, ba phương cùng cách biệt, lòng lửa trùm lên đầu, theo lửa xoay vần đến như lửa sắt, dây buộc kéo đi trước, mỗi mỗi trong miệng đều phun ra lửa dữ mà mỗi mỗi quở trách rằng: "Ngươi là kẻ ác ở cõi Diêm-phù sẽ phải chịu quả ác có chịu nổi chăng?". Khi đó khắp thân thể bị đốt cháy, đau khổ vô lượng. Vừa đến ngoài cửa thành lớn. Diêm-la Đại Vương và Đại

thần năm đường ngồi dưới đất ngoài cửa, gông cùm xiềng xích, che bịt mặt mũi trói buộc người tội có cả ngàn muôn ở trong chỗ sâu, suy hỏi mọi việc nặng nhẹ, lại thêm đánh bằng gậy. Vừa thấy tôi thì liền quở trách rằng: "Ngươi y theo nghiệp quả xưa mà sinh trong gia đình Chiên-đà-la, lại gấp bội trái phạm trọng tội, quả báo sẽ ở địa ngục A-tỳ, trong vô lượng kiếp chẳng nghe tên Tam bảo, không được làm người". Và liền gọi mang gậy đến muốn đánh thêm. Khi ấy có một Đạo nhân đến chỗ vua, các hàng vua tôi, minh quan đều như cỏ bị gió thổi rạp, vua quỳ theo thế người Hồ. Đạo nhân bảo với vua rằng: "Nay trong ba cõi này đều là của ta. Chỉ một mình ta có thể cứu hộ. Độc Ý đây đã nghe được một câu kệ của kinh Pháp Hoa, tội đáng giảm nhẹ, nên thả trở về nhân gian". Vua bạch rằng: "Xin vâng theo lời nhân tôn, tôi sẽ ban ân phóng thả", liền tha cho Độc Ý. Liền đó, Đạo nhân cầm tích trượng chỉ đường trở về. Sau bảy ngày đi đường trở về, tôi được sống lại, mọi người thân thuộc đến hỏi han, tôi không trả lời, vì đều là bạn ác không thể gần gũi. Nay cúi xin ngài (Vị Sa-môn ấy) từ bi che chở, cho tôi được xuất gia". Khi đó, vị Sa-môn ấy dẫn về chùa, độ cho xuất gia làm Sa-di, siêng năng hành trì tinh cần. Các hàng thân thuộc v.v... nghe thế, đồng phát tâm xuất gia, ngay đời này thấy Phật. (Trích từ Yếu truyện).

***5. Chim bồ câu con ở niên hiệu Trinh Quán.***

Chùa Thạch Bích tại Tinh Châu, có một vị Lão Tăng, chuyên tâm thiền tụng làm chánh, siêng năng luyện hạnh. Khoảng cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, có một ổ chim bồ câu ở trên nóc nhà nuôi hai chim con. Vị lão Tăng ấy mỗi lúc thọ trai xong, thức ăn còn thừa thường đem về ổ chim để mớm cho ăn. Sau đó, chim cáp con ấy tuy dần lớn khôn, lông cánh chưa mọc đầy đủ mà đòi học bay, nên rơi xuống đất mà chết. Vị Lão tăng ấy nhặt lấy chôn cất. Hơn mười ngày sau, vị Lão Tăng ấy bỗng nhiên nửa đêm mộng thấy có hai trẻ đến thưa rằng: "Chúng con vì trước kia có chút tội nhỏ nên phải làm chim bồ câu, lại đây được nghe đọc tụng kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang, Bát-nhã, đã nghe pháp mầu, được làm thân người, chúng con hiện nay ở cạnh chùa cách hơn mười dặm, ở gia đình họ... ấy, tại thôn... ấy, thác sinh làm thân nam. Qua ngày mười tháng sau sẽ chào đời!". Lão Tăng ấy mới y cứ theo kỳ hạn, đến thôn ấy, thấy gia đình nọ có một người phụ nữ đồng sinh nuôi hai đứa con, vì tu tạo phước nguyệt trai. Vị Lão Tăng ấy gọi: "Chim bồ câu con", hai trẻ liền đáp: "Dạ!". Sau hơn một tuổi mới biết nói. Như thế, chim nghe kinh còn được làm thân người,

huống chi là người?

*6. Người con của Phạm Lương, huyện úy Trường An:*

Gia đình Phạm Lương hiện làm chức huyện úy Trường An, rất giàu cónhưng không có con nối dõi, bèn cầu nguyện với pho tượng linh thiêng ở trường Sa nên sinh được một người con trai. Vừa mới sinh, đã liền mở miệng nói. Đến lúc ba tuổi mới nói rành ngôn từ thế tục, hay biết văn từ thư điển, mọi người đều gọi là Thần Nhi, không thầy chỉ dạy mà tự nhiên tụng thông quyển ba, quyển bốn kinh Pháp Hoa, ngoài ra các quyển khác không tụng được. Khi cha mẹ qua đời, bèn nhàm chán thế tục đi xuất gia, Đạo hiệu là Pháp Biện, rất thấu hiểu nghĩa thú của hai quyển kinh ấy. Ngoài ra thì chưa được rõ ràng. Chuyên ăn dùng rau quả, khổ hạnh tiết chế, hoặc tụng đọc hoặc giải nghĩa chỉ hai quyển kinh ấy, chẳng gá vào công dụng gì khác, trong lòng Pháp Biện ôm hoài mối nghi, muốn biết được hạnh nghiệp ở đời trước, phát tâm cầu nguyện trải qua nhiều ngày, bèn cảm mộng báo rằng: "Do tội nghiệp đời trước nên phải làm thân chuột, ở trong vườn Tiêu Dao vào phiên kinh quán, nghe được hai quyển ba, bốn kinh Pháp Hoa, ngoài ra các quyển khác chưa nghe, khi ấy bị chư Tăng đuổi ra ngoài. Nhờ ở đó được nghe kinh pháp nên được thay đổi quả báo, sinh trong nhân gian làm con trai. Do trước đã nghe nên tự nhiên hiểu rõ, còn những gì chưa nghe là bởi không có nhân xưa nên chẳng thể tụng được và cũng không hiểu nghĩa. Ngay thân đời nay tu hành thì đời tương lai sẽ được tỏ ngộ, siêng năng thọ trì, không có lúc nào tạm phế bỏ, hẳn trongvạn ức kiếp được nghe kinh ấy, hãy cố gắng chớ để một đời luống qua". Pháp Biện lệ trào hoen my sám hối tội lỗi mà tự trách mình.

*7. Vị Sa-di ở ngoại quốc chứng đắc thần thông:*

Xưa ở ngoại quốc có một vị vua trong lòng bất tín, chỉ kính thờ trời Tự tại. Bấy giờ, có một vị Sa-di tuổi hơn hai mươi rất vào sâu Pháp nhẫn vô sinh, rất thành tựu thần thông trí lực, khéo biết mọi sự suốt cả ba đời. Vì vua ấy nghe điều thần dị như thế, nên sai sứ đến thỉnh vị Sa-di ấy đến bàn nói nghĩa lý Phật pháp, vị vua ấy phát sinh tín tâm, xả bỏ tà kiến quy hướng chánh pháp. Vị Sa-di ấy bảo với vua rằng: "Đại vương có muốn được nghe chánh pháp chăng?". Vị vua ấy hỏi: "Nghe pháp được công đức như thế nào?". Vị Sa-di ấy bảo: "Công đức nghe pháp không thể nghĩ bàn, phước ấy cũng vô lượng. Đức Đại sư Thích-ca Mâu-ni lúc mới phát tâm được nghe một bài kệ tụng xả bỏ báo thân

bèn được thành Phật. Và, cũng như trong kinh Pháp Hoa nói: "Nghe pháp mà hoan hỷ tán thán cho đến phát ra một lời tức là đã cúng dường tất cả chư Phật trong ba đời. Công đức ấy nhỏ ít ư? Xưa kia trong núi tuyết có một ngôi tháp báu, trong đó có thờ một bộ kinh Pháp Hoa bản tiếng Phạm, có một vị Lão Tăng đến ở trong đó thọ trì, đọc tụng. Ở bên cạnh tháp có một động đá, trong đó có một con dã can sống đã lâu năm. Lúc Lão Tỳ-kheo ấy mới đến, một con dã can khiếp sợ bỏ đi ở nơi chỗ khác, còn một con ở lại hang, thường nghe lão Tỳ-kheo ấy tụng kinh. Bấy giờ, gặp lúc gió lạnh, tuyết đóng bít lối đi vì mến mộ pháp âm nên ở lại trong hang đành chịu chết đói và thác sinh trong nhân gian, ngộ giải Diệu pháp, vào sâu pháp vô sinh, trước mắt thấy cả chư Phật mười phương. Còn con dã can khiếp sợ bỏ đi kia, vì lâu ở bên cạnh tháp, do phước đó mà được làm vua. Chỉ vì không nghe chánh pháp, nên diệu pháp chưa thấm đượm vào tâm. Con dã can ấy đâu phải người nào khác, mà chính là nhà vua. Còn con dã can được nghe pháp là thân tôi ngày nay. Vì chỗ bạn thân xưa cũ, duyên xưa còn lại, nên chỉ bày khai ngộ cho Đại vương!". Nói xong, vị Sa-di ấy liền hiện bày việc thần thông, và nhân đó bỗng nhiên biến mất. Vị vua ấy cảm ngộ rơi lệ, bèn giao phó ngôi vị Quốc vương cho Thái tử, rồi xuất gia học đạo, chứng đắc được Thuận nhẫn. (Rút từ Tây Quốc truyện).

***8. Pháp Dự ở Quảng Châu:***

Pháp Dự người ở Quảng Châu, tánh tình rất thô ác, không việc xấu ác gì mà chẳng làm. Đến lúc qua đời, thần thức đến trước sảnh của vua Diêm-la. Vua sai vị quan ghi chép xem xét người ấy (Pháp Dự) đã tu tạo các thứ tội phước gì. Vị quan ấy bảo đầu trâu mặt ngựa các La-sát Bà đại lực lục tìm thẻ ghi chép về người ấy lại. Khi đó, có sáu người đứng dậy, theo hướng Đông bắc đi vào trong kho tàng cửa sắt lớn, lấy ra các thẻ sắt chất đầy ba xe, cả sáu người dốc hết sức lực mà lôi xe đến trước sảnh. Vua sai các sử quan ghi chép xem xét, chỉ thấy ghi chép những việc tội ác, không một thẻ nào ghi chép việc lành. Các sử quan ghi chép tâu với vua rằng: "Không hề có một thể nào ghi chép việc lành". Vua tỏ vẻ giận dữ bảo: "Ông là người rất ác, vào trong núi báu mà trở về tay không". Và vua lại hỏi sử quan ghi chép rằng: "Thẻ nói ba xe đã hết chưa?". Sử Quan tấu: "Hai xe đã hết, còn một xe gần hết". Vua bảo: "Lại nên tìm xét cho kỹ lưỡng xem". Liền y theo vua sắc bảo mà xem xét thật kỹ, thấy trong đó có một thẻ nhỏ cũ chép một việc lành. Đó là "Pháp Dự đến một ngôi chùa, tại đó đang giảng nói kinh Pháp Hoa, Pháp

Dự tạm thời nghe giảng”. Bèn y như thế mà tấu trình với vua. Vua bảo: “Lành thay! Pháp Dự có công đức lớn, năm mươi món công đức tùy hỷ còn tốt đẹp hơn cực quả thánh vị của Nhị thừa. Huống chi vừa mới gặp mà theo nghe, há chẳng diệt trừ tội chướng ư? Đã y cứ nghe kinh Pháp Hoa thì tội liền trừ diệt, người này đáng sinh lên cõi trời”. Bèn thả về lại nhân gian. Vua lại bảo các quan lại: “Nghiệp ác tuy nhiều vô lượng, chẳng bằng một nghiệp lành. Sao chẳng tán thưởng một nghiệp lành ấy? Các ngươi hãy đem đốt hết các thẻ ghi chép về nghiệp ác ấy”. Các quan liền y theo lời vua bảo, đốt hết các thẻ ghi chép việc ác. Pháp Dự ngồi chăm mắt, sinh khởi ý niệm hy hữu, kỳ đặc. Được ban ân phóng thả sống lại, đối trước những người thân nói bày nhân duyên đó mà hối tạ.

***9. Rắn độc sinh lên cõi trời:***

Xưa, ở ngoại quốc có một vị Tỳ-kheo chuyên ngồi thiền, tụng kinh Pháp Hoa. Ở nơi thành ấp ồn náo. Mọi sự tỉnh táo trái nhau, nên bèn xa bỏ xóm làng náo động dời đến ở trong núi rừng sâu. Đường chim bay giao thông, dấu chân người dứt tuyệt, suốt đêm ngày tọa thiền. Ngoài thời gian rảnh rỗi tọa thiền thì tụng kinh. Nơi phía Bắc núi ấy có một con rắn lớn, vì Ấn Độ nghiệp ác nên có vô lượng trùng độc nhóm tụ rút rỉa ăn thịt rắn. Xa nghe có mùi của người nên rắn ấy lăn lóc bằng bụng mà hướng đến chỗ vị Tỳ-kheo ấy đang ở. Con rắn ấy xưa cũng là đệ tử Phật, nên nghe tiếng kinh pháp, bèn rơi lệ, các trùng độc ngưng rúc rỉa, đau khổ được dứt trừ, nên hoan hỷ không làm hại vị Tỳ-kheo ấy, thường nương náu bên cạnh vị Tỳ-kheo ấy để nghe tụng kinh. Vị Tỳ-kheo ấy không biết có con rắn lớn đó, nên sau khi khất thực xong bèn trở về chỗ cũ, thấy con rắn lớn nằm quấn tròn, liền sinh tâm kinh sợ, bảo: “Rắn độc hại, ngươi hãy sớm đi nơi khác, nếu không có tâm ác độc thì hãy ở gần”. Rắn nghe lời nói ấy liền xích lại gần mà thường ở luôn để nghe tiếng tụng kinh. Đến giờ thọ thực thì bò đi ngậm hái trái cây đến cúng dường, cứ như thế, ngày lại qua ngày. Về sau, có một thời gian lâu, rắn không đến, vị Tỳ-kheo ấy lấy làm lạ, bèn lên trên đỉnh núi nhìn xuống hang sâu tối của rắn, nghe có mùi hôi thối, liền xuống xem thấy rắn treo mình nơi cành cây cao thường hái trái mà chết. Vị Tỳ-kheo thấy thế buồn thương, bèn chú nguyện báo ân rồi trở về chỗ nương ở. Khi ấy trời rải các thứ hoa như mưa khắp đầy cả núi hang, lại rơi đến chỗ thất của vị Tỳ-kheo ấy đang ở, các thứ cúng dường bay nhảy trong hư không. Vị Tỳ-kheo ấy hỏi: “Ông là vị trời nào?”. Đáp rằng: “Con là rắn lớn ở phía Bắc của núi là đệ tử của Sư, nhờ nương năng lực nghe pháp nên xả

bỏ báo thân sinh lên cõi trời Đao-lợi, nay vì muốn báo đáp ân sâu nên lại xuống đây mà thôi”. Vị trời ấy lại nói: “Con sinh lên trên cõi trời, thấy có một Thiên tử từ nơi tay tỏa phóng ánh sáng che lấp cả các vị trời khác. Hỏi về nhân duyên thì trả lời là do khi ở nhân gian có chép kinh Pháp Hoa, nên khi sinh lên cõi trời này vì nhân duyên ấy mà trong tay tự phát ra ánh sáng. Hoặc lại có vị trời từ miệng phát ra ánh sáng, hỏi về nhân duyên thì trả lời là do đời trước đọc tụng kinh Pháp Hoa. Nơi có các vị trời, phần nhiều là người không hiểu mà hành trì kinh Pháp Hoa”. Nói những việc ấy rồi, vị trời ấy bèn trở về cõi trời. Vị Tỳ-kheo ấy tự tay ghi lại cất giữ trong cột nhà. (Rút từ ngoại quốc ký).

***10. Vua Ba-tư-nặc-già-la ở thành Xá-vệ:***

Xưa kia, sau khi Đức Như Lai diệt độ khoảng năm mươi năm, tại thành Xá Vệ có vị vua tên là Ba-tư-nặc-già-la, là Huyền tôn của vua Ba-tư-nặc, có hai vị Đại thần; một vị tên là Lưu Thủy và một tên là Hành Vũ phụ giúp vua che chở, cai trị muôn dân.

Bấy giờ, Đại thần Lưu Thủy đang xa giá muốn vào cung vua. Ở ngoại quốc có một vị Thánh A-la-hán tên là Tỳ-bà-thi-lợi-mật-đa dung nghi rất đỉnh đạt oai nghiêm, bước đi khoan thai. Lưu Thủy thấy thế, sinh tâm kính trọng, xoay xa giá lại thăm hỏi: “Thánh giả là người ở xứ nào đến đây? Và có cần nhu cầu gì không?”. Vị A-la-hán ấy đáp: “Tôi là đệ tử của Tỳ-kheo bậc Thánh Đà-câu-la ở núi Ngô Hưng ở ngoại quốc. Thầy tôi đi xem xét ở các nước, vì thế nên tôi vào đến đây”. Lưu Thủy mời Thánh giả: “Cúi xin Tôn giả từ bi lên xa giá, con muốn cúng dường”. Vị La Hán ấy bèn theo lời thỉnh mời, Lưu Thủy bèn trở về lại nhà, dùng nước hương thơm nóng ấm mà tắm gội, sắp bày đầy đủ các thứ Thánh lễ. Sau khi hành thực xong thỉnh sư giảng nói tiểu pháp. Vị Tôn giả ấy bèn giảng pháp mười hai nhân duyên và tán thán yếu nghĩa sâu xa của Đại thừa, như thế thời gian trải qua suốt ba ngày. Trong khi đó, vua lại có sắc chiếu vời Lưu Thủy, Lưu Thủy đang lo sợ trái lệnh vua ban. Vua hỏi đầy đủ lý do. Lưu Thủy tấu trình lên vua việc vừa qua. Vua rất tức giận, cùng các quan thần khác bình luận về tội lỗi ấy. Khi ấy Đại thần hành vũ tấu trình với vua rằng: “Đại vương đang cần kêu gọi lấy gỗ chiên-đàn và ba cành hoa sen ư?”. Vua đáp: “Đúng vậy”. Vì thời gian trái mùa, Lưu Thủy tâu với vua là: “Xin đợi cho bảy ngày”. Vua chấp thuận. Lưu Thủy bèn trở về mặc y phục xấu cũ, vô cùng ưu khổ. Vì khi ấy đang mùa gió đông lạnh, hoa sen xanh tìm kiếm đâu ra! Còn gỗ chiên-đàn thì tại núi Ma-lê có đủ thứ rắn độc quấn quanh cây

chẳng thể đến gần. Nếu như rắn có bỏ đi thì các thứ cây tương tự nhau có rất nhiều, thì phải biết lấy cây nào! Khi ấy Thánh giả Tỳ-bà-thi-lê-mật-đa đang ở tại núi Ngô Hưng dùng Thiên nhãn thấy rõ sự tình ấy, liền đến nhà Lưu Thủy, hỏi han an ủi. Biết cố tình hỏi nên Lưu Thủy bèn trả lời tình trạng trên Thánh giả bảo: "Trên đỉnh núi Ngô Hưng có một cái hồ lớn, suốt bốn mùa đều nở hoa sen, trên bờ hồ có cây chiên-đàn, ở đó đang có rồng lớn giữ gìn. Ông đến chỗ hồ ấy nên xưng niệm "Nam mô Phật", khiến rồng biết ông là đệ tử Phật sẽ không dám làm hại". Lưu Thủy liền cầu xin năng lực của Thánh giả đến bên cạnh hồ, xưng niệm "Nam mô Phật!" Rồng liền khởi từ tâm ẩn hình. Lưu Thủy hái được hoa và lấy được gỗ, rồi theo đường cũ mà trở về, rồng liền hóa hình Ưu-bà-tắc mà nói với Lưu Thủy rằng: "Ta là vua của ngươi, là cha của Đại vương Ba-tư-nặc-già-la. Tên là La-duyệt-xà. Vì dùng phi pháp mà trị nước. Vì tâm ý tà ác, không tin phước điền, không hành trì mười pháp lành. Dân chúng cũng làm ác theo vua. Vì nhân duyên đó nên ta phải chịu làm thân rồng độc có trăm ngàn trùng độc rúc rỉa gặm ăn thân ta. Ba thứ nóng đốt đau khổ, không thể chịu nổi. Xin hãy vì tôi mà tu hành nghiệp xuất ly để cứu khổ não giúp tôi!". Lưu Thủy nói: "Vua cũ của tôi thọ trì "Phân-đà-lợi-tu-đa-la" (kinh Diệu Pháp Liên Hoa) do Phật giảng nói. Nếu nghe mà tin nhận thì sẽ được sinh lên trên cõi trời". Bèn tụng cho một phẩm kinh. Trong ánh mắt Ưu-bà-tắc rơi lệ nhớ về mình thuở xưa, nói rằng: "Đạo nhân, ngươi sớm trở về, Tôi nhờ năng lực nghe pháp, giúp cho hạnh nghiệp ngày xưa, sẽ được sinh lên cõi trời Tam thập tam!". Mỗi người tự từ biệt nhau mà đi.

Lưu Thủy trở về cung vua, đem hai thứ vật vua cần mà dâng lên, đồng thời tấu trình đầy đủ mọi điều với vua. Vua bèn sinh ý niệm hy hữu nên hỏi về nguyên do. Lưu Thủy liền trả lời đầy đủ. Vua không tin, bảo rằng: Tiên vương trị nước, thọ trì giới cấm Phật chế, há sinh vào cõi xấu ác thành loài rồng độc ư?". Lại phát nguyện rằng: "Nếu hoa sen này thật sự mọc nơi hồ của cha thì qua thời gian ba tháng chẳng héo tàn rơi rụng". Và liền cất giữ vào trong. Sau ba tháng, hoa ấy vẫn sống tươi tốt như thường. Vua cùng các quan đều tin nhận việc ấy, mở các kho tàng tu tạo việc phước. Vua tôi cùng đến núi Ngô Hưng. Rồng chết bốc mùi hôi thối khắp cùng cả núi. Vua bèn thâu nhặt hài cốt đem về tạo pháp thờ. Trên đảnh pháp bỗng nhiên có phát ra ánh sáng và mây lọng. Trong đó có một vị trời bảo Đại chúng rằng: "Tôi nghe kinh Pháp Hoa, giúp cho duyên ngày xưa, nên lìa khổ được vui". Hỏi: "lại sinh ở xứ nào?". Đáp: "Sinh ở thế giới màu vàng ròng". Và liền nói bài kệ rằng:

*"Chúng sinh sau khi Phật diệt độ*
*Được nghe bốn câu kệ Pháp Hoa*
*Văn-thù thuận theo chẳng bỏ rơi*
*Theo nguyện liền sinh cõi màu vàng".*

Nói bài kệ xong, liền biến mất không còn thấy nữa (Đồng tập).

***11- Người nữ ở bên cạnh hồ Tầm Dương:***

Bên cạnh sông hồ Tầm Dương có một khách nữ đã già, không biết là người xứ nào, chẳng biết họ tên, rất thích cá thịt, chẳng biết nhân quả, buôn bán cá mú, tham thâu lấy lợi ấy để làm sự sống. Ngoài ra không có nghề nghiệp gì khác, suốt một đời luống qua, mất lợi ở nhân gian, khi chết thần thức đến chỗ vua Diêm-la. Vua hỏi: "Lúc sống ở cõi người, ngươi tu nghiệp thiện gì?". Người nữ ấy im lặng không trả lời. Vua lại hỏi: "Ngươi hoàn toàn không có được một việc lành gì hay sao?". Người nữ ấy nhớ xưa đang lúc tìm cá thịt ra chợ, gặp lúc mây ùn giăng bủa, mưa bão trút xuống, sông hồ đầy nước, không thể trở về nhà được. Suốt nửa ngày dừng ở một ngôi nhà ở bờ hồ, nghe giảng kinh Pháp Hoa. Đó chẳng phải việc lành lớn ư? Nên liền đem việc ấy trả lời vua. Vua bảo: "Là việc thiện rất vi diệu! Nay thả ngươi về lại chốn nhân gian. Nhưng chỗ ngươi chịu khổ bởi gây ra tội nghiệp có thể thấy được chăng?". Người nữ ấy đáp: "Không thấy". Vua kêu một vị minh quan dẫn người nữ ấy đi đến bờ biển, thấy ở bờ biển có hàng ngàn người bắt cá đều bị dây sắt trói cổ, gông cùm xiềng xích trói buộc đeo mang khắp thân, từ giữa hư không có bánh xe lửa tuôn xuống thẳng đến trên đầu tội nhân, bánh xe lửa vào thân chỉ chốc lát đốt cháy hết, chết sống tạm thời hơn ba mươi lần, mỗi lần đều kêu gào rằng: "Khổ thay! Chúng tôi xưa tha hồ giết hại sinh mạng mà sống, nay mạng chúng tôi phải chịu khổ lớn". Kêu than như thế rồi ngã quỵ xuống đất. Các ngục tốt tay cầm mũi dao bén nhọn cắt xẻ thân thịt, bẻ gãy xương cốt phá tủy, ăn gặm xong rồi, nhả xương ấy ra thì sống lại như cũ. Người tội chịu khổ như thế có vô lượng vô biên. Minh quan bảo người nữ ấy rằng: "Ngươi nên đến chỗ ấy hỏi họ do tạo nghiệp gì mà chịu khổ não như thế?". Người nữ ấy kinh sợ không dám hỏi. Minh quan liền hỏi họ: "Các ngươi do tạo tội nghiệp gì mà chịu khổ như thế?". Các tội nhân đáp rằng: "Chúng tôi vì ngu si nên giết hại cá rùa mà ăn, buôn bán cá thịt để cầu lợi mà sống, vì thế nên phải chịu khổ này". Theo thứ lớp như thế xem xét khắp cùng, thấy có một ngục tốt không hành trị người tội, Minh quan liền hỏi: "Vì sao ngươi đến tay không, chẳng hành trị người tội?". Ngục tốt ấy đáp rằng:

"Ở bên cạnh hồ Tầm Dương có một lão nữ đáng lẽ sẽ bị trị tội nghiệp ở xứ này, nhưng vì lão nữ ấy y cứ có nghe giảng kinh Pháp Hoa nên thoát khỏi chốn địa ngục, vì vậy tôi đang ngồi tay không". Người nữ ấy liền cất tiếng xưng niệm: "Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh", nghe lời ấy rồi, vô số người tội bỗng nhiên không còn thấy nữa. Minh quan cùng người nữ ấy trở lại tấu trình với vua, vua bảo: "Ta rất vui! Ta rất vui! Sai ngươi dẫn đi xem người thọ tội chịu khổ, các người tội ấy nghe được lời diệu pháp, liền diệt tội mà sinh lên cõi trời. Ngươi trở về lại nhân gian, nên bảo cho mọi người ở đầu sông biết rõ về mọi quả báo nghiệp lành...". Người nữ già ấy sống lại đối trước mọi người ở đầu sông kể lại việc ấy, đích thân truyền nói sự thật ấy.

***12- Vị Sa-di ở huyện Lễ Tuyền thuộc Ung Châu:***

Từ Cao Tư ở huyện Lễ Tuyền có một con, trai mới bảy tuổi, xin thọ trì năm giới làm Sa-di. Sa-di ấy kinh thờ các vị Đại đức, có một thầy tướng thấy Sa-di ấy bèn bảo rằng: "Sa-di này rất tự đủ, chỉ có thọ mạng quá ngắn ngủi". Cha mẹ nghe thế, vô cùng lo buồn. Vị Sa-di ấy theo duyên đến một huyện gần đó, gặp lúc trời mưa nên vào trong tịnh xá, có một vị Sa-môn đang tụng kinh Pháp Hoa, Sa-di ấy nghe kinh sinh tâm vui mừng thưa với vị Sa-môn ấy rằng: "Con giả từ cha mẹ, sắp theo thầy làm học trò". Đến lúc mưa dứt vị Sa-di ấy ra khỏi chùa trở về nhà, thời gian đã trải qua ba ngày, vị thầy tướng hôm trước vẫn hiện còn ở tại nhà, thấy Sa-di ấy trở về liền hỏi rằng: "Ngươi đã được chánh thọ mạng ngoài chín mươi tuổi, có thuật lạ gì thế?". Vị Sa-di ấy bảo: "Tôi nghe tụng kinh tâm sinh ưa thích, ngoài ra không có việc gì khác". Vị thầy tướng ấy bảo: "Lành thay! Kinh giáo Đại thừa có năng lực không thể nghĩ bàn, nhờ nghe mà kéo dài tuổi thọ!"

***13- Con chó và con khỉ của Sa-môn Pháp Lãng ở Nam Dương:***

Sa-môn Thích Pháp Lãng, sư còn một tên khác là Tăng Lãng, họ Hứa, người ở xứ Nam Dương. Năm hai mươi tuổi, Sư muốn được xuất gia, sau đó dự phần xuống tóc, nương náu không nơi cố định, Sư thường ở tại Ngạc Châu. Hình dáng tuy đồng như thế tục, mà đặc biệt có kỳ tướng, uống ăn đồng như thế tục nên mọi người ở thời bấy giờ đều xem thường.

Sư thường nuôi một con khỉ và một con chó tướng trạng to lớn đều màu vàng đỏ, chẳng quen lờn với những người khác, chỉ nương náu nơi Sư, Sư đêm đi theo không hề tạm lìa xa. Như đến lúc ăn thì dùng bát gỗ

mà ăn. Sư ăn no rồi thức ăn còn thừa đều cho ăn chung trong một bát. Ăn xong khỉ liền đội lấy bát cưỡi lên trên lưng chó cứ hướng trước Sư mà đi, như có người muốn cướp đoạt liền gầm gừ cắn. Sư mặc tình để chó dẫn đi quanh lược không độ thường.

Khoảng cuối đời Trần, đầu đời Tùy, Sư đến ngoài Giang Lãnh, chương phục thô tệ, oai nghi thoát ngoài tường tự, chỉ roi gậy mà đi không, gìn giữ nuôi dưỡng thân mạng. Bấy giờ, Sư lại đọc tụng các kinh điển, chỉ lấy kinh Pháp Hoa làm chí nguyện, vốn thiếu hụt hơi tiếng, nhả lời chẳng dồi dào, mới khiết tịnh phát thệ nguyện trì tụng, mỗi lần ngồi Sư tụng đến bảy biến, như thế chẳng bao lâu, lời tiếng như sấm động, biết là do phước lực mà có tiến triển. Sư trì tụng thì lấy số bảy làm hạn định, cho đến bảy mươi biến, bảy trăm biến,bảy ngàn biến và đến cả bảy mươi ngàn biến, thanh vận hài hòa thỏa sướng, mặc tình mà trông khởi các loại, các âm thanh đàn sáo tùy theo tỏa phát rõ ràng. Nên lúc Sư tụng kinh, người xem nghe bên cạnh đều lặng lẽ, môi mép Sư chẳng may động mà âm thanh trầm bỗng phát khởi từ cổ họng, xa gần đều rõ ràng thấu suốt, do đó mà Sư nổi tiếng. Nhưng cánh tay bả vế và tay co duỗi đều mặc tình mà có, như lúc rùa thụt ẩn thì đồng một cục thịt nhóm họp. Hoặc có lúc Sư đến quán rượu ăn nhậu với mọi người, mà thịt heo Sư ăn chẳng thể lường biết từ đâu. Nên ở trong đời có lời tương truyền rằng: “Pháp Hoa Lãng (Sa-môn Pháp Hoa Lãng tụng kinh Pháp Hoa)”, đồng một lúc cả năm nơi rút thịt heo đầy cả miệng. Hoặc có lúc Sư tuần du nơi sông nước đi ngược dòng, Sư chỉ khoanh tay đứng trong thuyền, khỉ và chó đều ở bên cạnh, hoàn toàn không có mái chèo, tùy ý chỗ ngài muốn đến, tuy vượt băng cả sóng gió, nhưng trong khoảnh thời gian chỉ nháy mắt liền đến nơi.

Về sau, con khỉ và con chó ấy chết, có người mộng thấy nói là con khỉ và con chó ấy là bạn thân kiếp trước của Sư, nhờ nghe kinh Pháp Hoa nên khi xả bỏ thọ mạng được sinh lên cõi trời. Súc sinh còn quen với người trì kinh nghe tiếng tụng kinh mà sinh lên cõi trời. Huống chi là con người ư?

### *14- Dơi sống trong tịnh xá Hành Đường ở Thường Sơn đời Tùy:*

Trong tịnh xá Hành Đường ở Thường Sơn có mấy mươi con dơi sinh sống. Có vị Sa-môn đến dừng nghỉ qua đêm trong chùa, trì tụng kinh Pháp Hoa, dơi ưa thích nghe pháp âm nên nương náu vào vách tường, vách tường bỗng nhiên sụp đổ, đồng một lúc đàn dơi đều chết, vị Sa-môn ấy thấy dơi chết như thế bèn chú nguyện rằng: “Các ngươi

đã được nghe kinh Pháp Hoa sẽ được sinh lên cõi trời". Sau đó ba ngày vị Sa-môn ấy mộng thấy có mấy mươi vị trời thân phát ra ánh sáng đến bái kiến mà nói rằng: "Chúng tôi ở trong ngôi chùa này được nghe kinh pháp, sau khi xả bỏ thân mạng được sinh lên cõi trời thứ tư? Vì có nhân duyên xưa, nên đến từ giã!". Vị Sa-môn ấy lấy đất trong chỗ chôn dơi phía trên đó xây tháp, xưng gọi đó là tháp dơi vậy.

***15- Con khỉ già núi Hổ Khâu ở Ngô Quận đời Tùy.***

Cuối đời Tùy có một vị Sa-môn du hóa, không biết danh hiệu Sư là gì, vào trong núi Hổ Khâu trì tụng Pháp Hoa suốt một mùa hạ, chín tuần (ba tháng). Trong núi đó có đàn khí hơn trăm con, trong đàn khỉ có một con khỉ già thân mình và đuôi toàn màu trắng. Qua mấy ngày không mở miệng kêu một tiếng nào, đứng yên bên cạnh trên cây lắng nghe tiếng tụng kinh, đến đêm tối vẫn còn ở trên cây chẳng đi chỗ khác. Tới sáng sớm thấy con khỉ già ấy bị rơi mà chết. Vị Sa-môn ấy khởi tâm buồn thương nên chú nguyện cho, lấy đá chất lên mà chôn. Qua thời gian sau lúc ban đêm đang tụng kinh, gần đến canh ba, giữa hư không có tiếng nói rằng: "Tôi là con khỉ già đây, do nhờ năng lực nghe pháp nên được sinh lên tầng trời thứ hai, vì muốn đáp ân đức ấy nên xuống lại đây, xin dâng cúng đại sư mười hạt ngọc". Nói lời ấy rồi, sau đó im bặt. Đến sáng sớm ngày hôm sau thấy các hạt ngọc ấy hiện có trước hang, vị Sa-môn ấy nhặt lấy làm trục kinh, trong đêm tối phát ra áng sáng, đem kinh đặt vào hang đá, từ xa trông thấy trên hang đá có ánh sáng, mà đến gần thì biến mất.

***16- Quỷ đói ở nước Nguyệt Chi do Bồ-tát Tô-ma-da nhìn thấy:***

Xưa, tại nước Nguyệt-chi có Bồ-tát truyền pháp Đại thừa, hiệu là Tô-ma-da. Sư truyền trì kho báu lớn Đại thừa, thầy trò cùng răn dạy giáo hóa, trong thế tục ở nước Nguyệt-chi xưa kia có Bồ-tát Đại Đề Bà dẫn các đệ tử đi khắp các nước, đến biên giới nước Sư Tử, dọc theo bờ biển đi thẳng đến trước, giữa đường thấy năm trăm quỷ đói, bỗng nhiên mĩm cười. Bồ-tát bàng hoàng chẳng tiến tới, các đệ tử đồng lấy làm lạ hỏi lý do, Bồ-tát đáp rằng: "Ta thấy năm trăm quỷ đói khốn cùng thiếu thốn chẳng nghe thức ăn uống, thấy ta đi tới mà rơi nước mắt cầu xin cứu giúp", Bồ-tát liền hỏi: "Các ngươi ở bờ biển này đã bao lâu?" Quỷ đói đáp: "Không còn nhớ biết về thời gian là bao nhiêu, chỉ thấy nước ở biển đây bảy lần vơi bảy lần đầy". Bồ-tát nói: "Sinh tử không ngằn mé, các người biết thời gian là bao nhiêu?". Và Bồ-tát lại hỏi:

"Từ trước trở lại uống ăn như thế nào?". Quỷ đói đáp: "Chúng tôi được chút ít nước dãi xúc chạm vào môi miệng đến nay đã trải qua bảy trăm năm. Trong thời gian lâu dài tìm kiếm thức ăn không được, nếu có được chút ít nước tiểu, vừa thấm vào miệng thì biến thành than lửa". Bồ-tát lại hỏi: "Chịu khổ như thế nào?". Quỷ đói đáp: "Mọi thức đau khổ phải chịu không thể nói hết, như nội trong một ngày chịu khổ có ba thời khác nhau, lúc sáng sớm có nhiều binh lính Diêm-la dùng viên sắt cháy nóng đưa ngậm vào miệng, dùng gậy sắt để đánh đập, thân thể biến thành than lửa từng phần từng đoạn tan nát hết, bỗng nhiên có cơn gió mát thổi đến thì sống lại như cũ". Và binh lính Diêm-la liền tức hận nhả lửa mắng trách rằng: "Các ngươi xưa kia tham ăn, ăn uống riêng một mình, nay ăn nuốt các viên sắt nóng mùi vị có ngon chăng? Quát mắng quở trách xong bèn bỏ đi, chúng tôi thân tâm khổ não, muôn vạn lần chết muôn vạn lần sống. Đến giữa ngày có trăm ngàn quân lính kỵ cưỡi đi đến, quân lính bộ tạp dịch, dùng vạc sắt đựng đầy nước đồng sôi mang đến và trước lấy gậy sắc nhọn đến đánh vào đầu chúng tôi, buộc ngồi nơi bờ biển, tiếp theo kẻ sứ kéo vạc đến rưới nước đồng sôi vào miệng và nói: các ngươi phỉ báng đại nhân, riêng mình ăn uống không bố thí, nay nuốt nước đồng sôi có mùi vị gì chăng? Khi đó quân lính kỵ cưỡi rất nhiều rượt đuổi ngựa giỏi dùng tên lửa mà bắn như bắn quân địch ở nhân gian, trúng độc tên lửa lần lượt té xuống đất, bỗng nhiên gió mát thổi đến thì sống lại như cũ. Đến tối thì có trăm ngàn chó sắt chim sắt chồn sói v.v... chạy đến, răng nanh như mũi nhọn, gầm gừ rượt đuổi đấu tranh xé kéo gặm ăn nhai nuốt đến sáng mới tan, các thứ khổ như thế đó chỉ một trong trăm phần, chẳng thể nói hết, xin nguyện từ tôn che chở cứu giúp". Bồ-tát lại bảo rằng: "Các ngươi tự tạo nghiệp thì tự chịu quả báo, làm sao năng lực của người khác có thể cứu nỗi?". Lại hỏi: "Các ngươi có nhớ hạnh nghiệp của mình ở kiếp trước chăng?" Quỉ đói đáp: "Do nhờ năng lực của Ngài nên nhớ biết hạnh nghiệp đời xưa đã gây, người tôi trong vô lượng kiếp trước từng làm chúng xuất gia, chẳng trì tịnh giới, chỉ lo gìn giữ sự nghiệp ruộng vườn, keo lận tham lam không bố thí, nếu có được thức ăn mùi vị, bèn ở chỗ vắng ăn riêng, đánh đuổi chim chó, nên sau khi chết phải chịu quả báo này". Bồ-tát sinh tâm thương xót vì phân biệt giảng nói các pháp sâu mầu như kinh Diệu Pháp Liên Hoa... năm trăm quỉ đói trong mắt ứa lệ vui mừng, hoan hỷ tự an vui. Bồ-tát bèn cùng các đệ tử đồng đi theo đường trước mà đi đến nước Sư Tử, ban đêm dừng nghỉ ở đình trống, vào canh ba có năm trăm vị trời vào nơi đình trống, mỗi vị cầm theo một hạt ngọc quý cúng

dường Bồ-tát rồi thưa rằng: "kính bạch Đại sĩ, chúng tôi là các quỉ đói ở bờ biển, nhờ nghe pháp lành mà được sinh lên cõi trời, nghĩ nhớ ân đức được nghe pháp đó nên đem phước từ trên trời đến dâng cúng đầu tiên ở đây". Và liền trở lại cõi trời, Bồ-tát liền tự tay ghi chép nhân duyên, đề hiệu là "Cứu ngạ quỷ (quỷ đói) ký".

***17- Xử nữ ở Tầm Dương:***

Vào khoảng niên hiệu Tổng Chương (668-670) thời Tiền Đường, có vị Sa-môn người nước ngoại tên là Đạt-ma-bạt-đà, Hán dịch là "Pháp Hiền". Sư không nại bất cứ việc gì, đi đến Tầm Dương dung nghi đỉnh đặc, sắc mạo khôi ngô, trì tụng các kinh Đại thừa như Pháp Hoa v.v..., có đến ba mươi ngàn bài kệ, âm thanh ái nhã, mọi người đều ưa thích. Bấy giờ, có một xử nữ hình mạo rất xinh đẹp, giải đủ sáu mươi bốn hình thái, mới đầu vừa trông thấy Sư liền sinh tâm ái nhiễm, giữa đêm thanh vắng đến gần chỗ Sư, Sư đang trì tụng kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa nơi phần văn nói về cung nữ, xử nữ ấy tuy chẳng hiểu về tiếng Phạm, nhưng nghe tiếng tụng kinh liền phát tín tâm, dừng dứt tâm ô nhiễm mà trở về. Khi ấy gặp lúc nước biển có sóng gió, thuyền bị đắm, có một người nam vớt đưa xử nữ đặt trên bờ, không bị ướt trang phục. Đến đêm tối, mộng thấy người nam ấy bảo rằng: "Người nghe kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, phát tâm thanh tịnh kính tin nên thoát khỏi nạn chìm đắm. Nếu tu hành thì chẳng còn thọ nhận thân nữ". Xử nữ ấy sau khi thức giấc, buồn vui lẫn lộn tìm đến chỗ vị Sa-môn ấy (Đạt-Ma-Bạt-Đề) để sám hối lỗi lầm, nhưng chẳng biết Sư đã đi đến xứ nào, đã nhàm chán thân nữ bèn xuất gia làm ni đến núi Ngũ Đài để tu tập. Đó tức là Tỳ-kheo-ni Không Tuệ.

***18- Luận sư Tỳ-mạt-la-mật-đa ở Tây Vức:***

Xưa, ở Tây vực có vị Đại luận sư tên là Tỳ-mạt-la-mật-đa, Hán dịch là "Vô Cấu Hữu". Sư là người nước Kế-tân, đến xuất gia trong Tát-Bà-Đa-Bộ, học rộng nghe nhiều gồm thông nghĩa sâu kín của ba tạng. Nên đi khắp năm xứ Ấn-độ, nghe học các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát-nhã v.v... nghĩa lý rất sâu mầu, bèn sinh tâm bất nhẫn than rằng: "Luận chủ Thiên Thân tha hồ phá bỏ tiểu nghĩa, mở mang pháp Đại thừa, mạn ra các luận Thập Địa, Pháp Hoa... làm khuất mờ bản Tông Tát-bà-đa-bộ. Tôi đến khắp năm xứ Ấn-độ, tham cứu cội nguồn của bản tông đều đã biết, sẽ soạn ra các bộ luận để xóa bỏ kinh điển Đại thừa, diệt bỏ danh dự của Thiên thân, chỉ có một tông Tát-bà-đa hưng

thịnh truyền bác ở Diêm-phù-đề, khắp ca bốn biển đều quy hướng cung kính”. Nói lời ấy rồi, bỗng phát sinh cuồng loạn, năm chiếc lưỡi nặng nề đồng một lúc xuất hiện ra, máu nóng tuôn trào đầy mặt, biết là thọ mạng của mình đã hết nên luận sư mới dốc sức sám hối lỗi lầm, nói rằng: “Đại thừa là giáo điển rốt ráo, lý vị sâu xa khó thể tin hiểu. Ta vì ngu si nên khởi tâm trí tà vọng, ức chế muốn phá bỏ Đại thừa, diệt hủy luận sư Thế Thân cho nên nói như vậy. Kính cáo với tất cả mọi người tập học xét xem ngay hiện tại, mỗi người tự cẩn trọng chỉ ý của mình, chớ có tâm nghi ngờ phỉ báng”. Ngay lúc đó đất rung chuyển rời xé ra, thân hoại mạng chung. Ở chỗ qua đời lấp vùi làm thành hố sâu, lại bậc hiền thánh thấy vậy than rằng: “thật đáng thương thay! Luận sư chỉ vì ba tấc lưỡi hủy báng Đại thừa, mà hiện đời này mọc ra năm chiếc lưỡi, tính chấp lớn mạnh sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián, chẳng khác gì Điều-đạt”. Các đệ tử vì luận sư mà sám hối, thiết trai cúng dường, khen ngợi giáo nghĩa Đại thừa. Luận sư ứng hiện mộng báo rằng: tôi muốn phá bỏ Đại thừa, nên đọa vào địa ngục A-tỳ, nhưng nghe được các đại nghĩa của kinh Pháp Hoa... nên lửa thiêu đốt nóng như khô suối nước ở nhân gian, ở địa ngục giảng nói nghĩa pháp màu như Bồ-tát Đà-la-ni... người nghe được thoát khổ, Diêm ma Thiên tử mời ra khỏi ngục nên ở lại giảng pháp. Như nghe pháp Đại thừa gieo vào tạng thức vừa vào vừa ra lại chẳng bao giờ trở vào cho nên như vậy. Các ngươi hãy siêng năng tu tập theo pháp Đại thừa, chớ tự nghi ngờ hối hận”. Các đệ tử xây tháp, để thờ xá lợi.

***19- Ni sư Trí Thông:***

Ni sư Trí Thông xuất gia từ thủa thiếu thời chùa Giản Tỉnh ở Kinh Đô, tin đạo chưa thuần. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ chín (432) thời Tiền Tống. Người thầy thị tịch, thì bèn bỏ đạo đi lấy chồng làm vợ của Ngụy Quận Lương Tê phụ sinh được một đứa con trai, lớn lên khoảng năm, sáu tuổi, vì gia đình rất mực nghèo cùng không có gì làm áo mặc. Khi xuất gia làm ni, Trí Thông có mấy quyển kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Hoa... bằng lụa bèn đem luận đầm, dùng làm áo cho đứa con mặc, được một năm thì bị bệnh hoảng hốt kinh sợ, khắp cả thân thể lở loét thối rữa, tướng trạng như vết bỏng lửa, có giòi màu trắng nhỏ nhiệm thường ngày trồi ra tràn lên, thảm thiết phiền độc, ngày đêm gào khóc, thường nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “phá hoại kinh làm áo mặc nên phải chịu quả báo quả dữ như thế”. Hơn tuần sau thì đứa con ấy chết (Pháp Uyển q.18 nói xuất xứ từ Minh Tường ký).

***20- Sa-di Vân Tạng:***

Sa-di Vân Tạng xuất gia từ thủa thiếu thời, truyền trì các kinh A-hàm, giữa đạo nghèo thiếu thốn y phục, lại gặp mùa đông khí lạnh, thân cóng lạnh khổ, vào tịnh xá cũ, thấy có được năm, sáu quyển kinh Pháp Hoa liền lấy giấy làm y phục, mọi người thấy mà lạnh lòng, chưa qua khỏi cuối đông bỗng nhiên phát bệnh cùi, lông mày đều rơi rụng, có những vết thương nhỏ khắp mình, mới đầu chỉ như hạt thóc, dần lớn như hạt đậu, trong vòng bảy ngày khắp thân đều vừa nát mà qua đời. Có người thấy vậy than rằng: “Thật đáng tiếc thay Vân Tạng, khinh hủy kinh điển Đại thừa, làm tổn mất lợi ích cả hai đời”.

***21- Thích Hiếu Từ ở chùa Từ Môn:***

Thích Hiếu Từ tuổi khoảng năm mươi, từ thủa niên thiếu đã nương theo thiền sư Tín Hạnh, giảng nói Tam giai Phật pháp, chuyên tu khổ hạnh, thường khất thực làm nghiệp chánh, ngày đêm sáu thời lễ sám đắp mặc y phấn tảo, tùy các chổ đến đều thường giảng nói Tam giai Phật pháp, khuyên dụ các người thế tục. Mỗi lúc giảng giải Tam giai Phật pháp, thường nói không hợp với tán tụng kinh điển Đại thừa, nếu người đọc tụng sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ ở mười phương, cần gấp sám hối.

Sau đó, có một thời gian Hiếu Từ đi đến Kỳ Châu, giảng nói Tam giai Phật pháp, bấy giờ có một vị Ưu-bà-di thọ trì kinh Pháp Hoa lại khuyên những người có duyên tụng trì kinh Pháp Hoa, Hiếu Từ khuyên các Ưu-bà-di thọ trì kinh Pháp Hoa ấy rằng: “Các ông thọ trì kinh Pháp Hoa mà không hợp với căn cơ, sẽ đọa vào địa ngục, xin khuyên nên bỏ trì tụng”. Do đó có mấy vị Ưu-bà-di bỏ việc tụng kinh. Khi đó, Hiếu Từ ở trong chúng sám hối trì tụng kinh Pháp Hoa tội ấy đứng đầu, vị Ưu-bà-di khuyên người trì tụng kinh Pháp Hoa trong tâm sinh khởi bất nhẫn, bèn ngay ngày đó thiết trai hội, lớn trong lúc Hiếu Từ vì chúng giảng nói về Tam giai Phật pháp, khi ấy dưới tòa có cả muôn người cùng, vị Ưu-bà-di ấy ở trong đại chúng đốt hương phát nguyện: “nếu chúng con (...) thọ trì kinh Pháp Hoa chẳng hợp với ý Phật, thì nguyện cho chúng con... ngay thân này bị bệnh xấu ác, để khiến đại chúng cùng biết thọ trì kinh Pháp Hoa bị chịu tội báo như thế, lại nguyện thân này bị vùi lấp vào địa ngục A-tỳ, nguyện cho đại chúng đều nhìn thấy. Còn nếu chúng con (...) thọ trì kinh Pháp Hoa hợp với ý Phật thì thiền sư cũng mắc phải như thế”. Đang lúc vị Ưu-bà-di ấy phát thệ nguyện đó, thiền sư Hiếu Từ bị thần đánh, tắt tiếng không thể nói năng, trên tòa cao ở phía Tây

vị xướng tập lục cũng mất tiếng, không thể nói năng, phía dưới cũng có năm vị thiền sư già cũng mất tiếng không thể nói được. Những người trước đó đã bỏ việc trì tụng kinh Pháp Hoa, và có vài người do đó đã phát tâm trì tụng kinh Pháp Hoa lại càng sinh tâm kính trọng.

***22- Nàng hầu của vị Ưu-bà-tắc ở Tương Châu thời Tiền Đường:***

Ở Tương Châu có một vị Ưu-bà-tắc gia đình rất giàu có, nuôi dưỡng hai người nữ lấy làm vợ chánh vợ hầu. Người vợ chánh tâm tánh từ bi nhân nhượng, đặc biệt thọ trì phẩm Đề-bà-đạt-đa kinh Pháp Hoa, suốt đêm ngày không phế bỏ. Người vợ hầu ghét ganh càng ngày lớn mạnh, thường lén để ý những khuyết điểm của người vợ chánh. Trong lúc đi vắng, người vợ hầu vào phòng người vợ chánh, sân hận dùng chân phải giẫm đạp lên kinh, sau khi trở về phòng ngủ của mình, người vợ hầu trên đầu đau nhức, ba ngày mới chết, ở ngực còn chút hơi ấm. Người nhà chán ghét tật xấu ấy, chẳng tẩn liệm an táng. Qua một ngày một đêm sau mới sống lại, người vợ hầu đối trước người vợ chánh mà nói rằng: “Tôi vì ngu si ganh ghét người, xem thường giẫm đạp lên kinh mà người thường trì tụng, bị Diêm Vương quở trách, có hai sứ quan rượt đuổi tôi đến chỗ vua răn trừng tội ác, dưới chân tôi có đường vân màu vàng ròng, vua thấy thế, vui mừng bảo: “đó là văn kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, ngươi dùng chân phải đạp lên văn kinh, văn dời sang thân mà cứu ngươi, ngược lại được lợi ích, cho nên nói để biết ứng nghiệm. Vì nhân duyên đó nên được thả trở về sống lại”. Lộn ngược vào đất trở lại y cứ nơi đất mà dậy. Nay đối cùng người xin sám hối, chẳng nhớ những lỗi xưa”. Bà bèn xuất gia làm ni, không biết về sau như thế nào.

■

# TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

*Tăng Tường soạn tập*

## QUYỂN 10

### *XII- Y chánh cúng dường, có phụ thêm cúng dường pháp.*

1- Thích Tuệ Thiệu.
2- Thích Tuệ Ích.
3- Thích Pháp Quang.
4- Thích Đại Chí.
5- Thích Thông Hội.
6- Tỳ-kheo-ni.
7- Thư sinh ở phía Tây thành Tinh Châu.
8- Thích Tăng Du.
9- Mười thứ cúng dường.
10- Lợi ích cúng dường.
11- Trời Diệu Hoa.
12- Trời Bảo Anh.
13- Bà lão.
14- Ưu-bà-tắc.
15- Thích Tăng Đạt.
16- Cúng dường Pháp.
17- Tỳ-kheo Vô Hành.

***1- Thích Tuệ Thiệu chùa Chiêu Đề ở Lâm Xuyên thời Tiền Tống:***

Thích Tuệ Thiệu không biết họ gì. Thủa bé, mẹ mớm cho ăn các thứ cá thịt, thì sư liền nhả ra, còn rau lá thì không sao, từ đó bèn ăn rau quả. Đến năm tám tuổi sư bèn xuất gia làm tăng. Về sau theo sự yêu cầu sư bèn đến trụ chùa Chiêu Đề ở Lâm Xuyên trì tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi lúc tụng đến phẩm Dược Vương, sư thầm có ý muốn thiêu thân, thường thuê người đốn củi chất cao mấy trượng ở động đá ở Đông Sơn,

ở giữa mở thành cái khám đủ để chứa thân mình, mới trở về lại chùa xếp đặt hết mọi việc cần thiết. Đến ngày thiêu thân, tại Đông Sơn sư lập đại hội cáo biệt, mọi người khắp trong cảnh vức bôn ba xe ngựa tìm đến rất đông và mang lại thứ vàng báu nhiều không thể tính kể. Đến canh một đầu hôm, hành đạo tụng kinh, tự hành hương xong, nắm đuốc châm đốt vào củi và vào trong khám ấy mà ngồi tụng kinh Pháp Hoa phẩm Dược Vương Bản Sự. Mọi người đều không thấy sư, biết là sư đã đi, lễ bái chưa xong đều đến rất đông, trong lửa dữ tiếng tụng kinh vẫn chưa dứt, lửa cháy đến cổ vẫn còn nghe sư xướng nhất tâm, đại chúng đều thấy có một ngôi sao lớn như cái đầu thẳng xuống trong khói, bỗng chốc lại bay lên trời. Bấy giờ mọi người nhìn thấy đều cho là cõi trời đến đón rước ba ngày sau, củi nhóm mới cháy hết. Trước lúc thị tịch sư có nói với bạn đồng hành rằng: “Chỗ tôi thiêu thân sẽ mọc lên cây ngô đồng, xin thận trọng chớ nên chặt phá”. Sau khi sư thiêu thân ba ngày quả nhiên có cây ngô đồng mọc ở đó.

***2- Thích Tuệ Ích chùa Trúc Lâm ở Kinh Đô thời Tiền Tống:***

Thích Tuệ Ích, là người ở xứ Quảng Lăng, xuất gia từ thuở thiếu thời, theo thầy đến ở chùa Thọ Xuân. Trong khoảng niên hiệu Hiếu Kiến (454-457) thời Tiền Tống, ra thành đô sư trụ tại chùa Trúc Lâm, riêng năng khổ hạnh, tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa. Mỗi lúc tụng đến phẩm Dược Vương sư rơi lệ than rằng: “Thân người khó được, Phật pháp khó gặp, được tốt lành muốn thiêu thân”. Mọi người nghe thế hoặc khen ngợi, hoặc hủy báng, nhiều lời lẫn lộn. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ tư (460) thời Tiền Tống sư mới bỏ ăn gạo dầu, chỉ ăn bánh bột gạo mè. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ sáu (462) thời Tiền Tống sư lại bỏ ăn cả gạo tẻ... chỉ dùng dầu tô, lại bỏ ăn dầu tô chỉ uống viên hương. Tuy bốn đại suy yếu nhưng tinh thần kính chánh, nên vua Hiếu Võ Đế Lưu Tuấn (454-465) rất mực kinh lạ đến thăm hỏi, ân cần sai Thái Tể Giang Hạ Vương Nghĩa Cung đến chùa can ngăn, sư vẫn giữ chí nguyện không sửa đổi.

Đến ngày mồng 08 tháng 04 niên hiệu Đại Minh năm thứ bảy (463) thời Tiền Tống, sắp đến ngày thiêu thân, sư bèn đến phía nam của Chúng Sơn đặt vạc chuẩn bị dầu. Sáng sớm ngày đó, sư cưỡi xe trâu và nhờ người dẫn từ chùa đến núi. Vì vua là chỗ nương tựa của muôn dân, lại là nơi gởi gấm Tam Bảo, sư mới tự lực đi vào đài, vừa đến cửa Vân Long không thể bước xuống, sư sai người khải tấu rằng: “Tuệ Ích đạo nhân hôm nay xả bỏ thân mạng nên đến cửa cung kính giả từ, rất vì

Phật pháp, kính ngưỡng nên kính lụy". Vua nghe thế mặt liền biến sắc, đích thân ra cửa Vân Long. Sư đã gặp vua, lại đem Phật pháp cậy nhờ phó chúc xong bèn từ biệt mà đi, vua cũng tiếp tục theo đến, các hàng hậu, phi đạo, tục sĩ thứ đến đầy cả núi hang, kính dâng y phục, xả thí vật báu nhiều không thể tính kể. Sư vào trong vạc ngồi ở một chiếc ghế nhỏ, dùng các thứ y cụ tự quấn buộc, phía trên lại thêm một cái khăn lớn, tưới dầu vào, sư sắp đến châm lửa, vua bèn sai Thái Tể đến chỗ vạc dầu thỉnh khuyên dụ sư rằng: "Thực hành Đạo có lắm phương cách, vì sao lại tự giết hại thân mạng mình, mong ba lần sư nghĩ lại đi đến đường khác". Chí khí cao nhã sư đã xác định không có ý niệm hối hận, bèn trả lời rằng: "Tấm thân bé bỏng mạng sống tàn tạ này, sao đâu để dòng lưu lại thiện tâm. Thánh từ đã không như vậy, xin độ cho hai mươi người xuất gia", vua liền ban sắc cho phép. Sư bèn tự tay cầm đuốc đốt khăn, khăn đã cháy sư mới vất bỏ đuốc, chắp tay tụng kinh Pháp Hoa phẩm Dược Vương, lửa cháy đến lông mày, tiếng tụng kinh vẫn còn rõ ràng, đến lúc mắt mới mờ tối. Những người sang hèn đều buồn than, âm vang rung chuyển cả hang sâu, không ai chẳng búng ngón tay niệm Phật, sụt sùi đổ lệ, lửa cháy đến sáng hôm sau mới tắt. Khi đó, vua nghe giữa hư không có tiếng kèn sáo và có mùi thơm lạ phảng phất, vua ở lại đó suốt ngày mới trở về cung. Đêm đến vua mộng thấy Sư cầm tích trượng đi đến, lại đem Phật pháp để dặn dò giao phó. Đến sáng ngày, vua lập trai hội, độ người xuất gia, bảo trai chủ bạch rằng: "Đã đầy đủ điềm lành ứng hiện". Tại chỗ Sư thiêu thân, gọi tên là chùa Dược vương để phỏng theo bản sự.

***3- Thích Pháp Quang ở Lũng Tây đời Nam Tề:***

Thích Pháp Quang, người ở xứ Lũng Tây, thuộc Tần Châu. Từ thuở thiếu thời, Sư rất có tín tâm, đến năm hai mươi chín tuổi, Sư mới xuất gia chuyên tu khổ hạnh Đầu-đà, chẳng mặc lụa là gấm vóc hay ăn ngũ cốc, chỉ dùng bột lá thông. Về sau, Sư phát nguyện muốn thiêu thân, để cúng dường pháp, mới ăn cao thông và uống các chất dầu suốt nửa năm, đến ngày hai mươi tháng mười năm Vĩnh Minh thứ năm (487) thời Nam Tề, tại chùa Ký Thành ở Lũng Tây, Sư nhóm củi để thiêu thân cho mãn chí nguyện trước. Khi lửa cháy đến mắt, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa lời tiếng vẫn còn rõ ràng, mãi đến lúc mờ mịt mới dần im bặt. Sư hưởng thọ bốn mươi mốt tuổi (ba truyện trên đều rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 12).

***4- Thích Đại Chí ở Lô Sơn, thuộc Cửu Giang, đời Tùy:***

Thích Đại Chí họ Cổ, người xứ Sơn Âm, Cối Kê. Đến lúc phát tâm xuất gia Sư thờ Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai. Ngài Trí Khải (=Giả) thấy Sư hình dáng thần thái sáng sạch cao vượt ngoài vật, do đó bèn đặt tên Sư là Đại Chí, Sư chuyên tu thiền tụng để làm hạnh nghiệp, chánh tu khổ hạnh tiết chế tự chuyên. Tiếng Sư vang khắp bốn phương, không nơi nào chẳng đến, hơi tiếng Sư lắng trong hòa mục, nghi tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, nên những người nhìn thấy đều biết Sư chẳng phải phàm khí.

Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười (590) đời Tùy, Sư đến Lô Sơn, trụ chùa Phong Đảnh, chẳng lệ thuộc vào công danh, không tham dự trong tăng chúng, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa rõ ràng nhàn nhã, tài năng vượt hẳn lời tiếng trầm bổng trong sáng, khiến người nghe quên cả nhọc mệt. Về sau, Sư đến phía Nam đảnh núi Cam Lộ ở Hoa Sơn tạo dựng đạo tràng Tĩnh quán, chuyên tu Đầu-đà lấy làm chánh nghiệp, chỉ một thân mình mà chẳng trốn lánh đối địch với hổ. Nơi nào có thú dữ độc ác, Sư liền tìm đến đó, nhưng các thú đều trốn lánh chẳng dám làm hại. Ở núi gạo thóc đã hết sạch, suốt ngày Sư quên ăn, hoặc chỉ ăn dùng bánh trái duy trì mạng sống mà thôi. Người ngoài trông thấy đều chẳng chịu nổi sự khổ não ấy, mà Sư vẫn an nhiên, dung mạo nhan sắc vẫn như cũ. Suốt bảy năm, chuyên hành thiền nghiệp không gián đoạn. Về sau, Sư trụ chùa Hội Phước Lâm cũng ở tại núi đó.

Đến gần cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, khắp nơi đều lắng trừ, Sư lưu lạc ẩn dật, bùi ngùi cho Phật pháp bị lấn lướt đến nỗi như thế, Sư mới đổi sắc phục, hủy hoại hình thể, trên đầu quấn bịt sắc phục hiếu từ, dùng vải bố thô xấu làm áo mặc, vào Phật đường lớn tiếng gào khóc suốt ba ngày ba đêm không dứt. Chư tăng trong chùa an ủi dẫn dụ: “Tôi than bởi nghiệp ác mới đến nỗi này, muốn dùng hình hài này để làm sáng tỏ chánh pháp”. Bèn đến Dương Đô, dâng biểu tấu trình rằng: “Nguyện xin bệ hạ hưng hiển Tam bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay ở tại Trung Sơn để báo đáp ân đức của nước nhà”. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) chấp nhận, ban sắc mở trai hội lớn, cả bảy chúng đồng nhóm họp, Sư bỏ ăn ba ngày, lên trên gác lớn, đốt tấm sắt nóng đỏ để áp vào cánh tay khiến cho cháy nám, lại dùng dao cắt đứt, xé thịt cho xương cốt lộ ra, lại áp tiếp xương cốt ấy cho cháy đen, rồi dùng vải bố lót sáp giọt xuống lửa để đốt, ánh sáng chiếu rực khắp cả núi non. Khi ấy cả đại chúng thấy Sư hành khổ như thế đều đau xót cõi lòng thấu cả xương tủy, chân đứng không yên, mà Sư tuy thiêu đốt áp vào lửa nóng

nhưng ngôn từ và nhan sắc không thay đổi, nói cười vẫn như lúc đầu. Khi đó, hoặc Sư trì tụng kinh Pháp Hoa, hoặc tán thán công đức của Phật, hoặc vì đại chúng mà giảng pháp, lời tiếng không ngưng. Khi cánh tay đã đốt cháy hết, như trước, Sư xuống gác, suốt bảy ngày nhập định, ngồi kiết già mà thị tịch, khi ấy Sư vừa mới bốn mươi ba tuổi.

***5- Thích Hội Thông ở cốc Báo Lâm núi Chung Nam đời Đường:***

Thích Hội Thông người ở xứ Ngự Túc Xuyên, Vạn Niên, Ung Châu. Từ thuở thiếu thời Sư mến chuộng Đạo Kiểm, đi khắp núi rừng khổ tiết giới hạnh, đó là thói quen đoái hoài của Sư. Sư vào cốc Báo Lâm ở núi Chung Nam, trầm ẩn hành nghiệp, đọc tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương, nên mến chuộng đức hạnh, nhàm chán muốn xả thân, chất củi thệ nguyện phải thực hành theo đó. Đến khoảng cuối niên hiệu Trinh Quán (650) đời Tiền Đường, giữa đêm vắng lặng trong rừng, Sư chất củi làm thành hang trì tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương, rồi châm lửa, gió bốc phát cháy, lửa khói đều lớn mạnh, Sư vẫn ngồi kiết già tự nhiên, tiếng tụng kinh vẫn vang, bỗng chốc sau đó từ phía Tây nam có một vầng ánh sáng trắng lớn soi chiếu vào trong nhóm lửa, thân Sư mới ngã. Đến sáng sớm, lửa tắt hết, mới thâu nhặt di cốt Sư, dựng lập tháp bia minh, đến nay vẫn còn.

***6- Hai chị em Tỳ-kheo-ni ở Tinh Châu:***

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, ở Tinh Châu, có hai chị em Tỳ-kheo-ni đồng trì tụng kinh Pháp Hoa, rất nhàm chán thân, đều muốn xả bỏ thân mạng, tiết giản ăn mặc, kính sùng khổ hạnh, uống ngậm các thứ dầu thơm, dần bỏ ăn gạo thóc, sau dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn dùng mật thơm, tinh lực vẫn sung mãn, thần chí vẫn sáng sủa. Đồng báo với các đạo tục ấn định ngày sẽ thiêu thân. Đến ngày mồng 08 tháng 02 niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba (629) thời Tiền Đường, ngay giữa đường ngã tư ở Tinh Châu, lập hai tòa cao, dùng vải bố lót sáp quấn buộc thân mình lên đến đảnh đầu chỉ để lộ ra mặt mắt. Mọi người nhóm họp đông như núi, tán thán như mây giăng, hai vị trì tụng kinh Pháp Hoa đến chỗ thiêu thân, người chị trước lấy lửa châm vào đảnh đầu người em và người em lại lấy lửa châm vào đảnh đầu người chị, giữa đêm tăm tối, hai ngọn đuốc đồng một lúc tỏa sáng, lửa cháy đến mặt, tiếng tụng kinh vẫn còn rõ ràng, dần xuống mũi miệng mới tắt. Đến sáng sớm hôm sau cả tòa đều rỗng không, đồng một lúc lửa thiêu đốt hài cốt đều cháy sạch, chỉ có hai chiếc lưỡi vẫn còn, cả đại

chúng đồng cung kính tán thán, và dựng tháp cao để thờ.

***7- Thư sinh ở phía Tây thành Tinh Châu.***

Ở phía Tây thành Tịnh Châu có một thư sinh khoảng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, phát nguyện đốt thân cúng dường, bèn gom góp vài bó rơm khô làm thành cái khám, có người hỏi về lý do, thì cố giấu kín không nói. Về sau vào lúc nửa đêm, châm lửa tự thiêu, đến lúc mọi người đến cứu thì lửa đang cháy mạnh và đã chết, nên mọi người bèn chất thêm củi để thiêu hết hình hài ấy.

***8- Thích Tăng Du trụ chùa Chiêu Đề ở Lô Sơn thời Tiền Đường:***

Thích Tăng Du họ Chu, người ở xứ Dư Hàng, Ngô Hưng năm hai mươi tuổi ngài xuất gia, hạnh nghiệp tinh thuần.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười lăm (438) thời Tiền Tống, Sư cùng các bạn đồng học như Sa-môn Đàm Ôn, Tuệ Quang v.v... đến ngọn phía Nam núi Lô Sơn đồng dựng tịnh xá đề hiệu là “Chiêu Ẩn”. Sư thường lấy làm kết lụy ba đường tình hành sắp tận, do đó thân hình cũng nên vất bỏ, dấu vết của Bồ-tát Dược Vương riêng sao xa thế? Từ đó Sư thường phát lời thệ nguyện rằng: “Thệ mới khế hợp thiêu thân”.

Đến ngày mồng ba tháng sáu niên hiệu Hiếu Kiến năm thứ hai (455) thời Tiền Tống, Sư chất củi làm khám, thỉnh chư tăng lập trai hội, báo với đại chúng mà giã biệt. Ngày đó, mây sương tối sẩm, mưa kín buốt lạnh, Sư bèn phát lời thệ nguyện rằng: “Nếu chí nguyện của tôi nhất định rõ ràng thì trời sẽ trong sáng lại, còn nếu không có cảm ứng thì sẽ mưa giàn giụa khiến cho bốn chúng đây biết thần ứng không mờ tối”. Vừa nói xong, mây tan sáng tạnh, đến canh đầu hôm Sư vào khám củi, chắp tay ngồi thẳng, trì tụng kinh Pháp Hoa phẩm Dược Vương, khi lửa mạnh đốt đến, Sư vẫn chắp tay không tan. Các đạo tục nghe biết đua nhau chạy đến núi ấy, đều cúi đầu đảnh lễ, nguyện kết nhân duyên, khắp thân Sư phát ra ánh sáng màu tím bay vọt giữa hư không, lâu sau mới biến mất. Lúc đó Sư bốn mươi bốn tuổi.

Mười bốn ngày sau đó trong phòng Sư mọc hai cây ngô đồng cành rễ đều tươi tốt, lớn bé như nhau, cành tốt lớn thẳng, bèn thành cây đặc biệt. Lý Thức cho đó là “cây báu ở Ta-bà”, biết rõ Niết-bàn. Sư bèn cản ngăn nên hiện điềm chứng. Do đó, gọi là “Song Đồng Sa-môn”.

Có Trương Biện ở Quận Ngô đang nhậm chức Bình Nam Trưởng Lại đích thân đến xem xét sự kiện ấy, và tạo lời truyền tán rằng:

Bài một:

*"Dằng dặc huyền cơ*
*Mịt mờ chỉ đạo*
*Ra sinh vào tử*
*Gì là diệu thật".*

Bài hai:

*"Từ xưa Dược Vương*
*Khác hóa tuyệt luân*
*Trước nghe nói thế*
*Nay thấy người này".*

Bài ba:

*"Sa-môn hùng tài*
*Tâm bền định tuệ*
*Ngừng thần khí tím*
*Bày vết song thọ".*

Bài bốn:

*"Đức ấy đáng ưa*
*Tiết tháo đáng quý*
*Văn từ mở nói*
*Thử vụt phảng phất".*

***9- Ghi về mười thứ cúng dường:***

Trong "Tiêu Dao Niên Ký" có nói rằng: "Pháp sư Cưu-ma-la-thập người ngoại quốc bắt đầu từ mùa đông niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ bảy (404) đời Diêu Tần dịch kinh Pháp Hoa mới hoàn tất trọn một bộ gồm bảy quyển hai mươi tám phẩm. Qua tháng giêng năm sau (405) đem bản kinh để xem xét và tạo kinh bản chữ vàng, dùng bảy món báu để trang nghiêm, màu vàng rực cả vườn (tiêu dao), các đạo tục đông như chợ, chiêm ngưỡng lễ bái. Ngài La Thập cảm mộng rằng thiếu mất bốn chữ "một trần một kiếp" (mỗi mảy bụi làm một kiếp), Sư lại xem xét bản Phạm quả nhiên đúng như điềm mộng. Tần Vương rất vui mừng nói rằng: "Pháp sư Cưu-ma-la-thập rất được ý chỉ của kinh, tốt đẹp hợp với thánh tâm, chỗ chép trước thiếu bốn chữ ấy, tìm xét nơi văn kinh mà tiếp nối", và vua hỏi ngài La Thập rằng: "Trẫm muốn đúng như pháp để cúng dường quyển kinh như thế có bao nhiêu pháp thức?". Ngài La-thập nói: "Nếu muốn đúng như pháp để cúng dường quyển kinh cần phải y theo trong kinh nói, lược có mười thứ cúng dường, một là hoa, hai là hương, ba là chuỗi anh lạc, bốn là hương mạt, năm là hương xoa, sáu là hương đốt, bảy là phan lọng, tám là y phục, chín là kỹ nhạc và mười

là chắp tay cung kính”.

Vua nói: “Chẳng hay các thứ hương hoa như thế nào?”. Ngài La-thập trả lời: “Hương là hương hải ngạn, hương xạ, hương uất viêm, hương tô hợp v.v... dùng hương tinh khiết thanh tịnh, vất bỏ hương bất tịnh, chẳng phải bôi thoa làm cát bụi. Hoa là hoa thủy lục thời như các loại hoa sen v.v..., nếu lúc không có hoa thì dùng bảy món báu làm thành, phỏng định như bốn thứ hoa Mạn-đà-la v.v... và thời diệu hoa. Ở ngoại quốc thì dùng hoa sen trắng, hoa duyệt ý v.v... anh lạc là dùng các châu báu làm thành, phỏng định như châu ngọc như ý, châu ngọc ma ni anh lạc, châu ngọc anh lạc v.v... ở ngoại quốc thì dùng trăm thứ tạp báu anh lạc. Hương mạt là bôi xoa rễ cành cây v.v... nếu hoa với nước thì làm hương xoa như trầm thủy v.v..., nếu hợp với lửa thì làm hương đốt như huân hương v.v..., phan lọng là dùng tơ mới sạch thanh tịnh. Ở ngoại quốc dùng tơ ngó sen v.v..., các thứ tuyệt phục như y phục thiện diệu kỷ nhạc tức là dùng đàn, sáo, ống tiêu, ống địch, không hầu v.v... Chắp tay tức là đem tâm cung kính mà cúng, dùng chắp tay như hoa sen, đều dùng nghiêm khiết thanh tịnh nương nhờ ở sự mà tỏ ngộ lý”.

Vua lại hỏi: “quả báo ấy như thế nào?”. Ngài La-thập đáp: Quả báo thì có xa có gần, gần thì y theo cuộc tình chẳng liên quan đến thiện thể, xa thì được thành tựu quả Phật”.

Vua lại hỏi: “Quả cuộc tình gần và diệu quả xa ấy như thế nào?”. Ngài La-thập trả lời: “cúng dường như thế quả báo rất vi diệu, chư Phật đều ngợi khen. Vả lại như xưa kia, lúc Đức Phật tại thế, có Tỳ-kheo Chiên Đàn Hương Khẩu, qua chín mươi mốt kiếp ở trong nhân gian và trên cõi trời, các lỗ chân lông trên thân đều thoảng ra mùi thơm Chiên-đàn, trong miệng thường thoảng mùi hương hoa Ưu-bát-la. Đến sau cùng gặp được Phật và chứng tắc quả A-la-hán, thành đạt ba minh, sáu thứ thần thông, đủ tám pháp giải thoát. Đó là do sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi diệt độ, dùng hương cúng dường tháp mà được quả báo như thế. Ở trong thành Ca-tỳ-la, xưa kia đồng ở trong một ấp làm kỹ nhạc, cầm hương hoa đến cúng dường tháp Phật, nên suốt chín mươi mốt kiếp chẳng đọa vào đường ác, đồng hưởng thọ vui sướng, gặp Phật thì hết khổ. Có thiên hoa xưa kia lấy hoa cỏ đầm hoang đồng trống tung rải trên chúng tăng, nên sinh ra nơi nào thường có mưa hoa trời. Có Tỳ-kheo Diệu Đức rải hoa héo úa trên tháp, cũng lại như vậy. Tại ngoại quốc có một vị Bà-la-môn phạm ba thứ tội nghịch giết cha, giết mẹ và giết A-la-hán, về sau sinh tâm sám hối, dùng các thứ hương hoa cúng dường kinh sách nên tội cấu dần giảm nhẹ, vì có các nghiệp khác nên

tuy đọa vào chốn địa ngục, nhưng với lửa dữ nước sôi đều tự cho như là nước suối ấm, vào trong đó rất vui sướng, nơi thân có mùi thơm lạ. Các tội nhân nghe liền được sinh lên các cõi trời. Có vua Thiện Hoa dùng phan lọng che phủ trên miếu Bích chi Phật, cảm quả hạnh nghiệp làm vua, Tỳ-kheo Hoa Cái dùng lọng cỏ che tháp nên suốt trong chín mươi mốt kiếp, lọng hoa thường che thân mình. Diệu Âm dùng kỹ nhạc cúng dường Phật, cho đến chư Phật ở quá khứ, đều thành tựu quả Phật lúc đầu mới phát tâm dùng một cành hoa một cây hương để cúng dường Phật, như ngàn Đức Phật trong hiền kiếp thì như Đức Như Lai Chấp Hoa từ Đức Phật Duyệt Ý, lúc mới phát tâm, đem y phục tốt đẹp và các thứ danh hương dâng cúng Đức Phật đó, nhờ đó mà được thành Chánh giác. Đức Thiện Tư Như Lai từ Đức Phật Phổ Quán, lúc đầu mới phát tâm, hái một cành hoa sen dâng cúng lên Phật ấy, nhờ đó được thành Chánh giác. Đức Hiền Trọng Như Lai từ Đức Phật Đại Thanh Hỷ dâng cúng các thứ tạp hương, nhờ đó mà đạt thành Chánh giác. Đức Nhàn Tỉnh Như Lai từ nơi Đức Phật Vô Thượng, lúc mới phát tâm dâng cúng chuỗi châu anh lạc, từ đó mà thành Chánh giác. Các thứ quả báo đạt được xa gần như thế không thể nêu hay ghi chép đầy đủ, huống chi đối với kinh Pháp Hoa mà về cúng dường, dùng trí tuệ Phật còn không thể biết được ngằn mé công đức ấy!”.

Vua nghe nói như thế, tâm ý khai mở, điều đặt các thứ cúng cụ, nghiêm tịnh đường sá, rải hoa rưới nước, vua tôi đại chúng cao bày ở đường lớn, dùng hòm vàng để đựng kinh, tôn trí trên bàn, vua tự mang đội trên đảnh đầu, có ba ngàn vị Tỳ-kheo khen ngợi dẫn trước, an tường tu hành vào chùa lớn, dùng mười thứ cúng dường mà cúng dường, có các vì sao hiện lại cưỡi mây ở giữa hư không, người thấy rất nhiều, có mây lọng năm màu mù mịt rũ bủa trên Tiêu Dao, hiện tiền chưa từng có. Bấy giờ đang là ngày 15 tháng có trăng (rằm), lúc vào đêm Tần Vương và hậu phi, vương mẫu, thể nữ đều ở trong tịnh thất bên cạnh Phiêu Kinh Quán. Vua tự mộng thấy đất ở vườn Tiêu Dao như rộng thoáng trang nghiêm cõi tịnh. Bồ-tát Văn-thù ở đó mở cao đề mục, đại chúng Bồ-tát từ chín phương đều đến, bày các thứ cúng dường khắp cả chín phương. Vua thưa việc ấy với ngài La-thập. Ngài La-thập bảo: “đó là do đức tin của bệ hạ mà cảm nên. Đại giáo Pháp Hoa rất có duyên với nước này. Từ sau khi Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn diệt độ, cảm ứng như thế thật là hiếm có. Đến sáng ngày hôm sau mỗi việc tự tan. Ngài La-thập khen rằng: “Đây là Phật sự thứ ba ở Diêm-phù-đề” (văn ghi rất rộng, đấy chỉ nắm lấy ý mà nêu).

***10- Sau khi Đức Thích Tôn diệt độ, người thọ trì cúng dường kinh điển đến lúc Đức Di-lặc ra đời sẽ được lợi ích:***

Trong "Pháp Trụ Ký" nói rằng: "Đức Di-lặc Như Lai thành Đẳng chánh giác rồi, vì các chúng Thanh văn lập nên ba hội giảng pháp, giúp thoát khỏi sinh tử mà chứng được Niết-bàn, cho đến như các vị vua quan thí tất cả ở trong chánh pháp của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai nơi đời này có khả năng làm các Phật sự, gieo trồng gốc lành, hoặc chỉ dạy người gieo trồng, nghĩa lại đối với kinh tạng Đại thừa, tất cả kinh điển Đại thừa tương ứng với tánh không sâu xa, như các kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, kinh Kim Quang Minh, v.v..., các kinh điển Đại thừa như thế có trăm câu chi bộ, sai biệt Tỳ-nại-da, Thanh văn Tam tạng, ở trong chánh pháp tạng như thế... hoặc do Đức Phật giảng nói, hoặc do các vị Bồ-tát giảng nói, hoặc do các vị Thanh văn giảng nói, hoặc do chư Thiên giảng nói, hoặc do các bậc trí giả giảng nói, dẫn đến các pháp nghĩa lợi, cho đến có thể đối với bốn câu kệ tụng, mà tự đọc tụng hoặc khuyên bảo người đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc khuyên bảo người thọ trì, hoặc tự giải thích hoặc khuyên bảo người giải thích, hoặc đối với vị Pháp sư mà cung kính cúng dường, hoặc đối với kinh sách mà cung kính cúng dường, nghĩa là dùng các thứ hương, hoa, phướn lọng, kỹ nhạc, đèn đuốc mà cúng dường, hoặc đối với kinh sách mà dùng các thứ tạp lụa bông tơ mà trang sức. Do năng lực các gốc lành như thế v.v... nên đến lúc Đức Di-lặc Như Lai thành Đẳng chánh giác, khéo được thân người ở trong hội pháp thứ hai của Đức Phật ấy. Dùng tín tâm thanh tịnh, xả bỏ thế tục vào nhà Như Lai, cạo bỏ trừ râu tóc, đắp mặc pháp phục. Đã dự vào hàng thánh chủng, thì tùy nguyện lực thuở xưa mà chứng được Niết-bàn, đó gọi là làm Pháp sự trong pháp hội thứ hai người gieo trồng thiện căn có được quả báo như vậy (trong kinh Pháp Vân ghi chép phần nhiều đồng như văn này).

***11- Thiên nữ Diệu Hoa ở ngoại quốc:***

Xưa, ở ngoại quốc có một tháp sắt cao hơn một trượng, trong đó tôn trí các kinh Phân-đà-lợi Ca-la-sai-ma, Ma Ha Tỳ-lô-xá-na v.v... bản Phạm, mỗi kinh có đến trăm ngàn bài kệ tụng. Bấy giờ có một Thiên nữ thường lúc về đêm đem các thứ hoa trời Mạn-đà-la đến cúng dường tháp sắt. Có một vị Tỳ-kheo du khách đến dừng nghỉ qua đêm trong tháp, đến nửa đêm thấy Thiên nữ đến, bèn hỏi rằng: "Ngươi là ai?", Thiên nữ đáp rằng: "Tôi là Thiên nữ Diệu Hoa ở cõi trời Đao-lợi, là thị nữ của Thích Đề-hoàn Nhân". Vị Tỳ-kheo ấy lại hỏi: "Có nhân duyên gì mà ngươi đến cúng dường?" Thiên nữ đáp: "Xưa tôi là một kẻ bần

nữ xin ăn để tự nuôi sống, ở bên cạnh có cái hồ tên là Diệu Trì, giữa lúc tháng nắng mùa hạ, hoa sen bốn sắc nở khắp, mọc lên trong đó, các vị Bà-la-môn v.v... ở các nước đua nhau đến hái hoa, lập pháp hội Liên Hoa, khi đó tôi phát tâm tin nhỏ nhiệm hái hai cành hoa sen trắng cúng dường các kinh Phân-đà-lợi Ca v.v... ở trong tháp. Nhờ một chút thiện căn ấy mà được sinh lên cõi trời Đao-lợi làm thị nữ của Đế Thích, vì y theo bản duyên nên được gọi tên là Diệu Hoa. Muốn báo đáp hồng ân của pháp báo nên tôi thường đến cúng dường". Nói xong, Thiên nữ biến mất không còn hiện nữa. Vị Tỳ-kheo ấy xả thí tất cả y bát mua hoa cúng dường tháp và kinh sách (rút từ yếu tập).

***12- Thiên tử Bảo Anh ở cõi trời Đao-lợi:***

Xưa, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Dương, cho may năm trăm pháp y Ca-sa để cúng dường năm trăm vị A-la-hán ở trên đảnh núi Tu-di. Vua nói với ngài Bảo Chí rằng: "Nên lên cõi trời Đao-lợi dâng cúng pháp y của vua Võ Đế". Khi đó có một vị Thiên tử tên là Bảo Anh thân mặc y phục chuỗi châu anh lạc, vượt hơn vua trời gấp trăm vạn lần, ánh sáng chiếu soi khỏa mờ các vị trời khác. Ngài Bảo Chí hỏi: "Nhờ nhân gì mà y phục anh lạc của người đặc biệt như thế?". Thiên tử Bảo Anh đáp: "Xưa tôi sinh ở nước Hoa Thị trong cõi Diêm-phù-đề, là con của một vị trưởng giả, tôi đem y phục anh lạc đang mặc để cúng dường diệu pháp, do nhân duyên ấy nên sinh trong cõi trời này có được y phục, anh lạc vượt hơn vua trời gấp trăm ngàn vạn lần". Lại có vị Thiên tử khác tên là Diệu Vân hình sắc đoan chính có trăm ngàn Thiên nữ thường luôn vây quanh. Ngài Bảo Chí hỏi về nhân duyên, liền đáp rằng: "Xưa trước tôi ở tại ấp Tất-ba-la nước Ma-kiệt-đà dùng hoa cúng dường diệu pháp, nên được quả báo ở cõi trời như thế này! Có trăm ngàn vị trời có oai đức đều do cúng dường diệu pháp mà được quả báo như thế". Ngài Bảo Chí trở lại nhân gian tỏ bày đầy đủ như vậy.

***13- Lão nữ ở huyện Trường An:***

Ở huyện Trường An có một lão nữ không biết tên họ là gì, lão nữ ấy mù điếc câm ngọng bị người rất xem thường. Bấy giờ, ở chùa lớn đang giảng kinh Pháp Hoa bản mới dịch của ngài La-thập, người cháu kéo tay dẫn đến chùa. Lão nữ ấy tuy đến chỗ chùa lớn, vì mù điếc nên không thấy không nghe, người cháu bèn nắm hai tay lão nữ mà chấp lại hướng về phía giảng tử. Trong tâm lão nữ vẫn còn ý niệm chấp tay kính lễ. Sau đó ba tháng lão nữ bỗng nhiên qua đời, người cháu muốn tổ chức

an táng, nhưng vì lão nữ còn chút hơi ấm, nửa đêm đến canh ba bỗng nhiên mở tiếng gọi người cháu, người cháu cho là yêu quỷ, trong lòng rất khiếp sợ không dám đáp lại. Đến sáng sớm thấy lão nữ ấy ngồi dậy, hai mắt đều tỏ sáng, nói năng như người thường, người cháu hỏi: "Quỷ đầu sỏ nào đó?" Lão nữ đáp: "Tôi chẳng phải là yêu quỷ, lúc mới chết, bị Minh Quan dẫn đến chỗ vua, vua từ tòa xuống chấp tay hướng về tôi mà nói: "Ngươi là người có công đức lớn, vì chấp tay cúng dường kinh Pháp Hoa, các nghiệp chướng đều tiêu hết, các chi căn được trở lại như cũ, thọ mạng hiện còn thừa, nên sớm trở lại nhân gian, nói bày về công đức năng lực của kinh Pháp Hoa. Tôi liền đi ra được ít bước thì thần thức nhập vào bổn thân, mắt tai bình phục, nói năng được như thế này". Trải qua nửa ngày ăn uống như thường lệ, lão nữ cùng người cháu đến chùa lớn, nói bày nhân duyên ấy. Mọi người thấy nghe đều cảm mừng vui. Lão nữ ấy xả thí chỗ ở để cúng dường kinh. Không biết đến lúc cuối cùng như thế nào (rút từ Viên ký).

***14- Vị Ưu-bà-tắc ở huyện Giang Ninh:***

Ở huyện Giang Ninh có vị Ưu-bà-tắc hay tin theo các thuyết Tiểu thừa, Câu-xá v.v... chẳng chịu tin theo giáo pháp Đại thừa. Bấy giờ huyện chủ cùng các đạo tục tạo kinh Pháp Hoa bản chữ vàng đặt bày cúng dường, các sĩ nữ xem thường của cải kính trọng chánh pháp. Khi đó, vị Ưu-bà-tắc kính pháp Tiểu thừa ấy không vui tâm ý lắm nhưng cũng cúng dường cái chén để xông hương. Qua bảy năm sau, không bệnh mà tự nhiên chết, người này lấy làm lạ chưa vội an táng, đến chiều ngày hôm sau được sống lại, buồn khóc ngã xuống đất, chết ngất rồi sống lại, nói với vợ rằng: "Lúc tôi mới chết, trước thấy một tòa thành lớn như là thành bằng vàng, trong thành có nhiều điện đường trang nghiêm kỳ diệu vàng bạc trướng lớn, lưu ly lụa trắng, rất đáng ưa thích, ở phía ngoài thành có nhiều dãy nhà trắng nối tiếp nhau, từ trong thành có một đồng tử đi ra nói với tôi rằng: "Ông là người Tiểu thừa, không thể vào trong thành lớn, chỉ được ở nhà trắng ngoài thành. Trong thành chỉ để giành cho người Đại thừa ở mà thôi". Khi đó nhìn vào trong thành thấy có các cung điện phần nhiều không có người ở, tôi bèn hỏi đồng tử rằng: "Vì sao cung điện không có người ở". Đồng tử đáp rằng: "Những người cúng dường Đại thừa ở huyện Giang Ninh sẽ sinh sống trong cung điện ấy, vì những người ấy còn ở nhân gian nên trong cung điện này không có người ở". Khi đó tôi nhớ biết xưa có cúng thí cái chén để xông hương, nên nói với đồng tử rằng: "Tôi cũng có cúng

dường kinh Pháp Hoa, sao lại ở chỗ nhà trắng này?". Đồng tử bảo: "Ta cũng biết việc ấy, người giúp cúng dường xông hương nên được ở gần nơi thành vàng, chẳng phải cúng dường trực tiếp không nên thể vào thành. Nếu muốn vào thành thì sớm trở lại nhân gian cúng dường diệu pháp. Nếu người cúng dường kinh sách, thì sẽ sinh đến xứ này". Tôi liền bái từ, sắp trở về lại hỏi đồng tử rằng: "Ông là ai và xứ này tên là gì?" Đồng tử đáp: "Ta là Văn-thù-sư-lợi và xứ này là thế giới kim sắc, vì ngươi có tiểu tâm nên thấy thành này nhỏ hẹp, còn như các bậc đại nhân thì thấy cõi này vi diệu rộng thoáng". Nói xong, thành và đồng tử bỗng nhiên biến mất không còn thấy nữa. Vị Ưu-bà-tắc giác ngộ như mộng, bèn phát tâm dốc hết gia nghiệp tạo kinh bản chữ vàng, tu hành đúng như pháp mà cúng dường. Mọi người thời bấy giờ đều cho rằng: "Tạo kinh bản chữ vàng sẽ sinh về thế giới kim sắc".

***15- Thích Tăng Đạt trụ chùa Bạo Bố, núi Thiên Thai, đời Tùy:***

Thích Tăng Đạt họ Khương người xứ Đài Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, giảm bỏ ăn tiết chế khổ hạnh, chuyên trì kinh Pháp Hoa. Vào niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) đời Tùy, Sư phát nguyện ghi chép kinh Pháp Hoa, nhưng chưa được cúng dường, mắc bị cơn bệnh xưa phát lại nên bị chết. Do các hạnh nghiệp tạo ác xưa nên thần thức dẫn đến sảnh vua Diêm-la. Vua thấy Sư đến bèn đứng dậy đến nghinh đón mời vào chánh điện ở trong sảnh, khi đã an tọa rồi, vua mới nói rằng: "Đại sư vì hạnh nghiệp tạo tác xưa nên đến chỗ tôi, nhưng vì đại sư chép kinh Pháp Hoa còn chưa kịp cúng dường, hãy sớm trở lại nhân gian. Lại ban xá tất cả các tội nghiệp tạo tác khi xưa, đại sư sẽ sinh về cảnh giới tịnh độ", nghe vua nói lời ấy rồi Sư im lặng đi ra, thần thức nhập vào bổn thân mà sống lại bèn trang nghiêm kinh trục, cúng dường kinh điển. Sau đó không biết Sư đi đến xứ nào (rút từ Tự Ký).

***16- Pháp cúng dường là cao quý:***

Về thuở xa xưa, khó nhận biết thời hạn, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, thế giới ấy tên là Đại Thanh, kiếp đó tên là Tịnh Trừ. Đức Dược Vương Như Lai thọ hai mươi trung kiếp, các chúng Thanh văn có ba mươi sáu ức vị, các chúng Bồ-tát đại sĩ có mười hai ức vị. Vua Chuyển luân thánh vương lúc bấy giờ tên là Bảo Cái làm chủ khắp cả bốn khu vực, vua có ngàn người con. Vua cúng dường Đức Dược Vương Như Lai suốt năm trung kiếp, cùng các quyến thuộc và tất cả bố thí, phụng kỉnh Đức Dược Vương Như Lai, qua năm trung kiếp,

vua bảo ngàn người con rằng: “Ta cúng dường kính hầu Đức Như Lai, các con cũng phải thuận theo việc làm của ta”. Khi đó ngàn người con đều nghe theo lời vua cha dạy bảo, lại suốt năm kiếp cúng dường Đức Dược Vương Như Lai dùng các thứ thượng diệu mà dâng cúng, chẳng trái sự an đặt. Lại thái tử thứ nhất của vua tên là Thiện Cái nhàn cư riêng một nơi vắng lặng suy nghĩ rằng: “Nay chúng ta cúng dường Đức Như Lai đâu có khác hơn kia ư?”. Nương theo oai thần của Đức Phật nên từ giữa hư không có vị trời đến nói với Thiện Cái rằng: “Dòng họ ngươi há muốn biết ư? Có pháp cúng dường tối tôn không cùng cực”. Thiện Cái lại hỏi rằng: “Thế nào gọi là Pháp cúng dường?” Vị trời bảo: “Ngươi nên đến hỏi Đức Dược Vương Như Lai, ngài sẽ khắp vì các ngươi mà giảng nói phân biệt rõ ràng”. Thiện Cái liền đứng dậy đến chỗ Đức Dược Vương Như Lai, cúi đầu thỉnh lễ sát đất, bạch cùng Đức Dược Vương Như Lai rằng: “Pháp cúng dường kính thuận phép tắc là như thế nào?”. Đức Dược Vương Như Lai dạy rằng: “Pháp cúng dường là thuận theo kinh điển do Đức Như Lai giảng nói mà khai hóa tất cả, đó nghĩa là cúng dường pháp”. Vương tử Thiện Cái từ Đức Dược Vương Như Lai nghe được pháp cúng dường, liền chứng được nhu thuận pháp nhẫn, bèn xuất gia tu đạo chứng đắc các thần thông.

Phật dạy: “Vua Bảo Cái thời bấy giờ đâu phải người nào lạ, mà chính là Đức Phật Bảo Đăng Như Lai hiện nay. Ngàn người con của vua lúc bấy giờ tức ngàn Đức Phật trong Hiền kiếp này. Thái tử Thiện Cái tức nay con ta, là Thích-ca Mâu-ni đây vậy, cho nên phải biết trong các thứ cúng dường không gì hơn cúng dường pháp. Chư Phật ở quá khứ ở vị lai và hiện tại đều từ đó mà lưu xuất. Muốn được cúng dường chư Phật ở mười phương, thì phải thọ học kinh Pháp Hoa, hành trì đọc tụng, giảng nói tất cả, phân biệt giáo nghĩa nhất thừa, không có ba thừa”. Nên có lời tụng rằng: “Nếu có người muốn cúng dường thì phải thọ trì kinh chánh Pháp Hoa này” (rút từ kinh Pháp Hoa). Lại như Hoa Thủ có bài kệ tụng rằng: “Nếu người dùng các thứ hoa, hương xoa, y phục và thuốc thang để cúng dường Phật thì đó chẳng phải chân thật cúng dường, mà đối với pháp vi diệu của Đức Như Lai ngồi nơi đạo tràng đã chứng đắc, người nào có thể tu hành mới là chân thật cúng dường. Nên biết cúng dường kinh Pháp Hoa là cúng dường hơn hết mà thôi.

***17- Tỳ-kheo Vô Hành:***

Xưa kia tại ngoại quốc có một vị Tỳ-kheo tên là Vô Hành thường tu pháp cúng dường, nghĩa là đối với các kinh do Phật giảng nói như

Diệu pháp Liên Hoa v.v... tất cả trong đời khó tin khó hiểu khó nhận thọ khó thấy nghe mà có thể tin, có thể hiểu, thọ trì đọc tụng, dùng năng lực phương tiện vì các chúng sinh phân biệt giải thích nêu bày rõ ràng, giữ gìn pháp tạng, đó gọi là cúng dường pháp, người tu hành được cúng dường pháp thì chư Phật ở mười phương như muôn vì sao mà hiện, khác miệng đồng lời nói kệ tụng rằng:

*"Dù cho dùng vô lượng vật báu*
*Cúng dường chư Phật khắp mười phương*
*Chẳng bằng với một kệ Pháp Hoa*
*Thọ trì đọc tụng được thành Phật.*
*Giả sử cùng khắp cõi đại thiên*
*Đoạn hết căn lành, còn chút đạo*
*Nếu nghe một câu kệ Pháp Hoa*
*Công đức vun tâm chóng thành Phật".*

Tỳ-kheo Vô Hành nghe chư Phật nói kệ tụng ấy rồi, bèn vào sâu Pháp nhẫn vô sinh. Đó là lợi ích của cúng dường pháp (rút từ sự ghi chép của Thiền sư Giác).

Tất cả trên đây y cứ theo các truyện ký của Tây Vức và mọi sự thấy nghe rồi ghi chép lại của các bật hiền thánh ở xứ này (Trung Hoa), tôi (Tăng Tường) rút lấy nội dung chính mà ghi. Trong đây hoặc có tương truyền mà không vốn có văn bản, hoặc thấy nghe gần gũi mà tôi tự ghi chép mới. Tuy sợ bản ghi chép này có sự vừa hư vừa thật, nhưng ý tôi muốn khuyên người sau kính tin.

*"Đã nương bản cũ và miệng truyền*
*Đích thân nghe thấy lược soạn ghi*
*Lời hay lời dở quy trung đạo*
*Thấy nghe đều chứng Vô sinh nhẫn".*

-----------------------

Ngài Tăng Tường ở thời Tiền Đường, không biết Sư họ gì. Sư là người đạt thức nghe rộng mà ghi chép lại những sự ứng nghiệm về kinh Pháp Hoa để khuyên dụ các người ngu mê mờ tối, đặc biệt ghi chép các khoa mục biên xuất truyền dịch v.v... bao gồm suốt cả đầu đuôi của một dòng Pháp Hoa, thật là vô cùng kỳ diệu nên truyền bá lớn mạnh ở đời, làm vốn liếng cho người bàn nói. Nhưng chuyện chép có sai lầm là điều k tránh khỏi Tôi thường bày đọc sử truyện của chư tăng và các kinh lục v.v... bỗng thấy có bản ký truyện ký này, càng xét càng chất thật, nên

liền bảo các người thợ khắc bản gỗ, mong người học chớ nghi ngờ.

Ngày rằm tháng ba, năm Canh Tý thuộc niên hiệu Khánh Trường.

Sa-môn Thích Viên Trí kính tin tại Lạc dương.

TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA
(TRỌN BỘ)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ TÔNG THIÊN THAI

SỐ 2069

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2069

# TRUYỆN
# CHÍN VỊ TỔ TÔNG THIÊN THAI

*Sa-môn Sĩ Hành kính biên tại Vân Giang.*

## LỜI TỰA

Trong tông Thiên thai, có chín đời Tổ sư sinh ra ở hai xứ Ấn Độ và Trung Hoa, trước sau xuất hiện cách nhau khá xa, nên những sự cảm ứng để lại dấu vết rải rác trong các kinh truyện, nếu chẳng xem rộng thì không thể biết rõ được. Những người gom đối với công đức của Tổ sư ít lường biết về lý do, bởi vậy các bậc tiên Nho có nói rằng: Đối với tổ tiên không tốt đẹp mà ngợi khen, đó là lừa dối. Còn có tốt đẹp mà không biết tức là không sáng suốt biết mà chẳng truyền bá tức là không có lòng nhân. Với ba điều trên là sự đáng hổ thẹn của người quân tử, huống chi đối với người của giáo học ư? Tôi là kẻ hậu học ngu muội cũng muốn tránh khỏi khuyết điểm chẳng lưu truyền, nên kính cẩn sưu tìm ở các kinh sách, ghi chép đầy đủ như ở sau để tặng cho các bậc hậu hiền, ngõ hầu ngợi khen khôn cùng, làm chỗ nương cậy để tiến thân chứ không phải là thứ vô bổ.

Ngày rằm tháng chạp, đổi niên hiệu Gia Định năm thứ nhất (1208) đời Nam Tống, ngụ tại hiên Trúc Phong Ngưng Thúy, kính ghi lời tựa.

1. Sơ tổ Bồ-tát Long Thọ.
2. Tổ sư Tôn giả Bắc Tề.
3. Tổ sư Tôn giả Nam Nhạc.
4. Tổ sư Đại sư Trí Giả giáo chủ núi Thiên thai.
5. Tổ sư Tôn giả Chương An.

6. Tổ sư Tôn giả Pháp Hoa.
7. Tổ sư Tôn giả Thiên Cung.
8. Tổ sư Tôn giả Tả Khê.
9. Tổ sư Tôn giả Kinh Khê.

******

## 1. SƠ TỔ BỒ TÁT LONG THỌ

Bồ-tát Long Thọ là người dòng Phạm chí, con nhà rất giàu có, người ở nước Nam Thiên Trúc. Sinh ở dưới gốc cây, do rồng mà thành đạo nên gọi ngài là Long Thọ. Tuy còn nhỏ những ngài rất thông minh thấu suốt, tài học vượt trội người đời. Khi đang còn ẵm tã, nghe các vị Phạm chí đọc tụng bốn bộ Vệ-đà, mỗi bộ có bốn mươi ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có bốn mươi hai chữ, ngài đều tụng thuộc văn kệ ấy lại lãnh hội được yếu nghĩa.

Đến năm hai mươi tuổi, tiếng tăm ngài vang khắp gần xa, riêng một mình ngài rảo bước khắp các nước. Với các tài năng nghệ thuật về thế học như thiên văn, địa lý, đồ vĩ, bí sấm, cho đến các thứ đạo thuật khác, ngài đều luyện cả. Ngài kết bạn với ba người khác đều là những vị tài giỏi ở đương thời.

Một hôm, ngài  cùng nhau bàn với họ rằng: Các thứ nghĩa lý trong thiên hạ có thể dùng để khai thần minh ngộ u chỉ, mà chúng ta đều thấu đạt cùng tận, lại phải nên dùng các phương cách gì đề tự vui? Chỉ có đuổi tìm sắc đẹp túng tình cực dục ấy há chẳng phải vui thú ư?.

Nhưng thế của các Phạm chí chẳng như vương công, làm sao có được, nên phải cầu học thuật ẩn thân, thì vui thú ấy có thể có được cả bốn người nhìn nhau, tỏ vẻ đồng ý, nên đồng đến thuật gia cầu học pháp ẩn thân. Thuật sư nghĩ rằng: Bốn Phạm chí này đều là những vị nổi tiếng ở đời, xem chúng sinh chỉ như rơm cỏ, nay chỉ vì thuật ấy mà chịu khuất phục tìm đến chỗ ta, những người ấy là tài minh tuyệt thế, điều họ không biết chỉ có pháp hèn này. Nếu ta trao cho phương thức ấy thì vỉnh viễn bị mất, thà nên trao cho họ thuốc, khiến không nhận biết, khi thuốc hết thì họ sẽ trở lại chỗ ta, hoà toàn tôn kính ta là thầy. Và liền trao cho mỗi vị một viên thuốc màu xanh, đồng thời bảo rằng: Các ngươi về ở chỗ vắng lặng dùng nước để mài thuốc này rồi bôi lên mắt, nghiệm hình sẽ tự ẩn.

Khi mài thuốc, ngài nghe có mùi thơm nên biết hết tên của loại

thuốc ấy, phân số ít nhiều, cân lượng không sai sót, ngài trở lại nhà thuật sư, trình bày đủ thuốc ấy có tất cả bảy mươi thứ hợp lại, tên chỉ lượng số đều đúng phương thức ấy.

Thuật sư kinh hãi hỏi: Làm sao ông biết thế?.

Ngài đáp: Thuốc có phần hơi sao không biết được.

Thuật sư liền thán phục, liền nói rằng: Với những người này, nghe tên còn khó, huống chi ta đây gần gũi gặp được mà lại tiếc phương thuật ấy.

Bèn đem pháp thuật ấy mà bày cho cả bốn người.

Khi đã được thuật ẩn thân, đi khắp nơi tự tại, bốn vị vào trong cung, các mỹ nữ trong cung đều bị lấn hiếp, trong vòng trăm ngày sau, có nhiều mỹ nữ mang thai, đem việc ấy tấu trình lên vua, vua chẳng vui lòng bảo rằng: Đó là điềm không tốt và liền vời các quần thần tài trí lại để hỏi nguyên do. Có một quần thần tâu vua rằng: Với việc ấy không ngoài hai thứ: Một là yêu quỷ và hai là pháp thuật. Nên dùng đất nhỏ mịn rải đặt trong các cửa, bảo người canh giữ cấm dứt người vào ra. Nếu là do về phương thuật thì dấu chân sẽ tự hiện, còn nếu do quỷ mỵ thì phải không có dấu vết, nếu người thì dùng binh lính để trừ, còn quỷ thì sẽ dùng chú để diệt. Vua bèn dùng theo kế sách ấy, chuẩn bị đầy đủ các pháp thức. Thấy có dấu chân bốn người, liền đóng các cửa ra vào, cho mấy trăm lực sĩ cầm da đánh khống giữa hư không, chém rơi đầu ba người, gần chung quanh vua cách khoảng bảy bước là nơi dao không đến, chỉ có mình ngài giấu thân lắng hơi tiếng nương tựa chỗ vua đứng, nên không bị chém. Nhân lúc đó, ngài mới tỏ ngộ dục là gốc khổ, nên sinh khởi tâm nhàm chán dục, phát nguyện muốn xuất gia, ngài thầm nghĩ: Nếu ta được thoát thì sẽ đến các vị Sa-môn xin xuất gia.

Thế rồi, được thoát khỏi, ngài vào núi đến ngôi tháp Phật v.v..., xuất gia thọ giới. Qua chín mươi ngày đọc tụng hết ba tạng, thông rành các nghĩa sâu mầu, lại tìm cầu kinh điển khác hoàn toàn không có được. Ngài bèn theo hướng đến Tuyết sơn gặp được một vị Tỳ-kheo trao truyền cho ngài giáo điển Đại thừa, ngài đọc tụng cảm thấy vui thích, tuy thấu đạt thật nghĩa mà chưa được chứng đạo, biện tài vô tận luận bàn khéo léo, nên các dị học ngoại đạo, nghĩa sĩ Sa-môn đều kính phục cầu thỉnh ngài làm bậc thầy mẫu mực, ngài liền tự cho rằng: Ta là người đạt được Nhất thiết trí, nên sinh tâm kiêu mạn tự suy nghĩ rằng: Các pháp trong thế giới, bến bờ có vô lượng, kinh Phật tuy huyền diệu nhưng câu nghĩa chưa hết, nay ta lại phải giảng nói để khai ngộ cho người học sau, nghĩ như thế rồi, ngài liền muốn thực hành, lập thầy dạy giới, lại tạo y phục

khiến hợp với Phật pháp, mà ít có khác nhau, muốn trừ các tình chấp, nêu bày không thọ học, lựa chọn ngày tốt bèn muốn thực hành, ngài ở tịnh thất riêng đất phòng thủy tinh.

Khi đó, Bồ-tát Đại Long thương xót ngài như thế, liền dùng thần lực, tiếp đưa ngài ra biển lớn, đến cung điện đó, mở bảy hộp báu, đem các kinh điển phương đẳng sâu mầu diệu pháp vô thượng mà trao cho ngài. Ngài mở ra đọc xem suốt trong chín mươi ngày, thông hiểu rất nhiều, tâm ngài thâm nhập rõ được thật lợi, Đại Long biết tâm ngài như thế bèn hỏi: Xem kinh đã cùng khắp chưa?. Ngài đáp: Kinh của người thật nhiều vô lượng, không thể xem đọc hết được, với các kinh mà tôi đã đọc đủ gấp bội mười lần so với ở Diêm-phù-đề. Đại Long nói rằng: Trên cõi trời Đao-lợi có các kinh điển nhiều gấp bội so với nơi đây, hơn cả trăm ngàn vạn lần, các nơi có kinh điển ấy thật không thể nêu số. Ngài đã được các kinh, bỗng nhiên thông đạt, khéo thấu hiểu nhất tướng, thâm nhập Vô sinh pháp nhẫn đầy đủ, Đại Long biết ngài ngộ đạo nên lại đưa ngài ra ngoài cung.

Bấy giờ, vua nước Nam Thiên Trúc sinh đại tà kiến, phụng thờ ngoại đạo, phỉ báng chánh pháp, ngài vì muốn cảm hóa vua, nên tự thân cầm cờ hiệu màu đỏ đi lại trước mặt vua, trải qua bảy năm, vua mới lấy làm lạ hỏi: Ngươi là ai mà đi lại trước mặt ta thế?.

Ngài đáp: Ta là người Nhất thiết trí.

Vua nghe thế rồi, rất lấy làm kinh ngạc, bèn hỏi ngài rằng: Người Nhất thiết trí rất ít có, ngươi nay tự nói như vậy, lấy gì làm tin?.

Ngài đáp: Nếu vua muốn biết thì nên thưa hỏi.

Vua liền nghĩ: Ta là trí chủ đại luận nghị sư, hỏi đó sẽ bị khuất phục, chưa đủ lấy làm lạ, nếu chẳng như thế thì đây chẳng phải việc nhỏ nên im lặng chẳng hỏi, bèn chịu đợi nghi ngờ, giây lâu cúi ngửa hỏi rằng: Ngày nay trời làm việc gì?.

Ngài đáp: Ngày nay trời đang chiến đấu với A-tu-la vua đã nghe nói thế, thì như người âm thầm đã chẳng thể nhả lại chẳng thể nuốt, muốn chẳng nói thế không lấy gì làm chứng, muốn là việc ấy thật không lấy gì làm rõ, phỏng bàn trong giây lát ngài lại hỏi rằng: Đây chẳng phải là hư luận, vua hãy đợi trong giây lát sẽ có ứng nghiệm.

Ngài nói vừa xong bỗng nhiên giữa hư không các thứ dao kiếm giáo mác lần lượt rơi xuống.

Vua bảo: Giáo mác mâu thuẫn tuy là các khí cụ chiến đấu, nhưng làm sao biết là trời và A-tu-la đánh nhau?.

Ngài đáp: Vua cho đó là lời nói hư dối, chẳng như nghiệm đó lấy

làm thật.

Ngài nói vừa xong, tai mũi của A-tu-la từ giữa hư không lại rơi xuống, lại khiến cho vua tôi v.v... cùng thấy giữa hư không hai trận đối nhau. Vua mới cúi đầu nhận chịu ngài giáo hóa, trên điện có vạn vị Bà-la-môn do đó mà xin xuất gia.

Bấy giờ, ở nước ấy mở mang Phật pháp lớn mạnh, ngài soạn luận Ưu-ba-đề-xá có hơn mười ngàn kệ tụng, luận Trang Nghiêm Phật Đạo, luận Đại Bi Phương Tiện v.v... các luận như thế mỗi bộ có năm ngàn bài kệ, giúp cho giáo nghĩa Đại thừa mở mang truyền bá hưng thạnh tại Thiên Trúc. Ngài soạn luận Vô Úy có mười vạn bài kệ, luận Trung Quán sát từ trong bộ luận Vô Úy có đến năm trăm bài kệ.

Lúc đó, có một vị Bà-la-môn giỏi về chú thuật, muốn đem tài năng của mình sánh với ngài, tranh giành thắng thua nên tâu với vua ấy rằng: Tôi có khả năng nhiếp phục Tỳ-kheo ấy.

Vua bảo: Người rất ngu si, Bồ-tát đó sáng suốt đồng như nhật nguyệt, trí tuệ ngang bằng các Thánh, nay ngươi là thứ ngu ngốc hèn kém, làm sao có thể sánh cùng?.

Bà-la-môn ấy nói: Đại vương là người trí, nên dùng lý để xem xét, vì sao đại vương vừa thấy nghịch đã xem thường.

Nghe lời nói ấy, vua bèn thỉnh ngài, vào một buổi sáng đồng nhóm hợp tại điện Chánh đức. Khi đó, vị Bà-la-môn ấy liền ở trước điện chú thuật ra chiếc hồ lớn, rộng dài trong sạch. Trong hồ mọc lên hoa sen ngàn cánh, vị Bà-la-môn ấy tự lên ngồi trên hoa, bảo với ngài rằng: Ngươi đang ở tại chỗ đất đồng loại với súc sinh, ta ở trên hoa trí tuệ thanh tịnh, ngươi sao dám chống lời luận nghị với ta?. Khi đó ngài cũng dùng chú thuật làm thành một con voi trắng, voi có sáu ngà đi trên hồ nước hướng đến chỗ tòa hoa dùng vòi quấn lấy nhổ đưa lên cao rồi ném xuống đất. Lúc đó, vị Bà-la-môn ấy bị tổn thương ở vai lưng, vô cùng khốn đốn, bèn liền khuất phục, quy mạng hướng về ngài thưa rằng: Do vì ngu si, con phạm nghịch với Đại sư, xin Đại sư thương xót cho phép con sám hối lỗi lầm!. Ngài bèn xót thương mà độ cho xuất gia.

Bấy giờ, lại có một vị Pháp sư Tiểu thừa, thấy ngài cao minh như thế thường có tâm tức giận ganh ghét, Sư rất biết rõ điều đó và với việc đáng làm đã làm, hóa duyên đã mãn, sắp muốn tịch diệt, do đó ngài hỏi Luận sư Tiểu thừa ấy rằng: Nay ngươi muốn ta ở lâu trên đời này chăng?.

Luận sư đáp: Nhân giả thật chẳng mong vậy.

Khi đó ngài liền vào tĩnh thất, qua hôm sau ngài chẳng ra, các đệ

tử ngài đều nghi ngờ nên đẩy cửa vào xem, bèn thấy ngài đã thị tịch. Các nước ở Thiên Trúc đều xây tháp thờ, cúng dường các thứ, tôn kính như Phật. Dưới cây nơi thân mẫu sinh ngài, nhân tên chữ là A-chu-đà-na, A-chu-đà-na là tên của chữ Long (rồng). Vì vậy xưng hiệu ngài là Long Thọ. Nhân nhờ bột bánh thuốc tiên, ngài sống lâu ở đời hơn ba trăm năm, gánh vác Phật pháp, số người ngài đã hóa độ nhiều không thể xưng kể tính lường.

Như trong truyện Phú Pháp tạng, kinh nhập Lăng-già quyển sáu nói: Này Đại Tuệ! Ông nên biết sau khi Đức Như Lai diệt độ ở đời sau sẽ có người và pháp của ta là Tỳ-kheo đại danh đức ở nước Nam Thiên Trúc, hiệu là Long Thọ, có khả năng phá dẹp các tông hữu vô, ở trong thế gian hiển bày pháp Đại thừa vô thượng của ta, chứng đắc quả vị Sơ hoan hỷ địa, sau khi thị tịch sẽ vãng sinh về nước Cực lạc. Đó là lời từ Kim Khẩu Đức Phật huyền ký.

## 2. TỔ SƯ TÔN GIẢ BẮC TỀ .

Tôn giả Bắc Tề, húy là Tuệ Văn (đức hạnh chưa thấy ở bản truyện). Dưới thời vua Cao Tổ (Văn Tuyên Đế, Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề ngài riêng bước hoằng hóa khắp xứ Giang Hoài, pháp môn của ngài chẳng phải chỗ biết của thế gian, giẫm đất đội trời chẳng biết cao dày. Ngài dụng tâm mỗi việc đều y cứ theo thích luận. Thích luận do Bồ-tát Long Thọ giảng nói, y theo Phú Pháp tạng thì Bồ-tát Long Thọ là vị Tổ sư thứ mười ba được truyền thừa từ kim khẩu của Đức Thích Tôn, ngài hăng hái tiếp thừa bẩm thọ lấy làm thầy. Nên Hàn Lâm Lương Tiêu nói rằng: Từ khi đức đại hùng Thế Tôn diệt độ, đường học phân phái riêng biệt, ở đời đã suy sụp, giáo pháp cũng bị lấn lướt, nên đại sĩ Long Thọ vì khổ bệnh ấy bèn dùng phương tiện lược chế các ngoại đạo, mới bao gồm cả mười hai phần loại bộ kinh mà phát minh ra tông cực. Giáo pháp truyền bá đến phương Đông, thiền sư Bắc Tề chúng ta có được, y theo văn tự mà vào pháp môn không hai, lấy đó mà truyền trao cho Nam Nhạc. Lời ấy đã hết, những người học sau tôn kính, chẳng dám gọi thẳng tên húy của ngài mà chỉ gọi là Tôn giả Bắc Tề.

## 3. TỔ SƯ TÔN GIẢ NAM NHẠC:

Tôn giả Nam Nhạc, húy là Tuệ Tư, họ Lý, người xứ Võ Tân. Thuở thiếu thời tâm tánh Sư rất khoan từ, trên đảnh đầu có nổi nhục kế, tai có

hai vòng, ngài nhìn như voi, bước đi như trâu, tướng trạng đường vệ trang nghiêm khác với người đời. Ngài thường mộng thấy có vị tăng Ấn Độ khuyên bảo nên xuất tục, ngài giật mình tỏ ngộ điềm lành ấy, bèn giã từ thân thích mà nhập đạo, kính phụng giữ gìn phạm hạnh trinh thuần thanh khiết. Đến lúc thọ giới cụ túc, mỗi ngày ngài chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng thí riêng. Ngài lại nương náu nơi sâu xa vắng lặng, dứt hết mọi sự nghinh tiếp. Ngài trì tụng các kinh Pháp Hoa v.v... chỗ ngài đến ở là một am nhỏ bị người đốt cháy, tùy theo đó liền bày rõ bệnh dịch, chí thành câu xin sám hối, lại xây dựng am thất mới, ngài trì kinh như cũ, bệnh ấy trở lại bình phục. Ngài bèn cảm mộng có mấy trăm vị Tăng Ấn Độ hình tướng cao lớn, cầu thỉnh sư tăng, thêm tác pháp yết ma, thành tựu giới cụ túc, đến lúc thức giấc ngài mới biết là được thọ giới trong mộng.

Ngài siêng năng càng sâu, sớm tối không phế bỏ, lại cảm mộng Bồ-tát Di-lặc cùng các quyến thuộc đồng hội Long Hoa. Tâm ngài tự nghĩ: Ta ở trong thời mạt pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thọ trì kinh Pháp Hoa, nên nay gặp được Đức Từ Tôn. Ngài cảm thương buồn khóc bỗng nhiên giác ngộ. Ngài lại càng tinh tấn, điềm linh ứng hiện càng nhiều, cúng dường mọi thứ nghiêm bị, như có đồng tử cõi trời theo hầu hạ giữ gìn. Nhân đọc kinh Diệu Thắng Định, tán thán công đức của thiền pháp, ngài bèn phát tâm tu định.

Bấy giờ, Thiền sư Bắc Tề (Tuệ Văn) đang nhóm chúng có đến mấy trăm, các pháp đều thanh tịnh nghiêm túc, các đạo tục đều cao thượng. Ngài bèn đến đó quy y, nương theo thọ học chánh pháp, tâm tánh ưa thích khổ tiết, chăm lo làm mọi việc của chúng tăng, cúng dường suốt mùa hạ. Năm sau, ngài buộc tâm ngồi thẳng, kết thất ý niệm ngay trước mới qua hai mươi mốt ngày, phát ít tỉnh quán, ngài thấy nghiệp tướng thiện ác trong một đời, ngài lại càng dõng mãnh gấp bội, bèn động cả tám góc, phát gốc Sơ thiền, thiền chướng bỗng sinh khởi cả chân tay đều rũ rượi, không thể bước đi thân chẳng theo tâm. Ngài liền tự quán sát: Nay ta bị bệnh đều từ nghiệp sinh, nghiệp lại do tâm khởi, vốn không do ngoại cảnh, trái lại thấy nguồn tâm, nghiệp chẳng khổ được, thân thể như bóng mây, cùng có một thể không. Quán như thế rồi, các tưởng điên đảo trong ngài đều diệt, tâm trách thanh tịnh mọi đau khổ đều hết. Ngài lại phát tu không định, tâm cảnh đều rỗng rang, đến cuối hạ tự tứ, ngài bùi ngùi không chỗ đạt, tự thương mình hôn trầm, sống một đời luống qua, lại nghĩ nhớ mà hổ thẹn, bèn buông thân mình nghiêng tựa vào vách tường, lưng chưa đến nơi, bỗng nhiên khai ngộ. Với các pháp môn Tam-muội Pháp hoa, pháp môn Đại thừa, nhất niệm

minh đạt, mười sáu pháp đặc thắng, bối xả từ từ vào, ngài tự thông đạt thấu suốt, chẳng do người khác khai ngộ, nghiên cứu tinh luyện càng lâu, các pháp quán trước càng tăng.

Tiếng tăm và đạo hạnh ngài vang xa, người bốn phương đều kính chuộng đức ngài, học chúng ngày một đông, cơ ngộ thật nhiều, ngài liền dùng các pháp định tuệ v.v... đối với Đại thừa, Tiểu thừa giảng nói dẫn dắt, dùng để nhiếp hóa chính mình và người. Chúng xen lẫn vừa tinh lẫn thô, nên mọi điều thị phi (phải quấy) thì đó sinh khởi, ganh ghét trăm độc, độc chẳng thể làm thương tổn, các dị đạo lại bày mưu, mưu không thể hại, ngài mới nhìn đến đồ chúng mà bảo rằng: Xưa kia Đức Đại Thánh khi còn tại thế cũng chẳng tránh khỏi những lời dèm pha không căn cứ, huống chi tôi đây là kẻ vô đức làm sao tránh khỏi nợ ấy, nợ là do tạo tác từ đời trước, khi thời cơ đã đến thì phải nhận chịu, đó chỉ là việc riêng, nhưng với Phật pháp của chúng ta không bao lâu nữa cũng sẽ bị diệt. Ta phải đến phương nào để trốn lánh nạn này!. Khi đó, giữa hư không có tiếng bảo rằng: Nếu muốn tu định thì nên sinh Nam Nhạc ở Võ Đang, đó là núi Nhập Đạo!

Khoảng đầu niên hiệu Võ Bình (570) thời Bắc Tề, ngài bỏ xứ Cao Dương ấy, dẫn đồ chúng đi về hướng Nam, mới đầu vừa đến Quang Châu, gặp lúc Lương Hiếu Nguyên sụp đổ nước loạn, đường trước bị nghẽn tắt, ngài tạm dừng ở núi Đại Tô, trải qua thời gian mấy năm, mọi người về nương theo đông như chợ. Ngài thường răn dạy đồ chúng rằng: Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh chẳng xa, chỉ nên hướng tìm cầu ngay chính mình, chẳng theo tìm ở nơi khác, tìm cầu cũng không được, dẫu có được cũng chẳng chân thật. Do đó, ngài đem vốn sự để cúng, dùng lý vị để dạy răn, chỉ muốn các học giả tỏ ngộ tự bản tâm họ. Do đó, ngài lấy mọi thứ phước thí của các đạo tục mà tu tạo kinh Bát-nhã và kinh Pháp Hoa đều là bản chữ vàng, lấy lưu ly làm hộp báu. Đại chúng thỉnh cầu ngài giảng hai bộ kinh ấy, liền đó ngài nêu bày huyền tự, tùy theo văn đến hết, không gì chẳng phải sâu mầu. Về sau, ngài nhờ một vị Đại sư thay thế ngài giảng kinh bản chữ vàng, đến chỗ: Nhất tâm gồm đủ cả muôn hạnh. Đại sư như có điều nghi ngờ, ngài liền bảo: Chỗ nghi ngờ của ngươi tức là theo thứ lớp trong đại phẩm, chưa phải là diệu chỉ của Pháp Hoa viên đốn, xưa tôi nhất tâm chóng phát các pháp. Tôi đã thật sự thân chứng nên chẳng nhọc đặt để nghi nan. Đại sư ấy bèn hỏi thọ học Pháp Hoa hành pháp hai mươi mốt cảnh giới, và lãnh ngộ được huyền chỉ, lại hỏi về địa vị ngài đã chứng đắc có phải là Thập địa chăng. Ngài đáp: Không phải, tôi mới chỉ là ngôi vị Thiết luân ở thập

tín. Nhưng ngài nói khiêm nhường, khó thấy được lẽ thật, bản tích chẳng rõ ràng. Về sau, ở núi Đại Tô có nạn tệ hại nên đốt lửa canh phòng, đồ chúng ở núi bàng hoàng chẳng an, ngài bèn dẫn hơn bốn mươi người đi thẳng đến Nam Nhạc. Lúc đó là ngày 23 tháng 06 năm Mậu Tý (568) tức niên hiệu Quang Thái thứ hai đời Trần.

Khi đã đến đó, Sư bảo rằng: Tôi nương ở đây chỉ đủ mười năm thôi. Trước kia dưới thời Nam Lương có Sa-môn Tuệ Hải ở chùa Hành Nhạc, đến lúc thấy ngài đến, ngài Tuệ Hải vui mừng như đã quen biết từ xưa, bèn đem chùa dâng cúng, thỉnh ở đó, còn ngài Tuệ Hải dời đến ở nơi khác. Ngài lại dời đồ chúng rộng lớn, linh tích buồn lạ, nói đủ như trong biệt ký. Ngài thường nói: Đời trước tôi từng ở tại xứ này. Nhân đi đến trên đỉnh núi, chậm rãi dừng ở nơi rừng suối. Tại đó yên tỉnh, ngài như có điều nhớ lại. Bỗng chốc, ngài chỉ về phía đỉnh núi thông và bảo: Thân trước của tôi ở đây nhập định, giặc đến chém đầu tôi. Đại chúng cùng nhau đào bới quả nhiên có được hài cốt, và đúng thật là không có đầu. Nay gọi đó là đỉnh núi Nhất sinh. Ngài lại chỉ vào tảng đá và bảo: Dưới đây cũng có hài cốt đời trước của tôi. Đại chúng giật tảng đá lên để xem xét, quả nhiên có được hài cốt màu hồng trắng nối liền nhau như móc xích, tức lấy nhiều đá ở đó chất lên chôn vùi hài cốt cao lên trên đỉnh làm tháp Nhị Sinh (đời thứ hai). Ngài bồi hồi, đi thẳng lên theo hướng Đông, thấy một cửa đá sâu thẳm. Ngài bảo: Cửa sâu Linh nham này, nếu người nào đi qua sẽ tăng thêm Đạo lực. Đó là một ngôi chùa xưa, trước kia tôi cũng có nương náu ở đây. Do đó, dùng búa đập vào chỗ kín, quả nhiên có được các thứ khí mãnh vật dụng của chúng Tăng, đường vũ tầng lớp, nền móng xây dựng bằng gạch, đất ở đó cao thoáng, đến chỗ điểm tin của Đại nhạc. Khi đó, ngài bèn dựng lập đài, vì đại chúng mà giảng nói kinh Bát-nhã. Do đó gọi là Tam Sinh tạng. Mọi sự ứng nghiệm chẳng phải chỉ một.

Những vị Thạc học đời Trần đều quy tông về ngài. Bấy giờ có dị Đạo có tâm ganh ghét, ngầm báo với Trần, vu cáo cho ngài là vị Tăng người đất Bắc ngầm nhận bằng khoán của nhà Bắc Tề nên đào bới phá dứt tim Nam Nhạc. Vua ban sắc sai sứ đến núi, thấy hai con hổ tức giận gầm gừ nên kinh sợ mà rút lui. Vài ngày sau lại đến núi mời gọi ngài. Ngài nói với kẻ sứ rằng: Tôn sứ nên đi trước, bần Đạo sẽ tiếp tục đến. Và ngài chống tích trượng đến kinh đô, cả bốn cửa thành đều thấy ngài đi vào. Các sứ trông coi cửa cùng một lúc vào tấu trình, vua rất kinh dị dẫn đến gặp ngài, sắc nhân linh ứng, mới đón ngài vào Hạ đô, dừng nghỉ tại chùa Thê uyển, không lời hỏi han gì. Trước có một con ong nhỏ

bay đến đốt vào gò má ngài. Sau đó có một con ong lớn cắn chết con ong nhỏ ấy, ngậm trước đầu ngài bay giật lên mà đi. Sau đó không bao lâu, một người mưu dối bị chết, hai người bị chó dại cắn chết. Nên tướng ong hiện bày trước đến đó mới nghiệm biết.

Ngài đến chùa Ngõa Quang, gặp lúc trời mưa mà không bị ướt, giày mang chẳng dính bùn dơ. Sa-môn Tăng Chánh Tuệ Hạo cùng các học đồ gặp ngài giữa đường, bảo rằng: Người Thần dị này vì sao đến đây? Cả triều đình đều chăm mắt nhìn, các Đạo tục đều dốc lòng kính ngưỡng. Đại Đô Đốc Ngô Minh Triệt rất mực kính trọng ngài, dâng cúng ngài gối bằng sừng tê giác. Biệt tướng Hạ Hầu Hiếu Oai đến chùa lễ thăm ngài, đang giữa đường im lặng nghĩ ngợi rằng: Ngô Nghi cùng đồng chung sớ dâng cúng ngài chiếc gối, ta rất muốn được thấy một lần. Vừa đến chỗ ngài, sắp hàng rất chí kính, ngài bèn bảo Hiếu Oai rằng: Muốn thấy được gối bằng sừng tê giác thì nên đến đó để xem. Lại một hôm bỗng nhiên có tiếng bảo rằng: Hãy mau quét tước sân nhà, bậc Thánh sắp đến đây. Liền như lời nói ấy, bỗng chốc ngài đến, Hiếu Oai có tâm kính ngưỡng, tỏ bày với các đạo tục. Nên các giới sang hèn Tăng tục đều quy hướng về ngài. Ngài bèn trở về Nam nhạc, chẳng dám ở lại lâu. Vua dùng lễ vật đặc biệt kính dâng, tôn xưng ngài là Đại Thiền sư. Người thuyền cung cấp đưa đến bến bãi sông. Ngài bảo: Ta dừng chân ở Nam Nhạc chỉ có mười năm, đến lúc kỳ hạn đã mãn ta sẽ dời đi nơi khác. Bấy giờ, mọi người đều chẳng biết ý chí ấy.

Sau khi ngài trở về núi, mỗi năm Trần Chúa gởi thư đến thăm hỏi ngài ba lần, cúng thí các thứ rất nhiều. Ngài xây dựng hưng thạnh chẳng nơi nào hơn, và việc nói pháp lại gấp bội hơn thường. Ngài có nhiều việc thần dị khó thể lường biết. Hoặc hiện thân hình lớn nhỏ, hoặc vắng lặng hiện bày thân ẩn tàng, hoặc có mùi thơm lạ, sắc tướng đặc biệt, điềm hiện tốt lành, hiện khởi lẫn lộn.

Đến lúc sắp tịch, từ trên đỉnh núi đi xuống, có Đạo tràng giữa lưng chừng núi, ngài mới nhóm hợp tất cả các học chúng, giảng pháp liên tiếp nhiều ngày. Ngài tha thiết quở trách, khiến người nghe phải chạnh lòng. Ngài bảo với đại chúng rằng: Trong đây có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu các pháp sám hối như trì kinh Pháp Hoa, Ban-chu niệm Phật Tam-muội, Phương Đẳng, thực hành các hạnh ấy. Tùy sự cần thiết, tôi xin tự cung cấp, đều cùng được lợi ích. Còn như không, thì tôi sẽ lìa nơi đây. Khốn khổ thực hành việc khó, nên không hề có người nào đáp lại. Do đó, ngài lắng cách chúng để xem xét tâm niệm, tự nhiên mạng hết. Có vị Sa-môn trẻ nhỏ tên là Linh Biện thấy ngài ngưng thở

bèn kêu gào khóc lớn. Ngài liền mở mắt bảo: Ngươi thật là ác ma, Ta sắp đi, các Thánh cùng đến nghinh đón. Luận về chỗ thọ sinh, bởi ý gì ngươi kinh động làm trở ngại nhiễu loạn ta? Ngươi là kẻ ngu si nên đi ra ngoài. Xong rồi, ngài lại nhiếp tâm ngồi thẳng, đến lúc hơi thở ngưng dứt. Đại chúng đều nghe có mùi thơm lạ lan tỏa khắp phòng, trên đỉnh đầu ngài nóng ấm, thân thể mềm mại, nhan sắc vẫn như lúc còn sống, ngài hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi. Lúc đó là ngày 22 tháng 6 năm Đinh Dậu (577) tức niên hiệu Thái Kiến thứ chín đời Trần. Nghiệm lời ngài nói chỉ ở mười năm rõ ràng phù hợp.

Lúc thường ngày, ngài chỉ mặc vải bố màu trắng, lúc trời lạnh thì quấn thêm cỏ ngãi. Phục chương của đồ chúng đều đồng như vậy. Nếu có biên soạn thì miệng ngài truyền giảng đã thành chương cú, không cần phải sửa đổi. Ngài soạn Tứ Thập Nhị Tự Môn, hai quyển, Vô Tránh Hạnh Môn, hai quyển. Với năm bộ Thích Luận Huyền Tùy Tự Ý, An Lạc Hạnh, Thứ Đệ Thiền Yếu, Tam Trí Quán Môn v.v... mỗi thứ một quyển, đều lưu hành ở đời.

Luật sư Đạo Tuyên ở Nam Sơn tán thán ngài rằng: Từ khi Phật pháp tại Giang Đông mở rộng lại nghĩa môn, đến như Thiền pháp khắp trùm tinh vi như thế, mà Tôn giả Nam Nhạc hăng hái nghĩ về nam phục, định tuệ khai mở cả hai. Ban ngày thì bàn giảng nghĩa lý, ban đêm thì tư duy quyết trạch, nên chỗ mở lời không gì chẳng thấu đạt cao xa. Nhân định phát tuệ, yếu chỉ ấy thật không hư dối. Thiền tông cả Nam Bắc ít chẳng tiếp nối, nhưng thân tướng ngài đỉnh đặc, có khả năng tự hành trì ưu thắng, khiến người thấy phải xoay tâm, bất chợt mà nghiêng phục. Ngài lại khéo biết tâm người, xét soi căn cơ ngầm tối, chậm rãi ở nói qua, dùng phương tiện dạy răn dẫn dụ, thực hành đại từ bi, phụng trì giới Bồ-tát. Đến như đối với các thứ lụa là, da dẻ phần nhiều đều do tổn hại sinh mạng mà có, nên đồ chúng của ngài ăn mặc đều dùng vải bố, trời lạnh thì thêm cỏ ngãi, áo nạp dùng lúc đi trong gió sương. Từ khi Phật pháp truyền bá đến phương Đông đã qua sáu trăm năm, chỉ có Tôn giả Nam Nhạc Hành Tư là chỗ đáng quy hướng. Tôi (Đạo Tuyên) có tham dự công việc truyền dịch, thường thấy các bản kinh Phạm, xét hỏi các pháp y họ đắp mặc, mãi đến nay hoàn toàn không dùng tơ tằm. Nếu thêm pháp thọ chẳng thể gọi là được thành. Hoặc cầu xin hoặc được tơ tằm gấm lụa làm y phục, y cứ theo luật kết khoa thì dứt bỏ định, nếu nói theo tình tham thì sau do họ phóng túng. Chỉ có Tôn giả Nam nhạc riêng dứt, cao theo Thánh kiểm.

## 4. TỔ SƯ ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ GIÁO CHỦ NÚI THIÊN THAI

Đại sư Trí Giả, húy là Trí Khải, tên tự là Đức An. Ngài họ Trần, người xứ Dĩnh Xuyên, khoảng khi nhà Tấn dời đô, gia đình ngài đến ngụ tại huyện Hoa Cốc, Kinh châu. Ngài là con thứ hai của Tán kỵ ích Dương Công Khởi đời Lương. Mẹ ngài họ Từ, mộng thấy có khói hương năm màu xoay quấn ở bụng mình, muốn phải trừ đi, bỗng nghe có tiếng nói rằng: Nhân duyên đời trước đến nương gá Vương đạo, do phước đức tự đến, vì sao lại phải bỏ đi?. Lại mộng thấy nuốt cả con chuột trắng, như thế qua mấy phen, lấy làm lạ nên đi bói xem sao. Thầy tướng bảo rằng: Điềm của Bạch long (rồng trắng), đến trong đêm sinh nở (theo bản Triều Hàn Lâm Học Sĩ Hổ mông nói ngài sinh vào tháng bảy năm Mậu Ngọ (538) tức niên hiệu Đại Đồng thứ tư thời Nam Lương) trong căn phòng sáng suốt, vài hôm sau mới hết. Nội ngoại đều vui mừng, lớn bày đảnh thớt cùng vui mừng, bỗng có hai vị Sa-môn đến gõ cửa bảo rằng: Lành thay đứa trẻ, phước đức quý trọng, sẽ đi xuất gia! Nói xong thì biến mất, tân khách đều lấy làm lạ. Có người ở gần nhớ nghĩ điềm linh xưa gọi là Vương Đạo, gồm cả tướng sau này nên lại còn tên ngài là Quang Đạo, nên trước lập hai chữ cùng ghép chung. Ngài nằm thì chấp tay, còn ngồi thì xoay mặt về hướng Tây, mãi đến lúc lớn khôn mà miệng ngài chẳng vọng ăn tạp, thấy tôn tượng thì lễ bái, gặp chư Tăng thì kính trọng.

Năm bảy tuổi, ngài vui mừng được đến một ngôi chùa, chư Tăng lấy làm ngờ lạ về tình chí của ngài, bèn truyền đọc cho ngài nghe một biến kinh Phổ môn, ban đầu mới mở qua một biến bèn được. cha mẹ thân ngài cấm tuyệt thì ngài càng đọc tụng. Đến tuổi có chí học, nhằm vào niên hiệu Thừa Thánh (552-555) dưới thời vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch) thời Nam Lương bị suy sụp, ngài bèn đi theo hướng Bắc đến Hiệp Châu nương ở nhà người cậu, mà ngài tuấn tú sáng suốt thông minh, nghi chỉ ôn hòa cung kính, ngài tìm xét các bậc minh sư. Năm mười tám tuổi, ngài đến chỗ Sa-môn Pháp Tự, chùa Quả Nguyện tại Tương châu, xin được xuất gia. Ngài Pháp Tự truyền mười giới Sa-di cho ngài. Đạo phẩm luật nghi ngài bèn vâng nhiếp. Ngài lại theo hướng Bắc đến chỗ luật sư Tuệ Khoáng xoay mặt về hướng Bắc ngang bày, được chỉ dạy đầy đủ.

Ngài lại đến chỗ Thiền sư Nam Nhạc (Tuệ Tư), núi Đại tô, ở Quang Châu, thọ học tâm quán, bèn ở tại núi đó hành trì Pháp hoa Tam-muội. Vừa mới ở được ba đêm, tụng đến phẩm Dương Vương, tâm

ngài duyên với khổ hạnh, và đến câu tinh tấn chân thật thì giải ngộ ngài bèn tự phát thấy mình cùng thầy Tuệ Tư đồng ở nơi cõi tịnh bảy báu tại núi Linh thứu nghe Phật giảng pháp. Ngài Tuệ Tư vì ấn chứng cho điều đó. Ngài lại đến núi Bạch Sa ở Hy Châu, nhập quán như trước, đối với kinh pháp có sinh nghi ngờ, liền thấy ngài Tuệ Tư đến thầm giải thích cho. Ngài Tuệ Tư thường bảo ngài thay mình để giảng pháp, và đích thân ngài Tuệ Tư cầm chuỗi như ý đến dự xem nghe. Ngài Tuệ Tư bảo tất cả đồ chúng rằng: Với nghĩa vị của tôi chỉ tiếc Trí Giả định lực còn thiếu kém. Từ đó, thầy trò cùng nhau đổi cách quán, tiếng tăm ngài vang khắp gần xa. Khi sở học đã thành đạt, ngài bèn đến từ giã. Ngài Tuệ Tư bảo ngài rằng: Ở nước Trần ông rất có duyên, nên đến đó sẽ có nhiều ích lợi. Khi ngài Tuệ Tư đến Nam Nhạc, thì ngài cũng đến Kim Lăng v.v...

Trải qua thời gian tám năm lâu dài, giữa khoảng đó hoặc nói hoặc nín, ngài thường suy nghĩ về rừng đầm, mới mộng thấy nơi sườn núi cao muôn trùng, mặt trời vầng mây chỉ lưng chừng buông rũ bên cạnh, biển nước mênh mông không bờ trong lắng mà xuống. Lại thấy có một vị Tăng duỗi tay kéo đến nơi sườn núi dẫn ngài cùng lên núi v.v... Ngài báo điều mộng ấy với mọi người. Môn nhân đệ tử ngài đều thưa: Đó là núi Thiên thai. Do đó, ngài cùng Sa-môn Tuệ Biện v.v... tất cả hơn hai mươi vị men đường thẳng về hướng Nam, ẩn cư nơi núi ấy. Sau đó, Hậu chúa (Trần Thúc Bảo (583-589) đời Trần ban sắc thỉnh ngài vào cung, trước sau có bảy lần sai sứ, và tự tay vua viết sớ thỉnh, ngài bèn ra thành đô. Vua nghinh đón ngài vào Đông Đường ở điện Thái Cực, thỉnh cầu ngài giảng luận Đại Trí Độ v.v... Đến lúc xứ Kim Lăng sụp đổ, ngài lại chống gậy đến Kinh châu, Tương châu, cắt đứt vết núi mây trọn yên đến hội.

Khi đó, Dương Quảng (tức vua Dương Đế 605-617 lấy niên hiệu là Đại Nghiệp đời Tùy sau này) đang trấn tại Phiên Tổng Nhậm Hoài Hải, tiếp thừa Đạo Phong, mang đức hạnh của ngài nên vô cùng khâm trọng chú ý, muốn thỉnh ngài làm thầy truyền trao giới pháp, nên nhiều lần gởi thư đến thỉnh. Mới đầu ngài tỏ bày mình là người kém đức, kế đến thì ngài khiêm nhường các bậc danh Tăng, sau cùng ngài nêu bạn đồng học qua ba phen từ chối chẳng khỏi. Nên ngày 23 tháng 11 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một (591) đời Tùy, tại Tổng Quản Kim Thành ở Dương Châu, có mở hội cúng dường ngàn vị Tăng, truyền giới Bồ-tát, ngài mới trao truyền giới pháp cho vua. Khi Pháp sư đã xong, ngài muốn về lại núi rừng, vua bèn cố thỉnh, ngài bèn bảo rằng: Trước

kia đã có thệ ước rõ ràng. Sự tình không nên trái. Và ngài bèn phủi áo đứng dậy, vua không dám thưa thỉnh nữa, bèn chắp tay theo đưa tiễn ngài. Ra đến cửa thành, nhìn lại, ngài bảo rằng: Trấn giữ nước nhà không phải là việc nhỏ. Việc Đạo vô cùng ngăn cách, mong quán xét Phật hóa hoằng truyền gìn giữ tại cõi nước. Vua kính lễ trông nhìn, mắt rưng rưng ngấn lệ mà trở vào.

Ngài bèn lên xứ chữ cung Hương nhượng ở núi Ngọc tuyền huyện Đan Dương mà dựng chùa Nhất Âm, Tấn Vương bèn thỉnh ngài soạn Giải Sớ Kinh Tịnh Danh, Liễu Cố Ngôn, Từ Lăng đều là các vị tài hoa trụ xét ứng kính phụng văn nghĩa, ghi tập cất nơi Bảo Tạng, đích thân Tấn Vương tự thọ trì. Về sau, Tiêu Phi bị bệnh, các thầy thuốc đều hết phương thuật. Tấn Vương bèn sai khai phủ Liễu Cố Ngôn v.v... mang thư đến thỉnh ngài, xin ngài cứu giúp bệnh khổ. Ngài bèn dẫn đồng chúng lập ra trai hội, suốt bảy ngày hành trì sám pháp theo kinh Kim Quang Minh. Đến đêm thứ sáu bỗng nhiên có con chim sẻ lạ bay đến chỗ trai đàn xoay quanh mà chết, chốc lát sống lại bay đi. Lại nghe có tiếng mổ ăn và ngâm nga. Đại chúng đều chăm mắt nhìn. Ngài bảo: Tướng hiện ấy hẳn là Vương Phi sẽ lành bệnh. Chim chết mà sống lại tức biểu thị cái nắp quan mở ra lại, mổ ngầm kêu bày tức cho biết trai phước cùng tiếp thừa. Đến hôm sau, bệnh của Tiêu Phi quả nhiên được lành. Vua rất vui mừng. Bấy giờ gặp lúc vua phải trở về lại triều, ngài về lại núi Thiên thai.

Đích thân ngài dẫn xuất thiền môn, hành trì sám trước. Ngài bèn lập thệ nguyện rằng: Nếu đối với Tam bảo mà có được lợi ích, thì kỳ hạn ở nơi này những năm còn lại. Nếu sống một đời luống qua thì nguyện mau theo hóa. Sau đó không lâu, ngài bảo với đồ chúng rằng: Tôi sẽ chết ở xứ này! Và dạy răn rằng: Các ngươi mỗi nên tự im lặng, tôi sắp đi đây. Nói xong, ngài an nhiên ngồi thẳng nhập định mà thị tịch trước tôn tượng đá lớn ở núi Thiên thai, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc đó là ngày 24 tháng 11 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy (597) đời Tùy.

Khi ngài đang ở núi, có loại nấm nương sống ở cây mà rơi rũ xuống, hễ hái liền mọc, cúng dường chúng Tăng, nhưng lúc ngài đi đến nơi khác thì nấm không mọc nữa, do đó mà luận thì thật là đạo chiêu cảm. Sa-môn Chương An (Quán Đảnh) theo hầu kính thờ ngài nhiều năm, nên ghi chép lại hoàn cảnh và đạo hạnh của ngài dài hơn hai mươi trang giấy. Lại có Sa-môn Pháp Lâm chùa Long Điền, núi Chung Nam, sớm dự vào tông môn, gần gũi truyền trao giới pháp, vì đức âm ngài

sâu xa, nấm cây bỗng chốc thành nhiều, vì làm thành truyện rộng lưu truyền ở đời. Đến gần cuối đời Tùy, vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) tuần du đến Giang Đô, cảm mộng thấy ngài nói năng đề cập đến sự phó thác, mong tự chế thuật văn bia. Vua bèn soạn rất rộng sáng, chưa kịp khắc chạm thành bia, gặp lúc tao loạn thì ngài mất. Ngoài ra các việc khác như ở Biệt truyện.

## 5. TỔ SƯ TÔN GIẢ CHƯƠNG AN:

Tôn giả Chương An, húy là Quán Đảnh, tên tự là Pháp Vân, họ Ngô, người xứ Nghi Hưng, Thường châu. Ở đời, ông nội ngài lánh ở đất Đông âu, do đó mà chẳng trở về. Nay đó là xứ Chương An, Lâm Hải. Cha ngài sớm qua đời, ngài được thân mẫu đùm bọc nuôi dưỡng. Vừa mới sinh nuôi ngài được ba tháng, ngài bé nhỏ muốn có được tên gọi, nhưng nghĩ xét khắp các vật loại chưa biết đặt tên ngài là gì. Mẹ ngài ban đêm xưng niệm danh hiệu Phật Pháp tăng. Ngài liền ngay miệng học theo, lời câu rõ ràng, mọi người cùng kinh lạ, báo cùng Pháp sư Tuệ Chửng ở chùa Nhiếp tĩnh. Nghe thế, ngài Tuệ Chửng khen rằng: Đây là người phi phàm, do đó lấy chữ phi phàm làm tôn tự.

Năm lên bảy tuổi, ngài trở lại làm đệ tử Pháp sư Tuệ Chửng, mỗi ngày được đưa cho văn từ, huyền nho ngài đều nhanh chóng, thanh tảo tài dệt vang vọng ở đương thời. Đến năm hai mươi tuổi, ngài tấn đàn thọ giới Cụ túc, kính phụng luật nghi, bình đức bát dầu càng là chỗ ngài lưu tâm nghĩ ngợi, đến lúc Pháp sư Tuệ Chửng thị tịch, ngài bèn gội mình dưới ánh đạo Thiên Thai, tiếp thừa tập học Định cương, không thiếu sót tiếp nối.

Niên hiệu Chí Đức năm thứ nhất (583) đời Trần, ngài theo Đâu-suất Trí Giả ra ở chùa Quang Trạch, nghiên dịch Quán Môn, ngài từng được ngài Trí Giả ấn chứng. Đến lúc nhà Trần sụp đổ, ngài lại theo ngài Trí Giả lên Giang Châu. Các nơi thắng địa danh sơn, ngài đều có đến dừng nghỉ. Ba cung Lô Phụ, chín hướng hành phong, không ai chẳng vái kính vết tích nương theo nghinh đón, thưa hỏi di dật. Về sau, ngài lại đến Kinh châu, dừng ở chùa Ngọc Tuyền, truyền pháp chuyển hóa, mở mang ở Tây sở. Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một (591) đời Tùy. Tấn Vương đang trấn tại Dương Châu. Ngài lại theo hầu ngài Trí Giả đến trụ chùa Thiền chúng ở Hàn Cấu, vì pháp thượng tướng thường ngày tìm xét thuyết cầu. Bỗng chốc ngài lại theo Đại sư Trí Giả đi về hướng Đông trở lại dừng ở núi Thiên thai. Về sau, ngài ra ở tinh

xá Xứng Tâm, khai giảng kinh Pháp Hoa. Đạp sáng lồng nền, vượt hẳn mây ấn, mới nhóm tập rảo theo, mang tráp vọt đến. Có Pháp sư Cát Tạng là vị nhập thất ở chùa Hưng Hoàng, mở bày pháp tứ tại chùa Gia Tường, riêng nổi tiếng ở cùng Chiết Đông. Nghe Đạo Pháp ưu thắng ở tinh xá Xứng tâm, trong ý chưa thật sự vừa lòng, bèn xin mượn nghĩa ký đọc xem cạn sâu mới biết, thấu hiểu tâm say đã có chỗ nương theo. Do đó bèn bỏ giảng tan chúng, dấn bước đến núi Thiên thai bẩm cầu thọ học kinh Pháp Hoa, phát nguyện mở mang giảng nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy (597) đời Tùy, ngài Trí Giả hiện tướng bệnh, ngài chăm sóc hầu hạ sớm hôm, khó khổ dốc tận tâm. Đến lúc ngài Trí Giả thị tịch, ngài gần gũi tiếp thừa di chỉ, mới dang thư để lại cùng các tín vật buồn khóc quỳ trao đến Tấn Vương. Tấn Vương năm vóc gieo sát đất, lệ buồn tuôn đổ đưa đảnh đầu thọ nhận. Sự thể vâng theo lễ khách, tình thuần thân gồm pháp. Sau đó sai Dương Châu Tổng Quản Phủ Tư Mã Vương Hoằng đưa ngài trở về lại núi, vì ngài Trí Giả mà lập ra trai hội cúng dường ngàn vị Tăng, đặt tại chùa Quốc Thanh, tức nơi có dấu vết xưa cũ của các Sa-môn Đàm Quang, Đạo Du ở đời Tấn. Chùa Phật Lũng ở phía trước núi hiệu là Tu Thiền. Dưới đời Trần, ngài Trí Giả mới bắt đầu dựng lập, cách phía Nam Phật Lũng chừng khoảng mười dặm có chỗ đất tên là Đan Khâu, ngài Trí Giả đang kinh hành bình thản, nhìn thấy hiện bày rộng thoáng, nên ngài Trí Giả mới cắm mốc tạo nền móng, muốn xây dựng đạo tràng mà ước nguyện chưa thành, bèn di chúc tại đó. Tấn Vương bảo thợ vào cốc liền lo việc tạo dựng, đặt cửa kéo dây mỗi mỗi đều theo ý chỉ xưa cũ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ năm thứ nhất (601) đời Tùy, Tấn Vương vào nối tiếp, đi tuần khắp bổn quốc, muôn dặm đường sông, dân chúng nơi thôn dã đều vui mừng. Vì Đàn-việt mới lên ngôi vị, chùa Vũ mới thành, bèn ra núi dự tham chúc tụng, cùng được dẫn thấy, hỏi han rất nhiều, ngài đối đáp như tiếng vang, nói năng không sai thoát. Tôi chúa đều vẻ vang tán thưởng. Trước sai viên ngoại tán kỵ Thị Lang Trương Càng Oai đưa ngài về lại chùa núi, cúng thí ba ngàn đoạn vật, ba trăm tấm chăn dạ, lại lập trai hội cúng dường ngàn vị Tăng, chùa miếu điện đài lại thêm sự sửa chữa, nên trang sức các màu đỏ loạn khởi ráng sớm mai, đỉnh núi thông trúc che phủ đồng như chăn gấm. Đó thật là dáng vẻ ở phía Tây biển, xa phù hợp với lời của Đại sư. Đầy đủ như ở Biệt truyện.

Niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai (602) đời Tùy, vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) ban sắc thỉnh ngài, ghi rằng: Đầu mùa Hạ

nắng nóng Đạo thể tốt lành thích nghi, thuyền duyệt giúp thần nên có nhiều tốt lành đến cùng. Gần đây, thỉnh hai Sa-môn Trang, Luận ở Đạo tràng Tuệ Nhật giảng kinh Tịnh Danh toàn dùng nghĩa sớ của ngài Trí Giả để phân tích văn kinh. Thiền sư (= Quán Đảnh) là đệ tử tài giỏi của Đại sư Trí Giả, tất cả các pháp môn đều ủy thác giao phó. Nay sai sứ đến thỉnh, hẳn mong rưới ban mưa pháp. Và Pháp Hoa kinh sớ xin được theo Sứ đưa về kinh đô, xin đứng lâu chờ đợi lai nghi, thư chẳng thể nói hết ý. Ngài liền mang y, cầm tích trượng, cao bước vào cung vua, suốt ba tháng hạ mở mang giáo hóa, xứng hợp với tâm vua vui mừng mong đợi. Mỗi lúc đến chỗ ý nghĩa sâu mầu, không gì vua chẳng hỏi, ngài đều tuy theo điều hỏi mà đáp lời, bao gồm cả chỗ sâu xa. Sau đó, vua sai thư tín đưa ngài trở về chùa núi, cúng lễ càng hậu gấp bội.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ bảy (611) đời Tùy, Trị Binh Trác Dã gần gũi thống lãnh nguyên nhung, sắp muốn rửa sạch cả một vùng Đông Di, dùng làm thanh bạch văn quỷ, do đó hỏi quanh mọi người, đều thuật bày đầy đủ từ Hiên Hoàng trước giết bạo mạnh nhanh của phản tuyền, sau khen hỏi Đạo của Đồng Sơn. Nghĩ nhớ đến Tổ sư Tuệ tư, cảm mến đổi sắc mặt, bèn ban sắc nghinh đón ngài, xa đến hành sở. Dẫn ngài đến thấy chỗ vua ở, đem sự hoan hỷ của đồng học mà trình bày. Vua lại sai Thị lang Ngô Môn đưa ngài về lại chùa núi Thiên thai. Từ đó về sau, vua tôi dân chúng tiếp nối nhau đến phòng ngài không tháng nào trống vắng. Ngài buông tình nghĩ nhớ đến hang hốc núi đồi, dứt vết phiền lụy trong thế tục. Định Tuệ đều gồm tu, nói nín cùng hoằng hóa. Mới có các bậc danh Tăng Đại đức ở gần thành và phương xa mong cầu được trông thấy ba quán, mười Như cho đến Tâm trần sai sử tánh đều bái tay ném mình thỉnh cầu trống pháp. Ngài đều khơi đào tình tánh rửa sạch cõi lòng như băng tuyết Ba nghiệp thưởng tăng thêm, hai nghiêm phước trí không cùng tận.

Đến ngày mồng 7 tháng tám niên hiệu Trinh Quán năm thứ sáu (632) thời Tiền Đường, ngài thị tịch trong thiền phòng chùa Quốc Thanh, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đầu hiện bị bệnh nhẹ, ngài chẳng luận thuốc thang điều trị mà nơi phòng thất có mùi thơm lạ. Đến lúc sắp tịch, ngài bảo đệ tử rằng: Trong kinh Di-lặc nói: Ngày Đức Phật vào thành, khói hương xông đốt như mây. Các ông nên đốt nhiều hương, tôi sắp đi đây. Do đó ngài tỏ bày dạy răn căn dặn, ngôn từ nghĩa lý thâm diệu tha thiết. Môn nhân đồ chúng đệ tử đồng bạn chiêm ngưỡng khóc than lạnh lòng. Bỗng nhiên ngài đứng dậy chắp tay như tỏ vẻ kính trọng, miệng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà ba lần, rồi nghiêng mình nằm xuống,

áp tay trên tim, sắc mặt sáng tươi hoan hỷ, an nhiên thị tịch, khắp thân thể đều mềm mại, trên đỉnh đầu nóng ấm qua đến ngày hôm sau.

Có Sa-môn Trí Hy là bạn đồng học với ngài, cũng là người được Đại sư Trí Giả gần gũi hóa độ, thanh tịnh trong sáng rất có tiếng tăm đã thị tịch từ niên hiệu Trinh Quán năm thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Lúc sắp thị tịch, ngài Trí Hy bảo rằng: Tôi sinh lên cõi trời Đâu-suất được thấy Đại sư Trí Giả, và các tòa báu sắp thành hàng đều có người ngồi, chỉ có một tòa trống, tôi hỏi lý do thì được bảo là Sáu năm sau, Pháp sư Chương An (= Quán Đảnh) sẽ lên đây giảng pháp. Nên xét về ý chỉ ngài (Quán Đảnh) bảo đốt hương tức là Đức Từ Tôn đến đón ngài. Tính năm bàn luận kỳ hạn, xét ra lời nói của ngài Trí Hy không xằng bậy. Qua đến ngày mồng 9 tháng đó (tức tháng tám năm 632), an táng tại núi phía Nam chùa. Mọi người xa gần đều đua nhau kéo đến gáo khóc náo động cả hang rừng.

Lúc đầu, ngài hoằng hóa giữa thế tục, thần dụng có lắm phương thức, người trong thôn ở Pháp Long cách xa núi hơn ba mươi dặm, có một người mắc nạn sắp chết, mọi cách chữa trị đều không giảm, con của người bệnh ấy vội vã chạy vào núi cầu nguyện, nguyện xin cứu giúp, ngài đọc tụng kinh Pháp Hoa, cho đốt hương chiên-đàn. Người bệnh tuy ở xa, vừa mới nghe mùi hương chiên đàn thoảng xông vào mũi, tức thời thuyên giảm trở lại an vui. Lại có chỗ đất ở phía Nam đỉnh núi tên là An Châu, suối trong vắt, cây xanh biếc, bỗng nhiên dòng suối chảy xoáy, người đi qua chẳng thông đường, ngài lưu luyến ưa thích thưởng ngoạn, thấy vậy mà phát thệ nguyện rằng: Nếu đất ở đó được bằng phẳng trở lại, thì sẽ đến đó giảng kinh. Chưa đầy tuần lễ mà ở đó cát trắng ùn trào lên bằng phẳng như gương ngọc. Ngài vì cảm thông tướng hiển hiện ấy, nên chẳng trái nguyện trước, bèn sang giảng hai bộ kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh dùng để báo đáp linh ý. Ngài từng trụ chùa Nhiếp Tĩnh ở Chương an giảng kinh Niết-bàn, gặp phải hải tặc lên cướp bắt, các Đạo tục đều bỏ trốn. Ngài vừa mới gióng chuông đến giảng, không tỏ vẻ khiếp sợ. Bọn giặc cầm cờ hiệu đến chùa, bỗng thấy binh lính cờ xí sáng rực giữa ban ngày, cầm cung tên qua mắt mọi người đều cao lớn hơn một trượng dùng khí phấn phát, nên bọn giặc đều kinh sợ đồng một lúc thoái lùi biến mất.

Ngài lại ở tại chùa Phật Lụng nhân lúc rảnh rỗi giảng pháp, hướng dẫn đồ chúng, sắp đá làm tháp, cần hai tấm đá để làm cửa tháp. Có đệ tử ngài là Sa-môn Quang Anh trước đó đã dùng xe chở đến một tảng đá, mọi người đều nghi ngờ tảng đá ấy dày lớn, lại muốn tìm cầu tảng

đá khác nhọc tổn thần lực. Ngài nắm tích trượng chỉ dẫn tảng đá đã vận chuyển đến trước đó, bỗng chốc đá nứt nẻ, chẻ thành hai mảnh, dày mỏng cân bằng, dùng vào làm cửa tháp, rõ ràng như hợp trước. Những điềm tướng linh ứng như thế thật có nhiều!

Từ khi ngài thọ học với ngài Trí Giả ở núi Thiên thai, lại bẩm thọ Đạo hạnh Hành Nhạc, Nam Nhạc Thiên Thai, ba đời kế tiếp tông quy chẳng hai, hoặc quán hoặc giảng thường y cứ theo kinh Pháp Hoa. Ngài lại giảng các kinh Niết-bàn, Kim Quang Minh, Tịnh Danh v.v... và giảng các pháp môn Viên đốn, Chỉ quán, bốn niệm v.v... biến số chẳng thiếu ít. Vả lại, ngài Trí Giả biện tài như mây bay mưa trút, hoặc đồng như lưới trời, chợt phỏng định Anh lạc có khả năng lảnh hội, đó chỉ có một mình ngài (Quán Đảnh). Ngài ghi chép riêng về ngồn từ và ý chỉ của ngài Trí Giả, và tự chế tác nghĩa ký đều là các đề mục của tạp văn v.v... đều khắc vào phía sau văn bia.

Đệ tử ngài là Sa-môn Quang Anh là người hậu sinh tài giỏi ưu du đối với giáo nghĩa, cùng với đại chúng chùa Quốc Thanh chung ghi lại hành trạng của ngài, dựng lập văn bia ở cửa chùa. Có Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoằng Thiện ở Thường Châu soạn thuật lời văn, ngôn từ rất sáng lệ, thấy ở Biệt tập.

## 6. TỔ SƯ TÔN GIẢ PHÁP HOA

Tôn giả Pháp Hoa, húy là Trí Oai, họ Tương, người xứ Tấn Vân, ngài thông minh vượt thoát bụi mờ, tâm đi khắp ngoài vật. Thuở thiếu thời, ngài hầu theo thầy đến núi Luyện Đan của dòng họ Hiên Viên, nghe giáo nghĩa của Tông Thiên thai hưng thạnh, bèn mang tráp đến chùa Thạch Thành ở Ốc Châu, gần gũi Thiền sư Chương An (= Quán Đảnh) xin thọ học tâm yếu, thế rồi thấu đạt nhất Dung Đạo, hiểu rõ nhị cư Tông, Định Tuệ mới quân bình, tịch chiếu cùng một nữa. Tuy nói là tự rõ ngộ nhưng gấp ở lợi tha, bẩm tánh vốn có lắm tài năng, rất dồi dào về từ tảo. Ngài soạn văn bia chùa Đào Nham và văn bia chùa Đầu Đà, khí độ cùng lại. Về sau, ngài trao truyền pháp nhãn cho Tiểu Oai (= Tuệ Oai). Mọi người thời bấy giờ truyền rằng: Ngài là hậu thân củaTừ Lăng, với trí tuệ hùng tài của ngài, đoán có thể biệt được.

## 7. TỔ SƯ TÔN GIẢ THIÊN CUNG:

Tôn giả Thiên Cung, húy là Tuệ Oai, họ Lưu, người xứ Đông

dương. Vừa mới độ tuổi búi tóc trái đào, mà ngài đã lộ bày những sự tập hành thuở xưa, quyết mở khỏi lưới ái, đi thẳng vào không môn, chẳng ngưng trệ ở một phương, bèn dự phần Tam ích. Nghe Thiền sư Đại Oai (= Trí Oai) ở Tấn Vân hành hóa hưng thạnh thiền pháp, ngài liền tìm đến, khắc chỉ quên cả nhọc mệt. Trông thấy ngài tường vách sâu xa, một ngày ngàn dặm, không ai chẳng suy tôn khen ngợi. Đến lúc hạnh nghiệp đã thành, mọi người thời ấy đều gọi ngài là Tiểu Oai. Nhưng ngài vui thích tĩnh lắng ở chốn núi rừng chẳng giao du can thiệp với việc của người đời, giáo hóa môn nhân chẳng thiếu kẻ tài giỏi, chỉ có một người là Tôn giả Tả Khê mà thôi. Ngài thường tu pháp Chỉ Quán, chẳng phí bỏ tấc bóng, nói năng và hành động đều theo nhau, nói năng và im lặng đều xuyên suốt, rơi lạc sâu rộng, người không đức mà nổi tiếng.

## 8. TỔ SƯ TÔN GIẢ TẢ KHÊ:

Tôn giả Tả Khê, húy Huyền Lãng, tự là Tuệ Minh, họ Phó. Tổ tiên của ngài người quận Bồ Dương, ngài là con nối dõi của giang Hạ Thái Thú Chửng Công, khoảng thời Tào Ngụy lánh đến đất Giang Tả. Ngài là cháu đời thứ mười sáu của Đại sĩ Hấp ở đời Lương, bèn làm người Ô Thương. Mẹ ngài họ Cát, lúc mới mang thai, mộng thấy cưỡi xe dê bay giữa hư không giẫm theo vết trống mà cảm thấy thân nặng. Từ đó về sau, với các vật tanh nồng máu huyết, ngài nhàm chán thấy nghe, đến lúc sinh ra cũng như giấc mộng ban đầu, sau đó tâm nhẹ nhàng, thân thể an thái, đứa trẻ (tức Huyền Lãng) chẳng khóc, tỏ vẻ mỉm cười. Đến chín tuổi, ngài xuất gia, thầy trao cho quyển kinh, mỗi ngày ngài học qua bảy trang giấy.

Ngày 19 tháng 05 nhuần niên hiệu Như Ý năm thứ nhất (692) thời Tiền Đường, Vũ Hậu (Võ Tắc Thiên) ban sắc độ người xuất gia, ghi danh ngài ở chùa Thanh Thái. Đến năm hai mươi tuổi, ngài xa tìm đến Luật sư Ngạn ở Quang Châu, cầu thọ giới Cụ túc, ngài trở lại học Luật phạm, lại rộng xem các kinh luận, sưu tìm những điểm đồng khác. Ngài rất thiết tha với kinh Niết-bàn, thường tiếc rằng người xưa tuy có chương sớ, nhưng phán đoán chưa được cân xứng, ngài liền đến chùa Diệu Hỷ ở Cối Kê, cùng với Thiền sư Ấn Tông bàn luận suy xét bí yếu, tuy cùng nhau thuật bày. Đại chỉ chưa được chu tất. Nghe giáo nghĩa của một Tông Thiên thai có thể làm lắng trong mọi thứ dính mắc, đáng lấy làm thú hướng nhất lý, do đó ngài đến chỗ Pháp sư Tiểu Oai (= Tuệ Oai) ở chùa Thiên cung, Đông dương, dốc hết tâm lực của mình để

nương tựa gần gũi, chẳng khốn khó bởi nghèo khổ, bèn thấu đạt được yếu chỉ của các pháp môn Pháp Hoa, Tịnh Danh đại luận, Chỉ Quán, Thiền môn v.v... phàm giáo tích của Tông Thiên thai, ngài nghiên tầm xem xét đến tinh tường. Về sau, ngài lại nương tựa Thiền sư Cung, trở lại tu Quán Pháp, rộng thấu đạt sách nho kiêm rành rẽ Đạo tông, không thứ gì ngài chẳng xem đọc. Tuy thông rành các pháp, mà ngài chỉ lấy pháp Chỉ Quán làm hành trình nhập Đạo, làm địa vức An Tâm. Tuy chúng Thánh tiếp liền ý tưởng, mà ngài dùng bi trí của Bồ-tát Quán Thế Âm làm bến bờ tốt lành để hành sự. Đặt tâm đi khắp mười thừa, xét rõ thầm ba Quán. Bốn Tất-đàn lợi vật, sáu tức thể biến, dù đặt để tâm ngoài vật, thân nhàm chán trong vòng người đời, mà tình ngài vất bỏ lều tranh xưa, chỉ ý muốn nương náu nơi rừng chầm hang hốc, chỉ lưu giữ mười tám vật hoặc mười hai vật thuộc hạnh Đầu-đà, ngài ẩn cư tại đỉnh núi Tả Khê, do lấy đó mà xưng hiệu.

Ngài ở riêng trong một phòng thất hơn ba mươi năm, dùng sợi gai làm áo, lấy gạo thô rau lá để no lòng, ngài có chí nguyện muốn sinh lên cõi trời Đâu-suất, nên tu tạo phước sự, trên tường vách cung điện, đắp họa tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Tân Đầu Lô, ngài đốt hương xem xét tâm niệm, bèn cảm ánh sáng thần năm sắc. Các đạo tuc đều nhìn thấy, đồng ngợi khen là điều chưa từng có. Từ đó về sau, hoặc khỉ vượn đến bưng bát, hoặc chim bay đến dừng nghỉ mà nghe kinh. Bấy giờ, có một con chó bị mù đến cửa núi gào rống mà lăn lóc ra đất. Ngài thương xót, đốt hương, tinh thành vì chó mà sám hối, chưa đến mười ngày mà hai mắt chó bỗng nhiên tỏ sáng.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ mười sáu (718) thời Tiền Đường, vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) ban sắc sai sứ Vương Chỉ Dung đến thỉnh ngài xuống núi tạm ra ở dưới thành. Ngài lấy cớ bệnh mà chối từ, xin trở về lại chỗ ở cũ. Sau đó, ngài dạy người chẳng tỏ vẻ mỏi mệt, giảng pháp chẳng đợi chúng đông, một pháp y Uất-đa-la-tăng (y bảy điều), ngài đắp mặc hơn bốn mươi năm, một tọa cụ Ni Sư Đàn, ngài sử dụng trọn đời không thay đổi, ăn không nếm trọn mùi vị, sống thì ở riêng một phòng, không phải nhân tìm xét kinh điển thì ngài chẳng đốt một ánh đèn, không phải nhân kính hầu Thánh Dung thì ngài chẳng đi một bước. Ngài gìn giữ tế hạnh tu tâm mỗi việc đều y theo luật pháp chế định. Bèn được các vị Sa-môn ở thành xa, những vị Lão túc ở gần vùng bít phòng đầy cửa, như đông lạnh gặp được ánh dương, như hạ nóng có được bóng râm, không mời mà tự đến. Chùa viện nơi ngài ở xuống cấp, ngài mới chỉ định cho Sa-môn Linh Bẩm, xây dựng Điện Vũ. Với hai tôn tượng

xưa và việc vẽ họa tháp gạch chẳng dùng đến xe trâu đều hòa nhựa nước thơm để sử dụng. Đảnh giáo của Thiên Thai hưng thạnh, không gì chẳng do đây. Tâm ngài chẳng lìa định, miệng ngài chẳng hề nếm mùi vị thuốc. Đến lúc tuổi tác đã già mà hình đồng như tráng niên.

Một hôm, ngài nhìn lại và bảo môn nhân: Tôi đối với mọi việc v.v... sớm tối quanh năm, sáu tức đạo viên, muôn hạnh vô đức, giới làm gốc tâm, là thầy của các ông!. Đến ngày 19 tháng 9 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười ba (754) thời Tiền Đường, ngài bệnh nhẹ mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi tuổi, sáu mươi mốt hạ lạp, bốn chúng đệ tử đều khóc thương kính mến, có mùi hương cây, phướn lọng, sấm sét chấn động cả núi hang. Có người trong làng cảm mộng thấy ngài ở nơi tầng thứ tư của gác báu. Đến lúc tỉnh mộng, Sư báo với những người ở gần, đều cùng nhau hợp mộng. Cung trời Đâu-suất là tầng trời thứ tư. Chỗ đến của nguyện lực rộng độ cả người trời. Khi đã trà-tỳ xong, môn phân chia nửa xá-lợi, để xây dựng bảo tháp ở đông nguyên thuộc châu ấy để tỏ bày tâm kính mến.

Thuở bình sinh, ngài có soạn Pháp Hoa Kinh Khoa Văn, hai quyển. Và các đệ tử được phú pháp như Sa-môn Đạo Tân chùa Long Khâu, Cù Châu. Sa-môn Tuệ Tùng, chùa Tịnh an. Sa-môn Pháp Nguyên, Thần Ung chùa Pháp Hoa, Việt Châu, Sa-môn Thủ Châu chùa Phước Nghiệp, Thường Châu, Sa-môn Đạo Tuân chùa Báo Ân, Tô Châu, Sa-môn Đạo Nguyên chùa Đại Bảo, Minh Châu, Sa-môn Thanh Biện chùa Khai Nguyên, Vụ Châu.

Từ thuở nhỏ, ngài đã kính mến đạo, chí ý muốn tìm thầy, chẳng hơn ba năm mà tư duy quá một nửa. Ngài hành trì Đạo ấy, xưng hiệu là Tả Khê, theo thứ lớp truyền pháp thì gọi ngài là Tổ sư thứ tám trong Thiên Thai. Sa-môn Thần Huýnh ở Võ Sơn ghi lại chân tán của ngài.

## 9. TỔ SƯ TÔN GIẢ KINH KHÊ :

Tôn giả Kinh Khê, húy là Trạm Nhiên, họ Thích. Tổ tiên ngài nhiều đời ở Kinh Khê thuộc Tấn Lăng, nên ngài là người xứ thường Châu. Gia đình theo Nho nghiệp, riêng ngài có chí muốn thoát tục mới độ tuổi thay răng mà ngài khác với người thường.

Năm ngoài hai mươi tuổi, ngài mới thọ học kinh với Tôn giả Tả Khê (Huyền Lãng). Ngài Tả Khê rất kinh lạ về ngài. Ngày khác, ngài Tả Khê lại hỏi ngài rằng: Ngươi mộng gì vậy?.

Ngài đáp: Đêm trước mộng thấy đắp mặc pháp phục của chư

Tăng, hai bên có hai bánh xe đi trong sông lớn.

Ngài Tả Khê bảo: Ôi! Ngươi sẽ vận dụng hai pháp chỉ và quán để cứu độ chúng sinh nơi vực sâu sinh tử.

Bèn truyền trao cho ngài pháp của thầy mình (= Tuệ Oai) hoằng truyền. Ngài có được đức lớn bất động thuần túy, thần sắc bén sáng vượt. Kín biết hạnh sâu, xung khí tuệ dụng, chỉ khoảng tấc vuông, hợp với trời nhỏ. Đến đó mới dùng sử sĩ truyền Đạo, những người học vui theo, như nước các dòng đều đổ về sông lớn.

Trong khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời Tiền Đường, ngài giải hiểu gặp giúp mà lên Tăng tịch, bèn đến chỗ pháp tập của Luật sư Đàm Nhất ở Việt châu, rộng tìm luật pháp trì phạm khai chế. Ngài lại đến chùa Khai Nguyên ở Ngô Quận giảng nói hành trì pháp Chỉ Quán. Không lâu, ngài Tả Khê bỏ thay Mật tạng, riêng chuyển vận ở Đông nam. Ngài bảo môn nhân rằng: Đạo thật khó thực hành, tôi đây biết vậy. Các bậc chí nhân xưa trước lắng dùng pháp Quán làm gốc, động dùng ứng với vật, cả hai đều chẳng trụ mới đến được phương lớn. Còn người đời nay, hoặc man mác nơi không, hoặc dính chặt nơi hữu, tự mình mắc bệnh lại gây bệnh lây sang người. Đạo dụng chẳng bày, sắp muốn lấy chánh, bỏ ta thì ai trở về?. Khi đó, ngài bèn mở lớn thượng pháp, bên cạnh bày lưới muôn hạnh, nhiếp hết các tướng, vào nơi không ngăn cách, tức ngay văn tự để thấu đạt Quán, dẫn nói nín để về lại nguồn, mới rộng chương cú của Tổ sư hoằng truyền. Mười số muôn lời, tâm đạt các Thiền, thân không vượt qua khuôn phép, ba học đều rực rỡ, các mối nghi đều tan vỡ. Tìm cầu châu ngọc hỏi loại của hình bóng, hơi thấy công không ảnh tượng. Sự hưng thạnh hành trì pháp Chỉ Quán, bắt đầu từ năng lực của ngài.

Đến cuối niên hiệu Thiên Bảo (756) cho đến đầu niên hiệu Đại Lịch (766) thời Tiền Đường, các vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) Túc Tông (Lý hanh 756-763) và Đại Tông (Lý dự 763-780) ban chiếu thư liên tiếp thỉnh mời, mà ngài lấy cớ bệnh từ chối chẳng đến. Đang trong lúc chiến tranh thường thì đói kém, ngài dốc sức truyền bá dòng pháp, thì học chúng càng đông, trông mong nơi Đường thất lấy làm nơi nương tựa, ngài ban rải tâm từ dẫn dắt họ giữ gìn họ, dùng vải bố thô lớn làm áo mặc, mỗi người ở riêng một giường. Ngài lấy tự thân mà răn dạy người, đến lúc tuổi già vẫn không ngưng nghỉ.

Đến ngày mồng năm tháng hai niên hiệu Kiến Trung năm thứ ba (782) thời Tiền Đường, ngài thị hiện bị bệnh nơi Đạo tràng Phật Lũng, nhìn lại học chúng mà bảo rằng: Đạo không phương, tánh chẳng thể,

vậy sinh hay là tử? Ý chỉ nhất quán, tôi rủ bỏ di cốt ở núi này, thọ báo hết ngay đêm nay, muốn cùng các ông đàm Đạo mà quyết biệt. Nhất niệm vô tướng, gọi đó là không, không pháp gì chẳng có gọi là giả, chẳng phải một chẳng phải khác gọi là trung. Ở phàm thì làm ba nhân, ở Thánh thì làm ba đức, đốt nóng thì trước sau đồng tướng, trải qua biển thì cạn sâu khác dòng, khéo lợi, lợi người ở đây mà thôi. Các ông giữ chí ấy vậy!. Nói xong, ngài bèn ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, ba mươi bốn hạ lạp. Môn nhân gào khóc nghẹn ngào, đón rước toàn thân ngài để xây dựng bảo tháp ở góc Tây Nam của bảo tháp thờ Đại sư Trí Giả.

Ngài có đệ tử Nhập Thất là Ngô môn Nguyên Hạo đáng gọi là kề người ấy, gần nhà ấy, nhưng ngày thường, ngài gồm tập giáo pháp, vạch sáng nghi trước, mở phát ngưng trệ sau thì có các bộ như Pháp Hoa Thích Tiêm, Pháp Hoa Sớ Ký, mỗi bộ mười quyển, Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết mười quyển, Pháp Hoa Tam-muội Bổ Trợ Nghi một quyển, Phương Đẳng Sám Bổ Quyết Nghi hai quyển, Lược Duy Ma Sớ mười quyển, Duy Ma Sớ Ký ba quyển, Trùng Trị Định Niết-bàn Sớ mười lăm quyển, Luận Kim Ty một quyển, và các bộ Chỉ Quán Nghĩa Lệ, Chỉ Quán Đại Ý, Văn Cú Thập Diệu, Bất Nhị Môn v.v... hưng thạnh lưu hành ở thế gian. Khi thuật, ba bộ ký đã hoàn thành, ngài đích thân viết thư gởi đến Đại Tạng chùa Khai Nguyên ở Cô Tô, nói khắc bia đá nhỏ, đến nay hiện vẫn còn, và cũng ghi chép vào đây ngõ hầu thấy được tâm từ bi làm người! Nơi văn bia ấy ghi rằng:

Đầu niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười sáu (728) thời Tiền Đường, tôi rảo bước đến Chiết Đông, tìm thầy hỏi Đạo. Đến niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi (732) thời Tiền Đường, ở tại Kim Hoa, Đông Dương, gặp được Hòa thượng Phương Nham chỉ bày cho giáo môn Thiên Thai, và truyền trao cho các bản Chỉ Quán v.v.... Rồi tôi bèn cầu học với Đại sư Tả Khê. Nhờ được đem Đại chỉ mà dạy răn, tử chỉ nhận biết mê mờ, tất cả mọi sự thấy nghe đều ghi chép bằng giấy mực. Đến niên hiệu Chí Đức (756-758) thời Tiền Đường, dời đến thuộc ở chùa này. Rồi từ niên hiệu Càn Nguyên (758-760) thời tiền Đường trở lại, sắp xếp thành quyển trục, bởi muốn tự ngăn ngừa sự mê mờ sai lầm, mà các Đạo lưu ở bốn phương tình cờ lại truyền chép, nay tự cảm thấy thân mình suy yếu bệnh tật, đến nỗi không thể đảm nhận. Do đó, lưu lại bản này cùng với Huyền ký và Sớ ký, tất cả có ba mươi quyển để gởi vào Tạng đó. Hoặc giả đối với di căn của Tiên Sư, bia bổ trong muôn một, thì chẳng phụ sự chí thành từ trước trở lại, mong đại chúng cùng giữ gìn

để hiến tặng cho người học sau.

Tháng bảy niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười hai (777) thời Tiền Đường, Sa-môn Trạm Nhiên kính ghi.

Ngài Tán Minh nói rằng: Thấy rõ ngài (Trạm Nhiên) bắt đầu, từ niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời Tiền Đường và cuối cùng là vào niên hiệu Kiến Trung (780-784) thời Tiền Đường, ngài dùng tâm tự chứng, nói pháp chưa từng nghe. Trong kinh há chẳng nói như thế ư? Thế nào chỉ trong thời gian ngắn mà làm được Phật sự lớn? Thầy ta thật có được. Nên triều đạt được Đạo ấy, chỉ có Lương Tiểu học sĩ, nên buông bút hồng thành văn từ tuyệt diệu. Ở đề mục ấy nói rằng: Từng thứ luận bàn, bậc Thánh chẳng dấy khởi, khoảng thời gian ấy sẽ có bậc mạng thế xuất hiện. Kể từ khi Đại sư Trí Giả (Trí Khải) đem pháp trao truyền cho Tôn giả Chương An (Quán Đảnh). Ngài Chương An trở lại nơi đời, đến chỗ Tôn giả Tả Khê (Huyền Lãng), tuy sáng tỏ Đạo mà như mờ tối, đợi chờ ngài phát khởi, cưỡi xe báu ấy, đốt sáng trung Hưng, nên thọ nghiệp thần thông có đến ba mươi chín vị Tăng. Các bậc quan lại tiên sinh địa vị cao thanh danh quý trọng đều chịu rạp mình tiếp thừa giáo pháp lại có mười người. Ngài nghiêm trì Đạo tôn quý, xa gần đều quy kết đức nhân. Nếu chẳng phải mạng thế mà sinh, thì sao đạt đến như vậy? Xem xét luận của Lương học sĩ, vì bàn tài hợp ngang. Nếu chẳng phải là người này thì làm sao có thể đến Hồng Nho? Nếu chẳng phải bút ấy thì làm sao có thể được đề minh châm là Triết Tượng? Bởi suốt thông vào cửa nhà thấy sự phú quý của Tông miếu. Do đó, nghiên cứu luận bàn. Ôi! Bọn chúng ta thường có Đạo chẳng biết thầy. Nên có lời thơ rằng: Chỉ chim thước có ổ, chỉ chim cưu ở đó. Lương Công vào sâu hang lý của Phật nghĩa là vậy ư? Có Sa-môn Thần Ung ở núi Pháp Hoa soạn thuật chân tán. Đến niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời bắc Tống, có Ngô Việt Quốc Vương họ Tiền Truy niệm kính trọng mà viếng. Xưng hiệu ngài là Tôn giả Viên Thông, có thể chẳng như vậy ư?.

Phụ thêm, ngài Hạnh Nhất nói rằng: Bồ-tát Long Thọ được rồng, tiếp rước vào cung, trọn một mùa Hạ chỉ đọc tụng được hết đề mục của kinh Phật. Huyền Chú nói rằng: Lớn không thể nghĩ bàn, kinh có ba bản, có mười vạn kệ tụng, bốn mươi tám phẩm, Bồ-tát Long Thọ tụng ra truyền bá ở đời.

TRUYỆN CHÍN VỊ TỔ SƯ CỦA TÔNG THIÊN THAI
(Trọn bộ)

Truyện trên, môn sinh (Duy Xuân) người Thiên Trúc ở trong núi y suất, cùng các bạn đồng học khắc bản. (Chí Chuyên) Tề mộc kính ghi để lưu thông rộng ở đời, cùng mong cầu Phật Tuệ.

Ngày mồng một tháng 06 năm Tân Mùi (1211) thuộc niên hiệu Gia Định thời Nam Tống, kính cẩn nhận biết, ở núi Mã Não. (Có phụ thêm truyện ở sau).

-----------------------------

## HÀNH TÍCH CỦA HÒA THƯỢNG ĐẠO THÚY

(Còn gọi là Hành Nghiệp ký của Hòa thượng Đạo Thúy)

Thời Tiền Đường, Sa-môn Càn thục ở núi Thiên thai ghi chép.

Hòa thượng họ Vương, con cháu ở Lang Da, quê hương ở Tây Kinh, mặc áo thêu tiếp nối đời chẳng thể đủ, gá thân mới trao cho chức quán sát ngự sử, ngài bèn mở bỏ dây thao giả từ vinh hạnh, theo thầy học Đạo.

Năm hai mươi bốn tuổi, ngài mới Tấn Đàn thọ giới Cụ túc, đến đất Tần học giới, khi đã thấu đạt Trì Phạm, ngài mới nghĩ suy tìm học kinh giáo Đại thừa (nguyên bản không có chữ Học. Do Sa-môn Nhẫn Khải ở Long Thành y cứ theo Nội chứng huyết mạch Phổ mà sửa), bèn chép bộ Pháp Hoa Sớ của Tổ sư Từ Ân. Đêm đó, ngài mộng thấy có một vị Tăng bảo rằng: Sao chẳng theo tông chỉ viên đốn của Thiên Thai?. Đến sáng sớm, ngài mới tỏ bày điềm mộng ấy với mọi người. Mọi người bảo ngài rằng: Đã có mộng, há không có chứng cớ ấy ư?. Nhân Xà-lê Trạm Nhiên chùa Diệu Lạc, Thường Châu lúc bấy giờ đang hưng thạnh truyền bá giáo nghĩa đó. Ngài tuy nghe lời đó mà chưa biết đích thực, sau có tin đưa đến, mới biết là không dối bày. Ngài bèn bỏ công việc đang ghi chép, chống tích trượng theo hướng Nam mà đi đến Dương châu, muốn dừng ở chùa Pháp Vân. Trong khoảng mười ngày, ngài lại mộng thấy có một vị Tăng bảo rằng: Tại chùa Diệu Quả đang giảng kinh Pháp Hoa, sắp đến phẩm Phương Tiện, nay hãy nhanh chóng đến đó. Ngài bèn vội tìm đến, quả nhiên đúng như trong mộng. Ngài tập học hành trì suốt năm năm, không hề có việc gì khác. Đốt đuốc tiếp đến sáng ngày, nghiệp học đã thành tựu, ngài mới giả từ thầy riêng bước. Ngài Trạm Nhiên bảo rằng: Tùy phương mà ở, tùy phần mà truyền bá, giả sử tự tu hành cũng là lợi ích.

Ngài bèn đến Dương phủ, có người thỉnh ngài giảng kinh Pháp

Hoa, Chỉ Quán Huyền Văn, mỗi bộ được vài biến. Sau đó, ngài đến núi Thiên thai, giữa đường vừa đến Việt Châu, thấy Ngự Sử Đoan Công, sau dẹp trừ Thứ sử Hấp Châu, Lục Tham Bái, tôn xưng ngài là Hòa thượng (bản xét chữ Lục sợ thừa). Sau đó, đến niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ mười hai (796) thời Tiền Đường, ngài vào núi Thiên thai. Ở tại núi chín năm, ngài thường giảng kinh Pháp Hoa, Chỉ Quán Huyền Văn v.v... không hề thiếu sót, mỗi ngày sáu thời hành đạo. Với một bộ kinh Pháp Hoa và giới bản Đại thừa Tiểu thừa thường mỗi ngày ngài tụng đọc một biến, chưa từng khuyết thiếu. Đến niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ hai mươi (804) thời Tiền Đường, Thứ sử Thai Châu thỉnh ngài xuống chùa Long Hưng, giảng kinh Pháp Hoa, Chỉ Quán.

Đến tháng mười hai năm ấy, vì dính mắc giáo môn của bản quốc hiện thời, nên ngài tạm ngưng nghỉ. Kế nữa, vì Càn Thục tôi nương theo Hòa thượng mới được mười năm, nên mọi việc từ trước đều chẳng biết đủ, chỉ ghi lại tóm lược mà thôi!

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# VÃNG SANH TÂY PHƯƠNG TỊNH ĐỘ THỤY ỨNG TRUYỆN

SỐ 2070

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2070

# VÃNG SINH TÂY PHƯƠNG TỊNH-ĐỘ THỤY ỨNG TRUYỆN

## MỤC LỤC

22- Ni Pháp Tạng
23- Ni Tịnh Chân
24- Ni Pháp Thắng
25- Ni Ngộ Tánh
26- Ni Đại Minh
27- Hai vị Sa-di
28- Đồng Tử A đàm
29- Đồng Tử Ngụy Sư
30- Quốc Vương Ô Trường
31- Hoàng Hậu đời tùy
32- Lưu Di Dân
33- Quan Sát Sứ;
34- Nguyên Tử Bình
35- Ngụy Thế Tử
36- Trương Nguyên Tường
37- Người ở Hàng Châu đời Tùy
38- Trương Chung Húc
39- Người Phần Châu
40- Phòng Trợ
40- Phòng;
41- Vợ Ôn Văn Tịnh
42- Thôn Ông ở Ước Sơn
43- Nữ đệ tử họ Lương
44- Nữ đệ tử họ Bùi
45- Nữ đệ tử Diêu Bà
46- Vợ Trương Văn
47- Ông già ở huyện Phần Dương
48- Triệu Nguyện Bảo

*****

# LỜI TỰA

Chủ Phật đã khởi lòng Từ dùng nhiều phương tiện, nhưng chỉ có vãng sinh là dễ khế hợp với mọi cơ duyên. Nói về xưa nay chí thành và có thông cảm ứng hiện các điềm lành thì có Sa-môn Văn Thẩm và Thích Tử Thiếu Khang trong Luận Vãng Sinh và Cao Tăng truyện đã nêu lời tựa chân thật ghi chép các chứng cớ hiếm lạ, các duyên chân thành cảm hóa mà hiển bày cái dụng của Phật lực khó nghĩ bàn. Khiến xưa nay không đọa lạc, đạo tục quy tâm, nối tiếp huyền phong hưng thạnh việc lớn, khiến người đã phát tâm thì càng bền chắc không nghi ngờ, còn kẻ chưa khởi lòng tin thì có chỗ nương tựa.

*Khanh Thân kính ghi lời tựa*

***1- Pháp sư Tuệ Viễn:***

Người thời Đông Tấn, ở Nhạn Môn, chọn ở Lô Sơn hơn ba mươi năm chưa xuống núi vào nhà thế Tục. Đưa khách chỉ đến Hổ Khê mà thôi. Tuy học rộng các sách, nhưng chỉ hoằng hóa Tây Phương. Dưới núi ngài lập Tịnh độ Đường, sớm chiều lễ sám. Có các quan đương triều như Tạ Linh Vận, cao sĩ Lưu Di Dân v.v... cùng bỏ vinh hoa ở đời đồng tu Tịnh-độ. Người tin theo có đến một trăm hai mươi ba người, ở trước tượng Vô Lượng Thọ mà kiết trai lập thệ. Di Dân làm văn tán tụng cảm đến một Tiên Nhân cưỡi mây nghe tụng. Ngày mồng 6 tháng 8 niên hiệu Nghĩa Hi năm 12, Pháp sư được Thánh chúng từ xa đến rước. Khi qua đời ngài dặn dò và nằm nghiêng hông phải mà hóa, thọ tám mươi ba tuổi.

***2- Pháp sư Đàm Loan:***

Người đời Tề, nhà ở gần núi Ngũ Đài, thông suốt các giáo. Nhân được Tiên Kinh ở cõi này mười quyển, muốn tìm hỏi Đào Ẩn Cư để học Tiên Thuật. Sau gặp Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi hỏi rằng: Trong Phật Pháp có pháp sống mãi không chết hơn Tiên Kinh ở cõi này chăng? Ngài đáp dầu được sống lâu rốt cuộc rồi cũng phải đọa. Bèn trao Quán Kinh Vô Lượng Thọ cho Loan bảo: Thực hành theo phép Đại Tiên này thì mãi được giải thoát, lìa hẳn sinh tử. Loan bèn đốt hết Kinh Tiên. Bỗng nửa đêm thấy vị Tăng Ấn-độ vào phòng bảo Loan rằng: Ta là Bồ-tát Long Thọ bèn nói kệ rằng: Lá đã rơi rụng thì không thể nương, lúa chưa bó thì không thể vô bao, tìm ngựa trắng qua lỗ nhỏ chẳng thể dừng, đã đi rồi

không có thể trở lại, chưa đến chưa thể tìm hay sao, ở đây ngựa khó thể về. Pháp sư biết tuổi thọ của mình đã hết bèn nhóm họp đệ tử hơn ba trăm người. Sư tự cầm lò hương quay mặt hướng Tây khuyên dạy môn đồ tôn kính Tây Phương. Ngày ấy khi mặt về trời mới mọc đồng tiếng niệm Phật thì liền qua đời. Ở cách chùa về phía Tây năm dặm, có một chùa Ni nghe trên hư không có tiếng nhạc từ phía Tây đi về Đông rồi từ Đông đi về Tây.

***3- Thiền sư Đạo Trân:***

Người đời Lương, vào Lô Sơn niệm Phật, vì thực hành Thủy Quán cho nên mộng thấy có khoảng trăm người ngồi thuyền sắp sinh về Tây Phương, bèn xin lên thuyền, có vị Thượng Nhân không cho. Trân hỏi: Bần đạo một đời tu Tây Phương vì sao không cho? Vị ấy đáp. Sự nghiệp chưa tròn, chưa tụng kinh Di-đà và xây nhà tắm cho chúng Tăng. Do đó số người trên thuyền thấy Trân không được đi bèn gào khóc. Sư thức giấc, bèn tụng kinh và xây nhà tắm cho Tăng. Lâu sau lại mộng thấy một người ngồi lầu đài bằng bạc trắng giơ tay nói rằng: Thiền sư Trân, ngươi nghiệp đã tròn vì khéo dụng tâm, nay báo rõ chắc chắn sinh Tây Phương. Đêm Sư qua đời trên đỉnh núi sáng lòa như cả ngàn ngọn đuốc, mùi thơm lạ đầy chùa. Sau khi mất thì nhặt được trong tráp kinh tờ ghi tên những người chưa mất mà trước đó chưa hề nói với ai.

***4- Tăng Nhai:***

Là vị tăng thời Hậu Chu, trú tại chùa Đa Bảo ở Ích Châu. Tánh ít nói năng nhưng thường cười đùa. Mỗi khi đi dạo rừng núi suốt ngày trở về người hỏi vì sao thì đáp: Điều ấy ai cũng chịu được, tôi nghĩ thế. Ông ở thành Tây đốt năm ngón tay. Đạo-Tục cả ngàn người kéo đến khóc lóc. Ngài nói: Tôi chỉ giữ hạnh Bồ-tát, đừng khóc. Người hỏi có đau không? Sư đáp: Tâm đã không đau thì tay đâu có đau. Đốt bàn tay xương tủy sôi sục, người hỏi lý do, Sư đáp: Bởi vì các chúng sinh không thể thực hành nhẫn. Nay quán điều chẳng nhẫn được thì nhẫn, chẳng đốt được thì đốt. Lại bảo chúng rằng Đời mạt pháp khinh lờn không chịu quán tượng Phật, đầu gỗ nghe kinh như gió thổi tai ngựa, đốt tay bỏ thân là muốn cho mọi người tin kính Phật Pháp. Lại bảo đệ tử rằng: Khi ta-diệt độ rồi phải thường cung dưỡng người bệnh, kẻ xấu xí và súc sinh, phần nhiều các người này đều là Chư Phật Bồ-tát hóa thân, nếu không có đại tâm bình đẳng thì làm sao có thể cung kính tất cả? Có người thấy hoa trời và Tăng Nhai đắp y mang tích trượng cùng sáu trăm vị Tăng đi

về hướng Tây rồi biến mất.

***5- Thiền sư Tuệ Mạng:***

Ngài ở thời Hậu Chu, người vùng Thái Nguyên, là bạn đạo với Thiền sư Tư soạn Sám Phương Đẳng, ở dưới gốc thông nhìn nhau cười bảo rằng: Hai ta qua đời ở đây. Không quá mười ngày thì bị bệnh, ngồi kiết-già xoay mặt về Tây, nói "Phật đến", rồi chắp tay mà hóa, cả hai đều thọ tám mươi ba tuổi. Mọi người thấy các vị trời cầm cờ phướn nói: Lành thay, đến rước hai Sư ra đi.

***6. Thiền sư Tịnh:***

Ngài ở thời Hậu Chu, khi còn ở thế tục thấy hình Địa ngục biến tướng thì bảo với đồng bạn rằng: Xét về nghiệp thì có ai tránh được khổ này? Bèn thưa mẹ xin xuất gia, thường ở chốn rừng vườn. Tăng chúng hỏi rằng: Sư nên xử thế hóa độ, mà lại giấu đức ở núi rừng? Sư đáp: Đạo quý ở chỗ có hành dụng hay không, tức ở chỗ người mà quán tới lui, còn thì ở ẩn. Đến lúc Chu Võ Đế diệt Phật Pháp, Sư tiếc rằng mình không có năng lực để hộ trì Phật pháp, bèn bảo đệ tử rằng: Ta ở đời vô ích, nên bỏ thân này. Ngồi kiết già trên tảng đá đắp nạp y rồi tự chặt đứt hết tay chân, lại kéo ruột gan treo trên cây, mổ tim đưa lên mà chết. Để thư lại nói rằng: Những kẻ có duyên đối với Phật Pháp không lui sụt sẽ được lợi ích. Ta vì ba duyên mà bỏ thân này, một là tự thấy có nhiều lỗi, hai là chẳng thể nào hộ pháp, ba là muốn mau thấy Phật, bèn nói kệ rằng:

Nguyện các chúng sinh , Nghe ta bỏ mạng, Thành tựu Thiên nhĩ
Rốt ráo Bồ-đề, Thân này bất tịnh, Chỉ là cứt đái
Chín lỗ chảy đầy, Bỏ thân dơ này, Nguyện sinh Tịnh-độ
Một niệm Hoa nở, nơi Phật Di-đà

***7. Thiền sư Khải:***

Ngài là Khải Thiền sư Tông Thiên Thai, đời Tùy, người ở Dĩnh Xuyên, họ Trần. Sư giảng Kinh Tịnh Danh thấy ba thềm báu từ hư không hạ xuống, có mấy mươi vị Phạm tăng cầm lò hương đi vào Thiền đường, nhiễu quanh Khải ba vòng. Khải bảo rằng: "Ta từ khi sinh đến nay, ngồi xoay mặt về hướng Tây, niệm Phật A-di-đà, Ma-ha Bát-nhã Quán Âm-Thế Chí năng lực oai thần cũng không hơn ở đây. Ta nhiều phen thỉnh Quan Âm mà sám hối. Từ khi bị bệnh niệm Tây Phương rất tha thiết, ta đi đây. Có người đưa thuốc thì Sư bảo: "Bịnh không hợp với thân, tuổi không hợp với tâm, thuốc lẽ nào có thể trừ được bệnh ư? Ta

sống nhọc sinh khí độc, chết thoát nghỉ về, Quân Âm Thế Chí nay đến rước rước ta”. Rồi bảo đọc Kinh Pháp Hoa, khen rằng Pháp môn là cha mẹ, Tuệ giải do đây mà sinh, mầu nhiệm khó lường, như mặt trời sáng. Lại đọc Kinh Vô Lượng Thọ, khen rằng: Bốn mươi tám nguyện trang nghiệm Tịnh-độ, hồ sen cây báu dễ đến không có người. Lại bảo Duy-Na rằng: Khi qua đời mà nghe chuông thì tăng thêm Chánh Niệm mọi người hãy im lặng. Ta sắp đi đây. Nói xong thì hóa, thọ sáu mươi tuổi, nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ 17, ngày 24 tháng 11. Ngài xây dựng bốn mươi lăm chùa , độ Tăng hơn bốn ngàn người, trải qua mười lăm năm tạo các tượng Vàng Bạc, Chiên Đàn phân phó khắp mười phương. Đây là Trí Giả, Pháp Không Đại Sư.

***8-Tăng Đạo Dụ:***

Ngài là người đời Tùy, trú tại chùa Khai Giác, niệm Phật A-di-đà tạo tượng Chiên đàn cao ba tấc. Sau Đạo Dụ bỗng nhiên chết, bảy ngày sống lại mà bảo rằng: Thấy một bậc Hiền, vãng sinh đến bên ao báu. Người Hiền đi quanh hoa ba vòng, hoa nở ra bèn ngồi vào đó. Đạo Dụ cũng đi nhiễu quanh nhưng hoa không nở, bèn lấy tay kéo thì hoa héo rụng. Phật A-di-đà bảo rằng: Ngươi hãy trở về cõi ấy mà sám hối các tội, tắm gội nước thơm, khi sao Mai mọc Ta sẽ đón ngươi, ngươi tạo tượng Ta vì sao quá nhỏ. Dụ thưa: Tâm lớn thì lớn, tâm nhỏ thì nhỏ nói xong thì tượng bay lên hư không. Rồi y lời tắm nước thơm một lòng sám hối, nói rõ với mọi người rằng: Vì tôi mà niệm Phật, khi sao Mai mọc thì hóa Phật đến rước. Ánh sáng chiếu soi đầy nhà, mọi người đều nghe thấy, bèn qua đời. Lúc đó là niên hiệu Khai Hoàng năm thứ tám.

***9- Pháp sư Đăng:***

Ngài là người đời Tùy, trú tại chùa Hưng Quốc ở Tính Châu, giảng Kinh Niết-bàn. Đạo Tục đến nghe hoặc già hoặc trẻ đều khuyên niệm Phật A-di-đà và cầu vãng sinh. Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12 thì mùi thơm lạ đến rước, ngày đưa đi chôn thì mây thơm vần vũ khắp xóm làng.

***10. Pháp sư Hồng:***

Ngài là người đời Tùy, người ở Tính Châu. Sư một đời tinh tấn không nắm giữ tiền bạc của báu, luôn niệm Tây Phương mong thấy Phật A-di-đà. Khi qua đời thấy Đồng nam Đồng nữ ở trời Đâu-suất đến rước. Pháp sư nói: Tôi mong sinh về Tây Phương không muốn sinh lên

cõi trời. Rồi bảo đồ chúng niệm Phật. Miệng nói Phật tây Phương đến rước. Nói rồi qua đời. Lúc đó là niên hiệu Nhân Thọ năm thứ 4.

***11-Thiền sư Đạo Xước:***

Ngài là người đời Đường, người ở Tính Châu, trú tại chùa Huyền Trung, giảng Quán Kinh đến hai trăm lượt. Từ bảy tuổi đã biết niệm Phật, tự xỏ chuỗi khuyên người niệm Phật. Nói chuyện thường mỉm cười, không hề quay lưng về hướng Tây, thưa với Thiện Đạo rằng: Đạo Xước sợ chẳng được Vãng sinh, xin thầy nhập Định làm Phật được chăng? Thiện Đạo nhập Định thấy Phật cao hơn trăm thước bạch rằng: Đạo Xước hiện tu Tam-muội niệm Phật chẳng biết bỏ thân này có được vãng sinh chăng? Lại hỏi năm tháng nào được sinh? Phật đáp rằng: Chém cây liền bỏ búa, không duyên chớ nói cho về nhà chớ từ khổ. Lại bảo Đạo Xước sám hối: Một là để kinh tượng ở chỗ thấp kém, còn mình thì ở an ổn trong phòng - hai là làm công đức khiến người xuất gia đối với mười phương tăng mà sám hối; ba là vì tu mà tạo thương tổn cho hàm sinh, nên đối với chúng sinh mà sám hối. Lại hỏi khi qua đời có điềm lành nào khiến người thấy nghe? Đáp rằng ngày mất thì Ta phát ra ánh sáng trắng chiếu xa đến phương Đông, khi ánh sáng này hiện ra thì sinh về nước Ta. Quả nhiên đến ngày mất thì có ba luồng ánh sáng trắng chiếu trong phòng. Lại thấy Pháp sư Đàm Loan ở trong ao bảy báu, bảo rằng: Tịnh-độ đã thành nhưng dư báo chưa hết. Mây tím hiện ra 3 lần.

***12-Thiền sư Thiện Đạo:***

Ngài thuộc đời Đường, họ Chu, người ở Tứ Châu, thuở nhỏ xuất gia thấy Tây Phương biến tướng thì than rằng: Làm sao gởi chất Liên Đài gá thần Tịnh-độ? Đến khi thọ giới Cụ túc, Luật sư Diệu Khai cùng xem Quán Kinh thì vui buồn giao nhau cùng khen rằng: Tu các hạnh khác thì lòng vòng khó thành, chỉ có Quan Môn này là chắc chắn vượt sinh tử. Bèn đến chỗ Thiền sư Xước hỏi rằng: niệm Phật thật được vãng sinh hay chăng? Sư đáp: Làm một hoa sen hành đạo bảy ngày mà không héo thì được vãng sinh. Lại Pháp sư Anh ở Đông Đô giảng Kinh Hoa Nghiêm bốn mươi lượt vào đạo tràng của Thiền sư Xước sống trong Tam-muội mà than rằng: Tự tiếc nhiều năm chỉ huống uổng công tìm Văn Sớ nhọc thân tâm, sao bằng mong niệm Phật không thể nghĩ bàn! Thiền sư nói: Kinh nói thật Phật đâu nói dối. Thiền sư bình thường ưa thích Khất thực, thường tự trách rằng: Phật Thích-ca hãy còn khất thực, Thiện Đạo là ai mà thích ở yên đòi cúng dường? Ngay cả Sa-di cũng

chẳng cho lạy, viết Kinh Di-đà mười vạn quyển, vẽ Tịnh-độ biến tướng ba trăm bức, gặp tháp miếu thì đều sửa sang tu bổ. Phật Pháp truyền sang Đông Độ chưa ai làm hưng thịnh bằng Thiền sư.

***13- Pháp sư Huyền:***

Người đời Đường, ở Tính Châu. Gặp Thiền sư Xước giảng Quán Kinh mới biết hồi tâm. Năm năm chuyên niệm Phật, một ngày một đêm lễ một ngàn lạy niệm Phật bảy vạn câu, sợ không trọn vẹn cho nên càng thêm tinh tiến. Mộng thấy Phật Thích-ca và Bồ-tát Văn-thù khen ngợi kinh Pháp Hoa. Lại thấy ba con đường từ hướng Tây đến, một đường dành cho kẻ tục, một đường cho cả Tục và Đạo, đường thứ ba chỉ có chư Tăng, đều là người Vãng sinh.

***14- Thiền sư Ngạn:***

Người đời Đường, ở Tính Châu. Ngài tu nghiệp Vãng sinh thường thực hành Sám Phương Đẳng. Khi qua đời thì thấy hai Bồ-tát Quán Âm-Thế Chí hiện giữa hư không, mời thợ vẽ mà không ai vẽ được. Bỗng cảm hai người nói: Từ Tây Kinh đến muốn tới Đài Sơn. Rồi vẽ cho một bức không trở ngại Sư bảo đệ tử rằng: Ai muốn theo ta đến Tây Phương. Cậu bé nhỏ nhất thưa: Con nguyện xin theo! Liền vào đạo tràng ngồi thẳng mà hóa. Sư nói: Nếu đi thật thì hãy đợi nhau sao trở về trước ta. Bèn sai môn đồ giúp mình niệm Phật rồi ngồi thẳng mà hóa, thọ tám mươi tuổi, nhằm mùng 7 tháng giêng niên hiệu Thùy Củng thứ nhất.

***15- Thiền sư Đại Hạnh:***

Ngài là người ở Tề Châu, vào Thái Sơn ăn cỏ mặc vỏ cây cầu Tam-muội Pháp Hoa, cảm Bồ-tát Phổ Hiền hiện thân, dạy sư niệm Phật A-di-đà trải qua hai mươi mốt ngày. Đến nửa đêm bỗng thấy đất lưu ly, mắt tâm rỗng sáng thấy cả mười phương Phật. Sau bị bệnh nằm nghiêng bên hông phải mà mất. Sau khi chôn thì quan quách vẫn thơm ngát mấy ngày không tan, dung mạo chẳng khác lúc còn sống.

***16-Thiền sư Tạng:***

Ngài là người Phần Châu. Mỗi khi ra cửa lạy khắp Tháp miếu, không nhận đạo tục lạy mình, trước khởi việc chế tâm và ngăn sáu giặc, một niệm mà không lỗi. Thường làm việc Tăng thay cho đầy tớ. Thấy áo dơ ngâm đều lấy giặt và vá lại mùa Hạ nóng thì cởi áo nằm cỏ để nuôi ve muỗi. Ngày Sư qua đời, các trời đến mời Sư đều không đi, đến

khi Hóa Phật ở Tịnh độ đến đón, mới bắt đầu ra đi.

***17-Pháp sư Cảm:***

Ngài trú tại chùa Thiên Phước ở Trường An, làu thông kinh điển, không tin niệm Phật, có hỏi Hòa-Thượng Thiện Đạo rằng Việc niệm Phật ở môn nào? Đáp rằng: Anh hãy cứ niệm Phật sẽ có chứng nghiệm. Lại hỏi: Có từng thấy Phật chăng? Sư đáp: Phật nói còn nghi gì? Bèn hai mươi mốt ngày vào Đạo Tràng, không có cảm ứng gì. Tự tiếc tội nặng muốn bỏ ăn dứt mạng. Sư ngăn lại không cho. Suốt ba năm chuyên chí liền được thấy thân ngọc hào sắc vàng của Phật, chứng được Tam-muội. Bèn tự soạn Luận Vãng Sinh Quyết Nghi bảy quyển. Khi qua đời được Phật rước, chấp tay hướng về Tây mà mất.

***18-Thiền sư Hoài Ngọc:***

Ngài họ Cao, trú tại chùa Dũng Tuyền ở Thai Châu. Khi ăn chẳng ăn cơm, không mặc áo tơ tằm, thường tự thật thà sám hối hơn vạn vạn lần, tụng Kinh Di-đà Quán ba mươi vạn biến, khóa tụng hằng ngày niệm năm vạn câu, phóng sinh ruồi muỗi, ngồi mãi chẳng nằm. Ngày 9 tháng 6 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ 6 thấy Thánh chúng ở Phương Tây số đông như cát sông Hằng. Thấy một người mang đài bạc theo cửa sổ mà vào. Thiền sư nói: Công khóa của tôi đáng được đài vàng, bèn gia công niệm Phật. Trên hư không có tiếng nói Viên Quang trên đảnh chiếu sáng khắp hư không. Bảo với môn đồ lui ra sau chớ chạm ánh sáng. Đến khi qua đời thì ánh sáng càng mạnh, bèn nói kệ rằng:

Thanh tịnh sáng sạch không bụi nhơ, hoa sen hóa sinh là cha mẹ,
Ta tu hành nay đã mười kiếp, thị hiện Diêm-phù chịu các khổ,
Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp, Lìa hẳn Ta-bà về Tịnh-độ.

Nói xong thì thấy đài vàng tím rồi mỉm cười mà mất. Nhục thân hiện ở tại chùa Dõng Tuyền ở Thai Châu.

***19-Tăng Pháp Trí:***

Tăng Pháp Trí ở tại Thiên Thai chuyên nghiệp niệm Phật. Tánh Sư thô suất không câu chấp luật nghi, người bảo phạm tội Cát-la phải bốn trăm năm vào địa ngục, liền tin. Nghe Kinh nói niệm Phật A-di-đà một câu thì diệt hết tám mươi ức kiếp tội nặng sinh tử, bèn ở chùa Quốc Thanh vào đài Đâu-suất niệm Phật ngày đêm. Người thời đó không tin. Bỗng Sư từ giả khắp đạo tục rằng: Tôi sắp vãng sinh. Khiến các người thân biết để thiết trai một ngày. Đến ngày thì vào nửa đêm không bệnh

mà mất. Ánh sáng màu vàng chiếu đến hơn mấy trăm dặm. Loài trĩ đồng sợ hãi kêu lớn, người trên thuyền gọi nhau trời sáng.

***20- Tăng Đạo Ngang:***

Tăng Đạo Ngang ở Tương Châu giảng Kinh Pháp Hoa, bỗng nhiên thấy các vị trời tấu nhạc từ hư không đến bảo rằng: Đây là trời Đâu-suất xuống đón rước. Đạo Ngang bảo: Cõi trời còn là cội gốc sinh tử, do đó không ham đến chỉ nguyện Tây Phương mà thôi. Nói xong thì thấy Tây Phương đờn ca vây quanh đến rước. Tin đến không được dừng lâu. Nói xong thì tay cầm lò hương lên tòa cao ngồi thẳng im lặng mà hóa.

***21- Tăng Hùng Tuấn:***

Tăng Hùng Tuấn họ Chu, người ở Thành Đô, giỏi giảng nói, không có giới hạnh, được bố thí thì dùng phi pháp lại hoàn tục vào trại lính giết chóc cướp của, rồi chạy vào Tăng lánh nạn. Trong niên hiệu Đại Lịch thấy vua Diêm La bắt dẫn vào địa ngục Tuấn kêu lớn: Hùng Tuấn này mà vào địa ngục thì Chư Phật ba đời là nói dối. Vua bảo Phật không hề nói dối. Tuấn nói: Hạ Phẩm Hạ Sinh trong Quán Kinh nói kẻ gây ra năm tội nghịch, khi qua đời mười niệm còn được vãng sinh. Hùng Tuấn tuy gây tội mà không phải là năm tội nghịch, nếu nói về niệm Phật thì không biết là bao nhiêu. Nói xong thì vãng sinh Tây Phương, nương đài mà đi.

***22- Ni Pháp Tạng:***

Ni Pháp Tạng đời Tống, trú tại chùa Kiến Phước ở Kim Lăng theo Thiền nghiệp cao xa, bảo bạn đồng học là Đàm Kỉnh rằng Ta lập thân hành Đạo chí ở Tây Phương. Sau bỗng nhiên bị bệnh, lúc đầu thấy Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng đến thăm hỏi bệnh tình Pháp Tạng, ánh sáng chiếu sáng cả chùa, đại chúng đều trông thấy, rồi Ni sư qua đời.

***23- Ni Tịnh Chân:***

Ni chùa Tích Thiện ở Trường An, đắp y khất thực, một đời không tức giận, giảng Kinh Kim cang mười vạn lần, chuyên ròng niệm Phật, tháng 7 niên hiệu Hiển Khánh thứ 5 thì Ni bị bệnh, bảo đệ tử rằng: Trong tháng 5 này mười lần ta thấy Phật A-di-đà, hai lần thấy thế giới Cực Lạc, trên hoa sen báu đồng tử dạo chơi, lại có Thánh Tăng 5 lần thọ ký rằng ta sẽ thành Phật, lại bảo ta được vãng sinh Thượng phẩm. Rồi ngồi kiết già mà mất. Qua một đêm tỉnh lại bảo đệ tử rằng: Ta được địa

vị Bồ-tát, đi khắp mười phương cúng dường Chư Phật. Nói xong thì mất. Ánh sáng chiếu khắp chùa.

***24- Ni Pháp Thắng:***

Ni là người ở Huyện Ngô, tiến tu Thiền định, theo nghiệp niệm Phật. Dạy dỗ đạo tục khuyên cầu vãng sinh. Bà bị bệnh tự biết không qua khỏi. Nằm thấy một vị Tăng đến báo rằng: Bệnh này không thể lành, nên chuyên niệm Phật. Lại thấy hai vị Tăng đắp y cầm hoa đứng ở trước giường chiếu ánh sáng vào thân mình. Nói xong thì mất.

***25- Ni Ngộ Tánh:***

Ni là người Lạc Dương ở Hành Châu, gặp Xà-lê Chiếu, phát nguyện niệm Phật một vạn lần. Niên hiệu Đại Lịch như 6 bà vào Đài Sơn, bỗng nhiên bị bệnh, nghe trên hư không có tiếng nhạc, bà bảo: Ta được Trung phẩm Thượng sinh, thấy người đồng niệm Phật ở Tây Phương đều có Hoa sen, thân mầu vàng chiếu sáng. Lúc ấy vào năm hai mươi bốn tuổi.

***26. Ni Đại Minh:***

Ni là người ở duyên Châu. Gặp Thiền sư Xước giảng Kinh Vô Lượng Thọ dạy nghiệp niệm Phật. Trước khi niệm thì bà mặc áo sạch, súc miệng xông trầm đốt hương tịnh thất. Khóa tụng ba, bốn năm tiếp tục không đứt quãng. Khi Ni qua đời, đại chúng thấy ánh sáng nghe tiếng nước có hơi trầm hương đến rước, lúc đó Ni qua đời.

***27- Hai Sa-di:***

Có hai Sa-di trú tại chùa Khai Hóa ở Tính Châu. Sa-di nhỏ bảo Sa-di lớn rằng: Huynh thử thực hành nghiệp Tinh Độ xem sao? Cả hai vui mừng cùng đồng chí. Mười lăm năm sau, Sa-di lớn chết trước đến Tây Phương thấy Phật A-di-đà thưa rằng: Em con có được sinh lên đây hay chăng? Phật bảo: con nhờ cậu ta mà phát tâm, con còn được vãng sinh, cậu ta có nghi gì? Hãy trở về Diêm Phù khuyên niệm danh hiệu Ta, ba năm sau sẽ cùng đến gặp ta. Bèn trở về sống lại kể đủ mọi việc. Năm sau hai Sa-di tâm khai nhãn tịnh, cùng thấy Bồ-tát đến rước. Đất đai rung chuyển, trời rải hoa như mưa trên không, đồng thời cùng mất tùy nguyện vãng sinh.

***28- Đồng tử A Đàm Viễn:***

Đồng Tử ở thời Tống, mười tám tuổi giữ giới Bồ-tát thờ Thiền sư Hàm tu nghiệp Tịnh-độ, luôn hướng về Sư mà sám hối. Đêm vào canh tư bỗng nhiên tự tụng niệm. Sư kinh hãi hỏi con thấy màu gì? Đáp: Con thấy Phật màu vàng ròng, hư không đầy phướn hoa từ Tây Phương mà đến. Bỗng nhiên qua đời. Mùi thơm lạ mấy ngày không tan.

***29- Đồng tử Ngụy Sư Tán:***

Đồng tử mười bốn tuổi ở Ung Châu, thờ Thiền sư Tịnh phát tâm niệm Phật, ngày đêm nối tiếp. Niên hiệu Vĩnh Huy thứ 3 bị bệnh chết rồi sống lại thưa với mẹ rằng: Con đã thấy Phật A-di-đà, con sẽ vãng sinh. Nói xong thì mất. Người hàng xóm xung quanh thấy trên nóc nhà người mất, có ánh sáng năm màu chiếu lên mây bay về hướng Tây.

***30- Quốc Vương Ô Trường:***

Quốc Vương nước Ô Trường là Vạn Cơ Chi Hà, gọi những người hầu bảo rằng: Ta là Quốc chủ cũng không tránh khỏi Vô thường, nghe Tây Phương là nơi gá thần, ngày đêm sáu thời niệm Phật hành đạo và tấu nhạc. Mỗi ngày thiết đãi trăm vị Tăng. Vua cùng phu nhân chính tay làm thức ăn, hơn ba mươi năm chuyên tinh không thay đổi. Khi qua đời thì thần sắc vui vẻ an hòa. Thánh Chúng Tây Phương đến rước có rất nhiều điềm lành.

***31- Hoàng Hậu đời Tùy:***

Hoàng hậu Tùy Văn Đế tuy ở trong cung, nhưng rất nhàm chán thân nữ, hằng ngày niệm Tây Phương. Đến khi qua đời thì mùi thơm lạ đầy cung từ hư không đến. Vua Văn Đế hỏi Xà Đề Tư Na ấy là điềm lành gì? Đáp rằng Tây Phương có Phật hiệu A-di-đà, Hoàng hậu nghiệp cao thần thức sinh về nước ấy, nên có điềm lành này,

***32- Lưu Di Dân đời Tấn:***

Lưu Di Dân đời Tấn làm huyện lệnh ở hai huyện Tử và Tang, nương Đại Sư Viễn ở Lô Sơn tu đạo tu Tam-muội niệm Phật. Mới được nửa năm ở trong Tam-muội thấy ánh sáng Phật duỗi tay tiếp dẫn. Bèn thỉnh Phật cầu tăng nguyện mau bỏ thân mạng này mà sinh Tịnh-độ. Ở núi mười lăm năm, tự biết trước ngày giờ chết, bèn từ biệt chúng ngồi thẳng mà hóa, đó là niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 15, thọ năm mươi bảy tuổi.

***33- Quán Sát Sứ Vi Chi Tấn đời Đường:***

Vi Chi Tấn đời Đường lập hạnh Từ, lập đạo tràng Tây Phương niệm Phật A-di-đà, sám hối nguyện sinh Tây Phương, hành đạo Bồ-tát, giữ gìn Phật Pháp, xoay bánh xe Chánh Pháp, độ thoát hàm thức. Đến tháng 6 ngồi kiết già chắp tay xoay mặt về hướng Tây, niệm Phật A-di-đà sáu mươi câu, bỗng nhiên tạ thế. Mùi thơm lạ đầy nhà trong ngoài đều nghe điềm lành không thể kể hết.

***34- Nguyên Tử Bình đời Đường:***

Nguyên Tử Bình đời Đường, niên hiệu Đại Lịch năm thứ 9 trú tại chùa Quán Âm ở Nhuận Châu phát tâm niệm Phật A-di-đà một vạn câu, trải qua ba tháng bỗng nhiên bị bệnh. Nghe trên hư không có mùi thơm lạ và tiếng nhạc. Người bệnh vui mừng vô cùng trong hư không có tiếng người bảo: Vui thô đã qua, vui tế kế đến, trải qua một ngày niệm Phật cuối cùng sinh Tịnh-độ. Mùi thơm lạ mấy ngày.

***35- Ngụy Thế Tử đời Tống:***

Ba cha con Ngụy Thế Tử tu nghiệp Tây Phương, chỉ có vợ là không tin. Con gái mười bốn tuổi chết rồi bảy ngày trở lại thưa với mẹ rằng: Con thấy Tây Phương, cha anh ba người đã có hoa sen, sau sẽ hóa sinh. Chỉ có mẹ không có, nay con về báo tin sẽ đến sau. Mẹ nghe lời con nhiều ngày niệm Phật, để cả bốn người đều được vãng sinh.

***36-Trương Nguyên Tường:***

Trương Nguyên Tường đời Đường, là người ở Thượng Đô, bẩm tánh thuần trực mỗi ngày luôn niệm Tây Phương. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 2, giờ Thìn ngày 3 tháng 6 đòi ăn cơm chay, bảo rằng Hiền Thánh đang đợi. Ăn xong thì đốt hương đối trước Tây Phương Chánh niệm mà mất, khi đưa đến mộ thì mùi thơm lạ và ánh sáng bao trùm cả mộ.

***37- Người đời Tùy ở Hằng Châu:***

Người ở Hằng Châu không họ tên, niệm Phật dùng đậu để đếm số, đủ ba mươi sáu Thạch thì thiết trai ăn mừng, rồi đem đậu cho người ăn chay. Quán Âm Thế Chí hóa thành hai người hình dung xấu xí ốm gầy đến xin ăn. Đáp rằng Đệ tử nguyện sinh Tây Phương không còn chướng ngại gì, quý vị đến khất thực rất đúng tâm nguyện của con. Ăn xong thì chỉ nghe mùi thơm lạ và hai người bay lên hư không mà đi. Lúc

đó nhằm tháng 9 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 8.

***38- Trương Chung Húc:***

Trương Chung Húc là người ở Đồng Châu, làm nghề mua bán gà. Vào niên hiện Vĩnh Huy năm thứ 9 qua đời thấy ở phía Nam nhà có bầy gà tụ tập. Bỗng thấy một người mặc áo lụa đỏ sậm cởi gà bảo mổ mổ, gà ấy mổ bốn lần cả hai mắt đều chảy máu ở trên giường. Đến giờ Dậu tới chùa Thiện Quang niệm Phật, Tăng Hoằng Đạo bảo bày tượng Thánh niệm Phật A-di-đà. Bỗng nhiên có mùi thơm lạ an nhiên mà mất.

***39- Người ở Phần Châu:***

Người Phần Châu không rõ tên họ, làm nghề giết trâu bò, bị bệnh nặng thấy mây con trâu bức hiếp mình. Bèn bảo vợ thỉnh Tăng cứu mình. Khi Tăng đến người bệnh hỏi: Thầy tụng kinh Phật nếu tôi bị tội nặng có cứu được chăng? Thầy đáp: Trong Quán Kinh nói khi qua đời niệm mười câu Phật hiệu còn được vãng sinh, há Phật nói dối. Bỗng nhiên lúc ấy mùi thơm lạ đầy nhà rồi mất. Mọi người đều thấy mùi thơm lạ sắc sáng mây lành ở trên nhà người ấy.

***40- Phòng Trợ:***

Phòng Trợ ở Đại Châu có khuyên một cụ già niệm Phật. Cụ già được sinh Tây Phương vào âm phủ gặp vua Diêm La, vua thả cho về, bảo rằng ông sẽ sinh Tịnh-độ. Trợ tụng một vạn biến Kinh Kim cang, nguyện kính lễ cả núi Ngũ Đài, tâm này chưa toại chưa muốn vãng sinh.

***41. Vợ Ôn Văn Tịnh:***

Vợ Ôn Văn Tịnh người ở Tính Châu, bệnh nằm trên giường chồng bảo: Nàng nên niệm Phật A-di-đà! Miệng niệm Phật không dứt, liền thấy cõi nước Phật. Sau bảo chồng thiết trai, sắp vãng sinh Tây Phương. Ăn xong bảo chồng hãy cố gắng niệm Phật.

***42- Hai ông bà thôn Ước Sơn ở Tùy Châu:***

Ông Bà hiểu rõ tất cả đều như không có? Mỗi tháng vào ngày 29 thỉnh hai vị Sơn Tăng đến hành đạo niệm Phật, thiết trai cúng dường. Bà tự làm lấy. Ông hỏi sao không nhờ người. Bà nói có bao nhiêu việc thì tự làm lấy, bảo người khác làm là phước của họ. Khi qua đời có ánh

sáng đầy nhà, nửa đêm mà như ban ngày.

### *43- Nữ đệ tử họ Lương:*

Nàng họ Lương ở Hạo Châu hai mắt đều mù, được vị Tăng khuyên niệm Phật A-di-đà. Từ khi theo lời thì niệm suốt ba năm không dứt, rồi cả hai mắt đều sáng, người trong làng đều nhìn thấy. Đến khi qua đời thì thấy Phật và Bồ-tát đến rước. Sau khi chết thì xây tháp miếu để thờ, người tới lui đều cung kính. Trai gái cả quận đều hồi tâm niệm Phật.

### *44- Nữ đệ tử họ Bùi:*

Nàng họ Bùi vào niên hiệu Trịnh Quán, được vị Tăng dạy niệm Phật, dùng đậu để đếm số. Niệm đủ mười ba thạch (60 kg) thì tự biết chỗ sinh bèn từ giã người thân. Sau đó trang sức đẹp đẽ rồi niệm Phật mà mất và vãng sinh Cực Lạc.

### *45- Nữ đệ tử họ Diêu:*

Diêu Bà người ở Thượng Độ, vào niên hiệu Trinh Quán được Phạm Bà khuyên nhủ, lấy niệm Phật A-di-đà làm đầu, lâm chung thấy Phật Bồ tát đến đón, vì cho rằng chưa gặp Phạm bà thỉnh Phật tạm dừng lại để đợi nhau. Phật ở trên Hư không đợi Phạm bà đến tay cầm lò hương, an nhiên mà qua đời.

### *46- Tuân Thị vợ của Trương Văn Xí:*

Tuần Thị phát tâm niệm Phật trọn hai năm. Có vị Tăng thấy trong ao bảy báu có hoa sen thưa với Phật: Ngắt một cành đem cho con gái không có tội chăng? Nói xong thì cảnh thấy tan mất. Ngày qua đời thì có mùi thơm lạ đến rước mà vãng sinh Tịnh-độ.

### *47- Cụ già ở huyện Phần Dương:*

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 5, cụ già ở huyện Phần Dương tại Tính Châu thường tụng Tây Phương đem lương khô lên núi Pháp Nhẫn mượn một phòng trống nghỉ qua đêm niệm Phật mà mất. Lúc đó ánh sáng chiếu sáng rực, quay mặt về phía Tây mà mất, rồi lên đài sen mà đi.

### *48- Thiệu Nguyện Bảo:*

Thiệu Nguyện Bảo người ở Ung Châu, phát tâm niệm Phật từng tiếng không dứt và tự thật thà sám hối. Đêm nằm mộng thấy hoa sen

báu bị trâu kéo, bèn đánh trâu bảo: Ta đã tụng ba quyển Kinh Di-đà và niệm Phật trăm câu. Trâu bèn mừng rỡ sau gặp đài vàng cỡi trên không mà đi.

Vãng Sinh Tây Phương Tịnh Độ Thụy Ứng Truyện-Hết

Nước Ngô Việt, Thủy Tâm Thiền Viện, Trụ Trì Chủ Hưng Phước, Tư Lợi Đại Sư được Vua ban thưởng- Tử Đạo sằn cung kính biên soạn.

Niên hiệu Thiên Đức năm thứ 2, ngày 29 tháng 4 ở Chùa Diên Lịch, Sa môn Độ Hải khuyên bảo viết truyện này truyền ra.

Truyện bốn mươi tám vị này để chứng tông lập giáo được in ra bản đầu tiên để Bố thí khắp cho mọi người.

*Nguyện đem công đức này,*
*Bình đẳng thí tất cả,*
*Đồng phát tâm Bồ-đề,*
*Vãng sinh nước An Lạc.*

Niên hiệu Trinh Vĩnh năm thứ nhất, ngày 27 tháng 3 bắt đầu viết, viết xong ngày 21 tháng 4.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# TỊNH ĐỘ VÃNG SANH TRUYỆN

**SỐ 2071**
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2071

# TỊNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

*Sa Môn Giới Châu ở Phi Sơn, thuộc Phước Đường đời Tống soạn*

## LỜI TỰA

Chúng Thánh Hiền đều nhóm hợp trong vườn Cấp Cô, lúc đó không một lời thưa hỏi, mà Như lai tự bảo rằng về phương Tây cách đây mười vạn ức cõi nước có Tịnh độ, cõi ấy rộng lớn do trăm báu họp thành. Lại bảo chúng sinh nghĩ nhớ tưởng niệm cầu sinh đều được như nguyện. Nói rằng có mười hai Phân giáo bao trùm muôn loài, đây chính là một phần về vô vấn tự thuyết. Giống như mẹ không đợi con đòi mà vỗ về, không đợi đưa tay mới đút mới bồng ẵm. Nhưng Như lai bỏ cung Tịnh Phạm giáng xuống Ca Duy, nói Pháp suốt năm mươi năm, rải Từ chấn tùy cơ mà trao dạy hiện đủ thân Trời-Rồng-Thích-Phạm, Thanh Văn, Duyên Giác, Đại Bồ-tát... bỏ cả đầu mắt tủy não và các thứ bên ngoài như thành quách châu báu ân cần ba lần thỉnh không phải một, Như lai hoặc từ chối hoặc lặng im, chỉ dừng lại mà không nói. Còn ở đây tự nói là vì thương các loài trôi giạt mãi trong năm trược nhiều kiếp chẳng dừng. Nay chán năm Trược hẹn sinh Tịnh-độ, ắt là ở chỗ chuyên niệm. Nói niệm đến mức là tưởng mười sáu quán thứ lớp giúp nhau. Kinh nói chư Phật từ biển Chánh Biến Tri tâm tưởng sinh ra, đó là sao là nói chỗ đầu tư, nêu cái dần dần mà gọi trước có tu trì thì trước có Vô Thượng cực quả bắt đầu ở thâm tâm. Thâm tâm xác thực thì không thể nhổ. Cho nên một niệm mà chuyển được ba đường, mười niệm mà lên chín phẩm Thiện, đây tuy là các kinh Đại Thừa Phương Đẳng đều cùng bày mà cùng phát, chẳng phải một kinh mà nói phát. Từ đời Hán Ngụy trở lại đây, chí thành hướng về Tây, chưa nghe có người thật vì

Đại Pháp chưa đủ để truyền bá Văn Kinh. Thời Tây Tấn có giặc Lưu diệu tàn phá vùng kinh Lạc, Tăng hiển ẩn lánh ở đất Giang Đông, mới do ba việc nhân nguyện thương cảm nhưng khác xa cái chí chăm chăm. Cả đời loạn thì di phong thắng nghiệp mà thay cho hoặc là không nghe? Cuối đời Đông Tấn, Viễn sư ẩn tích tại núi Lô, thời ấy có đồng chí là các Pháp sư Thích Đạo Bính, Trúc Đạo Sinh, Phật-đà-da-xá. Đến các tại gia tài giỏi là Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Chu Tục Chi, ... một trăm hai mươi ba người kết giao dạo chơi phương ngoài hiếm mà cùng đến. Viễn công lấy các huyễn  tụ tập không gửi chắc thân như mộng ảo chẳng thường còn. Do đó chỉ riêng nước Phật Vô Lượng Thọ mà kết giao cùng dạo chơi, ấy mà thôi. Lại nói nước ấy thanh tịnh không có ba đường không có sáu nẻo, chúng sinh theo đó không chỉ một đời mà sinh, phướn báu dẫn trước, gá thân nơi sen vàng, do đó mà cùng có ý tưởng cũng rõ ràng. Từ Viện Công trở đi việc tu Tịnh-độ càng thịnh đạt. Cho nên Tống có Đàm Hoằng, Tề có Tuệ Tấn, Lương có Đạo Trân. Khoảng đời Lý Đường có nhiều bậc Dĩnh Ngộ thông thức như Đạo Xước, Thiện Đạo và rất nhiều vị khác.

Tôi ở thời Tượng Mạt gặp được Di Pháp của Phật mà theo Tịnh Nghiệp cũng có năm thường lấy các sự tích của các Tiền Hiền chép trong các truyện, ở vào các đời khác nhau không cùng loại một mạch xem qua. Do đó trải qua khảo sát các đời Lương Tùy trở đi, các truyện ký được soạn ra như kể về các ngài Tuệ Giáo, Đạo Tuyên tất cả có mười hai vị. Đến đời Đại Tống có Tân Truyện của Thông Tuệ Đại Sư lại nêu được bảy mươi lăm vị. Truyện này về lý có chỗ tối tăm, về lời thì tủn mủn vụn vặt. Do đó mà có sửa chửa và nói rõ hơn về Hồng Nghiệp, Tuệ Minh v.v... sáu mươi hai vị, các tưởng tượng lúc sống cho đến khi chết, nếu không đủ để giúp khởi tin sâu thì không còn gì khác. Các bậc Minh Triết sợ các việc sau này chưa gom góp đủ, thì tôi cũng đã dự bị rồi.

-----------------------------

# TỊNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

## QUYỂN THƯỢNG

Chánh truyện có mười chín vị, phụ thêm có mười hai vị.

1. Giang Đông, Thích Tăng Hiển ở đời Tây Tấn.
2. Lộ Sơn, Thích Tuệ Vĩnh ở đời Đông Tấn.
3. Lô Sơn, Thích Tuệ Viễn ở đời Đông Tấn (Có phụ: Phật Đà Gia Xá, Tuệ Trì, Đàm Thuận)
4. Sơn Âm, Thích Tuệ Kiền ở đời Đông Tấn .
5. Lô Sơn, Thích Tăng Tế ở đời Đông Tấn.
6. Lô Sơn, Thích Tuệ Cung ở đời Đông Tấn (Có phụ: Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan)
7. Lô Sơn Lưu Trình Chi ở đời Đông Tấn.
8. Đông An, Thích Tăng Duệ ở đời Diêu Tần.
9. Giang Lăng, Thích Đàm Giám ở đời Lưu Tống (Phụ: Đạo Hải, Đàm Hoằng, Đạo Quảng, Đạo Quang).
10. Giao Chỉ, Thích Đàm Hoằng ở đời Lưu Tống.
11. Kim Lăng, Ni Pháp Thạnh ở đời Lưu Tống.
12. Đơn Dương, Ni Đạo Viện ở đời Lưu Tống.
13. Dương Đô, Thích Tuệ Tấn ở đời Nam Tề.
14. Nghiệp Hạ, Thích Tuệ Quang ở đời Bắc Tề.
15. Linh Kiến Thích Pháp Lâm ở đời Bắc Tề.
16. Linh Thứu Thích Tăng Nhu ở đời Bắc Tề.
17. Bích Cốc Thích Đàm Loan ở đời Hậu Nguỵ. (Phụ: Long thọ)
18. Lô Sơn Thích Đạo Trân ở đời Tiên Lương.
19. Hà Dương, Thích Tuệ Mạng đời Hậu Chu (Phụ: Pháp Âm).

*****

***1. Thích Tăng Hiển:***

Ngài họ Phó người ở Đại Quận. Có chỗ nói là người Nam Thành ở Lâm Xuyên. Tổ tiên nhiều đời làm quan ở Đại, do đó mà nhà ở đấy. Hiển tuổi nhỏ đã bỏ tục dày dạn khổ đau, không giao du với người và việc phù ngụy việc biến đổi của thạnh suy cơ xảo vị thỉ hình chi. Hoặc khi Thiền Định dời đổi nhiều ngày. Cuối thời Tây Tấn, giặc Lưu Diệu tàn phá vùng Kinh Lạc, Hiển bèn ẩn lánh ở Giang Đông mà phóng ý đến các danh sơn nơi ven núi cực hiểm vắng dấu chân người, ông đến đó vào buổi chiều vắng thì được vị Tăng Ấn độ truyền cho bản dịch Kinh mới. Văn kinh dự bị ba việc Tịnh-độ, do đó nguyện thứ lớp vãng sinh chín Phẩm Bèn rất mừng bảo rằng: Thân ta trộn lẫn trong các khổ năm Trược ràng buộc, ở đó mà được đây như bay ra khỏi than nóng, bay liệng giữa hư không, ta nghĩ sau này có chỗ về. Do đó Chí thành Tây tưởng cố gắng mãi không biếng lười. Một chiều tháng 9 bị bệnh, lại thấy Phật Vô Lượng Thọ bay trên hư không mà đến, từ trên không có trăm ánh sáng chiếu vào thân. Chiều ấy ông dậy tắm gội, vì người cùng ở và chăm sóc bịnh mà nói điều đã thấy lại nói rõ ràng nhân quả, khuyên nhủ người chưa ngộ rồi thì mất. Chùa bên cạnh có người thấy đài vàng từ Phương Tây hạ xuống, và nghe mùi thơm lạ đầy nhà. Mọi người đều lấy làm lạ.

***2. Thích Tuệ Vĩnh:***

Ngài họ Phàn người ở Hà Nội. Cuối thời Đời Đông Tấn, Sư thờ Sa môn Trúc Đàm Hiện Kế nghe Pháp sư Đạo An làm phép tắc thời ấy, người ở ngoài ngàn dặm đến học lúc ấy phần lớn là Trung Nguyên nên dân đi bói đều đến Ngũ Đài mà bỏ La Phù. Do đó ông đến Tầm Dương Người ở Quận là Đào Phạm hết lời giữ ông ở lại, bèn đến trú tại Tây Lâm ở Lô Sơn không đổi, các môn đồ rất đông. Viễn Công lại đến ở, nên cùng bàn ở đấy trọn đời. Viễn Công ở đấy suốt ba mươi năm không hề xuống núi. Vĩnh ở Tây Lâm cũng thế. Lại rất tinh nghiêm kinh luật và giảng nói, mặc áo vải ăn rau dưa vui với tuổi già. Từng muốn nhà tâm trống vắng rèn tập Tam-muội bèn lập một thất trên đỉnh núi. Mỗi khi Vĩnh đến có một con hổ đến nằm phục bên thất, người sợ thì đuổi đi, người về thì lại đến. Vĩnh từng đến Ô Kiều, chủ doanh trại Ô Kiều uống rượu say cỡi ngựa chận đường không cho đi. Lúc đó trời đã xẩm tối, không đường rút lui, Vĩnh cầm gậy chỉ ngựa, ngựa sợ nhảy lên làm chủ té bị thương. Hôm sau đến hạch tội. Vĩnh nói Thần Hộ giới phạt người cuồng dại đối với Vĩnh, bèn xin Sám hối. Vĩnh tánh chân chất tự

nhiên, lời nói không thương tổn người vật, quyết chí ở An Dưỡng. Vào niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười Sư bị bệnh mặc áo liệm, mắt nhìn hướng Tây. Bỗng đòi giày và muốn ngồi dậy, chúng hoài nghi hỏi han thì Sư bảo: Phật đến nên ta ngồi dậy. Nói rồi Sư mất. Đạo-tục kéo đến đều nghe có mùi thơm lạ bảy ngày mới tan.

### *3. Thích Tuệ Viễn:*

Sư họ Cổ, người ở Lâu Phiền thuộc Nhạn Môn. Thuở nhỏ theo cậu du học ở Hứa Lạc, làu thông kinh sử, lại giỏi Lão Trang. Năm hai mươi mốt tuổi muốn đi qua Giang Đông định theo học với Phạm Tuyên Tử, nhưng đường Nam bị nghẽn nên chí không thành. Lúc đó Đạo An ở Thái Hành hoằng đạo nổi tiếng. Viễn nghe liền đến thấy mặt rất kính trọng. Sau nghe Sư An giảng kinh Bát-nhã bỗng được khai ngộ liền bảo: Cửu luận khác của chín dòng đều là vỏ trấu. Rồi cùng mẹ và em là Tuệ Trì đều quy phục. Sư có dáng vẻ nghiêm túc tài giỏi nên Đạo An thường khen “Người làm cho giáo pháp truyền bá ở Đông Độ chính là viễn”. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư giảng kinh ở chùa Đại Thiện có khách hỏi về nghĩa thật tướng, bàn cãi qua lại càng nhiều nghi ngờ, viễn dẫn Lão Trang giải thích, khách bèn hiểu. Từ đó An cho phép Viễn không bỏ ngoại điển. Trong niên hiệu Kiến Nguyên có giặc loạn, Đạo An bị Chu Tự bắt giam, đồ chúng tứ tán. Viễn và Tuệ Trì cùng mấy mươi người đều đến Kinh Châu. Ít lâu sau muốn về Nam đến La Phù, ra Tầm Dương thì thấy Lô Sơn cao vót yên tĩnh có thể dừng chân. Nhưng chỗ ở cách xa nước, viễn bèn dộng gậy xuống đất bảo: Nếu nơi này ở được thì khiến rã mục thành suối. Nói xong thì suối phun lên. Sau Tầm Dương bị hạn, Viễn ở bên suối đọc Kinh Long Vương thì bỗng có con rắn lớn từ nước bay lên hư không, phút chốc có mưa lớn, do đó gọi là Long Tuyền (Suối Rồng). Lúc đó Sa-môn Tuệ Vĩnh ở Tây Lâm muốn Viễn cùng ở, lại thẹn vì chỗ ở chật hẹp không đủ chứa. Bèn bảo Thứ Sử Hoàn Y, Y bèn lập Đông Lâm để ở. Thuở xưa Đào Khản trấn giữ Quảng Châu, có ngư dân vớt được tượng do Vua A-Dục tạo ra. Tượng này rất kinh lạ, Khản đưa tượng về chùa Hàn Khê ở Võ Xương, chùa cháy nhưng tượng vẫn còn nguyên. Sau Khản đi trấn giữ quận khác sai Sứ đón về nhưng không được. Khi Viễn cất chùa xong cầu nguyện thì tượng tự nhiên đến. Do đó biết Viễn tu chứng nên cảm được điềm lành. Ân Trọng Kham đi Kinh Châu đến Lô Sơn luận đạo với Sư chẳng biết mệt mỏi. Kham nói sự hiểu biết của Sư sâu sáng khó địch nổi. Tư Đồ Vương Mật, Hộ quân Vương Mặc đều khâm phục Phong Đức của Sư, Mật có thư rằng tuổi chưa bốn mươi mà

ai đồng nhĩ thuận há chẳng buồn cho sự rơi rụng ư? Sư đáp: Người xưa không trọng thước ngọc mà chỉ quý tấc bóng, cái còn lại không do năm dài. Vua Tống Võ đuổi giặc Lư Tuần, các quan tâu Viễn Công trước có giao du mật thiết với Tuần. Tống Võ bảo Viễn là người tiêu biểu cho đời không có kia đây. Do đó sai sứ đem thư tiền gạo đến tặng. Chúa nhà Tần là Diêu Hưng rất trọng tài đức của Sư, đưa bản Luận Đại Trí mới dịch nhờ Sư đề tựa nhưng viết thư nói rõ rằng: Luận này do Long soạn ra, lại là chỉ quy của Phương Đẳng, không có Đại  sĩ, ai có thể viết cho lời tựa? Hoàn Huyên phạt tội Trọng Kham đến dưới chân núi, mời Viễn đến Hổ Khê Viễn từ chối. Huyền tự vào núi, người chung quanh Kham rất kính trọng Viễn, xin Ngài chớ trọng. Huyền bảo Trọng Kham sống như người chết nhác! Nhưng khi gặp Viễn thì Huyền kính sợ, các nghi nan đều không dám. Lại hỏi việc đánh dẹp thì Viễn không đáp. Huyền gạn hỏi thì đáp việc quân binh chưa học Huyền bảo giờ đang nguyện điều gì? Nguyện cho Đàn-việt được an ổn họ cũng chẳng khác. Huyền xuống núi bảo người chung quanh rằng người này xưa nay chưa gặp. Sau Huyền dùng oai chủ soái ra lịnh cho Sa-môn phải lạy vua. Thượng thư lệnh Hà Sung Phác, Tạ Chữ Tường v.v... tấu luận khiến môn hạ vâng chỉ, đang bàn bạc lăng xăng chưa định thì Viễn Công làm luận năm Thiên Sa-môn không lạy Vua dâng lên Huyền, bèn thôi. Khi Huyền thua chạy về Tây, An Đế từ Giang Lăng về Kinh đô. Quan Phụ Quốc Hà Vô Kỵ khuyên Viễn đón Vua thì ông từ bệnh không đi. Vua gửi thư ủy lạo, Viễn đáp tạ. Trần Lưu, Tạ Linh Vận ỷ tài kiêu ngạo nhưng gặp Sư thì rất tâm phục. Viễn công trong thông Phật Giáo, ngoài giỏi sách Nho ở Lô Sơn ba mươi năm không hề xuống núi. Bành Thành có  Lưu Di Dân, Dự Chương có Lôi Thứ Tông, Nhạn Môn có Chu Tục Chi... đều kính trọng, Nam Dương có Tông Bính, Thanh Hà có Trương Giả đều bỏ đời mà nương Viễn sư. Viễn cùng Di Dân và tăng tục gồm một trăm hai mươi ba người kết làm Tịnh Xã, trước tượng Di-đà cùng thề đến An Dưỡng. Bèn khiến Di Dân soạn văn khắc đá. Lúc đó đời gọi là Liên Xã, Viễn rất trọng việc hoằng Pháp. Mỗi khi nghe Tăng Đồ từ Tây Vức đến thì ân cần hỏi han Đạo Vị. Sa-môn nước Kế-Tân là Tăng già-nan-đề trong niên hiệu Thái Nguyên đến ở Tầm Dương, Viễn Công thỉnh dịch lại Bộ A-tỳ-đàm Tâm và Luận Tam Pháp Độ. Về già nghe ngài La-thập đến Quan Trung bèn đốt hương xa tưởng và viết thư thăm hỏi. La-thập cũng nghe tiếng Sư đã lâu, bèn viết thư giao hảo. Lại gởi cho năm bài kệ. Từ đó Nam Bắc ngàn dậm thư từ thăm hỏi không dứt – tháng tám. Vào niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười hai từ ngày 1 đến

ngày 6 Sư bị bệnh, các bậc cao tuổi thỉnh Sư uống rượu đậu. Sư bảo: Uống rượu trị bệnh văn luật không cho, thỉnh Sư uống nước cháo thì Sư bảo đã quá Ngọ. Lại thỉnh Sư uống mật thì Sư bảo mở luật tìm văn, chưa được nửa quyển thì Sư mất, thọ tám mươi ba tuổi. Đạo Tục đưa tiễn như mây đùn. Thái Thú Tầm Dương là Nguyễn Bảo cùng đệ tử là Pháp Tịnh v.v. đào đất ở Sơn Tây mà chôn Sư. Tạ Linh Vận, Tông Bính một thời nổi tiếng là Hiền, trụy điệu Sư đặt bài Minh ghi đức. Tăng Tuệ Giảo đời Lương cách Sư hơn trăm năm biết việc đã viết Truyện nói rằng: Xét về Biệt Truyện, Viễn Công đối với Tịnh-độ chuyên tu siêng niệm. Xưa ở Lô Sơn mười một năm lắng tâm buộc tưởng, ba lần thấy Phật mà im lặng không nói, mười chín năm sau, chiều tháng 7, Viễn Công ở Khám Đông bên đài Bát-nhã, từ Định ra thì thấy thân Phật Di-đà đầy khắp hư không, trong viên quang có các Hóa Phật, lại thấy Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy dòng nước sáng chia thành mười bốn nhánh mỗi nhánh nước phun trên dưới, tự giảng nói Khổ Không, Vô thường-Vô ngã. Phật bảo Viễn rằng: Ta vì bổn nguyện lực đến an ủi ông, bảy ngày sau ông sẽ vãng sinh về nước Ta. Lại thấy Phật đà-da-xá cùng Tuệ Trì, Đàm Thuận ở bên Phật chào Viễn nói: Pháp sư trước chúng tôi sao đến chậm thế? Viễn thấy rõ ràng và sáng suốt không rối loạn. Rồi nói đủ các việc thấy nghe cho đệ tử Pháp Tịnh, Tuệ Bảo v.v... nghe. Nhân đó bảo Tịnh rằng trước đây mười một năm ta đối Tịnh-độ ba lần thấy Phật, nay lại thấy thì ta chắc chắn được sinh Tịnh-độ. Ngày hôm sau Sư bị bệnh, lại nói với Tịnh rằng chỉ trong bảy ngày là chậm. Các ông phải cố gắng chớ để tình thế gian trói cột. Đến hẹn thì mất.

***4. Thích Tuệ Kiền:***

Sư họ Hoàng Phủ, người ở Hà Sóc. Tinh trì giới luật ý rất bền chắc. Xưa ở Lô Sơn mười năm kẻ đạo người tục đều kính mến. Kiền ở dưới chân núi, Viễn Sư mến nghiệp phong của ông bèn bảo với Minh Thắng, Pháp Bảo rằng người ấy là người của ta, đức nghiệp ông ấy tâm ta không bằng mà không hổ thẹn ư? - Sư đến Ngô Hội ở đất Thục hoằng hóa, rồi đến chùa Gia Tường ở Sơn Âm nhóm họp đồ chúng mà dạy dỗ. Lúc đó ngài La-thập truyền dịch Kinh mới, có chỗ chưa giảng thì Kiền lần lượt giảng, rồi bảo chúng rằng ở đời Tượng Mạt mà giảng dạy Di Giáo, nguyện đem chút điều lành nhỏ này kính dâng Phật Di-đà. Sau đó năm năm bị bệnh. Kiền biết đã đến lúc liền bảo: Lên ngồi Sen Vàng trong ao ngọc, hoa nở thấy Phật chính là lúc này. Lại cần cầu Hải chúng là bạn thật vì Pháp. Quán Âm Thế Chí đến đây đã về rồi, không nguyện

nào khác. Đêm ấy ở phía Bắc chùa tại Sơn Âm, có Ni Tịnh Nghiêm nằm ngủ bỗng thấy Quán Âm Thế Chí cùng trăm ngàn chúng từ trên cao xuống cờ phướn lọng báu ánh sáng rực rỡ như mặt trời mặt trăng. Nghiêm thấy vừa lạy vừa chiêm ngưỡng, bèn đến trước hỏi rằng: Thưa Đại Sĩ ngài đi đâu thế? Đáp: Đến Gia Tường đón Kiền. Chiều đó Kiền cũng thấy được thắng tướng rồi an nhiên mà mất.

***5. Thích Tăng Tế:***

Không biết Sư là người ở đâu, cạo tóc với Sư nào? Vào thời Tấn An, từng vào Lô Sơn hỏi đạo với Viễn Công. Ông làu thông kinh sách trong ngoài. Viễn thường bảo: Cùng ta nối thạnh Đại Pháp là người ấy. Tế do mẫn ngộ nên được Viễn công khen ngợi, phàm các giảng luận đều khâm phục. Khi ông bị bệnh nằm liệt giường muốn dậy mà không ngồi được, ngày thứ ba Viễn giao cho một cây đuốc bảo ông hãy dựa vào đây mà lập tâm An Dưỡng Tế vâng lời cầm đuốc dừng tưởng, lại mời Chư Tăng đến tụng Quán kinh, lần hồi sắp đến canh năm mới trao đuốc cho đệ tử là Nguyên Bậc rồi đi theo Tăng. Chốc lát như sực tỉnh lại cầm đuốc bay trên hư không, được Phật Di-đà duỗi tay tiếp dẫn lại đến khắp mười phương cúng dường chư Phật. Phút chốc tỉnh lại, kể rõ các việc cho Bậc, rồi vui mừng nói: Ta một đêm quán niệm mà được Phật tiếp dẫn, chỉ có Phật Đại Từ ai niệm đều đến. Tối hôm sau lại thấy trên hư không có Hóa Phật và Hóa Bồ-tát chập chờn hiện đến. Sư bảo Bậc: Hóa Phật đã đến ta đi đây, rồi nhìn về hướng Tây một hơi mà mất. Sau khi mất hơn ba tháng vào mùa nắng gắt mà da thịt vẫn không rã mục.

***6. Thích Tuệ Cung:***

Sư là người ở Phong Thành thuộc Dự Chương. Từ khi vào học Phật ông và ba Pháp sư Tăng Quang-Tuệ Kham-Tuệ Lan là bạn rất thân. Bọn Lan sức học không bằng Cung, còn đối với Tịnh-độ tinh chuyên niệm tưởng nguyện thì Cung không bằng. Bọn Lan có lần gọi bảo anh sức học rộng nhưng đối với Phật đạo thì như kẻ điếc trỗi nhạc mà mình không nghe được minh thức của bậc Thánh, anh biết được gì? Cung đáp: Thì làm càng vậy, học mà không thông đạt ai như chưa chết, mà mê muội ngu ngây được ư? Sau bảy năm bọn Lan đều mất. Khi chết đều biết trước ngày giờ. Năm năm sau tức đời Tấn niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười một, Cung bị bệnh, trong lúc bệnh nằm nghỉ bọn Lan đã chết, nay bị bệnh khổ không chỗ nương, bèn bảo: Sáu nẻo noi nhau có khi nào dừng mà còn nhiều thêm. Lại nói sinh tử tới lui ta sao về được? Do

đó gục đầu khóc lóc quyết tâm về An Dưỡng. Tuy bị bệnh khổ nhưng niệm vẫn không xen hở. Một hôm mắt thấy Phật Vô Lượng Thọ bưng đài vàng tím đến rước. Cung biết mình nương đài vàng. Ở trong đài phát ra ánh sáng như đống báu. Lại thấy các vị Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan cùng ở trong ánh sáng vui mừng bảo Trưởng lão thọ thị sinh về Thượng phẩm. Chúng tôi chỉ mong năm Trược được yên mà nương Tịnh-độ dầu muộn. Cung bảo ta biết thân tâm ta không có các đau đớn. Nói xong thì mất.

***7. Lưu Trình Chi:***

Ông tự là Trọng Tư, người ở Bành Thành là con cháu của Hán Sở Nguyên Vương. Tổ tiên làm quan đời Tấn rất vinh hiển. Trình Chi thuở nhỏ mồ côi cha, thờ mẹ rất chí hiếu, tiếng vang khắp nơi. Lại ỷ tài tự phụ không chịu uốn mình theo tục, dầu mình đói lạnh ở trước oai phước mà vẫn y nhiên rỗng sáng. Tư Đồ Vương Mật, Thừa Tướng Hoàn Huyền, Thị Trung tạ Côn, Đô Đốc Tạ An, Thái Úy Lưu Dụ đều mến mộ muốn tiến cử nhưng đều từ chối. Ông đến Lô Sơn nương Viễn Công. Viễn công hỏi: Quan Lộc vòi vọi sao chẳng làm? Trình Chi nói Vua quan nghi nhau vạch lá tìm sâu. Tấn thất lại không có cái vững chắc của bàn thạch, vật tình có cái nguy như chất trứng, sao tôi làm được? Viễn nghe nói bảo là Tướng lớn khí dày. Thái Úy Lưu Công cũng vì chí như thế nên không thể dùng sức ép được, bèn bàn nhau lấy hiệu là Di Dân mà tặng. Lôi Thứ Tông, Chu Tục Chi, Tất Dĩnh Chi, Trương Tú Bảo v.v... đều cùng đến nương Viễn Công. Viễn Công nói các ông đến thì phải quên mà dạo chơi Tịnh-độ. Nếu có tâm thì phải cố gắng chớ có chuyện sau này. Trình Chi có văn tạc vào đá để ghi nhớ. Sau ông chăm chăm lo Phật đạo không màng chuyện vinh nhục. Dốc chí mười một năm, năm cuối trong khi niệm Phật thì thấy thân Phật Di-đà màu vàng chiếu sáng thất. Trình Chi thẹn buồn khóc lóc thưa rằng: Con mong được Như lai xoa đầu, đắp y cho con. Bỗng nhiên Phật xoa đầu và đắp y cà sa cho. Một hôm niệm Phật lại thấy xuống ao lớn bảy báu, hoa sen trong ao xanh trắng xen nhau, nước mênh mông không bến bờ. Có một người trên đảnh có vầng ánh sáng tròn ngực có chữ vạn chỉ nước trong ao bảo là nước tám công đức con hãy uống. Trình Chi uống vào thì thấy ngon ngọt. Khi tỉnh dậy thì biết mùi thơm phát ra từ lỗ lông tay. Trình Chi nói duyên Tịnh-độ của ta đã đến, chúng sáu hòa nào cùng ta chứng minh. Lúc đó Tăng ở núi Lô đã tập hội, Trình Chi đối tôn tượng thấp hương kính lễ khấn rằng: Con nhờ lời dạy của Phật Thích-ca mà biết có

Phật Di-đà, nén hương này trước cúng dường Thích-ca Như lai, kế cúng dường Phật A-di-đà, sau cúng dường Phật và chúng Bồ-tát trong hội Pháp Hoa và đến khắp Phật Bồ-tát ở mười phương, nguyện khiến tất cả hữu tình đều sinh về Tịnh-độ. Nguyện xong vái quỳ mọp mà mất. Mười một ngày sau Viễn Công sắp Trình Chi vào xã và ghi vào truyện.

***8. Thích Tăng Duệ:***

Ông là người Quán Đào đời Ngụy. Năm mười tám tuổi thờ Tăng Hiền xin làm đệ tử. Đến hai mươi tuổi thì làu thông kinh Phật cũng thông cả sách Nho. Có lần nghe Tăng Lãng giảng Kinh Phóng Quang nhiều lần đến hỏi, Lãng gọi Hiền bảo: Duệ trí thức hơn người đáng gọi là đệ tử Hiên của Hiền. Duệ vì còn học tập chưa rèn Định đủ Tuệ, lại thêm áo vị của Thiền Định phải từng bậc nên bảo: Kinh Pháp tuy ít biết nhân quả, Thiền Pháp chưa truyền không có đất bày tâm. Sau ngài La-thập vào Quan Trung dịch ra Thiền Yếu ba quyển. Duệ có được, ngày đêm tu tập liền thông suốt năm môn giỏi vào sáu Tịnh. Ngụy Tư Đồ Diêu Tung đức hạnh cao vời, có lần Tần Chúa là Diêu Hưng hỏi Tung: Ông Duệ ra sao Tung đáp: Thật là hạng thông bách của Nghiệp Vệ. Do đó tiếng tốt vang xa. Ngài La-thập dịch Kinh Luận Duệ đều sửa đúng. Sau dịch Luận Thành Thật khiến Duệ giảng. Thập ngó Duệ nói Luận này có 7 chỗ văn phá Tỳ-đàm ở lời có ẩn kín, nếu không hỏi mà hiểu được thì thật là bậc tài giỏi. Sau Duệ giải rõ không cần hỏi La-thập. La-thập khen: Ta truyền dịch mà gặp ông thì ta không còn hận gì. Sau Duệ viết tựa cho Luận Đại Trí, Luận Thập Nhị Môn, Trung Luận v.v..., lại viết tựa cho Đại Tiểu Phẩm Pháp Hoa, Duy-ma và Kinh Tư Ích đều truyền ở đời. Xưa Duệ giỏi nhiếp oai nghi, rộng khen Kinh Pháp thường hồi hướng các đều lành, nguyện sinh An Dưỡng, nên nằm ngồi tới lui chưa hề quay lưng về hướng Tây. Sau không bệnh mà nhóm họp chư Tăng bảo rằng: Tôi bình sinh giữ nguyện An Dưỡng, như Duệ thấy thì chắc chắn sẽ được sinh, nếu thân miệng ý nghiệp chưa phạm hoặc không phạm thì nguyện thí Đại Từ để làm bạn Pháp. Rồi thiết đãi chư Tăng và ngồi mà mất. Ngày Duệ mất tăng trong chùa đều thấy khói mù năm màu từ phòng Duệ phát ra lượn quanh mấy vòng rồi đi về phía Tây.

***9. Thích Đàm Giám:***

Ông họ Triệu, người Hạ Bác thuộc Ký Châu. Thuở nhỏ chán tục cầu Thầy với Trúc Đạo Tổ học tập các kinh làu thông các luận. Luận văn có chỗ chưa thông thì bảo không có đời sau, ta sắp an phu. Sau

nghe ngài La-thập vào Quan Trung liền chống gậy đến quyết tâm học hỏi "nhất ngung tam phản". Khi La-thập tịch rồi thì Giám nói chẳng may ngài La-thập vắng bóng không nơi học hỏi. Bèn đến các chùa núi ở Giang Lăng. Lúc đó tuổi già đi đứng rất cẩn thận. Từng nguyện đích thân đến An Dưỡng, tận mặt thấy Di-đà, dầu một mảy may điều lành cũng đều hồi hướng vào đó. Một hôm trong Định thấy Phật Di-đà tay cầm bình vàng rảy nước vào mặt bảo rằng rửa sạch bụi nhơ cho con, khiến trong tâm con, giúp thân miệng con đều nghiêm tịnh. Rồi trong bình mọc lên một hoa sen bèn trao cho Giám. Khi xuất Định, Giám gọi đệ tử là Tuệ Nghiêm bảo rằng: Ngươi có quán niệm Tịnh-độ nên ta không giấu ngươi điều gì, bèn thuật rõ các điều đã thấy. Ba ngày sau đệ tử là Đạo Tế đến từ giã mà vãng sinh. Sư bảo: Ngươi chưa thể lên An Dưỡng thoát Ta-Bà, ruổi rong Nam Bắc, cuối cùng thì ra sao? ngươi nên nghe lời ta, ngày sau sẽ cùng ở với ta. Nếu không thì ngươi sẽ theo nghiệp mà có dời chỗ. Tối ấy Giám và tăng trong chùa nêu ý ngày nào sẽ đi mãi không trở lại. Người nghe không ai hiểu gì đêm ấy ngủ say. Có Sa-di Tăng Nguyện luôn theo hầu bên cạnh, Giám nhìn hỏi đèn đêm hao dầu, ông biết ở đâu chăng? Tăng Nguyện dẫn đi. Giám một mình đi dưới hiên niệm Phật A-di-đà gần suốt năm canh tiếng càng lúc càng lớn, đến sáng bọn nghiêm đến thăm hỏi, Giám vẫn ngồi im, xem ra thì đã mất. Bọn Nghiêm không dùng hai quan quách để liệm. Đến ba tuần mà thi thể vẫn mềm dịu lại có mùi hoa phù dung tỏa ra. Cùng lúc ấy có Thích Đại Hải ở Giang Lăng, Thích Đàm Hoằng ở Hoài Nam, Thích Đạo Quảng ở Đông Hiên, Thích Đạo Quang ở Hoằng Nông đều có tâm cầu An Dưỡng cũng cùng ra đi. Họ đều nói mắt thấy có Đài vàng, lưới báu cùng các chim Tần-già, Cộng Mạng hiện ra.

### *10. Thích Đàm Hoằng:*

Sư là người ở Hoàng Long, có chỗ cho là người ở Cao Bưu thuộc Quảng Lăng. Trong niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống, dạo chơi phương Nam dừng lại ở chùa Vu Đài tại Phồn Ngu, sau đến chùa Tiên Sơn ở Giao Chỉ, ngoài việc hương lửa không còn việc gì khác, tụng Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh không biết số lượng. Hoằng thường nghĩ rằng một thân muôn mối. Chánh niệm khó giữ vững hãy nương Chánh niệm mà sớm thấy Di-đà. Do đó ở trong núi vắng đã chứa củi để sẵn. Một hôm chui vào đống củi tự bảo rằng: Nguyện bỏ báu thân này mau gặp Kim Nhan, không ở ba cõi và đọa các Hữu! Do đó đốt lửa, các đệ tử tìm gặp bèn khiêng về chùa. Phần nửa thân bị đốt đã rạn nứt, trải hơn tháng chỗ

lở nứt lại lành. Sáng hôm sau cả làng nghiêm lập Đại hội, cả chùa đều đến. Ngày ấy Hoằng lại vào hang sâu nhóm củi đốt, dân làng chạy đến cứu nhưng Hoằng đã chết. Do đó chất thêm củi đốt ngày sau mới hết. Đệ tử thâu nhặt di cốt được mấy trăm hạt Xá-lợi như đá sáng lấp lánh không nở ra. Ngày hôm sau thấy Hoằng có thân màu vàng ròng cởi nai chạy về phương Tây rất nhanh có người hỏi không đáp. Lại hỏi thì chỉ giơ một ngón tay chỉ về Tây mà thôi. Có người cố gắng đuổi theo, cùng đi rất xa, cuối cùng không kịp.

***11. Ni Pháp Thạnh:***

Bà họ Niếp, người ở Thanh Hà Bối Chi. Cuối đời Đông Tấn ở ẩn tại Kim Lăng. Trong niên hiệu Nguyên Gia đời Tống mới đến chùa Kiến Phước xuất gia. Thông minh tài giỏi do trời. Bèn đến chùa Đạo tràng gặp Pháp sư thọ giới Bồ-tát. Ngày thì đọc sách xem kinh, tối thì lắng suy lý vị, chứa nhóm hằng năm thì thần trí sáng láng, dầu nói tuổi già mà có hơn lúc trẻ, thường muốn vượt khỏi ba cõi bước lên chín phẩm. Do đó phân ra mười sáu pháp quán và làm tám ao để hệ tưởng trước. Ngày 27 tháng 9 niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười sáu, bà ở dưới chùa tháp mà lễ tượng Di-đà. Chiều đến bị bệnh, bệnh càng lúc càng nặng hơn, mới nằm ngủ thì thấy Phật Di-đà và 2 vị Bồ-tát ngồi mây nhiêu hoa, mây phát ra ánh sáng báu chiếu vào Thạnh. Lúc đó các Ni mang dép cỏ đến thăm bệnh thì thấy ánh sáng trong phòng Thạnh chói lòa, lấy làm lạ hỏi thì Thạnh nói vừa rồi tôi nằm ngủ thấy Phật A-di-đà và hai vị Bồ-tát ở trước tôi, lại chiếu ánh sáng vào tôi, há Phật Từ bi độ tôi ư? Nói xong thì mất. Bấy giờ Trương Biện ở quận Ngô là Thái thú Dự chương, xưa nay rất kính trọng mà ghi vào truyện kể.

***12. Ni Đạo Viên:***

Bà họ Giang, người ở Đan Dương, có kẻ nói là người ở Đan Đồ. Thuở nhỏ rất thông minh. Tự nhiên kinh sách văn sử đều tìm hiểu rộng ra. Sau khi thành tựu giới pháp, nghiền ngẫm ý vị trong ba Tạng, được chỗ cốt yếu. Đời Tấn Hiếu võ trong niên hiệu Thái Nguyên, Hoàng hậu khen hạnh cao cả, làm các điều lành đều quy về Chùa, các cô gái con nhà giàu đều tranh nhau giao du với cô. Đời Tống niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 8 cô tạo nhiều tượng Phật để tạo Phước. Ở Bành Thành có hai tượng vàng, ở Chùa Ngõa Quan có tượng Phật Di Lạc đi, ở chùa Kiến Hưng có hai tượng vàng, ở Chùa Kiến Phước có tượng Phật nằm và hai Tượng Phổ Hiền đi. Lại theo tượng có các phướn hoa rất đẹp.

Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ mười lăm, lại tạo một tượng Phật Vô Lượng Thọ vàng , nguyện nhờ tượng này mà được tiếp dẫn Tây Phương. Ngày 11 tháng 4 mùa hạ giữa hai đầu chân mày tượng phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu sáng chùa, trong chùa đều biết là màu vàng, trong ánh sáng vàng Phật Vô Lượng Thọ thọ ký cho Viên rằng: Ngươi bỏ báo thân này sẽ về nương ta, nên khéo giữ gìn chớ nghi và khinh thường. Được thọ ký càng vui vẻ tinh tấn. Ngày rằm tháng ấy đến trước tượng ngồi mà hóa.

***13. Thích Tuệ Tấn:***

Sư họ Diêu, người ở Ô Trình thuộc Ngô Hưng, tánh hùng dũng hào hiệp. Năm bốn mươi tuổi biết thân là mộng huyễn, bèn đến chùa Cao Tòa ở Dương Đô xuất gia. Tấn vì trung niên xuất gia nên không thể hiểu sâu xa viên đốn. Bèn nguyện tụng Kinh Pháp Hoa, trọn đời dụng tâm lao khổ luôn cầm quyển kinh, bị bệnh bèn than: Há nghiệp chướng sâu dày theo lời Như lai dạy mà không thắng nổi ư? Bèn phát nguyện tạo Kinh trăm bộ để sám hối các chướng đời trước, góp tiền được một ngàn sáu trăm đồng, một chiều giặc đến cướp. Tấn không sợ sệt mà chỉ gập mình chấp tay chỉ vào túi tiền và bảo: Đây là tiền Kinh lấy của Đàn-việt, tôi không có. Đám giặc nghe xong xấu hổ bỏ đi. Sau quả in xong trăm bộ kinh, bệnh cũng lành. Tấn hồi hướng công đức để cầu Tịnh-độ, nguyện thâm tâm bền chắc. Bỗng trên hư không có tiếng nói: Ngươi việc đã xong nguyện đã trọn sẽ sinh Tịnh-độ không phải ngươi thì là ai. Tấn thưa tôi không dám mong Thượng phẩm chỉ cầu Hạ phẩm cũng không lui sụt rồi. Niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ 3 đời Tề, Sư không bệnh mà mất, thọ hơn tám mươi tuổi.

***14. Thích Tuệ Quang:***

Ông họ Dương, người ở Nghĩa Phong thuộc Định Châu. Năm mười ba tuổi theo Cha đến Lạc Dương thấy Thiền sư Phật-đà kính mến Sư là người có đạo bèn xin thọ ba Quy y. Sư thấy Quang có tướng lạ, có thể gánh vác Chánh Pháp bèn khuyên gắng nên theo Phật Quang bèn thờ Phật đạo khắc kỷ gắng học, ngày nhớ mấy ngàn lời và suy tìm chỗ sâu kín đều do túc ngộ. Có người hỏi han thì Quang chỉ dẫn đều hiểu rõ, mọi người gọi là Thánh Sa-di. Đến khi thọ Đại giới ai nấy đều kính trọng đức độ. Của sư, sư thường mở túi bố thị không vắng ngày nào. Sư có soạn làm Sơ Luật Tứ Phần và các Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn Thập Địa... quyền thật đều gồm, người đời đều gọi là Hiền. Như có Tư Mã Bộc Tạ Cao Long khiến con côi của mình vốn học Nho theo hầu.

Nhưng Quang tu hành tinh khổ chưa biết khi nào sinh về nước Phật. Bị bệnh liền sanh tâm rất hổ thẹn, bỗng thấy các vị trời hiện đến. Quang bèn chí thành xin về An Dưỡng. Trong nháy mắt lại thấy Tịnh-độ Hóa Phật và Hóa Bồ-tát đầy khắp hư không. Quang nói: Chỉ có Phật nhiếp thọ mới toại bổn nguyện ta. Lại gọi đệ tử bảo Hóa Phật và Bồ-tát số đông vô kể, ta lại được đắp y, theo sau đầy đủ. Phút chốc thì tiếng nói và hơi thở đều im bặt.

***15. Thích Pháp Lâm:***

Sư họ Lạc, người ở Tấn Nguyên. Cạo tóc ở quận nhà đến học ở quận Thục . Sư thường buồn than ở đất Thục không có thầy. Khi Ẩn Công đến thì ông ngày đêm thưa hỏi thầy. Khi Ẩn về Thiểm Tây thì Lâm đi theo. Mấy năm sau thì các Bộ Tỳ-Ni đều hiểu rõ Trì Phạm. Lại trở về Thục nghỉ ở chùa Linh Kiến. Tăng Ni ở đất Thục đến thăm rất đông nhưng tâm Sư vẫn dững dưng. Ngoài Luật bộ ra khi nói bàn đều cầu sinh Cực Lạc. Cho nên sớm tối thường tụng Quán Kinh để cột các niệm Khi tung thường thấy một Tăng thân rất cao lớn ở bên Lâm, tuy lấy làm lạ nhưng không nói với ai chỉ có đứa hầu là thấy. Đời Tề niên hiệu Kiến Võ năm thứ hai không bao lâu lại thấy một cây báu lớn, dưới cây có ba hoa sen, trên hoa có tượng Phật và hai Bồ-tát. Lâm mừng rỡ nói rằng người tu Tịnh nghiệp mà được thấy tượng báu liền trừ được vô lượng ức kiếp tội nặng, ta là người ấy thì sao? Ta may được thấy chẳng nghĩ đến sen vàng ao ngọc mà chẳng được sinh. Do đó dặn việc chôn cất không nên phí phạm của Tăng, chẳng theo tục lệ xưa này nên theo Tây Trúc làm lễ hỏa táng. Lại bảo tăng đêm nay nghe tiếng chuông thì đến xem tôi. Đến nửa đêm nghe tiếng chuông, Sư bèn đến chiếu ngồi nhắm mắt, Tăng đồ đều nghe theo lời dặn, nơi đầu ngỏ chất củi mà đốt, lửa cháy phừng phừng ba ngày mới hết.

***16. Thích Tăng Nhu:***

Ông họ Đào, người ở Đan Dương thuộc Nhuận Chi. Chín tuổi học với cha mẹ, tính thông minh tự phát, làng xóm đều khen tài giỏi. Sau gặp Pháp sư Hoằng Xứng bèn theo, Xứng nổi tiếng một thời, học giả kính mến hầu hạ bên mình. Nhân đề phát chỗ học cũ mà các kinh Phương Đẳng đều thấu suốt chỗ sâu kín. Sau đến chùa Linh Thứu ở núi Diễm Bạch. Tăng trong chùa thấy Nhu lấy làm lạ, Nhu nói ta là quỉ thấy vật có gì lạ. Tề Thái Tổ và Thế Tổ Văn Tuyên đều biết tiếng, trước sau chiếu triệu mời đến nhưng Nhu không thân tục chuộng danh, thấy

sự vật thạnh suy nên chỉ chuyên tâm Tịnh-độ. Ngày Sư mất, thấy Hóa Phật cả trăm ngàn. Lại nghe trong ngoài phòng có mùi thơm lạ quanh quẩn. Nhu nói mùi thơm lạ đến quanh quẩn bên ta là Thánh Hiền đến rước ta về Tây. Bèn nhờ người trải chiếu hướng về Tây chí thành kính lễ rồi mất, thọ sáu mươi bốn tuổi. Chôn toàn thân. Ở phía Nam núi. Sa môn Tăng Hựu giao du tốt với Nhu, gom lấy việc trước sau mà khắc vào đá.

***17. Thích Đàm Loan:***

Người Nhạn Môn, lúc nhỏ đến núi Ngũ Đài, cảm được linh dị mà thề xuất tục. Sư rành ba Thừa văn lý Đốn Tiệm. Sư đọc Kinh Đại tập khỏ vì lời nghĩa sâu kín. Nhưng sau vẫn khai Ngộ bèn soạn chú giải. Có lần bị bệnh đến Phần Xuyên, bỗng thấy mây che sao Bắc đẩu, cửa trời rộng mở thềm bậc sáu tầng trời cõi Dục trên dưới lớp lớp, sư vừa nháy mắt thì bệnh lành. Sau dụng tâm với Phật đạo thường sợ không kịp lại dạy dỗ kẻ tục không xen hở lúc đầu Loan thích Thuật Học (Tiên Thuật) nghe Giang Nam có Đào Ẩn Cư được phép tiên sống lâu, bèn ngàn dặm đến học Đào trao cho Kinh Tiên mười quyển. Loan rất mừng được thuật thần tiên. Sau trở về Lạc Dương gặp Bề-đề-lưu-chi bèn hỏi: Đạo Phật có pháp sống hoài chẳng chết chăng? Chi cười đáp: Sống hoài chẳng chết là Đạo Phật ta, Đạo Tiên nào có? Bèn trao cho Kinh Quán Vô lượng Thọ. Bảo rằng ông tụng kinh này thì ba cõi chẳng sinh, sáu đường chẳng đến, thì sự đầy vơi, còn mất họa phước thành bại không lay động được, sống lâu như kiếp đá, như số cát sông. Số cát sông còn có cùng, tuổi thọ Phật ta thì vô cùng cực. Loan bèn khởi tin sâu, đốt hết kinh Tiên mà chuyên về Quán kinh. Đối với Quán Kinh được lý nghĩa tu ba phước nghiệp quán tượng chín phẩm, mưa nắng không đời bệnh hoạn chẳng bỏ. Ngụy Chúa chuộng chí ông lại thêm tự làm dạy người rộng khắp nên được ban hiệu là Thần Loan, mời trú tại chùa Đại Nghiêm ở Tính Châu. Không bao lâu dời về chùa Huyền Trung ở Bích Cốc, Phần Châu. Một tối, đang khi trì tụng, Loan thấy một vị Tăng Ấn-độ đến, vào thất bảo ta là Long Thọ, nơi ở là Tịnh-độ. Vì ông có tâm Tịnh-độ nên đến gặp. Loan thưa: Có gì dạy con? Sư nói: Việc quá khứ không thể kịp, việc vị lai không thể tìm, việc hiện tại đang ở đâu, ngựa chạy khó trở về. Nói xong biến mất Loan biết là việc Sinh tử đã đến hẹn. Bèn nhóm họp đệ tử mấy trăm người khuyên bảo dạy rằng: Bốn loài thay đổi chẳng ngừng, khổ địa ngục chẳng thể chẳng sợ, chín phẩm Tịnh nghiệp chẳng thể chẳng tu. Do đó sai đệ tử lớn tiếng niệm Phật

A-di-đà, rồi quay mặt về hướng Tây nhắm mắt mà tịch. Lúc đó đạo tục đều nghe tiếng nhạc từ Tây đến rồi đi về Tây. Ngụy Chúa nói đó là chỗ về của Phật tử chân tu, ra sắc chôn ở Văn Cốc Phần Tây, làm bia ghi chép việc lúc sống.

***18. Thích Đạo Trân:***

Không biết sư họ gì, trong niên hiệu Thiên Giám thời Lương, dừng chân ở ở Lô Sơn. Nghe xưa Viễn Công và Tuệ Trì, Đàm Thuận, v.v... kết tưởng Tịnh-độ thì rất kính mến. Nhưng tâm kính mến lúc có lúc không do dự không nhất định. Lúc khác trong mộng thấy trên biển có chiếc thuyền chở mấy mươi người Trân hỏi thì nói đến nước Di-đà. Trân xin theo thì họ không cho, bảo rằng công đức tu một ngày siêu suốt nhiều kiếp, còn Kinh Di-đà ông chưa tụng làm sao đòi đi. Trân trong mộng biết có sai. bèn tìm Kinh sớm chiều tụng niệm suốt hai năm không bỏ giở. Đêm nọ thấy có người bưng Đài bạc đến nói Pháp sư báo hết thì lên đài này. Lại bảo công đức của Sư đáng được đài vàng nhưng vì tâm ban đầu còn do dự nên được ngần này. Trân khóc lóc tạ rằng: Nếu quả có thể vượt khỏi ba cõi tránh được năm khổ thì chính là Trân, nhưng cơ thấy Phật dù chậm thì vẫn là Đài vàng. Trân ít nói nhưng nhiều chê bai, dầu được đây nhưng chưa từng thương xót người. Người cũng không biết chỉ Trân tự ghi mấy trăm chữ giấu trong rương kinh ở bên tòa ngồi. Đêm Trân mất thì trên núi có hằng ngàn ngọn đuốc sáng ngời. Dân làng hơn mấy trăm nhà đều thấy vô cùng quái lạ. Sáng hôm sau mới biết đó là điềm lành báo hiệu Trân vãng sinh. Ngày nọ mở rương kinh của Trân ra mới được các điều Trân đã ghi, bèn phổ biến rộng ra.

***19. Thích Tuệ Mạng:***

Sư họ Quách, niên hiệu Đại Thông năm thứ hai đời Lương sinh ra ở Trường Sa tại Tương Châu. Rồi xuất gia. Người hiểu biết cho là Mạng cuối cùng sẽ vào Nhà Như lai. Năm mười lăm tuổi tụng bảy ngày hết một bộ kinh Pháp Hoa. Các văn khác tụng cũng thế. Khi cạo tóc học với Sư Vô Thường, nghe Thiền sư Ân Quang liền đến học do tư chất thông minh nên chưa đầy ba năm mà đã thông suốt Thiền Yếu. Lại giao hữu thân thiết với Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc. Thường bảo Tư rằng ta và ông gieo nhân Tịnh nghiệp chính là hẹn xa với Tây Phương. Tư nói ý chăm chăm nào dám quên. Ở núi Thiên Thành có Đạo Sĩ Mạnh Thọ, có tâm phản chánh định ở Chùa Sung Kiến. Bỗng nhiên Thọ mộng thấy có mấy trăng người mặc áo giáp vàng canh gác nghiêm trang như

đợi ai. Thọ nói Chắc có Dị nhân nào đến, nếu không sao ta mộng thấy trước. Quả nhiên hôm sau thì Mạng đến. Thọ bèn tin sâu mà bỏ chỗ ở ấy. Không bao lâu Mạng bảo: Chùa mới cất còn cần nhiều Kinh sách, ta nên bỏ Thiền quán mà cột tâm ở đây chẳng? Bèn cùng đồ chúng trở về rừng cũ ở Trường Sa. Lúc đó, Thiền sư Pháp Âm là người cùng quận, họ Vương kết bạn Tịnh-độ với Mạng tuổi già càng thêm thân thiết. Một đêm nọ, Mạng dắt tay Âm ở dưới trăng nhìn nhau cười bảo rằng: Thời đến mà chẳng đi thì gọi là ham sống, đáng đi mà không đi thì gọi là Cẩu dục, thì ta đi đây. Âm nói biết nhau sao chẳng đợi ta mười ngày ư? Mạng đưa hai ngón tay lên bảo nếu qua đây thì không kịp nữa. Sáng hôm sau quả nhiên Mạng bị bệnh, còn lại một ngày thì mất. Ngày ông mất là ngày 05 tháng 10 năm niên hiệu Thiên Hòa năm thứ 3 đời chu. Ngày ấy mọi người đều thấy có người trên cõi trời xuống có nhiều cờ phướn. Lại nghe trong Phòng có tiếng nói lành thay! Lại nghe có tiếng nhạc và mùi thơm lạ lâu ngày không tan. Sau mười ngày thì Âm cũng mất, các điềm lành cũng tương tự.

■

# TỊNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

## QUYỂN TRUNG

Chánh truyện có hai mươi vị, phụ thêm có bốn vị.

1. Thích Tuệ Tư ở Nam Nhạc đời Trần.
2. Thích Trí Khải ở Thiên Thai đời Tùy.
3. Thích Trí Thuấn ở Triệu Quận đời Tùy.
4. Thích Trí Thông ở Hà Đông đời Tùy. (Phụ: Đảnh cái đệ tử Thông và bà mẹ họ Vương
5. Thích Chân Tuệ ở Bồ Châu đời Tùy.
6. Thích Pháp Trí ở Thiên Thai đời Tùy.
7. Thích Thiện Trụ ở kinh đô đời Đường.
8. Thích Pháp Tường ở Đồng Châu đời Đường.
9. Thích Minh Chiêm ở Chung Nam đời Đường?
10. Thích Đạo Xước ở Tính Châu đời Đường
11. Thích Quán Đảnh ở Thiên Thai đời Đường.
12. Thích Đạo Ngang ở Tương Châu đời Đường.
13. Thích Trí Diễm ở Võ Khâu đời Đường.
14. Thích Thần Tố ở Bị Châu đời Đường.
15. Thích Thiện Đạo ở Kinh đô đời Đường
16. Thích Công Hướng ở Trần Lưu đời Đường.
17. Thích Duy Ngạn ở Tính Châu đời Đường.
18. Thích Pháp Trì ở Kim Lăng đời Đường.
19. Thích Tuệ Nhật ở Lạc Dương đời Đường
20. Thích Hùng Tuấn ở Thành Đô đời Đường

*****

***1. Thích Tuệ Tư:***

Sư họ Lý, người ở Võ Tân. Thuở nhỏ mộng thấy vị Tăng Ấn-độ khuyên thoát tục, do đó cạo tóc. Nhưng chỗ Sư nương không phải là Lan-nhã. Bèn cảm được thần tăng khuyên giữ trai giới. Tư càng cố chí ngày chỉ ăn một bữa, việc đời đón đưa đều dứt. Sư tụng kinh Pháp Hoa, Duy-ma v.v... hơn ba mươi bộ, chỉ ở trong rừng vắng hoặc chỗ thiêu người, liền bị bệnh ly, ai cầu sám hối thì bình phục. Ngày nọ lại mộng thấy hơn trăm vị Tăng Ấn-độ ở trên tòa an ủi bảo rằng: Ông trước thọ giới không phải Thắng luật nghi thì đâu thể khai Chánh Đạo. Ông tịnh hạnh may gặp thanh chúng phải nên đổi dàn, tối đó tự lại phát sanh tình cảm nhiều lần do đó được thấy việc ba đời hành đạo. Lại từng trong mộng thấy Phật Di-đà nói Pháp cho Tư, do đó tạo tượng để nghiêm quán tưởng. Sư có lần an tọa hệ niệm thấy tướng của nghiệp thiện ác một đời cùng hiện ra rõ ràng. Hiện xong thì thân tâm mạnh mẽ ngộ được Pháp Hoa Tam-muội và ý chỉ Đại thừa Phương Đẳng, bèn đối với hai thừa Đại Tiểu, các học định tuệ mà tuyên bày dẫn dắt để nhiếp mình người, lâu dần các tạp tịnh thô khởi động lăng xăng... Các học trò đều trình hỏi Tư nói: Phật ở đời chưa khỏi để lại lời há ta chẳng bị chê nhỏ. Huống chi không bao lâu Phật pháp sẽ bị diệt chưa biết phương nào lánh khỏi. Bỗng trên hư không có tiếng nói rằng: Nếu muốn tu định thì Võ Đương Nam Nhạc là chỗ ấy. Trong niên hiệu Võ Bình đời Tề đi về phía Nam đến Quang Châu thì vì nhiễu nhương nên đường nghẽn tắt, phải cùng môn đồ tạm nghỉ ở núi Đại Tô, núi này là biên giới của Trần Tề nên quân binh vây chặt lại gặp lúc Phật Pháp băng hoại, năm chúng ly tán, kẻ tài giỏi một thời còn kính mến đức sư đang mai danh ẩn tích cùng đến học hỏi lý vị. Tư nói Ta già rồi không thể giúp được các ông. Học trò là Trí Khải thay thầy giảng Kim Kinh đến chỗ “một tâm đủ muôn hạnh” thì Khải sanh nghi. Tư bảo ông hướng chí nghĩ về ý Đại phẩm, thứ lớp chưa làm ý Pháp Hoa Viên đốn Ta xưa ở trong Hạ khổ công suy nghĩ không có một niệm nào hiểu nhanh các pháp chính mình chứng được không chút nghi ngờ. Khải liền học hỏi Pháp Hoa ba mươi bảy cảnh giới rồi thưa: Hành vị của Hòa Thượng đáng ở Thập Địa. Tư nói: Không phải, chỉ là vị Thập Tín Thiết Luân, ta lấy việc nghiệm ra thì có thể tự thấy. Trong niên hiệu Quang Đại đời Trần, rời Đại Tô Cùng hơn bốn mươi vị Tăng đi đến Nam Nhạc. Khi đến nơi bảo chư Tăng rằng: Xưa ta ở đây mười năm hẳn là sự Viễn Du. Sáng hôm sau Sư đến Hành Dương, gặp một ngọn núi cao cây cối xinh tươi, Sư chỉ dưới đám rừng rậm bảo. Đây là chùa Xưa, trước ta ở đây mấy năm. Rồi vạch cỏ thì thấy nền chùa cũ

và các đồ dùng của tăng. Lại chỉ một nơi bảo đây là chỗ xưa ta ngồi thiền, đám giặc chặt đầu ta chết rồi mà có thân này. Kế đó ít bước là một đống xương khô. Sư cầm cái sọ người lên bảo đây là đầu ta, chứng tỏ Phật lực rất nhiệm màu rồi thâu nhặt lấy mà xây Tháp. Trần Đế nghe Sư có nhiều việc lạ bèn hạ chiếu mời Sư đến ở chùa Thê Huyền. Tìm đến một ngôi chùa khác thì gặp mưa y phục đồ đạc và hài cỏ đều không ướt. Tăng chánh Tuệ Tung thấy bèn khen rằng: Đây quả là hành nhân bọn ta không thì biết được. Đại Đô Đốc Ngô Minh Triệt đến thăm dâng cho sư cái gối sừng tê. Biệt Tướng Hạ Hầu Hiếu Oai đến chùa Yết kiến Sư, giữa đường bỗng nghĩ việc Ngô Hầu dâng Tư gối sừng Tê hình dạng nó ra sao. Ông đến với vẻ chi kính thì Tư bảo muốn thấy gối sừng tê thì đến xem. Hạ Hầu hoảng sợ, mới biết Sư có tha Tâm thông. Tư ở Nam Nhạc, ChúaTrần  mỗi năm đưa ba bức thư đến ủy lạo cung ứng các vật. Nơi núi Sư hoằng hóa có thần biến khó lường, hoặc hiện thân lớn nhỏ hoặc che kín dấu vết không còn có gì, hoặc dựa vào vật bên ngoài, hiện đủ các điềm lành. Lâm chung đến đạo tràng ở lưng chừng núi, ngày tiếp theo nói pháp, nói năng rất nghiêm nghị, người nghe cảm thấy sợ hãi. Lại bảo nếu mười người tu được Tam-muội Ban-chu thì tùy chỗ cần ta sẽ bảo cấp nếu không có các người này thì ta đi. Cuối cùng không ai trả lời. Sư liền liễm niệm trong chốc lát thì im lặng. Có đạo nhỏ tên Linh Biện, lúc đó ở bên cạnh cất tiếng gào khóc, thì Sư mở mắt trách rằng Thánh chúng đến rước ta đang luận chỗ thọ sinh vì sao ngươi khóc lóc làm loạn động? Rồi đuổi lịnh Biện đi và lại im hơi như trước. Vào niên hiệu Thái Kiện năm thứ chín đời trần, Sư 64 tuổi tính ra sau mười năm Viễn Du đến nay là mười năm luận ra thì Sư được Di-đà nói Pháp lại tạo Thánh tượng Di-đà để nghiêm quán tướng. Lại cùng Thiền sư Tuệ Mạng kết duyên Tịnh Nghiệp hẹn gặp ở An Dưỡng và cuối cùng thì Sư thật sinh An Dưỡng.

***2. Thích Trí Khải:***

Sư họ Trần, trước là người ở Dĩnh Xuyên. Khi Tấn dời đô thì ngụ ở Hoa Dung, thuộc Kinh Châu. Mẹ Sư họ Từ khi mang thai Sư thì mộng thấy nhiều điềm lành, đến khi sinh thì trong nhà sáng rực hơn mặt trời. Lúc còn bé hễ nằm thì chắp tay, ngồi thì xoay mặt về hướng Tây. Lớn lên thì thường đến Già lam, các vị Tăng lấy làm lạ bèn miệng trao cho phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa chỉ đọc qua một lần là thuộc làu. Đến tuổi đi học thì đi về phía Bắc qua Hiệp Châu học với người cậu. Mười tám tuổi gặp Pháp sư tại Tự chùa Quả Nguyện ở Tương Châu xin

cạo tóc thọ mười giới, Sư khiến đến ở với Luật Sư Tuệ khoáng, ở núi Đại Hiền tụng Kinh Vô Lượng Nghĩa và Pháp Hoa, Phổ Hiền, Quán Kinh chưa đầy một tuần đã xong ba bộ. Kế nương Thiền sư Tư núi Đại Tô ở Quang Châu. Tư thấy Khải bảo rằng Xưa cùng ở Linh Sơn nghe Pháp Hoa, duyên lành nay lại gặp nhau ở đây. Trước chỉ Đạo tràng Phổ Hiền và nói bốn hạnh An vui. Khải đến núi Tô thực hành Tam-muội Pháp Hoa mới ba đêm đến câu "tinh tấn chân thật" Phẩm Dược Vương thì giải ngộ khai phát. Lại thấy cùng Tư ở hội Linh Sơn nghe Phật nói Pháp. Đêm sau trình với Tư, Tư bảo không phải ông thì chẳng cảm, không phải ta thì chẳng biết. Đây chính là phương tiện trước Tam-muội Pháp Hoa . Chưa bao lâu lại đến núi Bạch Sa ở Hy Châu, như trước vào quán, đối với kinh có nghi liền thấy Sư đến ngầm giải thích. Sau, Sư nhờ giảng kinh thay thì người nghe đều phục, chỉ đối ba thứ Tam-muội, ba quán, Trí Dụng đem xét hỏi còn thì đều rõ ràng tự hiểu. Ở dưới tòa Tư xem nghe bảo học trò rằng. Đây là con nuôi của ta, chỉ tiếc Định lực còn yếu. Do đó Đạo tục đổi quán tên nghe xa gần. Liền từ biết Sư, Sư nói: Ngươi có duyên ở nước Trần đến đó mà làm lợi ích. Khải bèn đến Kim Lăng trú tại chùa Ngõa Quan hoằng hóa Pháp Thiền. Bộc xạ Từ Lăng cùng Thời quý Vọng đều chào hỏi. Nhưng tánh Khải thích vắng lặng không ưa khuấy động. Trong niên hiệu Quang Đại đời Trần sư từng mộng thấy núi cao ngàn trượng, mây phủ ánh mặt trời, biển rộng mênh mông không bờ mé, thấy có một vị Tăng ở trên đỉnh núi vẩy tay tay xách một cái sọt tre đưa cho Khải mà hỏi. Sáng hôm sau nói việc người trong mộng, có kẻ bảo đó là Thiên Thai ở Cối Kê. Từ đời Tấn Tống các ngài Tăng Quang, Đạo Du, Pháp Lan, Đàm Mật v.v... đều ở đó. Khải vui mừng cùng Tuệ Biện v.v... hơn hai mười Tăng đi về Nam, núi ấy trước có Tăng Định Quang ở trong bốn mươi năm. Hai năm trước khi đến, Quang bảo với người rằng sẽ có Thiện tri thức đến đây, hãy lo việc để đợi. Khi Khải đến thì mừng rỡ đón tiếp hỏi rằng Thiện tri thức có nhớ năm nào ta vẩy tay kéo nhau chăng Khải kinh hoàng biết mộng xưa có linh nghiệm. Khải nghe tiếng chuông quanh quẩn khắp hang núi, Khải thấy trong hang núi không có chùa bèn lấy làm lạ. Quang nói tiếng chuông chỉ mời người có duyên đến ở nào có gì lạ. Đến khi sắp xây chùa, Quang nói nên tùy nghi yên ở, đến thời đất nước thanh bình, Quốc Thanh sẽ có quý nhân lập chùa. Hai năm sau Tuyên Hoàng Đế nghe đạo hạnh của Khải liền ra sắc chỉ lập chùa. Lại biết tăng đồ ở đấy, Cảnh Phụ liền đặc biệt cắt huyện Thủy Phong để cung cấp cho chùa. Khải ở chùa ấy, mỗi Hạ sai giảng Kinh Tịnh Danh. Một sáng đang

giảng kế thấy ba đường thềm báu từ trên trời xuống, lại có một số Phạm tăng trên thềm bước xuống tay cầm lò hương đi nhiễu quanh Khải ba vòng hồi lâu mới mất kẻ biết chuyện là Thạch Kiều Thánh chúng thị hiện ấn chứng Khiếu tâm càng vững chắc. Vĩnh Dương Vương Bá Trí thờ Khải làm thầy ra lời vổ về cả nhà Ngô Hội đến núi thỉnh giới Pháp. Tuyên Đế cũng từng hỏi: Trong cửa Phật hiện nay ai là người nổi tiếng. Các quan tâu Thiền sư Ngõa Quan thật là người hơn hết Danh Thắng xưa là gốc các thiền? Trước ở tại kinh đô được người hiền tài mến mộ nay ở ẩn tại Thiên Thai vật tình mất nương xin bệ Hạ ra chiếu mời về dạy bảo Đạo Tục. Vua bèn viết thư mời. Khải đến Đô, Vua sai các quan ra đón vào Điện Thái Cực ở nhà phía Đông giảng Luận Trí Độ. Lại sai Đồng tử Dương Xa dẫn trước, Tuyên Trung Thư Xá nhân đi sau. Lúc đó trong Thiên Hạ kiểm soát Tăng Ni, ai không sổ bộ thì van kế triều nghi, nếu ai biết ít kinh thì đánh thuế. Khải can rằng Điều Đạt tụng 6 vạn lời Kinh mà không khỏi đọa địa ngục, còn Bàn-đặc chỉ đọc một câu kệ mà được chứng Thánh quả, Luận dốc lòng vì Đạo há tụng nhiều kinh. Vua vui mừng bèn dừng việc thu thuế. Bỗng mộng thấy một người nghiêm chỉnh đến trước bảo rằng: Tôi là Quán Đạt thỉnh trú ở Tam Kiều. Khải nói Quan Đạt là Pháp danh của Lương võ Đế, vậy Tam Kiều không phải là Quang Trạch ư? Bèn dời chỗ ở. Năm ấy mùa Hạ tháng tư, Chúa Trần đến chùa thỉnh giảng Kinh Nhân Vương, Vua ở giữa chúng ân cần kính lạy, các Hoàng hậu phi tần cũng đều tôn kính giới hạnh đầy đủ. Văn nói chỉ có Sư dạy dỗ, tùy cơ dẫn dắt giữ gìn đất nước hóa độ trời người. Lại nói: Nay muốn trọn bổn nguyện thỉnh làm giới Sư Bồ-tát! Mong sao Từ nhẫn như ý trẩm. Khải lên tòa cao, dưới tòa là vua theo lễ đệ tử. Khi Kim Lăng bị bại việc thuộc họ Dương. Lúc đó Tấn Vương ở Dương Châu cũng muốn xin thọ giới Pháp, đích thân viết Văn nói Đệ tử nhân chứa nhóm điều lành nên sinh ở Hoàng gia sớm biết học hỏi lại nói Hòa-thượng danh đồn khắp nơi. Xa gần chúng đều biết, nên nay thành kính mến mộ. Sai Niếp Viễn đón Khải về Dương Châu. Vua bày Pháp Hội một ngàn vị Tăng để thọ giới. Khi thọ rồi Khải bảo Vua rằng: Đại Sĩ siêu độ tổng nhiếp làm đầu, nêu danh biểu Thật xưa nay như thế. Nay đặt Pháp danh cho vua là Tổng Trì để bày rõ về thật. Vua đảnh lễ nhận lấy. Vua cũng ở giữa chúng thưa với Khải rằng: Thiền sư Trí Đức trong chứa từ nhẫn, ngoài phát hàng phục trời người, chế phục ngoại ma, nay xin dâng hiệu Trí giả dưới nhiếp tâm chúng sinh nhân đó cúng dường Khải hơn sáu mươi vật Khải đem các vật tặng lại cho những người nghèo thiếu. Sau trở lại núi cũ nhất tâm vào Định. Một

hôm từ Thiền Định ra, Sư gọi đệ tử Trí Việt bảo rằng: Huyển chất của ta sớm tối sẽ mất thôi. Ngươi ở Thạch Thành nghiêm giữ hương hoa đợi ta mãn báo thân này. Khi Khải đến thì bày giường, Sư xoay mặt về hướng Tây niệm Phật Di-đà và hai Bồ-tát. Ở Tịnh-độ có Hóa Phật và Hóa Bồ-tát đến ủng hộ, lại dặn đệ tử đốt nhiều hương đuốc, còn đem ba y và Trượng Bát để gần bên. Có người muốn dâng cơm. Sư nói không quyến luyến các duyên là thật ăn chay là Chân trai. Lại đòi nước thơm súc miệng rồi nói mười Như, bốn Bất Sinh, mười pháp giới, ba Quán, bốn Trí, bốn Vô Lượng, sáu Ba-la-mật v.v... các pháp. Tăng có người hỏi chỗ chứng thì Sư đáp rằng: Không lãnh chúng thì thanh tịnh sáu căn, nay vì người khác mà tổn mình nên thối về năm phẩm vị. Lại nói: Mạng người sắp mất nghe tiếng chuông khánh thì tăng thêm Chánh niệm. Ngươi nên đánh khánh để tăng thêm chánh niệm cho ta. Rồi tự ngồi kiết già trước tượng Phật mà tịch.

### *3. Thích Trí Thuấn:*

Sư họ Mạnh, người ở Đại Lục thuộc Triệu Châu. Thuở nhỏ có khí tiết không a dua, có chí ở ẩn chốn suối rừng. Sư thờ Thiền sư Vân Môn Trù hơn mười hai năm. Yên lặng không nói, nói ra đều là giới Định và mong tu chứng vị ba Thừa. Trù sư lấy làm lạ bảo rằng Đối nhận sự thì ông được mấy vô tâm? Từ nay trở đi ta có thể nói giáo cho ông. Do đó mà ba thừa quyền thật thấy nghe ngày càng mới. Đối với tăng hạnh ông càng dồi mài, hoặc khi vọng tình chợt khởi thì lấy dùi đâm vào bắp vế để nhắc niệm, đến một lỗi nhỏ cũng thế. Xưa cùng với Pháp sư Đàm Tuần đồng tu Niệm Định suốt mười năm không ra khởi cổng làng. Tánh Thuấn giản dị và rất nhân từ các loài nhỏ nhít như kiến muỗicòn không giết hại huống chi các loài khác. Lại có người ăn cá thịt thì Thuấn bảo sáu đường khác hình dạng nhưng anh đều trải qua, tất cả có mạng sống đều là cha mẹ anh, tất cả có sinh đều là thân cũ của anh. Anh ăn thịt nó là ăn thịt cha mẹ mình là ăn thân thể mình, anh chẳng thương cha mẹ và thân mình ư? Người nghe bèn chừa. Có thợ săn đuổi con chim trĩ chạy vào phòng, sư gắng xin thả ra nhưng không đổi ý bèn lấy dao bén thẻo lổ tai đưa cho bảo rằng tôi không đổi được ý ông vì ông ham ăn thịt, nay tôi xin thế vào. Người thợ săn kinh ngạc hứa sau không làm nữa. Làm ruộng săn bắn mười người thì có tám, chín người như thế. Thuấn ở Hứa Đình lâu ngày, dân dưới núi kính mến kéo đến nhưng Thuấn không ưa thích. Thuấn lại vào hang phía Nam núi Chương Hồng chi càng chuyên niệm định. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười, Văn Đế biết Thuấn

khắc khổ bèn đặc biệt hạ chiếu rằng: Hoàng Đế kính hỏi Thuấn Thiền sư ở hang phía Nam núi chương Hồng ngày đông rất lạnh đạo vị được an ổn gắng giúp đời thành tựu thắng nghiệp, mong nguyện này có năng lực, trẩm rất mừng. Nay sai khai phủ Lư Nguyên Thọ, chỉ tuyên ý trẩm chiếu cho Thiền sư đến làm lễ. Thuấn dâng biểu tạ ân và từ bệnh không đến. Dân khâm phục Đức sư xây chùa cho Sư ở. Sau Sư trú chùa Đại Lâm ở Tô Sơn vì xưa Viễn Sư có tu Tịnh Xã Liên Đài còn để dấu vết rõ ràng, nay ở đó nối gót trước mà tu mười sáu quán, với các quán môn ngày luôn niệm tưởng. Cuối năm đó Đạo Tục ở Dự chương thỉnh sư giảng Quán Kinh. Thuấn nói Quán Kinh là giáo Tịnh-độ, ta tu Tịnh-độ ta đâu từ chối không giảng. Giảng xong thì ngày mồng năm bị bệnh. Một hôm ở trong bệnh Sư thấy các chim Anh Võ Khổng Tước có cả trăm con vây quanh niệm Phật niệm Pháp, nói các Ba-la-mật tiếng rất mầu nhiệm. Thuấn cố gắng ngồi dậy bảo các đệ tử rằng các chim Anh Võ Khổng Tước nhóm họp niệm Phật niệm Pháp là báo trước ta sẽ hóa sinh Tịnh-độ, hôm nay ta sẽ mất, rồi quả nhiên hóa.

***4. Thích Trí Thông:***

Sư họ Trình, người ở Hà Đông, mười tuổi mặc áo đạo làm Sa-di, oai nghi nghiêm túc. Sau khi thọ giới cụ túc thì dứt hết các duyên siêng năng Sám Tụng, tụng hơn ba ngàn bài kệ ca ngợi của các bậc tiền Hiền, sáu thời ở trước Tôn tượng lớn tiếng tụng đọc rõ ràng, suốt năm mươi năm không nghe nói mệt mỏi. Cuối đời Chu Võ, cửa Phật bị phế bỏ, thông phải ẩn giấu lánh nạn. Đến Đời Tùy lại phục hưng Phật giáo. Sư ở một ngôi chùa vắng mà sáu thời tinh chuyên cầu thoát ly năm khổ ba cõi mà sinh An Dưỡng. Tháng mười niên hiệu đại Nghiệp năm thứ bảy Sư bị bệnh sai môn nhân Đảnh Cái hơn mười người đồng hướng về Tây niệm Phật A-di-đà, Thông nhắm mắt nghiêm tưởng, giây lâu hỏi Cái có duyên gì mà đốt sáng đèn đuốc, cái do đó tắt đuốc. Thông lại bảo đốt sáng nào có ích gì. Cái bởi vì không có đuốc liền thưa rằng: Tướng lạ sáng suốt chắc có người đợi. Ngoài Cái không ai biết. Thông lại mở mắt nhìn quanh rồi bảo Cái thắp hương. Khói hương bay lên Thông búng ngón tay nói: Quý lạ vô cùng chỉ mình ta có. Có người hỏi sự quý lạ ấy, thông nói có nhiều cờ phướn và tràng hoa báu ở trước ta, không quý lạ là gì? Ngày sắp tối lại bảo Cái rằng: Ta sinh về Tịnh-độ vào đêm nay, các ông tinh tấn chớ lui sụt. Đến nửa đêm thì lên thiền Đường Sám tụng hoặc thiền định. Tăng trong chùa là Đạo Tuệ thấy ở bên Tả Đường có lầu các ngàn lớp hiện trên hư không đi về Tây càng xa càng ẩn mất,

giống như mây mù nhiều từng hoặc tan hoặc họp, không thể mô tả. Lúc đó mẹ của Đảnh Cái là Vương Thợ sắp mất cũng thấy hoa sen xanh đầy nhà. Đến khi vãng sinh thì nghe mùi hương sen nhiều ngày không tàn.

***5. Thích Chân Tuệ:***

Sư họ Trần, người ở Bình Lục thuộc Thiểm Tây. Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, ông nhàm chán thế tục thờ Thiền sư Thanh ở châu nhà, kế là đến Nghiệp Đô thọ giới cụ túc với Luật Sư Hồng, kế nghe Thiền sư Tuần Vệ Châu thâm ngộ Phật thừa bèn đến học hỏi. Cuối niên hiệu khai Hoàng chống tích trượng về Tây giữa đường ra khỏi núi có trăm con hươu trắng trên mỏm núi, do đó mà ngụ ở đấy. Có người nói với Tuệ chọn được đất U Thê ở Bồ Bản rất tốt. Tuệ rất mừng bèn đi Bồ Bản đến Ma Cốc lập chùa cốt tu Tịnh Nghiệp. Đã từng ăn bột huỳnh tinh nhịn cơm hơn trăm ngày để quán tưởng Tịnh-độ. Lại ngồi trong hang, hang có cọp dữ đã hại dân hơn bốn năm, khi Tuệ đến thì lánh đi hết. Ngày 7 tháng 10 niên hiệu khai Hoàng năm thứ mười một Sư bị bị bệnh và mất trong hang Nam Nghiêm, thọ bốn mươi bảy tuổi, Tăng lạp ba mươi lăm. Xưa Tuệ thích kinh luật lâu ngày thành tánh. Khi gặp Tịnh-độ chín phẩm liền theo tu. Lại sợ tu tập chưa bền chắc ngoại ma quấy nhiễu. Lại bảo các niệm lăng xăng nếu không nương nhờ Phật lực thì nương ai. Bèn lập đất Tịnh-độ là một đàn vuông. Trong Đàn cất đài cao châu ngọc các báu trong ngoài trang sức bốn mặt. Lại có bốn cột cờ phướn lọng báu lưới giăng soi chiếu nhau. Trong có Tượng Phật vô lượng Thọ, Quán Âm Thế Chí đứng hầu. Dưới có voi đá xanh, đất lưu ly, giây vàng giăng mắc chia ranh giới các đường, có cờ phướn bảy báu vàng bạc chia làm tám hướng. Nơi để kinh có cờ phướn bảy báu đất lưu ly. Trước khi quán tưởng Tuệ đều tắm gội thay áo, sau mới vào đàn ngồi thẳng tưởng niệm. Có nhiều thần biến của chư Phật hiện ra. Đêm Sư mất bảo với đệ tử rằng: Nghiệp Tịnh-độ ta không chừng đêm nay, ta sẽ thấy hoa sen khép mở nâng chân ta ở trên hư không. Không bao lâu chúng nghe tiếng chuông khánh lại nghe gió từ bốn phương đến và phát ra ánh sáng lạ thì Tuệ mất.

***6. Thích Pháp Trí:***

Không rõ họ, vào thời Tùy Văn Đế đến học ở Đông Việt Việt có người mà thông suốt kinh nghĩa Đại Tiểu thừa thì Trí xem là thầy. Thông minh học rộng ít ai sánh bằng. Cuối đời lấy, đường tắt không gì bằng pháp môn niệm Phật. Do đó sớm chiều sám niệm không nghỉ.

Suốt bảy năm luận rằng một khi phạm tội Kiết la sẽ bị tội trải một trung kiếp , một câu A-di-đà Phật diệt được tội nặng trong ức kiếp. Riêng có nghi, có người bảo, Trí nói không tự nghi. Bèn dạy cho niệm Phật, lâu thì có công, công thì hóa, hóa thì Tam-muội hiện tiền. Nay ông nghi là nghi giáo. Phàm nghi giáo thì tin không nương, không nương thì tình tự loạn, loạn mà mất thì có lỗi chê bai, chê bai thì khởi nhân đọa địa ngục. Vì sao lại tự nghi. Trí thành ý ở chùa Quốc Thanh bên đài Đâu-suất mà dứt hết các duyên, nhất tâm niệm Phật, tưởng niệm đã tột cùng cảm được Quán Âm Thế chí đồng lúc cùng hiện. Một hôm lại cảm được mũi Bảo Bình chiếu sáng vào thân. Trí bảo đạo tục người thân rằng: Sinh về Tịnh-độ có cả ngàn người. Ai có thể ăn no mà chúng cười, đáp rằng quả có thể thì bọn ta đâu tiếc một bữa ăn, chỉ người đạo không thể được. Bèn hẹn sau ba ngày cùng đến ăn. Ăn xong Trí không bệnh nào khác chúng có người tin người không hoặc nghi thì khinh thường. Trời đã tối bèn ngủ đêm lại trong phòng xét lương khô. Chưa nửa đêm thì Trí ngồi yên trên giường dây Niệm Phật mà hóa. Đêm ấy có ánh sáng sắc vàng từ Tây đến chiếu xa mấy trăm dặm. Ngư dân trên sông gọi nhau trời sáng. Nhiều thuyền nhìn nhau đều kinh hãi, lâu lắm mới sáng.

***7. Thích Thiện Trụ:***

Sư họ Hoài, người ở Bác Dã thuộc Doanh Châu. Thuở nhỏ thông nghĩa học ra ở Lưu Ngũ. Từng đến Ngô Trung gặp Pháp sư Tuệ Tịnh giảng Kinh Niết-bàn đạo tục ngàn người đang lắng nghe thì sư giữa ngàn người nghị luận qua lại và đại thắng. Do đó một số quận ngợi khen. Niên hiệu Nhân Thọ năm thứ ba Văn Hoàng Đế ra chiếu chọn năm mươi ba danh tăng chia xá-lợi ở năm mươi ba quận. Trụ cậy mình lành muốn được chọn, bèn được chọn. Trụ rất nổi tiếng, nhưng Trụ ít thân thế mà đời thì chuộng thân thích nên tình cũ cũng cạn mỏng. Nhưng sư chỉ riêng gắng nghiệp Tịnh-độ. Tại chỗ ở có Tượng Di-đà và hai vị Bồ-tát, nhiều lần phát ra ánh sáng trong ngoài, người thấy đều khen ngợi, nhưng Trụ rốt cuộc chẳng nói với ai. Niên hiệu đại Nghiệp năm thứ hai Sư bị bệnh. Đến niên hiệu Võ Đức năm thứ ba thì bệnh lành. Vị nói bệnh ta lành nhưng mạng sắp hết, sau đó rất dốc chí. Lại nói: Ta đối Phật giáo vốn không xem thường thị Tịnh-độ chẳng lo không sinh. Liền nhờ các vị Tăng quét dọn phòng ốc trang nghiêm chờ lúc đến. Tối đó chư Tăng ở bên Trụ mà Trụ lại chấp tay khấn rằng Phật dùng bốn mươi tám nguyện nhiếp con Hữu tình chắc chắn mong mỏi, lúc này như bổn nguyện Phật, rồi nói có các chúng sinh trong nhiều kiếp chẳng gặp

Phật chẳng nghe Pháp. Này ánh sáng Phật đã chiếu đến Trụ, Trụ hướng nguyện này đến không sai. Nói xong thì mất.

***8 - Thích Pháp Tường:***

Sư là người ở Trừng Thành thuộc Đồng Châu. Tuổi nhỏ có chí tự lập. Cuối triều đại Chu Võ bắt Tăng đồ ra làm quan, vì sư lanh lợi nên được chọn, ông vì tự phụ nên ra làm quan. Đời Tùy khôi phục Phật pháp, Tường dâng biểu xin trở lại làm tăng, tìm đến trú tại Chùa Đại Hưng Quốc ở Dương Đô, ba mươi năm trầm tư mặc tưởng bao gồm quyền thật, chỉ dạy người tục làm lợi ích giúp sinh An Dưỡng, một nền nhà dựng lên một thiền Đường gồm đủ các đồ vật gỗ đá để dẫn nguyện. Niên hiệu Võ Đức năm thứ bảy đời Đường Sư bị bệnh đến hồi nguy cấp. Đệ tử nghe tiếng Tường niệm Phật phát ra từ miệng xưa chưa nghe nói bảo rằng: Trong lúc bệnh niệm Phật mà nguyện tưởng. Nhìn lại thì thấy ở vách phòng phía Tây có ánh sáng, ánh sáng tròn họp nhau như các gương báu chiếu nhau, các cõi nước khác đều hiện trong đó. Trong ánh sáng đó lại có các chim Tần già đến từ bốn phương, Tường chỉ các học trò hỏi có thấy chăng, nếu thấy ngày kia sẽ thấy ta ở Tịnh-độ, rồi ánh sáng tắt và Tường cũng tịch. Do đó trà tỳ theo Tây Vức nhặt Xá-Lợi mà an táng.

***9- Thích Minh Chiêm:***

Sư họ Đỗ, người ở Thạch Ấp thuộc Hằng Châu, tánh Sư ngay thẳng có học nay, người trong châu gọi là Sư tuấn sĩ. Biết đời là huyễn nên xuất gia ở chùa Ứng Giác núi Phi Long, sau nương chùa Đại Tập ở Nghiệp Hạ chuyên về Đại Luận Vũ Văn Thi phế bỏ Phật giáo. Nghiệp bèn ẩn lánh ở Nghiêm Cốc. Đến đời Tùy Văn khôi phục Thánh hóa ông mới ra trú chùa Pháp Tạng ở Tương Châu. Nhưng chí Nghiệp siêu bạt không dính đến loại khác, ngoài hương nến ra không có giao thiệp với người khác. Niên hiệu khai Hoàng năm thứ ba vua ra chiếu mời ở chùa Đại Hưng dịch thuật Thánh văn. Niên hiệu đại Nghiệp năm thứ hai lại ra sắc chỉ Tăng Đạo đều lạy vua. Lúc đó trước điện nhóm Hoàng Lão đều vâng chỉ, chỉ có tăng còn kênh kiệu. Vua nói chiếu ban đã lâu phải lạy vua. Chiêm thưa: Bệ hạ ban chế phản đạo thì phận ngựa chó phải theo, nếu Đại Pháp đáng kính thì dưới Pháp phục Tăng đồ không thể lạy tục. Vua nói: Tăng đồ không lạy tục sao lạy Tống Võ? Chiêm thưa: dùng oai tàn bạo nhân đức chẳng làm, nếu trái chiếu chỉ thì phải bị tru lục. Còn bệ hạ Thánh hóa nuôi vật chẳng gây lỗi quấy, nên thần tận

trung mà nói. Vua bèn chuẩn tấu và bỏ chiếu trước. Chúng cho Chiêm tánh cứng rắn không sợ cường bạo bèn cử làm Kinh Ấp Thượng Tọa. Đời Đường Thái Tông cũng lấy từ nhẫn làm gốc. Vua liền hạ lệnh giảm bớt giết mỗ, chỗ hành quân đều đặt nơi thờ Phật, đến lúc tuổi già tu trì kẻo muộn Chiêm nói ai muộn mà không quên mười niệm cũng được thấy Phật, huống là niệm muôn muôn câu ư? Ngày 2 tháng 10 niên hiệu Chân Quán năm thứ hai Sư bị bệnh bảo đệ tử rằng: số vật có cuối số mạng có cùng, nay mạng ta cuối lại cùng. Lại nói: Ta mất rồi chẳng sinh An Dưỡng ư? Rồi hẹn tăng Tục mấy trăm người ngày mai thọ trai ở chùa Hưng Thiện. Khi đó Bộc Xa Phòng Huyền Linh, tướng quốc Đổ Như Hối đều hội họp. Đã quá ngọ Chiêm trở về chùa oai nghi trang nghiêm như có vẻ đợi. Khoảnh khắc bảo Phật đã đến. Chốc lát lại bảo: 2 vị Đại Bồ-tát cũng đã đến, rồi nghiêm mình chấp tay vui vẻ mà mất.

***10. Thích Đạo Xước:***

Sư họ Vệ, người ở Vấn Thủy thuộc Tính Châu. Xuất gia học hỏi khắp các danh sư. Sau nghe Thiền sư Toán lý hạnh gồm đủ liền đến trú chùa Huyền Trang ở Bích Cốc, đây là nơi ở xưa của Pháp sư Đàm Loan. Sư Loan ở đấy tu tịnh nghiệp rất lâu, ngày Sư mất có rất nhiều điềm lành. Người trong quận gom nhặt các việc khắc vào bia. Khi xước đến xem văn thì càng tin tưởng nên nương vào tịnh cảnh mà lắng trong các niệm, niệm Phật A-di-đà nhiều vô số. Mỗi ngày bảy muôn câu làm mức. Trong vùng Tịnh và Phần Châu ít việc, người niệm Phật lần chuỗi rất ít có. Xước khuyên Tăng tục gắng niệm Phật người không lần chuổi thì lấy đậu mà đếm cứ một câu Phật thì một hạt đậu, hoặc lấy mè gạo mà ghi. Tính ra có đến mấy muôn hộc. Ngày 8 tháng 4 niên hiệu đời Đường Chân Quán năm thứ ba Đạo tục đến chùa lễ mừng Như lai giáng sinh lại thấy Loan trên thuyền bảy báu ở giữa hư không chỉ Xước mà nói: Ông ở trong nhà Tịnh-độ đã xong chỉ có báo thân chưa hết. Lại thấy Hóa Phật và Hóa Bồ-tát ở trên hư không, chúng đều kính khen phục. Do đó thời Sơ Đường ở các quận Tính Phần Tịnh-độ nhờ Xước mà hưng thịnh. Có bạn đồng chí là Đạo Phủ đi khỏi chùa Huyền Trang đã lâu lại ít gặp nhau, nghe Xước mất đã ba ngày, Phủ nói tưởng mình đi trước không ngờ lại sau. Lại nói Ta dùng công phu một hơi thấy Phật sẽ theo kịp. Ngày hôm ấy ở trước tượng cúi đầu bày tỏ rồi trở về chỗ ngồi mà hóa.

***11. Thích Quán Đảnh:***

Sư tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở Nghĩa Hưng thuộc Thường Châu. Ngũ Thế Tổ ẩn lánh ở Đông Âu, do đó nhà ở gần biển dời đến Chương An, lúc đó Đảnh còn bé hỏi mẹ niệm Phật Pháp Tăng, chỉ sơ liền biết đọc rất rõ ràng. Ở chùa Nhiếp Tịnh Pháp sư Tuệ Chửng nghe nói bảo là có túc tập. Năm bảy tuổi làm đệ tử Chửng mỗi ngày học tập có sự thành tựu. Đến khi xuất gia đến hỏi Đạo ở Thiên Thai, học tập giới Định. Đến niên hiệu Chí Đức đời Trần theo ngài Trí Giả ở Quang Trạch. Họ Trần mất ngôi giao về họ Tùy. Niên hiệu khai Hoàng năm thứ mười một Tấn Vương trấn giữ Dương Châu, Đảnh theo Trí Giả ở chùa Thiền Chúng, được 3 năm Trí Giả trở về chẩn, Đảnh cũng theo hầu. Niên hiệu khai Hoàng năm thứ mười bảy, Trí Giả bị bệnh, Đảnh nhận lời di chúc. Tấn Vương có thỉnh giới với Khải, khi Đảnh đến thì vua rất mến, nhân đó mở rộng nghiệp Tịnh-độ kế sai Dương Châu Tổng Quản Phủ Tư Mã Vương Hoằng đưa Đảnh về núi. Nhưng vì Trí Giả sáng lập chùa Quốc Thanh, niên hiệu Nguyên Thọ thứ nhất, Tấn Vương vào miếu Đảnh chúc rằng làm thạnh chùa miếu đài điện thì tăng thêm. Vua liền ban chiếu mời vào cung giảng kinh Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v..., ba hạ hoằng pháp, sáu cung kính mến, được hai năm thì Đảnh trở về Thiên Thai. Đến ngày 7 tháng 8 niên hiệu Chân Quán năm thứ 6 đời đường, Đảnh mất ở Chùa Quốc Thanh thọ bảy mươi hai tuổi. Trước Đảnh bị bệnh nhà có mùi thơm lạ, Đảnh vui mừng nói đây là mùi thơm hoa sen sẽ đưa ta đi. Do đó ở trước tượng Phật niệm mười câu A-di-đà Phật, ba tiếng hai Bồ-tát Quán Âm Thế Chí và Thanh Tịnh Hải Chúng các Bồ-tát thì đến chiếu chấp tay an nhiên mà tịch.

***12. Thích Đạo Ngang:***

Sư là người ở Hồ Thành thuộc Ngụy. Khi mẹ mang thai sư thì không ăn được đồ mặn, người ăn mặn và hành tỏi đến gần bà cũng không chịu được. Đến chín tuổi thì thờ Pháp sư Linh Du làm thầy, thiên tư rất thông minh, bắt đầu chẳng phải Sư trao, từng ở chùa núi Hàn Lăng nghiên cứu ý kinh suốt hai mươi năm. Tăng Đồ Nghĩa học ở Ngụy có điều không hiểu đến hỏi Sư đều được thông suốt. Mùa Xuân niên hiệu Chân Quán năm thứ bảy đời Đường, sư thấy các trí thức quan thân xa gần thường đến hỏi han, sư nói “Ta sống đây đến chết sẽ về, đến tháng tám ta về!” Đến hẹn mọi người đều đến, thấy sư không bệnh bèn nghi. Sư nói đã đến lúc rồi, đừng nghi. Rồi lên tòa Cao, khuyên mọi người cố gắng. Đang khuyên bỗng sư vái chào bảo: Sao các vị Trời đến đông, tôi không muốn sinh lên cõi Trời nếu sinh Tịnh-độ thì đón rước, liền nghe

theo. Do đó nhắm mắt, hồi lâu lại nói: Ánh sáng Phật A-di-đà đã chiếu thân ta, các Hóa Bồ-tát cũng đến rước. Sư bèn bưng lò hương cúi đầu tự bày tỏ vui mừng bỗng xoay mình lò hương rớt, sư cũng đã tịch.

***13. Thích Trí Diễm:***

Sư họ Chua, người ở quận Ngô. Mẹ là người họ Tước khi mang thai sư mộng thấy lên tháp Chùa Thông Huyền xa nhìn lên hư không, chẳng có vẻ sợ. Lúc sinh ra thì hình dung khôi ngô dễ nhìn. Tám tuổi thờ Pháp sư Cừ ở chùa Thông Huyền làm thầy. Năm mười hai tuổi tụng kinh Pháp Hoa ngày một bộ cả sớm chiều trong suốt ba năm. Mười sáu tuổi đến Pháp sư Trì nghe Luận Thành Thật. Không đầy hai năm Trì Công lại về Nam, Diễm đi về Đông đến chỗ Pháp sư Tương chùa Đại Trang Nghiêm nghiên cứu lại Luận Thành Thật. Niên hiệu Chí Đức năm thứ ba đời Trần, ở Kinh Sư lập Nhân Vương Trai, vua ra chiếu mời ba giáo luận nghị, trăm miệng tranh hơn suốt bảy đêm, chỉ có lời Diễm được vua khen thưởng. Trần mất Tùy lên, Thượng thư lệnh Sở Quốc Công Dương Tố Tả bộc xạ chất Quốc Công Tô Oai đều kính trọng. Đến lúc Đại Đường thống trị thì Đạo của Diễm đã rất lớn rộng. Đến tuổi trung niên thì thực hành Pháp Hoa và Phổ Hiền Sam, lại tụng Pháp Hoa hơn ba vạn bộ, còn đối với Tịnh-độ tu ba Phước nghiệp và các quán tưởng, cùng Tăng Tục trong ngoài châu hơn năm trăm người mỗi tháng gặp nhau một lần suốt cả mười năm ý chí chuyên cần trước sau như một. Tháng mười niên hiệu Chân Quán năm thứ Tám Sư bị bệnh, trong bệnh thấy một vị Tăng Ấn-độ tay cầm Bĩnh báu bảo Diễm rằng ta là Vô Biên Quang, ở cuối bộ Tịnh-độ có khen ngợi Công Đức Bảo Vương chính là khen ta. Được việc ấy Diễm bảo tăng trong chùa rằng Vô Biên Quang tức là Thế Chí khi thành Phật hiệu là Công Đức Bảo Vương. Do nhân nói quả ý nói ta sắp về Tây Phương vậy. Ngày ấy Sư mất tại phía Đông chùa ở Võ Khâu, thọ bảy mươi mốt tuổi. Dân cả châu lớn nhỏ đều buồn khóc đến kính lễ, rồi chôn sư ở ngọn núi phía Nam của chùa.

***14- Thích Thần Tố:***

Sư tự Thiệu Tắc họ Vương, trước là người Thái Nguyên sau ở An Ấp nơi đồng quê Minh Điều. Thuở nhỏ Tố làm Tăng cùng với Pháp sư Đạo Kiệt kết ý học đạo, là đôi bạn thông suốt văn nghĩa ít có rất nổi tiếng thời ấy. Trong niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, sư giảng Luận A Tỳ Đàm hơn bốn mươi lần, Luận Thành Thật hơn hai mươi lần và các Tiểu Bộ khác không ngày nào nghỉ. Từng nói: nếu chỗ giảng của tôi có

mở sáng cho người thì nguyện thân này chết rồi sớm sinh về An Dường. Ông rất khiêm nhường cung kính không hề phạt rầy ai. Ngày 13 tháng 2 niên hiệu Chân Quán năm thứ mười bảy đời Đường sư bị bệnh nhẹ, bảo đệ tử rằng ta quyết tâm gieo nhân An Dưỡng nay ta bị bệnh may mắn không có khổ não, các con chờ gì không giúp ta. Rồi bảo đệ tử tụng Quán Kinh, Sư lắng nghe xong lại niệm Phật A-di-đà hai Bồ-tát Quán Âm Thế Chí và Hải Chúng Bồ-tát như thế xưng niệm mấy lần lại bảo một vị Tăng đọc các Tăng họa theo. Đến nửa đêm thì ngồi thẳng mà tạ thế.

***15. Thích Thiện Đạo:***

Không rõ sư họ gì và người ở đâu, đi chu du hỏi đạo khắp nơi. Trong niên hiệu Chân Quán đời Đường gặp Xước Thiền sư ở Tây Hà thực hành Sám Phương Đẳng và Đạo Tràng Tịnh-độ Cửu Phẩm, Đạo vui mừng nói đấy thật là bến bờ cốt yếu vào Phật mà ta có được. Rồi siêng năng khổ nhọc như cứu lửa cháy đầu. Sư đến Kinh đô hoằng hóa bốn bộ Đệ tử bất luận giàu nghèo sang hèn, kẻ giết mổ hoặc buôn bán rượu thịt đều thâu nhận phát ngô cho. Sư có viết Kinh Di-đà mười vạn quyển để thí cho người thọ trì. Người ở Kinh đô và các quận đều nối gót sư tụng kinh niệm Phật. Có người hỏi: niệm Phật giỏi có sinh Tịnh-độ chăng? Sư đáp nếu ông niệm thì sẽ toại nguyện. Nói xong Thiện Đạo tự niệm A-di-đà Phật một câu thì từ miệng có một luồng ánh sáng ra, niệm mười câu, trăm câu đều có ánh sáng phát ra. Sư nhàm chán thân nhiều khổ ép ngặt tình ý dối trá đổi đời, bèn leo lên cây liễu ở trước chùa hướng về phía Tây khấn rằng: Nguyện oai thần Phật tiếp dẫn con, Quán Âm Thế Chí đến giúp con khiến tâm con không mất chánh niệm, không sợ sệt, trong Pháp Di-đà con không lui sụt. Nguyện xong thì gieo mình xuống đất mà mất. Lúc đó các sĩ đại phu ở Kinh Sư đều kính tin, bèn thâu nhặt hài cốt đem chôn. Vua Đường Cao Tông biết sư niệm Phật miệng phát ra ánh sáng lại biết khi mất sư rất tinh thành bèn ra sắc đổi hiệu chùa là Quang Minh.

***16- Thích Công Huýnh:***

Sư họ Biên, người ở Lăng Nghi thuộc Đông Kinh. Năm sáu tuổi nghĩ chuyện xuất gia thì các thân thuộc ngăn cản. Đến năm mười sáu tuổi mới thỏa chí khi làm Tăng thì suốt hai mươi năm không đến nhà Tục. Từng đi vào núi Thái sơn thực hành sám pháp Phổ Hiền và ngồi đọc tụng không dựa ghế suốt ba năm như thế. Một sáng Đức Phổ Hiền

ngồi voi sáu ngà hiện ra trước, cảnh giới màu bạc cũng hiện ra, sư biết do tinh thành mà cảm được nên càng thêm dồi mài. Chúng mời Sư đến chùa Tuệ Phước trong quận giảng kinh Thắng-man và cũng giảng thêm các kinh luận khác. Tuổi về già sư chỉ chuyên giảng Pháp Hoa, có soạn Pháp Hoa Nghĩa Sớ năm quyển. Lúc giảng đến Phẩm Dược Thảo Dụ thì trời liền mưa, trước sau năm mươi lần đều có ứng nghiệm. Nên người ở đất Biện gặp lúc hạn hán đợi giảng. Sau soạn Luận Phật Địa và Nhiếp Luận các Sớ. Khi Sớ chưa thành thì Sư nói: đem hết tình làm sáng Thánh giáo nguyện chỗ làm này được sinh An Dưỡng. Khi Sớ thành thì có ánh sáng lạ năm màu chiếu vào nhà. Tăng trong chùa kinh hãi không biết nơi đến. Sư nói lấy việc ta làm sáng Thánh giáo mà nghiệm ra. Sư lại nói ta vì khổ ba độc mà thường chán lìa do tâm chán lìa mà khởi niệm tinh tấn. Được đây thì nương ánh sáng mà đủ thấy Phật. Do đó hệ niệm Tây Phương, nhịn ăn mà mất.

***17. Thích Duy Ngạn:***

Sư người ở Giao Thành thuộc Tính Châu. Thường than rằng: Ba cõi không yên cũng như nhà lửa, chưa sinh An Dưỡng đều là đống khổ. Do đó mười sáu quán môn thường siêng năng không nhàm chán. Ngày 7 tháng Giêng niên hiệu Thùy Củng đời đường, nhân khi xuất quán thì thấy hai vị Bồ-tát Quán Âm Thế Chí hiện trên hư không rất lâu chẳng mất. Sư đảnh lễ khóc lóc than rằng: con may mắn mắt thịt mà được thấy hình Thánh, tiếc rằng không thể truyền lại cho đời sau. Bỗng có hai người tự xưng là thợ vẽ, thì trong nháy mắt hình đã vẽ xong, sau đó người biến mất. Đệ tử lấy làm lạ hỏi, sư nói: Há là thợ vẽ ư? Lại nói: Đã đến lúc ta về Tây, đệ tử ai muốn theo ta thì nói. Có đứa bé thưa con không dám cãi lịnh thầy. Sư bảo: được theo ta nhưng phải thưa với cha mẹ, Cha mẹ nghe nói liền cười là chẳng biết gì. Đứa bé trở về chùa tắm gội nước thơm rồi quì trước tượng Phật Di-đà mà mất. Có người đem việc thưa sư, Sư đến vỗ vào lưng cậu bé bảo: Việc ngươi sao lại trước ta? Rồi cầm bút đốt hương trước tượng Bồ-tát mà viết rằng:

*Quán Âm xa rước con,*
*Thế Chí xa đón con,*
*Trên mũ bình báu hiện,*
*Đảnh Hóa Phật sáng trưng,*
*Ai khắp mười phương cõi,*
*Cầm hoa tiếp chín sinh,*
*Nguyện dưới tay Từ Bi,*

*Dắt con về Phương Tây.*

Khen xong liền nhờ đệ tử giúp niệm Phật, rồi nhắm mắt xoay mặt về hướng Tây mà mất.

***18. Thích Pháp Trì:***

Sư họ Trương, người ở Giang Ninh thuộc Nhuận Châu. Chín tuổi thờ Thiền sư Phương ở núi Thanh Thành, thiên tánh thông minh sâu rộng. Đến mười ba tuổi Nương Đại Sư Huỳnh Mai Nhẫn mà được tâm, liền về Thanh Thành thờ Thiền sư Phương giúp Tông môn cực sáng. Từ đó bốn phương theo học nổi tiếng xa gần. Huỳnh Mai trước khi tạ thế thường bảo chúng rằng mười người truyền giáo ở Kim Lăng, Pháp Trì là một. Sư đối với Tịnh-độ đã buộc tâm tới lui đều quán tưởng. Ngày 5 tháng 9 niên hiệu Trường An năm thứ hai hai sư mất ở Chùa Diên Phước. Một ngày trước khi mất, sư bảo đệ tử là Trí Oai rằng: khi ta sống chưa dạy mọi người về Tịnh-độ, khi ta chết rồi hãy đem hài cốt ta để dưới cội tùng cho cầm thú ăn mà tạo nhân Tịnh-độ, con hãy nhớ lấy! Trí Oai thưa con xin vâng lời. Đến khi Sư mất, Trí Oai cùng người trong quận cung kính rước di hài sư ra cội thông theo đúng ý sư. Ngày hôm ấy Tăng trong chùa thấy có mấy mươi lá cờ phướn thần từ phương Tây đến. Cờ phướn phát ra ánh sáng chiếu vào thất của sư ở trước đây. Chùa cũ Trúc Lâm cũng sáng trưng.

***19. Thích Tuệ Nhật:***

Sư họ Tân người ở Đông Lai. Được Độ ở thời vua Thái Tông đời Đường, gặp Tam tạng Nghĩa Tịnh từ Tây Vức trở về ngày đêm thưa hỏi thông suốt Phật Thừa. Mỗi khi nghe Tịnh nói di tích Như lai ở Tây Vức thì cảm thấy phơi phới chí muôn phương. Đến niên hiệu Đại Túc thời Võ Tắc Thiên sư ngồi thuyền buồm đến phía Đông Nam Hải, ba năm đi khắp các nước Côn Luân, Phật Thệ, Sư Tử Châu v.v... Kế đến Thiên-Trúc học hỏi Thiện tri thức mười ba năm học kinh Pháp không để trống ngày nào. Lại ở Tuyết Lãnh Song Lâm trải qua bốn năm. Vì chạm nhiều gian khổ nên nhàm chán cõi Diêm Phù, do đó nói: Nước nào phương nào có vui không khổ, Pháp nào hạnh nào mau được thấy Phật: Hỏi khắp các Tam tạng Thiên Trúc, thì các Tam tạng đều khen ngợi Tịnh-độ. Lại nói: Giáo chủ Tịnh-độ Bi sâu nguyện rộng, người muốn sinh đều được thỏa nguyện. Sư nghe xong rất vui mừng. Khi đến nước Kiện đà la, ở phía Đông Bắc thành có núi lớn, trên núi có tượng Bồ-tát Quán Âm. Người chuyên cầu thỉnh Ngài thường hiện thân. Sư

bèn tuyệt thực bảy ngày cố chết để thỉnh. Đếm đêm thứ bảy thì Bồ-tát Quan Âm hiện ra trên hư không thân vàng tím cao hơn một trượng, ngồi trên hoa sen báu tay phải xoa đầu Sư bảo rằng: ngươi muốn truyền pháp lợi người, lại muốn sinh về nước Di-đà, thì chỉ cần buộc niệm sẽ được như nguyện. Ngươi cũng nên biết Pháp môn Tịnh-độ hơn các hạnh khác. Bỗng nhiên biến mất. Sư vì tuyệt thực lâu ngày nên thân thể mệt mỏi, do việc này liền thấy sảng khoái nhẹ nhàng. Nhật từ khi đến Tây Vức lúc trở về trải qua hai mươi mốt năm, đi qua hơn bảy mươi nước. Niên hiệu khai Nguyên năm thứ bảy sư đến Trường An dâng lên vua hình tượng Phật và kinh tiếng Phạm, cảm ngộ được tâm vua, vua ban đức hiệu là Từ Mẫn Tam tạng. Song chí của Sư chuyên cần đối với Tịnh-độ. Sư có soạn Tịnh-độ Văn Ký 5 quyển dễ dạy người thế tục tin sâu Tịnh Tông. Sư rất gần với các bậc Hiền như Đạo Xước, Thiện Đạo. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ bảy Sư mất ở tại chùa, thọ sáu mươi chín tuổi an táng toàn thân ở ngọn phía Tây của núi Bạch Lộc. Trước khi chết ba ngày Sư nói mắt thấy hoa sen như vầng mặt trời.

***20. Thích Hùng Tuấn:***

Sư họ Chu, người ở Thành Đô, tánh ngang bướng không có giới hạnh nhưng giỏi thuyết giảng. Khi giảng được tiền của thì dùng vào việc phi pháp. Người đất Thục khinh bỉ coi là kẻ phá đạo, các Sa môn không ghét cũng không giúp sư. Sư cũng từng bỏ tăng vào trại lính. Nhân lánh nạn lại vào tăng. Tăng đồ có kẻ giữ danh tiết phòng khi chưa bị nên số đông sợ lánh mặt Sư. Sư nghe kinh nói niệm một câu A-di-đà Phật thì diệt được tội nặng sinh tử trong năm mươi ức kiếp bèn mừng rỡ nói rằng: Ta nhờ việc này! Do đó khi gây lỗi ác, miệng liền niệm Phật thì chỗ niệm hoặc còn mà mất, dường như được mà tan cũng khiến bọn ta làm trò cười mà thôi. Ngày 5 tháng 2 niên hiệu đại Lịch năm thứ hai đời đường bị bạo bệnh mà chết, xuống minh phủ gặp vua, vua nói: Bắt lầm ngươi, cho ngươi trở về. Nhưng tội ác của người rất lớn phải bị khổ sở. Bèn sai ngưu đầu đuổi vào địa ngục. Tuấn đến cửa địa ngục chống cụ la lớn: Niệm một câu A-di-đà Phật còn diệt sinh tử tội nặng trong năm mươi ức kiếp huống chi Tuấn này chưa gây ra năm tội nghịch, chưa gây mười điều ác lại luôn niệm Phật không quên, dựa vào lời Phật há bị khổ sở? Do đó lại khóc lớn nhìn ngó hai bên. Ngục tốt nhìn nhau chẳng dám làm gì Tuấn, rồi thưa lên vua gọi Tuấn đến bảo: Ngươi niệm Phật nhưng không thật tin, chỉ là thân miệng có nhân hãy trở về mà tu tâm. Tuấn được về đem việc kể lại. Có kẻ hài hước bảo Tuấn là kẻ lọt lưới

địa ngục. Tuấn nói: Đừng nói giỡn chơi, do đây mà sau tự biết lối. Bèn đến Tây Sơn ở quận Nam mà rửa sạch tình ý chuyên tâm niệm Phật suốt bốn năm ba tháng bảy ngày. Bạn bè của Tuấn bảy người ở Tây Sơn đến thăm hỏi, Tuấn vui mừng bảo thời đã đến. Các anh trở về, có duyên sẽ gặp có việc đáng nhờ. Các anh về gặp người quen thân nói Tuấn nhắn rằng Tuấn nhờ công đức niệm Phật mà được sinh Tịnh-độ đừng như ngày nào gọi Tuấn là người địa ngục nữa. Nói xong thì cười mà mất.

■

# TỊNH-ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

## QUYỂN HẠ

Chánh truyện có mười bảy vị, phụ thêm có ba vị.

1- Thích Tăng Huyền ở Tính Châu đời Đường. (Phụ: khởi Phương, Viên Quả)

2- Thích Biện Tài ở Sóc Phương đời Đường.

3- Thích Pháp Chiếu ở Ngũ Đài đời Đường.

4- Thích Tự Giác ở Trấn Châu đời Đường.

5- Thích Hoài Ngọc ở Thai Châu đời Đường.

6- Thích Tề Hàn ở Ngô Quận đời Đường.

7- Thích Thần Hạo ở Ngô Quận đời Đường.

8- Thích Thiếu Khang ở Lục Châu đời Đường.

9- Thích Tri Huyền ở Bành Châu đời Đường.

10- Thích Tăng Tạng ở Phần Châu đời Đường.

11- Thích Đại Hành ở Duyễn Châu đời Đường.

12- Thích Duy Cung ở Kinh Châu đời Đường. (Phụ: Linh khuy)

13- Thích Hồng Cử ở Ôn Châu đời Hậu Đường.

14- Thích Chí Thông ở Phụng Tường đời Thạch Tấn.

15- Thích Thiệu Nham ở Tiền Đường đời Đại Tống.

16- Thích Thủ Chân ở Đông Kinh đời Đại Tống.

17- Thích Ngộ Ân ở Dư Hàng đời Đại Tống.

*****

***1- Thích Tăng Huyền:***

Người Thọ Dương ở Tính Châu. Thuở nhỏ niệm Từ Thị Di-lặc nguyện sinh Nội Viện Đâu-suất. Năm tám, chín tuổi gặp Thiền sư Đạo Xước dạy cho Tịnh-độ nhưng chưa ngộ chỉ mới hồi Tâm. Huyền thấy Đạo suy đồi, công chứa nhóm không lớn, bèn sớm chiều lễ Phật thường hơn ngàn lạy, niệm danh hiệu cả vạn tiếng. Thức ngũ thường canh cánh chăm chăm không bỏ như thế được ba năm. Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ chín bị bệnh đến Đại Tàm gọi đệ tử bảo rằng ta là người hữu lậu mới bị bệnh này, Phật A-di-đà trao cho ta hương y, Quán Âm, Thế Chí đưa cho ta tay báu. Do đây mà Tây Phương đều là cảnh Tịnh-độ, ta theo Phật mà đi. Rồi mất, mất đã bảy ngày mà mùi thơm chưa tan. Người ở Tinh Phần do đó mà càng tin về Tịnh-độ. Lúc đó chùa Ngộ Chân ở Phần Tây có hai Pháp sư Khải Phương và Viên Quả, xưa từng vì già tôn kính Huyền lại chính mắt thấy sự việc bèn ở trước tượng Quán Âm mà sám hối lỗi xưa. Rồi bẻ nhánh dương để trên tay tượng Quán Âm mà thề Phương Quả chúng con nếu có duyên Tịnh-độ thì làm cho nhành dương này bảy ngày không héo. Đến hẹn nhánh dương càng tươi. Phương Quả sớm chiều không bỏ quán niệm. Sau mấy tháng quán niệm, một tối trong khi quán niệm bỗng biết mình đến ao lớn bảy báu, trong ao có màng báu lớn chui vào thì thấy Quán Âm Thế Chí ngồi trên đài hoa báu, dưới đài có ngàn vạn hoa sen, Đức Phật A-di-đà từ Tây đến ngồi trên một hoa sen lớn nhất, phát ra ánh sáng chiếu khắp, Phương Quả đến trước lễ hỏi: chúng sinh Diêm Phù y kinh niệm Phật có được sinh lên đây chăng? Phật bảo Phương rằng như niệm danh ta thì sinh nước ta không có ai niệm mà chẳng sinh. Lại thấy đất bằng phẳng như bàn tay, cờ phướn lưới châu trên dưới giao nhau. Lại thấy một vị Tăng ngồi trên xe báu, tiến đến bảo Phương Quả rằng ta là Pháp Tạng đây, do nguyện xưa mà đến rước Phương-Quả lên xe đi về phía trước. Lại thấy thân ngồi trên hoa sen báu. Lại nghe Đức Như lai Thích Ca và Bồ-tát Văn-thù dùng âm Phạm mà khen Tịnh-độ ở trước mặt. Có ngôi điện lớn, điện có ba đường thềm, đường thứ nhất toàn người tại gia, đường thứ hai gồm cả tăng tục, đường thứ ba chỉ có Tăng chứ không tục. Phật chỉ đường có Tăng Tục bảo Phương Quả rằng: Đây đều người Diêm-Phú niệm Phật mà sinh về, các ngươi phải rất cố gắng. Phương Quả tỉnh dậy cùng bàn bạc. Năm ngày sau hai người không bệnh nghe có tiếng chuông, hỏi tăng bên cạnh bảo chẳng nghe gì. Phương-Quả nói: Tiếng chuông là việc của chúng tôi. Phút chốc thì hai người cùng mất.

***2- Thích Biện Tài:***

Sư họ Lý, người ở Tương Dương từ khi mẹ mang thai sư lại ghét đồ mặn, đến tối sinh ra Sư thì mùi thơm đầy nhà. Năm bảy tuổi xuất gia theo Thiền sư tịnh ở Hiện sơn, mười sáu tuổi cạo tóc tại chùa Đại Vân ở Bổn Châu. Kế đi khắp quận nghiên cứu kinh sách. Sau nghe Luật sư hoài Oai chùa An Quốc ở Trường An, Pháp môn đầy thân bèn đến học mà có đại thành. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười bốn đời Đường vua Huyền Tôn vì người phương Bắc tánh khí cứng rắn lâu thành thói quen, nên trong các chùa thường tập cỡi ngựa bắn tên, bèn ra chiếu cho tài dạy răn, đến Đàn để điều tập. Đầu niên hiệu Chí Đức vua Túc Tông lên ngôi. Quan Tể tướng Đỗ Hồng Tiệm tâu vua ra chiếu ở chùa Long Hưng ban cho Tài thêm chức Sóc Phương Quản Nội Giáo Thọ khiến khuyên cố gắng để thay đổi thói xấu. Lộc Sơn nổi loạn người chết máu tanh đến Hà Lạc Tài bèn giả bệnh tuyệt âm không nói suốt ba năm. Khi Lộc Sơn bại trận Túc Tông ban thư khen ngợi. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 3 lại ra chiếu làm Đại đức ở chùa Chương Tín. Lúc đó phủ soái Quắc Quốc Thường Công và Hộ Nhung Nhậm Công rất kính mến danh tiếng của Tài tuy chưa nhường nhưng khi luận Đạo thì rất tâm phục. Tài đối với Tịnh-độ ngầm kín tinh tu suốt hai mươi năm chưa hề nói với ai. Khi giao thiệp với Nhậm Công mới nói Tài thấy huyển thân này đã già yếu khi chết ắt sinh Tịnh-độ chỉ khoảng mười năm nữa thôi. Mùa Thu năm thứ mười ba, Tài bị bệnh, đến chiều Đông mùng tám, bảo đệ tử: Ngươi đến Nhậm Công đã đến hẹn 10 năm, Nhậm Công sẽ không quên đâu. Đệ tử nói y lời, Nhậm Công nói chẳng lẽ Sư giã biệt ta ư? Rồi cùng Thường Công đến thăm. Hai ông mới đến cửa, đệ tử vào báo, Tài bảo: Đến thì ta đi, rồi ngồi kiết già im lặng mà mất. Lúc đó mọi người nghe có tiếng âm nhạc từ Tây đến và mùi thơm phát ra, đến sáng hôm sau lại càng thơm hơn.

***3- Thích Pháp Chiếu:***

Chẳng rõ sư người ở đâu thời nào. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ hai đời Đường, Sư trú tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, từ Nhẫn giới định rất tinh nghiêm. Một hôm, ở trong Tăng Đường ăn cơm thì thấy trong bát có mây năm màu. Trong mây có ngôi chùa, ở phía Đông Bắc chùa có ngọn núi lớn. núi có khe, khe có cửa đá. Qua cửa khoảng năm dặm có một ngôi chùa bảng vàng đề chùa Đại Thánh Trúc Lâm Tự Chiếu tuy mắt thấy mà tâm không nhớ rõ. Ngày khác vào lúc ăn trong bát hiện mây năm màu, trong mây hiện ra mấy chùa nhưng không có núi rừng

dơ bẩn, sắc vàng sáng rực, ao đài lầu quán đầy các báu, có rất nhiều vị Bồ-tát ở trong đó, trong cõi nước trang nghiêm tịnh của chư Phật có các thức đẹp đẽ lấp lánh thích nhìn. Nhân hỏi thăm thì có hai Tăng là Gia Diên và Đàm Huy bảo rằng việc Thánh thần biến hóa phàm tình không thể lường được, nói về địa thế núi sông thì đúng là núi Ngũ Đài. Mùa Hạ niên hiệu Đại Lịch thứ 4 đời Đường Chiếu trú tại chùa Hồ Đông ở Hành Châu mở Đạo Tràng ngũ Hội Niệm Phật. Ngày 2 tháng 6 năm ấy, mây lành năm màu che phủ chùa, trong mây có lâu đài, có nhiều vị Tăng Ấn-độ thân cao hơn trượng cầm tích trượng hành Đạo. Lại thấy Phật A-di-đà cùng hai Bồ-tát thân cao lớn đầy khắp hư không. Lúc chiều tối, Pháp Chiếu ở ngoài Đạo tràng gặp một cụ già bảo: trước ông ở cõi sắc vàng đã phát nguyện lễ chào Đại Thánh nay sao lại bỏ đi. Chiếu nói thời buổi đường xá lúc khó khăn không bỏ sao được? Cụ già bảo gấp đi liền thì sao gọi là khó? Chưa kịp đáp thì ông lão biến mất. Chiếu thấy việc lạ lại phát nguyện rằng: Nguyện đem thân này kính dâng Đại Thánh dầu gặp đống lửa sông băng cũng không thối chí. Năm ấy ngày 13 tháng 8, chiếu mấy người đồng chí từ Nam Nhạc đi lên thì đường không hiểm trở, ngày 5 tháng 4 năm thứ 5, đến Ngũ Đài, nhìn xa thấy phía Nam chùa có mấy luồng ánh sáng. Ngày mồng 6 đến chùa Phật Quang giống y như đã thấy trong bát. Đêm ấy canh bốn lại có ánh sáng lạ từ phía Bắc đến chiếu soi vô số kể, bèn hỏi: Đây là điềm gì tốt hay xấu? Vị Tăng ở đó đáp đây là ánh sáng không thể nghĩ bàn của Đại Thánh chiếu nhiếp thân tâm ông, còn hỏi gì. Chiếu nghiêm túc đến một chùa, ở phía Đông Bắc cách năm dặm quả nhiên có ngọn núi, trong núi có khe, phía Bắc khe có cửa đá, bên cửa có hai đứa trẻ mặc áo xanh khoảng tám, chín tuổi hình dung đẹp đẽ, một người tên Thiên Tài, người kia tên Nan đà, dẫn Chiếu vào cửa đi về phía Bắc khoảng năm dặm thì thấy một Cửa Vàng, trên cửa có lầu, bên lầu có một ngôi chùa, cửa chùa có bảng Vàng lớn đề Chùa Đại Thánh Trúc Lâm chùa vuông vức hai mươi dặm có cả trăm viện, các viện đều có tháp, đất vàng ròng, đài hoa cây ngọc đầy khắp. Chiếu vào giảng đường thì thấy Văn-thù ở phía Tây, Phổ Hiền ở phía Đông đều ngồi trên tòa cao sư tử, tiếng nói Pháp rõ ràng trong tai. Quanh đức Văn-thù có mấy nhiều Bồ-tát, Đức Phổ Hiền cũng có các Bồ-tát đi nhiễu quanh. Chiếu đảnh lễ hai vị Bồ-tát thưa rằng: Phàm phu đời mạt trí thức cạn cột, Phật tánh tâm địa không do đâu mà hiển sáng, chưa biết tu hành pháp môn nào là cốt yếu nhất, cúi mong Đại Thánh giải nghi cho con. Ngài Văn-thù nói điều ngươi hỏi nay rất đúng lúc, các hạnh môn tu lành không gì bằng niệm Phật ta ở

kiếp quá khứ nhân niệm Phật mà được Trí Nhất Thiết Chủng. Cho nên các Pháp Bát-nhã Ba la mật đa sâu nhất là Thiền định, cho đến Chánh Biến Tri của chư Phật đều từ Niệm Phật mà sinh. Chiếu nói đó là niệm gì. Bồ-tát Văn-thù nói phía Tây thế giới này có Phật Di-đà, nguyện lực Phật ấy không thể nghĩ bàn, ông phải niệm không xen hở thì, khi qua đời chắc chắn vãng sinh. Nói xong hai vị Bồ-tát duỗi tay màu vàng xoa đầu Chiếu và Thọ ký rằng: Ông niệm Phật không thể nghĩ bàn nên rốt ráo chứng được Vô Thương Giác. Các Thiên nam nữ muốn nhanh chóng thoát ly thì phải niệm Phật. Khi đó hai vị Bồ-tát cùng nói Già Đà. Chiếu nghe xong càng thêm mừng rỡ. Đức Văn-thù lại nói: Ông nên trở về kính lễ khắp các vị Bồ-tát mà tiếp nhận giáo thọ. Chiếu theo đúng lời dạy thỉnh các Giáo thọ kế đến Hoa Viên bảy báu ra trước Đại Thánh mà làm lễ từ giã. Rồi hai trẻ Thiện Tài và Nan-đà mặc áo xanh đưa ra ngoài cửa. Chiếu lại đảnh lễ, ngẩng đầu lên thì đều biến mất. Đến mười ba ngày sau Chiếu cùng hơn năm mươi vị Tăng đến Hang Kim cương Vô Trước thì thấy Đại Thánh ở đấy. Bỗng thấy đất đai mở rộng nghiêm tịnh lưu ly các báu làm thành cung điện, Văn-thù Phổ hiền cả vạn vị Bồ-tát Phật Đà-Ba-Lợi cũng ở trong đó. Thấy xong Chiếu theo chúng về chùa. Đêm ấy canh ba ở lầu Tây của viện Hoa Nghiêm lại thấy ở hang núi phía Đông chùa có năm ngọn đèn lớn hơn một thước. Chiếu lại nguyện chia làm trăm ngọn đèn rồi hợp lại thành một, lại nguyện chia làm ngàn ngọn đuốc rồi sắp thành các hàng ánh sáng chiếu vào nhau và ánh sáng phân tán khắp núi rừng đồng cỏ v.v... Chiếu lại đến trước hang Kim cương nguyện thấy được Đại Thánh. Vào đầu canh ba thấy một Phạm Tăng tự xưng là Phật-Đà-Ba-Lợi dẫn chiếu vào chùa. Đến ngày 1 tháng 12 ở Viện Hoa Nghiêm vào Đạo Tràng Niệm Phật trong khi quán niệm thì hai vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền bảo mình rốt ráo chứng Vô Thượng Giác, lại ghi mình niệm Phật Di-đà chắc chắn vãng sinh. Do đó ta nhất tâm niệm Phật Chánh niệm thì thấy một vị Tăng Ấn-độ vào chùa bảo rằng ông sinh vào đài hoa ở Tịnh-độ, ba năm sau ông đến sẽ nở ra nhưng việc ông thấy chùa Trúc Lâm sao không nói cho mọi người cùng biết. Chiếu nghe nhớ việc thấy xưa bèn gọi thợ khắc đá, chỗ thấy chùa Trúc Lâm xưa thì cất lên một ngôi chùa cũng tên là Trúc Lâm. Chiếu nói việc ta đã xong, ta há lại ở lâu cõi này ư? Qua mấy ngày sau thì mất suy ra đúng là ba năm như lời vị Tăng Ấn-độ nói.

***4- Thích Tự Giác:***

Sư là người ở Vọng Đô thuộc Bác Lăng. Năm mười tuổi thờ ngài

Tri Khâm chùa Khai Nguyên ở bổn quận làm thầy. Khâm thấy chí ông khác thường bèn khiến đặt tên Tự Giác và nói chơi rằng nghe tên nghĩ ngợi mà vô ích ư? Giác thưa hạt giống Phật từ duyên khởi sao quên lời dạy dỗ. Niên hiệu Chí Đức thứ 2 đời Đường sư thọ Cụ giới, đi về phương Bắc đến chùa Linh Thọ Thiền Pháp mà rèn tập các kinh luật Đại Tiểu thừa. Lai so sánh nghĩ rằng việc đời lăng xăng ngày cả muôn mối, không bằng vào núi Thái Sơn cất lều tranh trên tảng đá lớn mà ở là đủ. Đầu niên hiệu Đại Lịch ông được Viện Trùng Lâm phía Tây Bình Sơn, Giác nói núi vắng không người phiền lự chẳng sinh, đất phiền lự không sinh đâu tuyên nói Phật giáo mà không người nghe, ắt có đạo quỉ thần ở đấy. Do đó Sư sớm chiều giảng nói cho các âm hồn suốt ba năm, năm năm trời hạn hán thêm nạn trộm cướp như ong vở tổ, lại khắp nơi in dấu cọp sói hổ báo Sư hái rau quả ngày ăn một bữa. Tiết Độ Sứ Hằng Dương là Trương Chiêu, lúc đó hạn hán nghe Giác siêng năng khổ nhọc có nhiều điềm lành, bèn đích thân vào núi thỉnh rằng: Chiêu tôi ít phước, họa đến trăm họ, suốt ba năm không mưa nên tự trách mình vô ích. Lại nói: Chiêu nghe Long vương nương Ngài nghe Pháp mà quên làm mưa, mong Ngài từ bi thương xót cứu giúp. Sư bèn đốt hương xa trông ao đầm mà khấn rằng: Chỉ có rồng làm mưa đất đai thấm ướt. Phút chốc thì mưa lớn ào xuống. Năm ấy dân Hằng Dương trúng mùa. Sư Giác từ khi vào Pháp đến nay có phát bốn mươi chín nguyện trong đó có một nguyện, là nguyện do Bồ-tát Đại Bi tiếp gặp được Phật Di-đà. Do đó quyên góp đúc tượng Đại Bi cao bốn mươi chín thước và xây chùa để thờ. Khi chùa thành thì Phật sự rất thanh hành. Trước tượng Đại Bi Sư cúi đầu than khóc rằng Thánh tượng đã thành, chùa tháp đã xong, nay nguyện nương Thánh lực mà sớm lên An Dưỡng. Đêm ấy vào canh ba bỗng có hai luồng ánh sáng màu vàng. Trong ánh sáng có Phật A-di-đà nương mây mà xuống, Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, Phật đưa tay vàng xoa đầu Giác nói: Chớ bỏ lợi vật làm đầu, ao báu được sinh ai không thỏa nguyện. Bỗng mây cuốn ánh sáng tắt không còn dấu vết gì. - Sau mười một năm ngày 15 tháng 7, lại thấy một người ở trên mây hiện ra nửa người giống như Tỳ-sa-môn gọi Giác bảo rằng hẹn về An Dưỡng nay đã đến, Giác đem việc đã thấy bảo đệ tử siêng năng mạnh mẽ đối với Pháp của Như lai không lười biếng. Rồi ở trước Tượng Đại Bi ngồi kiết già mà hóa. Biết đệ tử muốn đưa khám thờ về quê cũ khiến người trong châu khốn khổ, bèn dời tháp về phía Nam chùa Đại Bi.

***5- Thích Hoài Ngọc:***

Sư họ Cao, người ở Đan Khâu, chuyên tu Tịnh nghiệp suốt bốn mươi năm, mỗi ngày đọc niệm Phật A-di-đà năm vạn biến, tụng các kinh khác ba trăm vạn quyển. Niên hiệu Thiên Bảo đời Đường Năm thứ nhất ngày 9 tháng 6, Sư Ngọc đang niệm Phật bỗng thấy Thánh chúng Tây Phương số đông như cát sông Hằng, trong đó có một người tay cầm đài bạc trình ra trước Ngọc, Ngọc nói Hoài Ngọc tôi vốn mong đài vàng nay sao đưa đài bạc đến? Nói xong thì đài và người đều biến mất. Ngọc do đó càng cố gắng suốt hai mươi mốt ngày thì người đưa đài bạc trước lại đến bảo Pháp sư vì tinh khổ nên được lên Thượng phẩm, vãng sinh trước thấy Phật, nên ngồi kiết già mà đợi. Chưa dời gót thì thấy có ánh sáng lạ chiếu vào thất, Ngọc đưa tay nói với mọi người rằng: Chớ đụng vào ánh sáng ấy ta muốn đạp lên ấy mà đi. Ba ngày sau thì ánh sáng lạ lại hiện ra, đệ tử nghi Sư tạ thế bèn vây quanh hỏi, Ngọc nói: Không phải lúc, lại nói: Nếu các ngươi nghe có mùi thơm lạ thì ta mất. Hôm sau đệ tử là Huê Mạng hỏi: báo thân này mất rồi thì sinh về cõi nước nào? Ngọc không đáp chỉ viết sáu câu kệ rằng:

*Thanh tịnh sáng sạch không bụi nhơ,*
*Hoa sen hóa sinh là mẹ cha,*
*Ta trải nhiều kiếp tu đến nay,*
*Chỉ bày Diêm Phù chán các khổ,*
*Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp,*
*Lìa hẳn Ta-bà về Tịnh-độ.*

Nói kệ xong thì mùi thơm bốn phía bay đến. Trong số đệ tử có người thấy Phật và hai vị Bồ-tát ngồi Đài vàng, bên Đài có trăm ngàn vị Hóa Phật từ Tây Phương đến rước Ngọc. Ngọc cung kính chấp tay mỉm cười mà hóa.

### *6- Thích Tề Hàn:*

Sư tự là Đẳng Chí con của họ Thẩm ở Ngô Hưng, Cao Tổ là Trần Quốc Tử Tế Tửu, Tằng Tổ là tùy Ngụy Châu Tư Mã, Tổ Khảo thì không ra làm quan. Thuở nhỏ Hàn dạo chơi ở chùa đạp đất sạch không bụi liền biết có túc mạng thấy rõ chỗ sinh rõ ràng trước mắt, do đó đi xuất gia. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tám đời Đường đến chùa Vĩnh Định ở Bổn Châu, năm thứ chín thì lên Ngũ Phần Đàn ở chùa Khai Nguyên. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba thì chuyển thuộc hai châu Võ Khâu, Đạo Tục ngày càng đến quy phục rất đông. Tánh Hàn không hay la rầy tiếng lành đồn xa. Ở riêng một nhà im vắng như không người, rất khổ nhọc chẳng bỏ thì giờ luống uổng. Rất rành rẽ kinh Pháp Hoa và các

luật bộ, thông minh lanh lợi làm sáng nghiệp lành dắt dẫn kẻ hậu lai. Tất cả nghe thấy dầu có chút điều lành cũng đều quy về Tịnh-độ. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười sư bị bệnh vào Lưu Đạo Tràng lưu Thủy Niêm Phật, cảnh tượng Tịnh-độ một niệm liền hiện. Hàn ra khỏi Đạo tràng làm kệ rằng:

*Lưu Thủy động sóng gợn lăn tăn*
*Chiếu nhau hề sáng báu tùy nương*
*Cưỡi ánh sáng đi ra, phần ấy thuộc về ai?*

Ông mất ở phía Đông chùa Hổ Khâu, thọ sáu mươi tám tuổi, pháp lạp ba mươi sáu. - Trước đó, Hàn ra khỏi Đạo tràng làm kệ xong bảo đệ tử rằng: Thiên không thể bỏ, thời gian không thể mất. Các con nên bền chắc điều lành An Dưỡng. Đệ tử thưa: không dám quên. Hàn bảo Phật đạo không quên thì Đức các con nhờ đây mà thịnh. Có người hỏi: Hòa Thượng bỏ sinh sao còn bệnh? Hàn đáp: đến lúc từ biệt Thánh còn không khỏi huống chi là ta. Rồi nhìn về Thánh tượng mà mất.

***7- Thích Thần Hạo:***

Sư tự là Thường Khánh, họ Từ, trước là người Bắc Tần Tằng Tổ thờ nhà Trần do đó nhà ở đất Ngô Hạo tánh khí phóng khoáng thông minh, thuở nhỏ thờ Hoài Nhất trong Đạo tràng làm thầy. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ sáu vua ra chiếu mỗi quận độ Tăng ba người, xét về danh tiết Đạo nghiệp mà tiến cử lên, Hạo được cử đứng đầu. Hạo nương sư Đàm Nhất ở Cối Kê ở mà học thông Luật bộ. Rồi trờ về chùa Phước Nguyện ở Bao Sơn mà tiêu dao, được mọi người chí cao kính phục, danh vang một thời. Đầu niên hiệu Càn Nguyên đời Đường, vua ra chiếu hai mươi bảy chùa trong nước mỗi chùa chọn bảy vị Đại Đức Tăng thường giảng giới luật, Hạo vàng chiếu. Thứ Sử Khai Châu là Lục hướng, Cấp Sự Trung Nghiêm làm đệ tử. Lễ Bộ Thị Lang Lưu Thái Chân, Đại Lý Bình Sự Trương Tượng Liêm Sử Lý Quân đều khâm phục phong đức của Sư. Cuối đời sư cùng kết Tây Phương Pháp Xã để phát triển Đạo Tục lúc đó có nhiều người không thể lánh Trần lự để tịnh sáu căn, thường lui sụt. Có người cho rằng vì trong rừng các cây chiên đàn tự khô – Niên hiệu chân Nguyên năm thứ 6 tháng 10, Sư bị bệnh, ngày 5 tháng 12 Sư dặn dò đệ tử là Hoài Lượng rằng: Đêm nay ta sẽ mất, ước nguyện là sinh Tịnh-độ con nên sắp bày Chín Phẩm để dẫn dắt ta. Chiều đó các điềm lành ngầm hiện. Hạo tắm gội thay áo rồi tịch. Tịch rồi ba ngày sau trong thất vẫn còn mùi thơm lạ.

***8- Thích Thiếu Khang:***

Sư họ Chu, người vùng Tiên Đô thuộc Tấn Vân. Mẹ họ La, khi mang thai Sư mộng thấy dạo chơi núi Đảnh Hồ được Ngọc Nữ trao cho cành hoa sen xanh bảo: Hoa kiết tường này trao ngươi sinh quý tử. Đến khi sinh ra Sư thì ánh sáng xanh đầy nhà, mùi thơm giống như hoa Phù Dung. Lúc còn bé mắt xanh môi đỏ khác thường. Lại khi sinh ra về sau không hề lên tiếng. Thầy tướng bảo đứa bé này hiếm lạ khó lường, chi việc không nói thì ta không biết. Đến bảy tuổi, mẹ vào chùa Linh Sơn ở quận nhà, lên điện chỉ điện Phật hỏi đùa rằng: Con có kính Phật chăng? Khang nói: Phật Thích-ca ai chẳng kính. Người nghe lấy làm lạ vì từ lúc sinh đến nay chưa từng nói. Cha mẹ do đó cho đi xuất gia. Năm mười lăm tuổi đã tụng được năm bộ kinh Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v... Liền tìm đến chùa Gia Tường ở Việt Châu nghiên cứu Tỳ Ni. Sau đến chùa Long Hưng ở Thượng Nguyên nghe kinh Hoa Nghiêm và luận Du-già các . Đầu niên hiệu Chân Nguyên đến chùa Bạch Mã ở Lạc Hạ, thấy trong điện thờ các sách vở phát ra ánh sáng. Khang bất ngờ rút ra một quyển thì đó là Văn dạy về Tây Phương của ngài Thiện Đạo thuở xưa. Khang nói nếu tôi có duyên với Tịnh-độ thì khiến cho bản văn này phát ra ánh sáng. Lời nguyện chưa dứt thì thấy ánh sáng chói lòa. Khang nói kiếp đá có thể dời chứ nguyện tôi không đổi. Bèn đi về phía Nam đến Trường An ở trước ảnh đường của ngài Thiên Đạo mà trình bày cúng lễ. Khi mới cúng lễ thì thấy di tượng ngài Thiện Đạo bay lên hư không bảo Thiếu Khang rằng: Ngươi theo việc ta lợi lạc hữu tình ắt công phu của người sẽ đồng sinh An Dưỡng. Khang nghe lời ấy như có chỗ chứng. Bèn đến chùa Quả Nguyện ở Giang Lăng, giữa đường gặp một vị Tăng bảo: Ông muốn hóa độ người hãy đến Tân Định. Nói xong thì biến mất. Khi đến quận lục, người ở đấy chưa theo sự hóa độ của Sư, Khang bèn xin tiền đem cho con nít dụ bảo: Phật A-di-đà thật là thầy con, nếu con niệm một câu ta cho một đồng. Trẻ con ham tiền cùng đua nhau niệm. Hơn một tháng trẻ con niệm Phật đợi tiền càng nhiều. Sau đó lại bảo niệm mười câu mới cho một tiền, trẻ con từ chợ đến thôn quê đều như thế. Được một năm thì trai gái lớn nhỏ sang hèn hễ thấy Thiếu Khang thì đều niệm A-di-đà Phật. Cho nên người Lục Thành cùng nhau niệm Phật đầy đường. Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ mười, Khang ở núi Ô Long lập Đạo Tràng Tịnh-độ, xây Đàn ba tầng tập họp người ngày đêm hành đạo. Lúc đó Khang lên tòa cao khiến nam nữ nhìn mặt Khang rồi lớn tiếng niệm Phật A-di-đà cả chúng cùng lớn tiếng họa theo. Đến khi Khang niệm thì thấy từ miệng hiện ra một Đức Phật, niệm liền mười

câu có mười Đức Phật liền nhau như xâu chuỗi. Khang hỏi các vị có thấy Phật chăng? Người thấy Phật thì chắc chắn sinh Tịnh-độ, người Lễ Phật cả mấy ngàn người, rốt cuộc cũng có người không thấy. Ngày 3 tháng 10 niên hiệu Chân Nguyên 21, Khang dặn dò Đạo Tục phải khởi tâm tăng tấn với An Dưỡng và chán sợ cõi Diêm-phù-đề cầu mong thoát ly. Lại nói: Các con lúc này thấy ánh sáng mới thật là đệ tử ta rồi. Liền phóng ra mấy luồng phát ánh sáng la mà viên tịch. Tháp Sư xây ở phía Đông ngọn Đài Tử ở Vu Châu. Niên hiệu Càn Hựu năm thứ 3 đời Hán Thiền sư Đức vận ở Thiên Thai xây mới lại, nhiều người bây giờ chỉ vào tháp ấy cho là con cháu cua Thiện Đạo.

***9- Thích Tri Huyền:***

Sư tự là Hậu Giác, họ Trần, người ở Hồng Nhã thuộc Mỵ Châu mẹ họ Ngụy, mộng thấy mặt trăng chui vào bụng do đó mà mang thai. Lúc còn bú hễ thấy Phật thì mừng, năm tuổi nghe ông nội vịnh hoa thì lên tiếng mà đến. bảy tuổi gặp Thái Pháp sư ở chùa Ninh Di giảng kinh Niết-bàn. Huyền vào chỗ giảng bày như thấy nhân trước. Đêm ấy mông thấy Phật đưa tay xoa đầu, bèn xuất gia. Năm mười một tuổi cạo tóc đến chùa Tây An ở Đường Hưng truyền Đại Kinh bốn mươi ba quyển, Viễn Sư nghĩa sớ nêu ý chỉ sư một trăm hai mươi lăm vạn lời chỉ trích Tăng đồ làm cảm động lão thành. Lúc đó Thừa Tướng Đỗ Nguyên Dĩnh trấn thủ Tây Thục nghe danh Huyền liền mời Sư giảng ở gác Phổ Hiền chùa Đại Bi thì cả đạo tục mỗi ngày đến mấy vạn chú tâm lắng nghe khen mãi không ngớt. Người Hậu Thục không dám gọi đích danh chỉ gọi là Trần Bồ-tát. Huyền ở chùa Tịnh Chúng nghe Tỳ-ni, thông cả Câu-Xá. Trú chùa Tư Thánh ở Thần Kinh. Chùa này là nơi hội họp của người bốn biển ba học, Huyền ở đó luận giảng tăng tục kính mến ngày càng đông đảo. Vua Văn Tông nghe tiếng bèn mời vào cung hỏi han rất hợp ý vua. Sau sư học Luận Duy Thức với An Quốc Tín Pháp sư đến như kinh sách ngoại điển của trăm nhà Hiền triết đều bao gồm. Có điều là tiếng không thông chẳng thể giảng nói. Bèn đến núi Tượng Nhĩ tụng Chú Đại Bi. Đêm nọ Huyền mộng thấy Thần Tăng cắt lưỡi mình đổi cho lưỡi khác. Sáng hôm sau bỗng nói thông tiếng Tần. Lúc đó Dương Hình Bộ Nhữ Sĩ Cao, Tả Thừa Nguyên Dụ, Trường An Dương Lỗ Sĩ... đều đến cửa Sư xin kết Liên Xã. Vua Võ Tông đầu niên hiệu Ngự Vũ, trước rất cung kính Phật giáo, sau nghe Phù Nghị cúng tế Bồng Lai, xây Phong đài để vũ hóa. Tuy Gián Quan dâng sớ chống lại nhưng vua không đổi ý. Huyền soạn sách có năm Thiên, Thiên cuối nói rằng sinh lên trời vốn

là do nghiệp sinh lên trời, chưa ắt cầu Tiên mà được thành Tiên, Rồng Hạc gặp nguy cũng rớt, còn quân vương cao lắm là một ngàn năm. Vua xem thơ chỉ hiểu chút chút. Đến khi vua đuổi hết Tăng Ni hoàn tục, thì Huyền trở về núi cũ Ba Mân giới hạnh càng tinh chuyên. Ở chùa Khai Nguyên, vua Tuyên Tông Long Phi Dương cùng hội họp định cộng lao, bèn xin phục hưng Phật giáo, lại hỏi tung tích của Huyền. Do đó Huyền lại làm Tăng nghỉ ở chùa Bảo Ứng. Các quan tân bổ Sư làm Thủ tọa Tam giáo, vua mời sư đến ở chùa Pháp Càn. Niên hiệu đại Trung năm thứ ba, Tuyên Tông Đản Tiết ra chiếu cho Gián Nghị Lý Di, Hệ Cấp Sự Dương Hán Công cùng Huyền ba người nghị luận, huyền tâu vua Thiên hạ bỏ chùa nay cho đại phục hưng chùa Tháp, Huyền có công lớn. Vì Huyền tài trí sâu rộng nên vua cho thợ vẽ hình Sư để trong cung cấm. Lúc đó tướng Quốc Bùi Công Hưu làm bạn thân với sư cũng mạnh dạn trùng hưng giáo Pháp. Niên hiệu Quảng Minh năm thứ hai, vua Hy Tông lánh nạn ở Tây Thục sai Quách Tuân Thái, mang ấn dấu cũ Thư ra chiếu Huyền cùng đi. Huyền đến thừa cơ biện luận vui ý vua. Các quan đều khâm phục Huyền hỏi Đạo quên sớm chiều. Vua muốn ban cho cờ xí để biểu đức, ra chiếu các Học Sĩ chọn Hiệu cho Huyền. Cuối cùng vua ban hiệu là Quốc Sư Ngộ Đạt. Một năm sau sư xin về quê cũ là Cửu Lũng để nối nghiệp Tịnh-độ. Vua chấp thuận. Năm sau, ngày 21 tháng giêng sư bị bệnh thấy cảnh đã dạo chơi hiện rõ trước mắt. Sư bèn dậy đốt hương hướng về Tây khấn rằng: Tuy cảnh tượng đó nhưng không đúng ý, nếu được thấy Tịnh-độ thì ắt mãn nguyện. Nói xong thì trên hư không có tiếng nói rằng: Hạnh Nguyên của ông chắc chắn sinh về An Dưỡng sao nguyên không mãn. Huyền nghe rất vui mừng bèn bảo đệ tử là Từ Đăng dâng biểu lên vua, lại bảo Đăng rằng: Ta tu Tịnh-độ được một năm, hôm nay được Ta nguyện xưa đã xong, rồi nằm nghiêng bên hông phải vui vẻ mà mất, thọ bảy mươi ba tuổi.

***10- Thích Tăng Tạng:***

Sư là người Tây Hà không biết họ, tánh hiền từ không tranh giành với ai, thấy người già thì kính, gặp bậc có Đức thì trọng, hễ gặp khổ nhọc thì ở trước mọi người niệm Phật A-di-đà suốt 20 năm miệng không hề nói điều quấy ác. Thường mong cho mau ra khỏi ba cõi không có gì hơn niệm Phật, cho nên đi đứng nằm ngồi ăn uống ngủ nghê đều nghĩ đến An dưỡng. Trong niên hiệu Càn Phù Đời Đường Hy Tông Sư bị bệnh thấy Hóa Phật Tịnh-độ chiếu sáng thân mình. Người hầu bệnh ở bên Tạng, Tạng bảo tự nghĩ từ nhiều kiếp đến nay đã chứa nhóm nhiều

tội lỗi như số cát bụi. Nay Thánh Chúng riêng chiếu sáng thân ta, đây là Tịnh-độ giáo chủ Đại Từ nhiếp ta. Ngày hôm sau lại gọi vị Tăng bảo rằng: Tôi nhắm mắt thì thấy các bậc Thượng Thiện ở Tịnh-độ đón rước, tôi đến các vị ấy đều mừng rỡ và rải hoa cho tôi. Chưa xong bữa ăn lại bảo: Các Thượng Thiện Nhân mời tôi và tôi đi đây. Rồi ngồi dậy đắp y ngay ngắn về hướng Tây mà hóa.

### *11- Thích Đại Hành:*

Không rõ họ. Niên hiệu Càn Phù đời Đường giặc giả bức hiếp dân, ông phải ở trên núi Thái Sơn kết cỏ làm áo, hái rau mà ăn, thực hành sám Pháp Hoa Phổ Hiền đã ba năm hết mực tinh thành, cảm được Đức Phổ Hiền hiện thân, thấy rõ nhân lớn đời trước, do đó mà cố gắng các niệm, nghĩ Pháp Như lai vẫn còn, nghĩ mình tu chưa chứng, sớm chiếu cố gắng quên cả ăn uống. Chưa được một năm vì Phật đạo chỗ tu chưa chuyên nhất một cảnh, lại vì huyễn thân vô thường sẽ bị hư rã, biết đời sau sẽ sinh về đâu. Bèn vào Đại Tạng hết sức tha thiết bày tỏ rằng: Con nguyện tin tưởng lấy được kinh văn nào thì thọ trì mãi mãi. Rồi bất chợt lấy một quyển chính là kinh Di-đà. Bèn ngày đêm trì tụng không dứt cầu sinh An Dưỡng. Chưa được hai mươi mốt ngày vào khoảng nửa đêm bỗng thấy đất lưu ly hiện ra trước mắt thì tâm nhãn rỗng suốt, thấy Phật Di-đà và Quán Âm Thế Chí, vô số Hóa Phật. Lúc đó xa gần truyền nhau sự việc. Vua Hy Tông ban chiếu mời vào nội cung hỏi mọi việc. Sư thưa đây chỉ cần tinh tấn, vua bèn ra sắc ban hiệu là Bồ-tát Thường Tinh Tấn, ban chức là Khai Quốc Công. Một năm sau, Sư bị bệnh, thấy đất lưu ly lại hiện. Sư nói: Ta không có tưởng mà đất lưu ly lại hiện há An Dưỡng chẳng có duyên ư? Ngày ấy, Sư tịch ở thiền thất.

### *12- Thích Duy Cung:*

Chẳng rõ Sư người ở đâu, xuất gia tại chùa Pháp Tánh ở Kinh Châu. Sư khinh trên hiếp dưới làm thân với kẻ vô loại. Lúc rảnh rang thì tụng kinh cầu sinh An Dưỡng. Đám bạn rượu thịt bài bạc thường nhóm họp ở trước cửa hư cuồng bảo làm tăng chẳng có ngày bỏ không. Ở phía Đông chùa có tăng Linh Vị là người ở Kinh Châu thường nói đùa rằng: Linh Khuy làm hết nghiệp, Duy Cung tiếp dấu tích địa ngục ngàn vạn lớp, không chán kẻ chui vào. Cung nghe và nói: Ta đã làm thì cũng tránh được là nhờ có Giáo chủ Tịnh-độ thương ta gây ác mà cứu ta khổ sở. Chống cự không có địa ngục để vào. Niên hiệu Càn Ninh năm thứ hai đời Đường, Duy Cung bệnh chết nhưng chưa ai biết lúc đó khuy ra

khỏi chùa khoảng trăm bước, giữa đường gặp sáu, bảy người trẻ tuổi áo quần đẹp đẽ, tay cầm nhạc khí như ở nước Quy-tư khuy nghi là họ đến chùa trỗi nhạc cúng Phật. Hỏi từ đâu đến, bảo từ Tây đến. Lại bảo rằng chúng ta đi đây, có người đợi. Lại hỏi Thượng nhân Duy Cung ở Chùa nào? chỉ tay nói: Đây là chùa ông ta, đây là phòng của ông ta. Người trẻ tuổi nghe xong rất mừng rỡ, lấy trong bụng ra một bình vàng, trong bình có một hoa sen còn búp như nắm tay, từ từ nở ra to bằng cái chậu, ở dưới những cánh sen có ánh sáng lạ màu sắc chiếu nhau như mấy cụm đèn, chạy mau đến chùa, chưa đến chùa bỗng biến mất. Khuy kinh hãi chẳng dám nhìn lại cũng chẳng nói với ai. Hôm sau Khuy trở về đến cửa chùa thì nghe tiếng chuông, lại thấy Tăng trong chùa đều nhóm họp dưới cửa hỏi thì bảo Duy Cung đã mất từ đêm qua. Có người nói khi Cung chết thì tăng trong chùa có người mộng thấy hoa sen có ánh sáng đến nhà, hồi lâu mới về Tây. Khuy bèn kể việc mình nghe thấy, càng đáng tin. Người làng có kẻ đem việc khuyên gắng Khuy, Khuy nhân đó cảm ngộ giữ danh tiết mà thành Cao tăng.

***13- Thích Hồng Cử:***

Sư họ Đường, người ở Vĩnh Gia, xuất gia tại chùa Long Hưng ở Cối Kê, đến học tại chùa Bảo Hưng ở Trường An. Người Trường An thấy tăng môn không ai đẹp lạ bằng Cử, mà Cử thì không lấy làm tự đắc. Cử từng cùng Thái Khuê ở Trần Lưu đến chơi tại chùa Hóa Độ, trong chùa có văn bia, Cử đọc mắt nhìn mấy hàng. Khuê làm lạ hỏi ông đọc thuộc lòng được ư? Củ nói mới đọc lần đầu thôi nhưng biết văn không sai. Khuê nghi là Cử may đã thuộc. Khi đến chùa Sùng Thánh thì có khoảng mười tấm bia, Cử cũng chỉ đọc qua một lần thì cũng thuộc làu như trước. Khuê khen nói ta nghe có người tài giỏi nhưng mắt chưa thấy, nay thấy ở ông. Củ không đáp. Tuổi về già đến xứ Việt, tăng ni ở Việt thỉnh làm y chỉ cho hai chúng hạnh làm và nơi đến đều nuôi dưỡng Từ Nhẫn không hề mắng người là mèo chó. Sư thường tụng Quán Kinh kết tưởng An Dưỡng, nhiều lần cảm được điềm lành nhưng không nói. Niên hiệu Thiên Thành năm thứ ba đời Hậu Đường sau một cơn lũ dân chúng đói kém khổ sở có tên trộm lẽn vào nhà, sư gọi trộm bảo các ngươi gặp tai trời mà khốn khổ, người khác cũng như vậy, vượt qua lúc này, nên tự mình thương tiếc, tên trộm hổ thẹn. Đệ tử muốn may áo kép cho sư nhưng sư không mặc, bảo: các ông chẳng phải là đệ tử của ta, ta phải bỏ mà đi. Đệ tử bèn thôi. Niên hiệu Trường Hưng năm thứ tư đời Hậu Đường , sư điềm nhiên không bệnh mà gọi đệ tử bảo rằng: Thắng

Tướng Tịnh-độ đã đến, ta sẽ tạ thế. Các con phải thay áo mới cho ta để xong việc. Canh ba đêm ấy quả nhiên sư tạ thế. Quan tài Sư để ba ngày, một tối nghe có tiếng gõ áo quan. Đệ tử mở ra thì Củ ngồi dậy nói ta bảo các ngươi thay áo mới cho ta nhưng các ngươi không làm. Nay hải Chúng bảo ta áo không sạch có người khó gần gũi. Ta về đây để các ngươi thay áo. Thay xong thì nằm chết như trước.

***14- Thích Chí Thông:***

Sư họ Trương, người ở Phù Phong. Cuối đời Hậu Đường, ngày binh lửa Sư tìm chỗ ở không nhất định, than thở buồn trách. Sau đó dạo đến Lạc Hạ gặp ngài Tam tạng Phược-Nhật-la hành Du-già giáo bèn bảo: Đây là Mật Tạng của Như lai ta không truyền là lỗi ở ta. Bèn xuống tóc thờ thầy truyền cho Mật tạng, suốt mười năm không chút biếng lười. Lại muốn đến Thiên Thai sang La Phù, bèn từ giã Tam tạng, Sư nói binh lửa chưa yên, con có nam chinh thì lại càng khó khăn cách trở. Thông nói: Có hố trời sao cách trở được. Tạng nói: Nếu Ngô Hội có thể trao cho Phạm Văn, gặp lúc có thể truyền dịch thì ta cũng xong việc. Rồi trao cho Phạm Văn. Niên hiệu Thiên Phước đời Thạch Tấn năm thứ tư, được Văn Mục Vương ở Tiền Đường vãng mạng  triều đình vốn có đầy đủ oai nghi Lạc Bộ ra đón về ở chùa Tháp Chân Thân. Không bao lâu thưa hỏi Thiên Thai, do đó lên Xích Thành đến Hoa Đảnh, khi thấy Nghi Thức Tịnh-độ của Trí Giả thì mừng vui khôn xiết, không xoay về hướng Tây khạc nhổ, không ngồi xoay lưng về Tây. Thiên Thai có ngọn Chiêu Thủ cao chót vót nhìn xuống cả ngàn tầm. Thông leo lên đảnh bảo rằng: thân ở cảnh này không bằng bỏ báo thân này, mà thấy Phật, ngày khác đâu kịp. Bèn hướng về Tây nhắm mắt tự bày Đại Nguyện và nghĩ đến nhân địa của Di-đà mà phát hạnh nguyện. Nguyện xong liền gieo mình xuống, đến nửa chừng như có vị thần nâng đỡ nhánh cây nên thân thể không tổn hại. Thông bảo sao còn  sống? Lại chỉnh tâm chánh ý trèo lên ngọn tự bảo đời này đã chán, đại nguyện đã phát, cúi mong các hải chúng tiếp dẫn. Khiến thân này không còn sống nữa. Rồi gieo mình xuống. Nhưng lại rơi trên đám cỏ non, giây lâu tỉnh lại. Tăng trong chùa nghi Thông đi đâu có lẽ bị cọp sói hại đi tìm thì thấy xả thân, chúng bèn khiêng về Đạo tràng trị bệnh. Niên hiệu Thiên Phước năm thứ sáu đời Thạch Tấn thỉnh đến núi Pháp Hoa ở Việt Châu. Năm thứ bảy khi sắp muốn quy tịch, Thông thấy bầy hạc trắng, chim công đi bốn phía, lại thấy hoa sen phát ra ánh sáng khép mở ở trước mắt. Thông nói: Hạc trắng chim công là cảnh Tịnh-độ, hoa sen phát sáng là nơi gá sinh.

Tịnh-độ sắp đón ta? Bèn ngồi dậy lễ Phật ở trước Phật mà hóa. Khi trà-tỳ thì có mây năm màu che phủ trên đống lửa ở núi Pháp Hoa, các tăng đều nhìn thấy.

***15- Thích Thiệu Nham:***

Sư họ Lưu, người ở Ung Châu. Mẹ là người họ Trương mang thai Sư mộng thấy nhiều điềm kỳ lạ. Khi sinh ra thì hình dung khôi ngô, mười tám tuổi thọ Cụ túc giới với Luật sư Hoài Huy bèn tìm đến Ngô Hội ở các núi Tứ Minh, Thiên Thai, nghiên cứu các kinh Phương Đẳng trong mười năm. Từng cùng Đức Vận Thiền sư quyết nghi, ở Văn Ích tại Lâm Xuyên, sư đã được tâm. Nhân đó nghỉ tại chùa Hồ Tâm ở Tiền Đường chuyên tụng kinh Pháp Hoa. Từng nói: Nguyện tụng kinh này một vạn bộ cầu sinh An Dưỡng. Ngày đêm siêng năng cảm được đất liền mà mọc hoa sen. Cả thành đều kính trọng, người ngựa chen dấu ồn ào đến với nhau. Niên hiệu Kiến Long năm thứ 2 đời Đại Tống, thệ nguyện sẽ đốt thân cúng dường Phật Di-đà và hải Chúng thanh tịnh. Ngô Việt Quốc Vương họ Tiền khổ công khuyên can, thì tạm ngưng. Sau đó lại gieo mình ở giữa sông Tào Nga để làm thức ăn cho rùa cá, lại được cá cứu sống. Khi cá cứu tự biết có vật nâng chân mình vượt sóng đi thẳng lên. Họ Tiền nghe nói càng thêm kính mến, lập viện Tịnh-độ ở chùa Bảo Tháp tại Hàng Châu mời Sư ở. Ngày 9 tháng 7 Niên hiệu khai Hoàng 4 Sư bị bệnh, nằm thấy hoa sen có ánh sáng chiếu vào thân, nhân làm mấy bài kệ để chỉ bày cho môn đồ. Lại nói ta tụng Liên Hoa muôn bộ hẹn, một ngày Liên Đài chín phẩm thác sinh. Nay ta chưa chết Liên Đài đã đến trước, nhân tu há trái, ba ngày sau khi sắp mất tâm vui vẻ tự đắc.

***16- Thích Thủ Chân:***

Sư người ở Vạn Niên thuộc Vĩnh Hưng, họ Kỷ trong niên hiệu Càn Phù đời Đường, Tằng Tổ từng làm quan ở Thục bèn thành người Thành Đô. Lúc tuổi đôi mươi, Sư dạo chơi chùa Thánh Thọ thấy Thiền sư Tu Tấn lập hạnh cẩn thận bèn than: Ta bỏ người này thì còn ai là thầy nữa? Bèn bỏ mũ thờ thầy, rồi tìm đến Lãng Sư học Luận khởi Tín, tánh Quang truyền cho Pháp Giới Quán và được yếu chỉ. Sau đó hoằng hóa Thắng Nghiệp (Tịnh-độ) hơn bốn mươi năm. Trước sau chỉ dạy chăm chăm như một. Giảng Khởi Tín và Pháp Giới Quán hơn bảy mươi lượt. Người nối Pháp của Sư đến hai mươi người. Sư khai Đạo tràng Quán Đảnh năm lần, Đạo tràng Thủy Lục hơn hai mươi lần, tăng ni theo thỉnh

Pháp hơn ba ngàn người. Thường vào canh ba sư luân kết Vô Lượng Thọ Vãng Sinh mật ấn, đến canh năm thì luân kết Văn-thù Ngũ Kế Thần Chú. Ngày 5 tháng Trọng hạ Niên hiệu Khai Bảo thứ 3 khi đang luân kết thì tự biết thân mình lên nước Vô Lượng Thọ mở mắt thấy Phật, Phật chỉ hoa sen trong ao báu, hoa này ngày nọ làm cha mẹ, ngươi nên giữ gìn đừng để cho héo. Niên hiệu khai Bảo năm thứ tư thì sư gọi đệ tử là Duyên Ngộ bảo rằng Như lai không sinh tử Vô thường ư? Tuổi ta, tuổi về già ta muốn thuận theo thế tục mà xây hai ngôi Tháp được chăng? Ngộ thưa lệnh của thầy phải vâng. Năm ấy ngày 5 tháng Mạnh Đông khởi công, ngày 30 tháng Trọng Đông thì hoàn thành. Ngày kế sư mời Tăng trong chùa và đệ tử rằng: vì khổ sáu đường lên xuống bởi nhân vạn nghiệp luân lưu. Nhân đó khiền đồng niệm A-di-đà Phật, kế tán tụng. Sư ở trước tượng Di-đà khấn rằng: Nguyện Phật bốn mươi tám nguyện độ hữu tình chúng con, đối với nguyện không sai trái. Nguyện xong cầm hương hoa trước các Điện Đường đều cúng dường nguyện được như trước. Rồi hỏi canh ba ư? Đệ tử thưa đúng là canh ba. Bèn ngồi im dứt hơi mà mất.

***17- Thích Ngộ Ân:***

Sư tự là Tu Dĩ, người ở Thường Thục thuộc Cô Tô. Mẹ là người họ Trương đã từng mộng thấy vị Tăng Ấn-độ gọi bảo: “ta muốn nhờ ngươi làm mẹ” rồi bà có thai. Thuở nhỏ Sư không thích chơi giỡn. Năm mười ba tuổi nghe tăng tụng kinh Di-đà bèn xin xuất gia. Trong niên hiệu Trường Hưng đời Hậu Đường Sư cạo tóc về sau nương chùa Tuệ Tu ở Côn Sơn rộng học năm Bộ Luật Văn. Niên hiệu Thiên Phước đời Tấn theo ngài Linh Quang Hạo Đoan nghiên cứu các kinh hiểu rõ ý chỉ. Tuy Thiên Thai có nghĩa ba quán sáu Tức chưa nghiên cứu nhưng đã ngầm hiểu. Về già nương sư Chí Nhân ở Tiền Đường mà thông suốt các Bộ Đại Kinh như Pháp Hoa, Kim Quang Minh v.v..., các học giả đều khâm phục gọi là Nghĩa Hổ. Sư bình thường rất khiết khổ, ngày ăn một bữa, chẳng chứa của dư, chẳng mặc áo dài. Khi Bồ-tát chúng Tăng nhóm họp đầy đủ mới Bố-tát. Thường xem Tịnh-độ là Thắng Nghiệp. Đêm 30 tháng 8 Niên hiệu Ung Hy năm thứ ba đời Tống, sư thấy mấy luồng ánh sáng từ giếng phóng lên thường tắt cháy, liền bảo môn nhân ánh sáng chớp tắt là biểu hiện sinh tử. Bèn tuyệt thực cấm khẩu nhất tâm niệm Phật. Ba ngày sau thấy một vị Tăng Ấn-độ thân hình rất cao lớn bưng lư hương đi nhiễu quanh thất ba vòng. Sư hỏi Tăng nói ta là Quán Đảnh sanh lên Tịnh-độ đã lâu, vì ngươi tu đồng chí ta nên ta đến chào.

Lát sau đệ tử đến thì vị tăng biến mất. Hôm sau lên tòa kể việc thấy và vì đệ tử giải rõ chỉ quán và yếu nghĩa các kinh khác, nghĩa lý rất thông suốt. Sư nói nháy mắt tất khó bảo toàn xưa nay thường nói thế, nhưng ta có thể bảo đảm hôm nay. Ngày ấy ngồi mà mất tại Giảng Đường Chỉ Quán. Đến nửa đêm Tăng trong chùa là Văn yển nghe trên hư không có tiếng nhạc đi dần về Tây, bèn kể lại.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# VÃNG SANH TẬP

**SỐ 2072**
(QUYỂN 1 → 3)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2072

# VÃNG SINH TẬP

*Sa-môn Châu Hoằng Chùa Vân Thê, Cổ Hàng, biên soạn.*

## LỜI TỰA

Khi Đức Thế Tôn mới thành Chánh Giác, Ngài vì các hữu tình khắp nơi giảng nói Phật thừa mà các Cơ khó gồm hết, cho nên trong Nhất Thừa mà nêu Pháp Ba Thừa, và trong Ba Thừa lại nêu một pháp môn Tịnh độ. Nay cách Phật ngày càng xa, tình trần càng thấm đượm, không thể phát Thần giải mà vượt lên bậc Thánh rơi vào lông bông mà bị hiểm nguy chìm đắm. Nếu không nhờ pháp môn này thì do đâu mà thoát nhanh được khổ lớn sinh tử ?

Có thể nói đây là thuốc hay rất hiệu nghiệm trị bệnh nặng lâu ngày khó chữa ở đời Mạt. Xưa đã linh nghiệm nhiều thì nay càng công hiệu lắm. Lỗi là do miệng Tịnh độ mà tâm Ta-bà nên chắc chắn minh ngộ không bằng người xưa. Nghe nói xưa có chuyện Vãng sinh nhưng lâu năm lạc mất không thấy, bèn tìm mọi sách vở ghi chép truyện trong ngoài của trăm nhà, rồi tuỳ chỗ thấy mà xét rõ nhân quả, chứa nhóm ngày càng nhiều nhưng thật ra chỉ bằng vài mươi của trăm ngàn chuyện. Nay gom góp so sánh mà xếp loại trên dưới trước sau.

Lại thêm các Thánh Đồng Quy làm chứng và nêu các Cảm Ứng lúc còn sống, tất cả được một trăm sáu mươi sáu việc và khen để làm sáng tỏ các điều còn ẩn kín, đặt tên là Vãng sinh Tập, giúp kẻ Đạo Tục xem sách mà biết ai giải thoát mà sinh, ai thuần nhất mà sinh, ai tinh thành cảm cách mà sinh, ai Đại Bi Đại Nguyện mà sinh, ai sửa đổi không tiếc chuyển nghiệp sắp đọa mà sinh, ai Thượng sinh, ai Trung sinh, ai Hạ sinh v.v... ngỏ hầu xét xưa nghiệm nay mà ước thệ Tịnh nghiệp.

Có vị khách đến tôi chưa xem qua mấy truyện chợt bảo: Tịnh độ chỉ là tâm, ngoài tâm không có độ, vãng sinh Tịnh độ chỉ là ngụ ngôn, ông cho là thật sinh ư? Đâu chẳng trái với ý chỉ Vô sinh. Tôi đợi anh ta định tâm bèn từ tốn bảo rằng: Nói sao cho dễ dàng như Vô sinh mà thôi, tất cả đều đoạn diệt chẳng nên còn có duy tâm, nếu như ngộ Vô sinh thì sinh nào có ngại gì. Sinh đã vốn không cho nên suốt ngày sinh mà không hề sinh. vã lại đã hết lậu tâm chưa? Anh ta đáp: Chưa thể. Ôi, lậu tâm chưa hết thì sinh duyên chưa dứt. Sinh duyên chưa dứt thì thác chất mịt mờ ba cõi. Trong biển khổ lớn không sinh Tịnh độ thì sinh độ nào bò lổn ngổn trong sáu nẽo và tiêu dao tự tại ở chín phẩm, lợi hại cách nhau như trời vực, hay chưa nghĩ kỹ mà bày luận đối để tranh cao thấp? Tôi vì thế chẳng làm vì sẽ sinh phiền não mà thôi. Nếu anh thật không cho lời tôi là sai quấy, thì tức Tịnh độ là Phật thừa chưa từng cách biệt mày may, thì sao trái được? Khách ngồi xuống tự nhận mình có lỗi, bất giác khóc lóc nghẹn ngào, rồi sửa áo đọc hết quyển và vội lạy xin in ngay. Khắc bản in xong xin nói đầu đuôi như thế.

Ngày mùa Hạ niên hiệu Vạn Lịch năm thứ 12 Sa-môn Châu Hoằng

*Kính ghi.*

-------------------------

## MỤC LỤC

### I. QUYỂN 1:

**** Các Sa-môn vãng sinh:***



### II. QUYỂN 2:

**** Các vua Quan Vãng sinh.***

22- Chung Ly Cảnh Dung Đại Phu; 23- Tiền Tượng Tổ Quận Thú; 24- Mai Nhữ Năng Huyện linh; 25- Tảm Định Quốc Học Dụ; 26- Phùng Tế Xuyên Gián Nghị; 27- Vương Mẫn Trọng Thị Lang; 28- Tiến Sĩ Ngô Tín Tẩn; 29- Bạch Cư Dị Thiếu Truyện; 30, Trương Luân Đô Tổng; 31- Học Sĩ Tô Thức; 32- Trương Vô Tận Thừa tướng.

**** Các Xử Sĩ Vãng sinh.***

1- Chu Tục Chi; 2- Trịnh Mục Khanh; 3- Trương Nguyên Tường; 4- Tôn Lương; 5- Nguyên Tử Bình; 6- Dữu Tiển; 7- Tống Mãn; 8- Cụ Già ở Phần Dương; 9- Nguyên Tử Tài; 10- Ngô Tử Chương; 11- Hà Đàm Tích; 12- Vương Điền; 13- Phạm Nghiễm; 14- Lục Nguyên Đạo; 15- Tôn Trung; 16- Trầm Thuyên; 17- Đường Thế Lương; 18- Kế Công; 19- Trần Quân Chương; 20, Trương Thuyên; 21- Khuyết Công Tắc; 22- Lý Trí Diêu; 23- Cao Hạo Tượng; 24- Từ Lục Công; 25- Lục Tuấn; 26- Huỳnh Đả Thiết; 27- Liên Hoa Thái Công; 28- Cư sĩ Hoa.

**** Các Ni Vãng sinh.***

1- Ni Đại Minh; 2- Ni Tịnh Chân; 3- Ni Ngộ Tánh; 4- Ni Năng Phụng; 5- Ni Pháp Tạng.

**** Các Phụ nữ vãng sinh.***

1- Hoàng Hậu đời Tùy; 2- Diêu Bà; 3- Vợ của Ôn Tĩnh Văn; 4- Hồ Trường Bà; 5- Bà họ Trịnh; 6- bà họ Trần; 7- bà họ Huỳnh; 8- Phu Nhân họ Vương; 9- Phu Nhân họ Phùng; 10- Cô gái họ Vương; 11- bà họ Chu; 12- Chu Hạnh Bà; 13- Lục Thị Nghi Nhân; 14- Bà họ cung; 15- Bà họ Chu; 16- Bà họ Hạng; 17- Bùi Thị Nữ; 18- Bà họ Thẩm; 19- Bà họ Tôn; 20- Bà họ Lâu; 21- Bà họ Tần; 22- bà họ Chung; 23- Bà họ Tôn; 24- Bà họ Lương; 25- Bà họ Huỳnh; 26- Bà họ Trần; 27- Bà họ Thôi; 28- Ngô Thị Nữ; 29- Bà họ Trịnh; 30. Bà họ Chu; 31- Bà họ Tiết; 32- Hứa Thị Phụ (người vợ họ Hứa)

**** Các người Ác vãng sinh.***

1- Trương Thiện Hòa; 2- Trương Chung Húc; 3- Hùng Tuấn; 4- Duy Cung; 5- Oánh Kha; 6- Trọng Minh; 7- Ngô Quỳnh; 8-Kim Thích.

* ***Các Súc sinh Vãng sinh.***

1- Long Tử; 2-Anh Vũ; 3-Chim Sáo (1 và 2)

**** Tục Biên:*** Các người vãng sinh đời nay nghe thấy đều ghi vào riêng ở hai quyển cuối không phân biệt môn loại và trước sau.

1- Tăng Minh Bổn; 2- Chu Cương Thiếu Phủ; 3- Bà họ Vu; 4- Cố Cư sĩ; 5- Họ Phương; 6- Trương Mẫu; 7- Quách Đại Lâm; 8- Lưu Thông Chí; 9- Tổ Hương; 10- Tôn thị Mẫu; 11- Đường Thể Như Văn Học; 12-

Dương Gia y Văn Học; 13- Hách Hy Tải văn học; 14- bà họ Chu; 15- Người họ Từ; 16- Cư sĩ Qua Quảng Thái; 17- Cư sĩ Đổ; 18- Cư sĩ Tôn Đại Vu; 19- Cư sĩ Ngô; 20. Cư sĩ Ngô.

**III. QUYỂN 3:**

**** Các Thánh Đồng quy.***

1- Chọn sinh Cực Lạc
2- Vãng sinh vô số
3- Thấy Phật Di-đà
4- Mười Nguyện cầu sinh
5- Kệ Luân Tịnh độ
6- Thỉnh Phật hình nghi
7- Soạn Luận khởi tin
8- Long Thọ ký sinh
9- Tập Thiện Vãng sinh
10- Được Nhẫn Vãng sinh
11- Đại Nguyện thứ hai
12- Niệm Phật diệt tội
13- Thắng Hội ghi tên
14- Lược nêu tôn túc.

**** Cảm Ứng khi còn sống:***

1- Quỉ không dám ăn
2- Mộng được thông biện
3- Dẹp bỏ oán thù
4- Vợ chồng thấy Phật -
5- Quỷ trốn chẳng hiện
6- Tiến Bạt vong linh
7- Ngủ nghỉ được yên
8- Bệnh mắt thấy lại (1-2)
9- Không bị bệnh Ngược
10- Xá-lợi đều hiện (1-2)
11- Trị bệnh đều lành
12- Bị tù thoát nạn
Phụ: Khuyên Khắp làm người phải tu Tịnh độ

-------------------------------

# VÃNG SINH TẬP

*Sa-môn Châu Hoằng chùa Vân Thê- Cổ Hàng, biên soạn.*

## QUYỂN 1

### I - CÁC SA MÔN VÃNG SINH:

***1- Viễn Tổ Sư:***

Ngài Tuệ Viễn đời Tấn, người ở Lâu Phiền thuộc Nhạn Môn, làu thông sáu kinh, giỏi Lão Trang, nghe Pháp sư Đạo An giảng Kinh Bát-nhã bỗng nhiên đại ngộ, nhân đó cạo tóc nhuộm áo thờ làm thầy. Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ sáu, ngài qua Tầm Dương thấy Lô Sơn rộng vắng có thể dứt Tâm, bèn cảm được Thần Núi báo mộng. Một hôm mưa to sấm chớp cây cối tự nhiên kéo đến, Thứ sử Hoàn Y bèn lập điện, đặt tên là Thần Vận. Vì ngài Tuệ Vĩnh trước ở Tây Lâm nên chỗ ngài Tuệ Viễn giờ đặt hiệu Đông Lâm. Ngài Viễn ở Đông Lâm ba mươi năm không xuống núi đến nhà Tục, khắc chí Tây Phương. Các Cao Tăng Cự Nho gồm một trăm bốn mươi người cùng làm Tịnh Liên Xã, sáu thời thiền tụng không ngớt. Lắng tâm hệ tưởng, ba lần thấy Phật hiện mà yên lặng không nói với ai. Mười chín năm sau, một tối tháng bảy, ở bên đài Bát-nhã mới xuất Định dậy thấy thân Phật A-di-đà đầy khắp hư không, trong Viên quang có vô lượng Hóa Phật, Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy dòng nước sáng chia làm mười bốn nhánh chảy trên dưới, giảng nói Pháp mầu. Phật nói: Ta nương năng lực bổn nguyện nên đến an ủi ngươi, sau bảy ngày ngươi sẽ sinh về nước ta. Lại thấy Phật-đà-da-xá, Tuệ Trì, Tuệ Vĩnh, Lưu Di Dân ở bên Phật đến vái chào thưa rằng: Chí Sư có trước sao đến chậm. Rồi biết thời đã đến, bảo Môn Nhân rằng: Trước đây ta ba lần thấy Phật, nay lại thấy, chắc chắn sẽ vãng sinh Tịnh độ. Đến hẹn bèn ngồi thẳng mà tịch, nhằm ngày 6 tháng 8 niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 12.

***Khen rằng:*** Từ đời Tấn về trước ý chỉ Tịnh độ tuy nghe ở Chấn Đán nhưng năng lực rộng mở còn kém, chỉ dạy riêng trong nhà. Từ ngài Tuệ Viễn mới bắt đầu cho muôn đời sau. Đệ tử Tịnh nghiệp xem ngài

là Thỉ Tổ. Có thể nói ngài là Đức Thích ca tái hiện thân ở Đông Độ nói Tây Phương Di-đà. Công lao của ngài chẳng lớn ư? Tôi xưa đến Lô Sơn đến suối Hổ Khê vào nhà Tam Tiếu mà bồi hồi nhớ lại di tích của mười tám Hiền, thấy quy mô rộng lớn đủ chứa cả vạn vị Tăng, mà Điện Đài thì bụi phủ, chuông trống im vắng, mà nhà cửa thì đã đổi khác. Triết nhân nói: Chết rồi vết thơm không tiếp nối, than ôi!.

***2- Tuệ Vĩnh*** - đời Tấn: Ngài Tuệ Vĩnh, người Hà Nội. Mười hai tuổi xuất gia cùng Tuệ Viễn nương Pháp sư An. Đầu niên hiệu Thái Nguyên đến ở Lô Sơn. Thứ Sử Đào Phạm sửa vườn nhà thành chùa Tây Lâm để ở. Chí dứt trần nêu tâm An Dưỡng. Sau niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 10 bị bệnh bỗng đòi thay áo xin giầy muốn ngồi dậy. Chúng kinh hãi hỏi, Sư đáp: Phật đến đón rước ta. Nói xong thì hoá. Mùi thơm lạ bảy ngày mới tan. vua Đường Huyền Tông truy phong là Giác Tịch Đại Sư.

***Khen rằng:*** Vĩnh mới vào Đạo cùng anh là Viễn Sư sáng lập Tịnh Xã là Pháp muôn đời cũng cùng Tông với Viễn tổ. Đến lúc qua đời thấy Phật đến đón rước. Trước sau như một. Người chứng vãng sinh lấy điềm lành của hai Sư làm chuẩn tắc.

***3- Đàm Thuận*** - đời Tấn, ngài Đàm Thuận người Huỳnh Long. Thuở nhỏ theo Pháp sư La-thập giảng các kinh. Ngài La-thập khen: Người này là vật báu lạ. Sau vào Lô Sơn tu Tịnh nghiệp. Lúc đó Ninh Man Hiệu Úy Lưu Tuân Hiếu lập chùa ở Giang Lăng mời Đàm Thuận về ở hoằng truyền Tam-muội Niệm Phật– Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 2 đời Tống, Sư biệt chúng ngồi mà hóa. Mùi thơm lạ đầy nhà.

***4- Tăng Duệ*** - đời Tấn: Ngài Tăng Duệ người ở Ký Châu. Đi du học các nơi từ Thiên-trúc tới Quan Trung, theo ngài La-thập học các Kinh nghĩa sau tham dự Liên Xã ở Lô Sơn. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 16 đời Tống bỗng bảo Chúng rằng: Ta sắp đi đây. Rồi quay mặt về Tây chắp tay mà hóa. Chúng thấy trước giường Sư có một cành hoa sen bằng vàng, rồi biến mất. Khói mây năm màu từ phòng Sư bay ra.

***5- Đàm Hằng - đời Tấn:*** Ngài Đàm Hằng người ở Hà Đông. Thuở nhỏ học Nho, nương Viễn Công xuất gia, sách vở trong ngoài đều thông suốt. Từ khi vào Lô Sơn chuyên chí niệm Phật. Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14 Sư ngồi thẳng chắp tay niệm Phật lớn tiếng mà hóa.

***6- Đạo Bính - đời Tấn:*** Ngài Đạo Bính người ở dinh Châu. Thuở nhỏ thờ Viễn Công làm thầy, thông suốt kinh luật, nói và làm hợp nhất, chuyên tâm niệm Phật Tam-muội không xen hở. Niên hiệu Năm Nghĩa Hy năm thứ 14, Thái Thú Dự Chương là Vương Kiền vào núi yết kiến kính thỉnh Sư nối nghiệp ngài Tuệ Viễn, chúng đều quy kính. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 12 Sư nhóm chúng niệm Phật đến Tòa mà hóa.

***Khen rằng***: Nói làm hợp nhất gọi là tâm và miệng đều niệm Phật.

***7- Đàm Sằn - đời Tấn:*** Ngài Đàm Sằn người ở Quảng Lăng, thờ Viễn Công làm thầy, siêng tu Tịnh nghiệp giỏi giảng nói. Chú thích Kinh Duy Ma lưu hành ở đời. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 17 ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

***8- Đạo Kỉnh - đời Tấn:*** Ngài là người ở Lang du. Tổ Tiên là Ngưng làm Thứ sử Giang Châu, do đó theo Viễn Công mà xuất gia. Năm mười bảy tuổi làu thông kinh luận, mỗi ngày nhớ muôn lời, dốc chí niệm Phật sớm tối không dứt. Niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống năm đầu Ngài bảo chúng rằng: Tiên sư ra lịnh thầy nên đi, rồi ngồi thẳng niệm Phật mà hóa. Chúng thấy có ánh sáng đầy nhà rất lâu mới mất.

- Khen rằng: Tuổi trẻ tài cao không tự ỷ mà dốc chí niệm Phật, nếu không gieo Tịnh nhân đời trước mà nay mới Sa-di lại đã rành kinh luận, ngã mạn buông lung khi già đầu thì cũng không về, bất đắc dĩ mà nói Tây Phương là đã muộn.

***9- Phật đà bạt đà ra - đời Tấn***: Phật-đà-bạt-đà-ra Hán dịch là Giác Hiền, người nước Ca-Duy-Vệ, là con cháu của vua Cam-lộ-phạm. Năm mười sáu tuổi học rộng các kinh, hiểu sâu Thiền luật. Sa-môn Trí Nghiêm nước Diêu Tần đến Tây Vực gặp ngài Bạt-đà-ra mời đến Trường An giảng nói Pháp ở Đông Cung, cùng với Pháp sư La-thập trên dưới luận bàn. Sau, Ngài ngồi thuyền buồm vào Lô Sơn tham dự Liên Xã của Viễn Công, dịch các kinh như Quán Phật Tam-muội. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 6 đời Tống, ngài niệm Phật mà hóa.

***10- Tăng Tế đời Tấn:*** Ngài Tăng Tế vào Lô Sơn theo học với ngài Viễn Công. Viễn nói: Nối Thạnh Đại Pháp là người này. Sau Sư bị bệnh, dốc chí mong sanh về Tịnh độ. Viễn Công đưa cho một cây đuốc bảo “ngươi nên vận tâm An Dưỡng”. Tế cầm đuốc tựa ghế dừng tưởng

không loạn động. Lại nhóm chúng tụng Kinh Tịnh độ. Canh năm, sư lấy đuốc trao cho đệ tử là Nguyên Bật khiến theo chúng hành đạo. Khoảnh khắc bốn đại không còn bệnh khổ. Đêm sau bỗng đứng dậy ngước lên hư không như thấy vật gì. Phút chốc nằm xuống mặt mày vui vẻ, gọi người bảo rằng Ta đi đây. Rồi nằm nghiêng bên hông phải mà tịch. Lúc đó trời nóng bức để ba ngày mà thân thể không thay đổi, mùi thơm lạ ngào ngạt.

***Khen rằng:*** Tế do Thánh Sư chỉ bảo mà sinh Tịnh độ, khi qua đời trợ niệm, ai bảo là không có công phu? Tháng mùa hạ nóng bức nhục thân lại phát ra mùi thơm lạ ắt là Phạm hạnh tinh kiên mà linh nghiệm.

***11- Tuệ Cung, đời Tấn***: Ngài Tuệ Cung người ở Phong Thành thuộc Dự Chương cùng Tuệ Lan, Tăng Quang đồng học. Xiển và Quang hệ niệm Tịnh độ khi qua đời đều có điềm lạ. Năm năm sau, Cung bị bệnh dốc chí than khóc dập đầu, tâm thề niệm An Dưỡng. Không báo lâu thấy Phật A-di-đà đem đài vàng đến đón rước. Cung lên đài, lại thấy các vị như Lan v.v... ở trên Đài trong ánh sáng bảo rằng: Trưởng lão đã thọ sinh Thượng Phẩm. Chúng con khôn xiếc vui mừng tiếc vì năm trược dong dài nên chậm mà thôi. Cung vui vẻ mà hóa.

***12- Tuệ Kiền đời tấn:*** Tuệ Kiền thuở nhỏ xuất gia, giới hạnh tinh chuyên, trong niên hiệu Nghĩa Hy vào chùa Gia Tường ở Sơn Âm khổ thân dẫn chúng. Sau bị bệnh chú tưởng An Dưỡng, chí thành cầu Quán Âm. Ở phía Bắc chùa có Ni Tịnh Nghiêm túc đức dốc hạnh đêm nằm mộng thấy Bồ-tát Quán Âm từ cửa Tây Thành đi vào hình dáng sáng ngời rực rỡ như nhật nguyệt, cờ phướn lọng đẹp bảy báu trang nghiêm, Sư kinh dị đảnh lễ thưa: Đại sĩ đi đâu?. Đáp rằng: Đến Gia Tường đón Kiền Công. Kiền bệnh tuy nguy cấp nhưng thần sắc vẫn như thường. Thị Giả đều nghe có mùi thơm lạ. Bỗng an nhiên mà hoá.

***Khen rằng:*** khi qua đời thấy Phật hoặc nghi toàn là do tâm tưởng của mình. Nay người khác cũng thấy là sao? Phải biết đường Cảm Ứng giao nhau không thể nghĩ bàn, nên cẩn thận lời nói.

***13- Tăng Hiển đời Tấn:*** Trúc Tân Hiển đi về phía Nam đến Giang Tả bị bệnh, bèn duyên Tây Phương, kiền khổ không đổi. Thấy Đức Phật A-di-đà ánh sáng chiếu thân, do đó bệnh hoạn đều hết liền dậy tắm gội rối kể việc thấy nghe cho mọi người nghe và nêu rõ nhân quả, lời ý

khẩn thiết, sau đó ngồi thẳng mà hoá.

***Khen rằng:*** Tỳ-kheo lười biếng bị bệnh liền bảo ta sức yếu đợi bình phục rồi sẽ niệm Phật. Không biết niệm Phật là vượt qua già bệnh. Bị bệnh niệm Phật, chính là lúc Hiển cố gắng niệm mà hết bệnh lại được vãng sinh. Lành thay!

***14- Tuệ Thông đời Tấn:*** ngài Tuệ Thông theo Thiền sư Tuệ Triệu ở Lương Châu học Thiền Pháp, Tâm cầu An Dưỡng. Bị bệnh nhẹ, trong Định thấy có một người hình dáng trang nghiêm bảo Thông rằng: Giờ tốt đã đến, bỗng thấy Phật A-di-đà ánh sáng rực rỡ. Sư xuất Định cáo biệt bạn đồng học rồi an nhiên mà hoá. Mùi thơm lạ ba ngày mới tan.

***15- Pháp Lâm, đời Tấn:*** Ngài Pháp Lâm người ở Lâm Ngang, chuyên tinh giới phẩm, trú tại chùa Linh Kiến ở Thành Đô tu Tịnh nghiệp. Thường trì tụng hai Kinh Di-đà và Quán Âm. Khi tụng thì thấy có một Sa-môn hình dáng cao lớn hiện ra trước mặc. Niên hiệu kiến Võ năm thứ 2, Sư bị bệnh, chú tâm niệm Tây Phương Lễ Sám không dừng thì thấy các hiền Thánh đồng nhóm họp trên hư không, chắp tay mà hoá.

***Khen rằng:*** Pháp Lâm tụng Kinh có Sa-môn hiện ra, do lòng thành mà cảm được không có gì lạ Sinh Tây Phương chính là người này người tu Tịnh nghiệp không chấp tướng mới mong được.

***16- Đàm Giám, đời Tống:*** Ngài Đàm Giám bình thường làm lành đều hồi hướng Tây Phương, thệ nguyện thấy Phật. Một hôm trong Định thấy Đức Phật A-di-đà rải nước vào mặt bảo rằng: Ta rửa sạch bụi nhơ, tắm gội tâm niệm của ông, cùng thân miệng của ông thảy đều nghiêm tịnh. Lại ở trong bình mọc ra một cành sen mà trao cho. Sư xuất Định, bèn cáo biệt chư Tăng trong chùa. Đêm khuya dần, một mình đi ngoài hành lang niệm Phật đến canh năm, tiếng niệm Phật càng cố gắng. Đến sáng, đệ tử theo lệ thường đến hỏi thăm thì thấy Sư ngồi kiết già bất động, xem lại thì đã tịch rồi.

***17- Tăng Nhu, đời Tề:*** Ngài Tăng Nhu học các Kinh Phương Đẳng, chỉ lấy Tịnh nghiệp làm hoài bão. Một hôm thấy hoá Phật đến số ngàn ở trong ngoài Thất đều nghe có mùi thơm lạ. Rồi hướng về Tây kính lễ mà hoá.

***18- Tuệ Quang, đời Tề:*** Ngài Tuệ Quang ở Lạc Dương, soạn Sớ

Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Thập Địa v.v... Hiểu rõ ý nghĩa quyền Thật - Một hôm bị bệnh thấy nhạc trời đến đón rước. Quang nói tôi chỉ mong về An Dưỡng mà thôi. Hoá Phật Tịnh độ đầy khắp hư không. Quang nói cúi mong Phật nhiếp thọ con mới thoả mãn bổn nguyện. Chỉ trong chốc lát tiếng nói và hơi thở đều dứt.

***Khen rằng:*** Cõi trời có nhiều dục lạc, gồm có người nữ, không phải là chỗ giải thoát. Lời xưa nói tu nhiều chứng đến Phi Phi Tưởng không bằng sinh Tây Phương. Ấy là khen Tịnh độ đó là Thượng Phẩm mà nói, chứ hạ sinh còn hơn cõi trời. Nay Tuệ Quang lúc qua đời mà xét rõ sở nguyện rất bền chắc, đáng gọi là bậc Sáng và Mạnh vậy.

***19- Tuệ Tấn đời Tề:*** ngài Tuệ Tấn trú tại chùa Cao Toà thề tụng Pháp Hoa soạn trăm bộ Kinh nguyện hồi hướng để được sinh An Dưỡng. Sau nghe trên hư không có tiếng nói: Nguyện ngươi đã đủ, sẽ được vãng sinh, rồi không bệnh mà mất.

***20 - Đạo Trân đời Lương:*** ngài Đạo Trân ở Lô Sơn tu Tịnh nghiệp. Mộng thấy có người ngồi thuyền trong biển. Hỏi thì bảo đến nước Phật Di-đà. Trân xin theo. Người trên thuyền bảo: Ông chưa làm nhà tắm và chưa tụng Kinh A-di-đà. Thức dậy tắm gội và tụng kinh khoảng một năm không ngớt. Bỗng ao trong phòng hiện xuống đài bạc trắng, nhân thầm chép việc này để riêng trong rương kinh. Đêm viên tịch thì thấy khắp nửa núi có cả ngàn ngọn đuốc. Người trong ấp xa trông thấy bảo là các vua kính lễ. Sáng hôm sau nghe Trân mất. Sau giở rương Kinh ra xem mới biết Trân sinh Tịnh độ từ lâu.

***Khen rằng:*** Viễn Công ba Lần thấy Phật mà không nói, Đạo Trân ao hiện ra Đài bạc mà thầm ghi. Người xưa sâu dày như thế, còn kẻ trượng phu cạn cợt, vừa có chút lạ đã ồn ào, nhỏ thì mất việc, lớn thì thêm việc ma, hãy nên cẩn thận!

***21- Thần Loan, đời Hậu Ngụy:*** Ngài Đàm Loan thuở nhỏ đến núi Ngũ Đài, cảm được điềm lạ mà xuất gia. Tánh thích sống lâu, nhận của Đào Ẩn Quân sách Tiên mười quyển. Sau gặp ngài Bồ-đề-lưu-chi bèn hỏi: Phật có thuật sống lâu không chết chăng? Chi cười đáp: Sống lâu không chết là đạo của Phật tôi. Bèn trao cho Kinh Thập Lục Quán bảo rằng Học thứ này thì ba cõi không còn sinh, sáu đường không còn đến, sống lâu hằng hà sa số, kiếp đó cũng không sánh được. Đây là thuật sống lâu của thầy ta. Loan mừng rỡ đốt hết Kinh Tiên mà tu Tịnh nghiệp.

Lạnh nóng bệnh tật cũng không bỏ giở. Chúa Ngụy gọi là Thần Loan. Một hôm trong thất thấy có vị Tăng Ấn-độ bảo rằng: Ta là Long Thọ ở lâu chốn Tịnh độ thấy ngươi là đồng chí nên đến gặp nhau. Loan tự biết thời đã đến bèn nhóm chúng khuyên rằng: Cả đời nhọc nhằn không ngăn được ngày nọ các khổ địa ngục chẳng nên chẳng sợ, chín phẩm Tịnh nghiệp chẳng thẻ chẳng tu. Rồi bảo đệ tử lớn tiếng niệm Phật, xoay về phía Tây đảnh lễ mà đi. Chúng nghe có nhạc trời từ hướng Tây đến, hồi lâu mới hết.

***Khen rằng:*** Huỳnh Quan thường nói: Họ Thích có chết, Thần Tiên thì sống lâu. Nay Chi Công lại bảo Phật có sống lâu Tiên không sống lâu. Luận này rõ ràng dứt khoát nêu cao muôn thuở. Pháp sư Loan bỏ Tà về Chánh như thay giày cũ rách, chẳng phải là xưa có Chánh nhân ư?

***22- Trí Giả Đại Sư, đời Tùy:*** Ngài Trí Khải hiệu là Đại Sư Trí giả, người ở Dĩnh Xuyên. Thuở bé thấy tượng gặp Tăng liền lạy. Năm mươi tám tuổi xuất gia tại chùa Quả Nguyện. Sau lễ Thiền sư Nam Nhạc Tư Đại hoằng hóa Pháp duyên xong bèn trú tại chùa Thạch Thành tại Diễm Động. Khi sắp nhập diệt gọi đệ tử bảo rằng:Ta biết mệnh ta tại đây không đi đến trước nửa. Rồi bảo đọc lớn Đề Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Xong lại bảo bốn mươi tám Nguyện trong nghiêm Tịnh độ, ao hoa cây báu dễ đến mà không có người, tướng xe lửa hiện bày một niệm hối cải còn được vãng sinh, huống Giới Định huân tu, Thánh hạnh đạo lực công chẳng uổng phí. Trí Lãng thưa: chẳng hay Đại Sư chứng vào Vị nào, chết rồi sinh về đâu? Sư nói: Nếu ta không lãnh chúng thì chứng được năm phẩm. Ngươi hỏi ta sinh về đâu, các vị thầy bạn theo hầu Bồ-tát Quán Âm đều đến đón rước ta. Nói xong thì đọc tên Tam Bảo như vào Tam-muội.

***Khen rằng:*** Đại Sư Đạo Đức cao lớn, một nhà Giáo quán muôn đời đều quy ngưỡng, mà khi qua đời chỉ mong về Tây Phương. Về Sớ Quán Kinh đô có soạn Thập Nghi Luận ý chỉ ở đấy ràng rành dễ hiểu. Có người nói Sớ gọi Tâm là gốc, Tịnh độ chẳng phải thật có. Đại Sư nói ước tâm quán Phật, chẳng bảo là không có Phật. Như ai kia nếu không có Phật thì tâm quán gì. Chánh báo đã thế thì Y báo cũng vậy. Kẻ học Thai Giáo nên xét biết.

***23- Pháp Hỷ, đời Tùy:*** Ngài Pháp Hỷ thường thực hành Phương Đẳng Sám Pháp, bỗng có một con chim trĩ đến đòi mạng có vị Thần

tránh rằng: Pháp sư sẽ vãng sinh Tịnh độ, đâu đền mạng ngươi được được. Sau ở trong lúc bệnh, Sư phát nguyện một đời tu Tịnh nghiệp hồi hướng Tây Phương dốc lòng niệm Phật, liền thấy Phật và Bồ-tát đến đón rước, rồi ngồi thẳng mà hóa.

***Khen rằng:*** Kinh nói dù cho trải trăm ngàn kiếp tạo nghiệp, nhân duyên cũng chẳng mất, khi đến lúc thì quả báo phải tự chịu lấy. Hỷ làm ác mà được sinh Tịnh độ chẳng phải đền mạng chim Trĩ là do một đời Tịnh độ mà dứt hẳn luân hồi, nhân dyên nào theo mà còn gặp. Nếu Ngộ Vô sinh Nhẫn, vào trần lợi vật, dẫu có đền mạng thì gọi là một dao chặt đứt đầu bạc như chém gió Xuân, há giống như phàm phu sáu đường ư?

***24- Chương An, đời Tùy:*** Ngài Quán Đảnh người ở Chương An là đệ tử của Đại Sư Trí Giả. Hằng ngày lo việc niệm Phật, khi qua đời trong thất có mùi thơm lạ. Dặn dò đệ tử xong bỗng đứng dậy chấp tay niệm A-di-đà Phật và tên hai vị Đại Sĩ rồi an nhiên mà hóa.

***25- Tuệ Thành đời Tùy:*** Ngài Tuệ Thành ở Chi Giang, tụng Kinh Di-đà tu Tây Phương Quán, ba mươi năm thường ngồi chẳng nằm. Mỗi khi vào Định thì thấy đài hoa cây báu ở Tịnh độ. Đêm qua đời có người mộng thấy Thành ngôi hoa sen mà hóa rồi từ từ đi về phương Tây.

***26- Đạo Dụ, đời Tùy:*** Ngài Đạo Dụ trú tại chùa Khai Giác niệm Phật A-di-đà ngày đêm không bỏ, tạo tượng Phật cao ba tấc. Sau ở trong Định thấy Phật gọi bảo: Ngươi tạo tượng ta sao nhỏ thế? Dụ thưa: Tâm lớn liền lớn, tâm nhỏ liền nhỏ. Nói xong thì thấy thân tượng đầy khắp hư không bảo rằng: Ngươi nên tắm gội thanh tịnh, khi sao Mai mọc ta đến đón rước ngươi. Đến hẹn quả nhiên thấy Phật đến, ánh sáng đầy nhà, bèn ngồi mà hóa.

***Khen rằng:*** Tâm lớn thì lớn, tâm nhỏ thì nhỏ, vậy thì tâm uế liền uế, tâm tịnh liền tịnh, mà Dụ thấy một Phật đầy khắp hư không. Trước đây Tăng Nhu, Tuệ Quang thấy có nhiều Phật đầy khắp hư không, bởi một tức nhiều, nhiều tức là một, chẳng phải có hơn kém.

***27- Trí Thuấn , đời Tùy:*** ngài Trí Thuấn vào Lô Sơn nối gót Viễn Sư tu Tịnh nghiệp. Đầu niên hiệu Đại Nghiệp giảng Quán Kinh xong liền bị bệnh, thấy anh vũ, chim công niệm Phật Pháp Tăng tiếng rất hay, bảo đệ tử rằng: “Ta hôm nay vãng sinh”. rồi an nhiên mà hóa.

***28- Tuệ Hải, đời Tùy:*** ngài Tuệ Hải trú tại chùa An Lạc ở Giang Đô, giỏi kinh luận, tinh thành niệm Phật. Có Tăng Đạo Thuyên đến từ Tề Châu có mang theo tượng Phật A-di-đà rất đẹp trên đời chưa có. Hỏi thì đáp đây là Bồ-tát Ngũ Thông trú tại chùa Kê-đầu-ma ở Thiên-trúc, Bồ-tát bay trên hư không đến thế giới An Lạc, vẽ khắc đem đến. Hải rất vui mừng mong được gặp bèn dốc lòng kính lễ thì thấy Thần quang sáng chói. Do đó khẩn thiết cầu sinh về nước ấy sau bị bệnh nhẹ. Đang đêm bỗng ngồi dậy đắp y hướng về phía Tây kính lễ, xong, ngồi kiết già đến sáng thì mất, y như còn sống.

***Khen rằng:*** Thế giới Cực Lạc cách đây hơn mười vạn ức cõi Phật cũng không thể bay trên hư không mà đến được. Tuệ Hải tinh thành mà cảm được Phật ấy. Sao biết được Đạo Thuyên chẳng phải là Hiền Thánh Tịnh độ ư?

***29- Pháp Trí , đời Tùy:*** ngài Pháp Trí xuất gia từ thuở nhỏ, về già nghe pháp môn thẳng tắt không gì bằng niệm Phật, bèn bảo người rằng ta nghe kinh nói phạm một tội Cát-la vào địa ngục trải một Trung kiếp thất đáng tin. Lại nói niệm một câu A-di-đà Phật thì diệt được tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp thì chưa tin được. Có người hỏi bèn bảo: Ngươi rất tà kiến, đều là lời Phật cả đâu được chẳng tin? Bèn trú tại chùa Quốc Thanh ở đài đâu-suất ngày đêm siêng năng niệm Phật. Bỗng cáo biệt đạo tục bảo “Ta sinh Tây Phương đây”. Trong đêm ấy không bệnh mà hóa. Lúc đó có ánh sáng vàng chiếu sáng trên sông cả mấy trăm dặm. Dân chài bảo là trời sáng. Rất lâu trời mới sáng, mới biết là do Pháp Trí vãng sinh mà như thế.

***Khen rằng:*** Phật nói: Ta bảo trong mật đều ngọt thì phải tin, thế mà tin có chút ác vào địa ngục mà chẳng tin một niệm Phật thì được vãng sinh Tây Phương, đây thật là tà kiến. đời gần đây người thích trì chú thấy Đà-la-ni nói công đức có thể dời núi biển sai khiến quỉ Thần, thỏa mãn các nguyện cầu thì mừng rỡ mà tin. Còn thấy Tịnh độ có thể vào thẳng thềm Thánh, lập tức vượt ba cõi thì điềm nhiên chẳng để ý. Đó là Tà Kiến, thật đáng buồn thay!

***30 - Hòa-Thượng Thiện Đạo, đời Đường:*** Ngài Thiện Đạo vào niên hiệu Trinh Quán gặp Thiền sư Xước ở Tây Hà, được bộ Cửu Phẩm Đạo Tràng mừng rỡ bảo rằng đây thật là bến yếu vào Phật, còn tu các hạnh khác lòng vòng khó thành, chỉ pháp môn này mau thoát sinh tử. Do đó mà chuyên siêng năng khổ nhọc ngày đêm lễ tụng phát khởi

bốn chúng mỗi khi vào thất cùng quy niệm Phật nếu chưa kiệt sức thì chưa nghỉ. Ra thất thì giảng nói Tịnh độ cho người nghe hơn ba mươi năm không tạm ngủ nghỉ, ăn uống thì thô sơ tự lo. Được của bố thí đều dùng viết Kinh Di-đà, được mười vạn quyển, vẽ Biến tướng Tịnh độ ba trăm bức, quên việc được mất, đốt đèn suốt đêm, ba y bình bát không khiến người cầm, không đi chung với chúng, sợ nói chuyện đời. Người được Ngài hóa độ rất đông. Có người tụng Kinh Di-đà mười vạn đến năm mươi vạn lượt. Có người niệm Phật hàng ngày vạn câu đến mười vạn câu, có người được Tam-muội Niệm Phật vãng sinh Tịnh độ đông không kể xiết. Có người hỏi: Niệm Phật được sinh Tịnh độ hay không? Sư đáp: Ngươi cứ niệm sẽ thỏa nguyện. Tự mình niệm một câu Phật thì trong miệng có một tia sáng phát ra, niệm mười câu, trăm câu ánh sáng cũng như thế. Sư khuyên đời có kệ rằng: Dần dần da gà tóc hạc, bước đi chập choạng, dù cho vàng ngọc đầy nhà, đâu tránh khỏi suy già bệnh khổ. Dù có ngàn thứ vui sướng, vô thường cuối cùng cũng đến, chỉ có đường tắt tu hành, chỉ niệm A-di-đà Phật. Bỗng nói với người rằng: Thân này đáng chán, ta sắp về Tây. Bèn leo lên cây Liễu hướng về phía Tây khấn rằng: “Nguyện Phật tiếp dẫn con, Bồ-tát giúp con khiến con không mất Chánh Niệm, được vãng sinh Tịnh độ”, nói xong liền gieo mình mà chết. Cao Tông Hoàng Đế biết việc bèn ban cho Chùa tấm hoành phi là Quang Minh.

***Khen rằng:*** Hòa-Thượng Thiện Đạo đời truyền là Di-đà hóa thân. xét tự hạnh sư tinh nghiêm, lợi sinh rộng lớn, muôn đời sau còn cảm phát được tín tâm của mọi người, nếu không phải Di-đà thì cũng là Quán Âm, Phổ Hiền cả, lành thay!

***31- Trí Khâm, đời Đường:*** Ngài Trí Khâm chuyên tu tập nghiệp Thiền, lại lễ niệm một vạn năm ngàn danh hiệu Phật đến trăm lượt. Sau, tại tháp A Dục Vương ở Liễu Châu đốt một cánh tay cầu sinh Tịnh độ. Một Đệ tử là Tăng Hộ nửa đêm thấy trước sân có ánh sáng lạ. Nhân đó hỏi ai cầm đuốc, hỏi ba lần thì trên hư không có tiếng bảo: Đến đón rước Thiền sư. Hộ liền mở cửa sổ thì thấy thân Phật sáng chói, cờ phướn lọng đẹp đầy cả không gian. Khâm theo Phật từ từ mà đi.

***Khen rằng:*** Đốt thân đốt tay, trong các Kinh Đại thừa thường cho đây là được ân của Đại Sĩ khiến làm, người Sơ tâm không thể làm được. Người cầu Tây phương phải học cách tập Thiền Lễ Phật của Trí Khâm, không cần phải bắt chước đốt tay. Phải tinh thành mạnh mẽ để trị ác tập thì đốt cũng nhiều. Người xưa nói khéo học Liễu Hạ Tuệ chẳng đúng

hay sao?

***32- Ngũ Hội Pháp sư ngài Pháp Chiếu đời Đường:*** niên hiệu Đại Lịch năm thứ 2 Sư trú tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, Từ Nhẫn Giới Định luôn làm gốc. Từng trong bát thất mây năm màu có chùa Phật hiệu là chùa Đại Thánh Trúc Lâm. Sau đến núi Ngũ Đài thấy ánh sáng lạ quả nhiên gặp chùa Trúc Lâm. Vào Giảng đường thì thấy Bồ-tát Văn-thù ở phía Tây, Đức Phổ Hiền ở phía Đông, vạn chúng vây quanh nghe nói Pháp. Pháp Chiếu đảnh lễ hỏi rằng: Phàm phu đời mạt ở vị lai nên tu pháp môn nào? Văn-thù đáp: Các môn tu hành không gì bằng niệm Phật, ta do niệm Phật mà được Trí Nhất Thiết Chủng. Lại hỏi phải niệm Đức Phật nào? Đáp: Phía Tây thế giới này có Phật A-di-đà, Nguyện lực Phật ấy không thể nghĩ bàn, các ông phải buộc niệm chớ để dứt mất, chắc chắn sẽ vãng sinh. Sau đó ngày tối trời tháng chạp ở Đạo Tràng Tịnh nghiệp tại Viện Hoa Nghiêm mới nhớ hai Đại Sĩ đã thọ ký ta vãng sinh, bèn nhất tâm niệm Phật. Bỗng thấy vị Tăng Ấn-độ là Phật-Đà-Ba-lợi bảo rằng: Ông đài hoa đã đến, ba năm sau hoa nở. Đến hẹn bảo chúng rằng "Ta đi đây", rồi ngồi thẳng mà hóa. Sư từng trú tại chùa Hồ Đông mở năm Hội Niệm Phật, cảm được Đại Tống Hoàng Đế, trong cung nghe tiếng niệm Phật, sai Sứ tìm, bèn thấy Sư khuyến hóa thạnh hành. bèn triệu Sư vào Kinh dạy Cung nhân niệm Phật cũng đủ năm Hội ban hiệu là Ngũ Hội Pháp sư.

***Khen rằng:*** Cảm mộng trước thấy cảnh sau, có thể tin rõ. Nhưng các môn tu hành không bằng niệm Phật, chính miệng Văn-thù nói mà không đáng tin ư? Trước ba năm đài hoa hiện đến gọi là Tín tâm vừa khởi thì nhụy hoa ghi tên, tuỳ theo sự siêng năng hay lười biếng mà tươi hoặc héo, lại chẳng đáng tin ư? Ôi, ngầm hiện dấu linh dự Phù Thánh Ký, hành hóa năm Hội tiếng thấu Cửu Trùng (tai vua), há chẳng phải nhân Bi nguyện mà sinh ư?

***33- Pháp sư Đài Nham Khang:*** ngài Thiếu Khang đời Đường, người ở Tiên đô thuộc Tấn Vân. Năm mười lăm tuổi đã thông suốt Kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Vào niên hiệu Trinh Nguyên đến chùa Bạch Mã tại Lạc Dương thấy trong Điện, kinh sách phát ra ánh sáng, lấy xem chính là bài Văn Tây Phương Hoá Đạo của Hòa Thượng Thiện Đạo. Sư khấn rằng: Nếu đối với Tịnh độ con có duyên thì xin khiến lại phát ra ánh sáng. Nói xong thì ánh sáng chói lòa. Sư nói kiếp đá có thể mòn chứ nguyện con không thay đổi. Rồi đến chiêm lễ Ảnh Đường Hoà-Thượng

Thiện Đạo tại chùa Quang Minh ở Trường An, bỗng thấy di tượng của ngài bay lên hư không bảo rằng: Ngươi y theo giáo ta rộng giáo hóa các hữu tình, ngày nào công thành sẽ sinh An Dưỡng. Sư bèn đến Tân Định xin tiền dụ trẻ con niệm Phật, hễ niệm một câu Phật thì cho một đồng. Hơn một năm bất luận lớn bé sang hèn hễ thấy Sư đều niệm A-di-đà Phật. Tiếng niệm Phật đầy đường. Lại ở núi Ô Long, Sư lập ra Đạo tràng Tịnh độ, mỗi khi lên toà cao lớn tiếng niệm Phật, đại chúng thấy có một Phật từ miệng Sư bay ra, niệm mười câu có mười Đức Phật. Sư nói các vị ai thấy Phật sẽ được vãng sinh. Lúc đó chúng đông cả ngàn. Cũng có người không thấy buồn thương tự trách, do đó càng thêm tinh tấn. Sau hai mươi mốt năm, ngày 3 tháng 10 Sư dặn dò Đạo Tục rằng: Nên đối với Tịnh độ mà khởi tâm ưa thích, và khởi tâm chán lìa cõi Diêm-phù. Các ông lúc ấy thấy ánh sáng này mới thật là đệ tử ta. Rồi phát ra mấy luồng ánh sáng lạ mà hóa. Tháp Sư ở núi Đài Tử, hiệu là Đài Nham Pháp sư.

***Khen rằng:*** Có người nghĩ rằng Phật từ miệng ra giống như điều quái dị. Ôi Thế Tôn khi gặp voi say, đầu năm ngón tay phát ra Sư Tử màu vàng sáng, bảo rằng: Ta nào có ý ràng buộc voi đâu. Bởi ta từ vô lượng kiếp đến nay tu Từ Nhẫn lực, tự nhiên có Sư Tử hiện ra, ta cũng chẳng biết. Nay Khang công hiện Phật cũng là từ vô lượng kiếp đến nay đã rất quy kính, có gì là lạ. Ở đời có Thầy tà dạy người đêm tối ngồi trước cây hương thắp sáng mà quán tưởng Phật hiện cho là cảm ứng. Xét đây Tà Chánh thật trái nhau, người tu nghiệp Tịnh độ không thể không phân biệt rõ.

***34- Ngài Tự Giác đời Đường***: ở Chân Châu thường phát nguyện. Nguyện nhờ vào Đức Quán Âm được thấy Phật A-di-đà. Do đó tạc tượng Bồ-tát Quán Âm cao bốn mươi chín thước. Khi tượng xong khấn nguyện đến canh ba. bỗng có hai luồng ánh sáng vàng, trong ánh sáng Đức Phật A-di-đà hiện xuống, hai vị Đại Sĩ theo hầu hai bên. Phật đưa tay xoa đầu Giác bảo rằng: Hãy giữ nguyện chớ đổi, lợi vật làm trước, sẽ sinh vào ao báu sẽ không sai nguyện. Mười một năm sau, đêm trăng tròn tháng bảy, Sư thấy một người hình dáng giống như Thiên Vương hiện thân trên mây bảo Giác rằng: Hẹn An Dưỡng đã đến. Sư bèn ở trước Tượng Quán Âm ngồi kiết già mà hóa.

***35- Ngài Thiện Trụ đời Đường:*** người ở Doanh Châu. Niên hiệu Võ Đức năm thứ 3 ngài bị bệnh bảo người rằng: Ta một đời Chánh Tín

chẳng lo Tịnh độ không sinh. rồi sai lau rửa phòng ốc đốt hương nghiêm chờ. Bệnh lâu phải nằm, bỗng ngồi dậy chấp tay bảo người hầu bày Tượng Đức Thế Tôn, bảo đỡ ngồi rồi tự phát lồ sám hối. Hồi lâu bảo Thế Tôn đi rồi, có dáng như tiễn đưa. Đang nằm bỗng hỏi Phật A-di-đà đến các ông có thấy không. Phút chốc bảo: Ta đi đây. Rồi khoảng khắc thì hoá.

***36- Thần Tố: Ngài Thần Tố đời Đường:*** Người vùng Minh Được(iều thuộc An Ấp, giỏi diễn giảng ngang với Đạo kiệt, một đời tu nghiệp quán tưởng Tây Phương. Niên hiệu Trinh Quán hai chúng thỉnh Sư làm chủ Thê Nham. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 17, ngày 23 tháng 2 Sư nhóm họp đại chúng mà từ biệt, rồi ngồi kiết già nghiêm nét mặt khiến tụng Phẩm Phổ Môn Quán Âm hai lượt, rồi tự niệm Phật A-di-đà. Lại khiến một người xướng, các người khác cùng họa theo. Giữa đêm thì ngồi thẳng mà tịch. Da thịt rã ra nhưng bộ xương vẫn ngồi như xưa.

***37- Tuệ Duệ - ngài Tuệ Duệ đời Đường:*** xuất gia ở Tương Xuyên. Từng hoằng hóa Tam Luân Đại Kinh. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 22 đêm 8 tháng 4 thấy Thần núi bảo rằng: Pháp sư sửa soạn phòng ốc không bao lâu sẽ sinh Tây Phương. Đến ngày 14 tháng 7 Sư giảng Kinh Vu-lan-bồn xong, chắp tay bảo: Sống nhận của Tín thí nay cần phải phân tán hết. một mảy may cũng buông bỏ giúp cho những người ăn xin cô độc nghèo khó khắp nơi và các đường ác khác, nói xong thì hóa ở Pháp toà.

***Khen rằng:*** Xưa Sinh Công nói Pháp sắp xong, chúng thấy cây Phất trần rơi xuống đất, dựa ghế mà hóa như vào thiền định. Việc của Sư cũng thuộc loại này. Than ôi chẳng phải Đạo Lực lúc bình sinh thì không thể gắng gượng lúc qua đời.

***38- Hoài Ngọc: Ngài Hoài Ngọc đời Đường:*** người ở Thai Châu, ngày ăn một buổi, mặc áo vải, thường ngồi không nằm, tụng Kinh Di-đà ba mươi vạn biến, hằng ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn câu. Đầu niên hiệu Thiên Bảo thấy Phật và Bồ-tát giữa hư không. Có một người bưng Đài bạc đến đón rước. Ngọc nói: Tôi một đời niệm Phật thề lấy đài vàng, sao nay chẳng được. Thánh chúng liền biến mất. Ngọc càng thêm tinh tấn. Sau hai mươi mốt ngày người bưng đài trước kia đến bảo: Vì Sư tinh tấn nên được lên Thượng phẩm, nên ngồi kiết già mà đợi. Ba ngày sau ánh sáng lạ đầy nhà. Sư gọi đệ tử bảo rằng: Ta sinh Tịnh độ

đây. Rồi mỉm cười mà hóa. Quận Thái Thú là Đoàn Công làm kệ khen rằng: Thầy ta một niệm lên Sơ Địa, sênh ca nước Phật hai lượt đến - Chỉ có trước chùa cây Hòe cổ, riêng một nhánh thấp treo đài vàng.

***Khen rằng:*** Có người bảo đài bạc đến mà lại ẩn, đài vàng thì quyết mà lại gặp. Sao được quả báo không bằng cứ, mà do người chọn lựa. Nói chung đây là vạn Pháp do tâm, tùy cảm mà ứng. Lại xe lửa đã hiện, mười niệm được vãng sinh. Các vị trời đến đón rước, tâm thề mà trở về. Tịnh độ tướng Thiện ác Thánh phàm cách nhau còn có thể chuyễn nghiệp nhanh chóng. Huống gì vàng bạc nào có bao lâu?

***39- Đạo Ngang; Ngài Đạo Ngang đời Đường:*** người ở Quận Ngụy, Thầy là Pháp sư Linh Dụ, thường ở chùa núi Hàn Lăng giảng Hoa Nghiêm Địa Luận. Kê hiệp Bác đến thăm, chí kết Tây phương nguyện sinh An Dưỡng. Sau tự biết mạng số sẽ hết vào tháng 8- nhưng mọi người chưa lường biết được. Đến ngày mồng 1 tháng 8- không bệnh hỏi giờ trai đến chưa, liền lên tòa cao, thân có tướng lạ cầm lò hương mùi lạ dẫn bốn chúng thọ giới Bồ-tát, lời và lý rất thiết, người nghe lạnh lòng. Sư nhìn lên cao thấy các vị Trời lăng xăng, đờn sáo inh ỏi, bảo chúng rằng: Trời Đâu suất đà đến đón rước ta, nhưng cõi trời là gốc sinh tử, nên ta xưa nay không nguyện, chỉ chú tâm Tịnh độ, vì sao lòng thành này chẳng toại. Nói xong nhạc trời im lặng, lại thấy Tây Phương hương hoa kỹ nhạc đầy dẫy như mây bay nhanh mà đến, quây quần trên đầu mọi người đều thấy. Ngang nói: Nay tướng linh Tây Phương đến đón rước, ta phải đi. Liền thấy lò hương vuột khỏi tay, ở trên tòa cao mà hóa. Dưới chân có Phổ Quang Đường các nhà, xa gần đều khen ngợi.

***Khen rằng:*** Bỏ Cung Trời mà cầu Tịnh độ trước đây có Quang công, sau đó có Hồng công và Đạo Ngang. Bởi ba vị trong khoảng chốc bức bách mà còn có thể dắt dẫn bốn chúng về Tỳ-ni, ngồi trên ghế cao quy tịch mà dáng vẻ ung dung, làm kinh động tâm mắt mọi người. Than ôi lạ thay!

***40 - Đạo Xước - Ngài Đạo Xước đời Đường:*** người ở Mấn Thủy thuộc Tính Châu, mười bốn tuổi xuất gia rèn tập kinh luận. Về già thờ Thiền sư Toán mà học thiền lại dốc chí nghiệp Tịnh độ với ngài Thần Loan. Có vị Tăng nhập định thấy ngài Đạo Xước lần chuỗi hạt như bảy báu. Ngài ở trên núi cao vì chúng giảng Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh gần hai trăm lượt. Mọi người đều lần chuỗi niệm Phật. Hoặc lúc

rời khỏi chỗ ngồi, âm vang vọng khắp núi rừng sáu thời lễ lạy cung kính, không lúc nào bỏ sót, mỗi ngày lấy bảy vạn câu làm mức. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ, 2 ngày mồng 8 tháng 4 thì quy tịch. Người nghe việc đến xem đầy chùa, đều thấy có hóa Phật ở trên hư không và hoa trời rải xuống.

***41- Bảo Tướng: Ngài Bảo Tướng, đời Đường:*** là người ở Trường An thuộc Ung Châu. Năm mươi chín tuổi xuất gia theo hạnh Đầu-đà tự tịnh, sáu thời lễ sám gần bốn mươi năm. Mỗi đêm tụng Kinh Di-đà bảy biến, niệm Phật sáu vạn câu. Bệnh nặng tụng niệm vẫn không bỏ. Ngài dặn dò đạo tục rằng: Niệm Phật làm đầu chớ dối độ đời thì tướng Tây Phương sẽ đợi. Lại bảo hay thiêu và phân tán thân ta chớ nhọc công làm Minh xây Tháp. Nói xong thì hóa.

***Khen rằng:*** Hoài Ngọc niệm Phật mỗi ngày ghi năm vạn câu, Đạo Xước bảy vạn câu, nay Ngài sáu vạn câu, cả ba Lão Sư đều là Cao Tăng mà khóa lễ hàng ngày có số nhất định. Người đời nay bỗng bảo là việc làm của những người tầm thường, vậy mà được sao?

***42- Duy Ngạn: Ngài Duy Ngạn đời Đường:*** người ở Tính Châu, hẹn về Tịnh độ, thực hành Sám Phương Đẳng siêng năng không bỏ sót. Sư bị bệnh nhẹ, thấy hai Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí hiện trên hư không, Ngạn mời thợ nhưng không vẽ được. Bỗng có hai người tự bảo vẽ được, vẽ xong thì biến mất. Ngạn bèn bảo các đệ tử rằng: Nay ta vãng sinh, ai muốn theo ta? Có cậu bé xin theo. Ngạn bảo phải về từ giã cha mẹ. Cha mẹ cho là chuyên đùa không tin. Khoảnh khắc cậu bé tắm gội thay áo vào Đạo tràng niệm Phật mà hóa. Sư Ngạn vỗ lưng bảo: Cậu bé sao được đi trước ta? Rồi đòi bút viết lời khen rằng: hai Bồ-tát có nguyện rất Từ Bi, đưa tay dắt dẫn cùng về Tây. Viết xong thì hóa.

***Khen rằng:*** Việc của Ngạn không dối, cậu bé ấy nếu chẳng từ lâu chứa nhóm Tịnh nghiệp thì làm sao thoát hóa nhanh chóng thần dị như thế. Ôi, ông chẳng thấy mười niệm thành công ư? Nếu không thế thì gốc lành đời trước làm gì? Người tu Tịnh nghiệp đời này không nhất định vãng sinh thì xem đây mà tự ngẫm.

***43- Tăng Huyền-ngài Tăng Huyền đời Đường:*** người ở Tính Châu. Trước niệm Từ Thị (Di-lặc) cầu sinh Nội Viện. Năm chín mươi tuổi gặp Thiền sư Đạo Xước được nghe về Tịnh độ mới hồi tâm niệm Phật. Ngày lễ ngàn lạy, một lòng không lười mõi. Sau bị bệnh bảo đệ tử rằng: Phật

A-di-đà trao ta Hương Y, Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí đưa tay báu dắt ta, ta sẽ đi". Nói xong thì hóa. Bảy ngày mùi thơm lạ không tan. Lúc đó có hai vị Pháp sư là Khải Phương và Viên Quả mắt thấy việc ấy, bèn trú tại chùa Ngộ Chân cùng bẻ nhánh dương liễu cắm vào tay Tượng Quán Âm nguyện rằng: Nếu Tịnh độ có duyên thì bảy ngày cành dương không héo. Đến hẹn thì dương càng tươi. Phương Quả mừng rỡ, ngày đêm quán niệm không bỏ. Bỗng tự biết mình đến ao bảy báu vào màn đại báu thấy Phật và hai vị Đại Sĩ ngồi trên đài hoa báu ánh sáng rực rỡ. Phương và Quả đảnh lễ, Phật bảo rằng: Ai niệm danh hiệu ta đều sinh về nước ta. lại nghe Đức Thế Tôn Thích-ca cùng Bồ-tát Văn-thù dùng Phạm Âm khen ngợi Tịnh độ. Lại thấy ba đường thềm báu, một đường thì toàn là người tại gia Cư sĩ, đường thứ hai đạo tục xen nhau, đường thứ ba chỉ toàn là Tăng. Bảo rằng: Ai dốc lòng niệm Phật đều được vãng sinh cõi này. Sau năm ngày bỗng nghe tiếng chuông, bảo rằng tiếng chuông là việc của chúng ta. Lúc ấy cả hai Sư liền hóa.

***Khen rằng:*** Tuổi quá già mới tu Tịnh nghiệp mà còn được vãng sinh, trai trẻ thì có thể biết. Còn Phương Quả kia nghe phong thanh khởi trọn được linh ứng, thấy bậc  Hiền nghĩ mình làm sao cho bằng cũng chính là đây vậy.

***44- Hoài Cảm: Ngài Hoài Cảm đời Đường:*** trú tại chùa Thiên Phước tại Trường An, vào Đạo tràng niệm Phật hai mươi mốt ngày không thấy điềm linh, tự hận mình chướng sâu muốn tuyệt thực đến chết. Đại Sư Thiện Đạo không cho, khuyên tinh tấn chí thành ba năm chiêu cảm như lời dạy. Sau thấy Phật ngọc hào màu vàng, được Tam-muội niệm Phật. Sư có soạn Luận Quyết Nghi bảy quyển. Khi qua đời chấp tay nói "Phật đến đón rước ta". Rồi hóa.

***Khen rằng:*** Ngạn ngữ có nói: Có công mài sắt có ngày thành kim. Chúng ta đối cảm có chứng cớ. Vạch đất tự hận mà suy nghĩ.

***45- Đức Mỹ: Pháp sư Đức Mỹ đời Đường:*** ở Tây Viện chùa Hội Xương xây dựng Sám Đường, thực hành Tam-muội Bát-Chu, suốt mùa hạ không nằm ngồi, hoặc cấm khẩu suốt ba năm không nói, hoặc thực hành bất khinh, bảy chúng đều lễ. Tiết giảm ăn mặc dứt bặt việc đời, chuyên niệm Tây Phương, tụng Kinh Di-đà trọn đời không thôi. Sau vào thất niệm Phật một lúc rồi an nhiên mà hóa.

***Khen rằng:*** Dứt bỏ việc đời thì duyên nhiễm dứt hẳn, chuyên niệm Tây Phương thì Tịnh Duyên thành tựu. Có câu rằng Ái không

nặng thì không sinh Ta-bà, Niệm không nhất tâm thì chẳng sinh Tịnh độ, thành thật thay lời ấy.

***46- Biện Tài: Ngài Biện Tài đời Đường:*** người ở Tượng Dương, ngầm tu Tịnh độ hai mươi năm không hề tự khoe. Chỉ làm bạn thân thiết với Hộ Nhung Nhậm Công Thiện, nói cho biết rằng: Tôi sẽ sinh Tịnh độ, hẹn mười năm sau. Một hôm khiến đệ tử báo với Nhậm Công rằng hẹn đã đến. Nhậm Công đến thì Tài bảo: "Ta đi đây". Rồi ngồi mà hóa, đại chúng nghe tiếng nhạc Tiên từ phía Tây đến, mùi thơm lạ xông tỏa.

***47- Thọ Hồng: Ngài Thọ Hồng đời Đường:*** người ở Phần Dương. Thường niệm Phật chí thành cầu Tịnh độ. khi sắp mất thấy các Đồng tử ở cõi Trời Đâu-Suất đến đón rước. Hồng nói: Tôi chỉ mong sinh Tây Phương, không sinh lên cõi trời, liền khiến chúng niệm Phật. Rồi bảo Phật từ phương Tây đến. Nói xong thì hóa.

***48- Pháp Tường: Ngài Pháp Tường đời Đường:*** trú tại chùa Đại Hưng Quốc ở Dương Đô, ba mươi năm tu nghiệp An Dưỡng, hễ có công đức gì đều dùng hồi hướng. Vì bị bệnh, đệ tử nghe Tường xưng danh hiệu Phật rất lớn tiếng, lại thấy ở vách Tây phòng có ánh sáng như gương hiện tướng Tịnh độ chim Tần già vỗ cánh, rồi an nhiên mà hóa.

***Khen rằng:*** Pháp Tường thấy Tần Già, trước kia Trí Thuấn thấy Anh vũ chim công, chẳng thấy Phật mà thấy các loài chim là sao? Kinh nói: Các loài chim ấy đều do Phật A-di-đà biến hóa ra. cho nên biết Chánh báo Y báo đều là tướng Tịnh độ, chớ nên nghi ngờ.

***49- Đại Hạnh-Ngài Đại Hành đời Đường:*** ở Thái Sơn, tu Sám pháp Phổ Hiền ba năm, cảm được Đại Sĩ hiện thân. Tuổi già vào kho kinh phát nguyện rồi tiện tay lấy một quyển thì được quyển kinh Di-đà. Bèn ngày đêm tụng đọc đến hai mươi mốt ngày thì thấy trên đất lưu ly có Phật và hai Đại Sĩ hiện thân. vua Hy Tông nghe việc bèn mời vào Cung ban hiệu là Bồ-tát Thường Tinh Tấn. Một năm sau đất lưu ly lại hiện, ngay ngày ấy liền mất, mùi thơm lạ suốt tuần, nhục thân không hư hoại.

***Khen rằng:*** Đất lưu ly trên dưới thấu suốt là Tịnh đức mà cảm được. Vậy mà Tuệ Vĩnh, Tăng Huyền có mùi thơm lạ bảy ngày, Tuệ Thông ba ngày, nay Đại hạnh suốt một tuần đâu chẳng phải là do Phạm

hạnh toả hương thơm ư?

***50 - Minh Chiêm - Ngài Minh Chiêm đời Đường:*** tuổi già khắc chí An Dưỡng. Có người chê là muộn, Chiêm nói: Mười Niệm công thành còn được thấy Phật, ta nào lo gì? Sau nhân bị bệnh Sư trú tại chùa Hưng Giáo thiết trai để từ biệt Đạo Tục. Lúc đó các quan như Bộc Xạ Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đều có mặt. Sư nói quá ngọ, rồi sửa sang y phục oai nghi nghiêm chỉnh niệm Phật liên tục. Lại bảo Phật đến và hai Đại Sĩ cũng đến. Rồi nghiêm mình chắp tay mà hóa.

***51- Thiền sư Vĩnh Minh Thọ:*** Tên là Diên Thọ, họ Tiền ở Ngô Việt, người vùng Dư Hàng thuộc Hàng Châu. Theo ngài Thiền sư Tứ Minh Túy Nham xuất gia. Sau tham học với Quốc Sư Thiên Thai Thiều phát minh tâm yếu. Từng tu Pháp Hoa Sám. Nửa đêm thấy hoa sen của Bồ-tát Phổ Hiền bỗng nhiên ở trên tay. Nhân đó nghĩ nguyện xưa nên chưa quyết, bèn lên núi Trí Giả làm hai cái thăm, một cái đề Nhất Tâm Thiền Định, một cái đề Vạn Hạnh tu Tịnh độ rồi ngầm tâm cầu nguyện, bảy lần bắt đều được thăm Tịnh độ, do đó một ý chuyên tu. Sau đến trú tại chùa Vĩnh Minh, khóa lễ hằng ngày là niệm Phật, đêm đến thường một mình lên ngọn núi cao hành đạo niệm Phật. Mọi người lúc ấy nghe có tiếng nhạc trời vang dội. Trung Ý Vương khen rằng: Xưa nay người cầu Tây Phương chưa có ai chuyên thiết như thế, bèn lập Điện Tây Phương Hương Nghiêm để trọn thành chí Ngài. Sư trú tại chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, đệ tử có một ngàn bảy trăm, thường cùng chúng truyền giới Bồ-tát, thì thực cho các quỉ thần, phóng sinh chim cá đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ. lúc đó người gọi là Từ Thị Hạ Sinh. Ngày 26 tháng 2 Niên hiệu Khai Bảo năm thứ 8, buổi sáng dậy thắp hương cáo biệt chúng ngồi kiết già mà hóa. Sau có vị Tăng đến từ Lâm Xuyên suốt năm đi nhiễu ở Tháp Ngài. Hỏi thì bảo rằng: Tôi bị bệnh xuống Âm phủ, thấy trên Điện phía trái có thờ hình một vị Tăng, vua ân cần kính lễ, bèn hỏi thăm thì mọi người bảo đó là Thiền sư Vĩnh Minh Thọ, hễ ai chết đều phải qua Âm Phủ, vị này đi tắt sinh về Tây Phương ở Thượng Thượng Phẩm, vua rất trọng đức Ngài nên kính lễ.

***Khen rằng:*** ngài Vĩnh Minh nhớ mãi Tây Phương, chỉ thẳng tâm ấn mà khắc ý Tịnh độ, tự lợi lợi tha, hạnh nguyện rộng lớn chiếu sáng muôn đời là Từ Thị hạ sinh, là ngài Thiện Đạo tái sinh vậy?

***52- Chí Thông: ngài Chí Thông đời Thạch Tấn:*** người ở Phụng

Tường. Nhân thấy quyển Tịnh độ Nghi Thức của Trí Giả Đại Sư thì khôn xiết vui mừng. Từ đó không khạc nhổ về hướng Tây, không ngồi xoay lưng về Tây, mà chuyên tâm niệm Phật. Sau thấy Chim Hạc chim công sắp thành hàng từ phương Tây đến. Lại thấy hoa sen mở khép ở trước. Thông nói chim Hạc trắng, chim công là cảnh Tịnh độ, hoa sen chiếu sáng là chỗ thọ sinh Tịnh độ hiện ra. Bèn đảnh lễ Phật mà hóa. Khi trà tỳ có mây năm màu vần vũ trên đống lửa, Xá-lợi đầy thân.

***Khen rằng:*** Khạc nhổ phải tránh hướng Tây, ngồi phải xoay về Tây mà hệ niệm, như thế thì việc nào chẳng xong. Nay dùng tâm khinh thường mà muốn vãng sinh thì thật là khó. Có người nói không nên đắm trước. Ôi quán kỷ mặt trời lặn Kinh có nói rõ ràng. Đại Sư Trí Giả mới sinh mà đã ngồi quay mặt về Tây cho đến các Hiền thánh tu Tịnh nghiệp đều ngồi hướng về Tây chẳng đắm trước mà được ư? Đắm tâm nơi cảnh trược trọn đời an nhiên, vừa mới niệm Tịnh Bang đã vội lo đắm trước. Điên đảo như thế chẳng lạ lắm ư?

***53- Ngộ Ân: Ngài Ngộ Ân đời Tống:*** người ở Thường Thục thuộc Cô Tô. Năm mười ba tuổi nghe tụng Kinh Di-đà bèn xin xuất gia. Suốt ngày ăn một bữa, chẳng rời y bát, chẳng chứa của cải. Nằm thì nghiêng hông bên phải, ngồi thì kiết già. Mỗi khi Bố-tát khóc lóc không thôi nguyện khắp mọi người lấy Tây Phương Tịnh nghiệp làm viên chỉ Nhất Thừa. Có người nghi không hợp cơ, thì đáp là cùng tạo duyên Trống độc mà thôi. Niên hiệu Ung Hy năm thứ 2 ngày 30 tháng 8 sư thấy ánh sáng trắng từ giếng phát lên, nói với môn nhân rằng: Ta sắp mất. Rồi tuyệt thực không nói, nhất tâm niệm Phật, thì mộng thấy một Sa-môn bưng lò vàng đốt hương đi nhiễu quanh thất ba vòng, tự bảo là Quán Đảnh đến đây đón rước. Khi thức đậy gọi đệ tử đến, còn nghe mùi thơm lạ phảng phất. Hai mươi lăm ngày sau Sư giảng nói Chỉ Quán Chỉ Quy và Quán Tâm Nghĩa xong thì ngồi thẳng mà hóa. Mọi người nghe tiếng đờn sáo chuông mõ inh ỏi trên hư không, lâu dần đi xa về hướng Tây.

***Khen rằng:*** Tiền của cơm áo chẳng tham là tâm liêm khiết. Ngồi nằm không cẩu thả là tâm cẩn thận, y bát không rời là tâm trì trọng. Bố-tát mà khóc là tâm thành tín, bốn tâm đều là Tịnh nhân để vãng sinh, còn như khuyên người thì Tây Phương Tịnh nghiệp cùng Nhất Thừa Viên Giáo cùng thực hiện, đó là Ngộ Ân đi sâu vào pháp môn niệm Phật.

***54- Pháp sư Viên Tịnh Thường:*** Ngài Tỉnh Thường đời Tống,

người ở Tiền Đường, bảy tuổi xuất gia. Trong niên hiệu Thuần Hóa đi về Nam đến Chiêu Khánh, kính mến đức phong của Lô Sơn bèn chích máu viết Phẩm Tịnh Hạnh trong Kinh Hoa Nghiêm, đổi Liên Xã thành Tịnh Hạnh. Các Sĩ Đại phu dự hội xưng là đệ tử Tịnh Hạnh mà Vương Văn Chánh Công đứng đầu. Một thời các Công Khanh chăn dắt một trăm hai mươi người, Tỳ-kheo có cả ngàn vị. Quan Hàn Lâm Tô Dị Giản soạn lời tựa Phẩm Tịnh Hạnh, bảo rằng tôi phải trải tóc dưới chân khoét thân để thỉnh Pháp hãy còn chẳng từ, huống chi là văn kém học cạn mà có tiếc gì. Niên hiệu Thiên Hy năm thứ tư ngày 12 tháng giêng, Sư ngồi thẳng niệm Phật có lúc rất quyết liệt, lại nói là Phật đến rồi an nhiên mà hóa.

***Khen rằng:*** Mới đầu Viễn Công, kế đến Thiện Đạo, rồi Nam Nhạc, Ngũ Hội, Vĩnh Minh, Đài Nham và cuối cùng là Pháp sư gọi là bảy Tổ Liên Xã, khuyến hóa thạnh hành suốt cả xưa nay, tuy nhiên xét về tự tu thì tất cả đều siêng năng cố gắng như thế mà dạy người. Nay Sa-môn biết khuyên người mà không biết tự gắng mình chỉ muốn trộm nương vào các bậc Tiền Bối thì thật là rồ dại.

***55- Tịnh Quán, Ngài Tịnh Quán đời Tống:*** trụ tại am Tịch Quang ở Gia Hòa, tu Tịnh độ Sám Pháp hơn mười năm, bảo đệ tử rằng: Sau hai mươi bảy ngày ta sẽ đi. Trước hai ngày đến hẹn thì Sư thấy hoa sen đỏ, ngày kế thấy hoa sen vàng đầy nhà đều có trẻ con hóa sinh, ngồi trên hoa có đeo dây lưng tiên. Ngày thứ ba vào khám ngồi thẳng sai chúng niệm Phật khoảnh khắc thì hoá.

***Khen rằng:*** Người niệm Phật biết trước lúc chết bởi duyên Ta-bà đã hết, duyên Tịnh độ thành tựu, tự nhiên Thánh cảnh ngầm hiện. Như Viễn Công bảy ngày, nay Quán hai mươi bảy ngày cũng là loại ấy. Người đời sống không có thật đức, lúc chết lại muốn níu kéo trang điểm, chỉ làm trò cười cho thức giả. Nặng thì thân đang sống rần rộ giao động xa gần, chẳng biết nương quỉ đắm Tà mà bị vào đường ác, thật là đáng thương. Lại khiến đám đui mù (không mắt) mừng rỡ mong ước mà gây hại lớn. Ta tu vãng sinh sao không một người quay mình tham dự. Xin người Trí xem đây mà dạy bảo khắp đời sau để cứu những kẻ ngu.

***56- Từ Vân Sám Chủ:*** Ngài Tuân Thức đời Tống, người huyện Lâm Hải ở Thai Châu. Học hành cao xa, danh trùm Lưỡng Triết. Sư chuyên chí An Dưỡng tu Tam-muội Bát Chu chín mươi ngày khổ học ói ra máu. Vào Đạo tràng hai chân toét thịt thề chịu chết. Bỗng như trong

mộng thấy Bồ-tát Quán Âm đưa tay chỉ vào miệng bắt ra mấy con sâu. Lại đầu ngón tay phát ra nước Cam lồ chảy vào miệng. Khi tỉnh dậy thì biết thân tâm trong mát, bệnh lành. Sư có soạn Tịnh độ Quyết Nghi Hạnh Nguyện và Tịnh độ Sám Pháp, lưu hành ở đời. Trong niên hiệu Thiên Thánh khi sắp chết, Sư đốt hương lễ Phật nguyện Chư Phật chứng minh cầu vãng sinh An Dưỡng. Đến chiều thì ngồi mà hóa. Mọi người thấy sao lớn sa xuống ở ngọn Linh Thứu. Lúc đó hiệu là Từ Vân Sám Chủ.

***Khen rằng:*** Chuyên cần Sám Pháp tự làm mà nêu gương muôn đời thì xưa nay chỉ có một người mà thôi. Đến như đưa tay báu bắt sâu, rót nước Cam lồ vào miệng, nếu không có tinh thành rất mực thì sao mà được như thế ư?

***57- Tông Thản Sớ Chủ:*** Ngài Tông Thản đời Tống, người ở Lê Thành thuộc Lộ Châu. Suốt năm mươi năm danh trùm Giảng Lâm, tuổi về già ở Thanh Đài Trấn thuộc Đường Châu mà cầu Tịnh độ, ba nghiệp bốn oai nghi, không hề tạm quên. Niên hiệu chính Hòa năm thứ 4 ngày 27 tháng 4 Sư mộng thấy Phật Di-đà bảo rằng Ngươi nói Pháp chỉ sáu ngày sẽ sinh về Tịnh độ. Thức dậy thì bạch chúng. Đến ngày mùng 4 tháng 5 nhóm chúng bảo rằng: Nhân duyên hợp tan chắc phải có lúc, Thắng duyên Tịnh độ chỉ y cứ lúc này. Xin chúng niệm Phật giúp tôi vãng sinh. Nói xong thì ngồi mà hóa, trên hư không sấm sét rền vang mây trắng phủ đất ba ngày mới tan. Chuỗi lưu ly còn dính mãi trên tay, chúng lấy ra chẳng được. Việc cảm ứng rất nhiều khó kể hết.

***Khen rằng:*** Sấm là tiếng rền vang của Pháp Âm, mây là bóng mát của lòng từ. Chuỗi tay không cởi được là Niệm Lực rất bền bỉ khó thấy.

***58- Từ Chiếu Tông Chủ:*** Ngài Tử Nguyên đời Tống, hiệu là Vạn Sự Hưu, người ở Côn Sơn thuộc Bình Giang. Thuở nhỏ tu tập Chỉ Quán, trong Định nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo. Có tụng rằng: Hơn hai mươi năm trên giấy tìm tới tìm lui càng trầm ngâm Bỗng đâu nghe được tiếng Quạ kêu, mới tin từ trước dụng tâm sai. Do đó tâm lợi tha rất thiết, khuyên khắp mọi người niệm Phật, thay cho Pháp giới chúng sinh lễ Phật Sám hối cầu sinh An Dưỡng. Lập ra Bạch Liên Sám Đường, thuật bốn Độ ba Quán, soạn Phật Đồ Khai Thị Liên Tông, trong cảnh thuận nghịch mà mắt nhìn thấy không hề động niệm. vua Cao Tông mời vào triều kiến, ban cho hiệu Từ Chiếu. Sau ở Trạch Thành, ngày 23 tháng 3

bảo chúng rằng: Hóa duyên đã xong, ta sẽ đi đây. Nói xong chắp tay mà thị tịch. Khi trà tỳ có vô số xá-lợi. vua ban tên Tháp là Tối Thắng.

***59- Pháp Trì: Ngài Pháp Trì đời Tống***: trú tại chùa Hoá Độ tu Sám Di-đà, nguyện kết thúc nhanh tuổi thọ ở Diêm-phù, sớm sinh An Dưỡng. Sau bị bệnh nhẹ khóc lóc buồn than mong được tiếp dẫn, cố gắng niệm Phật không dứt tiếng. Bỗng thấy thân Phật cao trượng sáu đứng trên ao, liền tự nói rằng: Con đã được sinh ở Trung Phẩm. Rồi hướng về phía Tây mà hóa.

***Khen rằng:*** Tình người đều muốn tuổi thọ gấp mà cầu sinh An Dưỡng không rất mừng chán. Tuy nhiên phát nguyện đều được, nhưng lặn biển trèo non chất củi tự vẫn thì tức là ma.

***60 - Bổn Như: Ngài Bổn Như đời Tống***: hiệu là Thần Chiếu trú tại chùa Thừa Thiên tại Đông Sơn cùng với Quận Thú là Trương Tuần kết xã. Một hôm Sư lên toà nói Pháp, cùng chúng từ biệt bèn ngồi mà hóa. Lúc đó chài trên sông dân thấy trong mây có vị Tăng đi về Tây. Năm sau mở tháp thì dung mạo như còn sống, trước Tháp mọc lên cành hoa sen.

***61- Pháp sư Cơ: Ky Pháp sư Cơ đời Tống:*** học với ngài Bảo Vân trú tại chùa Thái Bình Hưng Quốc, tinh chuyên niệm Phật. Một hôm bị bệnh, vì đệ tử nói rộng Huyền Chỉ. Bỗng nhiên chúng thấy Tây Phương hiện ánh sáng, trên hư không trỗi nhạc. Sư nói Đức Phật A-di-đà cùng hai Đại Sĩ đến. Liền nằm nghiêng hông bên phải quay mặt về hướng Tây mà hóa. Đệ tử mộng thấy Phật Di-đà thọ ký là Siêu Thế Như lai. Có người mộng thấy Sư ngồi trên Đài Sen xanh, Thiền sư Pháp Trí khen rằng: Bị bệnh mà nói huyền chỉ, khi qua đời thấy Phật là rất đáng kính.

***Khen rằng:*** Có người nghi Ky được thọ ký. Ôi đích thân thấy Như lai Vô Lượng Quang, thấy thọ ký Bồ đề cho ta trước, ông có biết chăng?

***62- Nhược Ngu: Ngài Nhược Ngu đời Tống:*** ở Tiên Đàm thuộc Vân Xuyên, xây lầuVô Lượng Thọ, khuyên Đạo Tục niệm Phật siêng năng suốt ba mươi năm cùng với hai Sư Đạo Tiềm và Tắc Chương làm bạn, Tiềm có tài làm thơ mà nổi tiếng. Ngu và chương chỉ theo đuổi thật hành. Khi sắp chết thì mộng thấy vị Thần bảo rằng: Kẻ đồng học

với ngươi là Tắc Chương đã được Tam-muội Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã sinh Tịnh độ, ông ấy đang đợi ngươi. Ngu bèn tắm gội thay áo, sai chúng tụng Quán kinh, ngồi thẳng im lặng. Bỗng nhiên bảo Tịnh độ hiện tiền, ta đi đây. Rồi viết kệ mà hóa. Kệ rằng:

Vốn tự không nhà để được về - Bên mây có nẽo mà ai hay

Khe kia dao động ánh trăng xế , Ấy là đầm Tiên mộng dứt đi

Lại nói: Trong không ngàn hoa giăng lưới - Trong mộng bảy báu ao sen

Dẫm được Tây Phương đường vắng, liền không một chút hồ nghi

***Khen rằng:*** Ngu và Tiềm Chương làm bạn. Tiềm vì mê thơ và tiếng khen mà mất lợi Tịnh độ. Vậy phải bỏ Thế trí, dẹp thế duyên người cầu sinh Tây Phương nên từ quan làm ẩn sĩ.

***63- Thủ Chân: Ngài Thủ Chân đời Tống:*** người ở Vĩnh Hưng. Sư giảng Luận Khởi Tín và Pháp Giới Quán, thường vào lúc nửa đêm mà kết Vô Lượng Thọ Vãng sinh Bí Mật Ấn, hệ niệm Tây Phương. Một đêm trời sáng tự biết mình về Tịnh độ mở mắt thấy Phật, do đó nằm mọp trước tượng. Bỗng nhiên bảo bốn mươi tám nguyện có thể độ ta. bèn cầm hương hoa vào Điện cúng dường, rồi đến chỗ ngồi mà hóa.

***64- Tri Lễ đời Tống:*** ngài Tri Lễ hiệu Pháp Trí ở Nam Hồ, thuật bộ Diệu Tông Sao, bày rõ ý chỉ về quán Tâm quán Phật. Mỗi năm vào ngày 15 tháng 2 kiến lập Hội Niệm Phật Thí Giới, khuyên hơn vạn người. Lại soạn Dung Tâm Giải trình bày Nhất Tâm Tam Quán, hiển bày về ý nghĩa bốn loại Tịnh độ. Sau vào ngày đầu năm lập Quang Minh Sám. Đến ngày mồng năm mời đại chúng nói Pháp. Ông niệm Phật mấy trăm câu, rồi ngồi an nhiên mà hóa.

***Khen rằng:*** Tri Lễ thuật Diệu Tông, nói Tịnh Quán để hoằng hóa Giáo Thiên Thai mà khi qua đời niệm Phật ngồi tịch, há lớn tiếng nói Pháp lại giống lời nói hằng ngày hay sao.

***65- Hữu Nghiêm - đời Tống:*** ngài Hữu Nghiêm trú tại chùa Sùng Thiện, Xích Thành thuộc Thai Châu nương ngài Thần Chiếu học Giáo Thiên Thai. Tuổi về già cất nhà tranh dưới tàng cây hiệu là Tra Am. Bình sinh dốc chí tu Tịnh nghiệp. Có soạn Hoài An Dưỡng Cố Hương Thi, lưu truyền thời ấy. Niên hiệu Kiến Trung Tỉnh Quốc năm thứ nhất, mùa hạ tháng 4- khi sắp qua đời thì thấy hoa sen lớn trong ao báu và nhạc trời bốn bề. Bèn làm bài thơ Tiền Quy Tịnh độ để chỉ dạy chúng,

bảy ngày sau ngồi kiết già mà hóa. Trên tháp có ánh sáng như vầng trăng ba đêm mới hết.

***Khen rằng:*** Trước đây Pháp Tường có gương sáng hiện ở bên vách, nay Nghiêm Công có ánh sáng hiện ở trên tháp, đều là linh nghiệm của thân tâm đã thấy suốt. Cho đến ánh sáng đầy nhà, ánh sáng vàng chiếu trên sông mấy trăm dặm, than ôi đó là có thể giả dối hay sao?

***66- Tuệ Minh: Ngài Tuệ Minh đời Tống:*** hiệu là Hối Am học với ngài Tuệ Quang. Tuổi già nương chùa Thường Chiếu ở Súc Sơn mà tu Tịnh nghiệp, hằng ngày tụng Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Viên Giác, và niệm Phật Di-đà vạn câu. Mùa xuân niên hiệu Khánh Nguyên năm Kỷ Mùi, Sư bị bệnh, bảo đệ tử rằng: Ta học Đại Thừa cầu sinh Tịnh độ, nay quả đã toại nguyện, bèn ngồi xếp chân mà hóa. Đại chúng nghe có tiếng nhạc trời ở phương Tây đến vần vũ trên đầu. Khi trà tỳ có vô số Xá-lợi năm màu.

***67- Sư Tán: Sư Tán đời Tống:*** người ở Ung Châu, làm Tăng khi mới mười bốn tuổi, niệm Phật không ngớt. Bỗng nhiên bị bệnh mà chết sớm. Chợt sống lại gọi Thầy và cha mẹ bảo rằng: Phật A-di-đà đến, con đi theo ngài. Người hàng xóm thấy trên hư không có Đài báu , ánh sáng năm màu kỳ lạ hướng về Tây rồi mất.

***68- Hai vị Sa-di:*** Hai vị Sa-di ở vấn Châu, đời Tùy đồng chí niệm Phật. Vị Sa-di lớn bỗng nhiên chết đến Tịnh độ gặp Phật, bạch rằng: Có Sa-di nhỏ đồng tu vơi con có được vãng sinh hay chăng? Phật nói: Do chú ấy khuyên con, con mới phát tâm, nay con hãy trở về siêng tu Tịnh nghiệp, ba năm nữa sẽ cùng đến đây. Đến hẹn thì cả hai người cùng thấy Phật đến đón rước. Đất đai rúng chuyễn, trời mưa hoa khắp nơi. Cùng lúc đồng hóa.

***69- Liễu Nhiên - Liễu Nhiên Pháp sư đời Tống:*** hiệu là Trí Dũng trú tại chùa Bạch Liên. Năm hai mươi bốn tuổi mộng thấy hai con Rồng đùa giỡn trên hư không, một con hóa thành Thần nhân đó lấy trong tay áo một thẻ tre bảo: Bảy ngày nữa Sư sẽ đi. Khi tỉnh dậy nhóm chúng nói Pháp, viết chữ lớn rằng: Nhờ năng lực niệm Phật mà được sinh Lạc Quốc, các ngươi hãy tự cố gắng. Rồi tắm gội thay áo, khiến chúng tụng Kinh Di-đà đến chỗ thế giới Tây Phương thì an nhiên mà hóa. Hành nhân trú tại chùa Năng Nhân đều nghe tiếng nhạc trời, ánh sáng lạ như

đuốc bay lên trời.

***70 - Tư Chiếu: Ngài Thích Tư Chiếu đời Tống:*** nghiên cứu Giáo Tông, chuyên tâm Tịnh nghiệp. Mỗi ngày vào canh tư liền dậy niệm Phật. Tỳ-kheo biếng lười chẳng sợ vẫn ngủ yên, bắt chước Pháp Tạng có bốn mươi tám nguyện, kết hội Tăng tục hệ niệm suốt ba mươi năm. Một hôm cảm thấy có bệnh mộng thấy thân vàng trượng sáu, bèn nhóm chúng niệm Phật, bỗng lớn tiếng đồng chúng xưng niệm, co tay bắt ấn ngồi mà hóa. Khi trà tỳ răng và hạt chuỗi không hư.

***71- Trí Liêm đời Tống,*** ngài Trí Liêm trú tại chùa Hóa Độ ở Thượng Ngu. Trước tham vấn khắp các Tông Môn. Tuổi già chỉ chuyên một ý Tây Phương. Niên hiệu Khánh Nguyên đổi niên hiệu mùa thu tháng 8 từ biệt chúng rằng: Trong mộng ta thấy Phật A-di-đà nói Pháp, đại chúng vây quanh. Phật nói các Thiện Nhân phải nên chuyên tâm Tịnh nghiệp mà sinh về nước ta. Ta thấy tướng lành, sẽ được vãng sinh. Rồi viết kệ rằng: Nhạn bay qua hư không, Bóng chìm nước lạnh, không sinh không diệt trong cõi nước hoa sen. Viết xong, Sư quay mình hướng về Tây bắt ấn mà hóa.

***72- Trí Thâm: Ngài Trí Thâm đời Tống:*** hiệu là Từ Xuyên, học với ngài Hải Nguyệt trở về Gia Hòa, mở Nhà dài, cúng dường chúng hai mươi năm chuyên chí niệm Phật. Thường đem Tịnh nghiệp dạy người, người được vãng sinh rất đông. Bỗng Sư bị bệnh, khách đến thăm hỏi vẫn bàn luận như thường. Khi khách vừa ra khỏi cửa liền hóa, mọi người thấy mây tìm hướng về Tây rồi mất hút.

***73- Pháp Nhân-Ngài Pháp Nhân đời Tống:*** trú tại chùa Quảng Thọ Tứ minh, suốt ba mươi năm ngầm tu Tịnh độ. Sau bị bệnh nhóm chúng tụng Quán Kinh, niệm danh hiệu Phật. Đêm thứ ba bảo môn nhân rằng: Ta sắp đi đây. Có người thỉnh Sư để lại kệ, bèn viết: Ta và Di-đà vốn không hai, hai cùng chẳng hai đều lìa Ngã, nay như thế mà thấy Di-đà, Cảm Ứng đạo giao khó nghĩ bàn, rồi ngồi thẳng mà hóa.

Khen rằng: Lấy tâm ta mà niệm Phật kia thì chúng sinh và Phật rõ ràng. Ngay tâm phàm mà thấy tâm Phật thì chúng sinh và Phật nào khác, nào khác cho nên lìa hai rõ ràng cho nên lìa chẳng hai, lìa hai nên chẳng theo cái khác mà tìm, lìa chẳng hai nên chẳng ngại cầu sinh. Lại lìa hai cho nên phàm tình đây dứt hết. Lìa chẳng hai cho nên Thánh Giải

đều mất. Như thế mà thấy Phật thì suốt ngày Ta-bà là suốt ngày Tịnh độ, niệm niệm là Đức Thích-ca ra đời, lúc lúc là Di-lặc hạ sinh, mới gọi là thật thấy Di-đà. Nếu không như thế thì gặp ngay trước mặt như mây trắng ngàn dặm xa !

***74- Trí Tiên- Ngài Trí Tiên đời Tống:*** hiệu là Chân Giáo, trú tại chùa Bạch Liên giảng Đạo mười ba năm, hướng về Tây lễ niệm không hề bỏ giở. Một đêm bị bệnh nhẹ thỉnh hành nhân Quán Đường Hành nhân tụng kinh Di-đà, chưa hết quyển thì đã ngồi mà hóa. Những người ở cạnh chùa Năng Nhân đều nghe tiếng nhạc Trời hòa tấu. Sáng hôm sau mới biết Sư đã mất.

***75- Tông Lợi - Ngài Tông Lợi đời Tống:*** ở Bích Chiêu thuộc Tân Thành, tu niệm Phật Tam-muội đã mười năm. Sau vào núi Đạo Vi cất am tranh tên là Nhất Tướng trải qua mười lăm năm. Bỗng nhiên bảo đệ tử rằng: Ta thấy hoa sen biếc đầy khắp hư không. ba ngày sau lại bảo Phật đến. Rồi viết kệ rằng: Ta năm chín mươi đầu đã bạc - Cuộc đời không có khách trăm năm khách - Nhất Tướng Đạo Nhân lại quay về - đài vàng ngồi biết trời đất hẹp. Rồi an nhiên mà hóa.

***76- Tề Ngọc: Ngài Tề Ngọc đời Tống:*** hiệu là Tuệ Giác. Trước ở trú tại chùa Bảo Tạng thuộc tráp Châu lập ra Hội Tịnh độ. Sau ở Thương Trúc nửa đêm ở trước tượng Di-đà hành Đạo niệm Phật. Một hôm gọi Thủ Tọa bảo rằng: Trước giường ta hiện ra tháp Đa bảo , không phải nguyện của ta, ta chỉ muốn Tịnh độ mà thôi, ông hãy vì ta nhóm chúng niệm Phật. Thủ Tọa đánh chuông, Tăng có gần trăm vị. Ngọc nói nay đã thấy Phật, rồi nhắm mắt ngồi thẳng mà hóa.

***Khen rằng:*** Tháp Đa bảo báu cũng là nước Phật, vì sao Ngọc không nguyện. Xưa Vi-đề-hy xem khắp Tịnh độ mà chỉ cầu An Dưỡng. Bởi không chuyên tu công chẳng nghiêm khắc. Biết vậy thì có thể nói chuyện Tây Phương với nhau rồi?

***77- Viên Chiếu Bổn Thiền sư:*** đời Tống, ngài Tông Bổn, người ở Vô Tích thuộc Thường Châu. Trước tham học với Thiền sư Thiên Y Hoài, niệm Phật có tỉnh ngộ. Sau dời về Tịnh Từ, vâng chiếu vua trú tại chùa Tuệ Lâm ở Đông Kinh, vua mời đến hỏi Đạo ở Điện Diên Hoà, vâng chỉ ở yên ngầm tu Tịnh độ. Có Pháp sư Lôi Phong Tài thần thức dạo đến Tịnh độ, thấy một hoa đẹp kỳ lạ bèn hỏi thì đáp là đợi Thiền

sư Bổn Tịnh Từ . Lại Tư Phước Hi Công đến Tuệ Lâm lễ dưới chân Sư, bố thí vàng rồi đi. Có người hỏi lý do thì đáp: Trong Định tôi thấy có hoa sen vàng, người nói để đợi Bổn Công. Lại thấy có vô số hoa sen nói là để đợi hóa độ. Có hoa héo thì nói người ấy lui sụt. Có người hỏi Sư truyền trực chỉ (Thiền) làm sao được nêu tên ở Liên Cảnh? Sư đáp: Tuy ở Tông Môn nhưng cũng tu cả Tịnh độ. Khi qua đời thì ngồi yên mà hóa. vua ban hiệu là Viên Chiếu Thiền sư.

***Khen rằng:*** Xưa, ngài Trung Phong Thiên Như nói Thiền và Tịnh độ Lý tuy một mà công phu chẳng thể cùng thực hành. Nay nói gồm tu thì nghĩa gồm có hai, hai chân giữ hai thuyền là gồm thì thật chẳng thể viên thông, chẳng ngại là gồm thì sao chẳng có được? Huống là ngoài Thiền không có Tịnh độ, tức độ tức tâm, vốn không hai vật, đâu được gọi là gồm?

***78- Đại Thông Bổn Thiền sư:*** Ngài Thiện Bổn đời Tống thi Kinh Hoa Nghiêm được độ, vâng chiếu vua trú tại chùa Pháp Vân, ban hiệu là Đại Thông. Sau về chùa Tượng Ổ ở Hàng Châu tu Tịnh nghiệp. Trong Định thấy Phật A-di-đà hiện thân màu vàng. Một sớm cáo biệt môn nhân rằng: Chỉ còn ba ngày nữa. Khi đến hẹn bèn ngồi kiết già niệm Phật quay mặt về Tây mà hoá.

***79- Luật sư Linh Chi Chiếu:*** Ngài Nguyên Chiếu đời Tống, ở Linh Chi hoằng hóa luật học, dốc chí Tịnh nghiệp, niệm Phật không ngớt. Một hôm bảo đệ tử tụng Quán Kinh và Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, rồi Sư kiết già mà hóa. Ngư dân ở Tây Hồ đều nghe trên hư không có tiếng nhạc.

***80 - Luật Sư Thanh Chiếu - ngài Tuệ hạnh đời Tống:*** trú tại chùa Diên Thọ ở Võ Lâm. Thuở nhỏ nương ngài Linh Chi học Luật và chuyên tu Tịnh nghiệp trong sáu mươi năm. Mỗi lần gặp người đều khuyên niệm Phật. Xây gác báu lập Tượng ba Thánh rất là đặc biệt. Có Giang Tự Nhậm bỗng nhiên mộng thấy tòa báu từ trên không mà hạ xuống bảo rằng: Luật sư Hanh sẽ lên ngồi ở đây. Vừa lúc có bạn Liên Xã là Cư sĩ Tôn định giã biệt Hanh, ông ở nhà bắt ấn mà hóa. Sư đến đốt hương rồi về, gọi học trò bảo rằng: Tôn Quân đã đi, ta cũng đi. Rồi nhóm chúng niệm Phật và nói kệ rằng: Di-đà miệng miệng xứng - Bạch Hào niệm niệm tưởng, giữ tâm này không thối, chắc chắn sinh An Dưỡng, rồi ngồi yên mà hóa, hiệu là Luật Sư Thanh Chiếu.

***Khen rằng:*** Sáu mươi năm chuyên tu Tịnh nghiệp, khi qua đời có ứng điềm lành nào nghi. Ở đời có người vì lực trì tụng trong thời gian ngắn mà chê Tịnh độ là không có điềm lành thật sai lầm!

***81- Tư Mẫn: Ngài Tư Mẫn đời Tống:*** nương Luật Sư Linh Chi thọ thêm giới Pháp, chuyên tâm niệm Phật suốt hai mươi năm. Sau bị bệnh thỉnh chúng tụng Quán Kinh được nửa tháng ba ngày (18 ngày) thì thấy Hoá Phật đầy không gian. Khi qua đời niệm Phật lớn tiếng át tiếng của chúng. Mùa Hạ rất nóng khám bảy ngày không thay đổi, mùi thơm lạ đầy trong thất.

***82- Hy Trạm: Ngài Hy Trạm đời Tống:*** người Sơn Âm là Nho Sinh. Bỗng chán đời xuất gia, cùng Hành nhân Oánh lập điện Phật Vô Lượng Thọ ở Nguyễn Đỗ, chuyên tu Tịnh nghiệp, ngồi không xoay lưng về Tây. Lâu sau thường thấy Phật và hai vị Bồ-tát. Một đêm xoay mặt về phía Tây niệm Phật ngồi thẳng an nhiên bắt ấn mà hoá.

***83- Pháp sư Đăng: Pháp sư Đăng đời Tuỳ:*** giảng Kinh Niết-bàn ở chùa Hưng Quốc thuộc Tính Châu. Người đến nghe kinh khắp khuyên niệm Phật vãng sinh. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12 thì qua đời mùi thơm lạ đầy không gian. Khi chôn thì ánh sáng và mây tỏa thơm khắp cả xóm làng.

***84- Tăng Nhai:*** Ngài Thích Tăng Nhai trú tại chùa Đa Bảo ở Ích Châu dốc lòng vì Tịnh nghiệp, đốt năm ngón tay cúng dường ba vị Thánh Tây Phương. Có người hỏi đau chăng? Đáp: Tâm đã không đau thì ngón tay làm sao đau? Khi qua đời hoa trời tuôn như mưa. Mọi người thấy Nhai mặc áo nạp cầm tích trượng cùng năm-sáu trăm vị Tăng bay lên hư không rồi ẩn mất.

***85- Pháp sư Tạng - đời Tống***: Tăng Tạng người Phần Châu, một đời không nhận Đạo Tục lạy mình, chuyên tu Tịnh độ. Khi sắp mất có Thiên nhạc thứ lớp đến đón rước đều không đi. Khi Phật Tây Phương đến liền cáo biệt chúng mà hóa.

***86- Pháp sư Cô Sơn Viên:*** Ngài Trí Viên đời Tống, ở Cô Sơn thuộc Tây Hồ, rộng giảng nói các Kinh, khắc tâm Tịnh độ, soạn bộ Di-đà Sớ và Tây Tư Sao khuyên phát tâm vãng sinh. Khi qua đời dùng hòm

sành mà chôn. Mười lăm năm sau mưa gió núi lở, mở quan ra thì thấy nhục thân y nguyên móng tóc đều ra dài.

***Khen rằng:*** Truyện nói chết rồi vẫn như cũ không nói qua đời vãng sinh là sao? Y cứ vào mất mà hiện chứng cớ còn là nói chỗ tu nghiệp Thiện bền chắc mà cảm được, nên chắc chắn vãng sinh không nghi ngờ gì.

***87- Nguyên Tịnh: Ngài Nguyên Tịnh đời Tống:*** người ở đất Hàng. Năm mười hai tuổi xuất gia. Sau trú tại chùa Long Tỉnh. Lúc đó Hiền Triệu Thanh Hiến Công, Tô Văn Trung Công ... đều kính trọng. Khi sắp qua đời đi vào Am Phương viên gọi người bảo rằng: Ta bảy ngày không trở ngại thì sở nguyện hoàn thành. Đến ngày thứ bảy viết kệ dạy chúng rồi Cát tường mà hóa.

***88- Dụ Di-đà: Ngài Tư Tịnh đời Tống:*** họ Dụ, người ở Tiền Đường, tự hiệu là Tịnh độ Tử, sớm hầu Pháp sư Anh giảng Kinh Pháp Hoa, sau chuyên niệm Phật. Khi rảnh rang thì vẽ tượng Phật, khi vẽ thì ở trong tịnh thất dứt tưởng đến khi thấy Phật Di-đà chiếu sáng mới xuống bút. Năm Đinh Tỵ, niên hiệu Thiệu Hưng, Sư ngồi thẳng bảy ngày nhất tâm niệm Phật, rồi an nhiên mà hóa.

***Khen rằng:*** Vẽ Phật quán Phật, người khéo dùng thì như thế. Bởi có thể vẽ người ngựa mà chẳng vẽ được người ở nước Phật ư? Nhưng thợ vẽ đã vẽ Phật vì sao không vãng sinh. Ôi hỏi bến về nhà thì phải Tịnh tưởng mới có vắng lặng chăng? Huống chi vẽ nhiều màu nhiều hình? Lão Dụ chỉ chuyên một Phật. Chuyên thì quán không phải vẽ. Về màu vẽ Phật cũng tức là niệm Phật? Kẻ đỏ xanh không mượn miệng ở đây.

***89- Mông Nhuận:*** Ngài Thích Mông Nhuận tự là Ngọc Cương, đắc pháp với Thiền sư Cổ Nguyên. Tuổi già tại Bạch Liên Âm ở Phong Hoàng Lãnh, đóng cửa niệm Phật. Khi qua đời Hóa Phật đến đón rước, mùi thơm lạ đầy nhà.

***90- Vân Ốc: Ngài Thiện Trụ đời Nguyên:*** tự là Vân Ốc, người ở đất Tô. Đóng cửa sáu thời niệm Phật, bệnh lâu vẫn không đổi. Khi qua đời mùi thơm lạ đầy nhà. Sư có soạn An Dưỡng Truyện Cốc Hưởng Tập lưu hành ở đời.

***91- Chỉ Quán Chủ:*** Chỉ Quán Chủ đời Nguyên, tự là Biệt Tông, người ở đất Hàng, giới đức rất nghiêm. Sáng lập Quán Thất ở sườn phía Nam Long Sơn tu hành Tam-muội niệm Phật. Dầu trốn tránh binh đao giặc cướp mà vẫn không hề bỏ. Khi qua đời không bệnh, tắm gội ngồi thẳng mà hóa. Pháp sư Chi Vân Nhân trong Hạnh Nghiệp Tập có ghi rất rõ.

***92- Đàm Ý: Ngài Đàm Ý đời Tống:*** ở Tiền Đường làm nghề thuốc. Tuổi già tu Tam-muội niệm Phật. Đem những của cải để dành được cúng Phật, Tăng, tạp Tượng, làm nhà tắm, như thế suốt hai mươi năm. Sau bị bệnh nhẹ, bỏ cả thuốc men, mời bảy vị Tăng niệm Phật. Hôm sau thấy hoa sen lớn như cái nhà. Lại một hôm thấy có vị Tăng Ấn-độ đến giường thăm hỏi. Nửa đêm đại chúng nghe tiếng niệm Phật, thì thấy Sư an nhiên mà hóa.

***93- Thái Vi: Ngài Thái Vi đời Tống:*** lúc nhỏ nương Pháp sư Pháp An ở Tiền Đường xuất gia. Trước giao cho Kinh Di-đà liền đọc thuộc lòng. Khi thọ giới cụ túc thì niệm Phật tinh tấn không biếng lười, thường dạo bước sau núi. Bỗng nghe có tiếng sáo thì khoát nhiên khai ngộ, bèn dấu riêng một ống sáotự vui. Có Lăng Giám Bộ là người đồng chí tu Tịnh nghiệp, gọi Sư là Tịnh Độ Hương Trưởng. Một hôm gõ cửa nói Tịnh độ Hương Đệ gặp nhau. Sư bèn bảo: Sáng mai sẽ gặp nhau ở Tịnh độ. Nay niệm Phật để giữ Chánh niệm. Sáng hôm sau mọi người lấy làm lạ vì Sư không đến dùng cháo. Đến xem thì thấy ống sáo, bát, ghế ngồi thiền đã đốt hết, Sư ngồi kiết già trên đất mà hóa.

***Khen rằng:*** Cất chứa ống sáo để tự vui, người xưa là Liêu Ký Ngộ Do nhân dùng để làm Phật sự. Câu-chi được thiền một ngón của Thiên Long mà trọn đời dựng ngón tay. Đoan công thấy Sư tử đùa giởn, vì phát minh tâm địa, mà thường khác nhiều màu. Cho đến đọc sai Lăng-nghiêm, mà không đổi câu độc, đều tương tự như vậy. Đám người làm càng tự vui hãy cẩn thận không lấy gì để mượn cớ lót miệng.

***94- Dụng Khâm: Ngài Dụng khâm đời Tống:*** ở viện Thất Bảo thuộc Tiền Đường, nương ngài Đại Trí học Luật. Nghe ngài Đại Trí dạy chúng rằng: Sống hoằng Tỳ ni, chết về An Dưỡng. Xuất gia học Đạo làm việc này xong liền nêu tâm Tịnh độ, một chí không lui sụt. Hằng ngày niệm Phật ba vạn câu. Có lần Thần thức đến Tịnh độ thấy Phật và Đại Sĩ các hình ảnh đẹp lạ, bèn bảo thị giả rằng: “Ngày mai ta đi”.

Rồi nhóm chúng niệm Phật. Sáng hôm sau chắp tay hướng về phía Tây ngồi kiết già mà hoá.

***95- Cửu Pháp Hoa-Ngài Khả Cửu đời Tống:*** ở Minh Châu, thường tụng Pháp Hoa nguyện sinh Tịnh độ. Lúc đó gọi là Cửu Pháp Hoa. Niên hiệu  Nguyên Hựu năm thứ 8, năm tám mươi mốt tuổi ngồi mà hóa. Được ba ngày thì sống lại bảo mọi người rằng: Ta thấy cảnh Tịnh độ rất phù hợp với kinh, trên đài sen đều nêu tên người vãng sinh, có một đài vàng nêu tên ông Huân ở Viện Quản Giáo tại phổ Thành Đô, một cái nêu Minh Châu Tôn Thập Nhị Lang, một cái nêu Khả Cửu, một Đài Bạc nêu Từ Đạo Cô Minh Châu . Nói xong thì hóa đi năm sau Từ Đạo Cô mất, mùi thơm lạ đầy nhà, mười hai năm sau thì Tôn Thập Nhị Lang mất, nhạc trời đón trên hư không, đều đúng như lời Cửu nói.

***Khen rằng:*** hoa sen ghi tên đến đây thường thấy. Huyễn hay Thật? Huyễn tâm mà niệm Huyễn Phật, huyễn hoa mà nêu huyễn danh cho đến được ghi thành Phật thì điều gì chẳng huyễn. Ta lại huyễn sinh, sao còn nói là thật hay không?

***96- Tổ Huy-Ngài Tổ Huy đời Nguyên:*** ở gác thờ Phật tại Quận thành thuộc Tứ Minh, gặp người chỉ nói A-di-đà Phật, còn nói gì cũng không nói được. Do đó người gọi là "Hoà-Thượng Nói chẳng được". Vợ chồng Vương Dụng hưởng là huyện úy Huyện Ngân rất kính thờ Sư. Một hôm, Sư đến nhà từ biệt rằng: "Ngày mai ta đi". Sáng hôm sau chúng tập hợp đến, bèn vào khám ngồi, xin dưa hấu ăn xong một quả, rồi niệm Phật mà hóa.

***97- Sở Kỳ-Ngài Sở Kỳ đời Đại Minh:*** người nước Thục dốc lòng tin Tây Phương. Nhân đến Yên Kinh nghe trên lầu có tiếng trống bèn đại triệt (đại ngộ). Niên hiệu Hồng Võ năm đầu, vua ba lần mời vào Kinh Đoàn nói Pháp, vua rất vui, sau xây thất gọi là Tây Trai, chuyên ý Tịnh nghiệp. Có lần thấy hoa sen lớn đầy khắp thế giới, Đức Phật A-di-đà ở giữa, Thánh chúng đi nhiễu quanh. Khi sắp tịch viết kệ dạy chúng rồi bảo Ta đi đây. Có người hỏi sinh ở đâu, thì đáp Tây Phương. Hỏi Phương Tây có Phật còn Phương Đông không có Phật sao? Bèn hét lớn một câu và an nhiên mà hóa.

***98- Bảo Châu: Ngài Bảo Châu đời Đại Minh:*** thường dạo chơi ở quận Hàng. Trong niên hiệu  Gia Hòa, mùa Đông mùa Hạ vẫn mặc

một nạp y đi khất thực nuôi sống, nghỉ đêm không chỗ nhất định, bình thường chỉ niệm Phật không ngớt. Người gọi thì vừa đáp xong lại niệm liên tục mà không có nói lời tạp. Sau trú tại chùa Hải Môn bỗng như điên cuồng gần nửa tháng, chư Tăng trách rằng: Ông bình thường thực hành, phải làm gương cho người đời, sao được như thế? Châu nói đã thế thì tôi đi đây. Tắm gội xong an nhiên đứng mà hóa.

**** Luận chung:***

Kinh Vô Lượng Thọ nói về ba bậc vãng sinh. hạng cao nhất là bỏ nhà lìa tục làm Sa-môn, một bề chuyên niệm Phật A-di-đà. Bỏ nhà lìa tục là Thân xuất gia, một bề chuyên niệm là Tâm xuất gia. Thân Tâm đều thanh tịnh, chẳng sinh Tịnh độ ư? Ở đời có hạng Tăng điên cuồng nói: Tịnh độ vãng sinh chỉ tiếp dẫn hai chúng tại gia, tôi là Sa-môn đâu có thèm vào! Có người bảo Tịnh độ vãng sinh chỉ tiếp dẫn Tăng độn căn còn, tôi sáng Tông sáng Giáo, đâu có thèm vào! Ôi, đó là biết sai. Từ Viễn Tổ trở đi các Đại lão hoằng hóa kinh pháp mà tiếng tăm rung chuyển trời người, hoặc nắm Tổ Ấn mà mở Đạo lớn, xưa nay các ngài ấy đều mê muội đối với Tông giáo, đều chẳng phải Sa-môn ư? Lại biết sai Ngoài Tịnh độ không có Tông giáo, không có Sa-môn ư? Ta nhân đó mà cảnh cáo các kẻ cuồng si!

■

# VÃNG SINH TẬP

## QUYỂN 2

### II - HẠNG VUA QUAN VÃNG SINH

***1- Quốc Vương Ô Trường***: Quốc Vương Ô Trường là người đứng đầu vạn Cơ, rất thích Phật Pháp. Có lần nói với quan hầu cận rằng: Ta là vua một nước, tuy hưởng phước lạc nhưng không tránh khỏi Vô thường. Ta nghe Tây Phương Tịnh độ có thể nương thần, Trẫm nên phát nguyện cầu sinh về nươc ấy. Do đó mà sáu thời hành đạo niệm Phật. Mỗi khi cúng Phật đãi cơm cho Tăng, vua và phu nhân đích thân ra làm, suốt ba mươi năm không bỏ. Khi qua đời thì sắc mặt vui tươi, hóa Phật đến đón rước, có nhiều điềm lành.

***Khen rằng:*** đời Mạt pháp nghe pháp mà tin nhận, kẻ không có chức vị thì nhiều, kẻ có chức vị thì ít. Có chức vị mà tột phẩm cao quý thì càng rất ít, vì sao? Vì địa vị càng cao, ham muốn càng rộng thì nhiễm càng nặng, điều này luôn thế khó mà tránh khỏi. Nay hưởng phước vua mà không quên Tây Phương, nếu không phải gieo nhân đời trước làm sao được như thế. Tuy nhiên xưa nay các vua chúa để tâm vào nội điển vì sao không chép, bởi vì cho rằng truyện Tịnh độ này có ý riêng nên không ghi rộng.

***2- Tống Thế Tử:*** Cha con đời Tống Ngụy, ba cha con đều tu Tây Phương, chỉ có vợ là không tu. Con gái năm mười bốntuổi chết bảy ngày sống lại thưa mẹ rằng: Con thấy ở Tây Phương trên ao bảy báu cha và anh ba người đều có hoa sen, chết rồi sẽ sinh về đó, chỉ mẹ là không có, nên tạm về để báo cho biết, mong mẹ lưu ý. Bà mẹ cảm lời con gái nói liền phát tín tâm niệm Phật không mệt mõi. Sau chết cũng sinh An Dưỡng.

***Khen rằng:*** Lúc đầu thiếu Tịnh duyên, sau lại sinh về Lạc quốc là do tin hay không tin. Kinh nói chỉ trừ không tin mà xét.

***3- Tham Quân Lưu Di Dân*** - Lưu Di Dân người Bành Thành, là con cháu của Hán Sở Nguyên Vương. Thuở nhỏ mồ côi thờ mẹ rất chí hiếu, tự dựa vào tài năng của mình, không làm bạn với người dung tục . Trước làm Phủ Tham Quân, sau liền ở ẩn. Tạ An, Lưu Dụ cùng tiến cử nhưng không đến, khen ngợi mà gọi là Di Dân. Ông đến Lô Sơn dự Liên Xã của Viễn Công. Có làm thơ niệm Phật Tam-muội để tỏ bày chuyên chí. Có lần ở trong định thấy ánh sáng Phật chiếu, đất đều có màu vàng ròng. Ở suốt mười lăm năm lại thấy Phật A-di-đà ngọc hào chiếu sáng đưa tay dẫn dắt. Di Dân ước rằng sao được Như lai xoa đầu con và đắp y cho con. Bỗng được Phật xoa đầu phủ y ca-sa. Một hôm lại thấy xuống ao bảy báu, hoa sen màu xanh nhạt, nước trong vắt. Một người đảnh có vầng ánh sáng tròn, ngực có chữ vạn, chỉ nước ao bảo: Nước tám công đức ngươi hãy uống. Di Dân uống vào thấy ngon ngọt. Khi tỉnh dậy biết có mùi thơm lạ phát ra từ lỗ chân lông. Bèn bảo chúng rằng: Tu duyên Tịnh độ đã đến. Bèn ở trước tượng đốt hương lạy và khấn rằng: Con nhờ di giáo của Thích-ca mà biết có Phật A-di-đà, hương này con cúng dường Thích-ca Như lai, kế cúng dường Phật A-di-đà và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nguyện tất cả hữu tình đều sinh về Tịnh độ. Nói xong quay mặt về Tây chấp tay mà hóa. Lúc đó là niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 6.

***Khen rằng***: Quán Kinh nói Chánh nhân Tịnh nghiệp thì hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ là bậc nhất. Nên biết người bất hiếu suốt ngày niệm Phật, Phật cũng không vui. Nay Di Dân thuở nhỏ rất hiếu thảo mà lại thâm nhập Tam-muội, nhiều lần cảm được điềm lành mà vãng sinh ở phẩm vị cao, nên biết, đây là Pháp sư muôn đời cho người tại gia tu Tịnh nghiệp.

***4- Trương Dã Mậu Tài:*** Đời Tấn, Trương Dã ở Tầm Dương thông cả tiếng Hoa Phạm, rất giỏi tiếng Thuộc, được cử làm Mậu Tài. Nhiều lần vua sai làm Tán Kỵ Thường Thị nhưng ông đều không đến. Ông vào Liên Xã ở Lô Sơn tu Tịnh nghiệp. Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14, cáo biệt người nhà rồi vào thất ngồi thẳng mà hóa.

***5- Học Sĩ Trương Kháng*** - đời Tống, Trương Kháng làm lành hướng về Phật thề tụng Đại Bi Đà-La-Ni mười vạn biến cầu sinh Tịnh độ. Năm hơn sáu mươi tuổi bị bệnh, nhất tâm niệm Phật gọi người nhà bảo rằng Tây Phương Tịnh độ chỉ ở trước nhà Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen, còn ông Nhi ở trên đất vàng lạy Phật. Nói xong niệm Phật mà

hóa. Ông Nhi là cháu mới ba tuổi đã chết.

***Khen rằng:*** Tâm tịnh thì Tây Phương thấy tận mắt, Tâm uế thì địa ngục theo thân. Kháng vì tịnh tâm thành tựu nên ở trước nhà thấy Phật đâu có nghi gì?

***6- Ty Sĩ Vương Trọng Hồi:*** Vương Trọng Hồi đời Tống, làm quan Ty Sĩ Tham Quân ở Quảng Châu hỏi Vô Vi Tử Dương Công rằng: Trong Kinh dạy người cầu sinh Tịnh độ mà Tổ Sư lại nói: Tâm là Tịnh độ không cần phải cầu, là thế nào? Dương Công đáp: Thử tự suy nghĩ nếu ở cảnh Phật thì không Tịnh không Uế đâu cần phải cầu sinh. Còn nếu chưa ra khỏi cảnh chúng sinh thì làm sao có thể chẳng dốc lòng niệm Phật, bỏ Uế độ mà cầu sinh Tịnh độ. Ty Sĩ cảm ngộ bèn vui vẻ mà đi. Sau đó hai năm Dương Công trấn thủ Đơn Dương, bỗng mộng thấy Ty Sĩ nói: Được ông chỉ dẫn nay đã vãng sinh, nên đến đây tạ từ. Được mấy ngày thì được tin cáo phó nói Ty Sĩ đã biết trước ngày chết bảy ngày từ biệt người nhà mà hóa, chính là lúc mộng thấy ông từ tạ.

***7- Huyện Úy Mã Tử Vân:*** Mã Tử Vân đời Đường, đầy đủ hiếu thảo liêm khiết làm Úy vùng kinh Ấp đưa thuế về Kinh, gặp gió bão ghe chìm bị bắt giam bèn hệ tâm niệm Phật, năm năm sau được tha tội. Vào chùa trong núi Nam Lăng ở ẩn. Một hôm bảo với người rằng: Ta một đời chuyên siêng năng niệm Phật, nay nghiệp Tây Phương đã thành, ta sẽ vãng sinh An Dưỡng. Hôm sau tắm gội thay áo mới, ngồi thẳng chấp tay, mùi thơm lạ đầy ngõ. Vui mừng bảo Phật đến đón rước ta, nói xong thì hóa.

***Khen rằng:*** Thân bị giam nhốt tâm niệm Phật sau được tha tội, tức là gông cùm xiềng xích niệm Quán Âm mà được giải thoát. Nay năm dục cột chặt há chẳng bị giam nhốt? Hệ tâm niệm Phật, một câu diệt trọng tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp, hạnh chẳng phải được tha. Nay bó tay trước năm dục chẳng biết niệm Phật, ôm tội muôn kiếp trọn không có lúc được tha, buồn thay!

***8- Cổ Thuần Nhân ở Quận Thối:*** Cổ Thuần Nhân đời Tống, người ở Tráp Xuyên, làm phó quan ở Sính Châu, ngầm tu Tịnh nghiệp, ăn chay trường niệm Phật. Nhân bị bệnh nhẹ xoay mặt về hướng Tây ngồi yên mà hóa, trên đầu có vầng ánh sáng tròn màu trắng, mùi thơm lạ đầy nhà.

***9- Trương Định Trợ Giáo:*** Trương Địch đời Tống, người Tiền Đường, làm quan Trợ Giáo, theo Luật Sư Viện Tịnh thọ giới Bồ-tát, chỉ học pháp môn niệm Phật dốc chí tu trì, thề sinh An Dưỡng. Mỗi khi niệm Phật thì cất tiếng mạnh mẽ đến mất tiếng cũng chẳng thôi. Một hôm thưa với Viên Tịnh rằng: Trong Định con thấy chim Tần-già màu trắng bay múa trước mặt. Lại ba năm sau ngồi xoay về hướng Tây niệm Phật mà hóa.

***Khen rằng:*** Thấy chim Tần-già mà không thấy Phật là sao? Bởi trước tạm thấy chim sau sẽ thấy Phật, nói là dần vào cảnh đẹp, chẳng phải ư?

***10- Quốc Học Vương Long Thư:*** Vương Nhật Hưu đời Tống,, người ở Long Thư, tỉnh lặng giản khiết, làu thông kinh sử. Một hôm bỏ hết bảo rằng: Đó đều là nghề quen không phải là Pháp rốt ráo, việc của ta là về Tây Phương. Từ đó tinh tấn niệm Phật, tuổi sáu mươi mặc áo vải ăn rau dưa. Ngày lạy ngàn lạy, nửa đêm mới ngủ. Ông có làm văn Tịnh độ khuyên đời. Khi sắp mất trước ba ngày từ biệt khắp bạn thân hữu, có người không gặp. Đến hẹn thì thấy ông vẫn đọc sách và lễ niệm như thường. Bỗng lớn tiếng niệm A-di-đà Phật, rồi bảo Phật đến đón rước ta, nói xong thì đứng mà hóa như cây trồng vậy. Có người mộng thấy hai người áo xanh dẫn ông đi về phía Tây. Từ đó mọi nhà đều thờ cúng.

***Khen rằng:*** Long Thơ khuyên phát Tây Phương rất là tha thiết đến bọn người quấy cũng phải nghe theo. Khi qua đời thì rất cao quý đặc biệt, soi sáng cả ngàn xưa. Than ôi, há chẳng phải là Thánh Hiền Tịnh độ vào trần để ra tay hoằng hóa ư?

***11- Giang Công Vọng Tự Gián:*** Giang Công Vọng đời Tống, người ở Câu Đài, làm quan đến chức Gián Nghị, ăn rau dưa thanh tu, làm các Văn Bồ-đề, Văn Niệm Phật Phương Tiện để khuyên đạo tục. Có con chết sớm báo mộng rằng: Đại Nhân tu đạo, công và nghiệp đã thành. Minh Phủ có Ngạch chữ vàng đề là Ngiêm Châu Phủ, Giang Công Vọng ăn ở nói năng hiền lành, chí mến khổ không, làm việc huân tu, tâm không ái nhiễm, động tịnh không trái với, Phật pháp, nói im đều khế hợp Tông Phong, Danh đã thoát khỏi Diêm-Phù, thân sẽ về Tịnh độ. Cuối niên hiệu Tuyên Hòa biết Quảng Đức Quân, một hôm không bệnh, xoay mặt về Tây ngồi thẳng mà hóa.

***Khen rằng:*** Có người nói việc đề Ngạch sợ chưa đúng. Ôi, Ngài Vĩnh Minh thường vẽ tượng ở Minh Ty (cõi Âm), dẫu có Tăng nhiễu

tháp cũng chẳng dối, sao riêng Công Vọng mà nghi.

***12- Đại Phu Cát Phồn:*** Cát Phồn đời Tống, người ở Trừng Giang. Thuở nhỏ thi đậu làm quan đến chức Triêu Tán. Ở công sở hay ở nhà riêng đều xây dựng tịnh thất, bài trí tượng Phật. Từng vào Thất lễ tụng, xá-lợi từ trên hư không rơi xuống. Bình thời lấy Tịnh nghiệp khuyên khắp Đạo Tục, phần nhiều đều kính phục sự hóa độ của ông. Có vị Tăng ở trong Định, Thần thức dạo đến Tịnh độ thấy Phồn ở đó. Sau Phồn không bệnh xoay mặt về hướng Tây mà hóa.

***Khen rằng:*** Đại Sĩ Phu tin Phật đều như thế, cũng tránh sự chê bai ở đời, giữ dấu bên ngoài, nên ở công sở vẫn không quên bày Tượng. Cát Quân dốc tin chẳng thôi, ngồi mà vãng sinh không phải là ngẫu nhiên.

***13- Trung Quan Lý Bỉnh:*** Lý Bỉnh đời Tống, vào niên hiệu Thiệu Hưng làm Trung quan lãnh đạo viện Ngự Dược Viện. Trước học Thiền với ngài Tịnh Từ Huy Công, có chỗ tỉnh ngộ. Về già xem Văn Long Thư Tịnh độ. Thế là ngày ngày niệm Phật, cùng với mấy chục người như các trưởng Nguyên Mỹ, Điện trưởng Lâm Sư Văn..., kết hội Tịnh độ ở chùa Truyền Pháp Bỗng ông bị bệnh, mộng thấy Phật A-di-đà đeo vầng ánh sáng tròn vào đầu. Khoảng bảy ngày sau lại thấy hoa sen Vàng đầy phòng. Bèn cáo biệt thân thích ngồi thẳng kiết ấn mà hóa.

***14- Tuyên Nghĩa Hồ Nhân:*** Hồ, Nhân đời Tống, làm quan đến chức Tuyên Nghĩa. Ngày thường tuy tin Phật Thừa nhưng chưa hiểu rõ Tịnh độ. Năm tám mươi bốn tuổi bị bệnh, con thỉnh Luật Sư Chiếu xin chỉ giáo. Sư Chiếu bảo Nhân rằng: Ông biết chỗ an thân lập mạng chăng? Nhân nói: Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Chiếu nói: Ông tự độ mình, trong lúc bình thường xưa kia có tạp niệm nhiễm ô không? Nhân nói đã ở trong thế gian đâu không tạp niệm. Chiếu nói: Như thế thì làm sao được tâm Tịnh độ tịnh? Nhuận nói: một lần xưng niệm Phật hiệu làm sao có thể diệt hết sinh tử trọng tội 80 ức kiếp? Chiếu nói: Phật A-di-đà do thệ Nguyện lớn nhiều kiếp tu hành, oai đức rộng lớn, thần lực sáng suốt không thể luận bàn, cho nên một lần xưng danh hiệu liền diệt vô lượng tội. Cũng như mặt trời sáng diệt sương mù, còn nghi ngờ gì? Nhân bèn tỉnh ngộ trong ngày ấy mời Tăng niệm Phật. Hôm sau Chiếu lại đến, Nhân nói Thầy đến sao muộn, hai Đại Sĩ giáng lâm đã lâu. Chiếu do đó dẫn chúng lớn tiếng niệm Phật. Nhân bèn chấp tay mà hóa.

***Khen rằng:*** Nhân được vãng sinh là nhờ Thanh Chiếu mà Thanh

Chiếu đến là do con, hãy xem đây là Đại hiếu, đời có người chấp Ái nhỏ mà phá trai giới của cha mẹ, rất sai lầm.

***15- Đề Hình Dương Vô Vi***-Dương Kiệt đời Tống, người ở Châu Vô Vi, lấy hiệu là Vô Vi Tử. Thuở nhỏ thi đậu làm quan đến chức Thượng thư chủ khánh lang đề coi về hình ngục vùng Lưỡng Triết, rất tôn kính Phật pháp, ngộ sáng Thiền tông, bảo rằng chúng sinh có căn lợi độn, mà dễ biết dễ làm chỉ có Tịnh độ Tây Phương. chỉ một tâm quán niệm, có thể chung nhiếp tán tâm, nhờ nguyện lực của Phật quyết sinh An Dưỡng. Có soạn lời tựa cho Luận Thiên Thai Thập Nghi và Di-đà Bảo Các Ký, soạn lời tựa cho An Dưỡng Tam Thập Tán, Tịnh độ Quyết Nghi Tập, mở rộng Giáo Quán Tây Phương tiếp dẫn người vị lai. Về già vẽ tượng Di-đà trượng sáu đem theo Quán niệm. Ngày qua đời cảm được Phật đến đón rước, ngồi thẳng mà hóa. Viết lời cáo biệt cuộc đời rằng: Sống cũng chẳng đáng mến, chết cũng không đáng bỏ, trong khoảng không rộng lớn mà dồi mài mãi Tây Phương Cực Lạc.

***Khen rằng:*** Đọc tụng của Vô Vi Tử gọi là Tham Thiến thấy tánh mà lấy Tịnh độ làm nơi về, còn như dồi mài mãi là lới rất hàm súc. Than ôi, làm sao được các Tài Sĩ nhân gian cùng đến đây một chỗ dồi mài?

***16- Quán Sát Vi Văn Tấn*** -Vi Văn Tấn đời Tống, lập hạnh cô khiết, tạo Tịnh độ Đạo Tràng khắp độ hàm thức. Một hôm vào tháng sáu, bỗng ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, chấp tay niệm Phật mà hóa. Mùi thơm lạ trong ngoài đều nghe.

***17- Lộ công Văn Ngạn Bác*** - Văn Ngạn Bác đời Tống, ở Kinh đô cùng Pháp sư Tịnh Nghiêm nhóm hợp mười vạn người làm Hội Tịnh độ, khi qua đời an nhiên niệm Phật mà hóa.

***18- Thị Lang Mã Vu:*** Mã Vu đời Tống, tổ tiên là Trung Túc Công trấn thủ đất Hàng. Ngài Từ Vân Sám Chủ dạy niệm Phật cả nhà đều vâng thờ. Vu dốc lòng niệm Phật suốt hai mươi lăm năm. Niên hiệu Sùng Ninh bị bệnh nhẹ thay áo ngồi mà hoá. Có khí đọng thành cái Lọng Xanh ở ngoài ngõ bay lên hư không mà đi. Người nhà đều mộng thấy Vu vãng sinh Thượng phẩm.

***19- Thiếu Sư Chung Ly:*** Chung Ly Cẩn đời Tống, làm Đề Hình ở Triết Tây. Một hôm gặp ngài Từ Vân Sám Chủ bèn dốc tin Tịnh độ.

Sau coi Phủ Khai Phong, làm quan thì tận tụy việc nước, ở ẩn thì không quên niệm Phật. Bỗng một đêm thúc hối gia nhân, dậy đòi tắm gội thay áo rồi ngồi mà hóa. Cả nhà thấy Cận ngồi hoa sen xanh, các vị Thánh Tây Phương tiếp dẫn về Tây.

***20- Thừa Vụ Diêm Bang Vinh:*** Diêm Bang Vinh đời Tống, người ở Trì Châu, hai mươi năm trì chú Vãng sinh niệm Phật . Khi qua đời người nhà mộng thấy Phật phát ra ánh sáng đón rước Vinh. Đến sáng thì Vinh ngồi kiết già xoay về hướng Tây, bỗng đứng dậy bước mấy bước rồi đứng mà hóa.

***21- Triêu Tán Vương Trung:*** Vương Trung đời Tống, người ở Gia Hoà. Kết Xã ở Tây Hồ, bất luận hiền ngu sang hèn Tăng Tục chỉ nguyện vãng sinh thì đều mời vào Xã. Ông có làm Văn Khuyến Tu lưu hành ở đời. Sau không bệnh ngồi xoay mặt về hướng Tây mà hóa.

***22- Đại Phu Chung Ly Cảnh Dung:*** Chung Ly Cảnh Dung đời Tống, làm quan đến chức Triều Thỉnh Đại Phu, thường tụng Quán Kinh niệm Phật không ngớt. Từ quan, cất nhà tranh làm Tăng ở bên Vườn Đông. Từng nói: không biết thì Di-đà ở Tây Phương, biết rồi thì Di-đà chỉ ở trong ta. Một hôm sai Tăng Diệu Ứng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đốt hương nghe kinh, hai tay bắt ấn mà hóa.

***23- Quận Thú Tiền Tượng Tổ***: Tiền Tượng Tổ đời Tống, hiệu là Chỉ Am, trấn giữ đất Kim Lăng. Thường ngày chuyên tu Tịnh độ, thường ở Hương Châu lập mười chỗ Tiếp Đãi , đều lấy tên Tịnh độ Cực Lạc mà lập ra các phòng liêu đón các Cao Tăngđến ở để đàm Đạo. Từ chức Tả Thừa Tướng về ở ẩn siêng tu Tịnh nghiệp. Niên hiệu Gia Định năm thứ tư tháng 2- ông bị bệnh nhẹ bèn viết kệ rằng: Đem cả hương sen nước Phật đến – Trên đất lưu ly dứt trần ai – Tâm ta thanh tịnh siêu cõi ấy – Ngày nay xa thấy một hoa bày. Ba hôm sau có vị Tăng đến thăm bệnh ông nói: Tôi không ham sống sợ chết, không thích làm trời làm người, chỉ cầu sinh Tịnh độ. Nói xong ngồi kiết già mà hoá. Sau có người mộng thấy giữa hư không có tiếng nói rằng Tiền Thừa Tướng đã sinh Tây Phương, ở Liên Cung làm Bồ-tát Từ Tế.

***24- Huyện Lệnh Mai Nhữ Năng:*** Mai Nhữ Năng đời Tống, người ở Thường Thục, làm quan đến chức Huyện Lệnh, có chí Tịnh nghiệp.

Bỗng mộng thấy có vị Tăng đến trao cho một trăm tờ giấy đục lủng thành hai chữ bát. Bèn đem hỏi Sư Đông Linh Chiếu, Sư nói hai lần tám là mười sáu, đâu chẳng phải gọi Kinh Thập Lục Quán, thì vừa có một vị Tăng đem Kinh ấy đến cho, bỗng biến mất. Do đó mà tụng Kinh niệm Phật tự lấy Vãng sinh làm chí. Vì Sinh Công trong ấp tạo tượng Phật Di-đà trượng sáu, ông bèn đóng góp tiền của trăm muôn để làm và trang sức. Trong ao ở trước điện mọc lên một cành sen trắng hai đầu có trăm cánh. Mùa Đong năm ấy ông không bệnh mà mất.

***25- Học Dụ Tảm Định Quốc:*** Tảm Định Quốc đời Tống, có hiệu là Tỉnh Trai làm Châu Học Dụ, thường niệm Phật tụng các kinh Tịnh độ. Mỗi tháng ba lần nhóm họp Tăng tục tụng kinh niệm Phật. Niên hiệu Gia Định năm thứ 4 mộng thấy đứa trẻ thanh y đến báo rằng: Phật sai mời ông ba ngày nữa sinh về nước ấy. Đến hẹn ông tắm gội thay áo niệm Phật ngồi mà hóa.

***26- Phùng Tế Xuyên Gián Nghị*** - Phùng Trấp đời Tống, hiệu là Tế Xuyên, người ở Toại Ninh. Từ khi thi đậu Thái Học, bắt đầu hỏi đạo ở Thiền Lâm. Về già chuyên tu Tịnh nghiệp. Ông có làm Văn Tây Phương, Di-đà Sám Nghi. Sau ở trong Cấp Sự ra làm Soái ở Lô Nam, dẫn Đạo tục mở hội Hệ Niệm và trông coi đất Ngang Châu. Ở sau Sảnh đường lập tòa Cao hướng về vua lạy tạ, mặc áo Tăng lên tòa lạy từ quan, rồi đặt cây gậy ngang gối mà hoá.

***Khen rằng:*** Trong Truyền Đăng Lục chép ông lúc đầu tham học với Long Môn Viễn, sau tham học với Diệu Hỷ đều có chứng ngộ. Khi qua đời đúng hẹn lên tòa gác gậy ngang gối mà hóa, ấy là tự tại hiển hách có thao lược như các Đại Lão ở Tông môn, nhưng đều lược bỏ không nói. Niệm Phật vãng sinh là gì. Bởi do có nhà trước thuật lập nghĩa kia đây làm môn khác nhau đều là tùy chỗ xem nặng mà thôi. Nếu trọng chỉ thẳng tâm người thì tự mình phải chuyên lấy việc rõ biết tâm địa mà lược bỏ Tịnh độ, như Hoài Ngọc đài vàng lại đến, Viên Chiếu nhụy sen ghi tên đều chẳng chép. Vì đây trọng Chỉ quy Tịnh độ cho nên chép rõ lúc bình thường niệm Phật, báo hết thì vãng sinh mà rõ biết tâm tánh, trong tự tại như chỗ nói đã được thấy Phật Di-đà thì còn lo gì chẳng khai ngộ. Dụ như trọng đức thì Nhan Hồi được nêu về đức hạnh mà không nói về chánh sự. Còn trọng tài thì Nhan tử là người có tài giúp vua mà không nói đức hạnh, cũng là môn khác nhau. Người tu Tịnh nghiệp xin dốc tín chớ nghi.

***27- Thị Lang Vương Mẫn Trọng:*** Vương Cổ đời Tống, tự là Mẫn Trọng, người Đông Đô, làm quan đến Lễ Bộ Thị Lang, nhân từ thương vật khế sâu Thiền tông, lại ngộ cao về pháp môn Tịnh độ ông có làm Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập ba quyển. Bình thường ông tinh cần niệm Phật lần chuỗi không hề rời tay, đi đứng nằm ngồi đều lấy Tây Phương Tịnh Quán làm Phật sự. Có vị Tăng thần thức đến Tịnh độ thấy cổ và  Cát Phồn đồng ở. Vãng sinh có chứng nghiệm rõ ràng.

***28 - Tiến Sĩ Ngô Tín Tẩu:*** Ngô Tử Tài đời Tống, tự là Tín Tẩu sau khi làm quan làm trước một quan tài đêm nằm trong đó khiến trẻ con gỏ quan tài mà ca rằng: Tín Tẩu ta hãy về đi, ba cõi không yên chẳng nên ở, Tây Phương Tịnh độ có thai sen, nay hãy về đi!. Rồi hoạ theo. Sau không bệnh mà hóa.

***29 - Thiếu Truyện Bạch Cư Dị:*** Bạch Cư Dị đời Đường, làm quan chức Trung Đại Phu Thái Tử Thiếu Truyện, bỏ vườn nhà làm chùa Hương sơn, hiệu là Cư sĩ Hương Sơn. Về già bị bệnh phong đơn, bỏ ra ba vạn đồng tiền vẽ một bộ Thế Giới Cực Lạc Tây Phương Y Chánh trang nghiêm đều xét theo Kinh Vô Lượng Thọ không sót. Rồi đảnh lễ phát nguyện viết kệ khen rằng: thế giới Cực Lạc cõi thanh tịnh, không có đường ác và các khổ, nguyện như thân con lúc già bệnh, đồng sinh cõi Phật Vô Lượng Thọ.

***Khen rằng:*** Người ta truyền rằng cõi Bồng Lai có Lạc Thiên gọi là Lạc Thiên Từ, có kệ rằng: Núi biển không phải chỗ ta về, ta về tức cõi trời đâu suất. Nay lại bỏ Đâu-Suất mà cầu Tịnh độ, há chẳng gọi là đãi cát tìm vàng, càng chọn càng tinh ư?.

***30- Đô Tổng Trương Luân:*** Trương Luân đời Tống, làm quan đến chức Lưỡng Triết Đô Tổng Quản, cầu sinh Tịnh độ siêng năng niệm Phật, cả nhà lớn nhỏ đều theo sự hoá độ của ông. Đào hồ trồng đầy sen hàng ngày dẫn vợ con niệm Phật vạn câu. vua Hiếu Tông đích thân viết hai chữ Liên Xã mà ban tặng.

***31 - Học Sĩ Tô Thức đời Tống***: Tô Thức hiệu là Đông Pha làm quan đến chức Hàn Lâm Học Sĩ. Ngày chuyển về Nam có vẽ tượng Phật Di-đà cuộn làm một ống đem theo mình. Người hỏi thì đáp đây là công cứ của Thức sinh Tây Phương. Mẹ vợ là bà Trình chết để lại cây trâm ngọc đem bán lấy tiền mướn thợ là Hồ thích vẽ tượng Phật Di-đà

để cầu vãng sinh.

***Khen rằng:*** Lão Tuyền vì tiến cúng người chết nêu từng ở Viện Cực Lạc đúc sáu tượng Bồ-tát mà con cháu đến với pháp môn cũng rất kín xa. Bởi họ Tô quy tâm Tam Bảo rất sâu. đời có khắc in Tây Phương Công Cứ thêm nhiều lời quê nói là xuất phát từ Pha Công. Đây là lừa dối. Người sáng suốt chớ theo dối mà bỏ thật.

***32- Thừa Tướng Trương Vô Tận:*** Trương Thượng Anh đời Tống, trước vì phu nhân họ Hướng kích phát mà rất lưu ý đến kinh luận nội điển, hiệu là Cư sĩ Vô Tận. Từng soạn Văn Phát Nguyện nói rằng: Nghĩ thế giới này năm trược loạn tâm, không có năng lực chánh quán, không có năng lực Liễu nhân, tự tánh duy tâm không thể thấu suốt. Chỉ nên vâng theo lời vàng của Thế Tôn Thích-ca mà chuyên niệm Phật A-di-đà cầu nguyện lực Phật ấy nhiếp thọ. Đợi mãn báo thân mà vãng sinh Cực Lạc. Như ngồi thuyền xuôi nước không tốn sức mình mà đến nhanh.

***Khen rằng:*** Vô Tận ngộ được Thiền tông với Đâu-Suất Duyệt Công mà lại chăm chăm An Dưỡng, thì niệm ấy phải nên xét kể. Từ Hương Sơn đến đây là bốn ông, tuy Tây Phương có điềm lành nhưng Sử không ghi rõ. Nếu dựa vào nhân mà tìm hiểu, quả chẳng sinh Tây Phương thì sẽ sinh nơi nào?

**** Luận chung:***

Người ngu nghe người xưa nói: Kẻ Sĩ phu thông minh hơn người, nhiều người ở trong Tăng lại nghi ngờ. Mê mà không tỉnh lại, thì hết chín phần mười, không quên nhân vốn có thì chỉ một phần mười, vì sao vậy? Vì cõi đời có năm thứ ác trược các người lui sụt khó tránh khỏi. Nên hậu thân Thiền sư Giới là của Đông Pha, còn thân sau của Thiền sư Thanh là Tăng Lỗ Công. Thân sau của Thiền sư triết lại đắm mê giàu sang có nhiều buồn khổ. Đông Pha rất gần gũi pháp môn mà không bằng Tăng Công, thân sau của triết lão kia thì lại rất mê. Xưa nay kẻ hiểu biết khuyên người bỏ năm trược mà cầu Tịnh độ, vậy thì từ Lưu Di dân trở đi các quân tử được đạo chẳng phải đã nhiều hay sao.

## III- CÁC XỬ SĨ VÃNG SINH:

***1- Chu Tục Chi:*** Chu Tục Chi đời Tống, người Nhạn Môn. Năm mười hai tuổi làu thông năm Kinh năm Vĩ, hiệu là Thập Kinh Đồng Tử, nuôi chí ở ẩn. Công khanh tiến cử lên vua đều chẳng đến, thờ Pháp sư Viễn Lô Sơn dự vào Liên Xã. vua Văn Đế nối ngôi mời vào ứng đối

vua rất vui. Có người hỏi thân làm Xử Sĩ (kẻ ở ẩn) lúc đó đến sân vua được ư? Đáp rằng: Lòng người đến Ngụy Khuyết lấy giang hồ làm bó buộc hứng chí cùng quên mất. Dầu chợ búa hay triều đình cũng đều là hang đá. Lúc đó gọi là Thông Ẩn Tiên Sinh. Sau ở Chung sơn chuyên tâm niệm Phật, càng già càng dốc chí. Một hôm ngó lên hư không nói Phật đến đón rước ta. Rồi chắp tay mà hóa.

***Khen rằng:*** Tục Chi có thể ở hang núi, chợ búa hay triều đình đều được, cũng đều là Tây Phương Đông Độ mà phải niệm Phật cầu sinh. Đó mới là kẻ thật biết lợi hại. Xưa có tụng rằng: Núi cao đất bằng đều là Tây Phương, chưa đến nhà thì xin chớ bàn chơi.

***2- Trịnh Mục Khanh:*** Trịnh Mục Khanh đời Đường, người ở Vinh Dương. Cả nhà đều niệm Phật. Trong niên hiệu Khai Nguyên bị bệnh nặng, có người khuyên ăn thịt cá thì khoát tay không chịu, tay cầm lò hương nguyện cầu vãng sinh. Bỗng có mùi thơm lạ đầy thất, rồi an nhiên mà mất. Cậu là Thượng Thư Tô Đĩnh mộng thấy sen nở trong ao báu mục Khanh ngồi trên ấy.

***3- Trương Nguyên Tường:*** Trương Nguyên Tường đời Đường, thường niệm Phật không ngớt. Một hôm thúc người nhà rằng: Bậc Thánh Tây Phương đợi ta, ăn cơm xong thì đi. Ăn xong bèn đốt hương ngồi kiết già xoay về phía Tây mà hóa.

***4- Tôn Lương:*** Tôn Lương đời Tống, người ở Tiền Đường, ở ẩn xem Đại Tạng rất được ý chỉ Hoa Nghiêm, bèn nương Luật Sư Đại Trí thọ giới Bồ-tát, ngày niệm Phật vạn câu suốt hai mươi năm không ngừng. Bỗng sai người nhà thỉnh Tăng niệm Phật để giúp vãng sinh. Tăng đến niệm Phật mới được nửa chừng thì ông ngó lên hư không chắp tay nói Phật và Bồ-tát đã đến. Bèn lui về ngồi mà hóa.

***Khen rằng:*** Hoa Nghiêm hợp luận gọi cầu sinh Tịnh độ là Bồ-tát chưa đạt Nhất Thừa Đại Đạo mà lão này được ý chỉ Hoa nghiêm sao còn cầu sinh Tịnh độ. Bởi hợp luận làm một phần vì phàm phu chấp Tướng phá kiến chấp ấy là được sự Tịnh độ, chưa được Lý Tịnh độ. Lão này Sự Lý đều viên thông. Hoa Tạng Liên Trì là một mà không phải hai. Chính ông cầu sinh chẳng đủ nghi. Luận Tịnh độ phải y cứ vào Phẩm Hạnh Nguyện trong kinh Hoa nghiêm làm chủ mà hợp luận để tham cứu.

***5- Nguyên Tử Bình:*** Nguyên Tử Bình đời Đường trú tại chùa Quán

Âm ở Kinh Khẩu mà niệm Phật. Bỗng nghe trên hư không có tiếng âm nhạc, bèn ngồi xoay về phía Tây mà hoá. Mùi thơm lạ mấy ngày không hết.

***6- Dữu Tiển:*** Dữu Tiển đời Lương, người ở Tân Dã. vua Võ Đế mời làm Huỳnh Môn Thị Lang, ông chẳng đến. Chỉ sáu thời niệm Phật một tối thấy có vị Đạo nhân tự xưng là Nguyện Công gọi Tiên là Thượng Hạnh Tiển Sinh rồi trao cho hương mà đi. Bốn năm sau Nguyện Công lại đến bèn bay lên hư không bảo rằng Thượng Hạnh Tiên Sinh đã sanh An Dưỡng.

***7- Tống Mãn:*** Tống Mãn, đời Tùy: người ở Thường Châu, đếm đậu niệm Phật, chứa được ba mươi thạch (thạch =100 lít). Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 8 tháng 9 đãi cơm Tăng xong, ngồi mà hóa. Người ta thấy có hoa trời và mùi thơm lạ nương hư không mà đi về Tây.

***8- Phần Dương Lão Nhân:*** Phần Dương Lão Nhân đời Đường, ở núi Pháp Nhẫn, mượn một phòng trống nghỉ trọ, ngày đêm niệm Phật. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 5 thì mất. Lúc đó ánh sáng chiếu khắp rực rỡ, nhìn về phía Tây mà hoá. Người thấy ngồi đài sen mà đi.

***9- Nguyên Tử Tài:*** Nguyên Tử Tài đời Đường, trú tại chùa Quán Âm ở Nhuận Châu, tụng Kinh Di-đà niệm Phật. Bỗng bị bệnh nhẹ, nửa đêm nghe trên hư không có hương thơm và âm nhạc giống như có tiếng người nói Thô nhạc qua rồi Tế nhạc tiếp đến Ông sẽ đi. Rồi niệm Phật mà hóa. Mùi thơm lạ mấy ngày không tan.

***10- Ngô Tử Chương:*** Ngô Tử Chương đời Nguyên, người ở Tô Châu, ở đời làm nghề thuốc. Cùng anh là Tử Tài đồng tham học với Hòa-Thượng Vân Ốc , siêng năng niệm Phật cả nhà thờ Pháp. Đến hẹn, không bệnh, chấp tay niệm Phật mà hóa.

***11- Hà Đàm Tích:*** Hà Đàm Tích đời Nguyên, năm mươi tám tuổi trì giới Bồ-tát niệm Phật, một đêm nghe trống canh tư liền thức dậy tụng niệm. Người bảo trời còn quá sớm thì đáp: Thấy Phật tướng vàng ròng đem hoa đến đón rước, rồi bèn hóa.

***12- Vương Điền:*** Vương Điền đời Tống, người ở Tứ Minh, hiệu

là Vô Công Tẩu. Phàm Thiền Lâm tông chỉ, Thiên Thai giáo môn đều thông suốt. Ông có soạn Tịnh độ Tự Tín Lục. Về già chuyên tâm niệm Phật, nhìn về phía Tây ngồi mà hóa. Mùi thơm lạ ngào ngạt. Khi đốt khám (trà tỳ) thì nhặt được Xá-lợi như hạt đậu khoảng một trăm lẻ tám hạt.

***13- Phạm Nghiễm:*** Phạm Nghiễm đời Tống, người ở Nhân Hòa, dứt tâm với việc đời, người con không thể trị gia, ông cũng chẳng đoái hoài đến, chỉ nói ta từ nay chỉ như khách ở tạm. Hằng ngày tụng Pháp Hoa niệm Phật A-di-đà, chuyên tâm không lười biếng, bỗng thấy Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà phát ra ánh sáng vàng bảo Nghiễm rằng: Ngày mài giờ mẹo sẽ đi. Trải qua một đêm Phật và Bồ-tát đến đón rước, bèn ngồi chấp tay mà hóa.

***14- Lục Nguyên Đạo:*** Lục Nguyên Đạo đời Tống, hiệu là Cư sĩ Tỉnh Am, trụ ở Hoành Khế thuộc Minh Chi. Sáng dậy đốt hương ngồi kiết già mắt không nháy, đọc kệ rằng:

Sáng rửa tay xong mở Bối diệp, Chẳng cầu các Phước chẳng họa tai

Duyên đời đã dứt nơi khác dứt, Kiếp lửa trong quang múa một hồi.

Sau mới niệm tụng không chậm không mau như xỏ chuỗi. Mỗi ngày tụng một biến Pháp Hoa, niệm Phật Di-đà vạn câu chuyên ý về phương Tây. Năm 85 tuổi ngày 6 tháng tư tắm gội thay áo mà hóa. Khi liệm bỗng nghe mùi hương sen thơm phức, không biết từ đâu đến. Lúc sắp đậy nắp quan thì thấy có cái lọng phát ra từ miệng.

***15- Tôn Trung:*** Tôn Trung đời Tống, người ở Tứ Minh. Sớm kính mến Tây Phương. Ở phía Đông quận Thành cất am niệm Phật. Sau đó bệnh thỉnh Tăng trăm người hệ niệm, bỗng ngước nhìn lên hư không chấp tay bắt hai ấn vui vẻ mà hóa. Cả thành nghe có tiếng nhạc và mùi thơm lạ đi dần về phía Tây rồi mất hút. ba người con kế nhau niệm Phật rồi cũng ngồi hóa.

***16- Trầm Thuyên:*** Trầm Thuyên đời Tống, nhà ở Tiền Đường, cùng vợ là bà Thi chuyên tâm Tịnh độ. Bình thời làm các việc thiện đều dùng để hồi hướng. Sau cùng vợ trước sau qua đời, đều cảm được Hóa Phật cầm tích trượng tiếp dẫn đi.

***17- Đường Thế Lương:*** Đường Thế Lương đời Tống, người ở Cối Kê, trì giới niệm Phật. Tuổi già tật bệnh cũng không nằm, tụng Kinh Di-đà mười vạn biến gọi người nhà bảo rằng: Phật đến đón rước ta. Nói xong đảnh lễ rồi ngồi mà hóa. Lợi Hành Nhân lúc đó ở núi Đạo Vị đêm mộng thấy Phương Tây có ánh sáng lạ mưa hoa và nhạc trời ở trên hư không có tiếng bảo rằng: Đường Thế Lương đã về Tịnh độ.

***18- Kế Công:*** Kế Công đời Tống, là thợ sắt Phách Khoa Đồ, ở Đào Nguyên. Năm bảy mươi tuổi, hai mắt không thấy. Trong làng có TảmHọc Dụ đem Bích Khóa Đồ ra ấn thí khuyên người niệm Phật. Kế Công lúc đầu lấy một bản niệm đủ ba mươi sáu vạn câu. Niệm hết bốn bản thì hai mắt sáng lại. Như thế ba năm niệm đủ mười bảy bản. Một hôm niệm Phật, bỗng đứt hơi được nửa ngày thì tỉnh lại nói Phật bảo chia lại sáu bản cho Tảm Học Dụ vì có công đầu khuyên niệm, chia một bản cho Lý Nhị Công là người vẽ bản. Dặn con đến tạ. Nói xong tắm gội xoay mặt về phía Tây mà hoá.

***19- Trần Quân Chương:*** Trần Quân Chương đời Nguyên, người ở Huỳnh Nham, thận trọng ngay thẳng ít nói. Năm bốn mươi tuổi cùng với Thất Diệp tụng Pháp Hoa niệm Phật siêng năng. Năm sáu mươi tuổi bị bệnh nặng. Một tối, sai con là Cảnh Hoàng đỡ ngồi dậy bảo rằng: “Ta về đây”. “Hỏi về đâu? Đáp: Không có chỗ đi. Lại nói: Ta chết rồi nên y theo pháp tang môn mà trà tỳ. Nói xong chắp tay niệm Nam-mô A-di-đà Phật rồi hóa.

***20 - Trương Thuyên:*** Trương Thuyên đời Tấn, thuộc dòng họ Dã. Cao dật hiếu học. Khi cày bừa cũng mang Kinh theo. vua trưng dụng nhiều lần không đến, tư vui với cảnh nghèo được cử làm Tầm Dương Lệnh thì cười bảo rằng Lấy tựa gốc làm yên, nhụt chí đến với lộc có gì vinh. Rồi vào Lô Sơn nương Liên Xã của Viễn Công nghiên cứu nội điển có nhiều ngộ nhập. Niên hiệu Cảnh Bình năm thứ nhất đời Tống ông không bệnh xoay mặt về phía Tây niệm Phật ngồi yên mà hóa.

***21- Khuyết Công Tắc:*** Khuyết Công Tắc đời Tấn, vào Liên Xã ở Lô Sơn rồi chết. Bạn bè trú chùa Bạch Mã ở Lạc Dương đang đêm cúng tế ông. Bỗng một lúc cả cây cỏ nhà cửa điện đài đều có màu vàng ròng. Trên hư không có tiếng nói: Ta là Khuyết Công Tắc mong sinh Cực Lạc nay đã được vãng sinh, nói xong thì biến mất.

***Khen rằng:*** Người qua đời cảm được điềm lành rất nhiều nhưng sau khi chết mà hiện màu vàng ở nơi khác báo đã vãng sinh ở trên không như Khuyết Công thì thật ít có.

***22- Lý Tri Diêu:*** Lý Tri Diêu đời Đường, rất giỏi giáo pháp Tịnh độ dẫn chúng năm hội niệm Phật. Sau bị bệnh bỗng nhiên nói: Phật đến đón rước ta. Rồi tắm gội súc miệng thay áo đòi lò hương ra điện thờ đảnh lễ, nghe trên hư không có tiếng nói kệ: Sắp dẫn anh sinh Tịnh độ, nay hãy lên cầu vàng. Nói xong đến giường ngồi thẳng mà hoá. Chúng nghe có mùi thơm lạ.

***23- Cao Hạo Tượng:*** Cao Hạo Tượng đời Lương, người ở Đông Bình. Đóng cửa Tịnh toạ, chuyên tụng Kinh Vô Lượng Thọ, từng ở trong quán biết thân mình đến bên ao sen đỏ. Lúc đầu chưa thấy Phật, bèn ở trên hoa mà dốc lòng lễ Phật, xa tưởng kim dung ánh sáng chiếu rất xa. Một tối thấy chúng Bồ-tát đến đón rước, lúc đó liền hóa.

Khen rằng: Xưa, có hai vị Tăng quán tưởng hoa sen khép mở, sau cùng sinh về Tịnh độ. Tượng thấy thân dạo chơi ao sen hồng cũng là quán tưởng tinh thành mà được như thế.

***24- Từ Lục Công:*** Từ Lục Công đời Tống, người ở Gia Hưng. Chuyên làm nghề nông, vợ chồng ăn rau dưa siêng năng niệm Phật suốt bốn mươi năm. Làm trước một cái khám (quan tài), khi qua đời thay áo vải mang giày cỏ vào khám ngồi thẳng, khoảnh khắc bảo Phật đến đón rước ta, rồi hóa.

***25- Lục Tuấn:*** Lục Tuấn đời Tống, người ở Tiền Đường, thuở nhỏ làm ở Công Môn lâu rồi bỏ, chỉ chuyên nghiệp Tịnh độ, hằng ngày đối trước Phật sám hối rơi lệ, gặp đạo hữu chỉ nói nhân duyên Tịnh độ vừa hơn mười câu liền rất buồn thương than thở. Khi qua đời thỉnh Luật Sư Viên Tịnh khai thị về Tây Phương. Tụng Quán Kinh đến Thượng Phẩm thì Viên Tịnh bảo: Đi được rồi đấy! Tuấn nói: Thánh chúng chưa đến, đợi một chút. Bỗng ngồi dậy đến giường tre ngồi xoay mặt về phía Tây mà hoá.

***Khen rằng:*** Kinh Vô Lượng Thọ nói: nghe nói Phật A-di-đà thì lệ trào ra đều là do gốc lành đời trước mà như thế. Nay Tuấn buồn thương trong tâm mà hiện rõ ngoài mặt thì chắc chắn vãng sinh. Nay đùa vui mà bàn nói Tịnh độ có sao đâu!

***26- Huỳnh Đả Thiết:*** Huỳnh Công, đời Tống, người Đàm Châu. Vốn người trong quân ngũ làm nghề đập sắt. Mỗi khi kềm đập đều niệm Phật không ngớt. Một hôm không bệnh, nhờ người hàng xóm viết bài tụng rằng: Đinh đinh đang đang, luyện lâu thành gang (cứng) Thái Bình gần đến, ta về Tây Phương. Rồi hoá. Kệ này truyền ra rất rộng, ở Hồ Nam có nhiều người niệm Phật.

***Khen rằng***: Nay dựa vào Huỳnh Công không gì khác hơn chỉ là niệm Phật không ngớt. Người đời không chịu hành trì theo đó mà lại đi tìm hay khéo đến nỗi thành luống uổng, chẳng phải là bỏ giản dị mà tìm khó khăn ư?.

***27- Liên Hoa Thái Công:*** Liên Hoa Thái Công đời Đại Minh,, người ở đất Việt. Một đời vụng về chất phác chỉ ngày đêm niệm Phật không ngớt. Sau khi mất thì trên quan tài bỗng mọc một cành hoa sen. Làng xóm kinh ngạc ngợi khen, bèn gọi là Liên Hoa Thái Công (ông già hoa sen).

***28- Hoa Cư sĩ:*** Hoa Cư sĩ đời Đại Minh, người ở Giang Cam. Người thật thà không dối trá. Tuổi trung niên các con đã nên người, bèn ở một mình trong một nhà nhỏ chẳng can dự việc đời, sớm tối chỉ chăm chăm niệm Phật. Sau khi qua đời tự biết trước giờ chết nửa đêm bèn thay áo, sửa mủ, cáo biệt mọi người, rồi ngồi thẳng mà hoá. Người con trước đã làm sẵn quan tài, bèn đổi khám như Sa môn. Ngày cử khám người xem đông nghẹt, xa gần đều kính mến

**** Luận chung:*** Có người hỏi Tịnh Danh và Bàng Lão vì sao không nghe cầu sinh? Đáp rằng: Ông thử tự mình nhận xét, nếu chưa kịp hai ông cầu sinh chẳng cần phải nói, dù cho có trở lại thời Kim Túc thì nào ngại thấy Di-đà. Nếu không thế thì Tịnh Danh không ngại thấy Thích Ca, Bàng Lão (Long Ẩn) cũng tham Mã Tổ. Hễ tâm tinh thì Độ tịnh chẳng phải là Tịnh Danh nói ư? Làm bạn với muôn pháp chẳng phải là lời của Bàng Lão ư? Một sáng ông bước lên Tịnh Địa sao còn mong gì, Tự Niệm vốn vẫn thanh tịnh đâu còn mong, Tự Niệm không làm bạn với muôn pháp sao còn mong, hai ông thường ở tại Tịnh độ, còn nghi ngờ gì?

## IV - CÁC NI VÃNG SINH:

***1- Ni Đại Minh:*** Ni Đại Minh đời Tuỳ, mỗi khi vào thất lễ niệm

thì trước mặt áo sạch, miệng ngậm nước trầm hương. Hoàng Hậu của vua Văn Đế rất quý trọng. Ngày sắp mất chúng nghe mùi trầm hương đầy nhà. Bỗng có mây sáng từ từ đi về Tây rồi mất.

***Khen rằng:*** Đây là tương tự với vị Ni tạo Kinh Pháp Hoa rất thành kính, sau cảm được điều linh dị (điềm lạ) mà hai Ni ở Minh phủ tụng kinh kính lễ. Gặp đây có khác mà không lạ. Thời nay niệm Phật có mấy người được sáng như thế. Nếu mọi người niệm Phật như thế thì tôi chẳng tin ngàn người niệm ngàn người không sinh, vạn người niệm vạn người không sinh.

***2- Ni Tịnh Chân:*** Ni Tịnh Chân đời Đường, trú tại chùa Tích Thiện ở Trường An, mặc nạp y đi khất thực, tụng kinh Kim Cương mười vạn biến, dốc chí niệm Phật, bảo đệ tử rằng: nội trong tháng năm ta mười lần thấy Phật, hai lượt thấy trên đài hoa có đồng tử đùa giỡn. Ta đã được sinh Thượng Phẩm. Nói xong ngồi biết già mà hoá. Ánh sáng lành đầy am.

***3- Ni Ngộ Tánh:*** Ni Ngộ Tánh đời Đường, ở Lô Sơn, niệm Phật chí thành nguyện vãng sinh, bỗng nghe trong hư không có tiếng nhạc bèn gọi người chung quanh bảo rằng: Ta đã được vãng sinh Trung phẩm. Thấy các đồng chí niệm Phật tinh tấn đều có hoa sen đợi chờ, các con hãy tự mình cố gắng. Nói xong thì hoá.

***Khen rằng:*** Xét hai Ni có phẩm vị Thượng Trung khác nhau. một là bên trong xem tự hạnh cạn sâu, hai là điềm lạ bên ngoài có hơn kém, mà không lầm.

***4- Ni Năng Phụng:*** Ni Năng Phụng đời Tống , người ở Tiền Đường, chuyên tu Tịnh nghiệp, từng mộng thấy ánh sáng Phật chiếu vào thân, và nghe trên hư không có lời lành an ủi, bèn bảo đệ tử rằng: Ta được vãng sinh, lát sau nghe Phụng niệm Phật rất lớn tiếng, bèn chạy đến xem thì thấy chấp tay quay mặt về phía Tây mà hoá. Mùi thơm lạ đầy nhà, tiếng nhạc đi về phía Tây.

***5- Ni Pháp Tạng:*** Ni Pháp Tạng đời Tống, ở Kim Lăng, chuyên chỉ niệm Phật. Ban đêm thấy Phật và Bồ-tát đến chiếu sáng chùa, rồi an nhiên mà hoá.

* ***Luận chung*** - Phật vì Di mẫu xuất gia than Chánh Pháp do đây mà mất. Nếu người Nữ xuất gia mà đều như năm vị trên thì Chánh Pháp

càng hưng thạnh mà thế không có thể Phật huyền ký thì chẳng có lỗi. Than ôi, kẻ nam tử chân chánh xuất gia xưa nay còn chẳng có nhiều, huống chi là Nữ chúng? Do đó mà có chiêu cảm.

## V. CÁC PHỤ NỮ VÃNG SINH:

***1- Tuỳ Hoàng Hậu:*** Hoàng hậu của vua Văn Đế đời Tuỳ, họ Độc Cô. Tuy ở cung vua nhưng rất chán thân nữ, thường niệm Phật A-di-đà. Ngày Giáp Tý tháng 8 thì mất, lúc đó ở phía Bắc Cung Vĩnh An tiếng âm nhạc vang rền, mùi thơm lạ đầy nhà, từ trên hư không đến. vua hỏi Xà-đề-tư-na đó là điềm lành gì, thưa rằng: Tịnh độ có Phật hiệu A-di-đà, Hoàng hậu nghiệp cao siêu lên cõi ấy, nên hiện ra điềm lành nầy.

***Khen rằng:*** Bỏ việc sang quý trong cung mà ham chuyên Tịnh độ lại được vãng sinh, xưa có Vi-đề-hy, nay thì thấy có Hoàng hậu này.

***2- Bà Diêu:*** Diêu Bà đời Đường, do có Bà Phạm Hạnh khuyên khiến niệm Phật. Khi sắp qua đời bà thấy Phật và Bồ-tát đến đón rước, thưa Phật chưa được, xin Phật tạm dừng trên hư không để chờ từ biệt bà Phạm Hạnh. Sau đó Diêu Bà đứng mà hoá.

***Khen rằng:*** Đi từ biệt Phạm Bà là không trái gốc. Phật dừng trên hư không là thuận theo chúng sinh. Đứng mà hoá cũng thật lạ kỳ.

***3- Vợ của Ôn Tĩnh Văn:*** Vợ của Ôn Tĩnh Văn, đời Đường, người ở Tính Châu, bệnh nằm lâu trên giường. Tĩnh Văn khuyên niệm Phật suốt một năm. Bỗng thấy Tịnh độ, bèn bảo chồng rằng: Tôi đã thấy Phật tháng sau sẽ đi. Rồi dặn dò cha mẹ rằng nay con được vãng sinh theo Phật, xin cha mẹ chuyên tâm niệm Phật, ngày nọ sẽ thấy tướng Tây Phương. Nói xong thì hoá.

***4- Bà Hồ Trường:*** Bà Hồ Trường đời Tống, họ Lý, người ở Thượng Ngu. Sau khi chồng mất, ngày đêm lớn tiếng niệm Phật và tụng kinh Di-đà suốt hơn mười năm. Một hôm thấy có vị Tăng che lọng lụa bảo rằng: ngươi mười lăm ngày nữa giờ Tý sẽ vãng sinh. Hỏi Sư là ai? Thì đáp là người mà ngươi niệm. Bà bèn từ biệt người thân. Đến hẹn có mùi thơm lạ và ánh sáng, bèn ngồi thẳng mà hoá. Bảy ngày sau đem thiêu thì thấy răng như ngọc trắng, lưỡi như sen hồng, mắt như hạt bồ đào (nho) đều bền chắc không hư, xá-lợi rất nhiều. Hôm sau, chỗ đốt mọc lên đóa hoa trắng như tuyết.

***Khen rằng:*** Các căn không hư, Xá-lợi nhiều vô số. đời chê người nữ thân năm trược, nhưng không gì chẳng được.

***5- Bà họ Trịnh:*** bà họ Trịnh đời Tống, người ở Tiền Đường, thường ngày tụng kinh Quán Âm niệm Phật không ngớt. Sau bị bệnh nặng đòi tắm gội xong, ngồi xoay về phía  Tây hỏi người nhà có nghe tiếng khánh chăng? Các Thánh Tịnh độ đã đến. Rồi chắp tay vui mừng nói: Phật và Bồ-tát đến, tay Bồ-tát Quán Âm có bưng đài vàng. Như lai tiếp con lên tòa. Rồi an nhiên mà hoá.

***6- Bà họ Trần:*** bà họ Trần đời Tống, người ở Tiền Đường, thọ giới Bồ-tát với Luật sư Linh Chi, chuyên tâm niệm Phật. Hằng ngày lạy ngàn lạy, từng có Xá-lợi hiện trên bàn kinh. Khi qua đời thấy Phật đến đón rước. Ngoái nhìn những người chung quanh chưa xong thì không còn cử động.

***7- Bà họ Huỳnh:*** bà họ Huỳnh đời Tống, người ở Tứ Minh, sớm mất chồng, nhân đó trở về nhà cha chuyên tu Tịnh độ, Khi qua đời thấy Phật đến đón rước, lúc ấy bắt ấn mà đi, rồi nghiễm nhiên đứng mà hoá. Người nhà rắc tro ở đất để biết sinh về đâu thì thấy có một hoa sen trong tro mọc lên.

***Khen rằng:*** Thuyết đốt tro chưa khảo xét kỹ, chỉ việc thấy Phật đến đón rước, bắt ấn đứng mà hoá thì chắc chắn sinh lên Liên Phẩm cao.

***8- Phu Nhân họ Vương:***  Phu nhân Kinh Vương là đời Tống Bà chuyên tu tinh nghiệp. Sớm chiều đối kẻ hầu hạ cũng không chấp phép tắc. Chỉ có một người Thiếp lười nhác, Phu nhân quở trách dạy dỗ, liền ân hận thức tỉnh mà tinh tiến. Bỗng nhiên không bệnh mà mất, mộng cho người thiếp khác bảo rằng: Nhờ Phu nhân khuyên dạy nay đã sinh An Dưỡng. Phu Nhân chưa tin. Bỗng báo mộng cho, phu nhân cùng người Thiếp ấy đến nơi ao báu, thì thấy có một đóa hoa có áo cõi trời tung bay đề là của Dương Kiệt, một hoa khác có người mặc Triều phục ngồi trên đó đề là Mã Vu. Lại thấy có đài vàng sáng chói rực rỡ. Người Thiếp chỉ tay bảo: Đây là nơi sinh của Phu nhân, rồi thức dậy càng thêm tinh tấn. Năm tám mươi mốt tuổi vào buổi sáng mừng thọ cầm đuốc đốt hương mà đứng nhìn về đài Quán Âm. Người chung quanh mới dâng lễ chúc Thọ xong thì đứng mà hóa.

***Khen rằng:*** Sưu Tập đến đây, người Nữ đứng hoá, gồm có ba người. đài vàng Chiếu sáng cũng là bậc Thượng phẩm. Ai nói khuê Các không có người?

***9- Phu Nhân họ Phùng:*** Phu nhân của Quảng Bình quân đời Tống, là người họ Phùng. Thuở nhỏ thường bị bệnh. Ngài Thiền Sư Tử Thọ Trí Thâm dạy cho trai giới niệm Phật, bèn tin chắc gắng làm suốt mười năm không mõi mệt. Bỗng sanh tâm chán đời. Mọi người lấy làm lạ thì bảo: Trong cõi thanh tịnh vì mất Chánh niệm mà đến cõi Chi-na này, duyên hết thì đi, có gì là lạ. Khi qua đời đứt hơi rồi bỗng sống lại, bảo người nhà rằng: Ta đã về Tịnh độ thấy cảnh giới Phật cùng với Kinh Hoa Nghiêm, kinh Thập lục Quán đã nói không khác. Nói rồi mà qua đời, ba ngày sau toàn thân vẫn như lúc còn sống, mùi thơm lạ ngào ngạt.

***10- Cô gái họ Vương:*** Con của Cát An Vương đời Tống, hằng ngày tụng các kinh Di-đà, Quán Âm, Kim Cương v.v..., niệm Phật cầu độ. Bà mẹ chết đã liệm mà máu chảy ra dầm dề, cô con gái phát thệ rằng: Nếu con có tâm hiếu xin không có mùi hôi. Nói xong thì máu chảy liền dừng lại. Cha cưới vợ kế và cùng tu Tịnh nghiệp. Sau cô bị bệnh, thỉnh Tăng đến nói Tịnh độ và Quán Kinh. Bỗng đòi áo cát tường mà nằm, nắm tay Bồ-tát Quán Âm cầm lấy phướn rồi an nhiên bất động. Mẹ rả tro dưới đất để biết chỗ sinh thì từ tro mọc lên mấy cành hoa sen.

***11- Bà họ Chu:*** bà họ Chu đời Tống, là con gái của Diệu Thông Chu Nguyên Khanh. Nhân cảm được bà mẹ có đài hoa vãng sinh mà dốc chí niệm Phật hẹn sinh An Dưỡng. Bệnh nặng thỉnh Tăng hành Sám, tự thấy thân mình mặc áo sạch mới, ở trong lầu các đảnh lễ niệm Phật, rồi bảo người nhà rằng: Siêng tu Tịnh nghiệp tướng Tây Phương đợi. Rồi nằm nghiêng bên hông hữu quay mặt về Tây mà hóa.

***12- Bà Chu Hạnh:*** Chu Hạnh đời Tống, người ở Châu Thái Bình. Lúc còn nhỏ đã niệm Phật siêng năng không bỏ. Một hôm quỳ niệm Phật an nhiên mà hóa. Người hàng xóm thấy có mấy vị Tăng dẫn Bà bay lên hư không đi về phía Tây.

***13- Nghi Nhân họ Lục:*** Nghi Nhân họ Lục đời Tống, người ở Tiền Đường, là vợ của Triệu Thỉnh Vương Dủ. Từng tụng Kinh Pháp Hoa dốc chí Tịnh độ. Một lần lễ Sám niệm Phật vạn câu suốt ba mươi năm. Nhân

bị bệnh nhẹ, bỗng nghe có tiếng trống trời tự kêu, mọi người đều kinh ngạc, liền xoay mặt về phía Tây hai tay bắt ấn mà hóa.

***Khen rằng:*** Kết ấn mà mất không chỉ riêng Tăng mới có, ở người nữ cũng thấy có nhiều, đều là điềm lành do Tâm không tán loạn, Thân không buông lung mà có. Than ôi, người nữ nào nếu bắt chước theo đây, mỗi ngày chí thành lễ sám, một hội niệm Phật vạn câu, ba mươi năm chẳng thay đổi. Ta bảo đảm chắc rằng người ấy sinh về Tịnh độ.

***14- Bà họ Cung:*** bà họ Cung đời Tống, người ở Tiền Đường. Ngày đêm niệm Phật tụng kinh Di-đà. Sau bị bệnh, thỉnh Luật sư Hạnh chỉ bày giảng nói chưa xong thì ngồi thẳng mà hóa. Người Thiếp già là bà họ Vu cũng niệm Phật không ngớt. Một hôm mộng thấy Cung Thị bảo rằng: Ta đã sinh về Tịnh độ, bảy ngày nữa ngươi sẽ sinh. Đúng hẹn thì mất.

***15- Bà họ Chu:*** bà họ Chu đời Tống, ở Tráp Xuyên, suốt ba mươi năm niệm Phật. Bỗng tuyệt thực bốn mươi ngày chỉ uống nước mà niệm Phật, thì mộng thấy có ba vị Tăng đều cầm hoa sen đến bảo: Trước ta đã vì ngươi mà trồng hoa này, nay sẽ vãng sinh, khi thức dậy thì thỉnh Tăng trợ niệm, rồi ngồi thẳng mà hóa.

***16- Bà họ Hạng:*** đời Tống, bà họ Hạng tên là Diệu Trí, người ở huyện Ngân. Goá chồng ở với hai người con gái, đều cho làm Ni, siêng năng niệm Phật. Một hôm chợt nói: Ta muốn ngồi mà hóa, đã lỡ làm quan tài rồi. Người con nói Phật dùng Kim Quan còn chẳng hiềm làm gì, bà mẹ rất mừng. Bỗng có mùi thơm lạ đầy nhà, xoay mặt về phía Tây kiết ấn mĩm cười mà hóa.

***17- Cô gái họ Bùi:*** Cô gái họ Bùi đời Tống, ở Phần Dương, chuyên chí niệm Phật. Ngày qua đời đòi lửa đốt hương, nói Phật đem Đài sen đến đón rước ta, ta sẽ vãng sinh. Rồi trời rãi hoa như mưa ngồi yên mà hóa.

***18- Bà họ Thẩm:*** bà họ Thẩm đời Tống, người ở Từ Khê, từ nhỏ ăn rau dưa niệm Phật. Về nhà chồng họ Chương vẫn nhất tâm không thay đổi, bố thí của cải cơm áo cho kẻ đói lạnh. Sau bị bệnh nhẹ, niệm Phật rất cố gắng. Bỗng thấy Phật và Bồ-tát chư thiên Thánh chúng hiện khắp trước mắt. Đèn sáng cả mấy ngàn ngọn nến nối nhau như cầu

vồng. Ngày ấy nằm thế cát tường mà mất.

***19- Bà họ Tôn:*** bà họ Tôn đời Tống, người ở Tứ Minh, ở goá niệm Phật suốt ba mươi năm không lười mõi. Một hôm bị bệnh nhẹ mộng thấy có tám vị Tăng đi quanh, cùng thực hành sám xong, thân mình mặc áo lụa trơn đi theo Tăng. Thức dậy bèn tắm gội thay áo sạch, thỉnh Tăng thực hành Sám. Rồi ở trước đại chúng ngồi thẳng tụng Kinh đến chỗ Nhất Tâm bất loạn thì tay trái kiết ấn mà hóa. Xa gần đều nghe trên hư không có tiếng nhạc.

***20 - Bà họ Lâu:*** bà họ Lâu đời Tống, pháp danh Tuệ Tịnh đền chùa xem sổ sách của Chu Nguyên Khánh có mở xem truyện Truyền Đăng mà phát sáng chỗ thấy, bèn lấy Tịnh nghuyệp làm Chân Tu niệm Phật không ngừng. Tuổi già bị bệnh, bỗng thấy đài sen sắc tía, Hoá Phật vô số, mùi thơm lạ đầy nhà. Bảo người nhà niệm Phật càng quyết liệt hơn, khoảnh khắc mà hóa.

***21- Bà họ Tần:*** bà họ Tần đời Tống, pháp danh Tịnh Kiên, nhà ở Tòng Giang chán thân nữ xấu xa, cùng chồng đều tinh trì trai giới. Xem kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Quang Minh, Bát-nhã không để ngày luống qua. Sớm tối Tu-di-đà Sám, lễ Phật ngàn lạy. Lâu sau có ánh sáng chiếu vào nhà, quay mặt về phía tây ngồi yên mà hóa.

***22- Bà họ Chung:*** Ở Gia Hoà đời Tống, bà Chung tụng Kinh Di-đà niệm Phật, hai mươi năm làm khoá hằng ngày. một hôm bảo con rằng thấy có hoa sen trắnglớn và vô số Thánh Chúng đã đến. Rồi ngồi thẳng mà hóa.

***23- Bà họ Tôn:*** bà họ Tôn đời Tống, ở Tiền Đường thường niệm Phật trì chú. Nhân bị bệnh mà thỉnh nên Luật Sư Thanh Chiếu đến, thưa rằng: Bệnh lâu chán đời cầu nguyện vãng sinh. Sư vì nói nhân duyên Tịnh độ, rất vui mừng. Đến đêm thì mộng thấy có vị Sư đem đến một chén thuốc, uống xong thì đổ mồ hôi, thân tâm nhẹ nhàng. Ba ngày sau bèn bảo người hầu rằng Tôn giả Ca-diếp đã đến, có tòa hoa sen vàng đẹp, rồi nhắm mắt bắt ấn mà hóa.

***24- Bà họ Lương:*** bà họ Lương đời Tống, ở Phần Dương, hai mắt đều mù, gặp một Sa-môn khuyên khiến niệm Phật, hơn ba năm thì mắt

sáng lại. Bỗng thấy Phật và Bồ-tát đem cờ phướn lọng báu đến đón rước. Ngày đó bà qua đời.

***25- Bà họ Huỳnh:*** bà họ Huỳnh đời Tống, ở Triều Sơn, trì Kinh Kim Cương, Pháp Hoa, chuyên tâm niệm Phật. Bỗng bị bệnh kiết ly, chỉ uống không ăn. Có vị Tăng ở Am gần bên khéo tu, mộng thấy Bà đến nói rằng: Sắp vãng sinh Tây Phương. hai ngày sau Bà xoay mặt về phía Tây niệm Phật ngồi thẳng mà hóa. Xa gần đều thấy ráng đỏ che trên thất của Bà.

***26- Bà họ Trần:*** bà họ Trần đời Tống, ở Quảng Bình. Cạo tóc xuất gia, sớm tối niệm Phật. bốn chúng gọi là Đạo Giả. Sau bị bệnh nhóm họp Đạo Tục niệm Phật. Hai ngày sau bỗng chắp tay an nhiên mà hóa.

***27- Bà họ Thôi:*** bà họ Thôi đời Tống, là mẹ nuôi của bà họ Lương ở Đông Bình, người Tri Châu. Bình thường ăn rau dưa (chay), ngu độn, không thể tranh phải trái với ai. Chủ Mẫu là Triều Phu Nhân để ý nhiều về Thiền học, bà họ Thôi sớm chiều ở kề bên chỉ tụng niệm Phật A-di-đà rất chí thành không thôi, cũng chẳng lần chuỗi, chẳng biết là niệm được mấy ngàn vạn biến. Năm bảy mươi hai tuổi bị bệnh rỗng, chảy nhưng chẳng nằm, mà trì niệm lại càng dốc chí. Bỗng nhiên như lúc không có bệnh gì đọc kệ rằng: Tây Phương một nẽo khéo tu hành – Trên không non núi dưới không hầm, khi đi chẳng cần mang giày vớ – Chân đạp hoa sen bước bước sinh. Ngâm vịnh không ngớt. Có người hỏi là của ai, thì đáp là chính ta làm. Hỏi Bà chừng nào đi, thì bảo giờ Thân. quả nhiên đến giờ thì mất. Bèn đem trà tỳ theo pháp của chư Tăng thì cái lưỡi chẳng tiêu, giống như hoa sen.

***28- Cô gái họ Ngô:*** Cô gái họ Ngô đời Tống, ở Huyện Quân, trai giới thanh tu, có người thị nữ cũng tinh tấn niệm Phật. Bỗng thấy có ba đài vàng nâng chân, mấy ngày sau thì thấy có đầu gối, mấy ngày sau nữa thấy thân, rồi thấy mặt mày. Đó chính là Phật A-di-đà và Quán Âm Thế Chí hầu hai bên. Lại thấy đến đài và cõi nước như chỉ trong lòng bàn tay. Như thế suốt ba năm rõ ràng ở trước mắt. Bỗng bị bệnh tự nói vãng sinh, rồi mất.

***Khen rằng:*** Cô gái họ Ngô thường thấy Phật chăng? Do năng lực quán tinh tấn theo lý thì chắc chắn là có. Nhưng Ma Phật cần phân biệt rõ Tà Chánh. Người nữ gặp việc này phải mau hỏi các bậc cao minh.

***29- Bà họ Trịnh:*** bà họ Trịnh đời Nguyên, pháp danh Tịnh An người Tiền Đường. Hằng ngày niệm Phật không để luống qua. Khi bị bệnh nghe trên hư không có tiếng nói: Việc người làm phải có hẹn, không nên tự biếng lười. Lại thấy thân Phật màu vàng nên rất phấn khởi, liền ngồi xoay mặt về phía Tây, mời các người con nuôi đã xuất gia đến tụng Kinh Di-đà, rồi an nhiên mà hóa. Cô gái mộng thấy mẹ về bảo rằng: Ta đã được sinh Tịnh độ, hãy nên nghe lời các vị tu hành.

***30- Bà họ Châu:*** Ở Huyện Ngân đời Nguyên, tại chợ Bảo Tràng có bà họ Châu chuyên tu Tịnh nghiệp. Gặp ngày đầu năm thì cấm khẩu trì tụng không nói. Ngày đêm thường ngồi hết tháng mới thôi. Gặp tháng nóng nực thì thí trà nước trong thời gian dài không bỏ. Một hôm mộng thấy có lá sen to che cả một chợ. Tự biết thân mình lần chuỗi hành Đạo trên lá. Rồi bị bệnh. Người hàng xóm về đêm thấy có cờ phướn lọng báu đến nhà bà. Sáng hôm sau bà chắp tay niệm Phật mà hóa.

***31- Bà họ Tiết:*** bà họ Tiết đời Đại Minh, là con gái họ Võ Đường nổi tiếng. Lúc sinh bà, người mẹ thấy có sao Trường Canh chui vào bụng. Sau về nhà họ Châu sinh 5 người con. Rồi thủ tiết ở goá, thề thờ Đại Sĩ Quán Âm, thì khói hương kết thành hình hoa sen. Người rất kinh lạ. Cô càng chuyên tâm tu Tịnh nghiệp mãi không mõi mệt. Niệm Phật suốt mười lăm năm cũng như một ngày. Năm Đinh Hợi Niên hiệu Vạn Lịch vào tháng năm bị bệnh, thuốc men sữa cháo đưa đến đều từ chối. Sau thì dứt cả thuốc men cơm cháo. Ngày 6 tháng 9 mời Tăng đến lễ Sám thưa rằng bốn ngày thì đủ, việc tôi sẽ xong. Bèn dặn dò các con và người giúp việc cấm các phụ nữ vào. Lúc đó nhằm ngày Trùng Cửu, bèn mặc áo sạch, đốt hương và nước rải trên ghế ngồi Thiền. Sáng hôm sau đòi nước rửa tay tụng Chân Ngôn Cam Lộ, mặc áo sạch, đội mũ Chí Công nhắm mắt quỳ mọp trước Phật mà niệm, đốt hương đọc kệ khen Phật, ba Quy Y, lễ ba lạy lần chuổi niệm Phật một trăm lẻ tám hạt, đợi giờ Ngọ ngồi kiết già bắt ấn, mà hoá. Thần khí tươi tỉnh như lúc còn sống, bội phần sáng suốt hơn. Cùng lúc người cạnh bên đều ngửi thấy hương thơm hoa sen đầy nhà. Các con vâng lời liệm vào khám người xem đông cả mấy ngàn mừng rỡ đảnh lễ. Việc này có ghi chép đầy đủ trong các truyện.

***Khen rằng:*** Mẹ khiến làm khám không có quan quách, không đón rước sát thần, không đốt giấy tiền vàng bạc, không giết hại sinh mạng để cúng tế. Các con đều thuận theo không khác. ta nghe xưa có người

ngồi mà hoá, con sợ trái với danh giáo bèn kéo chân cha duỗi ra. Bỗng giơ tay tát con, con sợ mà nói chỉ giúp cha ngồi mà thôi. Nay nói các con của bà họ Chu vì sao làm như trước là vì mẹ lấy hơi tàn đợi con đến trao lời khuyên. Ta vừa ngăn sự chậm trể của bà mẹ ấy rằng: Thời đến không thể đợi, liền hoá. Người vì thế hận ta, đâu biết chưa xuống thuyền thì mạn thuyền đã bể nát rồi. Than ôi các bậc Thượng Thiện đồng hội một nơi, mẹ con bà họ Chu chẳng thế ư?

***32- Bà họ Hứa:*** bà họ Hứa đời Đại Minh, người ở quận Hàng Bình sinh cung kính thuận thảo thật thà, chỉ lo việc niệm Phật. Khi sắp mất thì từ biệt người nhà, mặc áo sạch ngồi thẳng tay cầm hoa trắng Thiên Mục đem cắm nhanh rồi an nhiên mà hoá.

*** Luận chung:*** Cõi nước Cực Lạc thật ra không có người nữ. Ai đã được sinh đều có đủ tướng người nam, nay người vẽ bức hình chín Phẩm mà vẽ hình người nữ là sai. Y cứ vào bổn nhân để bày rõ các loại cùng sinh. Trong cõi thanh tịnh tìm tướng nam còn chẳng được huống là tướng nữ. Tuy nhiên nữ lại có ba căn bệnh. Hiếu với cha mẹ chồng không bằng cha mẹ là một; đối với tỳ nữ phục vụ không bằng con cháu, biết bố thí mà không biết dứt tâm tham, biết mến thân nam mà không biết đổi thói quen của nữ, biết đến đền chùa thờ kính sa môn mà không biết phải cầu các việc cho mình là ba. Biết rõ ba thứ này tuy chưa ra khỏi Ta-bà mà ở vị Tỳ-kheo, như thế còn lo gì chẳng vãng sinh Tịnh độ.

## VI - NGƯỜI ÁC VÃNG SINH:

***1- Trương Thiện Hoà:*** Trương Thiện Hòa đời Đường, làm nghề giết mổ trâu bò. Khi qua đời thấy bầy trâu nói tiếng người đòi mạng, do đó rất sợ hãi, gọi vợ bảo thỉnh chư Tăng sám hối cho ta. Tăng đến dạy rằng Quán kinh nói khi qua đời tướng ác hiện ra nếu dốc lòng niệm Phật liền được vãng sinh. Hoà nói địa ngục đến gấp chẳng kịp cầm lò hương. Rồi tay phải quẹt lửa, tay trái cầm lò hương thành kính niệm Phật, chưa đầy mười câu tự nói: Phật đến đón rước ta rồi hóa.

***Khen rằng:*** Thấy địa ngục đến gấp tay cầm lò hương trong thế bức bách khẩn khổ mà tinh thành không có hai niệm. Tuy nói mười niệm mà đâu thể vượt hơn người chăm chăm trăm ngàn muôn ức niệm cho nên chắc chắn vãng sinh, lý thật như thế. Có người nghi là Bồ-tát thị hiện ra, nếu như thế thì bất tận.

***2- Trương Chung Húc:*** Trương Chung Húc đời Đường, làm nghề giết gà. Khi bệnh thấy có người mặc áo lụa đen đuổi bầy gà đến mổ vào mặt máu chảy dầm dề đau đớn khó chịu nổi. Có vị Tăng lập tượng Phật bảo niệm, chỉ khoảng khắc thì thơm lạ đầy nhà an nhiên mà mất.

***3- Hùng Tuấn:*** Hùng Tuấn đời Đường, ngụ ở Thành Đô, ngang bướng mạnh mẽ hơn người, không chịu giữ giới luật, bỏ đạo làm lính rồi lại vào làm Tăng. Nhân nghe kinh nói một câu niệm Phật thì diệt được trọng tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp. Bèn mừng rỡ bảo rằng ta có chỗ nhờ cậy. Từ đó tuy làm ác nhưng vẫn niệm Phật không ngớt. Tháng hai năm Đinh Mùi chết vì bạo bệnh, qua một đêm sống lại bảo rằng: Đến gặp vua Diêm La bảo là bắt lầm, nhưng ngươi niệm Phật không tin đâu. nay trở về nhân thế phải rất tinh tấn. Chúng gọi là Người lọt sổ địa ngục . Rồi Tuấn vào núi trai giới niệm Phật. Hơn bốn năm, tháng ba năm tân Hợi nhóm họp các Tăng Ni bảo rằng: Đã đến giờ tôi ra đi. Các vị trở về thành thấy ai quen thân với tôi thì nói giúp tôi rằng: Tuấn vì được niệm Phật mà được vãng sinh Tịnh độ, đừng coi tôi là Người lọt sổ địa ngục nữa. Trong lúc nói cười ngồi thẳng mà hóa.

***Khen rằng:*** Quân tử và Tiểu nhân không đồng chỗ, làm sao vừa tạo ác vừa niệm Phật mà được vãng sinh. Ôi, chỉ dựa vào một lời nói Niệm Phật được diệt tội mà tin vào xương tủy, tức một niệm này nặng cả muôn cân, nên khi qua đời chuyển nghiệp được vãng sinh, nào có nghi gì?

***4- Duy Cung:*** Duy Cung đời Đường, trú tại chùa Pháp Tánh, khinh trên hiếp dưới, làm bạn với đám côn đồ rượu chè bài bạc giao tiếp đầy cửa. Rảnh rang thì niệm Phật. Tăng trong chùa là Linh Khuy cũng đồng bọn ác giúp nhau. Người trong làng nói Linh Khuy làm ác, Duy Cung noi dấu, Địa ngục ngàn lớp, chẳng chán cùng vào. Cung nghe được, bảo rằng: Ta tuy làm nghiệp ác không thể trốn tránh, nhưng nhờ có Giáo Chủ Tịnh độ thương ta tội nặng mà cứu ta khỏi hầm lửa há lại đọa đường ác ư? Niên hiệu Càn Ninh năm thứ hai, Cung bị chết. Linh Khuy từ ngoài trở về thấy có mấy người thiếu niên ăn mặc đẹp đẽ, hỏi từ đâu đến, đáp từ phía Tây đến đón rước Cung Thượng Nhân. Một người lấy từ bụng ra một bình vàng có cắm hoa sen búp bằng nắm tay bỗng nhiên nở to bằng cái mâm sáng rực rỡ, hướng về chùa mà đi, bỗng biến mất. Khi Linh Khuy về đến chùa thì nghe tiếng chuông, Duy Cung đã mất rồi.

***5- Oánh Kha:*** Oánh Kha đời Tống, theo học với Thường Xuyên Diệu Sơn, rượu thịt không chừa. Bỗng tự nghĩ phạm hạnh thiếu sót, sợ phải bị trôi giạt, bèn khiến người ở chung lấy quyển chép về Vãng sinh của Thiền sư Giới Châu mà đọc. Hễ đọc một truyện là một bài. Rồi ở trong thất lập ghế ngồi Thiền xoay mặt về phía Tây, tuyệt thực mà niệm Phật. Hơn ba ngày thì mộng thấy Phật bảo Rằng: Ngươi còn sống mười năm nữa, phải nên cố gắng. Kha bạch Phật rằng: Dẫu con sống cả trăm năm nữa nhưng ở Diêm-Phù đầy trược ác dễ mất Chánh niệm, con chỉ muốn sớm sinh An Dưỡng thờ phụng các Thánh chúng. Phật bảo: Chí ngươi như thế thì ba ngày nữa ta sẽ đón ngươi, đến hẹn Kha sai chúng tụng Kinh A-di-đà, bèn nói: Phật và đại chúng đều đã đến. Rồi yên lặng mà hóa.

***6- Trọng Minh:*** Trọng Minh đời Tống, trú tại chùa Báo Ân ở Sơn Âm không có giới hạnh. Vì bị bệnh bảo bạn đồng học là Đạo Ninh rằng: Nay tôi tâm thức tán loạn, thuốc nào trị được? Ninh dạy cho cách Tùy Tức Niệm Phật. Minh làm đúng theo lời dạy. Đến ngày thứ bảy thì sức đã nguy khốn. Ninh lại khiến tưởng tượng Phật ở trước mắt. Lâu sau bỗng thấy hai vị Bồ-tát kế thấy Phật, rồi nhắm mắt mà hóa.

***7- Ngô Quỳnh:*** Ngô Quỳnh đời Tống, người ở Lâm An, trước làm Tăng sau bỏ Đạo về tục. Trước sau sinh hai con, giết mổ bán rượu đều làm, khi làm bếp nấu ăn giết hại gà vịt thì trì niệm A-di-đà Phật, ta giúp cho thoát thân này liền niệm danh hiệu Phật rồi mới ra dao. Mỗi khi cắt thịt thì niệm Phật không ngớt. Sau trên mắt có bứu bằng cái trứng gà, rất lo sợ. Lập am tranh phân tán vợ con, niệm Phật lễ Sám ngày đêm như không kịp. Niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ hai mươi ba, ông bảo mọi người rằng: Đến giờ Tuất thì tôi đi, mọi người đều cười. Đến chiều lấy vải màu đổi rượu uống xong viết bài tụng rằng: Giống rượu đều không, Hỏi gì Thiền tông, Ngày nay trân trọng, Gió mát trăng trong. Rồi ngồi thẳng chấp tay niệm Phật, nói rằng Phật đến, bèn hóa.

***8- Kim Thích:*** Kim Thích đời Tống, người ở Cối Kê, làm nghề đánh cá, bỗng tỉnh ngộ bèn trì giới tinh tấn, hằng ngày niệm Phật vạn câu, rất lâu mà không thay đổi. Sau không bệnh mà bảo người nhà rằng: Phật A-di-đà cùng hai vị Bồ-tát đều đến đón rước ta. ta về Tịnh độ đây. Rồi đốt hương ngồi thẳng mà hóa. Người trong ấp nghe có mùi thơm lạ và nhạc trời cả ngày không tan.

***Khen rằng:*** Việc của Thích và Thiện Hoà-Chung Húc khác nhau. hai người trước thì tạo nghiệp đến khi chết mới thành kính, còn Thích thì thay đổi lỗi trước chẳng lâu, mà tu nghiệp Thiện vãng sinh ắt phẩm vị phải hơn hai người kia.

*** *Luận chung:*** Biển khổ vô biên, bến bờ là ở chỗ quay đầu, nhiều kiếp tối tăm sáng chỉ cần có một ngọn đuốc. Tịnh độ không trái với kẻ ác thì chẳng lầm lẫn. Tuy nhiên Ngộ thì có cách dời thiện, mà đau là do oán hết. Ỷ vào mang nghiệp vãng sinh mà an tâm làm ác đây là may mắn muôn vàn chẳng có một. Xưa người ác lấy đây làm thuốc, nay người ác chấp đây thành bệnh. Cho nên xưa người ác sẽ trở thành người thiện, nay người ác vẫn là người ác, buồn thay!

## VII - SÚC SINH VÃNG SINH:

***1- Trong Kinh Bồ-tát Xử Thai nói:*** Có một con rồng bảo chim cánh vàng rằng: Ta từ khi làm thân rồng thì không hề sát sinh, khuấy động loài ở dưới nước, sau khi chết rồi sẽ sinh về cõi nước Phật A-di-đà.

***Khen rằng:*** Từ tâm không giết hại là Chánh nhân Tịnh nghiệp. Rồng được Phật nói vãng sinh, chắc chắn là đúng.

***2- Anh Võ*** (con Két): Niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, họ Bùi ở Hà Đông có nuôi một con Két thường niệm Phật, quá ngọ không ăn. Khi chết mười niệm, dứt hơi liền đem thiêu, được hơn mười hạt xá-lợi sáng chói mắt. Vị Tăng tên Tuệ Quán dùng quách Sành đựng và xây Tháp để cúng thờ nêu việc lạ. Ở Thành Đô có Doãn Vi Cao viết thành ký, có câu rằng: hiểu rõ không tướng ở vô niệm, để lại chân cốt (xá-lợi) khi chết.

***3- Cù Dục*** (con Sáo) - chùa Chánh Đẳng ở Hoàng Nham đời Tống, có Quan Công nuôi một con Sáo biết nói, luôn niệm Phật chẳng thôi. Một hôm đứng chết, đào lỗ chôn. Bỗng từ lưỡi mọc ra một hoa sen màu tím. Luật sư Linh Chi làm lồi tán có câu rằng: Trong lồng đứng mất dẹp việc hỗn nhàn, hoá sen tím thật kỳ lạ thay!

***4- Lại chuyện Cù Dục:*** người ở Đàm Châu có nuôi một con Cù Dục thường niệm Phật, khi chết dùng quan tài để chôn, bỗng mọc ra một hoa sen từ miệng Sáo. Có bài tụng rằng: Có một con chim thiêng

gọi tên anh Bát ca, bắt chước theo Tăng miệng niệm Di-đà - Chết chôn đất bằng mọc một đóa sen, người chẳng hồi tâm biết làm sao?

Khen rằng: Két và Sáo người dạy cho niệm Phật là việc bình thường, nay sao chẳng thấy vãng sinh. Ôi nếu tất cả người đời nghe dạy niệm Phật có người Tín tâm niệm theo, có người Khinh tâm mà niệm, do đó người niệm Phật thì nhiều mà người vãng sinh thì ít Két Sáo đâu chẳng như thế?

*** Luận chung:** Có người nói người khôn mà vật ngu, sao chim nuôi mà được vãng sinh? Ấy là không biết hữu tình đều có Linh giác, do mê có dày mỏng mà chia ra người hay thú vật chớ không phải khôn ngu chẳng ngang hàng. Chim trĩ nghe Kinh Pháp Hoa mà tái thế làm Tăng, trâu thấy Kim Dung mà chết sinh lên trời, đã ghi rành trong các truyện. Huống chi là Địa-ngục, Quỷ, Súc đều sinh ở cõi ta, vốn là Bổn Nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng. Hận người thấy cầm thú vãng sinh mà vẫn điềm nhiên không cảnh tỉnh, cam tâm năm trược, bó tay luân hồi. Một hơi chẳng trở lại đổi hình ở sừng cánh mà chẳng tự biết. Riêng biết làm gì ư?

*** PHẦN CHÉP THÊM:**

Từ nay việc vãng sinh hễ nghe thấy thì cứ chép tiếp vào phụ ở cuối quyển 2- không phân biệt môn loại trước sau.

***1- Tăng Minh Bổn:*** Minh Bổn đời Đại Minh, là Tăng trú tại chùa Tĩnh Gia ở Thông Châu, ông vốn có chí cao, Phạm hạnh thanh bạch, siêng năng diễn giảng. Sau bỏ giảng chuyên tâm Tịnh độ, sáu thời Lễ niệm, thời gian lâu không bỏ. Bỗng bị bệnh nhẹ, tự biết thời đến, cáo biệt chúng rồi an nhiên mà hoá, có mùi thơm lạ suốt bảy ngày.

***2- Chu Cương Thiếu Phủ:*** Chu Cương đời Dại Minh, người ở Kinh Đô theo nghiệp Nho thi Hương ba lần lên quan Thượng Xuân không đậu. Làm đến chức quan hai Phủ thì ở ẩn, chuyên tu Tịnh độ, hằng ngày niệm Phật ba vạn câu suốt mười lăm năm không chút mỏi mệt. Khi qua đời ngồi trên giường, tay lần chuỗi niệm Phật không ngớt, mùi thơm lạ đầy nhà, bèn nói Phật đến, rồi niệm Phật liên tục mà hoá.

***2- Bà Vu:*** Bà Vu đời Đại Minh, mẹ của Vu Quý là dân ở thôn Thiệu châu xương Bình-bắc kinh. Bà niệm Phật đã lâu, một hôm giặt áo thật sạch bảo con rằng: Ta sắp sinh Tịnh độ. Con vẫn chưa tin. Đến hẹn

bà lấy ghế đặt ở giữa sân rồi ngồi trên ghế mà hóa. Người trong làng đều nghe mùi thơm lạ và nhạc trời.

***4- Cư sĩ họ Cố:*** Cố Nguyên, đời Đại Minh, người ở Kim Lăng, tự hiệu là Cư sĩ Bảo Tràng. Thuở nhỏ hay làm thơ, giỏi chữ Thảo. Lúc trung niên nhất chí chuyên tu Tịnh nghiệp. Sau bị bệnh nhẹ nhóm họp Tăng Tục Đạo Hữu mười niệm A-di-đà Phật, xướng họa nối nhau, lại bảo người rằng: Tôi chắc chắn vãng sinh. Người hỏi làm sao biết? Đáp: Tôi thấy Phật A-di-đà thân màu vàng đầy khắp hư không, phật lấy áo cà-sa phủ thân tôi, tôi đã ngồi trong hoa sen. Lúc đó chúng nghe có mùi hương hoa sen, các con bịn rịn không thôi. Cư sĩ bảo: Các con nói ta đến nơi nào tức là nơi này, nơi này nếu rõ ràng thì nơi nào không rõ ràng. Rồi ngăn người rằng: Chớ nói nhiều làm loạn tâm ta, ở trong hư không chư Phật đã đến đón rước ta, canh ba ta đi. Đến hẹn thì vui vẻ mĩm cười mà hóa. Các ông Thiếu Tông Bá Ân, Thu Minh viết truyện về Cư sĩ.

***Khen rằng:*** Thân đã ngồi trong hoa sen, sinh thì quyết định sinh nơi nào tức nơi này, đi thì thất chẳng đi. Cư sĩ ắt không sinh ở Trung và Hạ Phẩm đâu.

***5- Họ Phương:*** bà họ Phương đời Đại Minh, là vợ của Chư Sinh Ngô Ưng Đạo, ba mươi tuổi đã góa chồng, bèn thủ tiết quy y Phật chuyên tu Tịnh độ. Có một bà vú già cũng trai giới theo nhau suốt hai mươi năm. Niên hiệu Vạn Lịch năm Ất Dậu tuổi đã năm mươi, bị bệnh nhẹ gọi Lão Bà cùng nhau niệm Phật không thôi, không nói một lời về các việc khác. Một ngày trước khi chết tắm gội thay áo mới. Buổi sáng dãng hương lễ Phật rồi trở về ngồi trên giừơng mà mất. Có Tử Dụng Tiên đậu Tiến sĩ là người không hề dối gạt, kể tôi nghe đầu đuôi như thế.

***6- Bà mẹ Trương :*** Bà Trương đời Đại Minh, họ Đào là vợ kế của Cư sĩ Trưởng Thủy Thủ Ước. Cư sĩ thờ Phật, ngày mẹ mất, ông tụng niệm không xen hở. Cư sĩ ra lạy Phổ Đà Mẹ gọi hai con bảo rằng: Ta hằng ngày tham hai câu “Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật”, nay mới ngộ. Ngày mồng bốn ta sẽ đi. Đến hẹn thì ngồi thẳng mà hóa. Ngày hôm sau liệm xong, bỗng trên quan tài của bà mọc ra năm đóa hoa sen xanh. Cư sĩ rất kinh dị tự hổ thẹn vô cùng, vì ở chung nhau mà không biết được đạo hạnh như vậy. Xa gần thấy nghe đều khen ngợi kính mến.

***7- Tổ Hương:*** Tổ Hương đời Đại Minh, người ở Tân Dụ thuộc, Giang Tây, trú tại chùa Long Đàm ở Sơn Đông, tinh tu Tịnh nghiệp có Cư sĩ Vương Kiệt cất am mời đến ở. Không bao lâu bảo Kiệt rằng: Ngày đó tôi sẽ về nhà, mọi người cố gắng giữ lại Hương nói: Về nhà An Dưỡng mà thôi. Đến hẹn thì ngồi xếp bằng ngó về phía Tây mà hóa. Đưa khám vào núi lửa nổi lửa lên tự đốt.

***8- Quách Đại Lâm:*** Quách Đại Lâm đời Đại Minh, người ở Thang Âm. Bình thường rất đoạn khiết nho nhã trong sạch có mộng xuất thế (thoát tục), gặp Tăng dạy cho niệm Phật, bèn nhất tâm Tịnh độ. Năm bảy mươi sáu tuổi, một hôm không bệnh mà giã biệt con rằng: Ngày mai giờ Ngọ cha sẽ đi. Đến hẹn ngồi mà hóa.

***9- Lưu Thông Chí:*** Lưu Thông Chí đời Đại Minh, người ở Kinh Đô tinh khẩn niệm Phật. Năm năm mươi hai tuổi bị bệnh niệm càng thiết. Người hàng xóm là Lý Bạch Trai chết trước đó, Thông dứt hơi từ sáng sớm, đến Ngọ thì sống lại gọi người nhà bảo rằng: Ta thấy một chiếc thuyền trên đó có ba mươi sáu người bảo là về Tịnh độ, ta cùng Bạch Trai cũng ở trong số đó, ngặt vì ta áo chưa sạch, lại quên mang chuỗi, khiến ta thay áo lấy chuối thuyền hãy còn đợi. Người nhà lật đật thay áo đeo chuỗi vào cổ, khoảnh khắc thì qua đời.

***10- Mẹ của họ Tôn:*** Mẹ của Trung Quan Tôn Danh đời Đại Minh, một đời trai giới niệm Phật. Về già bị bệnh nhẹ tử biết thời đến bảo con là muốn ngồi mà hóa. Con thương cảm khóc lóc ngăn không được. Bèn tự làm khám, đến hẹn thì vào khám ngồi yên mà hóa.

***11- Đường Thể Như Văn Học*** - đời Đại Minh, Đường Diên Nhậm là người vùng Lan khê thuộc Triết Giang, hiệu là Cư sĩ Thể Như, hiếu hữu thuần ân vốn ở Thiên tánh. Thuở nhỏ đi học nổi tiếng sau đó biết đời là vô thường dốc lòng đến với Đạo, tham vấn ngài Vân Thê học Tam-muội niệm Phật, bèn ra sức thực hành, suốt mười ba năm như một ngày, chỉ dốc chí về Tây Phương. Niên hiệu Vạn Lịch năm Quý Mẹo gặp ngày Nhĩ Thuận giữa Đông. Bỗng bảo các con rằng: Ngày 11 năm mới ta sẽ đi. Mấy ngày trước đó lễ tụng như thường. Đến hẹn thì súc miệng sửa áo, ngồi thẳng, tay bắt ấn, miệng niệm Phật mỉm cười mà hóa như nhập vào Thiền định.

***Khen rằng:*** Cư sĩ sắp nhập diệt các con thưa rằng: Khi cha qua đời

có kể việc này cho ngài Vân Thê chép vào truyện Vãng sinh chăng? Cư sĩ bảo: Phải báo với thầy ta. Nhưng chớ có trau chuốt, cứ theo việc mà trình bày thẳng. Còn việc chép vào truyện hay không thì Thầy tự biết, chớ vì không chép vào Truyện mà có sắc buồn ý buồn. Than ôi, đây có thể thấy rõ chỗ an dưỡng, bình thường đối với Tịnh độ tin chắc không đổi, thì mỉm cười mà hóa, vãng sinh nào có nghi gì?

***12- Văn Học Dương Gia Y:*** Dương Gia Y, đời Đại Minh, tự là Bang Hoa, người ở Thái Hoà, con nhà Thế gia. Năm mười ba tuổi giữ giới không sát sinh ruồi muỗi không giết. Năm hai mươi ba tuổi học ở Nam Ung. Bỗng bị bệnh, niên hiệu Vạn Lịch năm Ất Tỵ ngày 19 tháng giữa Đông thì mất. Trước khi mất mộng thấy xuống Địa ngục thấy Đại Sĩ Địa Tạng ở Điện Minh Dương. Khi thức dậy thì phóng sinh và mời Tăng tụng kinh niệm Phật, bảo người nhà rằng: Ta sắp đi, có hoa sen xanh hiện ra trước ta không phải là cảnh Tịnh độ ư? Bèn ngày đêm niệm Phật không thôi. Sai tắt đuốc, bảo rằng: các người nhờ đuốc để sáng, tu không cần, vì thường ở trong ánh sáng. Hỏi thấy gì, thì đáp sen nở bốn màu. Hỏi có thấy Phật Di-đà chăng? Thì đáp thấy Phật Di-đà thân ngàn trượng. Hỏi còn Quán Âm thì đáp thân bằng với Phật Di-đà. Hỏi thấy Thế Chí thế nào, đáp: Không thấy. Nói xong bỗng nhiên đứng dậy dâng hương, liền đó bảo rằng: Công đức của Kinh Di-đà không thể nói không thể nói ta đã được sinh Thượng phẩm, rồi im lặng mà hoá.

Khen rằng: Bang Hoa hiếu học, sách Thiên Trị đều đọc, riêng ngầm tâm ở nội điển, lại để ý riêng về pháp môn Tịnh độ. khi sắp mất thì bảo công đức của kinh Di-đà không thể nói đến ba lần là ý rất thiết. Trọng Huynh là Gia Tộ viết truyện mà thề rằng: Nếu ta nói dối sẽ đọa vào địa ngục cắt lưỡi, vì cũng thật thấy mà nói thiết người chẳng tin Tịnh độ nên suy nghĩ.

***13- Văn Học Hác Hy Tải:*** Hách Hy Tải, đời Đại Minh, người ở Tiền Đường, pháp danh Quảng Định, Bình thường trung tín không lừa dối có Đức Hạnh nổi tiếng ở trường học. Về già theo Phật Thiền tụng ngày đêm không lười mỏi. Mùa Xuân tháng 2 niên hiệu Vạn Lịch năm Tân Hợi bị bệnh. Mỗi khi ngủ thức dậy bảo rằng mọng thấy ở trong núi cầu thấy Phật. Phật chưa thấy mà chỉ thấy trăm con chim tụ tập. Như thế mấy ngày. Đến ngày hai mươi bảy, giờ ăn, bỗng ngước đầu nhìn qua cửa sổ, bảo con là Thế Hàn rằng: ngày nay riêng ta một trời đất rồi nhìn người nhà đưa tiền bạc. Bỗng bảo ta vừa sợ thấy quan dùng nay lại

không dùng. Đến canh ba thì bảo: Có hai Đồng tử đến đón rước, Phật ngồi đài hoa sen đã hiện trước ta. Ta đi đây. Rồi nằm thế cát tường mà hoá.

***14- Bà họ Chu:*** Mẹ của họ Trần đời Đại Minh, là người họ Chu, người ở Gia Định thuộc Quận Ngô , là vợ của Cư sĩ Duệ Xuyên. Hiếu Từ tính trời luôn hướng về Tam Bảo. Năm tám mươi mốt tuổi người con tham học với ngài Vân Thê niệm Phật vãng sinh, bèn dốc chí Tịnh nghiệp. Hơn hai năm thì bị bệnh, ba ngày trước khi mất trở về chỉ cho pháp ở trước Phật Đường gọi to tên mẹ ba tiếng. Mẹ nói có hai thanh y ở đây. Lúc đó bệnh lâu rất nguy kịch. Bỗng đứng lên rồi ngồi thẳng. Các con khuyên nằm nghỉ, bèn nằm thế cát tường mà hoá. Đón thi thể lên nhà giữa thì thấy thi thể nằm mặt ngó về hướng Tây. Lúc đó rất kinh dị cho rằng vì tinh thành mà cảm được như thế.

***Khen rằng:*** Cha Hách mẹ Trần đều có điềm thanh y đồng tử thì sẽ sinh làm trời người. thế mà một người thì Phật hiện đài sen, một người thì không quên ngó về Tây. Lại sẽ sinh Tịnh độ, hai tướng đều có, lúc đó nơi sinh chưa nhất định, tức chẳng sinh mà sinh lại không xa.

***15- Bà họ Từ:*** Mẹ của họ Lục đời Đại Minh, là họ Từ, người Gia Định, ở goá quyết chí Tịnh nghiệp. Chồng xưa có cho vay nợ ngàn vàng, bà đốt bỏ giấy nợ không lấy. Đem hết của ra thí cho người, thường ở trước Phật lễ tụng không ngừng, như thế suốt mười năm. Một đêm bỗng gọi người hầu bảo: Xem Phương Đông có ánh sáng phát ra chăng, ta vãng sinh đây, đã đến lúc rồi. Các con nên giúp ta. rồi lớn tiếng niệm Phật chấp tay mà hóa.

***16- Qua Quảng Thái Cư sĩ:*** Qua Dĩ An, đời Đại Minh, pháp danh là Quảng Thái, người Tiền Đường. Tánh rất chí hiếu, ưa làm các việc lành mà tự giấu kín không cho ai biết. Về già, tinh thành thờ Phật, cùng Linh Chi Tăng Huyền Tố kết hai Xã Xuân Thu niệm Phật tụng năm Kinh như Hoa Nghiêm, v.v.... Bỗng gọi người bảo rằng: Ta đại hạn sắp đến, phải lo phương tiện để về Tây Phương, rồi ở trong thất tụng Kinh sớm chiều không thôi, dự biết trước ngày đi. Đến ngày 21 tháng chạp, trước đó hai đêm, mẹ con còn bịn rịn buồn thương. Cư sĩ cười nói rằng: Hễ có sinh thì có diệt, sao lại buồn thương, nên giúp con ngưng Thần Tịnh độ tận mặt thấy Phật Di-đà, cẩn thận chớ dùng tình thương làm loạn Chánh niệm của con. Rồi chỉ chăm chăm căn dặn Huyền Tố nên

trợ niệm không nói gì khác. Đến hẹn thì im lặng mà hóa.

***Khen rằng:*** Tăng xuống âm phủ thấy Cư sĩ ngồi yên ở tịnh thất, sách vở đầy bàn, sân có nhiều trúc tím, gộp đá xanh mịt như động trời. Cư sĩ phải sinh Cực Lạc sao còn ở Âm Cảnh, là ý nói rằng hằng ngày chí thiết tụng kinh, kinh nguyện chưa xong mãn nguyện rồi sau đó liền vãng sinh.

***17- Đỗ Cư sĩ:*** Cư sĩ họ Đỗ đời Đại Minh, người ở huyện Uyển, Bình thuộc phủ Thuận Thiên, ẩn cư bên cạnh chùa Thụy Quang ở Tây Sơn, trong Cổ Trai Đường, bỏ hết chuyện nhà. Ba mươi năm chuyên chí niệm Phật. Tôi và người làng là Đồng Quảng Sách đến hỏi Cư sĩ từ đâu đến, thì đáp ở Hàng Châu. Rồi hỏi các anh là người Hàng Châu, có biết Vân Thê Hoằng Công không? Sách đáp: Là Thầy tôi đó. Cư sĩ bèn chấp tay niệm Phật không nói gì khác nữa. Khi sắp mất thì lễ Sám chín ngày, Sám văn đến chỗ rất khẩn thiết, liền rơi lệ nghẹn ngào, rồi tuyệt thực chỉ uống nước, Sám Hối xong ngồi mà hóa. Suốt một tuần mà dung mạo vẫn như còn sống. Mọi người nhìn thấy mây năm màu vẫn vũ trên nóc nhà.

***18- Cư sĩ Tôn Đại Vu:*** Tôn Thúc Tử, đời Đại Minh, pháp danh Đại Vu. Từ nhỏ tánh thông minh đoan xác. Năm mười hai tuổi theo cha là Cư sĩ Cảnh Ngô, thờ tượng Di-đà bốn mươi tám nguyện, đến Vân Thê nhân đó thọ năm giới, bỏ ăn thịt cá, dứt giao du, dẹp bỏ đồ mặc bằng lông da thú, chuyên chí niệm Phật thề lấy đài vàng mà siêng năng khổ nhọc không tiếc mạng sống. Bỗng nhiên thấy hai vị Tỳ-kheo cầm hoa sen lấy Nhất Tâm Tịnh độ mà ấn khả. Lại thấy hóa nhân, bèn tụng Kinh Kim Cương một ngày đêm, thấy mà sợ hãi bèn ngồi dậy nói: Phật Di-đà và Quán Âm đều đến đón rước ta. Bèn kết ấn Kim Cương, hô lớn A-di-đà Phật mấy câu rồi an nhiên mà hóa, lúc đó là niên hiệu Vạn Lịch năm Tân Hợi ngày 11 tháng 11- Ông có soạn Tịnh độ Thập Nhị Thời Ca, lưu truyền ở đời. Nói rất rõ trong Ngô Thái Sử Tây Sinh truyện.

***Khen rằng:*** Ngô Thái Sử nhìn mình là Cư sĩ, xưng là Vu, năm sinh ra thì trong nhà có cỏ chi báo hiệu điềm lành, năm mất đi thì cỏ ấy có thứ to bằng cái đấu, như vàng như ngọc, như vòng tròn trăng đỏ là điềm lành vãng sinh, có thể làm chứng cớ. Bèn viết thành Tôn Thúc Tử Tây Sinh truyện, Thái Sử Trưởng là người không nói dối nên chép vào.

***19- Ngô Cư sĩ:*** Ngô Cư sĩ đời Đại Minh, người ở Nhân Hòa, húy là

Đại Ẩn, biệt hiệu là Ngưỡng Trúc. Bình thường rất hiếu hữu thành đốc, thích làm việc âm đức, phóng sinh cứu khổ giúp đỡ chòm xóm. Liền cảm được các loại thiện báo như âm u gặp ánh sáng, thuyền gặp nguy ách thì gió đổi chiều mà dốc lòng về Nội Giáo. Sớm tối tụng kinh niệm Phật A-di-đà, tinh tấn không mệt mỏi. Niên hiệu Vạn Lịch năm thứ bốn mươi, ngày ba tháng 9- cáo biệt chúng ngồi kiết già mà hóa. Trong Thất có mùi thơm lạ, thần sắc sáng rỡ. Có nói đủ do Ấn Trì Nghiêm Quân viết thành truyện.

***20- Ngô Cư sĩ:*** Ngô Cư sĩ đời Đại Minh, thuộc thế gia, ở Tân An húy là Kế Úc, tự là Dụng Khanh, biệt hiệu là Cư sĩ Thập Như. Tánh khí trầm lặng, chất như cây thẳng. Thích làm các việc lành không hề chán xem như Cam lộ. Về già để tâm vào Nội điển, trì chú Vãng sinh, niệm hồng danh Phật A-di-đà., có thời khóa nhất định, lạnh nóng gió mưa không đổi. Có lần té xuống sông như có vật nâng chân nổi lên trôi xa mười dặm mà trèo lên thuyền. Mọi người cho là nhờ năng lực Phật mà cảm được. Bỗng bị nhọt ở lưng rất nguy hiểm, nhiều người không chịu nổi lo lắng, riêng Cư sĩ cười nói tự nhiên như không có gì. Bỗng nhiên chánh niệm thị tịch. Con ông và Chương Tử, Dư Thị là người thiện tín không hề nói dối đã thuật lại hành trạng của ông như thế.

■

# VÃNG SANH TẬP

## QUYỂN 3

### I - CÁC THÁNH ĐỒNG QUY:

***1- Chọn Sinh Cực Lạc:*** Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: Lúc đó Vy-đề-hy than khóc bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn, hãy vì con mà nói chỗ không có sầu khổ con sẽ cầu sinh về, con không còn ưa thích cõi Diêm-phù-đề trược ác này nữa”. Do đó Đức Thế tôn phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày chiếu khắp các thế giới mười phương, các cõi nước Phật đều hiện trong đó. Khi ấy Vi-đề-hy thấy rồi liền hướng về Phật bạch rằng: Các cõi nước Phật tuy đều thanh tịnh và sáng rỡ, nhưng con chỉ nguyện sinh về thế giới Cực Lạc của Phật A-di-đà.

***2- Vãng sinh vô số:*** Kinh Đại Vô Lượng Thọ nói: Đức Di-lặc bạch Phật rằng: Ở thế giới này có bao nhiêu vị Bồ-tát vãng sinh về Cực Lạc. Đức Phật bảo: Này Di-lặc, ở thế giới này có sáu mươi hai Bồ-tát ức Bất Thối vãng sinh về cõi nước ấy, còn các Bồ-tát Tiểu hạnh thì không thể tính đếm được. Không chỉ riêng ở cõi nước này mà các cõi Phật ở Phương khác như cõi Phật Liên Chiếu có một trăm tám mươi ức Bồ-tát cũng sẽ vãng sinh cho đến cõi Phật ở mười phương, người vãng sinh nhiều vô số. Nếu ta nói đủ thì dù một kiếp cũng không hết được.

***Khen rằng:*** Thế giới này và các cõi ở phương khác số người vãng sinh nhiều vô lương thì Tịnh độ làm sao chứa hết. Ôi, biển xanh còn chứa trăm sông, hư không còn bao trùm cả vạn tượng. Mà vô biên sát hải không ở ngoài một lỗ chân lông của Phổ Hiền, nêu Tịnh độ như đất trên đầu mũi kim mà chứa vô tận người vãng sinh nhưng cũng chẳng to lớn rộng rãi thừa chỗ.

***3- Thấy Phật Di-đà*** - Kinh Quán Phật Tam-muội nói: “Phật thọ ký cho Văn-thù sẽ sinh về Cực Lạc. Ngài Văn-thù phát nguyện kệ rằng: Nguyện khi tôi qua đời, dứt trừ các chướng ngại, tận mặt thấy Phật Di-đà, vãng sinh cõi An Lạc, sinh cõi Phật ấy rồi, đầy đủ đại nguyện con, Phật Di-đà Như lai, hiện tiền thọ ký con”.

***4- Mười Nguyện cầu Sinh*** - Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền nêu mười Nguyện lớn vì khắp chúng sinh cầu sinh Tịnh độ, kệ rằng:

*"Nguyện khi đến lúc con qua đời, dứt trừ tất cả các chướng ngại*

*Tận mắt thấy được Phật Di-đà, liền được vãng sinh nước An Lạc".*

Lại nói: Phật ấy chúng hội đều thanh tịnh - Lúc ấy tôi sinh trong hoa sen quý

Được thấy Như lai Vô Lượng Quang, Hiện ra thọ ký con quả Bồ-đề

***Khen rằng:*** Văn-thù là Tổ của bảy Đức Phật, Phổ Hiền là gốc của vạn Hạnh, mà vãng sinh Tịnh độ thì căn dặn mãi nơi miệng. Ở cõi Ta-bà là phụ tá, ở cõi An Dưỡng là cận thần rất rõ. Nếu xem thường Tịnh độ mà không nguyện vãng sinh là lầm.

***5- Kệ Luận Tịnh độ:*** Bồ-tát Thiên Thân, người Thiên-trúc soạn ra các luận, lên Nội Viện Đâu-suất lễ ngài Di-lặc. Lại soạn Luận về Kinh Vô Lượng Thọ và kệ Tịnh độ năm môn Tu Pháp, khuyên khắp mọi người cầu vãng sinh.

***6- Hình Nghi Thỉnh Phật*** - Chùa Kê-đầu-ma ở Thiên-trúc, Bồ-tát Ngũ Thông dùng thần lực đi đến nước An Lạc gặp Phật A-di-đà thưa rằng: Chúng sinh cõi Ta-bà nguyện sinh Tịnh độ nhưng không có hình ảnh Phật, xin Phật thùy hiện ra cho. Phật bảo ông hãy về trước ta sẽ hiện ra. Bồ-tát Ngũ Thông vừa về thì Thánh Nghi (Hình Phật) đã đến gồm một Phật và năm mươi vị Bồ-tát đều ngồi tòa sen trên lá cây. Bèn vẽ hình lưu hành, thấy trong Cảm Thông truyện.

***Khen rằng:*** Người nghi An Dưỡng không phải Thần lực đến được. Ôi, một niệm vãng sinh chẳng nhọc phút chốc đâu có lo gì?

***7- Soạn Luận Khởi Tín:*** Bồ-tát Mã Minh, là tổ thứ hai mươi ở Tây Thiên, có soạn Luận Khởi Tín ở phần sau có nói cầu sinh Tịnh độ rất thiết yếu.

***8- Long Thọ được thọ ký sinh Cực Lạc*** - Kinh Lăng-già nói: Này Đại Tuệ! ông nên biết: Sau khi Phật nhập Niết-bàn, ở đời vị lai sẽ có người giữ Pháp ta là Tỳ-kheo Đại Danh Đức, hiệu là Long Thọ có khả năng phá các Tông Hữu Vô, ở thế gian hiển bày Pháp Đại Thừa Vô Thượng của ta, chứng sơ Hoan Hỷ Địa vãng sinh nước An Lạc.

***9- Làm các điều lành vãng sinh:*** Kinh Đại Bi nói: "Phật nói khi ta diệt độ rồi ở các nước Bắc Thiện Trúc có Tỳ-kheo tên là Kỳ-bà-già tu tập vô lượng các loại căn thiện Bồ-đề tối thắng, chết rồi sinh về Tây

Phương cách đây trăm nghìn ức thế giới là nước của Phật Vô Lượng Thọ, ở đầy sẽ gieo trồng các căn thiện, sau sẽ thành Phật hiệu là Vô Cấu Quang".

***10- Được Nhẫn vãng sinh*** - Kinh Bồ-tát Sinh Địa chép: "Phật nói: Lúc đó Ma-sai-kiệt được Bất Khởi Pháp Nhẫn, có năm trăm vị Thanh Tín Sĩ, hai mươi lăm Thanh Tín Nữ đều được Địa Bất Thối Chuyễn, sau cùng Tất cả đều sinh về nước thanh tịnh của Phật Vô Lượng Thọ".

***Khen rằng:*** Cầu sinh Tây Phương là muốn ngộ Vô sinh Nhẫn lên địa Bất Thối, đã được Nhẫn rồi lại được Bất thối mà còn cầu sinh chỗ vui Bồ-tát gần gũi Như lai. Như thế mà nay phàm phu có đủ triền phược, Nhẫn lực chưa có, duyên lui sụt nhiều vô số, nhưng không khắc tâm Tịnh Độ thì gọi là gì? Đó gọi là hạng thật đáng thương xót.

***11- Đại Nguyện thứ hai*** - Kinh Bồ-tát Nội Giới chép: "Bồ-tát có ba nguyện, nguyện thứ hai là nguyện cho tôi khi chết được sinh về nước Phật A-di-đà.

***12- Niệm Phật diệt tội:*** Luận Đại Trí Độ nói: Có các Bồ-tát tự nghĩ rằng chê bai Đại Bát-nhã thì phải đọa vào đường ác trải qua vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh khác nhưng không thể diệt trừ các tội. Sau gặp tri thức dạy cho niệm Phật A-di-đà bèn diệt hết các chướng mà siêu sinh Tịnh độ".

***Khen rằng:*** Dốc lòng niệm Phật một, diệt cấu được tội năng sinh tử trong tám mươi ức kiếp. Đây là bằng chứng rõ ràng. Vì sao, là vì dốc lòng. Nếu không dốc lòng thì tội không diệt hết, đừng nói là lời Thánh dạy không thật.

***13- Thắng Hội nêu Tên:*** Thiền sư Trường Lô Trách, theo phép tắc để lại của Viễn Tổ (Tuệ Viễn) mà lập Liên Hoa Thắng Hội khuyên khắp niệm Phật. Tối đến mộng thấy một người đội khăn mặc áo trắng, phong mạo đẹp đẽ thanh tú đến và bảo rằng: Muốn vào Thắng Hội Liên Hoa của ông, xin viết một tên. Trách hỏi tên gì, đáp là Phổ Tuệ. Viết xong, người ấy lại hỏi: Anh tôi là Phổ Hiền cũng muốn ghi tên. Trách thức dậy tìm xem trong Kinh Hoa Nghiêm phẩm Ly Thế Gian có tên hai vị Bồ-tát ấy bèn để tên đứng đầu Hội.

***Khen rằng:*** Phàm Tăng kết Xã mà Thánh xưa ghi tên thì thật Tịnh độ không phải là tiểu duyên. Bởi vì việc làm có chân thành thì ngầm thông đều linh ứng, một khi có dối trá, để người đời ham thích thì chính là kẻ chẳng ra gì, huống là Cổ Thánh ư? Nay gọi là Phật hội mà Trách đã thấy được thì thật là tin tức lớn.

***14- Lược nêu các bậc tôn túc:***

- Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải, là đích tử truyền đạo của Mã Tổ, là tòng lâm muôn đời. Ngài có lập Pháp cầu an cho Tăng bệnh và cầu siêu đưa các vị Tăng qua đời về Tịnh độ.

- Thiền sư Hoàng Long Tân, tham học với Giác Lão được ý chỉ bèn nối ghế giảng kinh. Tông Phong của ngài Hoàng Long rất hưng thạnh mà thiết ý Tịnh độ. Ngài có Văn Khuyên Niệm Phật lưu hành ở đời, khiến người phát tín tâm mạnh

- Thiền sư Chân thành yết, nối pháp ngài Đơn Hà Đôn Công xuyên suốt một tông, đến đời Sư thì rất hiển hách. Sau dựng am ở Bổ Đà am tên là Cô Tuyệt, chuyên ý Tây Phương. Sư có soạn Tịnh độ Thuyết, khuyên khắp bốn chúng.

- Thiền sư Từ Thọ Thâm, đắc pháp với ngài Trường Lô Tín, chuyên tâm niệm Phật, bảo là tu hành đường tắt không gì hơn Tịnh độ. Ngài lập Đạo tràng Tây Phương hết lời khuyên chúng, sau ngài đứng mà hoá.

- Pháp sư Thạch Chi Hiểu, nối pháp ngài Nguyệt Đường Tuân Công, thông suốt giáo bộ, lấy Tịnh nghiệp dạy người, có nhóm họp các sách Đại Tạng. Ngài có Lạc Bang Văn loại lưu hành ở đời.

- Thiền sư Tịch Đường Nguyên, học Thiền với ngài Mật Am Kiệt, dốc chí Tam-muội niệm Phật, cảm được Thần Kim Giác từ trời xuống. Mộng thấy hoa sen đỏ từ đất mọc lên, do đó Liên tông rất thịnh hành ở mười châu.

- Thiền sư Trung Phong Bổn, được Pháp với ngài Cao Phong Diệu. Người kính mến như núi cao, như sao Bắc đẩu. Sư có soạn Hoài Tịnh độ Thi một trăm bài, truyền rộng ở đời.

- Ông Vương Dĩ Ninh Đãi Chế, tự xưng là đệ tử Di-đà.

- Ông Triều Duyệt Chi Hàn Lâm trả lời thư của Triệu Tử Ngang khen là Lời chân thật về Tây Phương Tịnh độ.

- Ông Trần Quán Đãi Chế làm Bài Ký về viện Tịnh độ ở chùa Diên Khánh rất khen về niệm Phật.

- Ưu Đàm Tông Chủ ở Thiện Pháp đường chùa Đông Lâm ở Lô Sơn có soạn Liên Tông Bảo Giám, vâng chỉ vua khắc bản lưu hành vì muốn trung hưng Tịnh độ.

**** Luận chung:***

Thiền sư Thiên Như bảo: Người nay chê bai Tịnh độ không phải là khinh thường những người tầm thường mà là khinh thường các ngài Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, ... . Cho nên tôi nhóm họp các kinh để làm thật thuyết ấy. Có người còn nghi Đạo Bồ-tát lớn tựa như đã, không cần phải cầu sinh. Than ôi, nếu không phải ở vị Diệu Giác,

dầu vị cao ngang hàng Đại Thánh cũng không thể một ngày lìa Phật, huống chi là kẻ thấp kém ư? Bởi ví như tước càng cao thì càng sâu kín. Nếu anh ta gánh vác cày bừa thì đám ngư tiều sẽ tuyệt vọng. Đối với đấng Cửu Trùng đang hiu hiu tự đắc mà bảo rằng Minh Chủ không đáng gần giữ gìn, thật nực cười thay!

## II - CÁC VIỆC CẢM ỨNG LÚC CÒN SỐNG:

***1- Quỉ không dám ăn thịt:***

Khi Phật còn tại thế, có một nước ở gần nước La-sát, quỉ La-sát ăn thịt người rất nhiều. Vua ra quy định rằng từ nay trở đi người trong nước ấn định một ngày nhất định theo thứ lớp nộp thịt, không được giết oan uổng. Có một nhà thờ Phật chỉ sinh một con trai đến phiên nạp thịt. Cha mẹ buồn khóc dặn con dốc lòng niệm Phật, nhờ oai thần Phật mà quỉ không dám gần. Sáng hôm sau đến thấy con vẫn còn sống, bèn mừng rỡ dắt con trở về. Từ đó nạn La-sát mới dứt, người trong nước rất vui mừng.

***2- Mộng được thông minh luận giỏi:***

Nam Nhạc Tuệ Tư Thiền sư, Đời Tùy: tinh tâm thờ Phật, do đó mộng thấy Phật A-di-đà nói Pháp cho nghe. Từ đó bèn thông minh hơn người, biện tài vô ngại.

***3- Oán thù xa lánh:***

Thiều Bưu đời Đường, người ở Trấn Giang lúc còn là học trò, mộng thấy đến một Công Phủ, mọi người gọi là An Phủ Sứ Ty. Bỗng có vị quan hỏi: Ngươi biết vì sao thi chẳng đậu chăng? Bưu đáp không biết. Do đó dẫn Bưu đi về phía trước thấy có một cái chão lớn đang nấu nghêu sò, chúng nói tiếng người kêu tên Bưu. Bưu sợ quá niệm Phật A-di-đà. Mới mở miệng thì con hàu hóa thành chim sẻ vàng bay mất. Sau đó Bưu thi đậu làm quan đến chức An Phủ.

***Khen rằng:*** Vì sát sinh mà chậm được lộc (làm quan), niệm Phật giải bỏ nghiệp oan. Nay học trò cúng tế vật sống để cầu phù hộ ở quỉ thần mà không biết trì niệm hồng danh vạn đức làm cách ấy cũng được giúp đỡ. Nguyện kẻ ba lần hiến Liên thành biết đây là ở bên chảo sắt.

***4- Vợ chồng cùng thấy Phật:***

Cát Tế Chi đời Tống, người ở Câu Dung là con cháu của Trĩ Xuyên. Bỏ việc đời đi học Tiên. Vợ là bà Kỷ một mình tinh thành niệm Phật. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 10 ba, đang còn dệt vải bỗng thấy trên hư không trong sáng, bèn ném con thoi ngước nhìn bốn phía thì thấy ở phương Tây có Phật hiện thân, có cờ phướn lọng báu chiếu sáng

che kín như mây, vui mừng bảo rằng kinh nói Phật Vô Lượng Thọ tức là đây chăng? Bèn nhìn Phật đảnh lễ. Tế Chi rất kinh lạ liền đến nơi, họ Kỷ chỉ chỗ Phật, Tế cũng thấy nửa thân Phật, bỗng Phật biến mất. Mây lành năm màu, người trong làng đều thấy. Từ đó nhiều người quy y Phật Pháp.

***5- Đuổi quỉ chẳng hiện:***

Trần Xí, đời Tống, người ở Long Thư, từng giết người. Sau thấy quỉ hiện, Xí sợ quá vội niệm A-di-đà Phật, quỉ không dám đến gần, bèn niệm Phật không ngừng, quỉ bèn không hiện nữa.

***Khen rằng:*** Quỉ đòi mạng, vì sao niệm Phật mà quỉ biến mất? vì công đức oai thần của Phật A-di-đà không thể nghĩ bàn. một khi xưng niệm thì quỉ được cứu thoát, nên không hiện nữa lẽ nào chú thuật tầm thường mà đuổi được ư?

***6- Tiến bạt cầu siêu vong linh:***

Trương Kế Tổ, đời Tống, người ở Trấn Giang, rất tin Tây Phương Tịnh độ. Bà mẹ nuôi chết, ông niệm Phật thật nhiều để dâng tặng. Một tối mộng thấy mẹ về tạ rằng: Nhờ anh niệm Phật mà tôi đã được sinh về cõi lành.

***7- Thức ngủ được yên:***

Lưu Trọng Tuệ đời Tống, người ở Trường Hưng thuộc Hồ Châu bị bệnh, đêm nằm mộng sợ hãi. Có người dạy cho niệm Phật, bèn chí thành lớn tiếng niệm một trăm lẻ tám biến. Sau đó đêm ngủ thì thần phách đều yên, từ đó niệm Phật không ngớt.

***Khen rằng:*** Người xưa dụ giấc ngủ là chết ngắn, lời này thật khéo, bởi mộng mị điên đảo giống như sinh tử hôn mê. Khi nào hết ngủ thì thần yên, khi mạng hết thì từ từ sẽ có phần tự do. Đại Sư Thiện Đạo dạy người khi ngủ nên vào quán thật là có lý.

***8- Bệnh mắt lại sáng:***

Nguyễn Niệm Tam Tẩu đời Tống, là nông dân ở Hoài Ninh, hai mắt sắp mù, thường niệm Phật không ngớt, mắt bèn sáng lại.

***9- Lại mắt sáng:***

Cô gái họ Sài, hai mắt mù, niệm Phật ba năm siêng năng không bỏ, thì hai mắt sáng lại như xưa.

***Khen rằng:*** Ánh sáng của Phật Di-đà vô lượng chiếu sáng khắp các cõi nước mười phương, nếu dốc lòng nhớ nghĩ tưởng niệm, nếu con ngươi không sáng thì mắt tâm sẽ rỗng sáng. Mà thời nay người mù thường thường cầu thầy lên đồng, tạo nghiệp sát. Đó gọi là từ mù đi vào mù, không bao giờ có lúc thấy được mặt trời. Than ôi, làm sao tôi có thể

lấy việc này để bảo khắp với tất cả người mù được!

***10- Không bị bệnh sốt rét:***

Lý Tử Thanh đời Tống, bị bệnh sốt rét đã lâu. Cư sĩ Long Thư dạy cách khi sắp phát cơn thì chuyên chí niệm Phật, sau mới uống thuốc. Tử Thanh tin lời làm theo, thì ngày giảm phân nửa. Ngày sau lại niệm thì bệnh lành, từ đó dốc chí tin tưởng niệm Phật.

***11- Xá-lợi cùng hiện:***

Liêm trung Đại Phu ở Cán Châu-đời Tống, cung kính nhờ người thêu hình Phật A-di-đà trượng sáu, mới thêu được nửa thì bỗng có Xá-lợi hiện trong sợi tơ. Cả nhà đều ngạc nhiên khen ngợi.

***12- Xá-lợi hiện:***

Ở Chân Châu, chung Ly Thiếu Sư Phu Nhân là người họ Nhậm, khắc tượng Phật A-di-đà cao bốn tấc tám phân, thờ trong khám thất rất nghiêm ông thường đảnh lễ hành đạo. Bỗng ở giữa hai đầu chân mày của tượng hiện ra Xá-lợi to như hạt gạo, lấp lánh chiếu sáng người.

***13- Trị bệnh đều lành:***

Ở Tú Châu, đời Tống, có một vị Tăng thường niệm Phật A-di-đà trị bệnh cho người. người bệnh xin trị thì bệnh lành rất nhanh. Người trong Châu kính tin như Phật.

***14- Bị giam cầm được thoát nạn:***

Niên hiệu Chí Chánh năm thứ 10 lăm đời Nguyên, vào mùa đông Trương Sĩ Thành tiến đánh Hồ Châu Thừa Tướng Giang Triết ứng chiến, bắt được bốn mươi người giam lại đưa lên quan, đêm ngủ tại chùa Điểu Khoa ở Tây Hồ. Vừa lúc đó, có Thiền sư Đại Du Mưu đi dạo thong thả dưới hành lang. Có người tù nhìn thấy Sư thần quang nhàn nhã trì tụng không ngớt. Do đó thưa rằng: Trưởng Lão cứu con. Sư nói: Ta không thể cứu, chỉ nên chí thành niệm Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn A-di-đà Phật thì sẽ cứu được các ông. Trong đó có ba người tin lời bèn niệm không dứt. Trời sáng phát tù đổi gông cùm thì đến ba người các gông cùm không đủ, chỉ cột bằng dây. Khi xem xét thì biết là lương dân bị giặc bắt theo, bèn thả.

***Khen rằng:*** Trong phẩm Phổ Môn có nói: “Người bị giam cầm gông cùm tay chân bị trói buộc, niệm danh hiệu Quán Âm tự nhiên được giải thoát”. Xưa nay người tin tưởng niệm Phật thì được giải thoát người chưa tin việc này thì gông cùm thường thấy. Oai thần của Phật vượt hơn Bồ-tát không biết bao nhiêu lần. Có khi thấy chặt lìa tay chân mà niệm Thích-ca Như lai thì tứ chi mọc lại, cắt chi còn sinh lại huống chi là gông cùm mà không tin ư? Cho nên cố ý nêu ra.

**** Luận chung:*** Pháp môn niệm Phật người ta biết là sau khi chết thì sinh về mà không biết lợi ích lúc đang sống. Cho nên nghe trì chú được linh nghiệm thì liền đổi mà trì chú. Nghe giảng nói được thông minh thì liền đổi sang giảng. Nghe xây cất được Phước báo, nghe lập trai hội thì được duyên người. Cho đến nghe nuôi người thì được sống lâu, các thứ biến đổi thường không dẹp bỏ thì sao được nhất tâm bất loạn mà mong Tịnh nghiệp được thành. Cho nên tôi nhóm họp nêu ra đây để cắt đứt việc kính mến bên ngoài của người đới mà nói rằng việc cầu sinh Tịnh độ vốn vì thành Phật độ sinh, chứ không phải là mưu đồ sự vui sướng cho thân sau, sao lại còn kể lợi và không lợi cho thân hiện đời ư?

**** Khuyên khắp làm người ắt tu Tịnh độ:***

Trong Tịnh độ Hoặc Vấn của ngài Thiên Như chép: "Người tu Thiền thấy người tu Tịnh độ thì chê là những người tầm thường. Đây không phải là chê những người tầm thường mà là chê Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ". Lời ấy thật thống thiết. Như thế nếu có người chưa tin thì do đây khảo cứ để làm chứng là không luống dối. Kinh Quán Phật Tam-muội, Bồ-tát Văn-thù nói kệ rằng:

*Nguyện khi tôi qua đời,*
*Dứt trừ các chướng ngại,*
*Thấy mặt Phật Di-đà,*
*Vãng sinh nước An Lạc.*

Trong Phẩm Hạnh Nguyện Kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền có nói kệ rằng:

*Nguyện đến tôi lúc sắp qua đời*
*Dứt trừ tất cả các chướng ngại*
*Tạn mặt thấy Phật A-di-đà*
*Liền được vãng sinh nước An Lạc.*

Trong luận Khởi Tín, Bồ-tát Mã Minh chỉ rõ có Phương Tiện Tối Thắng là Chuyên ý niệm Phật, liền được vãng sinh, không bao giờ lui sụt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

SỐ 2073
(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2073

# HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

*Sa-môn Pháp Tạng chùa Sùng Phước- Kinh Triệu biên tập.*

## QUYỂN 1

Gồm các phần sau đây:

Bộ loại, Ẩn hiển, Truyền dịch, Chi Lưu, Luận thích, Giảng giải, Phúng tụng, Chuyển độc, Thư tả - Tạp thuật.

**1. BỘ LOẠI:**

Xét kinh này là mây thân pháp giới của Phật Tỳ-lô-giá-na, ở giữa biển Thế Giới Trang Nghiêm Liên Hoa Tạng, ở trong Hải Ấn Tam-muội và Hải Hội Thánh Chúng Phổ Hiền, v.v..., vì Đại Bồ-tát mà nói ra. Phàm một lời, một nghĩa, một phẩm, một hội đều khắp mười phương hư không pháp giới và mỗi hạt bụi, cõi nước trên đầu sợi lông, hết cả Nhân-đà-la võng vi tế thế giới nhỏ nhiệm cùng tột bờ cõi trước sau tất cả kiếp hải và mỗi niệm đều đủ vô biên kiếp thường nói, nói khắp không hề nghỉ ngơi, chỉ là vô tận năng lực Đà-la-ni giữ gìn bút mực chẳng thể ghi được. Đây chính là viên mãn pháp luân xứng với pháp giới mà nói. Chỉ vì Bổn chẳng lìa Tích, là vì chỗ gởi của trời người, thời đến 27. Vì Tích chẳng lìa Bổn chín hội tức khắp mười phương. Mười bốn gồm cả mười đời. Vì Bổn Tích không hai, khiến vô hạn tức là hạn, hạn tức là vô hạn. Như trong kinh này Hải Vân Tỳ-kheo đã trì Phổ Nhãn Tu-đa-la, dùng bút nhiều như núi Tu-di, mực như nước biển lớn mà viết mỗi phẩm chẳng thể cùng tận. Lại như Tam tạng Chân Đế nói, Tây Vực Truyện Ký chép: Bồ-tát Long Thọ đến cung rồng thấy bộ kinh Hoa Nghiêm Đại Bất Tư Nghị Giải Thoát này có ba bản: Bản Thượng có số

kệ nhiều bằng cát bụi của mười Tam thiên đại thiên thế giới , số phẩm nhiều bằng cát bụi của bốn thiên hạ. Bản Trung có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm. Bản Hạ có mười vạn bài kệ, bốn mươi tám phẩm. Hai Bản Thượng Trung và Phổ Nhãn v.v... đều chẳng phải sức người phàm làm được, nên giấu đi mà chẳng truyền bản Hạ thì thấy có lưu thông ở Thiên-trúc, bởi cơ ngộ khác nhau, nên chỗ nghe có khác. Văn-thù, Phổ Hiền đích thân được giáo, Thiên Thân, Long Thọ chỉ thấy Di Thuyên. Tiểu Thánh đồng ngồi mà chẳng nghe, Đại sĩ khác đường mà giác trước. Hành tàng của Thánh giáo, khí cục hơn kém đoán có thể biết. Lại vì Phật diệt độ đã lâu, chúng sinh báo kém sắc lực niệm tuệ đều giảm tổn. Ở bản Hạ này ai không có năng lực nhận đủ, bèn tùy sức tùy vui, chia nhau chép mà thọ trì hoặc đủ mười vạn bài kệ. Đại Bản cũng còn, hoặc ba vạn sáu ngàn bài kệ như đời Tấn đã dịch, hoặc còn bốn vạn bài kệ như đời Chu đã dịch; hoặc chia Phẩm-Hội thành bộ pho riêng, như Chi-lưu đã nói hoặc từ từ tạm thời ẩn mất chẳng nghe tên đều do khí (người tài) cho nên như thế. Cũng như mặt trời sáng rực giữa trời không có hơn kém, nhưng mắt sáng thì thấy rõ, mắt mù thì chẳng thấy gì, há mặt trời chẳng sáng ư? Nay ở đây cũng thế, rộng lược ở người (khí) vốn pháp không thiếu.

**2. ẨN HIỂN:**

Y kinh Văn-thù Bát Niết-bàn, sau khi Phật diệt độ khoảng bốn trăm năm mươi năm, Văn-thù-sư-lợi còn ở thế gian, y theo Luận Trí Độ và các kinh Đại Thừa phần nhiều là do Văn-thù-sư-lợi kiết tập. Kinh này là do Văn-thù kiết tập. Khi Phật mới diệt độ thì Hiền thánh tạm ẩn, còn đạo lạ thạnh hành, thiếu người Đại thừa thâu nhiếp kinh này nên kinh này ở tại cung rồng giữa biển suốt hơn sáu trăm năm chưa truyền ở đời. Bồ-tát Long Thọ xuống cung rồng, thấy kinh này sâu kín bèn học thuộc lòng rồi đem truyền lại do đó mà truyền bá rộng rãi. Khai Hoàng Tam Bảo Lục có ghi: Xưa, cách nước Vu-điền về phía Đông Nam hơn hai ngàn dặm, có nước Giá-câu-bàn, vua nước ấy nhiều đời kính trọng Đại thừa. Danh tăng các nước vào cảnh vực ấy đều phải thi khảo, nếu người học Tiểu thừa thì không chứa người Đại thừa thì mời ở lại cúng dường. Trong cung vua có các kinh như Hoa nghiêm Ma-ha Bát-nhã Đại Tập đều có mười vạn bài kệ. Vua đích thân thọ trì cầm giữ khóa cửa. Khi đọc tụng thì mở ra hương hoa cúng dường. Lại ở trong đạo tràng các thứ trang nghiêm đầy đủ các báu treo các cờ phướn trái cây các mùa. Vua dạy các Tiểu vương khiến vào lễ bái. Lại ở phía Đông Nam

cách nước này hơn hai mươi dặm có ngọn núi rất hiểm trở, trong đó có chứa Hoa Nghiêm, Đại Tập, Phương Đẳng, Bảo Tích, Lăng-già, Phương Quảng, Xá-lợi-phất, Đà-la-ni, Hoa Tụ Đà-la-ni, Đô-tát-la Tạng, Ma-ha Bát-nhã Đại Vân, v.v... gồm mười hai bộ đều có mười vạn bài kệ. Phép nước truyền nhau giữ gìn kỹ lưỡng có đời Sa-môn Chi Pháp Lãnh đời Đông Tấn, phong phạm khang khái, có chí bạt tụy, rất ham thích kinh Đại thừa quên ăn bỏ ngủ chỉ dùng lương khô coi thường mạng sống mà quyết chí tinh cầu thì được phần đầu của ba mươi sáu vạn bài kệ kinh Hoa Nghiêm mà mang đến đất này tức là phần Tấn Triều đã dịch. Nay phần dịch của Đại Chu là do nước Vu-Điền hiến tặng hơn bốn vạn bài tụng, được nói trong Hội thứ nhất. Thế giới Hoa Tạng xưa dịch lược thiếu, giảng giải, không có lý do. Nay văn đều đầy đủ rõ ràng rất dễ hiểu. Mười định một hội, kinh xưa có hỏi mà không đáp, còn bản nay thì đầy đủ rõ ràng. Trước có bảy chỗ tám hội thì nay có bảy xứ chín hội. Tuy so trăm ngàn chưa đủ, nhưng lý của bốn vạn bài kệ vẫn không sót. Lại Long Thọ tụng đủ các bản rồi lên trời, Pháp Lãnh chỉ có được phân nửa ở Đông Độ. Tuy phàm thánh chẳng phải một nhưng hoằng pháp không hai. Chỉ vì cõi nước có trung biên (giữa nước và biên giới) Tuệ giải có sâu cạn mà khiến trong khoảng mấy vạn dặm thấy nghe có cách, thiếu hơn phân nửa chẳng đáng buồn ư? Luận Đại Trí Độ chép: Kinh Bất Tư Nghì có mười vạn bài kệ. Luận Nhiếp Đại Thừa nói có trăm ngàn kệ gọi là kinh Bách Thiên Thích Luận chép: Tức là kinh Hoa Nghiêm mười vạn bài kệ là Bách Thiên . Lại Niết-bàn kinh nói kinh này là Tạp Hoa, nhưng nêu số trăm ngàn mà đặt tên, Tạp Hoa là tướng để bày tên, nêu số thì mất nguồn tức tướng sai khiến chủ, Bất tư nghì thì suy tông còn đó thẳng tạo ở sân. Phật Hoa Nghiêm thì dùng người mà nêu pháp trình bày rõ ràng. Trong bốn tên thì hai tên sau là được.

**3. TRUYỀN DỊCH :**

Chùa Đạo Tràng, ở Kinh đô, đời Tấn, có Phật-đà Bạt-đà-la dịch. Chùa Tây ở Ngụy Quốc, đời Đường, có Địa-bà-ha-la dịch. Chùa Phật Thọ Ký ở Thần Đô, đời Đại Chu, có Thật-xoa-nan-đà dịch.

- Chùa Đạo Tràng Đất Kinh, đời Tấn, có Phật-đà Bạt-đà-la. Hán dịch là Giác Hiền, vốn là người họ Thích, người nước Ca-duy-vệ là con cháu của vua Ca-lộ-phạn ông nội là Đạt-ma-đề-bà, Hán dịch là Pháp Thiên, từng đến Thiên-trúc rồi ở đó. Cha là Đạt-ma Tu-lợi-da, Hán dịch là Pháp Nhật. Ông, ba tuổi đã mồ côi cha, tám tuổi mất mẹ, được họ ngoại nuôi dưỡng. Theo Tổ Cưu-ma-lợi, nghe tiếng thông minh, thương

côi cút một mình bèn đem về độ làm Sa-di. Đến năm mười bảy tuổi, cùng học tập với bạn đồng học mấy người. Mọi người phải dụng công một tháng thì hiền chỉ cần một ngày. Thầy khen: Hiền (Giác Hiền, tên ông) chỉ một ngày địch với ba mươi người. Khi thọ giới Cụ túc thì tu nghiệp càng siêng năng, học rộng các kinh, có nhiều thông suốt. Thuở nhỏ nghe thiền luật nổi tiếng thường cùng bạn đồng học là Tăng-già-đạt-đa dạo chơi mấy năm. Đạt-đa tuy phục tài đức mà chưa lường được cạn sâu. Sau ở trong thất kín đóng cửa ngồi thiền. Bỗng thấy Hiền đến, kinh ngạc hỏi từ đâu đến thì đáp từ trời Đâu-suất xuống kính lễ Di-lặc, nói xong thì biến mất. Đạt-đa mới biết đó là bậc Thánh. Sau thường thấy hiền hiện thần biến, mới biết ông đã chứng quả Bất hoàn, thường muốn đi khắp hoằng hóa, xem đủ phong tục, có gặp Sa-môn đời Tần là Trí Nghiêm đến nước Kế-Tân hỏi các tăng chúng nước ấy: Có ai đến Đông Độ? Đều nói có Phật-đà Bạt-đà-la, vốn sinh tại thành Na-khả-lê ở Thiên-trúc, nối dòng quý tộc, đời tôn là bậc đạo học, thông minh học rộng vị hạnh khó lường trẻ tuổi xuất gia, đã thông kinh luận thọ nghiệp với Đại Thiền sư Phật-đà Đại Tiên. Phật-đà Đại Tiên lúc đó cũng ở nước Kế Tân, nghe Trí Nghiêm tìm người, bèn bảo Nghiêm rằng: Người có thể làm rung chuyển Tăng độ, giảng trao thiền pháp ấy là Phật-đà Bạt-đà-la. Nghiêm chí thành kính thỉnh Hiền bèn hứa nhận. Do đó mà từ biệt thầy mang lương khô đến Đông Độ, đi bộ ba năm nắng mưa lạnh nóng đổi thay lặn lội cực khổ khi thì đỉnh núi hang sâu hiểm trở, khi thì mình đầy tuyết, khi thì vịn trèo lưng chừng mây. Có lúc lương khô nửa chừng bỗng hết uống nước cầm chừng cầu Thánh phò hộ bỗng được cứu giúp. Đã qua Thông Lãnh, trải khắp sáu nước. Vua các nước thấy đường xa đi hoằng hóa bèn thương kính cấp lương thục. Đến phủ Giao Chỉ mà đi thuyền đến một đảo. Hiền giơ tay chỉ núi bảo hãy ghé thuyền ở đây. Chủ thuyền bảo: Khách đi tiếc ngày, gió thuận khó gặp, chẳng thể dừng được. Bèn đi hơn hai trăm dặm, bỗng gặp gió ngược thổi thuyền trở lại đảo trước, người trong thuyền đều biết có thần hộ Sư. Sau có gió thuận cả đoàn đòi đi nhưng Hiền bảo chớ động, chủ thuyền bèn ngưng. Đã có một người đi trước, nhưng sau phải trở lại. Sau vào lúc nửa đêm bỗng Sư bảo đi, không có ai theo, Sư một mình ra đi. Bỗng có giặc đến, những người ở lại đều bị hại. Kế đến Thanh Châu ở quận Đông Lai, nghe tiếng Cưu-ma-la-thập ở Trường An bèn vui mừng đến đó. Đó là tháng 4 niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ 10 đời Tần. Thập rất vui mừng cùng luận về pháp tướng, chấn phát huyền vi phần nhiều đều khai ngộ. Nhân gọi Thập bảo: Chỗ ngài hiểu (giải) chẳng ngoài ý người mà danh

rất cao. Thập bảo: Tôi tuổi đã già cần gì phải khen tốt. Thập mỗi khi có nghi đều luận bàn với ông. Sáu trăm vị như các Sa-môn Đạo Tài, Đàm Sướng, Tăng Duệ, Tuệ Quán v.v... đều học thiền, chỗ chỉ trao đều là chân yếu. Từ khi Di pháp truyền về Đông độ hơn bốn trăm năm khai phát sâu rộng không khi nào hơn lúc này. Phàm nói lý biện vật, chỉ cầu trúng dẫu không thích ứng đương thời, chẳng cầu nói hơn người. Nếu ai biết thì nói rõ không sót, nếu người không hiểu thì thiếu sót chẳng bằng. Tần Thái tử là Hoằng muốn nghe Hiền nói pháp, bèn sai các vị tăng đưa luận lên Đông cung. La-thập và Hiền nhiều phen hỏi đáp, văn nhiều chẳng ghi. Chúa Tần là Diêu Hưng chuyên chí Phật pháp hơn ba ngàn Tăng đều mời vào cung tu hành việc người. Chỉ có Hiền yên lặng chẳng đồng với chúng. Sau Hiền bảo đệ tử rằng: Ta hôm qua thấy ở quê có năm thuyền cùng ra đi. Sau một năm thì gặp thuyền từ nước ngoài đến, bèn hỏi, quả nhiên năm thuyền ở Thiên-trúc trước đã thấy. Người nghe biết đến tranh nhau kính lễ. Có ai cúng thì ông đều không nhận mà chỉ ôm bát đi khất thực, bất luận giàu nghèo sang hèn chỉ cùng đệ tử tà tuệ Quán, thứ lớp khất thực. Đến khi Trần Quân Viện Báo ở quận Trần không tin kính đối đãi tệ bạc thì chưa no đã xin rút lui. Báo nói giống như chưa đủ, lại mời ở lại. Hiền nói: Đàn-việt tâm bố thí có hạn, cho nên khiến chỗ thí đã hết. Báo bèn gọi người tăng thêm cơm thì quả nhiên cơm đã hết. Báo hổ thẹn. Rồi hỏi Tuệ Quán rằng: Sa-môn này là người thế nào? Quán nói Đức lượng cao xa chẳng phải người phàm mà xét lường được. Báo kính phục khen lạ. Hiền nghi quỹ thẳng thắn vốn chẳng đồng với phong tục người Hoa mà chí thì rất thanh nhã sâu kín. Pháp sư Tăng Bật cùng Sa-môn Bảo Tài viết sách bảo Thiền sư Đấu Trường rất có đại tâm ấy là vua Thiên-trúc nào phải kẻ phong lưu. Đến niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười bốn, Ngô Quận Nội Sử Mạnh Khải ở quận Ngô, Hữu Vệ Tướng Quân Chử Thúc Độ thỉnh Hiền dịch kinh này, Hiền bèn tay cầm bản tiếng Phạm cùng các Sa-môn Pháp Nghiệp, Tuệ Nghiêm v.v... hơn một trăm người ở tại chùa Đạo Tràng mà dịch ra. Lời định ý văn, hội thông phương ngôn dịch rất đúng ý kinh. Cho nên chùa Đạo Tràng cũng có Hoa Nghiêm Đường, đạo giáo được truyền bá là nhờ năng lực ấy. Khi bắt đầu dịch kinh thì ở trước nhà lớn (đường) và trong ao đều có hai người hầu từ đất chui lên dâng hương hoa, mọi người đều thấy. Cũng có Thần Kỳ Vinh Vệ tả hữu đứng quanh. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 6 thì Hiền mất thọ bảy mươi mốt tuổi. Tay co ba ngón nói mình được quả A-na-hàm.

- Tam tạng Pháp sư Địa Bà-ha-la ở xứ Trung Thiên-trúc.

Đời Đường dịch là Nhật Chiếu, thuộc dòng Bà-la-môn, thuở nhỏ xuất gia trụ Ma-ha Bồ-đề và chùa Na-lan-đà. Tam tạng phong nghi rất ôn nhã, thần cơ sáng láng mang rương theo thầy, nghiên cứu nhiều năm, tài năng xuất chúng, sở học uyên thâm Nhân theo ngài Huyền Trang thỉnh kinh về Đông Độ. Rất mến Huyền môn yêu thích nước Chấn Đán (Trung Quốc). Ngài có phong cách bậc nhân mở mang Thượng thừa hóa độ chúng sinh. Niên hiệu Vĩnh Long năm đầu danh ngài vang đến Kinh đô, vua Cao Tông hoằng hóa Phật pháp tâm thành gởi gắm sâu xa bèn mời các Cao tăng long tượng như Luật sư Đạo Thành, Pháp sư Bạt Trần hơn mười Đại đức ở chùa Tây thuộc nước Ngụy mà dịch kinh luận. Sau đó có Pháp sư Hiền Thủ trước tu học kinh về Hoa Nghiêm thường nghĩ kinh thiếu chưa đủ, bèn đến hỏi han mang văn của Hội thứ tám đến đây. Hiền Thủ bèn cùng Tam tạng so sánh, bèn được Thiện Tài, Thiện tri thức Thiên Chủ Quang v.v... hơn mười vị, cầu thỉnh dịch ra văn mới để bổ túc chỗ văn cũ còn thiếu. Sa-môn Phục Lễ ghi chép, Sa-môn Tuệ Trí dịch lời. Lại dịch Mật Nghiêm v.v... các kinh luận hơn mười bộ hợp thành hai mươi bốn quyển, đều do Hoàng Đại Hậu ngự soạn lời tựa cọng thêm lời ca ngợi sâu sắc, nay thấy lưu hành ở đời. Ngày Tam tạng rời quê hương thân mẫu vẫn còn, không bao giờ quên ân nuôi dưỡng thường nghĩ cách báo đền. Bèn đến Thần-Dô dâng biểu lên vua xin trở về nước. Trước vua không cho, phải ba lần cố xin vua mới ưng thuận. Các bậc cao đức ở Kinh đô tạo ca sa lụa là châu báu, dâng cúng tượng và cây Bồ-đề, vua tặng tích trượng cùng một cái chuông và thỉnh phướn tượng vật dụng cúng dường. Niên hiệu Thùy Củng năm thứ ba ngày 27 tháng 12, thân thể mạnh khỏe. Ngài bảo học trò: Ta sắp chết rồi. Rồi nằm nghiêng bên hông phải không bệnh mà thị mạng chung tại chùa Đông thuộc nước Ngụy ở Thần Đô. Người đưa tang mấy ngàn vạn người. Thân mẫu nghe tin thì khóc thương thảm thiết, cúng dường ngàn xấp lụa để khâm liệm. Đạo tục đều buồn thương như cha mẹ chết. Hương hoa xe cộ chôn ở Long Môn thuộc Sơn Dương, bên trái dòng y thủy. Đệ tử sửa chữa linh khám tôn tạo lâu gác. Lại cất nhà tranh bên cạnh mà quét tước cúng dường. Sau Lượng Vương tâu thỉnh cất thêm Già-lam. Vua ra sắc đặt tên là chùa Hương Sơn lầu cao gác lớn rực rỡ, có bảy khám thờ tượng đá, tháp cao tám góc. Các khách đến thăm đều đề thơ khen ngợi.

Sa-môn Thật-xoa-nan-đà, đời Đại Chu ở Thần Đô, chùa Phật Thọ Ký. đời Đường dịch là Hỷ Giác, người ở nước Vu-điền. Trí tuệ rộng lớn, từ tâm lợi vật. Ngài giỏi cả Đại Tiểu thừa gồm luận Dị Học. Thiên Hậu

(Võ Tắc Thiên) làm sáng tỏ Phật nhật kính trọng Đại thừa vì kinh Hoa Nghiêm cũ Xứ Hội chưa đủ, nghe ở nước Vu-điền có bản tiếng Phạm này bèn sai sứ tìm về và thỉnh người dịch. Thật-xoa và kinh cùng đến cung vua. Niên hiệu chứng thánh năm thứ nhất đời Thiên Hậu năm Ất Mùi, ở chùa Biến Không tại Đại nội thuộc Đông Đô mà dịch kinh Hoa Nghiêm Thiên hậu đích thân đến pháp tòa viết lời tựa, tự mình dùng bút ghi tên phẩm. Có Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi, người Nam Ấn Độ, Sa-môn Nghĩa Tịnh đồng đọc văn phạm. Sau giao cho Sa-môn Phục Lễ, Pháp Tạng v.v... trú tại chùa Phật Thọ Ký mà dịch, đến niên hiệu Thánh Lịch năm thứ hai Kỷ hợi thì xong. Lại đến niên hiệu Cửu thị năm thứ nhất Canh Tý ở trong cung Tam Dương dịch Kinh Đại Thừa Nhập Lăng-già và chùa Thanh Thiền ở Tây Kinh, chùa Phật Thọ Ký ở Đông Đô dịch các kinh Văn-thù Thọ Ký v.v..., trước sau dịch tất cả mười chín bộ. Sa-môn Ba Luận Huyền Chấp v.v... ghi chép Sa-môn Phục Lễ sửa văn, Sa-môn Pháp Bảo-Hoằng Cảnh v.v... chứng nghĩa. Thái tử Trung Xá Nhân, Cổ Ưng Phước giám sát và bảo vệ. Đến niên hiệu Trường An năm thứ 4, Thật-xoa nhân mẹ tuổi già mong về thăm viếng dâng biểu lên vua mới cho. Vua ra sắc Ngự Sử Thôi Từ Quang đưa đến nước Vu-điền. Sau HoàĐế Long Hưng tiếp tục sùng hưng Phật pháp lại ra sắc mời Sư đến, mới đến Đế Thành. Vào niên hiệu Cảnh Long năm thứ 2 đến đất Vu Tư, vua đem thân cao quý vạn thặng ra ngoài cổng khai viễn đón chào. Đạo Tục cả kinh thành đủ các cờ phướn lọng báu ra đón chào, vẫn trang sức voi xanh khiến cởi vào thành. Vua mời trú tại chùa Đại Tiến Phước. Chưa kịp phiên dịch thì bị bệnh nặng, vào ngày 12 tháng 10 năm niên hiệu Cảnh Vân năm thứ nhất, Ngài nằm nghiêng hông bên phải mà qua đời trú tại chùa Đại Tiến Phước, hưởng thọ năm mươi chín tuổi. Người đạo thương khóc rường cột chánh pháp đã đổ, kẻ tục buồn than mất người dẫn đường. Có chiếu vua đồng ý an táng theo phép nước ngoài. Vào ngày 12 tháng 11 ở ngoài cổng khai Viễn tại đài Nhiên Đăng cổ mà thiêu thân Ngài. Củi tàn lửa tắt nhưng chiếc lưỡi vẫn còn. Đây là điềm lành hoằng pháp. Đến ngày 13 tháng 12, học trò bổn quốc là bi trí, vua sai sứ Ca Thư Đạo Nguyên đưa tro xương và chiếc lưỡi về nước Vu-điền xây tháp cúng dường. Người sau lại ở chỗ thiêu thân Ngài xây tòa tháp bảy tầng.

**4. CHI LƯU**

- Kinh Đâu Sa một quyển (tên phẩm của Hoa Nghiêm). Sa-môn chi cấm nước Nguyệt Chi, đời Hậu Hán dịch.

- Kinh Bồ-tát Bổn nghiệp, một quyển (hoặc gọi Tịnh Hạnh phẩm). Sa-môn Thanh tín sĩ chi khiêm nước Nguyệt Chi đời Ngô dịch.

- Kinh Chư Bồ-tát Cầu Phật Bổn Nghiệp, một quyển (cũng là Tinh Hạnh phẩm). Thanh Tín Sĩ Niếp Đạo Chân đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Bồ-tát Bổn Nguyện Hạnh Phẩm, một quyển (cũng là Tịnh Hạnh Phẩm) cũng là  Đạo Chân dịch lại.

Các kinh trên đều là Hội thứ hai trong kinh này nêu ra.

- Kinh Bồ-tát Thập trú, một quyển (là phẩm Thập Trú). Sa-môn Kỳ đa mật người Tây vực, (Tấn gọi là Ha Chi) đời Đông Tấn dịch.

- Bồ-tát Thập trú kinh, một quyển (là phẩm Thập trú). Sa-môn Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Bồ-tát Thập Đạo Địa, một quyển (giống phẩm Thập trú) do Niếp Đạo Chân dịch.

- Thập trú Đoạn Kết , mười quyển (không phải là phẩm Thập trú cũng không phải là phẩm Thập địa vì tên gọi giống nhau, sợ nhầm mà ghi chú). Sa-môn Trúc Phật Niệm ở Lương Châu đời Hậu Tần dịch.

Các kinh trên đều là Hội thứ ba trong kinh này mà đưa ra.

- Kinh Thập Địa Đoạn, mười quyển (là phẩm Thập Địa). Sa-môn Trúc Phật Niệm đời Hậu Tần dịch.

- Kinh Thập trú, mười hai quyển (là phẩm Thập Địa)., Niếp Đạo Chân đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Bồ-tát Thập Địa, một quyển (giống như phẩm Thập Địa và Thập trú). Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Đại Phương Quảng Thập Địa , một quyển (giống phẩm Thập Địa và Thập trú). Sa-môn Cát-ca-dạ người Tây Vực dịch.

- Kinh Thập Địa, một quyển (giống phẩm Thập Địa và Thập trú). Ha Chi đời Đông Tấndịch (Ha Chi là Kỳ-đa-mật).

- Kinh Thập trú , bốn quyển (đủ là phẩm Thập Địa ). Đời Hậu Tần La-thập và Tam tạng Phật đà-da-xá nước Kế-tân Phật-đà-da-xá (đời Tần dịch là Giác Minh) dịch.

- Kinh Tiệm Bị Nhất Thiết Trí Đức, năm quyển (đủ là phẩm Thập Địa ). Sa-môn Đàm-ma-la nước Nguyệt Chi đời Tây Tấn (Tấn gọi là Pháp Hộ) dịch.

- Kinh Bồ-tát Sơ Địa, một quyển. Niếp Đạo Chân đời Tây Tấn, dịch.

Các kinh trên đều là Hội thứ sáu trong kinh này mà đưa ra.

- Kinh Đẳng Mục Bồ-tát, hai quyển (là phẩm Thập Định), Trúc Pháp Hộ dịch.

- Kinh Hiển Vô Biên Phật Độc Công Đức, một quyển (là phẩm Thọ Mạng) Đường Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch.

- Kinh Như lai Hưng Hiển, bốn quyển (là phẩm Tánh Khởi). Niên hiệu Nguyên Khang đời Tây Tấn, , Trúc Pháp Hộ dịch.

- Kinh Như lai Hưng Hiện, một quyển, Sa-môn Bạch Pháp Tổ đời Tây Tấn dịch.

- Kinh Đại Phương Quảng Như lai Tánh Khởi, hai quyển, (mất tên người dịch).

- Kinh Đại Phương Quảng Như lai Tánh Khởi Vi Mật Tạng, hai quyển.

- (Cùng trước đồng bản mà người dịch khác). Niên hiệu Nguyên Khang, đời Tây Tấn dịch ra không có tên người dịch.

Các kinh trên đều là Hội thứ bảy trong kinh này mà đưa ra.

- Kinh Độ Thế, sáu quyển (là phẩm Ly Thế Gian). Pháp Hộ đời Tây Tấn, dịch.

- Kinh Phổ Hiền Bồ-tát Đáp Nạn Nhị Thiên (là phẩm Ly Thế Gian). đời Ngô, mất tên người dịch.

Các kinh trên đều là Hội thứ tám trong kinh này mà đưa ra.

- Kinh La-ma-già, ba quyển (là phẩm Nhập Pháp Giới, văn không đủ) Sa-môn , Thánh Hiền hoặc gọi là Kiên Công đời Tây Tấn dịch. Lại An Pháp Hiền đời Ngụy dịch một bản cũng ba quyển. Lại Đàm Vô Sấm đời Bắc Lương cũng dịch một bản một quyển.

Các kinh trên đều là Hội thứ chín trong kinh này mà đưa ra.

- Kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm Nhập Như lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới, hai quyển (có chỗ không có chữ Đại Phương Quảng). Do Tam tạng Xà-na-quật-đa Bắc Thiên-trúc  đời Tùy (tùy gọi là Trí Đức dịch. Có người nói dịch với ngài Kiệp-đa.

- Kinh Độ Chư Phật Cảnh Giới Trí Nghiêm một quyển. Lương Phù Nam Sa-môn Tăng-già-bà-la (đời Lương gọi là Tăng Dưỡng hay Tăng Khải) dịch.

- Kinh Độ Chư Phật Cảnh Giới Trí Quang Nghiêm một quyển, mất tên người dịch.

- Kinh Đại Phương Quảng Nhập Như lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới, hai quyển, Sa-môn Thật-xoa-nan-đà nước Vu Điền, đời đại Chu dịch.

Bốn kinh trên đồng bản mà khác tên người dịch, đều nói ở Pháp Đường Phổ Quang.

- Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Phật Cảnh Giới Phần, một quyển. niên hiệu Tải Sơ đời Đường, Sa-môn nước Vu-điền là Đề Vân

Bát-nhã dịch.

- Kinh Đại Phương Quảng Phật Cảnh Giới, một quyển. Tam tạng Thật-xoa-na-đà nước Vu Điền, đời Chu dịch.

Hai kinh trên đồng bản mà khác tên người dịch, nói dưới cây Bồ-đề.

- Kinh Đại Phương Quảng Phổ Hiền Sở Thuyết, một quyển (nói trong thân Phật có vô số thế giới). Thật-xoa-nan-đà đời Đại Chu dịch.

- Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tu Từ Phần, một quyển. Niên hiệu Tải Sơ đời Đường, Đề-Vân-Bát-nhã dịch,

Các kinh Bất Tư Nghì Cảnh Giới nói trên, hiện bản Hoa Nghiêm tuy không có các phẩm này, nhưng xem bản Phạm thì đều có đủ chắc là phẩm hội riêng của kinh này là vì phẩm Phạm chẳng ghi thứ tự của phẩm, cho nên chẳng ghi vào Đại Bộ.

- Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn, năm quyển. Nguyên Ngụy Nam Tam tạng Đàm-ma Lưu Chi người Nam Thiên-trúc, (Ngụy gọi là Hy Pháp) dịch.

Các kinh trên người xưa truyền rằng là phẩm riêng của Hoa Nghiêm. Đọc kỹ văn cú trước sau đều không có Hoa Nghiêm Sớ loại. Gần đây xem bản tiếng Phạm cũng không có phẩm này, xin người sau nghiên cứu kỹ.

- Kinh Sao Hoa Nghiêm, mười lăm quyển.

Kinh trên đây là xưa kia Nam Tề Tư Đồ cuối cùng đến Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương cơ trời rộng mở, nương tâm nơi cảnh thật, hướng về ức kiếp mà kéo dài, vượt ngàn năm mà tự lên cao. Nếu mở mang kinh giáo mở rộng phước nghiệp thì đều phát ra từ trong thân mạng thực hành thần diệu. Niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tám, ông cảm mộng thấy Thiên Vương Như lai ở Đông Phương, ngầm giúp Thánh trao mới soạn pháp Tịnh Trụ. Lại mộng thấy Sa-môn tự xưng là Trí Thắng dẫn đối trước Phật dạy chọ đọc tụng nhân truyền kinh bối. Lại dẫn đến vái chào Hiền Thánh mở phước ba hội Long Hoa khuyên khắp mọi người thọ ba tụ giới Bồ-tát đều là điềm lành khó nói được. Lại thêm xem Long cung ấy, thấy dấu tích của voi này, ca ngợi thêm Huyền Hóa trú trì vận mạng giác ngộ, sao chép các kinh như trên hơn ba trăm quyển, soạn Hoằng Ích Văn Hàn hơn một trăm quyển Tự tạy viết kinh hơn bảy mươi quyển. Trong sớ văn đã soạn có kinh Hoa Nghiêm Anh Lạc hai quyển, nêu bày xuất thế. Hoa Nghiêm Tề Ký một quyển nói pháp Hội đều có thể làm gương cho đời sau là dấu chân thù thắng không thể thay đổi.

- Kinh Hoa Nghiêm Thập Ác, một quyển, trên là Học Sĩ Phí Trường Phòng đời Tùy chú thích trong Tam Bảo Lục tùy tiện đưa vào, sợ rằng hàng hậu Hiền không rõ xuất xứ cho nên nêu ra.

**5. LUẬN THÍCH:**

Tam tạng Bà-la-phả-mật-đa nói: Tây Trúc tương truyền rằng Long Thọ xuống Long cung xem kinh xong bèn soạn luận Bất Tư Nghì cũng mười vạn bài tụng. Là giải thích kinh này rồi mà cơ ngầm chưa mở, khó lường được chỉ quy.

- Luận Thập trú Tỳ-bà-sa, mười sáu quyển do Long Thọ soạn, giải thích về nghĩa của phẩm Thập Địa. Sau Tam tạng Da-xá đời Tần đọc miệng văn ấy cùng Pháp sư La-thập dịch ra, giải thích về phẩm Thập Địa. Trong đó đến Địa thứ hai vì Da-xá không đọc nên thiếu giải thích. Tương truyền rằng luận ấy là một phần trong luận Đại Bất tư nghị.

- Luận Thập trú, mười quyển do Long Thọ soạn. Sau trong niên hiệu Hằng Thỉ đời Tần, La-thập Pháp sư dịch.

- Luận Thập Địa mười hai quyển, do Bồ tát Bà-tẩu-bàn-đậu soạn, Hán dịch là Thiên Thân ở trong núi giải thích về phẩm Thập Địa, kinh này nhiều tầng theo thứ lớp mà giải thích dần. Khi Bồ-tát mới soạn luận xong thì cảm kinh phát ra ánh sáng, núi non rung chuyển. Vua và thần dân nước ấy, đồng đến chúc mừng khen ngợi điềm ít có. Rộng như trong bản truyện. Đến đời Hậu Ngụy, có Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi người Bắc Thiên-trúc, Ngụy gọi là Hy Giác đến đây dịch kinh. Ngày mới dịch Tuyên Võ Hoàng đế đích thân đến ghi chép một ngày. Lại nói: Tam tạng Trung Thiên-trúc là Lặc-na-ma-đề, đời Ngụy gọi là Bảo Ý đến đây cùng Lưu Chi, ở Nam Bắc Lạc Thủy đều dịch một bản. Sau đó Tăng Thống Tuệ Quang thỉnh hai vị Hiền đối bàn đồng khác, lập thành một bản. Lại Biệt Truyện nói: ngài Thiên Thân soạnHoa Nghiêm kinh luận chưa được đủ bản. Đây là Thập Địa hoặc là, hễ được liền dịch. Lại nói: Bồ-tát Vô Trước qua lại cùng theo dõi, Bồ-tát Di-lặc dạy dùng kinh Hoa Nghiêm để tự nhiên lưu truyền là cũng nhờ năng lực ấy. Gần đây hỏi các Phạm Tăng Tam tạng ở Tây Trúc đến đều nói Bồ-tát Kim Cương Quân soạn ra Thập Địa Thích Luận có một vạn hai ngàn bài tụng, dịch ra có thể thành hơn ba mươi quyển. Lại Bồ-tát Kiên Tuệ cũng soạn Lược Thích đều chưa truyền đến cõi này. Ở nước Vu-điền thấy có bản này. Thật-xoa ngày về đã mang theo thư yêu cầu nếu được thì dịch ra. Lại trong phẩm trú trong Du-già Bồ-tát Địa, đã viết nhiều về văn phẩm Thập Địa của kinh này, thứ lớp gồm đủ giải thích. Vì kinh này Tam Hiền Thập Thánh có phần vị rất rộng đã làm

gương soi cho các Bộ. Vì vậy người soạn và giải thích chẳng phải một.

- Luận Hoa Nghiêm, sáu trăm quyển. Xưa ở Bắc Tề, Đại Hòa năm thứ nhất, Vương Tử thứ ba, ở núi Thanh Lương cầu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà thiêu thân cúng dường. Vương Tử ấy có hoạn quan Lưu Khiêm Chi đã tự giận thân tàn của mình, lại thấy Vương Tử thiêu thân bèn tâu vua vào núi tu đạo. Có sắc vua cho bèn mang một bộ kinh này ngày đêm siêng năng lễ sám đọc tụng, tâm cầu Diệu Đức để mong Minh Hộ, tuyệt thực chỉ uống nước suốt hai mươi mốt ngày, sức lực tuy yếu nhưng vẫn dốc lòng theo đuổi bỗng chiêu cảm râu tóc đều mọc ra, lại trở thành đàn ông, thần thái siêu ngộ, thông suốt yếu chỉ. Do đó nghiên cứu kỹ lưỡng bèn soạn ra luận ấy trước sau chặt chẽ. Lại tâu lên vua, do đó Cao Tổ kính tin hơn ngày thường. Kinh Hoa Nghiêm từ đó càng hưng thạnh.

- Pháp sư Tuệ Viễn ở chùa Tịnh Ảnh đời Tùy, tuổi về già tạo Kinh Sớ (giải thích kinh) này, đến phẩm Hồi Hướng bỗng có cảm giác tim đau, nhìn kỹ thì thấy lỗ chân lông ở tim chảy máu ra ngoài. Lại mộng thấy cầm liềm lên núi cao thứ lớp cắt cỏ, đến nửa chừng thì sức kiệt chẳng ngồi dậy được. Thức dậy bảo học trò rằng: Ta mộng thấy sớ này ắt chẳng thành. Do đó mà ngừng lại, Pháp sư Hưu ở Tương Châu nghe kinh Hoa Nghiêm hơn năm mươi lần, nghiên cứu Văn Lý càng thêm sâu xa. Bèn tự bảo đây chắc là lời của bậc Thượng thánh kẻ hạ phàm chẳng thể lường biết được. Biết rõ hai bậc Hiền trên học rộng ít ai bằng đối với chỗ thô thiển này lại không có thể soi tỏ đến cùng, bèn khiêm tốn mà tìm đọc chưa hết mấy tuần đã chú thích luận rộng, thật to lớn thay! Bởi ấy là Đại Thánh ngầm truyền, chẳng đáng quái lạ. Xét phẩm Trú Xứ kinh này nói: Ở Đông Bắc có chỗ ở của Bồ-tát gọi là núi Thanh Lương hiện có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng một vạn Bồ-tát thường ở đó nói pháp. Cho nên nay dưới núi có phủ Thanh Lương. Ở phía Nam có một ngọn núi nhỏ có chùa Thanh Lương, tên là Ngũ Đài Sơn, vì năm ngọn núi rất cao nên trên đó đều chẳng có cây cỏ, giống như đắp đất nên gọi là Đài. Quanh núi hơn bốn trăm dặm phía Đông liền với Hằng Nhạc, trên Đài giữa có ao nước trong veo lặng ngắt có nhiều linh cảm. Lại có tinh xá tháp đá. Trên đài Bắc có hai ngôi tháp sắt và xá-lợi cùng hình tượng Văn-thù. Dưới đài giữa cách ba mươi dặm về phía Đông Nam có chùa Đại Phù, do Hán Minh Đế lập ra, đã nhiều năm tháng nên rất hoang sơ nhưng nền cũ vẫn còn thấy, trong đó có hai nhà Đông và Tây, tượng bày vẫn còn. Phía trước có hai, ba khoảnh hoa lan xen lẫn nhiều màu trăm thứ ngàn tên, rực rỡ gấm mây, là loài quý hiếm ít

nghe thấy, đến ngày rằm tháng bảy thì trăm hoa đua nở. Kế ở phía Bắc tám, chín dặm là nơi Vương Tử thiêu thân hiện có tháp thờ. Ngày xưa vua Bắc Tề, rộng mở Huyền môn ở núi này có hai trăm ngôi chùa, lại lấy thuế ở tám châu mà cúng dường cơm áo thuốc men cho Tăng trong núi. Nay Thần ở đất báu thường vẫn còn. Xét Biệt Truyện nói: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thường ở đó giảng kinh Hoa Nghiêm. Từ xưa đến nay cho đến hết đời Đường, Phạm Tăng ở Tây Vực. Lúc ấy có người chẳng vì xa mấy ngàn dặm mà đến đây ra mắt, và đạo tục đất này cũng nối tiếp nhau qua lại thường xuyên. Hoặc gặp Thần tăng Thánh chúng Đài tiên gác báu linh quang rực rỡ, diệu hương thơm ngát tiếng chuông trên hư không tự kêu, kệ báu vang xa. Trong phút chốc hiện bày ngàn vạn biến hóa. Như Thanh Lương Sơn Ký có nói đủ. Núi cách kinh đô một ngàn sáu trăm dặm ở Đại châu. Nhưng đất ở biên giới rất lạnh, cho nên trước tháng tư sau tháng bảy thì băng cứng tuyết dày. Nếu không phải mùa Hạ nóng gắt thì không thể lên được. Cao cả thay người vì đạo, há chẳng một lần đến thăm?

- Luận Hoa Nghiêm, một trăm quyển do Sa-môn Thích Linh Biên thời Hậu Ngụy, là tạo ra. Pháp sư người Tấn Dương Đại Nguyện xưa có gieo nhân tuyệt diệu, căn thiện trồng đã lâu, thưở nhỏ tiến vào đạo, lớn lên cứu giúp đời, thường đọc tụng kinh Đại thừa, lưu tâm đến hạnh Bồ-tát. Khi gặp được kinh Hoa Nghiêm thì rất ưa thích mà cúi đầu nhận lãnh. Bèn đến chùa Thanh Lương trên núi Thanh Lương cầu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thương xót nhiếp thọ. Qua một năm, chân sưng máu chảy thịt hết chỉ còn xương, lại quì gối khẩn cầu thì mong ngầm cảm. Bèn nghe có người bảo: Ông hãy ngưng hành đạo, chỉ suy nghĩ kinh này. Do đó mở quyển, bỗng hoát nhiên đại ngộ. Lúc đó là đời Hậu Ngụy niên hiệu Hy Bình năm thứ nhất. Kế tháng giêng đời Đại Lương khởi bút ở chùa Thanh Lương, kính soạn luận Hoa Nghiêm, diễn nghĩa giải thích rỗng suốt chỗ sâu kín. Đến năm thứ hai thì dời chỗ ở ra chùa Tung Nham, chú thích như trước. Lúc đó Linh Đại Hậu của Hiếu Minh Đế là bà Hộ trọng đạo kính người mời Sư đến cung. Sư từ chối vì bệnh. Đến đầu hạ lại cố thỉnh, từ chối chẳng được, bèn ngày mười sáu thì vào Đông Bách Đường, rồi dời đến Điện Thức Càn, sau ở Điện Huy Âm, biên soạn không ngừng. Đến mùa Hạ niên hiệu Thần Quy năm thứ một có chiếu rằng: Đại pháp rộng lớn đợi người giảng nói, nay Điện Huy Âm sửa chữa Luận của Pháp sư Linh Biện, đức khí uyên nhã, sớm truyền khiến nghe, mau đến Điện Tuyên Quang giảng Đại Phẩm Bát-nhã. Do đó bốn bộ đều vui, mười phương cùng mừng. Giảng xong thì Thị Trung Đại

truyền Thanh Hà Vương Doãn Dịch mời sư ở trên lầu Điện Thức Càn, y cứ theo trước mà sửa luận, mùa hạ thì giảng Hoa Nghiêm, mùa Đông thì giảng Đại phẩm. Pháp sư cùng đệ tử là Linh Nguyên biên soạn đều bỏ ngủ quên ăn. Niên hiệu Thần Quy năm thứ 3 mùa Thu tháng chín chviệc làm mới xong, kinh lược luận rộng gồm một trăm quyển, trước sau năm năm làm thành mười pho về sau thường tập trung liên tục, pháp âm nửa chừng ngừng lại. Sư nghỉ giảng Toàn Chân lánh đi dưỡng đạo. Vào ngày tám giáng giêng niên hiệu Chánh Quang năm thứ 3, Sư quy tịch tại chùa Dung Giác, thọ bốn mươi sáu tuổi. Do đó Hiếu Minh Hoàng đế ra sắc rằng: Luận ấy là Bồ-tát cõi này soạn ra, giao cho tất cả kinh tạng đều để mục lục trên hết, mà lưu hành khắp. Đệ tử là Đạo Sưởng, Linh Nguyên, Đàm Hiện v.v... thương tiếc thầy sớm mất, đau xót vì linh quan sắp xa mù, mới cùng Thanh Tín quân tử, kính viết Tịnh Bản lưu bố khắp đạo tục. Luận này tuy truyền mạnh ở phần Tấn nhưng chưa đến Kinh Lạc. Các bậc Thạc Đức ở Trường An luôn mong ngóng. Đến niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ 2 thì có Sa-môn chùa Chí Tướng là Thích Thông Hiền và cư sĩ Huyền Sảng Phòng trú tại chùa Huyền Đức cùng tu học kinh này, lưu tâm khen ngợi, bèn kết bạn đồng chí đến núi Thanh Lương cầu nguyện lễ bái Thánh Văn-thù, nhân đến chùa Đồng Tử Tinh Châu, thấy bản luận này bèn ân cần cố thỉnh mới được truyền thọ. Bèn đem đến Kinh đô, vua quan đều kinh ngạc ngợi khen, cùng chép ra mà truyền bá.

■

# HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

## QUYỂN 2

**6. GIẢNG GIẢI** (Phần Thượng):
1- Đông tấn, Thích Pháp Nghiệp ở Nam Lâm,.
2- Tống-Kinh đô, Cầu-na Bạt-đà-la ở chùa Trung Hưng,.
3- Ngụy, Lặc-na-ma-đề người Trung Thiên-trúc.
4- Ngụy, Thích Trí Cự ở Bắc Đài.
5- Tề-Nghiệp Hạ, Thích Tuệ Quang ở chùa Đại Giác.
6- Tề-Nghiệp Hạ, Thích Tăng Phạm ở chùa Đại Giác.
7- Tề-Thích Đàm Diễn ở Trị Châu,.
8- Tùy-Tương Châu, Thích Linh Dụ ở chùa Diễn Không.
9- Tùy-Tây Kinh, Thích Tuệ Tạng ở chùa Không Quán.
10- Tùy-Tây Kinh, Thích Linh Cán ở chùa Đại Thiền Định.

***1- Thích Pháp Nghiệp:*** Không biết họ. Còn nhỏ mà có chí vượt xa thoát khỏi thấp hèn. Tuổi nhỏ xuất gia, phong cách nghiêm chỉnh, học với Sư Vô thường, học rộng nghĩ sâu được người đương thời xem trọng. Tuy xem khắp các bộ, mỗi khi làm, đều xem xét kỹ nhưng vẫn thấy chưa đủ. Sau gặp Sa-môn Thiên-trúc là Phật Độ Bạt-đà-la, bèn thỉnh dịch kinh Hoa Nghiêm, đích thân theo làm người ghi chép, học hỏi nghĩa lý, không quản sáng tối. Qua mấy năm bỗng có chỗ ngộ, nhân đó bảo bạn rằng: Thánh giáo Tư Nam, hiện đang ở đây. Đã đích thân học Văn Phạm lại tinh chí rèn luyện, suy tông học hỏi. Ngày có bạn đến bèn trình bày chỗ sâu kín trở thành bậc Tông tượng. mấy trăm vị như Sa-môn Đàm Võ v.v...đều rất kính phục, mở đầu cho sự nghiệp hoằng dương của Đại giáo, vì tiếng mới mở, chưa rỗi để nói đầy đủ chỉ nêu đại khái mà thôi. Sư có soạn. Chỉ Quy hai quyển, thấy lưu hành ở đời. Sau chẳng biết Sư mất khi nào ở đâu. Lược qua thanh phạm của bậc Tiên Hiền. Buồn thay.

***2- Cầu-na Bạt-đa-la:*** Hoa gọi là Công Đức Hiền, người Trung Thiên-trúc. Vì học Đại thừa nên người đời gọi là Ma-ha-diễn, vốn dòng

Bà-la-môn, trước học các luận năm minh , thiên văn, thư số, y phương, chú thuật đều biết rộng. Sau gặp A-tỳ-đàm Tạp Tâm tìm đọc thì bỗng ngộ, tôn kính Phật pháp bỏ hết các thứ mà chuyên tâm tu học. Khi thọ Cụ túc giới thì làu thông ba tạng, bèn bỏ các sư Tiểu thừa mà theo học các sư Đại thừa. Thầy Đại thừa thử khiến lấy hộp kinh thì lấy được kinh Hoa Nghiêm. Sư vui mừng khen rằng: Ông có duyên lớn với Đại thừa. Do đó đọc tụng giảng nói không ai chống lại được. Liền thọ giới Bồ-tát, mà có duyên với Phương Đông bèn ngồi thuyền đi biển, giữa đường gặp nạn, bèn cố sức niệm Phật mười phương, niệm Quán Thế Âm, cả thuyền đều được cứu. Chí thành nên cảm được như thế. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 12 Sư đến Quảng Châu. Thứ sử Xa Lãng dâng biểu tâu vua, vua Tống Thái Tổ đón rước đến kinh, sai Danh tăng Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán ở Tân Đình đến tiếp thấy ông thần tình sáng suốt thì đều kính trọng. Tuy nhân dịch mà nói năng giao tiếp rất vui vẽ. Trước Sư trú tại chùa Kỳ Hoàn, bỗng vua Thái Tổ mời về càng thêm kính trọng. Lang Da Nham đón về, các bậc thông tài học rộng đều đến cửa. Do đó ở Kinh đô gần xa các quan đều trọng. Đại tướng quân Bành Thành là Vương Nghĩa Khang, Thừa tướng Nam Tiêu là Vương Nghĩa Tuyên đều kính làm thầy, bèn cùng chúng tăng dịch kinh. Chùa Kỳ Hoàn, chùa Đông An, quận Đơn Dương v.v... các chỗ đều nhóm hợp các Sa-môn Nghĩa học hơn bảy trăm vị, lần lượt dịch được hơn trăm quyển. Tiểu Vương muốn thỉnh Sư giảng kinh Hoa Nghiêm, mà Bạt-đà tự nghĩ chưa rành tiếng Trung quốc đời Tống có chỗ xấu hổ thì sớm chiều lễ sám thỉnh Quán Thế Âm cầu xin minh ứng, bèn mộng thấy có người mặc áo trắng cầm kiếm tay xách một đầu người đến bảo. Vì sao lo rầu, Bạt-đà trình bày mọi việc thì bảo đừng lo nữa. Rồi dùng kiếm chặt đầu mà thay đầu mới vào, bảo quay lại hỏi: Có đau không, đáp: Không đau. Bỗng nhiên thức dậy, tâm thần vui vẻ, liền hiểu rõ tiếng trung hoa vào đời Tống. Do đó đạo tục xa gần đều phục tinh cảm mà thỉnh đến giảng, bèn giảng kinh Hoa Nghiêm hơn mấy mươi lượt. Năm cuối niên hiệu Nguyên Gia. Tiêu Vương có nhiều mộng dữ. Bạt-đà đáp: Kinh đô sắp có loạn lạc. Chưa đầy một năm thì Nguyên Hung làm nghịch, còn như Thừa tướng âm mưu, dự bàn can ngăn ba lần. Thế Tổ ở xa nghe có lời nói lạ xách gậy ra giữa sông Thần đồng chợt đến. Bèn đốt hương dưới lầu, quỉ núi tự tránh đi lên tòa ngồi mà đều tôn, bèn ở Điếu Đài mà cứu vật. Cảm đức như thế chưa rảnh nói hết. Từ nhỏ đến nay luôn cầm lò hương chưa hề bỏ tay. Mỗi khi ăn bèn chia phần cho chim, chim quen đến ăn tận tay. Đến tháng giêng niên hiệu Thái Thỉ năm thứ 4, biết thân thể chẳng

yên liền cáo biệt cùng Thái Tông và Công Khanh . Ngày qua đời, chần chờ giây lâu bảo: Có thấy hoa trời hình Phật, rồi tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Thái Tông rất thương tiếc ban tặng rất hậu. Công Khanh cùng đưa tang nghi lễ đầy đủ.

***3- Lặc-na-ma-đề:*** Đời Ngụy gọi là Bảo Ý, người Trung Thiên-trúc học rộng, lý sự gồm thông, thuộc lòng một ức bài kệ, mỗi bài có ba mươi hai chữ. Rất giỏi pháp thiền, ý muốn đi du hóa. Vào niên hiệu Chánh Thỉ thứ 5 mới đến Lạc Ấp dịch luận Thập Địa hai mươi bốn quyển v.v... ban đầu Ý nêu thần lý la, tuệ ngộ tuyệt luân hiểu rõ lời Ngụy đến chỗ sâu kín. Vua thường sai giảng kinh Hoa Nghiêm, giải thích khai ngộ tinh nghĩa thường phát. Một hôm đang ở trên tòa cao bỗng có người cầm hốt ghi tên, hình như Thái Cung bảo rằng: Vua sai đến thỉnh Pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm. Ý tự bảo rằng: Nay ở Pháp tịch này còn chưa ngưng được, đợi giảng xong sẽ theo lệnh vua. Tuy nhiên pháp sự riêng chẳng thể lập. Đô Giảng đốt hương, Duy-na đọc kinh Phạm, đều làm theo. Sứ giả lại nhắc lời thỉnh trước , các tăng trong giảng đường đều thấy. Rồi Pháp sự đều xong. Lại thấy Sứ giả trước đến bảo: Vâng lệnh Thiên đế đến đón rước ngài. Ý bèn mỉm cười vui vẻ cáo từ chúng. Rồi ở trên pháp tòa mà tịch. Đô Giảng v.v... tăng cũng đồng thời mất. Người nước Ngụy nghe thấy đều khen là lạ.

***4- Thích Trí Cự:*** Họ Lưu, thuở nhỏ thờ Thần tăng Đàm Vô Tối. Sư thông minh, học rộng. Trước đọc Hoa Nghiêm mấy mươi lần, đến nghĩa lý thì tối mù, luôn ấm ức, sớm chiều càng khẩn thiết. Bèn mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền ngồi voi trắng phát ánh sáng, đến bảo: Ông theo ta về phương Nam sẽ cho ông thuốc khiến ông hiểu sâu. Bỗng thức dậy nói với Đồng Ý, mà tiếc là không biết phương Nam ở đâu. Đồng Ý bảo: Thánh chỉ phương Nam thì phải y theo lo gì chẳng đến. Bèn xếp quần áo mà đi xa, đi suốt ba ngày thì thấy một cây xương bồ trong ao nước cành lá rất lớn, ý muốn đào lên, nhưng rễ ăn rộng mấy thước mà yếu giống như trục xe. Trong tâm Sư bỗng nhiên như được bậc Thánh trao cho thuốc. Mấy ngày sau thì thông ngộ bội phần. Năm xưa nghi trệ một sớm đã thông sáng mà vượt vào cõi thần hơn các tiên hiền, bèn đi khắp nơi giảng nói hơn năm mươi lượt. Có soạn Sớ mười quyển năm bảy mươi tuổi thì mất ở Bắc Đài.

***5- Thích Tuệ Quang:*** Sư họ Dương, người ở đất Lô thuộc Định

Châu. Năm mười ba tuổi theo cha đến đất Lạc. Ngày 08 tháng 04 đến chỗ Phật. Đà thọ ba quy y. Đà lấy làm lạ vì nhãn quang như bắn lửa ra ngoài, nghĩ ắt là người cao quý bèn mời ở đó lại khiến tụng kinh. Quang cầm quyển đọc văn như đã được học từ trước, thông suốt hết các nghĩa sâu ý kín. Đến cuối hạ thì xuất gia. Các kinh đã học liền vì người nói lời thanh nhã ý lại cao siêu. Người thời ấy gọi là Thánh Sa-di. Nhưng được lợi dưỡng gì thì đều đem cho mọi người, lời khen chê đến thanh sắc đều không lầm lạc, là người cao quý trong chúng, đà nói Sa-di này không phải là người tầm thường. Nếu thọ Đại giới trước phải nghe luật. Luật là nền tảng của tuệ, chẳng phải trí thì chẳng thể phát. Vì vậy học tập nhiều về luật hạnh rồi tiến đến thọ giới Cụ túc nghe rộng vâng làm. Bốn hạ trở lên thì giảng luật Tăng-kỳ, mời dùng giấy bút mà ghi chép chỗ nghe, lại dùng ý suy đoán và giải thích. Một hôm Đà lén xem văn ghi liền bảo: Ông là con ta mong truyền quả Thánh, đâu chỉ khu khu lo văn thế gian có thể làm Pháp sư sáng suốt, Đạo vụ chẳng phải là phần của ông. Gặp Phật Đà-lặc-na mới dịch Thập Địa. Quang bèn lập chương giải thích rất công phu. Lại trong luật Tứ Phần cũng ghi chép giải thích. Sau lại nghe kinh Hoa Nghiêm, nghiên cứu kỹ càng nên ngộ được các ý chỉ sâu kín, liền được các bậc cao minh luôn luôn đích thân chỉ dạy. Quang cho rằng gốc của chánh giáo, không gì hơn sách này, hễ có nói bày thì phải rất nghiêm túc. Nên mỗi khi giảng đều biểu thị khiết tịnh, cả người nghe cũng đồng như thế, giày dép đều cởi bỏ để ngoài thềm, đều nghiêm dâng hương hoa, nghiêm chỉnh chấp tay siêng năng kính pháp ngàn năm khó gặp. Ông có sớ bốn quyển lập ba giáo đốn-tiệm-viên để xếp loại các sách. Xem Hoa Nghiêm là Viên giáo từ đó bắt đầu. Như Niết-bàn, Duy-ma, Thập Địa, Địa Trì, đều xem qua ý sâu được chuộng thời ấy. Tư Đồ Cao Giáo, Tào Bộc Xạ Cao Long Chi và Triều Thần Tu Mã Linh Cô Tử Nho, là các danh hiền đời Tề đều trọng ông như bậc Thánh. Các mùa hạn hán nghe tiếng Sư đều ở bên ao núi cao mà đốt hương cầu mưa, thì mưa liền đến. Các linh hiển như thế. Ông trước ở Kinh đô làm Tăng Đô, bỗng chuyển làm quốc Thống. Hôm trước khi mất thì Sư ngồi xe đến Tào, khi ra cửa chùa thì nóc nhà rơi ra. Khi ngồi bàn việc thì có cục đất rơi trước bút không biết từ đâu đến, thì biết là tướng chết đã hiện nhân đó cơ thể suy yếu hơn bốn tuần, rồi thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành, thọ bảy mươi tuổi. Sư thường nguyện sinh về cảnh Phật mà không nhất định nơi chốn. Lại khi sắp tắt hơi thì thấy cung trời hiện xuống bèn chí thành cầu về An Dưỡng rồi an nhiên mà mất. Ông có sáng tác Huyền Tông Luận, Đại Thừa Nghĩa

Luật, Nhân Vương Thất Giới, và Tăng Chế mười tám điều, đều là văn ý thanh túc, được đời rất xem trọng.

***6- Thích Tăng Phạm:*** Họ Lý, người ở Bình Hương. Thuở nhỏ có học các sách, năm hai mươi ba tuổi đều thông suốt bảy diệu bốn chương thiên văn, thuật bói toán đều không bỏ người theo học hơn cả ngàn, mà tuổi tác sắc đẹp đều không có tâm vợ chồng. Nghĩ nương pháp môn đốt ngón tay mà cúng dường. Năm hai mươi chín tuổi nghe giảng kinh Niết-bàn, thử nghe một lần bèn biết kinh Phật rất bí mật, bèn ở Nghiệp Thành mà xuất gia làm Tăng, mới học kinh Niết-bàn nguyện biết hết chỗ tột cùng . Sau đến Lạc Hạ theo Hiến Công nghe kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm. Lại đến Sa-môn Tuệ Quang học chỗ cùng tột mới. Lâu sau bèn ra khai hóa, lợi an Tề Ngụy. Mỗi buổi giảng người nghe hơn cả ngàn. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Bật trú tại chùa Hiện Nghĩa ở Nghiệp Hạ thỉnh Phạm giảng vào mùa Đông. Đến Hoa Nghiêm Lục Địa bỗng có một đàn nhạn bay xuống từ Tháp Đông bay thẳng vào nhà đối trước tòa cao nằm mà nghe pháp. Nghe giảng xong bèn từ từ bay về tháp Tây rồi lượn mất. Lại ở chùa này giảng vào mùa Hạ thì có bầy chim sẽ nằm ở phía Tây Nam tòa mà nghe pháp suốt chín tuần (chín mươi ngày). Lại ở Tề Châu cũng có một con vịt bay vào nghe pháp nghe xong thì bay đi. Các thứ trên làm cảm động mọi người, nếu không phải đạo hợp minh phù thì sao được như thế. Xưa khi đang giảng Hoa Nghiêm bỗng có một tăng vào chê mắng. Đêm ấy có vị Thần dùng roi đánh chết rồi sống lại. Do đó người thấy nghe đều kính trọng. Xưa ngủ đêm ở một ngôi chùa khác gặp ngày Bồ-tát có tăng lên tòa ngồi khi sắp nó nghĩa bèn bảo: Luận nói pháp tướng hiểu rõ lời Thánh, đâu phải nhọc nói giới, mà tăng thường nghe nói. Bỗng thấy một vị Thần thân hình cao hơn trượng dáng vẻ mạnh mẽ đến trước tòa hỏi người đọc nghĩa: Nay là ngày gì, đáp: Là ngày Bố-tát. Thần bèn đưa tay kéo xuống tòa, phút chốc chết ngay. Kế hỏi Thượng tọa nắm kéo ra trước do đó mà tự gắng. Sau cùng tăng sự có việc riêng mà không có thuyết dục liền bị bệnh nặng, ngồi kiệu mà gặp tăng. Ngày sắp mất rước tượng Phật vào phòng, quì dưới giường mà sám hối chỉ nêu việc đã làm đêm qua. Lúc đó là giờ ngọ dặn lại mà chết tại phía Đông chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ, thọ tám mươi tuổi, tức là ngày mồng 2 tháng 3 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ 6. Xưa phạm bỏ Nho theo Thích, kính tín ngày càng tăng, lặng tưởng cửa không vĩnh viễn loại bỏ thói quen trước, nói chẳng kịp lợi, mặt không mừng giận, luôn lưu ý đến Hoa Nghiêm xem là nghiệp Báo đời sau. Đêm lạy ngàn

Phật xem là của một đời. Tuổi già việc nhiều thân lại suy yếu, nhưng cũng sáu thời hành đạo. Gục đầu trên gối tự nghĩ có tài trí thông đạt, mà ít năng lực lợi ích cho người . Ông có soạn Hoa Nghiêm Sớ năm quyển, Thập Địa, Địa Trì, Duy-ma, Thắng-man... đều có Sớ Ký.

***7- Thích Đàm Diễn:*** Họ Hạ Hầu, người ở Nam Duyễn Châu. Khi mới sinh mà răng đã mọc đủ. Bảy tuổi đi học thông minh hơn người. Mười tám tuổi đậu tú tài. Nghe Tuệ Quang giảng liền học giới. Hai mươi ba tuổi thì xuất gia với Tuệ Quang, Tuệ Quang liền trao giới. Nghe suốt mà không nghỉ ngơi, mới hao tổn đến sức lực. Song ở ý tạng có nghi bèn hỏi các vị học rộng, nhưng đều gợi mở trái ngược với chí mình, không có gì có thể thông suốt bèn khai phá tất cả  soạn Hoa Nghiêm Sớ bảy quyển. Giảng sự tướng những vẫn tỳ tán Huyền lý, nổi tiếng hùng biện giảng nói rất hợp thời cơ. Từ Tề, Trịnh, Yên, Triệu đều đến giáo hóa. Các vị Tăng Nghĩa học theo ông có đến hơn ngàn, xuất gia cư sĩ gần năm trăm. Sau ngày Tuệ Quang tịch, Hoa Nghiêm đại giáo ở đây càng hưng thạnh. Triệu Quận Vương Cao Nguyên Hải, Thứ Sử Giao Châu Đỗ Bật đều là trọng thần nước Tề, đều kính thờ ngài. Bộc Xạ Tổ Hiếu Trưng tâu vua làm Quốc Đô luyện tập hài hòa đạo pháp và triều chính, không rơi vào mơ hồ huyền hoặc. Ngày 18 tháng 03 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ một bỗng bảo người hầu rằng Vô thường đã đến. Liền tụng niệm danh hiệu Phật Di-lặc, khi tiếng và hơi thở đã dứt hết thì các vị tăng ở bên đều thấy sắc mặt Sư rất vui vẻ, thọ bảy mươi chín tuổi. Mỗi khi Diễn có tiền đều cứu giúp người nghèo bệnh trước nhất. Giáo đem hóa độ thì như hành mà trao trước. Khi thấy kinh tượng thì liền lễ bái đón rước. Giữa đường gặp kẻ nghèo đói thì than khóc, lại luôn luôn thích nghe giới. Qua lại hai lần cung vua, gặp vật cay tanh hôi thúi thì mất chẳng nhìn ép phóng hơi dưới. Thân khi ra khỏi cửa vì phòng Tăng thanh tịnh mà chẳng chịu để người xông ướp quét dọn. Trước khi chưa mất có người mộng thấy Diễn mặc áo đỏ búi tóc, tóc mai đến lưng, có hai đồng tử hầu bay lên hư không rồi đi về phía Tây Bắc, lúc đó liền mất. Lúc ấy đều cho rằng: Trong kinh Hoa Nghiêm Thiện Tài đồng tử cầu Thiện tri thức thứ ba mươi hai, là hình dáng của trời  Bà-sa-bà-đà-dạ.

***8- Thích Linh Dụ:*** Dụ họ Triệu, người ở Lộc Dương thuộc Cự Lộc. Lúc còn nhỏ, khi thấy hình tượng Sa-môn thì biệt hồi hướng nghe người giết mổ thì thương xót đổi sắc mặt, sáu tuổi đã theo mẹ thọ giới. Cha cấm đoán thì tâm thề không hủy giới. Bảy tuổi xin cha đi xuất gia,

cha vì thương nên chưa cho. Dụ tự than bảy tuổi không được xuất gia thì hư cả một đời, bèn theo thầy học giáo ngày càng đổi mới. Năm mười lăm tuổi cha đau cột sống phải chống gậy mà đi. Khi hết tang thì làm thinh đi đến chùa Ứng Giác ở quận Triệu đảnh lễ Thiền sư Bảo xin xuất gia. Bảo nhìn thần thái Sư bảo: Ta chỉ là duyên của ông, chẳng phải thầy ông nên đến chỗ tốt khác. Sư bèn đến Định Châu mà thọ Cụ túc giới thì tụng hai giới Tứ phần Tăng kỳ tự viết văn ấy, trong tám ngày viết tụng đều xong. Sau đi về phía Nam đến Chương Long ở chỗ Ẩn Công học khắp Luật Tứ Phần. Lại nương Bằng Công mà nghe Thập Địa. Sớm chiều xem xét phát minh các điều mới mẻ đều suy tôn Địa Luận Niết-bàn, rộng tìm giải thích cũ xuyên tạc mới lạ. Chỉ có Đại tập Bát-nhã sinh ra thì tự biết Tạp Tâm, Thành Thật đều cùng tận hang ổ. Mười hai mùa hạ ở Nghiệp Kinh khai giảng danh tiết nổi tiếng nói khiến như mới người nghe quy y đều gọi là Dụ Bồ-tát, đều theo thọ ba Tụ giới Đại pháp từ đây rộng khắp. Cho đến kinh Hoa Nghiêm lại rất lưu tâm nghiên cứu chỉ thú. Lúc đó gọi là Lệnh gia. Gặp Hoàng hậu Vua Tề bị bệnh nguyện nghe sách này. Chiếu Huyền các thông cử Dụ gánh vác. Lúc đó có một con gà trống thương theo chúng nghe giảng, khi nghe giảng xong thì gáy một hồi lớn rồi bay cao lên cây ở Tây nam, qua một đêm thì chết. Bệnh Hoàng hậu lại lành, đây cũng là thầm Ứng cảm thông. Do đó trong cung cúng thí ba trăm ca-sa Sư nhận mà phát ra. Tề An Đông Vương Lâu Duệ chí kính các tăng, kế đến trước Sư bấy giờ sợ hãi tuôn mồ hôi. Lui ta hỏi thì biết là bậc thần dị liền thờ làm giới sư chùa Bảo Sơn Sư mới đến lần đầu, Duệ làm thí chủ tất cả đồ vật đều bằng vàng bạc, đó là tiềm đức cảm người chính là loại này. Họ Chu Diệt nhà Tề hai giáo chìm mất bèn ẩn hình đời hoại, áo thì dùng vải thô đầu quấn dây gai, như để tang cha mẹ. Thề được Phật pháp mới mặc áo quần như cũ, dẫn đồng tục hơn hai mươi người ở trong xóm làng, đêm nói chánh lý ngày đọc sách tục đời Đại Tùy hưng thịnh lại mở mang Phật giáo. Dụ Đức quang Tiên ngạn tức dự Sưu dương. Vua hạ chiếu rằng: “Kính hỏi Pháp sư Linh Dụ chùa Đại Từ ở Tương Châu, trẫm tôn sùng Tam bảo, tình sâu quy hướng nguyện mở mang Đại Thừa hộ trì chánh pháp. Pháp sư phạm hạnh tinh dày, nghĩa lý kín xa, mở rộng Thánh giáo dạy kẻ điếc mù, đạo tục đều kính. Nghĩ làm ruộng Phước, kinh đô là chỗ thiên hạ cùng nhìn đến bốn phương đều hội tụ, cho nên xa mời Pháp sư cùng xây phước nghiệp, nên biết ý trẫm mà sớm vào kinh”. Khi pháp sư đi bộ vào Trường An thì đã bảy mươi bốn tuổi. Vua ra lịnh đợi ở chùa Hưng Thiện, ra chiếu nhóm hợp nhiều vị tăng, bình lập quốc thông. Chúng

bàn đồng lòng không có ý khác (là đề cử sư làm Quốc thống) Sư bèn cố nhượng nhưng không được, bèn dâng biểu xin về vua liền cho phép. Bộc Xạ Cao Dĩnh v.v... lại dâng biểu mời Sư ở lại. Vua bèn ra lịnh nên ở lại đây. Sư thưa: Chúa một nước không có hai lời, nay còn lưu lại thì tình không thể được. Do đó bảo học trò: Vua quan nương nhau lâu có thề rằng tiến thì lờn người khinh pháp, lùi thì đều ở xa mà kính, cho nên ta châm chước mà trái. Lại có ba sắc lịnh cương quyết mời sư xét làm như trên. Vua bảo Tô Oai rằng: Trẫm biết Sư Dụ cương chánh, là người tự tại, thật chẳng thể khuất phục. Bèn sắc lịnh cho Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh, Hữu Bộc Xạ Tô Oai v.v... đến chùa đọc sắc chỉ thay vua thọ giới hối tội và đưa tặng ba trăm xấp y gấm giúp chùa xây dựng vua tự tay viết bảng Hoành phi đặt là chùa Lộ Tuyền. Đã về quê xưa vẫn ra sắc hỏi nhiều lần. Sau nghe Nghiệp Hạ bảo rằng: Tự biết đời khác bèn bày sám hối thiện ác, khuyên gắng học trò mau dứt buồn khổ, đòi bút vội viết hai bài thơ. Đến canh ba bỗng biết có mùi thơm lạ đầy nhà, trong ngoài đều kinh ngạc. Sư liền niệm Phật mãi đến sáng, rồi an nhiên qua đời tại chùa Diễn Không, thọ tám mươi tám tuổi, tức ngày hai mươi hai tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp năm thứ nhất. Núi rừng rung chuyển, bèn an táng bên chùa Linh Tuyền ở Bảo Sơn, xây tháp kính thờ. Xưa sư rất tinh khiết chánh khí như mây xanh, hành động như núi cao, làm trở thành khuôn phép. Mẹ từng bệnh nặng theo đuổi đã cùng, giữa đường thì trở về, ấy là cắt ái mở đạo như thế. Có lần đến một chỗ giảng nói được phân nửa bỗng thấy giảng chủ nói có trồng vườn ra hẹ. Sư bảo: Bắt đầu hoằng pháp là loại bỏ nguồn lỗi nghiệp, ác chưa đổ, thanh đạo làm sao có. Giảng này chẳng nên lập lại giảng xong liền cầm tích ôm bát từ giã ra đi. Giảng chủ nói: Pháp sư chỉ giảng nghiệp này dễ dứt trừ. Liền mượn lưỡi cày của người làng một lúc cày nát hết bốn mươi mẫu hẹ. Ở đây có thể nói là như nghe mà làm. Hoặc lúc Đại đức cao quý thông đạt cùng với thấp kém lẫn lộn nối tiếp nhau hợp làm một. Hỏi: Thì nói ngược và dụ vào chiếu đều nghiêm túc tự giữ ồn ào, ưa thích yên tịnh. Do đó dưới tòa ni chúng chẳng dám hỏi mà tánh càng oai sảng lại bày thô tế quý đạt là ở đây hạ thừa đối một tới lui tự nó không hề đón đưa. Cho nên ngạn ngữ Nghiệp Hạ có nói: Pháp sư Diễn thì phục đạo mà chẳng phục tục, Pháp sư Dụ thì Đạo tục đều phục. Thật là ứng đối vô tư, phát lời thành luận. Từ trước sau ra làm Bi Kính đều gồm: Ca-sa làm bố thí đưa ra hơn ngàn bộ, khi bệnh khổ đến thuốc trị rất nhiều chỉ được hậu vị, trước khiến thờ Tăng, thân dự năm luân không hề trữ nạp trong lúc giảng trao. Mặt hướng về Tây, một đời chẳng khạc nhổ, thân không

chọn làm, miệng không chọn nói, người vật dạy bảo, bỏ hết đánh chửi cho đến trách hỏi trẻ con. Khuyên nhắc học trò đều tự nói tên mình gọi nhân quả thì lời khổ cắt đứt đều khóc lóc. Nếu nói làm có trái thì ngăn chẳng đồng, chẳng phải luật cho chùa pháp chẳng dừng, người nữ ni chúng thì chẳng trai giới và ở chung phòng chẳng khiến lên xuống. Đây là rộng lược khuyên người đời sau. Sa-di thọ giới cụ túc Hòa thượng đức khó cho đến chết chẳng làm. Tự nơi Sư khác chứng minh, đến lúc thì gặp chúng. Nếu trao cho ba nhóm giới thì bảy nhóm chúng đủ truyền. Nếu khi hoằng pháp thì mới cho nữ chúng vào chùa đều phải vào sau ra trước, đi thẳng không lưu lại. Nếu có buổi giảng pháp trang nghiêm, tiếng truyền vào nhà chẳng cần Sa-di cung cấp thân mặc thanh tu chớ nên thêu thùa. Quần thì trống trên bốn ngón tay, áo thì chỉ tới cùi chỏ. Tăng Kỳ-chi dài nhất đến cổ chân mà thôi. Lầm thấy y chế quá mức thì chúng cắt bớt, cho nên quần vuông lưng thẳng, mền len nệm da, các vật quý hiếm đắt tiền đều chẳng được đem vào phòng. Tăng Kỳ chi năm điều, do đó dùng vải, nếu có bông lụa thì đều cho người. Ngoài ra thì đồ mặc xấu xí mà thôi. Từ năm ba mươi tuổi có viết sách, soạn Hoa Nghiêm Sớ và Chỉ Quy hợp thành chín quyển. Ngoài ra còn có nội ngoại chương sớ truyện ký v.v... tổng cộng hơn trăm quyển hiện lưu hành ở đời. Nhưng dòng pháp ở Đông Hạ, Hóa Nghi khác bậc. Cho đến lập giáo bày hạnh giữ tín ngàn năm thì dụ là duy nhất.

***9- Thích Tuệ Tạng:*** Họ Hách, người ở Bình Cức nước Triệu. Mười một tuổi xuất gia, khi chưa thọ giới đã giảng kinh Niết-bàn. Sau nghe Trí Luận. Thập Địa, Hoa Nghiêm, Bát-nhã v.v... rộng thấy nêu ra ít người chẳng phục. Tuổi vượt bật hoặc (năm mươi tuổi) bèn ngầm lên núi Thước, gối đá uống nước suối, lắng tâm huyền áo, luôn nghiên cứu các sách mà lấy Hoa Nghiêm làm gốc. Tuy rỗng suốt hết các kín sâu, mà khiêm hư tự lui, kính mong bậc Thánh giúp chỉ bày đúng sai. Khi lên núi ấy đêm giáng linh cảm trên hư không có tiếng nói: Ấy là đúng. Nghe rồi nhân soạn Nghĩa Sớ đích thân này tự truyện, kẻ đến dự học đều thâu nạp. Vua tề là Võ Thành gửi thư mời vào Điện Đại Cực mở mang kinh này, pháp lữ rất đông, sĩ tộc đều hợp, lúc ấy đại quán rất thạnh. Từ đó chuyên hoằng bộ kinh này truyền tập rộng khắp. Gặp lúc nhà Chu bị hủy diệt, kinh đạo bèn ẩn nhân gian sống nơi rừng núi mà bảo hộ huyền nạp. Đầu đời Tùy mở pháp liền dự xuất gia. Văn Đế kính đức liền ở xa kính mời bèn đến gặp vua mà trình bày chỗ sâu kín, là một trong sáu vị Đại đức thời ấy. Vua ra sắc càng kính lễ nên suốt hai

mươi bốn năm bốn mùa không lui sụt. Vào ngày 29 tháng 11 niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ nhất thì bị bệnh mà mất tại chùa Không Quán thọ tám mươi bốn tuổi. Khi qua đời bảo để lộ bày thân thể, đệ tử vâng lời để thân Ngài dưới chân núi. Sau đem xương về xây tháp thờ tại ngọn núi trước chùa chí tướng ở Chung Nam.

***10- Thích Linh Cán:*** Họ Lý, người ở Địch Đạo thuộc Kim Thành. Ông nội là Tương Phong ở Thượng Đãng bèn theo Phong mà dời chỗ. Năm mười tuổi chí muốn nghe pháp, tâm thích trái tục, cha mẹ chẳng cản. Mười bốn tuổi đến chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Kinh xin làm đệ tử Pháp sư Diễn ngày đêm vâng thờ không biếng lười. Thường vào giảng đường tưởng chỗ ấy chẳng khác cung trời. Mười tám tuổi lại giảng Hoa Nghiêm Thập Địa. Trước mở Tông Bản đều cùng tốt. Gặp thời Chu Võ diệt pháp bèn ở nhà giữ giới. đời Tùy mở mang Phật pháp thì được tuyển cao. Mỗi khi Sư giảng kinh này thì người ở bốn phương đều đến nghe. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 7 vua ban sắc mời Sư trú tại chùa Hưng Thiện làm Sa-môn dịch kinh chứng nghĩa, đến năm thứ mười bảy bị bệnh hôn mê, chỉ có tim không lạnh nên chưa dám an táng. Sau tỉnh lại bảo ta lên trời Đâu-suất thấy hai Pháp sư Hưu và Viễn đều ngồi đài hoa ánh sáng rực rỡ, bảo Sư rằng: Ông và các đệ tử của ta sau đều sinh lên đây do đó giác ngộ lại càng tu nghiệp cũ, nghiêm chỉnh quán hạnh dứt giao tiếp mọi người. Niên hiệu Đại nghiệp năm thứ 3 về chùa Đại thiền định, có sắc vua mời làm Đạo tràng Thượng tọa, tăng đồ càng hưng thạnh, có công cứu vớt. Đến tháng giêng năm thứ 8 thì mất ở chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. Bèn hỏa táng ở phía Bắc núi Chung Nam. Xưa Sư có chí thờ kính, kinh Hoa Nghiêm, thường y theo kinh này mà thực hành quán Thế Giới Liên Hoa Tạng Hải và quán cung trời Di-lặc. Đến khi bệnh nặng mắt chỉ ngó lên chẳng nhìn mọi người. Lâu sau bèn như thường. Sa-môn Đồng Chân hỏi bệnh ở bên, Sư bảo Chân rằng: "Vừa thấy Đồng tử thanh y dắt đến trời Đâu-suất, nhưng vui cõi trời không lâu thì phải rơi vào luân hồi, nên Liên Hoa Tạng là chỗ ao ước. Chẳng bao lâu hơi thở dứt, phút chốc lại thông. Chân hỏi: Có thấy gì chăng? Sư đáp: Thấy nước đầy khắp hoa sen lớn như bánh xe. Ta ngồi trên đó, điều mong cầu đã mãn, rồi qua đời!

■

# HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

## QUYỂN 3

**6. GIẢNG GIẢI** (Phần Hạ):

1- Thích Tuệ Giác chùa Vũ Đức ở Tính Châu đời Đường

2- Thích Pháp Mẫn chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu đời Đường

3- Thích Tuệ Triều chùa Thần Túc ở Tương Châu đời Đường

4- Thích Đạo Anh chùa Phổ Tề ở Bồ Châu đời Đường

5- Thích Đạo Ngang chùa Hàn Lăng ở Tương Châu đời Đường

6- Thích Linh Biện chùa Đại Từ Ân ở Kinh Đô đời Đường

7- Thích Trí Nghiễm chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam đời Đường

***1- Thích Tuệ Giác:*** Họ Phạm, người nước Tề, thông minh biết rộng, khó ai sánh, hình dáng cao đẹp, cao hơn bảy thước, mắt sáng, y phục sạch sẽ, mặt mày cử chỉ ôn hòa. Sư đi đường mọi người đều nhìn ngắm. Tuy học rộng các kinh, nhưng lấy Hoa Nghiêm làm đầu, được thỉnh ở Cao Dương, lâu mà giảng giỏi, người nghe hơn cả ngàn, nhà cửa đông chật ngày người đến không dứt. Bèn nghỉ giảng pháp đợi có thí chủ mà làm giảng đường chứa đủ ngàn người. Xây cất trong một tháng thì xong. Khi lên Pháp hội rất thạnh. Sư có soạn các sớ Hoa Nghiêm, Thập Địa, Duy-ma.... Đến niên hiệu Võ Đức năm thứ 3, biết tim đau bèn bảo học trò: Ta sẽ đi đây. Rồi xuất tiền cúng dường Tăng, cùng chúng thủ quyết, do đo suốt đêm chánh niệm đến sáng thì an nhiên thị tịch, thọ chín mươi tuổi.

***2- Thích Pháp Mẫn:*** Họ Tôn, người ở Đơn Dương. Tám tuổi xuất gia thờ Thiền sư Anh làm thầy, đến Mao Sơn, nghe Pháp sư Minh nói ba luận. Lại nghe Thật Công người Cao-ly nói kinh luận Đại thừa, đích thân làm Nam Tòa đi quanh tòa ba vòng. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ nhất trở về Đơn Dương giảng kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn. Năm thứ hai, Điền Đô Đốc ở Việt Châu mới trở về chùa Nhất Âm, tiếp tục giảng

pháp. Lúc đó Sa-môn nghĩa học ở bốn phương tám trăm người, Tăng ở trong vùng một ngàn hai trăm, sĩ tục tập trung không thể nhớ hết. Lúc đó làm hội mừng pháp. Đến năm thứ 19, sĩ tục ở Cối Kê thỉnh Sư trú tại chùa Tịnh Lâm giảng kinh Hoa Nghiêm. Đến cuối tháng sáu khi đang giảng thì có con rắn to treo nửa mình trên đầu Mẫn dài bảy thước màu vàng ròng, phun ra ánh sáng năm màu, khi giảng xong thì biến mất. Đến hết Hạ thì trở về chùa Nhất Âm, ban Đêm có hai người mặc áo đỏ, lễ Mẫn mà thưa rằng: Pháp sư giảng bốn bộ Đại Kinh, công đức khó lường, phải đến phương khác mà giáo hóa cho nên từ phương Đông đến đón rước Pháp sư, đệ tử mấy mươi người đều thấy. Đến ngày 17 tháng 08 thì Sư tịch. Trước đó ba ngày ba đêm vô cơ mà tối đen, đến lúc sắp chết, bỗng có ánh sáng rực rỡ ban đêm mà sáng như ban ngày, mùi hương là chẳng mất ai nấy đều quái lạ. Đạo tục trang nghiêm đưa Sư đến an táng ở núi Long An. Sư có soạn Hoa Nghiêm Sớ bảy quyển.

***3- Thích Pháp Triều:*** Họ Trang, thuở nhỏ xuất gia theo nghiệp Tiểu thừa, lừng danh Giang Hán. Bởi vì Tượng Vương Triết Công ở Long Tuyền giảng ba luận, tâm sinh bất nhẫn bảo rằng: Ba luận nói về Không, người giảng còn mê đắm Không. Nói xong thì lưỡi thè ra ba thước, mắt mũi hai tai đều chảy máu, bảy ngày chẳng nói. Có Pháp sư Phục nghe việc bảo rằng: Ông quá ngu si, một lời nói chê hủy kinh hơn năm tội nghịch, nên tin Đại thừa mới khỏi mà thôi. Bèn khiến sám hối thì lưỡi thụt vào như cũ. Liền đến chỗ Triết chỉ nghe Đại thừa. Triết nói: Chết rồi làm bảy xứ tám hội Phương Đẳng, trăm ngày đã xong, liền đến chùa Thần Túc ở Hương Sơn, chân chẳng ra khỏi cửa, thường tu tập Đại thừa, bốn mùa thường giảng kinh Hoa Nghiêm để sám hối. Tháng tư niên hiệu Trinh Quán năm thứ 11 ngồi thiền trong tòng lâm thì thấy có ba người ăn mặc nho nhã xin thọ giới Bồ-tát. Thọ xong thưa rằng: Thiền sư đại lợi căn, nếu chẳng đổi tâm tin Đại thừa thì ngàn Phật ra đời cũng còn ở địa ngục đề phòng đây càng cố gắng, khóc lóc trở về chùa, ở trước phòng của người giảng mà nghẹn ngào chẳng nói được. Đem nước tưới tỉnh dậy bèn khóc lớn, đi nhiễu Phật mà sám hối, dùng đó làm việc thường. Lại ân cần hóa độ sĩ tục, tạo Hoa Nghiêm, Đại Phẩm v.v... đều một trăm bộ. Đến tháng ba năm thứ 13, trước Phật lễ sám rồi an nhiên ngồi mà hóa, thọ hơn tám mươi tuổi. Sư mất bảy ngày rừng cây trắng phếu, sau đó mới trở lại như cũ. Đây cũng biết tội có thể đổi, thật là đáng mừng. Chùa cách thành năm mươi dặm, theo thọ quy-giới hơn bảy ngàn người trấn phó Sơn Hà bèn lập Đại trai đàn, ở tại mộ có ba mươi

vị Pháp sư đều khai một kinh để cầu hương linh thoát khổ.

***4- Thích Đạo Anh:*** Họ Trần, người họ Y thuộc Bồ Châu. Năm mười tám tuổi, cha mẹ rất trọng bèn cưới vợ. Năm năm ngủ cùng giường mà thề không đụng nhau. Sau bèn đến Pháp sư Cự ở Tinh Châu mà nghe các kinh Hoa Nghiêm v.v... Đến niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 10, mới xuất gia. Bèn vào chùa Bách Thê ở núi Đại Hành mà tu hành Chỉ Quán, bỗng nhiên đại ngộ. Sau trú tại chùa Thắng Quang ở kinh đô theo Thiền sư Đàm Thiên nghe Nhiếp Luận. Thiên rất lấy làm lạ, khi không giảng kinh thường làm việc với Tăng nhân sự trình lý đã luôn điều tâm, thường bảo tôi nhắm mắt ngồi thiền như có chỗ đến, sau khi mở mắt trở lại thường biết. Cho nên đối với công việc dạo tâm quán việc, không để có chỗ trệ ngại. Nhưng thường khi ngồi mở mắt như sợi dây thường thường trải qua hai đêm. Trước không chớp mắt, sau vào thiền định mới bày dấu lạ. Từng giành đất với người, bỗng nhiên thây cứng đờ, khí dứt sắc đổi, bỗng muốn sình chương, người ấy bèn quy tâm hối lỗi thì mới nói cười như thường. Lại vào ao sáu đêm, nằm trên tuyết ba đêm, chỉ nói lửa than đất bẩn thật là khó lường. Một hôm, Sư giảng Luận Khởi Tín đến phần Chân Như thì lặng yên chẳng nói quái lạ đến xem thì hơi dứt thân lạnh, chúng biết là diệt tưởng. Cứ thế để yên, trải mấy đêm thì Sư xuất định. Lại có hạn hán, Sư bèn giảng thỉnh Hoa Nghiêm để cầu mưa, thì có hai ông lão dáng vẻ dị thường đều có hai trẻ hầu thường đến nghe kinh. Anh lấy làm lạ về sau nhân hỏi nguyên do thì đáp: Đệ tử là Thần biển ưa thích kinh này nên đến nghe. Sư nói: Nay đã vì Đàn-việt giảng kinh, thỉnh ra gió làm mưa. Thần ra lệnh hai trẻ, hai trẻ bèn từ cửa sổ ra phút chốc ào ào mưa xuống xa gần đều nhờ. Hai ông lão bái tạ phút chốc lui mất. Lại khi sắp mất thì đòi nước tắm gội rồi trở về chỗ ngồi, đắp Đại y bảo học trò rằng Vô thường đã đến. Nhưng chẳng thể tự dối bèn khiến tụng kinh này và kệ Hiền Thủ, đến đoạn thuộc Quảng thì khiến người hầu niệm Phật rồi an nhiên mà tịch. Lúc ấy tháng chín niên hiệu Trịnh Quán năm thứ 10, thọ tám mươi tuổi. Khi sắp mất thì cảm bầy chim mấy muôn con kêu tiếng bi thương. Có hai trẻ mặc áo xanh cầm hoa đi vào, hơi tím như ánh sáng từ trong thân Sư phát ra sáng rực. Chung quanh hai mươi dặm người vật đều mất sáng, ba ngày mới hết. Bạn tu hành trong sông núi Bồ Tấn nghe tin buồn cùng đến như tang cha mẹ. Lại cảm voi trâu kêu rống chảy nước mắt không thôi, bỏ ăn cỏ nước suốt bảy ngày. Khi sắp đem chôn thì dưới một cái cuốc đất đai rúng chuyển mạnh chu vi mười lăm dặm đều rất sợ hãi. Lại cảm được

hai luồng ánh sáng uốn lượn quanh khám, có hai con chim trắng bay lượn kêu hót đưa đến huyệt mộ. Mới biết Sư đạo khai vật ngộ, tuệ giải nhập Thần cho nên được tướng linh hiện bày còn mất đều hợp, chẳng phụ thân thế, thật là người này.

***5- Thích Đạo Ngang:*** Không rõ họ, người ở quận Ngụy. Phong thái trong sáng cao thượng ở đời, Tuệ giải khai ngộ. Trước đến Pháp sư Linh Dụ mà xuất gia. Đã gội nhuần thanh hóa yêu kính cha mẹ năm tháng lạnh nóng mà lên vị cao. Ông thường ở chùa núi Hàn Lăng đào luyện Sơ giáo, mặt trời chiếu núi cao chính là đây. Ông thường giảng Hoa Nghiêm Địa Luận vượt hơn các tiên triết. Lại từng giảng trong đêm không cầm đèn đuốc. Sư đưa tay cao chỉ liền có ánh sáng lạ chiếu sáng khắp nhà. Đại chúng thấy điềm này, chẳng biết từ đâu đến. Sư nói: Ánh sáng này thường có trong tay, có gì lạ. Phước nghiệp thạnh sâu thật khó lường. Độ vật cảnh này mà chí kết Tây phương, thường nguyên sinh An Dưỡng. Sau tự biết mạng hết dự báo với người có duyên, thời gian chưa lường biết được lời nói. Tháng hẹn đã đến, không hề đau ốm. Hỏi giờ ngọ trai đến chưa? Lúc này cảnh lần lượt theo ta liền lên tòa cao thân gồm tướng lạ, lò hương phát ra mùi thơm lạ. Bèn dẫn bốn chúng thọ giới Bồ-tát, lời lý thiết yếu, người nghe lạnh lòng. Lúc đó bảy chúng vây quanh thưởng thức đạo vị. Sư ngước mắt nhìn lên cao, liền thấy các vị trời tán hoa đàn sáo đông đảo. Trong đó có tiếng bảo chúng rằng: Tiếng nhạc trời Đâu-suất đà đến đón rước. Sư nói: Cõi trời là gốc sinh tử, do đó không phải nguyện ước của tôi, tôi thường cầu Tịnh độ vì sao không toại. Nói xong liền thấy nhạc trời phút chốc biến mất, lại thấy hương hoa âm nhạc từ phương Tây bay đến lượn quanh trên đầu, cả chúng đều thấy. Ngang nói đại chúng ở đây, nay linh tướng đến đón rước, vậy phải cùng đi. Nói xong chỉ thấy lò hương trên tay rơi xuống mà tịch ở trên tòa cao, thọ tám mươi chín tuổi. Đó là tháng 8 niên hiệu Trinh Quán năm thứ 7. Đạo tục đều thấy băng động như núi. Khi tẩn liệm thì dưới chân có ánh sáng khắp nhà. Sinh ra từ văn tự nếu chẳng phải Đạo hội Linh Chương, hành phù hợp với Lân Thánh, thì làm sao có thể hiện ra điềm lành này. Đưa tang đến núi Hàn Lăng, đào hang , trải xuân chẳng hư rả, vẫn ngồi sừng sững.

***6- Thích Linh Biện:*** Họ Lý, người ở phục đạo thuộc Lũng Tây. Ông nội là Long Tương đời Cao Tề, làm Tư Mã ở Tương Châu cha là Lăng-già, làm Lục Sự Tham Quân đất Lạc Châu đời Tùy. Bèn dời về ở

vùng Lạc. Biện sinh ra mà không nói, lặng lẽ như ngu. Tám tuổi mới nói, nói rất thông minh cả dòng họ đều lấy làm lạ, do đó đặt tên là Quảng Biện. Sau vì trùng tên với Tùy Dạng Đế mà đổi tên. Năm mười tuổi thì có tang cha thương xót quá mức. Người Bác là Pháp sư Càn thương tình đem về nuôi dạy cho Nghĩa Phương. Năm mười ba tuổi xuất gia trú tại chùa Thắng Quang. Cán vốn có quen biết với Thiền sư Đàm Thiên, Chi Lan rất hợp, nhân đó sai Biện đến hầu mà học hỏi thêm. Ban đêm Biện nghiên cứu bỗng thấu hiểu các nghĩa sâu kín. Mười tám tuổi giảng Luận Duy thức, Khởi Tín và các kinh Thắng man, Duy-ma. Sau khi thọ giới thì ngày càng tiến về Đức. Lại giảng kinh Nhân Vương, Luận Thập Địa Địa Trì, Nhiếp Đại Thừa v.v... nhưng cho rằng: Nhất Thừa Diệu Nghĩa thì không gì vượt hơn Hoa, Nghiêm. Bèn bỏ diễn giảng mà ở chỗ Pháp sư Trí Chánh, chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam nghiên cứu kinh này tột công thầy trò, đủ nghiệp Truyền Đăng góp nhặt các kinh, tìm cầu nghĩa lạ. Sư có soạn Sớ mười hai quyển, sao mười quyển. Chương ba quyển đều lưu hành ở đời. Sư thường ở Cung Sùng Thánh chùa Hạc Lâm, chùa Đức Nghiệp, Điện Bách Phước v.v... mà hành truyền giới pháp nên tăng ni kinh hành và các châu đến thọ quy giới hơn cả ngàn người. Đã giảng Hoa Nghiêm hơn bốn mươi tám lượt. Sau nhân giảng trú tại chùa Bồ-đề, liền biết bất niệm, bỗng nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, vào ngày mồng 05 tháng 09 niên hiệu Long Sóc năm thứ 3. Tánh Sư thuần hiếu, mỗi khi giảng kinh gặp văn nói về ân nặng cha mẹ thì nghẹn ngào nín lặng hồi lâu, hoặc do đó mà bỏ giảng. Tiếng nhạc ồn ào do đó chẳng đoái hoài, từ nhỏ đến già quần áo giày dép đều tự may tự giặt chẳng nhờ người, đệ tử hoặc bốn người trở lên sớm tối hầu hạ, nếu có dạy bảo thì bảo ngồi nghe nếu không có việc gì thì bảo đứng dậy đi ra. Nếu có hỏi đáp thì tự xưng tên mình. Đây cũng là dạy phép tắc biết kính trọng người.

***7- Thích Trí Nghiễm***: Sư họ Triệu, người ở Thiên Thủy. Tổ Tiên đều có chí cao thượng. Cha là Cảnh làm Lục Sự Tham quân ở Thân châu. Khi xưa Mẹ nằm mộng thấy vị tăng Ấn-độ, tay cầm tích trượng bảo rằng: Hãy mau trai giới tịnh thân tâm ngươi. Chợt thức giấc, lại nghe có mùi thơm lạ thì biết mình có thai. Khi Sư sinh được mấy tuổi thì khác trẻ tầm thường, hoặc đắp đất làm tháp hoặc kết hoa thành lọng, hoặc sắp các bạn làm người nghe giảng kinh, còn mình thì làm Pháp sư. Năm mười hai tuổi có thần Tăng Đỗ Thuận đi nhanh vào nhà vỗ đầu Nghiễm bảo Cảnh rằng: Đây là con ta, trả lại cho ta. Cha mẹ biết là có

đạo thì mừng rỡ bèn cho. Thuận giao Nghiễm cho Thượng túc là Pháp sư Đạt nhờ dạy dỗ, sáng tối tụng trì không hề hỏi lại. Sau có hai vị Tăng Ấn-độ đến chùa Chí Tướng thấy nghiêm thông minh phi thường bèn dạy cho Phạm Văn (tiếng Phạm) không mấy ngày thì thuộc làu. Vị Tăng Ấn-độ bảo các tăng rằng: Đứa bé này sẽ là người tài mở mang Phật Pháp. Năm mười bốn tuổi thì xuất gia, lúc đó đời Tùy sắp mất, người dân đói khổ. Sư tuy còn trẻ mà kháng chí kiên cường. Sau nương Pháp sư thường nghe Luận Nhiếp Đại Thừa, chưa đầy mấy năm thì ngôn từ giảng giải tinh vi. Thường nhân các bậc Long tượng nhóm họp mà khiến đọc nghĩa. Lúc đó có Pháp sư Biện là Huyền môn chuẩn đích, muốn xem thần khí của Sư bèn đến hỏi đáp, thì từ lý cao tột đều khen là tuệ ngộ triết nhân. Sau khi thọ giới Cụ túc thì nghe luật Tứ Phần, Ca-diên, Tỳ-đàm, Thành Thật, Thập Địa, Địa Trì, Niết-bàn v.v.... Sau ở chỗ Pháp sư Lâm mà rộng học trưng tâm, thường ẩn để tìm hiểu tận tường. Lúc đó đời gọi là Đắc ý. Sư thấy Pháp môn quá rộng, biển trí quá sâu, bèn đến Ty Nam chưa biết để đâu, mới đến trước kinh tạng kính lễ mà lập thề đưa tay mà lấy liền được Hoa Nghiêm liền trú tại chùa của Pháp sư Trí Chánh nghe học kinh này. Tuy nghe kinh cũ mà vẫn mong lời giảng mới, nhưng có nghi bèn xem khắp tạng kinh tìm các giải thích theo Luật sư Truyền Quang Thống Văn Sớ cho rằng Biệt Giáo Nhất Thừa có vô tận duyên khởi nên vui mừng được gặp. Sau gặp vị Tăng lạ đến bảo rằng: Ông muốn hiểu nghĩa Nhất thừa chăng? Đó là nghĩa sáu tướng trong Thập Địa, cẩn thận chớ khinh, nói xong liền biến mất. Nghiễm kinh ngạc hồi lâu. Nhân đó nghiên cứu kỹ, do đó mở rộng, bèn lập giáo phân tông soạn Sớ kinh, lúc đó là năm thứ 27 tuổi. Lại bảy đêm hành đạo cầu thỉnh phải quấy. Bèn mộng thấy thần đồng mong được ấn khả mà dừng lại nơi đầm cỏ, không tranh với thế gian. Đến khi tuổi già mới dừng việc hoằng tuyên. Hoàng trữ vãng Phong bái Vương, đích thân làm giảng chủ nhiều lần sai Phủ Ty cung cấp cúng dường, giúp cho chính pháp nhờ đó không dứt. Nhưng tinh luyện nhiều việc, suy tư tường tận với nhiều khả năng. Ông vẽ một bức tranh về thế giới Liên hoa tạng, nổi tiếng cả vùng Thông Hà, xưa nay chưa hề nghe xưa nay chưa nghe. Đến niên hiệu Tổng Chương năm thứ nhất thì mộng thấy Đài Bát-nhã trú tại chùa sụp đổ, học trò là Tuệ Hiếu cũng mộng thấy cây cờ cao đến Vân Hán (cao ngút trời) hạt châu trên đầu cột cờ sáng rỡ như mặt trời dần dần đời đi vào kinh liền ngã. Sự tự biết sắp chết, bảo học trò rằng: Ta với huyễn thân này theo duyên không tánh, nay sẽ về Tịnh độ, sau sẽ đến thế giới Liên Hoa Tạng. Các ông theo ta

cũng đồng chí này, bỗng đến đêm 29 tháng 10, thần sắc như thường nằm nghiêng bên hông phải mà mất trú tại chùa Thanh Tịnh, thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc đó có Nghiệp Tịnh Phương (người tu nghiệp Tịnh độ) đêm ấy nghe trên hư không có tiếng nhạc từ phương Tây vọng đến phút chốc thì đi mất. Cho là điềm phước đức vãng sinh. Sáng hôm sau đến hỏi thì quả đúng như thế. Sư có soạn Nghĩa Sớ, giải thích các kinh luận gồm hơn hai mươi quyển, đều giản lược chương cú phân tích rõ ràng mới lạ, cho nên được mọi người xem là ít có, học trò xem là Hiền Thủ, đến niên hiệu Vĩnh Long, người huyện Trường An ở Ung Châu là Quách Thần Lượng phạm hạnh thanh tịnh bỗng bị bệnh chết ngang, các vị trời dẫn đến cung trời Đâu-suất kính lễ Di-lặc có một Bồ-tát hỏi lượng rằng: Sao không thọ trì Hoa Nghiêm? Đáp: vì không có người giảng. Bồ-tát nói: Có người đang giảng sao bảo là không. Lượng sau sống lại, bèn kể lại cho Pháp sư Bạc Trần. Luận bàn việc ấy nhờ đây mà rõ đứng đầu là rộng chuyễn pháp luân thứ hai là dấu tích học hỏi sâu xa, ôm chí thành công tốt đẹp mà chẳng thật, từ lâu đi theo bóng đen huyền ảo Đại Chi Thánh Thần Hoàng đế, gieo trồng đạo chủng ở nhiều kiếp sẽ vui mừng mở rộng ở ức triệu. Đại Vân thọ ký sẽ thành vua Kim luân. Vẽ sông cảm ứng đánh trống ngọc mà đến. Đây Thánh kia thần vận sáu thần thông mà chẳng tột, đều tốt đẹp cả, hợp mười thiện mà hóa vô biên. Thoát lưới khóc tội, vượt hạ đè ân, thế là cục đất vòng quanh tương thành ở phần thủy, mặt trời trí tuệ còn ở một việc cỏn con. vì vậy, xoa từ đỉnh đầu đến gót chân tinh hoa đều hướng về mười lực, nắm lấy tóc nhả ra cơm cháo, tích tụ thể chất gỗ, ráng màn chiếu trong ngàn cửa, cầm chén dộng gậy, mây mù cuộn trong chín tầng, trong Hà Cảnh ngàn môn, thừa bôi chấn tích vụ tập trong cửu trùng chi nội. Tuy Hán Ngụy khác cảm, Lương Tề tin sâu cũng đâu đáng nói. Đây là mở kho báu trong Cung rồng đón hào kiệt ở động voi, thì nhật nguyệt nối nhau năm tháng chẳng dứt. Khen ngợi đức của Phật, ca tụng lời pháp thì đàn sáo tuôn tràn bút mực góp chứa. Đêm mồng bảy tháng giêng, niên hiệu Vĩnh Xương năm thứ nhất. Vua ra sắc các Tăng ở phía Bắc cửa Huyền Võ lập tòa cao Hoa Nghiêm, tám hội đạo tràng, mở mang Diệu Điển Phương Quảng. Trong tám ngày mà số Tăng Ni đông đến hơn mấy ngàn người, cùng lập trai hội. Lúc đó có Ty Tạng Băng được một đoạn băng (pha lê( tốt lành) trong đó có hai ngôi tháp Phật hiện rõ trong băng cao hơn một thước, tầng cấp tự thành màu như bạc trắng, hình tướng đầy đủ, chiếu sáng lấp lánh. Vua sắc để bày cho chư Tăng xem, đại chúng đều kinh lạ, buồn vui đảnh lễ đều cho là Thánh đức cảm được thật là điềm

lành hiếm có. Vua đích thân viết thơ và lời tựa nghe kinh Hoa Nghiêm. Có lời rằng: Nhân việc tạm rảnh, nghe giảng Hoa Nghiêm xem biện trí dọc ngang thấy bước đi rồng voi, đã giúp huân tập. Đốn giải nghi sâu, nêu ước ao nên đề mấy chữ. Có lời rằng: Pháp tịch mở Phương Đẳng, đạo tục đầy Pháp Hội, Thánh chúng đều nhóm họp, hoa trời dưới nắng tươi, tòa phân ngàn hoa lá, hương tỏa sáu vầng thơm, chuông vang xa hữu đảnh, tiếng Phạm khắp vô biên, một âm nói nghĩa màu, bảy xứ lại nói bày Duy tâm nói tám hội, sạch nghĩ thể ba thiền, đã biết không sinh diệt, thường vui Phật hiện tiền. Do do thế giới Liên Hoa cuộn sóng lớn của Hải ấn, vi trần sát độ gộp vào mạng lưới Nhân-đà-la. Thánh thượng vạn cơ đã rãnh, thương xót muôn dân. Sáng bảy giác để ngộ bến mê, bày bốn biện mà kinh rồng điếc. Huyền môn đến tột, trong khoa Vực mà riêng tốt. Tinh nghĩa nhập thần, lịch phồn biểu mà riêng cao. Một âm Diệu màu thật là nghe chỗ chưa nghe, bảy chỗ hoằng tuyên thật là thấy chỗ chưa thấy, lẽ nào cùng với phu ngựa của Hoàng đế ca ngợi dễ dàng nêu bày thông suốt lời thơ của Hoàng Hậu, mà nói là có thể giống như mặt trời hay sao?

- Pháp sư Đàm Vô Tối, chùa Dụng Giác ở Lạc Đô, đời Ngụy.
- Ý Pháp sư, ở Bắc Đài đời Ngụy (có sớ chẳng biết mấy quyển).
- Thiền sư Tăng Viễn cúng Tháp , ở núi Lâm Lô, đời Tề.
- Tăng Pháp sư, chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, đời Tề.
- Pháp sư Đàm Tuân, ở Nghiệp Trung, đời Tề (có Sớ bảy quyển).
- Pháp sư Tuệ Thuận chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ, đời Tề.
- Pháp sư Huyền Sướng, chùa Tề Hưng, ở núi Tề Hậu, thuộc Thục Quận, đời Tề.
- Pháp sư Đạo Bằng, ở chùa Bảo Sơn ở Nghiệp Tây, đời Tề.
- Pháp sư Thuyên chùa Chỉ Quán ở Nhiếp Sơn, đời Trần.
- Pháp sư Pháp Lãng chùa Hưng Hoàng ở Dương Đô, đời Trần.
- Pháp sư Tuệ Tượng chùa Đại Thiền Chúng ở Dương Đô, đời Trần.
- Pháp sư An Lẫm chùa Kỳ-xà, ở Chung Sơn đời Trần.
- Pháp sư Hồng Tuân, chùa Đại Hưng Thiện, ở Tây Kinh, đời Tùy (có sớ bảy quyển ).
- Pháp sư Đàm Thiên, Đạo Tràng trong Thiền Định , ở Tây Kinh, đời Tùy (soạn sớ Minh Nạn một phẩm).
- Pháp sư Tuệ Viễn, chùa Tịnh Ảnh, ở Tây Kinh, đời Tùy (có Sớ quyển bảy bản thành mà chưa giảng).
- Pháp sư Tịnh Uyên trong Đạo tràng Chí Tướng , núi Chung Nam,

đời Tùy.

- Pháp sư Tuệ Giác chùa Tuệ Nhật, ở Giang Đô, đời Tùy.
- Pháp sư Cát Tạng chùa Diên Hưng, ở Kinh đô, đời Đường.
- Pháp sư Trí Cư, chùa Kiến An, ở Thường Châu, đời Đường.
- Pháp sư Trí Chánh chùa Chí Tướng, núi Chung Nam, đời Đường (có sớ mười một quyển).
- Pháp sư Tuệ Trì chùa Hoằng Đạo, ở Việt Châu, đời Đường.
- Pháp sư Tuệ Trách, chùa Thanh Thiền, ở Kinh đô, đời Đường.
- Pháp sư Tuệ Duệ, chùa Quang Phước, ở Tương Châu, đời Đường.
- Pháp sư Quang Giác, chùa Phổ Quang, ở Kinh đô, đời Đường (có sớ mười quyển).

Các vị Tôn Đức trên đều là những vị hiểu thông nhiều nghề, lại hoằng kinh này hoặc làm ra vẻ khiêm tốn đối với tác dụng tiềm tàng của sự nghiệp hoặc có chí chưa theo, đã chẳng phải chuyên nghiệp, lại không có điềm lành cho nên chép thẳng kèm theo đây. Ngõ hầu biết người trọng đạo này thì tiếng thơm mãi chẳng dứt.

■

# HOA NGHIÊM KINH TRUYỆN KÝ

## QUYỂN 4

**7- PHÚNG TỤNG**, gồm các vị sau:
1- Thích Phổ viên
2- Thích Phổ Tế
3- Thích Biện Tài
4- Thích Tuệ Ngộ
5- Thích Đàm Nghĩa
6- Luật sư Uyển
7- Tam tạng Nhật Chiếu người Trung Thiên-trúc.
8- Cư sĩ Phàn Huyền Trí
9- Sa-di Bát-nhã Di-ca nước Vu-điền.
10- Người họ Vương ở Kinh đô.
11- Tỳ-kheo-ni Vô Lượng.

***1. Thích Phổ Viên***: chẳng biết họ. Thanh Nghị kể rằng dường như ở vùng sông biển. Ở thời đầu Chu Võ, Sư đến Tam Phụ dung mạo khôi ngô không thích lừng chừng, có thần thái của bậc Đại phu. Trải khắp các danh sơn sông lớn tướng phần theo hạnh Đầu-đà, ưa Từ cứu lợi ích làm đầu. Có người đến thì vội dẫn dắt chỉ bày hạnh môn, khiến tôn trọng khổ tiết. Thường đọc tụng kinh Hoa Nghiêm, y theo đó tu Định, dụng tâm khắp đến, bất giác trải qua sáng tối. Có lúc khất thực tạm đến thôn xóm thì thường ở bìa rừng gõ mã mà nhiếp tịnh tư duy. Đêm bỗng có quỷ đến hình dạng rất đáng sợ, bốn mắt sáu nanh tay cầm gậy cong thân đầy lông lá đến trước trợn mắt nhìn, nhưng đều không sợ, chẳng bao lâu thì rút lui. Việc đó chẳng phải một, có người đến xin đầu viên sắp chém đầu mà cho thì ngăn lại, đổi qua xin mắt bèn muốn khoét mắt mà cho thì ngăn lại. Lại xin tay liền tỳ tay vào cây chặt đến cùi chỏ mà cho, hôn mê té dưới đất. Do đó mà chết ở Phàn Xuyên thuộc Giao Nam. Đạo tục đều thương xót kính mến như tang cha mẹ. Sau khi thiêu rồi phân chia tro xương, các nơi xây tháp thờ.

***2. Thích Phổ Tế.*** Người ở Bắc Sơn thuộc Ung Châu. Trước xuất gia y chỉ Thiền sư Viên, nghiệp hạnh tinh khổ một mình ở rừng núi chẳng ngủ ở nhà người ngồi kiết già tu thiền. Đến tuổi già dời về nơi hoang hiểm chẳng sợ sói lang, tuy đi khắp nơi mà tay chẳng chọn quyển thường đọc kinh Hoa Nghiêm y đó mà kết nghiệp, hai ngày một lượt lấy đây làm thường. Tiếng rất điều nhã, mở sáng lý ngoài từng dụng tâm khổ cho đến ói mấy đấu máu, bỏ tụng nhịn ăn trải qua ba ngày, đồng đạo đều thương lo lắng thuốc men. Sư bảo: Kinh nói thuốc đời trị bệnh lành rồi lại sinh, Như lai trị bệnh thì lành chẳng bao giờ sinh lại, sao lại dùng thuốc này v.v...? Bèn tắm gội sạch sẽ đầy đủ hương hoa lễ Phật mười phương lớn, tiếng tụng kinh, được bình phục như xưa. Từ khi Phật pháp bị bỏ bê, liền đến các núi Thái Bạch không đem theo lương thực, đói thì ngậm cỏ nhai nuốt cũng không bị bệnh nguyện tượng giáo được hưng mà xả thân cúng dường, tu hạnh Phổ Hiền sinh vào nước Hiền Thủ. Đầu niên hiệu Khai Hoàng mở lớn pháp môn, nghĩ nguyện đã mãn liền xin xả thân, dẫn chúng nhóm hợp ở hang tro Tây Nhai, rộng phát hoằng thệ, tự gieo mình mà mất. Xa gần đều đến đầy khắp hang núi, bèn xây tháp trắng trên đỉnh núi cao mà thờ.

***3. Thích Biện Tài:*** không biết họ, xuất gia từ lúc nhỏ, thờ Pháp sư Dụ làm thầy, học nối giáo nghĩa, vì Hoa Nghiêm là kinh mà mọi người đều khen là Huyền Cực bèn lấy đọc nhưng không hiểu rõ bến bờ, tự giận mình chướng nặng ràng buộc bèn dốc lòng sám hối mà riêng hộ tịnh, làm hộp hương thơm đội trên đầu, đi nhiễu Phật trải qua ba năm. Liền mong thấy Bồ-tát Phổ Hiền chỉ trao sâu kín. Do đó bỗng nhiên tụng được văn trước sau như gương. Tài cảm được Thánh giúp càng cố gắng hơn. Do đó nghĩa lý gồm thông, lúc khai đạo lợi sau chẳng biết mất ở nơi nào. Lại có vị tăng quên tên họ, thấy sư có điềm lành bèn càng tin tưởng, nhân tập đội đầu cầu Văn-thù-sư-lợi giúp cảnh mát mẻ, tâm mong Thánh giúp. Lúc đi lễ bái, vòng quanh qua lại ban đầu không rời kinh. Mỗi khi chiều tối thì dùng ba gậy chống vào nhau đặt kinh lên trên rồi đốt hương lễ bái, ngồi kiết già ở dưới nghĩ chọn kín sâu, thường thực hành như thế, đến năm thứ mười bảy thì cảm được như trước. Nay hộp hương vẫn còn. Lúc đó Bảo Phúc Nham ở Phần Châu có Sa-di tên là Tuệ Cầu cũng ở trong tháp đầu đội kinh này, sau ba năm thì văn nghĩa đều hiểu, lúc đó gọi tháp này là tháp Hoa Nghiêm.

***4. Thích Tuệ Ngộ:*** đời Tùy trú ở Đạo tràng Thiền Định. Cùng với

một Tăng đồng chí đến núi Chung Nam, một người trì Hoa Nghiêm, một người trí Niết-bàn, ăn rau cỏ nương ở hang núi, trải qua nhiều năm, đều chuyên về nghiệp của mình ngày đêm không dứt. Bỗng có một người đến lạy chào xong xin thỉnh một vị đến nhà cúng dường. Hai vị tiến cử lẫn nhau. Người ấy nói xin thỉnh Pháp sư Hoa Nghiêm. Vị Tăng ấy sửa sang y bát mà theo người ấy đi trước không xa. Vị Tăng hỏi nhà thí chủ ở đâu? Đáp: Ở phía Nam núi này. Tăng nói hướng đó chỉ có khe núi đâu có xóm làng. Đáp: Đệ tử là Thần núi nhà ở trong hang núi, thỉnh Sư chớ lấy làm lạ. Tăng tuy tâm sợ nhưng vẫn trèo non vịn đá mà đi. Thần núi hỏi: Sư thọ trì Hoa Nghiêm chưa được thần thông sao? Đáp: Chưa được. Thần liền ôm vị tăng bay lên hư không phút chốc đến nơi. Bỗng thấy điện đường tráng lệ đẹp đẽ sân đầy thức ăn cúng dường ngàn vị Tăng. Sắp đến giờ trai, Thần bèn mời tăng lên ngồi tòa cao. Tăng hỏi lại có Tăng chăng? Thần đáp: Có nhiều, chốc lát sẽ đến. Tăng nói: Bần đạo hạ lạp còn thấp không dám ngồi tòa này. Thần nói: Sư thọ trì Hoa Nghiêm theo lý phải tôn thắng. Bỗng thấy Tăng lạ cầm tích trượng ôm bát bay trên hư không mà xuống số đến năm trăm chẳng biết từ đâu đến. Tăng ấy kinh ngạc sắp đến đảnh lễ thì đều chẳng nhận. Bảo rằng: Xin đừng đứng dậy Sư đã thọ trì Hoa Nghiêm thì bọn tôi phải tôn kính. Rồi làm thinh ăn xong bay lên hư không mà đi. Riêng chỉ tăng này chẳng biết nơi chốn trở về. Vị tăng bảo thần xin thí chủ chỉ cho đường về. Trong sân Thần ấy có hơn mười đứa trẻ khoảng ba tuổi trần truồng đùa giỡn. Thần bảo trẻ rằng bọn bây một đứa ra hầu Pháp sư. Chúng nhường nhau dụ dự không đi. Thần hét một câu thì một cậu bé vâng lệnh. Thần bảo tăng rằng xin thầy hả miệng. Nhìn vào miệng bảo thầy bị bệnh nặng, cậu bé bèn lấy đất dơ trong đầu móng tay bỏ vào miệng tăng, phút chốc bảo Sư mở miệng ra, nhìn xong rồi bảo bệnh thầy đã hết. Cậu bé liền tung mình nhảy vào miệng tăng quả là thuốc hay. Tăng bèn thành tiên. Thần bảo phiền Sư quá mức lại không cúng dường long trọng, lấy điều này để đền đáp chút ít, mong Sư không quở trách. Tăng nói: Hổ thẹn với thí chủ chẳng thể nói hết. Công đức thọ trì đều dùng để giúp cho huân tu. Do đó từ biệt bay trên hư không trở về chốn cũ, ngồi kiết già trên không xa bảo với đồng bạn rằng: Tôi nhờ năng lực Hoa Nghiêm mà được thuốc tiên. Người và tiên khác nhau nên không thể ở chung, ở chung bên nhau đã lâu nay mong hoan hỷ, ở đời sau sẽ gặp nhau trước Phật. Rồi bay lên hư không mà đi mất, bản kinh tụng cũng bay theo, chẳng biết ở đâu. Có năm chúng Thiền sư Đạo Thọ (ở dưới gốc cây), thiền môn cao hạnh là tông của Nghĩa học lại nói việc

này biết rất rõ.

***5. Thích Đàm Nghĩa:*** Đời Tùy, người ở Tính Châu, còn nhỏ đã xuất gia tại chùa Thập Lực. Giữ chắc giới cấm được cử các chức vụ, khổ tiết theo hạnh Đầu-đà thường ở trong núi Ngũ Đài, nguyện y Đại Sư Văn-thù mà siêng tu các Thắng nghiệp. Mỗi ngày tụng hai biến Pháp Hoa, đọc một pho Hoa Nghiêm, lấy đây làm thường. Như thế tu nhân suốt mấy năm. Sau cùng đệ tử là Đàm Huấn đi khắp các đài lễ bái cúng dường. Nhân đến Nam Đài thấy một Tỳ-kheo-ni không biết hiệu là gì, áo vải trắng tịnh, nghi mạo thanh nhã, đến chỗ ở thì trống không chẳng có nhà cửa chỉ có chỗ ngồi, song song bốn cột gỗ, chất cỏ làm chiếu, ngồi kiết già giữa chiếu. Nghĩa bèn kể lễ sự tình, nhân hỏi cô tu hạnh nghiệp gì. Ni đáp chỉ tụng Hoa Nghiêm. Nghĩa liền xin nghe. Ni đáp: Nay cùng Đại đức, Tăng Ni có khác. Mặt trời sắp lặn chẳng phải chỗ này. Xin đến hang Nam dừng ở hang đá. Nghĩa dụ dự chưa đi. Ni bèn đứng dậy lánh đi. Nghĩa bảo ý muốn nghe Hoa Nghiêm, do đó còn nghi hoài lưu luyến. Ni bảo đến đó ngủ đêm thì cũng được nghe. Sư bèn y lời đến hang đá, ở cách một hang khoảng năm, sáu dặm, đốt hương xa cúng dường, liền nghe Ni tụng Hoa Nghiêm, tiếng rất rõ ràng như cách chỉ mấy thước. Trước tụng pho thứ nhất thì từ xa thấy miệng ni phát ra ánh sáng tụng pho thứ hai thì ánh sáng ấy càng mạnh, đến pho thứ ba trở đi thì ánh sáng chiếu khắp hang núi sáng như ban ngày. Xa thấy hình Ni như đối trước mặt. Sau đến canh năm, hai pho mới hết. Sau tụng hết pho thứ sáu thì ánh sáng dần dần thâu lại. Đến hết kinh thì ánh sáng cũng tắt. Sáng đến Sư đem hương hoa đến cúng dường rộng phát hoằng nguyện đảnh lễ mà về. Sau có đến tìm thì không biết chỗ nào. Đệ tử của Đàm Nghĩa là Đàm Huấn sau đến chùa Thái Nguyên ở Kinh đô đến kể rõ cho Pháp sư Hiền Thủ nghe.

***6. Luật sư Uyển trú:*** Tại chùa Diên Hưng ở Kinh đô. Đức hạnh tinh khổ, giữ vững cấm giới. Trong niên hiệu Trinh Quán trên đường đi Bá Kiều, nhà ở trái đường, ngày đã gần tối do đó ngủ trọ. Bỗng có vị tăng lạ áo quần rách rưới cùng đến. Chủ nhân chỉ phòng khác, bèn đòi rượu thịt ăn nhậu. Luật sư hạnh như băng tuyết bỗng nhiên hổ thẹn. Vì Tăng ấy ăn xong liền lấy tro đậu súc miệng đóng cửa phòng tụng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, khoảnh khắc một pho vừa xong. Uyển bèn bó mình ôm thẹn đứng lặng mà nghe Huyền âm, chưa đến canh năm thì hết sáu pho. Phạm tự hối trách buồn bã khóc lóc rồi vào

phòng lễ bái sám hối. Do đó từ giã chẳng nói tên họ, chẳng biết ở đâu.

***7. Tam tạng Nhật Chiếu:*** Đã từng đi qua nước Nam Thiên-trúc tới một già-lam tên là Quật-thẩm-giá, Hán gọi là Nhạn, thấy các tôn đức chùa ấy đều thọ trì kinh Hoa Nghiêm. Nhân đó hỏi vì sao già-lam này lại lấy tên chim. Vị tăng ấy đáp: Xưa có Tỳ-kheo ăn uống đồng với người thế tục tụng Hoa Nghiêm để làm nghiệp mình. Sau chết rồi do phá giới mà sinh trong biển Nam làm một con nhạn thân cao ba trượng nói được tiếng người tụng kinh chẳng ngớt. Lúc đó có thanh tín sĩ ra biển lấy ngọc châu, gặp gió dữ thổi thuyền lật ôm tấm ván mà tấp vào một châu (đảo) áo cơm đều hết mà buồn rầu ở đó. Bỗng nghe trên cây có tiếng tụng kinh bèn đến nghe, thì thấy một con chim nhạn tụng kinh Hoa Nghiêm lấy làm lạ hồi lâu bèn khen rằng: Tụng giỏi, tụng giỏi lắm! Nhạn nghe khen liền đáp xuống cây nói tiếng người rằng: Ông hãy vì tôi mà xây Tăng-Già-lam được chăng? Đáp: Thân mạng ta còn chẳng cứu được làm sao xây chùa? Nhạn nói: Nếu ông làm được thì sẽ mang ngọc báu đưa ông về quê. Người ấy bảo: Nếu đúng như thế thì rất tốt. Nhạn bèn chở người trên lưng bay đến núi báu. Người này biết báu bèn lấy nhiều báu chất trên lưng nhạn rồi bay lên hư không vượt biển đưa về Thiên-trúc đến bờ đáp xuống. Nhạn nói: Xin ông vì ta xây tăng già-lam, lại lấy tên ta mà đặt tên chùa. Thanh tín sĩ rất nhớ ân sâu nuốt buồn mà từ biệt. Lại đem ngọc báu mà dâng lên vua. Vua bèn phong cho ấp gồm có năm trăm hộ, khiến xây chùa do đó đặt tên là Nhạn.

***8. Phàn Huyền Trí.*** Người ở Kinh Châu, tuổi ấu thơ đã khác tục thường nguyện tu đạo. Năm mười sáu tuổi bỏ nhà ở phía Nam thành tại kinh đô, gặp Thần Tăng Đỗ Thuận tu tập các thắng hạnh. Thuận liền bảo tụng đọc Hoa Nghiêm làm nghiệp, khuyên nương kinh này mà tu hạnh Phổ Hiền. Lại dẫn đến Pháp sư Chỉnh trú tại chùa Chí Tướng, vào núi Chung Nam ôn tập sách này bèn được một bộ đầy đủ. Sau mỗi khi tụng kinh trong miệng thường được xá-lợi, trước sau khoảng mấy trăm hạt. Tùy thân cúng dường đem thí cho mọi người. Danh sơn thắng địa xa xôi cũng tìm đến. Sau nhân đến trụ Xích Sa Hương ở Phòng Châu. Ở thôn Bắc Cốc có núi, cách thôn ba dặm ở trong đó có hang đá người học đạo đến ở. Trí cũng ở đây hơn hai mươi năm, hằng ngày tụng kinh Hoa Nghiêm, đêm tu thiền quán nhàn nhã suốt năm lấy đó làm thường. Trong khi tụng kinh thường có các loại chim thú cùng hợp nhau trong rừng im lặng không có tiếng động để nghe, sói lang hổ báo lúc đó cũng

hiền lành từng bị kẻ ác tụ tập cướp bóc, đẩy rớt xuống núi, tuy vách núi cao trăm nhẫn, mà vẫn không tổn hại gì. Đến niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ nhất, có người thấy trong khám có ánh sáng lạ đến xem, thì thấy Cư sĩ ở trong hóa đã lâu. Chúng bèn đem ra thì ánh sáng liền mất, thiêu xong xây tháp thờ, lúc đó hơn bảy mươi tuổi.

***9. Sa-di Bát-nhã Di-già-bạc:*** Ở nước Vu-điền, có giới hạnh thường tụng kinh Hoa Nghiêm lấy đó làm nghiệp thường, đã trải qua mấy năm thường có điềm linh. Lúc đó bỗng có hai người đến chỗ ấy lễ bái hỏi han chấp tay đứng qua một bên. Sa-di lạ vì hình dạng lạ lùng hỏi từ đâu đến bèn lấy tay chỉ lên trời đáp: Đệ tử ở trên ấy. Rồi dẫn Sa-di đến chỗ thanh tịnh ngụ ý bảo các vị trời khiến đệ tử đến mời Pháp sư. Sa-di kinh sợ không thôi. Trời bảo xin khởi từ tâm chớ sinh sợ sệt, thỉnh thầy nhắm mắt, Sa-di gắng gượng theo sau bèn đưa Sa-di lên trời trên mới thấy lầu điện đẹp đẽ phi thường. Vua trời quì mà thưa rằng: Các trời nay đánh nhau với Tu-la, nhiều lần bị thua. Nay thỉnh Pháp sư tụng kinh Hoa Nghiêm dẫn binh trời mong nhờ pháp lực khiến chúng tôi đánh thắng Tu-la. Sa-di nhân sự thỉnh cầu bèn ngồi xe Thiên Bảo cầm cờ phướn trời, tâm thầm tụng kinh Hoa Nghiêm mầu nhiệm. Chúng Tu-la thấy liền tự nhiên vỡ tan. Các vị trời đều vui mừng bảo rằng: Pháp sư cầu gì chúng tôi giúp cho. Sa-di nói ta chẳng cầu gì khác chỉ cầu Đạo Vô thượng Bồ-đề. Các trời tạ rằng: Sự mong ước của Pháp sư thật chẳng phải năng lực của chúng tôi, chẳng hay Pháp sư còn mong cầu điều gì chăng? Thì đáp: Ngoài ra ta không cầu gì nữa. Phút chốc liền đưa về chốn xưa, y phục Sa-di còn thơm nức hương trời. Sau đó mấy năm Sa-di nằm nghiêng bên hông phải không bệnh mà mất. Tự bảo được sinh về cõi Phật thanh tịnh. Vào ngày mồng 04 tháng 02 niên hiệu Vĩnh Xương năm thứ nhất. Tam tạng Pháp sư nước Vu-điền là Nhân-đà-la Ba-nhã-nhã trụ tại chùa Đông ở Thần Đô đời Ngụy kể lại cho Sa-môn Hiền Thủ nghe việc này đã trải qua ba mươi lăm năm rồi

***10. Người họ Vương:*** Ở Kinh đô niên hiệu Văn Minh năm thứ nhất, không rõ tên . Đã không có giới hạnh mà chẳng hề tu thiện. Nhân bệnh mà chết bị hai người dẫn đến trước cửa địa ngục, thấy có một vị tăng nói là Bồ-tát Địa Tạng, bèn dạy cho người họ Vương tụng một hàng kệ. Văn ấy thế này: Nếu người muốn cầu biết tất cả chư Phật ba đời, như thế phải biết quán, tâm tạo các Như lai. Bồ-tát đã trao Văn kinh rồi bảo rằng: Tụng được kệ này thì dẹp bỏ được địa ngục. Bèn vào gặp

vua Diêm-la. Vua hỏi người này có công đức gì. Đáp rằng: Chỉ thọ trì bốn câu kệ đủ như trên nói. Vua bèn thả ra. Khi tụng kệ này tiếng vang đến chỗ người chịu khổ thì đều được giải thoát, họ Vương ba ngày mới sống lại nhớ giữ kệ này nói lại với Sa-môn. Tham khảo văn kệ, mới biết là kệ xuất xứ từ kinh Hoa Nghiêm quyển mười hai phẩm Dạ-ma Thiên Cung Vô Lượng Chư Bồ-tát Vân Tập Thuyết Pháp. Họ Vương bèn kể lại cho Pháp sư Tăng Định trú tại chùa Không Quán nghe như thế.

***11. Tỳ-kheo-ni Vô Lượng:*** Họ Mẫn, người ở Trường An thuộc Kinh Triệu. Cả nhà quen tu thiện, đóng cửa ăn chay đều tụng kinh điển sớm tối không hề bỏ. Mẹ là người họ Triệu xưa mộng thấy một vị Tăng Ấn-độ cầm hai quả vàng trao cho bảo rằng: Cho con giống tốt phải khéo giữ gìn. Nhân đó có thai, bèn sinh ra Vô Lượng, tánh giới thiên toàn, tâm thích xuất tục. Năm mười một tuổi người chị dạy cho tụng các kinh Bát-nhã, Quán Âm v.v... đều không khai ngộ. Vô lượng rất hổ thẹn. Sau trao cho kinh Hoa Nghiêm ôm quyển mở văn ra xem thì như đã quen từ xưa ngày đọc năm tờ để tự cố gắng chưa đầy ba tháng thì hai pho liền xong. Sau do quá cố gắng nên tim hao tổn, lại mắc bệnh khác nên dừng tụng nhiều năm. Tâm rất hối hận bèn ở trước Phật đốt hương lập nguyện thề trì kinh Hoa Nghiêm hành đạo Bồ-tát, do đó mà bệnh lành, chỗ mong được toại, đọc tụng quên mệt mỏi. Năm vừa mười tám tuổi thì xong một bộ. Ôn tập nhiều năm lại càng tinh tấn. Đến niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ hai, có chiếu vua độ người thì cả nhà năm người đều xuất gia. Vô lượng đến chùa Đạo Đức, em trai là Tuệ tung mười bốn tuổi lại tụng kinh Niết-bàn trú tại chùa Từ Bi. Hai quả trong mộng chẳng phải là việc ấy ư? Còn ba người kia thì tụng các kinh khác hơn mấy trăm tờ, đạo tục đều lấy làm lạ, xem là ít có. Vô lượng đã vào đạo, về sau chí tiết càng bền chắc, thường tụng Hoa Nghiêm ba ngày một biến lấy đó làm nghiệp thường. Tất cả đều thọ giới Cụ túc khổ hạnh càng hết lòng, chẳng cần lụa là chỉ mặc áo vải thô, chẳng nhận lợi ích của tăng , chẳng ăn trong nhà căn của Tăng, sáu thời lễ bái, ba nghiệp chẳng thay đổi. Lại thêm lập tánh ôn hòa chí luôn từ ái. Mỗi khi thấy người nghèo bệnh đều từ bi thương xót. Các bạn đạo đều khen rằng: Tuy là người nữ mà người nam khó sánh bằng.

**8. CHUYỂN ĐỌC**, gồm các vị sau:

1- Thích Pháp Niệm

2- Thích Pháp An

3- Thích Phổ An
4- Thích Giải Thoát
5- Thích Minh Diệu
6- Sa-di Thích-ca Di-đa-la nước Sư-tử.
7- Cư sĩ Cao Nghĩa Thành
8- Thích Hoằng Bảo.

***1. Thích Pháp Niệm:*** Họ Vương, thuộc dòng họ lớn ở Đại Nguyên. Năm ba mươi tuổi xuất gia, tánh lựa chọn kiêu ngạo và thích dạo chơi. Có lần nằm mộng thấy mình xuống địa ngục chịu hình phạt, khi thức dậy thì nghĩ việc sửa đổi mà chưa biết bến bờ. Lúc đó gặp Sa-môn Trí Cự như có ngầm cảm bèn chuyên thành tụng niệm sớm tối không dứt. Mỗi khi cầm kinh thì khóc đến té xỉu. Như thế suốt ba năm. Sau bỗng lông mày bị rụng, bệnh ghẻ nhọt khắp mình, nghĩ nghiệp chướng đời trước đã đến nên nay phải chịu, bèn lập hội đại thí để đáp Thần công, ân cần tụng niệm lại trải qua ba năm thì bệnh ghẻ liền lành. Từ đó bèn khuyên khắp kẻ tục y theo pháp sám hối mười nhà tu thiện hết chín. Ông thọ sáu mươi tám tuổi mất tại chỗ ở.

***2. Thích Phổ An:*** Họ khoách người ở Kinh Dương thuộc Kinh Triệu. Thuở nhỏ nương Thiền sư Viên xuất gia. Khổ tiết quên việc đời mà tánh luôn hòa nhẫn, chẳng thích oán thù tàn bạo. Có khi thay người cam chịu các khổ dịch chỉ sợ các việc ấy hết. Tuổi già thì theo Pháp sư ái, thông suốt ba tạng. Thường tụng kinh Hoa Nghiêm và Thiền tư. Vào thời họ Chu diệt pháp phải lánh mình vào chốn rừng núi Chung Nam. Khoách rất tiết tháo ở đời nối gót sào phủ. Lại cùng Pháp sư Tịnh Uyên đồng ở núi rừng chuyển chọn sâu kín tiếp nối huyền lý thêm tu khổ hạnh quên thân vì người. Hoặc ở trần thì máu cho muỗi mòng, màu chảy đầy mình không hề sợ sệt. Hoặc nằm lăn ra đất thí mình cho cọp sói hổ báo để chúng nuôi con nhỏ, nhưng hổ báo chỉ ngửi mà không ăn. Sư thường cảnh giới hận mình không được toại nguyện. Lúc đó trời đất đã đóng tượng giáo đây mong, quốc lệnh nghiêm trọng chẳng cho trốn thoát. Các bậc Danh đức ở Kinh Bắc hơn ba mươi vị Tăng lánh mình ở đất Chung Nam hình hài chưa rõ, Sư liền triệu tập. Châu chữ làm tâm sâu kín để cho tự tại hiển lộ, tự thực hành khất thực chẳng sợ giết chóc. Nên có được cơm áo đầy đủ mà không bỏ nghiệp tu. đời loạn biết người, là nói Sư. Lúc đó có lệnh chiêu mộ, bắt được một vị Tăng bèn thưởng mười vật. Có người theo lời chiêu mộ muốn đến bắt An. An khuyên bảo

rằng thấy anh nghèo nàn xin nguyện giúp anh. Cho ăn xong rồi bèn cùng người ấy vào Kinh. Vua bảo người ấy rằng: Phép nước ta chẳng cho Đạo nhân ở dân gian, ngươi lại giúp gấp chẳng cho ở trong núi, nếu ngươi khiển trách nó thì làm sao sống được. Trẫm thấy Đạo nhân này thần thái chí khí chẳng muốn cầu sống nên thả cho vào núi chẳng cần xem xét. Sau này nhiều lần bị bắt cũng được khỏi như trước. Lúc đó Pháp sư Ái lánh nạn ở Nghĩa Cốc, Đổ Ánh đào hầm mà giấu. An được thả về bèn đến gặp. Ái nói: An Công thần chí tuyệt luận chẳng trốn vua dữ, khó ai sánh bằng. An nói nay được thoát nạn, là chỉ do sức thọ trì Hoa Nghiêm, tất cả sự mong cầu đều nhờ đây. Do đó thỉnh Ái về núi, đích thân chăm sóc, bốn phương xa nghe tiếng đều cùng đến. Ái và Sư bèn mở rộng nơi chốn đủ như trong Biệt Truyện nói. Đến đời Tùy thì Phật giáo hưng thịnh bèn chiêu mộ khắp các tăng còn sót về chỗ ở cũ. Lúc đó, trong một hang có ba mươi người theo chiếu vua mà xuất gia đều ở quan tự chỉ có An vui vẻ ở lại, chẳng vì tiếng khen vẫn ở núi cũ. Lúc đó có Thanh Tín Sĩ ở hai hang Tý Ngọ và Bảo Lâm cùng ở bên khe núi, kết tranh đào hang mời An về ở. Trước có đá lớn sợ lăn xuống đè nhà cửa, muốn dời đi. An niệm thầm rằng: Xin dời chỗ khác đừng làm hư hại nhà cửa. Đá bèn tự lánh chỗ khác. Chúng đều lấy làm lạ. An nói: Nhờ năng lực Hoa Nghiêm. Ở Khám Đông khe núi bên tả có Tố-đầu-đà là mối hại lớn của một vùng vì ghen ghét đức của An nên muốn giết An, bèn cùng ba người cầm cung lớn giáo nhọn. Khi giương cung bắn tên thì tên không lìa cung, cung chẳng lìa tay, mắt trơn miệng cứng, đứng suốt một đêm, chỉ ú ớ mà thôi. Người đi đường nghe thấy xa gần tụ tập, người làng lạy lục xin tha. An nói tôi có biết gì đâu, ấy là năng lực của Hoa Nghiêm. Nếu muốn khỏi thì chỉ có sám hối, như lời dạy mới được giải thoát. Lại bên Khám Tây ở Ngụy thôn có Trương Huy là kẻ chuyên trộm cướp, đêm đến chỗ An lấy trộm dầu cúng Phật khoảng năm đấu, đeo trên lưng mà trốn ra, đến trước cửa viện thì hôn mê bất tỉnh như bị trói cột chẳng cử động được. Bà con người làng đến tạ lỗi, An nói chỉ là năng lực Hoa Nghiêm tôi chẳng biết gì. Bảo khiến sám hối trả lại bình dầu liền được thoát. Lại ở Khám Nam có Trương Khanh đến trộm tiền An để trong tay áo mà đi khi về đến nhà giũ không ra cấm khẩu không nói được, người nhà đem đến sám hối thì bình thường ra về. Có Trình Huy Hòa ở thôn Trình Khoách rất tin tưởng, thường đến chỗ An nghe Pháp Yếu. Vì bị bệnh gần chết, trải qua hai đêm cột thây sắp liệm vào quan. An trước đó đã đi huyện Hô, trở về liền đến chùa Đức Hạnh ở Tây Nam cách thôn Đông Huy năm dặm, xa gọi Trình Huy Hòa vì sao chẳng

thấy đón rước, gọi mãi chẳng thôi. Người trong làng bảo Hòa chết đã lâu làm sao ra đón? An bảo đây là nói sai, ta chẳng tin. Liền đến thôn ấy lớn tiếng gọi to thì Hòa cục cựa, bèn cắt đứt dây. An vào sân lại gọi to thì Hòa bật dậy bỏ đến chỗ An. Bèn dẹp bỏ quan quách lật úp cái nơm để làm Phật ngồi, bảo Hòa đi nhiễu quanh thì bình phục như xưa, lại sống thêm hai mươi năm. Sau bị bệnh nặng lại đến cầu cứu thì An bảo: Thả ông đi lang thang không phải là ta biết được. Sau đó thì mạng chung. Lúc đó An nghe tiếng gió lay động xin được ở trên vai lập hội Kiến Phước có nhiều thông cảm. Ở ao Côn Minh Thôn Bắc Bạch, có bà lão bị bệnh nằm trên giường, trước đó trăm ngày không nói được, chỉ ra dấu cho trai gái nghĩ thấy hình An, con nghĩ ý mẹ thỉnh An đến nhà, mẹ bệnh thấy An bỗng ra đón, nói hỏi chỗ ở rồi im lặng như thường ngày bèn hết bệnh. Lúc đó tiếng An rung chuyển thôn làng đều đến đều dùng tiếng nhạc đi quanh các nhà báo tin muốn lập hội Đại trai. Trong thôn có Bạch Di Sinh, nhà chỉ có bức tường trống mà có bốn con gái, vợ mặc áo vải xấu chỉ đến gối, bốn con gái không có quần áo mặc. Con gái lớn tên là Hoa Nghiêm đã mười hai tuổi chỉ có hai thước vải thô đem bố thí. An dẫn người trong làng đến chỗ ở thương xót nghèo khổ bèn đi qua mà không vào nhà. Người con gái lớn nghĩ do mình nghèo khổ chẳng làm Hội phước, nay nếu chẳng tu thì đời sau càng khổ hơn, tìm vật khắp thì chẳng có gì ngửa mặt khóc lóc lóc, bèn thấy một nắm rơm rối dùng để lấp lỗ sáng, lấy ra được hơn mười hạt thóc bèn làm thành gạo rồi đem bố thí để tùy hỷ. Thân đã không áo đợi đến đêm tối bò ra mà đi đến chỗ cúng trai mà thí vật trước, từ xa ném vào trong chúng hơn mười hạt gạo để nấu cơm. Do đó phát nguyện rằng: Con gái người cùng khổ cũng từ xưa trồng được rất nghèo mà bố thí để cầu phước báo đời sau, dùng hơn mười hạt gạo vàng nấu thành cơm trong nồi, nếu chí thành thì nghiệp khổ sẽ dứt. Xin nguyện cơm dâng lên biến thành màu vàng đúng như chỗ cảm thệ. Sau đó thì ứa lệ mà trở về. Lại ở trong nồi năm thạch cơm đều có màu vàng. Đại chúng kinh ngạc chưa biết lý do đều tìm nguyên cớ, bèn bảo rằng đây là năng lực nguyện của con gái Bạch Di Sinh. Trai hội đều cúng được mười hộc lúa dùng để cứu giúp. Sau An đem việc tâu vua. Hoa Nghiêm bèn được độ xuất gia trú tại chùa trọn đời thọ trì kinh Hoa Nghiêm. Chỗ An ở tuy kín mà thường thực hành từ cứu, mỗi năm có hai đền thờ cúng tế vật huyết nhục rất nhiều, khắp nơi cứu chuộc khuyên tu đức nghĩa, bèn khiến không giết hại. Trong ấp mười nhà thì hết chín nghe theo. Thường ở trong khám bên thôn cột ba con heo sắp đem giết, An nghe tin bèn đến chuộc về. Người trong xã sợ chẳng được

giết bèn kêu giá mười ngàn. An nói bần đạo hiện có ba ngàn có thể cho nhau, chúng đều chẳng đồng ý. Lại giận hờn tranh nhau. Bỗng có đứa bé mặc áo da dê đi đến Hội Xã giúp An chuộc heo. Đã thấy tranh nhau nhân theo xin rượu, làm cơm múa hát sáng rực cả vùng. Cả xã lớn nhỏ già trẻ mắt đều chói lòa chẳng thấy gì. Chốc lát cậu bé liền biến mất chẳng biết ở đâu. An liền lấy dao cắt thịt mình bảo rằng đây đều là thịt, heo ăn đồ dơ các ông còn thích ăn huống chi đây là thịt người ăn cơm há chẳng quý hơn sao. Người trong xã nghe thấy cùng lúc thả heo ra. Heo đã được thả bèn đi quanh An ba vòng lấy mũi ủi ủi vào chân An như có vẻ vui mừng cảm tạ. Cho nên khiến vùng Tây Nam quanh xã trong vòng năm mươi dặm cấm tuyệt cúng gà heo cho đến ngày nay. Cảm phát từ thiện đều là loại này. Tánh rất tín thành ưa đọc kinh Hoa Nghiêm, một bát ba y nhiều năm cố gắng. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ tám, vua nhiều lần sắc mời vào cung, vì vua làm Môn sư. Công chúa xây cất chùa Tịnh Pháp. Sau Sư trú tại chùa Diên Hưng. Ngày mồng 05 tháng 11 năm thứ 5 niên hiệu Đại Nghiệp Sư mất ở Tịnh Pháp Thiền Viện, thọ tám mươi tuổi. Di hài ở Chung Nam xây tháp bên chùa Chí Tướng mà thờ.

***3. Thích Pháp An:*** Họ Bành, người ở Thuần Cô thuộc An Định. Tuổi nhỏ xuất gia trú tại núi Đại Bạch ở Tinh Xá Cửu Lung, rất mến thiền nghiệp, ăn qua loa mặc áo xấu cho đến cuối đời. Trong niên hiệu Khai Hoàng sư đến Giang Đô gặp Tấn Vương gặp lại ở Đạo tràng Tuệ Nhật. Vua có đi đâu thì mời cùng đi. Vua đến Thái Sơn lúc đó gặp lúc không có nước. An lấy dao đâm vào đá, bỗng nước tuôn ra. Vua ngạc nhiên hỏi do năng lực của ai, đáp là năng lực của vua. Bắt đầu cùng vua vào hang thấy một vị tăng mặc áo xấu cỡi con lừa trắng đi đến. Vua hỏi là ai? Đáp đây là Lãng Công, khi đến chùa Thần Thông thì thấy một vị Thần dáng rất cao lớn ở trên giảng đường dựa vào mép con Cò mà nhìn mọi người. Vua lại hỏi thì đáp là Thần núi Đại Bạch theo hầu vua. Lúc đó người gọi là ba trăm tuổi ngủ không nằm gối, đầu không co rút dài ra trước giường, miệng trào nước bọt có đến cả đấu chưa biết vì sao? Như thế các việc kỳ lạ chưa rộng ghi hết. Đầu niên hiệu Đại Nghiệp, vua càng kính trọng, oai nghiêm như Vương Công, ai thấy đều khuất phục. Đi đường thì đạo tục đều kính như Thần. Lại đến Ngũ Đài các danh sơn, quán lễ Thánh Tích và mời gọi những người ẩn dật để giúp hoằng hóa, Đạo Tràng Tuệ Phật hơn hai ngàn người, cúng dường bốn thứ cần dùng nhờ An mà lập. Vua lại ở Đông Đô lập đạo tràng Bảo Dương, đặc

biệt mời An cũng ở trong Thọ Nghiệp. An thường đọc tụng kinh Hoa Nghiêm trải qua nhiều năm tháng hoặc nói cảnh giới Phổ Hiền thường hiện trước ta. Lại vào núi Cửu Lũng hơn trăm dặm, ở trong hang đá mà khắc kinh Hoa Nghiêm, do đó gọi là Hoa Nghiêm Đường. Đến niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ mười một thì không bệnh mà mất, thọ chín mươi tám tuổi. Vua khiến đưa linh cửu Sư vào Đại Bạch, phần mộ nay cũng vẫn còn. Sĩ tục đều kính lập tượng cầu phước. Chỗ Sư khắc kinh là nơi núi non hiểm trở, người trí cạn có đến cũng không thể nhìn thấy được, nếu đến thì đường lối mịt mù.

***4. Thích Giải Thoát:*** Họ Hình, người huyện Ngũ Đài, ở Đại quận, bảy tuổi đã xuất gia, chí nghiệp rộng xa. Trước từ bên hữu Giới Sơn hỏi cầu Định Xã với Thiền sư Tuệ Siêu ở núi Bảo Phúc. Siêu riêng biết đây là người tài bèn bảo chúng rằng: Giải thoát đã tu thiền rất sáng các ông chẳng thể sánh bằng, chớ nên bắt làm việc Tăng như người thường. Không bao lâu thì thoát khỏi ngộ. Năm mười tám tuổi thì rộng học hỏi các tông với các vị thạc đức. Mới nghe giải xưa đều sâu kín. Khi thọ giới Cụ túc rồi lại càng tinh luyện Tỳ-ni. Sau đó trở về chỗ ở cũ là phía Tây Nam Ngũ Đài ở núi Phật Quang mà lập tinh xá Phật Quang sư thường tụng kinh Pháp Hoa. Lại khi tụng kinh Hoa Nghiêm thì suốt cả ngày đêm không dứt. Sau y vào Hoa Nghiêm thực hành quán Phật quang. Nhiều lần đến Trung Đài, Đông Nam Hoa Viên, Bắc Cổ chùa Đại Phù mà cầu Văn-thù-sư-lợi, đến lần thứ ba thì được thấy. Trước vừa lễ xong thì biến mất, sau thì hiện ra dạy Sư rằng: Nay ông đâu cần phải lạy tạ, nên tự hối trách sẽ được ngộ giải. Sư bèn theo ý bậc Thánh tự cầu mà ngộ vô sinh. Gồm tu Pháp Hỷ, giận riêng mình làm cho mình tốt, bèn nghĩ việc rộng độ, cầu mong Đại giác chứng biết tâm này mà cảm Chư Phật thấy nói kệ rằng: Chư Phật vắng lặng pháp sâu xa, nhiều kiếp tu hành, nay mới được. Nay nếu hiểu được pháp sáng này thì tất cả chư Phật đều tùy hỷ. Sư liền hỏi trên hư không rằng: Pháp vắng lặng nếu có thể thì dạy người được chăng? Chư Phật liền ẩn, chỉ có tiếng bảo rằng: Trí phương tiện làm đèn, chiếu thấy cảnh giới tâm, rốt ráo pháp chân thật, tất cả không thấy được. Lại từng được Đô Đốc ở châu này thỉnh truyền hương giới, pháp hóa đã xong khi sắp về Đông, Đô Đốc và các Tăng đồ đưa đến đầu cửa thành Đông, mặt trời sặp lặn, Sư tiếc chẳng được đốt hương cúng dường, buồn rầu hổ thẹn, bỗng nghe trên cửa thành có tiếng nói rằng: Chấp tay làm hoa, thân làm vật cúng dường là hương tâm làm chân thật, hương khen ngợi xông khắp, Chư Phật nghe

hương này liền tìm tiếng đến cứu độ, mọi người hãy ân cần tinh tiến, chẳng hề nghi lầm nhau. Lúc đó thoát riêng nghe tiếng này càng thân mạnh mẽ. Từ đó về sau chứng nhập càng sâu. Do đó xa gần đều đến học hỏi đông đảo, ngày ngày cả ba trăm người. Vì đông người nên ăn uống ngày chỉ một bữa, nhà cửa chật nhiều người phải ngồi ngoài sân nên bình bát giường dây cùng khắp hang núi. Sư thành thật chỉ bày, dạy đổi chỗ trệ nêu tóm lược về chuẩn tắc vô thường cho nên hàng ngủ du môn có ở khắp nơi. Nhưng nSư chẳng ra khỏi chùa suốt năm mươi năm. Người học xong, thiền nghiệp có hơn tám trăm, người ở ngoài được ảnh hưởng thì số gấp bội. Mỗi khi tìm khảo truyện ký, phần nhiều thấy người xưa, tuy thập tín của Tuệ Tư ở hoành nhạc hiển bày về địa vị cao, Ngũ Phẩm của trí Giả ở Thai sơn nêu rõ sự thịnh hành , còn như khuyên dạy học trò khiến thành vây cánh, chưa có chỗ nào đông phàm thì phải thế. Nếu chẳng phải hạnh vị siêu tuyệt mà phủ tích đồng phàm thì ắt là Diệu đức che chở, giúp cho hoằng dụ. Lại phía Tây núi Hằng, Đông Nam núi Thanh Lương, tục gọi là núi Đại Hắc Sơn có thanh tín nữ trước bị mù mắt, thường một mình ngồi thiền trong núi, đạo tục ở Hằng Châu vào sáu ngày chay thường mang hương hoa, vật báu đến cúng dường Văn-thù-sư-lợi. Vào đúng giờ ăn  nghe trên hư không có tiếng nói rằng: Trong núi Phật Quang thuộc Ngũ Đài, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở đó giáo hóa, ngươi nên đến đó sẽ được ngộ đạo, cùng đồng nghe đều khen ngợi liền y lời bảo trên không mau đến Phật quang. Nơi ấy hiểm trở hơn hai trăm dặm. Cô gái mù chống tay lên trước mà không ai dẫn đường. Sư rất kinh ngạc mà tiếp nhận tông chỉ sâu xa. Cứ vào lời nói ấy hoặc là quyền tích của Đại thánh. Khi sắp chết thì biết mình các đức có nghi riêng. Trong đêm ấy có con trùng lớn đến suối thoát thường uống nước kêu rống hồi lâu đến trưa hôm sau thì Sư vẫn như thường khi, lễ bái tăng chúng xong rồi trở về thiền phòng an nhiên ngồi hóa, thọ tám mươi mốt tuổi vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười sáu. Đạo tục thương tiếc như chôn trời, liền ở trong chùa đục khám mà để, mặt khám quay về Tây, mở hai cánh cửa, đến nay mà xem thì vẫn như còn sống. Khi Sư chưa chết có bảo bà con rằng: Ta chết rồi sẽ có Đại nhân làm hiển sáng tên ta, hiệu là Thanh Lương phục hưng ở đây. Đến nay là tháng chín niên hiệu Lân Đức năm thứ nhất, vua ra sắc Sa-môn Hội Di chùa Hội Xương, Quả nghị, Chân Vạn Phước đưa nạp ca sa phụng thờ nơi để lại của Sư, cùng đến các đài cúng dường Thánh tích. Từ đó xa gần người quy tâm đều nhớ đất này. Ở xa nghiệm thấy lời Sư đáng tin.

***5. Thích Minh Diệu:*** không rõ họ, thuở nhỏ xuất gia với Thiền sư Giải Thoát, lại ở chỗ đồng du mà thờ thầy bạn khiêm nhường nhu thuận, chưa từng thấy sắc mặt mừng giận. Thường đọc kinh Pháp Hoa lại mở xem kinh Hoa Nghiêm thì tay chẳng rời quyển. Về già càng cố gắng hết sức. Thân cao bảy thước khiến cho người nói phải ngước lên. Lại nương Thiền sư Thoát tu quán Phật Quang, từng tuyệt thực theo Thoát đến chùa Đại Phù cầu thỉnh Văn-thù-sư-lợi. Đến vườn Hoa phía Bắc gặp một Đại đức dung mạo dị thường. Từ hang Vương Tử thiêu thân đi ra từ từ tới trước, đến phía Đông chùa Đại Phù, phía Nam Phật đường khi muốn về Đông thì Sư vui mừng run sợ. Lúc đó bước đến trước nhìn, rồi cúi chào rất thành kính, chưa được mấy thước thì biến mất, buồn giận hồi lâu càng thêm cố gắng. Sa-môn Hội Cơ chùa Hội Xương ở Tây Kinh, vâng sắc vua ngày đến Ngũ Đài đích thân đảnh lễ, lúc đó một trăm lẻ sáu tuổi mà thần thái vẫn đầy đủ. Sau không biết Sư mất ở đâu.

***6. Sa-môn Trường Lý Thích-ca Di-đa-la:*** ở nước Sư Tử người chứng quả thứ ba. Hán dịch là Năng Hữu. Đầu niên hiệu Lân Đức sư đến Chấn Đán (Trung Quốc), vua Cao Tông rất tôn kính, mời ở cung Bồng lai, cùng Trưởng niên chân nhân (chân nhân lớn tuổi) là Hoài Hóa Đại tướng quân đồng ở trong cấm cung, cúng dường hơn một năm. Đa-la thỉnh tìm Thánh tích khắp các danh sơn, bèn đến núi Thanh Lương ở Đại Châu, lễ kính Văn-thù-sư-lợi. Từng đến chùa Thái Nguyên ở Tây Kinh đô. Lúc đó các tăng đang chuyển đọc kinh Hoa Nghiêm, liền sai người dịch ra, hỏi rằng đây là kinh gì, đáp là kinh Hoa Nghiêm. Đa-la nghiêm sắc mặt bảo chẳng biết chỗ này cũng có kinh ấy ư? Rồi chắp tay vui mừng khen ngợi hồi lâu bảo rằng: Đây là Đại Phương Quảng công đức khó lường. Ở nước Tây Trúc truyền nhau rằng: Có người lấy nước rửa tay sắp đọc kinh này thì nước thấm ướt đến trùng kiến nhờ đó mà chết rồi được sinh lên cõi trời, huống chi là người thọ trì đọc tụng kinh này thì phước chẳng thể nghĩ bàn.

***7. Cao Nghĩa Thành:*** Người ở huyện Lâm Phần, thuộc Tấn Châu. Nhà nhiều đời tin thờ Phật, người trong làng đều tin cậy. Đến tháng hai niên hiệu Hàm Thuần năm thứ 4 đến chùa Hiền Kiếp ở huyện Hồng Động, thỉnh kinh Hoa Nghiêm ở nhà trong tháp chuyễn đọc đến trưa, bỗng có ánh sáng lạ như mặt trời chiếu vào gương, hoa ở trên vách rất lâu mới hết, lần lượt hai ánh sáng chiếu khắp bốn vách Phật đường. Do

đó xa gần đồng thấy, đều rất khen ngợi cảm động.

***8. Tam tạng Pháp sư Nhật Chiếu***: Là vị tăng người Thiên-trúc, niên hiệu Văn Minh năm thứ nhất trú tại chùa Thái Nguyên phía Tây kinh đô mà dịch kinh. Kế đến nước Nam Thiên-trúc gần thành Chiêm-ba có một ngôi Tăng-già-lam tên là Tỳ-sắc-nô (tên người). Ở trong đó có các vị Tăng Đầu-đà đều học Tiểu thừa. Sau bỗng có một vị Pháp sư Đại thừa mang một pho kinh Hoa Nghiêm lại đến chỗ ấy, các Sư Tiểu thừa đạ không kính trọng Sư Đại thừa ấy bèn để pho kinh lại mà ra đi. Các vị học Tiểu thừa đều chẳng tin, bèn ném pho kinh xuống giếng. Sau thấy dưới giếng có ánh sáng rực rỡ phát lên như lửa dữ. Lấy móc móc lên quả được kinh Hoa Nghiêm, tuy ở dưới giếng đã lâu mà không ướt. Các người học Tiểu thừa bèn tin kinh này là Phật nói ra nhưng không bằng kinh Tiểu thừa nên sắp ở dưới kinh luật Tiểu thừa. Đến sáng hôm sau thì thấy sắp ở trên, bèn rầy các vị Tăng nhỏ ai sắp đổi như thế, thì thưa chẳng có ai đụng đến. Bèn lại sắp xuống dưới. Đến sáng hôm sau lại thấy ở trên. Nhiều lần như thế. Các vị tôn đức Tiểu thừa đều rất kinh sợ, mới biết kinh này hơn chỗ mình học bèn gieo mình xuống đất khóc lóc kêu gào sám hối hồi tâm. Rồi cùng nhau thọ trì kinh Hoa Nghiêm rất thạnh ở đất này. Các chúng Tiểu thừa đều quy kính tin tưởng.

***9. Thích Hoằng Bảo:*** Chẳng rõ sư họ gì ở phía Nam Thái khâu, huyện Trâu Bình thuộc Tri Châu. Mười tám tuổi xuất gia ở chùa Hoằng Chân. Tuổi nhỏ có cái bướu nhỏ ở cổ sau càng dữ, trị mãi chẳng lành, dần lớn như cái đấu, nên đầu chẳng cúi xuống được chỉ ngó lên trời. Bỗng nhiên mưa gió dữ dội chảy vào lỗ mũi ăn uống khó khăn, bị bà con xa gần xem thường, nên rất buồn khổ. Đến năm ba mươi lăm tuổi bỗng gặp một Tăng dạy tụng kinh Hoa Nghiêm mà trừ chướng xưa. Bảo bèn tinh tâm chí thành sớm tối đọc kinh sám hối sáu thời nguyện đủ trăm biến. Đến hơn bốn mươi biến thì đêm mộng thấy có người cầm dao bén đến cắt cái bướu đi. Sư thức dậy mấy ngày sau thì trên bướu sinh nhọt, nhọt làm mủ to như trái táo, lấy tay rờ nhẹ thì ra mủ, hằng ngày như thế được ba tháng thì nhọt bướu tiêu dần cuối cùng mà bình phục. Ấy là niên hiệu Hàm Thuần năm thứ 2. Bảo và học trò là Hoằng Quĩ, Pháp Luật vui mừng như sống lại, cảm được năng lực Thánh ngầm giúp, nên rất vui mừng bỏ cả y bát mà viết chép kinh này một bộ, tụng đọc thọ trì hằng ngày chẳng ngớt, được mấy năm mới tròn Bổn Nguyện. Do đó mà xa gần tâm nguyện cùng mở mang kinh này.

■

# HOA NGHIÊM TRUYỆN KÝ KINH

## QUYỂN 5

**9. THƯ TẢ:** gồm các phần sau:

1- An Phong Vương, Diên Minh Trung Sơn, Vương Hy, đời Ngụy.

2- Thích Đức Viên

3- Thích Pháp Thành

4- Thích Tu Đức

5- Triêu Tán đại phu Tôn Tư Mạo, đời Đường.

6- Cư sĩ Khang A Lộc Sơn.

***1. An Phong Vương Diên Minh Trung Sơn, Vương Hy:*** Đều là dòng họ nhà vua. Học rộng Cổ Văn, đều lập đạo tràng, trai giảng nối nhau. Dùng nước thơm hòa mực mà viết một trăm bộ kinh Hoa Nghiêm. Thấp chữ vàng giống như một bộ, đều để trong hộp bốn báu mà xông hương quý hiếm. Đêm thanh sáng sớm đều tinh trai hành đạo, thường phát ánh sáng thần năm màu chiếu soikhắp đền đài. Chúng đều thấy lại càng phát tâm.

***2. Thích Đức Viên:*** Chẳng rõ họ gì, là người ở Thiên Thủy. Thuở nhỏ xuất gia, thường tụng kinh Hoa Nghiêm làm nghiệp. Đọc tụng thiền tư xem là việc hằng ngày. Đi khắp các giảng đường giỏi gồm Tông cực, rất kính sách sâu, mong mở ân thành bèn xây một Tịnh viên trồng đủ các cây quý hoa đẹp. Tắm gội vào vườn rải nước thơm, dùng cây dó ba năm hương thơm thơm phức, tạo riêng tịnh thất, bùn thơm trét đất, đồ đạc quần áo sạch đẹp thơm tho, người đều trai giới, thay áo ra vào, đều súc miệng rửa mặt xông hương, bóc vỏ cây gió tẩm nước trầm thơm chế tạo làm giấy cả năm mới thành. Lại tạo nền sạch cất nhà mới cho đến cột kèo rui ngói đều rải nước thơm. Các việc đều nghiêm khiết. Ở giữa nhà đặt một tòa gỗ quý, chưng bày hương hoa trên treo cờ phướn lọng báu và đeo các chuông nhỏ lại dùng lưu tô bạch đàn trầm tím để làm

bàn kinh và các thứ bút ngày sinh nhật thọ trai giới, tắm ba lần nước thơm, mão hoa áo sạch giống như người cõi trời. Khi sắp vào nhà kinh thì đốt hương, trước dẫn tiếng Phạm. Viên cũng thân hình và y phục nghiêm tịnh cầm lò hương dẫn đầu, rãi hoa cúng dường rồi mới viết chép. Viên quì xuống vận tưởng nghiêng tâm trụ mắt, vừa viết vài hàng thì mỗi chữ đều phát ánh sáng chiếu sáng cả viện, mọi người cùng thấy đều rất cảm kích, rất lâu mới hết. Lại cảm được vị thần cầm kích hiện hình bảo vệ. Viên cùng các thư sinh đồng thấy người khác thì không thấy. Lại có đồng tử Ấn-độ tử mặc áo xanh từ đâu bỗng đến tay cầm hoa trời mà cúng dường trước sau linh cảm vẫn mãi như thế. Trải qua hai năm viết chép mới xong. Bèn dùng hộp thơm để các kinh báu, để trong Tịnh đường. Thường mở ra xem sau đó chuyễn đọc thì hộp thơm phát sáng nên rất kinh hãi hiếm lạ xưa nay. Điềm lành này rất ít có. Kinh này truyền trao cho nhau đến nay đã được năm sư. Người sau vào tịnh thất tụng đọc lúc đó rất linh ứng. Nay ở phía Tây chùa Đại Nguyên được tăng Hiền Thủ giữ gìn cúng dường.

***3. Thích Pháp Thành:*** Họ Phần, người ở huyện Vạn Niên thuộc Ung Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, thường đọc Hoa Nghiêm làm nghiệp. Nhân gặp Thiền sư Tuệ Siêu ẩn cư trong hang đá, núi cao dừng nghỉ thầm có sở đắc dẹp bỏ buồn phiền, chí thành thưa hỏi, sau ở Ngọn phía Nam chùa tạo Hoa Nghiêm Đường, trong ngoài nghiêm sạch mới đến sao chép. Nhà ấy ngói gạch đều rãi nước thơm rồi nhồi trộn làm thành, lại vẽ tượng khiết tịnh ở bảy chỗ tám hội. Lại mời thợ giỏi lúc ấy, người viết chữ Hoằng văn quán học sĩ Trương Tịnh mỗi việc đều thanh tịnh kính viết kinh này, thành cũng cầm lò hương thơm chuyên tinh cúng dường, dù cho một chấm một sách đều chú tâm chăm chú rồi tuệ thí ân trọng hai tờ, trả năm trăm đồng liền cảm được điềm chim lành hình sắc phi thường, ngậm hoa vào nhà bồi hồi bay lượn, đáp xuống bàn kinh, lại bay lên lò hương. Kinh ấy đang viết chưa xong. Sau mới đọc lại và ngày viết tiếp thì chim lại bay đến. Lại tạo màn báu hộp hương trang sức đẹp đẽ. Từ đó càng chuyên tâm tụng đọc, có nhiều cảm ứng.

***4. Thiền sư Thích Tu Đức:*** Ở núi Trung thuộc Định Châu, đời Đường, chẳng biết sư họ gì. Khổ tiết thành tánh giữ đạo ở chốn núi rừng, y kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín mà an tâm kết nghiệp, nhiếp niệm tu thiền. Niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ tư quy thành Phương Quảng nhân đo phát đại tâm chuyên tinh sao chép. Cho nên riêng ở Tịnh viện trồng

cây chử đã ba năm, gồm cả hoa thuốc chế tẩm nước thơm mà tạo thành giấy sạch. Lại xây dựng Tịnh đài riêng, ở trên cất nhà mời nhiều người viết chữ đẹp ở Vương Cung ở vùng Quỳ Châu. Ở Biệt viện trai giới tắm gội mặc y phục sạch xông hương rải hoa treo các tràng phan bảo cái, lễ kinh sám hối rồi lên tòa. Ngậm hương mà hạ bút, đưa bút lên thì nhã khí mỗi ngày luôn siêng năng, không biếng lười. Thiền sư tự mình vào tịnh thất đốt hương vận tưởng, trong khi viết thì chuyên tâm và mắt nhân tu như thế, đến hết thì bắt đầu trở lại . Mỗi khi viết một quyển thì tặng mười xấp lụa, viết xong một bộ. Tổng cọng đã tặng hơn sáu trăm đoạn, nhưng cung kính phát tâm đều chẳng nhận, đều thành tâm cố gắng hết sức mình. Viết kinh vừa xong, phút chốc theo theo hóa đi. Đức do kinh đã hoàn tất, nên lập trai đàn để ăn mừng. Đại chúng đồng cầu thỉnh kính lễ mong thấy. Thiền sư bèn ở trước chúng đốt hương rãi hoa, phát thệ nguyện. Vừa mở tạng kinh thì phóng ánh sáng rực rỡ chiếu khắp bảy mươi dặm, chiếu đến thành Định Châu. Sĩ nữ trong thành đều nhìn thấy. Trong núi các trai chúng đã thấy điều kỳ lạ được điều chưa từng có, bèn gieo mình than khóc sám hối. Thiền sư lại khắc chữ vào đá viết kinh Niết-bàn, Pháp Hoa mỗi kinh đều một bộ. Trước dời vào khám, đá khắc kinh Niết-bàn Pháp Hoa đều phát ra ánh sáng đầy khắp mười dặm, mọi người đều thấy đều cảm ngộ không bờ bến.

***5. Xử sĩ Tôn Tư Mạo.*** Người ở Vĩnh An thuộc Ung Châu. Thần thái cao xa, nghi mạo khôi ngô, thân cao bảy thước, mi thưa mắt sáng, học gồm nội ngoại rất rành thuốc men âm dương bói toán sao lịch đều biết khéo léo ăn mặc, có uống lưu châu đơn và vân mẫu phấn, da thịt nhuận sáng, răng tóc không thiếu. Các kỳ lão truyền nhau rằng hơn trăm tuổi thấy hình dạng như bảy tám mươi tuổi. Niên hiệu Nghĩa Ninh năm thứ nhấtt, khi vua Cao Tổ khởi nghĩa ở Tinh Châu thì Mạc ở trong khu vực. Cao Tổ biết sự hiểu biết rộng lớn của Mạc dùng lễ mà đãi khiến làm Quân đầu ở Tứ phẩm. Mạo cố từ chối chẳng nhận. Sau đến các nơi chẳng thường ở một chỗ, lúc nào cũng làm lợi ích chúng sinh chuyên dùng thuốc men, có người đến thưa hỏi đều y cứ mà trị. Thường khuyên đạo tục đều viết kinh Hoa Nghiêm hơn bảy trăm năm mươi bộ. niên hiệu Thượng Nguyên Nghi Phụng ở hai huyện Trường An và Vạn Niên từng nói bàn với người, nói Tề Ngụy nhân vật và Lạc Dương cố đô, các Triều sĩ trong thành và chúng tăng trong chùa đều thấy rõ. Khi sắp hỏi thì liền chẳng nói. Có soạn Cổ Kim Danh Y Diệu Thuật gọi là Tôn Thị Thiên Kim Phương, gồm sáu mươi quyển, đầy đủ thời dụng (dùng trong

mọi lúc), dâng lên vua Cao Tổ. Vua ban thưởng bó lụa, khi sắp ban trao thì từ chối không nhận. Lúc đó vua bèn vào cung cả tuần trăng chẳng ra, ra chiều đối đãi lại rất yêu mến. Vua từng thong dong hỏi rằng: Tu Công đức gì là tốt nhất. Mạo đáp: Thiên hoàng sao chẳng đọc kinh Hoa Nghiêm. Vua hỏi vì sao? Mạo đáp: Thiên hoàng là đại nhân phải đọc kinh lớn. Thí như vật bán phải để trong hộp quý tương xứng. Vua nói: Nếu nói về Đại kinh thì gần nhất là Pháp sư Huyền Trang đã tịch ra Đại Bát-nhã gồm sáu trăm quyển, đâu chẳng phải lớn ư? Mạo thưa: Bát-nhã là Không tông chính là nhánh rẽ trong kinh Hoa Nghiêm tách ra. Vua càng tin tưởng. Ông qua đời trước niên hiệu Vĩnh Thuần. Ông có con tên là Hành Chân còn gọi là Nguyên Nhất. Trinh chánh uyên bác, nhớ lâu hợp với nghe, nghĩ sâu về pháp yếu đều hồi hướng Nhất thừa nối tiếp phụ phong, cũng lấy kinh Hoa Nghiêm làm nghiệp. Nổi tiếng đương thời thật là một Cao tín sĩ.

***6. Cư sĩ Khang A Lộc Sơn.*** Người ở huyện Vạn Niên, thuộc Ung Châu. Ngày mồng 01 tháng 05 niên hiệu Điều Lộ năm thứ hai bị bệnh mà chết. Năm ngày sau tẩn liệm xong, đưa đến chỗ mộ, khi chưa xuống xe thì nghe trong quan tài có tiếng động. Mọi người nghi là sống lại mở quan tài ra xem thì quả nhiên Lộc Sơn sống lại. Bèn chở về nhà nói là bi Diêm vương bắt lầm. Ở trước vua Diêm-la gồm có ba trăm mười lăm người cùng làm một việc, trong đó có mười lăm người như Tân Phong Quả Nghị và Lộc Sơn v.v.... Trước có giới hạnh đồng ở chỗ vua bèn tha trở về. Lúc đó thấy có người bán thuốc ở chợ Đông là A Dung Sư. Sư qua đời vào niên hiệu Điều Lộ năm thứ nhất, lúc sinh thời thường nấu gà con cùng bảy trăm người vào vạc nước sôi ở địa ngục trước có biết Lộc Sơn, bèn nhờ nhắn rằng: Con thứ tư của ta là hành chứng rất có lòng nhân từ, ông vì ta mà nói khiến viết kinh Hoa Nghiêm một bộ, các thứ khác không bằng. Nếu viết được thì bảy trăm người này đều được giải thoát. Sau Sơn ở Lâm Kiến đến Tân Phong tìm gặp Quả Nghị, gặp nhau buồn vui như đã giao du từ xưa đều nói lý do, ngầm so rất phù hợp. Lại đến chợ Đông mua thuốc ở nhà A Dung Sư, nhắc lời nhắn với Hành Chứng, Chứng rất cảm kích, bèn trú tại chùa Đại Nguyên phía Tây chỗ Sư Pháp Tạng mà thỉnh kinh Hoa Nghiêm nhờ người chép ra. Xưa từ khi Dung Sư mất thì người nhà không mộng thấy, vào đêm mới viết kinh thì cả nhà mộng thấy người cha đến mừng rỡ vô cùng. Đến tháng tám niên hiệu Vĩnh Long năm thứ nhất thì trang nghiêm đầy đủ, thỉnh Đại đức Sa-môn thiết cúng mừng kinh. Lộc Sơn ngày đó cũng đến dự, bèn

thấy Dung Sư và bảy trăm quỉ cùng đến chỗ cúng trai, kính lễ Tam bảo, đồng quì trước tăng, sám hối thọ giới việc xong thì ra đi. Sơn đã thấy rõ các việc ở âm phủ nên rất tin tội nghiệp, bèn dứt hết các việc đời bỏ hết tục duyên mà vào núi Thái Bạch ở Chung Nam, chuyên việc ở ẩn sau chẳng biết ông mất ở đâu.

## 10. TẠP THUẬT

1/ Trong kinh Hoa Nghiêm, danh hiệu Phật hai quyển, danh hiệu Bồ-tát một quyển hai phần trên chẳng biết ai sưu tập, nhưng nhóm hợp thiếu sót, chưa được đầy đủ. Nay Sa-môn Hiền Thủ lại rộng mở rộng, rất là tường tận.

2/ Sách trên do, Thiền sư Trí Khải ở núi Thiên Thai soạn. Đầu lạy đều gọi là lạy khắp cuối đều gọi Phật Lô-xá-na. Trong đó đều dẫn tên của bảy xứ tám hội đạo tràng tịch diệt . Nay rất thạnh hành ở Giang Biểu chẳng cần nói nhiều. Trí Khải vẫn bảo Hoa Nghiêm là viên mãn đốn giáo, v.v...

3/ Hoa Nghiêm Trai Ký, một quyển.

Sách trên do Cánh Lăng Văn Tuyên Vương soạn, từ Tề Lương về sau, mỗi khi trai tập Phương Quảng phần nhiều đều y theo đây mà tu hành. Nay pháp sư Hoằng ở Ích Châu, cũng dùng Hoa Nghiêm làm chí khuyên các sĩ tục thanh tín, v.v... năm mươi hoặc sáu mươi người đồng làm phước xã, mỗi người đều tụng một quyển Hoa Nghiêm mà đủ một bộ. Vào ngày rằm, một nhà thiết trai, trang nghiêm đạo tràng, lập tòa cao, cúng chủ lên tòa, các người khác ngồi yên vị, đều tụng kinh ấy xong mới tan. Đây cũng thuộc trai tập.

4/ Nghi thức mười môn cúng dường, do Sa-môn Trí Nghiễm soạn.

5/ Thiện Tài Đồng Tử Chư Tri Thức Lục, do Sa-môn Ngạn Tông soạn.

6/ Hoa Nghiêm Chỉ Quy, một quyển. Mười môn: Một là nơi nói kinh, hai là lúc nói kinh, ba là Phật nói kinh, bốn là chúng nói kinh, năm là nói nghĩa kinh, sáu là nói kinh giáo, bảy là hiển bày nghĩa kinh, tám là giải thích ý kinh, chín là nói lợi ích của kinh, mười là bày kinh viên.

Mười môn trên đều dùng mười nghĩa giải thích, chung cả trăm môn để hiển bày ý kinh, bèn khiến cho ý chỉ mở rộng rõ ràng trước mắt, đủ như giải thích kia, do Sa-môn Pháp Tạng thuật.

7/ Hoa Nghiêm Tam-muội Quán, một quyển mười môn.

Mười môn trên cũng dùng mười nghĩa mà luận cốt yếu để khiến tu thành Hạnh Nguyện Phổ Hiền, kết hạt giống kim cương, làm Nhân của

Bồ-đề. Ở đời tương lai sẽ được dự Hải Hội Hoa Nghiêm. Dùng Thiên Thai Pháp Hoa Tam-muội Quán, các người tu hành đủ làm gương tâm. Do Sa-môn Pháp Tạng soạn.

8/ Hoa nghiêm Cương mục, một quyển. Hoa nghiêm Huyền Nghĩa chương, một quyển. Hoa nghiêm Phần giáo ký, ba quyển. Các sách trên đều nằm ngoài Đại Chương Sớ, tùy theo người đã hỏi, tùy theo nghĩa mà nói, ghi lại làm thành quyển, cùng hiển bày về ý của kinh này. Do Sa-môn Pháp Tạng thuật.

9/ Hoa Nghiêm Phiên Phạm Ngữ, một quyển (bản cũ). Hoa Nghiêm Phạm Ngữ Cập Âm Nghĩa, một quyển (bản mới).

Hai kinh mới cũ trên có tiếng Phạm và kinh mới có chữ khó đều dịch ra và giải thích âm. Rất cần thiết cho người đọc kinh.

10/ Hoa Nghiêm Tam Bảo Lễ, mười bài.

Bắt đầu lễ nói: Nam mô hội thứ nhất, Lô-xá-na Phật trên tòa Sư tử dưới cội Bồ đề, rộng ra cho đến pháp giới khắp cả mười phương, hết thảy chư Phật đã nói về pháp hải quả đức rất sâu xa, cùng với trần số Bồ tát Ma-ha-tát như Bồ tát Phồ hiền, tất cả Tam bảo. Bảy hội sau xưng trên của xứ tên của Pháp và tên của Bồ tát, còn lại riêng biệt đều giống như trên. Thứ chín, lễ Tam bảo trong kinh Hoa nghiêm gồm bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ của kinh bàn Trung. Thứ mười, lễ Tam bảo trong kinh Hoa nghiêm gồm mười đại thiên giới vi trần số bài kệ của kinh bản thượng, và chỉ xưng kinh ấy nói về Phật pháp và Phổ hiền..., có thể biết.

11/ Hoa Nghiêm Tán Lễ, mười quyển, mười bài.

Lễ thứ nhất nói: Chí tâm quy mạng lễ Hoa nghiêm hội thứ nhất, Thọ vương lên vị báu, liên giới thuyết Hoa văn, Thánh chúng giữa chặng mày, phát ra thần quang lớn, trong tòa tuôn Tuệ hải, chân lông hiện Từ vân, mảy trần gồm pháp giới, chín đời trong một niệm, nguyện cùng các chúng sanh, cùng dạo Hoa Tạng giới. Hội thứ hai tán rằng: Long cung nhiều mây Tín, biến pháp hợp dòng sâu, vầng sáng khắp cõi không, danh tiếng cùng viên âm, Hiền mới gồm sáu vị, truyền đến khắp mười phương, chủ-bạn luôn chiếu rọi, đế võng lý khó tìm. Hội thứ ba nói: Mặt trời soi đỉnh núi, mây cuộn đầy hư không, cây Giác đầu không dựng, cõi trời hiện thân này.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# TRUYỆN CẢM ỨNG VỀ KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM

SỐ 2074

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2074

# TRUYỆN CẢM ỨNG VỀ KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM

*Đại Phương Quảng Vô Sinh Cư sĩ Hồ U Trinh*
*Núi Tứ Minh ở biên tập.*

Truyện này do học trò của Hoa Nghiêm Sớ Chủ Tạng Công là Tăng Tuệ Anh biên tập, có hai quyển thượng hạ, nay lược bớt văn tự rườm rà đối với điềm lành cảm ứng nên tôi rút gọn lại còn một quyển, khiến có người thấy nghe Bí thừa này mà sinh ý tưởng khó gặp, đều cố gắng vâng làm.

***1. Ngài Thiên Thân,*** em của Bồ-tát Vô Trước ở Tây Vực, tuổi nhỏ học trong dòng họ, lớn lên thông suốt năm Bộ. Trước theo nghiệp Tiểu thừa, soạn năm trăm bộ luận Tiểu thừa Vô Trước thương ông thông minh nhưng chưa phát Đại tâm, nói đẹp của Tiểu thừa mà không nói Đại giáo, bèn phương tiện chỉ bày thói xấu nói rộng nghiệp nhân của bệnh. Thiên Thân vì anh mà thọ trì các kinh Duy-ma, Pháp Hoa, Niết-bàn, Hoa Nghiêmv.v..., lớn tiếng tụng đọc. Vô Trước nghe thấy thế vừa mừng vừa thương. Thiên Thân đọc kinh mấy hôm liền được tin ngộ, rất kính Hoa Nghiêm Nhất Thừa là cảnh giới của Chư Phật. Bèn bỏ Tiểu thừa mà rất hối lỗi muốn lấy dao bén cắt lưỡi để tạ lỗi trước. Vô Trước ngăn lại nói: Ông đã dùng miệng khen ngợi Quyền giáo chê bai chân thừa, thì nay cũng dùng miệng mà khen ngợi Chân thừa từ bỏ các lời luận xưa đâu cần phải cắt lưỡi Thiên Thân do đó vào núi thọ trì Hoa Nghiêm, sau soạn Luận Thập Địa. Có chỗ chẳng hiểu đến hỏi Vô Trước,

Vô Trước cũng chưa thông bèn bay lên cõi trời Tri Túc thưa hỏi ngài Di-lặc. Luận vừa viết xong thì mặt đất rung chuyển, luận phát ra ánh sáng chiếu xa mấy trăm dặm. Cả nước đều mừng lạ. Rộng như trong truyện về Vô Trước có nói.

***2. Tăng Linh Biện, đời Ngụy ở Tính Châu***. Xuất gia từ thuở nhỏ, tinh tâm Phật thừa chuyên dùng Hoa Nghiêm làm nghiệp. Lúc đó chưa có Sớ Luận, khi nghĩ về huyền chỉ không có nơi học hỏi. Do đó trang hoàng đạo tràng thọ trì Hoa Nghiêm, ngày đêm hành đạo sáu năm. Có lúc từng bước chảy máu thỉnh cầu ngài Văn-thù che chở, thề thông hiểu sách sâu kín không hề lui bước. Bỗng một đêm thấy Đồng chân, thông suốt Hoa Nghiêm pháp giới bảy xứ chín hội. Liền nhập Vi Định rõ ràng như đang lúc ấy, cũng trải qua mắt thấy tai nghe tâm hiểu. Xưa chưa hiểu nay đều thông, bèn ở trong núi ung huyện Tây thuộc châu ấy mà soạn Luận Hoa Nghiêm một trăm quyển.

***3. Sa-môn Chi Pháp Lãnh đời Đông Tấn***: xuất gia từ thuở nhỏ, tâm chí siêng năng. Buồn than Thích-ca diệt rồi chánh giáo chìm mất. Bèn đến Tây Thiên học hỏi Thánh điển. Đến nước Vu-điền bỗng gặp Tam tạng Thiên-trúc Nhất Thừa Pháp Chủ là Phật-đà Bạt-đà-la, Hán gọi là Giác Hiền, họ Thích-ca, con cháu của vua Cam lộ Phạm vương, là người chứng ba quả Đại thừa, tức là Bồ-tát địa thứ ba, đem Hoa Nghiêm bản tiếng Phạm hơn ba vạn sáu ngàn bài kệ đến, nếu ở trong kinh có chỗ nào không hiểu thì bay lên cõi trời Đâu-suất thưa hỏi Thế tôn Di-lặc. Pháp Lãnh bèn cầu Tam tạng đến nước Trung Hoa truyền bá kinh Hoa Nghiêm. Bèn y lời thỉnh mà đến ở Kinh đô, ngồi nằm khác phàm, hoặc ở cửa sổ ra vào vô ngại. Các vị Tăng ở chung đều rất kinh lạ, đều gọi là ma. Chúng Tăng hỏi Tam tạng rằng: Pháp sư có được pháp hơn người chăng? Tam tạng đáp: Ta đã được. Các Sư bèn nhóm học Tăng chúng ở kinh thành làm pháp Yết-ma muốn đuổi Tam tạng đi. Tam tạng bèn cầm y bát bay lên hư không hiện bày các thần biến, rồi ngồi bay về Nam đến Dương Châu như chim bay trên hư không. Các vị Tăng đều kinh lạ hối lỗi nhưng chẳng thể đuổi kịp. Đến ngày 14 tháng 03 niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 14. Chùa Tạ Tư Không thuộc Kiến Nghiệp xây Hộ tịnh pháp đường mà dịch Hoa Nghiêm. Khi đang dịch kinh trước thì nhà bỗng hóa ra một cái ao, mỗi ngày sáng sớm có hai thanh y từ dưới ao lên ở trong nhà dịch kinh mà quét tước mài mực hầu hạ, đến tối thì trở về ao. Tương truyền rằng: Kinh này ở lâu dưới

cung rồng. Long vương mừng kinh này được dịch nên cấp hai trẻ hầu hạ, Sau do đó đổi chùa này là chùa Hưng Nghiêm. Đồng phiên dịch có các Sa-môn Tuệ Nghiệp, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán v.v... theo Tam tạng làm người ghi chép. Thái thú quận Ngô là Mạnh Khải, Hữu vệ tướng quân là Trư Thúc Độ v.v... làm Đàn-việt. Đến ngày 10 tháng 06 niên hiệu Nguyên Hy năm thứ hai dịch xong. Sau đến 20 tháng 01 niên hiệu Vĩnh Sơ-Đại Tông năm thứ 2 thì cùng bàn tiếng Phạm khảo xét xong. Vua Tống thỉnh Tam tạng cầu Na-bạt-đà-la giảng kinh này. Tam tạng tiếc vì tiếng Hoa chưa thông không thể giảng hết ý kinh, bèn vào đạo tràng thỉnh niệm Quán Thế Âm. Chưa đầy bảy ngày thì mộng thấy đổi đầu Hán thay cho đầu Phạm nhân đó mà biết rõ tiếng Tần người lúc đó gọi là Tam tạng Đổi Đầu. Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la, xưa đến Quan Trung hỏi Pháp sư Cưu-ma-la-thập rằng: ngài dịch kinh luận nào? Thập nói: Dịch các kinh như Pháp Hoa, Duy-ma và Trung luận, Thập nhị môn. Tam tạng nói: Như chỗ Ngài dịch chưa vượt hẳn mọi người đâu đủ rộng đặt tên Đại. Lúc đó Quan Trung đều gọi Tam tạng là Đại Luận Sư. Một hôm, vua Tần là Diệu Hưng thỉnh Tam tạng vào Đông cung chủ trì về luận bàn Học sĩ trong đó học có hơn ba ngàn người, Thích tử thì có Sinh Triệu Dung Duệ, về Nho có Tạ Linh Vận, Phí Trường Phòng đều chẳng dám hỏi. La-thập bèn lớn tiếng hỏi: Ngài lấy gì làm chánh kiến. Tam tạng nói tức là thấy tất cả pháp là Không. Thập hỏi: Đã không làm sao thấy? Đáp: Thấy Không chẳng thể chẳng thấy. Thập hỏi: Không có thể thấy chăng? Tam tạng nói: Không chẳng thể thấy. Thập lại hỏi: ngài dùng cái gì để phá Sắc Không? Tam tạng nói: Sắc chẳng có tự thể, nhóm các thứ bé nhỏ mà thành sắc, nghiền Sắc đến nhỏ do đó sắc là không. Thập nói Ngài nghiền Sắc đến nhỏ khiến Sắc thành Không, làm sao phá đến cực nhỏ thành không? Tam tạng nói mọi người đều dùng phương pháp phân tích, chia ra cực nhỏ là không, ý ta chẳng thế Thập hỏi ý Ngài như thế nào? Tam tạng nói: Do một nhỏ nên có các nhỏ, do các nhỏ nên có một nhỏ. Nhỏ không có tự tánh làm sao có nghiền nát. La-thập nghe nói thế thì mịt mù chẳng biết nói gì nên chẳng hỏi nữa. Lúc đó chúng đều không hiểu ý Nhất thừa của Tam tạng. Lại Tông phụ Thập Công nói Tam tạng chẳng đáp. Do đó mà thôi luận, Tam tạng về viện rồi, Sinh Triệu Bảo Vân v.v... lại đến hỏi muốn hiểu rõ nghĩa trước. La-thập chưa hiểu điều nói đó. Tam tạng nói: Nghĩa này khó hiểu ta nói rất dễ. Thập tự mịt mờ. Sau Thập lại tự hỏi như trước thì đáp cũng không đến cùng tận. U Trinh hỏi: Luận này của La-thập ghi vào Nhất thừa. Có Sa-môn Đạo hình, muốn đồng xem luận Nhất thừa đều nghe

lời Tam tạng nói, phụ nêu vào đây.

***4. Pháp sư Tuệ Cự, thời Bắc Tề.*** Còn Nhỏ đã nhàm chán thế tục, lớn lên theo nghiệp Hoa Nghiêm. Năm mười lăm, mười sáu tuổi ở trong đạo tràng sáu thời lễ sám, ngày đêm tụng trì, trước chẳng hiểu gì, sau nằm mộng thấy một cậu bé tự gọi là Thiện Tài bảo Tuệ Cự rằng: Sư đã nghiên cứu Hoa Nghiêm muốn thấu hiểu cảnh giới Phật, sáng mai hãy đi về Nam, sẽ cho Sư thuốc thông minh, khiến sư ngộ được ý kinh. Tuệ Cự sáng hôm sau trình rõ với chư Tăng. Bèn tắm gội bằng nước thơm, thân mặc áo sạch tay bưng lư hương nhất tâm hướng về Tam Bảo nguyện sẽ tìm cầu ắt được như mộng. Liền cùng cậu bé đi về Nam, tâm miệng chuyên chí luôn niệm Văn-thù. Đi được mấy dặm bỗng thấy một ao vuông rộng mỗi bề nửa dặm, tạp hoa mọc đầy bờ, có cây xương bồ, ý bảo xương bồ là thuốc thông minh bèn cùng cậu bé lội xuống nước mà hái về. Bỗng được một rễ lớn như trục xe. Bèn trở về chùa mà làm hoàn. Vừa uống vào thì cảm thấy tinh thần sảng khoái nhẹ nhàng, ngày tụng vạn lời. Nhân đó hiểu nghĩa Hoa Nghiêm, bèn viết sớ kinh này hơn mười quyển giảng kinh này hơn năm mươi lần.

***5. Cư sĩ Phàn Huyền Trí đời Đường:*** Trong niên hiệu Vĩnh Huy, đồng học với Hoa Nghiêm Tạng Công. Tuổi trương thành tham hỏi đạo, năm kinh ba tạng đều thông suốt, chỉ lấy Hoa Nghiêm làm nghiệp. Ở trong núi Phương Châu ăn lá thông, hơn sáu mươi năm trì tụng không ngớt. Năm mươi năm trước cảm đất phun lên một suối nước ngọt cung cấp đầy đủ nước, rừng sinh trái tốt cây cối sum suê, xa gần đến hái vô ngại. Bỗng mưa nhiều tuyết, hành lý đi lại chẳng thông, lương ăn khô cạn. Lúc đó có Thần núi đưa thuốc giống như đề hồ, vị ngọt như sữa, ăn vào một muỗng bảy ngày chẳng đói, nên càng cố gắng, thân nhẹ mắt sáng. Đêm lễ tụng như có đèn sáng. Ngày tụng kinh thì các chim tụ họp đến nghe. Bà con Thần núi hiện hình người vây quanh, mùi hương lạ thơm phức, trái lạ hiện ra. Có lúc đêm tụng thì miệng phát ra ánh sáng chiếu xa bốn mươi dặm. Ánh sáng như vàng, xa gần đều kinh lạ, có người đến tìm thì chỉ thấy Cư sĩ ngồi tụng kinh miệng phát ra ánh sáng. Lúc chín mươi hai tuổi không bệnh mà chết. Khi trà tỳ thì răng biến thành xá-lợi được mấy trăm hạt, đều phóng ánh sáng suốt mấy ngày chẳng hết. Lúc đó Tăng tục thâu lấy xá-lợi xây tháp cúng dường.

***6. Hai vị Tăng tên là Đạo Tường và Tuệ Ngộ:*** Trú tại chùa Thiền

Định trong niên hiệu Vĩnh Huy, đều ở ẩn trong núi Thái Bạch. Đạo Tường thì trì tụng kinh Niết-bàn, còn Tuệ Ngộ thì trì tụng kinh Hoa Nghiêm, ăn uống rau cỏ, sáu thời lễ sám ngày đêm tụng trì, nhiều năm như thế. Bỗng thấy một cư sĩ râu tóc bạc trắng, mặc áo trắng sạch, nghi dung đẹp đẽ đến trước chào hỏi rồi thưa rằng: Nhà con có thiết trai muốn thỉnh một Tăng. Tăng nói: Đây chỉ có hai vị Tăng, cùng đến được chăng? Cư sĩ nói: Đệ tử nhà nghèo chỉ thỉnh một vị Tăng. Tăng hỏi ý muốn thỉnh ai, bèn nói: Thỉnh Pháp sư Hoa Nghiêm. Tuệ Ngộ bèn đi theo hơn trăm bước. Cư sĩ bèn bay lên hư không hỏi Tuệ Ngộ rằng: Sao sư không bay lên hư không. Ngộ nói bần đạo không có cánh chẳng bay lên không được. Cư sĩ bèn xuống đất, để ngộ ngồi trong tay áo lại bảo nhắm mắt. Lúc đó chỉ nghe bên tai tiếng gió vù vù. Được nửa bữa ăn, thì đáp xuống. Bèn bảo mở mắt, chẳng biết chỗ nào chỉ thấy núi non cao vút. Lại thấy nhà cửa đều từ dưới đất mọc lên. Bèn mời Ngộ vào Phật Đường lễ Phật vừa xong bỗng thấy năm trăm vị Tăng lạ cầm tích trượng ôm bát từ trên hư không mà đến. Ngộ kính trọng vị Tăng lạ chẳng dám ngồi trên, bèn ngồi hàng dưới. Cư sĩ đến nói: Sư thọ trì kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới Phật, đâu được ngồi dưới Tiểu Thánh. Bèn dẫn ngộ ngồi trên năm trăm vị Thánh thọ trai súc miệng xong. Các vị Thánh liền bay lên hư không mà về. Cư sĩ bèn sai người đưa một chiếc giường báu vật sấp đem tặng Ngộ nhờ chú nguyện. Ngộ nói bần đạo đến chẳng đi trên đất, Cư sĩ đưa đến đây tự trở về không được, xin đưa về dùm, tụng kinh mà báo ân. Cư sĩ nói: Trai đàn này ý chỉ muốn thỉnh một mình sư thôi, còn năm trăm vị La-hán đến ăn, cũng chỉ mới thỉnh. Sư lại chú nguyện. Liền sai người đưa Sư trở về. Trước sân có năm-ba đứa trẻ sáu-bảy tuổi Cư sĩ gọi thì đưa một cậu bé đến. Cư sĩ bảo: Con nên hầu hạ Pháp sư. Cậu bé mời sư hả miệng. Sư hả miệng cậu bé nhìn qua, bảo Sư có nhiều bệnh. Cậu bé dùng tay xoa trên mình rồi lấy ít thuốc to bằng hạt mè chia làm ba hoàn đưa cho Ngộ nuốt. Lại bảo mở miệng cậu bé liền bay vào miệng. Lúc đó ngộ bèn bay lên hư không mà về chốn cũ, đứng trên hư không bảo Đạo Tường rằng: Vừa được Cư sĩ Thần núi thỉnh trai, nên được thần thông. Nay muốn tam về các cung Bồng Lai Kim Khuyết Tử Vi v.v... để trì tụng nghiệp xưa. Nói xong thì từ tạ Đạo Tường, xếp ba y bình bát và kinh rồi bay lên hư không mà đi.

***7. Có một Ni Sư ở núi Cửu Lũng:*** Trong niên hiệu Hiển Khánh. Chí tinh thông Phật thừa, Hoa Nghiêm Bí tạng. Vào núi thọ trì hơn hai

mươi năm, lễ tụng không ngớt. Y giáo tu hành tánh định tâm tịch, bèn chứng Tuệ nhãn, được cảnh giới như mạng lưới Nhân-đà-la, đạo tràng chín hội trong vi trần sát hải thế giới khắp mười phương nhìn thấy rõ ràng trước mắt như cảnh tượng trong gương.

***8. Niên hiệu Tổng Chương năm thứ nhất***, có Tam tạng là ở Vị Tăng Tây Vực đến Kinh Lạc. Vua Cao Tông thờ như thầy, Đạo tục đều quy kính. Hoa Nghiêm Tạng Công khi còn là cậu bé đến đảnh lễ Tam tạng xin thọ giới Bồ-tát. Lúc đó chúng bạch Tam tạng rằng: Cậu bé này tụng được Hoa Nghiêm Đại kinh lại hiểu cả nghĩa Tam tạng ngạc nhiên khen rằng: Hoa Nghiêm Nhất Thừa là Bí tạng của Chư Phật khó thể gặp được, huống chi là hiểu nghĩa. Nếu có người tụng được một phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm thì người ấy đã được đầy đủ Tịnh giới Bồ-tát, chẳng cần phải thọ giới Bồ-tát nữa. Trong Tây Vực Truyện Ký có nói: Có người tụng kinh Hoa Nghiêm, lấy nước rửa tay, một giọt rơi vào con kiến, con kiến này chết rồi liền sinh lên cõi trời Đao-lợi, huống chi lại có người thọ trì, thì phải biết cậu bé này ở đời sau sẽ được lợi ích rộng nhiều, có thể bố thí cho chúng sinh vô sinh cam lộ.

***9. Trong niên hiệu Thượng Nguyên***, chùa Kính Ái ở Lạc Châu, có vị Tăng, sống ở Trịnh Châu, trở về thăm cha mẹ. Khi đến Trịnh Châu thì gặp trời tối, phải ngủ đêm ở quán trọ. Lát sau có Tăng khác đến, chẳng biết họ cũng vào đó ngủ đêm. Ai nấy đều ở phòng mình. Vị Tăng đến sau bảo chủ quán rằng: Bần đạo ở xa đến rất mệt nhọc và đói, hãy đem lên đây ba thăng rượu tốt một cân thịt ngon, nhanh lên chớ chậm. Rồi ăn uống hết. Vị Tăng đến trước rất trọng giới luật, nổi giận trách rằng: Thân mặc pháp phục mà tệ hơn người tục, ăn uống rượu thịt chẳng biết hổ thẹn. Vị Tăng kia làm thinh chẳng đáp. Đến đầu hôm thì xin nước súc miệng, ngồi thẳng phát ra tiếng Phạm mà tụng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Trước nêu tên phẩm, kế tụng Ta nghe như vầy một thuở nọ Phật ngự tại nước Ma-kiệt-đề, tại Đạo Tràng Vắng lặng v.v... “thì miệng vị Tăng ấy phát ra ánh sáng như màu vàng ròng. Người nghe ứa lệ, kẻ thấy phát tâm, Luật sư cũng sinh tâm vui mừng mến mộ, tự nghĩ rằng: “Vị sư rượu thịt kia tụng được Đại kinh này. Cho đến canh ba vẫn nghe tiếng tụng không ngớt. Cuốn bốn sắp xong thì ánh sáng trong miệng lại càng sáng rỡ chiếu sáng khắp nhà. Bèn vạch lỗ dòm thì chiếu sáng hai phòng. Luật sư trước chẳng biết là ánh sáng mà bảo sao vị khách ấy không tắt đèn làm hao tổn dầu của chủ. Luật sư

nhón chân nhìn thấy ánh sáng vàng từ miệng vị Tăng phát ra tụng đến pho thứ năm trở lên, thì ánh sáng dần thu trở vào miệng. Đến canh năm tụng hết pho thứ sáu thì vị Tăng ấy nằm xuống, phút chốc trời sáng. Luật sư khóc lóc, đến mọp lạy cầu xin sám hối tội chê bai thánh Hiền, xin tội được tiêu trừ.

***10. Trong niên hiệu Nghi Phụng***, có hai vị Tăng ở Ấn-độ Tây Vực đến núi Ngũ Đài mang theo hoa sen và lư hương, vừa đi vừa quì lạy đến núi đảnh lễ Đại Thánh Văn-thù, thì gặp một Ni sư ở trong hang núi ngồi trên giường dây ở dưới cây thông. Ngồi thẳng tụng kinh Hoa Nghiêm. Lúc đó đã chiều tối, Ni bảo vị Tăng rằng Ấn độ : Ni chẳng thể cùng Đại Tăng ngủ đêm, Đại đức nên đi, sáng rồi hãy đến. Tăng nói: Đêm sâu đường xa không có chỗ nghỉ xin chớ thấy trái. Ni nói các ông không đi thì ta chẳng thể ở. Rồi vào núi sâu. Lúc đó vị Tăng bồi hồi hổ thẹn mà chẳng biết đi đâu. Ni nói dưới kia có hang Thiền Tăng nên đến đó mà ở. Đến tìm thì quả có hang Thiền cách đó hơn năm dặm. Hai vị Tăng một lòng chấp tay cầm lò hương mà quay về hướng Bắc lễ xa chí thành nghe kinh rõ ràng bên tai. Mới mở đề kinh đọc ta nghe như vầy thì ở xa thấy vị ni ngồi trên giường mặt quy về phía Nam, từ miệng phát ra ánh sáng rực rỡ màu vàng chói lòa cả ngọn núi. Tụng kinh hai pho trở lên thì ánh sáng càng mạnh ở hang phía Nam xa đến khoảng mười dặm, chẳng khác ban ngày. Tụng đến pho thứ tư thì ánh sáng ấy dần dần thu lại, đến pho thứ sáu vừa hết thì ánh sáng ấy thu vào miệng Ni. Trong phẩm Bồ-tát Trụ Xứ của kinh Hoa Nghiêm nói: Nước Trung quốc ở phương Đông Bắc có chỗ ở của Bồ-tát gọi là núi Thanh Lương, các Bồ-tát quá khứ thường ở đó. Nay có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng vạn vị Bồ-tát đều an trụ. “Núi ấy ở phía Nam vùng Đại Châu, ở phía Đông Bắc vùng Triết Châu tên là núi Ngũ Đài. Kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói Văn-thù là Phật Long Chủng Thượng Tôn Vương ở thế giới bình Đẳng thời quá khứ”. Lại kinh Ương-quật-ma-la nói: Văn-thù là Phật Ma-ni Bảo Tích ở thế giới Hoan Hỷ Đông Phương . Cảnh giới của thần ni ấy là do Văn-thù phân hóa để chỉ bày cho Vị Tăng.

***11. Đầu niên hiệu Thùy Củng có Tam tạng Pháp sư Nhật Chiếu*** là người Thiên-trúc, ở xa đem sách tiếng Phạm đến đây truyền dịch. Vua Cao Tông ra chiếu mời trú tại chùa Thái Nguyên, rồi nhóm hợp các Đại đức Tăng ở Kinh thành cùng dịch Đại Hoa Nghiêm Mật Nghiêm, v.v... hơn mười Bộ kinh. Tăng Đạo Thành, Bạc Trần, Viên Trắc, Ý Ứng

v.v... làm người Chứng Nghĩa, Phức Lễ, Tư Huyền v.v... làm người ghi chép Tuệ Trí v.v... dịch lời. Lúc đó Hoa Nghiêm Tạng Công trú tại chùa ấy, nhân phiên dịch mà hỏi Tam tạng rằng: Ở Tây Vực có người thọ trì Nhất thừa có được cảm ứng chăng? Tam tạng nói: Bần đạo đến tìm thầy khi đến Nam thì trời tối phải ngủ đêm ở một ngôi chùa có hơn sáu mươi ở Đại đức Tăng đều tụng Hoa Nghiêm làm chánh nghiệp, tôn Văn-thù làm Thượng Thủ. Chùa có vị Tăng đã mất, vì tụng được kinh Hoa Nghiêm nên bổ túc vào chỗ ấy, mỗi khi mặt trời lặn đều nhóm hội đốt hương lễ sám, đều tụng một quyển Hoa Nghiêm làm việc thường ngày. Chùa này vốn do chim Luân già bỏ của báu ra tạo nên, vì chúng Tăng tụng kinh Hoa Nghiêm nên chim được cảm sinh lên cõi trời, các cảm ứng khác rất nhiều chẳng thể kể hết. Tháng tư niên hiệu Thùy Củng năm thứ 3. Hoa Nghiêm Tạng Công trú tại chùa Đại Từ Ân giảng kinh Hoa Nghiêm. Tăng trong chùa là Đàm Diễn làm giảng chủ khi tan giảng đã lập hội Vô-già. Sau Tạng Công đến chùa Sùng Phước đến yết kiến hai Luật sư Đại đức Thành Trần. Lúc đó Luật sư Trần bảo Tạng Công rằng: Nay mùa Hạ, ở phường Hiền An có Đàn-việt Quách Thần Lượng chết đã bảy ngày sống lại mà vào chùa lễ bái, thấy Bạc Trần tự bảo: “Nhanh lên. Bỗng nhiên chết đi, rồi sống lại. Lúc đó có ba Sứ giả đến bắt tới chỗ Bình Đẳng Vương hỏi tội phước xong, bèn giao Sứ giả dẫn vào địa ngục chịu tội. Khi sắp vào ngục, bỗng thấy một vị Tăng bảo: Ta muốn cứu ông tội khổ địa ngục, dạy ông tụng một bài kệ. Thần Lượng sợ sệt thỉnh Tăng cứu hộ, liền ban cho bài kệ, Tăng tụng kệ rằng:

*Nếu người muốn biết rõ*
*Tất cả Phật ba đời*
*Phải nên như vậy quán,*
*Tâm tạo các Như lai.*

Thần Lượng bèn dốc tâm tụng kệ này mấy lượt, thì Thần Lượng và số người cùng chịu tội hơn ngàn vạn người nhờ đây đều được thoát khổ mà chẳng vào địa ngục. Đây đều nói các Đàn-việt phải biết kệ này có công năng phá tan địa ngục, thật không thể nghĩ bàn. Tạng đáp Trần rằng: Kệ này là văn kệ trong Hội thứ tư của kinh Hoa Nghiêm. Lúc đầu Trần chẳng nhớ là kinh Hoa Nghiêm, cũng chưa hoàn toàn tin lời Tạng nói bèn tìm phẩm Thập Hạnh mà tra cứu thì quả đó là kệ sau cùng của kệ Thập Hạnh. Trần Công vui mừng khen rằng: Vừa nghe một bài kệ, ngàn muôn người cùng lúc thoát khổ, huống chi là thọ trì toàn bộ lại giảng thông nghĩa sâu ư? Niên hiệu Thùy Củng năm thứ 3, Tỳ-kheo Tuệ Anh, từ dưới tòa của Tạng Công trú tại chùa Từ Ân nghe

giảng Hoa Nghiêm rồi lần lượt đi kinh hành đến viện phiên dịch thì cùng đi với Pháp sư Hoằng Chí ở chùa Từ Ân , Pháp sư Quang ở chùa Sở Quốc. Tạng Công bảo các Đại đức rằng: Tây Vực có Tam tạng Pháp sư Lặc-na, đời Đường dịch là Bảo Ý giảng kinh Hoa Nghiêm, người nghe số ngàn, bỗng có hai vị Tăng, hình dáng đoan nghiêm thân quang rực sáng, ở trước đại chúng đảnh lễ Tam tạng thưa rằng: Đệ tử từ cõi trời Đao-lợi, Đế-thích sai đến đây thỉnh Pháp sư lên cõi trời để giảng kinh Hoa Nghiêm, xin mời đi ngay. Tam tạng nói: Bần đạo giảng chưa xong chưa thể đi được, xong rồi sẽ đi. Sứ giả nói: Khi nào thì xong. Tam tạng nói: Chỉ còn hai pho. Sứ giả lại nói: Xin xong sớm sẽ đến rước. Tam tạng hứa rồi thì không thấy hai vị ấy nữa. Khi giảng gần xong vừa xếp kinh thì Sứ giả lại đến. Lúc đó đều giảng Phạm Âm, Duy-na v.v... Pháp sư ở trên tòa cao cũng vừa hóa, theo Sứ giả mà đến, cung trời Đế thích. Giảng khen ý sâu Đại thừa. Phải biết Hoa Nghiêm Bí Tạng trên cõi trời ở cõi người đều tôn trọng.

***12. Thiên Thọ niên hiệu năm đầu, Hoa Nghiêm Tạng Công về thăm bà nội***. Khi đến Tăng Châu thì các quan hương hoa ra đón. Đến năm thứ hai thỉnh giảng Hoa Nghiêm. Nói pháp kế bàn đến tà chánh. Lúc đó có Đạo sĩ trẻ ở bên cạnh về báo lại với Quán chủ Hoằng Đạo là Sư ở chùa Bắc chê bai Đạo Tôn. Quán chủ nghe nói nổi giận. Sáng hôm sau dắt hơn ba mươi Đạo sĩ đến chỗ giảng, mặt đỏ phừng miệng chửi rủa bảo Tạng Công rằng: Chỉ nên giảng kinh sao lại nói việc của Đạo môn? Tạng Công nói: Bần đạo tự giảng Hoa Nghiêm, không luận bàn chê bai ai khác. Quán Chủ hỏi: Tất cả các pháp đều bình đẳng chăng. Tạng đáp: Các pháp vừa bình đẳng vừa chẳng bình đẳng. Quán chủ lại hỏi: Pháp nào bình đẳng, pháp nào chẳng bình đẳng. Đáp rằng: Tất cả pháp chẳng ngoài hai loại: Một là Chân đế, hai là Tục đế. Nếu theo Chân đế thì không đây không kia, không mình không người, không sạch không nhơ tất cả đều lìa, cho nên bình đẳng. Nếu theo Tục đế thì có thiện có ác, có cao có thấp, có tà có chánh, đâu được bình đẳng? Đạo sĩ im lặng không đối đáp được nhưng cũng còn tức giận, ở chỗ Như lai mà nói lời độc hại. Về Quán ngủ một đêm, sáng ra khi rửa mặt bỗng tóc mày đều rụng, toàn thân ghẻ chốc mọc đầy bèn sinh tâm hối lỗi, quy kính Tam bảo, cầu xin Tạng Công thệ nguyện thọ trì kinh Hoa Nghiêm một trăm biến, tụng khoảng hai năm còn mười biến chưa xong, bỗng cảm được tóc tai mọc lại ghẻ chốc đều lành, đạo tục ở Tăng châu đều nghe thấy.

***13. Niên hiệu Thánh Lịch năm thứ nhất***, thời Võ Tắc Thiên, có chiếu thỉnh Tam tạng Thật-xoa-nan-đà nước Vu-điền cùng hơn mười Đại đức phiên dịch kinh Hoa Nghiêm tại chùa Phật Thọ Ký ở Đông Đô. Tăng Phục Lễ nối văn, Tạng Công ghi chép, Sa-môn Chiến-đà-đề-bà v.v... dịch lời, Tăng Pháp Bảo, Hoằng Cảnh, Ba Luân, Tuệ Nghiễm Khứ Trần v.v... xem xét chứng nghĩa. Thái sử Thái tử Trung Xá Ưng Phước Vệ Sự Tham Quân Vu Sự Dật, v.v... thân đến chiếu pháp viết lời tựa san định. Đêm ấy Tắc Thiên mộng thấy trời mưa cam lộ. Cho đến canh năm bỗng có gió nhẹ nước thơm mưa xuống. Lại ở trong ao trong vườn mọc hoa sen trăm cánh lá xanh hoa hồng mùi hương thơm phức. Hoa sen có ba loại: Một là hoa nhân gian có mười cánh, hai là hoa cõi trời có một trăm cánh, ba là hoa Tịnh độ có một ngàn cánh. Nay trong vườn mọc hoa trăm cánh, ấy là hoa cõi trời. Tắc Thiên vui mừng cho là điềm lành phiên dịch, ra chiếu cho Hoa Lộc Sứ Trung Quan đưa về chỗ phiên dịch trú tại chùa Phật Thọ Ký. Tăng chúng cả chùa và Pháp sư Thập chùa Đại Vân ở Hoài Châu đều thấy khen là ít có. Đến ngày mồng 08 tháng 10 niên hiệu Thánh Lịch năm thứ 2 thì dịch xong kinh mới, ban chiếu thỉnh Tạng Công trú tại chùa Phật Thọ Ký giảng kinh mới này đến phẩm Hoa Tạng Thế Giới thì giảng đường và chùa viện đất đều rúng chuyển, cả chúng kinh dị Đô-duy-na là Tuệ Biểu Tăng Hoằng Trí v.v... cùng tâm bày sự việc. Sắc phê rằng: Hôm qua phô bày lời sâu xa, mở rộng tạng bí mật, ngày bắt đầu dịch mộng thấy điềm lành cam lộ, sáng sớm bắt đầu giảng cảm được đất rung chuyển mà nêu điều lạ. Nay chính là Như lai giáng tích hợp với văn chín hội. Trẫm đâu dám coi thường sáu thứ rung chuyển, mở xem tấu văn, vui mừng vô cùng

***14. Trong niên hiệu Thánh Lịch, Tam tạng Thật-xoa-nan-đà người nước Vu-điền***: Trú tại chùa Phật Thọ Ký phiên dịch kinh Hoa Nghiêm bảo Tạng Công rằng: Nước tôi có Sa-di tên là Di-già-bạt, giữ mười giới, tuy chưa thọ Cụ túc giới mà thân ý thanh tịnh chuyên tụng Hoa Nghiêm. Một hôm có hai Sứ giả đến đảnh lễ hình dạng rất đẹp đẽ cao lớn, thân có ánh sáng. Di-già-bạt lấy làm lạ hỏi từ đâu đến. Sứ giả đáp: Đệ tử từ cõi trời Đao-lợi, Đế-thích sai đến đây thỉnh Sư tụng kinh Hoa Nghiêm, xin đi ngay cho. Già hỏi: Chẳng hay vì sao Thiên-đế mời tụng kinh ấy. Sứ giả nói: Thiên-đế đánh nhau với Tu-la, bị thua trận. Thiên-đế dùng Thiên nhãn xem khắp Diêm-phù, muốn cầu niệm tụng che chở, tuy có bốn La-hán mà chưa nói rõ việc này, chỉ thấy Pháp sư chuyên tinh Hoa Nghiêm, tâm sống trong cảnh Phật, có thể làm ruộng

phước cho trời người, do đó mà đến mời. Sư nói: Bần đạo có thể làm lợi ích há lại từ chối ư? Do đó nhận lời thỉnh. Nhắm mắt chốc lát liền đến cõi trời. Thiên đế vui mừng nói: Vì bị Tu-la quấy nhiễu nên mời Sư đến, Sư thọ trì kinh Hoa Nghiêm được các trời hộ trì, Thiện thần bảo vệ, xin thỉnh tụng kinh để cầu thắng địch. Thiên đế liền cởi áo mão đứng trên hư không, bỗng nhiên hóa ra Điện đường do bảy báu làm thành, bốn cửa vào ra, dùng ma-ni các báu để trang nghiêm , treo cờ phướn lọng báu xen lẫn các hoa thơm để cúng dường, thỉnh Sư vào điện ngồi tòa Hoa sen tụng kinh Hoa Nghiêm, tiếng rất cao thấu các cung trời. Đế Thích liền thống lãnh trời ba mươi ba bốn binh hộ vệ, vạn chúng vây quanh. Ngồi trong đài báu bay trên hư không mà đi đến chỗ đánh nhau, quân chúng Tu-la thấy oai linh này đều rút lui, đồng bọn trốn trong các lỗ. Đế Thích liền thỉnh Sư về Thiên cung bày bảy báu quý lạ mà cúng dường. Đế Thích lại bạch sư rằng: Nếu có thuốc sống lâu thì cũng phải dâng lên thỉnh sư ở lại cõi trời xin chớ từ chối. Sư nói: Cắt ái xuất gia là để cầu đạo Vô thượng, các châu báu ở thế gian và việc sống lâu không phải là chí nguyện của tôi. Do đó Thiên đế năm vóc gieo sát đất, đảnh lễ thưa rằng: Nguyện khi Sư thành đạo Bồ-đề thì độ thoát cho chúng tôi. Bèn sai Sứ giả đưa Sư về Diêm-phù. Áo quần Sư đều dính hương trời trọn đời không mất. Sau cùng nguyện sinh về Tịnh độ. Tam tạng Thật-xoa biết rõ Sa-di này.

***15. Trong niên hiệu Thánh Lịch, Tam tạng Thật-xoa-nan-đà nước Vu-điền bảo rằng***: Trong nước Quy-tư chỉ tu tập Tiểu thừa, chẳng biết Thích-ca hóa thân trăm ức, hiện đủ loại thân hiện bày cảnh giới mới. Có người chẳng tin Đại kinh Hoa Nghiêm, có vị Tăng Ấn Độ từ Thiên-trúc đem kinh Hoa Nghiêm bản tiếng Phạm đến nước Trung quốc, các vị Sư Tiểu thừa đều không tin nhận. Vị Tăng bèn để kinh lại mà về. Các Sư Tiểu thừa bèn đem bỏ vào giếng, thì kinh phát ra ánh sáng rực rỡ như đống lửa. Ban đêm các sư thấy nghi là vàng báu, sáng đến liền nhóm họp bàn nhau sai người lặn lấy lên thì chính là bộ kinh Hoa Nghiêm ấy. Các Sư rất kinh lạ bèn đặt kinh ấy vào khám trong kho. Một hôm, bỗng thấy bản tiếng Phạm trên cao ở trong kho. Các sư nghĩ rằng: Đây không phải là Phật Thích-ca ta nói, ta thấy hơi lạ, mới thâu kinh để vào kho, người nào đem kinh này để lên trên. Lại đem bản tiếng Phạm để dưới khám, chúng Tăng khóa cửa, tự tay bóp khóa. Nhưng sáng hôm sau mở kho thì lại thấy bản kinh Hoa Nghiêm ở trên. Các sư mới biết Nhất Thừa Đại Giáo oai linh như thế, bèn hổ thẹn tự hối lỗi trước mà

dần sinh kính tin.

***16- Trong niên hiệu Chứng Thánh, Đặng Nguyên Anh*** (cũng gọi là Nguyên Sảng) ở Hoa Âm có một bạn thân, bỗng bị bệnh chết bảy ngày thì sống lại, bảo Nguyên Sảng rằng: Thấy quan ở Diêm vương đến bắt cha ông, văn luận tội sắp thành, phải gấp tu công đức để cầu hết nạn. Nguyên Anh sợ hãi hỏi: Tu công đức gì mà mau được khỏi. Người ấy bảo: Gấp viết một bộ kinh Hoa Nghiêm, nếu chậm thì sẽ chết. Nguyên Anh bèn ra chợ mua lụa rồi đến ngôi chùa gần của Thiền sư Phục thỉnh Thiền sư và mời người viết kinh đúng pháp Hộ Tịnh cùng lúc viết chép. Chưa đầy một tuần thì kinh đã viết xong, bèn thiết trai ăn mừng. Sau đó thì được khỏi ách nạn. Nguyên Anh vẫn còn tang mẹ, lòng dạ rất xót xa, đến tháng mười một mùa Đông ở phần mộ của mẹ các cành hoa đã lạnh khô bỗng mọc hoa lá đẹp đẽ thơm phức, nhụy hoa năm màu. Đây là do viết kinh mà cảm được. Châu huyện tâu lên vua thì Tắc Thiên khen kỳ lạ, bèn ban cho lập Hiếu môn, giáng sắc khen thưởng.

***17. Niên hiệu Như Ý năm thứ nhất,*** ở Hàng Châu có hai cô gái nhỏ đều có tánh hiểu biết đoan chánh, nương Sư cô tụng kinh Hoa Nghiêm được hơn ba mươi quyển. Sư cô giới hạnh tinh khổ thường tụng Hoa Nghiêm làm chánh nghiệp, muốn dạy hai cô bèn khiến cạo tóc. Không bao lâu sư cô ngồi thẳng mà tịch, hai cô gái mỗi sáng đến mộ gào khóc. Ba năm sau thì trên mộ mọc lên đóa hoa sen đỏ. Hai cô gái thấy cảm hoa lạ thì càng gào khóc. Bỗng thấy một vị Tăng Ấn độ thần nghi rất cao lớn đến hỏi cô gái rằng: Vì sao các con gào khóc như thế? Hai cô gái đáp: Ở chổ Hòa-thượng tụng tập Hoa Nghiêm chí cầu xuất gia không mong vô cảm Sư cô sớm mất. Vị Tăng nói: Các con đã khẩn cầu cạo tóc, vì sao lo chẳng kết quả. Vị Tăng bèn lấy ra từ trong bụng một tượng gốm vuông cao khoảng sáu, bảy tấc trao cho hai cô gái bảo rằng: Con hãy đem tượng này về nhà cúng dường, chẳng bao lâu thì được xuất gia. Cô gái được tượng bèn lễ tạ vị Tăng. Phút chốc bỗng biến mất. Cô gái đem tượng về nhà đúng pháp cúng dường, siêng năng kính tín, nhất tâm không biếng lười. Tượng vuông ấy mỗi ngày cao thêm một tấc, trong mười ngày chẳng ngày nào không cao thêm, sau cao hơn một trượng. Châu huyện biết được, đem hoa cúng dường và tâu lên vua. Tắc Thiên lấy làm lạ, ban chiếu mời hai cô gái cùng đem rễ thân hoa vào cung. Bèn đào mộ lấy hoa thì thấy hoa từ quan tài mọc lên. Phá quan tài lấy rễ, thì rễ mọc từ lưỡi của Sư cô, màu sắc tươi đẹp,

huyện châu đồng thấy. Hai cô gái vào cung, Tắc Thiên tự tay cầm dao xuống tóc, ban cho ba y và bình bát, phân cho trú tại chùa Thiên Nữ. Do đây bèn ban sắc các chùa trong nước mỗi chùa độ hai vị Tăng Ni.

***18- Trong niên hiệu Đại Túc, ở Đại Vân thuộc Dương Châu có vị Tăng là Hoằng Bảo***: Nghi mạo đẹp đẽ tụng kinh rất giỏi, thường khinh chê người. Bỗng nhiên một hôm ở mí tóc trên chân mày mọc ra một cái bướu lớn bằng trái đào, khoảng một tuần thì dài ba tấc. Vị Tăng ấy hổ thẹn chẳng ra khỏi phòng. Ở trong chùa trị bệnh mà ngày càng nặng hơn. Nhân tự suy nghĩ bệnh này có hai nguyên nhân: Một là nghiệp cảm quá khứ , hai là do khinh mạn Hiền Thánh. Bèn phát nguyện ở trong phòng tụng đọc kinh Hoa Nghiêm một trăm biến, ngày đêm hương hoa tinh tấn, tha thiết lễ sám, tụng kinh đến sáu mươi biến. Một đêm bỗng mộng thấy có người đến bảo rằng: Ông muốn hết bệnh, ta cho ông thuốc, bèn tay cầm dao cắt ngang cái bướu. Kinh sợ bèn thức dậy. Đến sáng thì kể lại với chư Tăng. Do đó trên bướu sinh nhọt, nhọt bèn vỡ chảy mủ, một tháng sau thì bệnh lành không có dấu vết. Tăng Quân ở Dương Châu đến đất Lạc nói việc này với Hoa Nghiêm Tạng Công.

***19. Pháp sư Đại đức Tuệ Chiêu:*** Trú tại chùa Sùng Phước ở Tây Kinh, có chỗ gọi là Tuệ Hựu, là đồng học với Hoa Nghiêm Tạng Công. Học hạnh tinh khổ, từ nhỏ thờ Hòa-thượng Nghiễm làm thầy, chuyên nghiệp Hoa Nghiêm. Riêng tụng một phẩm Tánh Khởi ba quyển. Kinh mới gọi là Như lai Xuất Hiện Phẩm, coi là nghiệp thường. Vị Tăng ấy rất ưa tịnh, khi chưa ở chùa Sùng Phước đã từng tu thiền trong núi từ lâu, những đêm thanh tịnh thường rửa mặt súc miệng đốt hương ngồi trên giường dây mà tụng phẩm ấy. Bỗng một đêm khi đang tụng kinh thì có hơn mười vị Bồ-tát từ đất vọt lên ngồi trên đài hoa sen, thân tướng màu vàng chiếu sáng rực rỡ, chắp tay quì mà nghe kinh. Tụng kinh vừa xong thì biến mất. Tuệ Chiêu lén đến chỗ Tạng Công nói rõ linh cảm này. Tạng Công bèn kể lại cho đệ tử của mình là Tuệ Lượng, Tuệ Vân, Huyền Quán, Như Tông, v.v... nghe

***20. Trong niên hiệu Vĩnh Huy ở Định Châu có Thiền sư tên là Tu Đức***, học trò đông đến số vạn, là lãnh tụ về thiền, chuyên tu nghiệp Hoa Nghiêm, muốn viết chép kinh này kính làm tông. Trước dùng nước trầm hương mà trồng các cây, cây lớn thì lấy vỏ làm giấy để viết kinh. Kẻ viết kinh, người làm bút, người làm giấy, khi đại tiểu tiện rồi đều phải

tắm gội hộ tịnh. Hễ xong một quyển thì cho mười xấp lụa tốt giặt nhuộm đầy đủ. Thiết trai mà mừng dùng hộp thơm đựng đầy, dốc lòng lễ bái. Nhằm ngày trai thì đạo tục đến rất đông. Khi mở hộp kinh thì ánh sáng vàng chiếu xa thấu đến cả trăm dặm. Cả năm mươi châu ở Sơn Đông đều đến lễ kinh, ngoại đạo-thế tục đều nghe biết. Lúc đo có hoạn quan là Lưu Khiêm Chi và Vương Tử thứ ba của Bắc Tề cũng theo.

***21. Trong niên hiệu Thái Hòa đời Tề***, có Vương Tử thiêu thân để cúng dường Bồ-tát Văn-thù, Khiêm Chi thấy mình tàn khuyết bèn phát tâm ở núi Ngũ Đài chuyên tu nghiệp Hoa Nghiêm, ngày đêm thọ trì, sáu thời lễ sám trải qua nhiều năm khẩn thiết không biếng lười, nên cảm được Văn-thù che chở. Bỗng nhiên râu tóc mọc lại, căn thể đầy đủ, tiếng nói rõ ràng ít người sánh kịp. Đã trở lại thân hình-râu tóc như đàn ông, chỉ khẩn thiết tìm hiểu ý kinh mà viết thành luận Hoa Nghiêm được sáu trăm quyển.

***22- U Trinh tôi thầm nghe trong núi nước Tây Tát-giá-câu-bàn có đầy đủ bản Hạ***, mười vạn bài kệ kinh Bất Tư Nghị Giải Thoát Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, chỉ nguyện kinh này sớm được đầy đủ truyền dịch ở cõi này mà lợi ích khắp cho tất cả hữu tình. U Trinh từ trong niên hiệu Kiến Trung đời Đường vào năm Quý hợi kính phát nguyện này, lấy đây làm văn quy mạng, để lễ trong các thời lễ Phật và mười hai bộ kinh, khi chẳng lễ Phật thì trì niệm văn quy mạng này. Kinh Hoa Nghiêm có sát hải vi trần số kệ phẩm, không thể nói hết lá bối viết truyền được đều là do năng lực Đà-la-ni của các Đại Bồ-tát. Tỳ-kheo Hải Vân thọ trì kinh đã dùng lượng mực nhiều như biển lớn, lượng bút nhiều như núi Tu-di để viết chép còn chẳng thể hết một phần nhỏ của một phẩm. Tổ sư Long Thọ ở cung rồng thấy văn tự kết tập truyền kinh này có ba bản Thượng-Trung-Hạ. Bản thượng thì có số kệ nhiều bằng số bụi của mười Tam thiên đại thiên thế giới, một Tứ thiên hạ. Bản Trung thì có bốn mươi chín vạn tám trăm tám mươi bài kệ và một ngàn hai trăm phẩm. Bản Hạ thì có mười vạn bài kệ và bốn mươi tám phẩm. Hai bản thượng-trung thí sức người Diêm-phù không có thể thọ trì. Do đó ở Tây Vực chỉ có kinh bản Hạ gồm mười vạn bài kệ, nay ở trong núi nước ấy. Ở cõi này chỉ dịch tám mươi quyển kinh. Phạm kệ chỉ có bốn vạn năm ngàn là lược lấy ra trong mười vạn bài kệ. U Trinh cho kinh cõi này chưa đủ nên rộng phát nguyện ấy phụ nêu truyện này. Bởi muốn khuyên các người đạo khi thấy kinh này thì đồng lễ niệm cầu

thỉnh cho kinh bản Hạ được đầy đủ sớm truyền đến cõi này. Tăng trong truyện đã dạy thí chủ là Thần Lượng tụng kệ là bản kinh đã dịch trước kia sau dịch kệ rằng:

*Nếu người muốn hiểu rõ,*
*Tất cả Phật ba đời,*
*Phải quán tánh pháp giới,*
*Tất cả chỉ tâm tạo.*

***23-Trong niên hiệu Thượng Nguyên***, Tôn Tư Mạc uống Lưu Châu Đơn và Vân Mẫu Phấn thì sống một trăm năm mươi, tuổi nhan sắc như trẻ nhỏ, đến Trường An nói việc trong khoảng Tề Ngụy rõ như trước mắt, viết chép kinh này bảy trăm năm mươi bộ.

***24-Vua Thái Tông muốn đọc kinh Phật, bèn hỏi Mạc***: Kinh nào là lớn? Mạc nói kinh Hoa Nghiêm được Phật tôn trọng là lớn. Vua nói: Gần đây Tam tạng Huyền Trang dịch Đại Bát-nhã được sáu trăm quyển thì sao không cho là lớn, mà Hoa Nghiêm tám mươi quyển kia lại cho là lớn. Mạc đáp: Pháp giới Hoa Nghiêm đủ tất cả, từ trong một môn có thể giảng nói ra Đại thiên kinh quyển kinh Bát-nhã chỉ là một môn trong Hoa Nghiêm mà thôi. Vua Thái Tông mới ngộ, bèn thọ trì Hoa Nghiêm Nhất Thừa Bí Giáo, cũng gọi là kinh Đại Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát, công dụng rất lớn, cảm ứng cũng lớn. Người đạo muốn học tâm tuệ Phật, hiểu rõ cảnh giới Phật, chứng địa vị Phật dựa vào thừa pháp tánh này mà tu hành, không trải qua địa vị, khi mới phát tâm liền thành chánh giác, đều giống như các đức Như lai trong ba đời. Ví như một giọt nước ở các sông vừa mới vào biển thì liền gọi là nước biển. Nếu y theo Đại thừa thì Nhị thừa quyền giáo tu đầy đủ vạn hạnh liên tục trải qua nhiều kiếp thì chẳng bằng nghe kinh ấy cho đến dùng chút ít phương tiện mà mau chóng được Bồ-đề. Kinh nói: Kinh này chẳng nên vào tay tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát Ma-ha-tát, tất cả Thanh văn, Duyên giác đều chẳng được kinh, huống chi là thọ trì. Như Bồ-tát trong ức na-do-tha kiếp, thực hành sáu Ba-la-mật còn chẳng nghe kinh này, hoặc tuy nghe kinh này mà chẳng tin, thì đó còn là Bồ-tát giả danh. Nếu đất có quyển kinh mà xem như tháp miếu Như lai, lễ bái cúng dường thì chúng sinh đó đầy đủ căn thiện, dứt hết hoạn nạn phiền não, được vui Hiền thánh. Hạng chúng ta phải cố gắng. Thầy tôi thờ Thiền Tổ Vô Danh Công Tắc, nghe Phổ Hiền Đại Hạnh Hải Ấn Thâm Định Pháp Giới Thể tánh, mới biết Hoa Nghiêm là Cực Tông của Đức Thích-ca. Do đó mà phán tu truyện này rộng bày những điều chưa nghe.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 187

# LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ

SỐ 2075

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2075

# LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ

(Cũng gọi là Truyện về đạo mạch thầy trò, cũng gọi là Truyện xác định phải quấy dẹp tà hiển chánh phá hoại tất cả tâm, cũng gọi là Pháp môn tối thượng thừa đốn ngộ)

Căn cứ các kinh truyện như: Kinh Bản Hạnh, kinh Tạp A-hàm, kinh Phổ Diệu, kinh Ứng Thụy, kinh Văn-thù-sư-lợi Niết-bàn, kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh, kinh Vô Cấu Quang Chuyển Nữ Thân, kinh Quyết Định Tỳ-ni, kinh Đại Phật Đảnh, kinh Kim Cang Tam-muội, kinh Pháp Cú, kinh Phật Tạng, kinh Anh Lạc, kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại Bát-nhã, kinh Thiền Môn, kinh Niết-bàn, kinh Lăng-già, kinh Tư Ích, kinh Pháp Hoa, kinh Duy Ma, kinh Dược Sư, kinh Kim Cang Bát-nhã, kinh Phó Pháp Tạng, kinh Tây Thăng của Đạo giáo, Truyện Sa-môn Thích Pháp Lâm, Thích Hư Thật Ký, Khai Nguyên Thích Giáo, Chu Thư Dị Ký, Hán Pháp nội truyện, Doãn Hỷ nội truyện, Mâu Tử, Liệt Tử, Phù Tử, Ngô Thư, và các văn lục xưa cổ, cho đến Dương Lăng-già, Nghiệp Đô cố sự, v.v... thì được biết niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba (60) thời Hậu Hán, vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) ban đêm mộng thấy có người thân màu vàng ròng cao một trượng sáu thước sau, cổ có vầng ánh sáng tròn bay đi trên sân điện, đến sáng sớm, vua hỏi các triều thần: Đó là điềm gì? Thái sử Phó Nghị tâu trình rằng: Ở phương Tây có bậc Đại thánh gọi là Phật. đó là tượng Phật ấy. Vua Minh Đế hỏi: Vì sao ông biết như vậy? Thái sử Phó Nghị đáp: Trong bộ Chu Thư Dị Ký nói: Năm Giáp Dần dưới thời vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976, trước Tây lịch) thời Tây Chu, là năm Phật đản sanh. Đến năm Nhâm Thân dưới thời vua Mục Vương (Cơ Mãn 976-921 trước Tây lịch) thời Tây Chu,

là năm Đức Phật diệt độ. Sau một ngàn năm, giáo pháp mới truyền bá đến đất Hán (Trung Hoa) tức là thời nay. Vua Minh Đế bèn sai Lang Trung Thái Âm, Bác sĩ Tần Cảnh, v.v... đi sứ đến xứ Thiên-trúc thỉnh cầu được tôn tượng Phật, hình tượng Bồ-tát, kinh Tứ Thập Nhị Chương, và thỉnh được hai vị Pháp sư là Tôn giả Ca-diếp-ma-đằng và Trúc Pháp Lan, vua Minh Đế thỉnh lên điện, cúng dường thành Lạc Dương xưa cũ ở phía Tây để xây chùa Bạch Mã.

Đến ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn (71) thời Hậu Hán, các đạo sĩ ở Ngũ nhạc, núi Hoắc, núi Bạch Lộc như chư thiện Tín, phí Trai tài v.v... tất cả gồm sáu trăm chín mươi người đồng dâng biểu văn tấu trình rằng: Thần nghe Thái thượng vô hình, hư vô tự nhiên, từ thời thượng cổ đồng tôn kính, trăm đời vua chẳng đổi thay. Vậy mà nay bệ hạ bỏ gốc theo ngọn, tìm cầu giáo điển của Tây Vực, hóa độ gọi là Hồ thần. Cái gọi là chẳng thêm, các thân v.v... ở xứ Hoa hạ (Trung Hoa) này phần nhiều có được thông minh, rộng hiểu lược qua các kinh điển. Xin bệ hạ cho phép các thần v.v... được so sánh với họ, nếu có chỗ hơn thì xin dẹp trừ dối trá, còn nếu chẳng bằng, thì mặc tình theo sự trọng quyết. Vua Minh Đế bảo: Chuẩn y, ban sắc cho hữu ty, sắp bày các vật cúng, và các hàng văn võ từ Ngũ phẩm trở lên, các quan liêu trong ngoài, đến rạng sáng ngày rằm đồng nhóm họp tại chùa Bạch Mã. Các đạo sĩ ở ngoài cửa chùa xếp đặt ba đàn, mở hai mươi bốn cửa. Vua đến ngoài phía Nam cửa chùa, thiết đặt xá-lợi và kinh tượng Phật, xếp bày hành điện bảy báu. Chử Thiện Tín Phí Trai Tài v.v... dùng đạo kinh, tử thư, phù thuật v.v..., đặt trên đàn, dùng lửa để thử nghiệm. Buồn khóc rơi lệ chú nguyện rằng: Hồ thần nhiễu loạn Hoa hạ chúng ta, nguyện xin Thái thượng thiên tôn, hiểu cho chúng sanh được phân biệt rõ ràng chân ngụy. Đạo kinh, tử thư, phù thuật v.v... bị lửa đốt cháy thành tro tàn. Các đạo sĩ kinh ngạc, người trước kia từng bay lên trời nay bay lên trời không được, người trước kia từng ẩn thân nay ẩn thân không được, người trước có khả năng nhảy vào lửa xuống nước nay chẳng dám vào, người trước kia thọ trì cấm chú, nay gọi chẳng thể ứng. Các thứ công năng đều không có một ứng nghiệm. Chử Thiện Tín, Phí Trai Tài v.v... tự cảm mà chết. Khi ấy, xá-lợi Phật phát ra ánh sáng năm màu xoay tròn như lọng che khắp cả đại chúng, ánh sáng che khuất cả vầng mặt trời. Pháp sư Ca-diếp-ma-đằng nằm ngồi giữa hư không, thần hóa tự tại, trời mưa hoa báu và tấu nhạc trời, Pháp sư Trúc Pháp Lan dùng Phạm âm khen ngợi, Pháp sư Ca-diếp-ma-đằng nói bài tụng rằng:

*Chồn chẳng phải sư tử*

*Đèn chẳng sáng trời trăng*
*Ao không nạp biển lớn*
*Gò chẳng tột núi cao.*

Vua Minh Đế rất thỏa lòng, cho phép các hàng Ngũ phẩm trở lên các công hầu trai gái và cả Âm phu nhân v.v..., xuất gia, có sáu trăm đạo sĩ đều nương theo Phật xuất gia. Pháp sư Trúc-Pháp-lan tụng Kinh Công Đức Xuất Gia và Kinh Phật Bổn Sanh, v.v... vua Minh Đế rất vui mừng, cả nước đều quy y theo Phật giáo.

Vua Minh Đế hỏi hai Pháp sư rằng: Phật xưng hiệu là Pháp Vương vì sao không sanh ở nước Hán? Pháp sư Ca-diếp-ma-đằng đáp: Thành Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm của trăm ức nhật nguyệt, là chủ của Tam thiên Đại thiên thế giới, tất cả các rồng thần có phước đều sanh tại nước ấy, do đó, Phật sanh ở nước xứ Thiên-trúc. Vua Minh Đế lại hỏi: Chủng tộc của Phật là ai? sanh ở thời gian nào và diệt ở thời gian nào? Pháp sư Ca-diếp-ma-đằng đáp: Phật là con của vua Tịnh Phạn, là cháu ngàn đời của vua Kim luân vốn dòng họ Cù-đàm cũng gọi là Thích Chủng. Ngày 15 tháng 07 năm Quý Sửu, từ cung trời Đâu-suất giáng sanh gá thai phu nhân Ma-da, đến ngày mồng 08 tháng 04 năm Giáp Dần, ở trong vườn Tỳ-ni, từ hông bên phải của phu nhân Ma-da mà đản sanh. Lại có năm trăm vị trong dòng họ Thích, năm trăm ngựa bạch Kiền trác và Xa-nặc v.v... cùng Phật đồng thời sanh trong ngày mồng 08 tháng 04 đó. Đến ngày 08 tháng 02 năm Nhâm Thân, vượt thành xuất gia. Đến ngày 15 tháng 02 năm Quí Mùi, nhập Niết-bàn. Phật tuy chẳng sanh ở đất Hán, nhưng một ngàn năm sau hoặc năm trăm năm sau, có duyên với các chúng sanh, trước sai các Thánh đệ tử đến đó giáo hóa. Theo Kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh nói: Phía Đông bắc nước Thiên-trúc có nước Chân Đan (Chấn Đán – Trung Hoa), nhân dân phần nhiều chẳng kính tin, kẻ tạo tội rất nhiều. Chúng tôi trước nay đã sai ba vị Thánh đệ tử đều là Bồ-tát đến đó thị hiên hành hóa. Ma-ha Ca-diếp ở đó gọi là Lão tử, Đồng tử Quang Tịnh ở đó gọi là Trọng Ni, Nhu Đồng Minh Nguyệt ở đó gọi là Nhan Hồi, giảng luận Ngũ kinh thi, thư, lễ, nhạc, oai nghi phép tắc để dần dần dẫn dắt giáo hóa, sau đó kinh Phật sẽ truyền đến.

Theo Mâu Tử nói: Xưa kia, vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán, ban đêm mộng thấy vị thần, thân có ánh sáng như mặt trời bay đến trước sân điện, trong ý vui mừng, tâm rất khoan khoái, đến sáng ngày vua truyền hỏi các quan: Đó là ai? Có Thông sự Xá nhân Phó Nghị tâu rằng: Thần nghe ở Thiên-trúc có bậc đạo đức, được gọi là Phật, nhẹ nâng bay vọt, thân có ánh sáng như vầng nhật, rất mực là

thần. Khi ấy, vua bèn tỏ ngộ, liền sai sứ là Trương Khiên, Vũ Lâm Lang Trung, Tần Tiến sĩ, con em trong Vương tôn v.v... tất cả mười hai vị đến nước Đại Nguyệt Chi biên chép lấy Kinh Tứ Thập Nhị Chương của Phật đưa về tại thạch thất Lan đài thứ mười bốn, và tức thời đến phía Tây thành Lạc Dương đóng bít cửa, bên ngoài xây dựng chùa Phật, ở vách tường đó đắp họa ngàn vạn quân tướng của triều đình, nhiễu quanh mười ba vòng. Lại trên đài Thanh Lương ở Nam cung và trên cửa Khai Dương, làm hình tượng Phật. Lúc vua Minh Đế còn tại thế, biết tuổi thọ vô thường, nên trước xây dựng thọ lăng, lăng đề là Hiển Tiết. Cũng ở trên đó đồ họa hình tượng Phật. Lúc vua chưa băng, nước nhà giàu có, dân chúng an ổn, các xứ xa đều kính mến nghĩa, đồng đến nương tựa đức, nguyện xin làm thân thiếp. Có cả hàng ức, nên được thụy hiệu là Minh. Từ đó về sau, chung quanh kinh thành cho đến các châu huyện, mỗi nơi đều có chùa Phật, người học nhờ đó mà được đượm nhuần.

Theo Tấn Thư nói: Vua Hoàn Đế đời Tấn muốn trừ bỏ Phật pháp, vời gọi Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn đến, vua hỏi: Từ trước đến nay, Trẫm thấy Tăng Ni giới hạnh chẳng thuần, phần nhiều hủy phạm, trẫm muốn trừ bỏ mà tuyển chọn, hiện nay có được chẳng? Viễn Công đáp: Côn sơn sản sanh ra ngọc, bên trên lẫn tạp với cát bụi, Lệ Thủy Bệ hạ chỉ được kính pháp trọng người, không được khinh người mạn pháp. Vua bèn đại xá.

Vua Lương Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương hội cả ba tôn giáo mà nói rằng: Thuở nhỏ học Chu Lễ, đến tuổi hai mươi nghiên cứu sáu kinh, vào tuổi trung niên đọc Đạo thư, có danh và không danh, lúc tuổi về già mở quyển kinh Phật, như mặt trời ánh ngời hóa muôn sao.

Theo Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả Chư Phật lùi vị hoặc làm Bồ-tát, hoặc làm Thanh văn, hoặc làm vua Chuyển luân, hoặc làm Phạm vương, hoặc làm Quốc Vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Thể nữ trăm quan, hoặc làm quỷ thần có sức mạnh, hoặc làm thần núi, thần ngày, thần đêm, thần lửa, thần nước, thần tất cả mầm mống, thần cày và các ngoại đạo, làm các thứ phương tiện để giúp đỡ Đức Thích-ca Như lai của chúng ta cảm hóa dẫn dắt chúng sanh.

Theo phẩm Đà-la-ni trong kinh Đại Bát-nhã nói: Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, sau khi Phật nhập Niết-bàn, ở phương nào sẽ hưng thạnh? Phật bảo: Xá-lợi-phất! Kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, sau khi ta nhập Niết-bàn, từ phương Bắc đến phương Đông

bắc dần dần hưng thạnh. Phương đó phần nhiều có Bí-sô, Bí-sô-ni (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni) an trú Đại thừa. Các Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca (cận sự nam, cận sự nữ) y xứ Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, phần nhiều tin ưa sâu sắc. Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Sau khi Ta nhập Niết-bàn, thời sau, phần sau, năm trăm năm sau, với pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy ở phương Đông bắc làm Phật sự lớn.

Theo Kinh Phó Pháp Tạng nói: Sau khi Đức Như lai diệt độ, pháp nhãn phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp phó chúc cho A-nan, A-nan phó chúc cho Mạt-điền-địa, Mạt-điền-địa phó chúc cho Thương-na-hòa-tu, Thương-na-hòa-tu phó chúc cho Ưu-ba-cúc-đa, Ưu-ba-cúc-đa phó chúc cho Đề-đa-ca, Đề-đa-ca phó chúc cho Di-già-ca, Di-già-ca phó chúc cho Phật-đà-nan-đề, Phật-đà-nan-đề phó chúc cho Phật-đà-mật-đa, Phật-đà-mật-đa phó chúc cho Tỳ-kheo Hiếp, Tỳ-kheo Hiếp phó chúc cho Phú-na-da-xà, Phú-na-da-xà phó chúc cho Mã Minh, Mã Minh phó chúc cho trưởng lão Tỳ-la, trưởng lão Tỳ-la phó chúc cho Long Thọ, Long Thọ phó chúc cho Ca-na-đề-bà, Ca-na-đề-bà phó chúc cho La-hầu-la, La-hầu-la phó chúc cho Tăng-ca-na-đề, Tăng-ca-na-đề phó chúc cho Tăng-ca-da-xá, Tăng-ca-da-xá phó chúc cho Cưu-ma-la-đà, Cưu-ma-la-đà phó chúc cho Xà-dạ-đa, Xà-dạ-đa phó chúc cho Bà-tu-bàn-đà, Bà-tu-bàn-đà phó chúc cho Ma-noa-la, Ma-noa-la phó chúc cho Hạc-lặc-na, Hạc-lặc-na phó chúc cho Tỳ-kheo Sư Tử, Tỳ-kheo Sư Tử phó chúc cho Xá-na-bà-tư. Xong rồi từ nước xứ Trung Thiên-trúc đi đến nước Kế-tân, vua nước đó tên là Di-đa-la-quật không kính tin Phật pháp, phá hủy chùa tháp, giết hại chúng sanh, kính thờ ngoại đạo Mạt-mạn-ni và Di-sư-ha v.v.... Bấy giờ Tỳ-kheo Sư Tử cố đến giáo hóa nước đó. Vua đó vô đạo, tự tay cầm kiếm sắc bén, miệng bảo: Nếu là bậc Thánh, thì tất cả các sư v.v... phải răn hình. Khi ấy Tỳ-kheo Sư Tử thị hiện thân hình tuôn trào sữa trắng, còn Mạt-mạn-ni, Di-sư-ha, v.v... bị tử hình như người phàm máu đổ đầy đất, vua đó bèn phát tâm quy hướng về Phật, liền vâng mạng theo đệ tử của Tỳ-kheo Sư Tử, Tỳ-kheo Sư Tử trước kia đã phó chúc cho Xá-na-bà-tư và đã vào nước xứ Nam Thiên-trúc rộng hành giáo hóa, độ thoát chúng sanh. Vua liền đuổi tìm đệ tử của ngoại đạo Mạt-mạn-ni và đệ tử của Di-sư-ha được rồi đưa đến trước sân triều dựng giá treo đầu, mọi người cả nước đồng bắn. Vua nước Kế-tân ra lệnh khiến các nước nếu có pháp (ngoại đạo) ấy thì đuổi ra khỏi nước. Nhờ vào Tỳ-kheo Sư Tử mà Phật pháp hưng thạnh lại. Xá-na-bà-tư lại phó chúc cho Ưu-ba-quật, Ưu-ba-quật phó chúc cho Tu Bà-mật-đa, Tu Bà-mật-đa phó chúc cho Tăng-ca-la-xoa, Tăng-ca-la-

xoa phó chúc cho Bồ-đề-đạt-ma-đa-la. Tại các nước ở Tây Vực có hai mươi chín đời, trừ Đạt-ma-đa-la tức là còn hai mươi tám đời.

Có Sa-môn Tịnh Giác Sư ở Đông Đô là đệ tử của Thiền sư Thần Tú ở Ngọc tuyền, soạn bộ Lăng-già Sư Tư Huyết Mạch Ký một quyển, vọng dẫn Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà thời nhà Tống là Tổ thứ nhất, không biết căn do hoặc loạn người học sau rằng: Thầy của Bồ-đề-đạt-ma là Cầu-na-bạt-đà. Tự cho rằng Tam tạng dịch kinh là người học tiểu thừa chẳng phải là Thiền sư. Phiên dịch ra kinh Lăng-già bốn quyển chẳng phải mở nhận kinh Lăng-già cùng Tổ sư Đạt-ma. Tổ sư Đạt-ma từ trước sau hai mươi tám đời trước sau truyền nhau tiếp đến Tăng-ca-la-xoa. Về sau, Đại sư Tuệ Khả thần gần đến chùa Thiếu Lâm ở núi Tung cao hỏi Tổ sư Đạt-ma, tiếp nhận tương truyền từ trước, tự có văn lý rõ ràng. Sa-môn Tịnh Giác Sư vọng dẫn Cầu-na-bạt-đà xưng làm Tổ thứ nhất, rất hoặc loạn học pháp. Trong Kinh Pháp Hoa chép: Không cho phép gần gũi người học Tiểu thừa. Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà dịch kinh Lăng-già bốn quyển, lấy tên là A-bạt-đà Bảo Lăng-già Kinh, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi ở đời Ngụy dịch ra mười quyển, lấy tên là Kinh nhập Lăng-già. Tam tạng Pháp sư Thật-xoa-nan-đà ở đời Võ Tắc Thiên thời Tiền Đường dịch ra bảy quyển, lấy tên là Kinh Nhập Lăng-già. Trên đây là các Tam tạng Pháp sư dịch kinh, chẳng phải Thiền sư, đều truyền văn tự giáo pháp. Tông đồ của Tổ sư Đạt-ma Thiền pháp không đem một chữ giáo lại, lặng truyền tâm ấn.

Thiền sư Bồ-đề-đạt-ma-đa-la, Tổ thứ nhất ở đời Lương, vốn là con thứ ba của vua nước xứ Nam Thiên-trúc, xuất gia từ thuở nhỏ, sớm bẩm thọ dòng tộc của thầy, ngay lời nói ra liền tỏ ngộ, mở mang hoằng hóa tại Nam Thiên-trúc, làm các Phật sự lớn. Bấy giờ quán sát thấy chúng sanh ở đất Hán có căn tánh với Đại thừa Thiền, mới sai đệ tử Phật-đà-da-xá hai vị đến đất Tấn, giảng nói giáo pháp Đốn ngộ. Các Đại đức ở đất Tấn chợt nghe nên phát sanh nghi ngờ đều không tin nhận. Bị xua đuổi, Phật-đà-da-xá bèn đến chùa Đông Lâm ở Lô sơn. Khi ấy có Pháp sư Tuệ Viễn hỏi: Đại đức đem giáo điển gì đến mà bị xua đuổi như vậy? Khi ấy hai Bà-la-môn duỗi xoe tay hỏi Pháp sư Tuệ Viễn rằng: Tay làm nắm tay, nắm tay làm tay, có phải là việc nhanh chóng chăng? Pháp sư Tuệ Viễn đáp: Rất nhanh. Hai Bà-la-môn nói: Đó chưa phải là nhanh. Phiền não tức Bồ-đề, ấy mới là nhanh. Pháp sư Tuệ Viễn mới thấu đạt sâu xa, biết Bồ-đề và phiền não vốn chẳng khác. Bèn hỏi lại rằng: Pháp ấy ở nước kia là từ ai học? Hai Bà-la-môn đáp: Thầy ta là Đạt-ma-đa-la. Pháp sư Tuệ Viễn đã kính tin sâu sắc, bèn phiên dịch ra bộ Thiền môn

Kinh một quyển, tỏ rõ đầy đủ Thiền pháp Đại thừa Tiểu thừa. Những vị truyền pháp ở các nước xứ Tây Vực cũng dẫn nêu đầy đủ lời tựa Thiền Kinh trên. Hai Bà-la-môn dịch kinh xong, thị tịch cùng ngày, an táng tại Lô sơn, tháp miếu hiện nay vẫn còn. Đạt-ma-đa-la nghe hai đệ tử đến đất Hán hoằng hóa mà không người tin nhận, bèn đi theo đường biển mà đến. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương đích thân ra ngoài thành đón rước, mời lên điện, hỏi rằng: Hòa-thượng từ nước kia đem pháp gì đến giáo hóa chúng sanh? Đại sư Đạt-ma đáp: Không đem một chữ giáo điển nào đến. Vua Võ Đế lại hỏi: Trẫm tạo lập chùa, độ người, biên chép kinh điển, đúc tôn tượng, có công đức gì không? Đại sư Đạt-ma đáp: Không có công đức gì. Đó đều là những việc lành hữu vi, chẳng phải công đức chân thật. Vua Võ Đế là kẻ phàm tình chẳng hiểu. Đại sư Đạt-ma bèn tạ từ ra khỏi nước, nhìn về hướng Bắc có khí Đại thừa, Đại sư Đạt-ma bèn đến đất Ngụy ở núi Tung cao, tiếp nhận dẫn dắt các hạng người suốt sáu năm, người học đến đông nhiều như mây giăng mưa nhóm, tợ lúa, mè, tre, lau, mà chỉ có Đại sư Tuệ Khả thấu đạt được phần tủy đó.

Bấy giờ, ở triều Ngụy, có Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, luật sư Quang Thống trộn chất độc trong thức ăn đem dâng Đại sư Đạt-ma. Ăn xong, Đại sư Đạt-ma đòi lấy cái mâm và ói ra con rắn lớn đầy một thăng. Lại lần khác trộn chất độc trong thức ăn đem dâng Đại sư Đạt-ma, Đại sư Đạt-ma ăn xong đến ngồi trên tảng đá lớn, chất độc tiết ra vỡ vụn tảng đá. Trước sau có đến sáu lần bị thuốc độc hại như vậy. Đại sư Đạt-ma bảo các đệ tử rằng: Ta đến đây vốn vì truyền pháp, nay đã bị người ám hại, ở lâu nơi đây đâu ích gì? Bèn truyền trao một pháp y ca-sa, lấy làm pháp tín, bảo Tuệ Khả rằng: Ta duyên độc này, ông cũng chẳng khỏi nạn này, đến đời thứ sáu, mạng người truyền pháp chỉ như tơ treo. Nói xong vì chất độc hại mà qua đời. Đại sư Đạt-ma thường tự nói: Ta sống thọ một trăm năm mươi tuổi. Nhưng thật ra không biết Sư bao nhiêu tuổi.

Đại sư Đạt-ma bảo: Ở (Trung Hoa) đời Đường này có ba người chứng đắc pháp ta. Một người được phần tủy của ta, một người được phần xương của ta và một người được phần thịt của ta. Người được phần tủy của ta chính là Tuê Khả, người được phần xương của ta là Đạo Dục, người được phần thịt của ta là cô Ni Tổng Trì. Xong, an táng tại núi Hùng nhĩ ở Lạc châu. Khi ấy Ngụy triều quốc sứ Tống Vân đi từ Tây Vực về, gặp Đại sư Đạt-ma tại Thông Lãnh trên tay xách một chiếc giày, Tống Vân hỏi: Đại sư đi đâu? Đại sư Đạt-ma đáp: Ta trở về quê

cũ, vua nước ông ngày nay đã băng. Tống Vân ghi nhớ điều đó lại hỏi: Sau khi Đại sư đi, Phật pháp phó chúc cho ai? Đại sư Đạt-ma đáp: Sau khi ta đi bốn mươi năm, có một vị tăng la-hán, đó là Tuệ Khả. Tống Vân về triều đình, vua trước quả thật đã băng, vua mới lên ngôi. Tống Vân báo với các triều thần rằng: Đại sư Đạt-ma tay xách một chiếc giày đi về Tây Vực. Đại sư bảo: Vua nước ông ngày nay băng. Thật đúng như lời ấy. Các triều thần không tin, bèn khai quật phần mộ Đại sư, thì chỉ có một chiếc giày. Vua Võ Đế ở Nam Lương dựng văn bia, nói (Đại sư Đạt-ma) là đệ tử của Bát-nhã-mật-đa-la ở nước Tây Vực đến xứ Trung Hoa có ba người đệ tử, là Đạo Dục, cô Ni Tổng Trì v.v... chỉ có Tuệ Khả được tiếp thừa y bát đắc pháp.

Thiền sư Tuệ Khả, Tổ thứ hai ở đời Bắc Tề, vốn người dòng họ Cơ ở xứ Võ Lao. Bấy giờ đã bốn mươi tuổi, phụng thờ Đại sư Đạt-ma suốt sáu năm, mới đầu tên là Thần Quang. Lúc mới phụng thờ, đứng trước Đại sư Đạt-ma, đêm đó tuyết lớn phủ quá eo, mà vẫn không thay đổi tư thế. Đại sư Đạt-ma bảo: Người cầu pháp, chẳng tiếc thân mạng. Đại sư Tuệ Khả bèn chặt cánh tay tuôn trào sữa trắng. Đại sư Đạt-ma im lặng truyền trao tâm khế, giao phó pháp y ca-sa, và bảo: Ta duyên độc này, ông cũng chẳng khỏi. Hãy khéo tự gìn giữ. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Hòa-thượng, pháp này tại bản quốc tiếp thừa từ trước hoằng truyền phó chúc, xin vì nói lại. Đầy đủ như trong lời tựa Thiền Kinh trên nói. Lại hỏi: Ở nước Tây Vực, người nào tiếp thừa sau cũng y ca-sa làm pháp tín chăng? Đại sư Đạt-ma đáp: Người ở nước Tây Vực kính tin, không có lừa dối, người tiếp thừa sau là Bát-nhã ba-la-mật-đa-la, người tiếp thừa sau chẳng truyền y pháp ca-sa. Còn chúng sanh ở nước Trung Hoa đời Đường, phần nhiều có tánh Đại thừa, dối nói đắc đạo quả, bèn phải truyền ca-sa lấy làm pháp tín. Thí như con vua chuyển luân rưới nước trên đảnh được bảy báu chân thật, tiếp nối ngôi vua. Người được pháp y này tiêu biểu cho pháp chánh tương thừa.

Đại sư Tuệ Khả được phó chúc rồi từ đó về sau suốt bốn mươi năm ẩn tại Nghê sơn giữa Tương châu và Lạc châu, về sau dẫn dắt, kẻ tăng người tục đến tựa nương, số đông chẳng thể tính kể. Qua hai mươi năm hoằng hóa, lúc có nạn khởi, lại bị đồng đảng học trò của Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi và luật sự Quang Thống muốn làm tổn hại Đại sư Tuệ Khả. Đại sư Tuệ khả phó chúc cho tăng xán rồi, vào núi Tư không ẩn cư. Sau Đại sư Tuệ Khả giả điên cuồng đến ngã tư đường cái giảng nói pháp. Mọi người nhóm họp rất đông, đồng đảng học trò của Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi bảo Đại sư Tuệ Khả là yêu dị, tấu

trình ban sắc bảo sở ty suy hỏi Đại sư Tuệ Khả. Đại sư Tuệ Khả đáp thừa nhận là yêu dị, sở ty biết chúng bệnh, khiến Đại sư Tuệ Khả xét, Đại sư xác thật đáp: Ta thật là yêu dị. Bèn ban sắc huyện lệnh Thành an là Địch Xung Khản y theo pháp xử hình. Đại sư Tuệ Khả bảo mọi người rằng: Pháp ta đến đời Tổ thứ tư hóa thành danh tướng. Nói xong, buồn lệ, liền thị hiện thân hình tuôn đổ sữa trắng, sắc thịt vẫn như thường. Sở ty tấu trình, vua nghe vậy bèn hối lỗi cho rằng đây thật là Bồ-tát! Cả triều đình phát tâm, Phật pháp trở lại hưng thạnh, bấy giờ Đại sư Tuệ Khả hưởng thọ một trăm lẻ bảy tuổi, an táng lập mộ cách năm dặm về phía Bắc sông Tử mạch huyện Thành An thuộc Tương châu, Đông liễu cấu cách mộ một trăm bộ, về phía Tây nam mười lăm dặm là cửa Ngô Nhi Tào. Trong Lăng-già Nghiệp Đô Cố Sự có ghi chép đầy đủ đệ tử của Đại sư là Tăng Xán tiếp thừa sau được truyền y đắc pháp. Về sau, Sa-môn Thích Pháp Lâm tạo lập văn bia.

Thiền sư Tăng Xán, Tổ thứ ba ở đời Tùy, không rõ Đại sư là người xứ nào, mới đầu đến gặp Đại sư Tuệ Khả, Đại sư Tăng Xán hiện tướng bệnh phong đến giữa Đại chúng. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Ông từ đâu đến? Nay có việc gì? Đại sư Tăng Xán đáp: Cố đến Hòa-thượng. Đại sư Tuệ Khả hỏi: Ông là người bệnh phong, đến gặp ta đâu có ích lợi gì? Đại sư Tăng Xán đáp: Thân tuy bị bệnh, nhưng tâm người bệnh và tâm Hòa-thượng không có khác gì. Đại sư Tuệ Khả biết Đại sư Tăng Xán là người chẳng phải tầm thường, bèn phó chúc Đại pháp và pháp y, đồng thời bảo: Ông nên khéo giữ gìn, tôi bị hoạn nạn, ông nên lánh đi.

Đại sư Tăng Xán cũng giã vờ điên cuồng đến chỗ quán chợ, sau đến ẩn cư tại núi Tư không ở Thư châu, gặp lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu pháp diệt Phật pháp, Đại sư Tăng Xán bèn đến ẩn cư ở núi Nghê công hơn mười năm. Núi đó từ trước có nhiều thú dữ làm tổn hại người ở, từ khi Đại sư Tăng Xán đến ở thì đều chúng đều ra khỏi cảnh Vực ấy. Đại sư Tăng Xán phó chúc Đại pháp và pháp y ca-sa cho Đạo Tín, sau đó có Thiền sư Nghê, Thiền sư Nguyệt, Thiền sư Định, Thiền sư Nham đến chỗ Đại sư Tăng Xán nói rằng: Từ khi Tổ sư Đạt-ma phó chúc Đại pháp, Xán Công đây thật là Thần Xán, định tuệ kiêm dùng, sâu sắc chẳng thể nghĩ bàn Đại sư tăng xán liền cùng với các Thiền Sư đến núi La Phù ẩn cư trong ba năm.

Về sau, đến dự đại trai hội, Đại sư Tăng Xán ra bảo mọi người rằng: Nay ta muốn ăn. Các đệ tử kính dâng thức ăn uống. Đại sư ăn xong, bảo mọi người rằng: Các người hoàn toàn còn nương tựa, chỉ có tôi là sống chết tự do. Nói xong, Đại sư đưa tay chống câu gậy đứng

giữa đại chúng an nhiên thị tịch, không biết đại sư Tăng Xán thọ bao nhiêu tuổi. Tháp miếu nay hiện còn bên cạnh chùa tại núi Nghê. Đại sư có đệ tử rất đông, chỉ có Đại sư Đạo Tín được truyền pháp y và đắc pháp kế thừa. Về sau, Tiết Đạo Hành soạn văn bia thờ Đại sư Tăng Xán.

Thiền sư Đạo Tín, Tổ thứ tư ở thời Tiền Đường. Đại sư Đạo Tín vốn người dòng họ Tư Mã, người xứ Hà nội, xuất gia từ thuở thiếu thời, tôn thờ Đại sư Tăng Xán. Đại sư Tăng Xán biết Đạo Tín là đặc khí, trọn ngày đêm thường ngồi chẳng nằm, hơn sáu mươi năm, lưng chẳng hề dính chiếu, oai thần kỳ đặc, mắt thường chẳng nhìn, nếu nhìn người, thì người thấy liền kinh sợ. Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Đại sư Đạo Tín xa thấy ở Cát châu, giặc cuồng vây quanh thành có hơn trăm ngày, suối giếng khô cạn, Đại sư bèn vào thành khuyên dụ các đạo tục, khiến thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Giặc cuồng tự rút lui, suối giếng trong thành đầy nước lại. Đại sư Đạo Tín lại xa thấy tại núi Phá đầu ở Hoàng mai thuộc Kỳ châu có mây tím như lọng che, bèn đến đó ở, về sau đổi tên là núi Song phong.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Hoàng đế Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) sai sứ đến núi Song Phong thỉnh Thiền sư Đạo Tín vào nội cung. Thiền sư Đạo Tín lấy cớ già yếu, chối từ chẳng đến. Kẻ sứ trở về tâu vua rằng: Thiền sư Đạo Tín lấy cớ già từ chối không đến. Vua sai kẻ sứ đến thỉnh nữa. Sứ đến chỗ Thiền sư Đạo Tín thưa: Tấu trình, vua bảo đến thỉnh Thiền sư. Thiền sư Đạo Tín khổ nhọc lấy cớ già chối từ chẳng đến, bảo với sứ rằng: Nếu cần lấy đầu ta thì cứ mặc tình lấy, chứ ta không bao giờ đi. Sứ trở về tấu trình vua rằng: Thiền sư bảo nếu cần đầu thì cứ chém lấy chứ tâm cố chẳng đi. Vua sai sứ lại lấy đầu Thiền sư, nhưng căn dặn rằng: Chớ làm tổn hại Hòa-thượng. Sứ đến chỗ Thiền sư Đạo Tín thưa: Vâng phụng sắc ban đến lấy đầu Hòa-thượng, Thiền sư có đi hay không? Thiền sư Đạo Tín đáp: Ta không bao giờ đi. Kẻ sứ nói: Vâng sắc nếu Thiền sư không lại, thì chém đầu đem đi. Thiền sư Đạo Tín ngẩng đầu bảo: Hãy chém đi. Sứ trở trái dao cứa cổ. Thiền sư Đạo Tín bảo: Sao không chém, đợi đến lúc nào? Kẻ sứ thưa: Vâng sắc không cho làm tổn hại Hòa-thượng. Thiền sư Đạo Tín cười lớn, bảo: Dạy ngươi biết có người xử.

Sau đó, Thiền sư Đạo Tín làm các Phật sự lớn, mở rộng pháp môn, dẫn dắt đạo địa, các bậc long tượng ở bốn phương đều đến nương tựa quy y. Trải qua hơn ba mươi năm, chỉ có Hoằng Nhẫn phụng thờ đắc ý. Thiền sư Đạo Tín phó chúc Đại pháp và pháp y ca-sa cho Hoằng Nhẫn xong, bảo đệ tử là Sư Nguyên Nhất cùng tướng ra cạnh núi làm một

long khám, và phải hoàn thành sớm. Sau đó, Thiền sư Đạo Tín hỏi Sư Nguyên Nhất: Long khám đã thành chưa? Sư Nguyên Nhất đáp: Công việc đã hoàn tất. Đến ngày 24 tháng 09 nhằm niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ hai (651) thời Tiền Đường, Thiền sư Đạo Tín vốn không tật bệnh gì ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. An táng, sau một năm, cửa đá tự nhiên mở, dung mạo Thiền sư vẫn ngồi thẳng như ngày trước. Hoằng Nhẫn v.v... lại phụng kính thần oai nghi chẳng dằn nổi sự cảm mến, bèn đến chỗ tôn dung sơn phết thêm, từ đó về sau không dám mở ra nữa. Thiền sư Đạo Tín có đệ tử rất đông, chỉ có Hoằng Nhẫn được truyền pháp y đắc pháp kế thừa, sau đó, Trung thư lệnh Đỗ Chánh Luân soạn văn bia thờ Thiền sư Đạo Tín.

Thiền sư Hoằng Nhẫn, Tổ thứ năm thời Tiền Đường. Đại sư họ Chu, người ở xứ Hoàng Mai. Năm bảy tuổi, phụng thờ Thiền sư Đạo Tín, năm mười ba tuổi vào đạo đắp mặc pháp y. Đại sư tánh tình như cây gỗ chậm rãi trầm lắng, chúng bạn đồng học khinh cười, Đại sư vẫn im lặng không đáp. Thường siêng năng làm việc, dùng lễ đối đãi người dưới mình. Ban ngày thì lẫn lộn làm việc cung cấp, ban đêm thì ngồi thẳng nhiếp niệm đến sáng, chẳng hề lười biếng. Suốt ba mươi năm chẳng rời xa Thiền sư Đạo Tín. Đại sư thân cao tám thước, dung mạo khác người thường. Sau khi được phó chúc Đại pháp, Đại sư đến ở núi Bằng mậu cách núi Song phong không xa. Người thời bấy giờ gọi Đại sư là Pháp sư Đông Sơn, tức chỉ núi Bằng mậu, chẳng phải Tung Sơn. Bấy giờ, có bọn giặc cuồng là Khả-đạt-hàn-nô-lục v.v... vây quanh châu thành vài vòng, không có đường vào, chim bay chẳng thông, Đại sư xa thấy, bèn đến thành đó. Bọn giặc rút lui chạy tan, bảo với nhau rằng: Có vô lượng Kim Cang cầm chày rượt đuổi tôi, trừng mắt nghiến răng, chúng tôi chạy tan tác. Đại sư Hoằng Nhẫn liền trở lại núi Bằng mậu.

Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ năm (660) thời Tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) ban sắc sai sứ đến núi Bằng mậu ở Hoàng Mai thỉnh Đại sư Hoằng Nhẫn. Đại sư chẳng đến chỗ thỉnh. Vua lại sai sứ đến thỉnh tiếp, Đại sư cũng không đến. Vua bèn sắc ban đưa các thứ y phục thuốc thang đến núi Bằng mậu cúng dường. Sau hơn bốn mươi năm dẫn dắt giáo hóa các đạo tục, các bậc long tượng ở bốn phương đều tìm đến nương tựa. Đại sư bèn phó chúc Đại pháp và pháp y cho Huệ Năng. Sau đó, đến niên hiệu Hàm Hanh năm thứ năm (674) thời Tiền Đường, Đại sư bảo đệ tử là Thiền sư Huyền Tích: Ông nên vì tôi mà xây dựng tháp. Đến ngày 14 tháng 02, Đại sư hỏi: Tháp đã hoàn thành chăng? Thiền sư đáp: Công việc đã hoàn tất. Đại sư bảo: Không thể

cùng Phật đồng nhập Niết-bàn trong ngày 15 tháng 02. Đại sư lại bảo: Một đời tôi giáo hóa dạy người rất đông, trừ Tuê Năng ra còn có mười vị, như sư Thần Tú, sư Trí Sằn, sư Trí Đức, sư Huyền Tích, sư Lão An, sư Pháp Như, sư Tuệ Tạng, sư Huyền Ước, Lưu Vương Bạc, tuy chẳng lìa quanh ta, mà các vị nên mỗi người tự làm thầy một phương.

Về sau, đến ngày 11 tháng 02 niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (675) thời Tiền Đường, Đại sư Hoằng Nhẫn an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi. Các đệ tử, chỉ có Huệ Năng được truyền trao pháp y, đắc pháp kế thừa tiếp theo. Học sĩ Lư Khâu Quân soạn văn bia thờ Đại sư Hoằng Nhẫn.

Thiền sư Huệ Năng ở Tào khê thuộc Thiều châu Tổ thứ sáu thời Tiền Đường. Đại sư họ Lô ở Phạm Dương, theo thân phụ làm quan tại Lãnh ngoại nên đến ở Tân châu. Năm hai mươi hai tuổi, Đại sư đến núi Bằng mậu lễ bái Đại sư Hoằng Nhẫn. Mới đầu, Đại sư Hoằng Nhẫn hỏi: Ông từ xứ nào đến? Đại sư đáp: Từ Tân châu đến, chỉ cầu thành Phật. Đại sư Hoằng Nhẫn bảo: Ông người xứ Tân châu là mọi rợ, làm sao thành Phật được. Đại sư đáp: Thân tuy có mọi rợ nhưng Phật tánh đâu khác Hòa-thượng. Đại sư Hoằng Nhẫn biết được tâm tánh tỏ ngộ của Đại sư, muốn  bàn nói nữa, nhưng vì mọi người chung quanh để ý nên bảo Đại sư theo Đại chúng đạp chày giã gạo, suốt tám tháng tiếng chày giã tương tự chẳng thay đổi. Đại sư Hoằng Nhẫn đến chỗ giã gạo nói trong kín nhiệm, chỉ thẳng thấy tánh, đêm đó ngầm gọi vào phòng, suốt ba ngày đêm cùng bàn nói, sau đó trao cho Đại pháp và pháp y ca-sa: Nay ông làm bậc Đại sư của thế giới này. Và khiến hãy đi gấp, Đại sư Hoằng Nhẫn tự đưa tiễn qua trạm Cửu giang, nhìn Đại sư vượt qua sóng lớn rồi trở về, cả đồ chúng đều không hay biết Đại sư Hoằng Nhẫn đã truyền trao đại pháp và pháp y cho Huệ Năng. Ba ngày sau, Đại sư Hoằng Nhẫn bảo đồ chúng rằng: Các ông hãy giải tan ở ta không có Phật pháp, Phật pháp đã truyền bá qua Lãnh nam. Mọi người đều kinh ngạc vội hỏi nhau: Lãnh nam có ai? Khi ấy có Thiền sư Pháp Như ở Lộ châu đáp: Huệ Năng vốn ở xứ đó. Mọi người tranh nhau đuổi theo, trong chúng có một quan tướng quân Tứ phẩm, xả bỏ quan chức vào đạo, tên là Tuệ Minh. Ở gần Đại sư Hoằng Nhẫn đã lâu mà không khế ngộ. Nghe lời nói ấy của Đại sư Hoằng Nhẫn liền suốt đêm ngày đuổi theo đến đỉnh núi Đại Canh, gặp Đại sư Huệ Năng, Đại sư Huệ Năng lo ngại sợ tánh mạng không an toàn, bèn đem bình bát pháp y ca-sa trao cho sư Tuệ Minh, sư Tuệ Minh thưa: Tôi không vì ca-sa mà đến đây, ngày Đại sư Hoằng Nhẫn bảo ra đi, có dạy bảo điều gì, xin nói cho tôi nghe. Đại

sư Huệ Năng liền giảng nói tâm pháp chỉ thẳng thấy tánh. Sư Tuệ Minh nghe pháp xong, chắp tay đảnh lễ, khuyên Đại sư Huệ Năng hãy mau vượt qua lãnh vì phía sau còn có nhiều người đuổi theo, Thiền sư Tuệ Minh về sau đến ở Tượng sơn, đệ tử cũng chỉ có Khán Tịnh.

Đại sư Huệ Năng đến Tào khê ở Thiều châu, suốt hơn bốn mươi năm Khai đạo hoằng hóa, các đạo tục đua nhau đến nương tựa. Sau đó, đến niên hiệu Cảnh Vân năm thứ hai (711) thời Tiền Đường, Đại sư Huệ Năng bảo đệ tử là lập Giai đến Long sơn ở Tân châu xây tháp. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ nhất (712) thời Tiền Đường, Đại sư hỏi: Tháp đã xây xong chưa? Lập Giai đáp: Đã xây xong. Tháng chín năm đó, từ Tào khê, các Thiền sư Lập Giai, Trí Hải v.v... hỏi Đại sư Huệ Năng rằng: Sau này ai là người đắc pháp tiếp nối truyền pháp y ca-sa? Đại sư đáp: Các ông chớ hỏi, từ nay về sau có lắm nạn khởi mạnh dữ, ta vì pháp y ca-sa này mà đã mấy lần gần đánh mất thân mạng. Pháp y ca-sa ở Đại sư Đạo Tín đã có ba lần bị trộm cắp, lúc ở đời Đại sư Hoằng Nhẫn cũng ba lần bị mất cắp, đến đời ta lại có sáu lần mất cắp. Pháp y ca-sa ta này các người nam nữ lấy mang đi. Các ông chớ đến hỏi ta. Nếu các ông muốn biết pháp ta như thế nào thì sau khi ta diệt độ ngoài hai mươi năm, ai dựng lập tông chỉ ta thì đó là người đắc pháp.

Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai (713) thời Tiền Đường, bỗng nhiên đại sư bảo Đại chúng rằng: Tôi sắp đi đây. Đến đêm mồng ba tháng tám, Đại sư Huệ Năng an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi. Khi ấy tại Tào khê, khe rạch mất dòng, suối ao khô cạn, mặt trời mặt trăng không tỏa sáng, cây rừng biến thành màu trắng, có mùi thơm lạ phảng phất suốt ba ngày ba đêm không dứt. Năm đó đến chùa Quốc Ân ở Tân châu đón rước thần tòa của Đại sư, đến tháng mười một, an táng tại Tào khê. Có Sa-môn Thừa Vi trú tại chùa Thái Thường soạn văn bia thờ Đại sư. Đến niên hiệu Khai Nguyên năm thứ bảy (719) thời Tiền Đường, bị người mài giũa đổi khắc riêng tạo văn bia. Đời gần đây, Báo tu thị lang Tống Đảnh soạn lại văn bia thờ Đại sư Huệ Năng.

Từ khi giáo pháp truyền đến Trung Hoa, trước tiên khoảng trong ba trăm năm, đều không có sự tướng phép tắc. Sau nhân trong đời Thạch-lặc nhà Tấn, có Pháp sư Đạo An đệ tử của Phật Đồ Trừng ở Tương dương. Phù Kiên nhà Tần xa nghe tiếng tăm Pháp sư Đạo An bèn sai sứ đến đánh Tương dương thỉnh Pháp sư đạo An, vua Tần kính trọng thấy gặp, các hàng con em áo mão ở Trường An làm thơ phú phúng tụng đều nương tựa cầu học. Kẻ nào không nương tựa Pháp sư Đạo An, nghĩa chẳng trúng là

nạn. Pháp sư Đạo An là bậc có trí tuệ thông minh. Sau lại tạo lập chương môn, làm khuôn phép cho Tăng Ni, hiến chương của Phật pháp, phép tắc thọ giới. Điều tắc được chia làm ba, đó là: Một là Hành hương định tọa; hai là mỗi ngày sáu thời lễ bái; ba là mỗi tháng Bồ-tát sám hối lỗi lầm. Sự tướng oai nghi, Pháp sư chú nguyện v.v... đều xuất phát từ Pháp sư Đạo An. Đời gần đây có vị Tăng ở đất Thục nối tiếp Pháp sư Đạo An soạn Trai Văn bốn quyển, hiện lưu hành ở đời.

Kinh Lăng-già nói: Cho đến có chỗ lập, tất cả đều sai lầm, nếu thấy ở tự tâm, thì là không trái cải. Lại nói: Nếu nương tựa chút Pháp, mà có chút pháp khởi, nếu nương tựa vào sự, pháp ấy liền rã hoại. Lại nói: Theo lời mà lấy nghĩa, kiến lập các pháp, vì kia có kiến lập, chết đọa vào địa ngục. Lại nói: Cầu ta trong lý giáo, là vọng lìa cấu ác, lìa chánh lý Thánh giáo, muốn diệt lại tăng thêm, là ngoại đạo lừa dối, kẻ trí không nên nói.

Theo kinh Kim Cang nói: Lìa tất cả các tướng, tức gọi là Chư Phật lại nói: Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, chẳng thể thấy Như lai.

Kinh Tư Ích nói: Tỳ-kheo thế nào là theo Phật giáo? Thế nào là theo lời Phật? Nếu với ngợi khen hay chê bai mà tâm không lay động, đó là theo Phật giáo. Lại đáp rằng: Nếu chẳng nương tựa văn tự ngữ ngôn, gọi là theo lời Phật. Tỳ-kheo thế nào là nên thọ cúng dường? Đáp rằng: Người nương theo pháp tu hành. Các Thiền Tiểu thừa và các môn Tam-muội, chẳng phải là tông chỉ của Tổ sư Đạt-ma. Nêu danh như sau: Quán xương trắng, quán hơi thở, quán chín tướng, năm pháp quán dừng tâm, quán mặt trăng, quán mặt trời, quán lầu đài, quán ao hồ, Quán Phật. Lại theo kinh Thiền Bí Yếu nói: Người bị bệnh nóng, tưởng quán mát lạnh. Người bị bệnh lạnh, tưởng quán ấm nóng. Với sắc tướng, khởi quán rắn độc, quán bất tịnh. Với ham thích ăn uống ngon tốt, khởi tưởng quán rắn giòi. Với ưa thích y phục tốt đẹp, khởi quán sắt nóng quấn thân mình, ngoài ra còn có các quán Tam-muội khác v.v...

Kinh Thiền Môn nói: Trong lúc ngồi Thiền quán thấy hình tượng Phật có ba mươi hai tướng tốt, các loại ánh sáng, bay vọt giữa hư không, biến hiện tự tại, là chân thật hay là luống dối? Phật dạy: Ngồi Thiền thấy không, chẳng có vật, nếu thấy ở Phật có ba mươi hai tướng tốt, các thứ loại sáng, bay vọt giữa hư không, biến hiện tự tại, đều là điên đảo của tự tâm, buộc mắc võng lưới. Ở nơi hư không vắng lặng mà thấy các việc như vậy, tức là luống dối.

Kinh Lăng-già nói: Các loại tướng như vậy, rơi vào kiến chấp của

ngoại đạo.

Kinh Pháp Cú nói: Nếu học các Tam-muội, là động chẳng ngồi Thiền, tâm chạy theo cảnh ngoài, thế nào gọi là Định?

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Ta chẳng nhập Tam-muội, chẳng trú nơi ngồi Thiền, không sanh, không hành, không động, không Thiền, là Thiền vô sanh.

Kinh Tư Ích nói: Chẳng nương dừng ở cõi Dục, chẳng trú nơi cõi Sắc và Vô Sắc, hành Thiền như vậy, là Bồ-tát biến hành.

Kinh Duy-ma nói: Duy-ma-cật chê trách Xá-lợi-phất ngồi yên trong rừng, chê trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp không bình đẳng rốt ráo

Kinh Chuyển Nữ Thân nói: Vô cấu Quang nữ chê trách trời Đế-thích; ôngl người Thanh văn thừa, sợ sanh tử, vui Niết-bàn.

Kinh Quyết Định Tỳ-ni nói: Người tu Bồ-tát thừa sợ sanh trì giới khai thông. Người Thanh văn thừa trì hết già giới hết hộ giới.

Kinh Dược Sư nói: Phật chê trách A-nan: Ông là người Thanh văn, như đui như điếc, chẳng biết nghĩa không vô thượng.

Kinh Phật Đảnh nói: Chê trách hạng người Thanh văn được ít cho là đủ.

Trong Kinh Thất Phật tạng nói: Xá-lợi-phất! Lúc Đức Như lai còn tại thế, Tam bảo chỉ một vị, sau khi ta diệt độ, chia làm thành năm bộ Xá-lợi-phất! Nay đây ác ma hiện còn ẩn thân giúp đỡ Điều-đạt phá hại Chánh pháp chúng Tăng của ta. Đức Như lai có năng lực Đại Trí hiện còn ở đời, nên chúng ma tệ ác chẳng thể làm thành điều ác lớn, trong đời tương lai, ác ma biến hình, hoành hành tà kiến, vì nói tà pháp. Bấy giờ người ác bị ma mê hoặc, tự chấp lấy chỗ thấy biết cho rằng ta phải người quấy. Xá-lợi-phất! Đức Như lai dự thấy ở đời vị lai, các việc phá pháp như vậy, cho nên nói kinh sâu mầu, để cắt đứt mọi sự chấp trước của chúng ma. A-nan! Thí như giặc ác ở nơi vua, đại thần không dám tự thấy trộm lấy vật người khác, chẳng tự nói là giặc. Cũng vậy, A-nan, Tỳ-kheo phá giới thành tựu pháp chẳng phải Sa-môn, còn chẳng tự nói mình là người xấu ác, huống chi có thể hướng đến các người khác tự nói tội mình. A-nan! Với kinh như vậy, Tỳ-kheo phá giới theo thời được nghe, tự hàng phục thì có hổ thẹn, Tỳ-kheo trì giới được tự nhiên tăng trưởng.

Kinh Đại Phật Đảnh chép: Bấy giờ Đức Như lai bảo khắp Đại chúng và A-nan rằng: Các ông là Thanh văn, Duyên giác hữu học, ngày nay hồi tâm hướng về Diệu giác Vô thượng Đại Bồ-đề. Nay ta đã nói

pháp tu hành chân thật, các ông vì chưa biết, nên tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, với các việc ma nhỏ nhiệm, cảnh hiện tiền, các ông chẳng thể biết, tẩy tâm chẳng chân chánh, rơi lạc vào tà kiến. Hoặc ấm ma ở các ông, hoặc lại thiên ma, hoặc dính trước nơi quỷ thần, hoặc gặp phải ly mị, trong tâm không tỏ sáng, nhận giặc làm con. Hoặc lại ở trong được chút ít cho là đủ. Như Tỳ-kheo Vô Văn ở cõi Thiền thứ tư, vọng nói là chứng thánh. Khi quả báo cõi trời đã hết, tướng suy hiện ra trước mắt, phỉ báng A-la-hán, sau khi thân gặp nạn, có đọa vào địa ngục A-tỳ.

Do đó, Đức Thích-ca Như lai truyền trao pháp y ca-sa bằng kim tuyến bảo Ma-ha Ca-diếp đến núi Kê túc, chờ đợi Di-lặc Thế tôn xuất hiện ở đời mà chuyển trao lại. Nay trong đời ác, người học Thiền pháp rất đông nhiều, Tổ sư Đạt-ma của chúng ta, truyền trao pháp y ca-sa để biểu thị pháp chánh, khiến người học sau có nơi bẩm thọ nương thừa.

Ngày Đại sư Hoằng Nhẫn còn trú núi Bằng mậu ở Hoàng Mai, mở rộng pháp môn, dẫn dắt các đạo tục. Lúc bấy giờ, người học đạo có hơn ngàn vạn, trong đó, gần gũi phụng sự chẳng lìa Đại sư Hoằng Nhẫn có cả mười người đều là giảng đường vào phương trượng, như Thiền sư Trí Sằn, Thần Tú, Huyền Tích, Nghĩa Phương, Trí Đức, Tuệ Tạng, Pháp Như, Lão An, Huyền Ước, Lưu Chủ Bạc v.v... đều là lãnh tụ quan viên ở đương thời, danh Tăng của nước nhà, mỗi mỗi tự nói là đại long tượng, là nói được tận cùng thấu đáy, mới biết chẳng phải tận cùng thấu đáy. Bỗng nhiên có người ở Tân châu vốn người dòng họ Lô tên là Huệ Năng tuổi mới hai mươi hai đến bái yết Đại sư Hoằng Nhẫn. Đại sư Hoằng Nhẫn hỏi: Ông từ đâu đến? Có duyên sự gì? Huệ Năng đáp: Từ Lãnh nam đến, cũng không ý việc gì, chỉ cầu thành Phật. Đại sư Hoằng Nhẫn nhận biết Huệ Năng là người phi thường, nhưng vì chung quanh có nhiều người, mới bảo: Ông có thể theo chúng làm việc chăng? Huệ Năng đáp: Thân mạng chẳng tiếc, chỉ chưa biết làm việc gì. Bèn theo đạp chày giã gạo suốt tám tháng. Đại sư Hoằng Nhẫn biết Huệ Năng căn cơ đã thành tựu, bèn kín gọi đến truyền trao Đại pháp và pháp y ca-sa để làm tin, đồng thời bảo đi ra khỏi khu vực. Khi ấy sợ có người biết, Huệ Năng thường ẩn ở trong núi rừng, hoặc ở Tân châu hoặc ở Thiều châu, suốt mười bảy năm hòa lẫn người thế tục, cũng chẳng giảng nói pháp.

Sau đó, đến chùa Chế Tâm ở Nam hải, gặp Pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết-bàn, Huệ Năng cũng vào dự dưới pháp tòa. Khi ấy Pháp sư Ấn Tông hỏi mọi người: Các vị có thấy gió thổi lá phướn, trên đầu lá phướn lay động chăng? Mọi người nói: Thấy động, hoặc có người

nói: Thấy Gió động. Có người nói: Phướn động chẳng phải gió động, là thấy động. Hỏi vặn chẳng định như vậy. Huệ Năng ở dưới tòa đứng dậy đáp với Pháp sư Ấn Tông rằng: Tự vì tâm vọng tưởng các người động, động và chẳng động, chẳng thấy phướn động. Pháp vốn không có động hay chẳng động. Pháp sư Ấn Tông nghe nói vậy kinh ngạc sững sờ, chẳng biết phải nói như thế nào, bèn hỏi: Cư sĩ từ đâu đến? Huệ Năng đáp: Xưa nay chẳng đến, nay cũng chẳng đi. Pháp sư Ấn Tông liền xuống tòa, mời Huệ Năng vào phòng, nhỏ nhẹ nương hỏi, Huệ Năng mỗi một đều nói Phật pháp của Đông Sơn, và có phó chúc pháp y ca-sa để làm tin. Pháp sư Ấn Tông nghe thấy rồi, liền đem đầu mặt đảnh lễ sát chân than rằng: Thời nào dưới tòa có Bồ-tát! Nói xong lại đảnh lễ, thỉnh cầu Huệ Năng làm Hòa-thượng. Pháp sư Ấn Tông tự xưng là đệ tử, liền xuống tóc cho Thiền sư Huệ Năng, đắp mặc pháp y xong, tự hứa làm đệ tử, đến chỗ môn đồ dưới giảng tòa, Pháp sư Ấn Tông than rằng: Lành thay! Lành thay! Đại pháp của Đại sư Hoằng Nhẫn ở Hoàng mai từ trước nay nghe lưu truyền đến Lãnh nam. Ai biết nay lại hiện ở đây. Các người có biết chăng? đại chúng đều đáp: Không biết. Pháp sư Ấn Tông bảo: Pháp tôi giảng nói giống như ngói gạch, nay có Thiền sư Huệ Năng truyền trao pháp môn của Đại sư Hoằng Nhẫn, dụ như vàng ròng, sâu mầu chẳng thể nghĩ bàn. Xong, Pháp sư Ấn Tông dẫn cả Đại chúng đảnh lễ sát chân Thiền sư Huệ Năng. Sợ mọi người nghi ngờ, đến lúc thỉnh pháp y ca-sa được trao truyền làm pháp tín cho mọi người thấy và tự thân Thiền sư Huệ Năng thọ giới Bồ-tát. Pháp sư Ấn Tông và Đại chúng tiễn đưa Thiền sư Huệ Năng trở về Tào khê dẫn dắt các đạo tục, mở rộng Thiền pháp. Khắp thiên hạ nghe biết pháp môn của Tào khê rất chẳng thể nghĩ bàn.

Sau đó, Võ Tắc Thiên (Võ Hậu) lên ngôi lấy Quốc hiệu là Đại Chu (690-705), rất kính trọng Phật pháp. Đến niên hiệu Trường Thọ năm thứ nhất (692), Võ Hậu ban sắc các châu trong thiên hạ, mỗi châu đều xây dựng chùa Đại Vân. Ngày 20 tháng 02, ban sắc sai Thiên quan lang trung Trương Xướng Kỳ đến Tào khê ở Thiều châu, thỉnh Thiền sư Huệ Năng. Thiền sư Huệ Năng lấy cớ bệnh không đến. Đến niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm thứ nhất (696), Võ Hậu lại sai sứ đến thỉnh Thiền sư Huệ Năng. Thiền sư Huệ Năng không đến, xin thỉnh pháp y ca-sa được trao truyền làm tin của Tổ sư Đạt-ma đời xưa: Trẫm muốn đưa vào Nội đạo tràng để cúng dường. Thiền sư Huệ Năng liền theo sự thỉnh cầu đó bèn trao pháp y ca-sa được trao truyền làm tin của Tổ sư Đạt-ma đời xưa cho kẻ sứ. Sứ trở về có được pháp y ca-sa làm tin,

Võ Hậu trông ca-sa được trao truyền làm tin đó mang đến, bèn rất vui mừng, tôn trí nơi Nội đạo tràng mà cúng dường.

Đến tháng bảy niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm thứ hai (697), Võ Hậu sai Thiên quan lang trung Trương Xương Kỳ đến chùa Đắc Thuần ở Tứ châu thỉnh Thiền sư Trí Sằn. Thiền sư Trí Sằn nhận sự thỉnh bèn đến kinh đô vào Nội đạo tràng cúng dường. Đến niên hiệu Cửu Thị (700-701), Võ Hậu sai sứ đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh châu thỉnh Thiền sư Thần Tú, đến chùa Thọ Sơn ở An châu thỉnh Thiền sư Huyền Tích, đến chùa Đại Vân ở Tùy châu thỉnh mời Thiền sư Huyền Ước, đến chùa Hội Thiện ở Tung Sơn, Lạc châu thỉnh Thiền sư Lão An vào Nội đạo tràng, Võ Hậu cúng dường. Võ Hậu thỉnh các vị Đại đức, nhân có Bà-la-môn Tinh thông Tam tạng ở nước Tây Vực, Võ Hậu thường riêng kính trọng. Thiền sư Trí Sằn ở Nhật Nam đang lúc bị bệnh, nghĩ nhớ muốn trở về quê, nhưng vì núi ải xa xôi hiểm trở, trong tâm có chút lo buồn. Bà-la-môn thông tà kia nói: Kia khác với đây, Thiền sư sao được nghĩ nhớ quê hương? Thiền sư Trí Sằn đáp: Vì sao Tam tạng biết? Đáp rằng: Thiền sư thứ khởi ý nhìn, không có gì chẳng biết. Thiền sư Trí Sằn bảo: Đi đi, nhìn tướng thân mặc y xiêm người thế tục đến cửa Tào chợ phía Tây mà nhìn. Vị Tam tạng ấy bảo: Đại đức là một vị tăng, đâu được mặc y phục người đời vào chợ mà nhìn? Thiền sư Trí Sằn bảo: Khéo nhìn đi. Cùng dẫn thân nhau đến chùa Thiền Định đứng trên Phật đồ tướng luân. Vị Tam tạng kia lại bảo: Người tăng đâu được lên cao mà đứng? Thiền sư Trí Sằn bảo: Màu đỏ nhưng đẹp khéo, lại nhìn đi. Tức ngay đây y theo pháp tưởng niệm bất sanh. Vị Tam tạng ấy đối với ba cõi tìm xem chẳng bao giờ được. Bà-la-môn tinh thông Tam tạng bèn sanh tâm kính ngưỡng, đảnh lễ sát chân Thiền sư Trí Sằn, kính bạch Hòa-thượng rằng: Không biết ở Trung Hoa đời Đường đây có Phật pháp Đại thừa, nay tự trách thân tâm xin sám hối. Võ Hậu thấy Bà-la-môn tinh thông Ba tạng quy y Thiền sư Trí Sằn, bèn hỏi các vị Đại đức: Các Hòa-thượng v.v... có muốn gì chăng? Các Thiền sư Thần Tú, Huyền Ước, Lão An, Huyền Tích v.v... đều đáp: Không muốn gì. Võ Hậu lại hỏi Thiền sư Trí Sằn: Hòa-thượng có muốn gì chăng? Thiền sư Trí Sằn lo sợ chẳng tha trở về nên thuận theo ý Võ Hậu, đáp rằng: Có muốn. Võ Hậu lại hỏi: Đâu được có muốn? Thiền sư Trí Sằn đáp: Sống thì có muốn, không sống thì không muốn. Ngay lời nói ấy, Võ Hậu tỏ ngộ. Lại thấy Bà-la-môn tinh thông Ba tạng quy y Thiền sư Trí Sằn, Võ Hậu càng kính trọng gấp bội. Nhân đó, Thiền sư Trí Sằn bèn tâu xin trở về quê. Võ Hậu ban tặng một bộ kinh Hoa Nghiêm mới dịch, pho tượng Di-

lặc bằng lụa thêu và các thứ phướn đẹp v.v.... Lại đem pháp y ca-sa làm tin của Tổ sư Đạt-ma, ban tặng mà bảo rằng: Thiền sư Huệ Năng không đến, pháp y ca-sa đời xưa này cũng kính dâng Hòa-thượng đưa về quê cũ, xin để cúng dường. Đến tháng mười một, niên hiệu Cảnh Long năm thứ nhất (707) thời Tiền Đường, Võ Hậu lại sai Nội thị tướng quân Tiết Giản đến chỗ Thiền sư Huệ Năng ở Tào khê tuyên cáo ban miệng rằng: Đem pháp y ca-sa làm tin của đời xưa trước dâng tặng Thiền sư Trí Sằn giúp thọ trì cúng dường. Nay đem đến đây một áo ca-sa nạp, cùng năm trăm xấp lụa quyên và sữa, thuốc v.v... cúng dường.

Thiền sư Trí Sằn trú tại chùa Đức Thuần ở Tư châu, vốn họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Theo cha làm quan đến ở đất Thục. Năm mười tuổi đã thường ưa thích Phật giáo, chẳng ăn các thứ tanh nồng, chí tháo cao vời, chẳng cùng trẻ nhỏ vui đùa. Năm mười ba tuổi, giã từ cha mẹ nhập vào đạo tràng. Lúc đầu, nương theo kính thờ Tam tạng Pháp sư Huyền Trang tập học kinh luận. Sau nghe Đại sư Hoằng Nhẫn ở núi Song Phong, bèn từ giã Pháp sư Huyền Trang, bỏ học kinh luận, tìm đến núi Bằng mậu đến nơi Đại sư Hoằng Nhẫn. Đại sư Hoằng Nhẫn bảo: Ông có tánh văn tự. Sau đó, Thiền sư Trí Sằn trở về trú tại chùa Đức Thuần ở Tư châu, hóa đạo chúng sanh. Có soạn: Hư Dung Quán ba quyển, Duyên Khởi một quyển, Bát-nhã Tâm Sớ một quyển. Về sau, đến tháng bảy niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm thứ hai (697) thời Đại Chu, Võ Tắc Thiên (Võ Hậu 690-705) sai Thiên quan tam trung Trương Xướng Kỳ đến chùa Đức Thuần thỉnh, Thiền sư Trí Sằn bèn đến ở Tây kinh. Sau đó, do bệnh tật, bèn nhân tấu biểu văn xin về lại chùa Đức Thuần, trước sau tất cả hơn ba mươi năm hóa đạo chúng sanh. Đến ngày mồng sáu niên hiệu Trường An năm thứ hai (702), bảo Thiền sư Xử Tịch theo đỡ hầu tôi, bèn trao pháp y ca-sa và bảo rằng: Pháp y này là ca-sa được trao truyền từ Tổ sư Đạt-ma, Võ Tắc Thiên ban tặng tôi, nay tôi trao lại cho ông, ông khéo tự gìn giữ. Đến đêm mồng 06 tháng 07 năm đó, Thiền sư Trí Sằn ngồi thẳng mà thị tịch, thọ chín mươi bốn tuổi.

Thiền sư Xử Tịch họ Đường ở huyện Phù thành, thuộc Miên châu. Gia đình nhiều đời giỏi về Nho học, thường học thi, lễ, có phần nghĩa hiếu. Năm mười tuổi, cha qua đời, Xử Tịch than: ‘Đất trời đã trống không ta nghe Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, dứt trừ khổ sanh tử, bèn đến chỗ Hòa-thượng Trí Sằn. Hòa-thượng Trí Sằn hỏi: Ông từ đâu đến? Xử Tịch đáp: Cố tìm đến Hòa-thượng. Hòa-thượng Trí Sằn biết Xử Tịch chẳng phải người tầm thường. Ngay ngày vào kinh đô, Xử Tịch khiêng

gánh Đại sư Trí Sằn vào kinh chỉ một vai không thay. Xử Tịch thân cao tám thước, thần sắc tâm tình lắng yên, đứng giữa đại chúng, chỉ thấy đầu Xử Tịch. Mọi người thấy Sư đều kính trọng quý mến. Sau, Xử Tịch trở về trú tại chùa Đức Thuần, hóa đạo chúng sanh hơn hai mươi năm. Đến tháng tư niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi bốn (736) thời Tiền Đường, Xử Tịch ngầm sai người nhà là Vương Hoàng nhờ Thiền sư Vô Tướng vốn người Hải đông, truyền trao Đại pháp và pháp y ca-sa mà bảo rằng: Pháp y này là ca-sa của Tổ sư-Đạt-ma, Võ Tắc Thiên ban tặng Hòa-thượng Trí Sằn, Hòa-thượng Trí Sằn trao truyền cho tôi, nay tôi chuyển trao cho ông, ông khéo tự giữ gìn, tìm nơi núi đẹp mà đến ở. Đến ngày 27 tháng 05 năm đó, Xử Tịch bảo các đồ chúng: Tôi không ở lâu nữa. Vào nửa đêm giờ Tý, Xử Tịch an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch, hưởng thọ sáu mươi tám tuổi.

Thiền sư Vô Tướng trú tại chùa Tịnh Tuyền ở phủ Thành Đô, Nhật Nam, Sư họ Kim thuộc chủng tộc vua xứ Tân La. Gia đình nhiều đời ở Hải đông. Xưa lúc ở tại quê nhà, có người em gái út mới đầu nghe có người mang sính lễ đến hỏi, bèn cầm dao rạch mặt, thề giữ chí quy chân. Vô Tướng thấy thế bèn than rằng: Con gái mềm yếu còn tỏa vang tiết tháo cao nhã, huống chi trượng phu cứng mạnh, chẳng lẻ ta lại vô tâm? Bèn tự cắt tóc, giã từ thân thích, nổi trôi theo đường biển vượt đến hướng Tây, vào nước Trung Hoa đời Đại Đường, tìm thầy học đạo. Rảo bước khắp cùng, mới đến chùa Đức Thuần ở Tư châu, đảnh lễ Hòa-thượng Đường (Xử Tịch). Hòa-thượng Đường bị bệnh bèn chẳng ra thấy gặp Vô Tướng liền đốt một ngón tay làm đèn cúng dường Hòa-thượng Đường. Hòa-thượng Đường biết Vô Tướng chẳng phải người tầm thường nên lưu giữ ở lại hai năm. Sau đó đến núi Thiên cốc lại đến chùa Đức Thuần, Hòa-thượng Đường sai người nhà là Vương Hoàng kín trao pháp y làm tin, bảo rằng: Pháp y này là y Tổ sư Đạt-ma truyền bá, Võ Tắc Thiên ban tặng Hòa-thượng Trí Sằn, Hòa-thượng Trí Sằn truyền trao cho tôi, nay tôi phó chúc cho ông. Hòa-thượng Kim (Thiền sư Vô Tướng) được truyền trao Đại pháp và tín y, bèn đến ở cốc núi dưới hang đá, dùng cỏ làm áo mặc, tiết chế ăn uống, thức ăn hết thì ăn đất, cảm có thú dữ đến giúp đỡ giữ gìn. Về sau, Chương Cừu đại phu thỉnh Sư khai giảng pháp Thiền, đến trú tại chùa Tịnh Tuyền, hóa đạo chúng sanh hơn hai mươi năm.

Sau đến ngày 15 tháng 05 niên hiệu Bảo Ứng năm thứ nhất (762) thời Tiền Đường, bỗng nghĩ nhớ Thiền sư Vô Trú ở núi Bạch Nhai, bảo rằng: Tôi bị bệnh kế, đây đến thăm tôi. Qua vài lần hỏi mọi người

chung quanh vì sao Thiền sư Vô Trú không đến, nay tôi tuổi đã già suy, ngầm sai người thợ là Huân Tuyền đem pháp y vật làm tin của tôi và các y vật khác tất cả mười bảy thứ, trao cho Thiền sư Vô Trú, căn dặn khéo tự giữ gìn, nay chưa phải lúc xuống núi, phải chờ đợi năm ba năm nữa, lúc nào nghe đã thái bình thì xuống. Xa phó chúc xong, đến ngày 19 tháng 05, bảo đệ tử: Lấy cho tôi y phục mới sạch, tôi muốn tắm gội. Vào nửa đêm giờ Tý, nghiễm nhiên ngồi thẳng mà thị tịch. Khi ấy trời trăng không tỏ sáng, đất trời đều biến thành màu trắng, cờ pháp đổ gãy. Chúng sanh mất nơi ngóng trông, người học đạo không nơi nương tựa. Thiền sư Vô Tướng hưởng thọ bảy mươi chín tuổi.

Thiền sư Vô Tướng mỗi năm cứ vào khoảng tháng mười hai và tháng giêng, cùng bốn chúng có đến trăm ngàn vạn người kết duyên trang nghiêm thiết lập đạo tràng, lên tòa cao giảng pháp. Trước tiên dẫn niệm Phật hết một hơi, dứt tiếng ngưng niệm xong, Thiền sư Vô Tướng bảo rằng: Không nhớ, không niệm, chớ vọng. Không nhớ là giới, không niệm là định, chớ vọng là tuệ. Ba câu này chính là môn Tổng trì. Thiền sư lại bảo: Niệm chẳng khởi giống như mặt kiếng hay soi chiếu khắp cả vạn tượng. Niệm khởi tức như lưng kiếng không thể soi thấy. Thiền sư lại bảo: Phải biết khởi biết diệt này cho rõ ràng chẳng hề xen hở tức là thấy Phật. thí như hai người cùng đi đến nước khác, người cha đem sách chỉ dạy, một người có được sách tìm đọc đã xong, thuận theo lời cha dạy không làm việc phi pháp. Một có được sách tìm đọc đã xong, chẳng y theo lời chỉ dạy, hiện bày mạnh dữ làm những việc ác, tất cả chúng sanh nương theo vô niệm, đó tức là con hiếu thuận, người chấp trước văn tự, đó là con bất hiếu. Thiền sư lại bảo: Thí như có người say rượu nằm, người mẹ lại kêu dậy về nhà, người con ấy vì say mê loạn, ác dữ mắng chửi người mẹ, tất cả chúng sanh do say rượu vô minh, chẳng tin tự thân thấy tánh thành Phật. Lại nữa, trong Luận Khởi Tín nói tâm chân như và tâm sanh diệt. Vô niệm tức là chân như, hữu niệm tức là sanh diệt. Thiền sư lại bảo: Đầu vô minh xuất hiện thì đầu Bát-nhã ẩn mất, đầu vô minh ẩn mất thì đầu Bát-nhã xuất hiện. Thiền sư lại dẫn kinh Niết-bàn dạy rằng: Chó nhà nai đồng, chó nhà dụ cho vọng tưởng, nai đồng dụ cho Phật tánh. Thiền sư lại bảo: Lụa vốn là tơ, không có văn tự, trẻ con khéo dệt thành mới có văn tự, sau khi bẻ gãy trở lại gốc ấy là tơ. Tơ dụ cho Phật tánh, văn tự dụ cho vọng tưởng. Thiền sư lại bảo: Nước chẳng lìa sóng, sóng chẳng lìa nước. Sóng dụ cho vọng niệm, nước dụ cho Phật tánh. Thiền sư lại bảo: Người gánh gai cùng đồng bạn di chuyển đến gặp nơi có bạc, một người vất bỏ gai lấy bạc. Các người

khác bảo: Ta gánh gai đã nhất định, không thể bỏ gai mà lấy bạc. Lại đi đến chỗ có vàng, người ấy lại vất bạc lấy vàng. Các người khác bảo: Ta gánh gai đã cố định, không thể nào bỏ gai lấy vàng. Vàng dụ cho Niết-bàn, gai dụ cho sanh tử. Thiền sư lại bảo: Ba câu của ta đây là giáo pháp vốn truyền của Tổ sư Đạt-ma. Chẳng nói là chỗ giảng nói của Hòa-thượng Trí Sằn và Hòa-thượng Xử Tịch. Thiền sư lại bảo: Thuận cho các đệ tử có nghĩa hơn thầy. Vì Hòa-thượng Trí Sằn và Hòa-thượng Xử Tịch chẳng giảng Liễu giáo (giáo nghĩa rốt ráo), chỉ bẩm thọ pháp y làm tin. Do đó Thiền sư Vô Tướng không nêu điều giảng nói của Hòa-thượng Trí Sằn và Hòa-thượng Xử Tịch.

Thường mỗi lúc xuống tòa, giáo giới chân ngôn, Thiền sư Vô Tướng bảo: Tổ sư Đạt-ma chúng ta giáo hóa hoằng truyền ba câu này là môn tổng trì. Vô niệm tức là giới môn, niệm chẳng khởi là Định môn, niệm chẳng khởi là tuệ môn. Niệm không khởi tức là giới định tuệ đầy đủ. Ở thời quá khứ, ở thời hiện tại và ở thời vị lai, vô lượng Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đều từ môn này mà vào. Nếu lại có môn nào riêng khác, thì điều ấy không thể có.

Hòa-thượng Thần Hội trú tại chùa Hà Trạch ở Đông Kinh, mỗi tháng có mở đàn tràng, vì người giảng nói pháp, phá thanh tịnh Thiền, lập Như lai Thiền, lập tri kiến, lập lời nói, là giới định tuệ. Chẳng phá lời nói, nói: Lúc chánh thuyết tức là giới, lúc chánh thuyết tức là định, lúc chánh thuyết tức là tuệ, nói pháp vô niệm, lập thấy tánh. Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Tiền Đường, chùa Hoạt Đài vì học giả trong thiên hạ mà chỉnh định tông chỉ, Hòa-thượng Thần Hội bảo: Nếu lại có người nói, Thần Hội tôi chẳng bao giờ dám nói. Vì Hòa-thượng Thần Hội không được truyền trao pháp y ca-sa làm tin! Trong niên hiệu Thiên Bảo năm thứ bảy (748) thời Tiền Đường, chùa Hà Trạch ở Lạc châu cũng chỉnh định tông chỉ, bị Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thiền sư đối với Ba hiền mười thánh tu hành, đã chứng đắc ở địa vị nào? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Kinh Niết-bàn nói: Nam mô Thuần-đà, Nam mô Thuần-đà, thân đồng phàm phu tâm đồng tâm Phật. Và Hòa-thượng Thần Hội liền hỏi Pháp sư Sùng Viễn: Giảng kinh Niết-bàn từ trước đến nay đã bao nhiêu biến. Pháp sư có Sùng Viễn đáp: Hơn ba mươi biến. Hòa-thượng Thần Hội lại bảo: Pháp sư thấy Phật tánh chăng? Pháp sư Sùng Viễn đáp: Chẳng thấy. Hòa-thượng Thần Hội bảo: Trong phẩm Sư Tử Hống nói: Nếu người chẳng thấy Phật tánh, thì chẳng được giảng kinh Niết-bàn. Nếu thấy Phật tánh, thì được hợp giảng kinh Niết-bàn. Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Hòa-thượng có thấy chăng? Hòa-thượng Thần Hội

đáp: Thấy. Pháp sư Sùng Viễn lại hỏi: Thế nào là thấy? Là mắt thấy, hay tai, mũi v.v... thấy? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Thấy không nhiều như vậy, thấy chỉ loại thấy. Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thấy đồng Thuần-đà chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Tỷ lượng thấy, tỷ (so sánh) tức tỷ với Thuần-đà, lượng ngang bằng Thuần-đà không dám định đoán. Lại bị Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thiền sư đời trước có truyền pháp y ca-sa chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Có truyền. Nếu lúc chẳng truyền, thì pháp sẽ dứt mất. Pháp sư Sùng Viễn hỏi: Thiền sư có đắc chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Chẳng ở Thần Hội tôi. Pháp sư Sùng Viễn lại hỏi: Ai là người được truyền pháp y ca-sa ấy? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Có một người được, đã được tự nên biết, nếu người ấy lúc giảng nói pháp, thì Chánh pháp lưu hành, tà pháp tự diệt. Vì đại sự của Phật pháp do đó còn ẩn mà chưa xuất hiện.

Lúc Hòa-thượng Thần Hội ở tại Kinh châu, có người nước Tây Vực là Ca-diếp Hiền, An-thọ-đề v.v... tất cả hơn hai mươi người đến chỗ Hòa-thượng giảng pháp mà hỏi: Pháp y ca-sa làm tin của đời xưa, Hòa-thượng có được chăng? Hòa-thượng Thần Hội đáp: Chẳng ở Thần Hội tôi. Và liền hỏi: Các Hiền giả từ xứ nào đến đây? Ca-diếp Hiền đáp: Từ Nhật Nam đến. Hòa-thượng Thần Hội hỏi: Có biết Thiền sư Kim (Thiền sư Vô Tướng) chăng? Ca-diếp Hiền đáp: Chúng tôi đều là đệ tử của Hòa thượng Kim. Hòa-thượng Thần Hội hỏi: Dạy các ông, Hòa-thượng Kim giảng đạo giáo thế nào? Ca-diếp Hiền đáp: Đầu vô minh xuất hiện thì đầu Niết-bàn ẩn mất, đầu Bát-nhã xuất hiện xuất hiện thì đầu vô minh ẩn mất. Có niệm giống như lưng kiếng. Hòa-thượng Thần Hội liền quát: Chớ nói những lời rỗng tuếch ấy. Ông họ Ca-diếp là chủng tánh Bà-la-môn, tính hợp với lợi căn mới là Bà-la-môn đái dầm. Hòa-thượng Thần Hội lại bảo: Hòa-thượng Trí Sằn ở Nhật Nam của các ông là Pháp sư chẳng giảng nói Liễu giáo (giáo nghĩa rốt ráo). Thiền sư Đường (Xử Tịch) là đệ tử của Thiền sư Trí Sằn, cũng chẳng giảng nói Liễu giáo. Đệ tử của Thiền sư Đường, là Pháp sư Triệu ở Tử châu, là Luật sư Vương Thị ở Lăng Châu, trở về Tây tiêu biểu là Pháp sư Kim (Vô Tướng) ở Ích châu là Thiền sư giảng nói Liễu giáo cũng không được. Tuy chẳng giảng nói Liễu giáo, nhưng Phật pháp chỉ ở xứ ấy. Lang trung Mã Hùng đi sứ Tào khê, đảnh lễ tháp Hòa-thượng Huệ Năng, hỏi lão tăng giữ tháp rằng: Pháp y ca-sa đời trước truyền bá hiện ở đâu? Lão tăng đáp: Lúc Hòa-thượng Huệ Năng còn tại thế, Thiền sư Lập Giai, Trí Hải v.v... hỏi Hòa-thượng Huệ Năng: Pháp y ca-sa tiếp thừa từ xưa, có trao truyền chăng? Phật pháp phó chúc cho người nào? Hòa-thượng Huệ Năng đáp:

Pháp y của ta các nam nữ đã đem đi rồi. Giáo pháp của ta thì sau khi ta chết ngoài hai mươi năm, ai dựng lập tông chỉ, đó là người đắc pháp của ta.

Hòa-thượng Vô Trụ trú tại chùa Đại Lịch ở Bảo Đường thuộc phủ Thành đô, Nhật Nam, thường vì bốn chúng học đạo có cả trăm ngàn vạn người, hay lúc chỉ một người, bất kể thời tiết, nếu có điều nghi cứ mặc tình hỏi, liền ở ngay tòa giảng nói pháp, thẳng đến thấy tánh, dùng trực tâm làm đạo tràng, dùng phát hạnh làm đạo tràng, dùng thân tâm làm đạo tràng, dùng vô nhiễm làm đạo tràng, dùng chẳng chấp làm đạo tràng, dùng bất xả làm đạo tràng, dùng vô vi làm phương tiện, dùng rộng lớn làm phương tiện, dùng bình đẳng làm phương tiện, dùng lìa tướng làm lửa, dùng giải thoát làm hương, dùng không quái ngại làm sám hối, dùng vô niệm làm giới, dùng vô vi vô sở đắc làm định, dùng không hại làm tuệ, chẳng dùng nghiêm thiết làm đạo tràng. Hòa-thượng bảo: Tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, xưa nay viên mãn, thêm cũng không được, bớt cũng không được, vì thuận một niệm tâm hữu lậu, thì trôi lăn trong ba cõi thọ các thứ thân hình, giả danh thiện tri thức, chỉ ngay bản tánh tức thành Phật đạo, chấp tướng tức là đắm chìm. Vì chúng sanh hữu niệm, giả nói vô niệm, nếu hữu niệm không, thì vô niệm chẳng có. Dứt tâm trôi lăn ba cõi, chẳng trú vắng lặng, chẳng phải ở sự tướng, chẳng phải không công dụng, chỉ lìa luống dối, gọi là giải thoát. Hòa-thượng lại bảo: Có tâm tức là sóng cả, vô tâm tức là ngoại đạo, thuận sanh tử tức là chúng sanh cấu nhiễn nương tựa, vắng lặng tức là Niết-bàn. Động chẳng thuận sanh, chẳng y cứ vắng lặng, chẳng vào Tam-muội, chẳng trú tọa Thiền, vô sanh vô hành, tâm không được mất, ảnh thể đều quấy, tánh tướng chẳng lập.

Hòa-thượng Phụng Tường, người ở huyện My, họ Lý, pháp hiệu Vô Trú. Niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Tiền Đường, Sư mới năm - mười tuổi, Hòa-thượng đã thay thế cha Sư mở hiệu, đến lúc hai mươi tuổi, vóc dáng sức lực hơn người, võ nghệ vượt hẳn tâm thường. Lúc ấy, Tín An Vương đang sung làm Hà róc vũ đạo Tiết độ sứ, thấy Hòa-thượng có dáng mạnh mẽ, Tín An Vương bèn lưu giữ sung làm Vệ tiền du dịch tiên phong quan. Hòa-thượng thường tự than rằng: Ở đời, vinh hoa, ai người chẳng ưa thích, hàng đại trượng phu chưa gặp được thiện tri thức. Một đời không thể để luống qua!. Thế là xả bỏ quan tướng, tìm thầy hỏi đạo, bỗng gặp bạch y Cư sĩ Trần Sở Chương, chẳng biết vốn người ở xứ nào mà người đời gọi là Duy-ma-cật hóa thân giảng nói pháp Đốn giáo. Ngay ngày vừa mới gặp, Hòa-thượng ngầm hợp

cùng biết, được im lặng truyền cho tâm pháp. Hòa-thượng đắc pháp rồi, một mực dứt tư bặt lự, sự tướng dứt trừ, suốt thời gian năm ba năm, giữ tướng tại gia Cư sĩ mà tu hành.

Đến khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời Tiền Đường, bỗng nghe Phạm Dương đến Thứ sơn có Hòa-thượng Minh, ở Đông kinh, có Hòa-thượng Thần Hội, ở phủ Thái Nguyên có Hòa-thượng Tự tại đều là những vị đệ tử của Đại sư Huệ Năng, Tổ thứ sáu, giảng nói pháp Đốn giáo. Bấy giờ, Hòa-thượng (Vô Trú) cũng chưa xuất gia, bèn đên Thái Nguyên đảnh lễ Hòa-thượng Tự Tại. Hòa-thượng Tự Tại giảng: Trong tịnh tưởng vô tịnh tức là Phật tánh chân tịnh. Nghe pháp xong, tâm ý Hòa-thượng tự nhiên thỏa thích, muốn giã từ đường trước. Lão Hòa-thượng là người đánglàm rường cột của Chánh pháp, bèn cho xuống tóc, và đắp mặc pháp y. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tám (749) thời Tiền Đường, sau khi đã thọ giới Cụ túc, Hòa-thượng bèn giã từ lão Hòa-thượng Tự Tại, đi đến trú tại chùa Thanh Lương ở núi Ngũ Đài, qua một mùa hạ nghe giảng pháp, Hòa-thượng tiếp đến chỗ Hòa-thượng Minh ở Thứ sơn, chợt do tiếng nói của Hòa-thượng Thần Hội, Hòa-thượng liền biết được ý chí nên cũng chẳng tìm đến. Mãn mùa hạ niên hiệu Thiên Bảo năm thứ chín (750) thời Tiền Đường, Hòa-thượng xuống núi, đến Tây kinh, qua lại giữa hai chùa An Quốc và Sùng Thánh. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười (751) thời Tiền Đường, từ Tây kinh, Hòa-thượng liền đến Bắc Linh Châu, ở tại núi Hạ lan suốt mười hai năm, bỗng có thương nhân Tào Khôi đến lễ bái và hỏi: Hòa-thượng đến Nhật Nam, có biết Hòa-thượng Kim chăng? Hòa-thượng đáp: Không biết. Tào Khôi nói: Tướng mạo Hòa-thượng tương tự như Hòa-thượng Kim, sóng mũi cao có mép lún, nhan sắc hình trạng không một gì khác, đúng là hóa thân. Hòa-thượng bèn hỏi Tào Khôi: Cư sĩ từ Nhật Nam đến, Hòa-thượng ấy giảng nói pháp gì? Tào Khôi đáp: Nói không nhớ không niệm, chớ vọng. Ngày ấy, đệ tử thọ duyên xong bèn xin giã từ. Hòa-thượng Kim hỏi: Tào Khôi, ông đi đến xứ nào? Đệ tử đáp: Cha mẹ hiện còn ở nhà, nên đệ tử muốn về thăm. Hòa-thượng Kim bảo: Không nhớ không niệm buông bỏ tất cả tức là rõ ràng mênh mông, nhìn có cha mẹ của ông chăng? Ngày ấy đệ tử nghe rồi mà chưa hiểu, nay xin trình hỏi Hòa-thượng. Nghe nói vậy chợt Hòa-thượng xa muốn cùng thấy biết Hòa-thượng Kim, bèn mới xuống núi Hạ lan đến Bắc Linh châu, ra Hành văn đến Nhật Nam lẽ bái Hòa-thượng Kim. Bèn bị giữ lại, sau Diêu Từ Vương chẳng phóng thả, Đại đức Hòa-thượng Sử, luật sư Biện Tài, Luật sư Tuệ Trang v.v... các Đại đức chẳng được tha lại.

Đến tháng mười niên hiệu Chí Đức năm thứ hai (757) thời Tiền Đường, từ Bắc Linh châu ra đến thành Định Viễn, Phong Ninh quân sứ Dương Hàm Chương đang xử xuất tại Hành văn, Quân sứ khổ công muốn giữ lại, hỏi Hòa-thượng: Phật pháp đang chỉ có ở Nhật Nam, hay xứ này cũng có, nếu đây và kia chỉ một thứ, thì vì sao Cố bỏ đi? Hòa-thượng đáp: Nếu biết tâm thấy tánh thì Phật pháp khắp cùng mọi nơi, không trú là nơi học địa, Thiện tri thức hiện ở tại Nhật Nam, do đó, phải xa tìm đến. Quân sứ lại hỏi Hòa-thượng: Thiện tri thức ấy là ai? Hòa-thượng đáp: Đó là Hòa-thượng Vô Tướng, họ Kim, nên mọi người gọi là Hòa-thượng Kim. Quân sứ đảnh lễ, bèn ra Hành văn, Hòa-thượng dần dần theo hướng Nam đến Phụng tường. Lại bị các vị Đại đức khổ công giữ lại không cho đi, Hòa-thượng cũng chẳng dừng ở. Lại theo đường núi Thái bạch, vào ở núi Thái bạch. Qua một mùa hạ, lại theo đường núi Tế thủy đến Nam Lương Châu, chư Tăng và đồ chúng lại khổ công lưu giữ, nhưng Hòa-thượng chẳng ở.

Tháng giêng niên hiệu Càn Nguyên năm thứ hai (759) thời Tiền Đường, đến chùa Tịnh Tuyền ở phủ Thành đô. Lúc mới đến, gặp Thiền sư An Càn dẫn tới gặp Hòa-thượng Kim, Hòa-thượng (Vô Trú) trông thấy khác thường bèn rất vui mừng. Hòa-thượng Kim sai bảo Thiền sư An Càn làm chủ nhân, xếp đặt ở Viện ở dưới lầu chuông. Lúc ấy chánh ngày thọ duyên, ngay đêm theo đại chúng thọ duyên, chỉ qua ba ngày ba đêm, mỗi ngày Hòa-thượng Kim ở giữa đại chúng lớn tiếng xướng rằng: Duyên gì chẳng vào núi đi, ở lâu đâu có ích gì? các đệ tử theo hầu chung quanh đều lấy làm lạ, Hòa-thượng Kim chưa hề nói lời như thế. Vì sao bỗng nhiên nói như vậy? Hòa-thượng Vô Trú im lặng mà vào núi. Về sau, Hòa-thượng Kim nghĩ nhớ, duyên gì chẳng đến, Thượng tọa không tấu thưa thượng tòa, muốn được cùng biết vì sợ về sau gặp nhau, chẳng biết kia đây là ai.

Một sáng sớm nọ, Hòa-thượng bảo: Tôi tuy ở đây nhưng thường gặp Hòa-thượng Kim. Nếu muốn chẳng cùng biết, đối mặt ngàn dặm, tôi lại vì các ông kể một duyên khởi. Xưa kia, lúc Đức Phật còn tại thế, suốt một mùa hạ ba tháng, Đức Phật lên cung trời Đao lợi giảng pháp độ phu nhân Ma-da. Bấy giờ mười sáu vị đại Quốc vương cùng với tất cả chúng sanh đều nghĩ nhớ Đức Phật, bèn nhờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lên cung trời Đao lợi thỉnh Đức Phật trở về, lúc Đức Phật về lại cõi Diêm-phù-đề này, Tôn giả Tu-bồ-đề đang ở trong động đá, nghe Đức Phật trở về liền muốn ra thất để đón rước, nhưng lại tự nghĩ rằng: Ta nghe Đức Thế tôn dạy. Nếu người trú trong Tam-muội, tức là thấy ta.

Nếu thấy thân năm sắc thì đâu có ích gì? Bèn nhập Tam-muội, khi ấy Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc nghĩ muốn dứt tiếng xấu bèn muốn đến trước để thấy Phật. Các đại Quốc vương tám bộ trời rồng đều vây quanh, không có đường vào, nên hiện thân làm vua đại Chuyển luân có ngàn người con vây quanh, rồng thần, Quốc vương đều mở lối, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc hiện lại nguyên hình đi nhiễu quanh Đức Thế tôn xong, chắp tay nói kệ rằng:

*Con thấy Phật đầu tiên,*
*Con lễ Phật trước hết!*

Nói kệ xong, đảnh lễ rồi đứng. Khi ấy Đức Thế tôn bảo Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc rằng: Ở trong chúng hội này, cô là người thấy sau cùng. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Trong chúng hội này không có A-la-hán, sao nói con thấy sau cùng? Đức Thê Tôn bảo: Tu-bồ-đề ở trong hang đá, thường trú trong Tam-muội, do đó được thấy pháp thân ta, ngươi chỉ đến trông thấy sắc thân, do đó mà ở sau. Xưa kia Đức Phật có để lại minh văn rõ ràng, do đó Vô Trú tôi chẳng đi.

Có vị ở chung là Thiền sư Đạo Dật chuyên thực hành trì tụng lễ niệm, còn Hòa-thượng (Vô Trú) một bề bặt tư dứt lự, vào cảnh giới tự chứng. Thiền sư Đạo Dật nói với các Thiền sư nhỏ đồng học thưa Hòa-thượng: Mỗi ngày xin có sáu thời lễ sám. Cúi xin chấp thuận cho. Hòa-thượng bảo Thiền sư Đạo Dật v.v... rằng: Lúc này lương thực đều bặt dứt duyên, một số người vận chuyển vào trong núi sâu không nổi, nên phải y theo pháp mà tu hành, muốn được cuồng học, đó đều chẳng phải Phật pháp. Trong kinh Phật Đảnh nói: Tâm cuồng chẳng dứt hết, dứt hết tức Bồ-đề, minh tâm thắng tịnh, vốn đồng pháp giới. Vô niệm tức là thấy Phật, hữu niệm tức là sanh tử. Nếu muốn được lễ bái tụng niệm tức là xuống núi. Dưới đất bằng có nhiều ngôi chùa trống, cứ mặc tình ra đi, còn nếu muốn được ở chung thì chỉ một bề vô niệm, nếu được như vậy thì mặc tình ở lại, không được liều phải xuống núi đi. Thiền sư Đạo Dật thấy không được toại ý, bèn giã từ Hòa-thượng mà ra núi Thiên Thương, lại đến chùa Tịnh Tuyền ở Ích châu, trước tiên gặp Thượng tọa Không v.v... bèn nói: Trong núi có Thiền sư Vô Trú không thực hành lễ sám niệm tụng, chỉ chuyên ngồi không. Hà Không v.v... nghe nói vậy càng kinh ngạc kỳ quái gấp bội lúc thường, tự bảo: Há đó là lãnh tụ Phật pháp? Gặp Hòa-thượng Kim, Thiền sư Đạo Dật liền lễ bái, chưa xong, Hà Không v.v... hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Thiền sư Vô Trú ở núi Thiên Thương chỉ ngồi không, chẳng chịu lễ tụng, cũng chẳng chỉ

dạy người ở chung lễ tụng, há việc ấy là Phật pháp ư? Hòa-thượng Kim mắng Hà Không, Đạo Dạt v.v... rằng: Các ông đến sau. Lúc ta còn ở Hạc địa (hữu học), cơm còn chẳng kịp ăn, chỉ ngồi không, đại tiểu tiện cũng không công phu. Các ông không biết. Ngày ta đang ở núi Thiên Cốc cũng chẳng lễ bái niệm tụng, các bạn đồng học tức giận ta đều bỏ đi khỏi núi, không người đưa cho thức ăn, chỉ luyện đất làm thức ăn, cũng không công phu. Lúc ra núi cũng một bề ngồi không. Có Mạnh, chủ chùa nghe các bạn đồng học nói ta ngồi không, bèn đến nói Hòa-thượng Đường (Xử Tịch) mà gièm pha chế diễu ta, Hòa-thượng Đường nghe nói vậy càng hoan hỷ gấp bội. Lúc ta ở núi Thiên Cốc cũng không biết việc gièm pha chế diễu đó, đến lúc nghe Hòa-thượng Đường bốn đại chẳng an, nên từ núi Thiên cốc ta đến chùa Đức Thuần ở Tư châu. Mạnh, chủ chùa thấy ta đến, chẳng cho ta vào chùa, Hòa-thượng Đường nghe ta đến, sai bảo người gọi ta vào, đến trước phòng, ta lễ bái chưa xong, Hòa-thượng Đường liền hỏi: Ông ở núi Thiên Cốc làm việc gì? Ta đáp: Chẳng làm gì, chỉ không bận rộn. Hòa-thượng Đường bảo: Ông ở đó bận rộn, ta cũng bận rộn. Hòa-thượng Đường biết mọi người không biết.

Hòa-thượng bảo Cư sĩ (Huân Tuyền) rằng: Một chi Phật pháp của Tổ sư Đạt-ma là Hòa-thượng Kim ở Nhật Nam, tức là đó. Nếu chẳng thọ duyên thì dường như vào núi báu mà trở về tay không! Cư sĩ Huân Tuyền nghe vậy rồi, đứng dậy chắp tay thưa: Đệ tử xin vào phủ Thành đô ngay để thọ duyên. Hòa-thượng (Vô Trú) ở trong núi biết Hòa-thượng Kim (Vô Tướng) đang xa nghĩ nhớ, liền biết ý, bèn bảo Cư sĩ Huân Tuyền rằng: Đây có nửa cân mầm trà, Cư sĩ đem mầm trà này làm tin về kính dâng Hòa-thượng Kim, chuyển lời Vô Trú nói là xin đảnh lễ Hòa-thượng Kim. Nếu Hòa-thượng Kim có hỏi Vô Trú tôi, thì nói Vô Trú tôi chưa định xuống núi. Cư sĩ Huân Tuyền liền giã từ Hòa-thượng đem mầm trà gởi kính dâng. Ngày 13 tháng 04 (năm 762) đến chùa Tịnh Tuyền ở phủ Thành đô. Vì Hòa-thượng Kim thân thể bất an, nên không người ngoài nào được vào thấy gặp. Huân Tuyền gặp Thiền sư Bồ-đề dẫn vào thấy gặp Hòa-thượng Kim, trình bày đầy đủ về mầm trà do Thiền sư Vô Trú kính dâng và chuyển lời xin đảnh lễ. Hòa-thượng Kim nghe nói và thấy mầm trà, liền ngợi khen khác thường, bảo Huân Tuyền( ): Thiền sư Vô Trú đã có tin đưa lại, vì sao tự thân chẳng đến đây? Huân Tuyền đáp: Thiền sư Vô Trú chưa định xuống núi. Hòa-thượng Kim hỏi: Ông là ai? Huân Tuyền đáp Hòa-thượng Kim rằng: Là đệ tử gần gũi nương hầu Thiền sư Vô Trú. Hòa-thượng Kim nhìn Huân

Tuyền và bảo: Ngày về lại núi Bạch nhai, ta có tin đưa đi, nên ông phải gặp lại ta. Đến ngày 15 (tháng 05), gặp Hòa-thượng Kim, Huân Tuyền nói: Muốn về lại núi Bạch nhai, xin theo sự chỉ bảo của Hòa-thượng. Khi ấy, Hòa-thượng Kim bảo các đệ tử gần gũi hầu hạ rằng: Tất cả các ông ra khỏi ngoài phòng nhà. Và liền gọi Huân Tuyền vào trong phòng. Huân Tuyền vâng lời vào phòng quỳ thẳng chấp tay, Hòa-thượng Kim đem pháp y ca-sa và bảo Huân Tuyền: Người đời có hỏi, chớ nên chỉ bày, đây là chiếc y mà Hoàng hậu Võ Tắc Thiên ban tặng Hòa-thượng Trí Sằn, Hòa-thượng Trí Sằn trao truyền cho Hòa-thượng Đường (Xử Tịch). Hòa-thượng Đường truyền trao cho ta, nay ta truyền trao lại cho Thiền sư Vô Trú pháp y này từ lâu xa đến nay quý trọng gìn giữ, chớ cho người biết! Nói xong, Hòa-thượng Kim buồn bã nghẹn ngào, tiếp bảo: Pháp y này đích đích tương truyền phó trao, phải nên cố gắng, cố gắng! Rồi Hòa-thượng liền cởi pháp y ca-sa trên thân, quần che phủ đùi vế, áo sam, tọa cụ v.v..., tất cả mười bảy vật trao cho Huân Tuyền và bảo: Ông đem các thứ y vật này thầm chuyển đến cho Thiền sư Vô Trú, và chuyển lời ta nói khéo tự gìn giữ. Cố gắng, cố gắng! Nay chưa phải lúc xuống núi, nên chời đợi thời gian năm ba-năm nữa, tự có quý nhân đến đón rước rồi hãy ra. Và Hòa-thượng Kim liền bảo Huân Tuyền đi gấp, chớ cho người thấy. Sau khi Huân Tuyền đi rồi, Hòa-thượng Kim nói riêng một mình: Vật này đi chậm, đến đầu thì trở lại thấu đạt. Ngay lúc Hòa-thượng Kim nói như vậy thì chung quanh không có người. các đệ tử ở ngoài phòng nhà nghe tiếng Hòa-thượng Kim nói, đồng một lúc vào phòng nhà, hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Sao nói riêng một mình? Chỉ nói ẩn? Vì Hòa-thượng Kim bốn đại chẳng an, mọi người thấy đã có dự đoán, tiện đó hỏi Hòa-thượng Kim rằng: Pháp y từ xưa lưu truyền làm tin nay ở đâu? Phật pháp Hòa-thượng phó chúc cho người nào? Hòa-thượng Kim đáp: Pháp ta đến chỗ Vô Trú, còn y máng treo đầu cây gỗ. Không một người nào được. Hòa-thượng Kim xoay nhìn mọi người và bảo: Đây không phải là cảnh giới của các người. Các người đều tự mang lấy bản xứ đi. Ngày 15 tháng 04 niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai đổi niên hiệu thành niên hiệu Bảo Ứng năm thứ nhất (762) thời Tiền Đường. Ngày 15 tháng 05, Hòa-thượng Kim đã xa phó chúc xong, đến ngày mười chín, bảo các đệ tử: Lấy xiêm y mới sạch cho ta thay, nay ta tắm gội. Xong đến nửa đêm giờ tý, Hòa-thượng Kim an nhiên thị tịch.

Phó nguyên soái Hoàng môn thị lang Đỗ Tướng Công, ngày đầu mới đến phủ Thành đô, nghe Hòa-thượng Kim là người không thể nghĩ bàn. Nay Hòa-thượng đã thị tịch, phải có đệ tử kế thừa tiếp nối theo

sau, bèn đến chùa Tịnh Tuyền và chùa Ninh Quốc ở Hành sơn thăm xem, thấy các dấu vết của Hòa-thượng Kim ngày trước, Tướng Công bèn gá hỏi các Thiền sư nhỏ v.v.... có vị tăng đệ tử kế thừa tiếp theo hay không? Các Thiền sư nhỏ đáp: Cũng không có người nào kế thừa tiếp theo. Ngày còn tại thế, Hòa-thượng có hai pháp y ca-sa, một pháp y hiện còn tại chùa Ninh Quốc ở Hành sơn, và một pháp y để lại tại chùa Tịnh Tuyền để cúng dường. Tướng Công không tin, lại hỏi các luật sư: Hồng tiệm Viễn Văn, Hòa-thượng Kim (Vô Tướng) là bậc thiện tri thức, tiếp thừa y bát từ xưa, sư sư tương truyền trao phó, nay Hòa-thượng Kim đã thị tịch, đệ tử kế thừa tiếp theo ở đâu? Các luật sư đáp Tướng Công rằng: Hòa-thượng Kim là người Phiên, nước ngoài, cũng không có Phật pháp. Ngày còn ở đời, không giảng nói pháp nhiều. Dẫu có giảng nói cũng không thể được chân chánh. Ngày còn ở đời, tuy đầy đủ sự cúng dường bố thí, nhưng  không phải là vị Tăng có phước đức, nên dù có đệ tử cũng không hiểu rành Phật pháp. Tướng Công soi xét cao xa, liền biết đều là lời nói ghét ganh, bèn trở về nhà, hỏi người gần gũi lo việc là Khổng Mục Quan Mã Lương, Khương Nhiên v.v... Có biết ở Nhật Nam có bao nhiêu danh tăng Đại đức chăng? Mã Lương đáp: Tại nội viện thường thấy Tiết độ quân tướng nói: Phía Tây ải tầm nhai, trong núi Bạch nhai có Thiền sư Vô Trú được Hòa-thượng Kim trao truyền pháp y bình bát, đó là đệ tử kế thừa tiếp theo. Thiền sư ấy có hạnh nghiệp sâu dày, cũng chưa từng xuống núi. Tướng Công nghe nói vậy, xoay nhìn Mã Lương v.v... bảo: Hồng Tiệm Viễn Văn, Hòa-thượng Kim là bậc Đại Thiện tri thức, hôm trước tôi tự đến Hành sơn vào chùa Ninh Quốc và chùa Tịnh Tuyền, hỏi các đệ tử gần gũi hầu hạ Hòa-thượng Kim, nhưng họ đều bảo là không có đệ tử nào kế thừa tiếp theo và được truyền trao pháp y bình bát. Tôi lại đến hỏi các Luật sư họ đều nói lời phỉ báng. Nay y cứ lý do dấu vết này thì Thiền sư Vô Trú ở núi Bạch nhai hẳn phải là bậc Đạo hạnh. Ngay ngày đó đến chỗ nha sở, Tướng Công bèn hỏi các quân tướng rằng: Biết trong lãnh vực cai quản, có bậc danh Tăng Đại đức nào chăng? Tiết độ phó sứ Ngưu Vọng Tiên, Lý Linh Ứng, Quy Thành Vương, Đổng Gia Hội, Trương Ôn Âm Hợp, Trương Dư Quang, Trương Chẩn, Vi Loan, Tần Địch v.v... bàn nói với Tướng Công rằng: Trong núi Bạch nhai có Thiền sư Vô Trú, không thể nghĩ bàn. Tướng Công hỏi Ngưu Vọng Tiên, v.v... Sao các ông biết? Ngưu Vọng Tiên đáp: Vọng Tiên tôi do Cao Đại Phu sai đi sứ đến nơi doanh tạo thạch bia cách đạo tràng không xa, có vài lần đảnh lễ nên biết không thể nghĩ bàn. Tướng Công lại hỏi: Vừa rồi nói pháp

y bình bát ở tại đó, ai là người biết đích thực? Tần Địch, Trương Hoàng bàn với nhau, nói rằng: Tần Địch tôi v.v... được sung cùng theo đi tuần Ngô Hầu, ngày Hòa-thượng Kim mới thị tịch, các đệ tử gần gũi nương hầu ở hai chùa đều than thở, Chúc Thường Thị đến Đại Phu nói: Tín y của Hòa-thượng không được biết đích thực, và chẳng chịu đốt, Cao Đại Phu phán giao mọi người cùng theo đi tuần Ngô Hầu suy hỏi đích thực lãnh qua. Ngày đó mới có được hai pháp y ca-sa, mỗi chùa có một pháp y, nên pháp y làm tin không biết tìm ở đâu. Ngày đó không biết trong núi Bạch nhai ở phía Tây của Tàm nhai có Thiền sư Vô Trú. Về sau bị sai mười tướng lãnh đem binh ngựa lên Tây sơn đánh thành Đang cẩu. Chưa tiến quân, khó khăn tại doanh tạo thạch bia, dừng nghĩ ở Hành doanh, gần đạo tràng. Tần Địch tôi cùng các quân tướng thiết trai đến đó cúng dường. Mới đầu gặp Thiền sư dung mạo giống hệt Hòa-thượng Kim, Tần Địch tôi v.v... cùng tưởng là của Hòa-thượng Kim hóa thân, gá hỏi tạm dừng ở, mới biết pháp y bình bát Hòa-thượng Kim trước kia sai bảo một người chuyển trao, bị người ấy giấu hai năm chẳng trao, mà đem bán cho một vị Tăng. Vị Tăng ấy có được pháp y, ban đêm mộng thấy vị thần bảo trả lại cho bản chủ, nếu không trả lại sẽ hẳn tổn hại tánh mạng. Người mua (vị Tăng ấy) vội báo lại, sau bán không được, người kia lại đem đến chỗ Thiền sư ấy. Tần địch tôi v.v... mới đầu nghe vậy, đang lúc suy tầm không biết pháp y ca-sa ở nơi nào, nay hiện ở tại đó liền xin đảnh lễ, cũng không sanh làm nạn hại. Thiền sư ấy liền bưng pháp y ca-sa ra cho các quân tướng quan kiện v.v... được thấy, do đó biết ở tại đó. Tướng Công nghe nói vậy bèn khen: Kỳ thay! Lạ thay! Tăng ẩn tích Phật pháp chẳng dối người thế tục. Người thế tục muốn Phật pháp được lưu hành! Tiết độ phó sứ Lý Linh Ứng, Trương Ôn, Ngưu Vọng Tiên, Quy Thành Vương, Huân (Đổng) Gia Hội, Vi Loan, Tần Địch v.v... mọi người thay nhau ký tên trong văn thỉnh cầu Hòa-thượng. Tướng Công xoay nhìn các quân tướng biết Thiền sư Vô Trú, tự có tâm thỉnh cầu, Tướng Công sai phái Quan lục hương Mộ Dung Đảnh làm chuyên sứ, liền bảo ban ra văn điệp tại đường lần lượt đi, các châu huyện trang nghiêm dựng treo phướn hoa. Các tăng đạo tuổi cao và cả người có tiếng tăm, cùng các quan huyện xong việc cùng đến núi thỉnh cầu.

Văn điệp chưa ban xuất, mà Tiểu Kim sư và Trương Đại sư ở hai chùa Tịnh Tuyền và Ninh Quốc nghe thỉnh cầu Hòa-thượng Vô Trú, lo sợ không biết tính sao, bèn cùng các luật sư bình chương phỏng định làm việc ma, trước tiên nghiêm tấu thượng thư Biểu, đệ tử Luật sư Tiêu

v.v... dặn Đại sư Thái phu nhân đoạt lấy Thiền viện của Hòa-thượng Kim làm Luật viện, lấy Thiền đường của Hòa-thượng Kim làm Luật đường. Tiểu Kim sư cẩu thả an thân, luật sư Tiêu v.v... cùng biết tính hợp làm luật viện, lập bia, Đô Ngang soạn văn, luật sư Trương Tri cùng Vương Anh Diệu và Tiểu Kim sư, Trương Đại sư, căn dặn Đô Ngang lang trung, luật sư Vương Anh Diệu cùng Vương Kiển là đồng họ nên cùng nhau nhận làm anh em, căn dặn Thôi Bộc Xạ, Nhâm phu nhân, thiết trai thọ thực xong, Tiểu Kim sư liền giơ cao pháp y ca-sa do Bùi Bội Xạ cúng thí trình bày với Bộc Xạ và phu nhân. Tiểu Kim sư buồn khóc nói: Đây là pháp y ca-sa được tiếp thừa từ xưa trước làm tin, Bộc Xạ can trước nay không biết việc này, thỉnh cầu Thiền sư Vô Trú, Tướng Công có ý kính trọng, chẳng liên quan can sự. Đô Ngang, Vương Kiển quanh co đồng đảng sợ đoạt lấy Luật viện, nên xoay nhìn hỏi các Luật sư: Sơn tăng Thiền sư Vô Trú ấy có đại nghiệp gì? Luật sư Anh Diệu v.v... cùng đáp: Nếu thỉnh Thiền sư Vô Trú ấy không có hiểu biết, còn thỉnh chư Tăng đây rất có ích cho các hàng xuất gia. Thượng thư hỏi: Vì sao không ích lợi cho hàng xuất gia? Đáp: Có một người thợ ở Vấn châu khắc đúc công đức binh được một pháp y ca-sa tính trị giá hai mươi ngàn (20.000) văn, bị Thiền sư kia đoạt lấy y của người thợ, không trả lại, mà bảo: Hòa-thượng Kim cho ta thực hành không sự tướng lễ tụng trì niệm, y theo dấu vết ấy thì không ích lợi cho hàng xuất gia. Bộc Xạ xoay nhìn luật sư và bảo: Trước kia, can ở tại Tây sơn binh ngựa đã biết ý huống. Các luật sư v.v... dùng gì cùng vu khống vậy? Nói xong liền lìa khỏi chiếu. Bạn đảng ma quái đổi sắc mặt không biết tính sao, việc ma bèn chấm dứt.

Ngày 23 tháng 09 niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ hai (766) thời Tiền Đường, Mộ Dung Đảnh cùng các quan huyện, đạo Tăng v.v... đến núi Bạch nhai thỉnh cầu Hòa-thượng, chuyển lời Tướng Công, Bộc Xạ và Giám Quân xin đảnh lễ, nguyện xin Hòa-thượng chẳng bỏ từ bi, vì các hành thương sanh trong ba thục mà làm rường cột lớn. Do chí thành hết lòng cầu thỉnh, Hòa-thượng biết Tướng Công thấu hiểu Phật pháp sâu sắc, kính mến Đại thừa, biết Bộc Xạ là người nhân từ khoan hậu, biết Giám Quân kính Phật, Pháp, Tăng. Xét biết là đồng duyên đồng hội nên chấp thuận sự thỉnh cầu. Liền có phướn đẹp lọng báu, các vị Đại đức ở các châu lo ngại Hòa-thượng không ra khỏi núi Bạch Nhai, cũng đến của núi cùng nhau thỉnh cầu, tức đưa kiệu báu đến đón rước Hòa-thượng, mời Hòa-thượng vào ngồi trong kiệu, Hòa-thượng không chấp thuận, đi từng bước chậm rãi. Ngày Hòa-thượng muốn xuống núi,

trong cảnh Vực của châu Mậu có sáu lần rung chuyển, núi sông gầm rống, chim trùng kêu réo. Muôn dân cùng hỏi nhau: Đó là điềm lành gì thấy có sứ đến cầu thỉnh Hòa-thượng. Các Tăng Ni đạo tục ở xứ đó lại cầu thỉnh Hòa-thượng ở lại. Chuyên sứ nói với các đạo tục rằng: Đây là ý của Tướng Công, Bộc Xạ trọng vì thương sanh trong Ba thục. Đau duyên chỉ cảnh Vực này mà chẳng hứa ở lại. Ngày Hòa-thượng chưa xuống núi, giặc cướp đua nhau dấy lên. Các châu không được mùa màng, thóc gạo khan hiếm. Dân chúng bàng hoàng lo sợ. Tướng Công, Bộc Xạ thỉnh Hòa-thượng xuống núi, đến các châu huyện thì lúa thóc gấp bội rẻ giá, dân chúng an vui, khắp nơi mùa màng trúng mùa, giặc cướp tự dứt trừ hết, an nhiên vô sự. Hòa-thượng đến châu nào thì châu sứ đích thân đón rước. Đến huyện, huyện lệnh dẫn đường, nhà nhà treo phướn, cửa cửa đốt hương, mọi người đều nói: Thương sanh có phước! các đạo tục đầy đường xướng rằng: Hòa-thượng Vô Tướng đi, Hòa-thượng Vô Trú lại, đây tức là Phật Phật trao tay, hóa hóa chẳng dứt, đuốc đuốc truyền nhau, pháp nhãn lại tỏa sáng, cờ pháp được dựng lập, đại hành Phật pháp. Tướng Công ban lệnh Đô Áp Nha, Khâm Hoa Tra xa đón rước Hòa-thượng. Khâm Áp Nha truyền lời Tướng Công rằng: Hồng Tiệm chợt mắc bệnh phong, chẳng được ra xa đón rước. Đến ngày lễ bái, Nhật Nam tây xuyên Tiết độ sứ tả Bộc Xạ kiêm Hương sử đại phu Thành đô doãn Thôi Công, Lệnh đô Ngô Hầu Vương Hưu Xử Nham, Thiếu phủ giám Lý Quân Chiêu, Nha tiền ngô hầu Đỗ Chương v.v... truyền lời Bộc Xạ đảnh lễ Hòa-thượng rằng: Đệ tử là địa chủ, tự phải ra xa đón rước, duyên vì Tướng Công bị bệnh phong, do đó, đệ tử và Giám Quân sứ chẳng dám lại trước, cúi xin Hòa-thượng soi xét cho! Truyền lời xong, đồng một lúc dẫn đưa Hòa-thượng đến chùa Không Tuệ ở nghỉ. Lúc đó là ngày 29 tháng 09.

Đến ngày mồng 01 tháng 10, Đỗ Tướng Công, Ngô Giám Quân sai các Lang quan thị lang Đông Xuyên Lưu Hậu, Lang trung Đỗ Tế, Hành quân Đỗ Tạng, Kinh công nam sứ trung thừa Tô Vu, Tề minh Lang trung Dương Viêm, Đỗ Á, Đô Ngang, Mã hùng, Sầm Tham, Quán sát phán quan viên ngoại Lý Bố, Viên ngoại Liễu Tử, Hoa thanh miêu sứ Ngô Úc, Tổ dong sứ Vi Hạ, Hữu thị lang Địch Bát Tế, Thôi Kháng, Thôi Thích, Vương Kiển, Tô Sưởng, Tư Mã Liêm, Lưỡng thiếu doãn Thành Bí, Bạch Tử Phưởng, Lưỡng huyện lệnh Ban v.v... trước đến thưa bạch Hòa-thượng rằng: Tướng Công đến bái yết Hòa-thượng. Hòa-thượng đáp: Lại tức từ nơi khác lại. Áp Nha thưa Hòa-thượng: Quốc tướng quý trọng, nên phải ra đón rước. Hòa-thượng đáp: Không nên đón rước.

Đón rước tức là tình người, chẳng đón rước tức là Phật pháp. Áp Nha lại muốn nói, chợt nhiên Tướng Công vào viện, thấy Hòa-thượng dung nghi chẳng máy động, nghiễm nhiên an tường, Tướng Công cúi mình xuống thềm lễ bái chấp tay, hỏi tin dậy ở. Các lang quan, thị lang chưa từng thấy có việc như thế, chợt thấy Hòa-thượng chẳng đón rước, chẳng đứng dậy, chong chong nhìn nhau hỏi: Vì sao chẳng đón rước, chẳng ngồi dậy. Lang trung Dương Viêm, Đỗ Á cùng lâu hầu Tướng Công rất biết ý chỉ, cũng nói thông Phật pháp. Các lang quan, thị lang trông xem Thiền sư đây hẳn đáng có đạo, Tướng Công tự soi xét, sao quái lạ như vậy. Ngày đó ngoài cửa Tiết độ phó sứ Ngô Hầu chợt nghe Hòa-thượng thấy Tướng Công mà chẳng ngồi dậy, chẳng đón rước, lo sợ thất sắc, lưu hành mưa rây sai bảo người ngầm do nghe, lại chờ đợi phân xử, thấy Tướng Công ngồi an nói cười, Hòa-thượng giảng nói pháp, Tướng Công chấp tay cúi đầu, các quan v.v... thầm mừng, mọi người ngoài cửa nghe rồi, liền hết lo âu.

Mới đầu ngồi yên, Tướng Công hỏi Hòa-thượng: Vì sao đến đây? Hòa-thượng đáp: Xa đến chỗ Hòa-thượng Kim. Tướng Công lại hỏi: Trước ở xứ nào? Nay lại xa đến chỗ Hòa-thượng Kim? Hòa-thượng Kim giảng nói giáo pháp gì? Hòa-thượng đáp: Từ chùa Bảo Phúc ở Đài sơn, đến Phần châu v.v... và cả núi Hạ lan đều nghe Hòa-thượng Kim giảng nói pháp Đốn giáo, do đó mà xa đến. Tướng Công hỏi: Hòa-thượng Kim giảng nói về không nhớ không niệm chớ vọng, có phải không? Hòa-thượng đáp: Đúng vậy. Tướng Công lại hỏi: Ba câu ấy là một hay là ba? Hòa-thượng đáp: Là một, chẳng phải ba. Không nhớ tức là giới, không niệm tức là định, chớ vọng tức là tuệ. Hòa-thượng lại bảo: Niệm chẳng khởi tức là giới môn. Niệm chẳng khởi là định môn. Niệm chẳng khởi là tuệ môn. Vô niệm tức giới định tuệ đầy đủ. Tướng Công lại hỏi: Đã một chữ Vọng 亡 thì dưới chữ Vong 亡 là chữ nữ 女 hay dưới chữ Vong 亡 là chữ Tâm心? Hòa-thượng đáp: Dưới chữ Vong 亡 là chữ Nữ 女. Tướng Công hỏi: Có chứng cứ chăng? Hòa-thượng đáp: Có. Lại dẫn kinh Pháp Cú nói: Nói các pháp tinh tấn, vì Tăng thượng mạn nói, nếu không tăng thượng mạn, không thiện, không tinh tấn. Nếu khởi tâm tinh tấn, là vọng chẳng tinh tấn, nếu tâm chẳng có vọng, tinh tấn không ngằn mé. Nghe nói vậy, Tướng Công lại hỏi Hòa-thượng: Thấy cây trước sân chăng? Hòa-thượng đáp: Thấy Tướng công lại hỏi. Ngoài tường vách phía sau có cây, thấy chăng? Hòa-thượng đáp: Bất luận trước sau, khắp cả mười phương thế giới đều thấy, đều nghe. Trên cây trước sân có tiếng chim chá-cô hót, Tướng Công lại hỏi: Nghe tiếng chim chá-cô hót

chăng? Hòa-thượng đáp: Thấy nghe hay biết đây là thấy nghe biết của thế gian. Trong kinh Duy-ma nói: Nếu hành thấy nghe hay biết tức là thấy nghe hay biết, pháp lìa thấy nghe hay biết, vô niệm là không thấy, vô niệm là không biết. Vì chúng sanh hữu niệm, mà giả nói vô niệm. Chánh lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Hòa-thượng lại dẫn Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Tôn giả Đại Giác Tôn, nói pháp sanh vô niệm, vô niệm không tâm sanh, tâm thường sanh chẳng diệt. Lại dẫn Kinh Duy-ma nói: Chẳng hành là Bồ-đề, không nhớ niệm nên thường cầu vô niệm, thật tướng trí tuệ. Kinh Lăng-già nói: Thánh giả chứng bên trong, thường trú nơi vô niệm. Kinh Phật Đảnh nói: A-nan! Ông vừa nêu tâm, trần lao khởi trước. Và kinh lại nói: Thấy còn lìa thấy, thấy không sánh bằng. Kinh Tư Ích nói: Thế nào là tất cả Chánh pháp? Thế nào là tất cả tà pháp? Nếu dùng tâm phân biệt, tất cả đều tà pháp, nếu chẳng dùng tâm phân biệt, tất cả đều là Chánh pháp. Trong pháp vô tâm, khởi tâm phân biệt, đều là tà. Kinh Lăng-già nói: Thấy Phật nghe pháp đều là tự tâm phân biệt. Người chẳng khởi thấy, gọi là thấy Phật. Nghe giảng pháp như vậy rồi, Tướng Công đảnh lễ thưa Hòa-thượng rằng: Hồng Tiệm mới đầu nghe ngày Hòa-thượng chưa xuống núi, Hồng Tiệm đến chùa Tịnh Tuyền và chùa Ninh Quốc xem các dấu vết của Hòa-thượng Kim, là bậc Đại Thiện tri thức, tức biết Nhật Nam lại đáng còn có Thiện tri thức, Hồng Tiệm hỏi khắp các sư tăng về ba câu của Hòa-thượng Kim, đến chữ Vọng 亡 mà các sư Tăng đều đáp dưới chữ Vong 亡 là chữ Tâm心, và ba câu mỗi tự riêng khác chẳng quyết nhất điều nghi của đệ tử. Hồng Tiệm lại đến hỏi các quân tướng Nhật Nam há không còn có chân Tăng? mà không một người nào đối đáp được. Tiết độ Phó sứ Ngưu Vọng Tiên, Tần Địch v.v... đều bàn nói với Hồng Tiệm là Hòa-thượng là bậc có đạo hạnh đức nghiệp sâu dày, do đó, đến xa kính thỉnh, cúi xin Hòa-thượng chẳng xả bỏ tâm từ bi, vì thương sanh ở ba thục mà làm nhân duyên tốt lành lớn! Nói xong, Tướng Công lễ bái và thưa tiếp: Đệ tử vì việc công có hạn. Vì Bộc Xạ, các Tiết độ phó sứ chưa được lễ bái Hòa-thượng. Hồng Tiệm chưa rời khỏi Nhật Nam. Mỗi ngày chẳng lìa quanh đây. Nói xong, Tướng Công kính tạ lui ra.

Bộc Xạ biết Tướng Công vui mừng, nói rằng: Hòa-thượng, thật không thể nghĩ bàn. Và liền cùng Nhâm phu nhân với Tiết độ quân tướng đồng đảnh lễ Hòa-thượng, đứng dậy hỏi thăm xong, phân định ngồi yên đúng chỗ. Đô Áp Nha cho các quân tướng đồng nghe. Lúc Hòa-thượng giảng nói pháp, có Pháp sư Vô Doanh và Pháp sư Lương Nguyên, là các vĩ tài giỏi trong chúng Tăng, cùng ngồi dự giữa Đại

chúng. Hòa-thượng dẫn nêu kinh Phật Đảnh nói: A-nan! Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay, do các thứ điên đảo, nghiệp chủng tự nhiên, như chùm trái ác xoa. Các thầy tu hành chẳng được thành Vô thượng Bồ-đề, cho đến thành Thanh văn, Duyên giác, và thành ngoại đạo, quyến thuộc của các trời ma vương, đều do không biết hai thứ căn bản tu hành sai loạn, giống như nấu cát mà muốn thành thức ăn ngon, dẫu có trải qua số đời kiếp nhiều như cát bụi cũng  không thể được. Thế nào là hai thứ? Nay A-nan! Một là căn bản sanh tử từ vô thỉ, thì nay ông và các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh. Hai là Niết-bàn Bồ-đề từ vô thỉ lại thể tánh vốn không; thanh tịnh thì nay ông do thức tinh vô minh sanh ra các duyên, bởi duyên sai khiến, do mất bản minh, nên tuy suốt ngày thực hành mà chẳng thể tự giác, tại rơi vào các đường. Hòa-thượng lại giảng: Tất cả chúng sanh xưa nay viên mãn, trên đến Chư Phật dưới đến tất cả hàm thức cùng đồng bản tánh thanh tịnh. Vì chúng sanh khởi một niệm vọng tâm liền nhiễm ba cõi. Vì chúng sanh hữu niệm, nên nói vô niệm, nếu không hữu niệm thì vô niệm cũng chẳng có. Vô niệm tức là Vô sanh, vô niệm tức là vô diệt, vô niệm tức là vô ái, vô niệm tức là vô tắng (ganh ghét), vô niệm tức là vô thỉ, vô niệm tức là vô xả, vô niệm tức là không cao, vô niệm tức là không thấp, vô niệm tức là không nam, vô niệm tức là không nữ, vô niệm tức là không phải, vô niệm tức là không quấy. Chính lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng tự có. Tâm sanh tức các pháp sanh. Tâm diệt tức các pháp diệt. Tâm vốn như vậy, tội cấu cũng vậy, các pháp cũng vậy. Chính lúc vô niệm, tất cả các pháp đều là Phật pháp, không một pháp nào lìa khỏi Bồ-đề. Hòa-thượng lại bảo: Do vọng mà có sanh, do vọng mà có diệt. Sanh diệt gọi là vọng, vọng diệt gọi là chân, đó gọi là Vô thượng Bồ-đề, và Đại Niết-bàn. Hòa-thượng giảng nói pháp rồi, ngồi thẳng không lay động. Bộc Xạ nghe giảng pháp xong, chấp tay bạch Hòa-thượng: Can là địa chủ, tự đáng phải ra xa đón rước, nhưng vì việc công không được rảnh, xin Hòa-thượng chớ trách. Trước kia con vốn là Tây thượng binh ngựa sứ. Hòa-thượng ở Lan nhã tại núi Bạch nhai, không phải ngay nhà, nếu có điều cần, chuyên sai nha tiền Ngô Hầu giang nương thừa tiếp cúng Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Tu hành Bát-nhã ba-la-mật, trăm thứ chẳng cần. Hòa-thượng lại bảo: Ông chỉ nên nói về tâm, các vị trời sẽ bày biện cúng dường. Thế nào là nói về tâm? tâm không cầu, tâm không tham, tâm không ái, tâm không nhiễm. Với Phạm thiên, chẳng cầu mà Phạm thiên tự đến, với quả báo, chẳng cầu mà quả báo tự đến, vô lượng sự quý báu, chẳng cầu mà tự đến. Hòa-thượng lại bảo: Biết đủ, thì rất

giàu sang, ít muốn, rất an vui. Bộc Xạ nghe Hòa-thượng giảng, chấp tay kính lễ. Pháp sư Lương Nguyên đảnh lễ bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử một lần được nghe pháp rồi, lưới nghi liền dứt, nay đến nương tựa Hòa-thượng, cúi xin chấp thuận! Còn Pháp sư Vô Doanh vẫn cao ngạo, bèn kính sợ đổi sắc mặt. Hòa-thượng hỏi Pháp sư Vô Doanh: Ông có biết chữ khách chăng? Pháp sư Vô Doanh đáp: Dẫn các pháp tướng, rộng dẫn văn nghĩa. Hòa-thượng bảo: Pháp sư không biết chủ khách, gượng nhận tiền trần làm tâm trôi theo sanh tử, tự cho là hiểu biết, giống như nấu cát muốn thành thức ăn ngon, dù nhiều số kiếp cũng chỉ thành cát nóng, chỉ lừa dối mình và lừa dối kẻ khác. Trong kinh Lăng-già nói: Theo lời mà lấy nghĩa, dựng lập nơi các pháp, vì kia dựng lập nên, chết đọa vào địa ngục. Pháp sư Vô Doanh nghe giảng pháp mà nghiêng thân mình lệch khỏi chỗ ngồi. Hòa-thượng hỏi: Vô ký có mấy thứ? Pháp sư Vô Doanh đáp: Có Dị thục vô ký, Biến dịch vô ký, Công xảo vô ký, Oai nghi vô ký. Hòa-thượng lại hỏi: Thế nào là hữu ký? Pháp sư Vô Doanh đáp: ý thức thứ sáu là hữu ký. Hòa-thượng bảo: Ý thức thứ sáu là thức điên đảo, tất cả chúng sanh chẳng ra khỏi ba cõi đều do ý thức. Lúc ý không sanh tức vượt ba cõi. Cạo đầu xuống tóc đều là đệ tử của Phật, chẳng phải học hữu ký, không thể học vô ký. Các Pháp sư thời nay thảy đều học vô ký, chẳng trú Đại thừa, vượt quá danh ngôn, nghĩa ấy rõ ràng. Người ngu chẳng thể tự giác. Giác là nhận biết các tình thức rỗng lắng không sanh, gọi đó là Giác. Nghe nói vậy, Pháp sư Vô Doanh đuối lý. Hòa-thượng bảo: Vô ký có hai thứ: một là Hữu phú vô ký và hai là Vô phú vô ký. Ý thức thứ sáu cho đến nhãn v.v..., năm thức trước đều thuộc Hữu phú vô ký. Từ Y thức thứ sáu cho đến thức thứ tám đều thuộc Vô phú vô ký, và đều gượng đặt tên gọi đó. Lại thêm thức thứ chín là thức thanh tịnh cũng là vọng lập. Hòa-thượng lại dẫn nêu kinh Lăng-già nói: các thức Tám chín, như các gợn sóng biển, tập khí thường thêm lớn. Rễ bàn nương bền chắc. Tâm theo dòng cảnh giới, như sắt nói từ thạch, như nước chảy dốc hết, sóng cả tức chẳng nổi, ý thức như vậy diệt, các thứ thức chẳng sanh, các thứ ý sanh thân. Ta nói là tâm lượng, được pháp không tư tướng. Phật tử chẳng Thanh văn. Nghe giảng pháp như vậy, Pháp sư Vô Doanh chỉ khen ngợi không thể nghĩ bàn! Hòa-thượng lại hỏi: Kinh Lăng-già chép: Dùng nêm tháo nêm, nghĩa ấy như thế nào? Pháp sư Vô Doanh đáp: Thí như bẻ gỗ, trước lấy nêm lớn xuống, tức nêm nhỏ xuống, khiến nêm lớn ra. Hòa-thượng chấp ngay Pháp sư Vô Doanh, bảo rằng: Đã dùng nêm nhỏ để ra nêm lớn, nêm lớn đã ra thì nêm nhỏ trở lại còn đó. Thế nào là dùng nêm ra nêm? Pháp sư Vô

Doanh lại không có lời lẽ để đối đáp. Pháp sư liền giải thích: Nêm là dụ cho phiền não chúng sanh. Nêm dụ cho ngôn giáo của Chư Phật Như lai. Nêm phiền não đã không thì Pháp chẳng tự có. Thí như người bị bệnh, bèn cho thuốc hay, nếu bệnh được lành, thuốc hay đều bỏ. Nay Pháp sư chấp pháp ngôn giáo, như người bệnh chấp phương mà chẳng chịu uống thuốc, chẳng bỏ văn tự cũng như nêm ở trong gỗ. Trong kinh Lăng-già nói: Thí như dùng ngón tay để chỉ đồ vật, trẻ con chỉ nhìn ngón tay mà không trông nhìn đồ vật. Theo lời nói chỉ, mà sanh chấp trước, cho đến trọn đời chẳng thể xả bỏ văn tự mà cho đó là đệ nhất nghĩa. Hòa-thượng lại hỏi Pháp sư về nghĩa của ba ngôi báu, Bốn đế. Lại hỏi nghĩa của Ba thân, Pháp sư Vô Doanh lại chẳng dám trả lời, chỉ ngợi khen là không thể nghĩa bàn. Bộc Xạ nghe giảng pháp như vậy rồi càng vui mừng gấp bội, thưa rằng: Ngay hôm ấy đệ tử lo sợ Hòa-thượng ở lâu trong cửa núi thì ngại sợ quan quyền đối đáp với Tướng Công không được thẳng duyên lo sâu. Các bậc sư Tăng ở tam xuyên, đều không có một người có khả năng đối đáp xứng ý Tướng Công. Tướng Công qua một lần gặp Hòa-thượng, bèn đến nói với đệ tử thật đáng là bậc đạo giả! Bẩm tánh đặc đạt, cao vời khác hẳn chư Tăng! và ngợi khen không thể nghĩa bàn. Đệ tử nghe Tướng Công nói, mừng vui hớn hở chẳng thể tự dằn. Đệ tử có phước gặp thời không lo buồn. Các quân tướng đều mừng vui an ủi, không thể nói cùng. Xong, Bộc Xạ bèn đảnh lễ mà lui ra.

Bấy giờ có Thiền sư Thể Vô ở Đông kinh, là bậc tuấn triết trong chúng tăng, nơi nơi đều cầu thỉnh làm thầy, giới luật oai nghi và các pháp sự, thông minh lắm biện tài, cũng tôn xưng là Thiền sư, vốn là đệ tử của Thiền sư Hoằng Chính trú tại chùa Thánh Thiện, cùng Tấn nguyên đậu thừa thập phương Lý Khứ, Thái thanh thành Tô Thừa, Phán quan Chu Hợp v.v... tìm hỏi Hòa-thượng, thẳng đến chỗ Thiền đường. Hòa-thượng thấy lại, cùng tự nhiên mỗi tự ngồi yên. Thiền sư Thể Vô hỏi: Hòa-thượng là đệ tử của ai, là tông chỉ của ai? Hòa-thượng đáp: Là tông chỉ của Phật, là đệ tử của Phật. Hòa-thượng lại bảo: Xà-lê cạo tóc đắp mặc pháp y tức là đệ tử của Phật, đâu cần phải hỏi. Tông chỉ của thầy là y cứ kinh Liễu nghĩa, chẳng ý cứ kinh Bất liễu nghĩa. Nếu có điều nghi thì mặc ý cứ hỏi. Thiền sư Thể Vô biết Hòa-thượng là đệ tử của Hòa-thượng Kim, bèn nói lời hủy báng rằng: Hiếm thấy người ở Nhật Nam chẳng khởi tâm Thiền sư đánh người mà bảo là không đánh, tức giận người mà bảo không tức giận, có người cúng thí lại thọ nhận mà nói không thọ nhận. Thể Vô tôi rất không hiểu điều này? Hòa-thượng đáp: Tu hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thấy người báo ân, chẳng thấy

người tạo ân. Đã không có thọ nhận mà thọ nhận các thứ chưa đủ, Phật pháp cũng chẳng diệt thọ. Vô Trú tôi từ khi mới phát tâm cho đến ngày nay chưa từng thọ nhận một mảy lông tóc cúng thí. Nghe nói như vậy, Thiền sư Thể Vô nhìn các quan bảo rằng: Thiền sư này nói năng rất khác lạ. Hòa-thượng hỏi Thiền sư Thể Vô rằng: Xà-lê miệng đã tự nhận là Thiền sư, vì sao khởi tâm đánh người, khởi tâm tức giận người, khởi tâm thọ nhận cúng thí? Thiền sư Thể Vô tự nhận biết mình lạc mất tông chỉ, bỗng nhiên đổi sắc mặt, suy lường giây lâu chẳng nói, mà hỏi Hòa-thượng: Có hiểu kinh Lăng-già chăng? Hòa-thượng đáp: Giải là chẳng hiểu. Các quan cùng nói với Hòa-thượng: Thiền sư chỉ giảng nói, sao lại cùng vặn hỏi? Hòa-thượng bảo các quan: Nếu giảng nói, sợ các người không tin. Các quan đáp: Xin tin. Hòa-thượng liền bảo: Nếu ta nói đầy đủ, hoặc có người nghe, tâm sanh cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Và Hòa-thượng liền dẫn Kinh Lăng-già nói: Người ngu thích nói vọng, chẳng nghe trí tuệ chân thật, giảng nói gốc của ba cõi, thật là diệt nhân khổ. Giảng nói tức đổi khác, chân thật lìa văn tự, nơi tâm cảnh vọng tướng, ngu sanh hai thứ thấy, chẳng biết tâm và duyên, tức khởi hai vọng tướng, rõ tâm và cảnh giới, tướng vọng sẽ chẳng sanh. Thiền sư Thể Vô nghiên cứu nghĩa, nêu dẫn kinh Pháp Hoa có ba thừa. Hòa-thượng dẫn kinh Lăng-già nói: Người ngu si kia nói có ba thừa, chẳng nói duy tâm, không các cảnh giới, tâm không giác biết, sanh động niệm tức là lưới ma. Lại dẫn kinh Tư Ích nói: Thế nào là tất cả pháp chánh, thế nào là tất cả pháp tà? Nếu dùng tâm phân biệt, tức tất cả đều là pháp tà, nếu dùng tâm không phân biệt, thì tất cả đều là pháp chánh. Trong pháp không tâm, khởi tâm phân biệt, thảy đều là tà.

Có Thiền sư Tuệ Ức, mọi người ở đương thời gọi là Lý Sơn Tăng, hỏi Hòa-thượng rằng: Vì Bắc Thiền sư làm sao vào làm? Hòa-thượng đáp: Thiền sư vừa chẳng có Nam, vừa chẳng có Bắc, cũng chẳng vào làm, cũng chẳng ra làm, chẳng được chẳng mất, không đi ,không dừng, chẳng chìm chẳng nổi, sống lao nhao. Thiền sư Tuệ Ức nghe xong cúi đầu chấp tay mà ngồi.

Có Thiền sư Nghĩa Tịnh, Thiền sư Xử Mặc, Thiền sư Đường Uẩn đều là đệ tử của Thiền sư Tuệ Minh, đến muốn được bàn luận Phật pháp với Hòa-thượng, Hòa-thượng hỏi: Xà-lê hiểu kinh luận gì? Thiền sư Đường Uẩn đáp: Giải luận Bách pháp, từng làm tăng giảng. Hòa-thượng nói. Thiền sư Đường Uẩn đáp: Trong có năm thứ vô vi, ngoài có năm thứ hữu vi, nhiếp hết tất cả các pháp.. Hòa-thượng dẫn kinh Lăng-già nói: Vô trí thường phân biệt, hữu vi và vô vi. Nếu những người tu

hành, không nên khởi phân biệt, trong kinh nói vọng tưởng, chẳng hề vượt ngoài danh. Nếu lìa bỏ lời nói cũng không có chỗ nói. Thiền sư Đường Uẩn nói với Thiền sư Nghĩa Tịnh: Xin Xà-lê lại hỏi. Thiền sư Nghĩa Tịnh liền hỏi Hòa-thượng: Thiền sư làm, chớ sanh ngồi Thiền. Hòa-thượng đáp: Chẳng sanh, chỉ ẩn một Thiền. Thiền sư Nghĩa Tịnh chẳng hiểu, liền hỏi Thiền sư Xử Mặc: Thế là thế nào? Thiền sư Xử Mặc cũng không hiểu, lại hỏi Thiền sư Nghĩa Tịnh. Hòa-thượng biết không hiểu, bèn hỏi Thiền sư Nghĩa Tịnh: Xà-lê hiểu kinh luận gì? Thiền sư Nghĩa Tịnh hỏi: Giải giới Bồ-tát, từng làm Tăng giảng. Hòa-thượng hỏi: Giới lấy gì làm thể? Lấy gì làm nghĩa? Thiền sư Nghĩa Tịnh không lời lẽ để đối đáp, bèn tuôn lời dơ bẩn: Chẳng phải tôi không hiểu, để vì thử ông, dường như Thiền ẩn một của ông, tôi nghi ngờ không thực hành. Thiền sư Xử Tịch tiếp lời: Tôi nghi ngờ ông ngu độn chẳng làm, ta giận buồn chẳng làm, ta biếng lười nghi ngờ chẳng làm, ta lười nhác nghi ngờ chẳng vào. Hòa-thượng bảo với chư Tăng: Lý Như như đầy đủ trí Nhất thiết, Vô thượng Đại thừa vượt quá danh ngôn, nghĩa ấy rất rõ ràng, ngu phu không hay biết, Vô Trú tôi cùng các vị Xà-lê nói một duyên khởi. Trong xóm làng nọ vào một buổi sớm mai, có tiếng trẻ con gào khóc, người ở gần đó bèn đến xem, thấy người mẹ tức giận đánh, người ở gần ấy hỏi: Vì sao đánh nó? Người mẹ ấy đáp: Vì nó đái ỉa trên giường. Người ở gần đó la rầy người mẹ rằng: Nó là trẻ con, sao lại đánh nó. Lại nghe có tiếng gào khóc, người ở gần đó nghe lại đến hỏi, thấy một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, người mẹ dùng cây đánh nó. Người ở gần đó hỏi: Vì sao đánh nó? Người mẹ đáp: Nó đái ỉa trên giường. Người ở gần đó nghe nói, bèn bảo: Gã này lắm ứng nên cứt đái, ngay phải đánh đau. Các loại tăng như vậy, thí như voi ngựa đánh đòn đau buồn chẳng thuần điều, lại thêm các gậy độc cho đến thấu suốt xương cốt. Hòa-thượng lại giảng nói: Muốn cầu an vui tịch tịnh phải học pháp Sa-môn, không tâm lìa ý thức, tức là pháp Sa-môn. Các Xà-lê cạo tóc đắp mặc pháp y, tự nói ta là đệ tử Phật mà chẳng chịu học pháp Sa-môn, miệng chỉ nói, mà nhác làm, lười làm, nghi ngờ ngu độn chẳng vào. Đó chẳng phải là Sa-môn Thích Tử, đó chính là loại Dã can, Phật có lời văn rõ ràng ở đời vị lai sẽ có người đắp mặc pháp y ca-sa, vọng nói ở các hữu, hủy hoại Chánh pháp của ta. Thí như dùng ngón tay chỉ đồ vật, kẻ phàm ngu si, chỉ nhìn ngón tay, chẳng xem đồ vật, theo lời nói chỉ mà sanh chấp trước, cho đến hết đời chẳng bao giờ xả bỏ chỗ chỉ của văn tự. Theo lời mà lấy nghĩa, tạo lập các pháp, vì tạo lập kia nên chết đọa vào địa ngục. Chư tăng nghe giảng nói, mịt mờ đổi sắc mặt,

từ tạ lui ra.

Có Thiền sư Tịnh Tạng trú tại chùa Thắng Quang tại Tây kinh, nghe Hòa-thượng là người không thể nghĩ bàn, bèn từ xa tìm đến. Hòa-thượng hỏi: Sao biết là không thể nghĩ bàn? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Bởi biết pháp y bình bát của Hòa-thượng Kim truyền trao cho Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Làm sao biết? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Các tăng tục đều nói Hòa-thượng đích thực là người đắc pháp từ Hòa-thượng Kim. Đệ tử may mắn lắm có phước được gặp Hòa-thượng. Nói xong bèn đảnh lễ. Hòa-thượng hỏi: Ngày trước học kinh luận gì? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Đệ tử có đọc Duy ma sớ chương, cũng học pháp ngồi Thiền, tông chỉ của Thái Bạch. Hòa-thượng liền vì giảng pháp: Vô ý là đạo chẳng quán là Thiền, Sư chẳng lấy cũng chẳng bỏ, cảnh đến cũng chẳng duyên. Nếu xem chương sớ tức là tướng niệm ồn động, nếu học tông chỉ Thái Bách, tông chỉ ngồi Thiền tức là y tướng phan duyên. Nếu muốn ở lại đây thì tất cả sở học từ trước đến nay đều dứt sạch, chẳng còn lưu giữ trong tâm. Và Hòa-thượng hỏi Thiền sư Tịnh Tạng: Vậy có được chăng? Thiền sư Tịnh Tạng đáp: Được. Xin Hòa-thượng từ bi chỉ dạy cho khuôn phép của Hòa-thượng. Hòa-thượng quán sát thấy Thiền sư Tịnh Tạng có khả năng làm pháp khí, nên liền giảng pháp cho nghe: Một vật còn ở tâm, chẳng ra khỏi ba cõi, có pháp là tục đế, Không tánh Đệ nhất nghĩa, lìa tất cả các tướng, tức gọi là Chư Phật. Vô niệm tức vô tướng, hữu niệm tức luống dối, vô niệm vượt ba cõi, hữu chấp thì còn trong ba cõi, vô niệm thì không phải, vô niệm thì không quấy, vô niệm thì không tự, vô niệm là không tha, tự tha đều lìa, thành Phật Bồ-đề. Ngay lúc chánh niệm, vô niệm chẳng tự có. Nghe giảng pháp như vậy Thiền sư Tịnh Tạng vui mừng hớn hở, tự xin Hòa-thượng đổi pháp hiệu là Siêu Tạng, và thường theo hầu chẳng lìa Hòa-thượng.

Có Thiền sư Tri Nhất là đệ tử Thiền sư Giác chùa Khai Nguyên ở Lũng châu, người thời bấy giờ gọi là vị tăng chất trực, tìm đến chỗ Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Ông từ đâu đến? Thiền sư Tri Nhất đáp: Từ Lũng châu đến. Hòa-thượng hỏi: Ông đệ tử của ai? Thiền sư Tri Nhất đáp: Đệ tử Hòa-thượng Giác. Hòa-thượng hỏi: Hòa-thượng Giác là đệ tử ai? Thiền sư Tri Nhất đáp: Đệ tử của Hòa-thượng Lão Phước. Hòa-thượng hỏi: Ông hãy tự nói hành địa tự tu của ông xem? Thiền sư Tri Nhất liền trình bày bản sư chỉ dạy pháp Khán Tịnh. Hòa-thượng liền giảng nói cho nghe: Pháp không cấu tịnh, sao gọi là Khán Tịnh? Ở đây, tịnh do chẳng lập nhân sao lại có cấu? Khán tịnh tức là cấu, khán cấu tức là tịnh. Vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh, chấp ngã là

cấu, không chấp ngã là tịnh. Vô niệm tức là vô cấu, vô niệm tức là vô tịnh, vô niệm tức là không phải, vô niệm tức là không quấy, vô niệm tức là không tự, vô niệm tức là không tha. Tự tha đều lìa, thành Phật Bồ-đề. Chánh lúc tự, thì tự cũng chẳng có. Thiền sư Tri Nhất tỏ ngộ ngay lời giảng ấy, đối với giảng pháp lại chẳng đổi dời. Hòa-thượng thấy Thiền sư Tri Nhất chí tánh thuần hậu, có tâm trung hiếu, nên lại đổi hiệu là Siêu Nhiên. Thiền sư Tri Nhất (Siêu Nhiên) chẳng lìa Hòa-thượng, vui chăm làm việc.

Có Thiền Sư Trung Tín ở Đăng châu, xem đọc hiểu rành các thứ thi thư, thích tánh nho nhã, bỏ các nghề nghiệp tìm đến chỗ Hòa-thượng thưa rằng: Trung Tín tôi là kẻ ở nơi góc biển, xa đến xin theo Hòa-thượng. Nói xong bèn đảnh lễ. Hòa-thượng bảo: Đạo không xa gần, sao nói là xa gần? Trung Tín bạch Hòa-thượng: Sanh tử là việc lớn, nghe Hòa-thượng là bậc Đại từ bi, nên đến xin nương, chẳng vì ăn mặc, cúi xin Hòa-thượng soi xét. Hòa-thượng hỏi: Học sĩ lắm đủ tư lự, nếu muốn xả bỏ được thì mặc tình ở đây. Trung Tín đáp: Xin sớm được nghe đạo, tối chết cũng vui lòng. Thân mạng chẳng tiếc, huống chi là văn tự. Hòa-thượng liền giảng pháp cho nghe: Tôn giả Đại Giác Tôn, nói pháp sanh vô niệm, vô niệm không tâm sanh, tâm thường sanh chẳng diệt, tự tại trong mọi lúc, chớ đuổi theo chớ chuyển, chẳng nổi chẳng chìm, không đi không dừng, chẳng động chẳng lay, chẳng hại chẳng đi, sống lao nhao, đi ngồi đều là Thiền. Thiền Sư Trung Tín nghe giảng pháp, sững sờ không lay động, Hòa-thượng thấy vậy liền giải ngộ pháp Đại thừa, đổi tên là Siêu Tịch, ở trong núi thường ẩn mật, ban đêm thì ngồi Thiền chẳng để cho người biết, ban ngày thì trở lại chỗ cũ.

Có Pháp sư Pháp Luân hiểu kinh Niết-bàn chương sớ, thông minh học rộng coi chung quanh như không có người, tự cho mình là bậc nhất, nên đến sơn môn muốn vấn nạn Hòa-thượng. Từ xa thấy Hòa-thượng oai thân kỳ đặc, chẳng đồng như chư tăng, Pháp sư Pháp Luân liền đến trước mặt đảnh lễ thăm hỏi. Hòa-thượng xa thấy biết là Pháp sư, liền bảo ngồi, sau đó, Hòa-thượng hỏi: Pháp sư hiểu kinh luận gì? Pháp Luân đáp: Hiểu kinh Niết-bàn. Hòa-thượng hỏi: Thế nào là hiểu kinh Niết-bàn? Pháp Luân liền nêu dẫn các chương sớ. Hòa-thượng bảo: Chẳng phải kinh Niết-bàn, đó đều là lời nói, lời nói là gốc của ba cõi, chân thật diệt nhân khổ. Lời nói là đổi khác, chân thật lìa văn tự. Bồ-tát Cao Quý Đức Vương hỏi: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là Đại bát Niết-bàn? Phật dạy: Hết các động niệm, tâm tư tưởng dứt, pháp tướng như vậy, gọi là Đại bát Niết-bàn. Vậy vì sao cho lời nói vọng tưởng là

Niết-bàn? Nếu nói như vậy tức là chẳng giải, sao gọi là giải Niết-bàn? Pháp Luân nghe giảng nói, không lời lẽ nào dám đối đáp. Hòa-thượng bảo: Hữu pháp là tục đế, Vô tánh là nghĩa bậc nhất, ngôn giải tức là trói buộc, thông minh là ma bày ra. Vô niệm là không trói, vô niệm không buộc, vô niệm là Niết-bàn, hữu niệm là sanh tử, vô niệm tức là thông minh, hữu niệm là ám độn. Vô niệm là không kia, vô niệm là không đây, vô niệm là  không Phật, vô niệm là không chúng sanh, Bát-nhã; là trí Đại bi, không Phật không chúng sanh. Không có Phật Niết-bàn, cũng không Niết-bàn Phật. Nếu rõ điều này mà giảng giải, tức là chân thật giảng giải. Nếu chẳng phải như vậy, là phàm phu chấp tướng. Pháp sư Pháp Luân nghe nói như vậy,bèn cúi đầu xin quy y, thưa rằng: Đệ tử truyền mê lâu ngày, ngày nay được gặp Hòa-thượng, mắt tối sáng lại, cúi xin Hòa-thượng từ bi thâu nhận.

Có anh em hai vị tăng trú tại chùa Thiền Lâm ở Tuy châu đều thọ trì kinh Pháp Hoa, người thời bấy giờ gọi là Sử Pháp Hoa. Người anh pháp danh là Nhất Hạnh, người em là Tuệ Minh tim đến xin nương tựa Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Từ đâu đến? ngày trước đã học giáo pháp gì? Sư Tuệ Minh đáp: Từ Tuy châu đến, chuyên thọ trì kinh Pháp Hoa mỗi ngày ba biến. Hòa-thượng hỏi: Trong phẩm An lạc hạnh nói: Tất cả các pháp là không, không thật có, không có thường trú, cũng không khởi diệt, đó gọi là nơi gần gũi của người trí. Tuệ Minh v.v... nghe nói xong, thưa rằng: Đệ tử mê mờ chìm đắm, chỉ biết y theo văn kinh mà tụng tập, chưa hiểu biết nghĩa lý, cúi xin Hòa-thượng dẫn dắt kẻ mê mù. Hòa-thượng liền giảng pháp cho nghe: Các pháp tướng vắng lặng, không thể dùng ngôn ngữ giảng nói. Pháp ấy chẳng thể bày, tướng lời lẽ vắng lặng, lìa tướng diệt tướng, tướng thường vắng lặng, hoàn toàn kết quy về không. Người thường khéo đối với vắng lặng mà thực hành, một niệm của hằng sa Chư Phật ẩn tàng thảy đều rõ biết. Nếu muốn ở trong núi, thì bỏ hẳn việc tụng tập, thường nhàn rỗi chẳng chấp mọi việc, có được chăng? Anh em Tuệ Minh v.v... biết việc tụng tập chẳng phải là rốt ráo, nên xin nương theo Hòa-thượng, Hòa-thượng lại giảng cho nghe: Vô niệm là không sanh, vô niệm là không tử, vô niệm là không xa, vô niệm là không gần, vô niệm là Sử Pháp Hoa, hữu niệm là Pháp Hoa sử, vô niệm tức là chuyển Pháp Hoa, hữu niệm là Pháp Hoa chuyển. Ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Tuệ Minh v.v... nghe xong, tâm ý thư thái, bèn ở trong núi, thường vui làm việc.

Có phu nhân và người con gái của Mộ Dung trưởng sứ ở Khánh châu, chí ý mong cầu pháp Đại thừa, cả nhà mọi người lớn nhỏ đều

thuận theo, đến đảnh lễ Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi phu nhân: Từ đâu đến? phu nhân đáp: Đệ tử xa nghe Hòa-thượng có tâm Đại từ bi, nên đến kính lễ. Hòa-thượng liền giảng nói các thứ pháp yếu. Người con gái ấy nghe giảng, quỳ thẳng chắp tay bạch Hòa-thượng: Đệ tử là người có ba chướng năm nạn, thân chẳng tự tại, nên nay đến xin nương tựa Hòa-thượng, định muốn cắt đứt dòng sanh tử, cúi xin Hòa-thượng chỉ bày cho pháp yếu. Hòa-thượng bảo: Nếu được như vậy tức là đại trượng phu, đâu gọi là nữ? Và Hòa-thượng lại giảng pháp yếu cho nghe: Vô niệm tức là không phải nam, vô niệm tức là không phải nữ, vô niệm là không chướng, vô niệm là không ngại, vô niệm là không sanh, vô niệm là không tử. Ngay lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng tự có, tức là cắt đứt dòng sanh tử. Người con gái ấy nghe giảng pháp, mắt chăm nhìn không nháy động, chẳng rời khỏi chỗ chừng khoảng bữa ăn. Hòa-thượng biết cô gái ấy có tâm quyết định, bèn ban cho pháp hiệu là Thường Tinh Tấn, và người mẹ (phu nhân) hiệu là Chánh Biến Tri, cạo tóc tu hành, dẫn đầu ni chúng. Về sau dẫn dắt người em là cháu gái của Tô Tể tướng, thông minh trí tuệ học rộng nghe nhiều, nếu có ai hỏi, không gì chẳng đáp, đến đảnh lễ Hòa-thượng. Hòa-thượng thấy có cương cốt chí tháo, liền giảng pháp cho nghe: Pháp ấy chẳng phải nhân chẳng phải duyên, chẳng phải không chẳng phải chẳng không, phải quấy đều lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp, pháp qua mắt tai mũi thân tâm, pháp lìa tất cả quán hạnh. Vô niệm là không hạnh, vô niệm là không quán, vô niệm là không thân, vô niệm là không tâm, vô niệm là không quý, vô niệm là không hèn, vô niệm là không cao, vô niệm là không thấp. Ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Cô gái ấy nghe giảng pháp, chấp tay thưa bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử là người nữ, tội chướng sâu nặng, ngày nay được nghe pháp rồi, cấu chướng đều dứt trừ. Thưa xong, buồn khóc rơi lệ, bèn xin ban cho pháp hiệu Liễu Kiến Tánh. Được ban pháp hiệu rồi, tự cạo tóc đắp mặc pháp y, cũng cùng dẫn đầu trong Ni chúng.

Hòa-thượng bảo: Ai là người báo ân Phật? Người nương pháp tu hành. Ai là người tiêu cúng dường? Người không bị việc thế tục lôi kéo. Ai người xứng đáng cúng dường? Người đối với pháp không chấp trước. Nếu tu hành được như vậy, tự có bếp trời cúng dường. Hòa-thượng nhìn các đệ tử và bảo: Nhiếp mình theo kẻ khác, muôn việc thảy đều hòa. Nhiếp kẻ khác theo mình, muôn việc đua nhau khởi. Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Một niệm lông xoay quán tự tại,*
*Chớ cùng đồng học tranh đạo lý,*

*Thấy cảnh tức là bậc trượng phu,*
*Chẳng rõ tức đồng loại suc sanh,*
*Chỉ tu hạnh của chính mình,*
*Chớ thấy điều tà chánh của người khác,*
*Miệng ý chẳng lường người khác,*
*Ba nghiệp tự nhiên sạch.*
*Muốn thấy cõi Phật tâm,*
*Khắp kính tánh chân như.*
*Gã thiện nam đối với tâm buồn tiếc hết,*
*Tức tâm đạo nhãn mở sáng rõ như ban ngày.*
*Nếu có lòng xoay hẹn tiếc tâm,*
*Đạo nhãn ấy liền bị che chướng.*
*Đó là hầm lớn đen tối,*
*Không thể rõ, rõ thật biết khó ra.*

Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Nay ta ý huống dần tốt,*
*Đi đứng nằm ngồi đều rõ.*
*Lúc nhìn không có vật để nhìn,*
*Rốt cùng không có lời để nói.*
*Chỉ được ý nghĩa trong đây,*
*Giải cao gối gỗ đến sáng.*

Chỗ Hòa-thượng dẫn đều là các kinh liễu nghĩa, pháp môn chỉ thẳng tâm địa, đều phá trừ lời nói. Điều Hòa-thượng giảng nói, thật chẳng thể giảng nói. Hòa-thượng bảo: Nay mong mọi người đồng học, chỉ y cứ nghĩa mà tu hành, chớ chấp trước lời nói. Nếu chấp trước lời nói thì tự mất phần tu hành. Trong kinh Kim Cang nói: Nếu chấp tướng pháp tức chấp trước ngã, nhân, chúng sanh. Nếu chấp tướng phi pháp tức chấp trước ngã, nhân, chúng sanh. Cho nên, không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Vì lý do đó, nên Đức Như lai thường dạy: Các Tỳ-kheo nên biết, pháp ta giảng nói như thí dụ chiếc bè, pháp còn đáng bỏ, huống chi là phi pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như người nghèo khổ, suốt ngày đếm vật báu cho người mà mình không có đồng nào. Người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nghiều cũng như vậy. Thí như với người điếc mà trổi âm nhạc. Kẻ ấy nghe mà chẳng nghe, người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng giống như vậy. Thí như với người mù mà bày các hiện tượng, kẻ ấy thấy chẳng tự thấy, người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng vậy. Thí như với kẻ đói mà bày cơm thức ăn, kẻ ấy no vì bụng đói, người đối với pháp

mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng như vậy. Thí như người lái thuyền biển, vượt được đến bờ kia, kẻ ấy đi tự chẳng đi, người đối với pháp mà chẳng tu hành, nghe nhiều cũng giống như vậy. Trong kinh Pháp Cú nói: Người nói ăn, chẳng bao giờ no. Trong kinh Phật Đảnh chép: A-nan giỏi ghi nhớ, nhưng chẳng khỏi rơi vào tà kiến. Tư giác sanh ra tư duy, thân tâm chẳng sánh bằng. Trải qua nhiều kiếp nghe nhiều chẳng bằng một ngày tu pháp Vô lậu. Trong kinh Phương Quảng chép: Một niệm nhiễu loạn Thiền định, như giết chết ất cả chúng sanh khắp trong thế giới Tam thiên. Một niệm an trú trong Thiền định, như nuôi sống tất cả chúng sanh khắp trong thế giới Tam thiên. Trong kinh Duy Ma nói: Tâm chẳng trú trong, cũng chẳng ở ngoài, đó là an tọa. Nếu người được như vậy, Phật liền ấn khả cho. Không dùng tâm sanh diệt nói pháp thật tướng, pháp hơn mắt tai mũi lưỡi thân tâm, pháp lìa tất cả quán hạnh. Pháp tướng như vậy, đâu có thể nói? Cho nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ngợi khen Duy-ma-cật, không có lời nói, là thật vào pháp môn Không hai. Hòa-thượng nói pháp vô niệm. Pháp vốn chẳng thật có. Hòa-thượng lại bảo: Với tri kiến dựng lập hay biết, tức là nguồn gốc của vô minh tri kiến không chấp thì đó tức Niết-bàn vô lậu chân tịnh. Lại phá bệnh tri, tri hành cũng vắng lặng, đó tức là đạo Bồ-đề. Lại phá bệnh trí, trí cầu nơi trí chẳng thật, trí cũng chẳng thật. Đã không thật có tức là Bồ-đề-tát-đỏa. Hòa-thượng lại bảo: Bồ-đề viên mãn kết quy về không thật có, không có chút pháp để được. Đó gọi là A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại phá gốc bệnh, thế nào là gốc? Tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, xưa nay viên mãn, có gốc thì có lợi, vì có lợi nên tâm có nhặt gom, thức gia được tiện thì luân hồi sanh tử. Gốc lìa, lìa kia, tức không nương tựa, ta và người đều lợi, thành Phật Bồ-đề, Phật không căn cảnh tướng, không thấy gọi là thấy Phật, đến rốt cùng giữa hư không, nung đốt tạo lập. Lại phá bệnh tịnh, bệnh Niết-bàn, bệnh tự nhiên, bệnh giác, bệnh quán, bệnh Thiền, bệnh pháp. Nếu người an trụ vào đó, tức là bị bệnh trú. Pháp chẳng nhơ chẳng sạch, cũng không Phật Niết-bàn, pháp lìa quán hạnh, siêu nhiên bày đất ngồi, thức ấm bát Niết-bàn, xa lìa giác và sở giác, chẳng vào Tam-muội, chẳng trụ ngồi Thiền, tâm không được mất. Lại phá bệnh nhất, nhất cũng chẳng làm nhất, làm nhất phá các số. Một căn đã trở về nguồn, sáu căn thành giải thoát. Gom tâm vào một nơi, không việc gì chẳng xong. Sum-la và muôn tượng, chỗ ẩn của một pháp. Một vốn chẳng khởi, ba dụng không thiết bày. Tâm đó chẳng tính toán, là có năng lực đại quán. Các ông phải lìa chúng của chính mình và chúng khác. Chính mình tức là

tự tánh, chúng khác là vọng niệm. Vọng niệm chẳng sanh tức là tự tha đều lìa, thành Phật Bồ-đề. Hòa-thượng có nói: Có duyên thì ngàn dặm cũng gặp, không duyên đối mặt với người cũng chẳng biết nhau, chỉ lúc nhận biết tức là thấy Phật. đó là các kinh Liễu nghĩa. Hòa-thượng ngồi xuống. Bình thường dạy răn cho những người học đạo, sợ họ chấp trước lời nói, nên Hòa-thượng thường dẫn loài cua ở ruộng lúa để hỏi. Mọi người chẳng hiểu, Hòa-thượng lại dẫn thơ của Vương Phạm Chí:

*Tuệ nhãn gần tâm không,*
*Chẳng mở lỗ đầu lâu,*
*Đối mặt nói không biết,*
*Nhiều vậy mẹ họ Đổng.*

Có vài người già bạch với Hòa-thượng: Đệ tử đều có vợ con trai gái quyến thuộc, nên xếp đặt xong đến xin nương theo Hòa-thượng học đạo. Hòa-thượng hỏi: Đạo không hình đoạn để tu, pháp không hình đoạn để chứng, chỉ nên không nhàn chẳng nhớ chẳng niệm, trong tất cả mọi lúc đều là Đạo. Và hỏi các người già ấy có được chăng? Các người già ấy im lặng không trả lời, vì chưa hiểu. Hòa-thượng lại nói bài kệ rằng:

*Vợ là gông bít tai,*
*Gái trai chốt lan đan,*
*Ông là tớ mất giá,*
*Đến già không được chạy.*

Lại có các sư tăng ở Nhật Nam muốn đến Đài sơn nên lễ bái giã từ Hòa-thượng để đi. Hòa-thượng hỏi: Các Đại đức đi đến đâu? Có vị tăng đáp: Đến đảnh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Hòa-thượng bảo: Các Đại đức, Phật ở tại thân tâm, Văn-thù không xa, vọng niệm chẳng sanh tức là thấy Phật, đâu phải nhọc khổ đi xa. Các sư tăng cứ vẫn muốn đi, Hòa-thượng lại nói cho bài kệ rằng:

*Kẻ mê sóng gợn gợn,*
*Đến núi lạy sườn đất,*
*Văn-thù chỉ chẳng có,*
*Trái Phật tìm Di-đà.*

Xong Hòa-thượng hớp một ngụm trà. Lúc đó có Mạc phủ lang quan thị khanh tất cả ba mươi người đến lễ bái xong, ngồi yên định, hỏi Hòa-thượng: Có thích trà không? Hòa-thượng đáp: Thích. Và bèn nói kệ về trà rằng:

*Cốc sâu mọc cỏ linh,*
*Khá làm mối vào đạo,*

*Tiều phu ngắt lá ấy,*
*Mùi vị rót vào chén,*
*Rỗng rang lắng hư thức,*
*Tâm sáng chiếu hội đài,*
*Chẳng nhọc hơi sức người,*
*Thẳng vút mở pháp môn.*

Các Lang quan do đó hỏi Hòa-thượng: Vì sao không dạy người tụng kinh niệm Phật lễ bái, đệ tử không hiểu? Hòa-thượng đáp: Tự chứng Niết-bàn rốt ráo, cũng dạy người như vậy, chẳng đem giáo điển bất liễu nghĩa của Đức Như lai, tự mình giải rồi khai ngộ cho người mới học, tức là người thẳng đến được Tam-muội. Hòa-thượng giảng xong, nghiễm nhiên không lay động, các Lang quan thị khanh đều ngợi khen là chưa từng có. Do đó tiếp hỏi Hòa-thượng: Vì sao chẳng dạy pháp sưn tướng? Hòa-thượng đáp: Diệu lý Đại thừa rất chí lý rỗng thoáng. Chúng sanh Hữu vi chẳng thể vào yếu chỉ kinh giáo. Bản tánh chúng sanh thấy tánh thì thành Phật đạo. Nếu chấp tướng thì đắm chìm. Tâm sanh thì các loại pháp sanh, tâm diệt tức các pháp diệt. Tụng kinh lễ bái đều là khởi tâm, khởi tâm tức sanh tử, chẳng khởi tức là thấy Phật. Lại hỏi Hòa-thượng: Dạy người như vậy có được chăng? Hòa-thượng đáp: Được. Khởi tâm tức là trần lao, động niệm tức là lưới ma. Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương mốc điện chớp, nên quán sát như vậy. Các quan nghe giảng pháp rồi, lưới nghi dứt trừ, đều xin làm đệ tử.

Lại có mấy mươi vị Đạo sĩ, mấy mươi vị Sơn nhân, Pháp sư, Luật sư cũng có hai mươi vị, đều là những bậc lãnh tụ ở Nhật Nam. Hòa-thượng hỏi các Đạo sĩ: Đạo mà nói được là đạo chẳng thường, danh có thể gọi là danh khác thường. Có phải đó là do Lão Quân nói chăng? Các Đạo sĩ đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng hỏi: Tôn sư hiểu nghĩa ấy chăng? Các Đạo sĩ im lặng không đáp. Hòa-thượng lại hỏi: Vì học gọi là ích, vì đạo gọi là tổn. Tổn đó lại đã tổn rồi. Còn như vô vi, vô vi nhưng không gì chẳng vi. Hòa-thượng lại hỏi: Trang Tử nói: Người nuôi sống chẳng sống, người giết sống chẳng chết. Các đạo sĩ đều không dám trả lời. Hòa-thượng bảo: Đạo sĩ thời nay chẳng có một người học theo đúng Quân Lão, chỉ học phỉ báng Phật. Các Đạo sĩ nghe xong, tái mặt chắp tay.

Hòa-thượng lại hỏi các Sơn nhân: Phu Tử nói Dịch có phải chăng? Các Sơn nhân đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng lại hỏi: Phu Tử nói Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín phải chăng? Các Sơn nhân đáp: Đúng vậy. Hòa-thượng

lại hỏi: Dịch là gì? Các Sơn nhân đều không trả lời được. Hòa-thượng bèn vì giảng nói về Dịch, mà hỏi: Vô tư, vô vi, vắng lặng bất động, cảm mà bèn thông, nghĩa ấy như thế nào? Các Sơn nhân đều không dám trả lời. Hòa-thượng lại bảo: Dịch, không thay không đổi, là bản tánh của chúng sanh. Vô tư, vô vi, vắng lặng bất động là bản tánh của chúng sanh. Nếu chẳng thay chẳng đổi, chẳng tư chẳng tướng tức là Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người Học ngày nay chẳng thấy bản tánh, không nhận biết chủ khách, gượng nhận tiền trần lấy làm học vấn, rất là sai lầm. Phu Tử nói: Vô tư, vô vi rất rõ ràng. Có Sơn nhân hỏi Hòa-thượng: Cảm liền thông, nghĩa ấy thế nào? Hòa-thượng đáp: Với Phạm Thiên, chẳng mong cầu mà Phạm Thiên tự đến. Với quả báo, chẳng mong cầu mà quả báo tự đến. Phiền não đã hết, tập khí cũng dứt. Phạm thiên, Đế-thích, Trời, Rồng đều đến cúng dường cung kính. Do đó, Đức Như lai vào thành khất thực, tất cả cây cỏ đều cúi đầu, tất cả núi sông đều hướng về Phật, huống chi là chúng sanh, đó là do cảm mà thông. Các Sơn nhân đồng một lúc đều lễ bái Hòa-thượng, và xin làm đệ tử.

Hòa-thượng lại hỏi các Đạo sĩ: Được trên chẳng mất được, do đó có được. Được dưới vì chẳng mất được, do đó không được. Nghĩa ấy thế nào? Các Đạo sĩ thưa: Xin Hòa-thượng giảng nói cho. Hòa-thượng bảo: Người được trên không có tâm chỗ được. Vì không chỗ được tức là Bồ-đề-tát-đỏa. Không có chút pháp để được thì gọi là A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, tức là nghĩa của được ở trên. Được dưới không mất được, do đó không được. Người được dưới vì có chỗ mong cầu. Vì nếu có chỗ mong cầu thì có phiền não. Tâm phiền não tức là mất được. Đó là nghĩa mất được. Hòa-thượng lại bảo: Vì học gọi là ích, vì đạo gọi là tổn, nếu có tâm học, chỉ ghét trần lao sanh tử, đó là chẳng ích. Vì đạo gọi là Tổn. Tổn đó đã có, còn như vô vi nhưng không gì chẳng vi. Đại là bản tánh, chí đạo dứt bặt lời nói. Vọng niệm chẳng sanh tức là ích. Lúc quán thấy tâm vương, tất cả đều xả ly, tức là có ích. Cho đến cả vô vi, lúc tánh rỗng không vắng lặng, là lúc thấy pháp ấy. Vô vi nhưng không gì chẳng vi, tức là chẳng trú vô vi, tu hành không khởi, chẳng lấy không khởi làm chứng tu hành ở không, chẳng lấy không làm chứng, tức là nghĩa không gì chẳng vi. Lại nữa, Trang Tử nói: Người nuôi sống chẳng sống. Vọng niệm chẳng khởi tức là chẳng sống. Người giết sống chẳng chết, nghĩa chẳng chết tức là không sanh. Lại nói: Đạo có thể nó là đạo chẳng thường, tức là bản tánh chúng sanh, lời nói chẳng đến được, tức là đạo chẳng thường, Danh mà gọi được là danh khác thường, cũng là bản tánh của chúng sanh, chỉ có lời nói, đều không thật nghĩa, chỉ có

danh, chỉ có tự. Pháp không thể nói, tức là danh khác thường. Các đạo sĩ nghe nói rồi, chắp tay thưa Hòa-thượng: Nếu theo điều giảng nói này tức là Phật và Đạo không hai. Hòa-thượng bảo: Không phải. Trang Tử, Lão Tử đều nói vô vi vô tướng, nói nhất nói tự nhiên. Phật thì không như vậy, đây nói nhân duyên, tự nhiên đều là hý luận. Tất cả Hiền thánh đều vì pháp vô vi mà có khác nhau. Phật tức chẳng trú vô vi, chẳng trú vô tướng, chẳng thấy ở Đại thừa. Người Nhị thừa say rượu Tam-muội, phàm phu say rượu vô minh. Hạng người Thanh văn trú tận trí, hạng người Duyên giác trú trí tịch tịnh, còn trí tuệ Như lai sanh khởi không cùng tận. Điều nói của Trang Tử, Phu Tử, chỉ cùng đồng hạng người Thanh văn v.v..., Phật quở trách hạng người Thanh văn như đui như điếc. Các hàng Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán v.v... đều là các bậc Thánh tâm còn mê hoặc. Phật chẳng nằm trong số chúng, vượt quá tất cả. Pháp không nhơ sạch, pháp không hình tướng, pháp không động loạn, pháp không nơi chốn, pháp không lấy bỏ. Do đó vượt quá Khổng, Trang, Lão Tử. Phật thường ở thế gian mà chẳng nhiễm pháp thế gian, chẳng phân biệt thế gian nên kính lễ Vô sở quán. Điều Khổng Lão nói phần nhiều có chấp trước, tất cả đều là cảnh giới của Thanh văn Nhị thừa. Các đạo sĩ kính lễ đều xin làm đệ tử Hòa-thượng và im lặng tin nhận lắng nghe giảng pháp.

Hòa-thượng lại hỏi các Pháp sư: Thế nào là Phật bảo? Thế nào là Pháp bảo? Thế nào là Tăng bảo? Pháp sư im lặng không đáp. Hòa-thượng giảng: Biết pháp tức là Phật bảo, lìa tướng tức là Pháp bảo, vô vi tức là Tăng bảo. Lại hỏi các Pháp sư: Pháp không lời nói, sao gọi là nói pháp? Người nói pháp không giảng nói không nêu bày, người nghe pháp không nghe không đắc. Không có pháp để nói gọi là nói pháp. Thường biết Đức Như lai chẳng giảng nói pháp đó gọi là nghe nhiều đầy đủ. Pháp sư nói pháp như thế nào? Có Pháp sư đáp: Bát-nhã có ba thứ: một là Bát-nhã văn tự; hai là Bát-nhã thật tướng; ba là Bát-nhã quán chiếu. Hòa-thượng bảo: Tất cả văn tự đều không thật; không chỗ tựa nương, đều đồng một vắng lặng, xưa nay không chỗ động. Ngã và pháp không thật không hư. Pháp lìa tất cả quán hạnh. Các Pháp sư trố mắt nhìn nhau, không có lời nào để đối đáp.

Hòa-thượng lại hỏi các Luật sư: Thế nào là giới luật? Thế nào là quyết định tỳ-ni? Thế nào là rốt ráo tỳ-ni? Giới lấy gì làm thể, luật lấy gì làm nghĩa. Các Luật sư đều không dám trả lời. Hòa-thượng lại hỏi các Luật sư: Có biết chủ và khách chăng? Có vị Luật sư thưa: Xin Hòa-thượng giảng nói nghĩa chủ và khách. Hòa-thượng bảo: Đi và đến

là khách, chẳng đến chẳng đi là chủ. Tướng niệm không sanh tức ẩn mất chủ và khách, tức là thấy tánh. Ngàn muôn tư lự chẳng ích lợi đạo lý, nhọc làm loạn động, mất gốc tâm vương. Nếu không tư lự, thì không sanh diệt. Luận nghĩa là điều phục. Giới chẳng phải xanhvàng đỏ trắng, chẳng phải sắc chẳng phải tâm là giới thể. Giới là gốc của chúng sanh. Chúng sanh xưa nay viên mãn, xưa nay thanh tịnh, lúc vọng niệm sanh thì xoay lưng với tuệ giác, hợp với trần lao tức là giới luật không đầy đủ. Lúc niệm không sanh tức là rốt ráo tỳ-ni, lúc niệm không sanh tức là quyết định tỳ-ni. Lúc niệm không sanh tức là phá hoại tất cả tâm thức. Nếu thấy trì giới tức là rất phá giới. Giới và chẳng phải giới thứ hai ấy là một tướng. Nếu biết được như vậy tức là Đại đạo sư, thấy Tỳ-kheo phạm tội nặng chẳng đọa vào địa ngục, thấy hành giả thanh tịnh chẳng vào cảnh Niết-bàn, nếu trú vào cái thấy như vậy tức là thấy bình đẳng. Luật sư thời nay nói xúc, nói tịnh, nói trì, nói phạm, làm tướng thọ giới, làm tướng oai nghi, cho đến ăn uống thảy đều làm tướng, nếu làm tướng thì đồng với các ngoại đạo năm thông. Nếu không làm tướng tức là vô vi, chẳng nên có thấy. Vọng tướng là nhơ, không vọng là tịnh, chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Trì phạm chỉ là buộc trói thân, chẳng phải thân không bị buộc trói, chẳng phải không khắp cùng tất cả, làm sao được viên thông? Nếu nói các trì giới, không thiện không oai nghi, giới tướng như hư không, người trì vì mê đảo, tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt. Tâm ấy như vậy, tội cấu cũng vậy, các pháp cũng vậy. Luật sư thời nay chỉ vì tiếng tăm lợi dưỡng, như mèo rình chuột, bước nhẹ từ từ đi, thấy phải thấy quấy, tự xưng là giới hạnh, đó đều là phá diệt Phật pháp, chẳng phải hạnh Sa-môn. Trong kinh Lăng-già nói: Ở đời sau người mặc áo ca-sa, tự vọng nói có và không, phá hoại Chánh pháp của ta. Đời sau ở trong giáo pháp ta làm người xuất gia vọng giảng nói tỳ-ni, phá hoại nhiễu loạn Chánh pháp. Thà phá hủy thi-la (giới) chớ phá hoại Chánh kiến, trì giới sanh lên cõi trời, tăng thêm các ràng buộc, Chánh kiến đắc Niết-bàn. Các Luật sư nghe giảng, kinh sợ tái mặt, lo sợ không an. Hòa-thượng lại nói: Lìa tướng, diệt tướng, tướng thường vắng lặng đều kết quy về không, thường khéo vào hạnh vắng lặng, Chư Phật như Hằng sa ẩn tàng một niệm thảy đều rõ biết. Phật chỉ cho pháp năm năm học giới luật, sau năm năm rời thầy Tiểu thừa, tìm thầy Đại thừa, học pháp vô nhân ngã, nếu chẳng như vậy, Phật rất quở trách. Các Luật sư nghe xong, lưới nghi chóng xé toang, bạch Hòa-thượng rằng: Đệ tử truyền mê lâu ngày, giới luật đều xả bỏ, cúi xin Hòa-thượng từ

bi chấp thuận! Và cùng lúc đảnh lễ, rơi lệ than khóc. Hòa-thượng bảo: Không nhớ, không niệm, tất cả pháp đều không nhớ, pháp Phật cũng không nhớ, pháp thế gian cũng không nhớ, chỉ nhàn không. Như vậy có được chăng? Các Luật sư đáp: Được. Hòa-thượng lại bảo: Thật như lúc được, tức là luật sư chân thật, tức là thấy tánh, ngay lúc thấy, thấy còn lìa thấy, thấy chẳng thể bằng tức là thấy Phật. ngay lúc thấy, thấy cũng chẳng tự có. Hòa-thượng lại giảng: Khởi tâm tức là trần lao, động niệm tức là lưới ma, chỉ nhàn không, chẳng nổi chẳng chìm, chẳng xoay chẳng chuyển, sống lao nhao trong tất cả mọi lúc thảy đều là Thiền. Các Luật sư nghe rồi mừng vui hớn hở, sau đó, im lặng ngồi nghe.

Hòa-thượng lại hỏi các Luận sư: Các luận sư trước đã học vấn gì? Có vị Luận sư đáp: Giải trăm pháp. Hòa-thượng bảo: Giải một trăm pháp là một trăm cái tính lường, tất cả chẳng giải là không tính lường, không tính lường tức là vô niệm. Vô niệm tức là không nhận chịu, vô niệm tức là không tự, vô niệm tức là không tha. Vì chúng sanh hữu niệm, nên giả nói vô niệm. Ngay lúc vô niệm, niệm cũng chẳng thật có. Hòa-thượng lại hỏi các Luận sư: Lại còn hiểu kinh luận gì? Luận sư đáp: Giải luận Khởi tín. Hòa-thượng bảo: Khởi thì không tin tin thì không khởi. Hòa-thượng lại hỏi: Luận sư lấy gì làm tông? Luận sư không trả lời được. Hòa-thượng bảo: Lấy dẹp tà hiển chánh làm tông, trong luận nói: Lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, lìa tướng niệm. Ngang bằng hư không, cùng khắp pháp giới, không đâu chẳng khắp. Như nay Luận sư chỉ giải, miệng bàn nói phương thuốc, không biết chủ khách, dùng tâm trôi lăn sanh tử để hiểu thích kinh luận, rất là sai lầm. Trong luận nói: Lìa lời nói tức chấp trước lời nói, lìa danh tự tức chấp trước danh tự, chỉ diễn giải ăn bánh nướng không biết táo trắng. Trong kinh Lăng-già nói: Cho đến có tâm chuyển, đó tức là hý luận, người không khởi phân biệt là người thấy tự tâm, dùng không tâm ý không thọ hành, mà bẻ dẹp hết các ngoại đạo, thấu đạt tướng các pháp không hề chướng ngại, cúi đầu lễ Như không Vô Sở y. Các Luận sư nghe nói xong, chấp tay đảnh lễ Hòa-thượng.

Lại có các Thiền sư Đạo U, Pháp sư Mân, Luật sư Quan pháp danh Tự Viễn đến hỏi Hòa-thượng: Trong Thiền Kinh nói: Tham đắm Thiền vị là Bồ-tát trói buộc, nghĩa ấy thế nào? Hòa-thượng đáp: Pháp sư chấp tướng, trước tướng là chúng sanh trói buộc. Lại hỏi: Trong kinh nói: Người độn căn trí cạn, trước tướng kiêu mạn, những loại như vậy, làm sao độ được ? Hòa-thượng đáp: Trong kinh nói: Lìa tướng, diệt tướng, tướng thường vắng lặng. Các Pháp sư, luật sư thảy đều trái lời

Phật dạy, chấp tướng, trước tướng, vọng nhận tiền trần lấy làm học vấn, như chó đuổi theo cục đất, cục đất liền tăng nhiều, Vô Trú tôi đây không như vậy, như sư tử buông cục đất mà theo người, cục đất liền tự dứt mất, tướng niệm náo động, phá hoại gốc lành, tánh ngộ an Thiền, tức trí vô lậu. Nếu tìm cầu theo tướng ngoài thì dù trải qua số kiếp như cát bụi cũng không bao giờ thể đắc. Còn với nội giác quán, chỉ trong sát-na, bèn thành A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề.

Khi ấy lại có Thiền sư Quảng Khánh, Thiền sư Ngộ U, Thiền sư Đạo Yến, Thiền sư Đại Trí đều là đệ tử Thiền sư Kiên Thành, đến dự dưới pháp tòa của Hòa-thượng. Hòa-thượng vừa uống trà, Thiền sư Ngộ U trông nhìn Hòa-thượng mà nói: Uống trà năm ba chén nhắm mắt ngồi, rất giống tráng sĩ ôm eo lưng người gầy, chợt khống khống khắp đất rộng đẹp. Hòa-thượng liền bảo Thiền sư Ngộ U: Chớ nói năng trống rỗng, trong niên hiệu Vĩnh Thuần chẳng ăn bùn bánh bao. Thiền sư Ngộ U nghe xong tái mặt. Hòa-thượng bảo: Ngày nay Sư này dùng tâm thế gian sanh diệt mà lường đạt Thiền, rất là ngu si. Khi ấy các bậc long tượng cùng giẫm xéo con lừa chẳng thể kham nổi. Hòa-thượng bảo Thiền sư Ngộ U rằng: Vô Trú tôi sẽ nói cho nghe một câu thoại: Có một người lên đứng trên gò cao, có vài người bạn cùng đi đường, xa thấy con vật gì nuôi giữ. Có người khác bảo là: Mất bạn. Lại có người bảo là tìm bóng gió mát. Cùng nhau tranh cãi không nhất định, bèn cùng đến chỗ người đứng trên gò cao, hỏi: Ông mất cái gì? Người ấy đáp: Chẳng mất gì cả. Lại hỏi: Ông mất bạn ư? Người ấy đáp: không phải mất bạn. Lại hỏi: Ông tìm bóng mát ư? Người ấy đáp: Không phải tìm bóng mát. Lại hỏi: Cái gì cũng không, vì sao lên đứng trên gò cao? Người ấy đáp: Chỉ đứng vậy thôi. Xong Hòa-thượng bảo Thiền sư Ngộ U rằng: Thiền của Vô Trú tôi không chìm không nổi, không dạt không dừng mà thật có dụng, dụng không sanh diệt, dụng không nhơ sạch, dụng không phải quấy, sống lao nhao trong tất cả mọi lúc đều là Thiền.

Lại có Pháp sư Hùng Tuấn hỏi Hòa-thượng rằng: Hòa-thượng có nhập định chăng? Hòa-thượng đáp: Định không xuất nhập. Lại hỏi: Thiền sư có nhập Tam-muội chăng? Hòa-thượng đáp: Chẳng nhập Tam-muội, chẳng trụ ngồi Thiền, tâm không được mất, trong tất cả mọi lúc thảy đều là Thiền.

Lại có Pháp sư Pháp Duyên ở Lũng châu, họ Tào, xa nghe tiếng tăm Hòa-thượng, nên dẫn mẹ cùng đến núi Bạch nhai kính lễ Hòa-thượng. Hòa-thượng hỏi: Ông giảng kinh luận gì? Pháp Duyên đáp: Giảng kinh Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật. Hòa-thượng hỏi: Dùng sở

luận của ai? Pháp Duyên đáp: Dùng luận của luận sư Vô Trước, Thế Thân, và sớ của luận sư Huy Đàn v.v.... Hòa-thượng hỏi: Trong kinh nói: Tất cả Chư Phật và A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề của Chư Phật A đều từ kinh này mà có ra. Vậy thế nào là kinh này? Hoàng Bá là kinh này ư? Giấy là kinh này ư? Pháp sư Pháp Duyên đáp: Thật tướng Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và Bát-nhã văn tự. Hòa-thượng bảo: Tất cả văn tự đều là không, chẳng chỗ y cứ, đều đồng một vắng lặng, xưa nay không hề động. Pháp lìa tất cả quán hạnh. Trong kính nói: Pháp ta không phải thật không phải hư. Nên nói có pháp để giảng nói tức là phỉ báng Phật. Pháp Duyên đáp: Y cứ chương sớ mà nói. Hòa-thượng bảo: Luận sớ của các luận sư Vô Trước, Thế Thân, Huy Đàn v.v..., sao như Phật nói? Pháp Duyên đáp: không như. Hòa-thượng bảo: Đã không như, vì sao chẳng y cứ lời Phật chỉ dạy? Trong kinh nói: Lìa tất cả tướng tức gọi là Chư Phật. Nếu dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh để cầu Ta, người ấy thực hành theo tà đạo, không thể thấy Như lai. Kinh này thì là tâm này, thấy tánh thành Phật đạo. Vô niệm thì thấy tánh, vô niệm không phiền não, vô niệm thì không tự, vô niệm thì không tha, vô niệm thì không Phật, vô niệm là không chúng sanh. Chánh ngay lúc vô niệm, vô niệm cũng chẳng thật có. Nghe xong, Pháp sư Pháp Duyên chấp tay, bạch Hòa-thượng: Pháp Duyên con rất may mắn được gặp Hòa-thượng, hiện có mẹ già theo gần gũi nương tựa, cúi xin Hòa-thượng cho phép. Bèn ở lại trong núi, chẳng rời xa Hòa-thượng. Hòa-thượng bảo: Bát-nhã ba-la-mật, không thấy người báo ân, không thấy người tạo ân, Vô Trú tôi thực hành vô duyên từ, hành vô nguyện từ, hành bất nhiệt từ, hành vô ân từ, cũng chẳng phải kia cũng chẳng phải đây, chẳng hành pháp thượng, trung và hạ, chẳng hành hữu vi, vô vi, thật chẳng có pháp thật, chẳng làm lợi ích, chẳng làm tổn hại, không phước lớn, không phước nhỏ, vì không chỗ thọ nhận và trao các thọ nhận, chưa đủ Phật pháp, cũng chẳng diệt thọ nhận. Nếu muốn sám hối thì ngồi thẳng quán niệm thật tướng, vô niệm tức là thật tướng, hữu niệm tức là luống dối, sám hối chú nguyện đều là luống dối. Hòa-thượng lại bảo: Ai là người báo ân Phật? Ai là người y theo pháp tu hành. Ai là người đáng thọ cúng dường? Người chẳng bị việc đời lôi kéo. Ai là người tiêu sự cúng dường? Người đối với pháp mà không chấp. Vô niệm là không lấy, vô niệm là không bỏ, vô niệm là không nhơ, vô niệm là không sạch, vô niệm là không trói, vô niệm là không buộc, vô niệm là không tự, vô niệm là không tha. Chánh ngay lúc vô niệm, vô niệm chẳng tự có. Vô niệm tức Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là chú Đại thần, là chú

đại minh, là chú Vô thượng, là chú Vô đẳng đẳng, có công năng dứt trừ tất cả khổ, là chân thật, không luống dối. Sao đàn-việt ấy nhổ trừ vọng tướng, tỏ ngộ thể vô sanh, cuốn dứt nhiều lớp mây mà tỏa sáng mặt trời, nghiệp chướng chóng dứt trừ, mở toang vọng tướng để định tâm, vắng lặng chẳng động, nhị đế đồng tỏa chiếu, tức là chân thật thấy Phật. Đàn-việt chỉ y theo pháp này, không khinh mạn tư tu, tuy có mở bít cách trở xa xăm vẫn thường thấy, chẳng khác. Nếu trái ngược lý này thì trôi dạt dính mắc nơi căn trần, tư lự đua nhau dấy khởi, tham nhiễm quá độ, thì dẫu thường đối mặt mà xa vượt, khó có thể dụ đó!.

Môn nhân trú tại chùa Đại Lịch Bảo Đường được Hòa-thượng truyền trao

Thiền môn Đại thừa đốn ngộ biên tả văn khen ngợi chân dung.

Sơn nhân Tôn Hoàn kể rằng: Đạo vốn không danh, người ngộ đạo mới biết được gốc ấy. Pháp vốn vô tướng, người thấu đạt pháp mới biết được nguồn ấy. Thấu đạt gốc tức là đạo, biết thể vi diệu của đạo có vô sanh, nhận biết được pháp tức là nguồn, thấy pháp tánh viên minh tự tại. Tại không chỗ tại, tại chẳng ngại đây kia. Sanh không chỗ sanh, sanh chẳng có ngằn mé của có không, nên Đức Phật Thích-ca giảng nói mười hai bộ loại phần pháp, tất cả rõ trong tâm, tức giảng nói không chỗ nói. Hòa-thượng (Vô Trú) chúng ta chỉ bày tám vạn trần tích, dạy thẳng thấy tánh, là chỉ bày không nói chỉ bày, cũng biết pháp lìa lời nói, pháp chẳng có lời nói thì chẳng rõ, pháp lìa thấy nghe, pháp chẳng có thấy nghe thì chẳng hiển bày. Do lời nói mà hiển bày nghĩa, chứng đắc nghĩa, quên lời nói. Cho nên biết thuận theo lời nói, thì lời nói hiển bày mà pháp mất, trái lại thấy nghe thì lời nói mất mà pháp hiển bày, không lời nói, vô ngã vô vi. Thể của vô vi là như như, lý của như như chẳng phải một, chẳng phải một, chẳng tự có, thật gọi là Bồ-đề, minh tâm thắng tịnh, khắp cùng pháp giới tức nơi Hòa-thượng chúng ta. Môn đó truyền pháp đó, chỉ bày nghĩa vô niệm, chẳng động chẳng tịnh. Giảng nói môn đốn ngộ, không nhớ không niệm. Hòa-thượng có bảo môn nhân rằng: Pháp tức như vậy, lời nói chẳng thấu kịp. Tổ sư Đạt-ma-đa-la tôi truyền pháp yếu này, chính cùng thọ nhận. Đó là bí môn của Chư Phật, là Bát-nhã ba-la-mật, cũng gọi là nghĩa bậc nhất, cũng gọi là môn không hai, cũng gọi là thấy tánh, cũng gọi là Chân như, cũng gọi là Niết-bàn, cũng gọi là Thiền môn. Tên gọi như vậy là sự giả nói của Chư Phật Như lai ở thời quá khứ. Nghĩa chân thật không có danh tự. Bấy giờ môn nhân được chỉ dạy, như thuyết tu hành mà đượm nhuần, cùng nhau khen rằng: Thênh thang mênh mông thay! Như trông thấy hư không rỗng rang chẳng mảy

may có vết bụi. Đẹp đẽ thay! Như trông thấy bể cả mênh mông không ngằn không mé, sâu xa biết đạo nói chẳng thể tới, mầu nhiệm không tên. Cảm đội ân Đại sư thương xót sự ngu mê của chúng ta, chỉ bày Chánh pháp cho ta, chẳng do thềm bậc thẳng đến Bồ-đề, nếu gặp các người học ta phải trao truyền chỉ bày. Nếu không có hình tướng thầy, đâu lấy gì nêu bày, bèn ngầm mời thợ khéo đắp họa chân dung Hòa-thượng, dung mạo oai quang tực rỡ, tướng tốt đầy đủ. Khiến người nhìn thấy dung mạo thì sẽ dẹp tà, người nương theo pháp thì sẽ thành đạt huyền diệu, lại thêm sâu sắc mà chưa thể lường. Cúi đầu chiêm ngưỡng gượng làm bài khen ngợi rằng:

*Pháp tối thượng thừa*
*Chẳng lý chẳng sự*
*Khéo nói nhiều môn*
*Đều về chẳng hai*
*Ca-diếp đắc được*
*Tây Vực truyền bá ở xứ Phật*
*Đạt-ma lãnh thọ*
*Lưu truyền đến đất đầm phương Đông*
*Sự thì có hơn ngàn năm*
*Thánh giả ba mươi bốn vị*
*Chánh lớn nối nhau*
*Đời đời tiếp nhận*
*Đắc pháp khế hợp với nguồn đạo*
*Truyền y nói lên chia chân ngụy*
*Thầy tôi thầm trao*
*Đường đường hiển bày*
*Mở rộng bí môn của Chư Phật*
*Khai ngộ liễu nghĩa Đại thừa*
*Chẳng thuận hữu vi*
*Chẳng nương vô ký*
*Lìa tướng lìa tánh*
*Không ngu không trí*
*Nghĩa chẳng có không*
*Có không chẳng nghĩa*
*Trái tâm phàm phu*
*Vượt ý Hiền thánh*
*Hạnh quá Ba thừa*
*Chóng vượt mười địa*

*Chẳng tự chẳng quả*
*Không tha không tự*
*Dụng Vô sanh tịch*
*Ảnh thể đều lìa*
*Thấy không sáng tối*
*Vô niệm là phải*
*Bèn mời thợ khéo*
*Ngầm vì họa đắp*
*Vạch tướng tốt sanh*
*Trông thấy ứng thân cao vời*
*Lìa tướng và lời*
*Thấy rõ pháp khí sâu rộng*
*Được như dấu trời*
*Cốt khác người phàm*
*Điểm khéo tốt thay*
*Cuối cùng được chân khí*
*Dung mạo vắng lặng mà muốn nói*
*Ánh mắt mấp máy sắp nhìn*
*Ngửa mặt thấy công cao*
*Chăm nhìn lại càng quý*
*Chẳng có thầy tôi*
*Pháp này sắp rơi.*

Ngày mồng ba tháng sáu niên hiệu Đại Lịch năm thứ chín (774) thời Tiền Đường, Hòa-thượng bảo môn nhân đệ tử lấy cho y phục mới sạch, tắm gội xong, Hòa-thượng thay mặc y phục mới sạch ấy, hỏi các đệ tử: Đã đến giờ thọ trai chưa? Đệ tử đáp: Đã đến. Hòa-thượng căn dặn môn nhân đệ tử: Nếu là con hiếu thuận thì không được trái lời ta dạy. Ta sắp qua đời, sau khi ta đi, không được quấn tang trên đầu, không được làm như người thế gian không tu hành khóc than và quấn tang. Như vậy thì chẳng gọi là đệ tử ta. Khóc than là pháp thế gian. Với Phật pháp thì không như vậy, lìa tất cả các tướng tức là thấy Phật. Nói xong, Hòa-thượng ngồi lặng lẽ mà thị tịch, thọ sáu mươi mốt tuổi.

LỊCH ĐẠI PHÁP BẢO KÝ
(HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 187

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## SỐ 2076
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2076

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

*Sa môn Đạo Nguyên đời Tống - biên soạn*

## QUYỂN 1

### I. BẢY ĐỨC PHẬT VÀ TỔ SƯ Ở THIÊN TRÚC:

**A. Bảy Đức Phật:**

Phật Tỳ-bà-thi
Phật Thi-khí
Phật Tỳ-xá-phù
Phật Câu-lưu-tôn
Phật Câu-na-hàm Mâu-ni
Phật Ca-diếp.
Phật Thích-ca Mâu-ni

**B. Mười lăm vị Tổ ở Thiên Trúc:** (Trong có một Tổ nảy sinh từ lề không ghi chép).

1. Tổ Ma-ha Ca-diếp
2. Tổ A-nan (bàng xuất mạt-điền-để-ca).
3. Tổ Thương Na-Hòa-Tu
4. Tổ Ưu-Ba-cúc-đa
5. Tổ Đề-đa-ca
6. Tổ Di-già-ca
7. Tổ Bà Tu Mật
8. Tổ Phật đà-nan-đề
9. Tổ Phục-đà-mật-đa
10. Tổ Hiếp Tôn giả

11. Tổ Phú-na-dạ-xa
12. Tổ Đại sĩ Mã Minh
13. Tổ Ca-tỳ-ma-la
14. Tổ Đại sĩ Long Thọ.

## A. NÊU DANH HIỆU BẢY ĐỨC PHẬT

Phật xưa ra đời lâu xa vô cùng, chẳng thể biết hết số, cho nên chỉ nói trong kiếp Hiền có một ngàn Đức Như lai. Cho đến Đức Thích Ca thì chỉ ghi có bảy Đức Phật. Xét trong kinh Trường A-hàm nói: Bảy Đức Phật năng lực tinh tiến, phát ra ánh sáng diệt tối tăm - Đều ngồi dưới gốc cây, ở đó thành Chánh giác. Lại Mạn-thù-thất-lợi là Tổ sư của bảy Đức Phật. Đại sĩ Kim Hoa Thiện Tuệ lên đỉnh núi Thông hành đạo, cảm được bảy Đức Phật dẫn trước, ngài Duy-ma tiếp sau. Nay chỉ soạn thuật đoạn từ bảy Đức Phật trở đi.

***1. Phật Tỳ-bà-thi:*** (Là Đức Phật thứ 998 trong kiếp Trang nghiêm đời quá khứ).

Kệ rằng:

*Thân từ vô tướng mà thọ sinh*
*Cũng như trong huyễn sinh hình tượng*
*Người huyễn tâm thức xưa nay không*
*Tội phước đều không chẳng chỗ trụ.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người sống lâu tám vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Sát-lợi, họ là Câu-lợi-nhã. Cha là Bàn-đầu, mẹ là Bàn-đầu-bà-đề, ở thành Bàn-đầu-bà-đề, ngồi dưới gốc cây Ba-ba-la. Nói pháp ba hội, độ người 348.000 (34 vạn 8 ngàn) người. Có hai vị đệ tử thần túc: 1/ Khiên-trà, 2/ Đề-xá. Thị giả là Vô Ưu, con là Phương Ưng.

***2. Phật Thi-khí*** (là Phật thứ 999 ở kiếp Trang Nghiêm)

Kệ rằng:

*Khởi các pháp lành vốn là huyễn*
*Tạo các nghiệp ác cũng là huyễn*
*Thân như đống bọt tâm như gió*
*Rõ ràng không căn, không thật tánh.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ bảy vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Sát-lợi, họ là Câu-lợi-nhã, cha là Minh

Tướng, mẹ là Quang Diệu, ở thành Quang Tướng ngồi dưới gốc cây Phân-đà-lợi, nói pháp ba hội, độ được hai mươi lăm vạn người, có hai vị đệ tử thần túc: 1/ A-tỳ-phù. 2/ Bà-Bà. Thị giả là Nhẫn Hạnh, con là Vô Lượng.

***3. Phật Tỳ-xá-phù*** (là Phật thứ một ngàn ở kiếp Trang Nghiêm)

Kệ rằng:

*Nhờ vào bốn Đại để làm thân*
*Tâm vốn không sinh do cảnh có*
*Nếu trước cảnh không tâm cũng không*
*Tội phước như huyễn khởi cũng diệt.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ sáu vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Sát-lợi, họ Câu-lợi-nhã, cha là Thiện Đăng, mẹ là Xứng Giới, ở thành Vô Dụ ngồi dưới gốc cây ba-la, nói pháp hai hội, độ được mười ba vạn người, có hai vị đệ tử thần túc: 1/ Phò Du, 2/ Uất-Đa-ma. Thị giả là Tịch diệt, con là Diệu Giác.

***4. Phật Câu-lưu-tôn*** (là Đức Phật thứ nhất của kiếp Hiền)

Kệ rằng:

*Thấy thân không thật là thân Phật*
*Hiểu tâm như huyễn là Phật huyễn*
*Hiểu được thân tâm vốn tánh không*
*Người này cùng Phật nào có khác.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ bốn vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp, cha là Lễ Đắc, mẹ là Thiện Chi, ở thành An Hòa, ngồi dưới gốc cây Thi-lợi-sa, nói pháp 1 Hội, độ được 4 vạn người, có hai vị đệ tử thần túc: 1/ Tát Ni, 2/ Tỳ-lâu, thị giả là Thiện Giác, con là Thượng Thắng.

***5. Phật Câu-na-hàm mâu-ni*** (là Phật thứ hai ở kiếp Hiền)

Kệ rằng:

*Phật chẳng thấy thân biết là Phật*
*Nếu thật có biết riêng không Phật*
*Người trí biết được tội tánh không*
*Thản nhiên chẳng hề sợ sinh tử.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ ba vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp, cha là Đại Đức, mẹ là Thiện Thắng, ở thành Thanh Tịnh, ngồi dưới gốc cây Ô-tạm Bà-la-

môn, nói pháp 1 hội, độ được ba vạn người, có hai vị đệ tử thần túc: 1/ Thư Bàn Na, 2/ Uất- đa-lâu. Thị giả là An Hòa, con là Đạo Sư.

***6. Phật Ca-diếp*** (là Đức Phật thứ 3 ở Kiếp Hiền).

Kệ rằng:

*Tất cả chúng sinh tánh thanh tịnh*
*Từ xưa không sinh không thể diệt*
*Tức thân tâm này là huyễn sinh*
*Ở trong huyễn hóa không tội phước.*

Kinh Trường A-hàm nói: Khi con người thọ hai vạn tuổi thì Đức Phật này ra đời, thuộc dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp, cha là Phạm Đức, mẹ là Tài Chủ, ở thành Ba-la-nại, ngồi dưới gốc cây Ni-câu-luật, nói pháp một Hội, độ được hai vạn người. Có hai vị đệ tử thần túc: 1/ Đề-Xá, 2/ Bà-la-bà, thị giả là Thiện Hữu, con là Tập Quân.

***7. Phật Thích-ca Mâu-ni*** (là Phật thứ tư ở Kiếp hiền)

Thuộc dòng Sát-lợi, cha là Tịnh Phạn Thiên, mẹ là Đại Thanh Tịnh Diệu, ở vị Bổ xứ sinh lên trời Đâu Suất tên là Thắng thiện Thiên Nhân, cũng gọi là Đại sĩ Hộ Minh, độ các chúng trời nói hạnh Bổ xứ, cũng ở trong các cõi ở mười phương mà hiện thân nói pháp. - Kinh Phổ Diệu nói: Phật khi mới sinh ra ở dòng vua Sát-lợi, phát ra ánh sáng Đại trí, chiếu khắp các thế giới ở mười phương. Đất tự nhiên mọc lên hoa sen nâng chân Ngài , Đông Tây Nam Bắc đều đi bảy bước. Đưa tay chỉ trời và đất mà phát ra lời sư tử hống rằng: Trên dưới và 4 hướng không ai lớn bằng Ta. Lúc đó là đời Chu Chiêu Vương năm thứ hai mươi bốn, mồng 8 tháng 4 năm Giáp Dần (nay sửa là rằm tháng 4 hàng năm). Đến ngày 8 tháng 2 năm năm thứ bốn mươi hai, Nam Thái tử mười chín tuổi muốn đi xuất gia mà tự nghĩ rằng: Sẽ gặp gì đây? Bèn ở dạo chơi bốn cửa thành mà thấy 4 việc, tâm có buồn vui mà nghĩ rằng: Già bịnh chết này trọn phải chán lìa. Do đó nửa đêm giờ Tí có một vị trời tên là Tịnh Cư, ở giữa cửa sổ chấp tay thưa với Thái tử rằng: Giờ xuất gia đã đến, nên ra đi. Thái tử nghe xong tâm rất vui mừng, liền vượt thành mà đi, vào trong núi Đàn-đặc mà tu đạo. Đầu Tiên đến chỗ ông A-lam-ca-lam, ba năm học định không chỗ dùng biết là sai liền bỏ. Lại đến chỗ ông Uất-đầu-lam-phất, 3 năm học định Phi Phi Tưởng, biết là không đúng cũng bỏ. Lại đến núi Tượng Đầu (đầu voi) cùng sống với các ngoại đạo ngày ăn vài hạt mè, như thế trải qua sáu năm. Nên kinh nói: Dùng hạnh vô tâm ý vô thọ mà tồi phục các ngoại đạo, trước Tiên trải qua thử nghiệm các tà pháp

mà bày các phương tiện phát ra các kiến khiến đến Bồ đề. Cho nên kinh Phổ Tập nói: “Bồ-tát ở ngày mồng 8 tháng 2 vào lúc sao mai mới mọc thành Phật làm thầy trời người”. Lúc đó Ngài ba mươi tuổi nhằm đời Chu Mục Vương năm thứ ba đời năm Quý Mùi. Rồi ở vườn Nai vì nhóm năm anh em Kiều-Trần-Như xoay bánh xa pháp bốn Đế mà nói về Đạo quả ở đời nói pháp bốn mươi chín năm. Sau bảo đệ tử là Ma-ha Ca-diếp: Ta dùng Pháp Nhãn Thanh Tịnh Niết-bàn Diệu Tâm Thật Tướng Vô Tướng vi Diệu Chánh Pháp mà trao cho ông. Ông nên giữ gìn và sai A-nan cùng truyền bá giáo hóa không để dứt mất. Mà nói kệ rằng:

*Pháp vốn pháp không pháp,*
*Không pháp pháp cũng pháp*
*Nay khi trao vô pháp,*
*Pháp pháp đâu từng pháp.*

Khi Thế-tôn nói kệ xong bảo Ca-diếp rằng: Ta đem y Tăng-già-lê sợi vàng mà trao lại cho ông chuyển theo Bổ xứ đến khi Phật Từ Thị ra đời chớ để mất đi Ca-diếp nghe kệ xong bèn đảnh lễ Đức Thế-tôn bạch rằng: Lành thay lành thay, con xin vâng lời Phật dạy. Bấy giờ Thế-tôn đến thành Câu-thi-na, bảo các Đại chúng rằng: Nay ta đau lưng muốn nhập Niết-bàn liền đến rừng cây Sa la song thọ bên bờ sông Hy liên nằm nghiêng bên hông phải duỗi chân mà tịch. Lại từ kim quan đứng dậy nói pháp để độ mẹ, và hiện ra đội chân để hóa độ Bà-kỳ cùng nói kệ Vô thường rằng:

*Các hành vô thường*
*Là pháp sinh diệt*
*Sinh diệt diệt rồi*
*Vắng lặng là vui*

Lúc đó các đệ tử dùng củi thơm mà trà tì Phật đốt lửa xong thì kim quan như cũ. Bấy giờ đại chúng ở trước Phật nói kệ khen rằng:

*Lửa phàm tục mạnh mẽ*
*Nhưng sẽ không đủ nóng*
*Phải thỉnh lửa Tam-muội*
*Trà trì thân màu vàng.*

Khi ấy kim quan đang nằm bỗng đứng dậy cao bảy cây Đa-la, qua lại trên hư không hóa lửa Tam-muội, phút chốc thành tro được tám hộc bốn đấu xá-lợi, nhằm ngày rằm tháng 2 năm Nhâm Thân, tức là đời vua Chu Mục Vương năm thứ năm mươi hai. Từ khi Thế-tôn diệt độ rồi trải qua một ngàn lẻ mười bảy năm thì giáo pháp đến Trung quốc, tức năm Mậu Thìn, niên hiệu Vĩnh Bình thứ 10 đời Hậu Hán.

## B. MƯỜI LĂM VỊ TỔ THIÊN TRÚC:

***1. Tổ Ma-ha Ca-diếp:*** Người nước Ma-kiệt-đà, dòng Bà-la-môn, cha là Ẩm Trạch, mẹ là Hương Chí, xưa làm nghề thợ bạc (làm vàng) biết rõ tánh vàng nên làm rất đẹp. Phó Pháp Truyện nói: Trong nhiều kiếp lâu xa sau khi Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn bốn chúng xây tháp thờ. Trong tháp có tượng Phật vàng ở mặt có chút hư hỏng, có một cô gái nghèo đem vàng đến người thợ bạc trên nhờ trang sức mặt Phật, rồi nhân đó cùng phát nguyện: Nguyện hai người chúng con làm vợ chồng với nhau không có hôn nhân, do đó mà suốt chín mươi mốt kiếp thân luôn có màu vàng. Sau sinh lên làm Trời phạm. Khi hết phước thì sinh xuống làm người dòng Bà-la-môn ở nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Thiên trúc tên là Ca-diếp-Ba, Hán dịch là Ẩm Quang Thắng Tôn bởi vì lấy màu vàng làm hiệu. Do đó chí cầu xuất gia mong độ chúng hữu tình. Phật nói: Thiện Lai Tỳ-kheo! Tức thì tóc râu tự rụng, ca sa đắp vào mình, ở trong chúng được khen là bậc nhất (người lớn nhất trong chúng sau Phật). Phật nói: Ta đem pháp Nhãn thanh tịnh mà giao lại cho ông, ông nên truyền khắp đừng để mất. - Kinh Niết-bàn nói: Khi Thế-tôn sắp nhập Niết-bàn, lúc đó Ca-diếp không có mặt trong chúng hội. Phật bảo các đệ tử lớn rằng khi Ca-diếp trở về thì bảo ông ấy tuyên dương Chánh Pháp nhãn Tạng. Lúc đó Ca-diếp ở trong hang Tân Bát La tại núi Kỳ-xà-quật thấy có ánh sáng rực rỡ liền vào Tam-muội (liền nhập định) dùng Thiên nhãn thanh Tịnh nhìn thấy Đức Thế-tôn ở bên sông Hy-liên đang nhập Niết-bàn. Bèn bảo đồ đệ rằng Như lai đã nhập Niết-bàn, sao sớm thế? Bèn đến rừng Song thọ khóc lóc thảm thiết. Phật ở trong Kim Quang hiện ra hai chân. Khi ấy Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo rằng Phật đã trà tỳ, xá-lợi kim cang không phải là việc của chúng ta. Chúng ta nên kết tập pháp nhãn chớ để dứt mất, bèn nói kệ rằng:

*Đệ tử Như lai*
*Chớ nên Niết-bàn*
*Ai được thần thông*
*Phải đến kiết tập.*

Do đó người có thần thông đều nhóm họp lại hang Tân Bát La trong núi Kỳ-xà-quật ở thành Vương xá. Lúc đó A-nan vì chưa hết lậu nên không được vào hội. Sau đó chứng được quả A-La-hán, vì vậy mới vào được. Ca-diếp bèn bạch chúng rằng: Tỳ-kheo A-nan này học rộng tổng trì, có trí tuệ rộng lớn, luôn theo bên cạnh Như lai phạm hạnh thanh tịnh. Phật pháp đã nghe như nước đổ vào bình chứa đầy không sót. Phật đã khen ngợi là thông minh bậc nhất. Vậy nên thỉnh vị ấy kiết tập tạng

Tu-đa-la (kinh). Đại chúng im lặng nhận lời. Ca-diếp bảo A-nan rằng ông nên tuyên nói pháp nhãn. A-nan bèn nhận lời, quán sát tâm chúng mà nói kệ rằng:

*Tỳ-kheo các quyến thuộc*
*Lìa Phật chẳng trang nghiêm*
*Cũng như trong hư không*
*Các sao không có trăng.*

Nói kệ xong bèn đảnh lễ chúng tăng, rồi lên pháp tòa mà nói như vậy: "Tôi nghe như vậy, thuở nọ Phật ở tại... nơi ấy, nói kinh giáo... ấy... cho đến trời người đảnh lễ vâng làm". Lúc đó Ca-diếp hỏi các Tỳ-kheo rằng: Lời A-nan nói có sai lầm chăng? Chúng đều nói: Không khác lời Thế-tôn nói. Ca-diếp bèn bảo A-nan rằng: Nay ta tuổi thọ không còn bao lâu nữa, nay đem Chánh pháp giao lại cho ông, ông nên khéo giữ gìn. Hãy nghe ta nói kệ:

*Pháp pháp pháp xưa nay*
*Không pháp chẳng không pháp*
*Sao ở trong một pháp*
*Có pháp có chẳng pháp.*

Ca-diếp nói kệ xong bèn đem y Tăng-già-lê vào núi Kê Túc đợi Đức Từ Thị hạ sinh, lúc đó nhằm năm Bính Thìn đời Chu Hiếu Vương năm thứ năm.

***2. Tổ A-nan:*** Người ở thành Vương xá, dòng Sát-đế-lợi, cha là vua Hộc Phạn, là em học của Phật. Tiếng Phạm là A-nan-đà, Hán dịch là Khánh Hỷ, cũng gọi là Hoan Hỷ. Vì sinh vào đêm Như lai thành Đạo, do đó mà đặt tên. Học nhiều hiểu rộng trí tuệ vô ngại. Đức Thế-tôn cho là người Tổng Trì bậc nhất, thường khen ngợi vì ở đời trước có công đức lớn thọ trì Pháp tạng như nước rót từ bình vào bình. Phật khiến làm thị giả. Sau vua A-xà-thế bạch rằng: Thưa nhân giả, Như lai và Ca-diếp hai vị thầy cao quý thù thắng đều đã Niết-bàn mà tôi làm nhiều cách cũng không thể thấy được. Vậy Nhân giả khi nhập Niết-bàn nên nói lời cáo biệt. A-nan nhận lời. Sau đó nghĩ rằng thân mình sớm tan, cũng như đám bọt huống chi lại già yếu đâu thể sống lâu. Lại nghĩ vua A-xà-thế có giao ước với ta, bèn đến cung vua mà cáo từ rằng: Tôi muốn nhập Niết-bàn nên đến đây từ biệt. Kẻ hầu thưa: Vua ngủ không thể thưa A-nan nói: Đợi vua thức dậy sẽ nhắn lại. Lúc đó vua A-xà-thế mộng thấy một cái lọng báu được trang hoàng bằng bảy báu có ngàn vạn ức chúng vây quanh ngắm nhìn. Bỗng gió mưa dữ dội thổi đến làm gãy cán, châu

báu chuỗi ngọc đều rơi xuống đất, lòng rất kinh sợ chợt thức dậy. Kẻ hầu liền nhắc lại lời A-nan. Vua kinh hãi khóc than rung động trời đất, tức tốc đến ngay thành Tỳ-xá-ly thì thấy A-nan đang ngồi kiết già giữa dòng sông Hằng. Vua bèn đảnh lễ mà nói kệ rằng:

*Kính lạy Thầy Ba cõi*
*Bỏ tôi mà đến đây*
*Tạm nương sức bi nguyện*
*Chớ nên nhập Niết-bàn.*

Lúc đó vua Tỳ-xá-ly cũng có mặt bên bờ sông lại nói kệ rằng:

*Tôn giả sao sớm thế*
*Mà về với vắng lặng*
*Xin nán lại giây phút*
*Mà nhận lễ cúng dường.*

Bấy giờ, A-nan thấy hai vị vua cùng đến khuyên thỉnh, bèn nói kệ rằng:

*Hai vua khéo đứng nghiêm*
*Chớ nên buồn khổ quá*
*Niết-bàn ta sẽ tịnh*
*Mà không có các hữu.*

A-Nan lại nghĩ: Nếu ta ở một nước mà Niết-bàn thì các nước sẽ tranh giành nhau, sẽ không có việc ấy, vì phải bình đẳng mà độ các hữu tình. Bèn ở giữa sông Hằng mà nhập tịch diệt. Lúc đó núi sông mặt đất phát ra sáu loại chấn động. Trong núi Tuyết có năm trăm vị Tiên thấy việc ấy bèn bay trên hư không mà đến, đảnh lễ A-nan rồi quì xuống bạch rằng: Con ở nơi Trưởng lão sẽ chứng Phật pháp, xin từ bi độ thoát chúng con! A-nan im lặng nhận lời. Bèn biến hóa sông hằng đều thành đất vàng ròng, vì các vị Tiên nói Đại pháp. A-nan lại nghĩ: Các đệ tử được độ thoát từ trước nên đến nhóm họp phút chốc có năm trăm vị A-La-hán từ trên hư không bay xuống vì các Tiên mà làm lễ xuất gia và thọ giới cụ túc. Trong các Tiên ấy có hai vị A-La-hán: 1/ Thương-na-Hòa-tu, 2/ Mạt-điền-để ca. A-nan biết đó là pháp khí, bèn bảo rằng: Xưa Như lai đem Đại pháp nhãn mà trao cho Đại Ca-diếp, Ca-diếp vào định mà trao lại cho ta. Nay ta sắp mất, nên truyền lại cho ông, ông hãy nghe lời ta dạy. Hãy lắng nghe nói kệ.

*Xưa nay giao có pháp*
*Giao rồi nói không pháp*
*Ai nấy đều tự ngộ*
*Ngộ rồi không không pháp.*

A-nan trao phó Pháp nhãn tạng rồi bay lên hư không thị hiện mười tám thần biến nhập vào Tam-muội Phong Phấn Tấn, phân thân làm bốn phần: Một phần đưa lên Trời-đao-lợi, một phần đưa về Long cung Ta-kiệt-la, một phần cho vua Tỳ-xá-ly, một phần giao vua A-xà-thế, tất cả đều xây tháp mà cúng dường, lúc ấy là năm Quý Tỵ đời Chu Lệ Vương năm thứ mười hai.

***3. Tổ Thương Na-hòa-tu:*** Người nước Ma-đột-la cũng gọi là Xá-na-bà-tư họ là Tỳ-xá-đa, cha là Lâm Thắng, mẹ là Kiều-xa-da, ở trong thai sáu năm mới sinh. Tiếng Phạm là Thương-Nặc-Ca, Hán dịch là Tự Nhiên Phục tức là tên gọi loại cỏ chín cành quý đẹp ở Tây Vực. Nếu như bậc Thánh La-hán giáng sinh thì cỏ mọc ra ở đất sạch khi Hòa-tu sinh thì cỏ này mọc. Xưa, khi Như lai hành hóa (đi hóa độ) đến nước Ma-đột-la thấy có một khu rừng cành lá sum sê bảo A-nan rằng: Ở khu rừng Ưu Lưu Trà khi ta đã diệt độ 100 năm thì có Tỳ-kheo Thương-na-hòa-tu ở đất này mà xoay bánh xe pháp luân. Sau một trăm năm quả nhiên Hòa-tu sinh ra và xuất gia chứng đạo. Nhận Pháp nhãn của Tôn giả Khánh Hỷ (A-nan) hóa độ hữu tình và nghĩ ở rừng này hàng phục hai Rồng lửa qui thuận Phật giáo. Rồng nhân đó cúng dường đất để lập Phạm cung. Tôn giả hóa duyên đã lâu, nên nghĩ đến việc truyền trao chánh pháp. Bèn tìm đến nước Tra-lợi gặp Ưu-ba-cưu-đa thâu làm đệ tử. Nhân hỏi Cúc-đa rằng: Ông bao nhiêu tuổi. Cúc-đa đáp rằng: Con mười bảy tuổi - Sư hỏi: Thân ông mười bảy hay tánh ông mười bảy? - Cúc-đa đáp. Tóc Sư đã bạc. Vậy tóc bạc hay tâm bạc? - Sư đáp: Ta chỉ tóc bạc chứ không phải tâm bạc - Cúc-đa thưa: Thân con mười bảy chứ không phải tánh mười bảy. Hoa Tu biết là pháp khí. Sau ba năm bèn cạo tóc cho ông và truyền giới Cụ túc. Bảo rằng: Xưa Như lai trao Vô thượng pháp nhãn tạng cho Ca-diếp, lần lượt trao cho đến ta. Nay ta giao lại cho ông chớ để dứt mất. Ông nhận lời ta dạy, hãy nghe ta nói kệ:

*Chẳng pháp cũng chẳng tâm*
*Không tâm cũng không pháp.*
*Khi nói tâm pháp ấy*
*Pháp ấy chẳng tâm pháp.*

Nói kệ xong liền ẩn vào núi tượng bạch ở phía Nam nước Kế Tân. Sau ở trong định (Tam-muội) mà thấy đệ tử Cúc-đa, có năm trăm học trò rất lười biếng, Tôn giả bèn đến đó hiện ra Tam-muội Long phấn tấn để điều phục mà nói kệ rằng:

*Thấu suốt không kia đây*

*Chí Thánh không dài ngắn*
*Ông dẹp ý khinh mạn*
*Mau được A-La-hán.*

Năm trăm Tỳ-kheo nghe kệ này xong vâng theo giáo thực hành thì đều được vô lậu. Tôn giả liền thị hiện mười tám thần biến, dùng Tam-muội Hỏa quang mà đốt thân. Cúc-đa thu nhặt xá-lợi chôn ở núi Phạm-ca-la, năm trăm vị Tỳ-kheo kia cầm một lá phướn đón đường và xây tháp cúng dường. Đó là năm Ất Mùi đời Chu Tuyên Vương năm thứ hai mươi ba.

***4. Tổ Ưu-ba-cúc-đa:*** Người nước Tra-lợi, cũng gọi là Ưu-ba-quật-đa còn gọi là Ổ-ba-cúc-đa, họ là Thủ Đà, cha là Hiện Ý, mười bảy tuổi xuất gia, hai mươi tuổi chứng quả tùy nơi hành hóa đến nước Ma-đột-la, người được độ rất đông, do đó mà cung ma rúng động. Ma Ba-tuần rất sầu lo bèn dùng hết sức mà phá hại chánh pháp. Tôn giả liền nhập định để xét lý do. Ma Ba-tuần rình rập lén đeo chuỗi anh lạc vào cổ Sư. Khi Tôn giả xuất định liền hóa ba thây người-chó, và rắn thành vòng hoa đẹp dịu dàng khuyến dụ ma Ba-tuần rằng người đã cho ta chuỗi anh lạc rất quý đẹp. Nay ta có tràng hoa xin đáp lại. Ma Ba-tuần vui mừng đeo vào cổ thì liền biến thành ba thây chết giòi bọ sình rã hôi thúi vô cùng. Ma Ba-tuần ghê tởm sợ sệt sầu lo dùng hết sức thần nhưng không phá được, bèn bay lên sáu tầng trời cõi Dục bảo các vị trời, lại cầu Phạm Vương nhờ giải cứu, thì ai nấy đều bảo, đệ tử của Đấng Thập lực đã làm thần biến chúng tôi đều là kẻ phàm lậu (phàm phu hữu lậu) không thể gỡ ra được. Ma Ba-tuần nói vậy biết làm sao. Phạm Vương nói: Ông nên qui tâm với Tôn giả thì sẽ cởi ra được, bèn vì nói kệ khiến hồi hướng rằng:

*Nhân đất mà té,*
*Từ đất mà dậy*
*Lìa đất cầu dậy,*
*Không bao giờ được.*

Ma Ba-tuần nghe khuyên xong liền trở về lạy Tôn giả khóc lóc xin sám hối. Cúc-đa bảo: Ngươi từ nay trở đi đối với chánh pháp của Như lai còn phá hại chăng? Ma Ba-tuần nói: Con thề trở về với Phật đạo, quyết đoạn dứt bất thiện. Cúc-đa nói: Nếu thế thì người tự nói qui y Tam bảo. Ma Vương chấp tay nói ba lần thì tràng hoa tự tháo ra. Ma rất vui mừng đảnh lễ Tôn giả mà nói kệ rằng:

*Lạy Đấng Tam-muội Tôn*

*Đệ tử Thánh mười lực*
*Con nay nguyện trở về*
*Chớ để có yếu kém.*

Tôn giả ở đời hóa độ người chứng quả rất nhiều. Mỗi khi độ một người thì lấy một thẻ đặt vào hang núi, hang ấy dài mười tám khuỷu tay, rộng mười hai khuỷu tay thẻ đầy ăm ắp. Cuối cùng có một vị Trưởng giả tên là Hương Chúng, đến lễ Tôn giả chí cầu xuất gia. Tôn giả hỏi rằng: Ông thân xuất gia hay tâm xuất gia - Đáp: Con đến xuất gia không phải là thân tâm. Tôn giả nói: Không phải thân tâm thì ai xuất gia. Đáp: Hễ xuất gia thì lấy Vô ngã làm ngã vì Vô ngã làm ngã nên tâm không sinh diệt, tâm chẳng sinh diệt tức là Thương Đạo, chư Phật cũng thường, tâm không hình tướng, thể nó cũng thế. Tôn giả nói: Ông đã đại ngộ, tâm rất thông suốt phải nương Phật pháp Tăng mà nối thạnh dòng Thánh. Rồi cạo tóc và truyền giới Cụ túc cho, bảo rằng: Cha ông mộng thấy mặt trời vàng mà sinh ra ông nên đặt tên là Đề-đa-ca. Lại bảo Như lai đã đem Đại Pháp nhãn tạng thứ lớp truyền trao cho đến ta. Nay ta trao cho ông, hãy nghe kệ của ta.

*Tâm tự tâm xưa nay*
*Bổn tâm chẳng có pháp*
*Có pháp có bổn tâm*
*Chẳng tâm chẳng bổn pháp*

Trao pháp xong bèn bay lên hư không thị hiện mười tám thần biến rồi trở về ngồi kiết già mà tịch. Đa-la lấy thẻ trong nhà để đốt thân mình. Xong thu nhặt xá-lợi xây tháp cúng dường. Bây giờ là năm Canh Tý đời Chu Bình Vương năm thứ ba mươi mốt.

***5. Tổ Đề-đa-ca:*** Người nước Ma-già-đà. Khi mới sinh thì cha mộng thấy mặt trời vàng từ trong nhà chiếu sáng khắp trời đất, trước có núi lớn các thứ báu trang nghiêm. Trên đỉnh núi có suối phun thành bốn dòng nước. Sau gặp Tôn giả Cúc-đa, bảo rằng: Núi báu là thân ta, suối phun là pháp vô tận, mặt trời từ nhà chiếu ra là tướng ông vào đạo, chiếu sáng trời đất là trí tuệ của ông siêu việt. Tôn giả vốn tên là Hương Chúng Sư nhân đổi tên gọi hiện nay, tiếng Phạm là Đề-đa-ca, Hán dịch là Thông Chân Lượng. Đa-ca nghe Sư nói xong bèn vui mừng hớn hở đọc kệ rằng:

*Vòi vọi núi bảy báu*
*Thường sinh suối trí tuệ*
*Lại là vị Chân Pháp*

*Hóa độ các hữu duyên.*

Tôn giả Cúc-đa cũng nói kệ rằng:

*Pháp ta truyền cho ông,*
*Sẽ phát trí tuệ lớn.*
*Trời vàng từ nhà chiếu ra*
*Chiếu sáng khắp trời đất.*

Đề-đa-ca nghe diệu kệ của Sư bèn làm lễ vâng thực hành. Sau đến Trung Ấn-độ, nước ấy có tám ngàn vị Đại Tiên, Di-Già-Ca đứng đầu. Nghe Tôn giả đến thì dẫn chúng ra đảnh lễ, bảo Tôn giả rằng: Xưa đã cùng thầy sinh ở Phạm Thiên. Tôi gặp Tiên A-Tư-đà trao cho pháp Tiên, còn thầy gặp đệ tử Thập lực mà tu tập thiền-na. Do báo này mà phân khác nẻo đã trải qua sáu kiếp. Tôn giả nói chi li nhiều kiếp thật chẳng dối, nay nên bỏ tà mà qui chánh để vào Phật thừa. Di-già-ca nói: Xưa Tiên A-Tư-đà trao pháp cho tôi có ghi rằng: Ông sáu kiếp sau sẽ gặp bạn đồng học được quả vô lậu. Nay cũng gặp không phải là duyên xưa ư? Mong Sư từ bi khiến tôi được quả vô lậu. Tôn giả liền độ cho xuất gia sai Thánh trao giới các vị Tiên khác liền sinh ngã mạn. Tôn giả hiện bày Đại thần thông, do đó đều phát tâm Bồ-đề một lúc xuất gia. Bèn bảo Di-già-ca rằng: Xưa Như lai đem Đại Pháp nhãn tạng trao phó cho Ca-diếp, lần lượt trao đến ta. Nay trao lại cho ông phải giữ gìn, bèn nói kệ rằng:

*Thông suốt pháp bổn tâm*
*Không pháp không chẳng pháp*
*Ngộ rồi đồng chưa ngộ*
*Không tâm cũng không pháp.*

Nói kệ xong liền bay lên hư không thị hiện mười tám thần biến, Tam-muội Hỏa quang tự đốt thân. Di-già-ca và tám ngàn vị Tỳ-kheo cùng thu nhặt xá-lợi, ở núi Bàn-trà mà xây tháp cúng dường. Đây là năm Kỷ Sửu đời Chu Trang Vương năm thứ bảy.

***6. Tổ Di-già-ca:*** Người ở Trung Ấn-độ. Đã truyền pháp rồi, du hóa đến Bắc Thiên Trúc, thấy trên bức tường thấp có mây lành màu vàng ròng bèn khen rằng: Ở đây có khí Đạo nhân sẽ có Đại sĩ làm người nối dõi dòng pháp. Rồi vào thành, ở giữa chợ thấy có một người tay cầm bình rượu đi ngược lại hỏi: Thầy từ đâu đến muốn đi đâu? Sư nói: Từ tự tâm đến, muốn đến chỗ không. Lại hỏi biết vật gì trong tay tôi chăng? Sư nói: Đây là vật xúc chạm mà mang đồ sạch sẽ. Lại hỏi: Sư còn biết tôi không? Sư nói ta thì chẳng biết, biết thì chẳng phải ta.

Lại bảo: Ông thử nói tên họ, ta sẽ bày bổn nhân sau. Người ấy nói kệ mà đáp: Tôi từ vô lượng kiếp - đến sinh ở nước này - Vốn họ Phả-la-đọa - Tên là Ba-tu-mật. Sư nói: Thầy ta là Đề-đa-ca nói: Thế-tôn khi xưa du hóa ở Ấn-độ bảo A-nan rằng: Ở nước này, sau khi ta diệt độ ba trăm năm thì có một vị Thánh họ Phả-la-đọa, tên là Ba-tu-mật sẽ làm Tổ Thiền thứ bảy. Thế-tôn đã thọ ký cho ông, ông nên xuất gia. Người ấy bèn đặt bình rượu xuống lạy Sư rồi đứng một bên mà thưa rằng: Con nghĩ (nhớ) ở kiếp xưa từng làm Đàn-na (thí chủ) cúng cho Như lai nọ một tòa báu, Phật ấy thọ ký cho con rằng: Ông ở kiếp hiền trong pháp Phật Thích Ca mà tuyên dương chí giáo. Nay rất phù hợp với lời thầy ta nói nguyện nên độ thoát. Sư liền cạo tóc và trao giới cụ túc, rồi bảo rằng chánh pháp Nhãn tạng nay đã trao cho ông chớ để mất đi, rồi nói kệ rằng:

*Không tâm chẳng thể được*
*Nói được chẳng gọi pháp*
*Nếu hiểu tâm chẳng tâm*
*Mới hiểu tâm tâm Pháp.*

Sư nói kệ xong liền vào Tam-muội Sư tử phấn tấn, bay lên hư không cao hơn bảy cây đa-la, rồi trở về chỗ cũ hóa lửa tự đốt mình. Ba-tu-mật bèn thu nhặt linh cốt chứa trong bảy bình báu, lập bảy ngôi tháp mà thờ. Đấy là năm Giáp Thân đời vua Tương Vương năm thứ mười bảy.

***7. Tổ Bà Tu Mật:*** Người nước Bắc Thiên Trúc, họ Phả-la-đọa, thường mặc tịnh y cầm bình rượu đi vào xóm làng ngâm nga hoặc hò hét như người điên. Khi gặp Tôn giả Di-già-ca nói chuyện xưa của Như lai thì liền ném bình rượu đi mà xuất gia. Khi được trao pháp cho bèn đi hành hóa đến nước Ca-ma-la mà làm nhiều Phật sự. Ở trước Pháp tòa bỗng có một người Trí tự xưng ta tên là Phật-Đà-nan-đề nay luận nghĩa với sư. Sư nói: Nay nhân giả, luận tức chẳng nghĩa, nghĩa thì chẳng luận, nếu định luận nghĩa thì hoàn toàn chẳng phải nghĩa luận. Nan đề biết Sư nghĩa rất cao quý, tâm rất kính phục thưa rằng: Con xin cầu đạo thấm vị cam lộ Tôn giả bèn cạo tọc và truyền giới Cụ túc cho, lại bảo rằng: Chánh pháp Nhãn tạng của Như lai nay ta trao cho ông, ông nên giữ gìn, rồi nói kệ rằng:

*Tâm đồng cõi hư không*
*Bày ra pháp hư không*
*Khi chứng được hư không*

*Pháp không phải không trái.*

Tôn giả liền nhập Tam-muội từ tâm. Lúc đó Phạm Vương Đế-thích và các chúng trời cùng đến đảnh lễ mà nói kệ rằng:

*Các Thánh tổ kiếp hiền*
*Sẽ có vị thứ bảy*
*Tôn giả thương xót con*
*Hãy nói Phật Địa.*

Tôn giả xuất Định dạy chúng rằng: Ta được pháp mà vốn không có, nên biết Phật Địa lìa Hữu vô. Nói kệ xong bèn vào Tam-muội mà hiện tướng Niết-bàn. Nan-đề bèn ở chỗ pháp tòa mà xây tháp bảy báu để an táng toàn thân Sư. Bấy giờ là năm Tân Mùi đời vua Chu Định Vương năm thứ mười chín.

***8. Tổ Phật đà-Nan-đề:*** Người nước Ca ma la, họ Cù-đàm, trên đảnh có nhục kế, có tài biện luận lưu loát lanh lợi. Khi gặp Tôn giả Bà-tu-mật thì xuất gia thọ giới cụ túc. Rồi đích thân nhận đệ tử, hành hóa đến nhà Tỳ-xá-la ở thành của nước Đề-già, thấy trên nhà có ánh sáng trắng phát ra, bèn bảo học trò rằng: Nhà này đang có bậc Thánh. Miệng không nói là chân khí Đại thừa, chẳng đi các đường mà biết trược uế. Nói xong, Trưởng giả ra đảnh lễ và hỏi Ngài cần gì. Tôn giả bảo ta cần thị giả. Trưởng giả thưa: Con có một đứa con trai tên là Phục-đà-mật-đa đã năm mươi tuổi, miệng chưa hề nói và chân chưa hề đi đâu. Tôn giả nói: Người con như ông nói đúng là đệ tử ta. Tôn giả trông thấy thì liền đảnh đứng dậy lễ mà nói kệ rằng:

*Cha mẹ không phải người thân*
*Vậy người thân nhất là ai?*
*Chư Phật không phải Đạo con*
*Gì là Đạo cao quý nhất?*

Tôn giả nói kệ đáp rằng:

*Con nói thân và tâm*
*Cha mẹ không thể sánh*
*Con làm hợp với Đạo*
*Tâm chư Phật là đó*
*Ngoài cầu có tướng Phật*
*Chẳng hề giống với con*
*Muốn biết Bổn tâm con*
*Không hợp cũng không lìa.*

Phục đà mật đa nghe diệu kệ của Sư liền đi bảy bước. Sư nói:

Người này xưa đã từng gặp Phật bi nguyện rộng lớn, nghĩ cha mẹ tình yêu thương khó bỏ cho nên chẳng nói chẳng đi. Lúc đó Trưởng giả cho đi xuất gia Tôn giả liền trao cho Giới cụ túc lại bảo rằng: Nay ta trao chánh pháp Nhãn tạng của Như lai cho ông, ông đừng để mất. Bèn nói kệ rằng:

*Hư không chẳng trong ngoài*
*Tâm pháp cũng như thế*
*Nếu hiểu rõ hư không*
*Là thấu lý chân như.*

Phục-đà-mật-đa nhận lời phó chúc của Sư bèn nói kệ khen rằng:

*Thầy ta là Tổ Thiền*
*Ở vào vị thứ tám*
*Pháp hóa vô lượng chúng*
*Đều đắc A-La-hán.*

Khi ấy Tôn giả Phật Đà Nan-đề liền hiện thần biến rồi trở về chỗ cũ ngồi yên thị tịch, chúng xây tháp báu mà chôn toàn thân, đó là năm Bính Dần đời Chu Cảnh Vương năm thứ mười hai.

***9. Tổ Phục đà-mật-đa:*** Người nước Đề-già, họ Tỳ-Xá-La đã được Phật Đà-Nan-Đề phó chúc. Sau đến Trung Ấn-độ hành hóa. Lúc đó có Trưởng giả Hương Cái dắt một đứa bé đến đảnh lễ Tôn giả thưa rằng: Đứa trẻ này ở trong thai sáu năm, do đó đặt tên là Nan Sinh (khó sinh), lại có gặp một vị Tiên bảo đứa trẻ này không phải tầm thường mà sẽ là pháp khí. Nay gặp Tôn giả hãy cho đi xuất gia. Tôn giả liền xuống tóc và trao cho giới cụ túc. Khi Yết ma thì có ánh sáng lành chiếu sáng mà cảm được ba mươi hạt xá-lợi hiện ra trước mắt. Từ đó siêng năng không mỏi mệt. Rồi Sư bảo rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như lai nay trao cho ông, ông nên giữ gìn. Bèn nói kệ rằng:

*Chân lý vốn không tên*
*Do tên bày chân lý*
*Nhận được pháp chân thật*
*Chẳng chân cũng chẳng dối.*

Tôn giả giao pháp rồi liền vào Tam-muội Diệt tận mà nhập Niết-bàn. Chúng dùng dầu thơm chiên đàn mà trà tỳ thân xác, rồi nhặt xá-lợi xây tháp tại chùa Na-lan-đà. Đó là năm Giáp Dần đời Chu Kính Vương thứ ba mươi lăm.

***10. Tổ Hiếp Tôn giả:*** Người Trung Ấn-độ, xưa tên Nan Sinh, khi

Tôn giả sắp sinh, cha mộng thấy có con voi trắng trên lưng có một tòa báu để một hạt ngọc, từ cửa bước vào ánh sáng chiếu khắp mọi người. Khi thức dậy thì sinh ra. Sau gặp Tôn giả Phục Đà thì thường đứng hầu không hề ngủ nghỉ, lưng chẳng dính chiếu, bèn gọi là Hiếp Tôn giả. Xưa đến nước Hoa Thị nghỉ dưới một gốc cây, tay phải chỉ đất bảo chúng rằng: Đất này hóa thành màu vàng sẽ có Bậc Thánh đến gặp. Nói xong thì biến thành màu vàng. Lúc đó có con một Trưởng giả tên là Phú-na-dạ-xa-chấp tay đứng trước mặt. Tôn giả hỏi ông từ đâu đến? Dạ xa thưa: Tâm con không đến. Tôn giả hỏi ông đang đứng đâu. Thưa rằng tâm con không dừng. Tôn giả hỏi: Ông bất định chăng? Đáp rằng: Chư Phật cũng thế. Tôn giả nói ông không phải là chư Phật thưa rằng: Chư Phật cũng không phải là Tôn giả, do đó kệ rằng:

*Đất này biến màu vàng*
*Dự biết có Thánh đến*
*Sẽ ngồi cội Bồ đề*
*Giác Hoa mà được thành.*

Dạ Xa lại nói kệ rằng:

*Thầy ngồi đất màu vàng*
*Thường nói nghĩa chân thật*
*Ánh sáng xoay chiếu con*
*Khiến vào tam-ma-đế.*

Tôn giả biết ý liền độ cho xuất gia và truyền cho giới Cụ túc. Bèn bảo rằng nay trao Đại Pháp nhãn tạng của Như lai cho ông, ông nên giữ gìn, rồi nói kệ:

*Chân thể tự nhiên chân*
*Nhân Chân nói lý có*
*Hiểu được pháp chân chân*
*Không đi cũng không dừng.*

Tôn giả trao pháp rồi liền hiện thần biến mà nhập vào Niết-bàn, hóa lửa tự đốt. Bốn chúng đều dùng vạt áo mà đựng đầy xá-lợi, tùy nơi mà dựng tháp cúng dường. Bất giờ là năm Kỷ Hợi đời vua Chu Trinh Vương năm thứ hai mươi hai.

***11. Tổ Phú-na-dạ-xa:*** Người nước Hoa Thị, họ Cù đàm cha là Bảo Thân đã được pháp với ngài Hiếp Tôn giả. Liền đến nước Ba-la-nại, có Đại sĩ Mã Minh đón rước mà đảnh lễ. Do đó hỏi rằng: Tôi muốn biết Phật là ai? Sư nói ông muốn biết Phật, không biết chính là Phật. Liền thưa Phật đã là chẳng biết sao biết, làm  là phải? Sư nói: Đã chẳng biết

Phật làm sao biết chẳng phải? Thưa rằng: Đó là nghĩa cưa cắt. Sư nói đó là nghĩa gỗ. Lại hỏi nghĩa cưa là sao? Thưa: Cùng Sư bình ra. Lại hỏi nghĩa gỗ là sao? Sư nói: Ông bị ta cắt xẻ. Mã Minh bỗng nhiên tỏ ngộ, cúi đầu quy y xin cho cạo tóc xuất gia. Sư gọi chúng bảo rằng Đại sĩ này xưa là vua nước Tỳ-xá-ly, nước ấy có một loại người như ngựa trần truồng. Vua bèn vận dụng năng lực thần biến phân thân làm tằm nên họ có quần áo. Sau vua lại sinh ở Trung Ấn-độ. Người ngựa cảm thương không kêu do đó mà gọi Mã Minh (tiếng ngựa kêu). Như lai ký rằng: Sau khi Ta diệt độ sáu trăm năm sẽ có Hiền giả Mã Minh ở nước Ba-la-nại hàng phục ngoại đạo, độ người vô lượng nối truyền giáo ta nay đã đúng lúc. Liền bảo rằng Đại Pháp nhãn tạng của Như lai nay lại trao cho ông, rồi nói kệ rằng:

*Mê ngộ như ẩn hiển*
*Sáng tối chẳng lìa nhau*
*Nay giao pháp ẩn hiển*
*Chẳng một cũng chẳng hai.*

Tôn giả giao pháp xong bèn hiện thần biến rồi yên lặng viên tịch. Chúng xây dựng tháp báu để an táng toàn thân, bấy giờ là năm Mậu Tuất đời vua Chu An Vương năm thứ mười bốn.

***12. Tổ Mã Minh:*** Người nước Ba-la-nại cũng gọi là Công Thắng. Vì có các công đức hữu tác vô tác rất cao quý cho nên lấy đó đặt tên. Đã thọ pháp với Tôn giả Dạ-xa, sau ở nước Hoa Thị mà xoay bánh xe Pháp mầu nhiệm. Bỗng có một cụ già nằm lăn ra đất ở trước mặt. Sư bảo chúng rằng: Đây không phải hạng tầm thường mà có tướng lạ. Nói xong thì biến mất. Bỗng từ đất vọt lên một người màu vàng ròng, lại hóa thành cô gái tay phải chỉ Sư mà nói kệ rằng:

*Kính lạy bậc Trưởng lão*
*Nhận được Như lai ký*
*Nay ở trên đất này*
*Nói thông đệ nhất nghĩa.*

Nói kệ xong thì biến mất. Sư nói: Có ma đến cùng thử sức. Bỗng chốc có mưa gió dữ dội kéo đến trời đất tối đen. Sư nói là tin ma đến ta sẽ dẹp trừ. Rồi chỉ lên hư không hiện ra một rồng vàng lớn bay lượn hiện thần oai rung chuyển núi đồi. Sư ngồi yên để diệt ma sự, trải qua bảy ngày sau đó có một con sâu lớn như con sâu keo ẩn hình dưới chỗ ngồi. Sư cầm lên bảo chúng rằng: Đây là ma biến ra trộm nghe pháp ta. Rồi thả ra khiến đi, ma chẳng thể động đậy. Sư bảo ngươi chỉ cần

qui y Tam bảo thì liền được thần thông. Bèn trở lại thân cũ mà đảnh lễ sám hối. Sư hỏi ngươi tên gì quyến thuộc nhiều ít. Thưa rằng: Con tên Ca-Tỳ-Ma-La có ba ngàn quyến thuộc. Sư bảo: Ngươi dùng hết năng lực thần thông biến hóa ra thì ra sao? Ma nói tôi hóa biển lớn là việc nhỏ. Sư hỏi: Ngươi hóa tánh biển được chăng? - Thưa: Thế nào là tánh biển, tôi chưa từng biết. Sư liền vì nói tánh biển rằng: Núi sông đất đại đều y theo đó mà lập ra, Tam-muội Lục Thông do mà phát hiện. Ca-Tỳ-Ma-La nghe lời ấy rồi bèn cùng ba ngàn đệ tử đồng xin xuất gia. Sư gọi năm trăm A-La-hán cùng trao cho Giới cụ túc. Lại bảo rằng: Như lai Đại Pháp nhãn tạng nay lại trao cho ông. Ông hãy lắng nghe kệ:

*Ẩn hiển tức bổn pháp*
*Sáng tối vốn chẳng hai*
*Nay trao pháp Ngộ liễu*
*Chẳng lấy cũng chẳng lìa.*

Giao pháp xong, Sư liền nhập Tam-muội Long phấn tấn, bay lên hư không như vầng mặt trời, sau đó liền tịch. Bốn chúng chứa toàn thân Sư trong khám báu. Đó là năm Giáp Ngọ đời vua Chu Hiển Vương năm thứ ba mươi bảy.

***13. Tổ Ca-tỳ-ma-la:*** Người nước Hoa Thị, trước là ngoại đạo có ba ngàn đệ tử thông các di luận. Sau đắc pháp với Tôn giả Mã Minh, dắt đồ chúng đến Tây Ấn-độ. Ở đó có Thái tử tên là Vân Tự Tại, kính mến Tôn giả mời về cung cúng dường. Tôn giả nói Như lai có dạy Sa môn không được gần gũi các vua chúa đại thần quyền thế. Thái tử nói: Ở phía Bắc thành nước ta có núi lớn, trong đó có một cái hang đá, sư hãy Thiền tịch trong đó được chăng? - Sư nói được. Rồi vào núi ấy. Di được mấy dặm thì gặp con rắn lớn. Tôn giả đi thẳng không nhìn, bèn bò quanh thân Sư. Sư nhân đó trao cho ba qui y. Rắn lớn nghe xong liền bỏ đi. Tôn giả sắp đến hang đá, thì có một cụ già mặc đồ lụa trắng ra chấp tay chào hỏi. Tôn giả hỏi ông ở đâu, thì đáp: Tôi xưa từng là Tỳ-kheo rất ưa thích vắng lặng. Có một Tỳ-kheo mới học thường đến học hỏi, mà tôi phiền vì hỏi đáp nhiều nên nổi sân, khi chết rồi bị đọa làm rắn, ở trong hang này nay đã ngàn năm, nay gặp Tôn giả lại được nghe giới pháp nên đến tạ ơn. Tôn giả hỏi núi này có ai ở đây. Đáp rằng ở phía Bắc cách đây mười dặm có rừng cây lớn che kín năm trăm rồng lớn, vua cây ấy gọi là Long Thọ, thường nói pháp cho các rồng nghe. Tôi cũng nghe nhận ở đấy. Tôn giả bèn cùng đồ chúng đến đó, Long Thọ ra đón Tôn giả, thưa rằng: Núi sâu vắng vẻ là nơi rồng rắn ẩn mình, Đại

Đức Chí Tôn sao nhọc công đến đây? “Sư đáp: Ta không phải Chí tôn, đến đây để hỏi người Hiền. Long Thọ im lặng tự nghĩ rằng: Sư này có được quyết định tánh minh đạo nhãn chăng, là Đại Thánh nối chân thừa chăng? Sư nói: Tâm ý ngươi ta đã biết, chỉ nên xuất gia lo gì ta không phải Thánh. Long Thọ nghe xong liền hối hận tạ lỗi. Tôn giả liền độ cho xuất gia và năm trăm rồng cùng thọ giới cụ túc. Lại bảo Long Thọ rằng: Nay ta đem Đại Pháp nhãn tạng của Như lai mà trao lại cho ông, ông hãy nghe nói kệ:

*Pháp không Ẩn không hiển*
*Nói đó là chân thật*
*Ngộ pháp Ẩn hiển này*
*Không ngu cũng không trí.*

Trao pháp xong liền hiện thần biến rồi hóa lửa đốt thân. Long Thọ thu nhặt xá-lợi năm màu lập pháp kính thờ. Bấy giờ là năm Nhâm Thìn vào đời Chu Noãn Vương năm thứ bốn mươi mốt.

***14. Tổ Long Thọ Tôn giả:*** Người Tây Thiên Trúc, cũng gọi là Long Thắng. Trước đắc pháp với Tôn giả Tỳ La. Sau đến Nam Ấn-độ, người nước ấy phần nhiều tin phước nghiệp, nghe Tôn giả nói Diệu pháp bèn bảo nhau rằng: Người có phước nghiệp là bậc nhất ở thế gian, chỉ nói tin Phật thì có ai thấy được Tôn giả nói: Các ông muốn thấy Phật tánh thì trước phải dẹp trừ ngã mạn. Người ấy nói Phật tánh lớn hay nhỏ? Tôn giả nói Phật tánh không lớn không nhỏ không rộng không hẹp, không phước không báo không tử không sinh. Người ấy nghe lý cao siêu thì bèn hồi tâm ban đầu. Tôn giả lại ở trên tòa mà hiển bày thân tự tại như vầng trăng tròn đầy, tất cả chúng chỉ nghe pháp âm (tiếng pháp) mà không thấy tướng Sư. Trong chúng ấy có con của một Trưởng giả tên là Ca-na-đề bà bảo chúng rằng: Biết tướng này chăng? Chúng nói mắt chưa từng thấy làm sao biết được! Đề bà nói: Đây là Tôn giả hiện thể tướng Phật tánh để chỉ cho chúng ta, làm sao biết được? Vì Tam-muội vô tướng, hình dạng như mặt trăng tròn, nghĩa của Phật tánh là rỗng sáng vắng lặng. Nói xong thì tướng vầng trăng sáng liền ẩn mất, trở về bổn tòa như cũ bèn nói kệ rằng:

*Thân hiện tướng trăng tròn*
*Biểu thị Thể chư Phật*
*Nói pháp không có hình*
*Để luận không thinh sắc.*

Chúng ấy nghe kệ xong thì đốn ngộ Vô sinh, cùng nhau nguyện

được xuất gia để cầu giải thoát. Tôn giả liền cạo tóc và khiến các Thánh trao cho giới cụ túc. Nước ấy trước có hơn năm ngàn ngoại đạo, khi làm Đại huyễn thuật thì mọi người đều kính ngưỡng, Tôn giả bèn hóa độ khiến cho qui y Tam bảo. Sư lại soạn bộ luận Đại Trí Độ, luận Trung Quán, luận Thập Nhị Môn lưu truyền ở đời. Sau bảo đệ tử thượngthủ là Ca na đề bà rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như lai nay trao cho ông, hãy nghe ta nói kệ:

*Vì nói pháp ẩn hiển*
*Mới nói lý giải thoát*
*Đối pháp tâm không chứng*
*Không giận cũng không mừng.*

Trao pháp xong thì vào Tam-muội Nguyệt luân mà hiện nhiều thần biến. Rồi trở về chỗ ngồi mà an nhiên thiền tịch. Ca-na-đề-bà cùng bốn chúng lập tháp báu để chôn toàn thân. Đó là năm Kỷ Sửu, vào đời Tần Thủy Hoàng năm thứ ba mươi lăm.

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 2

A. Ba mươi lăm vị Tổ ở Thiên Trúc: (Trong đó 13 vị Tổ thấy có ghi chép, 22 vị Tổ bàng xuất không có ghi chép)

15. Tổ Ca-na-đề-bà
16. Tổ La-hầu-la-đa
17. Tổ Tăng-già-nan-đề
18. Tổ Già-tà-xá-đa
19. Tổ Cưu-ma-la-đa
20. Tổ Xà-dạ-đa
21. Tổ Bà-tu-bàn-đầu
22. Tổ Ma-noa-la
23. Tổ Hạt lặc na
24. Tổ Sư Tử Tôn giả.

- Đạt-ma-đạt (Sư Tử Tôn giả bàng xuất)
- Nhân-đà-la (Đạt-ma-đạt bàng xuất 2 Tổ)
- Cù-la-kỵ-lợi-bà
- Đạt-ma-thi-lợi-đế (Nhân-đà-la-bàng xuất 4 Tổ)
- Na-già-nan-đề
- Oha1-lâu-cầu-đa-la.
- Ba-la-bà-đề
- Ba-la-bạt-ma (cù-la-kỵ-lợi-bà bàng xuất 2 Tổ)
- Tăng-già-la-xoa.
- Ma-đế-lệ-phệ-la (Đạt-ma-thi-lợi-đế bày bàng xuất 2 Tổ)
- Ha-lợi-bạt-nậu
- Hòa-tu-bàn-đầu (Phá-lầu-cầu-đa-la bàng xuất 3 Tổ)
- Đạt-ma-ha đế
- Chiên-đà-la-đa
- Lặc-na-đa-la (Bà-la-bạt-ma bàng xuất 3 Tổ)
- Bàn-đầu-đa- la
- Tỳ-xá-dã-đa-la (tăng-già-la-xoa bàng xuất 5 Tổ)

- Tỳ-lâu-la-đa-ma
- Tỳ-lật-sô-đa-la
- Ưu-ba-thiện-đà
- Bà-nan-đề-đa

Hai mươi vị Tổ trên đây không có ngữ cú, cho nên không ghi chép.

25. Tổ Bà-xá-Tư-đa
26. Tổ Bất-như-mật-đa
27. Tổ Bát-nhã-đa-la
28. Tổ Bồ-đề-đạt-ma.

***

1. Tổ thứ 15: Ca-na-đề-bà
2. Tổ thứ 16: La-hầu-la-đa
3. Tổ thứ 17: Tăng-già-nan-đề
4. Tổ thứ 18: Già-da-xá-đa
5. Tổ thứ 19: Cưu-ma-la-đa
6. Tổ thứ 20: Xà-dạ-đa
7. Tổ thứ 21: Bà-tu-bàn-đầu
8. Tổ thứ 22: Ma-noa-la
9. Tổ thứ 23: Hạt lặc na
10. Tổ thứ 24: Sư Tử Tôn giả.
11. Tổ thứ 25: Bà-xá-Tư-đa
12. Tổ thứ 26: bất-như-mật-đa
13. Tổ thứ 27: Bát-nhã-đa-la

- Tôn giả Sư tử bàng xuất Đạt-ma-đạt, Đạt-ma-đạt lưu xuất 2 Tổ:

1. Nhân-đà-la
2. Cù-la-kỵ-lợi-bà

- Nhân-đà-la lưu xuất 4 Tổ:

1. Đạt-ma-thi-lợi-đế
2. Na-già-nan-đề
3. phá-lâu-cầu-đa-la
4. Ba-la-bà-đề.

- Cù-la-kỵ-lợi-bà lưu xuất 2 Tổ:

1. Ba-la-bạt-ma
2. Tăng-già-la-xoa

- Đạt-ma-thi-lợi-đế lưu xuất 2 Tổ:

1. ma-đế-lệ-bạt-la
2. Ha-lợi-bạt-mậu.

- Phá-lâu-cầu-đa-la lưu xuất 3 Tổ:
1. Hòa-tu-bàn-đầu
2. Đạt-ma-ha-đế
3. Chiên-đà-la-đa.
- Ba-la-bạt-ma lưu xuất 3 Tổ:
1. Lặc-na-đa-la
2. Bàn-đầu-đa-la
3. Bà-la-bà-đa.
- Tăng-già-la-xoa lưu xuất 5 Tổ:
1. Tỳ-xá-dã-đa-la
2. Tỳ-lâu-la-đa-ma
3. Tỳ-lật-sô-đa-la
4. Ưu-ba-thiện-đà.
5. Bà-nan-đề-đa.

Hai mươi vị Tổ bàng xuất trên đây không có cơ duyên ngữ cú, cho nên không ghi chép.

***- Tổ 15. Ca-na-đề-bà:*** Người ở Nam Thiên Trúc, họ Tỳ-xá-la, xưa đã cầu phước nghiệp và thích biện luận. Sau gặp Đại sĩ Long Thọ và các môn đệ. Long Thọ biết là người trí. Trước sai Thị giả đem bát nước đầy đặt trước chỗ ngồi. Tôn giả liền ném một cây kim mà tiến lên vui vẻ khế hội? Long Thọ liền nói pháp cho nghe không đứng dạy khỏi chỗ ngồi mà thấy tướng mặt trăng sáng lòa. Chỉ nghe tiếng mà không thấy thân Tôn giả bảo chúng rằng: Nay điềm lành này là Sư biểu thị Phật tánh nói pháp không phải là thanh sắc. Tôn giả đã đắc pháp, sau đến nước Tỳ-la, ở đó có vị Trưởng giả tên là Phạm Ma Tịnh Đức. Một hôm cây trong vườn sinh ra một lỗ tai lớn như cái nấm, mùi vị rất ngon, chỉ có Trưởng giả và đứa con thứ hai là La-hầu-la-đa lấy ăn. Lấy rồi thì nấm lại lớn lên nữa, các thân thuộc khác đều không trông thấy. Lúc đó Tôn giả biết rõ nhân xưa bèn đến nhà ấy. Trưởng giả hỏi lý do, Tôn giả nói: Nhà ông xưa có cúng dường một Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo này Đạo nhãn chưa sáng, vì thâm lạm của tín thí nên bị quả báo làm tai nấm, nhưng ông và con ông tinh thành cúng dường nên được hưởng nấm ấy, còn những người khác thì không. Lại hỏi Trưởng giả tuổi đã bao nhiêu? Đáp: Đã bảy mươi chín. Tôn giả bèn nói kệ rằng:

*Vào Đạo chẳng thông lý*
*Làm thân trả nợ người*
*Ông đến tuổi tám mốt*

*Cây không sinh nấm nữa.*

Trưởng giả nghe kệ càng thêm khen phục. Lại thưa: Đệ tử già yếu chẳng thể thờ phụng Sư, xin cho đứa con thứ hai theo Sư xuất gia. Tôn giả nói: Xưa Như lai có thọ ký cho đứa con này vào năm trăm năm thứ hai sẽ làm Đại giáo chủ, nay gặp đây rất phù hợp với nhân xưa. Bèn cho cạo tóc và thâu làm thị giả. Khi đến thành ba Liên Phất nghe các ngoại đạo tính kế ngăn cản Phật pháp đã lâu. Tôn giả bèn cầm một phướn dài đi thẳng vào giữa chúng của họ. Họ hỏi Tôn giả: Sao ông không tiến tới trước. Tôn giả hỏi lại sao ông chẳng lùi lại sau. Lại nói: Ông giống như kẻ hèn hạ. Tôn giả đáp ông như một người lành. Lại hỏi: Ông hiểu pháp gì. Tôn giả nói: Ông trăm thứ chẳng hiểu. Lại nói tôi muốn được thành Phật. Tôn giả nói: Ta cân nhắc sẽ thành Phật. Lại nói ông không thể được. Tôn giả nói Nguyên đạo thì ta được, còn ông thật không được. Lại nói: Ông đã chẳng được vì sao nói được. Tôn giả nói: Vì ông có ngã do đó mà không được, còn ta Vô ngã cho nên tự sẽ được. Họ luận bàn đã thua, bèn hỏi Sư ông tên gì? Tôn giả nói tôi tên Ca-na-đề-bà. Xưa họ đã nghe tiếng Sư bèn ăn năn tạ lỗi. Lúc đó trong chúng cũng có nhiều người muốn vặn hỏi Tôn giả dùng biện tài vô ngại mà dẹp hết bèn qui phục. Bèn gọi đệ tử thượng túc là La-Hầu-La-Đa mà giao cho Pháp nhãn tạng, nói kệ rằng:

*Vốn đối người truyền pháp*
*Vì nói lý giải thoát*
*Đối pháp thật không chứng*
*Không cuối cũng không đầu.*

Tôn giả nói kệ xong liền vào Định Phấn Tấn, thân phát ra tám luồng ánh sáng mà qui tịch. Học chúng xây tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Canh Thìn đời Tiền Hán Văn Đế năm thứ mười chín.

***- Tổ 16. La-hầu-la-đa:*** Người nước Ca-tỳ-la, đi hành hóa đến thành Thất-la-phiệt, có con sông tên là Kim Thủy mùi, vị rất ngon, giữa dòng sông lại hiện ra hình ảnh năm Đức Phật. Tôn giả bảo chúng rằng: Nguồn sông này có năm trăm dặm, có bậc Thánh Tăng Già-nan-đề ở đấy. Phật đã thọ ký một ngàn năm sau sẽ nối Thánh vị. Nói xong thì dẫn các đệ tử ngược dòng sông mà lên. Đến nơi thì thấy Tăng-già-nan-đề đang ngồi yên nhập định Tôn giả cùng chúng theo dõi, qua hai mươi mốt ngày mới xuất định. Tôn giả hỏi: Ông thân định hay tâm định, đáp thân tâm đều định. Tôn giả hỏi thân tâm đều định sao có xuất nhập. Đáp rằng: Tuy có xuất nhập nhưng không mất tướng định. Như vàng ở

trong giếng thì thể vàng luôn yên vắng. Tôn giả nói nếu vàng ở trong giếng ra khỏi giếng thì vàng chẳng động tịnh vậy cái gì ra vào. Đáp: Nói vàng động tịnh thì vật gì ra vào, cho vàng ra vào thì vàng không động tịnh. Tôn giả nói: Nếu vàng ở trong giếng mà ra thì là vàng nào, nếu vàng ra khỏi giếng thì là vật gì? Đáp: Nếu vàng ra khỏi giếng thì chẳng phải vàng. Nếu vàng ở giếng ra thì chẳng phải vật. Tôn giả nói nghĩa này không đúng. Đáp rằng: Lý ấy không đúng. Tôn giả nói nghĩa này phải sụp đổ. Đáp rằng: Nghĩa kia chẳng thành. Tôn giả nói: Nghĩa kia không thành mà nghĩa ta thành. Bảo rằng nghĩa tuy thành mà pháp chẳng phải ta. Tôn giả nói nghĩa ta đã thành vì ta Vô ngã. Đáp: Vì ta Vô ngã thì lại thành nghĩa nào? - Tôn giả nói: Vì ta Vô ngã cho nên thành nghĩa ông. Bảo rằng: Này Nhân giả, sư ở Thánh nào mà được Vô ngã? Tôn giả nói: Thầy ta là Ca-Na-Đề-Bà chứng Vô ngã ấy. Đáp rằng: Cúi lạy thầy Đề-Bà mà sinh ra nhân quả. Nhân quả và Vô ngã, ta muốn làm Thầy nhân quả Tôn giả nói: Tôi đã Vô ngã, ông phải thấy ngã mình. Nếu ông là thầy ta thì biết Ngã chẳng phải ngã của mình. Nan-Đề tâm ý rỗng suốt, liền cầu độ thoát. Tôn giả nói tâm ông tự tại không bị ngã sở buộc ràng. Nói xong liền dùng tay phải đẩy bát vàng lên đến Phạm Cung, lấy cơm thơm mà cúng trai đại chúng Đại chúng bỗng sinh tâm chán ghét. Tôn giả nói đây không phải lỗi của tôi mà do tự nghiệp của quý vị, rồi khiến Tăng-già-nan-đề cùng ngồi ăn. Chúng đều ngờ vực, Tôn giả nói các ông không được ăn đều do đây. Phải biết ngồi với ta là Như lai Ta-La Thọ Vương ở quá khứ vì thương xót chúng sinh mà hiện ra. Các ông cũng ở trong kiếp Trang Nghiêm (quá khứ) đã chứng đến quả thứ ba mà chưa chứng vô lậu (quả A-La-hán). Chúng thưa thần lực thầy tôi rất đáng tin. Họ nói còn Phật ở quá khứ thì rất đáng nghi. Tăng-già-nan-đề biết chúng sinh khinh nhờn bèn nói: Khi Thế-tôn còn ở đời, thế giới bằng phẳng không có gò đồi sông hồ hầm hố khe rãnh, nước đều ngon ngọt, cây cỏ xinh tươi. Cõi nước giàu có chẳng có tám khổ, đều làm 10 thiện. Ở rừng song thọ mà thị hiện vắng lặng đã 800 năm rồi, thì thế giới có gò hầm cây cối khô héo người không có lòng tin tốt chánh niệm kém yếu. Không tin chân như chỉ thích thần lực (thần thông). Nói xong, liền dùng tay phải vạch đất chui xuống đến tầng kim cang mà lấy nước cam lộ rồi dùng bình lưu ly đựng mà đem lên nơi chúng hội. Đại chúng thấy đều rất kính mến đảnh lễ sám hối. Do đó, Tôn giả gọi Tăng-già-nan-đề mà trao phó Pháp Nhãn. Kệ rằng:

*Đối pháp thật không chứng*
*Chẳng lấy cũng chẳng lìa*

*Pháp chẳng tướng có không*
*Trong ngoài làm sao khởi.*

Tôn giả trao phó pháp rồi ngồi yên mà viên tịch. Bốn chúng xây tháp thờ, bấy giờ là năm Mậu Thìn thời Tiền Hán Võ Đế năm thứ hai mươi tám.

***- Tổ 17. Tăng-già-nan-đề:*** Người ở thành Thất-La-Phiệt là con của vua Bảo Trang Nghiêm. Khi mới sinh ra đã biết nói, thường khen Phật sự. Lên bảy tuổi thì chán vui thế gian, dùng kệ thưa cha mẹ rằng:

*Kính lạy cha Đại từ*
*Kính lạy mẹ máu xương*
*Nay con muốn xuất gia*
*Rất mong được thương xót.*

Cha mẹ cố can ngăn, bèn cả ngày không ăn nên phải cho xuất gia nhưng phải ở tại nhà hiệu là Tăng-già-nan-đề lại mời Sa môn Thiên Lợi Đa làm thầy, suốt mười chín năm không hề mỏi mệt. Tôn giả tự nghĩ thân ở cung vua sao gọi là xuất gia. Một chiều tắt nắng thấy có một con đường bằng phẳng bất giác chầm chậm bước đi khoảng hơn mười dặm thì đến một núi có hang đá, bèn trốn vào đó. Vua cha mất con liền đuổi Thiền-lợi-đa ra khỏi nước, tìm con không biết ở đâu. Qua mười năm, Tôn giả đắc pháp được thọ ký rồi bèn hành hóa đến nước Ma-Đề. Bỗng có làn gió mát thổi vào chúng khiến thân tâm vui vẻ vô cùng, mà chẳng biết ở đâu. Tôn giả nói đây là gió đạo đức, sẽ có bậc Thánh ra đời Đệ tử nối pháp truyễn đăng. Nói rong dùng thần lực đem đại chúng đến hang núi. Phút chốc đến một ngọn núi hạ xuống bảo chúng rằng: Trên đảnh núi này có mây tím như cái lọng, bậc Thánh ở đây vậy. Liền cùng đại chúng bồi hồi giây lâu thì thấy nhà trong núi có đứa bé cầm một chiếu gương tròn đến trước Tôn giả. Tôn giả hỏi ngươi mấy tuổi? Thưa một trăm tuổi. Tôn giả hỏi ngươi còn nhỏ sao nói trăm tuổi. Đáp: Con chẳng hiểu lý chánh một trăm năm. Tôn giả nói ngươi là Thiện cơ phải chăng? Đáp Phật nói nếu người sống trăm năm chẳng hiểu cơ chư Phật thì chẳng bằng sống một ngày mà được hiểu rõ Sư nói: Trong tay ngươi, chỉ cái gì đó. Đáp: Gương tròn sáng của chư Phật trong ngoài không dấu vết, Cả hai người cùng thấy tâm nhãn đều giống nhau. Cha mẹ nghe lời con nói đều cho xuất gia. Tôn giả bèn dắt Sư đến hang đá cũ thọ Giới cụ túc xong đặt tên là Già-Da-Xá-Đa. Lúc đó theo gió thổi có tiếng chuông đồng trong điện kêu lảnh lót. Tôn giả hỏi Sư chuông kêu hay gió kêu. Sư nói không phải gió không phải chuông mà tâm con kêu. Tôn

giả hỏi tâm là gì? Sư nói đều vắng lặng. Tôn giả nói: Lành thay! lành thay! nối Đạo ta không ông thì còn ai nữa, bèn trao phó pháp, kệ rằng:

*Tâm địa vốn vô sinh*
*Nhân địa từ duyên khởi*
*Duyên chủng chẳng ngại nhau*
*Hoa quả cũng như thế.*

Tôn giả trao phó pháp rồi tay hữu vịn cây mà hóa. Đại chúng bàn rằng: Tôn giả ở dưới gốc cây mà qui tịch thì là bóng mát của con cháu, bèn đem toàn thân của Tôn giả lên cao nguyên mà lập Tháp. Chúng cố sức khiêng lên không nổi bèn ở dưới gốc cây mà xây tháp. Đó là năm Đinh Mùi, đời Tiền Hán Chiêu Đế năm thứ mười ba thời Tiền Hán vua.

***- Tổ 18. Già-da-xá-đa:*** Người nước Ma-đề, họ Uất-đầu-lam, cha là Thiên Cái, mẹ là Phương Thánh. Nằm mộng thấy có vị thần lớn trao cho cái gương mà có thai, bảy ngày sau thì sinh. Cơ thể trong sáng như lưu ly, chưa từng tắm gội tự nhiên thơm sạch. Thuở nhỏ thích nơi yên vắng, nói lời của trẻ phi thường. Một hôm, cầm gương ra gặp Tôn giả Nan-đề mà được độ. Ngài lãnh đồ chúng đến nước Đại Nguyệt Thị, thấy nhà của một Bà-la-môn có khí lạ. Tôn giả sắp vào nhà ấy thì chủ nhà là Cưu Ma-la-Đa hỏi rằng: Là đồ chúng (học trò) của ai? - Đáp: Là đệ tử Phật. Khi nghe hiệu Phật thì tâm thần sửng sốt liền đóng sập cửa lại. Tôn giả gõ cửa rất lâu, La-đa nói" nhà này không có người. Tôn giả hỏi: Đáp không người là ai đó? La-Đa nghe lời ấy thì biết là dị nhân, bèn mở cửa đón vào. Tôn giả nói xưa Thế-tôn ghi nhận là một ngàn năm sau khi ta diệt độ sẽ có một vị Đại sĩ xuất hiện ở nước Nguyệt Thị, nối tiếp làm hưng thạnh dòng Thánh mà giáo hóa. Nay ông gặp ta ắt là dịp đáng mừng này. Do đó Cưu-ma-la-đa phát sinh Túc mạng trí xin xuất gia và thọ giới cụ túc. Trao phó pháp xong, nói kệ rằng:

*Có giống có tâm địa*
*Nhân duyên sinh ra mầm*
*Đối duyên không ngại nhau*
*Sẽ sinh sinh không sinh.*

Tôn giả trao phó pháp xong liền bay lên hư không hiện 18 thứ thần biến rồi hóa Hỏa quang Tam-muội mà tự đốt thân. Chúng đem xá-lợi xây tháp thờ kính. Đó là năm Mậu Thân đời Tiền Hán Thánh Đế thứ 20.

***- Tổ 19. Cưu-ma-la-đa:*** Là con của Bà-la-môn nước Đại Nguyệt Thị. Xưa là người trời Tự Tại thấy Bồ tát Anh Lạc bỗng khởi ái tâm nên đọa sinh lên cõi trời Đao-Lợi. Nghe Kiều-thi-ca nói: Bát nhã ba la mật đa vì pháp thắng nên bay lên trời Phạm Thiên, vì lợi căn nên khéo nói pháp yếu. Các Thiên Tôn vì Đạo Sư mà nối Tổ. Lúc đó đến nước Giáng Nguyệt Thị. Sau đến Trung Thiên Trúc, có Đại sĩ tên là Xà-dạ-ma. Hỏi rằng nhà tôi cha mẹ đều dốc tin Tam bảo nhưng lại bị bệnh lao, hễ có xây cất gì đều không như ý, trong khi người làm Chiên-đà-la ở gần nhà tôi thì thân lại khỏe mạnh, làm việc gì lại hợp ý. Vì sao người ấy may, còn tôi xấu thế. Tôn giả nói: Chớ nghi ngờ, vì báo thiện ác có ba thời kỳ. Ở đời thấy có người làm nhân mà bị chết yểu bị tai nạn, làm tốt mà gặp xấu, nên nói không có nhân quả tội phước dối trá. Thật không biết bóng và tiếng vang theo nhau mảy may không sai, dẫu trải qua trăm ngàn muôn kiếp cũng không mất. Khi Xà-Dạ-Đa nghe lời ấy rồi thì cởi mở nghi ngờ. Tôn giả nói ông tuy đã tin ba nghiệp nhưng chưa rõ nghiệp từ hoặc sinh, hoặc nhân thức có, thức y vào bất giác (chẳng biết?), bất giác nương tâm. Tâm vốn thanh tịnh không sinh diệt, không tạo tác, không báo ứng, không hơn thua, vắng lặng mà sáng suốt. Nếu ông vào pháp môn này sẽ đồng với chư Phật. Tất cả thiện ác hữu vi vô vi đều như mộng huyễn. Xà-Dạ-Đa nghe xong thì hiểu rõ ý chỉ liền phát tuệ xưa mà cầu xuất gia rồi thọ giới cụ túc. Tôn giả bảo, nay lúc thị tịch của ta đã đến, ông nên Đệ tử nối pháp mà truyền giáo. Bèn trao phó cho Pháp Nhãn, kệ rằng:

*Trên tánh vốn không sinh*
*Đối người cầu mà nói*
*Đối pháp đã vô đắc?*
*Sao lo quyết chẳng quyết.*

Sư nói đây là diệu âm của Như lai câu thấy tánh thanh tịnh. Ông nên truyền khắp cho người học sau. Nói xong liền ở trên tòa lấy móng tay cào mặt, như hoa sen đỏ nở tròn, phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp bốn chúng mà vào vắng lặng. Xà-Dạ-Đa bèn xây tháp thờ, bấy giờ là năm Nhâm Ngọ đời Tân Thất năm thứ mười bốn.

***- Tổ 20. Xà-Dạ-Đa:*** Người nước Bắc Thiên Trúc, trí tuệ sâu rộng, hóa đạo vô lượng. Sau đến thành La Duyệt tuyên dương Đốn giáo. Ở đó có học chúng chỉ ưa chuộng biện luận, người đứng đầu tên là Bà-tu-bàn-đầu, hán dịch là Biến hành. Thường ăn một bữa, không nằm sáu thời lễ Phật, thanh tịnh vô dục mọi người đều theo. Tôn giả sắp muốn

độ, trước hỏi chúng ấy rằng: Biến Hành thực hành hạnh đầu-đà tu hành phạm hạnh có được Phật Đạo chăng? Chúng nói thầy tôi rất tinh tiến có gì mà không được. Tôn giả nói thầy ông cách xa với Đạo. Nếu khổ hạnh mà trải trần kiếp thì cũng đều là gốc giả dối. Chúng nói Tôn giả có đức hạnh gì mà chê thầy tôi. Tôn giả nói ta chẳng cầu đạo cũng chẳng điên đảo, ta chẳng lễ Phật cũng chẳng khinh mạn, ta chẳng ngồi mãi cũng chẳng biếng lười, ta chẳng ăn một bữa cũng chẳng ăn tạp, ta chẳng biết đủ cũng chẳng tham dục. Tâm không lo sợ, gọi là Đạo Biến Hạnh (Xà-Dạ-Đa) nghe rồi thì phát trí vô lậu mà vui mừng khen ngợi. Tôn giả lại hỏi chúng ấy: Có hiểu lời ta chăng? Tôi sở dĩ tâm cầu Đạo quá tha thiết, vì dây đàn quá căng sẽ đứt nên tôi chẳng khen. Nay khiến trụ vào chỗ An Lạc mà vào trí Phật. Lại bảo Biến Hạnh rằng tôi vừa ở trước chúng mà bài bác nhân quả có được không lo buồn chăng? Đáp: Tôi nhớ 7 kiếp trước đã sinh về nước Thường An Lạc. Sư ở Trí Giả Nguyệt Tịnh mà ký cho ta không bao lâu sẽ chứng quả Tư-đà-Hàm. Lúc đó có Bồ tát Đại Quang Minh ra đời, ta vì già yếu nên chống gậy đến lễ ra mắt, Sư hét lớn bảo ta trọng con khinh cha sao ngu như thế? Lúc đó tôi tự mình không lỗi gì xin Sư chỉ bảo. Sư nói khi ông lễ Bồ tát Đại Quang Minh thì lấy gậy dựng vào vách và dùng gậy vẽ mặt Phật, do lỗi khinh mạn đó mà mất hai quả. Tôi tự trách ăn năn sám hối, cho đến nay nên nghe các lời ác như gió thoảng như tiếng vang. Huống chi nay được uống cam lồ vô thượng mà lại giận buồn ư? Cúi mong Ngài đại từ bi chỉ dạy cho đạo vi diệu. Tôn giả nói: Ông từ lâu đã trồng các đức, sẽ nối tiếp tông ta. Hãy nghe kệ ta:

*Lời nói hợp Vô sinh*
*Đồng với tánh pháp giới*
*Nếu hiểu được như thế*
*Thông suốt hết sự lý.*

Tôn giả trao phó pháp rồi, bèn ngay chỗ ngồi mà an nhiên qui tịch. Trà tỳ xong thu xá-lợi xây tháp kính thờ, bấy giờ là năm Giáp tuất đời Hậu Hán Minh Đế năm thứ mười bảy.

***- Tổ 21. Bà-Tu-Bàn-Đầu:*** Người ở thành La-duyệt họ Tỳ-xá khư, cha là Quang Cái ,mẹ là Nghiêm Nhất, nhà giàu mà không có con. Cha mẹ đến tháp Phật mà cầu con. Một buổi tối mẹ mộng thấy nuốt hai viên ngọc châu một sáng một tối thức dậy liền có thai. Bảy ngày sau có một vị La Hán tên là Hiền Chúng đến nhà thì Quang Cái thiết lễ, Hiền Chúng ngồi thẳng mà nhận. Nghiêm nhất ra lạy, Hiền Chúng đứng sang

1 bên thưa rằng: Trả lễ cho pháp thân Đại sĩ. Quang Cái không hiểu lý do bèn lấy một hạt ngọc quỳ xuống dâng lên Hiền Chúng thử thật giả. Hiền Chúng bèn nhận ngọc mà không cảm ơn. Quang Cái không nhịn được bèn hỏi: Ta là trượng phu kính lễ thì không đoái hoài, còn vợ ta tôn đức lại tránh. Hiền Chúng đáp: Tôi nhận ngọc quý thì phước cho ông, còn vợ thì mang Thánh thai, sinh ra sẽ làm mặt trời trí tuệ cho đời cho nên phải tránh, không phải là trọng người nữ. Hiền Chúng lại nói vợ ông sẽ sinh hai con trai một trẻ tên Bà-tu-bàn-đầu thì tôi kính trọng, còn trẻ kia tên Cô Ni (hán dịch Dã Thước). Xưa Như lai ở núi Tuyết tu đạo, con chim Sô-ni làm tổ trên đỉnh đầu. Khi Phật thành đạo thì sô-ni được quả báo là vua nước Na-đề. Phật thọ ký rằng: Ngươi vào năm trăm thứ hai sẽ sinh vào thành La-Duyệt ở nhà Tỳ-xá-khư đồng thai với bậc Thánh. Nay quả chẳng sai. Một tháng sau thì sinh con. Tôn giả Bà-Tu-Bàn-Đầu đến năm mười lăm tuổi thì lễ La-hán Quang độ mà xuất gia, cảm Bồ tát Tỳ-bà-ha cùng trao giới cụ túc. Đi hành hóa đến nước Na đề, vua nước ấy tên là Thường Tự Tại có hai con trai: Một tên là Ma-ha La, đứa kế tên là Ma-noa-la. Vua hỏi Tôn giả rằng: Phong thổ thành La-Duyệt đồng hay khác với ở đây? Tôn giả nói: Cõi ấy từng có ba Đức Phật ra đời, nay vua có hai Sư hóa đạo. Hỏi: Hai Sư ấy là ai? Tôn giả nói: Phật đã thọ ký năm trăm năm thứ hai có một Thần lực Đại sĩ xuất gia nối Thánh, tức là người con thứ của vua Ma-noa-la một, tôi tuy đức mỏng nhưng cũng là người thứ hai. Vua nói nếu thật như lời Tôn giả nói thì nên khiến người con này làm Sa môn. Tôn giả nói: Lành thay Đại vương. Nay vâng theo ý Phật, rồi cùng thọ giới cụ túc, trao pháp kệ rằng:

*Bọt huyễn động vô ngại*
*Vì sao không liễu ngộ*
*Đạt pháp ở trong đó*
*Không nay cũng không xưa.*

Tôn giả trao pháp xong, liền bay lên cao nửa do tuần đứng sững, bốn chúng chí thành chiêm ngưỡng kính thỉnh, thì trở lại ngồi kiết già mà tịch. Bèn Trà tỳ, thu xá-lợi, xây tháp phụng thờ. Bấy giờ là năm Đinh Tỵ đời Hậu Hán Thượng Đế năm thứ mười hai.

***- Tổ 22. Ma-noa-la:*** Là con vua Thường Tự Tại nước Na-đề, năm ba mươi tuổi gặp Tổ sư Bà-tu cho xuất gia truyền pháp cho. Khi đến Tây Ấn-độ. Vua nước ấy tên là Đắc Độ tức dòng họ Cù-Đàm, qui y Phật thừa siêng năng tinh tiến. Một hôm ở chỗ hành đạo hiên ra 1 tháp nhỏ,

muốn đem cúng dường đại chúng nhưng bưng lên không nổi. Vua liền mở Đại hội Phạm hạnh thiền quán, chú thuật ba chúng muốn hỏi chỗ ghi. Lúc đó Tôn giả cũng đến hội ấy, cả ba chúng đều không luận được. Tôn giả bèn vì vua mà nói rộng lý do xây ngôi tháp (vua A-Dục xây tháp này). Nay hiện ra là do phước lực của vua mà có. Vua nghe nói bèn hỏi: Chí Thánh khó gặp, đời vui chẳng lâu, bèn truyền ngôi cho Thái tử mà lạy Tổ đi xuất gia, bảy ngày mà chứng bốn quả. Tôn giả càng an ủi khuyến bảo rằng: Ông ở nước này khéo tự độ người, nay cõi khác có Đại pháp khí, ta sẽ giáo hóa, khiến người ấy được độ. Hỏi rằng: Sư ứng hiện ở mười phương thì động niệm liền đến, thà là mệt nhọc mà đến đây. Tôn giả nói: Đúng. Do đó đốt hương ở xa nói với Tỳ-kheo Hạc-Lặc-Na ở nước Nguyệt Thị rằng: Ông ở nước ấy dạy dỗ Hạc chúng, Đạo quả sắp chứng sẽ tự biết. Lúc đó Hạc-Lặc-Na vì vua nước ấy là Bảo ấn nói kệ Tu-đa-la, bỗng thấy mùi thơm lạ sực nức. Vua hỏi đó là điềm lành gì? Đáp rằng: Đây là Tổ sư Ma-Noa-La ở Tây Ấn-độ truyền Phật Tâm Ấn sẽ đến, nên trước giáng hiện mùi thơm. Hỏi: Vị Sư này thần lực ra sao? Đáp rằng: Vị Sư này từ xa xưa theo lời Phật ký sẽ ở cõi này mà mở mang rộng khắp. Lúc đó vua cùng Hạc-lặc-na đều ở xa mà đảnh lễ. Tôn giả biết rồi bèn từ giã Tỳ-kheo được độ mà đến nước Nguyệt Thị, nhận cúng dường của vua cùng Hạc-lặc-na - Sau Hạc-lặc-na hỏi Tôn giả rằng: Tôi ở trong rừng đã chín năm có một đệ tử là Long Tử còn nhỏ mà thông minh. Tôi ở ba đời suy tìm mà không biết nguồn gốc. Tôn giả nói người này ở kiếp thứ năm sinh vào nhà Bà-la-môn ở nước Diệu Hỷ từng dùng gỗ chiên đàn mà làm chày đánh chuông ở chùa Phật nên được quả báo thông minh khiến mọi người kính phục. Lại hỏi: Tôi có duyên gì mà cảm được các chim Hạc. Tôn giả đáp: Ông ở kiếp thứ tư làm Tỳ-kheo đến dự hội ở Long cung. Các đệ tử đều muốn đi theo. Ông xét thấy năm trăm người trong chúng không có ai đáng nhận được sự cúng dường cao quý. Lúc đó các con (đệ tử) nói Sư thường nói pháp, đối với ăn bình đẳng thì đối với pháp cũng bình đẳng. Nay đã không thế sao bậc Thánh lại có. Ông liền cho đến dự hội. Từ khi ông chết rồi chuyên sinh các nước khác, còn năm trăm đệ tử kia vì phước đức yếu kém nên phải sinh làm chim hạc. Nay cảm ân tuệ ông nên các chim hạc đều theo. Hạc-lặc-na nghe xong liền hỏi: Dùng phương tiện gì để khiến chúng được giải thoát? Tôn giả nói: Ta có Vô thượng pháp bảo, ông sẽ thọ hóa ở vị lai mà nói kệ rằng:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển*
*Chỗ chuyển thật sâu kín*

*Tùy lưu nhân được tánh*
*Không mừng lại không lo.*

Lúc đó các chim hạc nghe kệ xong liền bay lên kêu vang mà đi. Tôn giả ngồi kiết già, an nhiên thị tịch. Hạc-lặc-na và vua Bảo Ấn xây tháp thờ. Bấy giờ là năm Ất tỵ đời Hậu Hán Hoàn Đế, năm thứ mười chín.

***- Tổ 23. Hạc-lặc-na:*** (Lặc Na là tiếng Phạm, còn Hạc là tiếng Hoa. Vì Tôn giả khi ra đời thường cảm đàn chim hạc mến thương nên lấy đó đặt tên), là người nước Nguyệt Thị thuộc dòng Bà-la-môn, cha là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang, vì không có con nên cầu con với bảy Đức Phật. Kim Quang mộng thấy trên đỉnh núi Tu di có một thần đồng cầm một vòng vàng bảo ta sẽ đến. Thức dậy liền có thai. Năm bảy tuổi thì du hành đến xóm làng, thấy dân gian cúng tế dân thần bèn vào miếu mắng rằng: Các ông tùy tiện bày ra họa phục để mê hoặc người giết hại sinh vật để cúng tế quá nhiều. Nói xong thì miếu mạo bỗng nhiên sụp đổ. Do đó dân làng gọi là con Thánh Tử. Năm hai mươi hai tuổi thì xuất gia. Năm ba mươi tuổi gặp Tôn giả Ma-noa-la mà được trao phó Pháp Nhãn, đi hành hóa đến Trung Ấn-độ. Vua nước ấy tên là Vô Úy Hải kính tin Phật Đạo, Tôn giả nói cho nghe chánh pháp. Sau đó vua bỗng thấy có hai người mặc áo đỏ-trắng lễ lạy Tôn giả. Vua hỏi đó là ai? Đáp: Ấy là Nhật Nguyệt Thiên Tử. Tôi xưa từng nói pháp cho họ nghe nên nay đến lễ bái, lát sau liền biến mất chỉ còn nghe mùi thơm lạ. Vua hỏi nước Nhật Nguyệt có nhiều ít. Tôn giả nói: Một ngàn thế giới mà Phật Thích Ca giáo hóa thì đều có trăm ức núi Mê lô Nhật Nguyệt. Nếu rộng nói thì chẳng thể hết. Vua nghe nói thì vui mừng. Bấy giờ Tôn giả diễn nói: Đạo vô thượng độ chúng có duyên vì Thượng Túc Long Tử mất sớm có anh là Sư Tử làu thông kinh sách ký sự của Bà-la-môn. Thầy ấy mất rồi, em cũng mất, bèn qui y Tôn giả mà hỏi rằng: Tôi muốn cầu Đạo phải dụng tâm như thế nào? Tôn giả nói: Ông muốn cầu đạo thì không có chỗ dụng tâm nào cả. Bèn hỏi: Đã không dụng tâm thì ai làm Phật sự. Tôn giả nói: Nếu ông có dùng thì không có công đức, nếu ông không làm thì tức là Phật sự. Tức kinh nói: Công đức ta làm mà không có của ta (làm công đức mà không có cái ta làm) Sư Tử nghe lời ấy rồi liền nhập tuệ Phật Tôn giả bỗng chỉ hướng Đông Bắc hỏi rằng: Cái gì là khí tượng? Sư Tử nói: Con thấy khí tượng như cái cầu vồng trắng xuyên qua trời đất. Lại có năm lằn khí đen vắt ngang qua đó. Tôn giả nói ấy là điềm gì? Đáp: Thật chẳng thể biết. Tôn giả nói:

Ta diệt độ rồi thì năm mươi năm ở nước Bắc Thiên Trúc sẽ có nạn dấy lên mà hại đến thân con. Ta sắp mất, nay đem Pháp Nhãn trao phó cho con nên khéo giữ gìn. Bèn nói kệ rằng:

*Khi nhẫn được tâm tánh*
*Ấy là không nghĩ bàn,*
*Rõ ràng không thật có*
*Lúc được chẳng nói biết.*

Tỳ-kheo Sư Tử nghe kệ xong thì rất vui mừng nhưng chưa hiểu sắp tới là nạn gì mà Tôn giả bèn ngầm chỉ. Nói xong liền hiện mười tám thân biến mà viên tịch. Làm lễ Trà-tỳ xong phân chia xá-lợi ai nấy đều muốn xây tháp kính thờ, thì Tôn giả lại hiện trên hư không mà nói kệ rằng:

*Một pháp tất cả pháp*
*Tất cả, một pháp nhiếp*
*Thân ta chẳng có không*
*Sao chia tất cả pháp.*

Đại chúng nghe bài kệ thì không phân chia nữa, ngay nơi trà-tỳ mà dựng tháp phụng thờ. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu Hiến Đế, đời Hậu Hán vua đời năm thứ hai mươi.

***- Tổ 24. Tỳ-kheo Sư Tử:*** Người ở Trung Ấn-độ thuộc dòng Bà-la-môn. Đắc pháp rồi thì du phương đến nước Kế-Tân. Có Ba-lợi-ca vốn quen Thiền quán cho nên có Thiền định mà biết trong năm chúng người nào chấp tướng, xã tướng mà không nói. Tôn giả hỏi để hóa giải thì bốn chúng đếu làm thinh tâm phục. Chỉ có Sư Thiền định Đạt-Ma-Đạt, nghe bốn chúng bị trách mà nổi giận liền đến. Tôn giả hỏi nhân quả tu định vì sao lại đến đây, đã đến đây sao nói tập định? Đáp rằng: Tuy tôi đến đây nhưng tâm cũng không loạn, định tùy người tu, há ở nơi chốn. Tôn giả nói: Nhân quả đã đến thì tập kia cũng đến. Đã không nơi chốn há ở người tập. Đáp rằng: Định tu người chứ không phải người tập định. Tôi tuy đến đây nhưng cùng định vẫn luôn tập. Tôn giả nói: Không phải người tu định mà định tạo người, khi đang đến đây thì định kia ai tu? Đáp rằng: Như hạt ngọc sáng trong ngoài không che lấp. Nếu định thông suốt thì phải như thế. Sư nói nếu định thông suốt thì giống y như ngọc sáng, nay thấy nhân quả không phải là châu. Đáp rằng: Châu ấy trong suốt trong ngoài đều định, tâm tôi không loạn cũng như tịnh này. Sư nói: Châu ấy không trong ngoài nhân quả làm sao có thể định vật dơ mà không lay động định này không phải tịnh ấy. Đạt-ma-đạt được Tôn

giả khai thị (chỉ dạy) tâm địa rỗng rang. Tôn giả đã nhiếp năm chúng tiếng đồn gần xa. Bèn tìm người Đệ tử nối pháp. Bỗng gặp một Trưởng giả dắt con đến hỏi Tôn giả rằng: Đứa con này tên là Tư Đa, khi sinh ra tay trái tả nắm lại, nay đã lớn mà vẫn không buông ra. Xin Tôn giả nói nhân xưa. Tôn giả nhìn liền đưa tay nói: Trả lại viên ngọc cho ta. Đứa bé nghe xong liền mở tay dâng ngọc, mọi người đều kinh lạ. Tôn giả nói kiếp trước ta làm Tăng có nuôi đứa bé tên là Bà xá, Ta từng đi Tây Hải chứng trai giao ngọc cho giữ, nay trả lại ta, lý phải như thế. Trưởng giả bèn cho con xuất gia, Tôn giả bèn truyền cho giới cụ túc. Do có duyên đời trước nên gọi Bà-xá-Tư-đa Tôn giả liền bảo: Thầy ta có đoán trước tai nạn sẽ xảy đến không lâu. Chánh Pháp nhãn tạng của Như lai nay đã giao cho ông, ông nên giữ gìn độ khắp người sau. Kệ rằng:

*Khi chánh nói tri kiến*
*Tri kiến đều là tâm*
*Tâm này tức tri kiến*
*Tri kiến tức ở đây.*

Tôn giả nói kệ xong, lấy y Tăng-già-lê lén trao cho Tư-đa bảo đi nước khác tùy cơ hóa độ. Tư-đa nghe lời dạy liền đến thẳng Nam Thiên. Tôn giả vì nạn không thể tránh nên một mình ở lại nước Kế-tân. Lúc đó trong nước có hai ngoại đạo: Một tên là Ma-mục-đa, người kia tên là Đô-lạc-già, học các huyễn pháp muốn mưu loạn, bèn giả hình Sa môn lén vào cung vua. Lại nói việc không thành thì tội qui về con Phật, bèn yêu mị gây họa. Việc bại lộ, vua giận dữ nói: Ta đã qui y Tam bảo, sao lại cấu kết mưu hại ta thế này. Bèn sai phá nát chùa viện đuổi tăng chúng. Lại tự cầm gươm đến chỗ Tôn giả hỏi: Sư có được uẩn không chăng? Tôn giả nói đã được uẩn không vua hỏi có lìa sinh tử chăng. Đáp: Đã lìa sinh tử. Vua nói: Đã lìa sinh tử thì hãy cho ta cái đầu. Tôn giả nói: Thân không phải ta, có tiếc chi cái đầu. Vua liền quơ kiếm chặt đầu Tôn giả, bèn vọt ra một dòng sữa trắng vượt lên cao mấy thước. Cánh tay phải của vua lập tức cũng rơi xuống đất bảy ngày sau thì chết. Thái tử là Quang Thủ than rằng: Vì sao cha ta tự gây họa. Lúc đó có vị tiên ở núi Tượng Bạch hiểu sâu nhân quả, bèn vì Quang Thủ nói rõ nhân xưa mà mở lưới nghi (có nói rõ trong Bảo Lâm Truyện). Rồi đem thi thể của Tôn giả Sư Tử an táng vào tháp báu. Đó là năm Kỷ mão đời Ngụy Tề Vương năm thứ hai mươi. - Tôn giả Sư Tử giao cho Bà-xá-tư-đa Tâm Pháp Tín Y để làm chứng là dòng chánh. Ngoài Đạt-ma-đạt ra bàng xuất gồm bốn đời có hai mươi hai vị Sư khác.

***- Tổ 25. Bà-xá-tư-đa:*** Người nước Kế Tân thuộc dòng Bà-la-môn, cha là Tịch Hạnh, mẹ là Thường An Lạc. Khi xưa mẹ mộng được kiếm thần, nhân đó mà có thai. Khi sinh ra thì tay trái nắm lại. Gặp Tôn giả Sư Tử mà hiển rõ nhân xưa ngầm trao Tâm Ấn. Sau đến Nam Thiên vào Trung Ấn-độ. Vua nước ấy tên là Ca Thắng thiết lễ cúng dường. Lúc đó có ngoại đạo hiệu là Vô ngã Tôn. Trước được vua tôn trọng nay Tổ (Tổ Bà-Xá-Tư-đa) đến nên ghen ghét mà đến đòi nghị luận, may mà thắng thì sẽ được vua quý như xưa. Bèn ở trước vua gọi Tổ bảo rằng: Tôi hiểu luận ngầm mà không nhờ nói năng. Tổ nói vậy làm sao biết ai hơn ai thua. Đáp: Không tranh hơn thua chỉ cần lấy nghĩa. Tổ hỏi: Ông lấy gì làm nghĩa? Đáp: Vô tâm làm nghĩa. Tổ nói ông đã vô tâm sao lại được nghĩa. Đáp: Tôi nói vô tâm phải gọi phi nghĩa (chẳng phải nghĩa?). Tổ nói: Ông nói vô tâm phải gọi phi nghĩa. Ta nói phi tâm thì nghĩa ấy phi danh (không tên?). Đáp: Nghĩa ấy không tên thì ai có thể nói nghĩa. Tổ nói: Ông gọi phi nghĩa thì tên này là gì? Vì biện phi nghĩa là tên (gọi) không tên. Tổ nói: Tên đã không phải tên, nghĩa cũng chẳng phải nghĩa thì người biện là ai, đương biện vật gì. Như thế mà đối đáp qua lại năm mươi chín lần. Ngoại đạo bèn nín im mà tin phục. Lúc đó Tổ bỗng xoay mặt về phía Bắc mà chấp tay than rằng: Ôi thầy ta Tôn giả Sư Tử nay gặp nạn đáng thương. Bèn từ giả vua trở về Nam Thiên ẩn vào hang núi. Lúc đó vua nước ấy tên là Thiên Đức đón thỉnh Sư cúng dường. Vua có hai người con trai: Một người hung bạo mà có sức mạnh, người kia hiền lành mà thường đau ốm. Tổ bèn nói rõ nhân quả vua hiểu hết nghi. Lại có thầy chú thuật ganh ghét Tổ, lén bỏ thuốc độc vào cơm. Tổ biết mà vẫn ăn thì người ấy bị họa, bèn xin Tổ đi xuất gia, Tổ liền trao cho Giới cụ túc. Sau sáu mươi năm Thái tử Đắc Thắng lên ngôi. Lại tin ngoại đạo gây nạn cho Tổ. Thái tử Bất-Như-Mật-Đa khuyên can vua mà nên bị vua bắt giam. Vua hỏi Tổ: Nước tôi quét sạch yêu mị dối trá. Chỗ truyền của Sư là Tông gì? Tổ nói nước Ngài thật ra xưa nay không có tà pháp, chỗ tôi được là Phật tông. Vua nói: Phật đã diệt độ một ngàn hai trăm năm rồi, Sư từ ai mà được. Tổ nói Ẩm Quang (Ca-diếp) Đại sĩ được Phật ấn chứng truyềnmãi đến đời thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử, tôi từ người ấy mà được. Vua nói tôi nghe nói Tỳ-kheo Sư Tử không tránh khỏi bị giết làm sao có thể truyền pháp cho người sau? Tổ nói: Thầy tôi khi nạn chưa có đã thầm trao cho tôi Tín Y và pháp kệ mà hiển rõ thầy trò. Vua hỏi: Y ấy ở đâu. Tổ bèn lấy y trong đải ra trình cho vua xem. Vua sai đem đốt thì y ấy năm màu ngời sáng củi cháy hết rồi mà vẫn còn nguyên như cũ. Vua liền làm lễ sám hối Sư Tử. Người Đệ

tử nối pháp thật đã rõ. Bèn tha tội cho Thái tử. Thái tử xin xuất gia. Tổ hỏi Thái tử rằng ông muốn xuất gia thì làm việc gì? Đáp: Nếu tôi xuất gia thì không làm việc ấy. Tổ hỏi: Không làm việc gì? Đáp: Không làm việc tục. Tổ nói: Vậy làm việc gì. Đáp: Đều làm Phật sự. Tổ nói Thái tử trí tuệ tự nhiên đến ắt là các Thánh giáng tích. Rồi cho xuất gia, sáu năm hầu hạ. Sau ở cung vua mà yết-ma thọ Giới cụ túc. Đất đai rúng chuyển có rất nhiều điềm lạ. Tổ gọi bảo: Ta đã già yếu làm sao có thể ở lâu. Ông nên khéo giữ gìn Chánh Pháp Nhãn tạng mà độ khắp hữu tình. Kệ rằng:

*Bậc Thánh nói tri kiến*
*Ngay cảnh chẳng phải trái*
*Nay ta ngộ chân tánh*
*Không đạo cũng không lý.*

Bất-như-mật-đa nghe kệ xong lại trình Tổ rằng: Pháp y có thể được truyền trao. Tổ nói: Y này vì nạn nên mượn để chứng minh, thân ông không nạn mượn y ấy làm gì. Hóa đủ thì khắp người mười phương tin nhau cùng đến. Bất-như-mật-đa nghe lời đảnh lễ mà lui. Tổ hiện thần biến và hóa lửa Tam-muội tự thiêu thân. Đất bằng mà xá-lợi cao đến một thước. Vua Đắc Thắng xây tháp thờ. Lúc ấy là năm Ất Dậu đời Đông Tấn Minh Đế niên hiệu Thái Ninh năm thứ ba.

***- Tổ 26. Bất-như-mật-đa:*** Là Thái tử con của vua Đắc Thắng ở nước Nam Ấn-độ. Đã đắc pháp xong liền đến Đông Ấn-độ vua nước ấy tên là Kiên Cố, thờ ngoại đạo Trường Trảo Phạm Chí làm thầy. Khi Tôn giả đến thì vua cùng Phạm Chí đồng thấy khí trắng thông trên dưới. Vua hỏi điềm gì thế. Phạm Chí biết trước Tôn giả đã vào nước sợ vua trọng vọng nên đáp đây là điềm ma đến. Bèn nhóm hợp học trò bàn rằng: Bất-Như-Mật-Đa sắp vào thành, ai có thể khuất phục được? Đệ tử nói chúng con đều có chú thuật có thể làm động trời đất vào nước lửa có lo gì. Tôn giả đến cung điện có khí đen bèn bảo: Có nạn nhỏ đây. Rồi thẳng đến chỗ vua. Vua hỏi: Sư đến có việc gì. Đáp: Sắp độ chúng sinh. Hỏi: Dùng pháp nào độ? Tôn giả nói: Đều tùy loại mà độ. Lúc đó Phạm Chí nghe nói thì liền nổi giận bèn dùng huyễn pháp mà hóa ra núi lớn ở trên đảnh Tôn giả. Tôn giả chỉ tay thì núi bỗng ở trên đầu chúng. Phạm Chí sợ hãi đầu hàng. Tôn giả thương chúng ngu mê bèn chỉ tay thì núi biến mất. Bèn vì vua mà giảng nói pháp yếu khiến về với chân thừa. Lại bảo vua rằng: Nước này sẽ có Bậc Thánh nối tiếp. Lúc đó có con của Bà-la-môn đã hai mươi tuổi, sớm mất cha mẹ không biết tên

họ hoặc tự nói là Anh Lạc nên gọi là Đồng Tử Anh Lạc đi ăn xin qua ngày giống như Bồ tát Thường Bất Khinh. Người đời hỏi: Ông sao đi gấp thì liền bảo sao ông đi chậm. Có người hỏi họ gì thì đáp một họ với ông. Chẳng biết nguyên cớ thế nào? Sau vua và Tôn giả cùng ngồi xe dạo chơi thì thấy Đồng Tử Anh Lạc đứng phía trước cúi chào. Tôn giả hỏi ngươi nhớ việc xưa chăng thì đáp con nhớ kiếp xa xưa đã ở chung với thầy, Thầy diễn nói Ma-ha Bát Nhã con đổi Tu-đa-la sâu xa. Việc nay hợp với nhân xưa. Tôn giả lại bảo vua rằng: Đứa bé này không ai khác, chính là Bồ tát Đại Thế Chí. Sau Thánh này lại có hai người: Một người giáo hóa ở Nam Ấn-độ, một người hóa duyên ở Chấn Đán (Trung quốc). Trong bốn năm năm lại trở về chốn này. Vì nhân xưa mà gọi là Bát-nhã-đa-la. Rồi trao phó cho pháp Nhãn Tạng có kệ rằng:

*Chân tánh trong tâm địa*
*Không đầu cũng không đuôi*
*Ứng duyên mà độ vật*
*Phương tiện gọi là trí.*

Tôn giả phó pháp rồi bèn từ giả vua rằng: Tôi hóa duyên đã trọn, phải trở về vắng lặng, nguyện vua đối với tối thượng thừa không quên ngoại hộ, rồi trở về chỗ cũ ngồi kiết già mà tịch, lại hóa lửa đốt thân. Vua thu xá-lợi xây tháp thờ. Bấy giờ là năm Mậu Tý đời Đông Tấn Hiếu Võ Đế, niên hiệu Thái Nguyên năm thứ ba mươi.

***- Tổ 27. Bát-nhã-đa-la:*** Là người Đông Ấn-độ, đã đắc pháp rồi bèn đi hành hóa đến Nam Ấn-độ. Vua nước ấy tên là Hương Chí, kính thờ Phật thừa tôn trọng cúng dường chư tăng, lại thí bảo châu vô giá. Lúc đó vua có ba người con trai người con út là một bậc khai sĩ Tôn giả. muốn thử tài bèn đem việc thí châu mà hỏi ba Vương tử rằng: Ngọc này tròn sáng có cái gì bằng nó chăng? Người con thứ nhất là Mục Tịnh Đa La, người thứ hai Công Đức Đa-la đều nói ngọc này là bậc nhất trong bảy thứ báu chắc chắn không gì hơn, không phải đây là vật báu thế gian chưa đủ để làm bậc nhất ở trong các vật báu thì pháp bảo là bậc nhất. Đây là ánh sáng thế gian sáng thế gian chưa bậc nhất, ở trong các ánh sáng thí trí quang là bậc nhất. Đây là sáng thế gian chưa đủ để làm bậc nhất, ở Tôn giả có Đạo lực thì có ai nhận được. Người con thứ ba là Bồ-đề-đa-la nói: Trong các sáng thì tâm minh là bậc nhất, ánh sáng của ngọc này không thể tự chiếu mà cần phải nhờ ánh sáng của trí quang, đã nói đây rồi liền biết là ngọc, đã biết là ngọc thì liền làm sáng báu ấy. Nếu làm sáng báu ấy thì báu chẳng tự báu, nếu nói ngọc ấy thì ngọc

chẳng tự ngọc. Vì ngọc chẳng tự ngọc thì cần phải nhờ trí châu mà nói châu. Báu chẳng tự báu nên cần phải nhờ trí báu để làm sáng pháp báu. Nhưng Sư có Đạo ấy thì báu kia liền hiện. Chúng sinh có đạo tâm báu cũng như thế. Tôn giả khen biện tuệ, bèn hỏi rằng: Trong các vật thì vật gì không tướng? Đáp: Trong các vật chẳng khởi không tướng. Lại hỏi: Trong các vật thì vật gì cao nhất. Đáp: Trong các vật thì nhân ngã là cao nhất. Lại hỏi: Trong các vật thì vật gì lớn nhất. Đáp: Trong các vật pháp tánh là lớn nhất. Tôn giả biết là người Đệ tử nối pháp vì thời chưa đến nên im lặng mà lẫn lộn. Khi vua Hương Chí lìa đời thì mọi người đều kêu gào nức nở chỉ có người con thứ ba là Bồ Đề Đa La ở trước linh cửu nhập định trải bảy ngày mới xuất định. Bèn xin xuất gia rồi thọ giới cụ túc. Tôn giả bảo rằng: Như lai đem Chánh Pháp Nhãn mà giao cho Ca-diếp như thế lần lượt đến ta. Nay ta giao lại cho ông, ông nghe kệ ta.

*Tâm địa sinh các giống*
*Nhờ sự lại sinh lý*
*Quả mãn, Bồ-đề viên*
*Hoa nở, thế giới khởi.*

Tôn giả trao phó pháp rồi liền ở trên chỗ ngồi đứng dậy duỗi hai tay đều phát ra hai mươi bảy luồng ánh sáng năm màu rực rỡ sáng lòa. Lại bay lên hư không cao bảy cây Đa-la hóa lửa tự đốt thân trên hư không, xa-lợi như mưa bèn thâu nhặt mà xây tháp thờ, bấy giờ là năm Đinh Dậu đời Tống Hiếu Võ Đế niên hiệu Đại minh năm thứ nhất.

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 3

Năm vị Tổ Trung Hoa và bàng xuất các vị Tôn Túc, gồm có 25 vị:

***1. Tổ thứ 28: Bồ-đề-đạt-Ma***

Thiền sư Đạo Dục (Bồ-đề-đạt-đa bàng xuất 3 vị):

Thiền sư Đạo Phó

Ni Tổng Trì

Ba vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép.

***2. Tổ thứ 29: Đại sư Tuệ khả.***

- Thiền sư Tăng na (Đại sư Tuệ Khả bàng xuất 7 đời gồm có 17 vị):
- Cư sĩ Hướng
- Thiền sư Tuệ Mãn ở Tương Châu (ba vị trên đây thấy có ghi chép).
- Thiền sư Thiền Định ở Hiện Sơn.
- Thiền sư Bảo Nguyệt
- Cư sĩ Hoa Nhàn
- Đại sĩ Hóa Công
- Hòa công
- Cư sĩ Liêu
- Đàm Thúy (Cư sĩ Hoa nhàn lưu xuất).
- Tuệ Giản ở Diên Lăng (Đàm Thúy lưu xuất 2 vị).
- Tuệ Sai ở Bành Thành
- Tuệ Cương ở Chùa Định lâm
- Đại Giác ở Lục Hợp (Tuệ cương lưu xuất).
- Đàm ành ở Cao bưu (Đại Giác lưu xuất).
- Minh Luyện ở Thái sơn (Đàm Ảnh lưu xuất).
- Tĩnh Thái ở Dương Châu (Minh Luyện lưu xuất, 14 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ lục, cho nên không ghi chép).

3. Tổ thứ 30: Đại sư Tăng Xán

4. Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín (bàng xuất 76 vị xem quyển thứ 4).

5. Tổ thứ 32: Đại sư Hoằng Nhẫn (bàng xuất 107 vị xem ở thứ 4).

**- Tổ 28** (1): **BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA:** Là con thứ 3 của vua Hương Chí nước Nam Thiên Trúc, dòng Sát-đế-lợi, vốn tên là Bồ-Đề-Đa-La. Sau gặp tổ hai mươi bảy là Bát-Nhã-đa-la đến nước này được vua cúng dường. Biết Sư ẩn kín dấu vết nên nhân đó thử, khiến hai anh bàn về bố thí châu báu mà phát sáng tâm yếu. Được Tôn giả bảo: Ông đối với các pháp đã được thông suốt. Đạt-ma nghĩa là thông đại nên gọi là Đạt-ma, nhân đó đổi hiệu là Bồ-Đề-Đạt-Ma. Sư mới bày tỏ với Tôn giả rằng: Con đã đắc pháp nên đến nước nào mà làm Phật sự xin thầy chỉ bảo. Tôn giả nói: Ông tuy đắc pháp nhưng chưa thể đi xa phải ở Nam Thiên Trúc đợi ta diệt độ sáu mươi bảy năm thì mới sang Chấn Đán (Trung Hoa) mà lập Đại pháp dược tiếp dẫn thẳng bậc thượng căn, chớ nên đi sớm e mau suy tàn. Sư lại hỏi ở đây có Đại sĩ có khả năng làm pháp khí chăng? Sau ngàn năm có chướng ngại không? Tôn giả nói: Chỗ ông hóa độ người được Bồ đề rất đông không thể kể xiết, Ta diệt độ rồi hơn sáu mươi năm thì nước ấy có nạn, văn bày trong nước tự khéo hàng phục. Ông đến thì không nên ở phương Nam. Ở đó chỉ thích công nghiệp hữu vi mà không thấy Phật lý. Ông dẫu có đến đó cũng không thể ở lâu được, hãy nghe kệ ta:

*Đường đi nhảy nước lại gặp dê*
*Riêng tự man mác lén vượt sông*
*Ngày xuống nên thương đôi voi ngựa,*
*Hai cây quế đẹp tươi tốt lâu.*

Lại nói tám bài kệ đều dự biết Phật giáo thịnh hành và suy tàn (có nói trong Bảo lâm truyện) Sư cung kính nương theo giáo nghĩa lại siêng trợ giúp mọi người suốt bốn mươi năm không hề bỏ sót. Khi Tôn giả viên tịch bèn diễn hóa trong nước ấy. Lúc đó có hai Sư một tên là Phật Đại Tiên, một tên là Phật Đại Thắng Đa vốn cùng Sư đồng học Phật-Đà-bạt-đà về Thiền quán Tiểu thừa. Phật Đại trước đã gặp Tôn giả Bát-nhã Đa-la, bèn bỏ Tiểu thừa theo Đại Tiên cùng Sư mở rộng giáo hóa, lúc đó gọi là hai Cam Lộ Môn. Nhưng Phật Đại Thắng Đa lại rẽ đường mà chia ra sáu Tông: 1/ Hữu tướng tông, 2/ Vô tướng tông, 3/ Định tuệ tông, 4/ Giới hạnh tông, 5/ Vô đắc tông, 6/ Tịch tịnh tông. Đều phong cho mình là hiểu biết riêng nguồn truyền hóa xóm làng

hưng thịnh đồ chúng rất đông. Đại sư bùi ngùi than rằng: Sư ấy đã đạp lỗ chân trâu, huống chi lại chi li phồn thạnh mà chia ra sáu tông, nếu ta không dẹp trừ thì mãi bị tà kiến buộc ràng. Nói xong bèn hiện thần lực đến chỗ tông Hữu tướng. Hỏi rằng thế nào là Thật tướng của: Tất cả các pháp. Trong chúng có một người lớn nhất tên là Tát-bà-la đáp rằng. Trong các tướng chẳng có các tướng lẫn nhau đó gọi là thật tướng. Sư nói tất cả các tướng mà không có lẫn nhau nếu gọi thật tướng thì lấy gì mà định? Người ấy đáp: Trong các tướng thật không nhất định, nếu nhất định các tướng thì sao gọi là Thật. Sư nói: Các tướng chẳng nhất định nên gọi là thật tướng, nay ông chẳng nhất định thì làm sao được. Người ấy đáp: Tôi nói bất định mà chẳng nói các tướng. Phải nói các tướng nghĩa nó cũng thế. Sư nói: Ông nói chẳng nhất định phải là thật tướng, mà định đã chẳng nhất định tức không phải là thật tướng. Người ấy nói định đã chẳng định tức chẳng phải thật tướng biết (ngã) chẳng đúng cho nên chẳng nhất định chẳng thay đổi. Sư nói nay ông chẳng đổi sao gọi thật tướng. Đã đổi đã qua thì nghĩa ấy cũng thế. Người ấy nói: Bất biến thì thường tại vì tại hay chẳng tại cho nên biến thật tướng để định nghĩa nó. Sư nói thật tướng chẳng đổi đổi thì không phải thật, trong có không sao gọi thật tướng được. Trong tâm Tát-Bà-La biết là Thánh sư hiểu sâu xa thông suốt kín đáo. Liền đưa tay chỉ hư không nói rằng: Đây là thế gian có tướng cũng có thể là không thì thân ta đây có giống như thế chăng? - Sư đáp: Nếu hiểu thật tướng liền thấy chẳng phải tướng. Nếu hiểu chẳng phải tướng thì sắc ấy cũng thế, phải ở trong sắc mà không mất sắc thể, ở trong phi tướng mà chẳng ngại có, nếu như thế là hiểu được tên thật tướng này. Chúng ấy nghe xong thì tâm ý rỗng rang bèn kính lễ tin nhận. Trong nháy mắt Sư lại biến mất.

Rồi đến chỗ Vô tướng tông thứ hai, hỏi rằng: Ông nói vô tướng thì lấy gì làm chứng. Trong chúng ấy có người trí tên là Ba-la-đề nói rằng: Tôi nói vô tướng là tâm không hiện ra. Sư nói tâm ông không hiện thì nói cái gì? Người ấy bảo: Tôi nói vô tướng là tâm chẳng lấy bỏ ngay lúc nói cũng là vô thường. Sư nói đối với các tâm có không chẳng lấy bỏ lại là vô thường thì nói đều không. Người ấy nói nhập vào Tam-muội Phật còn không thật có huống chi là vô tướng mà muốn biết. Sư nói tướng đã chẳng biết thì ai nói có không, còn không thật có thì sao gọi là Tam-muội. Người ấy nói: Tôi nói chẳng chứng là chứng không chỗ chứng, chẳng phải Tam-muội nên tôi nói Tam-muội. Sư nói: Không phải Tam-muội sao lại có tên. Ông đã chẳng chứng, chẳng phải chứng làm sao chứng. Ba-la-đề nghe Sư luận rõ liền ngộ bổn tâm, lễ tạ Sư mà

sám hối lỗi xưa. Sư ký rằng: Ông sẽ được quả, chẳng bao lâu thì chứng nước này có ma chẳng bao lâu sẽ giáng xuống. Nói xong liền biến mất.

- Lại đến chỗ thứ ba là tông Định tuệ, hỏi rằng: Ông học Định Tuệ là một hay hai? Trong chúng ấy có Bà Lan Đà đáp rằng: Định Tuệ của tôi không phải một mà chẳng phải hai. Sư nói đã chẳng phải một, hai sao gọi Định Tuệ? Người ấy đáp: Đối với Định không phải Định, đối với Tuệ không phải Tuệ, một chẳng phải một mà hai cũng chẳng phải hai. Sư nói: Một mà chẳng một, hai mà chẳng hai, đã chẳng phải Định Tuệ thì y cứ Định Tuệ nào? Người ấy đáp: Chẳng một chẳng hai Định Tuệ có thể biết chẳng phải Định chẳng phải Tuệ cũng giống như thế. Sư nói Định chẳng phải Tuệ làm sao biết, chẳng một chẳng phải hai thì thế nào là Định thế nào là Tuệ? Bà-Lan-Đà nghe xong thì tâm nghi dứt mất.

Đến chỗ thứ tư là tông Giới hạnh, hỏi rằng: Thế nào là giới, thế nào là hạnh? giới hạnh này là một hay hai. Trong chúng ấy có 1 người hiền đáp rằng: Một, hai, hai, một đều là kia sinh ra, y giáo không nhiễm thì đó gọi là giới hạnh. Sư nói: Ông nói y giáo tức là có nhiễm, một, hai đều phá, sao nói y giáo? Thứ này trái nhau chẳng kịp với hạnh, trong ngoài chẳng sáng sao gọi là Giới. Người ấy nói tôi có trong ngoài mình người biết hết. Đã được thông suốt thì là giới hạnh. Nếu nói trái nhau thì đều phải đều trái, nói đến thanh tịnh thì tức giới tức hạnh. Sư nói: Đều phải đều trái sao gọi thanh tịnh. Đã được thông suốt sao nói trong ngoài. Người ấy nghe xong rất hổ thẹn qui phục.

Đến chỗ thứ năm là tông Vô đắc hỏi rằng: Ông nói vô đắc, vô đắc làm sao đắc. Đã không sở đắc thì cũng không được cái vô đắc. Trong chúng ấy có Bảo Tịnh đáp rằng: Tôi nói vô đắc là chẳng phải vô đắc mà được phải nói đắc là đắc hay vô đắc là đắc. Sư nói đắc đã chẳng phải đắc cũng chẳng phải không đắc. Đã nói được cái được, được cái được sao được. Người ấy nói thấy được thì không phải được, không phải được là được. Nếu thấy không được thì gọi là được cái được. Sư nói được đã không phải được thì được cái được là không được. Đã không chỗ được thì sao lại được cái được. Bảo Tịnh nghe xong thì liền dứt lưới nghi.

Lại đến chỗ thứ sáu là tông Tịch tịnh, hỏi rằng: Sao gọi là Tịch tịnh, ở trong pháp này ai tịnh ai tịch. Trong chúng ấy có Tôn giả đáp rằng: Tâm này bất động gọi là Tịch, đối với pháp không nhiễm thì gọi là Tịnh. Sư nói: Bổn tâm chẳng tịch cần nhờ tịch tịnh, xưa nay tịch cho nên đâu cần phải Tịch tịnh. Người ấy nói các pháp vốn không vì không mà không cho nên không ấy là không mà gọi là Tịch tịnh. Sư nói không không đã không các pháp cũng thế. Tịch tịnh không tướng thì sao là tịnh

sao là tịch. Tôn giả ấy nghe Sư chỉ dạy mà rỗng sáng khai ngộ - Rồi cả sáu chúng điều thề quy y. Do đó mà hóa độ Nam Thiên tiếng tăm lừng lẫy khắp cả năm vùng Ấn độ. Xa gần học giả đều kính mến. Qua sáu mươi năm độ vô lượng chúng. Sau gặp vua Dị Kiến khinh chê Tam bảo thường nói rằng: Tổ Tông ta đều tin Đạo Phật bị rơi vào tà kiến, không sống mãi được mà ngôi vua trị vì cũng ngắn. Lại thân ta là Phật, đâu lại cầu bên ngoài. Thiện ác báo ứng đều do người nhiều trí vọng cấu kết (lập ra) thuyết ấy. Cho đến ở trong nước, các bậc kỳ cựu vua trước kính thờ đều là hạng vụng về bỏ đi - Sư biết rồi thì than thở vua ấy đức mỏng làm sao cứu. Lại nghĩ trong tông vô tướng có hai thủ lãnh, Ba-la-đề có duyên với vua lại sắp chứng quả. Còn người thứ hai là Tông Thắng đều là biện luận rộng mà không có nhân xưa. Lúc đó đồ chúng sáu tông cũng đều nghĩ rằng Phật pháp gặp nạn sao Ngài tự an. Sư xa biết ý chúng liền búng ngón tay, sáu chúng nghe tiếng liền bảo mật lệnh của Đạt-ma thầy ta chúng ta nên mau đến lãnh lệnh. Nói xong liền đến chỗ thầy lễ bái thăm hỏi. Thầy hỏi nay một cái màn che lấp hư không ai có thể vẹt tan. Tông Thắng nói: Con tuy cạn mỏng nhưng xin liều mạng thực hành điều ấy. Sư nói: Ông tuy biện tuệ nhưng đạo lực chưa toàn. Tông Thắng tự nghĩ: Thầy ta sợ ta gặp vua sẽ làm Phật sự lớn, tiếng tăm hiển hách sẽ làm mất uy danh Thầy. Nếu kia là vua Phước Tuệ còn ta là Sa môn lãnh ý chỉ Phật há khó địch lại. Nghĩ xong lén đến chỗ vua nói rộng pháp yếu và các việc thiện ác khổ vui của thế giới trời người. Vua cùng hỏi đáp tranh luận cặn kẻ. Vua hỏi chỗ ông giải thích là pháp nào? Tông Thắng nó: Như vua cai trị phải hợp với Đạo, vua có Đạo nào? Vua nói: Ta có Đạo sắp trừ pháp tà, ông có pháp sẽ hàng phục người nào? Sư đang ngồi yên mà biết Tông Thắng đuối lý. Bèn bảo Ba-la-đề rằng: Tông Thắng chẳng nghe lời ta lén hóa độ vua phút chốc sẽ thua, ông mau đến cứu. Ba-la-đề vâng lời thầy nói xin nhờ thần lực của thầy. Nói xong dưới chân nổi mây, liền đến trước vua đứng im không nói. Lúc vua đang hỏi Tông Thắng bỗng thấy Ba-la-đề cỡi mây đến thì ngạc nhiên quên hỏi đáp, bảo rằng: Người cỡi mây kia là chánh hay tà? Đáp rằng: Ta không phải tà chánh mà đến chánh tà. Nếu Tâm vua chánh thì ta không tà chánh. Vua tuy kinh lạ nhưng kiêu mạn hẫy hừng liền đuổi Tông Thắng ra. Ba-la-đề nói: Vua đã có Đạo sao đuổi Sa- môn. Tôi tuy không hiểu nhưng xin vua cứ hỏi. Vua giận mà hỏi rằng: Phật là gì? Đáp: Thấy tánh là Phật. Vua hỏi: Sư có thấy tánh chăng? Đáp: Tôi thấy Phật tánh. Vua hỏi tánh ở đâu? Đáp: Tánh ở tác dụng. Vua hỏi tác dụng nào ta chẳng thấy? Đáp: Nay thấy tác dụng vua tự chẳng thấy. Vua hỏi

ở ta có chăng? Đáp rằng: Nếu vua tác dụng không có chẳng phải, nếu vua không tác dụng thì thể cũng khó thấy. Vua hỏi như khi đang dùng thì mấy chỗ hiện ra? Đáp: Nếu khi xuất hiện thì có tám chỗ. Vua nói tám chỗ xuất hiện phải là ta nói. Ba-la-đề bèn nói kệ rằng:

*Ở thai là thân*
*Ở đời là người*
*Ở mắt là thấy*
*Ở tay là nghe*
*Ở mũi ngửi hương*
*Ở miệng bàn luận*
*Ở tay cầm nắm*
*Ở chân đi chạy.*
*Biến hiện thì khắp sa giới*
*Thu lại ở một hạt bụi*
*Người biết gọi là Phật tánh*
*Không biết gọi là tinh hồn.*

Vua nghe kệ xong thì tâm liền khai ngộ bèn sám hối lỗi xưa mà học hỏi pháp yếu, sớm chiều quên mệt mỏi suốt cả chín tuần. Lúc đó Tông Thắng đã bị đuổi liền ẩn vào rừng sâu, nghĩ rằng nay ta trăm tuổi tám mươi làm quấy, hai mươi năm sau mới về Phật Đạo. Tánh tuy ngu muội nhưng hạnh dứt lỗi lầm. Không chống được nạn thì sống sao bằng chết. Nói xong liền tự nhảy xuống núi. Bỗng có một vị Thần đưa tay nâng lên đặt trên tảng đá lớn bình yên vô sự Tông Thắng nói: Ta thẹn làm Sa-môn đang làm chủ chánh pháp, không có năng lực để trừ diệt điều sai trái của vua, vì vậy bỏ thân tự trách mình, vị Thần nào giúp tôi đến đây xin lên tiếng để cho tôi tiếp tục sống. Do đó vị thần nói kệ rằng:

*Thầy sống lâu trăm tuổi*
*Tám mươi mà tạo lỗi*
*Để gần với Chí Tôn*
*Huân tu mà vào Đạo*
*Tuy có ít trí tuệ*
*Mà lại nhiều kia đây*
*Khi thấy các bậc hiền*
*Không hề sinh cung kính*
*Hai mươi năm công đức*
*Tâm ấy chưa yên tĩnh*
*Thông minh nên khinh mạn*

*Mà phải đến nỗi này*
*Bị vua không kính trọng*
*Mà cảm quả như thế*
*Từ nay không biếng lười*
*Chẳng lâu thành người trí*
*Các Thánh đều giữ tâm*
*Như lai cũng như thế.*

Tông Thắng nghe kệ vui mừng bèn ngồi yên ở đầu ghềnh. Lúc đó vua Dị Kiến lại hỏi Ba-la-đề rằng: Nhân giả trí tuệ biện tài Thầy ông là ai? Đáp: Tôi xuất gia ở chùa Ta-la, Tam tạng Ô-Sa-Bà là Thầy học của tôi, còn thầy xuất thế là Bồ-Đề-Đạt-Ma là chú của Đại vương. Vua nghe tên sư kinh hãi giây lâu bảo: Ta nối ngôi vua hèn mọn này mà trái chánh theo tà, quên mất chú ta. Bèn sai quan cận thần đón mời, Sư liền theo sứ mà đến vì vua sám hối lỗi xưa. Vua chí thành than khóc tạ tội với sư. Lại mời Tông Thắng về nước. Đại thần tâu rằng Tông Thắng bị vua khiển trách đã nhảy xuống núi chết rồi. Vua bảo Sư Tông Thắng chết là do trẫm, làm sao Đại từ khiến cho thoát khỏi tội này. Sư nói Tông Thắng đang ẩn tích trong núi, chỉ cần sai sứ mời thì đến. Vua liền sai sứ vào núi quả nhiên thấy Tông Thắng đang ngồi Thiền. Tông Thắng được mời bèn nói rằng: Rất thẹn ý vua, bần đạo thề ở chốn suối rừng mà các bậc hiền đức trong nước vua nhiều như rừng. Đạt-ma là chú vua là thầy của sáu chúng. Ba-la-đề là long tượng trong pháp, mong vua kính thờ hai vị Thánh làm phước cho nước nhà. Sứ về phục mạng. Chưa về đến thì Sư bảo vua rằng: Có mời được Tông Thắng chăng? Vua nói chưa biết. Sư nói mời một lần không đến, mời nữa sẽ đến. Lâu sau sứ giả trở về quả đúng như lời sư nói: Sư bèn từ tạ vua rằng: Nên khéo tu đức, không lâu sẽ bị bịnh, ta đi đây. Bảy ngày sau thì vua bị bịnh. Thầy thuốc trị bịnh chỉ nặng thêm mà không lành. Cận thần Quý Thích nhớ lời Sư nói trước đây bèn gấp sai sứ báo Sư rằng: Bịnh vua càng nặng, nguyện chú từ bi ở xa mau về cứu trị. Sư liền đến chỗ vua an ủi thăm hỏi bịnh tình. Lúc đó Tông Thắng cũng theo lời vua mời mà từ biệt núi rừng, còn Ba-la-đề thọ ân vua từ lâu nên cũng về thăm. Ba-la-đề hỏi làm sao cho vua khỏi khổ. Sư liền bảo Thái tử vì vua chuộc tội thi ân tôn kính Tăng bảo, lại vì vua sám hối rằng nguyện tội tiêu hết. Ba người Như thế đều đến thăm hỏi bịnh vua. Sư thầm nghĩ duyên Chấn Đán đã chín, giờ hành hóa đã đến. Bèn trước giả từ Tổ Tháp kế từ biệt đồng học, và đến chỗ vua mà an ủi khuyên gắng rằng: Phải siêng tu bạch nghiệp hộ trì Tam bảo. Ta đi chẳng muộn mười chín thì về. Vua nghe Sư nói thì khóc rằng:

Nước này có tội gì cõi kia sao may mắn. Chú đã có duyên cháu không ngăn được. Chỉ mong chẳng quên đất nước của mẹ cha, việc xong thì về sớm. Vua liền sắm thuyền to đủ các báu cùng các quan đưa tiễn sư. Sư bèn dong thuyền đến Nam Hải vào ngày 21 tháng 9 năm Đinh Mùi Đại Thông đời Lương năm thứ nhất (đời Lương niên hiệu Đại Thông năm thứ nhất). Thứ sử Quảng Châu là Tiêu Ngang đủ lễ ra đón, dâng biểu tâu vua, vua nghe tâu sai sứ mang chiếu đón mời. Ngày mồng 1 tháng 10 thì đến Kim Lăng. Vua hỏi: Từ khi ta lên ngôi đến nay xây chùa chép kinh độ Tăng vô số có công đức gì chăng? Sư nói không có công đức. Vua hỏi vì sao không có công đức? Sư nói: Đây chỉ là nhân tiểu quả hữu lậu trời người như bóng theo hình tuy có mà không thật. Vua hỏi thế nào mới là công đức chân thật? Sư đáp: Tịnh trí diệu viên thể tự vắng lặng công đức như thế không vì đời mà cầu. Vua lại hỏi: Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa? Sư nói vắng lặng không Thánh. Vua hỏi: Người đang đối trẫm là ai? Sư đáp: Không biết. Vua chẳng hiểu. Sư biết cơ không khế. Ngày 19 tháng ấy liền thầm về Giang Bắc, ngày 23 tháng 11 thì đến Lạc Dương. Đó là đời Hậu Ngụy, vua Hiếu Minh năm Thái Hòa năm thứ mười Sư ngụ tại chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn. Ngồi xoay mặt vào vách suốt ngày không nói. Người không lường được gọi là Bích Quán Bà-la-môn. Lúc đó, có vị tăng Thần Quang là người khoáng đạt, ở lâu tại Lạc Dương đọc nhiều sách giỏi luận bàn huyền lý, thường than rằng: Lễ thuật phong quy là giáo của Khổng-Lão, sách của Trang-Dịch chưa cùng tận diệu lý. Gần đây nghe: Đại sĩ Đạt-đa ở chùa Thiếu Lâm, người đến không lay động, đó là người đạt đến Huyền cảnh. Thế là đi đến đó sớm chiều tham cứu. Sư vẫn ngồi yên xoay mặt vào vách không hề khuyên bảo điều gì. Thần Quang tự nghĩ người xưa câu đạo chẻ xương lấy tủy chích máu cứu đói, trải tóc trên bùn, liều mình nuôi cọp. Xưa còn như thế, ta thì sao. Vào đêm mồng 9 tháng 12 năm ấy trời mưa tuyết lớn, Quang đứng giữa sân bất động đến sáng thì tuyết đến gối. Sư thương mà hỏi ông đứng lâu ngoài tuyết để cầu việc gì? Quang buồn khóc rằng: Cúi mong Hòa-thượng từ bi mở cửa cam lồ rộng độ quần phẩm. Sư nói: Đạo mầu vô thượng của chư Phật nhiều kiếp siêng năng việc khó làm mà làm được, việc không thể nhẫn mà nhẫn được há là hạng tiểu đức tiểu trí khinh tâm mạn tâm muốn được chân thừa mà luống công siêng năng. Quang nghe sư khuyên dạy , lén cầm dao bén tự chặt cánh tay trái đặt trước mặt sư. Sư biết là pháp khí, bèn nói: Chư Phật xưa kia cầu Đạo vì pháp quên thân, nay ông chặt tay trước ta mà cầu. Sư bèn đổi tên gọi là Tuệ Khả. Quang thưa: Pháp Ấn chư Phật con

xin được nghe. Sư bảo pháp Ấn chư Phật không phải từ người mà được. Quang nói Tâm con chưa an, xin Sư an cho. Sư nói đem tâm đây ta an cho. Quang nói con tìm tâm không thấy. Sư nói ta đã an tâm cho ông rồi. Sau vua Hiếu Minh nghe Sư có điều lạ liền sai sứ đến thỉnh, nhưng trước sau ba lần Sư không rời Thiếu Lâm. Vua càng kính phục. Bèn ban cho hai chiếc y ca sa, bát vàng gấm lụa, Sư đều ba lần trả lại. Ý vua kiên quyết nên sư đành phải nhận. Từ đó chúng Đạo tục càng tin tưởng theo về. Chín năm sau muốn về Tây Trúc. Bèn bảo học trò rằng: Giờ đã đến, các ông nên trình chỗ đã được. Khi ấy Đạo phó thưa rằng: Như chỗ con thấy chẳng chấp danh tự cũng chẳng lìa văn tự mà vì Đạo dụng. Sư nói: Ông chỉ được phần của da ta. Ni Tổng Trì thưa: Nay con hiểu như Khánh Hỷ thấy nước Phật A-Súc hễ thấy thì không thấy lại nữa. Sư nói: Ngươi chỉ được phần thịt của ta. Đạo Dục thưa rằng: Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng thật có, mà con thấy không có một pháp nào để được. Sư nói: Ông đã được phần xương của ta. Cuối cùng Tuệ Khả lễ bái rồi đứng y đó. Sư bảo: Ông đã được phần tủy của ta. Bèn nhìn Tuệ Khả bảo rằng: Xưa Như lai đã giao phó Chánh Pháp Nhãn cho Đại sĩ Ca-diếp, lần lượt giao đến ta, nay ta giao cho ông, ông nên giữ gìn và trao cho ca sa để làm pháp tín đều nên biết có biểu thị. Tuệ Khả nói: Xin thầy chỉ bày. Sư nói: Trong truyền pháp Ấn để chứng khế tâm, ngoài giao ca sa để định tông chỉ, đời sau nhiễu loạn nghi lo càng sinh bảo rằng: Ta là người Tây Thiên, con là kẻ xứ này dựa vào đâu mà được pháp, lấy gì làm chứng. Nay Ông nhận pháp y này. Sau này có nạn chỉ đưa y này và pháp kệ của ta để biểu minh cho hóa ấy vô ngại. Sau khi ta mất rồi hai trăm năm thì y chỉ không truyền nữa pháp cùng khắp sa giới người hiểu đạo thì nhiều, người hành đạo thì ít, kẻ nói lý thì nhiều mà người thông lý thì ít phù hợp kín đáo chứng ngộ âm thầm ngàn vạn có thừa. Ông nên mở mang chớ khinh người chưa ngộ, một niệm hồi cơ thì giống như bản đắc. Hãy nghe ta nói kệ.

*Ta vốn đến xứ này*
*Truyền pháp cứu mê tình*
*Một hoa nở năm cánh*
*Kết quả tự nhiên thành.*

Sư lại nói: Ta có kinh Lăng-già bốn quyển cũng giao cho ông (nên biết kinh Lăng-già do Phật nói không phải do Đạt-ma đặt ra), tức là Như lai tâm địa yếu môn giúp các chúng sinh khai thị ngộ nhập. Ta từ khi đến đây có tất cả năm lần bị trúng độc ta thường tự lấy ra mà thử để trên đá thì đá nứt. Duyên của ta vốn lìa Nam Ấn mà đến Đông Độ này,

thấy Xích Huyền Thần Châu có khí tượng Đại thừa, bèn vượt biển vượt sa mạc vì pháp mà tìm người. Cơ hội chưa đến thì giả như kẻ ngu khờ, nay được ông rồi thì ý truyền trao của ta đã trọn.

Biệt Ký nói rằng: Sư trước ở Thiếu Lâm chín năm, vì Nhị Tổ nói pháp chỉ dạy rằng. Ngoài dứt các duyên, trong tâm không thở gấp, tâm như tường vách thì sẽ vào Đạo. Tuệ Khả nói các loại nghĩa lý về tâm tánh, đạo chưa khế hợp. Sư ngăn lỗi ấy không để cho nói tâm thể vô niệm. Tuệ Khả nói: Con đã dứt các duyên. Sư hỏi: Không thành đoạn diệt chứ? Khả đáp: Không thành đoạn diệt (dứt mất). Sư nói: Lấy gì nghiệm biết là không đoạn diệt. Khả nói: Thường biết rõ không thể nói ra được. Sư nói: Đây là tâm thể của chư Phật đã truyền không còn nghi gì...

Nói xong, bèn cùng đồ chúng đến chùa Thiên Thánh ở Võ Môn dừng lại ba ngày, có Thái thú thành ấy là Dương Huyễn Chi sớm kính mến Phật thừa, hỏi Sư rằng: Tổ nối nhau ở năm xứ Tây Thiên, Đạo ấy thế nào? Sư nói sáng tâm tông Phật, hành và giải tương ưng gọi đó là Tổ. Lại hỏi ngoài thì sao? Sư nói: Phải sáng tâm người khác biết rõ xưa nay, chẳng nhàm chán có không, đối với pháp không chấp, chẳng hiền chẳng ngu, không mê không ngộ nếu được như thế gọi đó là Tổ - Lại hỏi: Đệ tử qui tâm Tam bảo đã mấy năm mà trí tuệ tối tâm còn mê chân lý. Vừa nghe sư nói không rõ chỗ đặt để, mong sư từ bi chỉ rõ tông chỉ. Sư biết là thành khẩn liền nói kệ rằng:

*Cũng chẳng thấy ác mà chê bai*
*Cũng chẳng thấy thiện mà siêng làm*
*Cũng chẳng bỏ trí mà gần ngu*
*Cũng chẳng bỏ mê mà đến ngộ*
*Thấu Đại đạo cùng quá lương*
*Thông Phật tâm thì xuất độ*
*Chẳng cùng phàm Thánh đồng chen*
*Vượt lên trên mà gọi Tổ.*

Huyễn Chi nghe kệ thì buồn vui lẫn lộn thưa răng: Xin Sư ở lâu trên thế gian mà hóa độ chúng sinh. Sư nói: Ta sắp qua đời, chẳng thể ở lâu, căn tánh vạn loại khác nhau gặp nhiều hoạn nạn. Huyễn Chi nói: Không kể là ai đệ tử vì Sư trừ dẹp được. Sư nói: ra đem truyền bí mật Phật lợi ích chúng mê, hại sẽ tự yên, ắt không lý này. Huyễn Chi nói: Sư nếu chẳng nói sao biểu thị được năng lực quán chiếu về Thông Biến. Sư bất đắc dĩ nói lời sấm rằng:

*Giang Sai phân sóng ngọc*

*Quản Cự mở khóa vàng*
*Năm miệng cùng nhau đi*
*Chín mươi không mình người.*

Huyễn Chi nghe xong chẳng hiểu gì thầm ghi nhớ bèn lạy tạ mà lui. Lời sấm của Sư tuy lúc đó khó hiểu nhưng sau thì đều nghiệm đúng. Lúc đó nhà Ngụy kính thờ Phật, kẻ giỏi thiền đông như rừng. Luật sư Quang Thống Tam tạng Lưu Chi là loan phượng trong Tăng, thấy sư diễn đạo bày tướng chỉ tâm, đã từng cùng với Sư luận bàn phải quấy. Sư thì huyền môn nổi tiếng xa gần thí mưa pháp khắp nơi nhưng lượng riêng cục bộ tự không kham nỗi nên khởi tâm tranh giành mà nhiều lần bỏ thuốc độc để hại Sư đến lần thứ sáu. Sư thấy hóa duyên đã xong truyền pháp được người bèn không tự cứu mà cam tâm chịu chết. Đó là ngày mồng 5 tháng 10 năm Bình Thìn, đời Hậu Ngụy, vua Hiếu Minh Đế niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười - Ngày 28 tháng 12 năm ấy thì an táng ở núi Hùng Nhĩ, xây tháp ở chùa Đông Lâm. Sau ba năm Ngụy Tống Vân vâng chỉ vua đi sứ ở Tây Vực về gặp Sư ở Thông Lãnh, thấy Sư tay xách một chiếc dép bay đi vùn vụt. Vân hỏi: Sư đi đâu? Sư đáp: Về Tây Thiên. Lại bảo Vân rằng: Chúa ông đã qua đời. Vân nghe thì hoang mang, từ biệt Sư mà đi về Đông. Khi phục mạng thì Minh Đế đã băng, Hiếu Trang lên ngôi. Vân kể lại mọi việc. Vua sai mở nắp quan tài thì trống rỗng, chỉ còn lại một chiếc dép. Cả triều đều kinh hãi ngợi khen, vâng chiếu vua lấy một chiếc dép thờ ở chùa Thiếu Lâm. Đến năm Đinh Mão niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười lăm đời Đường, thì bị Tín Đạo trộm thấy ở chùa Hoa Nghiêm núi Ngũ Đài, nay không biết ở đâu. Khi xưa lúc Lương Võ Đế gặp Sư nhân duyên chưa khế hợp, đến khi hành hóa ở nước Ngụy bèn muốn soạn bia cho Sư mà chưa rãnh. Sau nghe việc Tống Vân thì bia mới thành. Đường Đại Tông ban Thụy là Viên Giác Đại sư, tháp hiệu Không Quán. Sư từ khi thị tịch vào (năm Bính Thìn) đời Ngụy đến hết đời Hoàng Tông niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất (giáp thìn) tính ra 467 năm (phải nói từ đời Ngụy năm Canh tý đến hết đời Hoàng Tông, niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất (Giáp thìn) là 475 năm mới đúng).

**- Tổ 29 (2). TUỆ KHẢ:** Thứ hai mươi chín là tính ở Ấn-độ, thứ hai là tính ở Trung quốc)

Người ở Võ Lao, họ Cơ, cha là Tịch. Lúc chưa có con thường thầm nghĩ rằng nhà ta ưa chuộng điều lành chẳng lẽ không con. Cầu con đã lâu một buổi tối cảm được ánh sáng lạ sáng rực nhà cửa, mẹ do đó có

thai. Do lấy việc ánh sáng sáng cả nhà nên đặt tên là Quang. Từ nhỏ chí khí khác thường, thích thơ sách, rành huyền lý, không ưa việc nhà chỉ thích ngao du khắp núi sông. Sau xem sách Phật mà siêu nhiên tự đắc. Liền đến Hương Sơn ở Long Môn Lạc Dương, nương Thiền sư Bảo Tịnh mà xuất gia thọ giới cụ túc, ở chùa Vĩnh Mục đi khắp các trường giảng, học nghĩa Đại Tiểu thừa. Năm ba mươi hai tuổi liền trở về Thương Sơn, suốt ngày ngồi yên. Lại qua tám năm trong lúc yên tịnh thì thấy 1 thần nhân gọi bảo rằng: Sắp đắc quả sao còn vướng đây. Đại đạo chẳng xa ông nên về Nam. Quang biết thần giúp mình nên đổi tên là Thần Quang. Hôm sau thấy đầu đau như bị đâm, thầy muốn trị bịnh thì trên hư không có tiếng nói. Đây là đổi xương nên rất đau. Quang bèn đem việc thấy Thần mà thưa với Thầy, thầy thấy xương đỉnh đầu Quang như mọc lên năm ngọn núi, bèn bảo tướng ông tốt lắm, sẽ có chỗ chứng. Thần khiến ông về Nam, đây thì Đại sĩ Đạt-ma ở chùa Thiếu Lâm sẽ là Thầy ông. Quang bèn đến chùa Thiếu Lâm và việc gặp ngài Đạt-ma được truyền pháp y đã nói ở trước. Từ khi ngài Đạt-ma về Tây Thiên thì Sư mở mang Huyền Phong rộng tìm người Đệ tử nối pháp - Đến niên hiệu Thiên Bình năm thứ 2 đời Bắc tề, có một Cư sĩ tuổi hơn bốn mươi không nói tên họ, đến đảnh lễ hỏi Sư rằng: Đệ tử bị bịnh kinh phong xin Hòa-thượng cho con sám tội. Sư nói: Đem tội ra đây ta cho ông sám. Cư sĩ rất lâu mới nói rằng: Con tìm tội không được. Sư nói ta đã cho ông sám tội rồi đấy. Rồi nương Phật pháp Tăng mà ở. Thưa rằng: Nay thấy Hòa-thượng đã biết là Tăng, chẳng hay thế nào là Phật pháp. Sư nói: Tâm ấy là Phật tâm ấy là pháp, Phật pháp không hai, Tăng Bảo cũng như thế. Thưa rằng: Ngày nay mới biết tội tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài chẳng ở giữa, như tâm ấy Phật pháp cũng không 2. Đại sư biết là thâm khí bèn cạo tóc cho bảo rằng đây là vật báu của ta, đặt tên là Tăng Xán. Ngày 18 tháng 03 năm ấy thọ giới cụ túc ở chùa Quang Phước. Từ đó bịnh kia dần hết làm thị giả hầu thầy hai năm. Đại sư bảo rằng: Bồ-Đề-Đạt-Ma ở Tây trúc xa xôi đã lén trao Chánh Pháp nhãn tạng cho ta, nay ta trao cho ông cùng với tín y của Đạt-ma. Ông nên giữ gìn đừng để dứt mất. Hãy nghe kệ ta:

*Xưa nay duyên có đất*
*Nhân đất trồng hoa nở*
*Xưa nay không có trồng*
*Hoa cũng chẳng hề nở.*

Đại sư trao phó pháp y rồi, lại nói ông thọ giáo ta phải vào núi sâu, chưa thể hành hóa được sẽ có quốc nạn. Xáng nói: Thầy đã dự biết

trước xin hãy chỉ bày. Sư nói không phải ta biết, đây là Đạt-ma truyền cho Bát nhã Đa-la có dự ký trước rằng: Trong tâm tuy tốt mà bên ngoài xấu. Ta tính năm tháng chính là bây giờ. Vậy phải nghe lời nói trước chớ để gặp nạn. Song ta cũng có lụy xưa, nay phải trả, khéo đi đứng, đợi thời truyền trao Đại sư dặn dò rồi liền ở Nghiệp Đô mà tùy nghi nói pháp, 1 lời diễn nói bốn chúng đều về. Như thế trải qua ba mươi bốn năm. Bèn dấu mình đổi dạng hoặc vào các quán rượu thịt, đến chỗ giết mổ, hoặc ở giữa đường, hoặc cùng làm việc, người hỏi Sư là Đạo nhân vì sao như thế. Sư nói ta tự điều tâm đâu có quan hệ gì đến việc của các ông? Lại ở dưới ba cửa của chùa Khuông Cứu tại huyện Quản Thành mà nói Đạo vô thượng, người nghe đông như hội. Lúc đó có Pháp sư Biện Hòa ở trong chùa giảng kinh Niết-bàn, học đồ nghe sư đến mở pháp bèn dần dần bỏ đi. Biên Hòa nổi giận, gièm pha với trưởng Ấp là Địch Trọng khản. Trọng Khản bi mê hoặc bởi tà thuyết cho Sư là phi pháp. Sư vui vẻ thị tịch, người chân chánh cho là trả nợ xưa. Lúc đó Sư đã một trăm lẻ bảy tuổi. Tức ngày 16 tháng 03 năm Quý Sửu, đời Tùy Văn Đế niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười ba. An táng Sư ở huyện Phủ Dương Từ Châu, cách 70 dặm về phía Đông Bắc. Vua Đường Đức Tông ban thụy cho Sư là Đại Tổ Thiền sư. Từ ngày sư hóa đến năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất đời vua Hoàng Tông được 413 năm.

- Tổ Tuệ Khả truyền pháp chính thức cho Tổ Tăng Xán, nhưng ngoài Tăng Xán ra còn có mười bảy vị nổi tiếng. Trong đó, ba vị có Ngữ lục, là: 1/ Thiền sư Tăng Na. 2/ Cư sĩ Hướng. 3/ Tuệ Mãn ở Tương Châu.

***1. Thiền sư Tăng na:*** Ngài họ Mã, tuổi trẻ thần sáng thông suốt các sách. Năm hai mươi mốt tuổi thì giảng lễ dịch ở Đông Hải người nghe đông như chợ. Đến khi về Nam thì học chúng liền đến. Gặp Nhị Tổ (Tuệ Khả) nói pháp bèn cùng mười vị đồng chí đến xin xuất gia. Khi đó tay chẳng cầm bút quyết quên hết sách vở, chỉ một y một bát một ngồi một ăn theo hạnh Đầu đà. Hầu hạ Tổ đã lâu, sau bảo Tuệ Mãn rằng: Tâm Ấn Tổ sư không phải chuyên khổ hạnh, nó chỉ giúp đạo mà thôi. Nếu khế bổn tâm mà tùy ý phát dụng chân quang thì khổ hạnh chỉ như nắm đất thành vàng. Nếu chỉ cốt khổ hạnh mà không sáng bổn tâm, sẽ bị yêu ghét buộc ràng, thì khổ hạnh như đêm ở đường hiểm. Ông muốn sáng bổn tâm thì phải suy xét kỹ. Gặp sắc gặp thanh khi chưa khởi giác quán thì tâm ở đâu, là không có hay là có? Đã không rơi vào chỗ có không thì tâm châu riêng sáng thường chiếu sáng thế gian mà không

ngăn cách một hạt bụi, không hề có một một sát-na xen hở. Cho nên Sơ Tổ (Tổ Đạt-ma là Sơ Tổ ở Trung quốc) trao kinh Lăng-già 4 quyển, bảo thầy ta là Nhị tổ nói rằng: Ta thấy Chấn Đán (Trung quốc) chỉ có kinh này đáng dùng để ấn tâm. Này Nhân giả y theo thực hành tự được vượt khỏi thế gian. - Lại Nhị tổ hễ khi vào nói pháp xong thì bèn nói kinh này sau bốn đời biến thành danh tướng thật đáng buồn thay. Nay ta trao cho ông phải nên giữ gìn, không phải người thì cẩn thận chớ truyền. Dặn dò xong sư bèn đi du phương, không ai biết sau này sư ra sao.

***2. Cư sĩ Hướng:*** Sống trong rừng sâu ăn rau trái uống nước khe. Đầu niên hiệu Thiên Bảo đời Bắc Tề nghe Nhị Tổ hóa Đạo thạnh hành bèn viết thư giao hảo thưa rằng: Bóng do thân khởi, vang do tiếng có, chơi bóng thì nhọc thân mà không biết thân là gốc của bóng, ngăn tiếng dứt vang mà không biết tiếng là gốc của vang. Trừ phiền não mà đến Niết-bàn là bỏ thân mà tìm bóng, lìa chúng sinh mà cầu quả Phật là im tiếng mà tìm vang. Cho nên biết mê ngộ một đường ngu trí chẳng khác, không tên mà làm tên, do tên ấy mà sinh ra phải trái. Không lý mà làm lý nhân lý ấy mà tranh cãi khởi huyễn hóa không chân thì ai phải ai quấy, luống dối không thật thì cái gì không cái gì có. Nên biết được cái không thể được mất cái không thể mất. Chưa kịp đến để nêu rõ ý này. Rất mong trả lời. Nhị tổ sai người trả lời rằng: Xem rõ ý gởi đến đều đúng thật lý chân thuyết rốt ráo chẳng khác, ngọc ma ni mà vốn mê nên gọi là ngói đá. Rỗng sáng tự giác là chân châu, vô minh trí tuệ bằng nhau không khác, phải biết muôn pháp đều như. Thương xót đồ chúng có hai kiến này mà nêu lời đạp tạ thư này. Xem thân và Phật chẳng khác, đâu cần tìm kiếm ở vô dư. Cư sĩ kính cầm thư Tổ mà kính lạy, ngầm được ấn ký.

***3. Thiền sư Tuệ Mãn:*** ở chùa Long Hóa ở Tương Châu, người Vinh Dương, họ Trương. Mới đầu ở chùa ấy gặp Thiền sư Tăng Na khai thị. Chí rất kiệm ước chỉ có 2 chiếc áo mùa đông mặc thêm mùa hè bỏ bớt. Tự nói một đời tâm không khiếp sợ, thân không chấy rận, ngủ không mộng mị, thường đi khất thực không ở một chỗ hai đêm, hễ đến chùa thì chẻ củi, làm giày. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười sáu ở Lạc Dương bên chùa Hội Thiện, ngủ trong mộ cổ gặp tuyết rơi nhiều. Sáng hôm sau vào chùa gặp Pháp sư Đàm Khoáng. Khoáng kinh ngạc hỏi từ đâu tới? Sư nói: Pháp có tới lui chăng? Khoáng sai tìm chỗ đến, thì thấy bốn bề tuyết phủ đều dày năm thước. Khoáng nói không thể lường biết được. Vừa nghe có Quát Lục Sự, chư Tăng đều trốn lánh, chỉ mình Sư ôm bát đi không xóm làng vô ngại, hễ được thì cho hết không

để hoang phí. Có người mời Sư về ở đêm và cúng trai thì Sư nói: Khi nào trời đất không có Tăng mới nhận lời thỉnh này. Lại có dạy chúng rằng: Chư Phật nói tâm khiến biết tâm. Tướng là luống dối. Nay bèn lại chú trọng nhiều về tâm tướng là trái xa ý Phật, lại càng thêm luận bàn mà khác với đại lý. Cho nên Sư thường ôm kinh Lăng-già 4 quyển xem là tâm yếu, đúng theo lời dạy mà làm. Bởi rằng theo lời di phó nhiều đời. Sau ở trong lò gốm không bịnh mà hóa, thọ bảy mươi tuổi.

**- Tổ 30** (3) **TĂNG XÁN:** Chẳng biết người ở đâu, trước nương Nhị tổ mà học hỏi. Khi được truyền pháp thì ẩn cư tại núi Hoàn Công ở Thủ Chu. Sau đời Hậu Châu, vua Võ Đế phá diệt Phật pháp. Sư qua lại núi Tư Không ở huyện Thái Hồ hơn mười năm, lúc đó không ai biết. Đến đời Tùy niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12, có Sa di Đạo Tín, tuổi mới mười bốn đến lạy Thầy thưa rằng: Xin Hòa-thượng từ bi ban cho pháp môn giải thoát. Sư nói: Ai ràng buộc ông. Đáp: Không có ai ràng buộc. Sư hỏi: Sao lại cầu giải thoát. Đạo Tín sau lời nói ấy thì Đại ngộ làm việc khổ nhọc trong chín năm. Sau ở Kiết Châu thọ giới hầu thầy rất cẩn thận, thầy nhiều lần thử thách huyền vi. Biết duyên đã chín liền giao cho pháp y có kệ rằng:

*Hoa trồng tuy nhờ đất*
*Từ đất trồng hoa mọc*
*Nếu không người gieo giống*
*Hoa đất sẽ không mọc*

Sư lại nói: Xưa được Đại sư giao pháp cho ta sau đến Nghiệp Đô mà hành hóa ba mươi năm mới trọn nay ta được ông thì còn ngại gì. Rồi đến núi La Phù ở đó hai năm, rồi trở về chốn cũ hơn tháng, sĩ dân vây quanh Sư thiết lễ cúng dường, Sư vì bốn chúng nói rộng tâm yếu xong thì ở Pháp Hội dưới cộ cây chấp tay mà mất, lúc ấy là đời Tùy Dương Đế niên hiệu năm Bính Dần Đại Nghiệp năm thứ hai, ngày rằm tháng mười. Vua Đường Huyền Tông ban thụy là Giám Trí Thiền sư, tháp hiệu là Giác Tịch. Đến đời Hoàng Tông niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất thì đã trải 400 năm. - Đời Sơ Đường ở Hà Nam có Duẫn Lý Thường kính ngưỡng Tổ Phong mà được huyễn chỉ. Năm Ất Dậu niên hiệu Thiên Bảo gặp Hà Trạch Thần Hội hỏi rằng: Tam tổ Đại sư an táng ở đâu. Có người nói vào La Phù mà không thấy trở về, có người nói mất trong Sơn cốc chưa biết ai đúng. Hội nói Đại sư Xáng ở La Phù trở về Sơn cốc được hơn tháng mới tịch. Nay ở Thư Châu thấy có mộ Tam Tổ Thường chưa thể tin được. Hội bèn vì Thư Châu Biệt Giá nhân đến hỏi chư tăng

chùa Sơn cốc rằng nghe nói sau chùa có mộ của Tam Tổ phải chăng lúc đó có Thượng tọa Tuệ Quán đáp rằng: "có", thường vui mừng cùng liêu thuộc đến chiêm lễ. Lại mở quan tài lấy xương cốt đem trà tỳ thì được xá-lợi năm màu ba trăm hạt thì lấy một trăm hạt đem xây tháp thờ, một trăm hạt gởi lại cho Hà Trạch Thần Hội, để trưng bằng cớ thì đem theo mình một trăm hạt. Sau ở Lạc Trung Tư Đệ thiết trai ăn mừng. Lúc đó có Tây Vực Tam tạng là Kiện na ở trongHội, Thường hỏi Tam tạng. Tổ sư Thiên Môn ở Thiên Trúc nhiều hay ít. Kiện Na đáp: Từ Ca-diếp đến Bát-nhã Đa-la có hai mươi bảy vị tổ. Nếu kể từ Tổ Sư Tử , từ Đạt-ma Đạt bốn đời có hai mươi hai vị, thì gồm chung có bốn mươi chín vị tổ. Nếu từ bảy Đức Phật đến Đại sư Tăng xán, nếu chẳng gồm chia tất ngang thì có ba mươi bảy đời. Thường lại hỏi các kỳ đức trong hội rằng: Từng thấy Tổ Đồ (bản đồ về Tổ sư) hoặc dẫn hơn năm mươi vị Tổ cho đến chi phái khác nhau, tông tộc chẳng nhất định hoặc chỉ có tên không lấy gì chứng nghiệm. Lúc đó có Thiền sư Trí Bổn là học trò Lục tổ đáp rằng: Đây là bởi đời Hậu Ngụy Phật pháp mới suy yếu, có Sa môn Đàm Diệu trong lúc ngổn ngang nhiều việc đã lấy lụa trắng một mình chép ra tên tuổi các tổ hoặc quên mất thứ lớp để lẫn trong quần áo mà giấu trong hang núi trải qua ba mươi lăm năm cho đến khi Văn Thành Đế lên ngôi pháp môn được trung hưng, thì Đàm Diệu được kính trọng bèn làm Tăng Thống, mới nhóm hợp các Sa môn mà luận bàn kết tập mục lục soạn bộ Phó Pháp Tạng Truyện, lúc đó có chút ít sai sót, tức khi Đàm Diệu sao lục vì quá sợ sệt, lại trải qua mươi ba năm vua khiến Quốc tử tiến sĩ Huỳnh Nguyên Chân cùng Tam tạng Bắc Thiên Trúc là Phật Đà Phiến-đa Cát-Phất-yên, v.v... nghiên cứu lại Phạm văn phân biệt tông chỉ theo thứ lớp Thầy trò mà không còn sai lầm nữa.

**Tổ 31 (4) Tổ ĐẠO TÍN:** Họ Tư Mã, nhiều đời ở Hà Nội, sau dời về huyện quảng Tế ở Kỳ Châu, sư sinh ra đã khác thường. Thuở nhỏ kính mến Không tông các môn giải thoát. Rõ ràng túc duyên xưa để nối Tổ phong nhiếp tâm không ngủ nghỉ chẳng tới giường nằm suốt 60 năm. niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ mười ba Đời Tùy, lãnh đồ chúng đến ở Cát Châu, gặp bọn trộm cắp vây thành bảy tuần không giải tỏa, dân chúng sợ sệt. Sư thương xót dạy niệm Ma-ha Bát Nhã. Lúc đó bọn giặc cướp thấy trên bức thành thấp có binh thần gọi nhau cho rằng trong thành có dị nhân không nên tấn công. Rồi dần dần kéo đi. Đời Đường Võ Đế năm Giáp Thân Sư trở về kỳ Xuân ở núi phá Đầu, bạn học đến rất đông. Một hôm Sư đến huyện Huỳnh mai, giữa đường gặp một đứa

bé cốt cách kỳ lạ khác thường. Sư hỏi con họ gì? Đáp: Họ tức là có chứ không phải là họ thường. Sư hỏi: Là họ gì? Đáp: Họ Phật Sư bảo con không có họ, thì đáp: Họ Không. Sư im lặng biết là pháp khí. Liền bảo thị giả đến nhà xin cha mẹ cho đi xuất gia, cha mẹ vì có túc duyên nên mau mắn cho làm đệ tử, đặt tên là Hoằng Nhẫn. Đến khi giao pháp truyền y thì có bài kệ rằng:

*Giống hoa có tánh mọc*
*Do đất hoa sinh sinh*
*Đại duyên hợp với tín*
*Sẽ đời đời không sinh.*

Bèn đối đãi nhau bằng tình thầy trò. Một hôm bảo chúng rằng: Trong niên hiệu Võ Đức ta đến Lô Sơn lên chót đảnh mà nhìn sang núi Phá Đầu thì thấy mây tím như hình cái lọng bên dưới có khí trắng chia ra sáu luồng, các ngươi có hiểu không? Chúng đều im lặng. Nhẫn hỏi: Phải chăng có một Hòa-thượng khác sinh ra một chi Phật pháp. Sư nói đúng. Sau, vào năm Quý Dậu niên hiệu Trinh Quán, vua Đường Thái Tông nghe Đạo vị của Sư muốn chiêm ngưỡng bèn mời về kinh đô. Sư dâng biểu lên vua ba phen tạ từ, sau lấy cớ bịnh mà từ chối. Đến lần thứ tư vua ra lịnh cho sứ rằng: Nếu không đến thì mang đầu về đây. Sứ đến núi truyền chỉ dụ, Sư bèn đưa cổ dưới kiếm mà thần sắc vẫn an nhiên. Sứ kinh lạ quay về trình vua. Vua càng kính mến bèn bàn y báu cho được toại chí. Đến niên hiệu Vĩnh Huy đời vua Cao Tông năm Tân Hợi ngày mồng 04 tháng 09 nhuận, Sư bảo môn nhân rằng: Tất cả các pháp đều giải thoát, các ông đều nên giữ gìn mà truyền hóa ở vị lai. Nói xong thì ngồi yên mà mất, thọ bảy mươi hai tuổi. Xây Tháp thờ ở núi ấy. ngày mồng 08 tháng 04 năm sau vô cớ cửa tháp tự mở, thì hình dung như lúc còn sống. Sau đó môn nhân không dám đóng lại. Vua Đường Đại Tông ban thụy là Đại Y Thiền sư, tên tháp là Từ Vân. Từ khi viên tịch đến năm Giáp thìn niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất đời vua Hoàng Tống tất cả là 356 năm (có chỗ nói 354 năm?)

**Tổ- 32** (5) **Tổ HOẰNG NHẪN***:* Người huyện Huỳnh Mai ở Kỳ Châu, họ chu, sinh ra ở Kỳ Nghi. Thuở nhỏ dạo chơi gặp một người hiểu biết khen rằng: Đứa bé này thiếu bảy tướng nữa mới bằng Như lai. Sau gặp Đại sư Đạo Tín mà được làm Đệ tử nối pháp. Ở Hàm Đình tại núi Phá Đầu có 1 cư sĩ họ Lô tên Tuệ Năng từ Tân Châu đến ra mắt Sư. Sư hỏi: Ông từ đâu tới? Đáp: Ở Lãnh Nam tới. Sư hỏi: Cần việc gì? Đáp: Chỉ cầu thành Phật. Sư nói: Người Lãnh Nam không có Phật tánh, làm

sao được thành Phật? Đáp: Người thì có Nam Bắc, Phật tánh há như thế. Sư biết là dị nhân. Liền hét bảo: Xuống nhà giã gạo đi! Tuệ Năng bèn lạy sư mà lui. Rồi lo việc giả gạo làm việc nặng nhọc, ngày đêm không nghỉ suốt tám tháng. Sư biết giờ trao pháp đã đến bèn bảo chúng rằng: Chánh pháp khó hiểu, không thể luống ghi nhớ lời ta mà làm phần của mình. Các ông nên mỗi người tự nêu ý mình bằng một bài kệ. Nếu lời ý họp nhau thì sẽ trao cho y pháp. Lúc đó, trong hội có hơn bảy trăm vị Tăng. Thượng tọa là Thần Tú học thông nội ngoại, chúng đều tôn kính đều khen ngợi rằng: Nếu không phải ngài Thần Tú thì còn ai. Thần Tú nghe chúng khen thì không cần suy nghĩ mà chép một bài kệ trên vách rằng:

*Thân là cây Bồ đề*
*Tâm như đài gương sáng*
*Luôn luôn phải lau chùi*
*Chớ để dính bụi bặm.*

Sư nhân đi kinh hành thấy bài kệ ấy biết là của Thần Tú bèn khen ngợi rằng: Đời sau y theo đây tu hành cũng được quả vị cao siêu. Vách này định để Xử Sĩ Lô Trân vẽ Lăng-già Biến Tướng khi thấy chép kệ này liền ngăn lại không vẽ mà bảo tụng đọc kệ ấy. Chỗ giã gạo có người đọc kệ ấy, Sư hỏi là chương cú nào thì đáp: Ông chẳng biết Hòa-thượng tìm người Đệ tử nối pháp khiến mỗi người soạn kệ nêu tâm. Bài kệ này là của Thượng Tọa Tú, Hòa-thượng rất khen ngợi thì chắc chắn là sẽ truyền y pháp cho Ngài. Tuệ Năng hỏi kệ ấy ra sao, người ấy liền đọc lại. Tuệ Năng giây lâu nói: Hay thì thật là hay mà hiểu thì chưa (liễu). Người ấy nói Tuệ năng là kẻ tầm thường biết gì mà nói điên. Tuệ Năng nói ông không tin ư, sẽ xin họa một kệ, người ấy không đáp cười mà bỏ đi. Đến nửa đêm Tuệ Năng nhờ một cậu bé cùng đến vách, Tuệ Năng cầm đuốc nhờ cậu bé viết dùm bên cạnh bài kệ của Thần Tú một kệ rằng:

*Bồ đề vốn không cây*
*Tâm gương cũng không đài*
*Xưa nay không một vật,*
*Đâu cần lau bụi bặm.*

Sau khi thấy kệ ấy thì Đại sư bảo: Bài này ai làm cũng chưa thấy tánh. Chúng nghe Sư nói thì không để ý gì. Nửa đêm mới ngầm sai người đến nhà giả gạo gọi Tuệ Năng vào thất. Sư bảo chư Phật ra đời vì 1 việc lớn, tùy cơ Đại Tiểu thừa mà hóa độ nên có mười địa Ba thừa, đốn tiệm các ý chỉ để làm giáo môn. Nhưng Phật đã đem Chánh Pháp

nhãn tạng Vô Thượng Vi Diệu Bí Mật Viên Minh Chân Thật mà trao cho Thượng Thủ Đại Ca-diếp Tôn giả, lần lượt truyền đến hai mươi tám đời. Đến Tổ Đạt-ma sang cõi này tìm được Đại sư Khả rồi lần lượt truyền đến cho ta. Nay truyền Pháp Bảo và y ca-sa này lại cho ông, ông nên khéo giữ gìn đừng để dứt mất, hãy nghe kệ ta:

*Hữu tình đến gieo giống*
*Nhờ đất quả lại sinh*
*Vô tình đã không giống*
*Vô tánh cũng vô sinh.*

Cư sĩ Tuệ Năng bèn quì xuống nhận y pháp mà thưa rằng: Pháp thì đã trao, y giao cho ai. Sư nói: Xưa Tổ Đạt-ma mới đến người chưa tin biết nên truyền y để nói là đắc pháp. Nay tín tâm đã chín, còn y là đầu mối tranh giành, nên đến ông thì không nên truyền nữa. Lại phải trốn tránh mà đợi lúc hành hóa, vì người nhận y mạng sống như sợi tơ treo. Năng hỏi: Nên trốn lánh nơi nào. Sư nói: Gặp ai Thương thì ở, gặp hội thì giấu. Tuệ Năng lạy thầy lãnh y mà đi. Đêm ấy đi xa về Nam thì chúng mới biết. Đại sư Nhẫn từ đấy không lên tòa nói pháp ba ngày. Đại chúng quái lạ bèn hỏi. Tổ nói Đạo ta đã đi sao còn hỏi. Lại hỏi y pháp ai được. Tổ nói: Tuệ Năng được. Do đó chúng bàn Lô hành giả tức là Tuệ Năng, bèn đi tìm nhưng đã đi mất. Huyện biết đã được bèn đuổi theo tìm. Đại sư Nhẫn đã trao y pháp, trải bốn năm đến niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai bỗng bảo chúng rằng: Nay việc ta đã xong hãy ra đi. Liền vào thất ngồi yên mà tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, lập pháp ở phía Đông núi Huỳnh Mai. Vua Đường Đại Tông ban thụy là Đại Mãn Thiền sư, Tháp đề là Pháp Vũ. Từ khi Đại sư mất đến năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất đời Hoàng Tông 1 là 330 năm.

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 4

- ***Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín:*** (Tứ Tổ) bảng xuất đệ tử nối pháp 9 đời tổng cộng 76 vị.

***Núi Ngưu Đầu Kim Lăng truyền 6 đời tổ tông:***

Đời 1: Thiền sư Pháp Dung

Đời 2: Thiền sư Trí Nham

Đời 3: Thiền sư Tuệ Phương

Đời 4: Thiền sư Pháp Trì

Đời 5: Thiền sư Trí Oai

Đời 6: Thiền sư Tuệ Trung.

Sáu vị trên đây có ngữ lục

Sáu đời Tổ tông đệ tử nối pháp tổng cộng có 70 vị.

**** Thiền sư Pháp Dung sau 3 đời bàng xuất mười hai vị là:***

1. Thiền sư Đàm Thôi ở Chung Sơn Kim Lăng có một vị
2. Thiền sư ở Đại Tố Kinh Châu
3. Thiền sư Nguyệt Không ở U Thê
4. Thiền sư Đạo Diễn ở Bạch Mã
5. Thiền sư Đinh Trang ở Tân An
6. Thiền sư Trí Sai ở Bành Thành
7. Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu
8. Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu
9. Thiền sư Đỗ Mặc ở Tân Châu
10. Thiền sư Trí Thành ở thượng Nguyên
11. Thiền sư Định Chân (Thiền Sư Trí Thành lưu xuất )
12. Thiền sư Như Độ (Thiền Sư Định Chân lưu xuất, 11 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

**** Thiền sư Trí Nham sau bàng xuất tám vị:***

1. Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô
2. Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu
3. Thiền sư Nghĩa Chân ở Hồ Châu

4. Thiền sư Doan Phục ở Ích Châu

5. Thiền sư Long Quang ở Qui Nhân

6. Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương

7. Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam

8. Thiền sư Mẫn Cổ ở Tây Châu

(Tám vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú, cho nên không ghi chép)

**** Thiền sư Pháp Trì sau 4 đời bàng xuất hai vị là:***

1. Thiền sư Huyền Tố ở Ngưu Đầu.

2. Thiền sư Hoằng Nhân ở Thiên Trụ.

**** Thiền sư Trí Oai sau 4 đời bàng xuất mười hai vị:***

1. Huyền Đĩnh ở chùa An Quốc ở Tuyên Châu Thiền sư trí Oai lưu xuất 3 vị.

2. Thiền sư Huyền Tố ở chùa Hạc Lâm ở Nhuận Châu.

3. Thiền sư Sùng Tuệ ở chùa Thiên Trụ ở Thư châu.

4. Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn Hàng Châu (Thiền sư Huyền Tố lưu xuất).

5. Thiền sư Đạo Lâm Ô Sào ở Hàng Châu (Thiền sư đạo Khâm lưu xuất).

6. Thiền sư Hội Thông Chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu (Ô Sào bàng xuất 6 vị trên đây thấy có ghi chép).

1. Thiền Sư Bảo Quán ở Linh Nham (Thiền sư Trí oai lưu xuất)

2. Thiền sư Đàm Ích ở núi Kim Hoa (Thiền sư Huyền Tố bàng xuất 2 vị)

3. Thiền sư Viên Cảnh ơ Ngộ Môn

1. Thiền sư Ngộ ở núi Mộc Chữ (Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn bàng xuất 3 vị)

2. Thiền sư Quảng Phu ở Thanh Dương

3. Thiền sư Sùng Tuệ ở núi Cân Tử thuộc Hàng Châu. (6 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

Trên đây là bản cũ, thứ tự các đời không rõ ràng, nay đều dựa vào chương vốn có chú thích thêm đệ tử nối pháp cọng thành 4 đời.

**** Thiền sư Tuệ Trung*** sau 2 đời bàng xuất 36 vị (trừ ra Thiền sư Vân cư Trí ở Thiên thai và Thiền sư Thanh Nguyên Chùa Thê hà ở Nhuận Châu còn lại đều do Thiền sư Tuệ Trung lưu xuất:

1. Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên Thai.

2. Thiền sư Vân Cư Trí ở núi Thiên Thai (Thiền sư Duy Tắc lưu xuất, 2 vị trên đây thấy có ghi chép).

1. Thiền sư Đạo Tánh ở núi Ngưu Đầu.
2. thiền sư Trí Đăng ở Giang Ninh.
3. Thiền sư Hoài Tín ở Giải Huyện.
4. Thiền sư Toàn ở Học Lâm.
5. Thiền sư Hoài Cổ ở Bắc Sơn.
6. Thiền sư Quán Tông ở Minh Châu
7. Thiền sư Đại Trí ở núi Ngưu Đầu
8. Thiền sư Thiện Đạo ở Bạch Mã
9. Thiền sư Trí Chân ở núi Ngưu Đầu
10. Thiền sư Đàm Ngung ở núi Ngưu Đầu
11. Thiền sư Vân Thao ở núi Ngưu Đầu
12. Thiền sư Ngưng nở núi Ngưu Đầu
13. Thiền sư Pháp Lương ở núi Ngưu Đầu
14. Thiền sư Hành Ứng ở Giang Ninh
15. Thiền sư Tuệ Lương ở núi Ngưu Đầu
16. Thiền sư Đạo Dung ở Hưng Thiện
17. Thiền sư Chiếu Minh ở Tưởng Sơn
18. Thiền sư Pháp Đăng ở núi Ngưu Đầu
19. Thiền sư Định không ở núi Ngưu Đầu
20. Thiền sư Tuệ Thiệp ở núi Ngưu Đầu
21. Thiền sư Đạo Ngộ ở U Thê
22. Thiền sư Ngưng Không ở núi Ngưu Đầu
23. Thiền sư Đạo Sơ ở Tưởng Sơn
24. Thiền sư U Thê Tạng
25. Thiền sư Linh Huy ở núi Ngưu Đầu
26. Thiền sư Đạo Dĩnh ở U Thê
27. Thiền sư Cư Anh ở núi Ngưu Đầu
28. Thiền sư Pháp Thường ở Thích Sơn
29. Thiền sư Ngưng Tịch ở Long Môn
30. Thiền sư Trang Nghiêm Viễn
31. Thiền sư Đạo Kiên ở Tương Châu
32. Ni Minh Ngộ.
33. Cư sĩ Ân Tịnh Kỷ.

34 Thiền sư Thanh Nguyên chùaThê Hà ở Nhuận Châu (Tuệ Thiệp lưu xuất, 34 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

***Tổ thứ 32: Đại sư Hoằng Nhẫn*** truyền năm đời bàng xuất một trăm lẻ bảy vị:

**** Đời thứ nhất có mười ba vị:***

1. Thiền sư Thần Tú Bắc Tông
2. Quốc Sư Tuệ An Tung Nhạc
3. Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn Viên Châu (3 người trên đây có ghi chép)
4. Thiền sư Đàm Quang chùa Phụng Pháp ở Dương Châu
5. Thiền sư Thiền Tháo ở Tùy Châu
6. Thiền sư Pháp Trì ở Kim Châu
7. Thiền sư Trí Sằn ở Tư Châu
8. Thiền sư Pháp Chiếu ở Thư Châu
9. Thiền sư Nghĩa Phương ở Việt Châu
10. Thiền sư Đạo Tuấn ở Chi Giang
11. Thiền sư Huyền Trách ở Thường Châu
12. Thiền sư Tăng Đạt ở Việt Châu
13. Lưu Chủ Bộ ở núi Bạch Tông (mười vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép).

**** Đời thứ hai có ba mươi bảy:***

- Thiền sư Thần Tú Bắc Tông có mười chín vị:

1. Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài
2. Thiền sư Trí Phong ở Trung Điền thuộc Phủ Hà Trung
3. Thiền sư Hàng Ma Tạng ở Duyên Châu
4. Thiền sư Đạo thọ ở Thọ Châu
5. Thiền sư Toàn Thực ở núi Đô Lương thuộc Hoài Nam (5 vị trên đây thấy có ghi chép)
6. Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu
7. Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn
8. Thiền sư Sơn Hương Dục ở Đại Phật
9. Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh
10. Thiền sư Hốt Lôi Trừng
11. Thiền sư Đông Kinh Nhật
12. Thiền sư Biến Tịnh ở Thái Nguyên
13. Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc
14. Thiền sư Đỗ ở Nhữ Nam
15. Thiền sư Kính ở Tung Sơn
16. Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu
17. Thiền sư Quán ở Quắc Sơn Phổ Châu
18. Thiền sư Sùng Khuê ở Mâu Sơn Nhuận Châu
19. Thiền sư Hoài Không ở An Lục (mười bốn vị trên đây không

có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép).

***- Quốc sư Tuệ An ở Tụng Nhạc có mười tám vị:***

1. Thiền sư Nhân Kiệm Chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh (Quốc sư Tuệ An lưu xuất 6 vị).

2. Hòa-thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc

3. Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc

4. Thiền sư Thản Nhiên ở Thường Sơn

5. Thiền sư Viên Tịch ở Nghiệp Đô

6. Thiền sư Đạo Lượng ở Tây Kinh

7. Đại Tổng Quản Lý Hiếu Dật ở Dương Châu (Thiền sư Đạo Lượng bàng xuất 5 vị)

8. Công Bộ Thượng Thư Trương Tích

9. Quốc Tử Tế Tửu Thôi Dung

10. Bí Thư Giám Hạ Tri Chương

11. Thứ Sử Khang Sẳn ở Mục Châu

12. Thiền sư Chánh Thọ (Thiền sư Thần Tháo ở Tùy Châu lưu xuất)

13. Thiền sư Sùng Tịch ở Hồng Châu (Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn lưu xuất 3 vị)

14. Thiền sư Hoài ở Giang Tây

15. Thiền sư Thần Trinh ở Phủ Châu

16. Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu (Thiền sư Trí sẳn ở Tư Châu lưu xuất)

17. Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng (Thiền sư Huyền Trách lưu xuất 2 vị)

18. Thiền sư Sướng ở Hồ Châu (15 người này không có Ngữ lục).

**** Đời thứ ba: Có bốn mươi chín vị.***

- Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu có ba vị Đệ tử nối pháp:

1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử Kim

2.Thiền sư Xa ở núi Đại Mai thuộc Minh Châu

3. Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới (ba vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

***- Thiền sư Phổ Tịch ở Tung sơn có 46 vị đệ tử nối pháp:***

1. Duy Chánh ở núi Chung Nam (Thiền sư Phổ Tịch lưu xuất 24 vị, một vị thấy có ghi chép).

2. Thiền sư Tuệ Không ở Quảng Phước

3. Thiền sư Thường Việt

4. Thiền sư Giáp ở núi Thạch Tương Châu

5. Thiền sư Minh Tán
6. Thiền sư Chân ở chùa Kính Ái
7. Thiền sư Thủ Hiền ở Duyễn Châu
8. Thiền sư Thạch Tạng ở Định Châu
9. Thiền sư Trừng Tâm ở Nam Nhạc
10. Thiền sư Nhựt Chiếu ở Nam Nhạc
11. Thiền sư Cán chùa Đồng Đức ở Lạc Kinh
12. Thiền sư Tô Châu Chân Lượng
13. Thiền sư Duệ ở chùa Ngõa Quang
14. Thiền sư Pháp Dung ở Dặc Dương
15. Thiền sư Diễn ở Quảng Lăng
16. Thiền sư Tuệ Không ở Thiểm Châu
17. Thiền sư Chân Lượng ở Lạc Kinh
18. Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu
19. Thiền sư Đàm Chân ở bặc Châu
20. Thiền sư Sùng Diễn ở núi Đô Lương
21. Thiền sư Tự Trừng chùa Chương Kính ở Kinh Triệu
22. Thiền sư Tung Dương Tự Nhất Hạnh .
23. Thiền sư chùa Bắc Dung ở Kinh Triệu
24. Cư sĩ Định Đào Đinh ở Tào Châu.

***- Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây kinh có tám vị:***

1. Thiền sư Đại Hùng Mãnh
2. Thiền sư Đại chấn-động ở Tây Kinh
3. Thiền sư Thần Phỉ
4. Thiền sư Đại Bi Quang ở Tây Kinh
5. Thiền sư Đại Ẩn ở Tây Kinh
6. Thiền sư Định Cảnh
7. Thiền sư Đạo Bá
8. Thiền sư Huyền Chứng

***- Thiền sư Hàng Ma Tạng lưu xuất ba vị:***

1. Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh
2. Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh
3. Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Ẩn .

- Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc lưu xuất một vị: Thiền sư Thần Chiếu

***- Thiền sư Tiểu Phước lưu xuất ba vị:***

1. Thiền sư Thâm Tịch ở Lam Điền-Kinh Triệu
2. Thiền sư Nhật Một Vân ở núi Thái Bạch

3. Thiền sư Pháp Siêu ở núi Đông Bạch

- Thiền sư Quán ở Hoắc sơn lưu suất một vị Thiền sư U ở Hiện Sơn

***- Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu lưu xuất bốn vị:***

1. Thiền Sư Vô Tướng ở Ích Châu
2. Thiền sư Mã ở núi Trường Tùng-Ích Châu
3. Thiền sư Siêu
4. Thiền sư Hiểu Liễu ở Tử Châu

***Thiền sư Phỉ ở nghĩa Hưng lưu xuất hai vị***

1. Thiền sư Trí Dư ở Tây Kinh
2. Thiền sư Trí Thâm ở Đông Đô

(Cả bốn mươi lăm vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép).

**** Đời thứ tư: Có bảy vị.***

- Thiền sư Duy Chánh ở Hưng Thiện có hai vị đệ tử nối pháp:

1. Thiền sư Định Tâm ở Hàng Châu
2. Thiền sư Chí Chân ở Kính Ái (2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú, cho nên không ghi chép)

***- Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu có năm vị Đệ tử nối pháp:***

1. Thiền sư Vô ở chùa Bảo Đường ở Ích Châu (Thiền sư Vô Tướng lưu xuất 4 vị, một vị thấy có ghi chép)
2. Thiền sư Dung ở núi Kinh Châu Minh Nguyệt
3. Vương Đầu Đà ở núi Vân Đảnh Hán Châu
4. Thiền sư Thần Hội chùa Tịnh Chúng ở Ích Châu.
5. Thiền sư Võ Giới ( Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới lưu xuất, 4 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú, cho nên không ghi chép.

**** Đời thứ năm: Có một vị***

Thiền sư Chí Chân ở chùa Kính Ái có một vị đệ tử nối pháp

## MỤC LỤC 2

Tổ thứ 31: Đại sư Đạo Tín có đệ tử nối pháp tổng cọng 183 vị, trong đó có 76 vị bàng xuất.

Núi Ngưu Đầu-Kim lăng có 6 đời tổ tông thấy ghi lục:

Đời thứ nhất: Thiền sư Pháp Dung

Đời thứ hai: Thiền sư Trí Nham

Đời thứ ba: Thiền sư Tuệ Phương

Đời thứ tư: Thiền sư Pháp trì

Đời thứ năm: Thiền sư Trí Oai

Đời thứ sáu: Thiền sư Tuệ Trung.

Tổ tông 6 đời trước có đệ tử nối pháp tổng cọng 80 vị.

Thiền sư Pháp Dung sau 3 đời bàng xuất 12 vị (một vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Đàm Thôi ở Chung Sơn-Kim lăng

Thiền sư Đại Tố ở Kinh Châu

Thiền sư Nguyệt không ở U Thê

Thiền sư Đạo Diễn ở Bạch Mã

Thiền sư Định Trang ở Tân An

Thiền sư Trí sai ở Bành Thành

Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng Châu

Thiền sư Trí Sảng ở Hồ Châu

Thiền sư đỗ Mặc ở Tân Châu

Thiền sư Trí Thành ở Thượng Nguyên - Trí Thành lại lưu xuất một vị: Thiền sư Định Chân. Định Chân lại lưu xuất một vị: Thiền sư Như Độ

(11 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

***- Thiền sư Trí Nham sau bàng xuất:***

Thiền sư Kính Đàm ở Đông Đô

Thiền sư Chí Trường ở Tương Châu

Thiền sư Nghĩa Chân ở Hồ Châu

Thiền sư Đoan Phục ở ích Châu

Thiền sư Quy Nhân ở Long Quang

Thiền sư Biện Tài ở Tương Dương

Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán Nam

Thiền sư Mẫn Cổ ở Tây Xuyên.

(8 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

***- Thiền sư Pháp Trì sau bàng xuất***:

Thiền sư Huyền Tố ở núi Ngưu Đầu

Thiền sư Hoằng Nhân ở núi Thiên Trụ

(2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

***- Thiền sư Trí oai sau 3 đời bàng xuất 12 vị*** (6 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Huyền Đĩnh chùa An Quốc ở Tuyên Châu

Thiền sư Huyền Tố Chùa Hạc lâm ở Nhuận Châu

Thiền sư sùng Tuệ núi Thiên Trụ ở Thư Châu

Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn-Hàng Châu

Thiền sư Đạo Lâm-Ô Sào ở Hàng Châu

Thiền sư Hội Thông Chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu.

Huyền Tố lại lưu xuất 2 vị:
1. Thiền sư đàm ích ở Kim Hoa
2. Thiền sư Viên Cảnh ở Ngô Môn
Đạo Khâm lại lưu xuất 3 vị:
1. Thiền sư Ngộ ở núi Mộc Chữ
2. Thiền sư Quảng Phu ở Thanh Dương
3. Thiền sư Sùng Tuệ núi Trung Tử ở Hàng Châu
Đạo Lâm lại lưu xuất một vị: Thiền sư Bảo Quán ở Linh Nham
(6 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

- Thiền sư Tuệ Trung sau 2 đời bàng xuất 36 vị (2 vị thấy có ghi lục):

Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên (bàng xuất vân cư ở Thiên Thai).

Thiền sư Vân Cư Trí ở núi Thiên Thai
Thiền sư Đạo Tánh ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Trí Đăng ở Giang Ninh
Thiền sư Hoài Tín ở Giải Huyện
Thiền sư Toàn ở hạc Lâm
Thiền sư Hoài Cổ ở Bắc sơn
Thiền sư Quán Tông ở Minh Châu
Thiền sư Đại Trí ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Thiện Đạo ở Bạch Mã
Thiền sư Trí Chân ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Đàm ngung ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Vân Thao ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Ngưng ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Pháp Lương ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Hành Ứng ở Giang Ninh
Thiền sư Huệ Lương ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Đạo Dung ở Hưng Thiện
Thiền sư Chiếu Minh ở Tưởng Sơn
Thiền sư Pháp Đăng ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Định Không ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Tuệ Thiệp ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Đạo Ngộ ở U Thê
Thiền sư Ngưng Không ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Đạo Sơ ở Tưởng Sơn
Thiền sư Tạng ở U Thê

Thiền sư Linh Huy ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Đạo Dĩnh ở U Thê
Thiền sư Cự Anh ở núi Ngưu Đầu
Thiền sư Pháp Thường ở Thích Sơn
Thiền sư Ngưng Tịch ở Long Môn
Thiền sư Trang Nghiêm Viễn
Thiền sư Đạo Kiên ở Tương Châu.
Ni Minh Ngộ
Cư sĩ Ân Tịnh kỷ.

Tuệ Thiệp trước đây lại lưu xuất một vị: Thiền sư Thanh Nguyên Chùa Thê Hà ở Nhuận Châu.

(34 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

Tổ thứ 32: Đại sư Hoằng Nhẫn truyền 5 đời bàng xuất 107 vị:

Đời thứ nhất có 13 vị (3 vị thấy có ghi lục):

Thiền sư Thần Tú ở Bắc Tông
Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc.
Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn-Viên Châu
Thiền sư Đàm Quang Chùa Phụng Pháp ở Dương Châu
Thiền sư Thiền Tháo ở Tùy Châu.
Thiền sư Pháp Trì ở Kim Châu
Thiền sư Trí Sằn ở Tư Châu
Thiền sư Pháp Chiếu ở Thư Châu
Thiền sư Nghĩa Phương ở Việt Châu
Thiền sư Đạo Tuấn ở Chi Giang
Thiền sư Huyền Trách ở Thường Châu
Thiền sư Tăng Đạt ở Việt Châu.
Lưu Chủ Bộ ở núi Bạch Tùng.

(10 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

**** Đời thứ hai có 37 vị:***

\- Thiền sư Thần Tú ở Bắc Tông có đệ tử nối pháp 19 vị (5 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài
Thiền sư Trí Phong ở núi Trung Điều thuộc phủ Hà Trung.
Thiền sư Hàng Ma Tạng ở Duyễn Châu
Thiền sư Đạo Thọ ở Thọ Châu
Thiền sư Toàn Thực ở núi Đô Lương thuộc Hoài Nam.
Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu
Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn

Thiền sư Hương Dục ở núi Đại Phật
Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh
Thiền sư Hốt lôi Trừng
Thiền sư Đông Kinh Nhật
Thiền sư Biến Tịnh ở Thái Nguyên
Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc
Thiền sư Đỗ ở Nhữ Nam
Thiền sư Kính ở Tung Sơn
Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh Triệu
Thiền sư Quán ở Hoắc Sơn-Phổ Châu
Thiền sư Sùng Khuê ở Mao Sơn-Nhuận Châu
Thiền sư Hoài Không ở An Lạc
(14 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc trước đây có đệ tử nối pháp 18 vị (3 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh.
Hòa thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc
Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc
Thiền sư Thản Nhiên ở Thường Sơn
Thiền sư Viên Tịch ở Nghiệp Đô
Thiền sư Đạo Lượng ở Tây Kinh
Đạo Lượng lại lưu xuất 5 vị:

1. Đại Tổng Quản Lý Hiếu Dật ở Dương Châu
2. Công Bộ Thượng Thư Trương Tích
3. Quốc Tử Tế Tửu Thôi Dung
4. Bí Thư Giám Hạ Tri Chương
5. Thứ sử Khang Sằn ở Mục Châu.

- Thiền sư Thiền Tháo ở Tùy Châu trước đây lại lưu xuất một vị: Thiền sư Chánh Thọ

- Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn trước đây lại lưu xuất 3 vị:

1. Thiền sư Sùng Tịch ở Hồng Châu
2. Thiền sư Hoài ở Giang Tây
3. Thiền sư Thần Trinh ở Phủ Châu

- Thiền sư Trí Sằn ở Tư Châu trước đây lại lưu xuất một vị: Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu.

- Thiền sư Huyền Trách trước đây lại lưu xuất 2 vị:

1. Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng
2. Thiền sư Sướng ở Hồ Châu

(15 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

**** Đời thứ ba có 49 vị:***

- Thiền sư Từ Lãng ở Kinh Châu trước đây có đệ tử nối pháp:

1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử Kim
2. Thiền sư Thường ở núi Đại Mai thuộc Minh Châu
3. Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới

(3 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

- Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn trước đây có đệ tử nối pháp 46 vị (một vị thấy có ghi lục).

Thiền sư Duy Chánh ở núi Chung Nam
Thiền sư Tuệ không ở Quảng Phước
Thiền sư Thường Việt
Thiền sư Tư ở núi Giáp Thạch-Tương Châu
Thiền sư Minh Toán
Thiền sư Chân ở Chùa Kính Ái
Thiền sư Thủ Hiền ở Duyễn Châu
Thiền sư Thạch Tạng ở Định Châu
Thiền sư Trừng Tâm ở Nam Nhạc
Thiền sư Nhật Chiếu ở Nam Nhạc
Thiền sư Cán Chùa Đồng Đức ở Lạc Kinh
Thiền sư Chân Lượng ở Tô Châu
Thiền sư Duệ ở Chùa Ngõa Quan
Thiền sư Pháp Dung ở Dặc Dương
Thiền sư Diễn ở Quảng Lăng
Thiền sư Tuệ Không ở Thiểm Châu
Thiền sư Chân Lượng ở Lạc Kinh
Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu
Thiền sư Đàm Chân ở Bặc Châu
Thiền sư Hằng Nguyệt ở Trạch Châu
Thiền sư Đàm Chân ở Bặc Chân
Thiền sư Sùng Diễn ở núi Đô Lương
Thiền sư Trừng chùa Chương Kính ở Kinh Triệu
Thiền sư Nhất Hành ở Chùa Tung Dương
Thiền sư Dung Chùa Sơn Bắc ở Kinh Triệu
Cư sĩ Định Đào Đinh ở Tấn Châu.

- Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây Kinh trước đây lại lưu xuất 8 vị:

Thiền sư Đại Hùng Mãnh
Thiền sư Đại Chấn Động ở Tây Kinh

Thiền sư Thần Phỉ
Thiền sư Đại Bi Quang ở Tây Kinh
Thiền sư Đại Ẩn ở Tây Kinh
Thiền sư Định Cảnh
Thiền sư Đạo Bá
Thiền sư Huyền Chứng.
- Thiền sư Hàng Ma Tạng trước đây lại lưu xuất 3 vị:
Thiền sư Tịch Mãn ở Tây Kinh
Thiền sư Định Trang ở Tây Kinh
Thiền sư Tuệ Ẩn ở Nam Nhạc
- Thiền sư Nguyên Quán ở Nam Nhạc trước đây lại lưu xuất một vị:
Thiền sư Thần Chiếu.
- Thiền sư Tiểu Phước trước đây lại lưu xuất 3 vị:
Thiền sư Thâm Tịch ở Lâm Điền Kinh Triệu
Thiền sư Nhật Một Vân ở núi Thái Bạch
Thiền sư Pháp Siêu ở núi Đông Bạch.
- Thiền sư Quán ở Hoắc sơn trước đây lại lưu xuất một vị:
Thiền sư u ở Hiện Sơn
- Thiền sư Xử Tịch ở Tư Châu trước đây lại lưu xuất 4 vị:
Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu
Thiền sư Mã ở núi Trường Tùng-Ích Châu
Thiền sư Siêu.
- Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa Hưng trước đây lại lưu xuất 2 vị:
Thiền sư Trí Du ở Tây Kinh
Thiền sư Trí Thâm ở Đông Đô
(45 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)
* Đời thứ tư có 7 vị:
- Thiền sư Duy Chánh ở Hưng Thiện trước đây có đệ tử nối pháp 2 vị:
Thiền sư Định Tâm ở Hoành Châu
Thiền sư Chí Chân ở Chùa Kính Ái
( 2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).
- Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu trước đây có đệ tử nối pháp 5 vị: (Một vị không thấy có ghi lục)
Thiền sư Vô Trú Chùa Bảo Đường ở Ích Châu
Thiền sư Dung ở núi Minh Nguyệt-Kinh Châu
Vương Đầu Đà ở núi Vân đảnh-Hán Châu

Thiền sư Thần Hội Chùa tịnh Chúng ở Ích Châu.

- Thiền sư Thận Huy ở Chuyên Giới trước đây lại lưu xuất một vị:

Thiền sư Võ Giới

(4 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

**** Đời thứ năm có một vị:***

- Thiền sư Chí Chân ở Chùa Kính Ái trước đây có đệ tử nối pháp.

Thiền sư Chiếu ở Tung sơn (không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

**Tổ thứ 31: ĐẠI SƯ ĐẠO TÍN (4):** về sau bàng xuất đệ tử nối pháp Núi Ngưu đầu-Kim lăng truyền 6 đời tổ tông.

***- Đời thứ 1: Thiền sư Pháp Dung:***

Người ở Diên Lăng, thuộc Nhuận Châu, họ Vi. Năm mười chín tuổi học thông kinh sử. Ngài tìm xem Đại Bộ Bát-Nhã hiểu rõ Chân không, Bỗng một hôm than rằng: Sách Nho ở đời là pháp không rốt ráo, Bát Nhã Chánh Quán là thuyền bè xuất thế. Bèn ẩn vào núi tìm thấy xuống tóc. Sau vào núi Ngưu Đầu Sơn, trụ trong hang đá ở phía Bắc chùa U Thê, có điều kỳ lạ là trăm chim ngậm hoa đến cúng dường. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Tứ Tổ xa trông khí tượng thì biết núi ấy có dị nhân. Bèn địch thân đến tìm hỏi các vị tăng trong chùa rằng trong này có Đạo nhân nào chăng? Đáp có một người xuất gia nhưng không phải Đạo nhân. Tổ nói đó là Đạo nhân. Vị tăng không nói, vị khác bảo: Đi vào núi mười dặm có một người dáng khù khờ thấy người không đứng dậy cũng không chấp tay chẳng phải là Đạo nhân. Tổ vào núi gặp Sư, Sư ngồi yên chẳng đoái hoài. Tổ hỏi ở đây làm gì? Sư nói quán tâm. Tổ hỏi quán là ai? tâm là vật gì. Sư không nói mà đứng dậy đảnh lễ. Sư hỏi đại đức ở đâu? Tổ nói bần đạo chẳng quyết dừng nghỉ, hoặc Đông hoặc Tây Sư hỏi: Có biết Thiền sư Đạo Tín chăng? Đáp: Hỏi ông ấy làm gì? Sư nói tiếng vang đạo đức đã lâu xa chỉ mong một lần lễ gặp. Tổ nói Thiền sư Đạo Tín là bần đạo đây. Sư hỏi: Sao lại đến đây. Tổ nói: Đến đây để thăm hỏi, ở đây không có chỗ nghỉ ngơi à? Sư chỉ sau lưng nói có một am nhỏ. Bèn dẫn Tổ về, quanh quẩn chỉ thấy loài con sói. Tổ tỏ vẻ sợ. Sư hỏi cũng có cái ấy ư? Tổ hỏi vừa thấy cái gì? Sư không đáp. Chốc sau Tổ viết một chữ Phật trên tảng đá mà Sư thường ngồi thiền. Sư nhìn kính sợ. Tổ hỏi cũng có cái ấy ư? Sư không hiểu bèn đảnh lễ xin nói chân yếu. Tổ nói trăm ngàn pháp môn đồng qui về gang tấc, hà

sa diệu đức ở chung trong nguồn tâm. Tất cả Giới môn Đinh môn Tuệ môn thần thông biến hóa đều tự đầy đủ không lìa tâm ông, tất cả phiền não nghiệp chướng xưa nay vốn vắng lặng. Tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, không có ba cõi để ra khỏi, không có Bồ đề để tìm cầu, người và chẳng phải người đều tánh tướng bình đẳng. Đại Đạo trống rộng dứt hết nghĩ ngợi. Pháp như thế nay ông đã được đều không thiếu sót, nào có khác gì với Phật, lại không có một pháp nào khác. Ông đã nhiệm vận tự tại, chẳng cần thực hành quán hạnh, cũng chẳng chứng tâm, không khởi tham sân, chẳng ôm sầu lo, thênh thang vô ngại mặc ý dọc ngang. Chẳng làm các điều thiện, chẳng làm các điều ác, đi đứng nằm ngồi mắt thấy gặp duyên đều là diệu dụng của Phật thường vui vẻ không sầu lo, nên gọi là Phật. Sư nói tâm đã đầy đủ thì cái gì là Phật cái gì là Tâm? - Tổ nói: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật. Hỏi Phật thì chẳng phải chẳng tâm. Sư nói đã chẳng cần thực hành quán hạnh thì khi cảnh khởi làm sao đối trị? Tổ nói: Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu là do tâm, nếu tâm không ranh giới tên gọi thì vọng tình từ đâu khởi lên. Vọng tình đã chẳng khởi thì chân tâm nhậm vận khắp biết. Ông chỉ theo tâm tự tại mà không cần đối trị, liền gọi là thường trụ pháp thân không có đổi khác. Ta nhận được pháp môn Đốn giáo của Đại sư Tăng Xán, nay giao lại cho ông, ông nay nhận kỹ lời ta nói, chỉ ở núi này, sau sẽ có năm vị thông đạt nối huyền hóa của ông - Tổ trao phó pháp rồi bèn trở về núi Song Phong mà ở đó đến già. Còn Sư từ đó giảng nói thịnh hành, trong niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường đồ chúng thiếu lương thực, Sư đến Đơn Dương hóa duyên, cách núi tám mươi dặm phải đội gánh một thạch tám đấu gạo, từ sáng đến tối nuôi ba trăm vị Tăng, mà hai thời khóa tụng không thiếu sót, suốt trong ba năm. Ấp Tể là Tiêu Nguyên Thiên, thỉnh sư về chùa Kiến Sơ giảng kinh Đại Bát Nhã, người nghe rất đông. Đến phẩm Diệt Tịnh thì mặt đất rúng chuyển bèn trở về núi. Bác Lăng Vương hỏi Sư rằng khi cảnh duyên sắc phát ra mà chẳng nói duyên sắc khởi thì làm sao biết được duyên mà muốn dứt khởi ấy? Sư đáp: Cảnh sắckhi mới phát, hai tánh sắc cảnh là không, vốn không biết duyên đó, tâm lượng cùng biết đồng, chiếu bổn phát chẳng phát, khi ấy khởi tự dứt, ôm ám sinh giác duyên, tâm sẽ không theo duyên, còn như lúc chưa sinh, sắc tâm không nuôi dưỡng, từ không vốn vô niệm, tưởng thọ nói niệm sinh, khởi pháp không hề khởi, đâu dùng lệnh Phật dạy?

- Hỏi rằng: Nhắm mắt chẳng thấy sắc, cảnh nghĩ lại càng nhiều, sắc đã không quan hệ đến tâm, cảnh từ đâu mà phát? Sư đáp: Nhắm mắt chẳng thấy sắc, trong tâm động nghĩ nhiều, huyễn thức giả thành

dụng, khởi danh không hề lỗi, biết sắc chẳng quan tâm, tâm chẳng dính líu người, tùy hành có tướng chuyển, chim bay trong chân không.

- Hỏi rằng: Cảnh phát không nơi chốn, Duyên giác rõ biết sinh, cảnh mất giác còn chuyển, giác bèn biến thành cảnh, nếu dùng tâm kéo tâm, lại vì giác mà giác, theo nó từ từ đi, chẳng lìa cõi sinh diệt? Sư nói: Sắc tâm trước giữa sau thật không duyên khởi cảnh, một niệm tự ngưng mất, ai hay kể động tịnh. Tri (biết) này tự (không biết), biết hết duyên chẳng gặp, thường tự giữ bổn hình, đâu cần cầu cảnh ngoài. Cảnh trước chẳng đi mất, niệm sau nay không đến, tìm trăng cầm huyễn ảnh, bỏ dấu theo chim bay, muốn biết tâm bổn tánh, lại như thấy trong mộng, ví như băng tháng sáu chỗ chỗ đều giống nhau, lánh không trọn chẳng thoát, tìm không lại chẳng thành, mượn hỏi cảnh trong gương, tâm từ đâu sinh ra?

- Hỏi rằng: Khi vừa phải dụng tâm, mới (có) là tốt an ổn? Sư nói: Khi vừa phải dụng tâm, vừa phải không dụng tâm, nhọc luận bàn danh tướng, nói thẳng không phiền trọng, không dụng tâm vừa khớp, thường dùng không vừa khớp, lại nói không chỗ tâm, cũng không có tâm khác.

- Hỏi: Người trí dẫn lời mầu, thì cùng tâm gặp nhau nói khác nẻo với tâm, họp thì muôn lần trái nhau? Sư đáp: Phương tiện nói lời mầu, phá bịnh Đạo Đại thừa, không liên quan bản tánh, lại từ không hóa tạo vô niệm là chân thường, trọn phải dứt nẻo tâm, lìa niệm tánh không động, sinh diệt chẳng trái nhau, tiếng vang hay do tiếng, có ảnh bởi xem gương.

- Hỏi: Người tu thế cảnh có, nhờ giác biết cảnh mất trước giác và sau giác. Cảnh đều có ba tâm? Sư nói: Cảnh dùng chẳng phải thể giác, giác nghỉ chẳng nên lo, nhờ giác biết cảnh mất, khi giác cảnh chẳng khởi, trước giác và sau giác, cảnh đều có ba châm.

- Hỏi: Trú định đều chẳng chuyển, sắp là chánh Tam-muội, các nghiệp chẳng thể kéo, chẳng biết tế vô minh, từ từ đuổi theo sau? Sư đáp: Lại nghe có người khác, vọng chấp khởi tâm lương, việc trong ba không thành, chẳng chuyển lại luống dối, tâm là chánh thọ buộc hay là tịnh nghiệp chướng, tâm trần muôn phần một, chẳng hiểu nói vô minh, nhỏ nhặt tập nhân khởi, từ từ danh tướng sinh, gió thổi sóng liền động, muốn nước lại lặng yên, lại muốn nói đường trước, sợ hậu tâm kinh sợ. Vô niệm thú lớn gầm, tánh không dưới sương mai, sao tan dẹp cỏ dơ, ngang dọc chim bay lạc, năm đường định phân luận 4 ma không tiến bước, đã như lửa dữ đốt, lại như kiếm bén chém.

- Hỏi: Nhờ giác biết muôn pháp, muôn pháp xưa nay thế, nếu giả chiếu dụng tâm, chỉ được chiếu sáng tâm, chẳng nên việc trong tâm? - Sư nói: Nhở giác biết muôn pháp, muôn pháp không hề nhờ, nếu giả chiếu dụng tâm, thì chẳng ở ngoài tâm.

- Hỏi: Tùy theo không chọn lựa, tâm minh chẳng hiện tiền, lại lo tâm đen tối, ở tâm dùng công hạnh, trí chướng lại khó dứt? Sư đáp: Có này chẳng thể có, tìm đây chẳng thể tìm, không chọn tức thật chọn, được tối sinh tâm minh, người lo tâm mê tối, giữ tâm nhờ công hạnh sao luận nạn trí chướng, đến Phật mới là bịnh.

- Hỏi: Chiết trung thì dứt hỏi thật cũng khó an vui, nếu chẳng phải người tu, nạn này rất khó thấy? Sư nói Chiết trung muốn tiêu dứt, tiêu dứt chẳng khó dễ, trước quán tâm ở tâm, kế suy trí trong trí, thứ ba chiếu suy ra, thứ tư chung vô ký, thứ năm gọi giải thoát, thứ sáu không chân ngụy, thứ bảy biết pháp bổn, thứ tám từ vô vi, thứ chín biết không ấm, thứ mười mây mưa khắp, rốt lại kia không giác, vô minh sinh Bổn trí, cảnh tượng hiện ba nghiệp, người huyễn hóa bốn nẽo, chẳng trụ ở không biên phải chiếu không trong có, trong có chẳng ngoài không, chưa ắt không có đủ, gọi đó là Chiết trung, Chiết trung không nói năng, yên vui không chỗ yên, dụng hạnh đâu có quyết?

- Hỏi: Riêng có một loại người, khéo hiểu không vô tướng, miệng nói Định Loạn một, lại nói không trong có, đồng chứng dụng thường tịch, hiểu biết dụng thường tịch, dụng tâm gặp chân lý, sau nói dụng vô dụng, trí tuệ phương tiện nhiều, lời nói hợp với lý, như như lý tự như, không do thức tâm hiểu. Đã biết tâm hiểu quấy, tâm tâm lại cùng mất, như thế khó biết pháp, không bao giờ biết được , đồng người dụng tâm này, pháp đều không thể hóa? - Sư nói: Có người riêng chứng không, lại như kệ trước nói, hành không giừ vắng lặng, thúc thấy chỉ tạm thời, hiểu chân là tâm lượng, chưa hề biết nguồn cội, lại nói dứt dụng tâm, nhiều trí nghi tương tự, bởi do tánh chẳng sáng, cầu không lại nhọc mình, nhiều kiếp ở thức tối, ôm nhau đều chẳng biết. Phát sáng liền động đất, ở đó muốn làm gì.

- Hỏi: Việc trước là khán tâm, lại có nạn lưới giăng? - Sư nói: Xem tâm có lưới giăng, huyễn tâm đâu đợi xem huống không có huyễn tâm ung dung mở miệng khó.

- Hỏi: Lâu có cơ nghiệp lớn, nẻo tâm khác lẫn nhau, hiểu được chướng vi tế, liền thấu suốt bờ chân. Nếu không phải thầy giỏi, không thể quyết lý này. Rất mong Đại sư con, vui lòng mở yếu môn, dẫn dắt người dụng tâm chẳng để mất chánh đạo - Sư đáp: Pháp tánh vốn cơ

nghiệp, mong cảnh thành khác nhau, thân thật tướng nhỏ nhiệm, sắc tam thường chẳng ngộ. Bỗng gặp kẻ hỗn độn, buồn thương xót chúng sinh, giả nghi rộng hỏi han, trong ôm lý thường sáng, cắt ngang đường sinh tử, khen chê tâm chẳng động, lão già quê phân đáp, pháp tướng vẻ thẹn thùng, mong phát thuốc chúng sinh, lại làm như sắc tánh.

- Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ nhất Ấp Tể là Tiêu Nguyên Thiện mời Sư xuống núi đến ở chùa Kiến Sơ, Sư tạ từ mãi không khỏi bèn khiến vào thất của Thượng Thủ Trí Nham trao phó cho pháp Ấn để thứ lớp truyền trao. Khi sắp xuống núi thì bảo chúng rằng: Ta chẳng còn trở về đây nữa đâu. Lúc đó chim thú buồn kêu thảm thiết cả tháng không ngưng. Trước am có bốn cây ngô Đồng lớn, giữa tháng mùa Hạ mà bỗng héo rụng. Năm sau Đinh Tỵ ngày 23 tháng giêng nhuận thì Sư tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp 45. Ngày 27 thì chôn ở núi Kê Lũng, người đưa hơn cả vạn. Trong chỗ ở cũ tại núi Ngưu Đầu, nguồn vàng, suối Hổ gầm, suối Tích trượng, ao rùa vàng, nhà đá nơi sư ngồi tĩnh tọa hiện nay vẫn còn.

***- Đời thứ 2: Thiền sư Trí Nham:***

Người ở Khúc A, họ Hoa, khi tuổi trưởng thành thì trí dõng hơn người, thân cao bảy thước sáu tấc. Trong niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy làm Lang t ướng. Sư thường dùng cung mang một túi lọc nước đi đâu cũng dùng được. Sư nhiều lần theo Đại tướng đi chinh phạt có lập nhiều chiến công. Trong niên hiệu Võ Đức đời Đường, tuổi đã bốn mươi bèn xin xuất gia. Sư vào núi Hoãn Công ở Thư Châu làm đệ tử Thiền sư Bảo Nguyệt. Sau, một hôm ngồi yên thấy có vị Tăng thân cao hơn trượng thần sáng khí thanh bảo Sư rằng: Ông tám mươi đời xuất gia càng phải nên tinh tiến, nói xong liền biến mất. Ông từng ở trong hang nhập định, nước khe núi tràn ngập. Sư vẫn an nhiên bất động thì nước ấy tự rút. Có một thợ săn gặp Sư vì vậy đổi nghề tu thiện. Lại có hai người đồng quân trận xưa nghe ẩn vào núi bèn tìm đến gặp bảo Sư rằng: Lang tướng điên à sao lại ở đây. Đáp: rằng: Ta điên muốn (sắp) tỉnh còn các ông thì đang phát điên. Ưa thích thanh sắc dâm tham vinh nhục thì thường trôi lăn trong sinh tử biết khi nào thoát ra, 2 người cảm ngộ than thở tự rút lui. Niên hiệu Trình Quán năm thứ mười bảy ông trở về Kiến Nghiệp vào ở núi Ngưu Đầu, gặp Thiền sư Dung mà phát minh việc lớn. Thiền sư bảo Sư rằng: Ta nhận được chân quyết của Đại sư Tín, chỗ được đều mất, nếu có một pháp hơn Niết-bàn ta nói cũng như mộng huyễn. Một hạt bụi bay mà che mù cả trời, một hạt cải rơi mà phủ khắp đất, nay ông đã

bỏ qua thấy này thì ta biết làm sao. Tất cả sơn môn hóa đạo sẽ giao lại cho ông. Sư bèn lãnh lịnh làm Tổ đời thứ hai. Sau đem chánh pháp được giao lại cho Thiền sư Phương, ở tại hai Chùa Bạch Mã và Thê Huyền. Lại dời về ở thành Thạch Đầu, vào ngày 10 tháng giêng năm nghi Phụng thứ 2 thời nhà Đường thì thị tịch, nhan sắc không đổi co duỗi như còn sống. Trong thất có mùi thơm lạ suốt cả tuần không tan. Sư căn dặn là thủy táng, thọ bảy mươi tám tuổi, tuổi lạp ba mươi chín.

***- Đời thứ 3: Thiền sư Tuệ Phương:***

Người ở Diên Lăng thuộc Nhuận Châu, họ Bộc, vào chùa Khai Thiện xuất gia và thọ giới cụ túc, thông suốt kinh luận. Sau đến núi Ngưu Đầu gặp Thiền sư Nham học hỏi bí yếu. Nham quán xét căn khí của Sư có thể đảm nhận chánh pháp bèn chỉ bày Tâm Ấn, Sư rỗng sáng lãnh ngộ. Do đó không ra khỏi rừng núi suốt mười năm, người học từ bốn phương đến đông như mây ùn. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Ta muốn đi nơi khác tùy cơ lợi vật, còn các ông hãy nên tự lo. Bèn giao phó chánh pháp cho Thiền sư pháp trì. Bèn đến ở Mao Sơn suốt mấy năm khi sắp mất thấy có năm trăm người râu tóc đều có dáng vẽ như Bồ tát, đều cầm phướn đẹp bảo rằng: Mời Pháp sư giảng kinh. Lại cảm được thần núi hiện thành thân rắn to đến trước sân như sắp khóc mà từ biệt. Sư bảo Thị giả là Hồng Đạo rằng: Ta sắp đi đây. Ông vì ta báo cho các môn nhân, khi môn nhân đến thì sư đã tịch. Lúc đó là ngày mồng 1 tháng 8 niên hiệu Thiên Sách năm thứ nhất thời nhà Đường. Núi rừng bạc trắng, khe suối ngưng chảy suốt bảy ngày, đạo tục khóc than tiếng động núi rừng. Sư thọ sáu mươi bảy, tuổi lạp bốn mươi.

***- Đời thứ 4: Thiền sư Pháp Trì:***

Người ở Giang Ninh thuộc Nhuận Châu, họ Trương. Tuổi nhỏ xuất gia. Năm ba mươi tuổi đền trong pháp hội của Đại sư Hoằng Nhẫn ở Huỳnh Mai nghe pháp mà tâm khai. Sau lại được Thiền sư Ngộ Phương ấn khả. Bèn nối dấu sơn môn làm tông tổ ở Ngưu Đầu. Khi ngài Huỳnh Mai tạ thế thì bảo đệ tử là Huyền Trách rằng: Sau có mười vị sẽ truyền pháp ta mà Pháp Trì ở Kim Lăng là một. Sau giao phó pháp Nhãn cho Thiền sư Trí Oai. Vào ngày mồng 5 tháng 9 niên hiệu Trường An năm thứ hai đời Đường Sư thị tịch tại Viên Vô Thường chùa Diên Tô ở Kim Lăng. Di chúc khiến để bày hài cốt dưới cội thông để nuôi chim thú. Ngày đưa thi hài ra giữa hư không có Thần cầm phướn từ phía Tây đi đến nhiễu quanh núi mấy vòng. Chỗ ở tre trúc đều bạc trắng suốt bảy

ngày mới ngưng sư thọ sáu mươi tám tuổi, tuổi lạp bốn mươi mốt.

***- Đời thứ 5: Thiền sư Trí Oai:***

Người ở Giang Ninh, họ Trần, trụ ở núi Nghinh Thanh. Mới đến tuổi tóc để trái đào, bỗng một hôm không thấy trong nhà, chẳng ai biết đi đâu. Đến khi. Cha mẹ hỏi tìm mới biết đã nương Pháp sư Thống ở chùa Thiên Bảo mà xuất gia, năm ba mươi tuổi thọ Giới cụ túc. Sau nghe Thiền sư Pháp Trì ra đời bèn đến lạy gặp và được trao truyền chánh pháp. Từ đó học chúng ở Giang Tả đều đến, trong đó có Tuệ Trung được xem là pháp khí, Sư có nêu kệ rằng:

*Chớ phiền niệm niệm*
*Thành sông sinh tử*
*Biển luân hồi sáu đường*
*Chẳng thấy nổi sóng cao*

Tuệ Trung đáp kệ rằng:

*Niệm tưởng từ huyễn đến*
*Tánh vốn không đầu cuối*
*Nếu được ý ở đây*
*Sóng dài phải tự dừng.*

Sư tiếp kệ rằng:

*Bổn tánh ta hư vô*
*Duyên vọng sinh nhân ngã*
*Làm sao dứt vọng tình*
*Lại về ngồi chỗ không.*

Tuệ Trung đáp kệ:

*Hư vô là thật thể*
*Nhân ngã đâu lại còn*
*Vọng tình không cần dứt*
*Tức ngồi thuyền Bát-Nhã.*

Sư biết người này đã liễu ngộ bèn trao cho Sơn môn rồi tùy duyên hóa độ. Ngày 18 tháng 2 niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười bảy đời đường thì tịch tại chùa Diên Tộ. Khi sắp tịch bảo đệ tử hãy đem thây vào rừng thí cho chim thú, hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi.

***- Đời thứ 6: Thiền sư Tuệ Trung:***

Người ở thượng Nguyên thuộc Nhuận Châu, họ Vương. Năm hai mươi ba tuổi thọ nghiệp ở chùa Trang nghiêm. Sau nghe Thiền sư Trí Oai ra đời bèn đến yết kiến. Oai vừa thấy liền bảo: Chủ núi đến. Sư

cảm ngộ ý chỉ sâu kín bèn cho làm thị giả. Sau từ biệt đến lễ các nơi khác. Oai trụ ở viện cụ Giới thấy dây lăng tiêu mùa hạ mà héo, người muốn chặt bỏ. Do đó bảo rằng: Chớ chặt. Tuệ Trung trở về thì cây này sống lại. Lúc ấy Sư về thì quả nhiên đúng như lời nói. Bèn giao cho sơn môn, rồi ra ở chùa Diên Tộ. Sư (Tuệ Trung) bình sinh chỉ dùng 1 áo nạp và 1 bình bát từng cúng hai kho lúa nuôi Tăng. Kẻ trộm rình thì có hổ giữ kho. Huyện lệnh là Trương Tốn đến núi đảnh lễ hỏi Sư có đồ đệ nào không? Sư nói có ba mươi lăm người. Tốn hỏi làm sao được gặp? Sư gõ vào giường thiền thì có ba con hổ gầm rống chạy ra. Tốn kinh hãi lui về. Sau chúng thỉnh sư trở về chùa cũ Trang Nghiêm. Sư muốn xây pháp đường ở phía Đông điện. Trước có cây cổ thụ bầy chim khách làm tổ trên đó, thợ sắp đốn. Sư bảo chim rằng: Đất này nay xây pháp đường, sao các ngươi không sớm bay đi. Nói xong thì bầy chim khách dời tổ sang cây khác. Lúc mới xây cất có hai thần định bốn góc lại ngầm giúp việc ban đêm nên chẳng mấy ngày thì xong. Do đó học đồ bốn phương nhóm về, người được pháp có đến ba mươi bốn vị, đều ở một phương khác mà độ nhiều chúng. Sư từng có kệ an tâm dạy chúng rằng:

*Nhân pháp đều dứt*
*Thiện ác cùng quên*
*Chân tâm chân thật*
*Đạo tràng Bồ đề.*

Niên hiệu Đại Lịch ba năm thứ ba đời Đường, trước thạch thất treo nồi, trên cây treo áo mùa hạ cây bị chết khô. Ngày rằm tháng 6 năm Đại Lịch thứ tư, Sư nhóm chúng Bồ tát xong thì sai thị giả cạo tóc rửa mình. Giữa đêm có mây lành che trên tinh xá, trên hư không có tiếng nhạc trời Ngài hỏi sáng chưa? rồi ngồi mà hóa. Lúc đó, mưa to gió lớn thổi gãy cây trong rừng, lại có cái mống trắng vắt ngang qua núi, mùa Xuân niên hiệu Đại Lịch năm thứ năm làm lễ trà-tỳ, Xá-lợi thu được vô số, thọ tám mươi bảy tuổi.

Thiền Sư Pháp Dung trước đây có ba đời bàng xuất đệ tử nối pháp.

Thiền sư Đàm Thôi trụ ở Chung Sơn thuộc Kim Lăng.

Người ở Ngô Quận, họ Cố. Lúc đầu đến yết kiến đại sư Pháp Dung ở Ngưu Đầu. Đại sư nhìn thấy cho là kỳ lạ, bảo rằng: Sắc thanh là rượu độc của vô sinh thọ tưởng là hầm bẫy của bậc chí nhân, ông có biết chăng. Sư làm thinh mà xét thì Đại Ngộ Huyền Chỉ. Liền ẩn dấu ở Chung Sơn suốt trong nhiều năm. Cất am tranh ở Ngõa Phủ để ở đến hết đời. Ngày mồng 06 tháng 02 niên hiệu Thiên Thọ năm thứ 3 đời

Đường, Sư điềm nhiên nhập định bảy ngày mà tịch, thọ sáu mươi hai tuổi.

Thiền sư Trí Oai trước đây có ba đời bàng xuất đệ tử nối pháp

Thiền sư Huyền Đĩnh ở chùa An quốc ở Tuyên Châu:

Không biết người ở đâu, đã từng vào một ngày ở Trường An đến giảng kinh Hoa Nghiêm, có một vị Tăng đến hỏi Ngũ Tổ rằng: Chân tánh duyên khởi nghĩa ấy thế nào? Tổ im lặng. Lúc đó Sư đứng hầu một bên mới nói rằng: Này Đại đức, chính lúc khởi một niệm hỏi ấy là trong chân tánh duyên khởi. Vị tăng sau lời nói liền đại ngộ. Lại có người hỏi Nam tông từ đâu mà lập? Sư đáp Tâm tông chẳng có Nam Bắc.

***- Thiền sư Huyền Tố ở Hạc Lâm Nhuận Châu:***

Người ở Diên Lăng thuộc Nhuận Châu, họ Mã. Trong niên hiệu Như Ý đời Đường Sư thọ nghiệp tại chùa Trường Thọ ở Giang Ninh. Về già tham kiến ngài Trí Oai Thiền sư bèn ngộ Chân tông. Sau chùa Hạc Lâm tại Kinh Khẩu. Một hôm có người đồ tể đến gặp Sư mời về nhà cúng dường. Sư vui vẻ đến nơi. Chúng đều nghi ngờ, Sư bảo: Phật tánh bình đẳng hiền ngu như nhau nhưng người đáng được độ thì ta liền đến độ, đâu có gì khác nhau. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến. Sư nói hiểu tức chẳng hiểu, nghi tức chẳng nghi. Sư lại nói: Chẳng hiểu thì chẳng nghi, chẳng nghi thì chẳng hiểu. Lại có vị Tăng gõ cửa, Sư hỏi: Ai đấy? Đáp: Là Tăng. Sư nói: Chẳng phải chỉ là tTăng, Phật đến cũng không dính. Thưa: Phật đến sao không dính mắc Sư nói không có chỗ ông ghé nghỉ ngơi - Ngày 11 tháng 11 niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười một lúc nửa đêm, Sư không bịnh mà tịch, thọ tám mươi lăm tuổi, xây tháp thờ ở núi Hoàng Hạc. Vua sắc chỉ ban thụy hiệu là Đại Tân Thiền sư, tháp hiệu Đại Hòa Bảo Hàng.

***- Thiền sư Sùng Tuệ, ở núi Thiên Trụ Thư Châu:***

Người ở Bành Châu, họ Trần. Niên hiệu Càn Nguyên đời Đường lúc đầu Sư đến núi Thiên Trụ ở Thư Châu xây chùa. Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất vua sắc ban hiệu là chùa Thiên Trụ. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là cảnh Thiên trụ? Sư nói: Núi Chủ Bộ cao khó thấy mặt trời. Trước ngọn Ngọc cảnh dễ hiểu người.

- Hỏi: Khi Đạt-ma chưa đến xứ này thì có Phật pháp hay không? Sư đáp: Thời vị lai đã bỏ việc nay lấy gì sinh. Thưa rằng: Chẳng hiểu gì xin Sư giảng rõ. Sư nói: Vạn cổ bầu trời cao rộng, lúc nào cũng có gió trăng. Hồi lâu lại nói Xà-Lê hiểu chăng. Tự mình phần trên làm sao

sinh. Can hệ gì Đạt-ma kia đến hay chưa đến làm gì. Người khác đến rất giống ông thầy bói. Thấy ông chẳng hiểu cho ông một chùy mà phá tan lời văn kỳ quái). Vừa sinh lành dữ ở phần trên ông tất cả tự xem. Vị Tăng hỏi: Thế nào là người hiểu bói toán? Sư nói khi ông vừa ra khỏi cửa liền chẳng trúng. - Lại hỏi: Thế nào gia phong của Thiên trụ? Sư nói: Khi có mây trắng đến thì đóng cửa. Lại không có gió trăng bốn núi sông. Hỏi: Tăng chết rồi thì ở đâu? Sư nói: Núi Tiềm cao vót ngọn xanh rì, sông thư trăng sáng màu rực rỡ - Hỏi: Thế nào là Phật Đại Thông Trí Thắng? Sư nói: Nhiều kiếp đến nay không hề bít lấp chẳng phải Phật Đại Thông Trí Thắng thì là cái gì? - Hỏi: Vì sao Phật pháp chẳng hiện tiền? Sư nói: Chỉ vì ông không hiểu cho nên thành chẳng hiện tiền. Nếu ông hiểu rồi thì không có Phật Đạo để thành. - Hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói: Mây trắng tự che núi xanh, chim ong bay sân hoa - Hỏi: Từ trên các Thánh có nói năng gì? Sư nói: Nay Ông thấy ta có nói năng gì. - Hỏi: Trong tông môn thỉnh Sư lên tiếng? Sư nói: Trâu đá rống dài ngoài chân không, ngựa gỗ hý vang ẩn núi. - Hỏi: Chỗ lợi người của Hòa-thượng như thế nào? Sư nói: Một cơn mưa thấm khắp sắc đẹp của ngàn núi. - Hỏi: Thế nào là người trong núi Thiên trụ? Sư nói: Riêng mình đến ngàn đảnh núi, dạo chơi khắp suối chín khúc. - Hỏi: Thế nào là ý từ phương Tây đến? Sư nói: Vượn trắng ôm con đến núi xanh, ong bướm ngậm hoa mà hút nhụy. Sư ở núi giảng Đạo suốt hai mươi hai năm. Ngày 22 tháng 7 niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười bốn thì Sư thị tịch. Xây tháp thờ ở phía Bắc chùa để an táng toàn thân.

Thiền sư Huyền Tố chùa Hạc Lâm Nhuận Châu trước đây có đệ nối pháp:

- Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn, thuộc Hàng Châu.

Người ở Côn Sơn Tô Châu, họ Chu. Xưa theo Nho học, năm hai mươi tám tuổi thì gặp Thiền sư Huyền Tố, bảo rằng: Xem thấy ông thần khí ôn hòa thật là pháp bảo. Sư cảm ngộ nhận xin làm đệ tử. Huyền Tố đích thân cạo tóc và dặn rằng: Ông đi theo con sông gặp núi Kính thì dừng. Sư bèn đi về Nam đến Lâm An thấy một ngọn núi ở phía Đông Bắc nhân hỏi tiều phu thì đáp đó là Kính Sơn, bèn đến ở đó. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói: Trên núi có cả chép, đáy nước có bụi cỏ bồng. Mã Tổ sai người đưa thư đến, trong thư vẽ một hình tròn. Sư bèn vạch một nét trong vòng tròn rồi gấp thư gởi lại. Có vị Tăng hỏi Thế nào là ý Tổ sư từ tây-trúc đến? Sư nói: Ông hỏi không đúng. Lại hỏi: Thế nào là đúng, thì đáp đợi ta diệt độ rồi sẽ nói cho ông biết - Mã Tổ sai đệ tử là Trí Tạng đến hỏi: Trong mười hai giờ (24 giờ) lấy gì làm

cảnh? Sư nói: Đợi ông trở về sẽ có tin. Trí Tạng nói: Tôi đang trở về. Sư nói: Truyền lời thì phải hỏi lấy Tổ Tào Khê (Lục tổ) - Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba đời Đường, Đường Đại Tông mời Sư vào Triều kính lễ. Một hôm Sư ở trong sân thấy vua liền đứng dậy. Vua hỏi: Sư vì sao mà đứng? Sư nói: Thí chủ, đâu được trong bốn oai nghi mà thấy bần đạo. Vua rất vui bảo Trung Quốc Sư rằng: Muốn ban cho Khâm Sư một danh hiệu. Trung vui mừng dâng chiếu bèn ban hiệu là Quốc Nhất. Sau từ biệt vua trở về núi. Vào tháng 12 niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám Sư đang nói pháp thì mất thọ bảy mươi chín tuổi. Vua sắc ban thụy hiệu là Đại Giác Thiền sư.

Thiền sư Đạo Khâm ở Kính Sơn thuộc hàng Châu trước đây có Đệ tử Đệ tử nối pháp:

Thiền sư Đạo Lâm ô Sào ở Hàng Châu.

Người ở Phú Dương thuộc Bổn quận, họ Phan. Mẹ là bà họ Chu thấy ánh sáng chạy vào miệng bèn có thai. Khi sinh ra thì mùi thơm lạ đầy nhà bèn đặt tên là Hương Quang. Chín tuổi xuất gia, năm hai mươi mốt tuổi thọ giới cụ túc tại chùa Quả Nguyện ở Kinh Châu. Sau đến nơi Pháp sư Phục Lễ ở Chùa Tây Minh tại trường An mà học kinh Hoa Nghiêm và Luận Khởi Tín. Phục lễ lấy tụng Chân Vọng dạy tu thiền-na. Sư hỏi rằng: Trước hết quán cái gì, dụng tâm như thế nào? giây lâu Phục lễ không nói. Sư lạy ba lạy mà lui ra. Vua Đường Đại tông ban chiếu mời Thiền sư Quốc Nhất ở Kính Sơn vào triều. Sư đến yết kiến bèn được chánh pháp. Khi trở về Nam trước là chùa Vĩnh Phước Cô Sơn, có tháp Bích Chi Phật, lúc đó đạo tục cùng làm pháp hội. Sư chống tích trượng mà vào, có Pháp sư Thao Quang ở chùa Linh Ẩn hỏi rằng: Pháp hội này lấy gì làm tiếng? Sư nói: Không có tiếng ai biết là hội. Sau thấy núi Tần Vọng có cây thông lớn cành lá sum xuê tròn như cái lọng bèn leo lên đó mà ở, nên người ta gọi là Thiền sư Ô Sào. Lại có ổ chim Thước (khách) ở đó rất quen thuộc với người, nên gọi là là Hòa-thượng Thước Sào. Có thị giả là Hội Thông bỗng một hôm đến từ giã Sư mà đi. Sư hỏi: Nay ông đi đâu? Đáp: Hội thông vì pháp xuất gia, vì Hòa-thượng không dạy dỗ gì nên đến các nơi khác mà học Phật pháp. Sư nói: Nếu là Phật pháp thì ta ở đây cũng có chút ít. - Hỏi: Phật pháp của Hòa-thượng ra sao? Sư bèn lấy lông tơ vải áo đang mặc mà thổi. - Hội thông hiểu được ý sâu kín. Trong niên hiệu Nguyên Hòa, Bạch Cư Dị ra trấn thủ ở Quận Tư, nhân vào núi lễ Sư bèn nói Sư rằng: Thiền sư ở chỗ rất nguy hiểm. Sư đáp: Thái Thú nguy hiểm càng hơn. Bạch hỏi: Đệ tử vị trấn giữ sông núi sao có nguy hiểm. Sư nói: Củi lửa giao nhau

tánh biết không dừng, sao chẳng nguy hiểm. Lại hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư đáp: Các điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm. Bạch Cư Dị nói:trẻ ba tuổi cũng nói được. Sư đáp: Trẻ ba tuổi nói được mà người già tám mươi không làm được. Bạch bèn đảnh lễ. Sư vào ngày mồng 10 tháng 2 niên hiệu Trường Khánh năm thứ tư, bảo thị giả rằng: Nay ta báo đã hết, nói xong thì ngồi mà hóa. Thọ tám mươi bốn tuổi, tuổi lạp sáu mươi ba.

Thiền sư Đạo Lâm Ô Sào ở Hàng Châu đây có đệ tử Đệ tử nối pháp

- Thiền sư Hội Thông, chùa Chiêu Hiền ở Hàng Châu.

Người ở Bổn quận, họ Ngô vốn tên Nguyên Khanh hình tướng khôi ngô tuổi nhỏ mà rất thông minh. Đời Đường Đức Tông làm Lục cung Sứ. Vương tộc đều thích. Mùa xuân thấy cung Chiêu Dương hoa nở rộ bèn đến ngắm xem rất lâu. Bỗng nghe trên hư không có tiếng nói: Tướng hư huyễn nở tàn không dừng có thể làm hại gốc lành. Sao Nhân giả lại ưa thích. Sư sực tỉnh nghĩ là tuổi trẻ sùng thiện quá lắm ắt sinh chán sợ. Vua một hôm dạo cung hỏi: Sao khanh chẳng vui? Tâu rằng: Thần từ nhỏ không ăn mặn chí muốn theo Phật. Vua nói trẫm xem khanh như Côn Trọng nhưng giàu sang muốn hơn người là không trái với khanh chỉ xuất gia thì không được. Sau đó, vua thấy dung mạo tiều tụy liền ban chiếu sai làm Vương Tân Tướng. Tâu rằng: Người này nối tiếp làm hưng thạnh Tam bảo. Vua bảo Sư rằng: Như khanh xin chọn ngày xa gần mà tâu lại. Sư rất tạ ân. Vừa được tin nhà nói mẹ bịnh bèn xin về thăm viếng. Vua ban thưởng rất hậu. Sai Hữu Ty đưa tiễn Sư. Đến nhà chưa bao lâu gặp Pháp sư Thao Quang khuyên gắng bèn gặp Ô Sào nguyện làm thí chủ cùng lập am xây chùa. Chùa thành bèn thưa rằng: Đệ tử bảy tuổi đã ăn chay, mười một tuổi thọ năm giới, nay hai mươi hai tuổi vì xuất gia mà từ quan, xin Hòa-thượng trao cho tăng tướng. Đáp rằng: Thời nay làm Tăng có người khổ nhọc làm nhiều việc lạm dụng. Sư nói: Vốn trong sáng chẳng cần mài giũa, căn bản sáng tỏ không tùy theo soi chiếu. Bảo rằng: Nếu ông thể tịnh trí diệu viên vốn tự trống vắng (không tịch thì đó là chân xuất gia rồi, cần gì phải nhờ tướng bên ngoài). Ông chính là Bồ tát Tại Gia, giới thí đều tu như bạn bè của Tạ Linh Vân kia. Sư nói đúng thế, lý tuy như thế nhưng với sự nào có ích gì. Nếu được nhiếp thọ thì thể vâng theo lời Sư dạy. Ba lần thỉnh Như thế đều không chịu ừ. Lúc đó Thao Quang bèn kiên quyết thưa Ô Sào rằng: Cung sứ chưa hề cưới cũng không nuôi thị nữ. Thiền sư nếu vẫn không thừa tiếp thì ai được độ. Ô Sào liền xuống tóc và truyền

Giới cụ túc cho. Sư thường ăn chay giờ mẹo ngày đêm tinh tiến tụng kinh Đại thừa mà tu Tam-muội An Ban. Vừa cố từ tạ để đi du phương, Ô Sào lấy lông vải (thổi) mà ngộ chỉ. Lúc đó gọi là Bố mao thị giả (Thị giả lông vải). Đến khi Ô Sào qui tịch hai mươi năm thì Đường Võ Tông phá chùa, Sư cùng Tăng chúng lạy từ Linh tháp mà đi xa, không biết cuối cùng ra sao.

Thiền sư Tuệ Trung trước đây có hai đời đệ tử Đệ tử nối pháp:

Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên Thai.

Người ở Kinh Triệu, họ Trương Tôn. Lúc nhỏ gặp Thiền sư Trung ở Ngưu Đầu mà đại ngộ huyền chỉ, sau ẩn vào ngọn phía Tây của Bạo Bố ở Thiên Thai. Trong niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường, giảng kinh dần thạnh. Lúc đầu chỉ hang núi đang ở là Phật Quật. Một hôm dạy chúng rằng: Trời đất không có vật, ta cũng không có vật, nhưng chưa từng không có vật, vậy thì bậc Thánh như bóng trăm năm như mộng, thì cái gì là sinh tử. Bậc chí nhân do đó mà riêng xét chiếu mà làm chủ muôn vật. Ta biết như thế. Các ông có biết chăng? Có vị tăng hỏi: Thế nào là mũi tên Na-la-diên? Sư nói: Là trúng đích. Bỗng một hôm bảo đệ tử rằng: Các ông nên cố gắng, ta đâu có nói gì! Hai hôm sau, giữa đêm Sư ngồi yên mà thị tịch, thọ tám mươi tuổi, tuổi lạp năm mươi tám.

Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật Quật núi Thiên Thai đệ tử Đệ tử nối pháp Thiên Thai Sơn.

Thiền sư Vân Cư Trí núi Thiên Thai.

Đã từng có vị Tăng ở viện Hoa Nghiêm là Kế Tông hỏi rằng: Thấy tánh thành Phật nghĩa ấy thế nào? Sư nói: Tánh thanh tịnh xưa nay rỗng sáng không hề lay động, chẳng thuộc có không, tịnh uế, dài ngắn, lấy bỏ, tự thể thường như thế. Thấy rõ như thế thì gọi là thấy tánh. Tánh tức Phật, Phật tức tánh, cho nên nói thấy tánh thành Phật. - Hỏi: Tánh đã thanh tịnh thì chẳng thuộc có không, vì sao lại có thấy? - Sư nói: Thấy không chỗ thấy - Hỏi: Không chỗ thấy vì sao lại có thấy? Sư nói: Chỗ thấy cũng không. - Hỏi: Như thế khi thấy là ai thấy? Sư nói: Không có người tự nhiên thấy - Hỏi: rốt ráo lý ấy ra sao? Sư nói: Ông biết chăngvọng suy nghĩ là có tức có, năng sở được gọi là mê, theo thấy mà sinh hiểu thì rơi vào sinh tử. Người thấy rõ (minh kiến) thì chẳng như thế. Suốt ngày thấy mà không hề thấy, cầu chỗ thấy thể tướng chẳng thật có năng sở đều mất thì gọi là thấy tánh. Hỏi: Tánh này ở khắp tất cả chỗ chăng? Sư nói: Không chỗ nào chẳng khắp. Hỏi: Phàm phu có chăng? Sư nói: Trước nói không chỗ nào chẳng khắp há phàm phu mà không đủ ư? - Hỏi: Vì sao chư Phật Bồ tát không bị sinh tử trói buộc,

mà riêng phàm phu lại bị khổ này, thì đâu là khắp được? Sư đáp: Phàm phu ở trong tánh thanh tịnh chấp có năng sở liền rơi vào sinh tử. Còn chư Phật Đại sĩ khéo biết trong tánh thanh tịnh chẳng thuộc có không, tức năng sở chẳng lập - Hỏi: Nếu nói như thế thì có người liễu và chẳng liễu? Sư nói: Liễu còn chẳng thật có, há có người tự nhiên liễu ư? - Hỏi: Lý rốt ráo ra sao? Sư đáp: Ta nói tóm tắt, ông ở ngay niệm này trong tánh thanh tịnh không có Thánh phàm, cũng không có người liễu và người không liễu. Hai loại Phàm và Thánh đều là tên gọi, nếu theo tên mà sinh hiểu thì liền rơi vào sinh tử. Nếu biết là giả danh không thật, thì tức là không có tên gọi này. Lại bảo đây là chỗ rất rốt ráo, nếu nói ta có thể thấy liễu mà người kia không có thể thấy liễu thì là bịnh lớn, thấy có tịnh uế, phàm Thánh cũng là bịnh lớn. Nếu hiểu không có phàm Thánh thì thuộc về bác không có nhân quả. Thấy có tánh thanh tịnh để nương tựa cũng là bịnh lớn, hiểu không có chỗ nương tựa cũng là bịnh lớn. Nhưng trong tánh thanh tịnh tuy không có lay động mà lại đầy đủ các phương tiện ứng dụng bất hoại và hưng vận lòng từ bi chỗ hưng vận như thế tức hoàn toàn là tánh thanh tịnh, có thể gọi là thấy tánh thành Phật. Kế Tông vui mừng lạy tạ mà lui.

*** Tổ thứ 32: ĐẠI SƯ HOẰNG NHẪN:** đời thứ nhất bàng xuất đệ tử Đệ tử nối pháp.

***1. Thiền sư Thần Tú Bắc Tông.***

Người ở phủ Khai Phong, họ Lý. Thuở nhỏ học Nho làu thông các sách, bỗng bỏ ái đi xuất gia tìm thầy học đạo. Đến chùa Đông Sơn ở Song Phong thuộc Kỳ Châu, gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn lấy ngồi thiền làm cốt yếu (sự nghiệp) bèn khen phục rằng: Đây mới thật là thầy ta. Bèn tâm thề khổ nhọc gánh nước bửa củi tự phục dịch mà cầu đạo. Hoằng Nhẫn thầm biết nên càng chú trọng dạy dỗ, bảo rằng: Ta độ nhiều người nhưng ngộ giải thì không ai bằng ông. Khi Tổ Hoằng Nhẫn đã tịch, Thần Tú bèn đến trụ núi Đương Dương ở Giang Lăng. Đường Võ Hậu nghe tiếng Sư bèn mời vào kinh, ở trong Nội đạo tràng mà cúng dường, càng đặc biệt kính lễ, cho lập chùa Độ Môn ở núi cũ mà biểu thị cho đức độ của Thần Tú. Lúc đó Vương công sĩ thứ đều bái phục. Đến lúc Đường Trung Tông lên ngôi thì càng trọng vọng Sư, Đại thần Trương Thuyết đã từng hỏi pháp yếu và xin làm đệ tử. Sư có bài kệ dạy chúng rằng:

*Tất cả Phật pháp*

*Tự tâm vốn có*
*Cầu vật ngoài tâm*
*Bỏ cha đi hoang.*

Niên hiệu Thần Long năm thứ hai, Ngài ở chùa Thiên Cung ở Đông Đô mà viên tịch. Vua ban thụy là Đại Thông Thiền sư, đầy đủ nghi lễ an táng ở Long Môn. Vua tiễn đến cầu, các Vương công sĩ thứ cùng đưa đến huyệt. Trương Thuyết và Trưng Sĩ Lô Hồng làm bia. Môn nhân là Phổ Tịch, Nghĩa Phước v.v... đều được triều đình và thôn quê kính trọng.

***2. Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc.***

Người ở Chi Giang thuộc Kinh Châu, họ Vệ. Vua Tùy Văn Đế niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy nắm giữ thiên hạ, riêng độ tăng ni, khen sư là cây vô danh. Sư bèn tuần du các hang núi. Trong niên hiệu Đại Nghiệp mộ người khai thông sông ngòi, người đói khát rất nhiều, Sư đi khất thực mà cứu rất đông. Vua Tùy Dạng Đế mời, Sư không đến, trốn vào núi Thái Hòa. Khi vua đến Giang Đô trong nước nhiễu nhương, bèn chống tích trượng lên chùa Hoành Nhạc tu hạnh đầu đà. Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường Sư đến Huỳnh Mai yết kiến Tổ Hoằng Nhẫn nhận được tâm yếu. Niên hiệu Lân Đức năm thứ nhất bèn đến Thạch Bích ở núi Chung Nam mà ở đấy. Vua Đường Cao Tông mời Sư cũng không đến. Sư trải khắp các danh tích, đến Tùng Thiếu thì bảo rằng: Ta mất ở đây. Từ đó người tu thiền càng hội họp, có hai vị Thản Nhiên và Hoài Nhượng đến tham vấn rằng: Thế nào là ý của Tổ sư ở Tây Trúc đến? Sư đáp: Sao không hỏi ý mình? Thưa rằng: Ý mình như thế nào? Sư nói nên quán tác dụng ngầm. Hỏi: Thế nào là tác dụng ngầm? Sư nháy mắt mấy cái mà biểu thị. Nhưng sau lời nói thì biết về mà không đến nơi khác. Hoài Nhượng duyên chưa chín bèn từ giả mà đến Tào Khê. Võ Hậu mời Sư về triều đãi lễ thầy trò, cùng tôn trọng như Thiền sư Thần Tú. Võ Hậu có hỏi Sư về Giáp Tử. Sư nói không nhớ. Võ Hậu hỏi sao không nhớ. Sư đáp: Thân sinh tử như cuộc tuần hoàn, hoàn hết và không khởi thì nhớ làm gì. Huống chi tâm này rong chạy mãi không dừng, thấy bọt nước sanh diệt hẳn là luống dối. Từ sơ thức (thức đầu Tiên) cho đến tướng động, khi diệt cũng chỉ như thế, có năm tháng nào mà nhớ, Võ Hậu nghe xong gật đầu tin nhận. Đến niên hiệu Thần Long năm thứ hai, vua Đường Trung Tông ban cho y ca sa tím, Sư độ được 14 vị đệ tử, vẫn vào cung cấm được cúng dường ba năm, vua lại ban cho một ma-nạp. Sư từ giả Tung Nhạc. Năm đó ngày

mồng 3 tháng 3 Sư dặn dò các đệ tử rằng: Ta chết rồi hãy mang thây ta vào rừng đợi lửa rừng thiêu đốt. Bỗng lúc đó có Vạn Hồi Công đến thăm thì tha thiết nắm tay bàn nói, người đứng hầu bên cạnh lăng nghe mà chẳng hiểu gì. Đến ngày mồng 8 thì đóng cửa ngồi yên mà thị tịch thọ một trăm hai mươi tám tuổi (sinh năm Nhâm Dần, niên hiệu Khai Hoàng thứ hai đời Tùy, mất vào niên hiệu Cảnh Long thứ ba Đường, Kỷ Dậu, đời gọi là Lão An Quốc sư). Đệ tử vâng lời đặt thây trong rừng, quả nhiên lửa rừng tự thiêu, xá-lợi thu được tám mươi hạt, có năm hạt màu đỏ tía giữ ở trong cung. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai , đệ tử xây tháp thờ.

***3. Thiền sư Đạo Minh ở Mông Sơn thuộc Viên Châu:***

Người ở Phàn Dương, là con cháu của Trần Tuyên Đế, nước mất nên lưu lạc chốn dân gian vì là cháu vua nên được (xem trọng) do đó có hiệu là Tướng quân. Thuở nhỏ Sư xuất gia ở chùa Vĩnh Xương mộ đạo rất chí thiết. Bèn đến nương Pháp Hội của Ngũ Tổ mà hết lòng nghiên tầm. Lúc đầu chưa hiểu, khi nghe Tổ ngầm giáo y pháp cho Lô Hành Giả (Lục tổ Tuệ Năng) thì liền dẫn mấy mươi người đồng tâm ý đuổi theo tìm đến núi Đại Tẩu. Sư đi trước nhất, những người kia chưa đến. Lô Hành Giả thấy Sư bèn chạy đến để y bát trên tảng đá bằng, bảo rằng: Y này biểu thị cho lòng tin, lại dùng sức mà tranh giành ư? Ông cứ lấy đi. Sư bèn cầm lên, nhưng nặng như núi không thể nâng lên được, bèn do dự khiếp sợ thưa: Con đến đây cầu pháp chứ không phải cầu y, xin hành giả chỉ dạy cho con. Lục Tổ nói chính lúc không nghĩ thiện không nghĩ ác là mặt mũi xưa nay của Thượng Tọa Minh. Ngay lời nói ấy thì Sư Đại ngộ, toàn thân ướt đẫm mồ hôi, khóc lạy thưa rằng: Ngoài mật ngữ mật ý trên, còn có ý chỉ nào khác chăng? Lục Tổ nói: Nay ta nói với ông thì không phải mật nữa, nếu ông chiếu soi lại lấy mình mà nhìn, thì mật liền ở bên ông. Sư nói: Con trước nay ở bên ngài Huỳnh Mai theo chúng, nhưng chưa tự xét mình mà nhìn, nay xin chỉ trao chỗ vào, như người uống nước nóng lạnh tự biết. Nay hành giả tức là thầy con. Lục Tổ nói: Như thế thì ta cúng ông đồng thầy là ngài Huỳnh Mai, hãy tự khéo giữ gìn. Sư lại hỏi: Sau này con nên về đâu? Tổ nói gặp Viên thì dừng gặp Mông thì ở. Sư bèn lễ tạ, rồi đến một chân núi bảo mọi người rằng: Leo lên chót vót mà xa trông thì chồng chất không dấu vết hãy tìm đường khác cũng thế. Sư trở về, bèn một mình đến Đài Bố Thủy ở Lô Sơn, ở đó ba năm. Sau mới đến Mông Sơn ở Viên Châu mà rộng hoằng hóa. Lúc đầu tên là Tuệ Minh, vì tránh chữ Tuệ của Tổ Tuệ

Năng nên gọi là Đạo Minh. Sư dặn dò các đệ tử đều đến Lãnh Nam mà tham vấn Lục Tổ.

*** Đệ tử nối pháp Thiền sư Thần Tú Bắc Tông** (Đời thứ hai của Tổ Hoằng Nhẫn)

***1. Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ Đài.***

Người ở An Lục, họ Tào. Thuở nhỏ thọ nghiệp với Thiền sư Lãng ở Viện Minh Phước. Trước giảng kinh luận, sau tham thiền. Khi tới Bắc tông, Thiền sư Tú hỏi: Chỗ mây trắng tan ra sao? Sư nói: Không hiểu. Tú lại hỏi: Đến chỗ này sau thế nào? Sư đáp: Chánh thấy một cành có năm lá. Tú làm thinh chấp nhận. - Vào thất đứng hầu đối đáp hầu như không sai lầm. Bèn tìm đến Thượng Đảng Hàn Lãnh mà ở. Được mấy năm chúng đông cả ngàn. Sau, Sư hoằng hóa ở Ngũ Đài hơn hai mươi năm sau thì nhập diệt, thọ tám mươi mốt tuổi vào ngày mồng 03 tháng 09 niên hiệu Khai Nguyên thứ 15 đời Đường. An táng toàn thân trong tháp.

***2. Thiền sư Trí Phong ở núi Trung Điều thuộc Phủ Hà Trung:***

Họ Ngô, trước học luận Duy Thức bị dính mắc bởi Danh Tướng, bị người hiểu gạn hỏi: Nổi giận mà bỏ giảng, đến đến núi Võ Đang, gặp Thiền sư Tú thì tâm nghi sớm loại trừ. Nghĩ nuôi mầm Thánh bèn từ giả mà đi, đến ở núi An Phong tại Bồ Tân mười năm chẳng xuống núi chỉ ăn rau cỏ uống nước suối. Thục Châu Mục Vệ Văn Thăng mời sư về thành nội, xây dựng viện Tân An Quốc mà ở. Đạo tục kéo đến không ngớt. Sứ quân hỏi rằng: Nay ta ngày sau thế nào? Sư nói: Mặt trời từ mưa ra, chiêu cây toàn không bóng. Sứ quân mới đầu không thể nào hiểu được, chấp tay vái chào mà lui, sau đó lựa chọn hiểu ra mà cảm thấy thoải mái thư thái. Sư qua lại núi Trung Điều ở hơn hai mươi năm, người được Đạo đông vô số. Sau khi Sư mất thì đệ tử xây tháp thờ ở phía Bắc thành của Châu.

***3. Thiền sư Hàng Ma tạng ở Duyên Châu:***

Người ở Triệu quận, họ Vương, cha là làm hào Duyện (quan chức nhỏ). Sư 7 tuổi đã xuất gia. Lúc đó ở Thục Dã có nhiều yêu quỉ ưa mê hoặc người, Sư một mình chế phục không chút sợ sệt, nên được gọi là Hàng Ma. Liền nương Thiền sư Minh Tán ở viện Quảng Phước mà xuất gia siêng tu. Sau khi thọ pháp gặp Bắc Tông Thần Tú thạnh hành bèn thề qui y. Tú sư hỏi: Ông tên Hàng Ma ở đây không có ma núi quỉ cây thì ông lại làm ma ư? Sư nói: Có Phật thì có ma. Tú nói: Nếu ông là ma thì ở cảnh giới không nghĩ bàn. Sư nói: Là Phật cũng không sao có cảnh

giới. Tú huyền ký rằng: Ông với gò Thiếu Hạo có duyên Sư bèn tìm vào núi Thái, có rất nhiều người học theo về. Một hôm sư bảo các đệ tử rằng: Ta đã già yếu, vật cuối cùng có chỗ về. Nói xong thì mất, thọ chín mươi mốt tuổi.

***4. Thiền sư Đạo thọ ở Thọ Châu:***

Người ở Đường Châu, họ Văn, thuở nhỏ tìm tòi kinh sách, đến năm mươi tuổi nhân gặp được vị cao tăng khuyên dạy nên thệ xuất gia, lễ Tuệ văn ở núi Minh Nguyệt thuộc bổn bộ làm thầy. Sư thẹn lớn tuổi mới cầu pháp bèn gắng chí đi khắp không đâu chẳng đến. Sau trở về Đông Lạc gặp Thiền sư Tú. Sau lời nói biết có hiểu chút ít sẽ thành pháp khí. Bèn đến núi Tam Phong ở Thọ Châu, cất am tranh mà ở. Thường có người quê mặc áo lụa trắng lời lẽ chất phác, nói chuyện kỳ lạ đùa cười và hóa hiện các hình Phật Bồ tát, La-hán Thiên Tiên v.v... hoặc phát ra ánh sáng lạ hoặc tạo tiếng vang, Sư và học trò thấy việc đều chẳng lường. Như thế mười năm thì dứt bặt không hình bóng. Sư bảo chúng rằng: Các người quê có nhiều hình sắc khéo léo mê hoặc người để làm mất cái chẳng thấy chẳng nghe của Lão Tăng chỉ có Lão Tăng chẳng thấy chẳng nghe, tài khéo ấy chẳng còn mà chẳng thấy chẳng nghe của ta thì không hết. Niên hiệu Bảo Lịch năm thứ nhất đời Đường bị bịnh mà mất, thọ chín mươi hai tuổi, tháng giêng năm sau thì xây tháp.

***5. Thiền sư Toàn Thực ở núi Đô Lương Hoài Nam:***

Người ở Quang Châu, họ Nhuế. Lúc đầu cất am mà ở. Thái Thú Vệ Văn Khanh mời Sư đến chùa Trường Thọ ở bổn châu mở pháp Hội nhóm họp đồ chúng. Văn Khanh hỏi: Tương lai Phật pháp hưng suy ra sao? Sư đáp: Vật chân thật không xưa không nay cũng không khuôn phép. Pháp hữu vi bốn tướng đổi dời. Pháp sẽ bị vùi lấp, ông đợi sẽ thấy. Sư chín mươi ba tuổi thì mất. Ngày mồng 07 tháng 09 năm Giáp Tý Niên hiệu Hội Xương thứ tư đời đường thì nhập tháp.

*** Đệ tử nối pháp Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc**

***1. Thiền sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên ở Lạc Kinh:***

Từ Tung Sơn bỏ thưa hỏi đến Khoáng Giao. Lúc đó thường gọi Hòa-thượng là Đăng Đằng, trong niên hiệu Thiên Sách Vạn Tuế thời nhà Đường, Thiên Hậu ra chiếu mời vào trước điện. Sư nhìn Thiên Hậu hồi lâu rồi nói: Hiểu chăng? Hậu nói chẳng hiểu. Sư nói: Lão tăng giữ giới không nói. Nói xong thì bước ra. Hôm sau dâng khúc ca ngắn có mười chín đoạn, Thiên Hậu xem mà vui ban thưởng rất hậu, Sư đều không nhận. Lại khiến viết bài ca mà truyền khắp trong nước. Lời ca

đều diễn bày chân lý để khuyên răn thời tục, chỉ có bài Liễu Nguyên Ca là thạnh hành ở đời.

***2. Hòa thượng Phá Táo Đọa ở Tung Nhạc.***

Không xưng tên tuổi, ngôn hạnh (lời nói và việc làm) khó lường, ẩn cư ở Tung Nhạc. Sơn Đảo có miếu rất linh, trong điện thờ chỉ có một cái bếp lò, xa gần đến cúng tế không ngớt nấu nướng giết hại sinh mạng rất nhiều. Một hôm Sư dẫn Thị Tăng đi vào miếu, lấy tích trượng đập vào bếp ba cái bảo: Ôi, Táo này, chỉ là đất sét nắn thành Thánh từ đâu đến, linh từ đâu khởi, tại sao lại hưởng vật mạng cúng của người ta. Lại đập ba cái thì bếp nghiêng rớt xuống đất. Phút chốc thì có một người mặc áo xanh đầu đội mũ bỗng lạy trước Sư. Sư hỏi: Ngươi là ai. Đáp: Con là Thần Táo trong miếu này từ lâu chịu nghiệp báo, hôm nay được Sư nói pháp vô sinh mà được thoát chỗ này sinh lên cõi trời, nên đến đây lễ tạ. Sư nói: Đó là ông vốn có tánh không phải ta nói ép. Thần Táo lạy lễ và biến mất, Thiếu tuyển thị Tăng v.v... đều hỏi Sư rằng: Chúng con là những người ở lâu bên Hòa-thượng mà chưa hề nghe Thầy khổ công dạy bảo, còn Thần Táo được ý chỉ thẳng tất nào mà được sinh lên cõi trời. Sư nói: Ta chỉ nói ông ta là do đất sét tạo thành, ngoài ra cũng không có đạo lý nào vì ông ta. Thị Tăng đứng yên không nói, Sư hỏi hiểu chăng? Chủ sự thưa không hiểu. Sư nói: Tánh vốn có vì sao chẳng hiểu. Thị Tăng bèn đảnh lễ. Sư nói rơi xuống rơi xuống, nát ra nát ra (bể tan bể tan). Sau có Thiền sư Nghĩa Phong đem thưa với Quốc sư An, Quốc sư than rằng: Người này hiểu hết các vật đồng nhất như ta, có thể nói rằng: Trăng sáng trên không đều thấy. Khó gặp ngữ mạch ấy. Thiền sư Nghĩa Phong liền khoanh tay cúi đầu hỏi rằng: Chẳng hay ai gặp ngữ mạch khác? Quốc sư nói không biết - Lại có Tăng hỏi: Khi mọi vật vô hình thì ra sao? Sư nói: Lễ tức chỉ là ông mà không phải ta, bất lễ (chẳng lạy) chỉ có ta mà chẳng phải ông. Vị Tăng ấy bèn lễ tạ. Sư nói: Vật vốn có là vật chẳng phải vật. Do đó mà Đạo tâm chuyển được vật tức đồng Như lai. Lại có vị tăng hỏi: Thế nào là người tu hạnh lành? Sư nói: Cầm thương mặc giáp. Thế nào là người làm hạnh ác? Sư nói: Tu thiền nhập định. Tăng thưa: Con căn cơ còn cạn, thỉnh sư chỉ thẳng. Sư nói: Ông hỏi ta ác, ác chẳng từ thiện, ông hỏi ta thiện, thiện chẳng từ ác. Hồi lâu lại hỏi: Hiểu chăng? Tăng thưa: Không hiểu. Sư nói: Người ác không có niệm lành, người lành không có tâm ác. Do đó nói thiện ác như mây nổi, đều không có chỗ khởi diệt. Vị tăng ấy sau đó liền đại ngộ - Có vị tăng từ núi Ngưu Đầu đến. Sư hỏi: Ông đến từ pháp Hội nào? Tăng đền gần chấp tay đi nhiễu quanh Sư một vòng rồi lui ra. Sư nói: Ở

Hội Ngưu Đầu chẳng thể có người này. Tăng bèn trở lại chấp tay hướng bên Sư. Sư nói quả nhiên quả nhiên! Tăng liền hỏi: Sư ứng vật chẳng do thời khác là sao? Sư nói: Tranh được chẳng do khác. Tăng hỏi: Cái gì là thuận chánh về nguồn? Sư nói: Về nguồn sao thuận? Tăng nói: Không phải Hòa-thượng lầm lẫn chiêu lỗi. Sư nói: Cũng là Đạo lý chưa thấy bốn tổ, thấy rồi thì thông tương lai. Tăng liền đi nhiễu một vòng rồi lui ra. Sư nói: Đạo thuận chánh xưa nay vẫn thế. Tăng đảnh lễ - Lại Tăng thị đứng hầu lâu. Sư bảo: Tổ tổ Phật Phật chỉ nói như người. Bổn tánh bổn tâm chẳng có đạo lý khác. Hiểu lấy hiểu lấy. Tăng lễ tạ, Sư bèn lấy phất trần đánh bảo rằng: Một chỗ như thế, ngàn chỗ cũng thế. Tăng liền chấp tay đến trước Sư dạ một tiếng. Sư nói: Lại chẳng tin, lại chẳng tin. Tăng hỏi: Thế nào là kẻ Đại xiển đề? Sư nói: Tôn trọng lễ bái. Lại hỏi: Thế nào là người Đại tinh tiến? Sư nói: Hủy nhục sân giận. - Sau chẳng biết Sư mất ở đâu?

***3. Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung Nhạc:***

Người ở Y Khuyết, họ Lý, xuất gia từ nhỏ. Niên hiệu Vịnh Thuần năm thứ hai đời Đường, Sư thọ giới cụ túc ở chùa Lệ Nhàn cư. Học tập Tỳ ni không mệt mỏi. Sau yết kiến An Quốc sư dùng chận tông ấn khả mà đốn ngộ huyền chỉ, liền chọn am tranh ở núi Bàng Ổ. Một hôm có Dị nhân đội mão mặc áo kép quần cụt đi đến. Người theo sau rất đông, dáng nhẹ nhàng thong dong đến ra mắt Đại sư. Sư thấy hình dáng kỳ vĩ phi thường bèn bảo rằng: Mau đến đây nhân giả. Bèn hàm hồ mà đến nói sư đâu biết ta? Sư nói: Ta xem chư Phật và chúng sinh bình đẳng ta nhìn qua há phân biệt ư? Ông ấy bảo ta là thần núi này, có thể khiến người sống chết, Sư sao có thể nhìn qua ta. Sư nói: Ta vốn chẳng sinh, ông đâu thể chết. Ta thấy thân cùng không như nhau, thấy ông cùng ta như nhau. Ông có thể phá hoại không và ông ư? Nếu có thể phá hoại không và ông thì ta không sinh không diệt. Ông còn chẳng thể như thế thì sao có thể làm ta sống chết. Thần cúi đầu thưa: Tôi cũng thông minh chánh trực như các thần khác, đâu biết Sư có trí tuệ biện luận rộng lớn? Nguyện xin trao cho chánh giới để khiến tôi vượt (thoát) đời. Sư nói: Ông đã xin giới tức là đã thọ giới rồi. Vì sao ? vì ngoài giới không có giới thì là giới nào? Thần nói lý này tôi nghe mịt mù. Chỉ cầu giới của Sư, tôi xin làm đệ tử. Sư liền bày chỗ ngồi cầm lò hương ngay nơi bàn mà bảo rằng: Ta trao cho ông năm giới, nếu giữ được thì nói được nếu không giữ được thì nói không. Thần nói xin vâng lời. Sư nói: Ông chẳng dâm được không? Thưa: Cũng có cưới vợ. Sư bảo: Không phải nói cái đó, mà là không có giăng lưới dục. Thần nói: Giữ được. Sư nói: Ông

chẳng trộm cắp được chăng? Thần đáp: Tôi có thiếu gì mà phải trộm cắp. Sư nói: Không phải vậy, mà là thiết đã thì phước nhiều còn không cùng thì Họa thiện

Thần nói: Được. Sư hỏi: Ông không sát sinh được chăng? Thần nói: Thật nắm quyền hành làm sao chẳng giết? Sư nói: Không phải vậy, mà có lạm quyền sai lầm nghi lộn, Thần nói được. Sư hỏi ông không nói dối được chăng? Thần nói: Tôi ngay thẳng đâu có dối? Sư nói không phải thế, mà trước sau chẳng họp lòng trời Thần nói được. Sư hỏi ông không bị hư bại vì rượu được chăng? Thần đáp được. Sư nói: Như thế đó là giới Phật - Lại nói vì có tâm vâng trì giữ gìn mà không có tâm câu chấp (chấp chặt), vì có tâm vì vật mà không có tâm tưởng thân mình. Nếu làm được như thế thì trước trời đất sinh ra mà không là Tinh, sau trời đất chết đi mà không là già, suốt ngày biến hóa mà chẳng là động rốt ráo vắng lặng mà chẳng thôi dứt. Ngộ đây thì tuy có cưới cũng không lỗi về vợ tuy có hưởng cũng không phải là lấy, tuy bính mà không phải là quyền. Tuy làm mà không phải cố, tuy say mà không tối tăm. Nếu vô tâm với muôn vật thì la dục chẳng phải là dâm phước dâm họa thiện chẳng phải là trộm. Lạm lầm nghi lộn chẳng phải là sát, trước sau trái trời mà không phải là dối, hôn hoang điên đảo không phải là say, đó gọi là vô tâm, vô tâm thì không giới, không giới thì không tâm, không Phật không chúng sinh, không ông và không tôi, không ông thì cái gì là giới. Thần đáp: Tôi thần thông thua Phật. Ông thần thông năm câu được, năm câu không được. Phật thì bảy câu được ba câu không được, Thần sửng sốt tránh chiếu quì xuống thưa rằng: Con xin được nghe. Sư nói: Ông có thể lệ Thượng Đế đi hướng Đông mà chiếu bảy sao hướng Tây chăng? Đáp: Không được. Sư nói: Ông có thể cướp Địa kỳ dung năm nhạc mà kết bốn biển chăng? Đáp: Không được. Sư nói đó là năm câu không được. Còn Phật được không tất cả tướng thành trí muôn pháp mà chẳng thể dứt diệt định nghiệp Phật có thể biết tánh quần hữu thấy rõ việc ức kiếp mà không thể hóa đạo người không duyên, Phật có thể độ vô lượng hữu tình mà không thể độ hết thế giới chúng sinh, đó là ba thứ không được. Định nghiệp cũng chẳng ràng buộc lâu, kẻ vô duyên cũng chỉ một hạn kỳ, thế giới chúng sinh vốn không thêm bớt. Lại không một người có thể chủ có pháp. Có pháp không chủ, gọi là không pháp, không pháp không chủ gọi là không tâm. Như ta hiểu phát cũng không có thần thông, chỉ dùng vô tâm mà thông hiểu tất cả pháp nhĩ. Thần nói: Thật là cạn cợt tối tăm chưa nghe Nghĩa không. Sư đã trao giới cho con con xin vâng giữ. Nay xin báo, Từ Đức công hiệu tài

năng của tôi. Sư nói: Ta quán thân không vật, quán pháp vô thường thẹn là lại có muốn gì. Thần nói: Sư sẽ khiến tôi làm việc thế gian, mở mang tiểu thần công cho con khiến đã phát tâm, mới phát tâm, chưa phát tâm, chẳng tin tâm sẽ tin tâm, năm hạng người ấy thấy dấu thần của con. Biết có Phật có thần có làm được và không làm được, có tự nhiên, có không phải tự nhiên. Sư nói: Không phải thế, không phải thế. Thần nói: Phật cũng khiến thần hộ pháp. Sao Sư lại phản Phật? Xin tùy ý dạy bảo. Sư bất đắc dĩ nói rằng: Vùng núi ở Đông Nham trơ trọi không có cây cối, còn vùng núi phía Bắc thì dẫy đầy. Ông có thể dời cây ở núi Bắc về núi Đông được chăng? Thần nói: Con xin vâng lời. Nhưng giữa đêm khuya sẽ có tiếng động ồn ào xin Sư chớ sợ. Rồi đảnh lễ mà lui. Sư đưa ra cửa và nhìn theo thì thấy rõ ràng oai vệ của 1 vị vua bỗng ẩn vào mây khói trên trời mà biến mất. Đêm ấy quả nhiên có sấm chớp gió bão dữ dội, nhà cửa cây cối lay động chim chóc kêu thảng thốt, Sư bảo chúng chớ sợ, Thần giao ước với ta. Đến sáng thì cây phía Bắc đã đầy khắp phía Đông sum suê thẳng hàng. Sư bảo môn đồ sau khi ta mất rồi chớ nói cho ai biết, nếu nói thật thì người cho ta yêu mị. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư là năm Bính Thìn Sư dặn dò môn nhân rằng: Trước ta ở núi phía Đông chùa. Ta mất rồi thì đặt hài cốt ta ở đấy. Nói xong thì an nhiên mà hóa. Thọ bảy mươi ba tuổi, đệ tử xây tháp thờ.

*** Đệ tử nối pháp Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn** (Đời thứ ba của Tổ Hoằng Nhẫn).

***1. Thiền sư Duy Chánh ở núi Chung Nam.***

Người ở Bình Nguyên, họ Chu, thọ nghiệp với Pháp sư Thuyên Trừng ở chùa Diên Hòa thuộc bổn châu. Đắc pháp với Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn. Đã được quyết liễu chân thuyên bèn vào núi Thái Nhất. Người đến học đầy nhà. Trong niên hiệu Đại Hòa đời Đường, vua Văn Tông thích ăn con hàu, các quan lại ở dọc bờ sông biển đều đem dâng. Một hôm trong bữa ăn thì có con hàu không hả miệng. Vua cho là điềm lạ bèn đốt hương khấn vái, bỗng biến thành hình Bồ tát phạm tướng đầy đủ, liền lấy hộp vàng và đàn hương đựng lại bọc gấm bên ngoài mà tặng chùa Hưng Thiện khiến Tăng chúng chiêm lễ. Nhân hỏi các quan thần đấy là điềm gì? Có người tâu trong núi Thái nhất có Thiền sư Duy Chánh, hiểu sâu Phật pháp đọc rộng các sách. Vua bèn mời vào hỏi việc ấy. Sư tâu: Thần nghe vật chẳng ứng suông, đây xin bệ hạ hãy tín tâm. Bởi kinh có nói đáng dùng thân này mà độ thì hiện thân này nói pháp. Vua hỏi thân Bồ tát đã hiện mà chưa nghe nói Pháp

sư hỏi: Bệ hạ thấy đây là thường hay phi thường, tin hay không tin. Vua nói việc rất hiếm lạ, trẫm rất tin. Sư tâu: Bệ hạ đã nghe nói pháp rồi. Lúc đó vua rất vui mừng được điều chưa từng có, ra chiếu khiến các chùa viện trong nước đều lập tượng Quán Âm. Để đáp tạ điều lành khác lạ, bèn giữ Sư ở lại trong nội Đạo Tràng. Nhiều lần Sư giả từ về núi, vua lại ra chiếu mời vua ở chùa Thánh Thọ. Đến khi Đường Võ Tông lên ngôi thì Sư bỗng vào núi Chung Nam mà ẩn. Có người hỏi lý do. Sư nói: Ta tránh oán cừu. Sau mất tại nhà trong núi thọ tám mươi bảy tuổi. Khi trà-tỳ thu được bốn mươi chín hạt xá-lợi, vào ngày mồng 04 tháng 09 niên hiệu Hội Xương năm thứ ba đưa vào tháp kính thờ.

*** Đệ tử nối pháp Thiền sư Vô Tướng ở Ích Châu** (Đời thứ tư của Tổ Hoằng Nhẫn).

***1. Thiền sư Vô Trụ ở chùa Bảo Đường thuộc Ích Châu.***

Lúc đầu đắc pháp với Thiền sư Vô Tướng, bèn đến ở Bạch Nhai tại Nam Dương chuyên việc yên tịnh trải qua nhiều năm, người Học đến thỉnh Sư không ngớt. Từ đó bèn dạy răn, tuy rộng diễn giảng ngôn giáo nhưng chỉ lấy Vô Niệm làm tông. Đường Tướng quốc là Đổ Hồng ra cai trị nghe tiếng Sư bèn đến chiêm lễ. Tháng 9 Niên hiệu Đại Lịch năm thứ nhất, sai sứ đến núi mời Sư về. Lúc đó Tiết Độ Sứ Thôi Ninh cũng khiến các Tăng đồ ở các chùa từ xa đến đón rước. Ngày mồng 1 tháng 10 thì đến chùa Không Tuệ. Bấy giờ Tướng quốc Đỗ Công cùng các tướng soái và các vị Tam học Thạc Đức (các bậc cao đức có đủ ba học câu hội về chùa đảnh lễ xong, công hỏi có nghe Sư trước ở đây rồi sau đi về đâu. Đáp rằng: Vô trụ tỏi tánh thích nơi thôn dã có nhiều sông núi, từ Hạ Lan Ngũ Đài đi khắp các thắng cảnh, từng theo thầy ở Đại từ ở quý Phong giảng tối thượng thừa, liền từ xa tìm đến quy y, không xứng đáng dự vào pháp tịch. Sau đến ở núi Trì Bạch được nhiều năm. Nay được Tướng Công mời chẳng dám không theo. Tướng Công nói: Đệ tử có nghe Hòa-thượng Kim có nói không nhớ, không niệm, chớ vọng ba câu pháp môn phải chăng? Sư đáp: Đúng. Công nói: Ba câu ấy là một hay là ba. Sư nói không nhớ là giới không niệm là định, chớ vọng là tuệ. một tâm không sinh đủ giới định tuệ, không phải một không phải ba Công nói: Câu sau chữ chớ vọng có phải là từ tâm mà quên chăng? Sư đáp; từ con gái thì đúng hơn Công nói: Có chứng cứ gì. Đáp: Kinh Pháp Cú nói: Nếu khởi tâm tinh tiến là vọng, không phải tinh tiến, nếu tâm thường chẳng vọng là tinh tiến không bờ bến. Công nghe mà nghi tình rửa sạch. Lại hỏi: Sư lại dùng ba câu ấy mà dạy người chăng? Đáp:

Với người sơ tâm mới học thì phải khiến dứt niệm lắng dừng sáng thức, nước trong thì ảnh hiện, ngộ niệm vô thể thì vắng lặng hiện tiền, ngay cả vô niệm cũng chẳng lập. Lúc đó cây trước sân có quạ kêu. Công hỏi: Sư có nghe chăng? Sư nói: Có nghe. Quạ bay đi, lại hỏi Sư có nghe chăng? Sư nói: Có nghe. Công nói: Quạ bay đi rồi không còn tiếng sao nói là nghe. Sư bèn bảo khắp đại chúng: Phật ra đời khó gặp, chánh pháp khó nghe, tất cả hãy lắng nghe kỹ. Nghe và không nghe chẳng liên quan gì đến tánh nghe. Xưa nay không sinh đâu từng có diệt. Khi có tiếng là thanh trần tự sinh, khi không tiếng là thanh trần tự diệt mà tánh nghe này không theo tiếng mà sinh ra cũng không theo tiếng mà diệt mất. Ngộ tánh nghe này thì không bị thanh trần chuyển. Phải biết nghe không sinh diệt, nghe không tới lui. Tướng Công cùng các liêu thuộc và đại chúng đảnh lễ. - Lại hỏi: Thế nào là Đệ nhất nghĩa, đệ nhất là từ thứ lớp nào mà vào? Sư nói: Đệ nhất nghĩa không có thứ lớp, cũng không có ra vào. Thế đế thì tất cả là có, còn Đệ nhất nghĩa thì (tất cả là) không, các pháp đều là tánh vô tánh nên nói là Đệ nhất nghĩa Phật nói: Pháp có gọi là Tục đế, tánh không là Đệ nhất nghĩa. Công nói: Như lời Sư chỉ dạy thật chẳng thể nghĩ bàn. Công lại nói: Đệ tử tánh thức cạn cợt yếu kém. Nhân xưa rảnh rỗi con có soạn chương sớ khởi tín luận 2 quyển có thể được gọi là Phật pháp chăng? Sư đáp: Soạn chương sớ đều dùng để biết tâm suy lường phân biệt hữu vi có làm có tạo mà khởi tâm động niệm có thể tạo thành. Y theo luận văn có nói phải biết tất cả pháp từ xưa nay lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có đổi khác. Chỉ có một tâm cho nên gọi là chân như. Nay Tướng Công chấp dính vào tướng nói năng, tướng danh từ, tướng tâm duyên, đã chấp chặt các thứ tướng ấy thì làm sao gọi là Phật pháp. Tướng Công đảnh lễ thưa rằng: Đệ tử có hỏi các Đại đức cung phụng đều khen đệ tử là chẳng thể nghĩ bàn. Phải biết đó đều chỉ theo tình người. Nay Sư từ lý mà giải thích hợp pháp tâm địa thật là chân lý chẳng thể nghĩ bàn. - Công lại hỏi: Thế nào là chẳng sinh, thế nào là chẳng diệt, thế nào là được giải thoát. Sư nói: Thấy cảnh mà tâm không khởi là chẳng sinh, chẳng sinh thì chẳng diệt. Đã không có sinh diệt thì không bị tiền trần trói buộc, ngay đó giải thoát. Không sinh gọi là không niệm, không niệm thì không diệt, không niệm thì không buộc ràng, không niệm thì không thoát. Tóm lại thì biết tâm tức lìa niệm, thấy tánh tức giải thoát. Lìa ngoài biết tâm thấy tánh mà có pháp môn chứng vô thượng Bồ đề, thì không có việc đó. Công hỏi: Sao gọi là biết tâm thấy tánh? Sư nói: Tất cả người học đạo theo niệm mà trôi nổi bởi

vì không biết chân tâm, chân tâm là niệm sinh cũng chẳng thuận theo sinh, niệm diệt thì cũng chẳng nương vào vắng lặng, chẳng đến chẳng đi, chẳng định chẳng loạn, không lấy không bỏ, không chìm không nổi, vô vi vô tướng sống động lao nhao bình thường tự tại, tâm thể này rốt ráo chẳng thật có, không thể thấy biết thì, gặp đâu cũng đều như, đều là thấy tánh. Công và Đại chúng đảnh lễ vui mừng khen ngợi mà lui ra. Sau Sư ở chùa Bảo Đường mà thị tịch.

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 5

Tổ thứ 33 (6): Đại Sư Tuệ Năng

- Tổ thứ 33: Đại Sư Tuệ năng có 43 vị đệ tử nối pháp (19 vị thấy có ghi lục, 10 vị bàng xuất).

1. Tam tạng Quật Đa ở Tây Ấn-độ
2. Thiền sư Pháp Hải ở Thiều Châu
3. Thiền sư Chí Thành ở Cát Châu
4. Thiền sư Hiểu Liễu ở Biển Thiệm
5. Thiền sư Trí Hoàng ở Hà Bắc
6. Thiền sư Pháp Đạt ở Hồng Châu
7. Thiền sư Trí Thông ở Thọ Châu
8. Thiền sư Chí Triệt ở Giang Tây
9. Thiền sư Trí Thường ở Tín Châu
10. Thiền sư Chí Đạo ở Quảng Châu
11. Hòa-thượng chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu Ấn Tông
12. Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên thuộc Cát Châu
13. Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam Nhạc
14. Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác ở Ôn Châu
15. Thiền sư Bổn Tịnh ở núi Từ Không
16. Thiền sư Huyền Sách ở Vụ Châu
17. Thiền sư Linh Thao ở Tào Khê
18. Thiền sư Tuệ Trung ở chùa Quang Trạch thuộc Tây Kinh
19. Thiền sư Thần Hội ở chùa Hà Trạch thuộc Tây Kinh Mười chín vị trên đây có ghi lục.
20. Thiền sư Kỳ Đà ở Thiều Châu
21. Thiền sư Tịnh An ở Võ Châu
22. Thiền sư Tung Sơn ở Tầm
23. Thiền sư Đinh Chân ở núi La Phù
24. Thiền sư Kiên Cố ở Nam Nhạc
25. Thiền sư Đạo Tiến ở núi Chế Không

26. Thiền sư Thiện Khoái
27. Thiền sư Duyên Tố ở Thiều Sơn
28. Thiền sư Tông Nhất
29. Thiền sư Thiện Hiện Tần Vọng ở núi Cối Kê
30. Thiền sư Phạm Hạnh ở Nam Nhạc
31. Thiền sư Tự Tại ở Tinh Châu
32. Thiền sư Hàm Không ở Tây Kinh
33. Thiền sư Thái Tường ở Hiệp Sơn
34. Thiền sư Pháp Tịnh ở Quang Châu
35. Thiền sư Biện Tài ở núi Thanh Lương
36. Ngô Đầu Đà ở Quảng Châu
37. Thiền sư Đạo Anh
38. Thiền sư Trí Bổn
39. Thiền sư Pháp Chân ở Thanh Uyển Quảng Châu
40. Thiền sư Huyền Giai
41. Thiền sư Đàm Thối
42. Thứ Sử Vi Cứ ở Thiều Châu
43. Bồ tát Nghĩa Hưng Tôn. (24 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

*****

**Tổ thứ 33 (6) - ĐẠI SƯ TUỆ NĂNG**

Sư họ Lô, trước là người ở Phạm Dương. Cha là Hành Thao trong niên hiệu Võ Đức làm Tả Hoạn ở Nam Hải, mà hộ khẩu ở Tân Châu. Ba tuổi cha mất bà mẹ thủ tiết nuôi con. Khi lớn thì nhà rất nghèo, phải đốn củi độ nhật. Một hôm gánh củi đến trong chợ nghe khách đọc kinh Kim cang. Sửng sốt hỏi khách rằng đây là pháp gì, có được từ ai? Khách đáp: Đây là kinh Kim cang có được từ Đại sư Hoằng Nhẫn ở Huỳnh Mai. Sư liền thưa mẹ ý vì pháp tìm thầy, thẳng đến Thiều Châu, gặp bậc cao hạnh là Lưu Chí Lược kết làm bạn. Ni Vô Tận Tạng chính là cô của Chí Lược, thường đọc kinh Niết-bàn. Sư nghe qua liền giải thích rõ ràng về nghĩa ấy. Ni bèn cầm quyển hỏi chữ. Sư nói chữ thì tôi không biết, còn nghĩa thì xin cứ hỏi. Ni nói chữ chẳng biết làm sao biết nghĩa được. Sư nói lý mầu của chư Phật không liên quan đến chữ nghĩa. Ni kinh dị bảo các người lớn tuổi trong làng rằng: Đây là người hiểu đạo nên thỉnh cúng dường. Do đó mọi người tranh nhau đến chiêm lễ. Ở gần đó có nơi trước đây là chùa cổ Bảo Lâm, mọi người bàn nên mời Sư về ở, bốn

chúng sửa sang trở thành chỗ ở tốt. Một hôm Sư thầm nghĩ ta cầu Đại pháp há giữa đường mà ngưng. Sáng hôm sau bèn đến một hang đá ở phía Tây huyện Xương Lạc gặp Thiền sư Trí Viễn. Sư bèn thưa hỏi. Viễn nói: Ông xem cốt cách phi thường. Tôi nghe ở Tây Vực có Bồ-Đề-Đạt-Ma truyền tâm ấn cho ngài Huỳnh Mai, ông nên đến đó mà tham cứu. Sư bèn từ giả thẳng đến Đông Thiền Huỳnh Mai, đó là niên hiệu Hàm Hạnh đời Đường năm thứ 2. Đại sư Hoằng Nhẫn vừa thấy Sư liền ngầm biết. Sau truyền cho y pháp khiến lánh mình trong bốn hội Hoài Tập. Đến ngày mồng 8 tháng giêng năm Bính tý niên hiệu Nghi Phụng năm thứ nhất thì đến Nam Hải gặp Pháp sư Ấn Tông ở chùa Pháp Tánh giảng kinh Niết-bàn. Sư ở ngoài hành lang, đêm nghe gió thổi phướn khua, có hai vị tăng tranh luận một người bảo phướn động, người kia bảo gió động, cả hai vị không ai khế lý. Sư nói có thể cho kẻ hèn hạ này góp lời bàn luận được chăng, cả gió và phướn đều không động mà do tâm động vậy. Ấn Tông trộm nghe lời ấy thì sửng sốt lấy làm lạ. Sáng hôm sau đón Sư vào thất, đem nghĩa gió phướn ra bàn. Sư nói lý đầy đủ. Ấn Tông lập tức đứng dậy bảo Hành giả nhất định là người phi thường, thầy Ngài là ai? Sư không trốn lánh nữa bèn kể thật nguyên do đắc pháp. Do đó Ấn Tông xin làm đệ tử mà học thiền yếu. Bèn bảo bốn chúng rằng: Ấn Tông hoàn toàn là phàm phu nay gặp Nhục Thân Bồ tát là Lô cư sĩ đây. Do đó xin trình bày tín y để mọi người chiêm lễ. Đến ngày rằm tháng giêng thì Hội các danh đức đến cạo tóc cho Sư, đến mồng 8 tháng 2 thì ở chùa Pháp Tánh, Luật sư Trí Quang trao cho Mãn phần giới. Giới đàn này do Tam tạng Cầu-Na-Bạt-Đà đời Tông lập ra. Tam tạng có ghi rằng: Sau sẽ có Nhục Thân Bồ tát thọ giới ở giới đàn này. Lại cuối đời Lương có Tam tạng Chân đế ở bên giới đàn này mà trồng 2 cây Bồ đề, gọi chúng bảo rằng: Sau một trăm hai mươi năm sẽ có bậc Đại khai sĩ ở dưới gốc cây này mà giảng nói Vô Thượng Thừa vô lượng chúng Sư thọ giới cụ túc rồi bèn ở dưới gốc cây mà diễn nói pháp môn Đông sơn đúng như lời đoán xưa. Ngày mồng 8 tháng 2 năm sau bỗng bảo chúng rằng: Ta không muốn ở đây nữa hãy trở về chỗ ẩn cũ. Lúc đó Ấn Tông cùng Đạo tục cả ngàn người đưa sư về chùa Bảo Lâm. Thứ Sử Thiều Châu là Vi Cứ thỉnh Sư ở chùa Đại Phạm chuyển diệu pháp luân, cùng thọ giới Vô Tướng Tâm Địa. Môn nhân ghi chép thành Đàn kinh lưu hành rất thạnh hành trên đời. Rồi Sư trở về Tào Khê rưới cơn mưa Đại pháp. Người theo học không dưới số ngàn. Vua Đường Trung Tông niên hiệu Thần Long năm thứ nhất ban chiếu nói rằng: Trẫm thỉnh hai Sư An, Tú vào trong cung cúng dường. Vua rảnh rang

nghiên cứu Nhất thừa hai sư đều nhún nhường rằng: Ở Phương Nam có Thiền sư Tuệ Năng ngầm thọ được y pháp của Đại sư Nhẫn có thể đến đó. Nay sai nội thị là Tiết Giản mang chiếu đến đón xin Sư từ niệm mau đến kinh thành. Sư bèn dâng biểu từ chối vì bịnh nguyện trọn đời ở chốn núi rừng. Tiết Giản thưa: Các vị Thiền đức ở kinh thành đều nói: Muốn hiểu được đạo cần phải ngồi thiền tu định, nếu chẳng nhờ thiền định mà được giải thoát thì không có việc ấy. Chẳng hay sư nói Pháp ra sao? Sư nói: Đạo do tâm ngộ đâu phải ở ngồi. Kinh nói: Nếu thấy Như lai hoặc ngồi hoặc nằm là thực hành Đạo tà, vì sao? vì không từ đâu đến, chẳng từ đâu đi. Nếu không sinh diệt là thiền thanh tịnh của Như lai, các pháp vắng lặng là ngồi thanh tịnh của Như lai. Rốt ráo không chứng há là ngồi ư? Giản nói: Đệ tử trở về chắc chắn Chúa Thượng sẽ hỏi xin Hòa-thượng từ bi chỉ rõ tâm yếu. Sư nói: Đạo không có sáng tối, sáng tối là nghĩa thay nhau sáng suốt vô tận cũng là có tân. Giản nói sáng là dụ cho trì tuệ, ám (tối) là dụ cho phiền não, nếu người tu Đạo không dùng trí tuệ mà chiếu phá phiền não thì sinh tử vô thỉ dựa vào đâu mà thoát ra. Sư nói: Nếu dùng trí tuệ mà chiếu phá phiền não thì đây là cơ Dê nai trẻ con của Nhị thừa. Bậc Thượng trí đại căn đều chẳng như thế. Giản hỏi: Thế nào là kiến giải của Đại thừa? Sư nói: Minh và vô minh tánh chẳng hai, tánh không hai tức là tánh thật. Tánh Thật ở phàm phu chẳng giảm bớt, ở Hiền Thánh chẳng thêm, ở phiền não chẳng loạn. Ở Thiền định chẳng vắng lặng, chẳng đoạn chẳng thường chẳng tới chẳng lui (đến đi), chẳng ở giữa và chẳng trong ngoài, chẳng sinh chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ bất biến gọi là Đạo. Giản nói: Sư nói chẳng sinh chẳng diệt có khác gì ngoại Đạo. Sư nói: Chẳng sinh chẳng diệt của ngoại Đạo nói là đem diệt mà ngăn sinh, đem sinh mà chỉ bày diệt, diệt cũng chẳng diệt, sinh lại nói không sinh. Còn chẳng sinh chẳng diệt của ta nói, là xưa vốn không sinh nay cũng chẳng diệt, do đó mà khác ngoại đạo. Nếu ông muốn biết tâm yếu, chỉ cần tất cả thiện ác đều chẳng nghĩ bàn, tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh lặng lẽ thường tịch diệu dụng hà sa. Giản được chỉ giáo bỗng nhiên đại ngộ, lạy tạ trở về kinh dâng biểu tâu lại lời Sư nói. Vua ban chiếu tạ ân Sư và ban cho Ca Sa Ma-Nap, năm trăm xấp lụa, một bình bát báu. Ngày 19 tháng 12, vua ban sắc đổi chùa Cổ Bảo Lâm thành chùa Trung Hưng ba năm sau ngày 18 tháng 11 vua lại ra sắc lịnh cho Thứ sử Thiều Châu ban tặng biển Ngạch là chùa Pháp Tuyền, chỗ cũ Sư ở tại Tân Châu là chùa Quốc An. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Này các Thiện tri thức, các ông nên tịnh tâm mà lắng nghe ta nói pháp: Mọi người tự tâm mình là Phật, chớ có hồ nghi, ngoài ra

không có một vật nào khác, đều là tâm mình sinh ra muôn thứ pháp. Vì vậy kinh nói Tâm sinh thì các pháp sinh tâm diệt thì các pháp diệt. Nếu muốn thành tựu chủng trí thì phải đạt được Tam-muội Nhất tướng, Tam-muội Nhất hạnh, nếu đối tất cả chỗ mà chẳng trụ tướng, đối với tướng ấy chẳng sinh yêu ghét cũng không lấy bỏ, chẳng nghĩ các việc lợi ích thành hoại v.v... mà an nhàn điềm tịnh hư dung lặng bặt, gọi là Tam-muội Nhất tướng. Nếu ở tất cả chỗ đi đứng ngồi nằm, thuần nhất chân tâm bất động đạo tràng chân thành Tịnh độ, gọi là Tam-muội Nhất hạnh. Nếu người có đủ hai Tam-muội này, như đất có hạt giống có thể chứa chất nuôi lớn thành tựu trái hạt. Nhất tướng, Nhất hạnh cũng giống như thế. Nay ta nói pháp cũng như lúc mưa lớn thấm nhuần mặt đất. Phật tánh các ông ví như những hạt giống, gặp sương này thấm thì sẽ nảy mầm, nhờ ý chỉ ta quyết sẽ được Bồ đề, hành giả nương theo chắc chắn chứng được diệu quả. Niên hiệu Tiên Thiên năm thứ nhất bảo các đồ chúng rằng: Ta thẹn nhận được y pháp của Đại sư Hoằng Nhẫn. Nay nói pháp cho các ông mà chẳng trao lại y ấy. Bởi các ông tín căn thuần thục chắc chắn không nghi, có khả năng nhận được việc lớn, hãy nghe kệ ta:

*Đất tâm ngậm hạt giống*
*Mưa khắp đều sinh sôi*
*Đốn ngộ hoa tình rồi*
*Quả Bồ đề tự thành.*

Sư nói kệ xong lại bảo: Pháp ấy không hai, tâm ấy cũng thế. Đạo ấy thanh tịnh cũng không có các tướng. Các ông cần thận chớ quán tịnh và không tâm ấy. Tâm này vốn thanh tịnh không thể lấy bỏ, ai nấy đều tự cố gắng tùy duyên cho tốt - Sư nói pháp lợi sinh suốt bốn mươi năm. Năm ấy ngày mồng 6 tháng 7 Sư bảo đệ tử đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu, xây tháp Báo Ân rất nhiều công sức đẹp đẽ. Lại có vị Tăng đất Thục tên là Phương Biện đến yết kiến Sư thưa rằng giỏi đắp tượng. Sư nghiêm sắc mặt nói thử đắp xem. Phương Biện không hiểu ý bèn đắp tượng Sư cao bảy tấc rất đẹp. Sư xem bảo: Ông giỏi tánh đắp tượng mà không giỏi tánh Phật, lấy y mà đáp lễ Tăng lạy tạ lui ra. Ngày mồng 1 tháng 7 niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, Sư bảo học trò rằng: Ta muốn về Tân Châu, các ông mau sửa soạn thuyền. Lúc đó đại chúng rất yêu mến Sư xin Sư chớ đi. Sư nói chư Phật ra đời cũng thị hiện Niết-bàn, có đến đã có đi, lý thường như thế. Ta với hình hài này trở về ắt có chỗ. Chúng thưa Sư từ đây đi sớm muộn cũng phải trở về. Sư nói: Lá rụng về cội, không có ngày trở về. Lại hỏi: Sư đi rồi Pháp Nhãn truyền cho ai? Sư nói: Có đạo giả được vô tâm là thông. - Lại hỏi: Về sau có

nạn chăng? Đáp: Ta mất được năm, sáu năm sẽ có một người đến lấy đầu ta. Nghe ta dặn đây: Trên đầu thờ cha mẹ, miệng để ăn, gặp nạn là mãn, Dương liễu là quan. Lại nói: Ta mất rồi bảy mươi năm sẽ có hai vị Bồ tát từ phương Đông đến, một tại gia, một xuất gia đồng thời mở mang xây dựng tông ta, nhóm họp chùa chiền nối tiếp làm hưng thạnh dòng pháp. Nói xong bèn về chùa Quốc Hưng ở Tân Châu, tắm gội rồi ngồi kiết già mà hóa. Mùi thơm lạ ngào ngạt ráng trắng đầy trời, bấy giờ là ngày mồng 3 tháng 8 năm ấy. Lúc đó hai quận Thiều và Tân đều tu bổ linh tháp đạo tục lưỡng lự không định được chỗ. Thứ sử hai quận bèn đốt hương khấn rằng: Khói hương sẽ dẫn chỗ mà Sư muốn về. Lúc đó lò hương rung động thẳng về Tào Khê. Ngày 13 tháng 11 thì nhập tháp, thọ bảy mươi sáu tuổi. Lúc đó Thứ sử Thiều Châu là Vi Cứ soạn bia. Môn nhân nhớ việc lấy đầu, liền lấy lá sắt bao quanh cổ Sư. Trong tháp có để tín y của Tổ Đạt-ma truyền lại và Ma-nạp, bát báu của vua Đường Trung Tông ban tặng cùng tượng của Phương Biện đắp... đều đủ. Chủ tháp là Thị giả Thi Chi. Ngày mồng 3 tháng 8 năm Nhâm Tuất niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười, nửa đêm bỗng nghe trong tháp có tiếng kéo sắt. Tăng chúng kinh sợ thấy 1 hiếu tử từ trong tháp chạy ra. Tìm xem thì thấy cổ Sư bị thương. Đem trình việc trộm lên huyện, huyện lịnh là Dương Khản, Thứ Sử là Liễu Vô Thiêm được tin bèn đem gông đến giam năm ngày ở thôn Thạch Giác, bắt được tên trộm, đưa lên Thiều Châu hỏi tội thì khai là tên Trương Tịnh Mãn, người Huyện Lương ở Nhữ Châu, ở chùa Khai Nguyên ở Hồng Châu, nhận vàng của tăng Tân la và hai mươi ngàn đồng để lấy đầu Lục Tổ đem về Hải Đông cúng dường. Liễu Thứ sử nghe cáo trạng chưa xử tội liền đích thân đến Tào Khê hỏi Linh Thao là đệ tử thượng túc của Sư rằng: Xử đoán ra sao? Thao nói: Nếu nói theo pháp nước thì phải tru dự (giết cả ba họ) nhưng vì Phật dạy từ bi, oan thân đều bình đẳng, huống chi là họ muốn cúng dường thì tội nên tha thứ. Liễu Thú vui mừng nói: Mới biết cửa Phật rộng lớn bèn tha tội. Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ nhất vua Đường Túc tông sai sứ đến thỉnh y Bát của Sư về cung nội cúng dường. Đến ngày mồng 5 tháng 5 niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất, vua Đường Đại tông nằm mộng thấy Lục tổ Đại sư thỉnh y bát. Ngày mồng 07 sai Thứ sử Dương Hàm rằng: Trẩm mộng thấy Thiền sư Tuệ Năng xin thỉnh ca sa truyền pháp trở về Tào Khê. Nay sai Trấn quốc Đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh đảnh lễ mà đưa, trẫm gọi đó là quốc bảo, khanh hãy nên ở chùa cũ đúng pháp để lại, mà khiến tăng chúng nối truyền tông chỉ và nghiêm khắc giữ gìn chớ để hư mất. Sau

có người trộm cắp thì đều bắt được ngay, có đến bốn tên như thế. Vua Đường Hiến Tông ban thụy là Đại giám Thiền sư, Tháp hiệu Nguyên Hòa Linh Chiếu - Đầu niên hiệu Khai Bảo đời Hoàng Tông, Vương sư đi đánh dẹp Nam Hải, tàn binh của họ Lưu làm loạn, tháp miếu của Sư đều bị 1y tan mà chân thân thì tăng coi tháp giữ gìn không chút tổn hại. Các tháp miếu được sửa sang đẹp đẽ nhưng chưa xong gặp lúc Đường Thái Tông lên ngôi lưu tâm nhiều đến Thiền môn lại càng đẹp đẽ tráng lệ. Đại sư thị tịch từ năm Quý sửu niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai đời Đường đến năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất thì được 292 năm, người đắc pháp trừ Ấn Tông ra có ba mươi ba vị, mỗi vị hoằng hóa một phương đều nêu làm dòng chánh, ngoài ra thì ẩn giấu tung tích nhiều không kể xiết. Nay các nhà truyền ký chỉ lược ghi có mười vị gọi là bàng xuất.

***1. Tam tạng Quật Đa ở Tây Vực:***

Người Thiên Trúc, đi về phía Đông đến Thiều Dương gặp Lục Tổ, sau lời nói liền khế ngộ. Sau đi qua Ngũ Đài đến thôn Lịch huyện Định Tương thấy có một vị tăng cất am mà ngồi. Tam tạng hỏi: Ông ngồi một mình làm gì? Đáp: Quán tịnh. Tam tạng hỏi: Người quán là ai, tịnh là vật gì? Vị tăng ấy đảnh lễ hỏi lại: Lý này là sao? Tam tạng nói: Ông sao chẳng tự quán tự tịnh lấy mình. Vị Tăng ấy hoang mang chẳng biết đáp sao. Tam tạng nói: Ông từ môn nào ra? Đáp: Từ Đại sư Thần Tú. Tam tạng nói: Ta ở Tây Vực Dị Đạo căn cơ thấp kém nhất cũng không rơi vào cái thấy này. Ngồi trơ trọi với Đạo nào có ích gì? Vị Tăng ấy liền hỏi Tam tạng rằng: Thầy ông là ai? Tam tạng nói: Thầy tôi là Lục tổ, sao ông không mau đến Tào Khê mà thưa hỏi chân yếu. Vị Tăng bèn bỏ am đến tham kiến Lục tổ trình bày đủ mọi việc trước. Lục Tổ dạy bảo cùng phù hợp với Tam tạng. Vị Tăng ấy tin vào, Tam tạng sau không biết mất ở đâu.

***2. Thiền sư Pháp Hải Thiều Châu:***

Người ở Khúc Giang. Trước gặp Lục Tổ hỏi rằng: Tức tâm tức Phật, xin chỉ bảo cho. Tổ nói: Niệm trước chẳng sinh là tức tâm, niệm sau chẳng diệt là tức Phật thành tất cả tướng là tức tâm, lìa tất cả tướng là tức Phật. Nếu ta nói đầy đủ thì cùng kiếp cũng chẳng hết, hãy nghe ta nói kệ:

*Tức tâm là tuệ*
*Tức Phật là Định*
*Định tuệ đều trì*
*Trong ý thanh tịnh*

*Ngộ pháp môn này*
*Do ông tập tánh*
*Dung vốn không sinh*
*Song tu là chánh.*

Pháp Hải tin nhận bèn dùng kệ khen rằng:

*Tức tâm vốn là Phật*
*Chẳng ngộ tự khuất phục*
*Ta biết nhân Định tuệ*
*Cùng tu lìa các vật.*

***3. Thiền sư Chí Thành ở Cát Châu:***

Người ở Thái Hòa thuộc Cát Châu. Thuở nhỏ, ở chùa Ngọc Tuyền núi Đương Dương ở kinh Nam mà thờ Thiền sư Thần Tú. Sau nhân hai tông thạnh hành, đồ chúng của Thần Tú thường chê Nam Tông (Tông của Lục Tổ) rằng: Đại sư Tuệ Năng không biết 1 chữ thì có tài năng gì? Tú nói: Vị ấy được trí vô sư ngộ sâu Thượng thừa ta đây chẳng bằng. Và thầy ta là Ngũ Tổ riêng trao y pháp cho ông ấy há là uổng công ư? Ta tiếc không thể đi xa mà gần gũi vì luống chịu ân nước. Các ông không trở ngại vì việc này hãy nên đến Tào Khê mà chất vấn, ngày kia về nói lại cho ta nghe. Sư nghe lời nói ấy liền lễ tạ mà đến Thiều Dương, theo chúng tham vấn không nói mình từ đâu đến. Lúc đó Lục tổ bảo chúng rằng: Nay có kẻ trộm pháp lén đến Hội này. Sư ra lễ bái nói rõ mọi điều. Tổ hỏi: Thầy ông lấy gì dạy chúng? Đáp rằng: Thầy tôi thường dạy đại chúng khiến trụ tâm quán tịnh ngồi mãi chẳng nằm. Tổ nói: Trú (dừng) tâm quán tịnh là bịnh chứ không phải thiền, ngồi hoài thì ép thân với lý có ích gì. Hãy nghe kệ ta:

*Sống mà ngồi chẳng nằm*
*Chết rồi nằm chẳng ngồi*
*Vốn là đầu lâu thúi*
*Làm Sao lập công tội.*

Sư hỏi: Chẳng hay Đại sư dùng pháp gì dạy người. Tổ nói: Nếu Ta có một pháp nào cho người thì tức là dối gạt ông. Chỉ là tùy cách mà mở trói mượn gọi là Tam-muội, hãy nghe ta nói kệ:

*Tất cả Giới tự tánh vô tâm*
*Tất cả tuệ tự tánh vô ngại*
*Tự Kim cang chẳng tâm chẳng bớt*
*Vốn Tam-muội thân đến thân đi.*

Sư nghe kệ rồi ăn năn tạ lỗi, liền thề qui y và trình một bài kệ:

*Thân năm uẩn huyễn*

*Huyễn sao rốt ráo*
*Trở về chân như*
*Pháp lại bất tịnh.*

Tổ nói đúng. Rồi trở về Ngọc Tuyền.

***4. Thiền sư Hiểu Liễu ở núi Biển Thiềm.***

Truyện ký không ghi chép, chỉ biết là môn nhân của Bắc Tông (Thần Tú). Hốt Lôi Trừng soạn bia tháp rất thịnh hành ở đời. Lược nói rằng: Sư ở núi Biển Thiềm, pháp hiệu là Hiểu Liễu, là đích tự (người Đệ tử nối pháp chính thức) của Lục Tổ. Sư được tâm vô tâm, liễu tướng vô tướng. Vô tướng là sum la hoa mắt, vô tâm là phân biệt lừng lẫy dứt hết một tiếng một vang, vang không thể truyền đi khắp tiếng nói chẳng thể cùng khắp. Sư tự được không của không không mà bất không đối với không. Nay ta vì có của có có mà không có đối với có; Có của chẳng có thì tới lui chẳng thêm, không của chẳng không thì Niết-bàn chẳng bớt. Than ôi! Sư ở đời, Tào Khê sáng, Sư vắng lặng, thuyền pháp nghiêng. Sư nói vô thuyết, chữ Hoàn đầy. Sư chỉ mê đồ, thừa cơ Liễu nghĩa núi Biển Thiềm sắc phủ sắc này, hang trống cũng còn lưu tên Hiểu Liễu.

***5. Thiền sư Trí Hoàng ở Hà Bắc.***

Lúc đầu tham vấn ở pháp tòa của Ngũ tổ tuy có học hỏi nhưng vẫn theo tiệm hạnh. Sau về Hà Bắc cất am ngồi yên hơn hai mươi năm không biếng lười. Sau gặp môn nhân của Lục tổ khuyên Sư nên đến đó mà siêng cầu pháp yếu. Sư bèn bỏ am đến tham vấn Lục tổ. Tổ thương xót ở xa tới liền mở mang chỉ quyết. Sư sau lời Tổ nói liền rỗng rang khế ngộ, tâm đã được từ hai mươi năm trước đều không ảnh hưởng. Đêm ấy ở Hà Bắc các đàn việt (tín chủ) sĩ thứ (quan dân) bỗng nghe trên hư không có tiếng nói rằng: Thiền sư Hoàng hôm nay đắc đạo. Sau trở về Hà Bắc mà khai hóa bốn chúng.

***6. Thiền sư Pháp Đạt ở Hồng Châu.***

Người ở Phong Thành thuộc Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia tụng kinh Pháp Hoa. Sau khi thọ Giới cụ túc đến lễ Tổ sư mà đầu không đụng đất. Tổ trách rằng: Lạy chẳng đụng đất chi bằng đừng lạy, trong tâm ông hẳn có chứa một vật là gì? Sư nói: Đã tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Tổ nói: Nếu ông tụng đến muôn bộ được ý kinh ấy chẳng xem là cao quý thì cùng đi với ta. Nay ông mang sự nghiệp này mà chẳng biết lỗi, hãy nghe kệ ta nói:

*Lạy vốn bỏ ngã mạn*
*Nếu đầu chẳng đụng đất*
*Có ngã tội liền sinh*

*Mất công phước không sánh.*

Tổ lại hỏi: Ông tên gì? - Thưa con tên Pháp Đạt Tổ nói: Tên ông là Pháp Đạt, không hề có pháp nào để đạt. Lại nói kệ rằng:

*Ông nay tên Pháp Đạt*
*Siêng tụng chưa dừng nghỉ*
*Không tụng chỉ theo tiếng*
*Minh tâm gọi Bồ tát*
*Ông nay vì có duyên*
*Nay ta nói ông nghe*
*Chỉ tin Phật không nói*
*Hoa sen từ miệng ra.*

Sư nghe kệ xong thì hối lỗi nói rằng: Từ nay về sau phải khiêm cung tất cả, cúi mong Hòa-thượng Đại từ nói lược nghĩa lý trong kinh. Tổ hỏi: Ông nghĩ kinh này lấy gì làm Tông? Sư nói: Đệ tử ngu độn từ xưa nay chỉ y văn tụng niệm đâu biết Tông thú. Tổ nói: Ông thử đọc cho ta nghe 1 biến, ta sẽ giải thích cho ông nghe. Sư liền lớn tiếng đọc kinh đến phẩm Phương Tiện. Tổ nói ngưng. Kinh này lấy nhân duyên xuất thế làm tông dẫu nói nhiều thứ thí dụ cũng không vượt ngoài đây. Nhân duyên gì, ấy chỉ là một việc lớn, tức là Phật tri kiến. Các ông cẩn thận chớ lầm hiểu ý kinh mà thấy Đạo khác. Khai thị ngộ nhập tức là Phật tri kiến, bọn chúng ta không có phần. Nếu hiểu theo đây tức là hủy kinh chê Phật, đã là Phật rồi thì sẳn có tri kiến, cần gì phải khai mở. Nay Ông phải tin tri kiến Phật chính là tự tâm ông chứ không phải thể nào khác, vì tất cả chúng sinh tự che sáng suốt. Tham ái trần cảnh duyên ngoài trong nhiễu, cam chịu trôi lăn, lại nhọc nhằn từ Tam-muội khởi các thứ nhiều lời đấng miệng dạy khuyên nghỉ ngơi chấm dứt, chớ nên hướng bên ngoài mà cầu , vì cùng Phật chẳng hai. Cho nên nói khai tri kiến Phật. Ông chỉ nhọc nhằn đọc tụng cho là khóa lễ công đức, khác nào trâu mao mến đuôi. Sư nói: Nếu thế chỉ được hiểu nghĩa mà không tụng kinh. Tổ nói: Kinh có lỗi gì đâu chướng niệm ông, chỉ vì mê ngộ ở người, tổn ích do ông. Hãy nghe kệ ta:

*Tâm mê Pháp Hoa chuyển*
*Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa*
*Tụng lâu chẳng sáng mình*
*Làm oán thù với nghĩa*
*Vô niệm niệm liền chánh*
*Có niệm niệm thành tà*
*Có không đều chẳng chấp*

*Thường ngồi xe Trâu trắng.*

Sư nghe kệ xong lại thưa rằng:

Kinh nói các Đại Thanh văn cho đến các Bồ tát đều phải hết sức suy nghĩ so lường còn chẳng thể biết được trí Phật. Nay khiến phàm phu chỉ cần ngộ tự tâm thì gọi là tri kiến Phật, tự chẳng phải là kẻ thượng căn chưa khỏi nghi chê. Lại kinh nói ba xe, xe trâu lớn khác xe trâu trắng thế nào xin Hòa-thượng nói rõ. Tổ nói: Ý kinh rõ ràng ông tự mê tối. Các vị ba thừa không thể lường biết được trí Phật là do suy lường, vì càng cố sức suy nghĩ thì càng viễn vong mơ hồ. Phật vốn là phàm phu nói không phải là Phật nói: Lý này nếu chẳng chịu tin, thì từ người khác mà thối tịch. Thật chẳng biết ngồi xe Trâu trắng ở ngoài cửa mà tìm ba xe, huống văn kinh rất sáng Đạo của ông, không hai cũng không ba, ông sao chẳng tỉnh. Ba xe là giả mượn ở thời xưa còn Nhất thừa thật ở lúc này. Chỉ khuyên ông bỏ giả về thật. Sau khi về thật thì thật cũng không tên gọi. Nên biết chỗ có của báu đều thuộc về ông do ông thọ dụng tận hưởng. Lại không nghĩ cha, nghĩ con, cũng không có nghĩ ngợi, gọi là trì kinh Pháp Hoa. Từ kiếp này đến kiếp khác tay không hề mở quyển kinh mà từ ngày đến đêm không lúc nào chẳng tụng niệm. Sư đã được chỉ dạy mở mang nên rất vui mừng dùng kệ khen rằng:

*Kinh tụng ba ngàn hộ*
*Một câu Tào Khê mất*
*Chưa rõ ý ra đời*
*Thật uổng sống nhiều đời*
*Giả lập Dê nai trâu*
*Khéo bày trước, giữa, sau*
*Ai biết trong nhà lửa*
*Vốn là vua của pháp.*

Tổ nói: Ông sau này mới đáng gọi là Tăng tụng kinh. Sư từ đó hiểu được Huyền chỉ, cũng chẳng ngớt tụng trì.

***7. Thiền sư Trí Thông ở Thọ Châu:***

Người ở An Phong Thọ Châu. Trước xem kinh Lăng-già cả ngàn lượt mà không hiểu rõ ba thân bốn trí, bèn lạy Tổ xin giải nghĩa. Tổ nói: Ba thân gồm Thanh tịnh pháp thân là tánh của ông, Viên mãn báo thân là trí của ông, Thiên bá ức hóa thân là hạnh của ông. Nếu lìa bổn tánh mà nói ba thân riêng thì tức gọi có thân mà không trí. Nếu ngộ ba thân chẳng có tự tánh, thì gọi là bốn trí Bồ đề, hãy nghe nói kệ:

*Tự tánh đủ ba thân*
*Phát minh thành bốn trí*

*Chẳng lìa duyên thấy nghe*
*Siêu nhiên lên Phật Địa*
*Nay ta vì ông nói*
*Tin chắc mãi không mê*
*Chớ học chạy cầu tìm*
*Suốt ngày nói Bồ đề.*

Sư nói: Nghĩa bốn trí con xin được nghe. Tổ nói: Đã hiểu ba thân liền rõ bốn trí, sao lại hỏi. Nếu lìa ba thân mà nói bốn trí riêng thì đây gọi là có trí mà không thân, tức ở đây có trí lại thành vô trí. Lại nói kệ rằng:

*Trí Đại viên cảnh tánh thanh tịnh*
*Trí Bình đẳng tánh tâm không bịnh*
*Trí Diệu quan sát thấy chẳng công*
*Trí Thành sở tác đồng viên cảnh (gương sáng),*
*Năm, tám, sáu, bảy quả nhân chuyển*
*Chỉ dùng có tên không thật tánh*
*Nếu ở chỗ chuyển chẳng lưu tình*
*Ồn ào mãi mãi định Na-già.*

Sư lễ tạ dùng kệ khen rằng:

*Ba thân vốn thể ta*
*Bốn trí vốn tâm minh*
*Thân trí đều vô ngại*
*Ứng vật mà tùy hình*
*Khởi tu đều vọng động*
*Giữ chắc chẳng chân tinh*
*Lời diệu, nhờ thầy hiểu*
*Mất hẳn tên ô nhiễm.*

***8. Thiền sư Chí Triệt ở Giang Tây.***

Người ở Giang Tây, tên là Trương Hạnh Xương. Thuở nhỏ tánh hào hiệp giúp người, từ khi Nam Bắc phân hóa, hai tông chủ tuy mất mình người, nhưng đồ chúng thì tranh nhau thương ghét. Lúc đó môn nhân Bắc Tông tự lập Thiền sư Tú làm Lục Tổ (Tổ thứ 6), mà kỵ vì việc Đại sư Tuệ Năng được truyền y thì thiên hạ đều biết. Nhưng Tổ là Bồ tát biết trước việc ấy nên để mười lượng vàng ở Phương trượng. Lúc đó Hạnh Xương nhận lời dặn dò môn nhân của Bắc Tông, dắt dao nhọn vào phòng Tổ định ám hại. Tổ đưa cổ ra Hạnh Xương quớ chém ba lần mà không xây sát. Tổ nói: Kiếm Chánh thì chẳng tà, tà kiếm chẳng chánh, chỉ phụ vàng ông mà không phụ mạng ông. Hạnh Xương sợ quá ngất đi

hồi lâu tỉnh lại cầu xin sám hối mong được xuất gia. Tổ bèn cho vàng và nói ông đi đi, sợ đồ chúng lại hại ông. Vài hôm khác ông nên đổi hình dạng mà đến, ta sẽ nhiếp thọ. Hạnh Xương tuân lời, sau vào Tăng xuất gia giữ giới tinh tiến. Một hôm nhớ lời Tổ dạy liền từ xa đến lễ gặp. Tổ nói: Ta từ lâu nhớ đến ông, sao ông đến muộn thế. Thưa rằng: Hôm trước được Hòa-thượng tha tội, nay con xin xuất gia khổ hạnh cũng khó báo ân sâu chỉ mong truyền pháp độ sinh. Đệ tử từng đọc kinh Niết-bàn nhưng chưa hiểu nghĩa thường và vô thường xin Hòa-thượng từ bi nói lược. Tổ nói: Vô thường tức là Phật tánh, thường tức là tâm phân biệt tất cả các pháp thiện ác. Thưa: Lời Hòa-thượng nói trái với văn kinh. Tổ nói: Ta truyền tâm ấn Phật đâu dám trái với kinh Phật. Thưa: Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa-thượng lại nói vô thường, các pháp thiện ác cho đến tâm Bồ đề đều là vô thường, Hòa-thượng lại nói là thường, đây là trái nhau, khiến người học càng thêm nghi vực. Tổ nói: Kinh Niết-bàn xưa kia ta có nghe Ni Vô Tận Tạng đọc qua một lượt liền giảng nói cho ni ấy nghe: Không có một chữ một nghĩa nào chẳng hợp với văn kinh. Cho đến vì ông không nói khác. Thưa: Đệ tử sức hiểu biết cạn cợt mê tối, nguyện Hòa-thượng cặn kẽ chỉ rõ. Tổ nói: Ông biết chăng, nếu Phật tánh là thường thì nói các pháp thiện ác nào cùng kiếp cũng không có một người phát tâm Bồ đề, cho nên ta nói là vô thường chính là Đạo chân thường mà Phật nói. Lại, nếu tất cả các pháp vô thường thì tất cả mọi vật đều có tự tánh chịu đựng sinh tử. Mà tánh chân thường không có sự thay đổi, cho nên ta nói là thường. Chính là Phật nói nghĩa chân vô thường. Phật vì phàm phu ngoại đạo chấp tà thường, các người Nhị thừa thì đối với thường mà chấp vô thường, chung thành, tám điên Đảo. Trong giáo liễu nghĩa của Niết-bàn thì phá Thiên kiến ấy mà nói rõ ràng chân thường, chân ngã, chân tịnh. Nay ông y theo lời trái nghĩa vì đoạn diệt vô thường và xác định tử thường mà hiểu lầm lời nói mầu nhiệm sau cùng của Phật, dẫn xem ngàn lần nào có ích gì. Hạnh Xương bỗng như say vừa tỉnh lại, bèn nói kệ rằng:

*Nhân giữ tâm vô thường*
*Phật nói có tánh thường*
*Nếu chẳng biết phương tiện*
*Như ao xuân chấp sỏi*
*Nay con chẳng thi công*
*Phật tánh mà thấy trước*
*Chẳng phải thầy trao cho*
*Ta cũng không được gì.*

Tổ nói ông nay đã thấu suốt, nên đặt tên là Chí Triệt. Sư lễ tạ mà đi.

***9. Thiền sư Trí Thường ở Tín Châu:***

Người ở Quý Khê thuộc bổn châu. Tuổi nhỏ xuất gia chí cầu thấy tánh. Một hôm tham vấn Lục tổ, Tổ hỏi: Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì? Sư nói: Con là người ở núi Bạch Phong huyện Kiến Xương, Hồng châu, lễ Hòa-thượng Đại Thông mong chỉ bày về nghĩa thấy tánh thành Phật, nhưng chưa quyết vẫn còn hồ nghi. Đến Cát Châu thì có người chỉ mê khiến con đến tham yết Hòa-thượng, cúi mong từ bi nhiếp thọ. Tổ nói kia có ngôn cú gì thử nói ta nghe ta sẽ chứng minh cho ông. Sư nói: Trước đến đó ba tháng chưa được khai thị, vì pháp rất tha thiết nên nửa đêm một mình vào phương trượng lễ bái sư khẩn cầu. Sư Đại Thông bèn bảo: Ông thấy hư không chăng? Thưa: Thấy. Đại thông hỏi: Ông thấy hư không có tướng mạo gì chăng? Con đáp: Hư không vô hình, đâu có tướng mạo gì. Đại thông nói: Bổn tánh của ông cũng như hư không phản quán tự tánh rốt ráo không có một vật gì để thấy, đó gọi là chánh kiến, không một vật để biết, đó gọi là Chân Tri. Không có xanh vàng dài ngắn, chỉ thấy Bản nguyên thanh tịnh, giác thể tròn sáng, gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là thế giới Cực Lạc, cũng gọi là tri kiến Như lai. Đệ tử này tuy nghe lời ấy cũng chưa quyết liễu. Xin Hòa-thượng chỉ dạy khiến cho không còn nghi ngờ dính mắc. Tổ nói: Thầy ấy nói cũng còn thấy biết khiến ông chưa liễu. Nay ta chỉ ông một kệ:

*Chẳng thấy một pháp còn không thấy,*
*Giống như mây nổi che mặt trời*
*Chẳng biết một pháp giữ không biết*
*Lại như hư không có ánh chớp*
*Tri kiến này nháy mắt liền khởi,*
*Nhận lầm đâu hiểu được phương tiện*
*Ông phải một niệm tự biết lỗi*
*Tự mình linh quang thường thấy rõ.*

Sư nghe kệ rồi tâm ý rỗng sáng, bèn nói một kệ rằng:

*Không đầu khởi trí giải*
*Chấp tướng cầu Bồ đề*
*Tỉnh ngộ còn một niệm*
*Đâu vượt lúc mê xưa*
*Tự tánh nguồn giác thể*
*Tùy chiếu uổng trôi lăn*
*Chẳng vào thất Tổ sư*

*Mịt mù ở hai đầu.*

***10. Thiền sư Chí Đạo ở Quảng Châu.***

Người ở Nam Hải. Lúc đầu tham vấn Lục Tổ rằng: Đệ tử từ khi xuất gia xem kinh Niết-bàn hơn mười năm nhưng chưa biết đại ý, xin Hòa-thượng dạy bảo. Tổ hỏi: Ông chưa hiểu chỗ nào? Đáp: "Các hạnh vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, vắng lặng là vui", đệ tử thắc mắc ý nghĩa này. Tổ nói: Ông nghi gì? Vì sao nghi? Thưa rằng: Tất cả chúng sinh đều có hai thân là sắc thân và pháp thân. Sắc thân thì vô thường có sinh có diệt. Pháp thân thì thường vô tri vô giác. Kinh nói: Sinh diệt diệt rồi vắng lặng là vui, không biết là thân nào vắng lặng, thân nào được vui. Nếu sắc thân, thì khi sắc thân diệt, bốn đại phân tán, toàn là khổ. Khổ thì không thể nói vui. Nếu pháp thân vắng lặng thì tức đồng với cỏ cây ngói đá, ai được vui. Lại pháp tánh là thể sinh diệt, năm uẩn là dụng của sinh diệt. Một thể năm dụng sinh diệt là thường. Sinh thì từ thể khởi dụng diệt thì nhiếp dung về thể. Nếu lại sinh thì tức là loại hữu tình không đoạn không diệt. Nếu chẳng còn sinh thì tức là về mãi với vắng lặng, đồng với vật vô tình. Như thế thì tất cả các pháp bị Niết-bàn cấm chế, hàng phục, còn chẳng được sinh sao có vui? Tổ nói: Ông là Thích Tử (con Phật) sao quen thói đoạn thường tà kiến của ngoại đạo mà bàn luận pháp tối thượng thừa theo chỗ ông hiểu, thì ngoài sắc thân riêng có pháp thân lìa sinh diệt cầu về vắng lặng. Lại suy Niết-bàn Thường lạc nói là có thân nhận lấy. Đó chính là chấp sinh tử tham đắm vui đời. Nay Ông phải biết, Phật vì tất cả người mê nhận năm uẩn hòa hợp làm tướng tự thể, phân biệt tất cả các pháp là tướng ngoại trần, ham sinh ghét chết, niệm niệm đổi đời, chẳng biết mộng huyễn hư giả luống chịu luân hồi. Lấy thường lạc của Niết-bàn trở lại làm tướng khổ, suốt ngày tìm cầu. Phật thương người này nên chỉ bày chân lạc Niết-bàn, sát na không có tướng sinh, sát-na không có tướng diệt, lại không sinh diệt để diệt. Cho nên vắng lặng thấy trước, ngay lúc thấy trước cũng không nghĩ là thấy trước mới gọi là thường lạc, cái vui này không có người nhận cũng không có người chẳng nhận, há lại có tên gọi một thể năm dụng, huống lại nói Niết-bàn cấm phục các pháp khiến chẳng bao giờ sinh ra? Đây chính là chê Phật hủy pháp. Hãy nghe kệ của ta:

*Đại Niết-bàn Vô thượng*
*Tròn sáng thường tịch chiếu*
*Phàm phu gọi là chết*
*Ngoại đạo chấp là đoạn*
*Những người cầu Nhị thừa*

*Cho là vô vi tác*
*Đều thuộc tâm chấp trước*
*Sáu mươi hai kiến gốc*
*Dối lập tên luống dối*
*Sau làm nghĩa chân thật*
*Chỉ có người quá lượng*
*Thông đạt chẳng lấy bỏ*
*Vì biết pháp năm uẩn*
*Cho đến Ngã trong uẩn*
*Ngoài hiện các hình sắc*
*Mỗi mỗi tướng âm thinh*
*Bình đẳng như huyễn mộng*
*Chẳng khởi thấy phàm Thánh*
*Chẳng nên chấp Niết-bàn*
*Hai bên ba mé dứt*
*Thường nên dùng các căn*
*Mà chẳng khởi tưởng dùng*
*Phân biệt tất cả pháp*
*Chẳng khởi tướng phân biệt*
*Kiếp lửa đốt đáy biển*
*Gió trống núi đập nhau*
*Chân thường vắng lặng vui*
*Tướng Niết-bàn như thế*
*Nay ta gượng nói năng*
*Khiến ông bỏ tà kiến*
*Ông chớ theo lời hiểu*
*Cho ông biết chút ít.*

Sư nghe kệ xong vui mừng đảnh lễ mà lui.

***11. Hòa-thượng Ấn Tông chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu.***

Người ở quận Ngô, họ Ấn. Theo thầy xuất gia tinh chuyên Niết-bàn Đại Bộ (kinh Đại Niết-bàn). Niên hiệu Hàm Hạnh năm thứ nhất đời Đường, Sư đến kinh đô, vua ban sắc mời ở chùa Đại kính Ái, Sư cố từ chối mà đến Kỳ Xuân gặp Đại sư Hoằng Nhẫn. Sau ở chùa Pháp tánh tại Quảng Châu mà giảng kinh Niết-bàn. Khi gặp Lục Tổ là Đại sư Tuệ Năng mới ngộ Huyền chỉ bèn được truyền làm Pháp sư. Sư lại thu nhặt các lời thiết yếu của các bậc thấu suốt từ đời Lương đến đời Đường biên soạn thành tâm yếu Tập truyền bá rất thạnh hành trên đời. Ngày 11 tháng 2 niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai. Sư mất ở chùa Diệu

Hỷ ở núi Cối Kê, thọ tám mươi bảy tuổi. Vương Sư Càn ở Cối Kê soạn bài minh trên tháp

***12.Thiền sư, Hành Tư ở Thanh Nguyện Cát Châu.***

Sư người An Thành, ở bổn châu họ Lưu. Tuổi nhỏ xuất gia. Mỗi khi mọi người luận Đạo thì Sư chỉ làm thinh. Sau nghe có pháp tịch ở Tào Khê bèn đến tham lễ hỏi rằng: Phải làm thế nào để không bị rơi vào giai cấp. Tổ hỏi: Ông đã từng làm gì? Sư nói: Thánh Đế cũng chẳng làm. Tổ nói: Rơi vào giai cấp nào. Sư nói: Thánh Đế còn chẳng có làm sao có cấp bậc. Tổ biết là Thâm Khí. Trong hội người học rất đông mà Sư đứng đầu. Cũng như Nhị tổ không nói Thiếu Lâm là được tủy. Một hôm Tổ (Lục tổ) gọi Sư bảo rằng: Từ trước y pháp được thầy trao cho. Y là để nói lên lòng tin còn pháp là ấn tâm. Nay ta có được người đâu lo chẳng tin. Khi ta được y đến nay thì gặp rất nhiều tai nạn, huống chi đời sau tranh giành càng dữ. Y để trấn giữ sơn môn, ông nên phân hóa một phương đừng khiến cho chấm dứt. Sư được pháp rồi bèn đến ở chùa Tịnh cư núi Thanh Nguyên thuộc Cát Châu. Khi sắp thị tịch Lục Tổ có Sa di Hy Thiên hỏi rằng: Hòa-thượng trăm tuổi rồi không biết Hy Thiên sẽ nương tựa ai? Tổ nói: Suy nghĩ đi. Đến khi Tổ mất thì Hy Thiên thường ở chỗ vắng mà ngồi lặng lẽ như quên sống. Đệ nhất tọa hỏi rằng: Thầy ông đã mất ngồi không đây làm gì? Thiên nói: Con theo lời di chúc mà suy nghĩ tìm kiếm... Đệ nhất tọa nói: Ông có sư huynh là Hòa-thượng Hành Tư, nay đang ở Cát Châu, nhân duyên ông là ở đó. Tổ nói rất rõ mà ông tự mê thôi. Sư nghe xong bèn lạy từ Tháp Tổ thẳng đến chùa Tịnh cư. Sư hỏi: Ông ở đâu mà đến đây. Hy Thiên thưa: Ở Tào Khê. Sư hỏi: Đã được cái gì rồi? Thiên nói: Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất. Sư hỏi: Thì đến Tào Khê làm gì? Thiên nói: Không đến Tào Khê sao biết chẳng mất. Thiên lại hỏi: Đại sư Tào Khê có biết Hòa-thượng chăng? Sư hỏi: Nay Ông biết ta chăng? Thưa: Biết làm sao biết được? Sư nói: Các sừng tuy nhiều nhưng một sừng lân là đủ. Thiên lại hỏi: Hòa-thượng xuống núi đến nay bao lâu? Sư nói: Ta chẳng biết. Sư hỏi ông rời Tào Khê lâu chưa. Đáp: Hy Thiên chẳng từ Tào Khê đến. Sư nói: Ta cũng biết chỗ ông đi. Thưa rằng: Hòa-thượng may là Đại nhân chẳng vội vàng- Một hôm Sư hỏi Thiên rằng: Ông từ đâu đến đây. Đáp: Ở Tào Khê. Sư đưa cây phát trần lên hỏi Tào Khê lại có cái này chăng? Đáp: Không phải chỉ Tào Khê, Tây Thiên cũng không. Sư hỏi: Ông chưa từng đến Tây Thiên chăng? Đáp: Nếu đến liền có. Sư nói: Chưa hiểu Đạo. Thưa: Hòa-thượng cũng lấy một nửa Đạo chớ toàn nhờ người Học này. Sư nói: Không từ chối Đạo ông sợ sau này không có người

gánh vác - Sư sai Hy Thiên đem thư đến Hòa-thượng Hoài Nhượng ở Nam Nhạc, dặn rằng: Ông đưa thư rồi mau trở về. Ta có cái búa chẻ cho ông ở núi. Thiên đến chưa kịp trình thư liền hỏi: Chẳng mến các Thánh chẳng trọng tánh linh của mình lúc đó ra sao? Hoài Nhượng nói: Ông hỏi cao quá sao không hỏi thấp xuống? Thiên nói: Thà chịu suốt kiếp đắm chìm chớ không mộ các Thánh giải thoát. Nhượng liền thôi. Thiên về đến chùa . Sư hỏi: Ông đi chưa lâu đã đưa thư chưa? Thiên nói: Tin cũng chẳng thông mà thư cũng chẳng đưa. Sư hỏi: Làm sao sinh, sinh ra cái gì? Hy thiên kể lài lời nói trước, lại thưa khi ra đi Hòa-thượng hứa cho cái búa chẻ, liền xin lấy. Sư đưa một chân. Thiên liền đảnh lễ, rồi từ giã mà đến Nam Nhạc - Thần Hội ở Hà Trạch đến tham vấn. Sư hỏi: Từ đâu đến? Hội thưa: Từ Tào Khê. Sư hỏi ý chỉ Tào Khê ra sao. Hội đứng nghiêm lại. Sư nói: Còn vướng ngói gạch liền hỏi Hòa-thượng nay không có vàng ròng cho người ư. Sư nói: Nếu có cho, ông để ở đâu? Có vị tăng hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói: Gạo Lô lăng giá bao nhiêu? Sư đã trao pháp ở Thạch Đầu. Năm Canh Thìn niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám đời Đường, ngày 13 tháng 12, Sư lên tòa cáo từ chúng rồi ngồi kiết già mà hóa. Vua Đường Hy Tông ban thụy là Hoằng Tế Thiền sư, tháp hiệu là Qui Chân.

***13. Thiền sư, Hoài Nhượng ở Nam Nhạc.***

Sư họ Đỗ, người Kim Châu. Năm mười lăm tuổi đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, nương Luật sư Hoằng Cảnh mà xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc học tập Tạng Tỳ-ni. Một hôm tự than rằng: Người xuất gia phải pháp vô vi. Lúc đó, bạn đồng học là Thản Nhiên biết chí Sư cao xa, khuyên Sư đến gặp Hòa-thượng An ở Tung Sơn. An mở mang cho, bèn đến thẳng Tào Khê tham vấn Lục Tổ. Tổ hỏi: Từ đâu đến. Thưa từ Tung Sơn đến. Tổ hỏi Đến để làm gì)? Thưa rằng: Giống như một vật thì không đúng. Tổ hỏi: Lại có thể tu chứng chăng? Thưa: Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được Tổ nói: Chỉ chẳng nhiễm ô này là chỗ chư Phật hộ niệm. Ông đã như thế ta cũng như thế Bát-nhã Đa-la ở Tây Thiên có lời sấm. Dưới chân ông có một con ngựa khỏe đạp chết người thiên hạ và ở tâm ông chẳng cần, nói mau! Sư rỗng rang khế hội, bèn ở làm thị giả suốt mười hai năm. Niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai đời Đường mới đến Hoành Nhạc ở Chùa Bát Nhã. Trong niên hiệu Khai Nguyên có Sa môn Đạo Nhất (là Đại sư Mã Tổ), ở viện truyền pháp thường ngày ngồi thiền. Sư biết là pháp khí, đến hỏi rằng: Đại đức ngồi thiền để làm gì? Đạo Nhất đáp: Muốn thành Phật. Sư bèn lấy một cục gạch đến hòn đá trước am mà mài. Đạo Nhất hỏi: Sư mãi làm gì?

Sư nói mài để làm gương. Đạo Nhất nói mài gạch làm gương sao được? Sư nói ngồi thiền thành Phật sao được. Đạo Nhất hỏi làm sao mới đúng? Sư nói: Như người ngồi xe, xe không đi, vậy đánh xe là đúng, hay đánh trâu là đúng? Đạo Nhất không đáp được. Sư nói: Ông học ngồi thiền hay học ngồi thành Phật. Nếu học ngồi thiền thì thiền không phải ngồi nằm, nếu học ngồi thành Phật thì Phật chẳng phải tướng định. Đối với pháp vô trụ không nên lấy bỏ nếu ông ngồi thành Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi thì không hiểu lý ấy. Đạo Nhất nghe chỉ bày như được uống đề hồ, lễ bái sư hỏi rằng: Dụng tâm thế nào thì hợp với Tam-muội Vô tướng? Sư nói: Ông học pháp môn tâm địa như gieo hạt giống. Ta nói pháp yếu ví như ao trời kia, ông duyên hợp nên sẽ thấy được đạo ấy. Lại hỏi: Đạo chẳng phải sắc tướng làm sao nói thấy được. Sư nói tâm địa pháp nhãn có thể thấy được Đạo. Tam-muội Vô tướng cũng giống như thế Đạo Nhật nói: Có thành hoại chăng? Sư nói: Nếu dùng thành hoại tụ tán mà thấy Đạo thì không phải thấy Đạo, hãy nghe kệ ta:

*Đất tâm ngậm hạt giống*
*Gặp mưa đều nẩy mầm*
*Hoa Tam-muội vô tướng*
*Nào hoại, đâu có thành.*

Đạo Nhất tâm ý được khai ngộ rỗng sáng, bèn hầu thầy mười năm, ngày càng thêm sâu xa. Đệ tử nhập thất gồm có sáu vị Sư đếu ấn khả cho rằng: Các ông là sáu người cùng chứng đạo ta mỗi vị khế một đường. Một người được mày ta, giỏi oai nghi Thường Hạo, một người được mắt ta, giỏi trông nhìn (Trí Đạt). Một người được tai ta, giỏi nghe lý (Thản Nhiên), một người được được mũi ta, khéo biết mùi (Thần Chiếu), một người được lưỡi ta, nói năng khéo léo (Nghiêm Tuấn), một người được tâm ta, giỏi điều xưa nay (Đạo Nhất).

Lại nói tất cả pháp đều từ tâm sinh, tâm không có sở sinh, pháp không có năng trụ, nếu hiểu tâm địa mà được vô ngại. Không gặp hạng Thượng căn thì cẩn thận chớ nói - Có một Đại đức hỏi như lấy gương đúc tượng (gương xưa bằng đồng) tượng thành thì gương sáng ở đâu? Sư hỏi: Như Đại đức tướng mạo lúc còn bé ở đâu? Hỏi rằng: Như tượng thành rồi vì sao không soi chiếu? Sư nói: Dẫu là không soi sáng chứ chớ nói dối là một điểm không có. Sau Đại sư Mã Tổ hoằng hóa ở Giang Tây. Sư hỏi chúng rằng: Đạo nhất có nói pháp cho chúng hay chăng? Chúng thưa: Đã nói pháp cho chúng. Sư hỏi: Sao chưa thấy người đem tin đến). Chúng không đáp, nhân sai một tăng đi hỏi thì đáp đợi khi ông ấy lên tòa. Chỉ hỏi cái gì sinh làm sao sinh?. Đạo ấy dùng ngôn ngữ gì

để ghi nhận tương lai? Tăng đi hoàn toàn theo ý sư trở về bạch rằng: Mã Tổ nói: Từ khi Hồ loạn sau ba mươi năm không hề thiếu ăn tương muối Sư cho là đúng. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba ngày 11 tháng 8 Sư viên tịch ở Hoành Nhạc. Vua ban thụy là Đại Tuệ Thiền sư, tháp hiệu là Tối Thắng Luân.

***14. Thiền sư Vĩnh Gia, Huyền Giác ở Ôn Châu.***

Người ở Vĩnh Gia, họ Đới. Tuổi nhỏ xuất gia xem khắp ba tạng, hiểu rành Thiên Thai chỉ quán là pháp môn viên diệu. Trong bốn oai nghi luôn ngầm thiên quán. Sau nhờ Thiền sư Lãng ở Tả Khê khích lệ, đã cùng Thiền sư Sách ở Đông Dương đồng đến Tào Khê. Lúc đầu đến chông tích trượng mang bình đi nhiễu quanh tổ ba vòng. Tổ nói phàm Sa môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh đại đức từ nơi nào đến mà quá ngã mạn như thế? Sư nói sinh tử là việc lớn vô thường nhanh chóng. Tổ hỏi sao không thể nhận lấy vô sinh liễu rõ không chóng. Thưa rằng: Thể tức vô sinh, liễu vốn không chóng. Tổ nói đúng thế đúng thế. Lúc đó, đại chúng đều ngạc nhiên. Sư mới đủ oai nghi mà tham lễ phút chốc cáo từ. Tổ nói: Trở về chóng thế. Sư nói: Vốn tự không động há có chóng? Tổ nói ai biết chẳng động? Sư nói: Nhân quả tự sinh phân biệt. Tổ nói ông rất được ý Vô sinh. Thưa rằng: Vô sinh há có ý ư? Tổ nói: Vô ý thì ai phân biệt. Đáp: Phân biệt cũng chẳng phải ý. Tổ khen: Lành thay! Lành thay. Bèn ở lại một đêm, do đó đời gọi là Nhất túc giác. Sách công bèn giữ Sư lại sáng hôm sau xuống núi trở về Ôn Giang. Người Học đến rất đông gọi là Chân Giác Đại sư. Sư có soạn một bài chứng Đạo ca và Thiền Tông Ngộ Tu Viên Chỉ từ cạn đến sâu. Thứ sư Khánh Châu là Ngụy Tinh, góp nhặt biên soạn lời tựa làm thành mười bài, đặt tên là Vĩnh Gia Tập truyền bá trên đời rất thịnh hành, đại ý như sau:

- Thứ một: Mộ đạo chí nghi: Muốn tu Đạo trước phải lập chí và phép tắc thờ thầy, sáng tỏ quy củ phép tắc. Nên thứ nhất là nói về nghi thức Mộ đạo.

- Thứ hai: Giới ý kiêu xa. Trước tuy lập chí tu Đạo phải giỏi biết nghi quĩ, nếu ba nghiệp kiêu xa vọng tâm quấy động thì sao định được cho nên thứ hai là nói về giới cấm ý kiêu xa.

- Thứ ba: Tịnh tu ba nghiệp. Trước cấm ý kiêu xa lược nêu cương yếu. Nay xét trách kỹ lưỡng khiến lỗi không sinh, nên thứ ba nói về Tịnh tu ba nghiệp là ngăn ngừa thân miệng ý.

- Thứ bốn: Xa-ma-tha tụng. Đã kiểm trách thân miệng khiến lỗi thô chẳng sinh, kế phải vào môn tu Đạo lần lượt chẳng ngoài Định tuệ.

Năm thứ khởi tâm, sáu thứ phân biệt nên thứ tư nói Xa-ma-tha tụng.

- Thứ năm: Tỳ-bà-xá-na tụng. Không giới thì không thiền, không thiền thì không tuệ, trên đã tu định, định lâu thì tuệ sáng nên thứ năm nói Tỳ-Bà-Xá Na tụng.

- Thứ sáu: Ưu-tất-xoa tụng. Riêng tu định, định lâu thì hôn trầm. Riêng học tuệ, tuệ nhiều thì tâm động nên thứ sáu là Ưu-tất-xoa tụng, bằng nhau cả định tuệ không để trầm động. Khiến định tuệ bình đẳng bỏ cả hai bên.

- Thứ bảy: Ba thừa tiệm thứ. Định tuệ đã bằng nhau thì tịch mà thường chiếu, ba quán một tâm sao nghi chẳng sót, sao chiếu chẳng tròn. Tự hiểu tuy sáng mà thương người khác chưa ngộ. Ngộ có cạn sâu, nên thứ bảy là nói ba thừa tiệm thứ

- Thứ tám: Sự lý chẳng hai. Ba thừa ngộ lý, không lý nào chẳng cùng tận cùng tận lý do Sự, liễu sự tức Lý. Nên thứ tám là nói Sự lý chẳng hai. Tức Sự mà chân, dùng để trừ bỏ kiến chấp trái ngược.

- Thứ chín: Thư khuyên bạn: Sự Lý đã dung nhau, nội tâm tự sáng. Lại xa thương người học luống uổng ngày giờ, nên thứ chín là viết thư khuyên bạn.

- Thứ mười: Văn Phát nguyện: Khuyên bạn tuy là chuyên tâm thương người khác, nhưng ở một tình cũng chưa khắp nên thứ mười là văn Phát nguyện, thề độ tất cả.

Lại còn mười môn Quán tâm, trước thì nói đến pháp nhĩ, kế nêu quán thể, ba là nói tương ưng, bốn là cảnh cáo kẻ khinh thường người trên, năm là khuyên nhắc người lười biếng, sáu lại nêu quán thể, bảy là nói phải quấy, tám phân chọn thuyên chỉ, chín là gặp việc thành quán, mười là khéo Khế họp với nguồn Huyền).

1. Nói về pháp nhĩ, tâm tánh có nguồn, hư thông động tịnh đều chẳng hai, chân như dứt hết nghĩ suy tính toán, chẳng hề khác nhau. Các hoặc thấy có lăng xăng biết đến cùng) thì chỉ một vắng lặng, nguồn linh chẳng hình dáng, soi xét thì ngàn thứ khác nhau không. Tên Pháp Nhãn tự lập, một vắng lặng chẳng khác. Đây còn gọi là Tuệ nhãn, lý lượng đều tiêu, công đức của Phật Nhãn viên mãn ấy là ba Đế một cảnh, Lý pháp thân thường thanh tịnh, ba trí một tâm Bát Nhã sáng luôn chiếu. Cảnh và trí ngầm họp ứng giải thoát tùy cơ, chẳng dọc chẳng ngang, viên với Đạo huyền hội. Cho nên biết ba đức diệu tánh rõ ràng như thế không trái một tâm. Rộng sâu khó nghĩ bàn sao xuất yếu mà chẳng lộ. Đó là dùng tức tâm làm đạo, có thể gọi là tìm sông mà được nguồn.

2. Nêu quán thể - Chỉ biết một niệm tức không mà chẳng không,

chẳng phải không mà chẳng phải chẳng không.

3. Nói về tương ưng - Tâm cũng không tương ưng thì chê khen đâu có buồn đâu có vui. Thân tương ưng với không thì cạo cắt xức hương thơm có gì khổ có gì vui. Y báo tương ưng với không thì ban cho hay cướp lấy đâu có được đâu có mất. Tâm tương ưng với không chẳng không thì di kiến đều mất từ bi cứu khắp. Thân tương ưng với không chẳng không, thì trong giống như cây khổ mà ngoài hiện rõ oai nghi. Y báo tương ưng với không và chẳng không thì vắng bặt tham cầu của cải chu cấp. Tâm tương ưng với không và chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không thì thật tướng mới sáng mở bày tri kiến Phật. Thân tương ưng và không chẳng không, chẳng phải không chẳng phải chẳng không thì một trần vào chánh thọ, các trần Tam-muội khởi - Y Báo cùng không chẳng không tương ưng chẳng phải chẳng phải chẳng không thì hóa sinh lên hương gác báu cõi trang nghiêm.

4. Cảnh cáo kẻ thượng mạn: Nếu chẳng như thế thì chưa tương ưng.

5. Răn kẻ biếng lười - Nhưng vượt biển thì phải lên thuyền, chẳng có thuyền làm sao vượt được. Tu tâm thì phải vào quán chẳng có quán làm sao sáng tâm. Tâm còn chưa sáng thì lúc nào mới tương ưng, hãy suy nghĩ chớ cậy mình.

6. Lại nêu quán thể - Chỉ biết một niệm tức không chẳng không, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng biết tức niệm tức không chẳng không, chẳng phải chẳng có chẳng phải chẳng không.

7. Nói về đúng sai - Tâm chẳng phải có, tâm chẳng phải không, tâm đều là có, tâm đều không, là có là không thì rời vào đúng, chẳng phải có chẳng phải không thì rơi vào sai. Như thế chỉ là phi của thị phi, mà chưa của phi là phi mà là thị của phi nay lấy hai phi, chứ phá hai thị. Thi phá phi thì thị cũng là phi. Lại lấy hai phi mà phá lưỡng phi. Phi mà phá phi thì phi tức là thị. Như thế chỉ là phi là phi mà thị của phi, không phải là chẳng phi chẳng chẳng phi, chẳng thị chẳng chẳng thị. Hoặc của thị phi nhỏ nhặt khó thấy, tinh thần phải nghĩ suy kỹ lưỡng mà nghiên cứu.

8. Phân biệt thuyên chỉ: Nhưng chí lý không lời giả mượn lời nói để nói rõ ý chỉ. Chỉ tông không phải quán, nhờ tu quán mà hiểu rõ Tông. Nếu ý chỉ chưa sáng thì lời chưa trúng đích. Nếu tông chưa rõ thì quán chưa sâu. Quán sâu sẽ hiểu rõ tông ấy. Lời nói đích xác sẽ sáng tỏ ý chỉ, chỉ của Tông đã sáng tỏ, thì chỉ của quán sao chẳng còn hoài.

9. Gặp việc thành quán. Giảng nói ngôn từ lại nêu quán thể. Muốn

sáng tỏ tông chỉ không gì khác là nói quán. Có đuổi mới dời, có dời thì nói lý chẳng sai, chẳng sai thì quán chỉ chẳng khác. Chẳng khác thì chỉ tức là lý. Lý chẳng sai tức là Tông. Chỉ một mà hai tên. Nói quán thì sáng tỏ chỗ dắt dẫn.

10. Khéo khế hợp nguồn huyền) người ngộ tâm thà chấp quán mà mê chỉ cho người thấu giáo đâu lại y cứ theo lời mà lầm lý. Lý sáng thì dứt đường nói năng sao nói là có thể bàn luận. Chỉ rõ thì mất chỗ tâm hành. Sao quán lại hay suy tư. Tâm và lời chẳng thể nghĩ và bàn thì có thể gọi là khéo Khế hợp Hoàn trung?

Vào niên hiệu Tiên Thiên 2 ngày mười bảy tháng 10 sư ngồi yên mà thị tịch. Ngày 13 tháng 11 thì nhập tháp ở phía Nam của Tây Sơn. Vua ban thụy là Vô Tướng Đại sư, tháp hiệu Tịnh Quang. Niên hiệu Thuần Hóa vua Tống Thái Tông ban chiếu cho Sư trụ ở Bổn Châu sửa sang lại khám tháp.

***15.Thiền sư Bổn Tịnh ở núi Từ Không.***

Người ở Giáng Châu, họ Trương. Tuổi nhỏ đã mặc áo Đạo (xuất gia) được thọ ký ở thất Tào Khê, thuộc chùa Vô Tướng, núi Từ Không. Niên hiệu Thiên Bảo thứ ba, Vua Đường Huyền Tông sai Trung sứ Dương Quang Đình vào núi hái dây Thường xuân, nhân đến Trượng thất đảnh lễ hỏi rằng: Đệ tử kính mến Ngài đã lâu, nguyện Hòa-thượng từ bi lược bày chỉ dạy. Sư nói phẩm Thiền tông trong thiên hạ, người học cao đều hội ở Kinh đô. Thiên Sứ nên về triều mà học hỏi bần đạo e núi gần nước không chỗ dụng tâm. Quang Đình than khóc lạy cầu. Sư nói: Đừng lễ bần đạo Thiên Sư vì cầu Phật hay hỏi Đạo? Thưa rằng: Đệ tử trí thức tối tăm, chẳng hay Phật và Đạo bàn luận ra sao? Sư nói: Nếu muốn cầu Phật thì tức tâm là Phật, nếu muốn hiểu Đạo thì vô tâm là Đạo. Thưa: Thế nào là tức tâm là Phật? Sư nói: Phật nhờ vào tâm mà ngộ tâm do Phật mà sáng tỏ, nếu ngộ vô tâm thì Phật cũng chẳng có. Thưa rằng: Thế nào là vô tâm là Đạo? Sư nói: Đạo vốn vô tâm, nên vô tâm gọi là Đạo. Nếu rõ vô tâm thì vô tâm tức là Đạo. Quang Đình đảnh lễ tin nhận. Khi trở về triều thì Đình kể lại mọi việc cho vua nghe. Vua liền sai Quang Đình mời Sư ngày 13 tháng 12 về kinh ở (chùa) Bạch Liên. Năm sau ngày rằm tháng giêng vua mời hai hàng danh Tăng thạc học vào Nội đạo tràng luận bàn Phật lý với Sư. Lúc đó, Thiền sư Viên lớn tiếng bảo Sư rằng: Nay đối trước Thánh thượng mà so lường tông chỉ, thì nên hỏi thẳng đáp thẳng chớ nên nhiều lời. Như chỗ Thiền sư thấy thì cái gì là Đạo? Sư đáp vô tâm là Đạo. Viễn nói: Đạo do tâm mà có, đâu được nói vô tâm là Đạo? Sư nói: Đạo vốn không có tên gọi nhân tâm gọi là Đạo.

Tên Tâm nếu có thì Đạo chẳng dối - đã không hiểu tâm thì Đạo dựa vào đâu mà lập, cả hai đều luống dối thì cùng là giả danh. Viễn hỏi: Thiền sư thấy có thân tâm là Đạo chăng? Sư đáp: Thân tâm của Sơn tăng xưa nay vốn là Đạo. Hỏi: Vừa nói vô tâm là Đạo, nay lại nói thân tâm xưa nay là Đạo, há chẳng trái nhau? Sư nói: Vô tâm là Đạo, tâm mất Đạo không. Tâm Đạo như một nên nói vô tâm là Đạo. Thân tâm xưa nay là Đạo, Đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm vốn đã là không thì Đạo và nguồn cũng không có. Hỏi: Xem Thiền sư hình chất rất nhỏ bé sao lại hội lý này. Sư nói: Đại đức chỉ thấy tướng của Sơn tăng mà chẳng thấy vô tướng của Sơn tăng. Thấy tướng là chỗ thấy của Đại đức. Kinh nói: Tất cả các tướng đều là luống dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng thì tức là ngộ Đạo ấy. Nếu cho tướng là thật thì cùng kiếp cũng chẳng thể ngộ Đạo - Hỏi: Nay thỉnh Thiền sư đối với tướng mà nói vô tướng. Sư nói: Kinh Tịnh danh nói: Bốn đại vô chủ, thân cũng Vô ngã. Vô ngã mà thấy thì tương ưng với Đạo. Nếu Đại đức cho bốn đại có chủ là ngã, nếu có ngã mà thấy thì cùng kiếp cũng chẳng thể (hiểu) Đạo. Viễn sư nghe lời ấy thì thất sắc mà rời tòa Sư bèn có kệ rằng:

*Bốn Đại vô chủ lại như nước,*
*Gặp cong thẳng mà không kia đây*
*Hai chỗ Tịnh uế chẳng sinh tâm*
*Ủng quyết đâu hiểu có hai ý*
*Gặp cảnh chỉ giống nước vô tâm*
*Ở đời ngang dọc có việc gì.*

Lại nói: Một đại như thế, bốn đại cũng thế. Nếu nói bốn đại vô chủ liền ngộ vô tâm, nếu hiểu vô tâm thì tự nhiên khế họp với Đạo.

- Lại có Thiền sư Chí Minh hỏi rằng: Nếu hiểu rõ vô tâm là Đạo, vậy gạch đá vô tâm cũng là Đạo. Lại nói thân tâm xưa nay là Đạo, thì bốn loài mười loại đều có thân tâm, cũng phải là Đạo ư? Sư nói: Nếu Đại đức lấy thấy nghe hay biết mà hiểu thì cách xa Đạo, tức là người cầu thấy nghe hay biết, không phải là người cầu Đạo. Kinh nói: Không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, 6 căn còn không thì thấy nghe hay biết dựa vào đâu mà lập. Cùng tận gốc rễ chẳng có chỗ nào có tâm sao có thể chẳng giống với cỏ cây gạch đá. Chí Minh đuối lý mà lui. Sư lại có kệ rằng:

*Thấy nghe hay biết không chướng ngại*
*Thanh hương vị xúc thường Tam-muội*
*Như chim chỉ bày trong hư không,*
*Chẳng lấy chẳng bỏ chẳng yêu ghét*

*Nếu hiểu chỗ ứng vốn vô tâm,*
*Mới được gọi là Quán Tự Tại.*

- Lại có Thiền sư Chân hỏi rằng: Đạo đã vô tâm, Phật có tâm chăng, Phật và Đạo là một hay hai? Sư nói: Chẳng phải một cũng chẳng phải khác. Hỏi: Phật độ chúng sinh là có tâm, Đạo không độ người là vô tâm, một độ một không độ sao được là chẳng hai? Sư nói: Nếu nói Phật độ chúng sinh còn Đạo không độ đây là Đại đức vọng sinh hai kiến (thấy có hai cái khác nhau). Như sơn Tăng thì không phải thế. Phật là hư danh, Đạo cũng vọng lập, cả hai đều chẳng thật, mà đều là giả danh. Trong một giả sao lại chia hai. - Hỏi: Phật và Đạo đều từ giả danh, đương khi đặt tên thì ai lập. Nếu có người lập đâu được nói không. Sư nói Phật và Đạo do tâm mà lập, suy cho cùng lập tâm thì tâm cũng không. Tâm đã là không thì liền ngộ cả hai đều chẳng thật. Biết là như huyễn tức ngộ vốn không mà cưỡng lập ra Phật và Đạo có hai tên. Đây là kiến giải chỗ thấy của người Nhị thừa. Sư bèn nói vô tu vô tu, kệ rằng:

*Thấy Đạo mới tu Đạo*
*Chẳng thấy thì tu gì*
*Tánh Đạo như hư không*
*Hư không làm sao tu*
*Người quán khắp tu Đạo*
*Tắt lửa mà tìm bọt*
*Chỉ là chơi tượng gỗ*
*Đứt dây hết cử động.*

- Lại có Thiền sư pháp không hỏi rằng: Phật cùng Đạo đều là giả danh, thì mười hai phần giáo cũng phải không thật, vì sao từ trước các bậc tôn túc đều nói tu đạo? - Sư nói: Đại đức hiểu lầm ý kinh. Đạo vốn không tu, Đại đức ép là tu, Đạo vốn không làm, Đại đức ép làm, Đạo vốn không việc, ép sinh nhiều việc, Đạo vốn không biết thì ép là biết. Sự thấy biết này trái với đạo. Các tôn túc từ trước chẳng phải như thế, là tự Đại đức chẳng hiểu, xin hãy nghĩ lại. Sư lại có kệ rằng:

*Đạo thể vốn không tu,*
*Chẳng tu tự họp Đạo*
*Nếu khởi tâm tu Đạo,*
*Người này chẳng hiểu Đạo*
*Bỏ đi một chân tánh,*
*Mà vào chợ ồn ào*
*Bỗng gặp người tu đạo*

*Chẳng hướng Đạo bậc nhất.*

- Lại có Thiền sư An hỏi rằng: Đạ đã nói giả danh, Phật bảo là dối lập, mười hai phần giáo cũng là tiếp vật độ sinh, tất cả là dối thì cái gì là chân? Sư nói: Vì có vọng nện dùng chân mà đối vọng, suy cho cùng thì tánh vọng vốn không, chân có. Cho nên biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị không thật thể, xét cùng cội gốc thì tất cả đều không. - Hỏi: Đã nói tất cả là dối thì dối cũng đồng với chân, chân vọng chẳng khác thì là vật gì? Sư nói: Nếu nói vật gì thì vật gì cũng vọng. Kinh nói: Không tương tự, không so sánh dứt đường nói năng như chim bay trong hư không - Thiền sư An thẹn phục chỗ không biết của mình. Sư lại có kệ:

*Tìm chân chân vô tướng*
*Tìm vọng vọng vô hình*
*Quán lại xét cùng tâm*
*Biết tâm cũng giả danh*
*Hiểu Đạo cũng như thế*
*Rốt cuộc cũng chỉ thế.*

- Lại có Thiền sư Đạt Tánh hỏi rằng: Thiền là rất vi rất diệu chân vọng đều mất, Phật Đạo đều quên, tu hành tánh không, danh tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả đều là giả danh. Khi hiểu như thế thì chẳng thể đoạn dứt hai căn thiện ác của chúng sinh. Sư nói: Hai căn thiện ác đều do tâm mà có, xét nếu tâm có thì các căn cũng chẳng dối, xét tâm đã không thì căn do đâu mà lập. Kinh nói: Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh, nghiệp duyên thiện ác vốn không có thật. Sư lại có kệ rằng:

*Thiện đã từ tâm sinh*
*Ác há lìa tâm có*
*Thiện ác là duyên ngoài*
*Ở tâm thật chẳng có*
*Bỏ ác đi về đâu*
*Lấy thiện khiến ai giữ*
*Thương thay kẻ thấy hai*
*Dính duyên hai đầu chạy*
*Nếu ngộ vốn vô tâm*
*Mới hối lỗi từ trước.*

- Lại có quan Cận thần hỏi: Thân này từ đâu đến, trăm tuổi rồi thì về đâu? - Sư nói: Như người nằm mộng thì từ đâu mà đến, thức rồi thì đi về đâu? Đáp rằng: Khi mộng thì chẳng thể nói là không, khi thức thì

chẳng thể nói có, tuy có có không mà tới lui không có chỗ. Sư nói: Thân của Bần Đạo đây cũng như mộng. - Lại nói kệ:

*Thấy đời như giấc mộng*
*Trong mộng thật là ồn*
*Bỗng thức, mọi thứ hết*
*Đồng lúc ngủ thức dậy*
*Người trí hiểu tỉnh mộng*
*Kẻ mê tin mộng ồn*
*Hiểu mộng như hai phần*
*Một ngộ không ngộ khác*
*Giàu sang cùng nghèo hèn*
*Lại cũng không đường khác.*

Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai, ngày 5 tháng 5 thì Sư viên tịch. Vua ban thụy là Đại Hiểu Thiền sư.

***16. Thiền sư Huyền Sách ở Vụ Châu.***

Sư người Kim Hoa ở Vụ Châu - xuất gia du phương đến Hà Sóc. Có Thiền sư Trí Hoàng từng đến yết kiến Ngũ tổ Huỳnh Mai, ở đó hai mươi năm tự bảo là chánh thọ. Sư biết sở đắc của Hoàng chưa chân thật, bèn đến hỏi rằng: Ông ngồi đây làm gì? Hoàng nói: Nhập định. Sư hỏi: Ông nói nhập định vậy có tâm hay không có tâm. Nếu có tâm thì tất cả các loài biết cử động đều phải được định, nếu không tâm thì tất cả cỏ cây ngói gạch cũng phải được định. Đáp: Khi chính lúc tôi vào định thì chẳng thấy có tâm hữu vô. Sư nói: Đã chẳng thấy có tâm hữu vô thì tức là thường định, sao lại có xuất nhập, nếu có xuất nhập thì không phải đại định. Hoàng im lặng hồi lâu không đáp lại hỏi Sư là Đệ tử nối pháp của ai. Sư nói: Thầy ta là Lục tổ Tào Khê. Hỏi: Lục tổ lấy gì làm Thiền định. Sư nói: Thầy ta bảo lặng lẽ viên tịch thể dụng như như, năm ấm vốn không, sáu trần chẳng có, chẳng xuất chẳng nhập chẳng định chẳng loạn, thiền tánh vô trụ, lìa trụ Thiền tịch. Thiền tánh vô sinh, lìa sinh Thiền tưởng. Tâm như hư không cũng không có lượng của hư không. Hoàng nghe lời ấy bèn vội vàng đến Tào Khê xin quét sạch nghi mê. Mà ý Tổ thì rất ngầm hợp với Sư, Hoàng mới khai ngộ. Sau Sư về Kim Hoa mở rộng pháp tịch (tòa giảng kinh).

***17. Thiền sư Linh Thao ở Tào Khê.***

Người Cát Châu, họ Trương nương Lục tổ xuất gia, không hề rời thầy nửa bước. Khi Tổ viên tịch bèn lãnh việc trông coi tháp y. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư, vua Đường Huyền Tông mến đức Sư ban chiếu mời về cung. Sư từ bịnh không đến. Niên hiệu Thượng Nguyên

năm thứ nhất vua Đường Túc Tông sai sứ đem pháp y của Lục Tổ vào cung cúng dường. Lại sai Sư theo y vào triều Sư cũng lại từ bịnh. Sau Sư mất ở Bổn Sơn thọ chín mươi lăm tuổi. Vua ban thụy là Đại Hiểu Thiền sư.

***18. Quốc sư Tuệ Trung ở chùa Quang Trạch thuộc Tây Kinh.***

Người ở Chư Ký thuộc Việt Châu, họ Nhiễm, từ khi thọ Tâm ấn thì ở hang Đảng Tử núi Bạch Nhai ở Nam Dương, hơn bốn mươi năm không hề xuống núi. Đạo hạnh Sư vang đến kinh đô thôn dã. Niên hiệu Thượng nguyên năm thứ hai, vua Đường Túc Tông sai Trung sứ Tôn Triều Tấn mang chiếu mời Sư về kinh kính lễ Sư như thầy trò. Trước Sư trụ Tây Thiền viện ở chùa Thiên Phước. Khi vua Đường Đại Tông lên ngôi lại mời Sư về ở chùa Quang Trạch, có mười sáu năm tùy cơ nói pháp. Lúc đó có Đại Nhĩ Tam tạng ở Tây Thiên mới đến kinh đô nói rằng: Đạt được Tuệ nhãn tha tâm. Vua ban sắc khiến cùng với Quốc sư thử nghiệm, Tam tạng vừa mới thấy Sư liền đảnh lễ đứng hầu bên phải. Sư hỏi: Ông có được tha tâm thông hay chăng? Đáp rằng chẳng dám. Sư hỏi: Ông nói Đại lão tăng nay đang ở đâu? Đáp: Hòa-thượng là thầy một nước đâu được ở Tây Xuyên mà tranh độ. Sư lại hỏi: Ông nói Đại Lão Tăng nay ở đâu? Thì nói Hòa-thượng là thầy một nước đâu được ở trên cầu Thiên Tân mà coi khỉ làm xiếc. Hỏi: Lần thứ ba thì nói giống trước. Tam tạng hồi lâu chẳng biết chỗ đi. Sư hét lớn chớ giả hồ tinh, tha tâm thông ở đâu? Tam tạng không đáp được. - Một hôm Sư gọi Thị giả, Thị giả lên tiếng dạ, như thế ba lần đều dạ. Sư bảo: Chớ nói ta phụ ông, mà ông đã phụ ta.

Ngài Nam Tuyền đến tham vấn, Sư hỏi từ đâu đến? Đáp: Từ Giang Tây đến. Sư hỏi: Có đem được Mã Sư thật sự đến chăng? Đáp: Chỉ như thế. Sư nói: Ở sau lưng ông đó Nam Tuyền bèn thôi.

Ngài Ma Cốc đến tham vấn, đi nhiễu quanh giường Thiền của Sư ba vòng rồi đứng rung tích trượng trước Sư. Sư hỏi: Đã như thế thì cần gì phải gặp Bần đạo. Ma Cốc lại rung tích trượng. Sư hét lớn: Này Dã Hồ tinh, đi ra!.

Sư thường dạy chúng rằng: Người học Thiền tông phải vâng lời Phật dạy Nhất thừa liễu nghĩa tự khế hợp với nguồn tâm, với người chẳng liễu nghĩa thì chẳng nên nói với họ. Như giòi trong thân sư tử làm thầy người mà rơi vào chốn danh lợi riêng bày dị đoan thì mình và người nào có ích gì. Như người thợ giỏi trong đời thì không bị dao búa làm đứt tay, sức chở mang của loài voi thì sức lừa không chịu nổi.

- Có vị tăng hỏi: Có được thành Phật chăng? Sư nói Phật và chúng

sinh một lúc buông bỏ hết sẽ là chỗ giải thoát. Hỏi: Làm sao sinh được tương ưng? Sư nói: Thiện ác chẳng nghĩ thì tự thấy Phật tánh. Hỏi: Có được chứng pháp thân chăng? Sư nói vượt cảnh giới Tỳ -lô. - Hỏi: Thanh tịnh pháp thân làm sao được sinh? Sư nói: Chẳng đắm trước Phật mà cầu. Hỏi: Thế nào là Phật? Sư nói tức tâm là Phật. Hỏi: Tâm có phiền não không? Sư nói: Tánh phiền não tự lìa. Hỏi: Há chẳng dứt ư? Sư nói: Dứt phiền não thì gọi là Nhị thừa, phiền não chẳng sinh gọi là Đại Niết-bàn. Hỏi: Ngồi thiền khán tịnh để làm gì?. Sư nói: Chẳng cấu chẳng tịnh đâu cần khởi tâm mà xem tướng Tịnh. - Lại hỏi: Thiền sư thấy hư không mười phương là pháp thân chăng? Sư nói: Dùng tưởng tâm mà lấy là kiến điên đảo. Hỏi: Tức tâm là Phật thì có thể tu muôn hạnh chăng? Sư nói: Các Thánh đều có hai nghiêm chẳng lẽ bác không có nhân quả ư? Lại nói: Nay ta đáp ông cùng kiếp cũng không hết được nói nhiều cách Đạo càng xa. Vì vậy mà nói, thuyết pháp có chỗ được thì đó là tiếng kêu của Dã can thì nói pháp không chỗ được, đó là tiếng sư tử gầm thét.

- Hành giả Trương Phần ở Nam Dương hỏi: Có lúc Hòa-thượng nói vô tình nói pháp, con chưa hiểu rõ, xin Hòa-thượng chỉ dạy. Sư nói: Nếu ông hỏi vô tình nói pháp thì phải hiểu rõ vô tình đó mới được nghe ta nói pháp, ông chỉ nghe lấy vô tình nói pháp mà thôi Bí thưa: Chỉ y cứ như nay trong phương tiện hữu tình thế nào là nhân duyên vô tình? Sư nói: Như nay trong tất cả mọi động dụng chỉ hai dòng phàm Thánh đều không có chút khởi diệt, liền là xuất thức chẳng thuộc có không mà lừng lẫy thấy biết, chỉ nghe vô tình thức mà chấp chặt. Do đó Lục tổ nói: Sáu căn đối cảnh phân biệt chẳng phải thức. - Có vị Tăng đến tham lễ. Sư hỏi; Có sư nghiệp gì? Đáp: Là giảng kinh Kim cang. Sư hỏi: Hai chữ đầu Tiên là gì? Đáp: Như thị. Sư hỏi: Là thế nào? Tăng không trả lời.

- Có người hỏi: Thế nào là giải thoát? - Sư nói: Các pháp không đến nhau là giải thoát. Hỏi: Làm sao cắt đứt? Sư nói: Vừa nói với ông các pháp không đến với nhau thì còn cắt đứt cái gì? - Sư thấy có vị tăng đến bèn đưa tay vẽ một vòng tròn, trong vòng tròn viết chữ nhật (mặt trời), Tăng không đáp được. - Sư hỏi Thiền sư Bổn Tịnh rằng: Ông từ đây trở đi thấy lời lẽ kỳ lạ thì sao? Tịnh đáp: Không một niệm ưa thích. Sư nói: Ấy là việc trong nhà ông. - Vua Đường Túc Tông hỏi: Sư được pháp gì? Sư đáp: Bệ hạ có thấy trên hư không một áng mây trôi chăng? Vua nói: Thấy. Sư nói: Dính vào đinh đóng, dính vào treo máng. Lại hỏi: Thế nào là mười thân Điều ngự? Sư bèn đứng dậy, hỏi hiểu chăng? Vua đáp: Không hiểu. Sư nói Đưa Tịnh Bình cho Lão tăng). - Vua lại

hỏi: Thế nào là Tam-muội Vô tránh? Sứ nói: Đạp trên đảnh Tỳ Lô mà đi. Vua hỏi: Ý này ra sao? Sư nói: Chớ cho pháp thân của mình thanh tịnh. Vua lại hỏi Sư, Sư đều không nhìn. Vua nói: Trẩm là vua nước Đại Đường, vì sao Sư không đoái nhìn. Sư nói: Lại thấy hư không chăng? Vua đáp: Thấy. Sư hỏi: Nó có xoay nhìn Bệ hạ chăng? - Ngư Quân Dung hỏi: Sư ở núi Bạch Nhai trong mười hai giờ tu Đạo như thế nào? Sư gọi đồng tử đến, xoa đầu bảo: Tỉnh tỉnh mau lên tỉnh tỉnh, rõ ràng mau lên rõ ràng, sau chớ để người gạt. - Sư và Tử Lân Cung Phụng luận nghĩa. Đã ngồi rồi Cung Phụng nói: Thỉnh Sư lập nghĩa tôi sẽ phá. Sư nói: Đã lập nghĩa xong. Cung Phụng hỏi: Nghĩa gì? Sư nói: Quả nhiên chẳng thấy, chẳng phải là cảnh giới của ông, liền rời chỗ ngồi. - Một hôm Sư hỏi: Tử Lân Cung Phụng rằng: Phật là gì? Đáp: Là giác. Sư hỏi: Phật có từng mê chăng? Đáp: Không hề mê. Sư nói: Dùng giác làm gì chẳng đáp - Lại hỏi: Thế nào là thật tướng? Sư nói: Đem hư không đến đây. Đáp: Hư không chẳng có. Sư nói: Đáy hư không còn chẳng thật có, hỏi thật tướng làm gì? - Có vị tăng hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói: “Trong nhà Văn-Thù có muôn vị Bồ tát. Thưa: Người học chẳng hiểu. Sư nói: Đại bi có ngàn tay mắt - Đam Nguyên hỏi: Trăm năm sau có người hỏi việc rốt lại thì làm sao sinh? Sư nói: Mong tự đáng thương sinh, cần phải tự giữ mình bùa chú làm gì? - Sư thấy việc hóa duyên đã xong thời Niết-bàn đã đến. Bèn từ giả vua Đường Đại Tông. Vua hỏi Sư diệt độ rồi đệ tử phải nhớ điều gì? Sư bảo: Hãy tạo một ngôi tháp không vá víu. Vua nói: Xin vẽ hình tháp. Sư hồi lâu mới nói hiểu chăng? Vua đáp không hiểu. Sư nói: Bần Đạo mất rồi có Thị giả là ứng chân, liền biết việc này. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười ngày mồng 09 tháng 12 Sư nằm nghiêng bên hông phải mà thị tịch. Đệ tử đem linh thể Sư về hang Đảng Tử mà xây tháp thờ. Vua ban thụy là Đại Chứng Thiền sư. Sau vua Đại Tông mới Ứng Chân vào triều kể lại việc trước. Hồi lâu chân nói: Thánh thượng hiểu chăng? Vua đáp không hiểu. Chân bèn nói kệ:

Tương ở Nam, Đầm ở Bắc. Trong có vàng ròng đầy cả nước
Dưới cây không bóng họp cùng thuyền, trên điện lưu ly không tri thức.

Sau Ứng Chân trụ ở núi Đam Nguyên.

***19. Thiền sư Thần Hội ở Hà Trạch thuộc Tây Kinh.***

Người ở Tương Dương, họ Cao, mười bốn tuổi làm Sa di đến ra mắt Lục Tổ. Tổ hỏi: Tri thức từ xa đến rất khó khăn có mang Bổn đến chăng, nếu có Bổn thì họp với Thức chủ, thử nói xem? - Sư nói lấy vô

trụ làm Bổn , thấy tức là chủ. Tổ nói: Này Sa di điều đó chớ nên nói nữa. Rồi lấy gậy đánh. Khi bị đánh Sư thầm nghĩ rằng: Đại Thiện tri thức nhiều kiếp khó gặp nay đã gặp được đâu tiếc thân mạng. Từ đó bèn làm thị giả. Một hôm khác Tổ bảo chúng rằng: Ta có một vật không đầu không đuôi không tên họ, không phải trái các ông có biết chăng? Sư bèn lên tiếng: Đó là gốc của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội. Tổ nói: Ta vừa nói với ông là không có tên họ, sao ông bảo là nguồn gốc Phật tánh? Sư lễ bái mà lui ra - Sư tìm đến Tây kinh thọ giới. Trong niên hiệu Cảnh Long đời Đường trở về Tào Khê. Tổ mất rồi trong hai mươi năm, Đốn chỉ của Tào Khê bị phế bỏ ở Kinh Ngô, Tiệm Môn của Tung Nhạc, thạnh hành ở Tần Lạc. Sư bèn vào kinh. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tư mới định lại hai tông (Đốn tông của Tuệ Năng thuộc Nam Tông và Tiệm Tông của Thần Tú thuộc Bắc Tông) mà hiển bày tông ký thịnh hành ở đời. Một hôm có tin quê báo cha mẹ mất, Sư bèn vào điện gõ chày bạch rằng: Cha mẹ đều mất, thỉnh Đại chúng niệm Ma-ha Bát-Nhã. Chúng vừa nhóm hợp thì Sư gõ chày bạch rằng: Làm phiền đại chúng. Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ nhất ngày 13 tháng 05, Sư giữa đêm an nhiên thị tịch thọ bảy mươi lăm tuổi. Năm sau xây tháp thờ ở Long Môn Lạc kinh vua ban sắc để ở Tháp là chùa Bảo Ứng. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ năm, vua lại ban hiệu là Chân Tông Bát-Nhã Truyền Pháp Đường, năm thứ bảy lại bản đề tháp là Bát Nhã Đại sư.

- Có vị Tăng nêu kệ của Thiền sư Ngọa Luân rằng:

*Ngọa Luân có tài khéo*
*Dứt được trăm tư tưởng*
*Đối cảnh tâm không khởi*
*Bồ đề ngày càng lớn.*

Lục Tổ nghe rồi bảo: Bài kệ này chưa sáng tâm địa, nếu thực hành theo đó thì càng gây nhân ràng buộc. Bèn nêu một bài kệ rằng:

*Tuệ Năng không tài khéo*
*Chẳng dứt trăm tư tưởng*
*Đối cảnh tâm thường khởi*
*Bồ đề làm sao lớn.*

Hai bài kệ này thường thấy chép ở nhiều nơi nói, nên phụ vào ở cuối quyển, Ngọa Luân không phải là tên gọi mà là chỗ ở).

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 6

Đệ tử nối pháp của Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam Nhạc.

Đời thứ nhất có 9 vị (một người có thấy ghi lục)

Thiền sư Đạo nhất ở Giang Tây (một người thấy có ghi lục, họ Mã tổ đương thời gọi là Mã Tổ)

Thiền sư Thường Hạo ở Nam Nhạc

Thiền sư ở Trí Đạt

Thiền sư Thản Nhiên

Thiền sư Thần Chiếu ở Hồ Châu

Quốc Bổn Như Thiền sư vị Tân La

Dương Châu, Nghiêm Tuấn Thiền sư ở Đại Minh ở chùa

Thiền sư Huyền Thạnh

Thiền sư Pháp Không ở Đông Vụ

(8 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Đời thứ hai, có ba mươi bảy vị (đệ tử nối pháp của Mã Tổ, 14 vị thấy có ghi lục)

Thiền sư Đại Châu tuệ Hải ở Việt Châu

Thiền sư Pháp Hội ở núi Lặc ĐàmTrợ thuộc Hồng Châu

Thiền sư Trí Kiên ở Thái Sơn thuộc Trì Châu

Thiền sư Duy Kiến Lặc Đàm thuộc Hồng Châu

Thiền sư Đạo Hạnh ở Minh Khê thuộc Lễ Châu

Thiền sư Tuệ Tạng ở Thạch Củng thuộc Phủ Châu

Thiền sư Đạo Thông ở núi Tử Ngọc thuộc Đường Châu

Thiền sư Lan Nhượng ở Bắc Giang Tây

Thiền sư Như Mãn ở Phật Quang thuộc Lạc Kinh

Thiền sư Đạo Minh ở Nam Nguyên thuộc Viên Châu

Thiền sư Tự Mãn ở Lệ Thôn thuộc Hân Châu

Thiền sư Hồng Ấn ở Trung Ấp thuộc Lãng Châu.

Thiền sư Hoài Hải ở núi Bách trượng thuộc Hồng Châu.

(Phụ: Thiền môn quy thức; 13 vị trên đây thấy có ghi lục).

Thiền sư hạo Anh
Thiền sư Sùng Thái
Thiền sư Tiêu Nhiên ở núi Vương Lão
Thiền sư Sách Chùa Phục Thê ở Hoa Châu
Thiền sư Trí Thông ở tháp Tùng Tư thuộc Lễ Châu.
Thiền sư Thần Giám ở núi Vân Tú thuộc Đường Châu.
Thiền sư Trí Thông ở chùa Thê Linh thuộc Dương Châu
Thiền sư Trí Tạng ở Khanh Châu
Thiền sư Hoài Thao ở Kinh Triệu
Thiền sư Pháp tạng ở xử châu
Thiền sư Hoài Tắc ở phủ Hà Trung
Thiền sư Minh Cán ở Thường Châu
Thiền sư Hồng Đàm ở Ngạc Châu
Thiền sư Hoài Thản ở Tượng Nguyên
Thiền sư Nguyên Lễ-Thanh Liên ở Lộ Phủ
Thiền sư Bảo Khánh ở Phủ Hà Trung
Thiền sư Chí Hiền ở Cam Tuyền
Thiền sư Đạo Ngộ ở núi Đại Hội.
Thiền sư Pháp Nhu ở Lộ Phủ
Thiền sư Giác Bình Chùa Hàm Thông ở Kinh Triệu
Thiền sư Thắng Biện ở Nghĩa Hưng
Thiền sư Khánh Vân ở Hải Lăng
Thiền sư Huyền Hư chùa Khai Nguyên ở Hồng Châu.
(23 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)
Thiền sư ở Hoài Nhượng đời thứ nhất

## THIỀN SƯ ĐẠO NHẤT Ở GIANG TÂY

Người ở Thập phương thuộc Hán Châu, họ Mã, dung mạo kỳ dị, dáng trâu đi hổ nhìn, lưỡi dài quá mũi, dưới chân có hai đường văn xoay tròn. Tuổi nhỏ nương Hòa thượng Đường ở Tư Châu mà xuống tóc. Thọ giới cụ túc từ Luật sư viên ở Du Châu. - Trong năm Khai Nguyên đời đường tu tập Thiền Định tại viện Truyền Pháp ở Hoành Nhạc, gặp Hòa thượng Hoài Nhượng cùng tham học có 9 vị nhưng chỉ có Sư ngầm được Tâm Ấn.

Mới đầu từ núi Phật Tích ở Kiến Dương dời đến Lâm Xuyên, kế đến núi Tập Công ở Nam Khang. Trong năm Đại Lịch tên tuổi phụ thuộc ở Tịnh Xá Khai Nguyên. Lúc đó vị, Liên Soái Lộ Từ Cung, nghe phong thái mà ngưỡng mộ đích thân đến thọ tông chỉ. Từ đó người học 4

phương đến rất đông. Một hôm bảo chúng rằng: Các ông đều nên tin tự tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Đại sư Đạt Ma từ Nam Thiên Trúc đích thân đến Trung Hoa truyền pháp Thượng thừa nhất tâm giúp các ông khai ngộ. Lại dẫn văn kinh lăng Già để ấn tâm địa cho chúng sinh, sợ các ông điên đảo không tự tin. Phát tâm này tất cả đều có. Cho nên kinh lăng Già nói: Phật nói Tâm là Tông, vô môn là pháp môn. Lại nói hề cầu pháp, thì không có chỗ cầu ngoài tâm không có Phật khác, ngoài Phật không có tâm khác chẳng lấy thiện chẳng bỏ ác, Tịnh uế 2 bên đều chẳng nương cậy hiểu tội tánh không niệm niệm chẳng thật có. Vì không có tự tánh nên 3 cõi duy tâm, sum la vạn tượng được ấn 1 pháp. Phàm chỗ thấy sắc đều là thấy tâm, tâm chẳng tự tâm do sắc mà có. Các ông chỉ tùy lúc nói năng, tức sự tức lý đều vô ngại. Bồ đề Đạo quả cũng lại như vậy. Ở tâm chỗ sinh thì gọi là sắc, vì biết sắc không cho nên sinh thì chẳng sinh. Nếu hiểu tâm này thì mới có thể tùy thời mà mặc áo ăn cơm, nuôi lớn mầm Thánh mặc tình qua thời thì có việc gì. Các ông nghe lời ta dạy, hãy nghe kệ ta.

*Tâm địa tùy lúc nói*
*Bồ đề cũng tự an*
*Sự lý đều vô ngại*
*Đời sau tức chẳng sinh*

Có vị Tăng hỏi: Vì sao Hòa thượng nói tức tâm tức Phật. Sư nói là ngăn đứa bé khóc vị. Vị Tăng hỏi: Khi nín khóc thì sao? Sư nói không tâm không Phật. Vị Tăng nói: Trừ 2 loại người này đến thì chỉ bày thế nào? Sư nói: Đạo ấy không phải vật. Vị Tăng nói: Bỗng gặp người trong hai loại ấy đến thì lúc đó thế nào? Sư nói: Lại dạy người ấy hiểu được Đại đạo. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý ở Tây Trúc đến? Sư nói: Tức nay là ý gì? - Bàng cư sĩ hỏi: Như nước không gân xương mà hơn hẳn thuyền muôn hộc, lý này thế nào? Sư nói: Ngăn trong đó không nước cũng không thuyền, nói gì gân xương - Một hôm Sư lên điện, hồi lâu Bách Trượng cúi mặt đứng trước toà, sư liền xuống điện Bách Trượng hỏi: Thế nào là chỉ thú của Phật pháp? Sư nói: Chính là chỗ ông bỏ thân mạng. Sư hỏi Bách Trượng: Ông dùng lấy pháp nào chỉ vị? Bách Trượng dựng đứng phất trần. Sư nói: Chỉ lúc đó là thường có. Bách Trượng ném phất trần. Có vị Tăng hỏi: Làm sao được hợp Đạo? Sư nói: Ta sớm chẳng hợp đạo. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến. Sư liền đánh rồi bảo: Ta nếu chẳng đánh ông thì mọi người cười ta. - Có vị Tăng nhỏ đi hành cước trở về vẽ 1 vòng tròn ở trước Sư, lên đó lạy Sư rồi đứng yên. Sư hỏi: Ông chẳng muốn làm Phật ư? Đáp: Con chẳng

hiểu ấn phải. Sư nói: Ta chẳng bằng ông vị Tăng nhỏ (tiểu sư) không đáp được. - Đặng Ẩn Phong từ giả Sư, Sư hỏi đi đâu? Thưa: Đi Thạch Đầu. Sư nói đường Thạch Đầu trơn trợt. Thưa rằng: Có gậy trúc theo mình gặp chỗ đông thì múa giỡn, rồi đi. Vừa đến Thạch Đầu đi nhiễu quanh Thiền sàng 1 vòng rồi rung tích trượng 1 cái, hỏi đây là tông chỉ gì? Thạch Đầu nói: Trời xanh trời xanh. Ẩn Phong không nói gì, trở về thuật lại cho Sư nghe. Sư nói: Ông lại đến đó, thấy ông ấy nói trời xanh thì ông rên hừ hừ. Ẩn Phong lại đến Thạch Đầu liền hỏi y như trước là tông chỉ gì? Thạch Đầu bèn rên hừ hữ. Ẩn Phong không nói trở về. Sư bảo: Ông đến đó nói Thạch Đầu đường trơn - Có vị Tăng ở trước Sư vẽ 4 nét, 1 nét dài ở trên, 3 nét ngắn ở dưới, hỏi rằng: Không được nói 1 dài 3 ngắn lìa 4 chữ này xin Hòa thượng đáp. Sư liền vạch đất vẽ 1 nét bảo: Chẳng được nói dài ngắn, đáp ông xong. - Có 1 vị Tăng giảng đến hỏi rằng: Chẳng biết Thiền tông truyền trì pháp gì? Sư hỏi lại: Tọa chủ truyền trì pháp gì? Ông ấy đáp: Thẹn là giảng được kinh luận hơn 20 năm. Sư hỏi: Không phải là con của Sư Tử chăng? Thưa: Chẳng dám. Sư rên hừ hừ. Ông ấy nói: Đây là pháp. Sư nói: Là pháp gì? Thưa: Pháp sư tử ra khỏi hang - Sư bèn làm thinh. Ông ấy nói đây cũng là pháp. Sư nói: Là pháp gì? Thưa là pháp Sư Tử ở trong hang. Sư hỏi chẳng ra chẳng vào là pháp gì? Vị Tăng không đáp bèn từ giã ra khỏi cửa. Sư lại gọi: Tọa chủ. Vị Tăng quay đầu lại. Sư hỏi: Là gì? Vị Tăng cũng chẳng đáp. Sư nói: Đó là Sư độn y. Hồng Châu Liêm Sứ hỏi đệ tử ăn uống rượu thịt là phải hay không ăn uống rượu thịt là phải? Sư nói nếu ăn uống là hưởng lộc, nếu không ăn uống là hưởng phước. Sư có một trăm ba mươi chín vị đệ tử nhập thất, đều là tông chủ 1 phương chuyển hóa vô cùng.

Vào năm Trinh Nguyên giữa thứ tư, tháng giêng, Sư lên núi Thạch Môn ở Kiến Xương, đi kinh hành trong rừng mà, thấy có một hang trống bằng phẳng bảo thị giả rằng: 1 tháng nữa thân xác ta sẽ về đây. Nói xong liền trở về. Đến ngày 4 tháng 2 quả nhiên sư bị bịnh nhẹ tắm gội xong ngồi kiết già mà tịch. Trong năm Nguyên Hòa vua truy ban hiệu là Đại Tịch Thiền sư ở Tháp hiệu là Đại Trang Nghiêm. Ngày nay Ảnh Đường còn ở huyện Hải Hôn.

*** Đệ tử nối pháp ngài Mã Tổ đời thứ 2 của Hoài Nhượng.**

***1. Việt Châu, tuệ Hải Thiền sư ở Đại Châu:***

Người ở Kiến Châu, họ Chu, thọ nghiệp với Hòa thượng Đạo Trí tại chùa Đại Vân ở Việt châu. Lúc đầu đến Giang Tây tham vấn Mã Tổ. Tổ hỏi: Từ đâu đến. Thưa: Ở chùa Đại vân tại Việt Châu đến. Tổ hỏi: Đến đây cầu việc gì? Thưa: Con đến cầu Phật pháp. Tổ nói: Kho

báu trong nhà không đoái hoài, bỏ nhà đi lung tung làm gì. Ta trong đó 1 vật cũng không có, cầu Phật pháp làm gì - Sư bèn lễ bái hỏi rằng: Cái gì là kho báu của nhà tuệ Hải? Tổ nói: Tức nay ông hỏi ta là kho báu của ông, tất cả đều đầy đủ không chút thiếu sót sử dụng tự tại, đâu cần tìm cầu bên ngoài? - Sư sau lời nói liền tự biết bổn tâm không do tri giác rất vui mừng lạy tạ. Sư thờ Tổ suốt 6 năm. Sau thầy thọ nghiệp (Thầy cũ) của Sư vì tuổi già nên Sư phải về nuôi dưỡng, bèn dấu tung tích giả dạng dại khờ. Sư tự soạn luận Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn 1 quyển đầy đủ pháp môn. Cháu của Sư là Huyền Yến lén lấy qua sông đem trình Mã Tổ. Tổ xem xong bảo chúng rằng: Việt Châu có Đại châu sáng suốt được đầy đủ, tự tại không ngăn ngại. Ở trong chúng cũng có người biết Sư họ Chu, thay tìm hiểu mà biết được, cùng nhau đến Việt Châu tìm hỏi để nương tựa. Sư nói rằng: Khánh thiền đến nhưng tôi không biết thiền, cũng không có một pháp nào có thể chỉ bày cho người, vì vậy không phiền đến mọi người đứng lâu, mà tự mình nghỉ ngơi đi! Lúc ấy người học đến càng nhiều, ngày đêm thưa thỉnh. Sự việc không thể khác được, cho nên hễ hỏi thì đáp, biện giải không ngăn ngại. Lúc ấy có mấy người Pháp sư đến lễ bái, nói rằng: Muốn nêu ra một câu hỏi, Sư có trả lời hay không? Sư nói: Đầm sâu bóng trăng tùy ý hiện bày. Hỏi: Thế nào là Phật? Sư nói: Đầm trong veo đối diện không phải Phật mà là ai? Chúng đều không biết. Hồi lâu vị Tăng ấy lại hỏi: Sư nói pháp gì để độ người? Sư nói: Bần đạo chưa từng có một pháp nào để độ người. Hỏi: Những Thiền Sư toàn như vậy sao? Sư lại hỏi rằng: Đại Đức nói pháp gì để độ người? Đáp: Giảng kinh Kim Cang Bát Nhã. Sư hỏi: Giảng bao nhiêu lần rồi? Đáp: Hơn 20 lần. Sư hỏi: Kinh này là do ai nói ra? Vị tăng lên tiếng chống: Thiền sư đùa cợt nhau, lẽ nào không biết là Phật nói ra hay sao? Sư nói: Nếu nói Như lai có pháp nói ra, thì đó là phỉ báng Phật là người không hiểu nghĩa mà Phật đã nói. Nếu nói kinh này không phải là Phật nói ra, thì đó là phỉ báng kinh, xin đại đức nói thử xem! Vị tăng không trả lời. Lát sau Sư lại hỏi: Trong kinh nói: "Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người này hành tà đạo, không thể thấy Như lai". Đại đức lại nói thế nào là Như lai? Vị Tăng nói: Đến đây thì tôi hết mê lầm. Sư nói: Xưa nay chưa ngộ nói gì là hết mê? Vị tăng nói: Xin Thiền sư giải thích cho! Sư nói: Đại đức giảng kinh hơn 20 lần, lại chưa biết Như lai ư? Vị tăng lại lễ lạy, xin Sư thương tình chỉ bày rõ ràng. Sư nói: Như lai đó là các pháp như nghĩa, sao có thể quên mất? Thưa rằng: Đúng vậy, là các pháp như nghĩa. Sư nói: Đại đức đúng mà cũng chưa đúng. Vị tăng nói: Văn kinh rõ ràng lẽ nào chưa đúng? Sư

nói: Đại đức có như hay không? Thưa rằng: Như. Sư nói: Gỗ đá có Như hay không? Thưa rằng: Như. Sư nói: Như của Đại đức giống với Như của gỗ đá hay không? Thưa rằng: Không hai. Sư nói: Đại đức đâu khác với gỗ đá? Vị tăng không trả lời.

Hồi lâu liền hỏi: Thế nào là được đại Niết-bàn? Sư nói: Không tạo nghiệp sinh tử.

Hỏi: Thế nào là nghiệp sinh tử?

Sư nói: Cầu đại Niết-bàn là nghiệp sinh tử, bỏ nhơ lấy sạch là nghiệp sinh tử, có được có chứng là nghiệp sinh tử, chẳng thoát môn đối trị là nghiệp sinh tử.

Hỏi: Thế nào thì được giải thoát?

Sư nói: Vốn tự không bị buột ràng không cần mở trói dùng ngay làm ngay là không gì sánh bằng? Vị Tăng nói: Như Hòa thượng Thiền sư thật là ít có, bèn lễ tạ mà lui.

Có hành giả hỏi: Tức tâm tức Phật, cái gì là Phật. Sư hỏi ông nghi cái gì, chẳng phải là Phật chỉ ra xem? Vị Tăng chẳng đáp được. Sư nói: Thấu suốt thì khắp cảnh đầu phải, chẳng ngộ thì mãi mãi trái sót. Có Luật sư Pháp Minh nói với Sư rằng: Phần lớn Thiền sư ở đều rơi vào không. Sư nói tức tọa chủ chẳng lạc vào không. Pháp Minh kinh sợ nói sao rơi vào không được. Sư nói: Kinh luận là giấy mực chữ nghĩa, giấy mực chữ nghĩa đều không. Nếu ở trên tiếng mà lập ca danh cú các pháp thì đều là không. Tọa chủ chấp chặt vào giáo thể há chẳng rơi vào không. Pháp Minh nói: Thiền sư rơi vào không chăng? Sư nói: Chẳng rơi vào không. Hỏi: Sao chẳng rơi vào không? Sư nói: Chữ nghĩa đều từ trí tuệ mà sinh, đại dụng hiện tiền sao có thể rơi vào không. Pháp Minh nói: Cho nên biết một pháp chẳng đạt chẳng gọi đều đạt Sư nói: Luật sư chẳng chỉ rơi vào không mà còn dùng lầm danh ngôn. Pháp Minh nghiêm sắc hỏi chỗ nào là lầm? Sư nói: Luật sư chưa phân biệt rõ tiếng Thiên Trúc và Trung Hoa, làm sao giảng nói. Thưa: Xin Thiền sư ở chỉ rõ chỗ Pháp Minh lầm. Sư nói há chẳng biết Tất Đạt là tiếng Phạm. Luật sư tuy biết lỗi nhưng tâm còn giận (Tiếng phạm nói đủ là Tát bà hạt thích tha tất đà, Hán dịch là tất cả nghĩa đã thành, xưa gọi là Tất đạt đa, là sai tiếng Phạm).

Lại hỏi: Kinh luật luận là lời Phật nói. Nay đọc tụng y giáo vâng làm sao chẳng thấy tánh? Sư nói: Như chó điên rượt cục đất, sư tử cắn người, kinh luật luận tự tánh dụng, đọc tụng là tánh pháp. Pháp Minh nói: Phật A Di Đà có cha mẹ và họ chăng? Sư nói: A Di Đà họ là Kiều Thi Ca, cha tên là Nguyệt Thiện, mẹ tên là Thù Thắng Diệu Nhan.

Hỏi: Nói từ văn giáo nào? Sư nói: Trích từ Đà La Ni tập. Pháp Minh lễ tạ khen ngợi mà lui. Có Tam tạng Pháp sư hỏi: Chân như có thay đổi chăng? Sư đáp: Có thay đổi. Tam tạng hỏi: Thiền sư ở lầm chăng? Sư hỏi Tam tạng: Có chân như chăng? Đáp: Có. Sư nói: Nếu không thay đổi quyết định là phàm vị Tăng. Há chẳng nghe Thiện tri thức là thây 3 độc thành 3 tụ tịnh giới, thây 6 thức thành 6 thần thông, thây phiền não thành Bồ đề thây vô minh thành Đại trí chân như. Nếu không có thay đổi Tam tạng tự nhiên thật là ngoại đạo vậy. Tam tạng nói: Nếu thế thì chân như có thay đổi. Sư nói: Nếu chấp chân như có thay đổi thì cũng là ngoại đạo. Nói rằng: Thiền sư ở vứa nói chân như có thay đổi, nay lại nói không thay đổi, thì thế nào là đúng? Sư nói: Nếu người thấy tánh rõ ràng thì như châu ma ni hiện sắc, nói thay đổi cũng được mà nói không thay đổi cũng được. Nếu người không thấy tánh nghe nói chân như thay đổi thì liền hiểu là thay đổi, nghe nói không thay đổi thì liền hiểu chẳng thay đổi. Tam tạng nói: Cho nên Nam Tông thật chẳng thể lường được. Có Đạo Lưu hỏi: Thế gian có pháp nào được tự nhiên chăng? Sư nói: Có. Hỏi: Pháp nào quá được. Sư nói: Là vị hay biết tự nhiên. Hỏi: Nguyên khí là Đạo chăng? Sư nói: Nguyên khí là nguyên khí, Đạo là Đạo. Hỏi: Nếu Thế thì phải có 2. Sư nói: Vị biết không hai người. Lại hỏi: Thế nào là tà thế nào là chánh? Sư nói: Tâm theo vật là tà, tâm theo tâm là chánh. Có Luật sư Nguyên đến hỏi: Hòa thượng tu Đạo có dụng công chăng? Sư nói: Dụng công. Hỏi: Dụng công thế nào? Sư nói: Đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ. Hỏi: Tất cả mọi người đều thế thì giống với Sư dụng công chăng? Sư nói: Khác nhau. Hỏi: Sao khắc nhau Sư nói: Khi ăn cơm thì nó chẳng chịu ăn cơm mà trăm việc tính toán, khi ngủ thì chẳng chịu ngủ mà mưu đồ ngàn thứ, do đó mà khắc nhau. Luật sư đuối lý. Có Đại đức Uẩn Quang hỏi: Thiền sư ở tự biết chỗ sinh chăng? Sư nói: Không hề chết điều cần nói sinh. Biết sinh tức là pháp vô sinh không lìa pháp sinh mà nói có vô sinh. Tổ sư nói: Sẽ sinh tức chẳng sinh. Hỏi: Người chẳng thấy tánh cũng có thể như vậy chăng? Sư nói: Tự không thấy tánh chẳng phải vô tánh vì sao thế thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức (biết) tức là tánh nên gọi thức tánh Liễu (hiểu) tức là tánh nên gọi liễu tánh. sinh ra muôn pháp nên gọi là pháp tánh, cũng gọi là pháp thân. Tổ sư Mã Minh nói: Nói pháp là nói tâm chúng sinh, vì tâm sinh nên tất cả pháp sinh. Nếu tâm không sinh thì pháp không từ đâù sinh, cũng không có (tên gọi). Người mê không biết pháp thân chẵng có hình tượng ứng với vật mà hiện hình. Bèn nói trúc xanh đều là pháp thân, hoa vàng đều là Bát Nhã. nếu Hoa vàng là

Bát Nhã thì Bát Nhã đồng với vô tình. nếu Trúc xanh là pháp thân thì pháp thân liền đồng với cây cỏ. Như người ăn măng tre thì nói chung là ăn pháp thân. Lời như vậy, đâu kể hết, đối diện mê Phật thì nhiều kiếp mong cầu, trong pháp toàn thể mà mê thì tìm kiếm bên ngoài. Do đó người hiểu đạo thì đi đứng nằm ngồi đều là đạo, vị ngộ pháp thì dọc ngang tự tại không gì chẳng là pháp. Đại đức lại hỏi: Thái hư có thể sinh ra Linh Trí chăng? Chân tâm có duyên với thiện ác chăng? Người tham dục là Đạo chăng? Người chấp phải chấp quấy hậu tâm có thông chăng? Vị gặp cảnh sinh tâm có Định chăng? Người tịch mịch (lặng bặt) có tuệ chăng? Người kiêu ngạo có Ngã chăng? Vị chấp không chấp có có Trí chăng? Người tìm văn làm chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, vị chấp tâm là Phật, trí này có xứng Đạo chăng? Sinh Thiền sư ở chỉ tất cả rõ. Sư nói: Thái Hư không sinh Linh Trí, chân tâm không duyên thiện ác, vị (ham muốn sâu) thì cơ cạn, phải quấy tranh nhau thì chưa thông, vị gặp cảnh sinh tâm thì ít định. Kẻ vắng lặng quên cơ thì tuệ chìm. Kẻ kiêu ngạo cống cao thì Ngã mạnh. Kẻ chấp không chấp có là ngu, kẻ tìm văn làm chứng thì càng vướng. Kẻ khổ hạnh cầu Phật là đều mê, kẻ lìa tâm cầu Phật là ngoại Đạo. Kẻ chấp tâm là Phật là ma. Sư nói: Rốt ráo là Đại đức, không phải là rốt ráo đều không có. Đại đức nói: Nếu thế thì rốt ráo đều không có. Đại đức vui mừng lễ tạ mà lui ra.

***2. Thiền sư Pháp Hội ở lặc Đàm thuộc Hồng Châu Trì Châu.***

Thiền sư Pháp Hội ở lặc Đàm thuộc Hồng Châu hỏi Mã Tổ: Thế nào là ý của Tổ sư Tây Trúc đến? Tổ nói: Tới gần đây nói nhỏ. Khi Sư đến gần thì Mã Tổ đánh mạnh 1 cái và bảo 6 cái lỗ tai chẳng cùng tính chuyện đến, thôi ngày mai hãy đến. hôm sau Sư lại vào Pháp Đường thưa: Xin Hòa thượng nói. Tổ bảo: Đi đi, đợi Lão Tăng khi lên pháp đường thì lại đến, sẽ chứng minh cho ông. Sư bèn ngộ bảo rằng: Tạ ân Đại chúng chứng minh. Bèn đi nhiễu quanh pháp Đường 1 vòng rồi đi.

***3. Thiền sư Trí Kiên ở Sam Sơn, Trì Châu.***

Lúc đầu cùng qui tông, Nam Tuyền hành cước, giữa đường gặp 1 con hổ thì mọi người đều đi qua bên hổ Nam Tuyền hỏi Qui Tông rằng: Vừa rồi thấy hổ giống cái gì. Tông nói giống con mèo. Tông lại hỏi Sư, Sư nói giống con chó. Quy Tông lại hỏi Nam Tuyền, Tuyền nói: Tôi thấy là một con sâu lớn. Sư ăn cơm Nam Tuyền nhặt cơm sống nói là sống. Sư nói không sống Nam Tuyền nói: Không sống cũng là mạt Nam Tuyền đi mấy bước. Sư gọi Trưởng lão, Trưởng lão. Nam Tuyền quay đầu lại hỏi cái gì. Sư bảo chớ nói là vụn vặt. Một hôm mời tất cả nhặt

rau đuôi chồn, Nam Tuyền cầm 1 nhánh nói: Cái này cúng dường rất tốt. Sư nói: Không chỉ cái ấy trăm mùi ngon ngọt cũng không đoái hoài. Nam Tuyền nói: Tuy là như vậy nhưng mà các thứ này cần phải thưởng thức nó mới được. Có vị Tăng hỏi: Thân này xưa nay thế nào? Sư nói: Cả cõi đời này không có thứ giống nó.

***4. Thiền sư Duy Kiến ở lặc Đàm, Hồng Châu.***

Một hôm sư ngồi thiền ở sau Pháp Đường của Mã Tổ. Tổ thấy bèn thổi vào tai Sư. Thổi lần thứ 2 thì Sư xuất định, thấy Hòa thượng thì lại nhập định. Tổ trở về phương trượng, sai thị giả đem cho Sư 1 chén trà. Sư chẳng đoái hoài, liền tự về thất.

***5. Thiền sư Đạo Hành ở Minh Khê, lễ Châu.***

Sư có lúc bảo rằng: Ta bị bịnh nặng thế gian này không trị được. Sau có vị Tăng hỏi Tiêu Tào Sơn, theo người xưa có nói, tôi có bệnh nặng không phải là do thuốc men thế gian mà chữa trị được, không biết gọi là bệnh gì vậy? Tao nói chứa nhóm mà sao được chẳng bịnh. Hỏi: Tất cả chúng sinh lại có bị bịnh này chăng? Tao nói: Mọi người đều có. Hỏi: Vị vị đều có. Vậy Hòa thượng có bị bịnh này chăng? Tao nói: Tìm chỗ sanh khởi chẳng được. Hỏi: Tất cả chúng sinh làm thế nào chẳng bịnh. Tao nói: Nếu Chúng sinh bịnh thì chẳng phải chúng sinh. Hỏi: Chẳng biết chư Phật có bịnh này hay không Tao nói: Có. Hỏi: Đã có làm sao chẳng bịnh? Tao nói phải luôn tỉnh tỉnh. Vị Tăng hỏi: Tu hành thế nào? Sư nói: Ôi, cái ông Sư này chẳng phải khách vị Tăng hỏi: rốt ráo ra sao? Sư nói nhốt lại chẳng được. Vị Tăng lại hỏi: Thế nào là nẻo chánh tu hành? Sư nói: Niết-bàn hậu phải. Vị Tăng hỏi: Thế nào là Niết-bàn hậu phải. Sư nói chẳng rửa mặt. Vị Tăng nói: Để tử chẳng hiểu. Sư nói không có mặt để rửa.

***6. Thiền sư Tuệ Tạng ở Thạch Củng Phủ Châu.***

Xưa Sư làm nghề thợ săn ghét thấy Sa Đệ tử đuổi bầy nai con qua trước am Mã Tổ. Tổ đi ngược lại Tạng hỏi: Hòa thượng có thấy nai chạy qua đây chăng? Tổ hỏi: Ông là ai? Đáp là thợ săn. Tổ hỏi: Ông biết bắn tên chăng? Đáp: Bắn bắn. Tổ hỏi: một mũi tên ông bắn trúng mấy đích? Đáp: một mũi trúng 1 cái. Tổ hỏi ông không biết bắn. Hỏi: Hòa thượng biết bắn tên chăng? Tổ nói biết bắn. Hỏi: Hòa thượng một mũi tên bắn trúng mấy đích Tổ nói một mũi tên bắn trúng 1 bầy. Đáp: Kia đây là mạng đâu cần bắn 1 bầy. Tổ nói ông đã biết Thế sao không tự bắn. Thưa: Nếu dạy con tự bắn thì không chỗ hạ thủ. Tổ nói lão này vô minh phiền não nhiều kiếp ngày nay sớm dứt. lúc Tạng đó quăng hết cung tên tự lấy dao bén cắt tóc lạy Tổ xuất gia. Một hôm đang ở trong

nhà bếp nấu nướng, Tổ hỏi làm gì đó? Đáp: Chăn trâu. Tổ hỏi chăn thế nào? Đáp: Một khi vào cỏ thì nắm mũi kéo lại. Tổ nói: Ông thật chăn trâu. Sư bèn thôi. Sau Sư thường đem việc cung tên ra tiếp cơ (làm sao mặc tịnh bắt hư không). Sư hỏi Tây Đường rằng: Ông biết bắt được hư không chăng? Tây Đường nói: Bắt được. Sư hỏi làm sao bắt? Tây Đường đưa tay nắm hư không. Sư hỏi nắm hư không làm gì. Tây Đường hỏi Sư huynh làm sao bắt Sư kéo mũi Tây Đường kéo mạnh. Tây Đường đau quá la lớn tên giết vị mũi ta muốn sứt. Sư nói: Mặc tình mà bắt hư không đi. Chúng vị Tăng đến tham vấn. Sư hỏi vừa đến sao lại đi đâu? Có vị Tăng nói còn ở đây. Sư hỏi ở đâu? Vị Tăng ấy búng ngón tay 1 tiếng. Vị Tăng đến lễ bái. Sư hỏi có đem cái gì đến chăng? Vị Tăng nói còn ở đây. Sư hỏi ở đâu. Vị Tăng búng ngón tay 3 tiếng. Hỏi làm sao khỏi được sinh tử? Sư hỏi muốn khỏi làm gì. Vị Tăng nói làm sao thoát được. Sư nói Thế sao chẳng sinh tử.

***7. Thiền sư Đạo Thông, ở núi Tử Ngọc Đường Châu.***

Sư là người ở Lô Giang, họ Hà. Thuở nhỏ theo cha trấn thủ ở huyện Nam An ở Tuyền Châu, do đó xuất gia. Đầu năm Thiên Bảo đời đường, Mã Tổ hoằng hóa tại Kiến Dương ở tại núi Phật Tích, Sư đến yết kiến, liền dời về núi Tập Công ở Nam khang, Sư cũng đi theo. Đến tháng 2 Năm Trinh Nguyên 4, Mã Tổ sắp qui tịch gọi Sư bảo rằng: Phàm đá ngọc núi đẹp càng có ích cho Đạo nghiệp của ông gặp thì nên ở. Sư không hiểu lời nói ấy. Mùa Thu đó cùng với Thiền Sư Tự tại ở núi Phục Ngưu đồng đến Lạc Dương. Khi trở về đến phía Tây Đường Châu thì thấy có 1 núi, 4 mặt núi non cao vút đẹp lạ. Nhân hỏi vị làng thì bảo là núi Tử Ngọc Sư bèn leo lên đỉnh thì thấy có tảng đá vuông phẳng óng ánh sắc tím, bèn khen rằng. Đây là ngọc tía. Mới nhớ lại lời Tiên sư đã dự đoán trước. Bèn cất am tranh mà ở. Sau học trò đến đông. Có vị Tăng hỏi: Làm sao ra khỏi 3 cõi? Sư hỏi: Trong đó ông ở bao lâu rồi. Vị Tăng hỏi: Làm sao ra được? Sư nói núi xanh chẳng ngại mây trắng bay. Vu Địch Tướng Công hỏi: Thế nào là gió đen thổi ghe thuyền chìm vào trong nước quỉ La sát? Sư nói: Vu Địch làm khách hỏi để làm gì Vu công thất sắc. Sư bèn chỉ rằng: Cái đó là trôi nổi vào nước quỉ la sát. Vu lại hỏi: Thế nào là Phật? Sư gọi Vu Địch, Vu Địch liền dạ Sư nói lại chẳng tìm riêng cầu.

Năm Nguyên Hòa thứ 8, đệ tử là Kim Tạng đến tham vấn Bách trượng trở về lạy Sư, Sư nói: Ông về đấy à, núi này có chủ rồi. Do đó phó chúc cho Kim Tạng xong, liền cầm tích trượng đi thẳng đến Tương Châu, Đạo tục ra đón. Đến ngày rằm tháng 07 không bịnh mà thị tịch

thọ tám mươi ba tuổi.

***8. Thiền sư ở Nhượng ở Bắc Lan Giang Tây.***

Trưởng lão Hồ Đường Lượng hỏi: Nhờ có Sư huynh được chân dung của Tiên sư nên tạm xin được chiêm lễ. Sư đưa 2 tay vạch bụng cho xem Lương liền đảnh lễ. Sư nói chớ lạy chớ lạy. Lượng nói: Sư huynh lầm rồi, tôi chẳng lạy Sư huynh. Sư nói: Ông lạy Chân dung Tiên Sư. Lượng hỏi: Vì sao dạy tôi đừng lạy? Sư nói sao hiểu lầm?

***9. Thiền sư Như Mãn ở Phật Quang, Lạc Kinh.***

Vua Đường Thuận Tông hỏi: Phật từ nơi nào đến, chết rồi đi về đâu? Đã nói thường ở đời, vậy nay Phật ở đâu? Sư đáp: Phật từ vô vi đến, diệt rồi về vô vi, pháp thân đồng hư không thường ở chỗ vô tâm, có niệm về vô niệm, có trụ về vô trụ, đến vì chúng sinh mà đến, đi vì chúng mà đi, biển chân như thanh tịnh, trống vắng thể thường trụ. Người trí khéo suy nghĩ, chớ nên sinh nghi lo. Vua lại hỏi: Phật ở cung vua sinh, diệt ở Song Lâm diệt, ở đời 49 năm, lại bảo không nói pháp, núi sông và biển lớn, trời đất và nhật nguyệt, thời đến đều mất hết, ai nói chẳng sinh diệt. Nghi tình còn như Thế. Vị trí khéo phân biệt. Sư đáp: Phật thể vốn vô vi, mê tình vọng phân biệt, pháp thân đồng hư không, không hề có sinh diệt, có duyên Phật ra đời, không duyên Phật nhập diệt, nơi nơi độ chúng sinh, giống như trăng trong nước, không thường cũng không đoạn, không sinh cũng không diệt, sinh cũng không hề sinh, diệt cũng không hề diệt, thấy rõ chỗ không tâm, tự nhiên không pháp nói. Vua nghe thì rất vui mừng càng kính trọng Thiên Tông.

***10. Thiền sư Đạo Minh ở Nam Nguyên, Viên Châu.***

Sư lên Pháp Đường nói rằng: “Quất ngựa 1 roi, nói với người 1 lời. Có việc sao chẳng ló đầu ra, không việc đều nên cẩn thận”. Rồi xuống tòa. Có vị Tăng hỏi 1 lời làm sao sinh. Sư mới thè ra nuốt vào rồi nói đợi ta có tướng lưỡi rộng dài thì sẽ nói cho ông nghe.

Động Sơn đến tham vấn sư bèn lên pháp tòa, Sư nói: Đã thấy nhau rồi. Động Sơn liền bỏ đi. Đến sáng hôm sau đến hỏi: Hôm qua đã được Hòa thượng Từ Bi, làm sao biết được chỗ ấy đã thấy con? Sư nói tâm tâm không sen hở, chạy vào biển tánh. Động Sơn nói đã bỏ qua rất lâu Động Sơn bèn từ tạ mà đi. Sư nói: Học nhiều Phật pháp nhiều làm lợi ích. Động Sơn nói: Học nhiều Phật pháp thỉ khỏi hỏi, còn rộng làm lợi ích là sao? Sư nói: Một vật chớ trái là đó. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Phật? Sư đáp: Chẳng thể nói Thế là đó.

***11. Thiền sư Tự Mãn ở Lệ Thôn Hân Châu.***

Sư lên pháp tòa nói rằng: Xưa nay chẳng đổi khác, pháp ấy Thế,

có sao đâu. Tuy Thế, việc lớn đó có vị không làm. Lúc đó Có vị Tăng hỏi: Chẳng lạc vào xưa nay xin sư nói. Sư nói biết rõ ông không làm. Vị Tăng sắp nói, thì Sư bảo Biết là ông sẽ nói Lão Tăng rơi vào xưa nay. Vị Tăng hỏi: Thế nào là đúng? Sư nói: Cá nhảy Bích Hán thềm bậc khó bay. Vị Tăng hỏi làm sao khỏi lỗi này? Sư nói: Nếu là hình rồng thì ai nói cao thấp. Vị Tăng ấy lễ bái, Sư nói khổ thay cong thay, vị nào giống ta? Một hôm Sư bảo chúng rằng: Trừ đi ngày sáng đêm tối lại nói cái gì mà được cẩn thận. Lúc đó Có vị Tăng hỏi: Thế nào là câu không tranh cãi? Sư nói: ồn ào náo động trời đất.

***12. Thiền sư Hồng Ân ở Trung Ấp, Lãng Châu.***

Ngưỡng Sơn lúc mới thọ giới đến tạ giới. Sư thấy đến ở trước giường thiền bèn vỗ tay nói hòa hòa. Ngưỡng Sơn liền đến đứng ở phía Đông Lại qua phía Tây, rồi đến ở giữa. Tạ giới rồi lui ra mà đứng. Sư nói: Chỗ nào được Tam-muội này. Ngưỡng Sơn nói: Ở Tào Khê dạy cái ấn này cho vị đến học). Sư hỏi: Ông nói Tào Khê dùng Tam-muội này tiếp ai? Ngưỡng Sơn nói: Dùng Tam-muội này dẫn dắt Nhất túc giác. Ngưỡng Sơn lại hỏi Hòa thượng chỗ nào được Tam-muội này. Sư nói: Ta ở chỗ Mà Đại sư học được Tam-muội này. Hỏi: Làm sao được thấy tánh? Sư nói: Ví như ngôi nhà, nhà có sáu cửa sổ, trong có 1 con khỉ, chạy bên Đông gọi núi núi núi núi, thuận theo như thế ở sáu cửa đều gọi đều ứng. Ngưỡng Sơn lễ tạ đứng dậy nói: Được Hòa thượng thí dụ đều hiểu. Chỉ có 1 việc nếu con khỉ trong nhà ngủ thì con khỉ bên ngoài muốn thấy phải làm sao? Sư xuống giường Thiền cầm tay Ngưỡng Sơn mà múa và bảo núi núi cùng ngươi thấy nhau rồi. Thí như con sâu làm ổ trên mi mắt của con ruồi ở 10 đầu ngã tư mà kêu rằng. Đất rộng người thưa thì gặp nhau là ít.

***13. Thiền sư Hoài Hải ở núi Bách Trượng, Hồng Châu.***

Sư vị Trường Lạc, Phước Châu. Tuổi nhỏ xuất gia ba Học đều luyện. Thuộc Đại Tịch xiển hóa ở Nam Khang, bèn chuyên tâm nương nhờ. Cùng Thiền sư Trí Tạng ở Tây Đường chung hiệu là Nhập Thất. Lúc đó 2 Đại sĩ nổi tiếng ngang nhau Một đêm 2 Đại sĩ theo hầu mã Tổ ngắm trăng. Tổ hỏi: Chính lúc này làm gì? Tây Đường nói: Chính nên cúng dường. Sư nói chính nên tu hành: Tổ nói kinh vào Tạng Thiền về biển. Mã Tổ thương Đường đại chúng nhóm hợp tổ mới lên ngồi hồi lâu. Sư bèn đem quyển đến trước tòa Tổ mà lễ bái. Tổ bèn xuống tòa. Một hôm Sư đến chỗ Mã Tổ. Pháp Tháp Tổ ở góc giường Thiền mà cầm phất trần chỉ bày. Sư nói: Chỉ cái đó là có riêng. Tổ bèn bỏ chỗ cũ nói rằng: Sau này Ông sẽ làm gì cho vị. Sư bèn phất trần cây đưa ra Tổ

nói: Chỉ cái ấy là riêng có. Sư bèn để phất trần vào chỗ cũ, rồi đứng hầu. Tổ hét. Từ đây tiếng sấm sét gầm thét. Quả nhiên có thí chủ đến xin Sư về ở Tân Ngô giới ở Hồng châu, tại núi Đại hùng, núi non cao vút nên lấy hiệu là Bách Trương. Ở chưa được tháng thì vị đến tham vấn rất đông. Trong đó có qui sơn Hoàng bá đứng đầu. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Phật pháp chẳng phải là việc nhỏ. Lão Tăng xưa được 1 tiếng hét của Mã Đại sư mà cả 3 ngày tai điếc phải mờ. Hoàng bá nghe xong thì thè lưỡi nói con chẳng biết Mã Tổ, lại chẳng thấy mã Tổ. Sư nói: Ông từ nay đệ tử  nối pháp nghiệp Mã Tổ. Hoàng bá nói con không đệ tử  nối pháp Mã Tổ. Hỏi  vì sao Thưa: Từ nay về sau con chôn con cháu. Sư nói: Thế Thế. Một hôm Có vị Tăng khóc vào Pháp Đường. Sư hỏi sao thế? Đáp: Cha mẹ đều mất xin sư chọn ngày. Sư nói: Ngày mai đến 1 lúc chôn luôn. Sư lên Pháp Đường nói: Đều nhân cổ họng môi mép, mau nói tương lai. Qui Sơn nói: Con chẳng nói xin Hòa thượng nói chẳng từ cùng ông nói, rất lâu sau này chôn con cháu ta. Ngũ Phong nói: Hòa thượng cũng đều thế ư? Sư nói: Không có vị chẻ trán trông ông. Vân Nhàm nói: Con có chỗ nói xin Hòa thượng nêu. Sư nói: Đều nhân cổ họng môi mép, mau nói tương lai. Vân Nham nói: Sư nay có vậy. Sư nói chôn con cháu ta. Sư bảo chúng rằng: Ta cần 1 vị truyền lời cho Tây Đường, ai đi được? Ngũ Phong nói: Con đi. Sư hỏi: Ông làm sao truyền lời? Ngũ Phong nói: Đợi thấy Tây đường liền nói. Sư hỏi nói cái gì? Ngũ Phong nói: Đến nói giống Hòa thượng. Sư cùng Qui Sơn làm việc, Sư hỏi có lửa chăng? Quy Sơn nói: Có. Sư hỏi: Ở đâu. Quy Sơn cầm 1 cây gỗ thổi 3 lượng khí qua Sư. Sư nói: Như sâu kêu gỗ. Hỏi: Thế nào là Phật? Sư hỏi ông là ai. Vị Tăng nói là A, B... Sư hỏi ông biết A, B chăng? Vị Tăng nói: Rất rõ ràng. Sư bèn đưa phất trần lên hỏi: Ông thấy chăng  vị Tăng nói thấy. Sư chẳng nói gì. Nhân đó khắp được xin đem chảo xuống đất. Bỗng có 1 vị Tăng nghe tiếng kiểng ăn cơm bèn bưng chảo lên cười lớn mà về. Sư nói: Giỏi thay, đây là Quán Âm vào làng. Sư trở về viện bèn gọi  vị Tăng ấy hỏi rằng: Vừa đến thấy gì, lý lẽ gì? Đáp: rằng: Vừa đến chỉ nghe tiếng trống báo giờ trở về ăn cơm mà đến. Sư cười, lại hỏi: Y kinh giải nghĩa oan cho Phật ba đời, lìa kinh 1 chữ đồng như ma nói là sao? Sư nói: Cố giữ động dụng là cho oan Phật, ba đời ra riêng cầu tức đồng ma nói. Nhân Sư hỏi Tây Đường rằng: Có hỏi có đáp chẳng hỏi chẳng đáp lúc đó là sao? Tây Đường nói: Sợ phỏng thì làm gì? Sư nghe bèn bảo từ đâu đến nghi lão huynh ấy?  Vị Tăng nói xin Hòa thượng nói: Sư nói: 1 hợp tướng chẳng thể được. Sư bảo chúng rằng: Có 1 vị mãi mãi chẳng ăn cơm chẳng nói đói, có 1 vị trọn ngày ăn

cơm nói chẳng no. Chúng đều không đáp. Vân Nham hỏi: Hòa thượng mỗi ngày khu khu là ai. Sư nói: Có 1 vị cầu. Nham hỏi: Vì sao mà không dạy hắn tự làm? Sư nói: Nó không gia hoạt. Vị Tăng hỏi: Thế nào là Đại thừa Đốn ngộ Pháp Môn? Sư nói: Ông hãy dứt hết các duyên, nghĩ hết muôn sự, thiện và bất thiện, thế và xuất thế gian, tất cả các pháp đều chớ ghi nhớ, chớ chuyên niệm, bỏ hết thên tâm khiến nó tự tại, tâm như gỗ đá không chỗ phân biệt. Tâm không hoạt động (sở hành), tâm địa trống vắng thì huệ nhật tự hiện như mây tan thì mặt trời xuất hiện. Tương tợ đều hết tất cả phan duyên, tham sân ái thủ, tình cấu tịnh đều sạch hết. Đối với 5 dục 8 phong chẳng bị thấy nghe hiểu biết buộc ràng chẳng bị các cảnh mê hoặc, tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, là vị giải thoát. Đối với tất cả cảnh, tâm không bịnh hoan, chẳng nhiếp chẳng tan, thấu suốt tất cả thanh sắc không có trệ ngại, gọi đó là Đạo nhân. Chỉ không bị tất cả thiện ác cấu tịnh, các phước trí phải vì thế gian cột trói, liền gọi là Phật huệ. Thi phi tốt xấu, lý hay phi lý các tri kiến đều hết, chẳng bị buộc ràng, xử tâm tự tại, gọi là mới phát tâm Bồ đề liền lên Phật Địa. Tất cả các pháp vốn chẳng tự không, chẳng tự nói là sắc, cũng chẳng tự nói thị phi cấu tịnh, cũng không có vị tâm ràng buộc, chỉ do vị tự hư vọng chấp vướng hiểu đủ mọi thứ, khởi bao nhiêu tri kiến. Nếu tâm cấu tịnh hết, chẳng trụ vào buộc ràng, chẳng trụ vào giải thoát, không tất cả phải vi vô vi, hiểu rõ tâm lượng bình đẳng. Ở trong sinh tử mà tâm luôn tự tại, rốt ráo chẳng cùng trần lao hư huyễn uẩn giới sinh tử, các nhập hòa hợp. Xa vắng không nương, tất cả không vướng víu đi ở vô ngại, tới lui sinh tử như cửa mở toang. Nếu gặp các thứ khổ vui không xứng ý mà tâm vẫn không lui sụt, chẳng nghĩ tiếng tăm ăn uống, chẳng tham tất cả công đức lợi ích, chẳng vướng dính pháp đời, tâm tuy chịu bao khổ vui mà không ôm chặt. Kêu qua loa để sống mặc sơ sài để chống rét. Ngơ ngác như ngu như điếc giống như có chút ít thân phận. Ở trong sinh tử mà rộng học hiểu cầu phước cầu trí ở lý vô ích liền bị gió giải cảnh thổi bay mà về với biển sinh tử. Phật là vị không cầu, cầu thì trái lý, là lý không cầu, nếu cầu liền mất. Nếu lấy (giữ) ở không cầu lại đồng với có cầu, pháp này không thật không hư, nếu hay 1 đời mà tâm như gỗ đá, không bị nhận chìm ấm giới 5 dục 8 phong, thì nhân sinh tử dứt đi đứng tự do, chẳng bị tất cả nhân phải vì trói buộc. Lúc khác cùng với thân không trói buộc mà đồng lợi vật, đem tâm không trói buộc ứng với tất cả tâm, lấy tuệ không trói buộc mà cởi mở các trói buộc. Cũng đúng bịnh mà cho thuốc.

Có vị Tăng hỏi: Như nay thọ giới, thân khẩu đã thanh tịnh rồi,

đủ các thiện có được giải thoát chăng? Đáp: Chỉ giải thoát 1 phần nhỏ, chưa được tâm giải thoát, chưa được giải thoát tất cả. Hỏi thế nào là tâm giải thoát? Đáp: Chẳng cầu Phật chẳng cầu hiểu biết, tình cấu tình dứt hết, cũng chẳng giữ vô cầu này là phải, cũng chẳng trụ vào chỗ dứt hết, cũng chẳng sợ địa ngục trói buộc, chẳng ham vui của thiên đường. Tất cả các pháp chẳng câu chấp, mới gọi là giải thoát vô ngại, tức thân tâm và tất cả đều gọi giải thoát. Ông chớ nói có ít phần giới thiện mà cho là đủ. Có rất nhiều môn vô lậu giới định huệ, đều chưa mảy may bước đến, phải nỗ lực mạnh mẽ sớm làm, chớ đợi tai điếc mắt mờ đầu bạc mặt nhăn, già yếu đến thân mà trong phải ứa lệ, trong tâm sợ sệt chưa có chỗ đi, đến lúc nào sửa sang tay chân chẳng được, dẫu có phước trí học nhiều nhưng chẳng thể cứu nhau vì tâm nhãn chưa mở mang, chỉ duyên niệm các cảnh mà không biết phản chiếu. Lại chẳng thấy Phật đạo, các ác nghiệp đã tạo ra cả 1 đời đều hiện ra trước phải, hoặc mừng hoặc sợ, 5 uẩn 6 đạo hiện tiền đều thấy rõ, nhà cửa cao đẹp thuyền ghe xe cộ đều chiếu sáng rực rỡ. Nếu tự tâm tham ái thì chỗ thấy đều đẹp, tùy chỗ thấy mà thọ sinh chẳng được tự do, rồng súc hèn hạ cũng đều chưa định. Hỏi thế nào là được tự do? Đáp: Như nay đối với 5 dục 8 gió tình không lấy bỏ, cấu tịnh đều quên, như mặt trăng, mặt trời trên không chẳng duyên mà chiếu, tâm như gỗ đá. Cũng như loài hương tượng dứt dòng mà lội qua sông không trở ngại, đây thì trời người thiên đường, địa ngục đều không nhiếp. Lại chẳng đọc kinh xem giáo nói năng đều phải uyển chuyển quay về với chính mình. Chỉ là tất cả ngôn giáo, chỉ nói như nay giác tánh của mình đều chẳng bị chuyển bởi tất cả các cảnh phải vô. Đó là Đạo sư có thể chiếu phá tất cả cảnh pháp hữu vô. Đó là kim cang tức có phần tự do độc lập. Nếu chẳng thế sao được. Dẫu khiến đọc tụng 12 kinh Di Đà thì chỉ thành người Tăng thượng mạn, trở lại phỉ báng Phật không phải là tu hành. Đọc kinh xem giáo nếu theo thế gian thì là việc tốt lành. Nếu ở bên người rõ ràng lý lẽ thì đây là vị ủng tắc (còn bị chướng, bị trói cột). Vị Thập Địa thoát mà không đi lại trở vào sông sinh tử, chỉ không cần tìm hiểu câu chữ lời nói, vì tìm biết thuộc tham, tham thì trở thành bệnh. Như nay chỉ lìa các pháp hữu vô, thấu suốt ngoài 3 cú thì tự nhiên cùng Phật không khác. Đã tự là Phật sao lò Phật chẳng hiểu lời, chỉ sợ không phải là Phật, bị các pháp hữu vô chuyển, không được tự do. Đó là vì lý chưa lập trước có phước trí mang đi như hèn khiến sang, chẳng bằng ở lý trước lập sau mới có phước trí. Gặp lúc thì làm được như nắm đất thành vàng, thấy nước biển thành tô lạc, phá núi Tu Di thành bụi, ở 1 nghĩa làm vô lượng nghĩa, ở vô lượng

nghĩa làm 1 nghĩa. Sư lúc đó nói pháp xong, Đại chúng xuống Pháp đường, bèn gọi lại, đại chúng quay đầu, Sư hỏi: Đó là cái gì. Ngày 17 tháng giêng Năm Đường Nguyên Hòa thứ 9 thì Sư thị tịch, thọ 95 tuổi. Năm Trường Khánh 1, vua ban Thụy là Đại Trí Thiền sư ở, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân.

Thiền Môn qui thức. Bách Trượng Đại Trí Thiền sư ở. Vì Thiền tông bắt đầu từ Thiếu Thất (Tổ Đạt Ma ở Thiếu Lâm Tự) truyền đến Tào Kê đến nay, phần nhiều luật ở chùa tuy là viện riêng song nói pháp trụ trì không hợp qui tắc nên thường mong có qui tắc ấy. Bèn bảo của Tổ muốn khắp giáo hóa để đời sau không mất, há cùng giáo Tiểu thừa tùy làm. Có người nói luận Du Già, kinh Anh Lạc là giới luật Đại thừa sao chẳng làm theo. Tổ nói: Tông ta không hạn cục theo Đại Tiểu thừa, cũng không không khác Đại Tiểu thừa mà phải lộng chiết trung các qui tắc theo. Do đó có sáng ý lập Thiền tông ở riêng, phàm vị đủ Đạo Nhãn có Tôn Đức thì gọi là Trưởng lão. Như ở Tây Vực Đạo cao lạp lớn thì (như) gọi tu Bồ đề. Đã là hóa chủ thì phải ở phương trượng đồng gọi Thất Tịnh Danh không phải là thất riêng không lập điện Phật chỉ có Thọ (cây) Pháp Đường là biểu thì Phật Tổ trao lại cho vị đương đại làm tôn quý, chỗ khen học chúng không nhiều ít không cao thấp. Tất cả đều Thiền đường an bài theo hạ lạp, lập 1 cái giường lớn để mắc áo và quái tháp đạo cụ, nằm phải phải gối đầu ở mép giường nằm nghiêng hông phải mà ngủ thế Cát Tường, vì ngồi thiền đã lâu nên nằm yên dưỡng hơi mà thôi (chứ không thật ngủ cho sướng thân), đủ 4 oai nghi. Trừ khi vào Thiền Thất xin ích (hỏi học) mặc tình học tập siêng lười hoặc cao thấp không theo chuẩn mực. Trong viện ấy đại chúng sáng học chiều hợp. Trưởng lão lên Pháp Đường thì cùng lên ngồi chủ việc đồ chúng đứng có hàng ngũ nghe rõ. Khách chủ hỏi đáp trình bày tông yếu, thì theo pháp mà đứng. Ăn uống phải theo 2 thời mỗi ngày cần phải tiết kiệm biểu thị cho pháp thực đều hưởng. Hạnh khắp xin pháp trên dưới đều gắng sức. Đặt 10 việc gọi là Liêu Xá (phòng nhà), mỗi liêu xá có 1 vị đứng đầu quản chế nhiều vị, quản chế công việc cho êm thấm. Nếu có vị giả danh lén vào phá chúng gây ồn náo thì vị Duy Na kiểm tra xử lý đuổi ra khỏi viện, cốt để an chúng. Nếu có kẻ sai phạm thì lấy gậy mà đánh, tập hợp chúng đốt đốt y bát đạo cụ đuổi đi từ ngõ riêng mà ra để biết nhục. Biết rõ điều luật này có 4 lợi ích: 1 là không làm ô nhiễm chúng, sinh tâm kính tín; 2 là chẳng phá hủy hình tướng vị Tăng, tuân theo luật Phật; 3 là chẳng quấy rối công môn, tranh chấp kiện cáo cãi vả, 4 là không rò rỉ ra ngoài với thí chủ việc xấu của Tông cang.

Hạnh riêng của Thiền môn do ngài Bách trượng lập ra đầu Tiên, nay lược nêu đại yếu để người sau hiểu qua khiến không quên gốc. Ngoài ra pháp tắc qui cũ các sơn môn đều đầy đủ.

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 7

Thiền sư Hoài Nhượng trong đời thứ 2 có 45 vị.
Đệ tử nối pháp Mã Tổ (18 vị có Ngữ lục)
1. Thiền sư Tổng Ấn ở núi Tam Giác Đàm Châu
2. Thiền sư Bảo Vân ở núi Lỗ Tổ Trì Châu
3. Thiền sư Thường Hưng ở Lặc Đàm Hồng Châu
4. Thiền sư Trí Tạng ở Tây Đường Kiền Châu
5. Thiền sư Hoài Uẩn ở chùa Chương Kính Kinh Triệu
6. Thiền sư Minh Triết ở Bách Nham Định Châu.
7. Thiền sư Đại Nghĩa ở Nga Hồ Tín Châu
8. Thiền sư Tự Tại ở núi Phục Ngưu
9. Thiền sư Bảo Tích ở Bàn Sơn U Châu
10. Thiền sư Thái Dục ở núi Phù Dung Tỳ lăng
11. Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma Cốc Bồ Châu
12. Thiền sư Tề An ở Diêm Quan Hàng Châu
13. Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết Vụ châu
14. Thiền sư Pháp Thường ở núi Đại Mai Minh Châu
15. Thiền sư Duy Khoan ở Điển Thiện Kinh Triệu
16. Thiền sư ở Như Hội Hồ Nam
17. Thiền sư Vô Đẳng ở Ngạc Châu
18. Thiền sư Trí Thường ở Chùa Quy Tông Lô Sơn
19. Thiền sư Thanh Hạ ở núi Chữ Kính Thiều Châu
20. Thiền sư Duy Kiến ở núi Tử Âm
21. Thiền sư Hồng Duệ ở Phong Sơn
22. Thiền sư Thần Ngoạn ở Luyện Sơn,
23. Thiền sư Đạo Viên ở Quật Sơn
24. Thiền sư Ngọc Đài ở Duy Nhiên
25. Thiền sư Đàm Ký ở Khôi Sơn-Trì Châu
26. Thiền sư bảo Tích ở Kinh Châu chùa Tâm
27. Thiền sư Pháp Tạng ở Phủ Hà Trung

28. Thiền sư Lương Tân ở chùa Từ Bi Hán Nam
29. Thiền sư sùng ở Phủ Kinh triệu
30. Thiền sư Nam Nhạc ở Trí Châu
31. Thiền sư Pháp Tuyền ở Bạch Hổ
32. Thiền sư Duy Trực ở Kim Quật
33. Thiền sư Thường Triệt ở Bách Nham Thai Châu
34. Thiền sư ở Huy Càn Nguyên
35. Thiền sư ở Đạo Nham Tề Châu
36. Thiền sư Thường Kiên ở Tương Châu
37. Thiền sư Tịnh Tông ở Vân Thủy
38. Thiền sư Bảo Trinh ở Kinh Nam
39. Thiền sư Linh Thoan ở Chùa Vĩnh Thái-Kinh Châu
40. Thiền sư Viên Sướng ở núi Long Nha Đàm Châu
41. Thiền sư Đạo Phương ở Song Lãnh Hồng Châu
42. Thiền sư Tu Quảng ở núi La Phù
43. Thiền sư Định Khánh ở Hiện Sơn
44. Thiền sư Duy kiến ở Động Tuyền Việt Châu
45. Thiền sư Phổ Mãn ở Quang Minh

(27 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

*** Đệ tử nối pháp đời thứ 2 của Thiền sư Hoài Nhượng**

***1. Thiền sư Tổng Ấn ở núi Tam Giác, Đàm Châu.***

Có vị Tăng hỏi thế nào là Tam bảo. Sư nói: Lúa nếp đậu, thưa rằng: Học trò chẳng hiểu. Sư nói: Đại chúng vui vẻ vâng làm. Sư lên Pháp Đường nói nếu luận việc này, chê bỏ trên lông mày sớm đã sai lầm. Ma Cốc liền hỏi chê bỏ trên lông mày không cần nói thế nào là việc này? Sư nói sai lầm. Ma Cốc bèn kéo thiền sàng lên. Sư liền đánh Ma Cốc không nói gì.

***2. Thiền sư Bảo Vân ở núi Lỗ Tổ, Trì Châu.***

Hỏi: Thế nào là Thầy chư Phật? Sư nói: Trên đầu có mũ báu thì không phải vị Tăng hỏi thế nào là phải. Sư nói: Trên đầu không có mũ báu. Động Sơn đến tham lễ, lạy xong đứng hầu 1 bên, chút sau liền lui ra. Rồi lại vào. Sư hỏi: Vì sao, vì sao Thế? Động Sơn nói rất có vị không chịu. Sư nói làm sao tin lời luận của ông. Động Sơn bèn ở hầu sư mấy tháng. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là nói chẳng nói? Sư hỏi miệng ông ở đâu. Vị Tăng nói không có miệng. Sư hỏi lấy gì ăn cơm? Vị Tăng không đáp được. (Động Sơn đáp thay: Nó không đói, ăn cơm làm gì). Bình thường lúc thấy vị Tăng đến Sư xoay mặt vào vách, Nam Tuyền nghe

việc bèn nói: Tôi thì bình thường hướng về vị Tăng mà nói, hướng về Phật chưa ra đời mà hiểu lấy, còn chẳng được 1 cái hay nửa cái ông ấy vì sao mà bỏ xa năm tháng theo con lừa?

***3. Thiền sư Thường Hưng ở lặc Đàm, thuộc Hồng Châu.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là khách môn hạ của Tào Khê. Sư nói về phía Nam đến Yên. Vị Tăng nói để tử không hiểu. Sư nói nuôi Vũ hầu gió thu. Vị Tăng hỏi: Thế nào là việc cuối cùng của Tông thừa. Sư nói: Mưa thu cỏ rời ra. Lại Nam Tuyền đích thân đến gặp Sư xoay mặt vào vách liền vỗ lưng Sư. Sư hỏi: Ông là ai? Đáp: Phổ Nguyện. Sư hỏi là sao? Đáp: Tầm thường. Sư nói: Sao Ông nhiều chuyện.

***4. Thiền sư Trí Tạng ở trụ tây Đường, Kiền Châu.***

Sư người ở Kiền Hóa, họ Liêu. 8 tuổi theo thầy, 25 tuổi thọ cụ túc giới. Có thầy tướng xem thấy biểu hiệu khác thường bảo rằng: Thầy cốt khí phi phàm thường phụ giúp Pháp Vương. Sư bèn đến núi Phật tích tham lễ Sư đại tịch, cùng là bạn học với Thiền sư Hoài Hải ở Bách Trượng, đều được ấn ký. Một hôm Đại tịch sai Sư đến Trường An đưa thư cho Quốc Sư Trung. Quốc Sư hỏi: Thầy ông nói pháp gì? Sư từ Đông đi qua Tây mà đứng. Quốc Sư nói: Chỉ riêng có cái đó thôi à? Sư lại qua Đông mà đứng. Quốc Sư hỏi: Cái đó là của Mã Sư, Nhân giả làm gì? Sư nói: Sớm giống Hòa thượng thôi. Lại sai đưa thư đến Kính Sơn và Quốc Nhất Thiền sư ở thuộc dòng đệ tử nối pháp pháp của Liên Sư, xin Đại Tịch về phủ mà hoằng hóa. Sư trở về quận thì được Đại tịch trao cho y ca sa khiến người học gần gũi Có vị Tăng hỏi Mã Tổ xin Hòa thượng lìa 4 cú dứt trăm lỗi, chỉ thẳng cho con ý Tây Trúc đến? Tổ nói: Ta hôm nay không tâm tình, ông đi hỏi Trí Tạng. Vị Tăng ấy bèn đến hỏi Sư. Sư nói sao ông không hỏi Hòa thượng. Vị Tăng nói Hòa thượng bảo tôi đến hỏi Thượng tọa. Sư lấy tay sờ đầu bảo: Hôm nay đầu đau (nhứt đầu), ông đến hỏi Hải Sư huynh. Vị Tăng đến hỏi Hải (Bách Trượng), hải nói tôi tới đây chẳng hiểu. Vị Tăng bèn đem câu hỏi (câu chuyện) hỏi Mã Tổ, tổ nói: Tạng đầu trắng, Hải đầu đen. Mã Tổ 1 hôm hỏi Sư rằng: Sao ông chẳng xem kinh. Sư hỏi kinh há khác chăng? Tổ nói tuy nhiên Thế, ông về sau vì vị cũng phải được. Đáp: Trí Tạng con bịnh nghĩ tự nuôi, dám nói vì vị. Tổ nói: Ông cuối Năm phải hưng thịnh ở đời. Mã Tổ tịch rồi, Năm Đường Trinh Quán 7 Sư được chúng xin mở Pháp đường. Lý Thượng Thư Cao từng hỏi vị Tăng: Mã Đại sư có nói giáo gì? Vị Tăng đáp: Đại sư hoặc nói tức tâm tức Phật hoặc nói phi (chẳng) tâm phi (chẳng) Phật. Lý nói đều lỗi ở 1 bên. Lý đến hỏi Mã Đại sư có nói giáo gì. Sư gọi Cao! Cao dạ. Sư nói trống sừng động! Chế Không

Thiền sư ở bảo Sư mặt trời mọc sáng sớm. Sư nói: Đúng lúc. Sư ở Tây Đường. Sau có 1 Tục sĩ đến hỏi: Có thiên đường đệ nhất chăng? Sư nói: Có. Hỏi có Phật pháp vị Tăng Bảo chăng? Sư đáp: Có. Lại có nhiều vị đến hỏi đều đáp có. Hỏi Hòa thượng nói chẳng lầm chứ? Sư hỏi: Ông có từng hỏi các tôn túc chăng. Đáp: Con từng đến hỏi Kính Sơn Hòa thượng. Sư hỏi Kính Sơn nói với ông thế nào? Đáp: Ngài nói tất cả đều không. Sư hỏi: Ông có vợ chăng? Đáp: Có. Sư hỏi Kính Sơn Hòa thượng có vợ chăng? Đáp: Không. Sư nói: Hòa thượng Kính Sơn ở nói không là đúng. Tục sĩ lạy tạ mà lui. Ngày mồng 8 tháng 4 Năm Nguyên Hòa 9 thì Sư tịch thọ 80 tuổi, lạp 55. Vua Hiến Tông ban Thụy là Đại tuyên giáo Thiền sư ở, tháp hiệu Nguyên Hòa chứng chân. Đến đời vua Mục Tông lại ban Thụy là Đại Giác Thiền sư ở.

***5. Thiền sư Hoài Vẩn ở chùa Chương Kính phủ Kinh Triệu.***

Sư vị Đồng An ở Tuyền Châu, họ Tạ, được Đại tịch trao tâm ấn. Lúc đầu ở Bách Nham, Định Châu, kế đến ở núi trung điều. Năm đầu Đường Nguyên Hòa thứ nhất vua Hiến Tông ban chiếu mời Sư ở chùa Thượng Huyền, người học tìm đến rất đông. Sư lên Pháp Đường dạy chúng rằng: Chí lý phải quên lời, người đương thời không biết, chỉ quen theo việc khác cho là công năng, mà không biết tự tánh vốn chẳng phải trần cảnh, đó là môn Đại giải thoát vi diệu. Nếu có soi biết thì chẳng nhiễm chẳng ngại, sáng suốt Thế không hề nghĩ bỏ. Từ kiếp xưa đến nay chắc chắn không thay đổi, cũng như mặt trời xa gần đều chiếu, tuy đến các sắc mà không cùng tất cả hòa hợp, đuốc linh rất sáng không nhờ rèn đúc. Vì chẳng hiểu nên chấp chặt ở hình tướng vật tượng. Chỉ như nháy (bịnh) phải vọng khởi hoa đốm, uổng công cực nhọc nhiều kiếp. Nếu hay phản chiếu (tự xét) thì không có vị thứ 2, mọi hành động việc làm đều không thiếu (trái) thật tướng. Có vị Tăng hỏi tâm pháp đều mất sẽ đi về đâu? Sư nói: (?). Thưa: Xin sư không phản lời nói. Sư nói: Tức không câu phản. Hòa thượng Bách trượng sai 1 vị Tăng đến rình đợi khi Sư lên Pháp đường xong liền trải tọa cụ lạy Sư xong đứng dậy cầm chiếc hài lấy vạt áo lau bụi xong rồi đạp lên. Sư nói: Lão Tăng tội lỗi. Có người hỏi: Tổ sư Truyền Tâm Địa Pháp Môn là tâm chân như hay tâm vọng tưởng, là tâm không phải chân không phải vọng hay là tâm ngoài giáo 3 thừa riêng lập? Sư hỏi: Ông có thấy không trước phải chăng? Đáp: Tin biết luôn ở trước phải mà vị tự không thấy. Sư nói: Ông chớ nhận ảnh tượng. Đáp: Hòa thượng làm sao? Sư lấy tay khoát khoát khoảng không 3 lượt bảo: Làm sao là thế. Sư nói: Ông sau hội này mà ở lại đây. Có 1 vị Tăng đi nhiễu quanh Sư 3 vòng chống tích trượng mà

đứng. Sư nói đúng đúng. Vị Tăng ấy bèn đến ngài Nam Tuyền cũng đi nhiễu 3 vòng chống tích trượng mà đứng. Nam Tuyền nói không đúng, không đúng. Đây là sức gió chuyển thỉ chung thành hoại. Vị Tăng nói ngài Chương Kính nói đúng, sao Hòa thượng nói không đúng? Nam tuyền nói: Chương Kính đúng đúng mà ông không đúng. Có 1 tiểu Sư đi hành cước về, Sư hỏi ông rời đây mấy năm rồi? Đáp: Rời Hòa thượng trước sau 8 năm. Sư hỏi: Làm được cái gì? Tiểu Sư vạch trên đất 1 vòng tròn. Sư nói chỉ có cái đó thôi ư? Tiểu Sư liền xóa vòng tròn. Sau lễ Sư Tăng hỏi: Trong thân 4 đại 5 uẩn thì cái gì là Phật tánh xưa nay? Sư bèn gọi tên vị Tăng, vị Tăng dạ. Hồi lâu sư bảo: Ông không có Phật tánh. Năm Đường Nguyên Hòa 13, ngày 22 tháng 12 sư thị tịch. Dựng tháp Sư ở Bá Thủy vua ban Thụy là Đại Giác Thiền sư ở, tháp hiệu là Đại bảo Tướng.

***6. Thiền sư Minh Triết ở Bách Nham, Định Châu:***

Từng thấy Hòa thượng Dược Sơn ở xem kinh, nhân đó nói rằng: Hòa thượng chớ gạt người tốt. Dược Sơn để kinh xuống hỏi: Còn sớm hay đã muộn? Sư nói đúng ngọ. Dược Sơn nói cũng có văn thái. Sư nói con cũng không. Dược Sơn nói Lão huynh rất thông minh. Sư nói: Con làm sao, Hòa thượng làm sao? Dược Sơn nói què què, thiếu thiếu trăm xấu ngàn vụng, sao cho qua thời.

***7. Thiền sư Đại Nghĩa ở Nga Hồ Tín châu.***

Sư vị tụ Giang, Cù Châu, họ Từ. Lý Cao từng hỏi sư rằng: Đại Bi dùng ngàn tay ngàn mắt để làm gì? Sư nói: Nay vua dùng ông để làm gì? Có 1 vị Tăng xin làm (bỏ) tháp. Lý Thượng Thư hỏi: Trong giáo chẳng cho đem thây để dưới tháp thì làm sao? Vị Tăng không đáp được bèn đến hỏi sư. Sư nói đó là Đại Xiển Đề. Vua Đường Hiến Tông mời Sư vào cung ở điện Lân Đức mà nghị luận. Có 1 Pháp sư hỏi: Thế nào là tứ đế? Sư nói Thánh thượng 1 Đế, 3 Đế sao có. Lại hỏi: Dục giới không có thiền, thiền ở sắc giới, cõi này dựa vào đâu mà lập thiền. Sư nói Pháp sư chỉ biết dục giới không có thiền, mà không biết thiền giới không có dục. Pháp sư hỏi: Thế nào là thiền? Sư lấy tay điểm trên không. Pháp sư không đáp được. Vua hỏi: Pháp sư giảng vô cùng kinh luận chỉ có 1 điểm ấy còn chẳng làm sao. Sư liền hỏi các Thạc Đức (Cao Đức) rằng: Đi đứng nằm ngồi rốt ráo lấy gì làm Đạo? Có người đáp: Biết là Đạo. Sư nói không thể lấy trí mà biết, không thể dùng thức mà biết, sao được biết là Đạo. Có người nói: Không phân biệt là Đạo. Sư nói hay khéo phân biệt các pháp tướng, ở Đệ nhất nghĩa mà không động, sao được không phân biệt là Đạo. Có người nói: 4 Thiền 8 Định

là Đạo. Sư nói thân Phật vô vi chẳng rơi vào các số, sao lại ở 4 thiền 8 định ư? Chúng đều cứng họng. Sư lại nêu vua Thuận Tông hỏi Thi Lợi Thiền sư ở rằng: Đại địa chúng sinh làm sao được thấy tánh thành Phật? Thi Lợi nói: Phật tánh như trăng trong nước có thấy được mà lấy không được, nhân đó bảo vua rằng: Phật tánh không phải thấy mà tâm thấy, trăng trong nước làm sao nắm được. Vua bèn hỏi: Thế nào là Phật tánh? Sư đáp: Chẳng lìa chỗ hỏi của bệ hạ. Vua làm thinh khế hợp chân tông, càng thêm cung kính. Năm Nguyên Hòa 13, ngày mồng 7 tháng giêng thì Sư thị tịch, thọ 74 tuổi. Vua ban thụy là Tuệ Giác Thiền sư ở, tháp hiệu là kiến tánh.

***8. Thiền sư Tự Tại ở núi Phục Ngưu, Y Khuyết.***

Sư vị Ngô Hưng họ Lý. Lúc đầu nương Thiền sư Quốc Nhất ở Kính Sơn mà thọ cụ giới. Sau ở Nam Khang gặp ngài Đại Tịch mà phát minh tâm địa. Nhân vì Đại ịch mà đưa thư cho Quốc Sư Trung. Quốc Sư hỏi rằng: Mã Đại sư lấy gì chỉ chúng? Đáp rằng tức tâm tức Phật. Quốc Sư hỏi: Nói lời gì đó? Hồi lâu lại hỏi: Ngoài đây lại có nói giáo gì? Sư nói phi tâm phi Phật. Có người hỏi chẳng phải tâm chẳng phải Phật hay chẳng là vật? Quốc Sư nói cũng giống một chút Sư nói. Mã Đại sư ra sao, không biết Hòa thượng với câu hỏi này thì thế nào? Quốc Sư nói: 3 điểm như nước chảy, cong tợ lưỡi liềm cắt cỏ. Sư sau về ở núi Phục Ngưu. Một hôm bảo chúng rằng: Tức tâm tức Phật là câu không bịnh mà cầu bịnh, phi tâm phi Phật là câu thuốc để trị bệnh. Vị Tăng hỏi: Thế nào là câu thoát sái để (Thế nào là tự tại?) Sư nói: Truyện xưa nay ở núi Phục Ngưu. Sau Sư tịch ở chùa Khai Nguyên tại Tùy Châu thọ 81 tuổi.

***9. Thiền sư Bảo Tích ở Bàn Sơn, U Châu.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đạo? Sư nói Ra! Vị Tăng nói Đệ tử chưa hiểu ý chỉ. Sư nói đi! Sư lên Pháp đường dạy chúng rằng: Tâm nếu vô sự, thì muôn tượng chẳng sinh, ý dứt huyền cơ, tiêm trần (mảy may) nào lập. Đạo vốn không thể, nhân Đạo mà lập tên, Đạo vốn không tên, nhân tên mà được gọi. Nếu nói tức tâm tức Phật, thời này (lúc này) chưa vào huyền vi. Nếu nói phi tâm phi Phật, thì cũng chỉ là dấu chân mà thôi. Một nẻo Hướng Thượng (tu thiền?) ngàn Thánh chẳng truyền, kẻ học nhọc nhằn như vượn bắt bóng. Phàm Đại Đạo không có giữa thì ai là trước sau. Lặng bặt dứt sạch thì cần gì phải suy lường. Đã không như đây thì Đạo sao lại nói, phàm mặt trăng tâm riêng chiếu ánh sáng lấn át (nuốt) cả muôn tượng, ánh sáng chẳng chiếu cảnh mà cảnh cũng chẳng còn, ánh sáng và cảnh đều mất thì còn là vật gì. Này các thiền đức, ví

như quăng kiếm lên không, dẫu tới hay không tới thì khoảng không chẳng vết tích kiếm nhọn kia cũng không thiếu? Nếu hay Thế mà tâm tâm vô tri, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức vị, vị và Phật không khác thì mới là Đạo vậy. Này các Thiền Đức, ở trong đó mà học Đạo giống như đất mọc núi chẳng cần biết núi cao vót, như đá ngậm ngọc chẳng cần biết ngọc không vết. Phải Thế mà xuất gia. Nên Đạo sư nói pháp vốn chẳng ngại nhau, 3 đời cũng lại Thế. Vị vô vi vô sự cũng là nạn (khó) khóa vàng. Do đó mà nguồn linh riêng chiếu, Đạo dứt không sinh. Đại trí chẳng sáng, chân không chẳng dấu vết. Thật như phàm Thánh đều là mộng nói (lời mộng), Phật và Niết-bàn đều là lời thêm. Này các Thiền Đức lại phải tự xem không vị thay thế 3 cõi không pháp thế chỗ nào mà cầu tâm, 4 đại vốn không Phật y đâu mà trụ. Tuyền ky (đồ xem thiên văn) chẳng động lặng lẽ không lời. Xem mặt nhìn nhau toàn không việc khác. Hãy cẩn thận.

Khi Sư sắp tịch bảo chúng rằng: Có ai vẽ (mô trái) được cái chân (hình thể của ta) của ta chăng? Chúng đều vẽ (trái) chân trình Sư, sư đều đánh. Đệ tử là Phổ Hóa nói rằng: Con vẽ (mô trái) được. Sư hỏi sao không trình là giống Lão Tăng Phổ Hóa liền đánh câu đấu mà đưa ra. Sư nói: Gả này về sau như gió bão mà tiếp vị đây. Khi Sư tịch rồi thì vua ban thụy là Ngưng Tịch Đại sư, tháp hiệu Chân Tế.

***10. Thiền sư Thái Dục ở núi Phù dung, Tỳ lăng.***

Sư người ở Kim lăng, họ Phạm. Năm 12 tuổi lạy Thiền sư Trung ở đời thứ 6 ở núi Ngưu Đầu mà cạo tóc (xuất gia), Năm 23 tuổi ở chùa An Quốc Kinh Triệu mà thọ cụ giới. Sau gặp Đại Tịch ngầm truyền ý Tổ. Năm Đường Nguyên Hòa 13, Sư về ở tại núi Phù Dung, Nghĩa Hưng, Tỳ lăng. Một hôm nhân ngồi ăn với bàng Cư sĩ. Cư sĩ sau Sư nói: Sinh tâm nhận của thí của Tịnh Danh sớm quở trách bỏ 1 cơ hội này Cư sĩ cam tâm chăng? Cư sĩ nói: Lúc bấy giờ Thiện Hiện lẽ nào không làm nhà? Sư nói: Không liên quan đến việc khác. Cư sĩ nói: Cơm đến bên miệng thì bị nó (đó) cướp đi. Sư bèn bỏ ăn. Cư sĩ nói không tiêu 1 câu. Cư sĩ lại hỏi Sư: Mã Đại sư chấp thật vào chỗ vì vị, lại giao phó cho thầy ta chăng? Sư nói: Tôi còn chưa thấy ông ta làm sao biết ông ta chấp thật. Cư sĩ nói: Chỉ sự thấy biết này cũng không phải là chỗ dẹp bỏ. Sư nói: Cư sĩ cũng chẳng được 1 mực nói thế Cư sĩ nói: 1 mực nói thế Sư lại mất Tông. Nếu làm 2 hướng, 3 hướng, Sư lại mở được miệng chăng? Sư nói: Giống như mở miệng mà chẳng được thì có thể gọi là thật. Cư sĩ vỗ tay mà ra. Trong Niên hiệu Bảo Lịch, Sư về Tề Vân mà thị tịch, thọ 80 tuổi, lạp 58. Năm Đại Hòa 2 thì vua ban Thụy là Đại Bảo Thiền sư ở,

tháp hiệu lăng Già.

***11. Thiền sư ở Bảo Triệt, ở núi Ma Cốc, Bồ Châu.***

Một hôm, theo Mã Tổ, kế hỏi rằng: Thế nào là Đại Niết-bàn? Tổ nói gấp. Sư hỏi gấp cái gì. Tổ nói xem nước. Sau đó Sư cùng Đơn Hà dao núi, thấy cá trong nước thì lấy tay chỉ. Đơn Hà nói thiên nhiên thiên nhiên. Hôm sau Sư lại hỏi Đơn Hà: Hôm qua ý thế nào? Đơn Hà bèn buông mình nằm xuống. Sư nói: Trời xanh. Lại cùng Đơn Hà đến núi Ma cốc. Sư nói: Tôi vào ở trong đó. Đơn Hà nói: Ở thì tạm thời vẫn theo, có cái đó cũng không. Sư nói cẩn thận. Có vị Tăng hỏi: 12 phần giáo tôi chẳng nghi, thế nào là ý Tổ sư ở Tây Trúc đến? Sư bèn đứng dậy lấy gậy múa (xoay) quanh thân 1 vòng rồi đưa lên 1 chân, hỏi: Hiểu chăng? Vị Tăng không đáp được. Sư bèn đánh. Vị Tăng hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Sư làm thinh. Đam Nguyên hỏi 12 mặt của Quán Âm là phàm hay Thánh? Sư nói là Thánh. Đam Nguyên đánh sư 1 tát. Sư nói biết ông chẳng đến được cảnh giới ấy.

***12. Thiền sư Tề An ở Viên Hải Xương, Trấn Quốc-Diêm Quan thuộc Hàng Châu.***

Sư người ở quận Hải Môn, họ Lý. Khi sinh ra Sư có ánh sáng thần chiếu rọi trong nhà, lại có Tăng lạ đến bảo rằng lập tràng vô thắng khiến Phật Nhật hồi chiếu, há chẳng phải là ngươi sao? Bèn nương Thiền sư Vân Tông ở Bổn quận mà xuất gia thọ cụ túc giới. Sau nghe ngài Đại Tịch hành hóa ở núi Tập công bèn chống tích trượng mà đến. Sư có tướng kỳ lạ, Đại Tịch vừa thấy thì biết là Thâm khí, bèn bảo vào thất ngầm truyền chánh pháp. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là bản thân của Phật Lô Xá Na? Sư nói đem cho tôi cái bình đồng kia. Vị Tăng bèn đem Tịnh Bình đến. Sư bảo đem đặt vào chỗ cũ. Vị Tăng đặt bình vào chỗ cũ xong, liền đến lại hỏi Sư câu ấy. Sư nói Cổ Phật đã qua lâu rồi. Có giảng vị Tăng chuyên giảng thuyết đến tham vấn. Sư hỏi Tọa chủ đã làm nghiệp gì? Đáp: Giảng kinh Hoa Nghiêm. Sư hỏi: Có mấy thứ pháp giới. Đáp: Nói rộng thì lớp lớp vô tận, lược nói thì có 4 thứ pháp giới. Sư dựng cây phất trần hỏi: Cái này là pháp giới thứ mấy? Tọa chủ trầm ngâm suy nghĩ câu trả lời. Sư nói: Suy tư nghĩ ngợi mà biết mà hiểu là kế sống của loài quỉ là ngọn đèn con dưới ánh mặt trời, quả nhiên mất ánh sáng. Có vị Tăng hỏi ngài Đại Mai thế nào là ý Tây Trúc đến? Ngài Đại Mai nói Tây Trúc đến không có y. Sư nghe bèn nói: 1 cái quan tài 2 thây chết! Sư gọi thị giả bảo rằng: Đem cái quạt tể giác ra đây. Thị giả nói: Hư rồi. Sư nói: Quạt hư thì đưa tê giác cho ta. Thị giả không đáp được. Một hôm Sư bảo chúng rằng: Hư không làm trống, núi Tu Di làm chày, vị nào đánh được.

Chúng không đáp được. Có Thiền sư Pháp Không đến xin hỏi các nghĩa trong kinh, Sư mỗi mỗi đều đáp xong, liền bảo: Từ khi Thiền sư ở đến đây bần đạo chưa được làm chủ nhân. Pháp không nói xin Hòa thượng làm chủ nhân. Sư nói: Hôm nay tối rồi, về chỗ cũ đi, ngày mai đến. Pháp không liền đi. Sáng hôm sau Sư sai Sa di ra khuất phục? Thiền sư Pháp Không. Pháp không đến, Sư ngoái nhìn Sa di bảo: Này, Sa di không biết việc kia ra khuất phục Thiền sư Pháp Không. Liền khuất phụ được. Vị giữ Pháp Đường đến, pháp không chẳng nói gì. Pháp Hân Viện chủ đến tham vấn. Sư hỏi: Ông là ai? Đáp: Pháp thân. Sư nói: Tôi chẳng biết ông. Hân chẳng nói gì. Sau Sư không bịnh mà ngồi yên thị tịch. Vua ban Thụy là Ngộ Không Thiền sư.

***13. Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết, Vụ Châu.***

Sư vị Tỳ lăng họ Tuyên. Lúc đầu đến yết kiến Mã Đại sư Dự Chương. Mã tiếp nhân đó cạo tóc và thọ cụ giới. Sau đến yết kiến Hòa thượng thiện ở Thạch Đầu, trước tự ước rằng: Nếu 1 lời nói khế hợp nhau ta sẽ ở đây, không phải thế thì đi. Thạch Đầu biết là pháp khí bèn cẩn thận khai thị. Sư không hiểu ý bèn cáo từ mà đi. Khi ra đến cửa. Thạch Đầu gọi lớn Xà Lê! Sư ngoái đầu nói từ sinh ra đến già chỉ là cái ấy, ông chớ. Sau lời nói Sư đại ngộ, bèn đập gãy cây gậy mà ở lại đấy. Năm Đường Trinh Nguyên 1, Sư vào núi Thiên Thai ở tại Đạo Tràng Bạch Sa, rồi đến ở Ngũ Tiết. Có vị Tăng hỏi: Vật nào lớn nhất trời đất? Sư nói: Không ai biết được nó. Vị Tăng hỏi: Lại chạm trổ mài giũa cũng không? Sư nói: Ông thử ra tay xem? Vị Tăng hỏi: Trong môn này việc trước sau thế nào? Sư nói: Ông nói việc trước mắt đến lúc thành tựu thì có thể trải qua lâu mau? Vị Tăng nói Đệ tử không hiểu. Sư nói trong đây không có câu hỏi của ông. Vị Tăng nói há Hòa thượng không chỗ tiếp vị ư? Sư nói đợi ông cầu ta liền tiếp. Vị Tăng nói xin Hòa thượng tiếp đi. Sư hỏi: Ông thiếu cái gì? Vị Tăng hỏi: Làm sao được vô tâm? Sư nói: Xô núi lật biển vẫn yên tịnh, đất động ngủ yên há tính suy. Ngày 23 tháng 3 Năm Nguyên Hòa 13 Sư tắm gội đốt hương ngồi nghiêm bảo chúng rằng: Pháp thân thị tịch bày ra có tới lui, ngàn Thánh đồng nguồn muôn linh về 1. Ta nay bọt tan mà giả có hưng suy chớ nên nhọc thần hãy giữ chánh niệm. Nếu tuân giữ lời này là thật báo ân ta. Nếu ai trái lời ta thì không phải con ta. Lúc đó Có vị Tăng hỏi Hòa thượng sẽ đi về đâu? Sư nói không có chỗ đi. Hỏi: Sao con không thấy? Sư nói không phải phải thấy. Nói xong thì an nhiên mà tịch. Sư thọ 72 tuổi, lạp được 41.

***14. Thiền sư Pháp Thường, ở núi Đại Mai, Minh Châu.***

Sư người ở Tương Dương, họ Trịnh. Tuổi Nhỏ theo Thầy ở chùa Ngọc Tuyền tại Kinh Châu. Lúc đầu tham vấn ngài Đại Tịch hỏi rằng: Thế nào là Phật. Ngài Đại Tịch nói: Tức tâm là Phật thì Sư liền đại ngộ. Trong Năm Đường Trinh Nguyên Sư ở núi Thiên Thai, phía Nam Dư Diêu 70 dặm có rất nhiều mai Lúc đó dưới Hội Diêm quan có 1 vị Tăng vào núi vác gậy mò đường đến am Sư hỏi rằng: Hòa thượng ở núi này bao lâu rồi? Sư nói: Chỉ thấy 4 núi xanh rồi vàng. Lại hỏi: Xuống núi thì đi đường nào? Sư nói đi theo con suối. Vị Tăng trở về kể lại với Diêm quan. Diêm quan nói: Khi ta ở Giang Tây có thấy một người Tăng, sau đó không biết tin tức, có phải là vị Tăng này chăng? Bèn khiến vị Tăng đi thỉnh Sư ra. Sư có kệ rằng:

Cỏ úa cây khô dựa rừng lạnh mấy độ gặp xuân chẳng đổi tâm

Tiều phu có gặp không thèm ngó người Sính đâu được khổ theo tìm

Ngài Đại Tịch nghe Sư ở núi bèn sai một người Tăng đến hỏi rằng: Hòa thượng gặp mã Sư được cái gì mà ở núi này? Sư nói Mã Sư nói với ta tức tâm tức Phật tôi liền ở đấy. Vị Tăng nói Phật pháp của Mã Sư gần đây lại khác. Sư hỏi khác thế nào? Vị Tăng nói gần đây lại nói phi tâm phi Phật. Sư nói: Lão già ấy mê hoặc vị không có ngày nghỉ. mặc ông ấy phi tâm phi Phật ta chỉ luôn tức tâm tức Phật. Vị Tăng ấy trở về nói lại cho. Nghe Tổ nói này đại chúng Mai đã chín. Từ đó người học dần đến với Sư, Đạo sư càng nổi tiếng. Sư lên Pháp Đường dạy chúng rằng: Các ông mỗi người phải tự hồi tâm đạt gốc chớ theo ngọn, chỉ cần được gốc thì ngọn tự đến. Nếu muốn biết gốc thì phải hiểu rõ tự tâm. Tâm này vốn là cội gốc của tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt. Tâm lại chẳng nương vào tất cả thiện ác mà sinh muôn pháp, vốn tự như như. Có vị Tăng hỏi thế nào là đại ý Phật pháp? Sư nói: Hoa Bồ Nhụy Liễu kim tre sợi mè! Giáp Sơn và Định Sơn vừa đi vừa nói chuyện. Định Sơn bảo: Trong sinh tử không có Phật thì chẳng phải sinh tử. Giáp Sơn nói: Trong sinh tử có Phật thì chẳng mê sinh tử. Hai người lên núi tham lễ Sư. Giáp Sơn liền nêu ra việc rồi hỏi Sư rằng không biết chỗ thấy của hai người ai thân hơn. Sư nói 1 thân 1 sơ. Giáp Sơn hỏi ai thân. Sư nói về đi, mai đến. Hôm sau Giáp Sơn lại lên núi hỏi Sư. Sư đáp: Kẻ thân thì không hỏi, kẻ hỏi thì không thân. Bỗng một hôm Sư gọi chúng bảo: Đến chẳng có thể kìm nén đi chẳng nên đuổi theo. Trong thong dong hỏi lại nghe tiếng chuột kêu. Sư nói: Tức vật này chẳng phải vật khác. Các ông nên khéo giữ gìn. Ta đi đây. Nói xong thì thị tịch, thọ 88 tuổi, lạp được 69. Thiền

sư Trí Giác ở Diên Thọ khen rằng:

*Sư trước được đạo*
*Tức tâm là Phật*
*Sau cùng chỉ chúng*
*Vật chẳng vật khác*
*Xét cùng muôn pháp*
*Thấu xương ngàn Thánh*
*Chân hóa chẳng dời*
*Đâu ngại dứt mất.*

***15. Thiền sư Duy Khoan, trụ chùa Hưng Thiện thuộc Kinh Triệu.***

Sư người ở Tín An thuộc Cù Châu, họ Chúc. Năm 13 tuổi thấy vị sát sinh thì bỏ ăn thịt cá, bèn xin xuất gia ban đầu họcTỳ Ni tu chỉ quán, sau tham vấn ngài Đại Tịch mà được tâm yếu. Năm Trinh Nguyên 6 mới đi hành hóa ở Ngô Việt. Năm thứ 8 thì đến núi Phan Dương, có thần xin thọ 8 giới. Năm thứ 13 thì ngụ ở chùa Thiếu Lâm Tung Sơn. Có vị Tăng hỏi thế nào là Đạo? Sư đáp núi lớn tốt. Vị Tăng nói đệ tử hỏi đạo, sao sư nói núi đẹp. Sư nói ông chỉ biết núi đẹp không hề biết Đạo. Hỏi: Con chó có Phật tánh chăng? Sư nói có. Vị Tăng hỏi: Hòa thượng lại có chăng? Sư nói ta không Có vị Tăng nói: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh vì sao chỉ có Hòa thượng không? Sư nói ta không phải tất cả chúng sinh. Vị Tăng nói đã không phải chúng sinh thì là Phật phải chăng? Sư nói không phải Phật. Vị Tăng nói rốt ráo là vật gì. Sư nói: Cũng chẳng là vật. Vị Tăng nói có thể thấy được nghĩ được chăng? Sư nói nghĩ chẳng tới bàn chẳng được, cho nên nói chẳng thể nghĩ bàn. Năm Nguyên Hòa thứ 4 thì vua Đường Hiến Tông mời sư vào triều. Bạch Cư Dị có đến Sư hỏi rằng: Đã nói Thiền sư ở lấy gì nói pháp? Sư nói Bồ đề Vô thượng đầy đủ ở thân là luật, nói ở miệng là pháp, làm ở tâm là thiền, ứng dụng cả ba thứ làm một. Ví như sông ngòi lớn nhỏ do nơi chốn ở mà đặt tên, tên tuy chẳng một mà tánh nước không hai. Luật tức là pháp, pháp chẳng lìa thiền. Vì sao trong đó mà vọng khởi phân biệt? Lại hỏi: Đã không phân biệt thì lấy gì mà tu tâm? Sư nói tâm vốn không tổn thương, vì sao phải (tu sửa), bất luận cấu hay tịnh tất cả chớ nên khởi niệm. Lại hỏi: Cấu thì chẳng nên niệm (nghĩ, nhớ) còn tịnh mà không niệm ư? Sư nói như trên con ngươi của vị một vật chẳng thể ở đó, mạt vàng vốn rất quý nhưng rơi vào mắt thì liền bịnh. Lại hỏi không tu không niệm thì có khác gì phàm phu? Sư nói: Phàm phu thì vô minh, Nhị thừa thì chấp trước, lìa 2 bịnh này gọi là chân tu. Chân tu là không được siêng không được quên, siêng thì gần với chấp trước, quên thì rơi vào vô minh. Đây

là tâm yếu. Có vị Tăng hỏi Đạo ở đâu/ sư nói chỉ ở trước mắt. Hỏi vì sao tôi chẳng thấy? Sư nói vì ông có ngã do đó chẳng thấy. Hỏi: Con có ngã nên chẳng thấy, Hòa thượng có thấy chăng? Sư nói có ông có ngã nên dần dần chẳng thấy. Hỏi không ta không ông có thấy chăng? Sư nói không ông không ta thì ai cầu thấy. Ngày tối trời tháng 2 Năm Nguyên Hòa năm thứ 12, Sư lên Pháp Đường nói pháp xong thì hóa, thọ 63 tuổi, lạp được 39. Đem về chôn ở Bá lăng Tây Nguyên. Vua ban Thụy là Đại Triệt Thiền sư ở, tháp hiệu là Nguyên Hòa Chánh chân.

***16. Thiền sư Như Hội ở chùa Đông thuộc Hồ Nam.***

Sư người ở Khúc Giang thuộc Thủy Hưng. Trước yết kiến ngài Kính Sơn, sau tham vấn ngài Đại Tịch. Khi học chúng đã đông, chiếc giường trong Tăng đường bị sụp gãy, lúc ấy gọi Sư là chiết Sàng Hội (Hội bị gãy giường). Từ khi ngài Đại Tịch mất rồi thì Sư thường lo môn đồ lấy câu tức tâm tức Phật mà ghi nhớ đọc tụng mãi không thôi. Lại bảo Phật nào có trụ mà bảo là tức tâm. Tâm chỉ như thợ vẽ mà bảo là tức Phật. Bèn dạy chúng rằng: Tâm chẳng phải là Phật, trí chẳng phải là Đạo. Kiếm đã ở xa chỗ khắc thuyền. Lúc đó gọi Đông Tự là Hang Thiền. Tướng quốc Thôi Công Quần ra làm quan sát Sứ ở Hồ Nam gặp sư hỏi rằng: Sư đã được gì? Sư nói: Được thấy tánh nên Sư đang bị bệnh mắt tướng công châm chọc rằng. Ông chê: Đã nói thấy tánh thì sao bị bịnh mắt? Sư nói thấy tánh không phải là phải thì phải bịnh có hại gì? Ông cúi đầu (lạy) tạ. Sư hỏi Nam Tuyền rằng: Vừa từ đâu đến đây? Đáp: Ở Giang Tây. Sư hỏi: Đem được chân của mã Sư đến đây chăng? Tuyền đáp; chỉ có cái ấy. Sư nói Đã rơi sau lưng. Bèn không đáp được. Thôi Tướng Công vào chùa lấy chim sẻ phóng ra uế, trên đầu Phật bèn hỏi Sư rằng: Chim sẻ có Phật tánh không? Sư đáp có. Thôi hỏi: Sao lại phóng ra uế trên đầu Phật ? Sư hỏi: Sao nó không phóng ra uế trên đầu hạc? Ngưỡng Sơn đến tham vấn. Sư hỏi: Đã (gặp) nhau rồi lại chẳng cần đến. Ngưỡng Sơn nói sao gặp nhau chẳng thường? Sư trở về phương trượng đóng cửa. Ngưỡng Sơn về thuật lại với Qui Sơn, Qui Sơn nói ông im lặng là tâm hạnh gì? Ngưỡng Sơn nói: Nếu chẳng phải thì sao biết được ông ấy. Lại có người hỏi Sư rằng: Con định xin Hòa thượng đến mở Pháp Đường có được chăng? Sư nói: Đợi đem chất nóng trong đá liền được. Người ấy không đáp được. Năm Đường Trường Khánh tức là năm Quý mão ngày 19 tháng 08 Sư thì tịch thọ 80 tuổi. Vua ban thụy là Truyền Minh Đại sư, tháp hiệu Vĩnh Tế.

***17. Thiền sư Vô Đẳng ở Ngạc Châu.***

Sư người ở uất Thị họ Lý. Lúc đầu xuất gia ở núi Tập Công, tham

lễ với Mã Đại sư được mật truyền tâm yếu. Sau đến ở Độ Môn Tùy Châu. Đã từng gặp Châu Mục Vương Thường Thị. Sư từ giả Tướng Công bước ra cửa. Sau đó Vương gọi: Hòa thượng. Sư quay đầu lại, Vương gõ cột 3 cái. Sư lấy tay vẽ hình tròn. Lại 3 lần Thế (khoát tay 3 cái) rồi đi. Sau Sư ở chùa Đại Tịch ở Võ Xương. Một hôm đại chúng tham vấn buổi chiều, Sư thấy mọi người đến, không hỏi vị đến trước mà bảo chúng rằng: Đại chúng vừa đến tiếng động đi đâu? Có một vị Tăng đứng dậy chỉ đầu. Sư nói: Cẩn trọng. Vị Tăng ấy sáng hôm sau lại đến tham vấn, Sư bèn nằm xoay mặt vào vách, rên hừ hừ bảo rằng 3 ngày nay ta không an vui lắm, Đại Đức có đem thuốc theo chăng, cho Lão Tăng chút ít. Vị Tăng lấy tay vỗ Tinh Bình nói: Cái Tinh Bình này ở đâu mà đến? Sư nói: Cái đó từ Lão Tăng đến, Đại Đức đến chỗ nào? Vị Tăng đáp cũng là chỗ Hòa thượng đến, cũng là con đến. Niên hiệu đời Đại Hòa năm thứ 4, tháng 10 Sư thị tịch, thọ 82 tuổi.

***18. Thiền sư Trí Thường trụ chùa Qui Tông ở Lô Sơn.***

Sư lên Pháp đường nói rằng: Từ xưa các Cổ đức chẳng phải không hiểu biết bậc cao thượng kia chẳng đồng kẻ tầm thường. Nay thì chẳng thể tự thành tự lập, uổng, phí thời gian. Các ông chớ dung tâm lầm. Không ai thay thế các ông, cũng không có chỗ các ông dụng tâm, chớ tìm cầu ở khác. Từ trước chỉ là nương người khác mà hiểu .Nói ra đều ngăn trệ, ánh sáng không thấu qua, chỉ vì trước phải có vật. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là huyền chỉ? Sư nói không có người hiểu được. Vị Tăng nói: Hướng thế nào? Sư nói có hướng liền trái. Vị Tăng nói chẳng hướng thì sao? Sư nói ai cầu huyền chỉ? Lại nói: Bỏ chỗ không dụng tâm của ông đi. Vị Tăng nói há không có môn phương tiện khiến người học được vào. Sư nói lực diệu trí của Quán Âm có thể cứu khổ thế gian. Vị Tăng hỏi thế nào là lực diệu trí của Quán Âm? Sư gõ vào nắp vạc 3 lần rồi hỏi: Ông có nghe chăng? Vị Tăng nói: Nghe. Sư nói: Sao ta chẳng nghe. Vị Tăng không đáp. Sư dùng gậy đuổi đi. Sư và Nam Tuyền cùng đi. Sau một hôm từ biệt uống trà xong Tuyền hỏi: Từ trước đã cùng Sư huynh bàn bạc ngữ cú kia đây đã biết, sau nếu có người hỏi việc rốt ráo thì thế sao. Sư nói: Đó là 1 cái giường trong một am cao vót Tuyền nói am tranh cao vót đã đặt việc rốt ráo ra sao? Sư bèn đập ấm trà mà đứng dậy. Tuyền hỏi: Sư huynh uống trà đi, Phổ Nguyện không hề uống trà. Sư nói: Nói lời ấy giót nước tiêu không được. Vị Tăng hỏi việc đã lâu xa dụng tâm thế nào. Sư nói da trâu yg cột sương, cột sương kêu chiêm chiếp, phàm tai nghe chẳng nghe, nói Thánh cười ha ha! Sư nhân Tục Quan đến bàn lấy mũ đội 2 lần, rồi hỏi: Hiểu chăng? Tục quan

nói chẳng hiểu. Sư nói chớ lo đầu Lão Tăng không đội mão được. Sư vào vườn hái rau. Vẽ một vòng tròn quanh một cây bảo chúng rằng: Không được chạm vào cái ấy. Chúng chẳng dám động vào. Lát sau sư lại đến thấy rau vẫn còn, bèn lấy gậy đuổi chúng vị Tăng bảo rằng cả đám người này không một ai có trí tuệ sao? Sư hỏi 1 vị Tăng mới đến từ đâu tới. đáp: Con phượng bay đến. Sư hỏi có đem cái đó đến chăng? Vị Tăng nói có đem đến. Sư hỏi ở đâu? Vị Tăng dùng tay làm ra vẽ bưng đầu lên trình. Sư bèn đưa tay nhận lấy rồi ném sau lưng. Vị Tăng không nói gì. Sư bảo con chồn hoang này! Sư đang cắt cỏ, có một người giảng vị Tăng đến tham vấn, bỗng có 1 con rắn bò ngang Sư liền dùng bừa chặt đứt. Vị Tăng nói: Nghe danh Tiếng đã lâu vốn là Sa môn thô hạnh này. đáp: Tọa chủ về phòng uống trà đi. Vân Nham đến tham vấn. Sư làm ra vẽ kéo dây cung. Nham hồi lâu ra làm vẽ dùng kiếm chém đứt. Sư nói đến chậm quá. Có vị Tăng đến từ giả Sư. Sư gọi đến gần bảo. Ta nói Phật pháp cho ông nghe. Vị Tăng đến trước. Sư nói: Ông và mọi người đều có việc, lúc khác ông hãy đến lúc đó không ai biết ông bấy giờ trong đường lạnh khéo làm. Sư lên Pháp Đường bảo rằng: Nay muốn nói Thiền, các ông hãy đến gần đây. Đại chúng đến gần. Sư nói: Các ông có nghe hạnh Quán Âm khéo ứng ở mọi nơi. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Hạnh Quán Âm? Sư bèn búng ngón tay bảo: Các vị có nghe chăng? Vị Tăng nói nghe. Sư bảo: Một đám vị ở trong đó mà tìm kiếm cái gì. Rồi lấy gậy đuổi đi và cười lớn mà trở về phương trượng. Có vị Tăng hỏi kẻ sơ tâm làm sao được chỗ vào? Sư đưa gõ vào nắp vạc ba cái lên 3 lần rồi hỏi: Có nghe chăng? Vị Tăng nói nghe. Sư nói sao ta chẳng nghe. Sư lại gõ 3 cái rồi hỏi có nghe chăng? Vị Tăng nói không nghe. Sư bảo sao ta lại nghe. Vị Tăng không đáp được Sư nói sức Lực diệu trí của Quán Âm có thể cứu khổ thế gian. Thứ Sử Giang Châu là Lý lặc hỏi Sư rằng: Trong giáo nói về núi Tu dị chứa hột cải thì con chẳng chẳng nghi, còn hột cải chứa núi Tu Di chẳng phải là nói dối ư? Sư nói: Có người đồn Sứ quân đọc hàng vạn quyển sách phải không? Lý đáp: Đúng. Sư nói: Sờ từ đầu đến chân chỉ lớn bằng trái dừa thì vạn quyển sách chứa ở thì đâu? Lý cúi đầu mà lui. Hôm khác Lý Bột lại hỏi: Đại Tạng giáo nói được việc gì sư đưa nắm tay lên hỏi hiểu chăng? Lý nói không hiểu. Sư nói: Cái đó chỉ nắm tay to mà không hiểu. Lý nói: Xin Sư chỉ dạy. Sư nói: Gặp người thì giữa đường trao cho, nếu không gặp thì Thế đế truyền khắp. Sư vì mắt có bịnh mà lấy thuốc chà xác đến đổi vành mặt đều đỏ. Nên thế gian: Gọi là Xích nhãn qui tông. Sau Sư thị tịch vua ban Thụy hiệu là chí chân Thiền sư.

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 8

* Thiền sư Hoài Nhượng sau đời thứ 2, có 56 vị.
Đệ tử nối Pháp Mã Tổ (43 vị thấy có ghi lục)
1. Thiền sư Vô Nghiệp ở phần châu
2. Thiền sư Quảng Trừng ở Đại Đồng lễ châu
3. Thiền sư Phổ Nguyện ở Nam Tuyền Trì Châu
4. Thiền sư Đặng Ẩn Phong ở Ngũ Đài
5. Hòa thượng Phật Áo ở Ôn Châu
6. Hòa thượng Ô Cữu
7. Hòa thượng Đại Thiện ở núi Thạch Sương Đàm Châu
8. Hòa thượng Thạch Cữu
9. Hòa thượng Bổn Khê
10. Hòa thượng Thạch Lâm
11. Tọa Chủ Lượng ở Tây Sơn Hồng Châu
12. Hòa thượng Hắc Nhãn
13. Hòa thượng Mễ Lãnh
14. Tề Phong Hòa thượng
15. Đại Dương Hòa thượng
16. Hòa thượng Hồng Loa núi
17. Thiền sư Quy Dương Vô Liễu ở Tuyền Châu
18. Hòa thượng Lợi Sơn
19. Hòa thượng Nhũ Nguyên ở Thiều Châu
20. Hòa thượng Tùng Sơn
21. Hòa thượng Tắc Xuyên
22. Thiền sư Tây Viên Tây Viên-Nam Nhạc
23. Hòa thượng Bách Linh
24. Hòa thượng Kim Ngưu ở trấn châu
25. Hòa thượng Động An
26. Hòa thượng đả Địa ở Hân Châu
27. Hòa thượng Tú Khê ở Đàm Châu

28. Thiền sư Phong Thần Tạng ở núi Mã Đầu Từ Châu
29. Thiền sư Thiện Giác ở Hoa Lâm Đàm Châu
30. Hòa thượng Thủy Đường ở Đình Châu
31. Hòa thượng Cổ Tự
32. Hòa thượng Tì Thọ ở Giang Tây
33. Hòa thượng Thảo Đường ở Kinh Triệu
34. Thiền sư Chân Thúc ở núi Dương Kỳ-Viên Châu
35. Hòa thượng Mông Khê
36. Hòa thượng Hắc Giản ở Lạc Kinh
37. Hòa thượng Hưng Bình ở Kinh Triệu
38. Hòa thượng Tiêu Dao
39. Hòa thượng Phước Khê
40. Hòa thượng Thủy Lão ở Hồng Châu
41. Hòa thượng Phù Bôi
42. Hòa thượng Long Sơn ở Đàm Châu
43. Cư sĩ Bàng Uẩn ở Tương Châu (43 vị trên đây thấy có ghi lục)
44. Thiền sư Minh Giác ở núi Thiên Mục
45. Thiền sư Hành Minh ở núi Vương Ốc
46. Thiền sư Trí Tạng ở Kinh Triệu
47. Thiền sư Hy Đảnh ở núi Đại Vương
48. Thiền sư Định giác ở Côn Sơn Tô Châu
49. Đại sư Hồng Sơn ở Tùy Châu
50. Thiền sư Nguyên Đề ở Liên Châu
51. Thiền sư Vô Liễu ở Tuyền Châu
52. Thiền sư tuệ Trung ở Tuyền Châu
53. Thiền sư Hoài Không ở núi An Phong
54. Thiền sư Đạo Hạnh ở núi La Phù
55. Thiền sư Pháp tạng ở Lô Sơn
56. Thiền sư Ninh Bôn ở núi Lữ Hậu

(13 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

*** Đệ tử nối pháp đời thứ 2 của Thiền sư Hoài Nhượng.**

***1. Thiền sư Vô Nghiệp ở Phần Châu:***

Sư người ở Thượng Lạc thuộc Thương Châu, họ Đỗ. Lúc xưa mẹ là bà Lý nghe trên hư không có tiếng nói cho ở nhờ được chăng? Bèn thức giấc mà có thai. Đêm sinh sư có ánh sáng lạ đầy nhà. Tuổi nhỏ, đi thì nhìn thẳng, ngồi thì kiết già. 9 tuổi đến nương Thiền sư Chí Bổn chùa

Khai Nguyên mà thọ kinh Đại thừa. 5 hạnh đều tụng thuộc không sót. 12 tuổi cạo tóc, 20 tuổi thọ giới cụ túc với Luật sư U ở Tương Châu. Học tập Luật Tứ Phần sớ vừa xong thì có thể giảng nói, thường vì chúng vị Tăng giảng kinh Niết-bàn, mùa Đông mùa Hạ đều không bỏ. Sau nghe Thiền môn của Mã Đại sư hưng thạnh bèn đến chiêm lễ. Mã Tổ thấy Sư có hình dạng kỳ lạ, tiếng nói như chuông, bèn bảo Phật Đường nguy nga trong ấy không có Phật. Sư quì lạy mà hỏi: Học văn 3 thừa con đã hiểu qua ý chỉ, thường nghe Thiền môn tức tâm là Phật thật chưa được rõ. Mã Tổ nói: Chỉ chưa hiểu rõ tâm, lại không có một vật khác. Sư lại hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc sang mật truyền tâm ấn? Tổ nói Đại Đức đang ở trong ồn ào, lúc khác hãy đến. Sư bèn lui ra. Tổ gọi: Đại Đức! Sư quay đầu lại, Tổ hỏi: Cái gì đó? Sư bèn ngộ mà đảnh lễ. Tổ nói: Gã ngu độn lễ bái làm gì?

Từ khi được ý chỉ bèn tìm đến Tào Khê lạy tháp Tổ và đến Lô Nhạc, Thiên Thai tìm khắp các Thánh Tích. Từ vùng Lạc đến vùng Ung nghỉ tại chùa Tây Minh, vị Tăng chúng đều thỉnh cầu đảm nhận địa vị Đại đức của hai vùng. Sư nói đây không phải chí ta. Sau Sư đến Thượng Đảng. Tiết Độ Sứ là Lý bảo Chân kính trọng danh hạnh của Sư mà sớm chiều cung phụng. Sư thường có vẻ mỏi mệt, bảo vị rằng: Ta vốn lánh nơi đông đúc, nay lại bận rộn tiếp quý vị, há là tâm ta ư? Rồi lên núi Bảo Phục. Không bao lâu thì Sư đến ở chùa Kim Các tại Thanh Lương, đọc lại Đại Tạng qua 8 năm thì xong. Lại xuống Nam đến Tây Hà. Thứ Sử Cần Thục Triền mời Sư ở Tịnh xá Khai Nguyên. Sư bảo: Duyên ta ở đây. Do đó mà giảng Đại pháp gần 20 năm, Đạo tục ở hai vùng Tính châu và phần Châu đều được cảm hóa. Những người học đến hỏi, Sư nhiều lần đáp rằng: Đừng vọng tưởng. Vua Đường Hiến Tông nhiều lần sai sứ mời vào triều, sư đều từ bịnh mà chẳng đến. Khi vua Đường Mục Tông lên ngôi, thường nghĩ việc chiêm lễ bèn sai Tăng hai vùng như Lục Linh Phụ v.v... mang chiếu đón rước đến đảnh lễ thưa rằng: Hoàng thượng lúc này ân chỉ khác nhau xin Hòa thượng tạm thuận theo ý trời không nên nói bịnh. Sư mỉm cười bảo Bần đạo có đức độ gì mà dám làm phiền chúa thượng. xin Hãy về trước, tôi đi đường khác. Rồi tắm gội cạo tóc, nửa đêm bảo đệ tử là Huệ Âm v.v... rằng: các ông đã thấy nghe tánh giác tri đồng tuổi với Thái hư chẳng sinh chẳng diệt, tất cả cảnh giới vốn tự vắng lặng, không một pháp nào thật có người mê không hiểu biết thì bị cảnh mê hoặc, một khi bị cảnh mê hoặc rồi thì trôi lăn mãi không cùng. Các ông nên biết. Tâm tánh vốn tự có không do tạo tác, giống như kim cang không thể phá hoại. Tất cả các pháp như

bóng như tiếng vang không có thật, cho nên kinh nói.

*Chỉ có một sự thật*
*Hai khác chẳng phải chân*
*Luôn biết tất cả không*
*Chẳng một vật tình này.*

Đó là chỗ dụng tâm của chư Phật, các ông nên siêng thực hành! Nói xong thì ngồi kiết già mà hóa. Ngày lễ trà tỳ mây lành 5 sắc mùi thơm lạ xông khắp, nhặt được xá lợi óng ánh như ngọc châu, đệ tử đem giữ trong kim quan. Năm Trường Khánh thứ 3, ngày 21 tháng 12 trhì đem chôn ở tháp đá, thọ 62 tuổi, lạp được 42. Vua ban thụy là Đại Đạt Quốc sư, Tháp hiệu là Trừng Nguyên.

***2. Thiền sư Quảng Trừng ở Đại Đồng, thuộc Lễ Châu:***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là 6 căn diệt mất. Sư nói: Vung kiếm lên hư không chẳng tổn thương vật. Hỏi: Thế nào người xưa nay? Sư nói cũng ngồi mà chẳng biết nhau. Vị Tăng nói: Vì sao đệ tử lễ tạ mà đi? Sư nói: Ngầm viết sầu thương gởi cho ai?

***3. Thiền sư Phổ Nguyện ở Nam Tuyền, Trì Châu.***

Sư vị Tân Trịnh, Trịnh Châu, họ Vương Năm Đường Chí Đức năm thứ hai  Sự thọ nghiệp với Thiền sư Đại Tuệ ở núi Đại Quỳ. Năm 30 tuổi đến Tung Nhạc thọ giới. Lúc đầu học Tướng Bộ Cựu Chương nghiên cứu Tỳ ni. Sau đến các pháp tòa nghe kinh Hoa Nghiêm, lăng Già. Vào Trung Quán Bách Môn mà tinh luyện huyền nghĩa. Sau đến thất ngài Đại Tịch mà đốn nhiên quên nôm, được Tam-muội Du hý. Một hôm nấu cháo cho  chúng Tăng, Mã Đại sư hỏi trong chậu là cái gì? Sư hỏi: Cái đó cụ nói là cái gì? Từ đó kẻ đồng học chẳng dám hỏi chơi. Năm Trinh Nguyên năm thứ 11 dừng nghỉ tại Trì Dương, tự mình làm thiền trai hơn 30 Năm chẳng xuống núi Nam Tuyền. Đầu năm Đại Hòa, Tuyên Thành Liêm Sứ là Lục Công Hoàn nghe Đạo phong của Sư bèn cùng giám quân đồng xin Sư xuống núi, tiếp đãi bằng lễ thầy trò. Sư bèn mở rộng huyền cương. Từ đó học chúng hàng trăm vị, các nơi đều xem là bậc tài giỏi. Một hôm Sư dạy chúng rằng Đạo ấy như như sớm là thay đổi. Thời nay Sư Tăng phải ở trong dị loại mà làm. Qui Tông nói: Làm hạnh súc sinh mà không quả báo súc sinh. Sư hỏi 8 chàng mạnh lại đi đâu. Lúc khác Sư bảo: Hôm qua Văn Thù Phổ hiền canh 3, mỗi người lãnh 20 gậy đuổi ra khỏi viện. Triệu Châu hỏi: Hòa thượng liền chuẩn đánh gậy dạy ai? Sư nói: Lại nói Vương lão Sư đi đâu. Triệu Châu bèn lễ bái mà lui ra. Sư định sáng hôm sau đi dạo trang xá. Đêm ấy thần thổ địa báo trước Trang chủ. Trang chủ chủ bị đầy đủ. Sư đến hỏi: Sao biết Lão Tăng đến

mà bày nói Thế. Trang chủ nói đêm qua Thần Thổ Địa báo trước Hòa thượng hôm nay đến. Sư nói Vương lão sư tu hành không có năng lực bị quỉ thần nhìn thấy. Có vị Tăng hỏi Hòa thượng đã là Thiện tri thức vì sao bị quỉ thần nhìn thấy. Sư nói Thổ Địa lại bỏ một phần cơm. Lúc khác Sư nói: Giang Tây Mã Tổ nói tức tâm tức Phật, còn Vương lão sư sao chẳng nói không thể là tâm, không phải là Phật, không phải là vật, sao nói lại có lỗi gì? Triệu Châu lễ bái mà lui. Lúc đó một người Tăng theo hỏi Triệu Châu rằng Thượng tọa lễ bái rồi có ý gì? Triệu Châu đáp: Ông đi hỏi Hòa thượng. Vị Tăng lên hỏi: Vừa rồi xét Thượng tọa ý thế nào? Sư nói: Ông ấy hiểu được ý chỉ của Lão Tăng. Một sư bưng bát lên Pháp đường. Hòa thượng Hoàng bá ở ngồi hàng ghế đầu thấy Sư không đứng dậy. Sư hỏi: Trưởng lão hành Đạo trong Năm nào? Hoàng bá đáp: Thời Phật không Vương. Sư nói cũng là cháu của Vương lão sư ở đấy. Một hôm Sư hỏi Hoàng bá rằng vàng ròng làm thế giới, bạc trắng làm xóm làng đây là chỗ ở của người nào? Hoàng bá đáp là nói ở của Thánh Nhân. Sư nói: lại có 1 vị ở cõi nước nào? Hoàng bá liền đứng khoanh tay. Sư nói: Nói không được sao chẳng hỏi Vương lão sư? Hoàng bá liền hỏi: Lại có một người ở cõi nước nào? Sư nói đáng tiếc. Lúc khác Sư lại hỏi Hoàng bá: Định huệ các học lý này ra sao? Hoàng bá nói: Trong suốt mười hai thời giờ chẳng nương tựa một vật. Sư nói chẳng phải là chỗ thấy của Trưởng lão sao? Hoàng bá nói: Chẳng sám. Sư nói: Giá nước ép trái cây hảy để đó, tiền giày cỏ dạy ai trả. Sư thấy vị Tăng chặt cây, bèn gõ ngô cây ba lần. Vị Tăng bỏ búa trở về vị Tăng Đường. Sư thì về Pháp Đường. Hồi lâu lại vào Tăng Đường thấy vị Tăng ấy ngồi với y bát. Sư nói: Tên lường gạt giết vị. Vị Tăng hỏi Sư về trượng thất lấy chỉ nam đâu? Sư nói đêm qua canh 3 mất trâu. Trời sáng thì mất lửa. Sư nhân 2 nhà Đông Tây đều giành nhau con mèo. Sư gặp bạch chúng rằng: Nói được thì cứu sống mèo, nói không được thì chém chết mèo. Chúng không đáp được, Sư bèn chém chết mèo. Lúc ấy Triệu Châu từ ngoài đi vào. Sư nêu câu chuyện trước. Triệu Châu bèn cởi giày đặt trên đầu mà bước ra. Sư nói: Hồi nãy nếu có ông vừa ở đây sẽ cứu được con mèo. Sư ở phương trượng ngồi hơ lửa Sam Sơn. Sư nói không cần chí Đông chí Tây ngay việc này nói đi. Sam Sơn dựng cây củi đang cháy lên đứng khoanh tay. Sư nói tuy là như vậy, nhưng hãy còn cánh một sợi chỉ so với vương lão sư. Có vị Tăng tham hỏi đứng khoanh tay đứng. Sư nói còn thế tục lắm. Vị Tăng ấy bèn chấp tay Sư nói: Lại quá vị Tăng. Vị Tăng không đáp được. Có 1 vị Tăng rửa bát, Sư bèn giật bát. Vị Tăng ấy đứng tay không Sư nói bát ở trong tay ông

đó, ông nói thì thầm (lầm bầm) cái gì? Vị Tăng không đáp được. Sư bước vào vườn rau thấy 1 vị Tăng, Sư lấy miếng ngói mà ném vị Tăng quay đầu lại, Sư bèn giơ lên 1 chân. Vị Tăng không đáp được. Sư liền trở về phương trượng. Vị Tăng ấy theo vào hỏi rằng: Hòa thượng vừa ném miếng ngói vào con há chẳng phải là cảnh giác con? Sư nói: Đưa chân lên làm gì? Vị Tăng không đáp được. Sư dạy chúng rằng: Vương lão sư này bán mình, ai mua? Một người Tăng nói con mua Sư nói nó không mắc không rẻ ông mua làm gì. Vị Tăng không đáp được. Sư cùng Qui Tông, Ma Cốc đồng đi tham lễ Quốc Sư Nam Dương. Sư trước ở trên đường vẽ một vòng tròn bảo nói được thì đi. Qui Tông bèn vào ngồi giữa vòng tròn. Ma Cốc làm cô gái lạy xuống. Sư hỏi: Sao chẳng đi. Qui Tông nói tâm nào đi. Sư bèn gọi về trở về không đi tham lễ Quốc Sư nữa. Sư hỏi Thần núi làm gì, đáp là đánh lưới. Sư hỏi tay đánh hay chân đánh? Thần núi thưa: Xin Hòa thượng nói. Sư nói rõ ràng nhớ lấy giống y như tác giả? Có một tọa chủ từ giả Sư, Sư hỏi đi đâu? Đáp: Xuống núi. Sư nói thứ nhất chẳng được chê bái Vương Lão Sư. Đáp: Sao dám chê bai Hòa thượng. Sư bèn phun nước hỏi: Nhiều ít Tọa chủ liền ra đi. Một hôm sư đóng cửa phương trượng, lấy tro bỏ quanh ngoài cửa bảo: Nếu có người nói được thì mở cửa. Có người đáp nhưng chưa đúng ý sư. Triệu Châu đáp: Trời xanh. Sư bèn mở cửa. Sư ngắm trăng Có vị Tăng hỏi: Lúc nào giống được, cái ấy. Sư nói Vương lão sư 20 Năm trước cũng đâu đến. Vị Tăng hỏi: Nay thì làm gì? Sư bèn trở về Phương trượng. Lục Hoàn Đại Phu hỏi rằng: Đệ tử từ 6 hợp lại, trong đó lại có thân chăng? Sư nói ghi nhớ rõ ràng hoàn toàn giống như người làm. Lúc lại bảo sư rằng: Hòa thượng rất chẳng thể nghĩ bàn đến thế giới nào cũng đều thành tựu. Sư nói: Vừa rồi đều là phần việc của đại phu. Ngày khác Lục bảo Sư rằng: Đệ tử cũng hiểu sơ Phật pháp. Sư liền hỏi Đại phu trong cả 12 giờ thì làm gì. Lục nói: Tấc tơ không đeo mang. Sư nói: Hãy còn là dạng dưới thềm. Sư lại nói: Chẳng thấy Đạo, có Đạo Quân vương chẳng thu nạp quan có trí. Sư lên Pháp Đường rồi Lục đại phu nói: Xin Hòa thượng vì chúng nói pháp. Sư nói: Bảo Lão Tăng nói gì). Lục nói: Há Hòa thượng không có phương tiện? Sư hỏi: Nói nó thiếu cái gì. Lục nói vì sao có 6 Đường 4 sinh Sư nói: Lão Tăng không dạy nói Lục Đại phu cùng Sư gặp người, Lục giơ hột súc sắc lên bảo rằng: Làm gì chẳng làm gì, làm sao tin là trúng được. Sư cầm hột súc sắc lên bảo: 18 cái đầu thúi! Lại có người hỏi: Trong nhà đệ tử có 1 tảng đá khi thì ngồi hoặc nằm trên ấy, nay đem tạc tượng Phật được chăng? Sư nói được. Đại phu nói: Chở chẳng được chăng? Sư nói có được chẳng được! Triệu Châu

hỏi: Đạo chẳng phải vật ngoài, vật ngoài chẳng phải Đạo, thế nào là vật ngoài Đạo? Sư liền đánh. Triệu Châu cầm gậy giơ lên nói: Từ nay về sau chớ đánh lầm người. Sư nói: Rồng rắn khó phân biệt, đệ tử khó gạt thầy rồi gọi Viện chủ! Viện chủ: Dạ! Sư nói Phật 90 ngày ở cõi Trời Đao Lợi vì mẹ nói pháp. Lúc đó vua Ưu Điền nhớ Phật, xin Mục Liên vận thần thông 3 lần đưa thợ lên đó tạc tượng Phật, chỉ tạc được 31 tướng, vì sao tướng Phạm Âm tạc chẳng được? Viện chủ hỏi Thế nào là tướng Phạm Âm? Sư nói kẻ lường gạt giết người. Sư hỏi Duy Na rằng: Hôm nay xin khắp làm gì? Đáp rằng kéo cối xay Sư nói: Cối xay từ ông mà kéo không được đụng vào cái cây ở chính giữa cối. Duy Na không đáp được. Một hôm có vị Đại Đức hỏi Sư rằng: Tức tâm là Phật chẳng được phi tâm phi Phật cũng chẳng được, vậy ý Sư thế nào? Sư đáp: Nay Đại Đức lại tin tức tâm là Phật xong, còn nói gì được và chẳng được. Chỉ như Đại Đức ăn cơm xong từ trên nhà Đông xuống nhà Tây chẳng thể hỏi vị được hay chẳng được vậy. Khi Sư ở am có 1 vị Tăng đến, Sư nói tôi sắp lên núi đợi đến giờ trai thì tự làm cơm mà kêu trước xong, đem 1 phần lên trên núi. Ít lâu sau vị Tăng ấy tự kêu, cùng lúc bỏ hết việc nhà đến giường nằm. Sư đợi không thấy đến, liền về am thì thấy vị Tăng ấy nằm, Sư cũng đến nằm 1 bên. Sư bèn đứng dậy đi, Sư đứng sau bảo: Khi trước tôi đến ở am này, đủ 1 Đạo giả lanh lợi, đến nay chẳng thấy. Sư cầm quả cầu lên hỏi: Cái này sao giống cái ấy. Vị Tăng đáp chẳng giống. Sư nói: Thấy cái này ở đâu mà nói chẳng giống? Vị Tăng nói: Nếu hỏi tôi chỗ thấy thì Hòa thượng hãy buông vật trong tay. Sư nói: Cho ông vốn có một con mắt. Lục Hoàn Đại phu nói với Sư rằng: Pháp Triệu sư rất kỳ lạ Nói muôn vật đồng gốc là chẳng phải 1 thể. Sư chỉ hoa mẫu đơn trước sân nói này đại phu, khi người thấy cây hoa này giống như trong mộng. Lục không hiểu gì. Lục lại hỏi Thiên Vương ở địa vị nào? Sư nói nếu là Thiên vương tức không phải địa vị. Lục nói: Đệ tử nghe nói Thiên vương là ở Sơ địa? Sư nói: Đáng dùng thân Thiên vương để độ thì liền hiện thân Thiên vương mà nói pháp. Lục từ giả trở về Tuyên Thành. Sư hỏi Đại phu đến đó lấy gì trị dân? Lục nói dùng trí tuệ trị dân. Sư nói: Vì sao chỗ ấy tất cả sinh linh đều bị gặp phải tình cảnh lầm than khốn khổ? Sư đến Tuyên Châu. Lục Đại phu ra đón rước, chỉ cửa thành nói rằng: Mọi người đều bảo làm cửa hình tròn chẳng hay Hòa thượng bảo làm cửa hình gì. Sư nói: Nếu Lão Tăng nói sợ nhục phong hóa của Đại phu. Lục nói: Khi Bỗng nhiên giặc đến thì biết làm sao? Sư nói Vương lão sư tội lỗi. Lục lại hỏi: Đại Bi Bồ tát dùng ngàn tay ngàn mắt để làm gì? Sư nói: Như Quốc gia dùng Đại phu để làm gì?

Sư thiết trai cúng dường mã Đại sư, hỏi chúng rằng: Mã Đại sư có đến chăng? Chúng không đáp. Động Sơn nói đợi có bạn liền đến. Sư nói: Ông tuy là vị hậu sinh, mà rất ưa trổ tài. Động Sơn nói: Hòa thượng chớ giấu tài làm gì. Sư giặt áo kế có vị Tăng hỏi Hòa thượng cũng có cái ấy. Sư đưa áo lên nói: Mặc cái ấy ra sao. Sư hỏi vị Tăng Lương Khâm rằng: Ở kiếp không có Phật chăng? Đáp: Có, Sư hỏi: Ai vậy? Đáp: Lương Khâm. Sư hỏi ở cõi nước nào thì không đáp. Có vị Tăng hỏi Tổ, Tổ truyền nhau thì truyền cái gì? Sư nói 1 2 3 4 5. Hỏi thế nào là đáy gốc của người xưa. Sư bảo đợi có liền nói. Vị Tăng hỏi: Vì sao Hòa thượng nói dối. Sư bảo ta chẳng nói dối. Lô hành giả mới nói dối. Hỏi trong mười hai canh giờ lấy gì làm cảnh, hai sư nói: Sao chẳng hỏi Vương lão sư ? Vị Tăng nói hỏi rồi. Sư nói lại từng cùng ông làm cảnh sao? Có vị Tăng hỏi: Hoa sen xanh chẳng theo lúc gió lửa mà tan là sao? Sư nói không có gió lửa chẳng theo là sao? Vị Tăng không đáp. Sư liền hỏi: Khi chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác nghĩ chung chẳng sinh là mặt mũi xưa nay của ta chăng? Vị Tăng nói: Không cho nó lộ ra. Sư hỏi tọa chủ rằng: Ông giảng kinh cho ta nghe được chăng? Đáp: Tôi giảng kinh cho Hòa thượng nghe, Hòa thượng phải nói thiền cho tôi nghe mới được. Sư nói không thể đem đạn vàng mà đổi lấy đạn bạc được. Tọa chủ nói: Tôi chẳng hiểu. Sư nói: Ông nói trên hư không có 1 đám mây là đóng đinh treo nó hay dây cột nó? Hỏi trong hư không có 1 viên ngọc làm sao lấy nó? Sư nói: Chẻ tre làm thang bắc lên hư không mà lấy? Vị Tăng hỏi: Trong hư không làm sao bắc thang? Sư hỏi: Ông định làm sao lấy?Vị Tăng từ giã hỏi rằng: Con đến các nơi, nếu có người hỏi Hòa thượng những ngày gần đây làm gì, con trả lời thế nào? Sư nói: Nói với họ ngày gần đây ta thôi đánh nhau. Vị Tăng hỏi làm gì. Sư đáp: 1 vỗ 2 mất. Hỏi khi cha mẹ chưa sinh thì mũi ở đâu? Sư hỏi: Vậy cha mẹ đã sinh thì mũi ở đâu. Khi Sư sắp tịch, Đệ nhất tọa hỏi Hòa thượng khi mất sẽ đi đâu? Sư nói: Làm con bò đực ở dưới núi. Vị Tăng hỏi con theo Hòa thượng được chăng? Sư nói: Nếu ông theo ta thì ngậm 1 cây cỏ đến đây. Sư thị hiện bị bịnh. Năm Đại Hòa năm thứ 8 (giáp dần) ngày 25 tháng 12, buổi sáng Sư bảo học trò rằng: Sao mù đèn huyễn cũng lâu rồi, chớ bảo ta có tới lui. Nói xong thì tịch, thọ 87 tuổi, lạp được 58. Mùa xuân năm sau thì nhập tháp.

***4. Thiền sư Ẩn Phong ở núi Ngũ Đài.***

Sư người ở Võ, Phúc Kiến, họ Đặng. Thưở nhỏ không thông minh lắm cha mẹ cho xuất gia. Lúc đầu đến chỗ Mã Tổ nhưng chưa có thể tỏ ngộ. Sau lại đến Thạch đầu, hai phen vẫn chưa thấy gì. Cuối cùng lại về

với Mã Đại sư mà được khế hội. Khi Sư ở Thạch Đầu, hỏi rằng: Thế nào là được hợp đạo? Thạch Đầu nói: Ta cũng chẳng hợp Đạo. Sư hỏi rốt ráo thế nào? Thạch Đầu nói: Ông bị cái đó bao lâu rồi. Một hôm Hòa thượng Thạch Đầu cắt cỏ, Sư ở bên trái khoanh tay mà đứng. Thạch Đầu ném cái liềm trước mặt Sư mà cắt 1 cây cỏ. Sư hỏi Hòa thượng có cắt được cái đó không? Thạch Đầu giơ cái liềm lên. Sư tiếp lấy cái liền và làm ra vẽ cắt cỏ. Thạch Đầu nói: Ông chỉ cắt được cái đó mà chẳng biết cắt được cái này ư. Sư không đáp được. Một hôm Sư đẩy xe đất, Mã Đại sư ngồi xoạt chân trên đường. Sư nói xin Thầy rút chân lại. Đại sư nói: Ta xoạc ra thì chẳng rút lại, Sư nói đã tiến thì không lùi rồi đẩy xe cán qua. Chân Đại sư bị thương, Đại sư về Pháp Đường cầm búa nói: Vừa rồi cán chân Lão Tăng bị thương sao còn đến đây? Sư bèn đưa cổ ra trước Đại sư. Đại sư bèn ném búa. Sư đến Nam Tuyền thấy chúng vị Tăng tham vấn. Nam Tuyền chỉ Tịnh Bình nói: Cái bình đồng này là cảnh, trong bình có nước, chẳng được đụng đến cảnh mà đem nước lại cho Lão Tăng. Sư bèn cầm tịnh bình đến trước mặt Nam Tuyền mà đổ nước xuống. Nam Tuyền bèn thôi. Sau Sư đến Qui Sơn, để y bát trên đầu thượng tọa. Qui Sơn nghe Sư thúc đến bèn đủ oai nghi mà đón nước, Sư thấy đến bèn giả nằm ngủ. Qui Sơn liền trở về phương trượng. Sư bèn bỏ đi. Lát sau Qui Sơn hỏi thị giả: Sư thúc ở đâu? Đáp: Đi rồi. Qui Sơn hỏi khi đi có nói gì không? Đáp: Chẳng nói gì cả. Qui Sơn nói: Chớ bảo là không nói, tiếng ấy như sấm vang! Mùa đông Sư ở núi Tung Nhạc, mùa hạ nghỉ ở Thanh Lương. Trong Năm Đường Nguyên Hòa còn lên núi Ngũ Đài. Đường đi ra đất Hoài Tây Thuộc Ngô Nguyên Tế đem binh chống lệnh vua. Quan quân và giặc đánh nhau chưa phân thắng bại. Sư nói ta đến để giải cứu nạn này. Bèn quăng tích trượng lên hư không phi thân bay đến, quân 2 bên thấy vậy thì tâm đánh nhau liền dứt. Sư đã hiện bày thần dị lo sợ thành việc mê hoặc mọi người bèn ẩn vào Ngũ Đài ở hang kim cang. Trước lúc sắp mất Sư hỏi chúng rằng: Vị các nơi khi thiên hóa hoặc ngồi hoặc nằm ta đều thấy, còn đứng mà hóa thì không. Chúng đáp: Có. Sư hỏi lại có đứng ngược chăng (lộn đầu xuống đất). Chúng đáp không hề có. Sư bèn đứng ngược mà hóa. Nhưng áo quần vẫn ôm sát vào người. Lúc đó chúng bàn việc Trà tỳ thì vẫn sừng sửng bất động. Xa gần đến chiêm lễ đều khen ngợi, không ngớt. Sư có cô em gái làm Ni, lúc đó đến bên Sư than rằng: Lão huynh khi sống chẳng theo pháp luật, chết rồi còn mê hoặc người sao? Bèn đưa tay xô thì ngã xuống. Sau đó trà tỳ, nhặt xá lợi mà xây tháp thờ.

***5. Hòa thượng Phật Áo ở Ôn Châu.***

Bình thường, khi thấy người đến thì sư chống gậy xuống đất nói rằng: Trước Phật cũng như thế, sau Phật cũng như thế. Có vị Tăng hỏi:

Ngay lúc ấy thì làm sao? Sư vẽ 1 vòng tròn. Vị Tăng giả làm cô gái lạy xuống, Sư bèn đánh. Vị Tăng hỏi thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói giặc, giặc. Vị Tăng hỏi thế nào là dị hoại? Sư giơ chén lên gọi: Hoa nô, Hoa nô ăn cơm đi?

***6. Hòa thượng Ô Cữu.***

Có 2 thượng tọa là Huyền và Thiệu từ Giang Tây đến tham vấn Sư. Sư hỏi: 2 Thiền Bá từ đâu đến vị Tăng nói từ Giang Tây đến. Sư liền cầm gậy đánh. Huyền nói từ lâu đã biết Hòa thượng có cơ yếu này. Sư nói ông đã chẳng hiểu. Vị Tăng đứng sau chỉ đứng nhìn. Khi vị Tăng đứng sau định đến gần thì Sư liền đánh và bảo rằng tin biết cùng 1 lỗ không khác đất (Tham Đường đi).

***7. Hòa thượng Đại thiện ở núi Thạch Sương Đàm Châu.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư nói ngày xuân gà gáy. Vị Tăng nói đệ tử chẳng hiểu. Sư nói Trung Thu chó sủa. Sư lên Pháp Đường nói: Đại chúng ra đây ra đây, Lão Tăng có pháp yếu trăm Năm sau chẳng lụy ông. Chúng thưa: Xin Hòa thượng nói. Sư nói: Chẳng tiêu 1 đống lửa. Đông Sơn hỏi: Trước ghế 1 đứa bé thật là biết việc, như nay chẳng thấy đi đâu? Sư nói: Lửa cháy trên hồ chẳng được, trở về thế giới Thanh Lương đi.

***8. Hòa thượng Thạch Cữu:***

Từ trước tham vấn Mã Tổ, Tổ hỏi từ đâu tới? Sư nói: Từ Ô Cữu nh đến. Tổ hỏi: Ô Cữu những ngày gần đây có câu nói gì? Sư nói: Mấy người ở đây mịt mù. Tổ nói: Mịt mù hãy gác lại, lặng yên 1 câu là thế nào? Sư bước đến trước Sư 3 bước. Tổ nói ta có 7 gậy gởi đánh Ô Cữu, ông có chịu chăng? Sư nói Hòa thượng ăn đòn trước, con chịu sau. Rồi trở về Ô Cữu.

***9. Hòa thượng Bổn Khê:***

Bàng Cư sĩ hỏi rằng: Đơn Hà đánh thị giả có ý gì? Sư nói Đại Lão ông thấy chỗ hay dở của vị. Cư sĩ nói: Vì tôi và ông đồng tham nên mới dám hỏi. Sư nói sao không từ đầu cùng bàn bạc. Cư sĩ nói: Đại Lão ông chẳng thể nói chuyện với Sư về việc phải quấy của vị. Sư nói nghĩ ông tuổi đã già. Cư sĩ nói tội quá, tội quá!

***10. Hòa thượng Thạch Lâm:***

Một hôm Bàng Cư sĩ đến. Sư bèn chống phất trần nói: Chẳng rơi vào Cơ của Đơn Hà thử nói 1 câu Cư sĩ giật lấy cây phất trần rồi đưa lên 1 nắm tay. Sư nói chính là Cơ của Đơn Hà. Cư sĩ nói cùng ta chẳng rơi

xem. Sứ nói Đơn Hà sợ câm còn Bàng ông sợ điếc. Cư sĩ nói khớp rồi, khớp rồi! Sư không nói. Cư sĩ hỏi vừa nói cái gì đó Sư cũng làm thinh. Một hôm Sư hỏi: Cư sĩ rằng: Tôi có mượn câu hỏi, Cư sĩ không tiếc câu nói. Cư sĩ bảo: Xin nói đi. Sư nói: Xưa nay là tiếc câu nói. Cư sĩ nói: Cái đó hỏi thì bất giác là lạc vào tiện nghi khác. Sư bèn bịt tai mà thôi. Cư sị nói: Tác gia, tác gia.

***11. Tọa chủ Lượng ở Tây sơn thuộc Hồng Châu:*** Vốn người ở đất Thục, chuyên về giảng kinh luận. Nhân tham vấn Mã Tổ, Tổ hỏi nghe nói tọa chủ giảng được kinh luận phải không? Lượng nói: Chẳng dám. Tổ hỏi lấy gì mà giảng? Lượng nói đem tâm mà giảng. Tổ nói tâm như thợ tài, ý như hòa với tài làm sao hiểu mà giảng được kinh. Lượng cãi lại: Tâm đã giảng chẳng được thì hư không giảng được chăng? Tổ nói tức là hư không giảng được. Lượng không chịu liền định xuống thềm. Tổ gọi Tọa chủ. Lượng quay đầu lại bỗng nhiên đại ngộ liền lễ bái. Tổ nói, Sư độn y kia lễ bái làm gì? Lượng trở về chùa bảo thính chúng rằng: Tôi giảng kinh luận nói là không ai bằng. Nay bị 1 câu hỏi của Mã Đại sư thì công phu bình sinh đều tiêu tan hết rồi. Bèn ẩn vào Tây Sơn không còn tin tức gì.

***12. Hòa thượng Hắc Nhãn.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là chẳng phải thầy xuất thế? Sư đáp: Cây gậy của thiện tai.

Hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Sư nói: 10 Năm lão bán than chẳng biết chấm khắc bên đòn cân?

***13. Hòa thượng Mễ Lãnh.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là việc của nạp y? Sư nói: Xấu xa mặc ông ganh, chẳng đeo sắc ráng mây. Khi Sư sắp mất có để lại 1 bài kệ rằng:

*Tổ Tổ chẳng nghĩ bàn*
*Chẳng hứa mãi ở đời*
*Đại chúng khéo suy tư*
*Rốt ráo chỉ cái ấy.*

***14. Hòa thượng Tề Phong.***

Một hôm Bàng cư sĩ vào viện. Sư nói: Người tục thường vào vị Tăng viện dò xét cái gì? Cư sĩ quay đầu nhìn 2 bên hỏi ai nói gì, ai nói gì? Sư bèn hét lớn. Cư sĩ nói: Ở trong đó. Sư nói: Không phải là Đương Dương nói chăng? Cư sĩ nói: Sau lưng kìa. Sư quay đầu nói xem xem .Cư sĩ nói: Giặc cỏ thua, giặc cỏ thua. Sư không đáp. Cư sĩ lại hỏi: Đây cách phong Đảnh mấy dặm? Sư hỏi: Ở đâu đến đây. Cư sĩ nói: Cao và

cứng rất đáng sợ chẳng được hỏi. Sư hỏi nhiều ít. Cư sĩ nói: 1, 2, 3. Sư nói 4, 5, 6. Cư sĩ hỏi sao chẳng nói 7? Sư nói vừa nói 7 lại có 8. Cư sĩ nói được đấy được đấy. Sư nói mặc tình thêm 1. Cư sĩ bèn hét mà đi. Sư đi theo sau cũng hét.

***15. Hòa thượng Đại Dương.***

Trong lần Thiền sư y tham vấn. Sư nói Thiền y gần đây có một số Thiền sư ở lấy việc trước mà dạy người, lấy việc trước mắt làm người ấy, lại hội văn thể khi chưa bói cũng không. Y nói: Con trong ấy có 1 câu hỏi, hỏi Hòa thượng chẳng biết được không? Sư nói: Đáp ông đã rõ chớ nói được không. Y nói lại biết được trước mắt cũng chưa. Sư hỏi trước mắt biết làm gì .Y nói: Lại cần gặp người xem xét. Sư hỏi ai? Y nói: Con. Sư bèn hét lớn. Y lui bước mà đứng. Sư nói: Ông chỉ biết ngó trước mà chẳng biết nhìn sau. Y nói: Tuyết lại thêm sương. Sư nói: Kia đây không tiện nghi.

***16. Hòa thượng núi Hồng Loa, thuộc U Châu.***

Có bài tụng dạy Đệ tử rằng:

*Núi Hồng Loa ở gần mọi Di*
*Người được độ phần nửa là sao*
*Cùng nói hỏi hoàn toàn hiểu*
*Đáng thương chỉ hiểu có cái này.*

***17. Thiền sư Vô Liễu, trụ núi Qui Dương Tuyền Châu.***

Sư người Hồng Đường Hồ Công, thuộc huyện Phủ Điền họ thẩm. Năm 7 tuổi cha dắt vào Viện Bạch Trọng xem như ở nhà, bèn xuất gia. Đến 18 tuổi thì xuống tóc thọ giới cụ túc ở chùa Linh Nham. Sau tham vấn với Thiền sư ở Đại Tịch mà thông đạt kế thừa nghiệp Tổ, liền trở về Bổn viện. Ở phía Bắc viện đường hái củi mất dấu. Một hôm Sư chống gậy vạch có rậm mà đi, gặp con rùa lớn có 6 mắt, lát sau mà mất. Bèn cất am ở núi này, do đó đời gọi là Hòa thượng Qui Dương. Một hôm có con hổ đuổi con nai chạy vào am. Sư lấy gậy đuổi con hổ mà bảo vệ nai. Khi sắp tịch có nói kệ rằng:

*Tám mươi Năm lo việc Đông Tây*
*Đến nay chẳng cần ông đầu bạc*
*Chẳng dở chẳng hay chẳng lớn bé*
*Lại cùng mọi người tánh giống nhau*
*Không đến không đi cũng không trú*
*Hiểu rõ xưa nay tự tánh không.*

Nói kệ xong thì an nhiên thị tịch. Chôn ở chánh đường gần hai mươi Năm, bị suối núi làm chìm mất, học trò mở tháp ra thì thấy toàn

thân nổi trong nước. Mân Vương nghe biết, sai sứ rước vào sân phủ cúng dường. Bỗng nghe mùi hôi thúi từ xa. Vương đốt hương khấn vái rằng: Có thể dời Qui Dương về chỗ cũ mà xây tháp thờ chăng. khấn xong thì mùi thơm lạ xông khắp, cả thành đều đến chiêm lễ. Bổn Đạo dâng thụy là Chân Tịch Đại sư, tháp hiêu Linh Giác. Sau đệ tử là tuệ Trung gặp Trừng Thái mất ở Bạch y, bèn chôn ở phía Đông tháp Sư cách hai trăm bước, gọi là Tháp Đông. Nay ở Qui Dương có hai chân thân, dân chúng nương cậy như sự cảm hóa để lại của Tăng già. Còn tuệ Trung thì đắc pháp với Hòa thượng Thảo Am như trong chương này có nói rõ.

***18 Hòa thượng Lợi Sơn.***

Có vị Tăng hỏi: Các Sắc về không, còn không thì về đâu? Sư nói: Cái lưỡi chẳng lọt ra khỏi miệng. Vị Tăng hỏi: Vì sao chẳng ra khỏi miệng? vị Sư nói: Trong ngoài như một. Vị Tăng hỏi: Chẳng trái qua Tăng kỳ mà được pháp thân, xin sư chỉ thẳng. Sư nói: Con đệ tử nối pháp nghiệp cha. Vị Tăng hỏi phải hiểu thế nào? Sư nói: Đày ải giết chóc chẳng lập bày. Vị Tăng hỏi vì sao Đại chúng có chỗ nương cậy. Sư nói: Đại chúng đã bỏ, pháp thân làm gì? Vị Tăng không đáp được. Sư nói: Ông hỏi đi ta đáp. Vị Tăng liền hỏi: Thế nào là pháp thân? Sư nói là hoa đốm trong hư không,ánh năng như nước vị Tăng hỏi: Thế nào là ý tở sư từ Tây Trúc đến. Sư nói chẳng thấy Thế nào. Vị Tăng hỏi vì sao như vậy. Sư bảo chỉ vì như vậy.

***19. Hòa thượng Nhũ Nguyên ở Thiều Châu.***

Sư lên Pháp đường nói rằng: Ý Tây Trúc đến rõ ràng chẳng ngại gì khó nói. Đại chúng không có ai nói được đi ra thử nói xem. Có một người Tăng ra vừa lạy thì Sư liền đánh bảo: Lúc nào ló đầu ra? Khi Sư thấy Ngưỡng Sơn còn làm Sa di ngồi tụng kinh, Sư hét rằng: Sa di này tụng kinh giống như tiếng khóc. Ngưỡng Sơn nói tuệ Tịch tụng kinh giống như khóc, chẳng biết Hòa thượng ra sao. Sư bèn quay đầu nhìn lại mà thôi.

***20. Hòa thượng Tùng Sơn:***

Một hôm Sư mời Bàng cư sĩ uống trà. Cư sĩ đưa cái khay trà lên nói: Mọi người đều có phần, vì sao nói không được. Sư nói: Chỉ vì mọi người đều có, do đó nói chẳng được. Cư sĩ nói: Vì sao huynh nói được? Sư nói: Chẳng thể không nói. Cư sĩ nói rõ ràng rõ ràng! Sư liền uống trà. Cư sĩ hỏi: Sư huynh uống trà sao chẳng mời khách? Sư hỏi ai? Cư sĩ nói: Ông Bàng. Sư nói đâu cần mời. Sau Đơn Hà nghe việc bảo rằng: Nếu không phải Tùng Sơn thì mấy ai bị ông họ Bàng kia làm loạn mất. Cư sĩ nghe nói bèn nhờ người nhắn với Đơn Hà rằng: Sao chẳng hiểu

khi chưa giơ cái khay trà lên?

***21. Hòa thượng Tắc Xuyên:***

Bàng cư sĩ gặp Sư, Sư nói có nhớ lúc xưa khi gặp Thạch Đầu nói lý chăng? Cư sĩ nói: Cũng được Sư nhắc lại. Sư nói: Tình biết tham lâu việc đã lờn. Cư sĩ nói: Ôi Lão sư đã già chẳng phải chỉ Bàng ông. Sư nói: 2 cái đó đồng thời đâu có khác nhau. Cư sĩ nói: Bàng ông nhanh nhạy thắng Sư. Sư nói: Chẳng phải hơn ta chỉ là sau ông 1 cái khăn bịt đầu Cư sĩ nói: rất giống với Sư. Sư liền cười lớn. Một hôm Sư vào vườn hái trà. Bàng Cư sĩ nói pháp giới chẳng dung thân, Sư có thấy ta chăng? Sư nói chẳng phải lão sư sợ đáp lời ông. Cư sĩ nói: Có hỏi có đáp vì là (bình) thường. Sư bèn hái trà chẳng thềm nghe. Cư sĩ nói: Chớ lạ vì rồi nêu ra tất cả mọi điều trước người sáng mắt hỏi dễ dàng. Sư cũng chẳng thèm ngó. Cư sĩ hét cái lão già chẳng có lễ nghi đợi ta Sư liền ném giỗ trà trở về phương trượng.

***22. Thiền sư Đàm Tạng ở Lan Nhã Tây Viên Nam Nhạc.***

Sư vốn được tâm ấn từ Thiền sư Đại Tịch. Sau yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu mà được rỗng sáng thấu suốt. Năm Đường Trinh Nguyên năm thứ hai, Sư lên ở trên đỉnh Hoành Nhạc cao vót nên ít vị tham vấn. Vì chân đen bèn dời về ở Tây Viên, mà bạn Thiền rất đông. Một hôm Sư đào ao. Vị Tăng hỏi sao không sai Sa di. Sư bèn vỗ tay 3 cái. Sư có nuôi một con chó khôn. Hằng đêm đi kinh hành, con chó ngậm áo Sư. Sư liền về phòng, lại nằm giữ bên cửa mà sủa. Bỗng chó nhiều lần sủa dữ. Sáng hỏi ra thì phía Đông nhà bếp có con rắn lớn dài mấy trượng, há miệng phun khí độc phù phù. Thị giả mời sư tránh đi. Sư nói chết đâu trốn được. Nó đem độc đến thì ta lấy từ bi mà nhận, độc không có tánh thật, kích phát thì gượng ép, từ dẫu vô duyên oan thân một đường . Nói xong thì rắn dữ cúi đầu từ từ bò đi bỗng nhiên chẳng thấy. Lại 1 hôm có bọn trộm vào. Con chó cũng ngậm áo Sư. Sư bảo trộm rằng: Trong am tranh có vật gì vừa ý thì cứ lấy không hề tiếc. Trộm cảm lời nói mà cúi đầu bỏ đi.

***23. Hòa thượng. Bách Linh:***

Một hôm giữa đường gặp Bàng cư sĩ. Sư hỏi: Ngày xưa Cư sĩ từ ngài Nam Nhạc được câu có ý nghĩa đã từng nêu với người chưa? Cư sĩ nói nêu rồi. Sư hỏi với ai. Cư sĩ lấy tay chỉ trỏ đáp ông Bàng. Sư nói: Thật là Diệu Đức không sinh buồn cho Cư sĩ chẳng tới. Cư sĩ liền hỏi: Sư được Lực cú ai biết. Sư liền đội nón mà đi. Cư sĩ nói khéo mà đi đường. Sư đi một mạch không ngó lại.

***24 Hòa thượng Kim Ngưu ở Trấn Châu.***

Sư tự làm cơm cúng dường chúng Tăng. Mỗi khi đến giờ trai thì đem 1 thùng cơm đến trước trai đường múa mà gọi rằng Bồ tát ra ăn cơm. Vừa múa tay và cười lớn ngày nào cũng thế.

***25 Hòa thượng Động An:***

Có vị Tăng từ giả Sư, Sư nói: Đi đâu? Vị Tăng nói: Vốn chẳng có chỗ đi. Sư nói lành thay Xà Lê. Vị Tăng nói chẳng dám chẳng dám. Sư nói đến các nơi nêu rõ. Có vị Tăng đứng hầu. Sư hỏi hôm nay là mấy. Vị Tăng nói chẳng biết. Sư nói: Ta nhớ \ vị Tăng hỏi hôm nay là mấy. Hôm nay là đêm tối trời.

***26. Hòa thượng Đả Địa ở Hân Châu.***

Sư từ Giang Tây lãnh ý chỉ, tự giấu tên gọi của mình, những người học đến hỏi chỉ lấy gậy đập xuống đất mà chỉ bày. Lúc đó người ta gọi là Hòa thượng Đã Địa. Một hôm bị vị Tăng Tạng vác gậy đến và hỏi, Sư chỉ hả miệng. Vị Tăng hỏi các Đệ tử mỗi khi Hòa thượng có vị đến hỏi thì liền đập xuống đất ý chỉ ra sao? Đệ tử bèn lấy khúc củi ở dưới bếp ném vào cái chỏ.

***27. Hòa thượng Tú Khê ở Đàm Châu.***

Một hôm Cốc Sơn hỏi: Thanh sắc thuần chân thế nào là Đạo. Sư nói: Loạn đạo làm gì. Cốc sơn từ Đông chạy sang đứng ở bên tây. Sư nói: Nếu không như thế tức là việc họa. Cốc Sơn liền chạy qua bên Đông. Sư bèn xuống giường Thiền mới đi 2 bước thì bị Cốc Sơn túm ngực áo hỏi Thanh sắc thuần chân thì thế nào? Sư liền đánh Cốc Sơn. Cốc Sơn nói: 10 Năm sau cần người đến uống trà cũng không có. Sư nói: Vậy ông già Cốc Sơn làm gì? Cốc Sơn cười lớn ha ha 3 tiếng.

***28. Thiền sư Thần Tạng ở núi Mã Đầu thuộc Từ Châu.***

Sư lên Pháp Đường gọi chúng bảo rằng: Biết mà không biết chẳng phải không biết mà nói không biết.

***29. Thiền sư Thiện Giác, ở Hoa Lâm thuộc Đàm Châu.***

Sư thường cầm tích trượng ban đêm đi ra nơi chân rừng, cứ 7 bước 1 lần rung tích trượng và lần xưng niệm danh hiệu Quán Âm Thiện Hội ở Giáp Sơn cất am hỏi rằng: Xa nghe Hòa thượng niệm Quán Âm phải chăng? Sư nói đúng. Giáp Sơn nói: Cỡi ngựa thì đầu thế nào? Sư đáp: Ló đầu thì từ ông cỡi, chẳng ló đầu thì cỡi cái gì? Vị Tăng tham vấn bèn trải tọa cụ. Sư nói chậm chậm. Vị Tăng hỏi Hòa thượng thấy gì? Sư nói đáng tiếc cho phá lầu chuông. Vị Tăng ấy do đó mà ngộ. Một hôm Quán sát sứ Bùi Hưu hỏi rằng: Sư có thị giả chăng? Sư nói có 1, 2 đứa. Chú Bùi Hưu hỏi ở đâu? Sư bèn gọi lớn Đại không, Tiểu không! Lúc đó có 2 con hổ từ sau am chạy ra. Bùi thấy sợ quá Sư bảo 2 con hổ: Có

khách, đi đi. 2 con hổ gầm gừ rồi bỏ đi. Bùi Hưu hỏi Sư làm hạnh nghiệp gì mà cảm được Thế như vậy? Hồi lâu Sư bèn, hỏi: Hiểu chăng? Đáp không hiểu. Sư nói Sơn Tăng thường niệm Quán Âm.

***30. Hòa thượng Thủy Đường ở Thịnh Châu.***

Sư tra hỏi Qui Tông: Ông là người ở đâu? Qui Tông nói: Người ở Trần Châu. Sư hỏi bao nhiêu tuổi. Qui Tông nói 22. Sư nói: Khi Xà Lê chưa sinh thì Lão Tăng đã qua lại. Qui Tông hỏi Hòa thượng khi nào sinh thì Sư dựng đứng cây phất trần. Qui Tông hỏi cái đó há có sinh. Sư nói hiểu được tức vô sinh. Qui tông nói chưa hiểu ở Sư không nói.

***31. Hòa thượng Cổ Tự***

Đơn Hà tham vấn Sư trải qua một đêm đến sáng. Sáng ra nấu cháo chín. Hành giả chỉ múc đầy 1 bát cho Sư lại múc đầy 1 bát tự ăn không hế ngó đến Đơn Hà. Đơn Hà cũng múc đầy 1 bát mà ăn. Hành giả nói: 5 canh ngủ dậy sớm, lại có người đi đêm. Đơn Hà hỏi Sư sao không dạy hành giả chớ nên vô lễ? Sư nói trên: Đất sạch chẳng nên làm dơ bẩn người trong nhà về việc nam nữ. Đơn Hà nói sao không hỏi tội lão già ấy.

***32. Hòa thượng Tỳ thọ ở Giang Tây.***

Trong lúc nằm, Đạo Ngô liền đến trước Sư kéo mền đấp. Sư hỏi làm gì? Đạo Ngô nói đắp mền. Sư hỏi nằm là đúng hay ngồi là đúng. Đạo Ngô nói không ở 2 chỗ ấy. Sư nói vậy nề hà gì đắp mền. Đạo Ngô nói: Chớ nói loạn . Sư đến hơ lửa. Đạo Ngô hỏi làm gì đó? Sư nói hòa hợp Đạo Ngô hỏi: Vì sao phải trốn thoát? Sư nói cách cổng làng bao xa? Đạo Ngô liền phất tay áo mà đi. Một hôm Đạo Ngô từ ngoài về. Sư hỏi từ đâu đến. Đạo Ngô nói ở gần đến. Sư nói dùng cái sàng gạo 2 mảnh da kia làm gì. Đạo Ngô nói mượn. Nó từ ông mà mượn không làm sao sinh? Đạo Ngô nói: Chỉ vì có cho nên mượn.

***33. Hòa thượng Thảo Đường ở Kinh Triệu.***

Từ khi nghỉ tham vấn với ngài Đại Tịch bèn đến Hải Xương. Hòa thượng Hải Xương hỏi: Từ đâu đến. Sư nói: Từ Đạo Tràng đến. Xương hỏi nơi đó ở đâu: Khi chưa có 1 pháp thì thân này ở đâu. Sư bèn vẽ 1 vòng tròn bên trong có chữ thân.

***34. Thiền sư Chân Thục trụ núi dương Ky, ở Viên Châu.***

Sư lên Pháp Đường dạy chúng rằng: Chúng linh 1 nguồn mượn gọi là Phật, thể mất hình tiêu mà chẳng mất, dòng vàng chảy khắp mà thường còn. Biển tánh không gió sóng vàng tự lan. Tâm linh dứt dấu muôn trượng cùng chiếu hiểu được lý này thì không nói mà trải khắp sa giới. Không dụng mà công ích huyền hóa. Như thế nào là rời bỏ giác trở

lại hợp với trần lao, ở trong cõi âm mà tùy tiện tự mình giam nhốt. Sư mới lên núi này ở yên cho đến thành viện, nhóm hợp đồ chúng giảng nói pháp đã hơn 40 Năm. Vào Năm Đường Nguyên Hòa năm thứ 15, ngày 13 tháng giêng thì Sư qui tịch. Làm lễ Trà Tỳ thu nhặt xá lợi được 700 hạt xây tháp dưới ngọn Đông Phong để thờ.

***35. Hòa thượng Mông Khê.***

Có vị Tăng hỏi khi một niệm không sinh thì thế nào? Sư nín lặng hồi lâu. Vị Tăng bèn lễ bái. Sư nói: Ông hiểu cái gì sinh? Vị Tăng nói: Con hoàn toàn không thể không hổ thẹn. Sư nói: Ông tin là đến được. Vị Tăng hỏi: Bổn phận sự phải thế nào thì xong? Sư nói: Sao ông không hỏi? Vị Tăng nói xin Sư đáp lời. Sư nói: Ông lại hỏi là tốt. Vị tăng cười lớn mà đi ra. Sư nói: Chỉ có Sư Tăng ấy lanh lợi. Có vị Tăng từ ngoài đến. Sư liền hét vị Tăng nói: Lý do vì sao? Sư nói: Cũng phải gậy đánh. Vị Tăng nói cẩn thận, rồi đi ra. Sư nói: rốt được tự tại.

***36. Hòa thượng Hắc Giản ở Lạc kinh:***

Có vị Tăng hỏi thế nào là mật thất? Sư nói: Cắt tại nằm đường. Vị Tăng hỏi: Thế nào là người trong mật thất? Sư bèn lấy tay đấm ngực.

***37. Hòa thượng Hưng Bình ở Kinh Triệu.***

Nhuận Sơn đến lễ bái. Sư nói: Chớ lạy Lão hũ Động Sơn nói lạy không phải Lão hũ. Sư nói không phải Lão hũ chẳng nhận lạy. Động Sơn nói nó cũng chẳng ngưng. Động Sơn hỏi: Thế nào là tâm cổ Phật. Sư nói: Tức là tâm ông. Động Sơn nói tuy thế cũng là chỗ tôi nghi. Sư nói: Sao không hỏi lấy người gỗ. Động Sơn nói: Con có 1 câu không nhờ miệng các Thánh. Sư nói: Ông thử nói xem. Động Sơn nói chẳng phải là con. Động Sơn từ giả, Sư hỏi: Đi đâu? Động Sơn nói: Theo dòng không định nghỉ. Sư nói: Pháp thân theo dòng hay báo thân theo dòng. Động Sơn nói: đều không nên hiểu Thế. Sư bèn vỗ tay.

***38. Hòa thượng Tiêu Dao.***

Một hôm Sư ngồi trên giường Thiền, có vị Tăng ở Lộc Tây đến hỏi: Niệm niệm phan duyên tâm tâm vắng bặt. Sư nói: Hôm qua hỏi muộn có người nói gì? Tây nói Đạo ấy thế nào? Sư nói không biết. Tây nói xin Sư nói. Sư lấy phất trần tánh vào miệng. Tây liền lui ra. Sư bảo Đại chúng rằng: Trên đầu có một con mắt.

***39. Hòa thượng Phước Khê.***

Có vị Tăng hỏi khi gương xưa không dấu vết thì sao? Sư im lặng hồi lâu. Vị Tăng hỏi ý Sư thế nào? Sư nói: Sơn Tăng tai ở sau lưng vị Tăng lại hỏi như trước. Sư nói: Cũng bắt chước ông kia. Vị Tăng hỏi: Thế nào là mình? Sư nói: Ông hỏi cái gì? Vị Tăng hỏi: Há không có

phương tiện. Sư nói: Ông vừa đến hỏi cái gì? Vị Tăng nói: Đâu được điên đảo. Sư bảo: Hôm nay rất đáng ăn gậy của Sơn Tăng. Vị Tăng hỏi: Duyên tan thì về không còn không thì về đâu? Sư nói: Này vị Tăng (A, B...) vị Tăng: Dạ. Sư hỏi: Không ở đâu? Vị Tăng nói: Xin sư nói: Ba Tư ăn hồ tiêu.

***40. Hòa thượng Thủy Lão ở Hồng Châu:***

Lúc đầu tham vấn Mã Tổ thế nào là ý từ Tây Trúc đến? Tổ bèn đạp vào bụng té nhào, Sư liền đại ngộ bèn đứng dậy vỗ tay cười ha hả bảo rằng: lạ thay trăm ngàn Tam-muội, vô lượng nghĩa, mầu chỉ một 1 sợi lông trên đầu liền biết được cội nguồn. Rồi lễ bái mà lui. Sau Sư bảo chúng rằng từ khi ăn 1 đạp của Mã Tổ cho đến nay cười chẳng thôi. Có vị Tăng vẽ 1 vòng tròn dùng tay nắm thân sư, sư bèn khoát tay 3 cái, cũng vẽ 1 vòng tròn chỉ cho vị Tăng ấy. Vị Tăng liền lễ bái, Sư đánh bảo rằng: Cái lão đầu (trống không) này. Có người hỏi: Thế nào là hạnh Sa môn. Sư nói: Động thì hiện bóng, giác thì bằng sinh. Hỏi: Thế nào là Đại ý Phật pháp? Sư bèn vỗ tay cười ha ha. tiếp cơ đại để là như vậy.

***41. Hòa thượng Phù Bôi.***

Có lăng Hành Bà đến lễ bái Sư, Sư cùng ngồi uống trà. Hành Bà hỏi: nói Hết sức mà chẳng được câu, lại giao cho ai. Sư nói Phù Bôi chẳng nói thừa. Bà nói tôi chẳng nói gì Sư bèn nêu 2 câu trước hỏi lại Bà, Bà khoanh tay khóc rằng: Trong trời xanh lại có oan khổ. Sư không nói gì. Bà nói: Lời chẳng biết riêng chánh, Lý chẳng biết riêng tà, vì vị họa liền sinh. Sau Có vị Tăng nêu câu ấy hỏi Nam Tuyền, Nam Tuyền nói: Khổ thay Phù Bôi bị Lão bà bẻ gãy. Sau Bà nghe lời nam Tuyền nói cười bảo rằng: Vương Lão Sư cũng thiếu cơ mưu Có Thiền khách Trừng Nhất ở U Châu gặp Hành Bà bèn hỏi sao nói Nam Tuyền nói thế cũng thiếu cơ quan Bà bèn khóc bảo đáng thương đáng buồn thay. Thiền khách không nói gì. Bà bèn hỏi hiểu chăng? Thiền khách chấp tay mà lui. Bà nói Thiền hòa chết đứng như sợi tay tựa hạt thóc. Sau Thiền khách Trừng Nhất nêu câu chuyện Thế với Triệu Châu, Châu nói: Tôi như thấy Lão Bà Thúi ấy hỏi thì bảo miệng câm. Trừng Nhất hỏi Triệu Châu rằng: chẳng hay Hòa thượng hỏi thế nào? Triệu Châu lấy gậy đánh bảo giống lão chết tiệc ấy chẳng đánh đợi lúc nào, và đánh liền mấy gậy. Bà lại nghe Triệu Châu nói thế bảo: Triệu Châu đáng ăn gậy của Bà. Sau vị Tăng nêu lời đó với Triệu Châu, Châu khóc nói: Đáng thương Đáng buồn thay! Bà nghe lời ấy của Triệu Châu bèn chấp tay khen rằng: Triệu Châu mắt phát ra ánh sáng chiếu phá 4 thiên hạ. Sau Triệu Châu dạy vị Tăng đi hỏi Bà rang: Thế nào là phải Triệu

Châu? Bà bèn đưa nắm tay lên. Triệu Châu nghe liền làm bài tụng đưa lăng Hành Bà rằng:

*Đương cơ trước mặt nêu*
*Trước mặt Đương Cơ bịnh*
*Đáp ông lăng Hành bà*
*Tiếng khóc sao được mất.*

Bà bèn làm Tụng đáp Triệu Châu rằng:

*Tiếng khóc Sư đã hiểu*
*Đã hiểu còn ai biết.*
*Lúc này nước Ma Kiệt*
*Chôn mấy cơ trước mắt.*

***42. Hòa thượng Long Sơn ở Đàm Châu*** (cũng gọi là Hòa thượng Ẩn Sơn)

Sư hỏi vị Tăng ở đâu tới? Vị Tăng nói từ Lão Túc đến. Sư hỏi: Lão Túc có câu nói gì không? Vị Tăng nói: Nói thì ngàn câu muôn câu, chẳng nói thì 1 chữ cũng không. Sư hỏi: Thế nào là con ruồi thả trứng. Vị Tăng lễ bái. Sư liền đánh khi Hòa thượng Động Sơn giới đi hành cước mò đường đến núi nhân đó tham lễ xong. Sư hỏi: Núi này không có đường Xà Lê vừa ở đâu đến. Động Sơn nói không đường thì đặt Hòa thượng từ đâu vào. Sư nói ta không hề đi vân thỉ. Động Sơn nói: Hòa thượng ở núi này lâu chưa Sư nói: Xuân thu chẳng dính liú. Động Sơn hỏi: Núi này ở trước hay Hòa thượng ở trước 2 Sư nói chẳng biết. Động Sơn hỏi: Vì sao chẳng biết? Sư nói: Ta chẳng vì trời người mà đến. Động Sơn hỏi: Thế nào là chủ trong khách? Sư nói nhiều Năm chẳng ra khỏi cửa. Động Sơn hỏi: Thế nào là chủ trong khách? Sư nói: Năm dài không ra khỏi cửa. Động Sơn hỏi: Thế nào là khách trong chủ? Sư nói: Trời xanh che mây trắng. Động Sơn hỏi: Chủ khách cách nhau bao nhiêu? Sư nói: Sóng trên nước Trường Giang. Động Sơn hỏi: Khách chủ gặp nhau có nói lời nào? Sư nói gió mát quét trăng sáng. Động Sơn lại hỏi Hòa thượng thấy Đạo lý gì mà ở núi này? Sư nói: Ta thấy 2 con trâu bùn đấu nhau xuống biển cho đến nay không có tin tức. Sư có bài tụng rằng:

*Nhà cỏ 3 gian từ đấy ở*
*Một tia sáng thần muôn cảnh nhàn*
*Chớ đem phải quấy đến ta nói*
*Phù sinh xuyên tạc chẳng liên quan.*

***43. Cư sĩ Bàng Uẩn ở tương châu.***

Ông người ở huyện Hoành Dương thuộc xung Châu, tự là Đạo

Huyền, ở đời theo nghiệp Nho. Nhưng Cư sĩ sớm ngộ trần lao chí cầu chân đế. Niên hiệu đời Đường Trinh Nguyên, đâu Tiên ông yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu quên lời hiểu ý chỉ. Lại làm bạn với Thiền sư ở Đơn Hà. Một hôm Thạch Đầu hỏi: Ông từ ngày gặp Lão Tăng đến nay làm việc dụng sự thế nào Đáp rằng: Nếu hỏi làm việc dụng sự thì không có chỗ mở miệng Ông lại trình 1 bài kệ rằng:

*Ngày dùng việc chẳng khác*
*Chỉ ta tự ngẫu hài*
*Mỗi việc không lấy bỏ*
*Chỗ chỗ chớ bày trái*
*Đỏ tím ai gọi tên*
*Gò núi sạch cả bụi*
*Thần thông và diệu dụng*
*Gánh nước và chẻ củi.*

Thạch Đầu ngạc nhiên hỏi ông là Đạo hay tục? Cư sĩ đáp: Xin theo chỗ mến mộ mà không xuống tóc. Sau ông đi Giang Tây tham vấn Mã Tổ rằng: Chẳng làm bạn với muôn pháp là người gì? Tổ nói: Đợi ông một mình  uống hết nước sông Giang Tây sẽ nói cho ông. Nghe sau lời nói Cư sĩ liền sớm ngộ huyền yếu. Bèn ở lại tham học 2 Năm. Có bài kệ rằng:

*Có trai chẳng cưới*
*Có gái chẳng gả*
*Cả nhà luôn đoàn tụ*
*Cùng nói chuyện vô sinh.*

Từ đó cơ biện nhanh chóng các nơi nghe tiếng. Thường đến các giảng Đường tùy hỷ kinh kim cang đến chỗ Vô ngã vô nhân, bèn hỏi rằng tọa chủ đã Vô ngã vô nhân thì ai giảng ai nghe. Tọa chủ không đáp được. Cư sĩ nói: Con tuy chỉ là người tục biết thô mà tin tưởng. Tọa chủ nói: Chỉ như ý Cư sĩ thì làm sao. Cư sĩ bèn nêu 1 bài kệ:

*Vô ngã lại vô nhân*
*Làm gì có thân sơ*
*Khuyên ông thôi ngồi mãi*
*Chẳng giống thẳng cầu chân*
*Tánh Bát Nhã kim cang*
*Ngoài dứt mọi trần ai*
*Con nghe và tin nhận*
*Đều là bày giả danh.*

Tọa chủ nghe kệ thì vui mừng khen ngợi rằng: Chỗ đến của Cư

sĩ, Lão Túc đã qua nhiều lần. Lại hỏi đều tùy cơ mà ứng tiếng không phải là khuôn phép suy lường mà chấp chặt. Trong Năm Nguyên Hòa Cư sĩ lên phía Bắc Tương Hán tùy chỗ mà ở, hoặc ở Lộc Môn-Phụng Lĩnh hoặc ở xóm làng chợ búa. Lúc đầu ở Đông Nham, sau ở nhà nhỏ tại thành Quách Tây. Ông có một người con gái tên Linh Chiếu thường đi theo cha chẻ trúc đan mành để bán mà cúng dường sớm chiều. Có kệ rằng:

*Tâm như cảnh cũng như*
*Không thật cũng không hư*
*Có cũng chẳng màng*
*Không cũng chẳng lo*
*Không phải Thánh hiền*
*Hết việc phàm phu - Dễ càng Dễ.*
*Ngay năm uẩn này có chân trí*
*Thế giới Mười phương cùng Nhất thừa*
*Vô tướng pháp thân đâu có 2*
*Nếu bỏ phiền não vào Bồ đề*
*Chẳng biết phương nào có Phật địa.*

Khi Cư sĩ sắp mất, sai con gái Linh Chiếu ra xem mặt trời sớm muộn, đến giờ Ngọ thì vào báo. Cô con gái vội vàng báo rằng: Ngày đã giữa trưa nhưng có Nhật thực. Cư sĩ bèn ra ngỏ xem. Cô con gái bèn lên chỗ cha ngồi chắp tay mà hóa. Cư sĩ cười bảo: Con gái ta nhanh hơn ta. Thế là lại 7 ngày sau. Châu Mục Vu Công đến thăm bịnh. Cư sĩ bảo rằng: Chỉ nguyên không các cái có. Cẩn thận chớ cho là thật các cái không. Cái đẹp ở thế gian chỉ là bóng dáng tiếng vang. Nói xong thì nằm gối trên đùi Vu Công mà hóa. Ông dặn đốt thân. Đạo tục Các nơi đều thương tiếc, gọi là Thiền Môn Bàng cư sĩ tức là Tỳ da Tịnh Danh Ông có thơ kệ hơn 300 bài lưu truyền ở đời.

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 9

Thiền sư Hoài Nhượng trong đời thứ 3 có 56 vị.

Đệ tử nối pháp Thiền sư Hoài Hải Bách Trượng ở Hồng Châu có 30 vị (13 vị thấy có ghi lục):

1. Thiền sư Linh Hựu ở Quy Sơn-Đàm Châu
2. Thiền sư Hoàn Trung ở Đại Từ-Hàng Châu
3. Thiền sư Hoàn Trung ở Đại Từ-Hàng Châu
4. Thiền sư Phổ Ngạn ở núi Thiên Thai
5. Thiền sư Thường Quán ở Quân Châu
6. Thiền sư Tánh Không ở Thạch Sương Đàm Châu
7. Thiền sư Đại Am ở Phước Châu
8. Thiền sư Thần tán ở Cổ Linh
9. Thiền sư Thông ở Hòa An, Quảng Châu
10. Thiền sư Đài ở Long Vân Giang Châu
11. Thiền sư Đạo ở Vệ Quốc Lạc Kinh
12. Hòa thượng Vạn Tuế ở Trấn Châu
13. Hòa thượng Niết-bàn ở núi Bách Trượng

(14 vị trên đây thấy có ghi lục)

14. Hòa thượng Đông Sơn ở Hồng Châu
15. Thiền sư Vô Úy ở Cao An
16. Thiền sư Đạo Khoáng ở Nham Đông
17. Thiền sư Tố ở Hình Châu
18. Thiền sư Cát Bổn ở Đường Châu
19. Thiền sư tuệ Thâm ở núi Tiểu Thừa
20. Thiền sư Chiêu Nhất ở chùa tuệ chiếu Dương Châu
21. Thiền sư Giám Thâm ở La Phù Trinh Châu
22. Thiền sư Phạm Vân ở núi cửu liên Hồng Châu
23. Thiền sư Thao ở Lô Sơn Giang Châu
24. Thiền sư Khế Chân ở chùa Vũ Tích Việt Châu
25. Thiền sư Thiên Tánh ở Bao Sơn Quân Châu

26. Thiền sư Bỉ Ngạn ở núi đại mai Minh Châu

27. Thiền sư Tạng Thuật ở Liêu Sơn Hồng Châu

28. Thiền sư Đạo Phương ở núi kỳ xà Thăng Châu

29. Hòa thượng Thanh Điền

30. Hòa thượng Đại Vu (16 vị trên đây không có duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Đệ tử nối pháp của Thiền Sư ở Tây Đường-Kiền Châu trước đây có 4 vị:

1 Thiền sư Xứ Vi ở. Kiền Châu (1 vị thấy ghi lục).

2. Thiền sư Đạo nghĩa ở Kê Lâm

3. Thiền sư Tuệ ở Tân La

4. Thiền sư Hồng Trực ở Tân La (3 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Đệ tử nối pháp của Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma Cốc-Bồ Châu trước đây có 2 vị:

1. Thiền sư Lương Toại ở Thọ Châu (1 vị thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Vô Nhiễm ở nước Tân La (1 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

- Đệ tử nối pháp Thiền sư Như Hội ở Chùa Đông-Hồ Nam trước đây có 4 vị:

1. Thiền sư tuệ Siêu ở Thự Sơn Hồ Châu (1 vị thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Cảnh Chư ở Thư Châu

3. Thiền sư Quang Triệu ở chùaTrang Nghiêm

4. Thiền sư Chiêu ở núi Mạch Phổ Đàm Châu (3 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục).

- Đệ tử nối pháp của Thiền Sư Hoài uẩn ở chùa Chương kính-Kinh Triệu trước đây có 16 vị:

1. Thiền sư Hoằng Biện ở chùa Tiến Phước Kinh Triệu

2. Thiền sư Trí Chân ở núi Qui Sơn Phước Châu

3. Thiền sư Hoài Chính ở Lãng Châu,

4. Thiền sư Thao ở Kim Châu

5. Hòa thượng Cổ Đề ở ở Lãng Châu

6. Hòa thượng Công Kỳ ở Hà Trung (6 vị trên đây thấy có ghi lục).

7. Thiền sư Nhàn Vân ở Bách Lâm

8. Thiền sư Huyền Triết ở Tuyên Châu

9. Thiền sư Bảo Kiên ở Hà Trung

10. Thiền sư Đạo Chí ở Tây Kinh

11. Thiền sư Thần Hộ ở Giáng Châu
12. Thiền sư Trí Tạng ở Tây Kinh
13. Thiền sư Vô Tích ở Hứa Châu
14. Thiền sư Duy Túc ở Thọ Châu
15. Thiền sư Huyền Dục ở vị Tân La
16. Thiền sư Giác Thể ở nước Tân La. (10 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Hoài Hải-Bách Trượng trước đây, đời thứ 3.**

***1. Thiền sư Linh Hựu ở Qui Sơn, Đàm Châu.***

Sư người ở Trương khê ở Phước Châu, họ Triệu. Năm 15 tuổi từ giã cha mẹ đi xuất gia, nương Luật sư Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện tại bổn quận mà cạo tóc, thọ giới ở chùa Long Hưng tại Hàng Châu mà. Thông suốt kinh Luật Đại Tiểu thừa. Năm 23 tuổi Sư đến Giang Tây tham vấn Thiền sư Đại Trí ở Bách Trượng Ngài Bách Trượng vừa thấy Sư liền cho vào thất. Bèn ở đó đứng đầu số người tham học. Một hôm đứng hầu, ngài Bách Trượng hỏi: Ai sư đáp Linh Hựu. Ngài Bách Trượng hỏi: Ông bươi trong lò xem có lửa chăng? Sư bươi ra thưa: Không có. Ngài Bách Trượng đứng dậy bươi sâu thì có chút lửa, cầm lên dạy rằng: Đây không phải là lửa? Sư phát ngộ, lễ tạ, trình bày chỗ hiểu của mình. Ngài Bách Trượng nói: Đây chỉ là lối rẽ tạm thời mà thôi. Kinh nói muốn thấy Phật tánh phải xem thời tiết nhân duyên. Thời tiết đã đến như mê bỗng ngộ, như quên chợt nhớ mới biết là vật của mình không từ người khác mà được. Cho nên Tổ Sư nói rằng: Ngộ xong đồng chưa ngộ, vô tâm được vô pháp, chỉ là không có tâm luống dối phàm Thánh v.v... Xưa nay, tâm pháp vốn tự đầy đủ. Nay Ông đã khéo Thế hãy tự giữ gìn. Lúc đó Tư Mã Đầu Đà từ Hồ Nam đến. Ngài Bách Trượng gọi bảo rằng: Lão Tăng muốn đến Qui Sơn được chăng? Đáp rằng: Qui Sơn rất lạ có thể qui tụ cả một ngàn năm trăm chúng, nhưng không phải chỗ Hòa thượng ở. Ngài Bách Trượng hỏi sao vậy? Đáp rằng: Hòa thượng là vị xương, còn kia là núi thịt nếu ở thì đồ chúng không đầy một ngàn. Ngài Bách Trượng hỏi trong chúng của ta có ai ở được chăng. Đáp rằng: Đợi xem qua. Ngài Bách Trượng liền bảo: Thọ Giả gọi Đệ nhất Tọa đến (tức Hòa thượng Hoa Lâm) hỏi người này thế nào? Đầu Đà bảo tằng hắng một tiếng, đi vài bước. Đáp rằng người này không được. Lại bảo mời Điển Tọa đến (tức Sự linh Hựu). Đầu Đà nói người này chính là chủ Qui Sơn. Đêm ấy ngài Bách Trượng gọi Sư vào thất dặn rằng: Ta

hóa duyên ở đây, còn thắng cảnh qui sơn ông sẽ ở đó mà đệ tử nối pháp Tông ta rộng độ người học sau. Lúc đó Hoa Lâm nghe nói liền bảo tôi ở ngôi thượng thủ, ông Hựu kia đâu được trụ trì. Ngài Bách Trượng nói: Nếu ở giữa chúng mà nói ra 1 câu xuất sắc thì cùng đến trụ trì. Bèn chỉ Tịnh Bình hỏi: Chẳng được gọi là Tịnh Bình ông gọi là cái gì? Hoa Lâm nói: Không thể gọi thì là Mộc. Ngài Bách Trượng không chịu, bèn hỏi Sư, Sư đáp rớt tịnh bình. Ngài Bách Trượng cười bảo: Đệ Nhất Tòa thua ở núi ấy, bèn sai Sư đến ở Qui Sơn. Núi ấy cao vót vắng xa hơi vị. Sư làm bạn với khỉ vượn cùng kêu rau quả. Cư Dân dưới núi dần dần hay biết cùng đến xây cất nhà cửa. Lý cảnh Nhượng tâu vua ban hiệu là chùa Đồng Khánh. Tướng Quốc Bùi Hưu từng đến hỏi học Huyền Áo. Do đó khách học thiền trong thiên hạ đến càng đông. Sư lên Pháp Đường dạy chúng rằng: Tâm vị tu Đạo phải ngay thẳng không dối trá, không mặt không lưng không làm việc gian dối trong mọi lúc đều nhìn nghe bình thường mà không cong vậy cũng chẳng phải lấp tai ngơ chỉ cần tình không theo vật. Liền được từ trên các Thánh nói là bến đục tội lỗi, nếu không Thế thì nhiều tình biết ác sẽ là việc tập tướng. Ví như nước mùa Thu lắng dừng trong suốt mà không lặng bặt, lắng mà không ngại, gọi là Đạo nhân cũng gọi là người vô sự. Lúc đó Có vị Tăng hỏi: Người đốn ngộ có tu chăng? Sư nói nếu thật ngộ thì lúc được bản tha tự biết, tu và chẳng tu là lời nói 2 đầu. Như nay tâm đầu Tiên tuy từ duyên mà được, một niệm sớm ngộ tự lý, thì cũng còn tập khí nhiều kiếp từ vô thỉ chưa sớm thanh tịnh thì phải dạy họ dứt sạch hiện nghiệp lưu thức, thì tức là tu chẳng nói riêng có pháp dạy họ tu hành thú hướng từ nghe mà nhập vào lý, nghe lý sâu mầu tâm tự sáng suốt không ở nơi mê lầm. Dẫu có trăm ngàn diệu nghĩa phô bày, lúc đó áo khoát sẽ được tự cởi mà làm cách sống. Tóm tắt trong lý thật tế chẳng nhận một trần, trong vạn hạnh môn chẳng bỏ một pháp. Nếu cũng 1 đường bước vào thì tình phàm Thánh dứt hết, thể bày chân thường, lý sự chẳng 2 tức Như như Phật). Ngưỡng Sơn hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến? Sư nói thật là cái lồng đèn Ngưỡng Sơn nói đừng chỉ cái ấy là cái gì? Sư nói: Cái ấy là cái gì? Ngưỡng Sơn nói là cái lồng đèn. Sư nói quả nhiên chẳng hiểu. Một hôm Sư gọi chúng bảo rằng: Như có nhiều vị chỉ được Đại Cơ mà chẳng được Đại dụng. Ngưỡng Sơn đem lời nói này hỏi am chủ dưới núi rằng: Câu nói của Hòa thượng ý chỉ Thế nào? Am chủ nói hảy nêu ra xem. Ngưỡng Sơn bèn nhắc lại thì bị am chủ đạp cho một cái té nhào. Đem về nhắc lại với Sư, Sư cười lớn. Sư ngồi trong Pháp Đường, thủ kho gõ bản mõ, hỏa đầu mồi lửa vỗ tay cười lớn. Sư bảo trong chúng cũng có người như

thế kêu lại hỏi: Làm gì đó. Hỏa Đầu nói: Con chẳng kêu cháo do đó đói bụng nên vui mừng. Sư bèn gật đầu. xin Khấp hái trà. Sư bảo Ngưỡng Sơn: Suốt ngày hái trà chỉ nghe tiếng ông chẳng thấy hình dáng ông. Xin hiện nguyên hình cho thấy. Ngưỡng Sơn lay cây trà. Sư nói ông chỉ được cái dụng mà không được cái thể. Ngưỡng Sơn nói: chẳng hay Hòa thượng ra sao. Sư im lặng hồi lâu. Ngưỡng Sơn nói: Hòa thượng chỉ được cái thể mà không được cái dụng. Sư nói: Cho (tha cho) ông 20 gậy. Sư lên Pháp Đường Có vị Tăng ra hỏi: Xin Hòa thượng vì chúng nói pháp. Sư nói: Ta vì ông được thấu suốt nhân. Vị Tăng lễ bái - Sư bảo Ngưỡng Sơn rằng: Ông Tịch chứng Đạo nhanh không vào ấm giới. Ngưỡng Sơn nói tuệ Tịch, Tín cũng chẳng lập. Sư hỏi còn ông tin mà chẳng lập hay không tin mà chẳng lập. Ngưỡng Sơn nói chỉ là tuệ Tịch còn tin ai. Sư nói: Nếu thế tức là Định tánh Thanh văn. Ngưỡng Sơn nói: Tuệ Tịch thì Phật cũng chẳng thấy. Sư hỏi Ngưỡng Sơn kinh Niết-bàn 49 quyển, bao nhiêu Phật nói bao nhiêu ma nói. Ngưỡng Sơn nói: Toàn bộ là Ma nói. Sư hỏi về sau không có người thì ông làm sao Ngưỡng Sơn nói tức là việc tuệ Tịch ước hẹn biết đi chỗ nào. Sư nói: Chỉ quý mắt ông Chánh không nói bước ông đi Ngưỡng Sơn quăng áo đứng dậy hỏi sư: Chính lúc ấy Hòa thượng làm gì? Sư nói: Chính lúc ấy ta ở trong ấy không làm gì cả. Ngưỡng Sơn nói: Hòa thượng có thân mà không có dụng. Sư im hồi lâu lôi dậy hỏi: Chính lúc đó ông làm gì? Ngưỡng Sơn chánh lúc ấy Hòa thượng thấy nó không? Sư nói: Ông có dụng mà không thân. Sư bỗng hỏi Ngưỡng Sơn: Mùa xuân Ông có lời chưa tròn, nay thử nói xem. Ngưỡng Sơn nói chính lúc đó rất kỵ sự tráo ngược Sư nói: Ngừng lao tù sinh ra trí. Một hôm Sư gọi Viện chủ. Viện chủ đến. Sư hỏi ta gọi Viện chủ ông đến làm gì? Viện chủ không đáp được (Tào Sơn đáp thay: Cũng biết Hòa thượng không gọi con). Lại bảo thị giả gọi Đệ Nhất Tòa. Đệ Nhất Tòa đến. Sư hỏi ta gọi Đệ Nhất Tòa ông đến làm gì. Cũng không đáp được. Sư hỏi vị Tăng mới đến tên gì. Vị Tăng thưa tên Nguyệt Luân. Sư vẽ một vòng tròn hỏi cái gì giống cái ấy? Vị Tăng nói: Sao Hòa thượng nói thế) các nơi đều có vị chẳng chịu ở. Sư nói: Bần đạo thì Thế Xà Lê thì sao vị Tăng hỏi lại có thấy Nguyệt Luân sao. Sư hỏi Xà Lê nói gì, trong đây có vị không chịu các phương. Sư hỏi Vân Nham rằng: Nghe ông từ lâu ở Dược Sơn phải chăng? Nham nói phải. Sư hỏi: Tướng của Đại Nhân Dược Sơn thế nào? Vân Nham nói Niết-bàn hậu hữu. Sư hỏi Niết-bàn hậu phải ra sao? Vân Nham nói: Nước vẩy chẳng dính. Vân Nham liền hỏi Sư: Tướng Đại nhân Bách Trượng thế nào? Sư nói nguy nga đường bệ sáng láng đỏ rực, trước tiếng chẳng phải tiếng, sắc sau

chẳng phải sắc, trâu sắt trên con muỗi, không có chỗ dưới miệng ông. Sư đưa Tịnh bình cho Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn định tiếp. Sư bèn co tay lại, hỏi vì sao? Ngưỡng Sơn hỏi Hòa thượng lại thấy cái gì? Sư nói nếu thế cần gì phải tìm ông Ngưỡng Sơn nói: Tuy Thế nhưng trong Đạo nhân nghĩa cùng Hòa thượng đưa bình lấy nước cũng là bổn phận. Sư bèn đưa Tịnh bình cho Ngưỡng Sơn. Sư cùng đi với Ngưỡng Sơn, chỉ cây Bách hỏi trước mặt là cái gì? Ngưỡng Sơn nói cái ấy là cây Bách Sư bèn chỉ sau lưng Điền ông nói sau ông này cũng có 500 chúng. Sư hỏi Ngưỡng Sơn: Từ đâu về? Ngưỡng Sơn nói: Ở Điền Trung về. Sư hỏi lúa tốt cắt chưa. Ngưỡng Sơn nói cắt tốt. Sư nói: Thấy xanh thấy vàng hay thấy chẳng xanh chẳng vàng. Ngưỡng Sơn nói: Sau lưng Hòa thượng là gì? Sư nói ông lại thấy ư? Ngưỡng Sơn cầm bông lúa nói: Hòa thượng đâu có hỏi cái ấy? Sư nói: Đây là ngỗng chưa chọn sửa. Tháng đông Sư hỏi Ngưỡng Sơn: Trời lạnh hay vị lạnh? Ngưỡng Sơn nói Đại gia ở trong ấy. Sư hỏi sao chẳng nói thẳng. Ngưỡng Sơn nói vừa đến cũng chẳng cong, Hòa thượng thế nào? Sư nói thẳng cần theo dòng. Có vị Tăng đến lễ bái, Sư làm thế đứng dậy. Vị Tăng nói sao Hòa thượng không đứng dậy? Sư nói Lão Tăng không hề ngồi. Vị Tăng nói con cũng không hề lạy. Sư nói vì sao chẳng lạy. Vị Tăng không đáp được (Đồng An đáp thay: Hòa thượng chẳng làm lạ). Dưới Hội Thạch Sương có 2 thiền khách đến, nói: Trong đây không có một người hiểu) thiền. Sau xin khắp chẻ củi. Ngưỡng Sơn thấy 2 thiền khách hết củi, bèn đem 1 khúc củi lớn đến hỏi: Lại nói được chăng? Cả 2 đều không đáp được. Ngưỡng Sơn bảo chớ nói không người hiểu thiền tốt. Trở về hể lại với Qui Sơn nói: Hôm nay 2 thiền khách bị tuệ Tịch khám phá Sư nói chỗ nào bị ông (ông ấy) khám phá. Ngưỡng Sơn liền thuật chuyện trước. Sư nói: Ông Tịch lại bị ta khám phá. Sư ngủ, Ngưỡng Sơn hỏi thăm, sư quay mặt vào vách. Ngưỡng Sơn nói Hòa thượng đâu được Thế? Sư ngồi dậy nói: Ta vừa có 1 mộng, ông thử vì ta đoán lý do xem. Ngưỡng Sơn liền đem đến Sư một chậu nước rửa mặt. Chút sau Hương Nghiêm cũng đến hỏi thăm. Sư nói ta vừa được một mộng Tịch Tử nguyên liễu ông lại đoán lý do cho ta. Hương Nghiêm bèn rót chó sư 1 chén trà. Sư nói 2 ông (hiểu biết) hơn Xá Lợi Phất. Có vị Tăng nói chẳng làm 1 nón trên đầu Qui Sơn thì không do đâu mà đến được thôn Dao, thế nào là cái nón trên đầu Qui Sơn? Sư liền đạp một cái. Sư lên Pháp Đường dạy chúng: Lão Tăng chết rồi sẽ làm 1 con trâu nước đực ở dưới núi. Sư nằm nghiêng bên trí viết 5 chữ: Ta là Tăng Qui Sơn. Lúc đó người đời gọi Tăng Qui Sơn là con trâu nước đức, lại gọi con trâu nước đục là Tăng Qui Sơn. Lại bảo

Tăng Qui Sơn gọi cái gì là được.

Sư diễn bày Tông giáo hơn 40 Năm, kẻ thấu suốt rất đông. Vào thất có 41 đệ tử. Năm Đường Đại Trung thứ 7, ngày mồng 9 tháng giêng, Sư súc miệng trải tọa cụ ngồi vui vẻ mà tịch, thọ 83 tuổi, lạp được 64, tháp ở tại núi ấy Vua ban Thụy là Đại Viên Thiền sư Tháp hiệu thanh tịnh.

***2. Thiền sư Hy Vận ở núi Hoàng bá Hồng Châu.***

Sư người ở Mân (Phúc Kiến). Thuở nhỏ xuất gia tại hoàng bá ở Bổn Châu giữa trán nổi cao lên cục thịt. Lời nói êm rõ, ý chí thanh cao. Sau đến núi Thiên Thai gặp 1 vị Tăng cùng nói cười như đã quen từ lâu, ai nhìn thì ánh sáng từ mắt phát ra. Bèn cùng vị Tăng đi qua khe thì nước lụt dữ dội, Sư mang nón chống gậy dừng lại vị Tăng ấy dẫn Sư lội qua. Sư nói Huynh muốn qua tự qua. Vị Tăng vén áo đi trên sóng như đi trên đất bằng, quay đầu lại bảo qua đi qua đi. Sư nói: Ôi cái ông tự liễu này, tôi mà biết sớm sẽ chặt chân ông. Vị Tăng ấy khen rằng: Chân Đại thừa pháp khí, ta thật chẳng bằng. Nói xong thì biến mất. Sau Sư dạo đến kinh Đô. Bởi vì người động viên bèn đến tham vấn ngài Bách Trượng rằng: Từ khi Ngài nói Tông đã chỉ bày gì?. Bách Trượng lặng hồi lâu. Sư nói: Không thể dạy người sau dứt mất. Bách Trượng nói sắp bảo ông là người ấy, bèn đứng dậy vào phương trượng. Sư đi theo sau bảo rằng: Con riêng đến. Bách Trượng nói: Nếu thế thì sau này chớ cô phụ ta. Một hôm Bách Trượng hỏi Sư: Từ đâu đến? Đáp hái nấm dưới núi Đại Hùng đến? Bách Trượng hỏi có thấy con sâu lớn chăng? Sư liền gầm tiếng hổ. Bách Trượng cầm búa ra dáng chém. Sư liền tát Bách Trượng một cái. Bách Trượng ngâm nga cười lớn rồi trở về. Sư lên Pháp đường bảo chúng rằng: Dưới núi Đại Hùng có con sâu lớn các ông nên nhìn kỹ. Lão già Bách Trượng hôm nay tự gặp phải một con. Khi Sư ở Nam Tuyền xin khắp lặt rau. Nam Tuyền hỏi đi đâu. Đáp: Đi lặt rau. Nam Tuyền nói: Chọn cái gì? Sư đưa con dao lên. Tuyền nói: Đại gia tất cả rau đi. Một hôm Nam Tuyền bảo Sư rằng: Lão Tăng ngẫu hứng thuật bài ca chăn trâu, xin Trưởng lão họa vận. Sư nói: Ta tự có thầy rồi. Sư từ tạ Nam Tuyền, tiển ra cửa đưa Sư nói:bảy cái nói: Trưởng lão tài vật của thân khá lớn mà cái nón quá nhỏ. Sư nói tuy Thế mà cả Đại Thiên thế giới đều ở trong đó. Nam Tuyền nói với Vương Lão Sư cao tột, Sư liền đội nón mà đi. Sau Sư ở chùa Đại An ở Hồng Châu, hải chúng đến rất đông. Tướng Quốc Bùi Hưu trấn giữ Uyển lăng, lập thiền uyển lớn xin Sư nói pháp. Vì Sư rất thích núi cũ nên gọi Sư là Hoàng bá. Lại xin sư đến quận để giải thích một bài nói về Sư. Sư nhận lấy để ở chỗ ngồi

không mở ra đọc. Sư yên lặng hồi lâu hỏi hiểu chăng? Bùi Hưu nói chưa hiểu Sư nói: Nếu theo hình thức giấy mực mà hiểu như ông ấy thì làm sao có tông ta. Bùi bèn tặng một bài thơ rằng:

*Từ khi Đại sĩ truyền tâm ấn*
*Ngạch có châu tròn thân bảy thước*
*Mang gậy mười Năm ở Thục Thủy*
*Phù Bội ngày nay vượt bến chương*
*Một ngàn Long tượng theo cao bước*
*Muôn dậm hương hoa kết thắng nhân*
*Nghĩ muốn thờ thầy làm đệ tử*
*Chẳng biết đem pháp trao người nào.*

Sư cũng không có sắc vui. Từ đó cửa Hoàng bá tiếng tăm vang xa. Một hôm Sư lên Pháp đường, đại chúng nhóm hộp bèn bảo rằng: Các ông muốn cầu gì, nhân đó lấy gậy đuổi đi hết, bảo rằng: Toàn là bọn uống rượu cặn như thế mà đi hành cước gây cười cho người chỉ thấy chỗ 800 - 1000 người liền đi chẳng thể tính chuyện ồn ào đông đúc. Khi Lão Tăng đi hành cước hoặc gặp dưới rễ cỏ có 1 lão ấy, liền đập trên đầu 1 chùy mà nhìn kỹ, nếu biết đau đớn đúng sợ thì túi đựng đầy túi gạo mà cúng dường. Trong đó có thể giống ông dễ dàng Thế, chỗ nào có việc ngày nay. Các đã gọi là hành cước, cũng cần mang tinh thần ấy biết rõ trong nước Đại Đường không có Thiền sư ở chăng? Lúc đó có 1 vị Tăng ra hỏi rằng: Các Tôn Túc nơi đều nhóm hợp chúng mà khai hóa, vì sao nói không có Thiền sư ở. Sư nói: Không nói chẳng có Thiền sư ở chỉ nói không có sư, xà lê chẳng thấy. Sau Mã Đại sư có 88 vị ngồi Đạo Tràng, được Chánh nhãn của Đại sư chỉ có 2, 3 vị, Hòa thượng Lô sơn là 1. người xuất gia phải biết có phận sự từ trước đến. Lại như sau Tứ tổ có Ngưu Đại sư Đầu pháo Dung nói ngang nói dọc. Cũng chẳng hay dưới cửa? Có phải não này mới phân biệt được Tông Đảng tà chánh. Lại người trong việc không thể lãnh hội được, chỉ biết học lời nói, mang đải da đến đâu đều nói mình hiểu Thiền, còn giúp ông được gì về sinh tử, khinh chê các Lão túc thì đọa địa ngục nhanh như tên bắn. Ta mới thấy vào cửa liền biết được ông rồi. Lại biết chăng, phải gấp cố gắng việc không dễ dàng, kêu mặc qua ngày sống uổng 1 đời, người sáng mắt cười chê. Ông lâu sau này đều bị kẻ tục tính bán đem đi, phải tự xem xa gần là mặt mũi ai, nếu hiểu thì liền hiểu, nếu không hiểu thì tan đi. Hỏi thế nào là ý Tây Trúc đến? Sư bèn đánh. Từ các chỗ thi thiết đều độ Thượng cơ, bậc Trung hạ chớ nhìn vào. Trong Năm Đại Trung Sư mất ở tại núi này. Vua ban Thụy hiệu là Đoạn Tế Thiền sư Tháp hiệu

đề Quảng Nghiệp.

***3. Thiền sư Hoàn trung ở núi Đại Từ, Hàng Châu.***

Sư người ở Bồ Bản, họ Lô. Xương đảnh đầu tròn cao, tiếng vang như chuông. mẹ mất Thuở nhỏ. Từ Sư ở mộ 3 Năm để tang, khi hết tang lo việc báo ân Sư bèn đến Đồng xuất gia ở chùa Tử Tính Châu Sư lại Tung Nhạc thọ giới học luật. Sau tham vấn ngài Bách Trượng mà nhận được tâm ấn. Rồi đến chùa Thường Lạc ở Nam Nhạc lạc ở cất am tranh ở trên đỉnh núi. Một hôm Nam Tuyền đến hỏi thế nào là chủ trong am? Sư đáp trời xanh trời xanh. Nam Tuyền nói trời xanh tạm thời gác lại, thế nào là chủ trong am? Sư nói: Hiểu liền hiểu chẳng lo đau đáu. Nam Tuyền bèn phủi tay áo đi ra. Sau Sư ở phía Bắc núi Đại từ tịnh Triết Giang, lên Pháp Đường bảo rằng: Sơn Tăng chẳng hiểu lời đáp chỉ cần biết bịnh. Có 1 vị Tăng ra đứng trước Sư. Sư liền xuống tòa trở về phương trượng. Triệu Châu hỏi: Bát Nhã lấy gì làm thể. Sư nói Bát Nhã lấy gì làm thể. Triệu Châu cười lớn mà ra. Hôm sau Sư thấy Triệu Châu quét đất, hỏi Bát Nhã lấy gì làm thể. Triệu Châu ném chổi vỗ tay cười lớn, Sư liền trở về phương trượng. Có vị Tăng đến từ giã Sư hỏi đi đâu? Vị Tăng nói tạm đi Giang Tây. Sư nói: Ta làm phiền ông việc được chăng? Vị Tăng hỏi Hòa thượng có việc gì? Sư nói: Mang Lão Tăng đi. Vị Tăng nói: Lại có lỗi với Hòa thượng là không mang Hòa thượng đi được. Sư liền thôi. Vị Tăng ấy sau kể lại việc ấy với Động Sơn, Sơn nói: Xà lê đâu hợp Đạo. Vị Tăng nói: Hòa thượng thì sao Động Sơn nói được. Động Sơn lại hỏi vị Tăng ấy rằng: Có đại từ riêng câu nói gì? Vị Tăng nói có lúc dạy chúng rằng: Nói được 1 trượng chẳng bằng làm được 1 thước, nói được 1 thước chẳng bằng làm được 1 tấc. Động Sơn nói: Ta chẳng nói gì vị Tăng hỏi làm sao. Động Sơn nói: Nói và làm chẳng được, làm và nói chẳng được. sau khi Đường Võ Tông phá bỏ Đạo Phật, Sư mặc áo ngắn mà lánh. Đến Đại Trung Năm Nhâm Thân lại cạo tóc mà rộng bày tông chỉ. Năm Hàm thông thứ 3, ngày rằm tháng 2 Sư không bịnh mà mất thọ 83 tuổi, lạp được 54. Vua Đường Hy Tông ban Thụy là Tánh không Đại sư, tháp hiệu là Định tuệ.

***4. Thiền sư Phổ Ngạn ở Bình Điền thuộc núi Thiên Thai.***

Sư người ở Hồng Châu, ở dưới cửa của Bách Trượng mà được ý chỉ. Sau nghe ở Thiên Thai có nhiều Thánh hiền, nghĩ muốn đến phương xa mà tìm dấu vết. Bèn cất am tranh ở dưới rừng yên vắng ngày tháng qua 4 chúng nhiều người biết nên lập thành tinh xá đặt tên là Thiền viện Bình Điền. Có lúc gọi chúng bảo: Thần quang không mê muội vạn cổ xán lạn. Vào cửa này chớ chấp hiểu biết. Có vị Tăng đến tham vấn.

Sư bèn đánh 1 gậy. Vị Tăng ấy đến gần nắm lấy gậy. Sư nói: Lão Tăng vừa rồi rất vội vã. Vị Tăng liền đánh Sư 1 gậy. Sư nói: Tác gia, tác gia. Vị Tăng lễ bái. Sư cầm gậy nói: Xà lê này vội gấp. Vị Tăng cười to. Sư nói: Sư Tăng ấy hôm nay hỏng lớn. Bèn có kệ dạy chúng rằng:

*Đại Đạo rộng lớn*
*Thường 1 chân tâm*
*Thiện ác chớ nghĩ*
*Thần thanh vật biểu*
*Tùy duyên ăn uống*
*Lại còn làm gì.*

Sư mất ở viện ấy. Nay Sơn môn ấy cũng còn di tháp đời Tống tu bổ lại đẹp hơn, ban biển Ngạch là Thọ Xương. Thiền sư Ngạn tức là Hòa thượng khai sơn Thọ Xương.

***5. Thiền sư Thường Quán ở Ngũ Phong Quân Châu:***

Có vị Tăng hỏi: Cảnh ở Ngũ Phong thế nào? Sư nói rất hiểm trở. Vị Tăng hỏi: Người trong cảnh thế nào? Sư nói: Rất lạnh. Có vị Tăng từ giã, Sư hỏi: Xà lê đi đâu? Vị Tăng nói đi Đài Sơn. Sư dựng 1 ngón tay nói: Nếu thấy Văn Thù rồi thì tới lui trong ấy nhìn thấy lẫn nhau. Vị Tăng không đáp được. Sư hỏi 1 vị Tăng: Ông có thấy trâu chăng? Vị Tăng nói thấy. Sư hỏi: Thấy sừng bên trái hay bên phải. Vị Tăng không đáp được. Sư tự đáp thay rằng: Thấy không trái phải. Lại Có vị Tăng từ giã, Sư nói Ông đi các nơi chớ chê Lão Tăng ở trong ấy. Vị Tăng đáp: Con chẳng nói Hòa thượng ở trong ấy. Sư hỏi: Ông nói Lão Tăng ở đâu? Vị Tăng dựng 1 ngón tay. Sư nói: Đó là sớm chê Lão Tăng.

***6. Thiền sư Tánh không ở núi Thạch Sương, ở Đàm Châu.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến? Sư nói: Nếu người ở trong giếng sâu ngàn thước nhờ tấc dây mà ra được thì người này đáp được ý từ Tây Trúc đến của ông. Vị Tăng nói: Gần đây ở Hồ Nam có Hòa thượng Sướng ra đời cũng là người Đông nói lời Tây. Sư gọi Sa di bảo hãy kéo bỏ cái áo thây chết đi. Sa di sau nêu câu chuyện ấy hỏi Đam Nguyên: Thế nào là người lên khỏi giếng. Đam Nguyên tôi kẻ ngu, có ai ở dưới giếng. Sau hỏi Qui Sơn thế nào là người ra khỏi giếng? Qui Sơn liền gọi tuệ Tịch tịch liền dạ Qui Sơn nói: ra! Khi ở Ngưỡng Sơn có nêu câu nói ấy bảo chúng rằng: Ta ở Đam Nguyên mà được tên, ở Qui Sơn mà được đất.

***7. Thiền sư Đại An ở Phước Châu.***

Sư là người Phước châu, họ Trần, thuở nhỏ ở núi Hoàng bá mà thọ nghiệp học tập Luật thừa. Từng nghĩ rằng: Ta tuy siêng năng khổ

nhọc mà chưa nghe được Lý Huyền Cực. Bèn 1 mình chống gậy đi các nơi. Khi đến Hồng Châu trên đường ra Thượng Nguyên gặp 1 cụ già gọi Sư bảo rằng: Sư đến Nam Xương sẽ có chỗ được. Sư vội đến ngài Bách Trượng lễ mà hỏi rằng: Đệ tử muốn cầu biết Phật thế nào là đúng. Sư nói: Giống như cởi trâu mà tìm trâu. Sư hỏi biết rồi Thế nào? Bách Trượng nói như vị cởi trâu đến nhà. Sư nói không biết trước sau bao nhậm ra sao? Bách Trượng nói như vị chăn trâu cầm gậy nhìn không cho phạm lúa thóc của vị. Sư từ đó hiểu ý chỉ nên không tìm cầu nữa. Vị đồng tham với Sư là Thiền sư Hựu ở sáng lập ra Qui Sơn. Sư đến trợ Đạo. Khi Thiền sư Hựu ở qui tịch thì chúng xin Sư tiếp làm trụ trì. Sư lên Pháp Đường bảo rằng: Các ông đều đến tìm cầu cái gì, nếu muốn thành Phật thì các ông tự là Phật mà bỏ đi tìm, gấp gáp như nai khát nước bị trời nắng rượt đuổi lúc nào mới được tương ưng. Ông muốn thành Phật thì tâm ông đừng nhiều điên đảo phan duyên vọng tưởng ác giác cấu dục bất tịnh như tâm các chúng sinh, thì ông là tâm đầu Tiên biết Phật, lại hướng về chỗ nào mà riêng dẹp bỏ lý do. Sư bèn ở yên tại Qui Sơn hơn 30 Năm, ăn cơm Qui Sơn ỉa đái ở Qui Sơn, chẳng học thiền Qui Sơn, chỉ khán 1 con trâu đực nếu lạc đường vào cỏ liền dụng ra nếu phạm vào lúa mạ của người thì phải đánh roi điều phục. Đã lâu đáng thương sống chịu vị nói năng. Như nay đổi thành con trâu trắng thường ở trước mặt, suốt ngày ra đường nằm dưới đất đuổi cũng chẳng đi. Các ông phải tự có ngọc báu vô giá, từ mắt phát ra ánh sáng chiếu khắp sông núi đất liền, từ tai phát ra ánh sáng thu nhận tất cả âm thanh thiện ác, sáu cửa ngày đêm thường phát ra ánh sáng, cũng gọi là Tam-muội phóng quang. Các ông tự chẳng biết lấy hình ảnh trong thân 4 đại, trong ngoài (giữ gìn) chẳng cho nghiêng đổ, như người gánh nặng đi qua cầu khỉ chênh vênh cũng chẳng té ngã. Lại là vật gì giữ gìn cho được. Thế ông tìm mảy may chẳng thấy. Cho nên Hòa thượng Chí Công nói: Trong ngoài tìm kiếm đều không có thi thiết trên cảnh thì trở thành tự nhiên to lớn có người hỏi, tất cả việc ra làm chính là dụng của. Pháp thân thế nào là pháp thân. Sư nói: Tất cả việc ra làm là của dụng pháp thân. Vị Tăng nói: Lìa 5 uẩn thế nào là thân xưa nay? Sư nói: Địa, thỉ, hỏa, phong, thọ, tưởng, hành, thức. Vị Tăng nói: Cái đó là 5 uẩn. Sư nói: Cái đó khác 5 uẩn. Hỏi lúc ấm này chết, ấm kia chưa sinh thì sao? Sư nói nếu hiểu ấm này thì biết ấm kia. Lại hỏi khi Đại dụng hiện tiền chẳng còn qui tắc là sao? Sư đáp: Ông dụng được thì dùng. Vị Tăng phanh ngực đi nhiễu Sư 3 vòng. Sư nói: Việc hướng thượng sao chẳng nói ấy. Vị Tăng định mở miệng. Sư liền đánh bảo rằng: Gã chồn hoang kia đi ra mau. Có vị Tăng

lên Pháp Đường quay nhìn Đông Tây chẳng thấy Sư, bèn bảo: Ôi Pháp Đường này chỉ là không người. Sư từ trong cửa đi ra nói: thế nào? Vị Tăng không đáp được. Hòa thượng Vân Phong nhân vào núi hại được 1 cành cây hình giống con rắn, ở lưng có đề rằng: Vốn tự thiên nhiên chẳng nhờ chạm trổ xin gởi cho Sư. Sư nói: Vật này ở núi lại không có vết búa của người. Có người hỏi: Phật ở đâu? Sư nói: Chẳng lìa tâm. Lại hỏi: Song Phong Thượng Nhân có chỗ được gì? Sư nói: Pháp không có chỗ được, nếu có chỗ được thì được vốn không được. Có vị Tăng hỏi: Quân Hoàng Sào đến Hòa thượng đi trốn ở đâu? Sư nói 5 uẩn trong núi. Vị Tăng hỏi bỗng bị bắt trói lúc đó ra sao? Sư nói: Não loạn tướng quân? Sư hoằng hóa ở Mân Thành hơn 20 Năm. Năm Đường Trung Hòa thứ 3, ngày 22 tháng 10, về chùa Hoàng bá bị bịnh mà mất. Tháp xây ở núi lăng già. Vua ban Thụy là Viên Trí Thiền sư ở, tháp hiệu Chứng Chân.

***8. Thiền sư Thần Tán ở Cổ Linh, Phước Châu.***

Sư trú chùa Đại Trung ở châu này sau khi thọ nghiệp thì đi hành cước gặp ngài Bách Trượng mà được khai ngộ, rồi trở về chùa xưa. Thầy thọ nghiệp hỏi rằng: Ông rời ta ra ngoài được sư nghiệp gì? Đáp: Đều không có sự nghiệp. Bèn sai làm việc. Một hôm ngài tắm rửa, sai Sư kỳ cọ. Sư bèn vỗ lưng nói: Ôi điện Phật mà Phật chẳng Thánh. Thầy quay đầu nhìn Sư bảo Phật, tuy chẳng Thánh nhưng lại phát ra ánh sáng. Một hôm thầy của Sư xem kinh bên cửa sổ, có con ong đâm đầu vào kính cửa sổ tìm cách bay ra. Sư thấy vậy nói: Thế giới rộng rãi chẳng chịu ra, lại chui giấy cũ nhiều Năm mới ra được. Ông thầy bỏ kinh xuống hỏi: Ông đi hành cước gặp ai mà ta thấy trước sau ông nói năng lạ thường. Sư đáp: Con được Hòa thượng Bách Trượng chỉ chỗ, nay muốn đáp lại từ đức của thầy mà thôi. Vị thầy do đó mời chúng dùng trai, rồi xin Sư nói pháp. Sư lên pháp tòa nói về môn phong của ngài Bách Trượng bèn nói: Linh quang soi chiếu vượt thoát căn trần, thể bày chân thường chẳng câu chấp văn tự (chữ nghĩa), tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên thì tức là Phật như như. Vị thầy qua lời nói liền cảm ngộ bảo rằng biết bao giờ Lão Tăng được nghe điều rốt ráo. Sau Sư ở Cổ Linh nhóm hợp đồ chúng được mấy Năm. Khi sắp qui tịch thì Sư cạo tóc tắm gội đánh chuông bảo chúng rằng: Các ông có biết Tam-muội Vô Thinh chăng? Chúng nói không biết. Sư nói các ông lắng nghe chớ suy nghĩ gì khác. Chúng đều lắng nghe, thì Sư an nhiên thị tịch, tháp thờ sư vẫn còn ở núi ấy.

***9. Thiền sư thông ở chùa Hòa An Quảng Châu.***

Sư thọ nghiệp tại chùa Song Lâm ở Vu Châu. Còn nhỏ đã ít nói, người lúc ấy gọi là “Nói chẳng thông”. Nhân lễ Phật có thiền giả hỏi rằng: Tọa chủ lễ? Sư nói: Lễ Phật. Thiền giả bèn chỉ Tượng hỏi rằng: Cái này là vật gì? Sư không đáp. Đến đêm đắp y đầy đủ oai nghi lễ Thiền giả hỏi rằng: Hồi sáng câu hỏi có ý chỉ gì con chẳng hay? Thiền giả nói: Tọa chủ mấy hạ rồi? Sư nói 10 hạ. Thiền giả nói: Có hiểu xuất gia chưa? Sư càng mờ mịt. Thiền giả nói nếu cũng chưa hiểu thì trăm hạ có kêu thua gì. Thiền giả bèn bảo Sư đến tham vấn Mã Tổ. Khi đi đến Giang Tây thì Mã Tổ đã thị tịch, bèn yết kiến ngài Bách Trượng thì sớm mở nghi tình. Có người hỏi: Sư có phải là Thiền sư hay chăng? Sư nói: Bần đạo chẳng hề học thiền. Sư im lặng hồi lâu rồi gọi người ấy. Người ấy dạ. Sư bèn chỉ cây cọ. Một hôm Sư khiến Ngưỡng Sơn đem cái giường đến. Sư nói đưa nó về chỗ cũ. Ngưỡng Sơn làm theo. Sư nói: Cái giường kia là vật gì? Ngưỡng sơn nói: Không vật. Sư nói đó là vật gì. Ngưỡng Sơn nói không vật. Sư bèn kêu Tuệ Tịch. Ngưỡng Sơn dạ. Sư nói: Đi!

***10. Thiền sư Đài ở Long Vân Giang Châu.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc đến: Sư đáp: Đêm qua Lão Tăng đã mất trâu.

***11. Thiền sư Đạo ở Viện Vệ Quốc Kinh Triệu:***

Có vị Tăng đến tham vấn, Sư hỏi: Từ đâu đến? Vị Tăng nói ở phía sông Tương Nam đến. Sư hỏi: Nước Sông Hoàng Hà trong chưa. Vị Tăng không đáp được. Sư bị bịnh có người đến tham. Sư chẳng ra. Người ấy nói: Từ lâu nghe Hòa thượng đạo đức. Bỗng thừa pháp thể khiến hòa, xin Hòa thượng cho gặp. Sư lấy cái bát gỗ đựng cái bát đá sai thị giả bưng ra trình, người ấy không đáp được.

***12. Hòa thượng Vạn Tuế Trấn Châu.***

Có vị Tăng hỏi: Đại chúng nhóm hợp bàn luận việc gì?

Sư nói: Phẩm Tựa thứ nhất.

***13. Thiền sư Duy Chánh ở núi Bách Trượng ở Hồng Châu.***

Một hôm Sư gọi vị Tăng bảo rằng: Ông cày ruộng dùng ta, ta nói đại nghĩa cho ông nghe dang. Vị Tăng cày ruộng xong về xin Sư nói đại nghĩa Sư bèn rộng 2 tay. Có lão Túc thấy ánh nắng chiếu qua cửa sổ, hỏi Sư rằng: Là cửa sổ đến mặt trời hay mặt trời đến của sổ? Sư nói trong phòng Trương lão có khách về rồi. Sư hỏi Nam Tuyền rằng: Thiện tri thức các nơi có người không nói tương tự với pháp này hay không? Nam Tuyền nói có. Sư nói: Là thế nào? Đáp: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật. Sư nói: Như thế thì nói tương tự với người rồi. Đáp tôi là sao?

Sư hỏi: Sư bá làm gì? Đáp: Ta lại chẳng phải là Thiện tri thức sao biết có nói không nói pháp nào. Sư nói: Con chẳng hiểu xin Sư bá nói. Đáp: Ta đại sát vì ông nói xong. Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Phật Phật đạo bằng nhau? Sư đáp định. Sư trên đường vào kinh gặp quan mời ăn uống, bỗng thấy con lừa hí vang. Quan gọi Đầu Đà thì Sư ngẩng đầu, quan chỉ lừa, Sư liền chỉ quan nhân.

***14. Hòa thượng Tuệ ở Đông Sơn Hồng Châu.***

Sư dạo núi ấy thấy 1 hang núi. Vị Tăng hỏi: Hang này có chủ hay không? Sư nói có. Vị Tăng hỏi là ai? Sư nói 3 nhà trong thôn tìm cái gì. Vị Tăng ấy vào hỏi thế nào là chủ trong hang núi. Sư hỏi lại gấp lắm chăng? Có vị Sư nhỏ hành cước về. Sư hỏi: Ông rời ta ra ngoài bao lâu rồi. Sư nhỏ nói: 10 Năm. Sư nói không cần chỉ Đông chỉ Tây thẳng đường tương lai Tiểu Sư nói đối với Hòa thượng chẳng dám nói sai. Sư hét gã đánh đánh đòn. Một hôm Hòa thượng Thanh Điền cùng Thượng Tọa Thao nấu trà. Sư gõ vào giường ba tiếng. Thao cũng gõ ba tiếng đưa 3 lần. Sư nói Lão Tăng đưa có sư khéo léo, Thượng Tọa gõ có đạo lý gì? Thao nói: Con gõ có cái phương tiện, Hòa thượng đưa cái gì? Sư đưa cái chén. lên Thao nói: Này Thiện tri thức mắt cần gì. Nấu trà xong Thao hỏi Hòa thượng vừa đưa cái chén là ý gì. Sư nói chẳng thể có riêng. Hòa thượng Đại Vu cùng Nam Dụng đến nhà uống trà thấy 1 vị Tăng ở trước không xét, Dung nói: Ta đã không nhận ông, ông cũng chẳng thấy ta, chẳng biết là ai? Vị Tăng không đáp. Sư nói: Không có thể không duyên cớ mà hỏi người ta như thế. Dụng nói Đại Vu cũng không đáp. Sư bèn nắm lấy vị Tăng ấy bảo ông sao làm lụy ta, cũng phải đánh một tát. Dụng mỉm cười bảo Trăng sáng và trời xanh. Thị giả đến tham Sư hỏi Kim cang Chánh Định tất cả đều thế, Thu đi Đông đến làm gì sinh Thị giả nói chẳng ngại Hòa thượng mượn hỏi. Sư nói tức nay tức được trở đi làm gì. Thị giả nói ai dám hỏi đến con. Sư hỏi Đại Vu được cái gì Thị giả đáp cũng muốn người khác xem xét. Sư nói giúp đỡ Tông sư chẳng bỏ vinh dự. Thị giá liền đảnh lễ.

*** Đệ tử nối pháp củaThiền sư Tạng ở Tây Đường Kiền Châu trước đây.**

***1. Thiền sư Xử Vi ở Kiền Châu.***

Vị Tăng hỏi: 12 phần giáo của 3 thừa, thể lý được diệu là đồng hay khác cùng ý Tổ Sư? Sư nói: Đó cần phải hướng 6 câu, bên ngoài không được chuyển theo thanh sắc khác mà. Vị Tăng nói: Thế nào là 6 câu. Sư nói: Nói im lặng, chẳng nói chẳng im lặng, đều là chung chẳng

là, ông hợp làm sao? Vị Tăng không đáp được. Sư hỏi Ngưỡng Sơn: Ông tên gì? Đáp: Tuệ Tịch. Sư hỏi cái gì là tuệ cái gì là Tịch? Đáp: Chỉ ở trước mắt. Sư nói: Cũng còn có trước sau. Tịch đáp trước sau tạm thời gác lại, Hòa thượng thấy cái gì. Sư đáp: Uống trà đi.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma Cốc, Bồ Châu.**

***1. Thiền sư Lượng Toại ở Thọ Châu.***

Lúc đầu Sư đến tham vấn Ma Cốc. Ma Cốc gọi Lượng Toại, Sư: đáp dạ! 3 lần gọi Thế 3 lần dạ. Ma Cốc nói Sư độn y. Sư mới tỉnh ngộ thưa rằng: Hòa thượng chớ lừa Lương Toại. Nếu không đến lễ Hòa thượng thì sống uổng 1 đời. Ma Cốc liền ấn khả.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Như Hội ở chùa Đông thuộc Hồ Nam trước đây.**

***1. Thiền sư tuệ Siêu ở Thự Sơn thuộc, Cát Châu.***

Động Sơn đến lễ bái, Sư nói: Ông đã ở 1 nơi lại đến trong ấy làm gì? Đáp: Lương giá không có nghi gì chỉ đến thăm Hòa thượng. Sư gọi Lương Giá, Giá dạ! Sư hỏi là cái gì? Giá không đáp được. Sư nói: Ông Phật đẹp nhưng không lửa sáng.

*** Đệ tử Đệ tử nối pháp của Thiền sư Hoài Uẩn chùa Chương Kính ở, Kinh Triệu.**

***1. Thiền sư Hoằng Biện ở chùa Đại Tiến Phước Tự, Kinh Triệu.***

Vua Đường Tuyên Tông hỏi: Thiện Tông sao có tên Nam Bắc. Sư đáp: Thiền môn vốn không Nam Bắc, xưa Như Lai đem chánh pháp nhãn giao cho Đại Ca-diếp, lần hồi truyền đến Tổ 28 là Bồ đề Đạt Ma tổ dạo đến xứ này là Tổ thứ nhất, đến Tổ thứ 5 là HoằngNhẫn mở pháp Đông Sơn thuộc Kỳ châu. Lúc đó có 2 đệ tử: 1 là tuệ Năng lãnh y pháp ở Lãnh Nam làm Tổ thứ 6; 1 là Thần Tú ở phía Bắc mà hoằng hóa, sau đó đệ tử của Thần Tú là Phổ Tịch lập thầy của mình làm Tổ thứ 6, mà tự xưng là Tổ thứ 7. Pháp được tuy 1 mà mở mang phát ngộ có Đốn Tiệm khác nhau, cho nên nói Nam Đốn, Bắc Tiệm. Không phải là Thiền tông vốn có tên Nam Bắc. Vua hỏi thế nào gọi là Giới Sư? Đáp rằng: Phòng lỗi ngăn ác gọi là giới. Vua hỏi sao gọi là Định? Đáp: 6 y đụng cảnh tâm không duyên theo gọi là Định. Vua hỏi: Thế nào là tuệ? Đáp rằng: Tâm cảnh đều không chiếu soi không mê hoặc gọi là tuệ. Vua hỏi: Thế nào là phương tiện? Đáp: Phương tiện là môn dấu thật che tướng quyền xảo

khéo léo, tìm cách tỉ mỉ dẫn dắt kẻ trung hạ, gọi là phương tiện. Nếu vì bậc thượng y nói bỏ phương tiện chỉ nói Đạo vô thường, thì đây cũng là phương tiện. Cho đến Tổ Sư nói năng huyền hoặc quên công dứt lời thì cũng đều là phương tiện. Vua hỏi: Thế nào là tâm Phật? Đáp: Phật là tiếng Thiên Trúc, Đường gọi là Giác, tức là vị có trí tuệ giác chiếu là tâm Phật. Tâm là tên khác của Phật. Có trăm ngàn hiệu khác, thể chỉ là 1, vốn không hình dạng, không có tướng xanh vàng đỏ trắng nam nữ. Ở trời mà không phải trời, ở người mà không phải người mà hiện trời hiện người, hoặc nam hoặc nữ, chẳng đầu chẳng cuối không sinh không diệt, nên gọi là tánh linh giác. Như Bệ hạ hàng ngày ứng muôn cơ tức tâm Phật của Bệ hạ. Dù cho ngàn Phật cùng truyền mà không có niệm riêng nào có chỗ được (sở đắc). Vua hỏi: Như nay có người niệm Phật là sao? Đáp: Như Lai ra đời làm Thiện tri thức của trời người, tùy y khí mà nói pháp. Vì người thượng căn thì khai mở Tối thượng thừa, đốn ngộ chí lý, còn kẻ trung hạ y thì chưa sớm hiểu. Do đó Phật vì Vi Đề Hy mà quyền mở 16 quán môn, khiến niệm Phật sinh về Cực Lạc cho nên kinh nói: Tâm ấy là Phật, tâm ấy làm Phật. Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Vua hỏi có vị trì kinh niệm Phật trì chú cầu Phật là Thế nào? Đáp: Như Lai các thứ mở mang khen ngợi đều là Nhất thừa tối thượng. Như trăm sông suối đều chảy về biển, các số khác nhau Thế đều về biển Tát Bà Nhã. Vua hỏi: Tổ sư đã khề hội tâm ấn. Như kinh Kim cang nói thì pháp vô sở đắc là thế nào? Đáp: Phật hóa độ thật ra không có 1 pháp ban cho người mà chỉ bày cho mọi người đều tự tánh đồng 1 pháp Bảo Tàng. Lúc đó đức Như Lai Nhiên Đăng chỉ ấn chứng pháp vốn có của Đức Thích ca mà không có gì đạt được mới khế hợp với bổn ý của Nhiên đăng. Cho nên kinh nói: Không ngã không nhân không chúng sinh không thọ giả là pháp bình đẳng, tu tất cả pháp lành mà không chấp tướng. Vua hỏi Thiền sư ở đã hiểu ý Tổ lại còn lễ Phật tụng kinh chăng. Đáp: Sa môn là con Phật lễ Phật tụng kinh. Bởi là trụ trì thường pháp (giữ gìn pháp thường) có 4 cách báo ân, Song y theo giới Phật mà tu thân, tham tìm tri thức, tiêm tu phạm hạnh, đạp vào dấu vết chỗ làm của Như Lai. Vua hỏi: Thế nào là đốn kiến, thế nào là tiệm tu? Đáp: Đốn biết tự tánh đồng hàng (bậc với Phật). Nhưng vì có tập nhiễm từ vô thỉ nên nhờ tiệm tu mà đối trị khiến thuận tánh khởi dụng, như vị ăn cơm chẳng phải 1 miếng mà no. Ngày ấy Sư Hoằng Biện đối đáp qua 7 khắc. Vua ban cho y tía đặt hiệu là Thiền sư Viên Trí. Lại ra lệnh khắp thiên hạ đều sửa sang các tháp Tổ và đều khiến giữ gìn.

***2. Thiền sư Trí chân ở Qui Sơn, Phước Châu.***

Sư người ở Dương Châu, họ Liễu, thọ nghiệp tại chùa Hoa Lâm ở phước Châu (Năm Đường Nguyên Hòa 1, Sư dời về Nhuận Châu ở thọ giới chùa Thiện Hương chẳng học kinh luận chỉ mến Thiền Na. Trước yết kiến Thiền sư Hoài Uẩn. Hoài Uẩn hỏi: Từ đâu đến, Chân đáp: Đến không chỗ đến, đi không chỗ đi. Hoài Uẩn tuy làm thinh nhưng, Chân cũng tự ngộ. Liền tìm đến Vụ Châu ở núi Ngũ Tiết gặp Thiền Bá Chánh Nguyên. Năm Trùng Khánh thứ 2 cùng dạo đến Kiến Dương. Người ở thọ quận là Diệp Phần xin Sư ở Đông Thiền. Đến Năm Khai Thành 1 thì Sư sang ở Phước Châu. Người ở ấp Trường Khê là Trần Lượng Huỳnh Du xin Sư ở Qui Sơn mà khai sáng. Một hôm Sư dạy chúng rằng: Mọi cử động nhìn nghe không ra ngoài con người hiện tại 1 niệm tịnh tâm xưa nay là Phật. Bèn nói kệ rằng:

*Tâm vốn dứt trần đâu cần rửa*
*Trong thân không bịnh cần gì thuốc*
*Muốn biết Phật ấy, chẳng phải thân*
*Gương sáng treo cao khi chưa chiếu.*

Sau gặp lúc vua Đường Võ Tông dẹp chùa đuổi vị Tăng ni, Sư có hai bài kệ dạy chúng rằng:

*1) Trăng sáng phân hình ở mọi nơi*
*Bạch y bèn thành người hiểu không*
*Ai nói người tục ngại tu Đạo*
*Kim túc từng là thân trưởng giả.*
*2) Dưới rừng nhãn Tiên ngồi tu thiền*
*Từng bị Ca Vương chặt tay chân*
*Huống ta triều này không việc ấy*
*Ngày nay Đạo suy có gì lo.*

Khi gặp vua Đường Tuyên Tông Trung Hưng Sư không mặc áo Đạo nữa. Năm Hàm Thông thứ 6 thì Sư mất ở (núi này), thọ 84 tuổi, lạp được 60. Vua ban Thụy là Qui Tịch Thiền sư ở, tháp hiệu Bí Chân.

***3. Thiền sư Hoài Chánh ở Đông Ấp, Lãng Châu.***

Ngưỡng Sơn đến tham vấn. Sư hỏi: Ông là người ở đâu? Ngưỡng Sơn nói: người ở Quảng Nam. Sư hỏi Ta nghe Quảng Nam có trấn hải minh châu phải chăng? Ngưỡng Sơn nói đúng. Sư hỏi: Châu ấy hình dạng Thế nào? Ngưỡng sơn nói trăng sáng liền hiện. Sư hỏi: Ông có đem được đến đây chăng? Ngưỡng Sơn nói đem đến được. Sư hỏi sao không trình cho Lão Tăng xem. Ngưỡng Sơn nói hôm qua đến Qui Sơn cũng đến tuệ Tịch đòi lấy châu này mà đã không có lời để đáp, không có lý để có thể

bày. Sư nói rõ thật là sư tử con gầm tiếng sư tử lớn.

***4. Thiền sư Thao ở Kim Châu.***

Một hôm xin Hòa thượng Mễ thọ trai mà không sắp đặt chỗ ngồi. Hòa thượng Mễ đến trải tọa cụ mà lễ bái. Sư xuống giường thiền. Mễ bèn lên chỗ Sư mà ngồi, còn Sư trải chiếu ngồi dưới đất. Thọ trai xong thì Mễ liền đi. Thị giả thưa với Sư: Hòa thượng được mọi người kính trọng, hôm nay chỗ ngồi bị người khác chiếm. Sư nói 3 ngày trở lại được cứu. Quả nhiên 3 ngày sau Mễ đến bảo rằng: Hôm trước gặp giặc.

***5. Hòa thượng Cổ Đê ở Lãng Châu.***

Bình thường thấy vị Tăng đến đều nói: Đi đi, ông không có Phật tánh vị Tăng không đáp được, hoặc có người đáp thì không hiểu ý chỉ. Một hôm Ngưỡng Sơn tuệ Tịch đến tham vấn. Sư nói đi đi, ông không có Phật tánh. Tịch vòng tay đến trước dạ. Sư cười đáp: Ông ở đâu được Tam-muội này? Tịch nói con từ Qui Sơn mà được. Tịch hỏi: Hòa thượng từ ai mà được. Sư nói ta từ Chương Kính mà được.

***6. Hòa thượng Công Kỳ ở Hà Trung.***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là Đạo, thế nào là Thiền Sư nói. Có tên gọi không phải Đại Đạo, phải quấy đều chẳng phải Thiền. Muốn biết ý trong đó, lá vàng ngăn tiếng tiền.

* Truyền tâm pháp yếu của Thiền sư Hy Vận ở Hoàng bá.

(Do Bùi Hưu ở Hà Đông biên tập)

Có Đại Thiền sư hiệu Hy Vận ở dưới Thứu Phong núi Hoàng Bá-huyện Cao An thuộc Hồng Châu, chính là cháu đích tôn của Lục Tổ Tào Khê, con của Bách Trượng cháu của Tây đường, chuyên tu Tối thượng thừa, được ấn lìa văn tự. Chỉ truyền 1 tâm không còn pháp nào khác, tâm thể cũng không muôn duyên dứt bặt. Như vầng mặt trời sáng rực rỡ trên không sạch trong không chút bụi nhơ. Chứng thì không mới cũ cạn sâu, nói thì không lập nghĩa giải, chẳng lập Tông chủ, chẳng mở cửa nẻo, ngay đây là đó động niệm thì trái, sau mới là Bổn Phật. Cho nên lời ấy đơn giản, lúc ấy thẳng thắn, đạo ấy cao vời, hạnh ấy lẻ loi. Người học bốn phương tìm núi mà đến, thấy tướng mà ngộ. Hải chúng Tới lui hơn ngàn vị. Tôi vào Năm Hội Xương thứ 2, ở Chung lăng. Từ núi rước đến châu nghỉ ở chùa Hưng Long, sớm tối hỏi Đạo. Năm Đại Trung 2 ở tại Uyển lăng, lại lễ rước về Sở Bộ mời ngụ chùa Khai Nguyên, sớm chiều thọ pháp. Bèn lui về mà ghi lại thì 10 điều chỉ được 2-3. Chuyên vì tâm ấn chẳng dám phát dương. Nay sợ tinh nghĩa nhập thần đời sau chưa nghe mà đem ra trao cho môn hạ. Vị Tăng Thái Châu Pháp Kiến về chùa Quảng Đường ở núi cũ, mời các Trưởng lão và pháp chúng hỏi

rõ các điều nghe thấy về Sư ngày xưa giống hay khác ra sao? Bây giờ là ngày 08 tháng 10 Niên hiệu Đường Đại Trung thứ 11 kính ghi.

Chư Phật cùng tất cả chúng sinh chỉ là 1 tâm không còn có pháp nào khác. Tâm này từ vô thỉ đến nay không hề sinh cũng không hề diệt, chẳng xanh chẳng vàng không hình không tướng, chẳng thuộc có không, chẳng kể mới cũ không phải dài ngắn, không phải lớn nhỏ, vượt ngoài tất cả hạn lượng, danh ngôn, dấu vết, đối đãi. Đương thể thì đúng, động niệm liền sai. Cũng như hư không chẳng có bờ cõi, chẳng thể suy lường. Chỉ 1 tâm này tức là Phật, Phật cùng chúng sinh không có khác nhau. Chỉ là chúng sinh chấp tướng cầu bên ngoài mà trở thành sai, khiến lấy Phật tìm Phật đem tâm bắt tâm, cùng kiếp trọn đời cũng không thể được. Chẳng biết dứt niệm quên nghĩ thì Phật tự hiện tiền.

- Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sinh, chúng sinh tức là Phật, Phật tức là tâm. Khi làm chúng sinh thì tâm này chẳng bớt khi thành Phật thì tâm này chẳng thêm. Cho đến Lục Độ vạn hạnh, hà sa công đức, vốn tự đầy đủ không nhờ tu thêm. Gặp duyên thì bỏ, duyên dứt thì vắng lặng Nếu chẳng quyết định tin đây mà muốn trước tướng tu hành để cầu công dụng thì đều là vọng tưởng cùng Đạo trái nhau. Tâm này tức là Phật mà không có Phật khác cũng không có tâm khác. Tâm này sạch sáng cũng như hư không. Chẳng 1 điểm hình tướng, dấy tâm động niệm liền trái pháp thể, tức là trước tướng. Mà từ vô thỉ đến nay không có trước tướng (chấp vào tướng). Phật tu Lục Độ Vạn hạnh là muốn cầu thành Phật tức là thứ lớp, mà từ vô thỉ đến nay không có Phật thứ lớp. Chỉ ngộ 1 tâm, lại không có 1 tí pháp nào có thể được. Đây thì là chân Phật, Phật cùng chúng sinh 1 tâm không khác. Cũng như hư không chẳng tạp chẳng hoại. Như vầng thái dương khắp chiếu 4 thiên hạ. Khi mặt trời chiếu thì sáng khắp thiên hạ mà hư không chẳng thêm sáng. Khi mặt trời lặn thì tối khắp thiên hạ mà hư không cũng chẳng tối thêm. Cảnh sáng tối tự tướng nó cướp nhau. Tánh của hư không rỗng rang không thay đổi. Phật cùng chúng sinh và tâm cũng thế. Nếu xem Phật là tướng thanh tịnh sáng suốt giải thoát, xem chúng sinh là tướng nhơ bẩn tối đen sinh tử, người này có cái hiểu Thế thì trải hà sa kiếp cũng trọn không được Bồ đề, ấy là vì trước tướng. Chỉ 1 tâm này lại không có mảy may chút pháp nào có thể được, tức là Phật. Nay người học Đạo chẳng hiểu (ngộ) tâm thể này, liền ở trên tâm mà sinh tâm hướng ngoại mà cầu Phật, trước tướng mà tu hành đều là ác pháp, chẳng phải Đạo Bồ đề.

- Cúng dường mười phương chư Phật chẳng bằng cúng dường cho

1 vị vô tâm chẳng thể được. Vô tâm là không tất cả tâm, là thể như như, trong ngoài như gỗ đá chẳng động chẳng chuyển. Trong ngoài như hư không chẳng ngăn chẳng ngại không năng không sở, không nơi chốn, không hình tướng, không được mất. Tới thì chẳng dám vào. Pháp này sợ lạc vào không, chẳng nơi nương tựa cho nên trông bờ bến mà lui. Đáng lý Văn Thù, đáng hạnh Phổ Hiền, lý là lý chân không vô ngại, Hạnh là hạnh lìa tướng vô tận. Đáng Đại từ của Quán Âm, đáng Đại trí của Thế Chí, là Duy Ma Tịnh Danh. Tịnh là tánh, danh là tướng. Tánh tướng chẳng khác gọi là Tịnh Danh, là biểu thị của các Đại Bồ tát, vị đều có chẳng lìa một tâm, ngộ thì tức là đúng. Nay người học Đạo chẳng hướng trong tâm mình mà ngộ, bèn ở ngoài mà cầu, mà trước tướng lấy cảnh thì đều cùng Đạo trái nhau. Hằng hà sa Phật nói là cát. Cát này chư Phật Bồ tát, các trời Thích Phạm bước lên mà đi, cát cũng chẳng vui. Trâu dê trùng kiến giậm đạp mà đi, cát cũng chẳng giận. Trân bảo thơm nồng, cát cũng chẳng tham. Cứt đái hôi tanh cát cũng chẳng ghét.

- Tâm này tức là tâm của vô tâm, lìa tất cả tướng. Chúng sinh và chư Phật lại không khác nhau. Chỉ có thể vô tâm thì đều là rốt ráo. Nếu Người học Đạo chẳng ngay đây mà vô tâm thì dù nhiều kiếp tu hành cùng không thành Đạo. Vì bị công hạnh 3 thừa trói buộc chẳng được giải thoát. nhưng chứng tâm này có chậm mau. Có người nghe pháp 1 niệm liền được vô tâm, có người đến Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng mới được vô tâm. Có người cho đến Thập địa nói được vô tâm. Dài ngắn được vô tâm liền trụ, lại không thể tu, lại không thể chứng. Thật không có chỗ được, chân thật chẳng dối một niệm mà được cùng với thập địa mà được thì công dụng ngang nhau không có cạn sâu, chỉ là trải nhiều kiếp chịu khổ nhọc 1 cách vô ích mà thôi. Vì làm thiện làm ác đều là trước tướng. Trước tướng gây ác thì uổng chịu luân hồi. chấp tướng tạo thiện thì uổng chịu khổ nhọc. Tóm lại không bằng sau lời nói mà tự mình nhận lấy Bổn pháp. Pháp này tức tâm, ngoài tâm không pháp. Tâm này tức pháp, trong pháp không tâm. Tâm tự không tâm cũng không cả không có tâm. Lấy cái tâm không tâm này thì tâm liền thành có, chỉ ngầm khế hợp mà dứt hết các suy lường nghĩ ngợi. Cho nên kinh nói ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt (dứt đường nói năng bặt chỗ nghĩ ngơi). Tâm này là nguồn gốc thanh tịnh của Phật, mọi người đều có. Các loài súc vật máy động (biết cử động) cùng chư Phật Bồ tát đồng 1 thể không khác. Chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo các thứ nghiệp, quả thật ở Phật chẳng có 1 vật nào, trống rỗng thông suốt lặng bặt sáng diệu an lạc mà thôi. Tự mình tỏ ngộ sâu sắc. Ngay đây là

trọn vẹn đầy đủ không hề thiếu sót. Dẫu 3 A Tăng kỳ tinh tiến tu hành trải qua các ngôi vị, và 1 niệm khi chứng chỉ là chứng Phật xưa nay của mình hướng lên không thêm được 1 vật nào. Trải xem dụng công nhiều kiếp đều là trong mộng vọng làm. Cho nên Như Lai nói: Ta đối với A nậu Bồ đề thật không chỗ được. Nếu vọng có sở đắc thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta. Lại nói: Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, đó gọi là Bồ đề, tức là tâm vốn xưa nay thanh tịnh này. Cùng với chúng sinh chư Phật thế giới núi sông, có tướng không tướng khắp cùng mười phương cõi, tất cả đều bình đẳng không có tướng kia đây. Tâm vốn xưa nay thanh tịnh này thường tự tròn sáng khắp. Người đời không ngộ mà chỉ nhận lấy thấy nghe hiểu biết là tâm nên bị thấy nghe hiểu biết ngăn che. Do đó khi thấy tính mình bản thể thì ngay ở vô tâm mà bản thể tự hiện. Như vầng mặt trời sáng rực trên hư không chiếu khắp mười phương không chướng ngại. Cho nên người học Đạo chỉ nhận thấy nghe hiểu biết làm động tác không tức thấy nghe hiểu biết, tức đương tâm dứt mất chỗ vào, chỉ đối với thấy nghe hiểu biết mà nhận ra bản tâm, nhưng bản tâm lại không thuộc thấy nghe hiểu biết, cũng chẳng lìa thấy nghe hiểu biết, chỉ đừng ở trên thấy nghe hiểu biết mà khởi lên kiến giải, không thấy nghe hiểu biết mà động niệm cũng chẳng lìa thấy nghe hiểu biết mà tìm tâm, cũng chẳng lìa thấy nghe hiểu biết mà lấy pháp. Chẳng tức chẳng lìa chẳng trụ chẳng trước. Dọc ngang tự tại không đâu là chẳng phải Đạo tràng.

- Người đời nghe nói chư Phật đều truyền tâm pháp, bèn bảo trong đó có 1 pháp tâm riêng để chứng, bèn đem tâm mà tìm pháp mà chẳng biết tâm tức là pháp, pháp tức là tâm. Chẳng thể đem tâm để tìm cầu tâm trải qua ngàn muôn kiếp không bao giờ có ngày được. Chẳng bằng ngay đây mà vô tâm liền là pháp ấy. Như lực sĩ khi được châu chỉ là được hạt châu trên trán hướng ra ngoài mà tìm không bao giờ được. Người trí chỉ rõ ngay lúc này mà tự thấy châu ấy như cũ. Người học Đạo mê bản tâm mình mà không nhận mình là Phật, bèn hướng ra ngoài mà khởi công dụng hạnh tìm cầu. nương vào ngôi vị chứng quả thứ lớp, trải qua nhiều kiếp siêng cầu nhưng chẳng thành Đạo. Chẳng hằng ngay đây vô tâm thì quyết định biết tất cả pháp vốn không thật có cũng không có chỗ đạt được không trú không nương, không năng không sở. Chẳng động vọng niệm liền chứng Bồ đề. đến khi chứng Đạo thì chỉ chứng bản tâm Phật. Trải qua nhiều kiếp dụng công đều là luống tu Như khi lực sĩ được châu thì chỉ được châu trên trán, không liên quan gì với sức tìm cầu ở bên ngoài. Phật nói ta A nậu Bồ đề thật không có chỗ

được. Vì sợ người không tin nên dẫn 5 nhãn thấy 5 lời, là nói chân thật chẳng dối là Đệ nhất nghĩa đế.

- Người học Đạo chớ nghi. 4 đại là thân, 4 đại Vô ngã, ngã cũng vô chủ. Cho nên biết thân này Vô ngã cũng vô chủ. 5 ấm Vô ngã cũng vô chủ, cho nên biết tâm này Vô ngã cũng vô chủ. Sáu căn 6 trần 6 thức hòa hợp sinh diệt cũng lại như vậy. Mười tám giới đã không thì tất cả đều không, chỉ có bản tâm thênh thang thanh tịnh. Có thức thực và có trí thực. Thân 4 đại đói ghẻ là bịnh, tùy việc mà nuôi dưỡng không nên tham đắm thì gọi là Trí thực. Còn mặc tình mùi vị ngon dở vọng sinh phân biệt chỉ cầu vừa miệng mà không chán lìa thì gọi là thức thực. Về Thanh văn do tiếng mà được ngộ nên gọi là Thanh văn. Chỉ không hiểu tâm mình chỉ đối với thinh giáo mà khởi hiểu. Hoặc nhân thần thông hoặc do tướng lạ, nói năng vận động, nghe có Bồ đề Niết-bàn, 2 A vị Tăng kỳ kiếp tu thành Phật Đạo, đều được thuộc Đạo Thanh văn gọi đó là Thanh văn. Phật chỉ ngay đây hiểu nhanh tâm mình xưa nay là Phật. Không có một pháp nào có thể, không có 1 hạnh nào để. Đây là Đạo vô thường, đây là Phật chân như. Người học Đạo chỉ sợ một niệm có thì liền ngăn cách Đạo. Niệm niệm không tướng, niệm niệm không làm thì tức là Phật. nếu Người học Đạo muốn được thành Phật thì tất cả Phật pháp đều không cần học, mà chỉ học không cầu không chấp trước. Không cầu thì tâm không sinh, không chấp trước thì tâm không nhiễm, (vô sinh vô nhiễm?) tức là Phật. 8 muôn 4 ngàn pháp môn đối trị 8 muôn 4 ngàn phiền não là môn giáo hóa tiếp dẫn, vốn không có một pháp, lìa tức là pháp, biết lìa tức là Phật. Chỉ vì tất cả phiền não là không có pháp nào có thể được.

- Người học Đạo muốn biết được yếu quyết, thì chỉ đừng ở trên tâm mà đắm trước một vật nào. Nói pháp thân Phật cũng như hư không. Đây là dụ pháp thân tức là hư không, hư không tức là pháp thân vị thường bảo pháp thân thây khắp hư không trong hư không có chứa pháp thân, mà không biết hư không tức là pháp thân, pháp thân tức là hư không. Nếu định nói có hư không, tức hư không chẳng phải là pháp thân. Nhất định nói có pháp thân, tức pháp thân chẳng phải là hư không. Chỉ chẳng hiểu biết về hư không thì hư không liền (tức) là pháp thân, chẳng hiểu biết về pháp thân thì pháp thân tức là hư không. Hư không cùng pháp thân không có tướng khác. Sinh tử Niết-bàn không có tướng khác, phiền não Bồ đề không có tướng khác, lìa tất cả tướng thì tức là Phật. Phàm phu chấp cảnh, người tu Đạo chấp tâm, tâm cảnh đều mất thì chính là chân pháp. Quên cảnh thì dễ mà quên tâm thì rất khó. Người

chẳng dám quên tâm là sợ lạc vào không chẳng có gì hết. Chẳng biết không vốn là chẳng không chỉ là 1 chân giới (cõi chân). Tánh Linh giác này từ vô thỉ đến nay cùng hư không đồng tuổi thọ, không hề sinh cũng không hề diệt, không hề có cũng không hề không, không hề nhơ cũng không hề sạch, không hề ồn cũng không hề lặng, không hề trẻ cũng không hề già, không phương hướng cũng không trong ngoài, không số lượng không hình tướng không sắc tượng không tiếng nói, không thể tìm không thể cầu, không thể lấy trí mà hiểu biết, không thể lấy nói năng mà phân biệt. Không thể lấy cảnh vật mà hiểu, không thể lấy công dụng mà đến. chư Phật Bồ tát cùng tất cả chúng sinh loài bò bay máy động đồng tánh Đại Niết-bàn. Tánh tức là tâm, tâm tức la Phật, Phật tức là pháp. Một niệm lìa chân thì đều là vọng tưởng. Chẳng thể lấy tâm mà lại cầu tâm, chẳng thể lấy Phật mà lại cầu Phật, chẳng thể lấy pháp mà lại cầu pháp. Cho nên vị tu Đạo ngay đây vô tâm mà ngầm khế hợp, định tâm liền sai. Dùng tâm truyền tâm đây là Chánh kiến (thấy đúng?). Cẩn thận chớ hướng bên ngoài đuổi theo cảnh làm tâm, là nhận giặc làm con. Vì có tham, sân, si liền lập giới Định tuệ. Vốn không có phiền não sao có Bồ đề. Cho nên Tổ Sư nói: Phật nói một pháp là để trừ tất cả tâm, nay ta không có tất cả tâm thì cần gì tất cả pháp. Trên Phật xưa nay vốn thanh tịnh không đắm trước một vật nào. Ví như hư không dầu lấy vô lượng thứ trân bảo để trang nghiêm thì nó trọn cũng không dính mắc. Phật tánh đồng với hư không, dầu lấy vô lượng công đức trí tuệ để trang nghiêm mà trọn cũng không thể dính mắc. Chỉ vì mê Bổn tánh nên trở thành chẳng thấy mà thôi.

- Nói về pháp môn Tâm địa thì muôn pháp đều nương vào tâm này mà lập vô gặp cảnh liền có, không cảnh liền không. Chẳng thể ở trên tịnh tánh mà trở thành hiểu biết về cảnh. Nói Định huệ là dùng để soi chiếu tỉnh táo mà vắng lặng. Thấy nghe hiểu biết đều là đối với cảnh mà hiểu. Tạm làm người hành Trung Hạ nói thì liền được. Nếu muốn thân chứng thì đều không thể hiểu Thế, vì đều là bị cảnh trói buộc. Pháp có chỗ mất, mất là ở chỗ có. Chỉ cần đối tất cả pháp mà không thấy có thì thấy pháp.

- Từ khi Đại sư Đạt ma đến Trung Quốc, chỉ nói một tánh, chỉ truyền một pháp. Đem Phật truyền Phật chẳng nói Phật khác, đem pháp truyền pháp chẳng nói pháp khác. Pháp là pháp chẳng thể nói, Phật tức Phật chẳng thể lấy, chính là tâm thanh tịnh xưa nay. Chỉ một việc này, nếu có việc thứ 2 khác thì chẳng phải thật. Bát Nhã là huệ, huệ này tức là gốc vô tướng.

- Phàm phu chẳng hướng về Đạo, chỉ tùy theo sáu tình mà đi vào sáu đường. Tức học Đạo rồi, một niệm tính kể sinh tử liền rơi vào đường của các ma, một niệm khởi các kiến chấp liền rơi vào ngoại đạo. Thấy có sinh mà hướng về diệt liền rơi vào Thanh văn Đạo. Chẳng thấy có sinh chỉ thấy có diệt tức là Duyên giác Đạo. Pháp vốn chẳng sinh nay cũng chẳng diệt. Chẳng khởi 2 chấp chẳng chán chẳng ham, tất cả các pháp chỉ là 1 tâm, sau đó mới chính là Phật thừa. Tất cả mọi người phàm đều đuổi theo cảnh mà sinh tâm, tâm liền ham chán. Nếu muốn không cảnh thì phải quên tâm ấy. Tâm quên thì cảnh không, cảnh không thì tâm mất Chẳng quên tâm mà chỉ trừ cảnh thì cảnh chẳng thể trừ, chỉ càng lăng xăng rối rắm mà thôi. Cho nên muôn pháp chỉ là tâm, tâm cũng chẳng thật có thì lại cầu cái gì? Người học pháp Bát Nhã chẳng thấy 1 pháp có thể được. Ý dứt 3 thừa chỉ 1 chân thật, chẳng thể chứng được. Bảo rằng: Ta chứng ta được đều là người Tăng thượng mạn. trong hội Pháp Hoa phủi áo mà đi đều là hạng người này. Cho nên Phật nói: Ta đối với Bồ đề thật không chỗ được ngầm khế hợp mà thôi.

- Người bình thường muốn tu chứng, chỉ quán 5 uẩn đều không, 4 đại Vô ngã chân tâm không tướng chẳng đến chẳng đi. Lúc sinh thì tánh cũng không đến, khi chết tánh cũng không đi. Trong sáng tròn đầy vắng lặng tâm cảnh như một Chỉ được như vậy thì ngay đó mà hiểu nhanh. Chẳng bị 3 đời ràng buộc, liền trở thành người xuất thế. Tất cả chẳng được có phần mảy may tiến đến. Nếu thấy tướng lành như chư Phật đến rước và các thứ hiện tiền cũng vô tâm theo nó đi qua. Nếu thấy các tướng ác thì tâm cũng không sợ. Chỉ tự quên tâm đồng ở pháp giới thì liền được tự tại.

Nói đến Hóa Thành, là Nhị thừa, Thập địa cho đến Đẳng giác, Diệu giác... đều là quyền lập giáo để tiếp dẫn, đều là Hóa thành. Nói đến Bảo Sở, chính là vật báu của tự tánh chân tâm Bổn Phật vật báu này không thuộc vào suy lường thường tình, chẳng thể kiến lập. Không Phật không chúng sinh, không năng không sở thì chỗ nào có Thành. Nếu hỏi đây đã Hóa Thành thì chỗ nào là bảo sở bảo sở chẳng thể chỉ, nếu chỉ tức là có bảo sở, không phải là chỗ chân thật. Cho nên nói ở gần mà thôi. Ở gần là chẳng thể nói định lượng, chỉ phải thể hội khế hợp. Kẻ xiển Đề là không có lòng tin. Tức tất cả chúng sinh sáu đường cho đến Nhị thừa chẳng tin có Phật đều gọi là Đạo thiện căn xiển Đề. Bồ tát tin sâu Phật pháp không thấy có Đại thừa Tiểu thừa, Phật dùng chúng sinh đồng một pháp tánh, nên gọi là xiển Đề thiện căn. Đại để nhờ nghe giáo mà ngộ thì gọi là Thanh văn. Quán nhân duyên mà ngộ thì gọi là

Duyên giác. Nếu chẳng hướng vào tự tâm mà ngộ thì dù đến thành Phật cũng gọi là Phật Thanh văn. Người học đạo Phật đối với pháp mà ngộ, chẳng ở tâm mà ngộ, thì dù trải nhiều kiếp tu hành cũng không bao giờ là Bộn Phật Nếu chẳng ở tâm ngộ mà ở pháp ngộ thì tức là khinh tâm mà trọng pháp, bèn thành dạy theo cục đất vì quên mất Bổn tâm. Nếu chỉ khế hợp bổn tâm thì chẳng cần cầu pháp vì tâm tức là pháp.

- Người bình thường phần nhiều đều nói cảnh ngại tâm, sự ngại lý, thường muốn trốn cảnh để tâm yên, dẹp sự để lý còn. Chẳng biết đó chính là tâm ngại cảnh, lý ngại sự. Chỉ cần khiến tâm không thì cảnh tự không, chỉ khiến lý lặng thì sự tự lặng, chớ dụng tâm trái người bình thường phần nhiều chẳng chịu không tâm mà sợ rơi vào không. Chẳng biết tự tâm vốn không, vị ngu trừ sự mà chẳng trừ tâm, vị trí trừ tâm mà không trừ sự. Tâm Bồ tát như hư không tất cả đều bỏ, làm được phước đức gì đều chẳng nên tham đắm nhưng bỏ có 3 bậc, trong ngoài thân tâm tất cả đều bỏ. Cũng như chẳng không có chỗ dính mắc. Sau mới tùy phương ứng với vật mà năng sở đều quên. Đó gọi là Đại xả Nếu 1 bên hành đạo bố đức, 1 bên dứt bỏ hết không mong cầu gì, tâm này gọi là trung xả. Nếu rộng tu các điều thiện mà có sự mong cầu nghe pháp biết không bèn chẳng mê đắm trước, đó gọi là Tiểu xả. Bỏ lớn như ngọn đuốc ở trước mặt liền không mê ngộ. Nếu bỏ vừa thì như ngọn đuốc ở bên mình hoặc hoặc sáng hoặc tối. Nếu bỏ nhỏ thì như ngọn đuốc ở sau lưng không thấy hầm hố. tâm như Bồ tát hư không tất cả đều bỏ. Tâm quá khứ không thậy có là bỏ quá khứ. Tâm hiện tại không thể được là bỏ hiện tại. Tâm vị lai không thể được là bỏ vô lượng. Đó gọi là 3 đời đều bỏ. Từ khi Như Lai giáo pháp cho Ca-diếp đến nay. Lấy tâm ấn tâm, tâm tâm không khác, ấn dính vào không thì ấn chẳng thành văn. Ấn dính vào vật thì ấn chẳng thành pháp. Cho nên dùng tâm ấn tâm tâm không đổi, năng ấn sở ấn đều khó khế hội nên vị được thì ít. Nhưng mà tâm tức không tâm được tức không được.

Phật có 3 thân pháp thân là nói tự tánh linh thông. Báo thân là nói tất cả thanh tịnh. Hóa thân là nói sáu độ vạn hạnh. Phép thân nói pháp thì chẳng dùng lời lẽ tiếng nói hình tướng văn tự, chẳng có chỗ nói chẳng có chỗ chứng, tự tánh linh thông mà thôi. Cho nên nói không có pháp nào để nói đó gọi là nói pháp. Còn báo thân, hóa thân thì đều tùy cơ cảm mà hiện ra nói pháp, cũng tùy sự ứng với căn để mà nhiếp hóa thì đều không phải là chân pháp, cho nên nói báo hóa không phải là chân Phật, cũng không phải là vị nói pháp.

Nói về Đồng là 1 Tinh minh mà chia làm sáu hòa hợp. 1 Tinh

minh là 1 tâm, sáu hòa hợp là 6 căn đều hợp trần. Mắt hợp với sắc, tai hợp cùng, mũi hợp, lưỡi hợp với Thanh mũi hợp với hương, lưỡi hợp với vị, thân hợp với xúc, ý hợp với pháp giữa căn và trần ra 6 thức, thành 18 giới. Nếu hiểu biết 18 giới là không thật có, thì cột sáu hòa hợp thành một Tinh minh. Một Tinh minh tức là tâm. Người học Đạo đều biết điều này. Nhưng chỉ vì không tránh khỏi việc hiểu 1 Tinh minh sáu hòa hợp, bèn bị pháp trói buộc mà không khế hội bổn tâm. Như Lai hiện ra đời muốn nói pháp Nhất thừa, mà chúng sinh không tin chê bai nên bị chết chìm ở biển khổ. Nếu chẳng nói thì Phật rơi vào xan tham. Chẳng vì chúng sinh mà bố thí tất cả diệu Đạo, bèn phương tiện nói 3 thừa. Thừa có lớn nhỏ, được có sâu cạn, đều không phải bổn pháp. Cho nên nói chỉ có Đạo Nhất thừa này, hai thừa còn lại thì chẳng phải chân. Nhưng hoàn toàn chưa thể nào hiện bày pháp về 1 tâm. Cho nên mời Ca-diếp cùng ngồi trên pháp tòa, riêng trao cho pháp 1 tâm lìa nói năng: Một nhánh pháp này nay riêng thực hành nếu khế ngộ được thì liền đến Phật Địa.

Kệ Truyền Tâm của Tướng Quốc Bùi Hưu.

Ở Uyển lăng và Chung lăng tôi đều đích thân được Thiền sư Hy Vận-hoàng bá truyền hết tâm yếu, bèn làm kệ Truyền Tâm như vậy:

*Tâm chẳng thể truyền*
*Lấy khế làm truyền*
*Tâm chẳng thể thấy*
*Lấy vô làm thấy*
*Khế cũng không khế*
*Không cũng chẳng không*
*Hóa thành chẳng ở*
*Trán mê có châu*
*Châu là cưỡng gọi*
*Thành đâu có hình*
*Tức tâm tức Phật*
*Phật tức vô sinh*
*Ngay đây chính là*
*Chớ cầu chớ xây*
*Khiến Phật tìm Phật*
*Càng phí công trình*
*Tùy pháp sinh hiểu*
*Liền vào cõi ma*
*Phàm Thánh chẳng phân*
*Bèn lìa nghe thấy*

*Vô tâm như gương*
*Với vật không tranh*
*Vô niệm giống không*
*Chẳng vật chẳng chứa*
*Pháp ngoài 3 thừa*
*Nhiều kiếp mong gặp*
*Nếu được như vậy*
*Là bậc xuất thế.*

Có nghe: Đại sĩ Hà Đông chính mắt thấy Đạo sư Cao An truyền tâm yếu. Ở đời này làm kệ mà chỉ bày sau, sớm mở mang điếc cho vị mù, rực sáng như Đan Thanh. Tôi tiếc vì sẽ bị phân tán nên chép vào 1 bài này. Năm Mậu Tý, năm khánh lịch Nam Tông, tự là Thiên Chân kính ghi

(Trong bài này có sửa đổi 11 chỗ, lạc mất 3 chữ, thêm vào 9 chữ. Có tra cứu ghi chép của 4 nhà. Nay chép riêng đây bài này.)

■

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 10

Thiền sư Hoài Nhượng sau đời thứ 3 có 61 vị.

* Đệ tử nối pháp Thiền sư Phổ Nguyên Nam Tuyền ở Trì Châu có 17 vị (12 người thấy có ghi lục).

1. Thiền sư Cảnh Sầm ở Hồ Nam Trường Sa
2. Thiền sư Đàm Chiếu ở Kinh Nam Bạch Mã
3. Thiền sư Sư Tổ ở Vân Tế núi Chung Nam
4. Thiền sư Nghĩa Đoan ở hạ đường hương nghiêm thuộc Đặng Châu,
5. Thiền sư Tùng Thâm ở Đông Viện Triệu Châu
6. Thiền sư Nhàn ở Linh Thứu Trì Châu
7. Hòa thượng ở núi Thù Du Ngạc Châu
8. Thiền sư Lợi Tung ở Tử Hồ Cù Châu
9. Hòa thượng, Tung Sơn ở Lạc Kinh
10. Hòa thượng Nhật Tử
11. Hòa thượng Tô Châu Tây Thiền
12. Thú Sử Lục Hoàn ở Tuyên Châu,
13. Hành Giả Cam Chí Trì Châu

(13 vị trên đây thấy có ghi lục)

14. Thiền sư Tồn Chế ở Tư Sơn
15. Thiền sư Đạo Hoàng ở Giang lăng
16. Huyền Cực Thiền sư ở Tuyên Châu
17. Thiền sư Đạo Quân ở nước Tân La

(4 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục)

***

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Tề An ở Diêm Quan-Hàng Châu có 8 vị (3 người thấy có ghi lục)

1. Thiền sư Đạo thường ở Quan Nam Tương Châu,
2. Thiền sư Huyền Chân ở Song Lãnh Hồng Châu,
3. Thiền sư Giám Tông ở Kính Sơn Hàng Châu (ba người thấy có

ghi lục)

4. Hoàng đế Tuyên Tông đời Đường

5. Thiền sư Đàm Tinh ở Bạch Vân

6. Thiền sư Văn Cử ở Lạc Thủy Lộ Phủ

7. Thiền sư Phẩm Nhật ở Tân La

6. ở Thiền sư Kiến Tông Thọ Châu, (5 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục).

***

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết-vụ Châu có 4 vị (1 người thấy có ghi lục)

1. Thiền sư Chánh Nguyên ở núi Qui Sơn-Phước Châu (1 người thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Hiểu Phương ở Chùa Cam Tuyền

3. Thiền sư Tạng Hoán ở chùa Thê Tâm Minh Châu

4. Thiền sư Nguyên Toại ở Chùa Cam Tuyền (3 vị trên đây không có cơ duyên ngữ cú không ghi lục)

***

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Như mãn ở chùa Phật Quang-Lạc Kinh có 1 vị: 1. Thứ sử Bạch Cư Dị ở Hàng Châu (1 người thấy có ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Pháp Thường ở núi Đại Mai-Minh Châu có 3 vị:

1. Thiền sư Ca Trí ở nước Tân La

2. Hòa thượng Thiên Long ở Hàng Châu (2 vị trên đây thấy có ghi lục)

3. Thiền sư Trung Ngạn ở Tân La (1 người này không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp Thiền sư Linh Thoan ở chùa Vĩnh Thái-Kinh Châu có 5 vị

1. Thiền sư Giới Hư ở Thượng Lâm Hồ Nam

2. Hòa Thượng Bí Ma Nham ở núi Ngũ Đài

3. Hòa thượng Kỳ Lâm Hồ Nam (3 vị trên đây thấy có ghi lục)

4. Thiền sư Văn Chất ở núi Lữ Hậu

5. Thiền sư Pháp Hà ở Tô Châu (2 vị trên đây không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục).

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Bảo Tích ở Bàn sơn-U Châu có 2 vị

1. Hòa thượng Trần Thủ Phổ Hóa

2. Hòa thượng Trấn Châu Thượng Phương ở Trấn Châu (1 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Duy Khoan ở Chùa Hưng Thiện-Kinh triệu có 6 vị:

1. Thiền sư Pháp Trí ở Kinh Triệu
2. Thiền sư Kinh Triệu ở Vô Biểu
3. Thiền sư Kinh Triệu ở tuệ Kiến
4. Thiền sư Kinh Triệu ở Nguyên Tịnh
5. Thiền sư Kinh Triệu ở tuệ Quang
6. Thiền sư Kinh Triệu ở Nghĩa Tông.

(6 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Tịnh Tông ở Vân Thủy (có 2 vị)

1. Thiền sư Thần Chiếu ở Tiểu Mã Hoa Châu
2. Thiền sư Đạo Viên ở Hoa Châu.

(2 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Thiền Sư Viên Sướng ở núi Long Nha-Đàm Châu có 2 vị:

1. Thiền sư Tạng Dị ở Gia Hòa

(1 người thấy có ghi lục)

2. Thiền sư Dương Trường ở Tạng Khu

(1 vị không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Quốc sư Vô Nghiệp ở Phần Châu (có 2 vị)

1. Thường Trinh Thiền sư ở Trấn Châu
2. Thiền sư ở Trấn Châu Phụng Tiên nghĩa.

* Đệ tử nối pháp pháp ngài Lô Sơn Qui Tông. Thiền sư ở (Trí Thường có 6 vị)

1. Thiền sư Linh Huấn ở núi Phù Dụng Phước Châu,
2. Hòa thượng Cao Đình ở huyện Cốc Thành Hán Nam
3. Hòa thượng Đại Mao người nước Tân La
4. Thiền sư Trí Thông ở Ngũ Đài (4 vị này có ghi lục)
5. Thiền sư Đại Ngu ở Cao An Hồng Châu
6. Giang Châu Thứ sử Lý Bột (2 người này không có Ngữ lục).

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Bảo Vân ở Lỗ Tổ (có 1 vị)

1. Hòa thượng Vân Thủy.

* Đệ tử nối pháp pháp ngài Đạo Thông Thiền sư ở núi Tử Ngọc (có 1 vị)

1. Tiết Độ Sứ Vu Địch Tương Châu thờ nhà Đường. (1 vị này không có cơ duyên-ngữ cú không ghi lục)

* Đệ tử nối pháp của Thiền sư Trí Tạng ở chùa Hoa Nghiêm (có 1 vị)

1. Hòa thượng Tề An ở Huỳnh Châu (1 vị này thấy có ghi lục)

***

*** Thiền sư Hoài Nhượng ở - Đời thứ 3.**

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Phổ Nguyện Nam Tuyền ở Trì Châu.**

***1. Cảnh Sầm hiệu Đại sư Chiêu Hiền ở Trường Sa Hồ Nam***.

Bắt đầu ở Lộc Uyển là đời thứ nhất. Sau đó ở chỗ không nhất định. Sư chỉ theo duyên tiếp vật, tùy xin mà nói pháp. Nên mọi người lúc ấy gọi là Hòa thượng Trường Sa. Sư lên Pháp Đường nói: Nếu Tôi 1 bề mở mang Tông giáo thì Trong Pháp Đường cỏ cao một trượng, việc ta chẳng được, do đó mà tôi nói với các ông rằng: Tất cả thế giới mười phương đều là mắt Sa môn, tất cả thế giới mười phương đều là toàn thân Sa môn, hết cả thế giới mười phương đều là ánh sáng của mình, tất cả thế giới mười phương đều ở trong ánh sáng của mình, tất cả thế giới mười phương không 1 ai chẳng phải là mình. Tôi nói với các ông rằng: 3 đời chư Phật cùng hết cả pháp giới chúng sinh là ánh sáng Ma-ha Bát Nhã. Khi ánh sáng chưa phát ra thì các ông hướng vào đâu mà phó thác. khi ánh sáng chưa phát thì còn không có tin tức của Phật của chúng sinh, chỗ nào mà được núi sông cõi nước đến. Lúc đó Có vị Tăng hỏi rằng: Thế nào là mắt Sa môn? Sư nói dài dài ra mãi chẳng được. Lại nói thành Phật thành Tổ ra chẳng được, 6 đường luân hồi ra chẳng được. Vị Tăng nói: Chẳng hay ra cái gì chẳng được. Sư nói: Ngày thấy mặt trời đêm thấy sao. Vị Tăng nói: Đệ tử chẳng hiểu. Sư nói: Núi diệu cao màu xanh càng xanh. Vị Tăng hỏi: Trong giáo nói: mà thường ở tòa Bồ đề này, thế nào là tòa. Sư nói Lão Tăng đang ngồi ở vị Đại Đức. Có vị Tăng hỏi thế nào là Đại Đạo? Sư nói suốt đời mất ông. Vị Tăng hỏi chư Phật là ai. Sư nói từ vô thỉ kiếp đến nay nhờ ai che mát. Vị Tăng hỏi khi chưa có chư Phật về trước thì Sư làm gì? Sư nói: Lỗ tổ mở Pháp Đường cùng Sư Tăng nói Đông nói Tây. Vị Tăng nói: Đệ tử chẳng dựa vào đất đai thời giờ thì thế nào? Sư nói: Ông hướng vào đâu ma an thân lập mạng. Vị Tăng hỏi tức dựa vào đất đai và thời gian thì ra sao? Sư nói: Hãy ra khỏi cái thấy chết. Vị Tăng hỏi: Thế nào là dị loại Sư nói: Thước ngắn mà tấc dài. Vị Tăng hỏi: Thế nào là thầy chư Phật Sư nói chẳng thể trải qua bẻ thẳng mà làm cong chăng? Vị Tăng nói xin Hòa thượng hướng thượng mà nói Sư nói: Xà Lê mắt mù tai điếc là sao? Sư sai 1vị Tăng đi hỏi người đồng tham là Hòa thượng hội.rằng:

Hòa thượng thấy Nam Tuyền sau này Thế nào? Hội im lặng hồi lâu. Vị Tăng hỏi: Khi chưa thấy Nam Tuyền về trước thì Hòa thượng thế nào? Hội nói: Chẳng thể có ghi khác nữa. Vị Tăng trở về nói lại cho Sư. nghe Sư bèn nói 1 kệ rằng:

*Người đầu rào trăm trượng chẳng động*
*Tuy vào được cũng chưa là chân*
*Đầu sào trăm trượng phải tiến bước*
*Thế giới mười phương là toàn thân.*

Vị Tăng hỏi: Như dầu sào trăm Trượng làm sao tiến bước. Sư nói: Núi Lãng Châu, nước lễ Châu. Vị Tăng nói: Xin sư nói. Sư nói: Rộng hoằng hóa trong 4 biển 5 hồ.

Có khách đến gặp Sư gọi lớn "Thượng thư"! Người ấy dạ! Sư nói chẳng phải là bổn mạng Thượng thư. Người ấy đáp: Chẳng thể lìa mà lại ngay bây giờ chỉ đối riêng có chủ nhân thứ 2. Sư nói: Gọi Thượng thư làm chí tôn được chăng? Người ấy đáp đó chẳng chỉ đối thời chẳng phải là đệ tử và chủ nhân chăng? Sư nói không phải chỉ đối hay chẳng đối, từ vô thỉ kiếp đến nay là cội gốc sinh tử. Có kệ rằng:

*Người học Đạo mà chẳng biết chân*
*Chỉ vì từ xưa nhận thức thần*
*Vô thỉ kiếp nay gốc sinh tử*
*Người si gọi là thân xưa nay.*

Có Tú tài xem kinh Phật Danh hỏi rằng: Trăm ngàn chư Phật chỉ thấy danh hiệu của các ngài chẳng hay ở cõi nước nào có còn hóa vật hay không? Sư nói: Lầu Hoàng Hạc Thôi Hiệu đề, sau Tú tài có từng đề chưa? Đáp: Không hề. Sư nói: Được nhàn tản đề 1 bài có ngại gì? Vị Tăng hỏi: Nam Tuyền thiên hóa đi đến nơi nào? Sư đáp nhà Đông làm lừa, nhà Tây làm ngựa. Vị Tăng hỏi: Ý này Thế nào? Sư đáp muốn cỡi thì cỡi muốn xuống thì xuống. Vị Tăng Hạo Nguyệt hỏi: Thiện tri thức trong thiên hạ chứng được 3 đức Niết-bàn chưa? Sư hỏi Đại Đức hỏi Niết-bàn trong quả hay Niết-bàn trong nhân? Đáp hỏi Niết-bàn trong quả. Sư nói: Thiên hạ Thiện tri thức chưa chứng. Hỏi: Vì sao chưa chứng? Sư đáp vì công chưa bằng với các Thánh. Hỏi: Công chưa bằng các Thánh sao gọi là Thiện tri thức. Sư nói thấy sáng Phật tánh cũng được gọi là Thiện tri thức. Hỏi chẳng hay công bằng với Đạo nào thì gọi là chứng Đại Niết-bàn. Sư có bài kệ rằng:

*Ma-ha Bát Nhã chiếu*
*Pháp giải thoát sâu xa*
*Pháp thân thể vắng lặng*

*Ba một Lý viên thường*
*Muốn biết chỗ công bằng*
*Đây gọi Thường tịch quang.*

Lại hỏi: Quả của 3 đức Niết-bàn đã được chỉ bày, vậy thế nào là Niết-bàn trong nhân? Sư nói: Chính là. Đại Đức Lại hỏi: Trong giáo huyễn ý là có chăng? Sư hỏi: Đại Đức nói gì? Hỏi: Huyễn ý đó có hay không có? Sư đáp: Đại Đức nói gì? Hỏi: Như thế thì huyễn ý là không có cũng không không chăng? Sư nói: Đại đức là nói gì? Hỏi: Như con trình bày ba lần đều không khế hội huyễn ý, chân hay Hòa thượng nói thế nào về huyễn ý trong giáo. Sư hỏi Đại Đức có tin là tất cả pháp, chẳng thể nghĩ bàn chăng? Đáp: Thật lời Phật nói đâu dám chẳng tin. Sư hỏi: Đại Đức nói tin, vậy trong 2 tin thì là tin nào? Đáp: Con nói trong 2 tin gọi lấy duyên tin. Sư nói: Y vào giáo môn nào được sinh duyên tin. Đại Đức nói: Y cứ vào Hoa Nghiêm nói Bồ tát Ma-ha Tát lấy trí tuệ vô chướng vô ngại mà tin tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai. Lại Hoa Nghiêm nói: Chư Phật Thế Tôn đều biết pháp thế gian và pháp tánh chư Phật không khác nhau, quyết định chẳng 2. Lai Hoa Nghiêm nói: Phật pháp và pháp thế gian thấy chân thật tất cả không khác nhau. Sư nói: Đại Đức nêu duyên tin giáo môn rất có chỗ đến, nghe Lão Tăng cùng Đại Đức nói ý huyễn trong giáo. Nếu người thấy huyễn xưa nay vốn là chân, đó gọi là người thấy Phật. Viên thông pháp pháp không sinh diệt, không diệt không sinh là thân Phật. Lại hỏi: Con giun đứt làm 2 đoạn, 2 đoạn đều bò đi là Phật tánh ở (đoạn) nào. Sư nói động và chẳng động là cảnh giới nào vị Tăng bảo: Nói chẳng có sách vở, chẳng phải lời người trí nói. Chỉ như Hòa thượng nói động thì xuất phát từ kinh nào? Sư nói rõ ràng lời nói không liên quan đến sách vở, chẳng phải người trí nói, pháp há chẳng thấy kinh Thủ lăng Nghiêm nói: Phải biết mười phương vô biên bất động hư không cùng với chỗ động của đất nước lửa gió gọi là 6 đại, tánh thật viên dung đều là Như Lai tạng vốn không sinh diệt. Sư có kệ rằng:

*Rất sâu xa lại rất sâu xa,*
*Thân người pháp giới chính là tâm.*
*Mê thì mê tâm vì các sắc,*
*Khi ngộ cảnh giới là chân tâm*
*Thân giới hai trần không thật tướng,*
*Rõ ràng hiểu đây gọi tri âm.*

Lại hỏi: Thế nào là Đà la ni? Sư chỉ bên phải giường thiền bảo: Cái này Sư Tăng tụng được: Lại hỏi có riêng người tụng được chăng?

Lại chỉ bên trai giường thiền bảo: Cái này Sư Tăng cũng tụng được. Hỏi: Vì sao tôi chẳng nghe. Sư nói: Đại Đức há chẳng nghe nói. Chân tụng thì không có tiếng vang, chân nghe thì không nghe thấy gì. Vị Tăng nói: Đó thì tiếng chẳng vào tánh pháp giới. Sư nói lìa sắc mà cầu xem không phải chánh kiến, lìa tiếng mà cầu nghe ấy là nghe tà. Hỏi: Vì sao không lìa sắc là chánh kiến, không lìa tiếng là chân nghe? Sư bèn nói kệ:

*Đầy mắt không phải sắc*
*Đầy tai không phải tiếng*
*Văn Thù thường thấy hết*
*Quán Âm bít lỗ tai*
*Đủ ba nguồn một một thể*
*Thấu bốn gốc đồng chân*
*Đầy nhà pháp giới tánh*
*Không Phật cũng không người.*

Vị Tăng hỏi: Nam Tuyền nói: Con cáo con bò đực lại biết có, chư Phật 3 đời không biết có. Vì sao chư Phật 3 đời chẳng biết có? Sư nói: Cũng như ông khi chưa vào lộc uyển. Vị Tăng nói: Con cáo con bò đực vì sao biết có. Sư nói: Ông sao lạ gì chúng. Vị Tăng hỏi: Hòa thượng kế thừa người nào? Sư nói: Ta không có người có thể kế thừa. Vị Tăng hỏi: Lại có tham học hay không? Sư nói ta tự tham học lấy. Vị Tăng hỏi ý sư thế nào? Sư có kệ rằng:

*Hư không hỏi muôn tượng*
*Muôn tượng đáp hư không*
*Người nào thân được nghe*
*Mộc Xoa tóc trái đào*

Vị Tăng hỏi: Thế nào là tâm bình thường? Sư nói: Muốn ngủ thì ngủ muốn ngồi thì ngồi. Vị Tăng nói: Đệ tử không hiểu. Sư nói: Nóng thì chọn mát lạnh thì hơ lửa. Vị Tăng hỏi một đường hướng thượng xin Sư nói. Sư nói: 1 lỗ kim sợi chỉ 3 thước. Vị Tăng hỏi phải hiểu thế nào? Sư nói: Ích Châu có vải, Dương Châu có lụa. Vị Tăng hỏi: Động là giống Pháp vương Tịch là cội rễ Pháp vương, thế nào là Pháp vương? Sư chỉ cây cột bảo: Sao không hỏi Đại sĩ. Nhân trước sân ngó mặt trời, Ngưỡng Sơn nói: Mọi ngườiđều có việc ấy, chỉ là dùng không được. Sư nói: Xin ông dụng. Ngưỡng Sơn hỏi làm sao dụng? Sư bèn đạp té Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn nói: Ngay đây giống con sâu lớn ấy. Từ đó các nơi đều gọi Sư là Sầm Đại Trùng vị Tăng hỏi: Người xưa nay có thanh Phật không? Sư nói: Ông có thấy vua nước Đại Đường tự làm ruộng cắt lúa chăng? Vị Tăng nói: Chẳng hay vị nào thành Phật. Sư nói

là ông thành Phật. Vị Tăng không đáp. Sư hỏi: Hiểu chăng? Vị Tăng nói không hiểu. Sư nói: Như người do đất mà té thì từ đất mà ngồi dậy, đất nói gì Tam Thánh khiến Thượng Tọa Tú hỏi rằng: Nam Tuyền thiên hóa đi về đâu? Sư đáp: Thạch Đầu còn làm Sa di tham kiến Lục tổ Tú nói: Không hỏi Thạch Đầu gặp Lục Tổ mà hỏi Nam Tuyền khi thiên hóa đi về đâu? Sư nói: Giáo ấy tìm hiểu đi. Tú nói: Hòa thượng tuy có thông lạnh ngàn thước, lại không mọc lên tre đá Sư làm thinh. Tú nói: Tạ ơn Hòa Thượng đáp lời! Sư cũng làm thinh Thượng tọa Tú kể lại với Tam Thánh. Tam Thánh nói: Nếu thật thế thì cũng hơn Lâm Tế 7 bước, song phải đợi ta thử nghiệm xem. Đến sáng hôm sau thì Tam Thánh lên hỏi: Vừa nghe Hòa thượng đêm qua đáp 1 lời về Nam Tuyền thiên hóa có thể nói là sáng rực cả từ trước đến nay xưa nay hiếm thấy. Sư cũng làm thinh. Vị Tăng hỏi thế nào là Văn Thù. Sư nói là vách tường ngói gạch là đó. Lại hỏi thế nào là Quán Âm. Sư nói tiếng tăm nói năng là đó. Lại hỏi thế nào là Phổ Hiền. Sư nói tâm chúng sinh là đó. Lại hỏi Thế nào là Phật? Sư nói sắc thân chúng sinh là đó. Vị Tăng nói hà sa chư Phật, thể đều đồng đâu có các thứ danh tự (tên gọi ). Sư nói: Từ phải ngược về nguồn gọi là Văn Thù, từ tai ngược về nguồn gọi là Quán Âm, từ tâm ngược về nguồn gọi là Phổ Hiền. Văn Thù là t trí của Phật. Diệu quán sat Quán Âm là Vô Duyên Đại từ của Phật, Phổ Hiền là Diệu hạnh vô vi của Phật. Tam Thánh là Diệu dụng của Phật, Phật là chân thể của Tam Thánh. Dụng thì có hà sa giả danh. Thể thì tên chung là 1 Bạc Già Phạm. Vị Tăng hỏi: Sắc tức là không, không tức là sắc, lý này thế nào? Sư nói kệ rằng:

*Chỗ ngại chẳng vách tường*
*Chỗ thông chẳng hư không*
*Nếu người hiểu như Thế*
*Tâm sắc xưa nay đồng.*

Lại nói kệ rằng:

*Phật tánh rõ ràng bày hiện*
*Trụ tánh hữu tình khó thấy*
*Nếu ngộ chúng sinh Vô ngã*
*Mặt mình nào khác mặt Phật.*

Vị Tăng hỏi: Thức thứ 6, thứ 7 và thức thứ 8 rốt ráo không thể vì sao có thể gọi là chuyển thức thứ 8 là trí Đại viên cảnh? Sư có kệ rằng:

*Bảy sinh nương một diệt*
*Một Diệt giữ bảy sinh*

*Một Diệt diệt cũng diệt*
*Sáu bảy mãi không dời.*

Lại có vị Tăng hỏi: Con giun đứt làm 2 đoạn, 2 đoạn đều bò đi, chẳng hay Phật tánh ở đoạn nào? Sư nói vọng tưởng làm gì. Vị Tăng hỏi: Sao nó cử động được. Sư nói: Ông há chẳng biết gió lửa chưa tan. Vị Tăng hỏi Thế nào mà chuyển được núi sông cõi nước về mình? Sư hỏi làm sao chuyển được mình thành núi sông cõi nước? Vị Tăng nói: Không hiểu. Sư nói: Dưới thành Hồ Nam nuôi tốt dân, lúa rẻ củi nhiều no đủ bốn xóm. Vị Tăng ấy không đáp được. Sư có kệ rằng:

*Ai hỏi núi sông chuyển*
*Núi sông chuyển vì ai*
*Viên thông chẳng hai bờ*
*Pháp tánh vốn không về.*

Có Đại Đức giảng Hoa Nghiêm hỏi: Hư không nhất định có hay nhất định không? Sư nói: Nói có cũng được mà nói không cũng được. Khi hư không có thì chỉ giả có, còn khi hư không là không thì chỉ giả không. Hỏi như chỗ đều Hòa thượng nói thì có giáo văn nào làm chứng. Sư nói: Đại Đức há chẳng nghe kinh Thủ lăng Nghiêm có nói: Hư không Mười phương sinh trong tâm ông cũng như mảng mây bay trong hư không, há chẳng phải khi hư không sinh thì chỉ sinh giả danh Lại nói: Ông 1 người phát chân về nguồn thì hư không mười phương đều tiêu mất, há chẳng phải là hư không khi diệt thì chỉ diệt giả danh Do đó Lão Tăng nói có là giả có, không là giả không. Lại hỏi kinh nói như trong Tịnh lưu ly hiện ra tượng vàng ròng ý này ra sao? Sư nói: Vì Tịnh lưu ly là thể pháp giới, vì tượng vàng vòng là thể trí vô lậu. Thể hay sinh ra trí, trí hay đạt hay. Cho nên nói như trong tịnh lưu ly hiện ra tượng vàng ròng. Hỏi: Như thế nào là hành xứ của người Thượng thượng? Sư nói: Như mắt người chết. Hỏi: Khi người Thượng thượng gặp nhau thì như thế nào? Sứ nói như tay vị chết. Hỏi vì sao Thiện Tài trải vô lượng kiếp đến các thế giới trong thân Phổ Hiền mà không khắp? Sư hỏi: Ông từ vô lượng kiếp đến nay có đi được khắp chăng? Hỏi: Thế nào là thân Phổ Hiền? Sư đáp: Trong điện Hàm Nguyên lại tìm Trường An. Hỏi Thế nào là tâm của Đệ tử? Sư nói: Khắp hết thế giớ mười phương là tâm ông. Hỏi: Thế thì đệ tử không có chỗ để thân? Sư nói: Là chỗ ông để thân đấy. Hỏi chỗ nào để thân? Sư nói: Biển lớn nước sâu lại càng sâu. Vị Tăng nói: Đệ tử chẳng hiểu. Sư nói: Rồng cá ra vào mặc sức lên xuống. Hỏi: Có người hỏi Hòa thượng liền tùy nhân duyên mà đáp, đều không có ai hỏi Hòa thượng Thế nào? Sư đáp: Mệt thì ngủ, khỏe thì dậy. Hỏi: Dạy đệ tử hướng vào

chỗ nào mà hiểu, Sư nói: Hạ nóng thì cởi trần, Đông lạnh thì đắp mền. Hỏi: vị Tăng mất rồi đi về đâu? Sư có kệ rằng:

*Chẳng biết thể kim cang*
*Thì gọi là duyên sinh*
*Mười phương chân vắng lặng*
*Ai ở lại ai đi*

Ngài Nam Tuyền có bài kệ chân tán rằng:

*Rạng rỡ Nam Tuyền*
*Nguồn cội ba đời*
*Kim cang thường trú*
*Mười phương vô biên*
*Sinh Phật vô tận*
*Hiện xong lại về.*

Nam Tuyền có bài kệ ở lâu hợp cơ rằng:

*Ngày nay về quê vào đại môn*
*Nam Tuyền thân nói khắp trời đất*
*Pháp pháp rõ ràng đều ông cha*
*Quay đầu tủi thẹn với cháu con.*

Sư đáp rằng:

*Ngày nay đầu cơ việc chớ nói*
*Nam Tuyền chẳng nói khắp trời đất*
*Về quê toàn là việc con cháu*
*Ông cha từ xưa chẳng vào cửa.*

Sư lại có kệ khuyên học rằng:

*Đầu vào vạn trượng chưa nghỉ ngơi*
*Rõ ràng có nẻo í*
*Thiền sư ở muốn hiểu Nam Tuyền đi*
*Đầy phải núi xanh muôn thứ thu.*

Nhân Hòa thượng Lâm Tế nói: Trên cục thịt đỏ có vị chân nhân hay không, Sư có bài kệ rằng:

*Muôn pháp nhất như một chẳng phân biệt*
*Như một ai chọn ai chẳng chọn*
*Tức nay sinh tử vốn Bồ đề*
*Như Lai ba đời đồng phải ấy.*

Sư răng vị chặt phá thông trúc, kệ rằng:

*Trúc ngàn Năm, tòng muôn Năm*
*Cành cành lá lá đều đồng nhau*
*Báo Khắp bốn phương kẻ huyền học*

*Động tay đâu cũng đều cha ông.*

***2. Ngài Kinh Nam Thiền sư Bạch Mã Đàm Chiếu ở thường nói rằng:*** Sống vui, sống vui, khi chết thì kêu khổ khổ lại bảo: Vua Diêm La đến bắt ta. Viện Chủ hỏi: Hòa thượng lúc đó bị Tiết Độ sứ ném xuống nước mà thần sắc không động, bây giờ sao lại sợ sệt Thế? Sư đưa cái gối lên hỏi: Ông nói lúc đó là đúng hay ngày nay đúng? Viện Chủ không đáp được.

***3. Sư Tổ Thiền sư ở Vân Tế, núi Chung Nam.***

Lúc đầu khi ở Nam Tuyền có hỏi: Châu ma ni vị chẳng biết, ở trong Như Lai vị Tăng mà thu được, thế nào là vị Tăng? Nam Tuyền nói: Cùng ông lui tới là vị Tăng. Sư hỏi: Không lui tới thì sao? Nam Tuyền nói cũng là Tàng. Lại hỏi: Thế nào là châu? Nam Tuyền gọi lớp "Sư Tổ". Sư "dạ"!. Nam Tuyền nói: Đi đi, ông không hiểu lời ta. Sư từ đó kính tin mà vào.

***4. Thiền sư Nghĩa Đoan trụ Hạ Đường Hương Nghiêm, ở Đặng Châu.***

Sư dạy chúng rằng: Huynh đệ kia đây chưa dứt, có sự tướng gì cần bàn bạc. Ta 5, 3 ngày nữa sẽ đi. Như nay người học cần phải dứt hết lúc này, chớ ưa cái gì khác hơn là vị vô sự. Huynh đệ dẫu học được các nghĩa lý khác nhau, nhưng không bao giờ thay được kiến giải của mình, phải cố gắng hết sức mình mới được. Chớ ghi nhớ các chương cú hay họ chỉ càng rắc rối. nếu Các ông muốn tương ưng chỉ cần cung kính hết sức chớ dừng nghỉ mảy may, thẳng tựa hư không mới có chút phần, vì hư không cột khóa, không vách ngăn, rơi vào chỗ không hình tướng không có phải tâm.

- Có vị Tăng hỏi: Người xưa khi gặp nhau thì thế nào? Sư nói Lão Tăng chẳng hề thấy người xưa nào khác. Vị Tăng hỏi ngày nay nhân lúc còn sống mà ham muốn Thế Sứ nói có chỗ ham muốn nào đâu. Vị Tăng hỏi con chẳng hỏi việc nhàn xin Hòa thượng đáp. Sư nói: Lại từ tạ mà tìm cái gì? Vị Tăng nói không phải việc nhàn. Sư bảo: Ông dạy ta nói. Sư lại nói: Huynh đệ, Phật là trần pháp cũng là trần, xuốt ngày tìm cầu có lúc nào ngưng nghỉ. Chỉ trong lúc không có điều đeo tình, tình không đeo vật không thiện để lấy, không ác để bỏ, chớ bảo bị cái khác cột trói, mới là chỗ học.

- Có vị Tăng hỏi: Khi con từ giả 1 vị Túc người ấy có dạy con rằng khi đi thì gần bạn bè nương Đạo phải, chẳng hay ý của Lão Túc ra sao? Vừa lễ bái thì Sư nói: Lễ bái mặc tình chớ nhận tớ làm ông. Vị Tăng hỏi Thế nào là cắt ngang nguồn cội? Sư bèn ném gậy vào phương trượng.

- Một hôm Sư bảo chúng rằng: Nói thì chê, im thì điên, im và nói hướng thượng có nẻo ở đó. Lão Tăng miệng hẹp không nói cho ông nghe được. Rồi xuống Pháp đường. Vị Tăng hỏi 1 câu Thế nào? Sư nói trong đây 1 câu cũng không. Vị Tăng hỏi: Chánh nhân vì sao vô sự? Sư nói Ta không hề dừng nghỉ. Lại nói nếu như có nhiều lớp thì lột cho sạch hết chẳng dừng. Lúc quyền thì bày ra cũng là phương tiện tiếp người nếu như là việc bên kia thì điều này không có.

***5. Thiền sư Tùng Thâm ở viện Quán Âm, thuộc Triệu Châu.***

Sư là người ở Hách Hương thuộc Tào Châu, họ Hách thuở nhỏ ở viện Hộ Thông tại triệu châu theo thầy cạo tóc mặc áo Đạo nhưng chưa thọ giới, bèn đến Trì Dương tham vấn Nam Tuyền. Gặp lúc Nam Tuyền đang an nghỉ mà hỏi rằng: Vừa rồi chỗ nào? Sư nói: Vừa rời viện Thụy Tượng. Hỏi: Còn thấy Thụy Tượng chăng? Sư nói không thấy Thụy Tượng chỉ thấy Như Lai nằm.

Hỏi: Ông là Sa di có chủ hay không chủ? Đáp: Sa di có chủ? Hỏi: Chủ ở đâu? Đáp: Tháng giữa Đông rét dữ chúc Hòa thượng tôn thể muôn phúc. Nam Tuyền biết là pháp khí nên cho nhập thất. Một hôm Sư hỏi Nam Tuyền: Thế nào là Đạo? Nam Tuyền nói: Tâm bình thường là Đạo. Sư hỏi: Lại có thể đến được chăng? Nam Tuyền nói: Muốn hướng đến liền trái. Sư hỏi: Khi không muốn hướng đến thì làm sao biết là Đạo. Nam Tuyền nói Đạo không thuộc biết hay không biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu là thật thấu suốt Đạo chẳng nghi thì cũng như Thái hư rỗng rang trống không, đâu thể cưỡng là phải hay không phải Sau lời nói thì Sư ngộ lý. Bèn đến Đàn lưu ly ở Tung Nhạc mà thọ giới. Rồi trở về Nam Tuyền. Một hôm khác hỏi Nam Tuyền rằng biết có người nào đến chỗ nào thì nghỉ dứt Nam Tuyền nói: Xuống núi làm trâu đi! Sư nói: Tạ Đêm qua canh 3 trăng đến cửa sổ Sư châm 1 mồi lửa. Một hôm đóng cửa đốt sáng đầy nhà rồi kêu to: Cứu lửa, cứu lửa. Lúc đó Đại chúng đều chạy đến. Sư nói nói được thì mở cửa. Chúng đều không đáp được. Nam Tuyền đem chìa khóa đến cửa sổ trao cho Sư, sư bèn mở cửa. Lại khi Sư đến Hoàng bá. Hoàng bá thấy đến thì liền đóng cửa phương trượng lại. Sư bèn cầm lửa vào trong Pháp đường kêu lớn cứu lửa, cứu lửa. Hoàng bá mở cửa nắm Sư lại bảo nói, nói! Sư nói: Giặc qua rồi mới giương cung bắn! Sư lại đến Bảo Thọ. Bảo Thọ thầy sư đến bèn ở trên giường thiền ngồi xoay mặt vào vách. Sư trải tọa cụ lễ bái. Bảo Thọ xuống giường Thiền sư ở bèn lui ra. Sư lại đến Diêm Quan bảo: Xem tên. Diêm Quan nói: Qua rồi. Sư nói trúng! Sư lại đến Giáp Sơn chống gậy vào Pháp Đường. Giáp Sơn hỏi làm gì? Đáp: Dò

nước. Giáp Sơn nói 1 giọt cũng không, tham cái gì? Sư bèn chống gậy lui ra. Sư đến núi Ngũ Đài, có 1 Đại Đức làm kệ giữ Sư lại:

*Núi xanh chỗ nào chẳng Đạo Tràng*
*Đâu cần xách gậy lễ Thanh Lương*
*Trong mây dẫu có lông vàng hiện*
*Chánh nhãn lúc xem chẳng tốt lành.*

Sư hỏi: Thế nào là Chánh nhãn. Đại Đức không đáp được. Sư từ đó hoằng hóa ở đất Bắc. Chúng xin Sư đến ở Quán Âm Triệu châu. Sư lên Pháp đường dạy chúng rằng: Như hạt ngọc ở trong tay, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Lão Tăng cầm 1 cọng cỏ làm thân vàng trượng sáu, lấy thân vàng trượng sáu làm (cọng) cỏ. Phật là phiền não, phiền não là Phật vị Tăng hỏi: Chẳng hay Phật là phiền não của ai Sư nói phiền não của tất cả mọi người. Vị Tăng hỏi làm sao khỏi được? Sư hỏi muốn phải làm sao? Sư quét đất. Có người hỏi rằng: Hòa thượng là Thiện tri thức vì sao có trần? Sư đáp bên ngoài đến vị Tăng lại hỏi thanh tịnh già làm vì sao có trần? Sư đáp lại một chút.

Lại có vị cùng Sư dạo trong vườn thấy con thỏ sợ hãi bỏ chạy bèn hỏi: Hòa thượng là Đại Thiện tri thức vì sao thỏ thấy sợ? Sư nói vì Lão Tăng ưa giết vị Tăng hỏi khi hoa giác chưa nở thì làm sao phân biệt trinh thật. Sư nói: Mở ra. Vị Tăng hỏi là trinh hay` thật? Sư nói: Trinh là thật, thật là trinh. Vị Tăng hỏi vị nào có phần thượng sự. Sư đáp: Lão Tăng có phần Xà lê có phần. Vị Tăng hỏi: Con chẳng nhận thì làm sao? Sư giả bộ không nghe. Vị Tăng không đáp được. Sư bảo đi đi. Viện của Sư có cây cột đá bị gió thổi gãy. Vị Tăng hỏi cột Đà la ni đi làm phàm hay đi làm Thánh Sư đáp cũng chẳng làm phám cũng chẳng làm Thánh. Vị Tăng hỏi cuối cùng làm gì? Sư nói rơi xuống đất. Sư hỏi 1 tọa chủ: Giảng kinh gì? Đáp: Giảng kinh Niết-bàn. Sư nói: Hỏi 1 đoạn nghĩa được chăng? Đáp: Được. Sư lấy chân đạp vào hư không, thổi 1 hơi hỏi: Là nghĩa gì Tọa chủ nói trong kinh không có nghĩa này. Sư nói là nghĩa 500 lực sĩ bày đá mà nói không có. Đại chúng buổi tối tham vấn, Sư nói rằng: Đêm nay đáp lởi đi. Có ai hiểu câu hỏi thì ra. Lúc đó có 1 vị Tăng ra lễ bái. Sư nói: Đây như so với ném gạch mà dẫn đến ngọc rồi dẫn đến được cái đục. Có vị Tăng đến núi Ngũ Đài hỏi 1 bà lão rằng đường nào ra Ngũ đài Bà lão đáp: Cứ đi thẳng. Vị Tăng liền đi. Bà lão nói lại cứ thế mà đi Vị Tăng bèn kể lại sự việc với Sư. Sư nói đợi ta khám phá bà lão. Sáng hôm sau Sư liền đến hỏi: Đường lên núi Ngũ Đài đi ngã nào? Bà lão nói cứ đi thẳng liền đi. Lão bà nói lại cứ thế mà đi. Sư trở về viện bảo vị Tăng rằng: Ta vì ông khám phá bà lão ấy rồi. Vị Tăng hỏi

vị nào lại đây Sư còn tiếp chăng? Sư nói tiếp. Vị Tăng hỏi: Không đến đây thì sư vẫn tiếp chăng? Sư nói: Tiếp Vị tăng nói: Người ấy đến đây thì sư tiếp không đến đây thì làm sao tiếp? Sư nói: Ngừng lại đi không cần nói nữa, pháp ta mầu nhiệm khó lường. Sư ra viện giữa đường gặp bà lão hỏi Hòa thượng ở đâu? Sư nói ở phía Tây viện đông tại Triệu Châu. Bà lão không nói. Sư trở về viện hỏi chúng vị Tăng, thì chúng vị Tăng cùng bảo cái đó là chữ Tây, hoặc nói chữ Đông tây, hoặc nói chữ ở trọ Sư nói: Các ông đều làm phán quan Diêm Thiết được. Vị Tăng hỏi Hòa vì sao thượng nói thế. Sư nói vì các ông đều biết chữ. Vị Tăng hỏi: Thế nào là báu trong đảy Sư nói ngậm miệng lại. Có vị Tăng mới đến bảo Sư rằng: Con từ Trường An đến vác ngang 1 cây gậy không vướng vào 1 ai. Sư nói: Là do Đại Đức vác gậy ngắn. Vị Tăng không đáp được. Có vị Tăng vẽ được hình Sư đem trình Sư, Sư nói: ông nói giống ta hay chẳng giống ta, nếu giống ta thì là đánh giết Lão Tăng, còn không giống ta thì đốt hình đi. Vị Tăng không đáp được. Sư đưa cao ngọn lửa hỏi vị Tăng rằng: Lão Tăng gọi là lửa, ông gọi là gì? Vị Tăng không đáp được. Sư nói: Chẳng biết huyền chỉ nhọc công niệm tịnh. Có vị Tăng mới đến tham vấn. Sư hỏi: Từ đâu đến? Vị Tăng nói từ phương Nam đến. Sư hỏi Phật pháp đều ở phương Nam ông đến trong ấy làm gì? Vị Tăng hỏi: Phật pháp há có phương Bắc chăng? Sư nói: Ông từ Vân Cư Tuyết Phong ở đến chỉ là gã gánh ván ấy. Vị Tăng hỏi: Thế nào là Phật? Sư nói: Trong điện đó. Vị Tăng hỏi: Trong điện kia há không phải là cái tượng nắn khám đất? Sư nói đúng. Vị Tăng hỏi thế nào là Phật? Sư nói trong điện đó. Vị Tăng nói: đệ tử mê muội xin Sư chỉ bày. Sư đáp ăn cháo chưa. Vị Tăng nói ăn cháo rồi. Sư nói rửa bát đi. Vị Tăng ấy bỗng nhiên tỉnh ngộ.

Sư lên Pháp Đường nói vừa có phải quấy thì lăng xăng mất tâm. Lại có lời đáp không! Sau Có vị Tăng trình rằng bến lạc bến lạc gõ răng. Lại nêu bày với Vân Cư. Vân Cư nói: Cần gì vị Tăng trở về nói lại với Sư. Sư nói phương Nam có người tan thân mất mạng. Vị Tăng nói: xin Hòa thượng nêu. Sư vừa nêu lời nói trước. Vị Tăng chỉ vị Tăng bên nói: Sư Tăng đó ăn cơm xong nói lời ấy. Sư bèn thôi. Vị Tăng hỏi: Từ lâu nghe tiếng cầu đá Triệu Châu, đến nơi chỉ thấy cướp bóc. Sư nói: Ông chỉ thấy cướp bóc mà không thấy cầu Triệu Châu. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cầu Triệu Châu? Sư nói: Đến đây! Lại có vị Tăng hỏi giống như trước sư cũng trả lời như trước. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cầu Triệu Châu? Sư nói độ lừa độ ngựa. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cướp bóc? Sư đáp ai cũng độ người. Sư nghe Sa di hét mà tham vấn, bèn bảo thị giả rằng:

Bảo nó đi. Thị giả bảo đi. Sa di liền cẩn thận mà đi. Sư nói Sa di được vào cửa Thị giả ở ngoài cửa.

- Sư hỏi vị Tăng mới đến: Ở đâu đến? Vị Tăng nói từ Nam đến. Sư hỏi lại biết có cửa ải Triệu Châu chăng? Vị Tăng nói: Biết có chẳng quan hệ gì Sư nói: Cái lão bán muối ấy. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến? Sư xuống giường thiền đứng. Vị Tăng hỏi: Phải chẳng là cái ấy ? Sư nói Lão Tăng chưa có lời ấy. Sư hỏi đầu bếp: Hôm nay kêu rau sống hay rau chín. Đầu bếp đem rau ra trình. Sư nói vị biết ân thì ít kẻ phụ ân thì nhiều. Vị Tăng hỏi: Trong kiếp không còn có người tu hành chăng Sư hỏi: Ông gọi cái gì là kiếp không? Vị Tăng không đáp. Vị Tăng hỏi: Thế nào là huyền trong huyền? Sư nói: Ông từ huyền đến bao lâu? Vị Tăng nói: Huyền đã lâu rồi. Sư nói: Nếu Xà lê không gặp Lão Tăng bao lâu sẽ bị huyền giết. Vị Tăng hỏi: Muôn pháp về 1, 1 về đâu? Sư nói: Lão Tăng ở tại Thanh Châu làm được 1 sấp vải màu nặng 7 cân. Vị Tăng hỏi: Đêm rời Đâu suất ngày xuống Diêm phù. Ở trong đó vì sao ma ni chẳng hiện. Sư hỏi: Nói cái gì. Vị Tăng ấy lại hỏi. Sư nói: Phật Tỳ-bà-thi sớm lưu tâm, thẳng đến như nay chẳng được diệu. Sư hỏi viện chủ: Từ đâu đến? Đáp rằng: Đến đây sông. Sư nói: Con quạ về sao bay đi? Viện chủ nói: Vì sợ con. Sư nói: Ông 10 Năm biết việc chỉ (nói) lời ấy. Viện chủ liền hỏi: Vì sao Quạ bay đi? Sư nói: Viện chủ không có tâm giết. Sư đưa bát lên nói: 30 Năm sau nếu thấy Lão Tăng thì giữ lấy mà cúng dường, nếu chẳng thấy thì đập vỡ đi. Một vị Tăng ra hỏi 30 Năm sau dám nói thấy được Hòa thượng. Sư bèn đập vỡ bát. Có vị Tăng từ giả, Sư hỏi: Đi đâu? Vị Tăng nói: Đi Tuyết Phong. Sư nói: Nếu Tuyết Phong bỗng hỏi ông. rằng: Hòa thượng có lời nói gì. thì: Ông làm sao đáp? Vị Tăng đáp: Con nói không được, xin Hòa thượng nói. Sư nói: Đông thì nói lạnh, Hạ thì nói nóng. Lại nói: Tuyết Phong lại hỏi ông việc rốt ráo thế nào? Vị Tăng ấy lại nói: Con nói không được. Sư bảo: Chỉ nói đích thân từ Triệu Châu đến không nói lời người khác truyền. Vị Tăng ấy đến kể lại đầy đủ cho Tuyết Phong nghe. Tuyết Phong nói: Phải là Triệu Châu mới được Thế. Huyền Sa nghe bảo rằng: Triệu Châu lớn nhỏ đều bại thiếu sót - chẳng biết - vị Tăng hỏi thế nào là 1 câu nói của Triệu Châu. Sư nói Lão Tăng nửa câu cũng không. Vị Tăng hỏi: Há Hòa thượng không có. Sư nói: Lão Tăng chẳng phải là 1 câu. Vị Tăng hỏi thế nào là xuất gia? Sư nói: Chẳng ham công danh không làm cẩu thả. Vị Tăng hỏi: Khi lắng trong dứt sạch là thế nào? Sư nói: Trong đó không vướng 1 khách làm chủ. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ Sư? Không vì vị Sư bèn giơ gõ vào giường thiền. Vị Tăng hỏi:

Chỉ cái đó không phải chăng? Sư nói: Lão Tăng từ nhỏ xuất gia không hề hoa mắt. Vị Tăng hỏi hà không phải là vị. Sư nói: Mong ông thường viên tướng Tỳ Lô. Có người hỏi Hòa thượng có vào địa ngục không? Sư nói: Lão Tăng cuối cùng cũng vào. Hỏi: Đại Thiện tri thức vì sao lại vào địa ngục? Sư nói: Nếu không vào địa ngục thì ai giáo hóa ông. Một hôm Chân Định Soái Vương Công dắt các con vào viện. Sư ngồi mà hỏi rằng: Đại vương hiểu chăng? Vương nói: Không hiểu. Sư nói từ nhỏ trì trai thân đã già, thấy người không sức xuống giường thiền. Vương công càng kính trọng. Sáng hôm sau sai khách tướng truyền lời, Sư xuống giường Thiền mà nhận. lát sau Thị giả hỏi: Hòa thượng thấy Đại vương đến sao không xuống giường thiền. Nay quân tướng đến lại xuống? Sư nói: Không thể biết được. Người bậc thượng ở trên giường mà tiếp; người bậc trung xuống giương thiền mà tiếp; người bậc hạ ra ngoài cổng tam môn mà tiếp. Sư gởi cây phất trần cho Vương công nói rằng: Như hỏi chỗ nào được đến, chỉ nói Lão Tăng bình sinh dùng không hết. Sư nói huyền ngôn khắp thiên hạ. Lúc đó gọi Triệu Châu môn phong đều sợ sệt tin phục. Năm Đường Càn Nguyên y thứ 4, ngày mồng 2 tháng 11, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà tịch, thọ 120 tuổi. Sau vua ban Thụy hiệu là Chân Tế Đại sư.

***6. Thiền sư Nhàn ở Linh Thứu Trì Châu.***

Sư gọi chúng bảo rằng: Đây là phận sự của các ông, nếu bảo Lão Tăng nói thì tức là vẽ rắn có chân. Đây là Đốn giáo của các Thượng tọa. Có vị Tăng hỏi: Việc vẽ rắn thêm chân thì chẳng luận, thế nào là bổn phận sự? Sư nói: Xà Lê thử nói xem. Vị Tăng lại định hỏi thì Sư nói: Vẽ rắn làm gì? Hòa thượng Minh Vĩnh hỏi: Thế nào là lập tức đạt được pháp thân? Sư nói: 1 lần xem thấu mây ngoài Long môn, chớ làm Hoàng Hà chỉ trán cá. Ngưỡng Sơn hỏi: Vắng bặt không lời làm sao nghe thấy? Sư nói: Nhiều nước mưa nối dài trước tháp. Vị Tăng hỏi: Khi 2 cái đó không lời thì thế nào? Sư nói là thường. Vị Tăng hỏi lại có cái gì hơn thường chăng? Sư đáp: Có. Vị Tăng nói: Xin sư khởi xướng. Sư nói: Huyền châu tự sáng rỡ, đâu cần ánh sáng ngoài vách. Vị Tăng hỏi: Ngày nay cúng dường Đại sư Vô Nhiễm ở Tây Xuyên chẳng biết Đại sư có đến chăng? Sư đáp vốn tự không chỗ đến, nay há theo gió mà chuyển vị Tăng nói: Như thế thì đâu cần cúng dường. Sư nói công sức hữu vi hợp với nghĩa không đổi.

***7. Hòa thượng ở núi Thù Du Ngạc Châu.***

Lúc đầu ở viện Hộ Quốc tại Tùy Châu, là đời thứ nhất. Hòa thượng hỏi: Thế nào là Đạo. Sư nói Đừng đóng đinh vào trong hư không Quán

nói hư không là cọc. Sư bèn đánh. Quán nắm gậy bảo: Chớ đánh con, sau này đánh lầm người. Sư bèn thôi. Hòa thượng Thâm ở Triệu Châu trước đến Vân Cư. Vân Cư hỏi: Lão Lão Đại Đại Hán sao không tìm chỗ ở? Thâm nói làm sao ở được Vân Cư nói trước núi có nền chùa xưa. Thâm nói Hòa thượng tự ở đấy. Sau đến chỗ Sư. Sư nói: Lão Lão Đại Đại Hán sao không ở đi. Niệm hỏi: Ở chỗ nào. Sư nói Lão Lão Đại Đại Hán chỗ ở cũng không biết. Niệm nói: 30 Năm chơi cỡi ngựa, ngày nay bị lừa đánh. Chúng vị Tăng đứng hầu, Sư nói: Chỉ đứng yên đó không nói, 1 chỗ buồn. Có vị Tăng định hỏi, Sư bèn đánh, bảo rằng đã vì chúng hết sức, rồi vào phương trượng. Có hành giả đến tham, Sư hỏi: Có đi gặp Triệu Châu chăng? Hỏi: Hòa thượng dám nói chăng? Sư bảo: Không phải chỉ Thù Du mà tất cả mọi người đều nói không được. Hỏi: Hòa thượng tha lỗi cho con. Sư nói trong đó từ trước chẳng chung cho nhân tình. Lại nói: Xin phát tâm từ bi. Sư lại đánh bảo. Tỉnh rồi sau sẽ vì ông.

***8. Thiền sư Lợi Tung ở núi Tử Hồ, Cù Châu.***

Sư người ở Thiền Châu họ Chu. Xuất gia tại chùa Khai Nguyên ở u châu, theo năm mà thọ giới cụ túc Sau vào thất của Nam Tuyền. Rồi lại cất am tranh tại núi Mã đề ở Cù châu. Năm Đường Khai Thành thứ 2 năm thời Đường, người trong ấp lập viện Tử Hồ dưới núi mời Sư đến ở. Niên hiệu Hàm Thông thứ 2 vua ban ngạch là Thiền Viện An Quốc. Một hôm Sư lên Pháp đường dạy chúng rằng: Ở Tử Hồ có 1 con chó trên lấy đầu người, giữ lấy tâm người, dưới lấy chân người, định nghĩ bàn liền tan thân mất mạng. Có vị Tăng hỏi thế nào 1 con chó ở Tử Hồ. Sư nói: Gâu gâu! Có 2 vị Tăng ở dưới Lâm Tế đến tham vấn đang vén rèm lên Sư nói: Xem chó. 2 vị Tăng xoay đầu lại Sư liền trở về phương trượng. Sư cùng Hòa thượng Thắng Quan vườn, Sư bỗng chống cuốc nhìn Thắng Quang và bảo: Sự thì chẳng phải không có, mà tâm nghĩ đến liền sai. Quang bèn lễ bái định hỏi. Sư bèn đạp cho 1 đạp rồi trở về Viện. Có 1 Ni đến tham. Sư hỏi: Có không phải là Lưu Thiết Ma? Ni đáp không dám. Sư bảo quay sang trái, quay sang phải xem. Ni đáp: Hòa thượng chớ điên đảo. Sư liền đánh nửa đêm Sư ở vị Tăng đường hô lớn có giặc! Chúng đều kinh sợ chạy ra. Sư đến sau Tăng đường ôm chặt cứng 1 vị Tăng gọi to: Duy na bắt được rồi, bắt được rồi! Vị Tăng nói không phải con. Sư nói phải mà, chỉ là ông không chịu nhận thôi! Sư có kệ dạy chúng rằng:

*Ba mươi Năm đến ở Tử Hồ*
*Hai thời cơm cháo khí lực thô*

*Mỗi ngày lên núi năm, ba chuyến*
*Xin hỏi nào ai có hiểu không.*

Sư ở Tử Hồ nói pháp 45 Năm. Trong niên hiệu Quảng Minh, Sư không bịnh mà tịch thọ 81 tuổi, lạp được 61. Nay núi ấy vẫn còn tháp thờ Sư.

***9. Hòa thượng Tung Sơn ở Lạc Kinh.***

Có vị Tăng hỏi: Khi đường xưa bằng phẳng là sao? Sư đáp: Không đi tới. Vị Tăng hỏi: Vì sao không đi tới? Sư đáp: Không có chỗ ngăn che. Vị Tăng hỏi: Thế nào là cảnh Tung Sơn? Sư đáp: Mặt trời mọc ở hướng Đông, mặt trăng lặn về Tây. Nói: Đệ tử không hiểu. Sư nói: Đông Tây cũng chẳng hiểu. Vị Tăng hỏi: Khi 6 thức đều sinh là sao? Sư đáp khác. Vị Tăng hỏi: Vì sao Thế? Sư nói giống nhau.

***10. Hòa thượng Nhật gử.***

Á Khê đến tham. Sư ra bộ đứng dậy. Á Khê hỏi: Lão quỉ núi ấy cũng thấy ta. Sư nói: Tội quá tội quá, vừa đến mất đối đáp. Á Khê muốn nói thì Sư bèn hét. Á Khê nói: Trước trận lớn không đề phòng khó chống cự. Sư nói: Phải phải. Á Khê nói chẳng phải chẳng phải.

***11. Hòa thượng Tây Thiền ở Tô Châu.***

Có vị Tăng hỏi: 3 thừa 12 phần giáo thì chẳng nói, thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc đến? Sư đưa cây phất trần lên. Vị Tăng ấy không lễ bái, lại đi tham vấn Tuyết Phong. Tuyết Phong hỏi từ đâu đến. Vị Tăng nói: Từ chiết Trung đến. Tuyết Phong hỏi: Mùa hạ này ở đâu? Đáp: Ở Tây thiền tại Tô châu. Tuyết Phong hỏi: Hòa thượng có an chăng? Đáp khi đi thì muôn phúớc. Tuyết Phong hỏi sao không thong dong? Đáp: Phật pháp chẳng rõ. Tuyết Phong nói: Có việc gì? Vị Tăng nêu lời nói trước. Tuyết Phong hỏi ông sao chẳng chịu. Vị Tăng nói là cảnh. Tuyết Phong hỏi ông thấy mọi người nam nữ trong thành Tô Châu chăng? Đáp: Thấy. Tuyết Phong hỏi ông thấy rừng cây trên đường chăng? Đáp: Thấy. Tuyết Phong nói hễ thấy mọi người nam nữ cây cối đất đai... thì đều là cảnh, Ông lại chịu chăng? Đáp: Chịu. Tuyết Phong nói thì như đủa cây phất trần lên, sao ông không chịu. Vị Tăng bèn lễ bái thưa: Đệ tử chỉ lấy lời nói ra, xin Sư từ bi chỉ dạy. Tuyết Phong nói hết cả (trời đất) đều là mắt ấy, ông ngồi ở đâu? Vị Tăng không đáp được.

***12. Thứ sử Lục Hoàn ở Tuyên Châu.***

Trước hỏi Nam Tuyền rằng: Người xưa nuôi trong bình 1 con ngỗng, con ngỗng dần lớn lên chui ra khỏi bình không được. Như nay không được dập bể bình, không được giết ngỗng, Sư làm sao lấy ra được? Nam Tuyền gọi lớn “Đại phu”!, Lục: Dạ! Nam Tuyền nói ra rồi!

Lục từ đó khai ngộ. Khi Nam tuyền thị tịch, viện chủ hỏi rằng: Đại phu sao chẳng khóc Tiên sư. Lục bảo: Viện chủ nói được thì tôi khóc ngay. Viện chủ không nói được.

*13. Hành giả Cam Chí ở Trì Châu.*

Mang xâu tiền đi vào Tăng đường, ở trước mặt đệ nhất tòa nói rằng: Xin thượng tọa cho tiền. Thượng tọa đáp tài thí vô tận, pháp thí vô cùng. Cam nói: Nói thế thì sao có được tiền của tôi? Lại mang đi ra. Thượng tọa không đáp được. Lại ở ngài Nam Tuyền cúng cháo nói rằng: Xin Hòa thượng niệm tụng. Nam Tuyền nói: Hành giả Cam Chí cúng cháo, xin đại chúng vì con cáo hoang con trâu đực trắng mà niệm Ma-ha Bát nhã ba la mật. Cam bèn lễ bái rồi lui ra. Ngài Nam Tuyền vào nhà bếp đập bể cái chảo. Hòa thượng Tuyết Phong đến, Cam đóng cửa hô lớn xin Hòa thượng vào. Tuyết Phong ở cách bờ rào ném áo vào. Cam bèn mở cửa, lễ bái. Có vị Tăng Trú Am đến hóa duyên xin vật. Cam bảo: Nếu nói được liền cho. Bèn viết chữ tâm rồi hỏi chữ gì? Vị Tăng nói chữ tâm. Lại hỏi vợ là chữ gì. Vợ đáp chữ tâm. Cam nói vợ ta cũng hợp với Trú Am. Vị Tăng không đáp được. Cam cũng không cho. Lại hỏi một Tăng, hỏi: Từ đâu đến? Vị Tăng nói từ Qui Sơn đến. Cam nói: Từng có Tăng hỏi Qui Sơn thế nào là ý từ Tây Trúc đến. Qui Sơn đưa cây phất trần lên, Thượng tọa có hiểu ý Qui Sơn là thế nào chăng? Vị Tăng đáp mượn việc mà làm sáng tâm, nương vật mà bày rõ lý. Cam nói hãy trở về Qui Sơn đi nhé.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Tề An ở Diêm Quan, Hàng Châu trước đây.**

*1. Thiền sư Đạo Thường ở Quang Nam, Tương Châu.*

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý từ Tây Trúc đến Sư đưa gậy lên hỏi: Hiểu không? Vị Tăng nói không hiểu Sư bèn hét đi ra! vị Tăng hỏi Thế nào là nguồn Đại Đạo? Sư thoi cho một tấm. Mỗi khi thấy vị Tăng đến tham lễ thì phần nhiều Sư cầm gậy đuổi chạy. Hoặc nói chậm 1 khắc, hoặc nói đánh động trống Quan Nam. Mà lúc đó Bối Tiên có xướng họa.

*2. Thiền sư Huyền Chân ở Song Lãnh, Hồng Châu.*

Trước hỏi ngài Đạo Ngô rằng Bồ tát không có thần thông vì sao dấu chân khó tìm. Đạo Ngô nói kẻ đồng đạo mới biết. Sư hỏi Hòa thượng có biết chăng. Đáp: Không biết. Sư hỏi vì sao không biết? Đáp: Đi đi, chẳng biết lời ta nói. Sau Sư ở Diêm quan mà khế hội.

*3. Thiền sư Giám Tông ở Kính Sơn, Hàng Châu.*

Sư là người ở Trường Thành Hồ Châu, họ Tiền nương Đại Đức Cao Nhàn tại chùa Khai Nguyên ở hàng châu mà xuất gia, học thông kinh Tịnh Danh Tư Ích. Sau đến yết kiến ngài Đại sư Ngộ Không mà cởi bỏ hết nghi ngờ. Năm Đường Hàm Thông 3 thì ở tại Kính Sơn mà mở bày Thiền giáo. Có 1 tiểu Sư ( vị Tăng trẻ) là Hồng Cẩn vì giảng luận mà tự khoe khoang. Sư gọi bảo rằng chánh pháp của Phật tổ thẳng dứt khoát mất lời, ông coi như cát biển đối với lý nào ích gì, chỉ có thể không giữ lấy tri kiến, dứt mất duyên ngoại, lìa tất cả tâm thì tức là chân tánh của ông. Yên nghe mà mù tịt, lễ lạy giã từ, du phương, đến chỗ ngài Qui Sơn thì mới ngộ được Huyền chỉ. Bèn thờ Qui Sơn làm thầy. Hàm Thông thứ 7 nhằm năm Bính Tuất ngày 5 tháng 3 nhuần thì Sư tịch. Vua ban Thụy hiệu là Vô Thượng Đại sư, tức là Kính Sơn đời thứ 2 vậy.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết trước đây.**

***1. Thiền sư Chánh Nguyên ở Qui Sơn Trường Khê.***

Thuộc Phước Châu. Sư người ở Nam Lăng thược Tuyên Châu, họ Thái. Thuở nhỏ chán tục xuất gia, ở Tịch Sơn phước châu mà cạo tóc. Niên hiệu Đường Nguyên Hòa năm thứ 12 nhằm năm Đinh Dậu, đến thọ giới cụ túc tại chùa càn nguyên ở kiến châu. Sau đó tìm đến thất của Mặc sư ở núi Ngũ Tiết mà quyết trạch Huyền Vi. Sau ở Qui Sơn là đời thứ 2. Sư từng thuật 2 bài kệ, bài 1 và 2.

*1) Biển xanh mấy độ thành ruộng dâu*
*Chỉ có hư không lặng trong veo*
*Người đã đến bờ thôi luyến bè*
*Chưa hề qua sông phải đợi thuyền.*
*2) Tìm thầy nhận được nguồn bổn tâm*
*Hai bờ đều Huyền, một chẳng toàn*
*Là Phật chẳng cần thứ tìm Phật nữa*
*Chỉ nhờ như thế liền quên duyên.*

Năm Cảm thông 10 Sư mất ở núi này, thọ 78 tuổi lạp được 54. Vua ban Thụy là Tánh Không Đại sư, tháp hiểu tuệ Quán.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Như Mãn ở chùa Phật Quang, Lạc Kinh trước đây.**

***1. Thứ sử Bạch Cư Dị, tự Lạc Thiên, ở Hàng Châu đời Đường.***

Từ lâu tham vấn ngài Phật Quang mà được tâm pháp, gồm học

Bảo Giới Kim cang của đại thừa. Vào năm Nguyên Hòa ông đến trụ Pháp Đường Hưng Thiện ở Kinh Triệu mà làm Tứ Vấn. 15 Năm ông cai trị ở Hàng Châu chê Hòa thượng Ô Sào có kệ tụng hỏi đáp. Có viết thư cho Pháp sư Tế, dùng Đại tuệ Vô Thượng của Phật mà giảng nói giáo lý, có theo cớ cao thấp ứng bịnh khác nhau, cùng 1 vị bình đẳng mà nói trái nhau. Ông lại dẫn 6 kinh Duy Kim cang Tam-muội v.v... mở mang hai nghĩa mà vấn nạn. Lại lấy 5 uẩn 12 duyên nói danh sắc trước sau không cùng loại, lập lý mà nêu ra các chỗ gút mắc sâu kín thì làm cho thông suốt sáng tỏ. Nhưng chưa thấy Pháp sư trả lời. Sau cũng ít có người đáp. Lại nhận ở thiền sư Ngưng Đông Đô về ở 8 Tiệm, bèn rộng ở 1 lời mà làm 1 kệ để giải thích chỉ thú từ cạn đến sâu lần lượt như xâu chuỗi. chỗ ông trấn nhậm phần nhiều đều hỏi Tổ Đạo học Sư Vô Thường. Sau vì tân khách phân ly Đông Đô, đem hết bổng lộc của mình mà sửa sang chùa Hương Sơn Tự ở Long môn. Chùa sửa xong bèn tự soạn bài ký. Hễ làm văn liên quan đến giáo hóa thì đều khen Phật thừa sẽ thấy nêu trong tập sách này ghi rõ việc làm quan của ông theo thứ tự về tất cả năm tháng thì sử truyện còn lưu giữ...

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Pháp Thường ở núi Đại Mai trước đây.**

***1. Thiền sư Ca Trí ở nước Tân La:***

Có vị Tăng hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Tây Trúc đến? Sư nói: Đợi trong đầu ông đến ta sẽ nói cho ông nghe. Vị Tăng hỏi thế nào là ý chỉ của Đại Mai? Sư nói: Sữa đặc ban cho lúc ném đi.

***2. Hòa thượng Thiên Long ở Hàng Châu.***

Sư lên Pháp Đường nói: Đại chúng chớ đợi Lão Tăng đi lên thì đi lên đi xuống thì đi xuống, mọi người đều có biển tánh Hoa Tạng đầy đủ công đức sáng suốt vô ngại, tất cả đều cẩn thận tìm hiểu lấy. Vị Tăng hỏi: Thế nào là ý của Tổ sư? Sư dựng thẳng cây phất trần. Vị Tăng hỏi: Thế nào là được ra khỏi 3 cõi. Sư hỏi nay ông đang ở đâu?

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Linh Thụy ở chùa Vĩnh Thái trước đây.**

***1. Thiền sư Giới Linh ở Thượng Lâm, Hồ Nam.***

Trước Sư tham vấn ngài Qui Sơn, Ngài hỏi: Đại Đức đến đây làm gì? Sư nói: Giáp trụ toàn đủ. Ngài Qui Sơn nói: Tất cả từ bỏ rồi đến cho Đại đức cùng gặp. Sư nói: Từ bỏ rồi. Qui Sơn hét bảo: Giặc còn chưa đánh hết làm sao? Sư không đáp được Ngưỡng sơn đáp thay rằng: Xin

Hòa thượng che 2 bên Qui Sơn vòng tay vái chào nói: Vâng, vâng! Sau Sư tham vấn ngài Vĩnh Thái mới nói cho biết ý chỉ.

***2. Hòa thượng Bí Quảng Nham ở núi Ngũ đài.***

Sư thường cầm 1 cái dĩa gỗ. Mỗi khi thấy vị Tăng đến lễ bái thì liền lấy cái dĩa đeo vào cổ bảo rằng: Đó là ma quỷ dạy ông xuất gia, đó là ma quỷ dạy ông hành cước. Nói được thì xoa cũng chết, nói không được thì xoa cũng chết. nói Mau. Học vị Tăng ít có người đáp được.

***3. Hòa thượng Kỳ Lâm ở Hồ Nam.***

Sư thường hét bảo Văn Thù, Phổ Hiền đều là tinh mị, tay cầm kiếm gỗ bảo hàng ma. Vừa Có vị Tăng tham lễ, bèn nói: Ma đến! Ma đến! Rồi múa kiếm loạn xa mà vào phương trượng. suốt trong mười hai Năm. Sau bỏ kiếm không nói. Vị Tăng hỏi 12 Năm trước vì sao hàng ma. Sư nói: Giặc cướp không đánh nhà nghèo. Vị Tăng hỏi sau 12 Năm vì sao không hàng ma? Sư nói giặc cướp không đánh nhà nghèo.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Bảo Tích ở Bàn Sơn, U Châu trước đây.**

***1. Hòa thượng Phổ Hóa ở Trấn Châu.***

Không biết Sư người ở đâu. Sư thờ ngài Bàn Sơn mà ngầm được chân quyết rồi giả điên mà nói năng vô độ. Đến khi Bàn Sơn thị tịch bèn hành hóa ở đất Bắc. Hoặc ở thành thị hoặc ở nghĩa địa gõ một cái chuông mà nói rằng: Sáng đến cũng đánh, tối đến cũng đánh. Một hôm ngài Lâm Tế sai vị Tăng nắm lại nói: Không sáng không tối lúc đó thế nào? Đáp rằng: Những ngày sắp tới trong viện Đại Bi có trai hội. Hễ thấy người không cao không thấp đều gõ 1 tiếng mõ. Lúc đó người đời gọi Sư là Hòa thượng Phổ Hóa. Hoặc đem mõ đến tai người gõ, hoặc đeo ở lưng có người ngoái đầu lại liền chìa tay ra nói cho tôi 1 đồng. Phi thời gặp thức ăn thì cũng căn. Đã từng chiều tối đi vào viện ngài Lâm Tế mà ăn cơm rau sống. Ngài Lâm Tế nói: Lão ấy giống 1 cái đầu lừa! Sư liền hý vang tiếng lừa. Lâm Tế bèn thôi. Sư nói: Tên đày tớ Lâm Tế chỉ có một con mắt. Sư thấy Mã bộ sứ đi ra quát tháo, Sư cũng quát tháo và làm thế như đang đánh nhau. Mã Bộ sứ sai người đánh 5 gậy. Sư nói: Hình như thì hình như, đúng thì không đúng. Sư thường ở chốn chỡ búa gõ mõ mà hô rằng: Tìm cái bỏ chỗ không thể được. Lúc đó Đạo Ngô gặp Sư giữ lại hỏi rằng: Ông định bỏ chỗ nào Sư hỏi ông từ đâu đến? Đạo Ngô không đáp. Sư kéo tay rồi đi. Một hôm sư vào viện ngài Lâm Tế. Lâm Tế nói giặc giặc! Sư cũng nói giặc giặc! Rồi cùng vào vị Tăng Đường. Lâm Tế chỉ Thánh vị Tăng hỏi là phàm hay Thánh.

Sư nói là Thánh. Lâm Tế bảo: Nói lời ấy. Sư bèn gõ mõ nói: Hà Dương mẹ con mới, tháp gỗ, Lão bà thiền, đứa đầy tớ Lâm Tế chỉ có một con mắt. Năm Đường Hàm Thông 1 Sư sắp thị tịch bèn vào chợ gọi người bảo rằng: "Cho ta 1 áo dài". Người cho áo khoát hoặc áo vải đều không nhận, gõ mõ mà đi. Lúc đó Lâm Tế sai vị đưa cho 1 quan tài. Sư cười bảo: "Thằng đầy tớ Lâm Tế nhiều lời", rồi nhận. Và nói lời từ tạ rằng Phổ Hóa tôi ngày mai đi về cửa Đông mà chết. Người trong quận cùng kéo nhau đưa Sư ra khỏi thành. Sư hét lớn hôm nay chôn không được tốt. Bèn bảo ngày thứ 2 ta ở cửa Nam mà thiên hóa. Người cũng chiều theo. Sư lại bảo ngày mai ra cửa Tây mới tốt. Mọi người kéo ra dần dần thưa đi. Sư ra đó rồi lại trở về. Mọi người có ý chán dần. Đến ngày thứ 4 thì tự vác quan tài ra ngoài cửa Bắc, gõ chuông vào quan tài mà chết. Người trong quận chạy ra ngoài thành mở quan tài ra nhìn thì không thấy gì. Chỉ nghe tiếng chuông xa dần. Không lường được lý do.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Viên Sướng ở núi Long Nha trước đây.**

***1. Thiền sư Tạng Dực ở Gia Hòa.***

Sư là vị ở Tín An Cù Châu, họ Trình. Trong niên hiệu Đường Nguyên Hòa Sư từ biệt cha mẹ đến chùa Nhạc Lộc ở trường Sa chùa lễ Luật Sư Linh Trí mà xuất gia. Năm Trường Khánh 3, Sư ở chùa Khai Nguyên ở Vô lăng mà thọ giới cụ túc Nhân nghe Luật bộ, bèn bảo bạn đồng học rằng: Giáo môn quá rườm rộng, phải tìm cửa chung. Bèn đến gặp Thiền sư Sướng ở núi Long Nha. Ngài Long Nha bảo rằng: Uẩn giới không thật, Phật và (chúng sinh) không phải ta. Ông chánh gốc tên gì, từ ai mà được. Sư sau lời nói ấy thì lãnh ngộ. Bèn trở về Kha Sơn mà lánh nạn vua Đường Võ đuổi vị Tăng Ni. Sau sư ở Long Hưng mà giáo hóa rộng. Năm Càn Phù thứ 6 trong tháng 3 thì Sư tịch thọ 82 tuổi lạp được 56.

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Trí Thường ở chùa Qui Tông trước đây.**

***1. Thiền sư Linh Huấn ở núi Phù Dung, Phước Châu.***

Lúc đầu Sư tham vấn ngài Qui Tông, hỏi rằng: Thế nào là Phật. Qui Tông nói: Ta nói với ông, ông tin chăng? Sư nói: Hòa thượng nói lời thành thật đâu dám chẳng tin. Tông nói chính ông là phật Sư hỏi: Làm sao giữ gìn? Tông nói: Một khi lóa mắt thì hoa đốm rơi đầy. Sư từ giả ngài Qui Tông. Tông hỏi ông đi đâu? Sư nói về Lãnh Trung. Tông nói:

Ông ở đây nhiều Năm buộc áo xong liền đến vì ông mà nói Phật pháp Nhất thừa. Sư bèn buộc áo lên Pháp Đường. Tông nói đến gần đây. Sư bèn đến gần Tông nói: Lúc lạnh giữa đường khéo làm. Sư nghe câu nói ấy liền quên ngay hiểu trước. Sau Sư tịch được vua ban Thụy là Hoằng Chiếu Đại sư, tháp hiệu là Viên Tướng.

***2. Hòa thượng Cao Đình ở huyện Cốc Thành, Hán Nam.***

Có vị Tăng từ Giáp Sơn đến lễ bái. Sư liền đánh. Vị Tăng nói: Riêng đến lễ bái, sao Sư đánh? Vị Tăng ấy lại lễ bái. Sư lại đánh đuổi đi. Vị Tăng trở về kể lại cho Giáp Sơn. Nghe Giáp Sơn hỏi: Ông hiểu không? Vị Tăng nói không hiểu. Giáp Sơn nói: Trách ông không hiểu, nếu hiểu thì miệng của Giáp Sơn này sẽ câm.

***3. Hòa thượng Đại Mao người nước Tân la.***

Sư lên Pháp Đường nói: Muốn biết thầy chư Phật thì xưa nay trong tâm vô minh mà biết lấy. Muốn biết tánh thường trú không tàn rụi thì hướng về sự đổi dời của muôn cây biết lấy, vị Tăng hỏi: Thế nào là cảnh Đại Mao? Sư nói: Chẳng lộ mũi nhọn. Vị Tăng hỏi: Vì sao chẳng lộ kim? Sư nói không tương xứng.

***4. Thiền sư Trí Thông ở núi Ngũ Đài.***

Trước đến gặp ngài Qui Tông. Bỗng 1 đêm đi tuần Đường (nhà thiền) kêu lớn: Ta đã đại ngộ. Chúng đều kinh hãi. Sáng hôm sau Qui Tông lên Pháp Đường nhóm hợp chúng hỏi rằng: Đêm qua vị Tăng nào đại ngộ bước ra đi. Sư bước ra thưa Trí Thông. Qui Tông hỏi: Ông thấy đạo lý gì nói là đại ngộ thử nói ta xem. Sư đáp Sư cô tự nhiên là cô gái làm ra. Qui Tông im lặng lấy làm lạ. Sư bèn từ giả. Qui Tông đưa ra cửa đưa cho cái nón. Sư lấy nón đội lên đầu mà đi không hề quay đầu lại. Sau Sư ở chùa Pháp Hoa ở Đài Sơn. Khi qua đời Sư có bài kệ rằng:

*Đưa tay sờ (Nam Đẩu)*
*Quay mình dựa Bắc Thần*
*Thò đầu thấy ngoài trời*
*Ai là người như ta.*

*** Đệ tử nối pháp của Thiền sư Trí Tạng ở chùa Hoa Nghiêm trước đây.**

***1. Hòa thượng Tế An ở Huỳnh Châu.***

Sư dạy chúng rằng: “Nói chẳng lạc câu Phật tổ chẳng bày. Huyền vận chẳng rơi, ai người biết được”. Vị Tăng hỏi: Thế nào là biết được Phật mình? Sư nói: “1 lá lúc sáng tiêu không hết. Gió tùng vận hết oán không người”. Vị Tăng nói: Thế nào là Phật mình? Sư nói: Trước cỏ

tuấn mã thật khó cùng. Diệu hết lại cần súc sinh đi. Có người hỏi Đại sư bao nhiêu tuổi? Sư nói 5, 6, 4, 3 chẳng được loại. Há đồng 1, 2 thật khó cùng. Sư có bài tụng:

*Trong lửa dữ dằn người có nẻo*
*Gió thoảng trên đầu, bốc lên cao*
*Trấn thường nhiều kiếp sai khác nhau*
*Mặt trời không nói chiếu khắp nơi*
*Sau Sư ở tại Phụng Tường.*

■